TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

13

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

http://tieulun.hopto.org

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TẬP 13

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập

Chủ tịch
ĐINH GIA KHÁNH

Phó chủ tịch
NGUYỄN ĐỨC DIỆU - VŨ TÚ NAM

Ủy viên
NGUYỄN TÀI CẨN - NGUYỄN VĂN HOÀN

Thư ký
NGUYỄN CỪ

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 13

Sưu tầm, biên soạn:
NGUYỄN QUẢNG TUÂN

广西民族大学图书馆
98415663

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

Phần I

KHẢI LUẬN

Trong phần này giới thiệu tám tác phẩm theo thể ngâm khúc: *Chinh phụ ngâm khúc, Cung oán ngâm khúc, Ai tư vãn, Thu dạ lữ hoài ngâm, Tự tình khúc, Tỳ bà hành, Trường hận ca và Chức cẩm hồi văn.* Năm tác phẩm đã được dịch từ nguyên tác bằng chữ Hán: *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn, *Thu dạ lữ hoài ngâm* của Đinh Nhật Thận, *Tỳ bà hành, Trường hận ca* của Bạch Cư Dị và *Chức cẩm hồi văn* của Tô Huệ.

Các bản nguyên tác bằng chữ Hán, có bản viết theo thể *trường đoản cú* như bài *Chinh phụ ngâm,* có bản viết theo thể *trường thiên*, mỗi câu bảy chữ như bài *Tỳ bà hành,* nhưng tất cả các bài diễn âm đều được viết theo thể *song thất lục bát* là thể văn riêng của ta, thường diễn tả những tình cảm buồn sầu đau thương mà ta thường gọi chung là *ngâm khúc.*

Có thể nói *song thất lục bát* là một thể văn riêng của Việt Nam. Thể văn này đã hình thành từ thời Lê và Hoàng Sĩ Khải[1] là một trong những người có công đi đầu qua bài *Tứ thời khúc vịnh:*

So tứ thời đâu bằng xuân sốt,
Khi trời hòa vật tốt người thanh.
Tràng An phong cảnh hữu tình,
Có đường giong ngựa, có thành xem hoa.
Một khắc là ngàn vàng khôn chuộc,
Hèn chi mà cầm đuốc chơi đêm.
Tiếc xuân có phú chác hiềm,
Trượng phu lòng sắt dễ mềm vậy vay.

---

1. *Hoàng Sĩ Khải* người xã Lai Xá, huyện Lang Tài, nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh, đậu tiến sĩ năm 1544 đời Mạc. Ông đã từng thờ nhà Mạc nhưng khi Trịnh Tùng chiếm được Thăng Long, ông đã ra hàng Lê. Ông nổi tiếng là hay Nôm, tức là giỏi về văn thơ nôm.

http://tieulun.hopto.org

Cớ chi mày, hỡi con đỗ vũ!
Quyến xuân về lại rủ hè sang.
Hây hây mê mệt hải đường,
Xanh phô màn liễu, lục trương tán hoè.

Bài *Tứ thời khúc vịnh* này dài tới 340 câu có thể coi là một trong những bài viết theo thể *song thất lục bát* đầu tiên trước khi có hai *khúc ngâm* nổi tiếng *Chinh phụ ngâm khúc* và *Cung oán ngâm khúc*.

Dưới đây xin lần lượt nói về thể văn này qua hai phần: phần sáng tác và phần diễn Nôm.

I. PHẦN SÁNG TÁC

Thuộc phần này đáng kể nhất là *Cung oán ngâm khúc.*

Lời văn đã trở thành nhã luyện, đúng là của một bậc túc Nho:

– Đặt câu thì gọt giũa, cao kỳ:

Hình mộc, thạch vàng kim, ố cổ,
Sắc cầm ngư ủ vũ, e phong.
Tiêu điều nhân sự đã xong,
Sơn hà cũng ảo, côn trùng cũng hư.

diễn ý thì dùng chữ bóng bảy và nhiều điển cố:

Xiêm nghê nọ, tả tơi trước gió,
Áo vũ kia, lấp ló trong trăng.
Sinh ca mấy khúc vang lừng,
Cái thân Tây tử lên chừng điện Tô.

Nhưng ở một vài đoạn tả nỗi buồn rầu của người cung phi, giọng văn lại rất gợi cảm:

Khi trận gió lung lay cành bích,
Nghe rì rầm tiếng mách ngoài xa.
Mơ hồ nghĩ tiếng xe ra,
Đốt phong hương hả mà hơ áo tàn.

Tình cảm đã không được bộc lộ ồn ào mà chỉ nhè nhẹ thấm vào lòng người đọc.

Lại có nhiều câu ý tứ thật thâm trầm và càng suy nghĩ càng thấy ý vị như:

– Chiều tịch mịch đã gày bóng thỏ,
Vẻ tiêu tao lại võ hoa đèn.
– Hoàng hôn thôi lại hôn hoàng,
Nguyệt hoa thôi lại thêm buồn nguyệt hoa.
– Thù nhau chi hỡi đông phong,
Góc vườn giãi nắng cầm bông hoa đào.

http://tieulun.hopto.org

Nói chung văn *Cung oán* là một lối văn điêu luyện, trau chuốt, nhưng vì trau chuốt quá nên đã không tránh khỏi có sự gò ép làm mất tự nhiên đi. Tuy nhiên thể văn *song thất lục bát* đã thích hợp với việc diễn tả những tình cảm ở trong lòng, thứ nhất là những tình buồn sầu, đau thương.

Chính vì lẽ ấy mà công chúa Ngọc Hân đã dùng thể *song thất* để viết bài *Ai tư văn* khóc chồng là vua Quang Trung.

Tác phẩm ấy có những nét đặc biệt xúc động khi tả lại những cảnh đau thương của hai đứa con đi ra trước hương đài cha:

Gót lân chỉ mấy hàng lẫm chẫm,
Đầu mũ mao, mình tấm áo gai.
U ơ ra trước hương đài,
Tưởng quang cảnh ấy chua cay dường nào!

(c.133–c.136)

hay cảnh Ngọc Hân lẻ loi chiếc bóng mà mơ tưởng đến chồng:

Khi trận gió hoa bay thấp thoáng,
Ngỡ hương trời bảng lảng còn đâu.
Vội vàng sửa áo lên chầu,
Thương ôi quạnh quẽ trước lầu nhện giăng.

(c.49–c.52)

Đây là những lời nói thống thiết chân tình của một vị vong nhân:

Quyết liều mong vẹn chữ tòng,
Trên rường nào ngại, giữa dòng nào e.
Còn trứng nước thương vì đôi chút,
Chữ thâm tình chưa thoát được đi!
Vậy nên nấn ná đòi khi,
Hình tuy còn ở, phách thì đã theo.

(c.83–c.88)

Những lời ấy không còn phải là những lời thác ngụ của một nhà thơ nam giới như trong *Chinh phụ ngâm khúc* hay trong *Cung oán ngâm khúc* mà chính là của một *tác giả nữ lưu* đã biết mượn thể *song thất lục bát* để bày tỏ nỗi lòng của mình.

Thể *song thất lục bát* như vậy đã rõ ràng là thích hợp để diễn tả những tình cảnh buồn rầu đau thương nên về sau chúng ta mới thấy có *Thu dạ lữ hoài ngâm* của Đinh Nhật Thận và *Tự tình khúc* của Cao Bá Nhạ.

Cả hai người, *Đinh Nhật Thận* vì có giao du thân mật với Cao Bá Quát và *Cao Bá Nhạ* vì là cháu của Cao Bá Quát nên đều bị liên lụy.

Hoàn cảnh của Cao Bá Nhạ thì bi đát hơn Đinh Nhật Thận nhiều. Khi chú ông bị chết trận, cha ông phải tự vẫn, ông đã đi ẩn trốn ở Mỹ Đức, một

http://tieulun.hopto.org

nơi hẻo lánh, được tám năm nhưng rồi cũng bị bắt và bị nhốt trong cũi giải đi hết tỉnh này sang tỉnh khác. Chính trong những lúc phải đeo gông, ngồi cũi, nằm ngục ấy, ông đã viết ra bài *Tự tình khúc* này dài tới 608 câu theo thể *song thất lục bát.*

Ông đã dùng thuật đối xứng trong các câu *bát* và các câu *song thất.*

+ Đối ở các câu bát:

Đổi mùi lữ khách, thay hình hàn Nho.
Gối sầu tạm chợp, mối phiền tạm khuây.
Giấu gươm đầu lưỡi, thọc dùi trong tay

Lạnh lùng trong tuyết, hững hờ dưới trăng.

+ Đối ở các câu song thất:

Nền thế nghiệp đã nhờ gia ấm,
Miền hoạn đồ lại lắm thiên ân.

Giá cầm hạc so vào Triệu Biện,
Thư phụng hoàng đưa đến Mao Khanh.

Thú thôn ổ: ao nghiên ruộng chữ,
Màu giang sơn: cơm sử áo kinh.

Người mến cảnh giang hồ nên thú,
Cảnh yêu người tân chủ phải duyên.

Các câu *song thất* đối nhau thật nhiều, có thể nói là rải rác suốt cả bài và đã gây được cho người đọc những ấn tượng thật mạnh mẽ về hoàn cảnh oan ức, đầy đau thương của tác giả.

Khác với Lê Ngọc Hân trong *Ai tư vãn,* Cao Bá Nhạ trong *Tự tình khúc* đã dùng nhiều điển tích:

– Trong các câu lục bát:

Mắt trông Vương Xán đã mòn,
Tay đề Hướng Tú vẫn còn ngẩn ngơ.

(c.127–c.128)

Ngõ Nhan lôi cái đan biều đập tan

(c.208)

Thanh cư ai vẽ nên đồ Võng Xuyên

(c. 520)

Gió thu một tiếng bên tai,
Thuần lư sực nhớ đến mùi Giang Nam.

(c.479–c.480)

http://tieulun.hopto.org

– Trong các câu song thất:

Ngòi Đức Thủy khơi dòng kinh sử,
Phả Cao Dương treo chữ tấn thân.

(c.9–c.10)

Đèn Mông Chính canh khuya một ngọn,
Màn Trong Thư năm trọn nửa vây.

(c.13–c.14)

Tráp Vĩnh Thúc tay phong tay mở,
Tập Thiếu Lăng câu lựa câu ngâm.

(c.109–c.110)

Văn của Cao Bá Nhạ có thể nói cũng gọt giũa, cầu kỳ với nhiều điển tích như văn của Ôn Như hầu trong *Cung oán ngâm khúc* nhưng cũng có những câu nhẹ nhàng giản dị:

Tràng đình ngoảnh lại xa xa,
Khỏi cầu chiết liễu ai là cố nhân.

(c.91–c.92)

Lần hồi trong tám chín niên,
Gối nhà tạm chợp mối phiền tạm khuây.

(c.103–c.104)

Gập ghềnh từng bước gian nan,
Một vùng khách địa muôn vàn thương tâm.

(c.84–c.85)

Cho nên ngậm tủi nuốt phiền,
Cắn răng cố nhịn trăm nghìn thương tâm.

(c.387–c.388)

Cũng có những câu phảng phất văn của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*:

Khi đêm than bóng, khi trưa hỏi lòng.

(c.160)

Thôi ngơ ngẩn bóng lại trằn trọc khuya.

(c.168)

Lấy thân mà trả nợ đời cho thân.

(c.176)

Những là sợ gió e sương,

(c.251)

Thân sao thân đến thế này,

(c.351)

Nỗi riêng nhớ ít tưởng nhiều,

(c.467)

Hoa kia có biết đoạn trường này chăng?

(c.544)

http://tieulun.hopto.org

Thơ song thất lục bát của Cao Bá Nhạ lại đã có chỗ thoát hẳn khuôn sáo cổ để trở nên hiện thực một cách rõ rệt khi ông tả cảnh đồng quê Việt Nam mà ông đã trông thấy khi bị giải trên đường đi:

Bước sầu ai vẽ giữa đàng,
Mây in sắc lúa nửa vàng nửa xanh.

(c.235–c.236)

hoặc cảnh thôn xóm ở bên đường, mà ông còn cố nhìn trở lại:

Đoái trông cầu quán so le,
Cỏ ngăn lối ngõ, cây che mái nhà.

Đặc biệt ông còn tả cảnh sông Hồng về mùa nước lớn:

Tràng đê một dải xanh rì,
Nước trôi đỏ thắm mây đi trắng ngần.

(c.295–c.296)

Điều này ông đã nói rõ trong đoạn:

Dâu cao thấp qua ngàn bến Ái,
Cây mau thưa ngảnh lại huyện Gia.
Thương tâm này nước non nhà,
Cảnh còn như cũ, người đà khác xưa.

(c.301–c.304)

Chẳng còn là bức tranh Tàu với bến sông Tương mà là một cảnh ở huyện Gia Lâm, với bến sông Thúy Ái.

Có thể nói thể văn *song thất lục bát* đến Cao Bá Nhạ về mặt nghệ thuật đã được nâng cao hẳn lên và trở thành một thể văn Việt Nam khác hẳn với lối thơ trường thiên của Trung Quốc.

Đó là nói về phần sáng tác, còn về phần diễn Nôm xin trình bày tiếp sau đây.

II. PHẦN DIỄN NÔM

Trước hết xin nói đến bài diễn Nôm *Chinh phụ ngâm khúc*.

Nguyên văn bài *Chinh phụ ngâm* là của Đặng Trần Côn, đã được viết ra vào khoảng từ năm 1740 đến năm 1742, dài 478 câu theo thể *trường đoản cú*.

Bài ấy đã được nhiều người diễn âm theo thể *song thất lục bát*, trong số đó có Đoàn Thị Điểm và Phan Huy Ích.

Bản diễn âm hay nhất là bản hiện hành được dùng để giảng dạy trong các học đường mà từ lâu vẫn được truyền tụng là của Đoàn Thị Điểm.

Nhưng đến nay đã có căn cứ để xác định rằng bản đó là của Phan Huy Ích.

Bên cạnh bài dịch *Chinh phụ ngâm* của Phan Huy Ích thì cũng nổi tiếng là bài dịch *Tỳ bà hành* của Phan Huy Thực.

http://tieulun.hopto.org

Một điều đáng nói là hai bài dịch *Chinh phụ ngâm khúc* và bài dịch *Tỳ bà hành* lại là của hai cha con họ Phan: Phan Huy Ích và Phan Huy Thực.

Thể văn này không những chỉ được dùng để viết văn Nôm mà còn được Đinh Nhật Thận dùng để viết bằng chữ Hán trong bài *Thu dạ lữ hoài ngâm*.

Thu dạ tĩnh, thiên quang ẩn ước,
Cách sơ liêm đạm chước kim lôi.
Thiên thời, nhân sự tương thôi,
Phù sanh nhược mộng kỷ hồi vi hoan?

(c.1–c.4)

Đêm thu lặng lẽ, thấp thoáng sáng trời
Cách rèm thưa thoảng rót chén rượu con bằng vàng.
Thời trời và việc người thúc giục nhau.
Kiếp phù sinh ngắn như giấc mộng, được mấy hồi mà bày trò làm vui.

Minh nhật tự sơn gia viễn thiếu,
Phiến cô vân đái hiển phù không.
Hương tâm niểu niểu như bồng,
Tùy vân hốt dĩ quá trùng trùng san.

(c.49–c.52)

Ngày mai từ ngôi nhà trên núi trông ra đàng xa,
Một làn mây lẻ loi đeo ánh rạng đông nổi lên giữa trời.
Lòng quê bối rối như dây bòng bong.
Theo làn mây ấy chợt đã bay qua lớp lớp non xanh.

Đối ly cảnh, lệ thùy song nhãn,
Cố hương quan lộ hạn trùng san.
Tửu tàn độc ỷ lan can,
Giác lai nhãn khán dạ hoàn thê lương.

(c.137–c.140)

Trông cảnh ly biệt, hai hàng nước mắt tuôn rơi,
Ngảnh lại quê nhà thì núi non từng lớp ngăn lấy đường.
Tiệc rượu tan rồi, một mình ngồi dựa câu lơn,
Bừng mắt dậy, cái đêm thê lương vẫn hoàn thê lương.

Bài này đã do một nhà Nho *vô danh* diễn Nôm đúng theo nguyên thể:

Đêm thu lặng, bóng trời thấp thoáng,
Cách rèm thưa chuốc chén gượng nguôi.
Thiên thời nhân sự tương thôi,
Kiếp chiêm bao dễ mấy hồi người ta.

(c.1–c.4)

Ngày mai đứng trông nơi non thẳm,
Một làn mây sớm ngắm trên không.
Lòng quê đâu đã bòng bong,

http://tieulun.hopto.org

Phút theo mây kéo mấy trùng non xa.

(c.49–c.52)

Trông đất khách, lệ trào đôi mắt,
Ngóng quê nhà, đường mắc nghìn non.
Rượu rồi gục xuống câu lơn,
Chiêm bao mở mắt, đêm còn hoàn đêm.

(c.121–c.124)

Về sau khi biên soạn quyển *Trong 99 chóp núi, Đinh Nhật Thận với Thu dạ lữ hoài ngâm,* Đẩu Tiếp Nguyễn Văn Đề cũng có dịch lại nhưng cũng không hay bằng bản dịch cũ.

Dịch thơ xưa nay vẫn là điều rất khó. Trong Văn học Việt Nam, các bài thơ dịch từ Hán văn của các nhà Nho ta xưa rất ít bài được truyền tụng như bài *Chinh phụ ngâm khúc* của Phan Huy Ích hay bài *Tỳ bà hành* của Phan Huy Thực diễn âm.

Nguyễn Khuyến cũng có làm thơ chữ Hán và cũng có bài ông tự diễn Nôm nhưng được truyền tụng chỉ có bài *Văn đồng niên Vân Đình tiến sĩ Dương thượng thư,* tức bài *Khóc bạn* viết theo thể *song thất lục bát.*

Tản Đà dịch tới 85 bài thơ *Đường* trong số đó ông dịch của Bạch Cư Dị tới 38 bài nhưng đã không dịch bài *Tỳ bà hành* mà chỉ dịch bài *Trường hận ca* vì ông cũng biết bài dịch của Phan Huy Thực đã quá hay rồi, khó ai có thể dịch hay hơn được nữa.

Khi Tản Đà dịch bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị đăng trên Tiểu thuyết thứ bảy [1] thì đã có ba bài dịch đăng trên *Tạp chí Nam Phong* [2].

Cả ba bài đều khuyết danh. Trong ba bài ấy có hai bài dịch theo thể *song thất lục bát* và một bài dịch theo thể *lục bát.*

Bài *Chức cẩm hồi văn* của Tô Huệ cũng có ba bài dịch: hai bài viết theo thể *song thất lục bát* (một của Ngô Thế Vinh và một của Hoàng Quang) và một bài của Trương Minh Ký viết theo thể *trường thiên* bảy chữ.

Nguyễn Du cũng đã dùng thể *song thất lục bát* để viết bài *Văn tế Thập loại chúng sinh* tức *Chiêu hồn.*

Nói chung thể *song thất lục bát* đã có vị trí quan trọng trong nền thi ca Việt Nam mà đến nay đã có nhiều tác phẩm viết bằng thể văn ấy được nổi tiếng ngoài tám *ngâm khúc* giới thiệu trong tập sách này.

NGUYỄN QUẢNG TUÂN
1997

---

1. Số 31 ngày 29–12–1934. Số 33 ngày 12–1–1935.
2. Số 127, tháng 3–1928. Số 180 tháng 1–1933.

http://tieulun.hopto.org

CHINH PHỤ NGÂM KHÚC

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

ĐẶNG TRẦN CÔN

(Thế kỷ XVIII)

Đặng Trần Côn người làng Nhân Mục (thường gọi là làng Mọc), huyện Thanh Trì [1], tỉnh Hà Đông (nay thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội). Hiện chưa biết đích xác năm sinh và năm mất của ông, chỉ có thể phỏng đoán ông sinh vào đầu thế kỷ XVIII, thời vua Lê Dụ Tông (1705-1729) và chúa Nhân Vương Trịnh Cương.

Ông thi đậu Hương cống (Cử nhân) nhưng lại hỏng kỳ thi Hội. Tính ông phóng khoáng, nên từ đó không đi thi nữa, ra làm huấn đạo, sau đổi làm Tri huyện Thanh Oai (Hà Tây) rồi thăng chức Ngự sử đài chiếu khám ở kinh đô.

Đặng Trần Côn viết *Chinh phụ ngâm* vào khoảng những năm từ 1740 đến 1742. Theo sách *Tang thương ngẫu lục*, ông mất sau đó khoảng ba năm (khoảng năm 1745), như vậy tuổi đời chưa đến 40. Tác phẩm của Đặng Trần Côn gồm có *Chinh phụ ngâm*, tám bài thơ *Tiêu Tương bát cảnh* và ba bài phú: *Trương Hàn tư thuần lư* (Trương Hàn nhớ rau thuần cá lô), *Trương Lương bố y* (Trương Lương áo vải) và *Khấu môn thanh* (Tiếng gõ cửa).

---

1. Theo *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, Trần Văn Giáp chủ biên (Tập I) thì Đặng Trần Côn lấ người làng Hạ Đình, huyện Thanh Trì.

http://tieulun.hopto.org

CHINH PHỤ NGÂM

Nguyên tác Hán văn

1. Bối cảnh lịch sử và niên đại tác phẩm

Đặng Trần Côn đã thấy cảnh loạn lạc ở Đàng Ngoài khoảng đầu đời Cảnh Hưng nên mới có cảm xúc để sáng tác *Chinh phụ ngâm.*

Bấy giờ các cuộc nổi dậy chống triều đình Lê, Trịnh diễn ra ở khắp nơi.

Quan quân của triều đình vì vậy phải liên tục đi đánh dẹp.

Đặng Trần Côn đã được thấy cảnh các đoàn quân lên đường và các cuộc chia ly thương tâm của những cặp vợ chồng trẻ nên mới cảm xúc mà làm ra tác phẩm này.

Trong *Lịch triều hiến chương loại chí* (Văn tịch chí), Phan Huy Chú có nói rõ thời điểm sáng tác *Chinh phụ ngâm:* "Hương cống Đặng Trần Côn soạn. Đầu đời Cảnh Hưng, giặc nổi lên, lính thú đi đánh dẹp, gây nên cảnh biệt ly, ông cảm thời thế mà làm ra".

2. Nguồn văn liệu

Lẽ ra Đặng Trần Côn phải đặt tác phẩm của mình vào trong khung cảnh đất nước Việt Nam mới đúng nhưng tại sao ông lại mượn khung cảnh đất nước Trung Quốc để diễn tả?

Có thể vì ông không muốn động chạm đến các vua chúa Việt Nam hay vì ông đã chịu ảnh hưởng quá nặng nề của nền văn học cổ điển Trung Quốc như Phan Huy Chú đã nhận xét: "*Đại lược tác giả lựa những câu cổ nhạc phủ và thơ Lý Bạch dung hợp thành thiên*".

Nay đọc lại toàn khúc *Chinh phụ ngâm* chúng ta nhận thấy ngoài *cổ nhạc phủ* (như Mạch thượng tang) và *thơ Lý Bạch*, tác giả Đặng Trần Côn còn mượn ở các bài thơ cổ, kinh, truyện (như *Thi, Tả truyện...)*, sử (như *Sử ký, Hán thư, Tam quốc chí, Tấn thư, Đường thư),* tử (như *Trang Tử, Hoài Nam Tử)*, tập (như *Sở từ, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, Vương Xương Linh, Mạnh Hạo Nhiên, Lưu Vũ Tích, Lý Thương Ẩn...)*, nói tóm lại là những thơ văn Trung Quốc liên quan đến đề tài chiến tranh, biên tái, ly biệt, tình cảnh chinh phu, chinh phụ để dàn dựng thành bài *Chinh phụ ngâm.*

Đặng Trần Côn không chỉ mượn ý, mượn điển cố, mà nhiều khi còn lấy hẳn những câu thơ, câu văn sẵn có, chỉ sửa đổi một vài chữ thôi.

http://tieulun.hopto.org

Phần sáng tạo của Đặng Trần Côn là ở chỗ tác giả khéo mượn những ý, những điển cố thích hợp với đề mục của bài văn, rồi phô diễn bằng lời thơ của chính mình và dung hợp với những câu mượn nguyên văn hoặc có sửa đổi vài chữ, sao cho có mạch lạc theo một bố cục định trước.

3. Nội dung

Chinh phụ ngâm là lời than vãn của một người thiếu phụ có chồng đi đánh giặc xa, lâu chưa về.

Đặng Trần Côn tuy không phải là người trong cảnh nhưng cũng cảm thông được nỗi lòng của người chinh phụ. Ông đã tả đầy đủ từ cảnh chia ly lúc người chinh phu lên đường:

Cung tiễn hề tại yêu,
Thê noa hề biệt quyết.
Liệp liệp tinh kỳ xuất tái sầu,
Huyên huyên tiêu cổ từ gia oán
Hữu oán hề phân huề
Hữu sầu hề khế khoát.

Cung tên kia đeo ở lưng, vợ con này phải rứt vạt áo mà từ biệt. Phấp phới lá tinh kỳ là cái sầu đi ra cửa ải, huyên náo tiếng tiêu tiếng trống là cái lòng oán phải từ biệt nhà. Có oán mà phải chia tay nhau, có sầu mà phải dặn dò nhau.

lúc đã xa cách nhau:

Lang khứ trình hề mông vũ ngoại,
Thiếp quy xứ hề tạc dạ phòng.
Quy khứ lưỡng hồi cố,
Vân thanh dữ sơn thương.

Đường chàng đi ở ngoài nơi mưa phùn, chỗ thiếp về ở cái phòng đêm trước. Kẻ đi người ở, hai bên cùng ngẩnh trông mà chẳng thấy nhau, chỉ thấy mây xanh và núi biếc.

lúc nhớ thương lo âu cho chồng phải xông pha nơi trận mạc:

Tự tòng biệt hậu đông nam khiếu,
Đông nam tri quân chiến hà đạo?
Cổ lai chinh chiến nhân,
Tính mệnh khinh như thảo.

Từ sau khi ly biệt chàng đi về mặt đông nam, mặt đông nam kia nào biết chàng đánh giặc ở đường nào. Xưa nay người đi chinh chiến, tính mệnh xem khinh như là cỏ.

lúc buồn cho mình phải chịu cảnh lẻ loi chiếc bóng:

Thiếp thân bất tưởng vi chinh phụ,
Quân thân khởi học vi Vương tôn.

http://tieulun.hopto.org

Hà sự giang nam dữ giang bắc,
Linh nhân sầu hiểu hựu sầu hôn.
Nhất cá thị phong lưu thiếu niên khách,
Nhất cá thị phong lưu thiếu niên hôn.
Khả liên lưỡng niên thiếu,
Thiên lý các hàn huyên.

Thân thiếp chẳng ngờ phải làm người chinh phụ, thân chàng há muốn học làm bậc vương tôn. Cớ sao lại cách trở giang nam cùng giang bắc, khiến cho ta buồn ngày lại buồn đêm.

Một bên là trai phong lưu tuổi trẻ, một bên là gái phong lưu tuổi trẻ; đáng thương cho đôi lứa tuổi trẻ, phải xa cách nhau nghìn dặm mà không thăm hỏi nhau được.

Bao nhiêu tâm sự ấy của người thiếu phụ vắng chồng mà biết thủ tiết đều diễn tả rõ cả qua việc nuôi già dạy trẻ:

Cung thân, khóa tử thử nhất thân,
Thượng thiếp tư quân kim kỷ độ.
Tư quân tích niên hề dĩ quá,
Tư quân kim niên hề hựu mộ.

(Phụng dưỡng cha mẹ và dạy bảo con cái chỉ có một thân thiếp, thương cho thiếp nhớ chàng nay đã mấy phen. Năm xưa nhớ chàng năm đã qua, năm nay nhớ chàng thì năm lại gần hết).

và việc tự giữ mình chỉ một lòng chờ đợi:

Ỷ song, ỷ song phục ỷ song,
Lang quân khứ hề thùy vi dung.

(Tựa cửa, tựa cửa lại tựa cửa; chàng đi rồi còn làm dáng với ai?)

Tác giả sau khi đã tả nỗi lòng của người chinh phụ đã kết lại với ý mong cho chồng lập nên được công danh mà trở về để lại được sum vầy vui vẻ như xưa:

Dữ quân chỉnh đốn cựu nhân duyên,
Giao cảnh thành song đáo lão thiên.

(Cùng chàng chỉnh đốn cái nhân duyên cũ, sánh vai thành đôi cho đến già).

Với *nội dung* ấy, Đặng Trần Côn hẳn có ý muốn gián tiếp nhắn nhủ những người thiếu phụ có chồng đi chinh chiến hãy giữ lấy tiết hạnh để chờ ngày khải hoàn nên ở cuối bài có bản đã ghi thêm hai chữ NỮ GIỚI.

*

* *

Bài *Chinh phụ ngâm* đã được viết theo thể thơ "trường đoản cú": câu dài, câu ngắn xen lẫn nhau, có câu chỉ có 3 chữ, có câu dài đến 11 chữ. Toàn bài dài 478 câu.

Áng văn về sau được truyền rộng trong giới Nho sĩ và được nhiều người tán thưởng. Cũng có một số người đã đem dịch ra quốc âm, trong số đó có Đoàn Thị Điểm và Phan Huy Ích.

http://tieulun.hopto.org

征婦吟

天地風塵
紅顏多屯
悠悠彼蒼兮誰造因
鼓鼙聲動長城月
烽火影照甘泉雲
九重按劍起當席
半夜飛檄傳將軍
清苹三百年天下
從此戎衣屬武臣
使星天門催曉發
行人重法輕離別
弓箭兮在腰
妻孥兮別袂
獵獵旌旗出塞愁

http://tieulun.hopto.org

喧喧簫鼓辭家怨
有怨兮分攜
有愁兮契闊
良人二十吳門豪
投筆硯兮事弓刀
直把連城獻明聖
願將尺劍斬天驕
丈夫千里志馬革
泰山一擲輕鴻毛
便辭閨閫從征戰
西風鳴鞭出渭橋
渭橋頭清水溝
清水邊清草途
送君處兮心悠悠
君登途兮妾恨不如駒
君臨流兮妾恨不如舟
清清流水不洗妾心愁
青青芳草不忘妾心憂
語復語兮執君手

http://tieulun.hopto.org

步一步兮攀君襦
妾心隨君似明月
君心萬里千山箭
擲離盃兮舞龍泉
橫征塑兮指虎穴
云從介子獵樓蘭
笑向蠻溪談馬援
君披裝服紅如霞
君騎驍馬白如雪
驍馬兮鏖鈴
鉦鼓兮人行
須臾中兮對面
頃刻裡兮分程
分程兮河梁
徘徊兮路旁
路旁一望旆央央
前軍北細柳
後軍西長楊
騎軍相擁君臨塞

http://tieulun.hopto.org

楊柳那知妾斷腸
去去落梅聲漸遠
行行征旆色何忙
望雲去兮郎別妾
望山歸兮妾思郎
郎去程兮濛雨外
妾歸處兮昨夜房
歸去兩回顧
雲青與山蒼
郎顧妾兮咸陽
妾顧郎兮瀟湘
瀟湘煙阻咸陽樹
咸陽樹隔瀟湘江
相顧不相見
青青陌上桑
陌上桑陌上桑
妾意君心誰短長
自從別後風沙隴
明月知君何處宿

http://tieulun.hopto.org

古來征戰場
萬里無人屋
風緊緊打得人顏憔
水深深怯得馬蹄縮
戍夫枕鼓臥龍沙
戰士抱鞍眠虎陸
今朝漢下白登城
明日胡窺青海曲
青海曲青山高復低
青山前青溪斷復續
青山上雪濛頭
青溪下水沒腹
可憐多少鐵衣人
思歸當此愁顏蹙
錦帳君王知也無
艱難誰爲畫征夫
料想良人經歷處
蕭關角瀚海隅
霜村雨店虎落蛇區

http://tieulun.hopto.org

風餐露宿雪脛冰鬚
登高望雲色
安得不生愁
自從別後東南徼
東南知君戰何道
古來征戰人
性命輕如草
鋒刃下溫溫挾纊主恩深
時刻中歷歷橫戈壯士夭
祈山舊塚月茫茫
淝水新墳風裊裊
風裊裊空吹死士魂
月茫茫曾照征夫貌
征夫貌誰丹青
死士魂誰哀吊
可憐爭鬥舊山川
行人過此情多少
古來征戰幾人還
班超歸時髮已班

http://tieulun.hopto.org

料想良人馳騁外
三尺劍一戎鞍
秋風沙草
明月關山
馬頭鳴鏑
城上緣竿
功名百忙裏
勞苦未應閒
勞與閒誰與言
君在天涯妾倚門
倚門固妾今生分
天涯豈君平生魂
平生魂自信相隨魚水伴
今生分那堪相隔水雲村
妾身不想爲征婦
君身豈學爲王孫
何事江南與江北
令人愁曉又愁昏
一箇是風流少年客

http://tieulun.hopto.org

一箇是風流少年婚
可憐兩年少
千里各寒暄
憶昔與君相別時
柳條猶未囀黃鸝
問君何日歸
君約杜鵑啼
杜鵑已逐黃鸝老
青柳樓前語鷰鴯
憶昔與君相別中
雪梅猶未識東風
問君何日歸
君指桃花紅
桃花已逐東風去
雪梅江上又芙蓉
與我約何所
乃約隴西岑
日中兮不來
墜葉兜我簪

http://tieulun.hopto.org

佇立空涕泣
荒村喧午禽
與我約何所
乃約漢陽橋
日晚兮不來
谷風吹我袍
佇立空涕泣
寒江起暮潮
昔年寄信勸君回
今年寄信勸君來
信來人未來
楊花零落委蒼苔
蒼苔蒼苔又蒼苔
一步閒庭百感催
昔年回書訂妾期
今年回書訂妾歸
書歸人未歸
紗窗寂寞轉斜暉
斜暉斜暉又斜暉

http://tieulun.hopto.org

十約佳期九度違
將料去日從頭數
不覺荷錢已三鑄
最苦是連年紫塞人
最苦是千里黃花戍
紫塞人誰無堂上親
黃花戍誰無閨中婦
有親安可暫相離
有婦安能久相負
君有老親鬢如霜
君有嬰兒年且孺
老親兮倚門
嬰兒兮待哺
供親食兮妾爲男
課兒書兮妾爲父
供親課子此一身
傷妾思君今幾度
思君昔年兮已過
思君今年兮又暮

http://tieulun.hopto.org

君淹留二年三年更四年
妾情懷百縷千鏤還萬縷
安得在君邊
訴妾衷腸苦
妾有漢宮釵
曾是嫁時將送來
憑誰寄君子
表妾相思懷
妾有秦樓鏡
曾與郎初相對影
憑誰寄君子
照妾今孤另
妾有約指銀
手中曾相親
憑誰寄君子
微物寓慇懃
妾有搔頭玉
嬰兒年所弄
憑誰寄君子

http://tieulun.hopto.org

他鄉幸珍重
昔年音信有來時
今年音稀信亦稀
見雁枉然思塞帛
聞霜慢自製綿衣
西風欲寄無鴻便
天外憐伊雪雨垂
雪寒伊兮虎帳
雨冷伊兮狼幃
寒冷般般苦
天外可憐伊
錦字題詩封更展
金錢問卜信還疑
幾度黃昏時
重軒人獨立
幾回明月夜
單枕鬢斜欹
不關沉與醒
惛惛人似醉

http://tieulun.hopto.org

不關愚與惰
濛濛意如癡
簪斜委髻蓬無柰
裙腿襦腰瘦不支
晝沉沉午院行如墜
夕涓涓廂簾捲又垂
簾外窺日出枝頭無鵲報
簾中坐夜來心事只燈知
燈知若無知
妾悲只自悲
悲又悲兮更無言
燈花人影總堪憐
咿喔雞聲通五夜
拂披槐陰渡八磚
愁似海
刻如年
彊燃香花魂消檀柱下
彊臨鏡玉筯墜菱花前
彊援琴指下驚停鸞鳳柱

http://tieulun.hopto.org

彊援瑟曲中愁歇鴛鴦絃
此意春風若肯傳
千金借力寄燕然
燕然未肯傳
憶君迢迢兮路如天
天遠未易通
憶君悠悠思何窮
愁人處傷心胸
樹葉青霜裡
蛩聲細雨中
霜斧殘兮楊柳
雨鋸損兮梧桐
鳥返高春
露下低叢
寒垣候虫
遠寺時鍾
蟋蟀數聲月
芭蕉一院風
風裂紗葱穿帳隙

http://tieulun.hopto.org

月移花影上簾籠
花前月下月自白
月下花前花自紅
月花花月兮影重重
花前月下兮心忡忡
千般懶
萬般慵
慵女工錦軸耻拋鶯對偶
慵婦巧金針羞刺蝶雌雄
慵粧愁臉空施粉
慵語終朝悶倚蔥
倚蔥倚蔥復倚蔥
郎君去兮誰爲容
誰爲容兮心盤桓
郎君去兮隔重關
何啻天帝孫
泠落立銀渚
何啻姮娥婦
淒涼坐廣寒

http://tieulun.hopto.org

籍愁兮爲枕
煮悶兮爲餐
欲將酒制愁
愁重酒無力
欲將花解悶
悶壓花無顏
愁悶總爲愁悶悟
悶愁化作九泉灘
試瓊笙兮不成響
抱銀箏兮不忍彈
思遠塞兮行路難
念征夫兮囊橐單
鵑聲啼落關情淚
樵鼓敲柔帶悶肝
不勝憔悴形骸軟
始覺睽離滋味酸
滋味酸兮酸又辛
辛酸端的爲良人
爲良人兮雙妾淚

http://tieulun.hopto.org

爲良人兮隻妾身
妾身不到君征帳
妾淚不到君征巾
惟有夢魂無不到
尋君夜夜到江津
尋君兮陽臺路
會君兮湘江津
記得幾番歡會處
無非一枕夢中春
此身反恨不如夢
隴水函關與子親
夢去每曾驚更斷
夢回還惡幻非眞
惟有寸心眞不斷
未常頃刻少離君
心不離君未見君
憑高幾度望征輪
望君何所見
江邊滿白蘋

http://tieulun.hopto.org

燕草披青水
秦桑染綠雲
南來井邑半風塵
落日平沙鷺一群
望君何所見
官路短長亭
雲間吳樹碧
天際蜀山青
北來禾黍半荒城
微雨江樓笛一聲
望君何所見
空山葉做堆
自飛雙野雉
自舞滿江梅
東去烽姻慘不開
西風飄落鳥聲哀
望君何所見
河水曲如鉤
長空數點雁

http://tieulun.hopto.org

遠浦一歸舟
西去松楸接斷蕪
行人微沒隔蒼州
望盡天頭又地頭
幾日登樓又下樓
凍雲阻盡相思眼
何處玉關征戰陬
恨無長房縮地術
恨無仙子擲巾符
有心將化石
無淚可登樓
回首長堤楊柳色
悔教夫婿覓封侯
不識離家千里外
君心有似妾心否
君心倘與妾心似
妾亦於君何怨尤
妾心如花常向陽
只怕君心如流光

http://tieulun.hopto.org

流光一去不復照
花爲流光黃又黃
黃花更向誰邊笑
流光不肯一回照
黃花卻爲流光老
黃花老兮落滿墻
花落如今更幾霜
庭蘭兮已摘
紅絲兮又芳
攝衣步前堂
仰目觀天章
河水翻明滅
奎廔乍現藏
織雲時彷彿
北斗忽低昂
月照兮我床
風吹兮我牆
玉顏隨身削
丈夫猶他方

http://tieulun.hopto.org

昔爲形與影
今爲參與商
君邊雲擁青驃騎
妾處苔生響屧廊
廊內春風日將歇
可憐誤盡良時節
良時節良時節
姚黃魏紫嫁東風
良時節良時節
織女牛郎會明月
可憐枉守一空房
年年誤盡良時節
良時節急如梭
人世青春容易過
況復是春悶未消秋恨續
況復是合歡卻少別愁多
別愁秋恨兩相磨
蒲柳青青能幾何
空嘆惜浪咨嗟

http://tieulun.hopto.org

浪咨嗟只恐白到文君頭
空嘆惜只恐花到潘郎鬢
嘆惜何以爲
顏色猶紅如嫩花
咨嗟何以爲
光陰一擲無回過
嗟命薄惜年花
絲絲少婦幾成婆
香閣重懷陪笑臉
花樓尚記解香羅
恨天不與人方便
底事到今成坎坷
坎坷坎坷柰若何
爲妾嗟兮爲君嗟
君不見野外雙鴛鴦
甘心不忍兩分張
又不見梁頭雙燕燕
白頭何曾忘繾綣
鶼也無情比翼相隨過一生

http://tieulun.hopto.org

蛩也無知並驅到老不相離
路柳曾傳連理處
池蓮亦有並頭時
何人生之相遠
嗟物類之如斯
安得在天爲比翼鳥
在地爲連理枝
寧甘死相見
不忍生相離
雖然死相見
曷若生相隨
安得君無老日
妾常少年時
願爲影兮隨君邊
君有行兮影不遠
君依光兮妾如願
願君許國心如丹
願君庇民力如鐵
饑來吞下月氏頭

http://tieulun.hopto.org

渴來飲下單于血
何幸期門鋒刃中
老天著意護英雄
護英雄百戰功
長驅駟馬靜關東
關東關北休傳箭
山尾山頭早掛弓
捷色旌旗辭塞月
凱歌將士背邊風
勒功兮燕然石
獻馘兮未央宮
未央宮兮向天朝
挽銀河兮洗弓刀
詞人刊下平淮頌
樂府聲傳入漢謠
凌姻閣兮秦叔寶
麒麟臺兮霍嫖姚
天長地久茅苴券
子廕妻封福祿標

http://tieulun.hopto.org

有愁兮此日
得意兮來時
妾非蘇家癡心婦
君亦洛陽好男兒
歸來倘佩黃金印
肯學當年不下機
願爲君兮解征衣
願爲君兮捧霞巵
爲君梳櫛雲鬟髻
爲君粧點玉膚脂
收君看兮舊淚帛
訴君聽兮舊情詞
舊情詞兮換新聯
講新話兮酒盃前
淺酌兮漫漫
低唱兮陳陳
酌不酌兮渭城釀
唱不唱兮紫騮篇
酌九醞唱雙聯

http://tieulun.hopto.org

與君整頓簫姻緣
交頸成雙到老天
償了功名離別日
相連相守太平年
475 太平年願歲置
若然此後妾何淚
相會相期相寄言
嗟乎丈夫當如是

http://tieulun.hopto.org

Phiên âm:

CHINH PHỤ NGÂM

Thiên địa phong trần,
Hồng nhan đa truân.
Du du bỉ thương hề, thùy tạo nhân ?
Cổ bề thanh động Tràng thành nguyệt,
Phong hỏa ảnh chiếu Cam Tuyền vân.
Cửu trùng án kiếm khởi đương tịch,
Bán dạ phi hịch truyền tướng quân.
Thanh bình tam bách niên thiên hạ,
Tòng thử nhung y *thuộc* vũ thần.
Sứ tinh thiên môn thôi hiểu phát,
Hành nhân trọng pháp khinh ly biệt.
Cung tiễn hề tại yêu,
Thê noa hề biệt *quyết* (duệ)
Liệp liệp tinh kỳ xuất tái sầu,
Huyên huyên tiêu cổ từ gia oán.
Hữu oán hề phân huề,
Hữu sầu hề khế khoát.
Lương nhân nhị thập Ngô Môn hào,
Đầu bút nghiễn hề sự cung đao.
Trực bả liên thành hiến minh thánh,
Nguyện tương xích kiếm trảm thiên kiêu.
Trượng phu thiên lý chí mã cách,
Thái Sơn nhất trịch khinh hồng mao.
Tiện từ khuê khổn tòng chinh chiến,
Tây phong minh tiên xuất Vị kiều.
Vị kiều đầu, thanh thủy câu,
Thanh thủy biên, thanh thảo đồ.
Tống quân xứ hề, tâm du du.
Quân đăng đồ hề, thiếp hận bất như câu,
Quân lâm lưu hề, thiếp hận bất như chu.
Thanh thanh lưu thủy, bất tẩy thiếp tâm sầu,
Thanh thanh phương thảo, bất vong thiếp tâm ưu.

http://tieulun.hopto.org

Ngữ phục ngữ hề, chấp quân thủ,
Bộ nhất bộ hề, *phan* quân nhu.
Thiếp tâm tùy quân tự minh nguyệt,
Quân tâm vạn lý Thiên Sơn tiễn.
Trịch ly bôi hề, vũ Long Tuyền,
Hoành chinh sáo (sóc) hề, chỉ hổ huyệt.
Vân *tòng* Giới Tử liệp Lâu Lan,
Tiếu hướng Man Khê đàm Mã Viện.
Quân *phi trang* phục hồng như hà,
Quân kỵ kiêu mã bạch như tuyết.
Kiêu mã hề loan linh,
Chinh cổ hề nhân hành.
Tu du trung hề đối diện,
Khoảnh khắc lý hề phân trình.
Phân trình hề Hà lương,
Bồi hồi hề lộ bàng.
Lộ bàng nhất vọng bái ương ương.
Tiền *quân* bắc Tế Liễu,
Hậu quân tây Trường Dương.
Kỵ *quân* tương ủng quân lâm tái,
Dương liễu na tri thiếp đoạn trường?
Khứ khứ lạc mai thanh tiệm viễn,
Hành hành chinh bái sắc hà mang.
Vọng vân khứ hề, lang biệt thiếp,
Vọng sơn quy hề, thiếp tư lang.
Lang khứ trình hề, mông vũ ngoại,
Thiếp quy xứ hề, tạc dạ phòng.
Quy khứ lưỡng hồi cố.
Vân thanh dữ sơn thương.
Lang cố thiếp hề Hàm Dương,
Thiếp cố lang hề Tiêu Tương.
Tiêu Tương yên trở Hàm Dương thụ,
Hàm Dương *thụ* cách Tiêu Tương giang.
Tương cố bất tương kiến,
Thanh thanh mạch thượng tang.
Mạch thượng tang, mạch thượng tang !
Thiếp ý, quân tâm thùy đoản tràng ?

http://tieulun.hopto.org

Tự tòng biệt hậu phong sa lũng,
Minh nguyệt tri quân hà xứ túc ?
Cổ lai chinh chiến trường,
Vạn lý vô nhân ốc.
Phong *khẩn khẩn*, đả đắc nhân nhan *tiều*,
Thủy thâm thâm, khiếp đắc mã đề súc.
Thú phu chẩm cổ ngọa long sa,
Chiến sĩ bão an miên hổ lục.
Kim triêu Hán hạ Bạch Đăng thành,
Minh nhật Hồ khuy Thanh Hải khúc.
Thanh Hải khúc, thanh sơn cao phục đê,
Thanh sơn tiền, thanh khê đoạn phục tục.
Thanh sơn thượng, tuyết mông đầu,
Thanh khê hạ, thủy một phúc.
Khả liên đa thiểu thiết y nhân,
Tư quy đương thử sầu nhan súc,
Cẩm trướng quân vương tri dã vô ?
Gian nan thùy vị họa chinh phu ?
Liệu tưởng lương nhân kinh lịch xứ :
Tiêu Quan giốc, Hãn Hải *ngu* (ngung).
Sương thôn, vũ điếm, hổ lạc, xà khu,
Phong xan, lộ túc, tuyết hĩnh, băng tu.
Đăng cao vọng vân sắc,
Yên đắc bất sinh sầu ?
Tự lòng biệt hậu Đông Nam khiếu,
Đông Nam tri quân chiến hà đạo ?
Cổ lai chinh chiến nhân,
Tính mênh khinh như thảo.
Phong nhận hạ, ôn ôn hiệp khoáng *chủ* ân thâm,
Thời khắc trung, lịch lịch hoành qua tráng sĩ yểu.
Kỳ sơn cựu trủng nguyệt mang mang,
Phì thủy tân phần phong niểu niểu.
Phong niểu niểu, không xuy tử sĩ hồn,
Nguyệt mang mang, tằng chiếu chinh *phu* mạo.
Chinh *phu* mạo, thùy đan thanh ?
Tử sĩ hồn, thùy ai điếu ?
Khả liên tranh đấu cựu *sơn xuyên*,
Hành nhân quá thử tình đa thiểu.

http://tieulun.hopto.org

Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hoàn ?
Ban Siêu quy thời mấn dĩ ban.
Liệu tưởng lương nhân trì sính ngoại,
Tam xích kiếm, nhất nhung an.
Thu phong sa thảo,
Minh nguyệt quan san.
Mã đầu minh đích,
Thành thượng duyên can.
Công danh bách mang lý,
Lao khổ vị ưng nhàn.
Lao dữ nhàn, thùy dữ ngôn ?
Quân tại thiên *nhai* thiếp ỷ môn.
Ỷ môn cố thiếp kim sinh phận.
Thiên *nhai* khởi quân bình sinh hồn ?
Bình sinh hồn, tự tín tương tùy ngư thủy bạn.
Kim sinh phận, na kham tương cách thủy vân thôn.
Thiếp thân bất tưởng vi chinh phụ,
Quân thân khởi học vi Vương ôn ?
Hà sự Giang Nam dữ Giang Bắc,
Linh nhân sầu hiểu hựu sầu hôn.
Nhất cá thị phong lưu thiếu niên khách.
Nhất cá thị phong lưu thiếu niên hôn.
Khả *liên* lưỡng niên thiếu,
Thiên lý các hàn hôn (huyên).
Ức tích dữ quân tương biệt thì,
Liễu điều do vị chuyển hoàng ly.
Vấn quân hà nhật quy ?
Quân ước đỗ quyên đề.
Đỗ quyên dĩ trục hoàng ly lão,
Thanh liễu lâu tiền ngữ ý nhi.
Ức tích dữ quân tương biệt trung,
Tuyết mai do vị thức Đông phong.
Vấn quân hà nhật quy ?
Quân chỉ đào hoa hồng.
Đào hoa dĩ *trục* đông phong khứ,
Tuyết mai giang thượng hựu phù dung.
Dữ ngã ước hà sở ?

http://tieulun.hopto.org

Nãi ước Lũng Tây sầm.
Nhật trung hề bất lai.
Trụy diệp đâu ngã trâm.
Trữ lập không thế khấp,
Hoang thôn huyên ngọ cầm.
Dữ ngã ước hà sở ?
Nãi ước *Hán* Dương kiều.
Nhật *vãn* hề bất lai,
Cốc phong xuy ngã bào.
Trữ lập không thế khấp,
Hàn giang khởi mộ *trào*.
Tích niên ký tín khuyến quân hồi.
Kim niên ký tín khuyến quân lai.
Tín lai nhân vị lai,
Dương hoa linh lạc ủy thương đài.
Thương đài, thương đài, hựu thương đài !
Nhất bộ nhàn đình bách cảm thôi.
Tích niên hồi thư đính thiếp kỳ.
Kim niên hồi thư đính thiếp quy.
Thư quy nhân vị quy.
Sa song tịch mịch chuyển tà huy.
Tà huy, tà huy, hựu tà huy !
Thập ước giai kỳ cửu độ vi.
Tương liệu khứ nhật tòng đầu sổ,
Bất giác hà tiền dĩ tam chú,
Tối khổ thị liên niên tử tái nhân;
Tối khổ thị thiên lý hoàng hoa thú.
Tử tái nhân, thùy vô đường thượng thân ?
Hoàng hoa thú, thùy vô khuê trung phụ ?
Hữu thân an khả tạm tương ly ?
Hữu phụ an năng cửu tương phụ ?
Quân hữu lão thân mấn như sương.
Quân hữu *anh nhi* niên thả nhụ.
Lão thân hề ỷ môn,
Anh nhi hề đãi bộ.

http://tieulun.hopto.org

Cung thân *thực* hề, thiếp vi nam.
Khóa *nhi* thư hề, thiếp vi phụ.
Cung thân, khóa tử, thử nhất thân,
Thương thiếp tư quân kim kỷ độ.
Tư quân *tích niên* hề dĩ quá,
Tư quân kim niên hề hựu mộ.
Quân yêm lưu nhị niên, tam niên, cánh tứ niên.
Thiếp tình hoài bách lũ, thiên lũ, hoàn vạn lũ.
An đắc tại quân biên ?
Tố thiếp trung trường khổ ?
Thiếp hữu Hán cung thoa,
Tằng thị giá thì tương tống lai.
Bằng thùy ký quân tử,
Biểu thiếp tương tư hoài.
Thiếp hữu Tần lâu cánh (kính),
Tằng dữ lang sơ tương đối ảnh.
Bằng thùy ký quân tử,
Chiếu thiếp kim cô lánh.
Thiếp hữu *ước* chỉ ngân,
Thủ trung *tằng* tương thân.
Bằng thùy ký quân tử,
Vi vật ngụ ân cần.
Thiếp hữu tao đầu ngọc,
Anh nhi niên sở lộng.
Bằng thùy ký quân tử,
Tha hương hạnh trân trọng.
Tích niên âm tín hữu lai thì,
Kim niên âm hy, tín diệc hy,
Kiến nhạn uổng nhiên tư tái bạch.
Văn sương mạn tự chế miên y.
Tây phong dục ký vô hồng tiện,
Thiên ngoại liên y tuyết vũ thùy.
Tuyết hàn y hề hổ trướng;
Vũ lãnh y hề lang vi.
Hàn lãnh ban ban khổ,
Thiên ngoại khả liên y.
Cẩm tự đề thi phong cánh triển,

http://tieulun.hopto.org

Kim tiền vấn *bốc* tín hoàn nghi.
Kỷ độ hoàng hôn thì,
Trùng hiên nhân độc lập.
Kỷ hồi minh nguyệt dạ,
Đan chẩm mấn tà khi.
Bất quan *trầm* dữ *tỉnh*,
Hôn hôn nhân tự túy.
Bất quan ngu dữ nọa,
Mông mông ý như si.
Trâm tà ủy *kháo* bồng vô nại,
Quần thoái nhu yêu sấu bất chi.
Trú trầm trầm, ngọ viện hành như trụy.
Tịch *quyên quyên*, tương liêm quyển hựu thùy.
Liêm ngoại khuy, nhật xuất chi đầu vô thước báo.
Liêm trung tọa, dạ lai tâm sự chỉ đăng tri.
Đăng tri nhược vô tri,
Thiếp bi chỉ tự bi.
Bi hựu bi hề cánh vô nghiên (ngôn),
Đăng hoa nhân ảnh tổng kham liên.
Y ốc kê thanh thông ngũ dạ,
Phất phi hòe âm độ bát chuyên.
Sầu tự hải,
Khắc như niên.
Cưỡng nhiên hương, hoa hồn tiêu đàn *trụ* hạ,
Cưỡng lâm kính, ngọc chỉ trụy lăng hoa tiền.
Cưỡng viện cầm, chỉ hạ kinh đình loan phụng trụ,
Cưỡng viện sắt, khúc trung *sầu yết* uyên ương huyền.
Thử ý xuân phong nhược khẳng truyền,
Thiên kim tá lực ký Yên *Nhiên*.
Yên Nhiên vị *khẳng* truyền,
Ức quân *điều điều* hề, lộ như thiên.
Thiên viễn vị dị thông,
Ức quân du du tứ hà cùng.
Sầu nhân xứ, thương tâm hung.
Thụ diệp thanh sương lý,
Cùng thanh tế vũ trung.
Sương phủ tàn hề dương liễu,
Vũ cứ tổn hề ngô đồng.

http://tieulun.hopto.org

Điểu phản cao thung,
Lộ hạ đê tùng.
Hàn viên hậu trùng,
Viễn tự thời chung.
Tất suất sổ thanh *nguyệt*,
Ba tiêu nhất viện phong.
Phong liệt *sa* song xuyên trướng khích,
Nguyệt di hoa ảnh thướng liêm lung.
Hoa tiền nguyệt *hạ* nguyệt tự bạch,
Nguyệt hạ hoa *tiền* hoa tự hồng.
Nguyệt hoa hoa nguyệt hề ảnh trùng trùng,
Hoa tiền nguyệt hạ hề tâm xung xung.
Thiên ban lãn,
Vạn *ban* dung.
Dung nữ công, cẩm trục sỉ phao *oanh* đối ngẫu,
Dung phụ xảo, kim châm tu thích điệp thư hùng.
Dung trang *sầu kiểm* không thi phấn,
Dung ngữ chung triêu muộn ỷ song.
Ỷ song, ỷ song phục ỷ song !
Lang quân khứ hề, thùy vi dong.
Thùy vi dong hề, *tâm* bàn hoàn,
Lang quân khứ hề cách trùng quan.
Hà thí thiên đế tôn,
Linh lạc lập Ngân chử.
Hà thí Hằng Nga phụ,
Thê lương tọa Quảng hàn.
Tạ sầu hề vi chẩm,
Chử muộn hề vi xan.
Dục tương tửu chế sầu,
Sầu trọng tửu vô lực.
Dục tương hoa giải muộn,
Muộn áp hoa vô nhan.
Sầu muộn tổng vi sầu muộn ngộ,
Muộn sầu hóa tác cửu tuyền than.
Thí quỳnh sinh hề bất thành hưởng,
Bão ngân tranh hề bất nhẫn đàn.
Tư viễn tái hề, hành lộ nan,

http://tieulun.hopto.org

Niệm chinh phu hề nang thác đan.
Quyên thanh đề lạc quan tình lệ,
Tiều cổ xao *nhu* đới *muộn* can.
Bất thăng tiều tụy hình hài nhuyễn,
Thủy giác khuê ly tư vị toan.
Tư vị toan hề, toan *hựu* tân,
Tân toan đoan đích vị lương nhân.
Vị lương nhân hề song thiếp lệ,
Vị lương nhân hề chích thiếp thân.
Thiếp thân bất đáo quân chinh trướng.
Thiếp lệ bất đáo quân chinh cân.
Duy hữu mộng hồn vô bất đáo,
Tầm quân dạ dạ đáo giang tân.
Tầm quân hề, Dương Đài lộ,
Hội quân hề, Tương Giang tân.
Ký đắc kỷ phiên hoan hội xứ,
Vô phi nhất chẩm mộng trung xuân.
Thử thân phản hận bất như mộng,
Lũng Thủy Hàm Quan dữ tử thân.
Mộng khứ *mỗi* tằng kinh cánh đoạn,
Mộng hồi *hoàn ố ảo* phi chân.
Duy hữu thốn tâm chân bất đoạn,
Vị thường khoảnh khắc thiểu ly quân.
Tâm bất ly quân vị kiến quân,
Bằng cao kỷ độ vọng chinh luân,
Vọng quân hà sở kiến,
Giang biên mãn bạch tần.
Yến thảo phi thanh thủy,
Tần tang *nhiễm* lục vân.
Nam lai tỉnh ấp bán *phong* trần,
Lạc nhật bình sa lộ nhất quần.
Vọng quân hà sở kiến,
Quan lộ đoản trường đình.
Vân gian Ngô thụ *bích*,
Thiên tế Thục sơn thanh.
Bắc lai hòa thử *bán* hoang thành,

http://tieulun.hopto.org

Vi vũ giang lâu địch nhất thanh.
Vọng quân hà sở kiến ?
Không sơn diệp tố đôi.
Tự phi *song* dã trĩ,
Tự vũ *mãn* giang mai.
Đông khứ *phong yên* thảm bất khai,
Tây phong phiêu *lạc* điểu thanh ai.
Vọng quân hà sở kiến,
Hà thủy khúc như câu.
Trường không sổ điểm nhạn,
Viễn phố nhất quy châu.
Tây khứ tùng thu tiếp đoạn vu,
Hành nhân vi một cách *thương* châu.
Vọng tận thiên đầu *dữ* địa đầu,
Kỷ nhật đăng lâu *hựu* há lâu.
Đống vân trở tận tương tư nhãn,
Hà xứ Ngọc Quan chinh chiến *tâu*.
Hận vô Trường Phòng súc địa thuật,
Hận vô Tiên tử trịch cân phù.
Hữu tâm *tương* hóa thạch,
Vô lệ khả đăng lâu.
Hồi thủ trường đê dương liễu sắc,
Hối giao phu tế mịch phong hầu.
Bất thức ly gia thiên lý ngoại,
Quân tâm hữu tự thiếp tâm phầu (phủ).
Quân tâm thảng dữ thiếp tâm tự,
Thiếp diệc ư quân hà oán vưu.
Thiếp tâm như hoa thường hướng dương,
Chỉ phạ quân tâm như lưu quang.
Lưu quang nhất khứ bất phục chiếu,
Hoa vị lưu quang hoàng hựu hoàng.
Hoàng hoa cánh hướng thùy biên tiếu,
Lưu quang bất khẳng nhất hồi chiếu.
Hoàng hoa *khước* vị lưu quang lão,
Hoàng hoa lão hề, lạc mãn tường,
Hoa lạc như kim *canh* kỷ sương.
Đình lan hề dĩ trích,

http://tieulun.hopto.org

Hồng ty hề hựu phương.
Nhiếp y bộ tiền đường,
Ngưỡng mục quan thiên chương.
Hà thủy phiên minh diệt,
Khuê triền sạ hiện tàng.
Chức vân thì phảng phất,
Bắc Đẩu hốt đê ngang.
Nguyệt chiếu hề ngã sàng.
Phong xuy hề ngã *tường*.
Ngọc nhan tùy *thân* tước,
Trượng phu do tha phương.
Tích vi hình dữ ảnh,
Kim vi Sâm dữ Thương.
Quân biên vân ủng thanh *phiêu* kỵ,
Thiếp xứ đài sinh hưởng điệp lang.
Lang nội xuân phong nhật tương yết,
Khả liên ngộ tận lương thời tiết.
Lương thời tiết ! Lương thời tiết !
Diêu hoàng, Ngụy tử giá Đông phong.
Lương thời tiết ! Lương thời tiết !
Chức Nữ, Ngưu Lang hội minh nguyệt,
Khả *liên uổng* thủ nhất không phòng,
Niên niên ngộ tận lương thời tiết.
Lương thời tiết, *cấp* như thoa,
Nhân thế thanh xuân dung dị qua.
Huống phục thị *xuân muộn* vị tiêu thu hận tục.
Huống phục thị hợp hoan *khước* thiểu biệt sầu đa.
Biệt sầu thu hận lưỡng tương ma,
Bồ liễu thanh thanh năng kỷ hà.
Không thán tích, lãng tư ta,
Lãng tư ta chỉ khủng bạch đáo Văn Quân đầu,
Không thán tích chỉ khủng hoa đáo Phan Lang mấn.
Thán tích hà dĩ vi ?
Nhan sắc do hồng như nộn hoa.
Tư ta hà dĩ vi ?
Quang âm nhất trịch vô hồi qua.
Ta mệnh bạc ! Tích niên hoa !
Ty ty thiếu phụ cơ thành bà.

http://tieulun.hopto.org

Hương các trùng hoài bồi tiếu kiểm,
Hoa lâu thượng l-ý giải hương la.
Hận thiên bất dữ nhân phương tiện,
Để sự đáo kim thành khảm kha.
Khảm kha, khảm kha, *nại nhược* hà !
Vị thiếp ta hề, vị quân ta !
Quân bất kiến dã ngoại song uyên ương,
Cam tâm bất nhẫn lưỡng phân trương.
Hựu bất kiến: lương đầu song yến yến,
Bạch đầu hà tằng vong *khiển quyển*.
Kiêm dã vô tình, tị dực tương tùy quá nhất sinh,
Cùng dã vô tri, tịnh khu đáo lão bất tương *ly*.
Lộ liễu tằng truyền liên lý xứ,
Trì liên diệc hữu tịnh đầu thì.
Hà nhân sinh chi tương viễn,
Ta vật loại chi như ti (tư).
Yên đắc: tại thiên vi tị dực điểu
Tại địa vi liên lý chi ?
Ninh cam tử tương kiến,
Bất nhẫn sinh tương ly.
Tuy nhiên tử tương kiến,
Hạt nhược sinh tương tùy ?
Yên đắc: quân *vô* lão nhật,
Thiếp thường thiếu niên *thì* ?
Nguyện vi ảnh hề, tùy quân biên,
Quân hữu hành hề, ảnh bất viễn.
Quân y quang hề, thiếp *sở* nguyện,
Nguyện quân hứa quốc tâm như đan.
Nguyện quân tí dân *lực* như thiết.
Cơ lai thôn hạ Nhục Chi đầu,
Khát lai ẩm hạ Thiền Vu huyết.
Hà hạnh kỳ môn phong nhận trung,
Lão thiên trước ý hộ anh hùng.
Hộ anh hùng! Bách chiến công!
Trường khu tứ mã tĩnh Quan Đông.
Quan Đông, Quan Bắc hưu truyền tiễn,
Sơn vĩ, sơn đầu tảo quải cung.
Tiệp sắc tinh kỳ từ tái nguyệt,

http://tieulun.hopto.org

Khải ca tướng sĩ bối biên phong.
Lặc *công* hề, Yên Nhiên thạch,
Hiến quắc hề, Vị ương cung.
Vị ương cung hề, hướng thiên triều,
Vãn Ngân hà hề, tẩy cung đao.
Từ nhân san hạ Bình Hoài tụng,
Nhạc phủ thanh truyền nhập Hán dao
Lăng yên các hề, Tần Thúc Bảo,
Kỳ lân đài hề Hoắc Phiêu Diêu
Thiên trường, địa cửu mao thư khoán,
Tử ấm, thê phong phúc lộc tiêu.
Hữu sầu hề thử nhật,
Đắc ý hề lai thì.
Thiếp phi Tô gia si tâm phụ,
Quân diệc Lạc Dương hảo nam nhi.
Quy lai thảng bội hoàng kim ấn,
Khẳng học đương niên bất hạ ky (cơ).
Nguyện vị quân hề, giải chinh y,
Nguyện vị quân hề, *phủng* hà chi.
Vị quân sơ trất *vân* hoàn *kết*,
Vị quân trang điểm ngọc *phu* chi.
Thu quân khan hề cựu lệ bạch,
Tố quân thinh hề cựu tình từ,
Cựu tình từ hề, hoán tân liên,
Giảng tân *thoại hề* tửu bôi tiền.
Thiển *chước* hề, *mạn mạn*,
Đê xướng hề liên liên.
Chước bất *chước* hề Vị thành nhưỡng,
Xướng bất xướng hề Tử lưu thiên.
Chước cửu uẩn, xướng song liên,
Dữ quân chỉnh đốn cựu nhân duyên,
Giao cảnh thành song đáo lão thiên,
Thường liễu công danh ly biệt nhật,
Tương liên tương thủ thái bình niên.
Thái bình niên! *Nguyện tuế* trí!
Nhược nhiên thử *hậu* thiếp hà lệ.
Tương hội *tương* kỳ tương ký ngôn,
Ta hồ! Trượng phu đương như thị!

http://tieulun.hopto.org

KHẢO DỊ

Phần *khảo dị* này được đối chiếu với bản chữ Hán trong *Chinh phụ ngâm bị khảo* của Hoàng Xuân Hãn.

31. Thanh thanh *hữu* 有 lưu thủy, bất tẩy thiếp tâm sầu.
32. Thanh thanh *hữu* 有 phương thảo, bất vong thiếp tâm ưu.
34. Bộ nhất bộ hề, *khiên* 牽 quân nhu.
41. Quân *xuyên tráng* phục hồng như hà.
47. *Trình phân* hề hà lương.
50. Tiền *xa* 車 bắc Tế Liễu.
51. Hậu *kỵ* 騎 tây Trường Dương.
61. Vân thanh *hề* 兮 sơn thương.
74. Phong *ngao ngao* 敖敖 , đả đắc nhân nhan tiều.
103. Nguyệt mang mang từng chiếu chinh *nhân* 人 mạo.
104. Chinh *nhân* 人 mạo, thùy đan thanh ?
105. Tử sĩ hồn *hề* 兮 , thùy ai điếu ?
106. Khả liên tranh đấu cựu *giang sơn* 江山 .
127. Linh nhân sầu hiểu *cánh* 更 sầu hôn.
130. Khả *kham* 堪 lưỡng niên thiếu
142. Đào hoa dĩ *bạn* 伴 đông phong khứ
143. *Lão* 老 mai giang thượng hựu phù dung.
168. *Thí tương* 試將 khữ nhật tòng đầu sổ.
172. *Hoàng hoa thú*, thùy vô đường thượng thân ?
173. *Tử tái nhân*, thùy vô khuê trung phụ ?
177. Quân hữu *nhi lang* 兒郎 niên khả nhu.
179. *Nhi lang* 兒郎 hề đãi bộ.
180. Cung thân *xan* 餐 hề, thiếp vi nam.
181. Khóa *tử* 子 thư hề, thiếp vi phụ.
184. Tư quân *tạc nhật* 昨日 hề dĩ quá.
185. Tư quân kim niên *hề* 兮 hựu mộ.
222. Bất quan *đam* 酖 dữ *ham*.

http://tieulun.hopto.org

226. Trâm tà ủy *đọa* 髻 bồng vô nại.
229. Tịch *tiêu tiêu* 悄悄 , tương liêm quyến hựu thùy.
237. *Phi phất* hòe âm độ bát duyên.
240. Cưỡng nhiên hương, hoa hồn tiêu đàn *chú* 炷 hạ.
241. Cưỡng lâm kính, ngọc *trợ* 筯 trụy lăng hoa tiền.
242. Cưỡng viện cầm, chỉ hạ kinh đình *hoàng* 凰 phụng trụ
243. Cưỡng *diều* 調 sắt, khúc trung *bi át* 遏 uyên ương huyền
246. Yên nhiên vị *năng* 能 truyền
249. Ức quân du du *hề* 兮 , lộ như thiên,
250. *Hoài* 懷 nhân xứ, thương tâm hung
258. Viễn tự *hiểu* 曉 chung
259. Tất suất sổ thanh *vũ* 雨
261. Phong liệt *chi* 紙 song xuyên trướng khích
263. Hoa tiền nguyệt *chiếu* 照 nguyệt tự bạch
264. Nguyệt hạ hoa *khai* 開 hoa tự hồng.
268. Vạn *sự* 事 dung
269. Dung nữ công, cẩm trục sỉ phao *uyên* 鴛 đối ngẫu
271. Dung trang *đối hiểu* 對曉 không thi phấn
278. *Lạnh* 冷 lạc *khấp* 泣 Ngân chử
292. Niệm chinh phu hề nang *xác* 橐 đan
294. Tiều cổ xao *tàn* 殘 đới *mại* 憊 can.
297. Tư vị toan hề, toan *cánh* 更 tân
298. *Toan tân* đoan đích vị lương nhân.
306. Hội quân hề, Tương *thủy* 水 tân.
312. Mộng hồi *hựu lư huyễn* 又慮幻 phi chân
318. Giang *châu* 洲 mãn bạch tần
319. Yến thảo phi thanh *lũ* 縷
321. Nam lai tỉnh ấp bán *binh* 兵 trần
325. Vân gian Ngô thụ *ám* 暗
327. Bắc lại hòa thử hoang thành.
331. Tự phi *thanh* 青 dã trĩ
332. Tự vũ *cách* 隔 giang mai
333. Đông khứ *yên lam* 烟嵐 thảm bất khai
334. Tây phong phiêu *bạc* 薄 điểu thanh ai.
341. Vọng tận thiên đầu *hựu* 又 địa đầu
342. Kỷ nhật đăng lâu *cánh* 更 há lâu.
344. Hà xứ Ngọc Quan chinh chiến *sưu*.

http://tieulun.hopto.org

347. Hữu tâm *thành* 誠 hóa thạch
359. *Hoa hoàng* cánh hướng thùy biên tiếu.
361. Hoàng hoa *khiếp* 却 vị lưu quang lão
363. Hoa lạc như kim *kinh* 經 kỷ sương.
368. *Tiêm* 纖 vân thời phảng phất
373. Phong xuy hề ngã *song* (xoang) 牕
374. Ngọc nhan tùy *niên* 年 tước
378. Quân biên vân ủng thanh *ti* 絲 kỵ.
383. *Lương thời tiết* Diêu hoàng Ngụy tử giá đông phong
385. *Lương thời tiết* Chức Nữ Ngưu Lang hội minh nguyệt
Tạc nhật vị kê tây gia nương,
Kim niên dĩ quy đông lân thiến.
昨日未笄西家娘
今年已歸東鄰倩
386. Khả liên *thỏ* 兔 thủ nhất không phòng
388. Lương thời thiết *hề hốt* 兮忽 như thoa
391. Huống phục thị hợp hoan *cánh* 更 thiểu biệt sầu đa.
402. *Phân phân* 紛紛 thiếu phụ *kỷ* 幾 thành bà
407. Khảm kha, khảm kha, *tri nại* 知奈 hà.
411. Hựu bất kiến: lương *gian* 間 song yến yến
412. Bạch đầu hà tằng vong *quyến luyến* 眷戀
413. Kiêm *kiếm* 鶼 dã vô tình, tị dực tương tùy quá nhất sinh.
414. Cùng *cùng* dã vô tri, tịnh khu đáo lão bất tương *vi* 違
416. Trì liên diệc hữu tịnh đầu thì
Phụ quyết hề ! Cự hư
Bão la hề ! Thỏ ti.
負蜃兮駏驉
抱蘿兮菟絲
426. Thiếp thường thiếu niên ?
429. Quân y quang hề, thiếp *như* 如 nguyện
431. Nguyện quân tí dân *thân* 身 như thiết
441. Khải ca tướng sĩ *bội* 背 biên phong
442. Lặc *thi* 詩 hề, Yên Nhiên thạch
447. Nhạc phủ *ca* 歌 truyền nhập Hán dao
451. Tử ấm thê phong *tước* 爵 lộc tiêu
459. Nguyện vị quân hề *bổng* hà chi

http://tieulun.hopto.org

460. Vị quân sơ trất vân hoàn *kẹ* 髻
461. Vị quân trang điểm ngọc *yên* 臙 chi.
462. *Thủ* 取 quân khan hề cựu lệ bạch
465. *Ngữ* 語 tân thoại *cựu* 舊 hề tửu bôi tiền
466. *Châm* 酖 bất *châm* 酖 hề *Bồ* 蒲 thành nhưỡng
470. *Nguyện châm cửu ôn hề* 願酖九醞兮 xướng song liên
471. Dữ quân chỉnh đốn *hề* cựu nhân duyên
473. Thường liễu công danh ly biệ: *trái*
475. Thái bình niên! Nguyện quân chỉ *qua* 戈 trí.
476. Nhược nhiên thử *biệt* 別 thiếp hà lệ
477. Tương hội *chi* 之 kỳ tương ký ngôn.

http://tieulun.hopto.org

Dịch nghĩa:

CHINH PHỤ NGÂM

Trời đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng phải chịu nhiều gian nan khổ sở.
Ông trời xanh thăm thẳm kia, hỏi rằng ai đã gây ra cái duyên cớ ấy.
Tiếng trống trận vang động mạnh làm rung cả mặt trăng ở trên Tràng thành.
Ánh lửa cao lẫn khói bốc lên (báo có giặc) rực chiếu đến tận đám mây ở Cam Tuyền.
Từ trên chín bệ, giữa đám tiệc, nhà vua chống kiếm đứng dậy,
Nửa đêm truyền hịch gấp cho tướng quân.
Trải qua ba trăm năm thiên hạ thái bình, từ nay việc quân lại trao cho quan võ.
Sứ tinh đến cửa trời giục phải xuất quân từ rạng sáng,
Người ra đi đánh giặc xem trọng phép công (lệnh vua) mà coi nhẹ sự ly biệt.
Cung tên thì đeo ở lưng
Vợ con thì phải dựt vạt áo ra.
Cờ tinh cờ kỳ phấp phới bay là cái cảnh sầu của người ra biên ải.
Tiếng tiêu, tiếng trống ầm ĩ là cái lòng oán của kẻ từ biệt nhà.
Dù oán vẫn phải chia tay nhau.
Dù sầu cũng cố dặn dò nhau.
Người chồng là kẻ tài trai mới hai mươi tuổi quê ở Ngô Môn,
Phải ném bút nghiên đi mà theo việc binh đao.
Muốn hạ cả mấy thành liền đem dâng lên đức vua,
Thề đem thanh gươm chém quân giặc cường bạo.
Kẻ trượng phu phải có chí đánh giặc ngoài nghìn dặm.
Dù có chết bọc thây trong da ngựa,
Phải gieo Thái Sơn mà coi nhẹ tựa lông hồng
Bèn từ giã vợ con trong cửa nhà để theo đoàn quân đi đánh giặc.
Nhân gió tây thổi, quất ngựa phi ra lối cầu sông Vị
Đầu cầu sông Vị, dòng nước trong chảy,
Bên bờ nước trong cỏ xanh mọc.
Đưa chàng ở chỗ này lòng thiếp buồn dằng dặc.

http://tieulun.hopto.org

Chàng đi đường bộ thì thiếp đây giận không bằng ngựa.
Chàng đi đường thủy thì thiếp đây giận không bằng thuyền.
Nước trong xanh kia chảy không rửa được cái sầu trong lòng thiếp.
Cỏ xanh thơm kia có thơm mấy cũng không làm khuây được nỗi lo trong lòng thiếp.
Thiếp nói rồi lại nói cứ cầm tay chàng,
Thiếp bước đi một bước vẫn níu áo chàng.
Lòng thiếp theo bên chàng như trăng sáng soi,
Lòng chàng khi ra vạn dặm quyết như mũi tên bắn dẹp tan giặc ở Thiên Sơn.
Chàng ném chén rượu ly biệt kia mà múa thanh gươm Long Toàn.
Chàng cầm ngang ngọn giáo kia mà trỏ vào hang hổ.
Chàng nói rằng theo Giới Tử mà săn bắt chúa Lâu Lan.
Rồi cười mà đi thẳng tới Man Khê để bàn việc đánh giặc với Mã Viện.
Chàng mặc bộ áo chiến sắc đỏ như ráng,
Chàng cưỡi con ngựa kiêu lông trắng như tuyết.
Ngựa kiêu kia rung lên tiếng nhạc,
Trống trận kia nhịp theo bước người đi.
Phút chốc ấy còn đối mặt,
Khoảng khắc này đã chia tay.
Chia tay nhau thì trên bến sông Hà,
Thiếp bồi hồi thì đứng ở bên đường.
Bên đường ngó trông theo thấy những cờ bay phấp phới.
Đội quân đi trước đã đến phía Bắc đất Tế Liễu,
Đội quân đi sau còn ở phía Tây đất Tràng Dương.
Toán kỵ quân cùng đưa chàng ra cửa ải.
Cây dương liễu kia có biết lòng thiếp đau đớn đến đứt ruột thế này không?
Đi, đi mãi xa dần tiếng nhạc chỉ còn nghe thoảng như tiếng hoa mai rụng.
Trông sắc cờ trận bay mà lòng sao mang mang.
Trông theo mây bay kìa chàng biệt thiếp
Trông theo núi mà trở về kìa thiếp nhớ chàng.
Con đường chàng đi kìa ngoài trời mưa phùn
Chỗ thiếp về kìa căn phòng đêm hôm qua.
Kẻ đi người về, hai bên cùng ngoảnh trông nhau.
Chỉ thấy có mây xanh và núi biếc.

http://tieulun.hopto.org

Chàng đoái thiếp kìa đất Hàm Dương
Thiếp trông chàng kìa sông Tiêu Tương.
Khói bên sông Tiêu Tương cách cây bên đất Hàm Dương.
Cây bên đất Hàm Dương lại cách sông Tiêu Tương.
Hai bên cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Chỉ thấy một màu xanh ở dọc đường
Hàng dâu dọc đường kia, hàng dâu dọc đường kia!
Thử hỏi ý thiếp lòng chàng mối sầu ấy ai dài ai ngắn hơn?
Từ sau khi chia tay, chàng vào nơi gió cát,
Dưới trăng sáng, biết chàng ngủ ở chỗ nào?
Xưa nay ngoài chỗ chiến trường
Muôn dặm không có nhà của người ta ở.
Gió vun vút đập vào mặt người làm cho tiều tụy đi.
Nước sâu sâu ngựa ghê chân phải co cao vó lên.
Kẻ đi thú gối trống nằm ngủ trên bãi cát rộng.
Người chiến sĩ ôm yên ngựa ngủ bên cạnh nấm mồ
Sáng nay quân Hán xuống đánh thành Bạch Đăng,
Ngày mai giặc Hồ dòm ngó góc Thanh Hải.
Góc Thanh Hải, núi xanh ngọn cao lại ngọn thấp,
Trước núi xanh dòng nước trong chảy đứt rồi lại nối.
Trên núi xanh tuyết phủ kín ngọn,
Dưới khe suối xanh trong nước ngập quá bụng,
Đáng thương nhiều hay ít cho bao kẻ đi trận (mặc áo giáp)
Muốn về, lúc ấy mặt buồn rầu nhăn nhó,
Trên trướng gấm, nhà vua có biết cho không?
Có ai vì kẻ chinh phu mà vẽ lại cảnh gian nan ấy.
Liệu chừng tưởng đến những chỗ chồng ta đã đi qua;
Góc Tiêu Quan, ven Hãn Hải.
Thôn dưới sương, điếm dưới mưa, hang cọp, ổ rắn,
Ăn gió nằm sương tuyết ngập chân, giá đầy râu.
Lên cao trông sắc mây,
Làm sao mà không buồn rầu cho được?
Từ sau khi từ biệt chàng đi về phía đông nam,
Phía đông nam ấy biết chàng đánh giặc ở chặng đường nào?
Xưa nay những người đi chinh chiến,
Đều xem tính mạng nhẹ như cỏ.
Dưới mũi gươm giáo mà không rùng mình ớn lạnh

http://tieulun.hopto.org

(Vẫn cảm thấy âm ấm như có ấp chăn bông) vì có nhuần thấm sâu ân vua.
Trong khoảng khắc mà đưa ngang ngọn mác thì mệnh tráng sĩ phải chịu chết yểu thôi.
Mộ cũ ở Kỳ Sơn, trăng tỏa mờ mờ.
Mả mới ở Phì Thủy, gió thổi hiu hiu
Gió hiu hiu thổi như gọi hồn tử sĩ,
Trăng mờ mờ từng chiếu mặt chinh phu.
Mặt chinh phu ai người tô vẽ,
Hồn tử sĩ nào kẻ viếng thăm.
Đáng thương cho những chỗ núi sông đã có chiến tranh xảy ra,
Kẻ qua đường hỏi có xót thương nhiều hay ít?
Xưa nay đi chinh chiến mấy người đã trở về,
Khi Ban Siêu về, hai mái tóc đã lốm đốm bạc.
Thiếp liệu tưởng tới chỗ chàng đang giong ruổi ngoài chiến địa.
Ba thước gươm với một cỗ yên ngựa,
Gió thu thổi trên ngọn cỏ ở bãi cát.
Trăng sáng chiếu vào cửa ải trên sườn núi.
Tên bay vèo reo trên đầu ngựa,
Giao lan khắp mặt thành.
Lập công danh phải chịu bao nhiêu gian khổ,
Dù gian khổ vẫn chưa muốn nhàn.
Gian khổ hay an nhàn thì biết nói cùng ai?
Chàng ở ven trời, thiếp tựa bên cửa.
Tựa cửa vốn là cái phận của thiếp trong kiếp này
Ven trời lận đận há phải số của chàng đời này không?
Vẫn tưởng được cùng nhau làm bạn vui vầy như cá với nước.
Nào ngờ cũng phải cùng nhau xa cách chốn nước mây kia.
Thân thiếp chẳng tưởng phải làm chinh phụ,
Thân chàng há học chi làm vương tôn.
Cớ sao lại phải cách trở kẻ giang nam người giang bắc.
Khiến cho thiếp ngày đêm luống những buồn rầu.
Một bên, chàng là bậc thiếu niên phong lưu,
Một bên, thiếp là bậc thiếu nữ phong lưu.
Thật đáng thương cho đôi lứa thiếu niên
Nghìn dặm phải xa cách nhau mà không được thăm hỏi tâm tình.
Nhớ lúc xưa, khi cùng chàng chia tay nhau,

http://tieulun.hopto.org

Trên cành liễu còn chưa có con chim hoàng ly hót.
Thiếp hỏi chàng bao giờ thì về?
Chàng hẹn khi con đỗ quyên kêu.
Nay con đỗ quyên bay theo con hoàng ly già mà đi rồi
Trước lầu đã lại có con ý nhi hót.
Nhớ lúc xưa, khi cùng chàng chia tay
Mai trắng còn chưa biết gió đông.
Thiếp hỏi chàng bao giờ thì về?
Chàng hẹn đến mùa hoa đào nở.
Nay hoa đào đã theo gió đông đi (rụng hết cả rồi).
Cây mai tuyết phủ bên bờ sông lại thấy có hoa sen nở.
Thiếp cùng chàng hẹn nhau nơi nào?
Bèn hẹn ở bên núi Lũng Tây.
Thiếp đợi đã tới trưa mà không thấy chàng đến.
Chỉ thấy lá cây rụng trên cành trâm của thiếp
Thiếp đứng trông luống sụt sùi mà thầm khóc
Trong chỗ gò hoang nghe dậy tiếng chim kêu.
Chàng cùng thiếp hẹn chỗ nào?
Bèn hẹn ở bên cầu Hán Dương.
Ngày đã muộn rồi mà không thấy chàng đến,
Chỉ thấy gió đông thổi bay tà áo của thiếp.
Thiếp đứng trông luống sụt sùi mà thầm khóc,
Chỗ sông quạnh hiu về buổi chiều vẫn ì ầm tiếng sóng.
Năm ngoái nhắn tin khuyên chàng về,
Năm nay nhắn tin khuyên chàng lại.
Tin thì có lại mà người không thấy lại.
Hoa dương tàn rơi rụng xuống làn rêu xanh,
Rêu xanh, rêu xanh lại rêu xanh.
Mỗi bước đi dạo thong thả quanh sân mà trong lòng như rộn trăm mối.
Năm xưa chàng gửi thư hẹn với thiếp độ về,
Năm nay chàng lại gửi thư hẹn với thiếp độ về,
Thư thì về mà người chưa thấy về.
Song the tịch mịch bóng chiều qua,
Bóng chiều qua, bóng chiều qua lại bóng chiều qua.
Mười lần hẹn báo tin vui thì chín lần đã sai.
Nay thử tính từ ngày chàng bắt đầu ra đi
Thấm thoắt ba lần lá sen đã nở (tròn như đồng tiền đúc)

http://tieulun.hopto.org

Rất khổ là người cứ phải ở lâu năm nơi ải tía.
Rất khổ là người cứ phải đi thú Hoàng Hoa ra nơi xa xôi nghìn dặm.
Người nơi ải tía ai là không có cha mẹ ở nhà.
Lính đi thú Hoàng Hoa ai là không có vợ ở phòng khuê.
Có cha mẹ sao nên tạm ly cách nhau
Có vợ sao có thể bỏ ở nhà lâu được
Chàng có cha mẹ già tóc bạc như sương
Chàng có con nhỏ, tuổi hãy còn măng sữa.
Mẹ già thì tựa cửa mong chàng,
Con thơ thì đợi được mớm cơm.
Lo cơm nước hầu hạ cha mẹ thì thiếp làm phận trai.
Dạy con học thì thiếp làm thân phụ.
Hầu hạ cha mẹ, dạy dỗ con cái chỉ có một mình thiếp
Thương thiếp, nhớ chàng nay đã mấy độ
Năm ngoái nhớ chàng thì năm ấy đã trôi qua,
Năm nay nhớ chàng thì năm này lại gần hết
Chàng ở xa lâu rồi hai năm, ba năm lại bốn năm,
Thiếp mang mối tình hoài trăm mối, nghìn mối và vạn mối.
Ước gì được ở bên cạnh chàng,
Để mà giãi bày nỗi đau lòng của thiếp.
Thiếp có cành thoa ở cung Hán,
Là đồ cưới từ thời lấy chàng đến nay.
Biết nhờ ai mà gửi cho chàng?
Để bày tỏ nỗi lòng tương tư của thiếp
Thiếp có tấm gương ở lầu Tần,
Thủa xưa đã cùng chàng chung soi bóng
Biết nhờ ai mà gửi cho chàng?
Để soi tỏ nỗi lòng cô đơn của thiếp bây giờ.
Thiếp có cái nhẫn đeo tay bằng bạc,
Lúc nào cũng luôn đeo ở ngón tay.
Biết nhờ ai mà gửi cho chàng?
Để dùng vật nhỏ mọn này mà ngụ ý bày tỏ nỗi ân cần
Thiếp có cái trâm bằng ngọc để cài đầu,
Lúc còn nhỏ hay cầm chơi.
Biết nhờ ai mà gửi cho chàng?
Để khi ở quê người chàng giữ làm kỷ vật quý báu.

http://tieulun.hopto.org

Năm xưa tin tức còn có lúc nhận được
Năm nay tin tức ít, thư cũng ít.
Thấy chim nhạn luống những mong nhận được thư nơi cửa ải,
Nghe sương rơi vội may áo bông để định gửi cho chàng.
Thấy gió tây, thiếp muốn gửi thư mà không tiện gửi được chim hồng,
Thương chàng ở cõi ngoài những tuyết phủ mưa sa.
Tuyết làm cho chàng bị lạnh ở nơi trướng hổ,
Mưa làm chàng bị rét ở chỗ màn lang.
Lạnh rét thật là khổ sở biết bao!
Càng thương cho chàng ở nơi cõi ngoài ấy.
Đề thơ vào gấm, phong kín rồi lại mở ra.
Gieo tiền vàng mà bói quẻ, tin còn ngờ.
Mấy độ hoàng hôn,
Hiên rộng đứng có một mình.
Mấy lần trăng sáng,
Gối chiếc để tóc rối bù.
Chẳng cứ mê cùng tỉnh
Li bì người như say
Chẳng cứ ngu với lười
Mờ mịt y như ngây
Trâm lệch, tóc xổ, biết làm sao?
Quần lỏng (người gầy đi), lưng mềm, tưởng không gượng được.
Ngày chầm chậm qua, ở hàng hiên buổi trưa dạo bước muốn ngã
Tối âm thầm buồn, cái rèm Tương cuốn lên rồi lại buông xuống.
Ngó qua rèm nhìn mặt trời mọc đầu cành nhưng không thấy chim thước báo tin.
Khi ngồi trong rèm, tối đến chỉ có ngọn đèn là biết được tâm sự của mình.
Đèn kia có biết cũng như không biết,
Thiếp buồn thương chỉ tự buồn thương một mình.
Than thở chán thiếp lại im lặng không nói.
Hoa đèn kia với bóng người nghĩ mà đáng thương.
Eo óc tiếng gà suốt năm canh
Phơ phất bóng hòe qua tám hàng gạch
Mối sầu như biển lớn
Thời khắc như năm dài

http://tieulun.hopto.org

Gượng đốt hương thì hồn hoa muốn tiêu tan ở dưới đàn trụ [1],
Gượng soi gương thì nước mắt luống tuôn rơi ở trước lăng hoa.
Gượng nắn đàn cầm thì dưới ngón tay những sợ mà phải dừng cái trụ loan phượng.
Gượng gảy đàn sắt thì trong khúc đàn những sầu mà phải im cái dây uyên ương.
Ý ấy nếu gió xuân chịu truyền đi cho
Thì dẫu nghìn vàng cũng mượn gửi đến núi Yên Nhiên.
Núi Yên Nhiên chưa dễ truyền được,
Nỗi nhớ chàng dằng dặc như đường xa lên trời.
Trời xa chưa dễ thông được.
Nỗi nhớ chàng đau đáu thì dạ nghĩ biết bao cùng.
Cảnh gợi sầu lòng người thêm đau thương
Lá cây sương bao phủ kín màu xanh,
Tiếng trùng hòa kêu trong làn mưa phùn.
Sương như búa bổ tàn cành dương liễu
Mưa như cưa xẻ mòn cây ngô đồng.
Chim về trong buổi chiều hôm khi sương đã phủ những bụi cây thấp,
Giống sâu báo thời tiết (đã sang đông) kêu ở bức tường lạnh
Chùa xa đánh hồi chuông về buổi sớm,
Mấy tiếng dế kêu dưới ánh trăng.
Một trận gió thổi lay bụi chuối.
Gió xẻ giấy dán ở cửa sổ, xuyên vào khe màn.
Trăng rọi bóng hoa lay động trên bức rèm.
Trước hoa trăng chiếu thì bóng trăng tự thấy sáng,
Dưới trăng hoa nở thì sắc hoa tự thấy hồng.
Trăng cùng hoa, hoa cùng trăng in bóng trập trùng nhau
Trước hoa dưới trăng lòng cảm thấy đau đáu.
Nghìn nỗi lười, vạn sự nhác.
Chán nữ công, thẹn không muốn đưa trục gấm dệt đôi chim uyên ương.
Chán phụ xảo, thẹn không muốn cầm kim vàng thêu đôi bươm bướm.

---

1. Nén hương thắp làm bằng thứ đàn hương tán nhỏ ra.

http://tieulun.hopto.org

Chán sự trang điểm, mặt rầu đôi má chẳng buồn thoa phấn.
Chán sự nói năng, suốt buổi sáng chỉ ngẩn ngơ ngồi tựa bên song.
Tựa song cửa, tựa song cửa lại tựa song cửa.
Chàng đã đi vắng rồi hỏi làm dáng với ai?
Còn làm dáng với ai, trong lòng những bàn hoàn,
Chàng đã đi rồi cách mấy quan ải.
Khác nào Chức Nữ (cháu của Thiên đế) lặng buồn đứng bên bờ sông Ngân.
Khác nào ả Hằng Nga sầu não ngồi trong cung Quảng Hàn.
Tựa sầu khi làm gối,
Nấu muộn khi làm cơm.
Muốn đem rượu rửa sầu.
Sầu nặng rượu không đủ sức rửa nổi
Muốn đem hoa giải muộn, muộn ép hoa kém tươi
Sầu muộn đều vì sầu muộn mà lầm.
Muộn sầu hóa làm cái thác có chín ngọn suối.
Thử thổi cái sênh ngọc nhưng không thành tiếng,
Ôm cái đàn tranh bạc nhưng không nỡ gảy.
Nghĩ đến chỗ cửa ải xa xôi kia thì đường đi rất khó khăn.
Nhớ đến kẻ chinh phu kia thì nào túi, nào bao đựng đồ lương thực (hết đầy lại vơi)
Tiếng quyên kêu mà làm rơi nước mắt quan tình
Tiếng trống cầm canh đánh mà làm héo buồng gan mỏi mệt.
Không dẹp nổi nỗi thảm sầu nên hình hài mềm mại trở nên tiều tụy
Mới biết rằng cái mùi khuê ly là chua cay đến như thế.
Có nếm vị chua cay mới biết chua cay dường ấy
Mà chua cay cũng chỉ vì chàng.
Vì chàng mà thiếp phải chan hòa hai hàng lệ
Vì chàng mà thiếp phải chịu lẻ loi một mình.
Thân thiếp không đến được nơi màn trận của chàng
Nước mắt của thiếp không chảy thấm được tới khăn trận của chàng
Chỉ có hồn mộng là không đâu không đến
Nên đêm nào cũng tìm chàng ở chỗ bờ sông.
Tìm chàng trên đường Dương Đài,
Tìm chàng ở bến Tương Giang.

http://tieulun.hopto.org

Nhớ lại đã được mấy lần sum vầy cùng chàng.
Nhưng chẳng qua chỉ là ở trong giấc mộng xuân.
Thân này lại giận không bằng mộng
Đâu được gần chàng ở bến Lũng Thủy, ở cửa Đồng Quan.
Mộng tan lại tiếc vì giật mình mà đứt mộng.
Mộng nữa lại ghét chỉ có hư mà không có thực.
Chỉ có tấc lòng thực là không đứt,
Chưa hề vụt chốc lìa bỏ chàng.
Lòng không lìa chàng nhưng chưa thấy chàng.
Đã mấy lần lên chỗ gò cao mà ngóng cái xe của chàng đi.
Ngóng chàng đã trông thấy những gì?
Thấy bên bờ sông đầy những rau tần trắng.
Cỏ Yên lướt gió bay như sợi xanh.
Dâu Tần nhuốm màu trông như mây biếc.
Làng mạc phương Nam gần nửa đã điêu tàn.
Khi mặt trời lặn trên bãi cát có một đàn nhạn sà xuống.
Ngóng chàng đã trông thấy những gì?
Thấy trên đường cái quan hết đoản đình lại đến trường đình.
Khoảng mây xa cây nước Ngô xanh,
Phương trời cao núi nước Thục biếc.
Vùng Bắc đổ lại lúa má một nửa là thành hoang.
Mưa phùn, ở bên bờ sông có tiếng sáo thổi ở trên lầu.
Ngóng chàng đã trông thấy những gì?
Thấy núi vắng không mà lá cây rụng thành đống.
Có hai con dã trĩ bỗng bay lên
Có dãy mai bên sông cành (đong đưa theo gió) như đang múa
Mé đông khói lửa vẫn mờ mịt che không nhìn rõ.
Gió thu thổi bạt tiếng chim kêu thương.
Ngóng chàng đã trông thấy những gì?
Thấy dòng nước sông Hà uốn cong như lưỡi câu
Thấy bên trời vài bóng nhạn
Thấy nơi bến xa chiếc thuyền về
Mé tây, các cây tùng, cây thu tiếp liền ở phía xa vào đám cỏ rậm.
Kẻ hành dịch mờ bóng khuất vào bãi cỏ xanh.

http://tieulun.hopto.org

Trông hết cùng trời đến cuối đất,
Bao ngày lên lầu lại xuống lầu.
Mây ngưng tụ ngăn che mắt tương tư
Ngọc Quan, nơi chiến địa ấy ở chỗ nào?
Thiếp tiếc không có được cái thuật rút đất của ông Trương Phòng.
Thiếp tiếc không có được cái bùa của Tiên tử ném khăn làm cầu.
Thiếp có lòng này cũng toan hóa đá
Khóc cạn cả nước mắt lại lên lầu trông ngóng.
Thiếp ngoảnh đầu trông ở chỗ bờ đê kia thấy sắc cây dương liễu
Thì hối hận đã để chàng đi đánh giặc cầu ấn phong hầu.
Chẳng biết xa nhà ở ngoài ngàn dặm
Lòng chàng có giống như lòng thiếp chăng?
Lòng chàng nếu cũng giống như lòng thiếp
Thì thiếp cũng chẳng có điều gì để oán trách chàng nữa.
Lòng thiếp như hoa hướng dương (thường hướng về phía mặt trời)
Chỉ sợ lòng chàng như bóng sáng lướt qua rồi thôi.
Nếu bóng sáng lướt qua rồi không trở lại,
Thì hoa vì thiếu bóng sáng mà phải úa vàng.
Hoa vàng lại ngoảnh cười bên ai đây?
Bóng sáng nếu không chiếu trở lại.
Hoa vàng lại vì bóng sáng mà phải già úa,
Hoa vàng già úa rồi sẽ rụng đầy chân tường.
Hoa rụng đến nay đã trải mấy sương
Hoa lan trước sân kia đã hái
Rau tần ngoài sông kia lại thơm
Vén áo đi ra phía trước nhà
Ngước mắt nhìn xem dải Ngân Hà ở bên trời
Dải Ngân Hà lại có lúc sáng lúc mờ,
Chòm sao Khúc cũng lúc hiện lúc ẩn.
Đám mây nhỏ thường phảng phất bay lúc nhạt lúc nồng
Chuôi sao Bắc Đẩu bỗng hạ thấp bỗng quay ngang.
Trăng soi vào giường của ta
Gió thổi vào bức tường của ta
Mặt ngọc cùng với tấm thân càng ngày càng gầy kém.

http://tieulun.hopto.org

Đấng trượng phu còn ở phương xa
Xưa như hình với bóng
Nay hóa là sao Sâm với sao Thương.
Bên chàng mây phủ quanh ngựa Thanh phiêu
Chỗ thiếp rêu mọc đầy hiên Hưởng điệp.
Gió xuân trong hiên ngày một hết.
Đáng thương lỡ hết thời tiết tốt.
Thời tiết tốt! Thời tiết tốt!
Như hoa mẫu đơn Diêu vàng Ngụy tía vẫn cùng bén duyên với gió xuân.
Thời tiết tốt! Thời tiết tốt!
Như đêm Chức Nữ và Ngưu Lang gặp nhau trong đêm trăng sáng.
Đáng thương người uổng công giữ phòng không.
Năm năm lỡ hết thời tiết tốt.
Thời tiết tốt kia mau qua như chiếc thoi đưa,
Đời người ta tuổi xuân dễ qua mau lắm
Huống nữa xuân buồn chưa tiêu, thu hận đã nối tiếp,
Huống nữa sự vui sum họp lại ít mà sự ly biệt thường nhiều.
Cái sầu ly biệt và mối hận mùa thu, hai điều ấy cứ mãi đày đọa thiếp.
Thế thì phận bồ liễu xanh xanh phỏng được bao lâu.
Thương tiếc hão, than thở hoài.
Chỉ sợ đến khi đầu bạc như Văn Quân mà thành thương tiếc hão.
Chỉ sợ đến khi đầu hoa râm như Phan Lang mà thành than thở hoài.
Thương tiếc để làm gì?
Nhan sắc còn tươi như hoa mới nở
Than thở để làm gì?
Bóng sáng đã qua đi không trở lại.
Thương mệnh bạc, tiếc tuổi xanh
Mơn mởn người vợ trẻ kia chẳng mấy chốc đã trở thành bà già.
Gác xuân luôn nhớ khi được thừa tiếp chàng với nét mặt tươi cười.
Lầu hoa còn ghi lại, lúc thiếp cởi cái dải hương la,

http://tieulun.hopto.org

Giận trời không để cho người được tùy tiện sống.
Việc ấy đến nay đã trở thành khó khăn cản trở.
Sự khó khăn cản trở ấy biết làm sao?
Cứ vì thiếp than thở lại vì chàng mà than thở.
Chàng không thấy: đôi chim uyên ương ở ngoài cánh đồng.
Cam lòng không nỡ chia rẽ ra hai nơi.
Lại không thấy: đôi chim én ở trên xà nhà.
Đầu bạc cũng không bao giờ quên sự quyến luyến nhau
Chim kiêm kia là giống vô tình
Cũng chắp cánh liền nhau suốt một đời.
Con cùng kia là loài vô tri,
Cũng kề nhau đi đến già không lìa xa nhau.
Cây liễu bên đường còn có chỗ liền thớ
Khóm sen dưới ao còn có lúc chung đài hoa.
Sao người ta sống ở đời lại xa nhau
Than ôi! Loài vật còn như thế
Ước gì được: trên trời làm đôi chim chắp liền cánh
Ở dưới đất làm đôi cây nối liền cành.
Thà cam chết mà thấy nhau
Không nỡ sống chịu chia lìa
Dẫu rằng chết cùng thấy nhau
Sao bằng sống cùng theo bên nhau.
Ước gì được: chàng không có ngày già,
Thiếp thường trẻ mãi
Thiếp xin làm cái bóng theo bên mình chàng.
Chàng có đi đâu thì cái bóng cũng không xa.
Chàng nương theo ánh sáng, thiếp rất mong điều ấy.
Mong chàng hãy đem lòng thắm như son ra giúp nước
Mong chàng hãy đem sức ra cứu dân được cứng như sắt.
Khi đói thì ăn đầu chúa rợ Nhục Chi
Khi khát thì uống máu chúa Thiền Vu
May sao giữa chỗ mũi gươm ngọn giáo ở Kỳ Môn kia.
Trời già có ý giúp cho bậc anh hùng.
Giúp cho bậc anh hùng được thành công trong trăm trận đánh giặc.
Chàng ruổi xe bốn ngựa dẹp yên được xứ Quan Đông,

http://tieulun.hopto.org

Quan Đông và Quan Bắc từ nay không phải do truyền tin nữa (bằng mũi tên có gắn thư ghi hiệu lệnh)
Đầu núi và cuối núi sớm treo cái cung mà ngơi nghỉ.
Mang màu chiến thắng, cờ tinh và cờ kỳ giã từ bóng trăng ngoài quan ải kia,
Hát khúc khải hoàn ca, các tướng sĩ trở về bỏ lại ngọn gió chốn biên thùy.
Hãy ghi công trên hòn đá ở núi Yên Nhiên.
Hãy dâng nạp đầu giặc ở trước cung Vị Ương.
Cung Vị Ương kia, vào chầu vua,
Hãy đem nước sông Ngân Hà để rửa giáo mác.
Đám từ nhân (ở Hàn lâm) làm bài bình Hoài.
Chốn nhạc phủ hát bài ca nhập Hán
Gác Lăng Yên kia tượng chàng treo kề Tần Thúc Bảo
Đài Kỳ Lân kia, tượng chàng sánh với Hoắc Phiêu Diêu.
Trời đất dài lâu còn mãi tờ khoán ước phong hầu.
Con được tước, vợ được phong, đó là cái nêu phúc lộc được hưởng.
Ngày nay dẫu có sầu
Đắc ý ấy ngày sau
Thiếp chẳng phải là người ngu như vợ chàng Tô,
Chàng cũng là một bậc tài trai ở đất Lạc Dương.
Chàng trở về nếu đeo quả ấn vàng
Thiếp chẳng khi nào ngồi yên trên khung cửi mà chẳng chạy ra đón chào.
Thiếp xin vì chàng cởi cái áo bào kia,
Thiếp xin vì chàng chuốc chén rượu Lộ chi kia.
Vì chàng, thiếp xin chải mượt mái tóc mây kia
Vì chàng, thiếp xin trang điểm làn da ngọc kia
Đưa chàng xem cái khăn hoen lệ cũ
Đọc chàng nghe lời tự tình khi trước.
Những lời tự tình cũ này đổi ra thành câu văn mới.
Nói chuyện mới, kể chuyện cũ trước chén rượu.
Từ từ rót chén vơi,
Lần lần ngâm giọng thấp,
Rượu bồ đào kia cạn rồi lại rót
Bài tử lưu kia hát rồi lại hát.

http://tieulun.hopto.org

Rót rượu cửu uẩn (rượu chín lần cất của tiên) ngâm thơ chung với nhau.
Cùng chàng kết chặt cái nhân duyên cũ
Sánh vai thành đôi cho đến khi già.
Bù lại những ngày chàng vì công danh mà phải ly biệt.
Nay cùng thương nhau, giữ nhau trong những năm thái bình.
Những năm thái bình mong được như thế mãi.
Nếu vậy thì chẳng bao giờ thiếp còn phải rơi lệ nữa.
Cùng nhau hẹn hò, cùng nói lời này:
"Than ôi! Bậc trượng phu phải nên làm như thế!"

http://tieulun.hopto.org

CHINH PHỤ NGÂM DIỄN ÂM

AI LÀ DỊCH GIẢ?

Bài *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn – *như đã nói ở phần trên* – đã được các nhà Nho rất trân trọng, coi là một áng văn hay.

Về sau có một số người đã đem diễn âm theo thể *song thất lục bát* như bài hiện nay vẫn được truyền tụng là của Đoàn Thị Điểm.

Sự truyền tụng đã trải qua nhiều đời nên đã trở thành một niềm tin chung và cũng là một niềm tự hào cho nữ giới vì có được một bậc văn tài như vậy.

Cho đến cuối thế kỷ thứ XIX, văn bản *Chinh phụ ngâm* cũng chưa được khắc in hoặc *đã được khắc in nhưng không còn lưu giữ được bản nào* nên chỉ được truyền bá bằng cách sao đi chép lại và bằng lối truyền miệng.

Mãi đến đầu thế kỷ thứ XX, năm Nhâm Dần, Thành Thái thứ 14 (1902) nhà Nho Vũ Hoạt mới cho khắc in bài *Chinh phụ ngâm* trong tập *Danh gia quốc âm* gồm ba bài: *Chinh phụ ngâm, Phan Trần* và *Cung oán ngâm khúc.*

Bài *Chinh phụ ngâm bị lục* được khắc in ở 34 tờ đầu, hàng tám; mỗi trang chia làm ba phần: giữa là Hán văn, dưới là diễn ca, trên là chú thích.

Vũ Hoạt trong *lời bạt* đã cho rằng Đoàn Thị Điểm là người đã dịch *Chinh phụ ngâm* ra quốc âm. Ông viết:

"Nhớ xưa Đặng tiên sinh làm sách ấy. *Đoàn phu nhân* diễn ra quốc âm. Trải qua bao năm, càng lâu thì khắc lại càng sai. Bù chỗ sót chữa chỗ ngờ, thì lão này đâu dám.

May sao, có ông bạn người làng Xuân Canh, tỉnh Bắc Ninh, họ Bùi, tự Trọng Đài, vốn là một nhà đã nhiều đời đi học. Trong nhà ông, trữ nhiều sách quý. Thấy lão áy náy về sự Chinh phụ ngâm có chỗ sót và đáng ngờ, ông đã sao di cảo mà ông còn có, rồi ông đem cho lão.

Lão nghĩ rằng bản ấy bổ ích không ít. Cho nên dám đem khắc toàn biên, để đãi các quân tử đời sau.

Năm Giáp Thìn, ngày rằm tháng bảy
Lão già 63 tuổi, hàm chánh thất văn giai,
họ Vũ, hiệu THIÊN KHẨU THỦY, kính cẩn xin trình."

(Hoàng Xuân Hãn *dịch*)

http://tieulun.hopto.org

Đến năm 1926, khi một người con cháu của dòng họ Phan Huy là Phan Huy Chiêm gửi thư cho Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến nói rằng *hiện nhà họ Phan còn giữ được bản chính Chinh phụ ngâm vừa chữ vừa Nôm* của Phan Huy Ích dịch thì vấn đề ai là dịch giả bèn được đặt lại.

Trên *Tạp chí Nam Phong* số 106, tháng 6 năm 1926 Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến có viết bài nói về *Phan Dụ Am tiên sinh văn tập*. Trong bài ấy ông có đưa ra bài thơ *ngẫu thuật* của Phan Huy Ích làm sau khi dịch xong bài *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn nguyên văn như sau:

Nhân Mục tiên sinh Chinh phụ ngâm,
Cao tình dật điệu bá từ lâm.
Cận lai khoái trá tương truyền tụng,
Đa hữu thôi xao vi diễn âm.
Vận luật hạt cùng văn mạch túy,
Thiên chương tu hướng nhạc thanh tầm.
Nhàn trung phiên dịch thành tân khúc,
Tự tín suy minh tác giả tâm.

Nghĩa là:

Bài Chinh phụ ngâm của Đặng tiên sinh người làng Nhân Mục (Mọc),
Tình cao điệu lạ đã được truyền bá khắp rừng văn.
Gần đây mọi người truyền tụng lấy làm thích thú lắm.
Đã có nhiều người cố tìm cách diễn ra quốc âm
Nhưng theo về âm luật thì dịch sao cho hết được cái tinh túy trong mạch văn.
Vậy phải theo từng thiên chương và hiệp với âm nhạc mà diễn ra thì mới được.
Nay nhân buổi nhàn hạ, ta dịch ra thành khúc mới (tân khúc).
Chắc tin rằng đã suy minh được lòng tác giả.

Ông Đông Châu lại yêu cầu ông Phan Huy Chiêm *hãy cho công bố bản diễn Nôm* của Phan Huy Ích để mọi người được biết nhưng ông Chiêm đã không công bố.

Tiếp theo sau đó, Trúc Khê Ngô Văn Triện, trên *Tiểu thuyết thứ bảy* số 4, tháng bảy năm 1944 và Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm trên *Tạp chí Tri Tân* số 113, ra ngày 23 tháng 9 năm 1943 cũng đã bàn thêm về vấn đề *Ai là dịch giả Chinh phụ ngâm?*

Hoa Bằng lại yêu cầu các con cháu nhà họ Phan *nên công bố bản dịch của ông Phan Huy Ích ra để gỡ cho xong một mối ngờ lớn về văn học này.*

Nhưng, mặc dầu có lời yêu cầu ấy của Hoa Bằng, ông Phan Huy Chiêm vẫn không công bố được.

http://tieulun.hopto.org

Có thể là nhà họ Phan chỉ căn cứ vào bài thơ ngẫu thuật của Phan Huy Ích mà nói như ở trên thôi chứ thực ra gia đình, con cháu đã không còn giữ được bản Nôm nào để công bố.

Nếu muốn cho rằng Phan Huy Ích là *dịch giả Chinh phụ ngâm* thì cũng phải có bằng cớ hẳn hoi chứ không thể chỉ dựa vào mỗi một bài thơ ngẫu thuật như vậy được.

Năm 1953, ông Hoàng Xuân Hãn cho xuất bản một công trình viết rất công phu, nhan đề: "Chinh phụ ngâm bị khảo" trong đó ông khẳng định rằng bản dịch lâu nay thông dụng là của Phan Huy Ích.

Đến năm 1964, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội cho in quyển *Chinh phụ ngâm* do Lại Ngọc Cang khảo thích và giới thiệu.

Ông Lại Ngọc Cang có ý dựa vào thuyết của Hoàng Xuân Hãn cho rằng Phan Huy Ích là *dịch giả Chinh phụ ngâm.*

Trong *lời nói đầu,* ông đã cho biết: "Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã cố gắng làm việc hết sức mình, mặt khác cũng đã nhận được nhiều sự giúp đỡ quý báu. Ngoài ông Phan Huy Sửu và một số người khác trong họ Phan Huy đã vui lòng cho biết mọi điều cần thiết trong dịp chúng tôi về Sài Sơn, tháng 7 năm 1961, đông đảo các vị và các bạn trong và ngoài giới nghiên cứu văn học... đã tận tình góp cho nhiều ý kiến bổ ích...

Thêm vào đó, các công trình phát hiện và nghiên cứu về Chinh phụ ngâm từ trước đến nay, nhất là cuốn Chinh phụ ngâm bị khảo của ông Hoàng Xuân Hãn, đã làm cho công việc của chúng tôi được dễ dàng hơn nhiều".

Lại Ngọc Cang ở đầu sách đã theo Hoàng Xuân Hãn mà coi Phan Huy Ích là dịch giả bản dịch *Chinh phụ ngâm* hiện hành. Ông đã cho rằng:

"Dù sao, với bản dịch *Chinh phụ ngâm* hiện hành, chẳng những Phan Huy Ích đã *"vạch rõ được tấm lòng của tác giả"* như ông đã tự tin, mà còn có những sự sáng tạo đáng kể, phát huy được sâu rộng hơn nữa tác dụng, giá trị của tác phẩm".

Tới đây, chúng tôi tưởng Lại Ngọc Cang đã dứt khoát theo Hoàng Xuân Hãn, nhưng sau đó ông lại thay đổi lập trường mà cho rằng:

"Việc coi Phan Huy Ích là dịch giả Chinh phụ ngâm có phần hơi sớm, vì đây mới chỉ là giả thuyết".

và ông đã viết rằng:

"Trong khi chờ đợi các công trình nghiên cứu đáng tin hơn[1]., người soạn (Lại Ngọc Cang) sẽ coi bản dịch Chinh phụ ngâm hiện hành như là một dịch phẩm hãy còn *khuyết danh,* chưa dứt khoát nên ghi rõ tên Phan Huy Ích hay Đoàn Thị Điểm".

---

1. Từ trang này về sau, tức từ trang 94 đến cuối sách.

http://tieulun.hopto.org

Chủ trương này thì cũng là chủ trương của Hoa Bằng đã đề nghị: "Trong khi chưa đủ chứng cớ mà phán đoán cái án văn học này vì chưa tìm được những nguồn chắc chắn để quả quyết bản dịch Chinh phụ ngâm hiện đang thông hành là của bà Đoàn Thị Điểm thì, thiết tưởng ta nên để "KHUYẾT DANH" ở bản dịch" [1].

Đến năm 1970, ông Nguyễn Văn Xuân đã tìm được ở Huế tập *Tân khắc Chinh phụ ngâm diễn âm từ khúc*. Quyển này gồm có:

Trang 1 đề: Gia Long thập tứ niên cốc nguyệt cát nhật. TÂN KHẮC CHINH PHỤ NGÂM DIỄN ÂM TỪ KHÚC Chính Trực đường.

Trang 2 đề: Tân san *Chinh phụ ngâm từ khúc* tự.

Trang 3 đề: *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc* nguyên tự.

Bài nguyên tựa chỉ có hai trang, mất trang tiếp theo nên không biết là của ai viết ra.

Trang 7 cho đến trang 32 là phần chép toàn bài *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc*.

Tuy bài "nguyên tựa" bị mất trang cuối, nhưng Nguyễn Văn Xuân vẫn cho đó là của Phan Huy Ích. Ông đã giải thích *"Tại sao biết đó là Tựa của Phan Huy Ích?"*:

"Sở dĩ tôi biết chắc chắn là của Phan Huy Ích vì nội dung của bài tựa giống hệt với tất cả những gì mà con cháu họ Phan cùng các nhà văn ở miền Bắc đã cho biết từ năm 1926". [2]

Ông tin chắc như vậy, nên đã gửi ngay cho Hoàng Xuân Hãn, tác giả *"Chinh phụ ngâm bị khảo"* mấy trang đầu của tập sách.

Ngày 5-5-1970, Hoàng Xuân Hãn đã trả lời ông như sau:

"Vừa nhận được bức thư ông báo tin đã tìm được bản TÂN SAN CHINH PHỤ NGÂM DIỄN ÂM TỪ KHÚC tôi hết sức mừng, và lập tức viết vài dòng về cảm ơn ông đã cho biết tin và đã gởi cho ba bức ảnh của bốn trang đầu.

Sự hiện hữu của bản sao này thật là quý và làm ngạc nhiên.

Thật rõ ràng đã có bản in năm đời Gia Long và nay không còn dấu vết trước khi thấy bản sao này! Tôi đã đọc kỹ bài nguyên tự. Rất tiếc rằng đã mất phần sau, vậy mất phần lạc khoản: năm, tháng, ngày và tên ký, nhưng đúng như ông đã đoán, chắc chắn rằng tác giả là Phan Huy Ích. Về thời điểm và sự kiện thì câu: *"Giáp Tý sơ xuân dư phụng ứng hầu sứ sự tại Bắc Thành* [3] *và* [4] *đúng vào cảnh ngộ Phan Huy Ích"*.

---

1. *Dịch phẩm "Chinh phụ ngâm" phải chăng của bà Đoàn Thị Điểm?*
2. C.P.N.D.A.T.K. trang 33.
3. C.P.N.D.A.T.K. trang 45 - 46.
4. Nguyễn Văn Xuân đã chú thích: *"Sơ xuân Giáp Tý (1804) tôi phụng mệnh ứng hầu việc sứ* (giữa ta và Trung Quốc) *ở Bắc Thành, Hà Nội"*.

http://tieulun.hopto.org

Chúng tôi cũng nhận thấy Nguyễn Văn Xuân đã có lý.

Cuối năm Quý Hợi (1803) Tổng trấn Bắc Thành đã triệu Phan Huy Ích ra để hỏi ý kiến về việc đón sứ thần nhà Thanh.

Sự việc này cũng trùng hợp với điều đã được ghi trong bản *nguyên tựa* của bản *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc* khắc in năm Gia Long thứ 14 (1815):

"Sơ xuân năm Giáp Tý (1804), tôi phụng mệnh ứng hầu việc sứ tại Bắc Thành (Hà Nội) trong lúc nhàn muộn, giở sách cũ ra đọc, nhân ngứa nghề, mới lấy nguyên ngâm kiểm điểm thật kỹ lưỡng, có câu rút ngắn, có ý kéo dài, đều dùng từ khúc cộng hai trăm lẻ bốn liên (408 câu). Tôi chỉ cốt ý cho rõ tinh thần lý mạch của nguyên tác, kẻ đọc sẽ lấy làm thỏa thích, chứ không có ý cạnh tranh..."

Hơn nữa, qua sự trình bày về cách diễn âm, chúng ta cũng thấy cùng một ý với trong bài thơ *Ngẫu hứng*:

Vận luật hạt cùng văn mạch túy,
Thiên chương tu hướng nhạc thanh tầm.
Nhàn trung phiên dịch thành tân khúc,
Tư tín suy minh tác giả tâm.

(Theo về âm luật thì dịch sao cho hết được tinh túy trong mạch văn. Vậy phải theo thiên chương và hiệp với âm nhạc mà diễn ra mới được. Nay nhân buổi nhàn đã dịch ra thành khúc mới. Chắc tin rằng suy minh được bụng của tác giả).

Nếu tiếp tục xem thêm trong *Dụ Am ngâm tập* của Phan Huy Ích chúng ta sẽ thấy vấn đề được sáng tỏ hơn.

Dụ Am ngâm tập là bộ sách chép khá đầy đủ các thơ văn của Phan Huy Ích, gồm 6 quyển. Quyển thứ VI nhan đề là *Vân du tùy bút*, gồm những bài làm từ năm Giáp Tý (1804) đến năm Giáp Tuất (1814).

Trong tập ấy có bài *"Sách phong lễ hoàn kỷ sự"* (Ghi việc làm lễ sách phong đã xong) và bài *"Tân diễn Chinh phụ ngâm khúc thành ngẫu thuật"*.

Đối chiếu với bài *nguyên tựa* trong *Chinh phụ ngâm khúc* của Chính Trực đường, chúng ta cũng thấy có nói đến việc "phụng mệnh ứng hầu việc sứ tại Bắc Thành năm Giáp Tý (1804) và cũng thấy nói đến trong lúc nhàn muộn mới đem nguyên ngâm ra dịch thành tân khúc dài hai trăm bốn liên (tức 408 câu).

Điều đáng nói hơn cả là trong 408 câu ấy có 17 câu khác hẳn với các bản *Chinh phụ ngâm* đã in mà lại giống hẳn với những câu trong bản của gia đình Phan Huy đã gửi cho Hoàng Xuân Hãn.

Rượu rồi múa cán Long Tuyền.
(c.35)

Nước mắt rơi vì ca quyên giọng,
Lá gan mềm bởi trống tiều khua.

http://tieulun.hopto.org

Võ vàng đối khác hình thù,
Nỗi khuê ly biết mùi chua dường này.
(c.249 - c.252)

Bến Mộc che ngọn tần rữa nước,
Trông cỏ xanh dâu lục ngút xa.
Nam thôn gió bụi mấy nhà,
Đàn âu lộ dựng bình sa lúc chiều.
Đường dập dìu thảo đình mấy nóc,
Trông cây ngô, núi Thục bên mây.
Bắc thành ngọn lúa chen dày,
Địch trên lầu thổi, mưa xây thét dài.
(c.273 - c.280)

Non đông thấy lá rơi đầy đống,
Trĩ dập dìu mai cũng nhởn nhơ
Ngàn khơi khói tỏa mịt mờ,
Con chim bạt gió lo bì nảm kêu.
(c.281 - c.284)

Hoàng Xuân Hãn khi chưa có bản *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc* chỉ nhận định rằng:

"Tôi cũng đã kể những lẽ chứng thật sự ấy [1]. Trong đó lẽ chính là người họ Phan còn giữ được bản cũ bài diễn ca. Nếu bài ấy cũng y hẳn như bài ta biết, thì ta còn có thể nghĩ rằng người họ Phan đã tự gán bài kia cho ông tổ mình. Nhưng bài ấy có mười ba vế khác hẳn loại thường, khác mà lại kém hay. Không lẽ rằng họ Phan đã tự chữa ra như vậy. Thế đủ chứng minh rằng bản của người họ Phan là nguyên thoại của Phan Huy Ích".

(C.P.N.B.K. trang 50)

Nay Nguyễn Văn Xuân đã tìm được bản khắc in (chép lại) từ năm Gia Long thứ 14 (1815) mà những câu khác hẳn kia lại giống hẳn với những câu trong bản của gia đình họ Phan thì chúng ta có thể tin được là bản dịch *Chinh phụ ngâm khúc* hiện hành (tức bản A trong quyển Chinh phụ ngâm bị khảo) là của Phan Huy Ích, còn bản B hoặc bản C trong *Chinh phụ ngâm bị khảo* mà Hoàng Xuân Hãn đã sưu tầm được thì là của Đoàn Thị Điểm.

Vậy xin tạm kết luận là bản dịch *Chinh phụ ngâm* hiện hành là của Phan Huy Ích.

---

1. Tức là sự "tưởng lầm bài dịch *Chinh phụ ngâm khúc* là của Đoàn Thị Điểm."

http://tieulun.hopto.org

PHAN HUY ÍCH

(1751 - 1822)

Phan Huy Ích có quê tổ ở làng Thu Hoạch, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Thân phụ là Phan Huy Cẩn, đậu Tiến sĩ năm 1754, ra làm quan ở Thăng Long rồi định cư ở làng Thụy Khuê, huyện An Sơn, xứ Sơn Tây (nay là ở huyện Quốc Oai thuộc tỉnh Hà Tây).

Ông sinh năm 1751. Lúc nhỏ, rất thông minh. Năm 22 tuổi đậu Hương cống trường Nghệ An. Năm 25 tuổi (1775) đậu Hội nguyên (Tiến sĩ).

Năm 1785 ông được bổ làm Đốc đồng ở Thanh Hóa. Sau khi Trịnh Bồng lên ngôi Chúa (Yến Đô Vương), ông được sung chức Tán lý quân vụ ở Thanh Nghệ để chống lại quân của Nguyễn Hữu Chỉnh ở Nghệ An. Năm 1787, ông bị Nguyễn Hữu Chỉnh bắt nhưng lại được dùng vào việc hàn lâm. Khi Chỉnh bị quân Tây Sơn giết, ông phải đi ẩn tránh.

Năm 1788, Nguyễn Huệ cho tìm ông và dùng ông làm Thị lang Bộ Hình và ban tước hầu. Khi Nguyễn Huệ xưng đế, hiệu Quang Trung, ông được cử đi sứ ở Bắc Kinh cùng Ngô Thời Nhậm (1789). Khi trở về, ông được cử làm Thị trung Ngự sử.

Khi vua Cảnh Thịnh bị Nguyễn Ánh đánh bại, ông lại phải trốn tránh.

Buổi đầu đời Gia Long, ông tuy bị làm nhục (bị đánh đòn và bị sa thải), nhưng về sau Tổng trấn Bắc Thành là Nguyễn Văn Thành biết tài ông, lại cho gọi ra giúp về từ hàn trong cuộc đón tiếp sứ nhà Thanh (1803). Chính trong thời gian này, những lúc nhàn rỗi, ông đã dịch bài *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn.

Sau ông xin về an dưỡng ở làng Thụy Khuê và mất năm 1822, thọ 72 tuổi.

Tác phẩm thơ văn chữ Hán của ông nay còn hai tập *Dụ Am ngâm lục* và *Dụ Am văn tập*.

http://tieulun.hopto.org

VẤN ĐỀ KHẢO ĐÍNH VÀ CHÚ GIẢI CHINH PHỤ NGÂM

Bản *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc* hiện nay đã được coi là của Phan Huy Ích. Điều này chưa được tất cả mọi người chấp nhận, nhưng chúng tôi xét thấy công trình nghiên cứu và sưu tầm của Hoàng Xuân Hãn và Nguyễn Văn Xuân đã có những chứng cớ khá cụ thể. Vậy xin được ghi tên Phan Huy Ích là dịch giả của bản hiện được lưu hành.

Bản hiện được lưu hành là bản đã qua sửa chữa của nhiều người vì sự phổ biến được diễn ra phần lớn bằng lối sao chép từ người nọ qua người kia và bằng lối truyền miệng. Người ta học thuộc lòng và rồi cứ đọc cho nhau, nếu chỗ nào không thuận miệng thì lại sửa lại. Do đó, bản *Chinh phụ ngâm* càng về sau càng mất đi những chữ cổ và trở thành hiện đại.

Vấn đề **khảo đính** bài *Chinh phụ ngâm* cũng rất phức tạp:

– Nếu khôi phục các *chữ cổ* thì lại xa lạ với người đọc vốn đã quen với bản lưu hành.

– Nếu theo bản lưu hành thì lại phạm vào nguyên tắc khảo đính, không tôn trọng nguyên bản.

Chúng tôi đành phải dung hòa, nếu chỗ nào ở bản lưu hành mà sai hẳn nghĩa với nguyên tác của Đặng Trần Côn thì chúng tôi phục hồi lại *chữ cổ*, nếu chỗ nào ở bản lưu hành mà hợp nghĩa và hay hơn ở bản diễn âm thì chúng tôi cứ để nguyên.

Điều này cũng không khác gì ở trong *Truyện Kiều* có nhiều chữ ở bản Nôm viết một đằng mà các bản Quốc ngữ lại chép theo một nẻo, theo sự sửa chữa của những người ái văn.

Thí dụ như câu 6: *"Trời xanh quen* **thói** *má hồng đánh ghen"*, các bản Nôm viết 𠄩 (với) nhưng các bản Quốc ngữ ngày nay cứ chép là "thói".

Câu 247: *"Sầu đong càng* **lắc** *càng đầy"*, các bản Nôm hoặc chép là *"Sầu đong càng khắc càng đầy"* hoặc chép là *"Sầu đong càng gạt càng đầy"* hoặc nữa là *"Sầu đong càng khắc càng chầy"* nhưng các bản Quốc ngữ hầu hết cứ chép là *"Sầu đong càng* **lắc** *càng đầy"*.

Thế thì việc phục hồi lại nguyên bản diễn âm cũng là một vấn đề khó thực hiện, do đó chúng tôi đã dựa theo một số bản Nôm và Quốc ngữ rồi lập

http://tieulun.hopto.org

lại một văn bản có thể được nhiều người chấp nhận, nhưng chúng tôi *tuyệt đối không đặt ra một chữ mới nào.*

Các bản chữ Nôm và Quốc ngữ mà chúng tôi dùng làm tài liệu để khảo dị gồm có:

– Bản Nôm:

Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc	Chính Trực đường
Chinh phụ ngâm diễn ca	Tân Việt
(bản viết tay)	

– Bản Quốc ngữ:

Chinh phụ ngâm khúc dẫn giải	Nguyễn Đỗ Mục
Chinh phụ ngâm	Nguyễn Quang Oánh
Chinh phụ ngâm bị khảo	Hoàng Xuân Hãn

Sau khi đã đọc và so sánh các bản *Chinh phụ ngâm* kể trên, chúng tôi đã làm khảo đính để lập lại văn bản.

Ở trên chúng tôi đã nói về **khảo đính** còn về **chú giải** thì vấn đề này có phần đỡ phức tạp hơn. Chúng tôi phải nói ngay là đã thừa hưởng được rất nhiều ở những người đi trước, nhưng chúng tôi cũng cố tìm hiểu thêm cho được chính xác hơn.

http://tieulun.hopto.org

CÁC BẢN CHINH PHỤ NGÂM KHÚC

Bài *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn đã được nhiều người dịch hoặc phỏng dịch. Vấn đề này chúng tôi đã nói trong phần *"Ai là dịch giả?"*.

Trong phần này chúng tôi chỉ nói về *các ấn bản Chinh phụ ngâm khúc* bằng chữ *Nôm* hoặc bằng chữ *Quốc ngữ* đã được in ra từ trước đến nay và hiện còn lưu giữ được.

Chữ Nôm:

1. *Chinh phụ ngâm bị lục* (Danh gia quốc âm)	Long Hòa, Hà Nội, 1902
2. *Chinh phụ ngâm*	Trường Thịnh đường Hà Nội (không ghi năm in)
3. *Chinh phụ ngâm bị lục* (Danh gia quốc âm)	Liễu Văn đường Hà Nội , 1922
4. *Chinh phụ ngâm diễn ca* (Bản viết tay in trong Chinh phụ ngâm khúc của Tôn Thất Lương dẫn giải và chú thích)	Tân Việt - lần in thứ ba Sài Gòn, 1953
5. *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc.* (Bản viết tay in trong Chinh phụ ngâm tân khúc do Nguyễn Văn Xuân sưu tầm)	Lá Bối, Sài Gòn, 1972

Chữ Quốc ngữ:

1. *Chinh phụ ngâm*	Xuân Lan Văn Minh. In lần thứ ba. Hà Nội - Hải Phòng, 1913
2. *Chinh phụ ngâm*	Nguyễn Hữu Tĩnh Vĩnh Thành. In lần thứ hai Hà Nội, 1922

http://tieulun.hopto.org

3. *Chinh phụ ngâm*	Cao Đình Nam Khương Hữu Trim. In lần thứ hai Bến Tre, 1929
4. *Chinh phụ ngâm khúc dẫn giải*	Nguyễn Đỗ Mục Tân Dân. In lần thứ nhất Hà Nội, 1929 Tái bản trong Tủ sách Tao Đàn Hà Nội, 1942
5. *Chinh phụ ngâm khúc* (Ngâm khúc)	Nguyễn Quang Oánh Vĩnh Hưng Long. In lần thứ nhất Hà Nội, 1930
6. *Chinh phụ ngâm dẫn giải*	(?) Ngày Mai, Hà Nội, 1949 (?)
7. *Chinh phụ ngâm giảng luận*	Thuần Phong Lê Văn Cang. In lần thứ nhất. Sài Gòn, 1951
8.*Chinh phụ ngâm bị khảo*	Hoàng Xuân Hãn Minh Tân. In lần thứ nhất Paris, 1953
9. *Chinh phụ ngâm diễn ca*	Hoàng Xuân Hãn Minh Tân, Paris, 1954
10. *Chinh phụ ngâm*	Lại Ngọc Cang Văn Học. In lần thứ nhất Hà Nội, 1964
11. *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc*	Nguyễn Văn Xuân Lá Bối. In lần thứ nhất Sài Gòn, 1972
12. *Chinh phụ ngâm diễn ca*	Nguyễn Thạch Giang Văn Học, Hà Nội, 1987

http://tieulun.hopto.org

Trong số các ấn bản *Chinh phụ ngâm khúc* kể trên, chúng tôi xin nói về mấy bản có giá trị hơn cả về mặt tham khảo:

1. *Bản Trường Thịnh*

Bản này được phường Hàng Gai đem khắc bán nhưng không ghi năm tháng in. Theo Hoàng Xuân Hãn thì *"chắc chắn là cuối đời Tự Đức đã có bản khắc"*, vì "Thư viện Trường Đông phương Sinh ngữ tại Paris trước có một bản in, đem về khoảng ấy".

Bản này khổ nhỏ 11,5cm x 17 cm gồm 19 tờ hàng10, có thể đã được khắc theo một bản Nôm cổ.

2. *Bản Long Hòa*

Bản này do Vũ Hoạt, hiệu Thiên Khẩu Thủy cho khắc in và do hiệu Long Hòa ở 93 Hàng Thiếc Hà Nội xuất bản.

Trong lời bạt, Vũ Hoạt cho biết đã được một người bạn họ Bùi, tự Trọng Đài, quê làng Xuân Cảnh tỉnh Bắc Ninh sao cho *di cảo* mà gia đình họ còn giữ được.

Ông còn giới thiệu: *"Nhớ xưa Đặng tiên sinh làm sách ấy*, Đoàn *phu nhân diễn ra quốc âm"*. Như vậy bản này đã ghi dịch giả bài *Chinh phụ ngâm khúc* là Đoàn Thị Điểm.

Nếu so toàn bài in trong bản Long Hòa với bản Trường Thịnh thì hai bản cũng chỉ khác nhau về tiểu tiết thôi, có thể do Vũ Hoạt đã sửa chữa dựa theo bản Hán văn.

3. *Bản Nôm Chinh phụ ngâm diễn ca* (viết tay) in trong *Chinh phụ ngâm khúc* của Vân Bình Tôn Thất Lương dẫn giải và chú thích.

Bản Nôm này viết theo kiểu chữ thảo, khá đẹp. Vân Bình Tôn Thất Lương đã cho in ở phần cuối sách để làm tài liệu tham khảo nhưng khi đem đối chiếu với bản Quốc ngữ thì lại có nhiều chỗ không đúng với phần chữ Nôm.

Bản Nôm in trong quyển *Chinh phụ ngâm khúc* của Nhà xuất bản Tân Việt tuy có nhiều khác biệt nếu so với bản Quốc ngữ của Tôn Thất Lương sao lục (có thể là theo bản Nguyễn Quang Oánh phiên âm hoặc bản Nguyễn Đỗ Mục) nhưng cũng là một bản Nôm có giá trị vì có thể giúp chúng ta cải chính được một vài chữ mà các bản Nôm hoặc Quốc ngữ khác đã sai lầm.

4. *Bản Nôm* in trong *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc* của Lá Bối xuất bản.

Bản Nôm này, Nguyễn Văn Xuân đã tìm được ngày 14 tháng 3 năm 1970 (mồng 7 tháng giêng năm Canh Tuất) trong tủ sách một bà chúa tiếng tăm ở Huế. Bản này dài 408 câu vì không có 4 câu:

http://tieulun.hopto.org

Mảnh trăng tỏ thường soi bên gối,
Bừng mắt trông sương gội cành khô.
Lạnh lùng thay bấy chiều thu,
Gió may hiu hắt trên đầu tường vôi.
(c.317 - 320)

Theo tờ bìa ngoài thì bản này được chép lại từ một bản đã được khắc in từ năm Gia Long thứ 14 (1815) do *Chính Trực đường hiệu tử* nhưng không biết rõ ai là dịch giả vì trang cuối của nguyên tựa bị rách mất. Nguyễn Văn Xuân cho bản dịch này là của Phan Huy Ích vì nội dung bài *tựa* [1] giống hệt với tất cả những gì mà con cháu họ Phan cùng các nhà văn ở miền Bắc đã cho biết từ năm 1926. Điều này cũng có thể tin được vì[2] bài dịch này lại có những câu giống với bản của gia đình họ Phan Huy trao cho Hoàng Xuân Hãn và không giống với bất cứ bản nào khác.

5. Bản *Chinh phụ ngâm khúc dẫn giải* của Nguyễn Đỗ Mục.

Bản này có nguyên văn bản chữ Hán của Đặng Trần Côn. Nguyễn Đỗ Mục có dịch âm dịch nghĩa và chú thích. Bản diễn âm sang chữ Nôm đã được Nguyễn Đỗ Mục phiên âm sang chữ Quốc ngữ nhưng không thấy nói đã dựa theo bản Nôm nào. Có thể ông đã dựa vào bản Trường Thịnh (vì chỉ dài có 408 câu) và cũng có tham khảo cả bản *Long Hòa* nên có những câu giống với bản này lại có những câu giống bản kia. Ông lại không theo hẳn các bản để phiên âm nên có những chữ cổ đã được chữa lại theo văn mới về sau cho dễ hiểu hơn.

6. Bản *Chinh phụ ngâm* của Nguyễn Quang Oánh chú giải.

Bản này có nguyên văn bản chữ Hán của Đặng Trần Côn nhưng chỉ có phiên âm mà không có dịch nghĩa và chú giải như bản của Nguyễn Đỗ Mục. *Bản này không có in kèm bản Nôm như Lại Ngọc Cang đã giới thiệu* [3].

Nguyễn Quang Oánh cũng không cho biết đã phiên âm theo bản Nôm nào nhưng căn cứ vào tổng số câu (412 câu) thì có thể biết ông đã theo bản Long Hòa.

Bản này được chú thích rõ ràng nên cũng đáng kể là một bản tốt để tham khảo.

---

1. *"Sơ xuân năm Giáp Tý (1804) tôi phụng ứng hầu việc sứ tại Bắc Thành, trong lúc nhàn muộn dở sách cũ ra đọc nhân ngứa nghề mới lấy nguyên ngâm, kiểm điểm thật kỹ lưỡng, có câu rút ngắn, có ý kéo dài, đều dùng từ khúc cộng hai trăm bốn liên (408 câu). Tôi chỉ cốt cho rõ tinh thần lý mạch của nguyên tác, kẻ đọc sẽ lấy làm thỏa thích, chứ không có ý cạnh tranh..."*

2. Cuối năm 1803, vua Gia Long lại đòi Phan Huy Ích ra để hỏi han về việc tiếp sứ Thanh tới phong. Ông lại một phen đem văn tự ra giúp việc bang giao cho triều mới. CPNBK. Trang 47.

Sau đó, Huy Ích có làm bài *Sách phong lễ hoàn kỷ sự* CPNDÂTK. Trang 41.

3. Chắc Lại Ngọc Cang đã không có bản này vì không thấy ghi trong phần sách tham khảo.

http://tieulun.hopto.org

7. *Chinh phụ ngâm khúc giảng luận* của Thuần Phong.

Bản này gồm hai phần: phần *khảo luận* (từ trang 15 đến trang 146) và phần *dẫn giải Chinh phụ ngâm khúc* (từ trang 149 đến trang 250).

Trong phần *khảo luận,* Thuần Phong có đặt vấn đề "Ai là dịch giả" bài Chinh phụ ngâm khúc của Đặng Trần Côn và có khảo chứng qua các sách báo để đi đến kết luận rằng: "Bà Đoàn Thị Điểm chính là tác giả của bản Chinh phụ ngâm khúc diễn Nôm hiện hành".

Trong phần *dẫn giải Chinh phụ ngâm khúc,* Thuần Phong có làm khảo dị nhưng không ghi rõ là bản nào nên thiếu chính xác. Người đọc cũng không thể kiểm chứng lại được. Hơn nữa văn bản cũng không có ghi là đã được phiên âm từ bản nào nên việc nghiên cứu về văn bản cũng thiếu hẳn cơ sở khoa học.

Nếu tính theo số câu thì bản này dài 412 câu như bản Long Hòa và có thể Thuần Phong đã dựa vào bản Quốc ngữ của Nguyễn Quang Oánh để lập lại văn bản vì trong phần sách tham khảo ông đã không sưu tầm được một bản Nôm nào, nhưng đây cũng là bản dẫn giải tốt, đáng được dùng làm tài liệu tham khảo.

8. *Chinh phụ ngâm bị khảo* của Hoàng Xuân Hãn. Đây là một quyển sách biên khảo công phu. Soạn giả đã sưu tầm được 4 bài diễn Nôm:

Bài A: soạn giả cho là của Phan Huy Ích

Bài B: soạn giả cho là của Đoàn Thị Điểm

Bài C: soạn giả đoán là của Nguyễn Khản

Bài D: soạn giả ghi là vô danh

và 3 bài phỏng dịch:

Bài E: của Bạch Liên Am Nguyễn

Bài F: Vô danh

Bài G: Vô danh

Soạn giả sau khi nghiên cứu về các bản sưu tầm được đã có nhận xét:

"Theo tục truyền, rồi theo các sách giáo khoa, chúng ta đã yên trí rằng áng văn ấy là của một thiếu phụ có danh nhất trong làng văn nước ta: Hồng Hà nữ sĩ Đoàn Thị Điểm. Thế mà sự thực lại khác. Tác giả bài văn Nôm nổi tiếng kia là Phan Huy Ích, một danh nhân đời Lê mạt và đời Nguyễn Tây Sơn". (Tựa trang 3)

Soạn giả đã căn cứ vào bài thơ của Phan Huy Ích làm sau khi đã dịch bài *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn. Soạn giả cũng có nhận được của gia đình họ Phan bài dịch *Chinh phụ ngâm*, nhưng chỉ là bản đã được phiên âm sang Quốc ngữ chứ không phải là bản Nôm. Bản dịch ấy có 13 câu khác hẳn với các bản Nôm và Quốc ngữ khác.

Hoàng Xuân Hãn cho đó là bằng chứng đủ tin rằng bản của gia đình họ

http://tieulun.hopto.org

Phan là nguyên bản của Phan Huy Ích dịch.

Nhưng nhiều người còn ngờ vực vì gia đình Phan Huy không đưa ra được bản *chữ* và bản *nôm* như Phan Huy Chiêm đã nói với Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến.

9. *Chinh phụ ngâm* Lại Ngọc Cang khảo thích và giới thiệu.

Bản này gồm có hai phần: phần *khảo luận* (từ trang 9 đến trang 147), và phần *văn bản* từ trang 151 đến trang 381, (có in cả 4 bài A, B, C, D trong Chinh phụ ngâm bị khảo) có hiệu đính và chú thích bản dịch hiện hành. Bản dịch hiện hành, trong đoạn mở đầu phần khảo luận, Lại Ngọc Cang đã có ý nghiêng về thuyết của Hoàng Xuân Hãn mà cho Phan Huy Ích là dịch giả. Nhưng rồi ông lại do dự mà tỏ bày ý kiến rằng: *"Song hình như kết luận này* [1] *có phần hơi sớm vì đây mới chỉ là một giả thuyết. Vậy trong khi chờ đợi các công trình nghiên cứu đáng tin hơn, từ trang này* [2] *trở về sau, người soạn sẽ coi bản dịch Chinh phụ ngâm hiện hành như là một dịch phẩm hãy còn KHUYẾT DANH, chưa dứt khoát nên ghi rõ tên Phan Huy Ích hay Đoàn Thị Điểm".*

Có thể nói bản *Chinh phụ ngâm* của Lại Ngọc Cang khảo thích và giới thiệu cũng là một bản có giá trị đáng được dùng làm tài liệu tham khảo.

10. *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc*

Bản này do Nguyễn Văn Xuân sưu tầm được vào ngày 14 tháng 3 năm 1970 (mồng 7 tháng Giêng năm Canh Tuất).

Nếu theo tờ bìa chép lại thì bản này đã được khắc in từ năm *Gia Long thứ 14* (1815) do Chính Trực đường hiệu tử [3] và đã được chép lại cẩn thận như là in vậy.

Bản này có hai bài tựa:

– Bài *tựa* của nhà khắc in Trung Hòa hiệu (có dấu ấn của Chính Trực đường hiệu tử và Trung Hòa hiệu đồ thư) cho biết năm khắc in: Ất Hợi (1815).

– Bài *nguyên tựa* của dịch giả cho biết đã dịch *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn vào năm Giáp Tý (1804) lúc phụng mệnh ứng hầu việc sứ tại Bắc Thành.

Vì trang cuối của bài tựa bị rách mất nên không biết người viết bài tựa, tức dịch giả là ai.

Nguyễn Văn Xuân cho rằng người viết bài tựa này là Phan Huy Ích vì nội dung *bài tựa* giống hệt với tất cả những gì mà con cháu họ Phan cùng các nhà văn ở miền Bắc đã cho biết từ năm 1926.

Theo chúng tôi nghĩ thì ngoài các lý do mà ông Nguyễn Văn Xuân đã nêu còn có một chứng cớ nữa đáng để chúng ta tin: đó là những câu thơ ở hai bản

---

1. Tức kết luận Phan Huy Ích là dịch giả.
2. Từ trang 94.
3. *Tử*: khắc chữ lên bản gỗ.

http://tieulun.hopto.org

(bản của gia đình Phan Huy và bản của Chính Trực đường) giống hẳn nhau mà các bản khác đều không có.

Qua các bản Chinh phụ ngâm đã trình bày ở trên, chúng tôi nhận thấy bản *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc* của Chính Trực đường khắc in năm Gia Long thứ 14 (1815) là cổ nhất.

Bản chép tay này do Nguyễn Văn Xuân sưu tầm được có thể coi là bản do Phan Huy Ích dịch.

Chúng tôi đã chọn bản ấy làm bản chính để khảo dị và chú thích.

*

* *

http://tieulun.hopto.org

BẢN A (Phan Huy Ích)

CHINH PHỤ NGÂM KHÚC

Thủa trời đất nổi cơn gió bụi, [1]
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên. [2]
Xanh kia [3] thăm thẳm từng trên,
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này?
Trống Tràng Thành [4] lung lay bóng nguyệt,
Khói Cam Tuyền [5] mờ mịt thức mây.
Chín lần [6] gươm báu trao tay,
Nửa đêm truyền hịch [7] định ngày xuất chinh [8]
Nước thanh bình [9] ba trăm năm cũ,
Áo nhung [10] trao quan vũ từ đây.
Sứ trời [11] sớm giục đường mây,

Khảo dị:

5. Trống Tràng *An* lung lay bóng nguyệt (HXH)

6. *Lửa* Cam Tuyền *rực rệt* thức mây (HXH)

7. Chín lần gươm báu *chống* tay (HXH)

Chú thích:

1. *Gió bụi:* nghĩa bóng chỉ sự loạn lạc lầm than khổ sở.

2. *Truân chuyên: (truân:* khó khăn; *chuyên:* khó đi, không bước tới được) gian nan khổ sở.

3. *Xanh kia:* tức là ông trời kia.

4. *Trống Tràng Thành:* tiếng trống ở lũy Tràng Thành (phía gần với kinh đô Tràng An), báo tin có giặc xâm lấn vào biên thùy.

Cũng có thể hiểu *Tràng Thành* là thành ở Tràng An. Chữ *"thành"* thuộc trường bình thanh làm cho câu thơ có âm hưởng hơn là chữ *"an"* thuộc đoản bình thanh.

5. *Khói Cam Tuyền: (Tuyền:* cũng đọc là *Toàn)* khói ở núi Cam Tuyền báo tin có giặc.

6. *Chín lần:* (do chữ *cửu trùng)* chỗ điện nhà vua thường xây chín bậc nên *cửu trùng* cũng chỉ nhà vua.

7. *Truyền hịch:* truyền lời của nhà vua báo tin có giặc, kể tội giặc và kêu gọi dân quân chống lại giặc.

8. *Xuất chinh:* đem quân đi đánh giặc.

9. *Thanh bình: (thanh:* trong sạch, không có bụi bậm, không có giặc giã) yên ổn, không có giặc giã.

10. *Áo nhung: (nhung:* đồ quân trang, đồ binh khí) áo trận, áo giáp. Cũng gọi là *chiến bào.*

11. *Sứ trời:* sứ giả truyền mệnh lệnh của nhà vua.

http://tieulun.hopto.org

Phép công là trọng, niềm tây [1] sá nào.
Đường giong ruổi lưng đeo cung tiễn, [2]
Buổi tiễn đưa lòng bận thê noa.[3]
Bóng cờ, tiếng trống xa xa,
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.
Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt, [4]
Xếp bút nghiên theo việc đao cung.
Thành liền [5] mong tiến bệ rồng,
Thước gươm đã quyết chẳng dong giặc trời. [6]
Chí làm trai dặm nghìn da ngựa, [7]
Gieo Thái Sơn [8] nhẹ tựa hồng mao. [9]
Giã nhà đeo bức chiến bào,
Thét roi cầu Vị [10] ào ào gió thu.
Ngoài đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non,
Đưa chàng lòng dặc dặc buồn,

Khảo dị:

14. Buổi tiễn đưa lòng *vướng* thê noa (NQO)
Buổi tiễn đưa lòng *bịn* thê noa (HXH)
18. *Nép* bút nghiên theo việc đao cung (HXH)
22. Gieo Thái Sơn nhẹ *nhữ* hồng mao (HXH)
25. *Ngòi* đầu cầu nước trong như lọc (HXH)
27. Đưa chàng lòng *dằng* dặc buồn (NQO – HXH)

Chú thích:

1. *Niềm tây:* niềm riêng.

2. *Cung tiễn: (tiễn:* cái tên) cung tên.

3. *Thê noa: (thê:* vợ, *noa:* con) vợ con.

4. *Hào kiệt: (hào:* kẻ tài trí hơn trăm người, *kiệt:* kẻ tài trí hơn muôn người) kẻ có tài năng hơn mọi người.

5. *Thành liền:* ý nói đánh chiếm được mấy thành liên tiếp.

6. *Giặc trời:* do chữ *thiên kiêu* ý nói quân giặc mạnh ví với đứa con kiêu căng của trời. *Hán thư* có câu: *"Hồ giả thiên chi kiêu tử"* nghĩa là giặc Hồ kia tức là đứa con kiêu *(kiêu tử)* của trời vậy.

7. *Da ngựa:* ý nói kẻ làm trai nên chết ở nơi chiến trường lấy da ngựa bọc thây.

8. *Thái Sơn:* một ngọn núi ở tỉnh Sơn Đông.

9. *Hồng mao:* lông con chim hồng. Cả câu ý nói coi cái chết nhẹ tựa lông hồng.

10. *Cầu Vị:* cầu trên sông Vị, cách kinh đô Hàm Dương 20 dặm về phía đông nam. Xưa vua Thái Tông đời Đường đã đem quân qua đó để đi đánh rợ Đột Quyết.

http://tieulun.hopto.org

Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền. [1]
Nước có chảy, mà phiền chẳng giã,
Cỏ có thơm, mà dạ chẳng khuây.
Nhủ rồi nhủ, lại cầm tay,
Bước đi một bước dây dây lại dừng.
Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi.
Chàng sầu xa tìm cõi Thiên San. [2]
Đặt chén tiễn, múa Long Toàn, [3]
Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo. [4]
Săn Lâu Lan [5] rằng theo Giới Tử, [6]
Tới Man Khê [7] bàn sự Phục Ba. [8]
Áo chàng đỏ tựa ráng pha,
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.
Tiếng nhạc ngựa lần chen tiếng trống,
Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay.

Khảo dị:

29. Nước *trong* chảy *lòng* phiền chẳng *rửa* (NQO)
30. Cỏ có thơm mà *nhớ khó quên* (NĐM)
    Cỏ *xanh* thơm *dạ nhớ* chẳng khuây (NQO)
32. Bước đi một bước *lại vin áo chàng* (NQO)
34. *Dạ chàng xa muôn dặm* Thiên *Sơn* (NQO)
    Lòng chàng toan băng cõi non Thiên (HXH)
35 *Múa gươm rượu tiễn chưa tàn* (NĐM)
    Rượu thôi múa cán Long Tuyền ((HXH)
38. *Dẹp Nam* Khê bàn sự Phục Ba (NQO)

Chú thích:

1. *Bộ khôn... bằng thuyền:* cả câu này tả cái tâm cảnh của người chinh phụ lúc đưa chồng lên đường, tự giận mình không bằng chiếc thuyền dưới nước, con ngựa ở trên bộ để được cùng đi với người chinh phu.

2. *Thiên San:* 千山 tên núi ở phía Nam huyện Liêu Dương, tỉnh Phụng Thiên. Nhà Đường đi đánh Cao Ly thường đóng quân ở đấy. Đừng lầm với *Thiên Sơn* 天山 là rặng núi ở Tân Cương.

Cõi Thiên San: chỉ nơi giặc đóng, chỗ chiến trường.

3. *Long Toàn:* (cũng đọc là *Long Tuyền)* tên một thanh gươm quý.

4. *Hang beo:* theo điển thì là *hang hổ* nhưng ở đây phải đổi ra *hang beo* cho đúng thanh bằng và để hiệp vần. Cả câu ý nói có vào sào huyệt của giặc thì mới giết được giặc.

5. *Lâu Lan:* một nước nhỏ ở đời Tây Hán, nay thuộc tỉnh Tân Cương.

6. *Giới Tử:* Phó Giới Tử đời Hán Chiêu Đế, đã dùng mưu giết được vua nước Lâu Lan.

7. *Man Khê:* tên một rợ ở phía Nam Trung Quốc, bị Mã Viện là tướng nhà Hán đánh thua.

8. *Phục Ba:* vua Hán sai Mã Viện đi đánh rợ Man Khê. Khi thắng trận trở về, vua phong cho làm Phục Ba tướng quân.

http://tieulun.hopto.org

Hà lương [1] chia rẽ đường này,
Bên đường trông lá cờ bay ngùi ngùi,
Quân trước đã gần ngoài doanh Liễu, [2]
Kỵ sau còn khuất nẻo Tràng Dương. [3]
Quân đưa chàng ruổi lên đường,
Liễu dương [4] biết thiếp đoạn trường [5] này chăng?
Tiếng địch trổi nghe chừng đồng vọng,
Hàng cờ bay trông bóng phất phơ.
Dấu chàng theo lớp mây đưa,
Thiếp nhìn rặng núi ngẩn ngơ nỗi nhà.
Chàng thì đi cõi xa mưa gió,
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.
Đoái trông theo đã cách ngăn,
Tuôn màu mây biếc trải ngần núi xanh.

Khảo dị:

43. Hà Lương chia *ghẽ* đường này (HXH)
44. Bên đường trông *bóng* cờ bay ngùi ngùi (NQO)
45 *Xe* trước đã gần ngoài doanh liễu (HXH)
46. *Ngựa* sau còn *ở* nẻo Tràng Dương (NQO)
    Kỵ sau còn *ngút* nẻo *Trường* Dương (HXH)
49. Tiếng địch *thổi xa* chừng *lăng lắc* (NQO)
    Tiếng địch *thổi* nghe chừng đồng vọng (NĐM)
50. Hàng cờ bay *bóng ngất mờ mờ* (NQO)
    Hàng cờ *đi* trông bóng phất phơ (HXH)
51. *Dứt tay* theo lớp mây đưa (NQO)
53. Chàng thì *trảy* cõi xa mưa gió (NQO)
54. Thiếp thì về *phòng* cũ chiếu chăn (NQO)
    Thiếp *lại* về buồng cũ chiếu chăn (HXH)

Chú thích:

1. *Hà lương: (hà:* sông, *lương:* cầu).
   Thơ Lý Lăng viết cho Tô Vũ có câu rằng:
   "Huề thư thượng hà lương, du tử mộ hà chi"
   (Dắt tay nhau lên cầu trên sông, khách du tử tối nay đi đâu)
   Sau chữ hà lương *được dùng để chỉ nơi tiễn biệt.*
2. *Doanh Liễu:* tức là doanh Tế Liễu ở tỉnh Thiểm Tây.
3. *Tràng Dương:* tên một huyện ở tỉnh Hồ Bắc.
4. *Liễu dương:* cây dương liễu.
5. *Đoạn trường:* đau đớn như đứt ruột.

Người chinh phụ tự hỏi: không biết những cây dương liễu bên đường có biết đến nỗi đau khổ đến đứt ruột của mình không?

http://tieulun.hopto.org

Chốn Hàm Dương [1] chàng còn ngoảnh lại,
Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang.
Khói Tiêu Tương [2] cách Hàm Dương,
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng, ý thiếp, ai sầu hơn ai?
Chàng từ đi vào nơi gió cát,
Đêm trăng này nghỉ mát [3] phương nao?
Xưa nay chiến địa dường bao?
Nội không muôn dặm xiết bao dãi dầu!
Hơi gió lạnh người rầu, mặt dạn,
Dòng nước sâu ngựa nản chân bon.
Ôm yên, gối trống đã chồn,
Nằm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh.
Nay Hán xuống Bạch thành [4] đóng lại,
Mai Hồ vào Thanh Hải [5] dòm qua.
Hình khe, thế núi gần xa,

Khảo dị:

55. Đoái trông theo đã cách *ngàn* (NQO)
Đoái trông *nhau* đã cách ngăn (HXH)
56. *Những* màu mây biếc *cùng ngàn* núi xanh (NQO)
Tuôn màu mây biếc, *phơi hằn* núi xanh (HXH)
57. Chốn Hàm *Kinh,* chàng còn ngảnh lại (HXH)
58. *Ngác* Tiêu Tương, thiếp hãy trông sang (HXH)
66. Đêm trăng này nghỉ *mắt* phương nao (HXH)
68. *Nỗi* không muôn dặm xiết bao dãi dầu (NQO)
Nội không muôn dặm, xiết *sao* dãi dầu (HXH)
76. *Dứt* thôi lại nối, thấp đà lại cao (HXH)

Chú thích:

1. *Hàm Dương:* tên đất tức là Tây Kinh của nhà Tần.

2. *Tiêu Tương:* chỗ sông Tiêu và sông Tương hợp lưu với nhau ở địa hạt nước Sở (nay ở trong tỉnh Hồ Nam). Ở bên Trung Quốc xưa, nước Tần và nước Sở xa cách nhau lắm nên nhà văn muốn tả cảnh biệt ly thường dùng những chữ *"Tần Sở"* hoặc *"Hàm Dương - Tiêu Tương"*.

3. *Nghỉ mát:* ý nói ngủ lại.

4. *Bạch thành:* Bạch Đăng thành thuộc tỉnh Sơn Tây.

5. *Thanh Hải:* tên đất thuộc tỉnh Cam Túc. Cả hai câu 73 - 74 ý nói đến những cuộc hành quân gian nan vất vả nay ở Hán đánh xuống mai lại bị rợ Hồ lấn qua, người đi chinh chiến như vậy ít thấy có ai về.

http://tieulun.hopto.org

Đứt thôi lại nối, thấp đà lại cao.
Sương đầu núi buổi chiều như gội,
Nước lòng khe nẻo suối còn sâu.
Não người áo giáp bấy lâu!
Lòng quê qua đó mặt rầu chẳng khuây.
Trên trướng gấm thấu hay chăng nhẽ?
Dạng chinh phu ai vẽ cho nên.
Tưởng chàng giong ruổi mấy niên,
Chẳng nơi Hãn Hải [1] thì miền Tiêu Quan. [2]
Đã trắc trở đòi ngàn xà hổ,
Lại lạnh lùng những chỗ sương phong.
Lên cao trông thức mây lồng, [3]
Lòng nào là chẳng động lòng bi thương.
Từ trẩy sang đông nam khơi nẻo,
Biết nay chàng tiến thảo [4] nơi đâu.
Những người chinh chiến bấy lâu,
Nhẹ xem tính mệnh như màu cỏ cây.
Nức hơi mạnh ơn dày từ trước. [5]
Trải chốn nghèo tuổi được bao nhiêu?

Khảo dị:

77. Sương đầu núi buổi chiều như *giội* (NĐM - NQO)
78. Nước lòng khe, nẻo *lội* còn sâu (HXH)
79. *Thương* người áo giáp bấy lâu (HXH)
80. Lòng quê qua đó mặt *sầu* chẳng khuây (NĐM - HXH)
81. Trên trướng gấm thấu hay chăng *nhé?* (HXH)
82. *Trạng* chinh phu ai vẽ cho nên (HXH)
84. Chẳng nơi *Cán* Hải thì miền Tiêu Quan (NĐM)
89. *Chàng từ* sang đông nam khơi nẻo (NĐM)
    Từ trẩy sang đông nam *ngất* nẻo (NQO)
90. Biết *rằng* chàng tiến thảo nơi đâu (NQO)
91. Những người chinh chiến *mấy* lâu (HXH)
93. *Nực* hơi *mãnh,* ơn dày từ trước (HXH)

Chú thích:

1. *Hãn Hải:* tên bãi sa mạc, nay ở Nội Mông.
2. *Tiêu Quan:* tên một cửa ải ở đông nam huyện Cố Nguyên, tỉnh Cam Túc.
3. *Trông thức mây lồng:* ý nói nhớ nhà. Theo điển: ông Địch Nhân Kiệt, đời Đường đi đánh giặc xa nhà, khi lên núi Thái Hàng, trông thấy đám mây trắng ở xa xa, nói với quân sĩ rằng *"Ngô thân xá ư kỳ hạ"* (nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây trắng ấy).
4. *Tiến thảo: (tiến:* đi lên, *thảo:* đánh) tiến quân lên đánh giặc.
5. *Nức hơi... từ trước:* câu này dịch không được rõ nghĩa. Nguyên văn là: "Trời rét gió lạnh như mũi nhọn đâm vào da mà cảm thấy ấm người như có cắp bông vì chịu ơn sâu của nhà vua".

http://tieulun.hopto.org

Non Kỳ [1] quạnh quẽ trăng treo,
Bến Phì [2] gió thổi đìu hiu mấy gò.
Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh phu trăng dõi dõi soi.
Chinh phu, tử sĩ mấy người,
Nào ai mạc mặt, [3] nào ai gọi hồn?
Dấu binh lửa, nước non như cũ,
Kẻ hành nhân [4] qua đó chạnh thương.
Phận trai già ruổi chiến trường,
Chàng Siêu [5] tóc đã điểm sương mới về.
Tưởng chàng trải nhiều bề nắng nỏ, [6]
Ba thước gươm, một cỗ nhung yên. [7]
Xông pha gió bãi trăng ngàn,
Tên reo đầu ngựa [8] giáo lan mặt thành. [9]
Áng công danh trăm đường rộn rã,
Những nhọc nhằn nào đã nghỉ ngơi.
Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai,
Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây. [10]

Khảo dị:

95. Non Kỳ *mộ chỉ* trăng treo (NQO)
103. Phận trai già *cõi* chiến trường (HXH)
104. Chàng Siêu *mái tóc* điểm sương mới về (NQO)
106. Ba thước gươm, một *bộ* nhung yên (NQO)
Ba thước gươm một cỗ nhung *an* (HXH)
108. Tên *treo* đầu ngựa giáo lan mặt thành (NQO)
Tên *treo* đầu ngựa *pháo ran* mặt thành (NĐM)
Mày reo đầu ngựa, *sào dan* mặt thành (HXH)
111. Nỗi *niềm* biết ngỏ cùng ai (HXH)

Chú thích:

1. *Non Kỳ:* tức núi Kỳ Liên thuộc tỉnh Cam Túc, chỗ Hoắc Khứ Bệnh, tướng nhà Hán, đánh Hung Nô ở đấy.

2. *Bến Phì:* tên sông ở huyện Hợp Phì, thuộc tỉnh An Huy.

3. *Mạc mặt:* vẽ mặt người chinh phu.

4. *Hành nhân:* người đi đường xa, ở đây có nghĩa như chữ *hành dịch* là kẻ đi đánh giặc.

5. *Chàng Siêu:* tức Ban Siêu tướng nhà Hán đi đánh giặc ở xứ Tây Vực ba mươi mốt năm, khi về nhà đã quá 80 tuổi.

6. *Nắng nỏ:* vất vả khổ sở.

7. *Nhung yên:* yên ngựa của người chinh phu.

8. *Tên reo đầu ngựa:* mũi tên bay kêu thành tiếng vèo qua đầu ngựa. Chúa Hung Nô dùng mũi tên kêu *(minh trích)* để ra hiệu lệnh cho quân sĩ.

9. *Giáo lan mặt thành:* quân sĩ bắc giáo vào tường thành rồi theo cán giáo *(duyên can)* mà leo lên.

10. *Ngoài chân mây:* ngoài chân trời có mây phủ, ý nói xa xôi cách trở cả ngàn dặm.

http://tieulun.hopto.org

Trong cửa này, đã đành phận thiếp,
Ngoài mây kia, há kiếp chàng vay?
Những mong cá nước [1] vui vầy,
Bây giờ đôi ngả nước mây [2] cách vời.
Thiếp chẳng tưởng ra người chinh phụ,
Chàng há từng học lũ Vương tôn. [3]
Cớ sao cách trở nước non,
Khiến người thôi sớm, thời hôm những sầu.
Chàng phong lưu [4] đương chừng niên thiếu,
Sánh nhau cùng dan díu chữ duyên.
Nỡ nào đôi lứa thiếu niên,
Quan sơn [5] để cách hàn huyên [6] đành?
Thủa lâm hành [7] oanh chưa bén liễu, [8]
Hỏi ngày về ước nẻo quyên ca. [9]
Nay quyên đã giục oanh già,

Khảo dị:

115. Những mong cá nước *sum* vầy (HXH)
116. *Bao* giờ đôi ngả nước mây cách vời (NĐM)
Bao ngờ đôi ngả nước mây cách vời (HXH)
120. Khiến người thôi sớm *thì* hôm những *rầu* (HXH)
121. *Phác* phong lưu đương chừng niên thiếu (NQO)
Phết phong lưu đương chừng niên thiếu (HXH)
125. Thuở lâm hành, oanh chưa *khắn* liễu (HXH)
127. Nay quyên đã *trục* oanh già (HXH)

Chú thích:

1. *Cá nước:* cá với nước, ý nói vợ chồng chung sống vui vẻ với nhau.

2. *Nước mây:* chân mây mặt nước ý nói xa cách muôn trùng.

3. *Vương tôn:* con nhà quý tộc.

4. *Phong lưu: (phong:* gió, *lưu:* dòng nước) ngọn gió thổi chỗ này đến chỗ khác, dòng nước chảy từ nơi này đến nơi kia nên thường ví với người có đức tốt, sau dùng theo nghĩa rộng để chỉ người có phong dạng lịch sự, thích vui chơi tự do.

5. *Quan sơn: (quan:* cửa ải, *sơn:* núi) dùng để chỉ nơi xa xôi, chỗ biên thùy.

6. *Hàn huyên: (hàn:* lạnh, *huyên:* ấm) lời hỏi thăm nhau ấm lạnh thế nào? Sức khỏe ra sao? Có bị ảnh hưởng gì về thời tiết ấm lạnh không? Sau dùng để chỉ lời lẽ tâm tình với nhau.

7. *Lâm hành: (lâm:* chính đang lúc; *hành:* đi) lúc lên đường.

8. *Oanh chưa bén liễu:* ý nói chưa đến mùa xuân vì chim oanh chưa đến hót ở cây liễu. Cây liễu mùa xuân mới trổ lá non.

9. *Ước nẻo quyên ca:* ý nói khoảng mùa hè vì chim quyên (tu hú) thường kêu về mùa hè. Cũng có thể hiểu chữ *quyên* là con cuốc vì con cuốc cũng kêu về mùa hè.

http://tieulun.hopto.org

Ý nhi [1] lại gáy trước nhà líu lo.
Thủa đăng đồ [2] mai chưa dạn gió, [3]
Hỏi ngày về chỉ độ đào bông. [4]
Nay đào đã quyến gió đông,
Tuyết mai [5] trắng bãi, phù dung [6] đỏ bờ.
Hẹn cùng ta Lũng Tây nham [7] ấy,
Sớm đã trông nào thấy hơi tăm.
Ngập ngừng lá rụng cành trâm, [8]
Buổi hôm nghe dậy tiếng cầm [9] xôn xao.
Hẹn nơi nao, Hán Dương [10] cầu nọ,
Chiều lại tìm nào có tiêu hao. [11]
Ngập ngừng gió thổi áo bào, [12]

Khảo dị:

132. *Phù dung lại đã bên sông bơ sờ* (NĐM)
Phù dung lại rữa bên sông ba sòa (HXH)
133. Hẹn cùng ta Lũng Tây *sầm* ấy (HXH)
134. *Trót ngày* trông nào thấy hơi tăm (NQO)
135. *Nhịn* ngừng lá rụng cành trâm (HXH)
136. *Đứng trông* nghe dậy tiếng cầm xôn xao (NQO)
Thôn trưa nghe *rực* tiếng cầm *lao* xao (HXH)
138. *Đêm* lại tìm nào có tiêu hao (HXH)
139. *Nhịn* ngừng, gió thổi áo bào (HXH)

Chú thích:

1. *Ý nhi:* chim én. Ý nhi hay hót về tiết thu.
2. *Đăng đồ: (đăng:* lên, *đồ:* đường) lên đường đi xa.
3. *Mai chưa dạn gió:* ý nói chưa đến mùa xuân.
4. *Độ đào bông:* ý nói vào khoảng mùa xuân.
5. *Tuyết mai:* cây mai nở về mùa đông có tuyết phủ trên cành. Tuyết mai là chỉ đã sang đông.
6. *Phù dung:* cây sen. Đây là thủy phù dung. Người Trung Quốc thường gọi hoa sen là *phù dung. Phù dung* là chỉ về mùa hè.
7. *Lũng Tây nham: (nham:* núi đá cao dốc, hang đá) núi ở Lũng Tây, thuộc tỉnh Thiểm Tây.
8. *Ngập ngừng... cành trâm:* diễn tả hình ảnh của chiếc lá rơi lơ lửng thong thả ở trên đầu người chinh phụ.
9. *Tiếng cầm:* tiếng chim.
10. *Hán Dương:* tên một thị trấn ở tỉnh Hồ Bắc.
11. *Tiêu hao:* tin tức.
12. *Ngập ngừng.. áo bào:* diễn tả hình ảnh của gió thổi lúc mạnh lúc yếu làm cho chiếc áo bào bay lên hoặc tỏa xuống lúc mau lúc chậm, lúc cao lúc thấp.

http://tieulun.hopto.org

Bãi hôm tuôn dẫy nước trào mênh mông.
Tin thường lại người không thấy lại,
Hoa dương [1] tàn đã trải rêu xanh.
Rêu xanh mấy lớp chung quanh,
Chân đi một bước, trăm tình ngẩn ngơ.
Thư thường tới người chưa thấy tới,
Bức rèm thưa lần giãi bóng dương.
Bóng dương [2] mấy buổi xuyên ngang,
Lời sao mười hẹn, chín thường đơn sai.
Thử tính lại diễn khơi [3] ngày ấy,
Tiền sen [4] này đã nảy là ba.
Xót người lần lữa ải xa,
Xót người nương chốn Hoàng Hoa [5] dặm dài.
Tình gia thất nào ai chẳng có,
Kìa lão thân, [6] khuê phụ [7] nhớ thương!
Mẹ già phơ phất mái sương, [8]
Con thơ măng sữa vả đương phù trì. [9]

Khảo dị:

140. Bãi hôm tuôn dẫy nước *chiều* mênh mông (NQO)
Bãi hôm tuôn dẫy nước *triều* mênh mông (HXH)
141. Tin *gửi đi* người không thấy lại (NQO)
142. *Gốc hoa* tàn đã *rải* rêu xanh (HXH)
143. Rêu xanh mấy lớp *nhiễu* quanh (HXH)
144. *Dạo sân* một bước, trăm tình ngẩn ngơ (NQO)
145. Thư thường *đến* người không thấy *đến* (NQO)
146. Bức rèm thưa lần *chuyển* bóng dương (NQO)
Bức rèm thưa lần *giại* bóng dương (HXH)
150. Tiền sen *nay* đã nảy là ba (HXH)
156. Con thơ măng sữa vả đương *bù* trì (HXH)

Chú thích:

1. *Hoa dương:* hoa cây dương màu trắng như hoa liễu.
2. *Bóng dương:* bóng mặt trời.
3. *Diễn khơi:* xa cách.
4. *Tiền sen:* lá sen mới nở tròn như đồng tiền.
5. *Hoàng Hoa:* tên đất, nơi quân nhà Đường đã nhiều lần đánh nhau với rợ Nhu Nhiên và rợ Đột Quyết.
6. *Lão thân:* bố mẹ già.
7. *Khuê phụ:* người đàn bà ở trong phòng khuê, chỉ người chinh phụ.
8. *Mái sương:* (*sương:* bạc, trắng) mái tóc bạc trắng.
9. *Phù trì:* chăm sóc giữ gìn, nuôi nấng.

http://tieulun.hopto.org

Lòng lão thân buồn khi tựa cửa, [1]
Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm.
Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam, [2]
Dạy con đèn sách, thiếp làm phụ thân.
Nay một thân nuôi già, dạy trẻ,
Nỗi quan hoài mang mể [3] biết bao!
Nhớ chàng trải mấy sương sao, [4]
Xuân từng đổi mới, đông nào còn dư?
Kể năm đã ba tư cách viễn, [5]
Mối sầu thêm nghìn vạn ngổn ngang.
Ước gì gần gũi tấc gang,
Giở niềm cay đắng để chàng tỏ hay.
Thoa cung Hán, [6] của ngày xuất giá,
Gương lầu Tần, [7] dấu đã soi chung.
Cậy ai mà gửi tới cùng,

Khảo dị:

159. Ngọt bùi thiếp *đỡ* hiếu nam (HXH)
160. *Luyện* con đèn sách, thiếp làm phụ thân (NQO)
Rèn con đèn sách, thiếp làm phụ thân (HXH)
161. *Nầy* một thân nuôi già dạy trẻ (HXH)
164. Xuân từng đổi mới, đông nào *có* dư (NĐM)
Xuân từng đổi mới, đông nào còn *xa* (HXH)
165. Kể năm *đà* ba tư cách viễn (HXH)
166. Mối *lòng* thêm nghìn vạn ngổn ngang (NQO)
Rối lòng thêm nghìn vạn ngổn ngang (HXH)
167. Ước *chi* gần gũi tấc gang (HXH)
169. Thoa cung Hán *thuở* ngày xuất giá (NĐM)
Soa cung Hán, của ngày xuất giá (HXH)

Chú thích:

1. *Tựa cửa:* ý nói mong đợi con về.
2. *Hiếu nam:* đây ý nói làm tròn chữ hiếu thay cho chồng.
3. *Nỗi quan hoài mang mể:* nỗi lo nỗi nhớ bối rối ở trong lòng.
4. *Sương sao:* do chữ *tinh sương*. Mỗi năm có một mùa sương và mỗi độ sao đi nên sương sao có nghĩa là năm.
5. *Cách viễn:* cách xa.
6. *Thoa cung Hán:* (*thoa:* cái trâm cài đầu của con gái) Đây nói cái thoa quý được ví với cái thoa bằng ngọc của thần nữ dâng lên vua Hán Vũ Đế.
7. *Gương lầu Tần:* đây nói cái gương quý của hai vợ chồng đã soi chung mà ví với cái gương quý của Tần Thủy Hoàng.

http://tieulun.hopto.org

Để chàng thấu hết tấm lòng tương tư.
Nhẫn đeo tay, mọi khi ngắm nghía,
Ngọc cài đầu, thuở bé vui chơi.
Cậy ai mà gửi tới nơi,
Để chàng trân trọng dấu người tương thân.
Trải mấy xuân tin đi, tin lại,
Đến xuân này tin hãy vắng không.
Thấy nhàn, [1] luống tưởng thư phong,
Nghe hơi sương, sắm áo bông sẵn sàng.
Gió tây nổi, không đường hồng tiện, [2]
Xót cõi ngoài tuyết quyến, mưa sa.
Màn mưa, trướng tuyết xông pha,
Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra cõi ngoài.
Đề chữ gấm [3] phong thôi lại mở,
Gieo bói tiền [4] tin dở còn ngờ.
Trời hôm tựa cửa ngẩn ngơ,
Trăng khuya nương gối bơ phờ tóc mai.
Há như ai hồn say bóng lẫn,

Khảo dị:

172. *Xin* chàng thấu hết tấm lòng tương tư (NQO)
Ngõ chàng thấu hết, tấm lòng tương tư (HXH)
174. Ngọc cài đầu, thuở bé *buồn* chơi (HXH)
178. *Tới* xuân này tin hãy vắng không (HXH)
179. Thấy *nhạn* luống tưởng thư phong (NQO)
180. Nghe *sương, luống* sắm áo bông sẵn sàng (HXH)
181. Gió *may* nổi, không đường hồng tiện (HXH)
182. Xót cõi ngoài tuyết *quẹn* mưa sa (HXH)
185. Đề chữ gấm, phong thôi *thì* mở (HXH)
186. Gieo *quẻ* tiền tin dở còn ngờ (HXH)
187. Trời hôm tựa *bóng* ngẩn ngơ (NĐM)
Trời hôm, *đứng mái* ngẩn ngơ (HXH)
189. Há như ai hồn say, bóng *lẩn* (NQO)

Chú thích:

1. *Thấy nhàn:* (do chữ *nhạn* đọc chạnh ra thanh bằng) thấy chim nhạn thì nhớ đến chuyện Tô Vũ đã buộc thư vào chân chim nhạn. *Nhạn* do đó chỉ tin tức.

2. *Hồng tiện:* (*hồng:* chim hồng, con chim trống, *nhạn:* con chim mái; *tiện:* nhân có, thuận tiện) tin tức.

3. *Chữ gấm:* chữ thêu trên gấm. Ý nhắc đến bài thơ của Tô Huệ thêu trên gấm dâng lên nhà vua xin cho chồng đi thú được trở về.

4. *Bói tiền:* xưa bói bằng mai rùa và cỏ thi, đến đời Hán, Kinh Phòng dùng tiền bói thay mai rùa.

http://tieulun.hopto.org

Bỗng thơ thơ thẩn thẩn hư không.
Trâm cài, xiêm giắt thẹn thùng,
Lệch vừng tóc rối, lỏng vòng lưng eo.
Dạo hiên vắng, thầm gieo từng bước,
Ngoài rèm thưa, rủ thác [1] đòi phen. [2]
Ngoài rèm thước [3] chẳng mách tin,
Trong rèm dường đã có đèn biết chăng.
Đèn có biết dường bằng chẳng biết,
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.
Buồn rầu nói chẳng nên lời,
Hoa đèn [4] kia với bóng người khá thương!
Gà eo óc gáy sương năm trống, [5]
Hòe phất phơ rủ bóng bốn bên.
Khắc giờ đằng đẵng bấy niên,
Mối sầu dằng dặc tựa miền bể xa.
Hương gượng đốt, hồn đà mê mải,
Gương gượng soi lệ lại chứa chan.

Khảo dị:

190 Bỗng *thờ ơ lẩn* thẩn hư không (NQO)
Bỗng thơ thơ thẩn thẩn *như* không (NĐM)
192. Lệch *vùng* tóc rối, lỏng vòng lưng eo (NĐM)
Lệch *làn* tóc rối, lỏng vòng lưng eo (HXH)
193. Dạo hiên vắng *đam chiêu* từng bước (HXH)
194. *Ngồi* rèm thưa, rủ thác đòi phen (HXH)
199. Buồn *muôn* nói chẳng nên lời (HXH)
203. Khắc *trời* đằng đẵng bấy niên (NĐM)
Khắc *chờ* đằng đẵng *như* niên (HXH)
204. Mối sầu dằng dặc *bằng* miền bể xa (HXH)
206. Gương gượng soi, *giọt* lại *châu* chan (HXH)

Chú thích:

1. *Rủ thác:* (*thác:* cuốn lên) buông rèm, cuốn rèm lên.

2. *Đòi phen:* nhiều lần.

3. *Thước:* (chim thước) chim khách. Người xưa tin rằng chim thước kêu gần nhà là báo tin mừng, cho nên có các chữ như *thước báo, thước hỉ, thước ngữ*...

Cổ nhân vịnh chim thước có câu rằng: *"Hương khuê báo hỉ thước hàng giai"* (báo tin mừng cho buồng khuê kia có đàn chim thước đẹp).

4. *Hoa đèn:* đầu bấc đèn đã cháy thành than nhưng vẫn còn đỏ.

5. *Năm trống:* năm trống canh, tức năm canh trong một đêm.

http://tieulun.hopto.org

Sắt cầm [1] gượng gảy ngón đàn,
Dây uyên [2] kinh đứt, phím loan [3] ngại chùng.
Lòng này gửi gió đông [4] có tiện?
Nghìn vàng xin gửi đến non Yên. [5]
Non Yên dầu chẳng tới miền,
Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.
Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.
Cảnh buồn, người thiết tha lòng,
Hình cây sương đượm, tiếng cùng [6] mưa phun.
Sương như búa, bổ mòn gốc liễu,
Tuyết nhường cưa, xẻ héo cành ngô. [7]
Giọt sương phủ bụi chim gù,

Khảo dị:

211. Non Yên *dấu* chẳng tới miền (NQO)
Non Yên, *rầu* chẳng tới miền (HXH)
214. Nỗi nhớ chàng *dau dạu* nào xong (HXH)
216. *Cành* cây sương đượm tiếng *trùng* mưa phun (NĐM)
Hình cây sương đượm, tiếng *trùng* mưa phun (NQO)
217. Sương như búa, *đẽo* mòn gốc liễu (HXH)
218. *Mưa dường* cưa, xẻ héo cành ngô (HXH)
219. *Chòm tuyết* phủ, bụi chim gù (HXH)

Chú thích:

1. *Sắt cầm:* đàn sắt và đàn cầm, hai thứ đàn thường hòa âm với nhau.

2. *Dây uyên:* tức *uyên ương*, hai sợi dây đàn giăng ngang nhau ví với đôi chim uyên ương. Hai con chim này luôn sống có đôi với nhau.

3. *Phím loan:* tức *loan phụng trụ* là hai cái trục dây đàn đặt sánh nhau như đôi chim loan phụng.

Cả hai câu 207-208 ý nói ngại gảy đàn vì sợ dây bị đứt hoặc dây bị chùng, nó là những điều xấu.

4. *Gió đông:* gió từ phương đông tới tức gió xuân.

5. *Non Yên:* tức núi *Yên Nhiên* ở Ngoại Mông. Đậu Hiến đời Hậu Hán đuổi giặc Thiền Vu đến núi Yên Nhiên, liền khắc đá ghi công ở đấy rồi về.

6. *Tiếng cùng:* (*cùng:* con sâu lúa, tên riêng của con dế mèn) tiếng sâu kêu, tiếng giun dế kêu.

7. *Ngô:* cây ngô đồng, một thứ cây thân thẳng, cao hơn ba trượng, lá hình bàn tay, hoa nhỏ và vàng, gỗ dùng đóng đồ được.

http://tieulun.hopto.org

Sâu tường kêu vẳng, chuông chùa nện khơi.
Vài tiếng dế, nguyệt soi trước ốc, [1]
Một hàng tiêu, [2] gió thốc ngoài hiên.
Lá màn lay ngọn gió xuyên,
Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.
Hoa giãi nguyệt, nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu.
Đâu xiết kể trăm sầu nghìn não,
Từ nữ công phụ xảo [3] đều nguôi.
Biếng cầm kim, biếng đưa thoi,
Oanh đôi thẹn dệt, bướm đôi ngại thùa.
Mặt biếng tô, miệng càng biếng nói,
Sớm lại chiều dòi dõi nương song.
Nương song luống ngẩn ngơ lòng,
Vắng chàng điểm phấn, trang hồng với ai?
Biếng trang điểm lòng người sầu tủi,
Xót nỗi chàng ngoài cõi giang băng. [4]
Khác gì ả Chức, [5] chị Hằng, [6]

Khảo dị:

220 Sâu tường kêu *vắng*, chuông chùa nện khơi (HXH)
221. *Và* tiếng dế, nguyệt *rây* trước *nóc* (HXH)
223. *Màn trong cửa sổ* gió xuyên (NQO)
224. *Trăng lay hoa bóng soi* lên trước rèm (NQO)
225. Hoa *giại* nguyệt, nguyệt *êm* một tấm (HXH)
229. Đâu xiết kể *muôn* sầu nghìn não (HXH)
237. Biếng trang điểm lòng người *phiền não* (NQO)
238. Xót nỗi chàng ngoài cõi *giăng văng* (HXH)
Xót nỗi chàng ngoài cõi giang *lăng* (NĐM)
239. Khác *chi* ả Chức chị Hằng (HXH)

Chú thích:

1. *Ốc:* nhà.
2. *Tiêu:* cây chuối.
3. *Phụ xảo:* nghề khéo của người đàn bà.
4. *Giang băng:* nước đông lại ở sông thành băng. *Cõi giang băng:* chỉ nơi khí hậu rét lắm. Chữ *băng* bản Nôm viết 冰.
5. *Ả Chức:* tức là Chức Nữ.
6. *Chị Hằng:* tức là Hằng Nga.

http://tieulun.hopto.org

Bến Ngân sùi sụt, cung trăng chốc mòng. [1]
Sầu ôm nặng hãy chồng làm gối,
Muộn ôm đầy hãy thổi làm cơm.
Mượn hoa, mượn rượu giải buồn,
Sầu làm rượu nhạt, muộn làm hoa ôi.
Gõ sênh [2] ngọc mấy hồi không tiếng,
Ôm đàn tranh [3] mấy phím rời tay.
Xót người hành dịch [4] bấy nay!
Dặm xa mong mỏi hết đầy lại vơi. [5]
Ca quyên [6] ghẹo, làm rơi nước mắt, [7]
Trống tiều [8] khua, như dứt buồng gan.
Võ vàng đổi khác dung nhan,
Khuê ly [9] mới biết tân toan [10] dường này.
Nếm chua cay tấm lòng mới tỏ,

Khảo dị:

241. Sầu ôm nặng, *ai* chồng làm gối (HXH)
242. *Buồn chứa* đầy hãy thổi làm cơm (NQO)
Muộn *chứa* đầy *ai* thổi làm cơm (HXH)
243. *Rượu cùng hoa rắp tả đàm* (NĐM - HXH)
244. Sầu làm rượu nhạt, muộn *giồn* hoa ôi (NQO)
245. Gõ *sanh* ngọc mấy hồi không tiếng (HXH)
247. Xót người hành dịch *mấy* nay (HXH)
248. Dặm xa *thêm* mỏi *chắp* đầy lại vơi (NĐM)
Dặm xa *thêm* mỏi, *túi* đầy lại vơi (HXH)
250. Trống tiều khua như *giúc* buồng gan (NĐM)
253. Nếm *mùi* cay tấm lòng mới tỏ (NQO)
254. *Mùi* cay này há có vì ai (NĐM)

Chú thích:

1. *Chốc mòng:* chờ mong.

2. *Sênh:* nhạc khí làm bằng hai miếng gỗ để gõ nhịp mà hát.

3. *Đàn tranh:* nhạc khí có 16 dây kim loại kê trên một mặt cộng hưởng uốn cong hình máng úp. Còn gọi là *đàn thập lục.*

4. *Hành dịch:* đi đánh trận.

5. *Hết đầy lại vơi:* ý nói túi đựng lương khô hết được tiếp tế, đầy lại ăn dần vơi đi hết. Nguyên văn là *nang thác đan* túi bị hết lương thực. Bản dịch bỏ chữ "*nang*" nên khó hiểu được nghĩa của cả câu ý nói tưởng kẻ chinh phu, nang túi bị hết lương thực.

6. *Ca quyên:* tiếng chim quyên kêu.

7. *Làm rơi nước mắt:* vì tiếng chim quyên kêu nghe rất buồn.

8. *Trống tiều:* (*tiều:* lầu cao) trống canh ở trại quân (tiều cổ).
Tiều môn: gác canh ở trên thành.

9. *Khuê ly:* cũng như ly biệt, xa cách nhau.

10. *Tân toan:* cay chua khổ sở.

http://tieulun.hopto.org

Chua cay này há có vì ai.
Vì chàng lệ thiếp nhỏ đôi,
Vì chàng thân thiếp lẻ loi một bề.
Thân thiếp chẳng gần kề dưới trướng,
Lệ thiếp nào chút vướng bên khăn.
Bui [1] còn hồn mộng được gần,
Đêm đêm thường tới giang tân [2] tìm người.
Tìm chàng thuở Dương đài [3] lối cũ,
Gặp chàng nơi Tương phố [4] bến xưa.
Sum vầy mấy lúc tình cờ,
Chẳng qua trên gối một giờ mộng xuân. [5]
Giận thiếp thân lại không bằng mộng,
Thời gần chàng bến Lũng, [6] thành Quan, [7]
Khi mơ những tiếc khi tàn,
Tình trong giấc mộng, muôn vàn cũng không.
Bui [8] có một tấm lòng chẳng dứt,
Vốn theo chàng, giờ khắc nào nguôi.
Lòng theo nhưng chửa thấy người,

Khảo dị:

259. *Sớm* còn hồn mộng được gần (NĐM)
Vui còn hồn mộng được gần (NQO)
260. Đêm đêm thường *đến* giang tân tìm người (NQO)
265. Giận thiếp thân lại *chăng* bằng mộng (HXH)
266. *Thôi* gần chàng bến Lũng thành Quan (NĐM)
268. *Tỉnh* trong giấc mộng, muôn vàn cũng không (NĐM)
269. *Vui* có một tấm lòng chẳng dứt (NQO - NĐM)
271. Lòng theo *song* chửa thấy người (HXH)

Chú thích:

1. *Bui:* 唯 chỉ có. Cả câu ý nói chỉ còn gặp được chồng ở trong mộng mà thôi.

2. *Giang tân:* bến sông.

3. *Dương đài:* vua Tương Vương nước Sở nằm mộng gặp thần nữ ở Dương đài. Thần nữ nói: "Thiếp đây là thần nữ ở Vu Sơn, sớm làm mây, tối làm mưa, sớm tối ở dưới Dương đài."

Cả câu 261 ý nói đến việc người chinh phụ mơ được gặp chồng trong giấc mộng.

4. *Tương phố:* (*phố*: bến sông) bến sông Tương.

5. *Mộng xuân:* giấc mộng đẹp, giấc mộng của người chinh phụ thấy được gặp lại chồng.

6. *Bến Lũng:* bến sông Lũng ở Lũng Tây thuộc tỉnh Thiểm Tây.

7. *Thành Quan:* tức Đồng Quan, cửa ải thuộc tỉnh Thiểm Tây được xây để bảo vệ Tràng An.

8. *Bui:* chỉ có. Cả câu này ý nói người chinh phụ chỉ có một tấm lòng thương nhớ chồng không bao giờ dứt được.

http://tieulun.hopto.org

Lên cao mấy lúc trông vời bánh xe.
Trông bên nam, bãi che mặt nước,
Cỏ biếc um, dâu mướt màu xanh.
Nhà thôn mấy xóm chông chênh,
Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm.
Trông đường bắc đôi chòm quán khách.
Rườm rà cây xanh ngắt núi non.
Lúa thành thoi thóp bên cồn,
Nghe thôi ngọc địch véo von bên lầu.
Non đông thấy lá hầu chất đống,
Trĩ xập xòe, [1] mai cũng bẻ bai. [2]
Khói mù nghi ngút ngàn khơi,
Con chim bạt gió lạc loài kêu thương.
Lũng tây [3] thấy nước dường uốn khúc,
Nhạn liệng không, sóng giục thuyền câu.
Ngàn thông chen chúc khóm lau,
Cách ghềnh thấp thoáng người đâu đi về.

Khảo dị:

273. Trông bên nam, *vậy* che mặt nước (HXH)
275. *Xóm làng gần nửa lênh chênh* (NQO)
Nhà thôn *gió bụi* chông *chênh* (HXH)
276. *Chim còn bãi cát những tình* chiều hôm (NQO)
Một *đoàn âu lộ* trước ghềnh *chơi* hôm (HXH)
277. Trông đường bắc *tìm* chòm quán khách (NQO)
278. *Mây biếc*, cây *non ngất trời xanh* (NQO)
Mấy rà cây, *chận* ngắt núi non (HXH)
279. *Nửa hòa thử tính hoang thành*, (NQO)
Lúa thành thoi *thót* bên *chon* (HXH)
280 *Mưa phun mặt nước, địch quanh nóc* lầu (NQO)
Mưa thôi, *ngọn* địch véo von bên lầu (HXH)
284. Con chim bạt gió lạc loài kêu *sương* (NĐM)
285. *Sông* tây thấy nước dường uốn khúc (HXH)
287. Ngàn thông chen chóc *cỏ* lau (NQO)
288. Cách *duềnh* thấp thoáng người đâu đi về (HXH)
Cạch ghềnh *nào thấy* người đâu đi về (NQO)
289. Trông *tư* bề chân trời mặt đất (HXH)

Chú thích:

1. *Trĩ xập xòe:* chim trĩ xòe cánh gập cánh liên tiếp như múa vậy.

2. *Bẻ bai:* ghen tị, ý nói cũng ganh đua với chim trĩ mà đung đưa cành lá nhịp nhàng theo gió làm như nhảy múa vậy.

3. *Lũng tây:* thung lũng ở phía tây. *Lũng tây* được đặt đối lại với *non đông* ở câu 281.

http://tieulun.hopto.org

Trông bốn bề chân trời, mặt đất,
Lên xuống lầu thấm thoắt đòi phen.
Lớp mây ngừng mắt [1] khôn nhìn,
Biết đâu chinh chiến, là miền Ngọc quan. [2]
Gậy rút đất [3] dễ khôn học chước,
Khăn gieo cầu [4] nào được thấy tiên.
Lòng này hóa đá [5] cũng nên.
E không giọt ngọc mà lên trông lầu.
Lúc ngoảnh lại ngắm màu dương liễu,
Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong. [6]
Chẳng hay muôn dặm ruổi giong,
Lòng chàng có cũng như lòng thiếp chăng?
Lòng chàng ví cũng bằng như thế,
Lòng thiếp đâu dám nghĩ gần xa.

Khảo dị:

291. Lớp mây *che* mắt *ngại* nhìn (NQO)
Lớp mây *ngưng,* mắt *luống* nhìn (HXH)
292. *Đâu nơi* chinh chiến, *đâu* miền Ngọc quan (NQO)
Biết đâu *bờ cõi* là miền Ngọc *môn* (HXH)
293. Gậy rút đất *ỷ* khôn học chước (HXH)
294. Khăn gieo cầu, nào được *thể* tiên (HXH)
296. E không *lệ* ngọc mà lên trông lầu (NĐM)
E không *dọt* ngọc mà lên trông lầu (HXH)
298. *Thời* khuyên chàng đừng chịu tước phong (NQO)
302. Lòng thiếp *nào* dám nghĩ gần xa (NĐM)

Chú thích:

1. *Ngừng mắt:* che tầm mắt, ý nói che tầm mắt tương tư không thể nhìn thấu được nơi người chinh phu đóng quân.

2. *Ngọc quan:* tức *Ngọc Môn quan*, một cửa ải ở cực tây tỉnh Cam Túc.

3. *Gậy rút đất:* Phí Trường Phòng học được cái thuật rút đất, hễ cầm cái gậy trỏ xuống đất thì nghìn dặm đường cũng thu ngắn lại ở trước mắt.

4. *Khăn gieo cầu:* Thôi Sinh lấy được tiên nữ làm vợ và được vợ dạy cho phép ẩn hình. Một lần chàng vào trong cung vua để phá chơi bị kẻ thuật sĩ đuổi gấp quá. Gần tới con sông chàng được vợ mình ném cho cái khăn làm thành nhịp cầu ngũ sắc để chàng chạy qua mà thoát nạn.

5. *Hóa đá:* tức *vọng phu thạch.* Ở núi Vũ Xương (Trung Quốc) có hòn vọng phu thạch. Ở Việt Nam, tục truyền nàng Tô Thị lên núi Kỳ Lừa để ngóng chồng cũng hóa ra đá.

6. *Lúc ngoảnh... tước phong:* hai câu này mượn ý ở hai câu thơ của Vương Xương Linh:

"Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc, hối giao phu tế mịch phong hầu" (Chợt thấy sắc cây dương liễu ở bên bờ đường, hối rằng đã xui chồng đi lập công để được phong tước hầu).

http://tieulun.hopto.org

Hướng dương [1] lòng thiếp dường hoa,
Lòng chàng lẩn thẩn e tà bóng dương. [2]
Bóng dương để hoa vàng chẳng đoái,
Hoa để vàng bởi tại bóng dương.
Hoa vàng, hoa rụng quanh tường,
Trải xem hoa rụng đêm sương mấy lần.
Chồi lan nọ trước sân đã hái,
Ngọn tần [3] kia bên bãi đưa hương.
Sửa xiêm dạo bước tiền đường, [4]
Ngửa trông xem vẻ thiên chương [5] thẫn thờ.
Bóng Ngân Hán [6] khi mờ khi tỏ,
Độ Khuê triền [7] buổi có buổi không.
Thức mây đòi lúc nhạt nồng,

Khảo dị:

303. Hướng dương lòng thiếp *như* hoa (NĐM)
306. Hoa để vàng *cũng* tại bóng dương (HXH)
309. Chồi lan *nở* trước sân đã hái (NQO)
Mầm lan nọ trước sân đã hái (HXH)
311. Sửa xiêm, *rảo* bước tiền đường (HXH)
313. Bóng Ngân *hà* khi mờ khi tỏ (NĐM)
315. Thức mây *đôi* lúc *nghiêng* nồng (HXH)

Chú thích:

1. *Hướng dương:* (*dương:* mặt trời) chỉ hoa quỳ một thứ hoa màu vàng như hoa cúc, to bằng cái đĩa, buổi mai quay về hướng Đông, buổi chiều quay về hướng Tây, theo bóng mặt trời.

2. *Bóng dương:* bóng mặt trời.

3. *Ngọn tần:* ngọn rau tần. Rau tần là thứ rau mọc ở dưới nước, hồi xưa người ta thường hái để dùng vào việc cúng tế.

4. *Tiền đường:* nhà ở phía trước.

5. *Thiên chương:* vẻ đẹp ở trên trời, tức là mặt trời, mặt trăng và các tinh tú.

6. *Ngân Hán:* (*ngân:* bạc, *Hán:* tên một con sông), cũng nghĩa như *Ngân Hà* là tên gọi một đường trắng dài ở trên trời do ánh sáng nhiều sao thành ra, trông như con sông bằng bạc.

Hỡi con vịt nước kia ơi, sao mày vùng vẫy ở nơi Ngân Hà (Ca dao).

7. *Khuê triền:* (*khuê:* một chòm sao trong Nhị thập bát tú, chủ về văn chương; *triền:* độ đường đi của mặt trời, mặt trăng và sao) đường đi của chòm sao Khuê.

http://tieulun.hopto.org

Chuôi sao Bắc Đẩu thôi đông lại đoài. [1]
Một năm một lạt mùi son phấn,
Trượng phu còn thơ thẩn miền khơi.
Xưa sao hình ảnh chẳng rời,
Bây giờ nỡ để cách vời Sâm, Thương. [2]
Chàng ruổi ngựa dặm trường mây phủ,
Thiếp dạo hài lối cũ rêu in.
Gió xuân ngày một vắng tin,
Khá thương lỡ hết mấy phen lương thì. [3]
Sợ nhớ khi cành Diêu, đóa Ngụy, [4]
Trước gió xuân vàng tía sánh nhau.
Nọ thì ả Chức, [5] chàng Ngâu, [6]

Khảo dị:

316. *Đuôi* sao Bắc Đẩu thôi đông lại đoài (HXH)
Mặt trăng tỏ thường soi bên gối,
Bừng mắt trông sương gội cành khô.
Lạnh lùng thay bấy, chiều thu!
Gió may hiu hắt, trên đầu tường vôi.

Bốn câu này bản NĐM và HXH đều không có

Nếu so với bản chữ Hán của Đặng Trần Côn thì bốn câu ấy đã được dịch từ hai câu:
Nguyệt chiếu hề ngã sàng,
Phong xuy hề ngã song.
nhưng đã diễn ý thêm ra.

321. Chàng *giong* ngựa dặm trường mây phủ (HXH)

322. Thiếp *rảo* hài *nghiêng* cũ rêu in (HXH)

324. Khá thương *lần* hết mấy phen lương thì (NQO)

Chú thích:

1. *Đoài:* phương Tây. Theo bát quái thì quẻ Đoài chỉ phương Tây.

2. *Sâm, Thương:* tên hai chòm sao, sao Sâm ở phương Tây, sao Thương ở phương Đông, chòm này hiện ra thì chòm kia lặn đi, không bao giờ trông thấy cùng ở trên trời.

Nghĩa bóng nói về hai người cách biệt ở hai phương trời, không gặp được nhau.

3. *Lương thì:* thời tiết tốt đẹp, cả câu ý nói cái thời thanh xuân đã qua đi mau, lỡ mất hết cả rồi.

4. *Cành Diêu đóa Ngụy:* hoa mẫu đơn có hai loại quý hơn cả là Diêu hoàng và Ngụy tử. Sở dĩ gọi như vậy vì nhà Diêu Sùng có thứ hoa mẫu đơn vàng và nhà Ngụy Nhân Phổ có thứ hoa mẫu đơn tía rất đẹp.

5. *Ả Chức:* Chức Nữ.

6. *Chàng Ngâu:* (*Ngâu:* do chữ *ngưu* đọc chạnh ra): Ngưu Lang.

http://tieulun.hopto.org

Tới trăng thu lại bắc cầu [1] qua sông.
Thương một kẻ phòng không luống giữ,
Thời tiết lành lầm lỡ đòi nau.
Thoi đưa ngày tháng ruổi mau,
Người đời thấm thoắt qua màu xuân xanh.
Xuân, thu để giận quanh ở dạ, [2]
Hợp ly đành buồn quá khi vui. [3]
Oán sầu nhiều mối tơi bời,
Vóc bồ liễu [4] dễ ép nài chiều xuân.
Kìa Văn Quân [5] mỹ miều thuở trước,
E đến khi đầu bạc mà thương.
Mặt hoa nọ gã Phan Lang, [6]

Khảo dị:

328. *Đến* trăng thu lại bắc cầu qua sông (NQO)
329. *Thiết* một *thân* phòng không luống giữ (NQO)
Thiết một kẻ phòng không luống giữ (HXH)
335. Oán sầu *nhèo rối* tơi bời (HXH)
336. *Liễu* bồ *hầu* dễ ép nài chiều xuân (NQO)

Chú thích:

1. *Bắc cầu:* đến ngày mồng bảy tháng bảy quạ (ô thước) lại bắc cầu cho Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau. Khi gặp nhau, họ khóc quá thành mưa rơi xuống trần gian mà ta gọi là mưa ngâu.

2. *Xuân thu... ở dạ:* câu này ý nói cái giận mùa xuân chưa hết đã đến cái giận mùa thu, nó cứ quẩn quanh ở trong dạ.

3. *Hợp ly... khi vui:* câu này ý nói cái vui họp mặt thì ít mà cái buồn biệt ly thì nhiều nên lòng càng thêm buồn.

4. *Bồ liễu:* một thứ cây cành lá mềm mại trông có vẻ yếu ớt, thường được dùng để ví với phụ nữ. Cả câu ý nói cái thân bồ liễu dễ tàn tạ đâu dễ nài xin được vẻ xuân tươi mãi.

5. *Văn Quân:* Trác Văn Quân mê tiếng đàn của Tư Mã Tương Như đã bỏ theo chàng. Sau Tương Như muốn lấy vợ lẽ, nàng làm bài *Bạch đầu ngâm* khiến chàng cảm động liền thôi.

Người chinh phụ đây cũng "e đến khi đầu bạc" mà lo không biết chồng mình có còn thương nữa không?

6. *Phan Lang:* tức là Phan Nhạc, người Trung Mâu, đời Tấn, đẹp trai, đi đâu cũng được đàn bà con gái cảm vẻ đẹp mà lấy trái cây ném đùa.

Cả hai câu 339–340 ý nói gã Phan Lang lúc trẻ đẹp trai đàn bà con gái thường ném trái cây để ghẹo nhưng khi đã già, tóc đã điểm sương, thì không ai ném nữa (ngưng).

http://tieulun.hopto.org

Sợ khi mái tóc pha sương cũng ngừng. [1]
Nghĩ nhan sắc đương chừng hoa nở,
Tiếc quang âm [2] lần lữa gieo qua.
Nghĩ mình bạc, tiếc niên hoa, [3]
Gái tơ mấy chốc xảy ra nạ dòng [4]
Gác hương nọ mơ mòng vẻ mặt,
Lầu hoa kia phảng phất hơi hương.
Trách trời sao để lỡ làng,
Thiếp rầu thiếp, lại rầu chàng chẳng quên.
Chàng chẳng thấy chim uyên [5] ở nội,
Cũng dập dìu chẳng vội phân trương. [6]
Chẳng xem chim yến trên lương, [7]
Bạc đầu không nỡ đôi đường rẽ nhau.
Kìa loài sâu hai đầu cũng sánh,
Nọ loài chim chắp cánh cùng bay.
Liễu sen là thức cỏ cây,
Đôi hoa cũng sánh, đôi cây cũng liền. [8]

Khảo dị:

340. *Lệ* khi mái tóc pha sương cũng ngừng (HXH)
341. *Ngừng* nhan sắc đương chừng hoa nở (HXH)
343. *Ngừng bạc mệnh,* tiếc niên hoa (HXH)
344. Gái tơ mấy chốc *mà* ra nạ dòng (NQO)
345. Gác *nguyệt* nọ mơ mòng vẻ mặt (NĐM)
346. Lầu hoa kia phảng phất *mùi* hương (NĐM)
351. Chẳng xem chim *én* trên *rường* (HXH)
352. Bạc đầu không nỡ đôi đường *ghẽ* nhau (HXH)
353. Kìa loài *cùng đôi* đầu *cùng* sánh (HXH)
354. Nọ loài *kiêm* chắp cánh cùng bay (HXH)
356. Đôi hoa *cùng dính*, đôi cây *cùng* liền (HXH)

Chú thích:

1. *Ngừng:* thôi, ngưng không ném trái cây để chòng ghẹo nữa.
2. *Quang âm:* (*quang:* sáng, *âm:* tối) chỉ ngày tháng, thì giờ.
3. *Niên hoa:* tuổi hoa, thời tuổi trẻ.
4. *Nạ dòng:* đàn bà đã đẻ nhiều con và đã có tuổi.
   Nạ dòng trang điểm hãy còn xuân xanh (Ca dao)
   Nạ dòng trang điểm gái tơ mất chồng (Ca dao)
5. *Chim uyên:* một giống chim con trống gọi là uyên, con mái gọi là ương, thường sống thành cặp không bao giờ lìa nhau, nếu một con chết thì con kia cũng chết theo.
6. *Phân trương:* phân chia.
7. *Lương:* rường, quá giang.
8. *Đôi hoa... cũng liền:* cả câu ý nói tình vợ chồng không gì chia lìa được.

http://tieulun.hopto.org

Ấy loại vật tình duyên còn thế,
Sao kiếp người nỡ để đấy đây.
Thiếp xin về kiếp sau này,
Như chim liền cánh, như cây liền cành. [1]
Đành muôn kiếp chữ tình đã vậy,
Theo kiếp này hơn thấy kiếp sau.
Thiếp xin chàng chớ bạc đầu,
Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung.
Xin làm bóng theo cùng chàng vậy,
Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên.
Chàng nương vừng nguyệt phỉ nguyền,
Mọi bề trung hiếu thiếp xin vẹn tròn.
Lòng hứa quốc [2] thắm son [3] ngăn ngắt.
Sức tí dân [4] dường sắt tri tri.
Máu Thiền Vu, [5] quắc [6] Nhục Chi, [7]
Ấy thì buổi uống, ấy thì bữa ăn.
Mũi đồng bác đòi [8] lần hăm hở,
Đã lòng trời gìn giữ người trung.

Khảo dị:

359. Thiếp xin *muôn* kiếp sau này (HXH)
361. Đành muôn kiếp chữ tình *thì* vậy (HXH)
367. Chàng nương vừng *nhật thiếp* nguyền (HXH)
369. Lòng hứa quốc *tựa* son ngăn ngắt (NĐM)
Lòng hứa quốc thắm son *ngắt* ngắt (HXH)
370. Sức tí dân *cứng* sắt tri tri (HXH)
372. Ấy thì *bữa* uống, ấy thì bữa ăn (HXH)
373. Mũi *đòng* bác đòi lần hăm hở (HXH)

Chú thích:

1. *Như chim... liền cành:* cả câu ý nói tình vợ chồng đời đời không rời nhau.

2. *Hứa quốc:* (*hứa:* nhận lời làm một việc gì, *quốc:* nước) tình nguyện đem thân ra giúp nước. Khổng Trĩ Khuê có câu: *"Bản trì hứa quốc chí"* nghĩa là vốn giữ chí giúp nước.

3. *Thắm son:* ý nói bền chặt, không phai lạt.

4. *Tí dân:* (*tí:* che chở, bênh vực) che chở bênh vực cho dân chúng.

5. *Thiền Vu:* xứ Hung Nô gọi vua là Thiền Vu.

6. *Quắc:* đầu. Chúa Hung Nô giết vua Nhục Chi, lấy cái sọ làm đồ đựng nước uống.

7. *Nhục Chi:* tên một xứ ở giáp tỉnh Cam Túc. Đời Hán, nước ấy bị Hung Nô đánh phá, dân chạy sang A Mẫu Hà và lập thành nước *Đại Nhục Chi* nay thuộc tỉnh Hà Bắc. Phần dân không chạy đi, ở lại chỗ đất cũ thì gọi là *Tiểu Nhục Chi,* nay thuộc tỉnh Cam Túc.

8. *Đồng bác:* (cũng đọc là đòng vác): gươm giáo.

http://tieulun.hopto.org

Hộ chàng trăm trận nên công,
Buông tên ải bắc, treo cung [1] non đoài.
Bóng kỳ xí [2] giã ngoài quan ải,
Tiếng khải ca [3] trở lại thần kinh. [4]
Đỉnh non [5] bia đá đề danh,
Triều thiên vào trước cung đình [6] dâng công.
Nước duềnh Hán [7] việt đồng [8] rửa sạch,
Khúc nhạc từ réo rắt lừng khen.
Tài so Tần, [9] Hoắc [10] vẹn tuyền,
Tên ghi gác khói, [11] tượng truyền đài Lân. [12]
Nền huân tướng [13] đai cân [14] rạng vẻ.

Khảo dị:

377. Bóng *cờ* xí giã ngoài quan ải (HXH)
379. *Non Yên, thơ* đá đề danh (HXH)
381. Nước duềnh Hán, việt *đòng* rửa sạch (HXH)
382. Khúc nhạc từ réo rắt *tiếng* khen (NQO)
Khúc nhạc từ réo rắt *khong* khen (HXH)
385. Nền huân tướng đai cân *giại* vẻ (HXH)

Chú thích:

1. *Buông tên... treo cung:* ý nói hết cuộc chiến tranh, thôi đánh giặc.

Đỗ Phủ có câu: *"Phiên Hải vô truyền tiễn, Thiên Sơn tảo quải cung"* (Chỗ Phiên Hải không còn bắn tên truyền hiệu lệnh trong quân, núi Thái Sơn cũng sớm treo cung).

2. *Kỳ xí:* (*kỳ:* cờ, *xí:* cờ) cờ trận.

3. *Khải ca:* (*khải:* hát mừng thắng trận) bài hát vui vẻ mừng chiến thắng trở về kinh đô.

4. *Thần kinh:* kinh đô.

5. *Đỉnh non:* đỉnh núi Yên Nhiên, nơi có dựng bia ghi công các tướng sĩ.

6. *Cung đình:* tức là cung Vị Ương xây từ đời nhà Hán.

7. *Duềnh Hán:* tức sông Ngân Hà hoặc Ngân Hán.

Đỗ Phủ có câu: *"An đắc tráng sĩ vãn Thiên Hà tẩy tĩnh giáp binh"* (Ước gì được các tráng sĩ đem nước sông Ngân Hà mà rửa cho sạch binh khí, từ nay không còn dùng đến nữa).

8. *Việt đồng:* các đồ khí giới.

9. *Tần:* tức Tần Quỳnh tự là Thúc Bảo, một công thần đời Đường.

10. *Hoắc:* tức Hoắc Quang, một công thần đời Hán.

11. *Gác khói:* tức Lăng Yên các (gác cao vượt trên từng mây khói) do vua Đường Thái Tông cho xây dựng để vẽ tượng các công thần.

12. *Đài Lân:* tức Kỳ Lân đài do vua Đường Tuyên Tông cho xây dựng để vẽ tượng các vị công thần.

13. *Huân tướng:* (*huân:* công lao) tướng có công lao với nước.

14. *Đai cân:* cái đai áo và cái khăn, y phục của các quan, ý nói quan cách.

http://tieulun.hopto.org

Chữ đồng hưu [1] bia để nghìn đông.
Ơn trên tử ấm, [2] thê phong, [3]
Phận vinh thiếp cũng đượm chung hương trời. [4]
Thiếp chẳng dại như người Tô phụ, [5]
Chàng hẳn không như lũ Lạc Dương. [6]
Khi về đeo quả ấn vàng,
Trên khung cửi dám dẫy duồng làm cao.
Xin vì chàng xếp bào, cởi giáp,
Xin vì chàng giũ lớp phong sương.
Vì chàng tay chúc chén vàng,
Vì chàng điểm phấn, đeo hương não nùng. [7]
Giở khăn lệ [8] chàng trông từng tấm,
Đọc thơ sầu chàng thấm từng câu.
Câu vui đối với câu sầu,

Khảo dị:

386. Chữ đồng hưu bia *thẻ* nghìn đông (HXH)
388. *Hiển* vinh thiếp cũng đượm chung hương trời (NQO)
Phần vinh thiếp cũng đượm chung hương trời (NQO)
390. Chàng hẳn *khôn* như lũ Lạc Dương (HXH)
392. Trên khung cửi dám *dẻ dàng* làm cao (HXH)
393. Xin vì chàng *thay* bào cởi giáp (HXH)
395. Vì chàng tay *chuốc* chén vàng (HXH)
397. *Mở* khăn lệ chàng trông từng tấm (NĐM)
398. Đọc thơ sầu chàng *thẩm* từng câu (HXH)
399. Câu vui *đổi* với câu sầu (HXH)

Chú thích:

1. *Đồng hưu:* (*hưu:* vui) cùng vui.
2. *Tử ấm:* (*tử:* con, *ấm:* bóng che) quan tước của cha để lại cho con cháu.
3. *Thê phong:* (*thê:* vợ, *phong:* được phong tước) vợ được phong tước.
4. *Hương trời:* hương của nhà vua tức ơn vua.
5. *Tô phụ:* vợ Tô Tần. Lúc Tô Tần chưa làm nên thì khinh rẻ, chồng về cứ ngồi dệt không ra đón, khi Tô Tần làm tướng sáu nước, đeo ấn vàng về, sợ hãi đâu dám nhìn thẳng. Tô Tần phán bảo câu gì cũng phải lắng tai nghe không ra thân phận gì.
6. *Lạc Dương:* Tô Tần người Lạc Dương (thuộc tỉnh Hà Nam) có tài hơn người. Cả câu 390 ý nói chàng hẳn không như Tô Tần khi về đeo quả ấn vàng mà khinh rẻ vợ vì thiếp đâu có phải là Tô phụ chứ?
7. *Não nùng:* thường hiểu là khổ trong lòng *Ve ngâm buồn bã, dế kêu não nùng* (LVT).

Chữ này xưa có nghĩa là xinh đẹp, đẹp đến nỗi làm cho người ta phải não lòng như Ôn Như Hầu đã viết: *"Áng đào kiêm đâm bông não chúng"*. Ở câu này *não nùng* có nghĩa là xinh đẹp.

8. *Khăn lệ:* khăn lau nước mắt lúc nhớ chồng.

http://tieulun.hopto.org

Rượu khà [1] cùng kể trước sau mọi lời.
Sẽ rót vơi lần lần đòi chén,
Sẽ ca dần ren rén đòi liên.
Liên ngâm, [2] đối ẩm [3] từng phen,
Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.
Cho bõ lúc sầu xa cách nhớ,
Giữ gìn nhau vui thuở thanh ninh.[4]
Ngâm nga mong gửi chữ tình,
Dường này âu hẳn tài lành trượng phu. [5]

Khảo dị:

401. Sẽ rót vơi lần lần *từng* chén (NĐM)
402. Sẽ ca dần ren rén *từng thiên* (NĐM)
403. Liên ngâm đối ẩm *đòi* phen (NĐM)
404. Cùng chàng lại kết mối duyên *tận* già (HXH)
406. Giữ gìn nhau vui thuở thanh *bình* (NĐM)
407. Ngâm nga mong *mỏi* chữ tình (NĐM)

Chú thích:

1. *Rượu khà:* nói uống rượu xong mỗi hớp lại *khà* một tiếng ý khen ngon.
2. *Liên ngâm:* làm thơ chung, cứ mỗi người làm một hai câu nối lại thành bài.
3. *Đối ẩm:* ngồi đối diện nhau cùng uống rượu.
4. *Thanh ninh:* (*thanh:* trong sạch, không có bụi bậm, ý nói không có chiến tranh, loạn lạc; *ninh:* yên ổn) yên ổn, không có chiến tranh, cũng như chữ *thái bình, thanh bình.*
5. *Trượng phu:* người đàn ông có chí khí hơn người. Mạnh Tử có định nghĩa hai chữ *trượng phu* như sau: *"Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất, thử chi vị đại trượng phu"* (Giàu sang không làm cho say đắm, nghèo hèn không làm cho thay lòng, uy vũ không làm cho khiếp sợ, thế mới gọi là *đại trượng phu*).

http://tieulun.hopto.org

TƯỜNG CHÚ

6. **Cam Tuyền:** (cũng đọc là *Cam Toàn*) tên ngọn núi ở cách Tràng An hai trăm dặm. Ngọn núi này khá cao nên đứng ở Cam Tuyền có thể trông thấy được Tràng An.

Thời xưa, khi có giặc, người ta đốt lửa về ban đêm và đốt một thứ phân con lang về ban ngày để cho khói lên cao mà báo tin về kinh đô.

11. **Sứ trời:** do chữ *sứ tinh*. Vua Hòa Đế nhà Hán sai hai sứ giả đến Ích Châu dò thám mà không cho quan thứ sử ở châu ấy là Lý Cáp biết, nhưng Lý Cáp nhờ xem thiên văn thấy có hai sứ tinh tiến về Ích Châu nên biết trước được.

18. **Xếp bút nghiên:** Ban Siêu, đời Hán, nhà nghèo lắm, lúc trẻ phải đi viết thuê để lấy tiền nuôi mẹ và ăn học. Có lần, ông phẫn chí ném bút đi mà nói rằng: *"Kẻ nam nhi phải nên bắt chước Phó Giới Tử và Trương Khiêm đi lập công danh ở ngoài biên thùy để được phong hầu sao lại cứ bám lấy bút nghiên thế này"*. Sau Ban Siêu lập được công danh như chí mình muốn và được phong Viễn Đinh hầu.

21. **Da ngựa:** Mã Viện đời Đông Hán, 70 tuổi còn đem binh đi đánh trận, thường nói rằng: *"Trượng phu đương mã cách khỏa thi, ninh khả tử ư nhi nữ tử chi thủ hồ"* (Kẻ làm trai nên chết ở nơi chiến trường lấy da ngựa mà bọc xác, sao lại chịu chết ở tay đàn bà?).

Sau Mã Viện chết trận thật.

35 **Long Toàn:** tên một thanh gươm quý. *Tấn thư* có chép rằng: "Trong khoảng sao Ngưu sao Đẩu có khí sáng. Lôi Hoán ở Dự Chương nói: *"Đó là cái khí của bảo kiếm xông lên trên trời"*.

Trương Hoa hỏi ở về quận nào? Lôi Hoán nói ở Phong Thành, đất Dự Chương.

Tức thì Trương Hoa bổ ngay cho Lôi Hoán ra làm huyện lệnh ở Dự Chương.

Khi Lôi Hoán đến huyện, sai đào cái nền nhà ngục, sâu xuống hơn bốn trượng thì thấy một cái hòm bằng đá sáng lạ lùng, trong có hai thanh bảo kiếm, một thanh có khắc chữ Long Tuyền, một thanh có khắc chữ Thái A. Sau khi đào xong, đêm ấy ở khoảng sao Đẩu và sao Ngưu không thấy có ánh sáng nữa".

http://tieulun.hopto.org

36. **Hang beo:** do chữ *hổ huyệt*. Ban Siêu, đời nhà Hán, có nói: *"Bất nhập hổ huyệt, an đắc hổ tử"* (không vào hang hổ thì làm sao bắt được hổ con). Ban Siêu liền cùng 36 người đang đêm xông vào sào huyệt của giặc và chém giết được khá nhiều quân giặc.

45 **Doanh liễu:** chỗ đồn binh. Đời Hán, Chu Á Phu đi đánh Hung Nô đóng đồn ở đất Tế Liễu (thuộc tỉnh Thiểm Tây) vì thế chỗ đồn quân được gọi là *liễu doanh*.

58. **Tiêu Tương:** sông Tiêu và sông Tương. Cổ thi có câu: *"Sổ thanh phong địch ly đình vãn, quân hướng Tiêu Tương ngã hướng Tần"* (Mấy tiếng địch lúc buổi chiều ở chỗ ly đình, bây giờ người sang Tiêu Tương còn ta thì sang Tần).

Thơ Bạch Lạc Thiên cũng có câu:

Quân tại Tương giang đầu,

Thiếp tại Tương giang vĩ.

Tương cố bất tương kiến,

Đồng ẩm Tương giang thủy.

(Chàng ở đầu sông Tương, thiếp ở cuối sông Tương. Cùng trông mà cùng chẳng thấy, cùng uống nước sông Tương).

66. **Nghỉ mát:** ngủ lại.

Đường thi có câu: *"Kim dạ nguyệt minh hà xứ túc, cửu tiêu vân quyển bích sâm si"* (Trăng sáng đêm nay nghỉ lại ở nơi đâu, bãi cát phẳng muôn dặm không có bóng người). Ở đây dịch giả đã thêm chữ *mát* vào để hiệp vần với câu trên tận cùng bằng chữ *cát*. Thực ra chữ *nghỉ* đã đủ nghĩa rồi và có thể hiểu là nghỉ lại, ngủ lại.

(Trong quyển *Chinh phụ ngâm diễn ca* - Minh Tân in năm 1954, Hoàng Xuân Hãn đã ghi: "Trong bản *Chinh phụ ngâm bị khảo* tôi đoán là *nghỉ mắt*, nhưng không chắc đúng".)

73. **Bạch Thành... Thanh Hải:** Lý Bạch có câu rằng: *"Hán hạ Bạch Đăng thành, Hồ khuy Thanh Hải độ. Cổ lai chinh chiến địa, kỷ kiến hữu nhân hoàn"* (Quân Hán đánh thành Bạch Đăng, giặc Hồ dòm bến Thanh Hải, xưa nay chỗ chiến trận, ít thấy có ai về).

93. **Nức hơi mạnh ân dày từ trước:** câu này dịch từ câu *"Phong nhận hạ, ôn ôn hiệp khoáng chủ ân thâm"* (Trời rét gió lạnh như mũi nhọn đâm vào da mà cảm thấy ấm người như cắp bông vì chịu ơn sâu của nhà vua).

Tả truyện chép rằng: "Vua Sở đi đánh nước Tiêu bấy giờ tiết trời rét quá. Vua Sở đi tuần khắp các đám quân sĩ mà vỗ về. Quân sĩ đều vui lòng mà quên cả rét như người có cắp bông được ấm vậy".

http://tieulun.hopto.org

118. Vương tôn: con nhà quý tộc.

Sở từ có câu rằng: *"Vương tôn du hề bất quy, phương thảo sinh hề thê thê"* (Con nhà quý tộc đi chơi xa chưa về, cỏ thơm mọc đã thấy ngùn ngụt).

126. Quyên: tức chim *đỗ quyên,* loài chim leo (phan cầm) lưng sắc màu tro, bụng trắng đen, và đuôi dài, giống như con tu hú hoặc con chim khách (thước). Mùa hè hay kêu. Tiếng kêu của nó rất buồn.

Các tự điển tiếng Việt thường giảng:

Quyên: con chim cuốc do chữ *đỗ quyên* gọi tắt.

Nhưng quyển *Từ điển Việt - Hán* do Thương vụ ấn thư quán ở Bắc Kinh in năm 1960 lại cho rằng *con cuốc* không phải là con *đỗ quyên* và đã ghi rằng:

Cuốc: chim cuốc, đỗ quyên đích ngoa xưng.

Nhận xét ấy của quyển *Từ điển Việt - Hán* là đúng vì con cuốc khác hẳn với con đỗ quyên.

Sở dĩ các cụ ta xưa thường lấy *con cuốc* để liên hệ với điển vua Thục đế nhớ nước, vì tiếng kêu "quốc quốc" của nó gợi cho ta nghĩ đến nước tức "quốc". Bà Huyện Thanh Quan khi nghe tiếng cuốc kêu cũng đã viết:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

Nhưng đó chỉ là sự liên hệ trong văn chương chứ trong thực tế *con cuốc* và *con đỗ quyên* là hai con chim khác hẳn nhau.

Con cuốc hơi giống con gà nên người ta mới nói *"Trông gà hóa cuốc"*. Con cuốc không đậu trên cành như con chim quyên nên mới nói *"lủi như cuốc"*.

132. Tuyết mai trắng bãi: mai nở trên bãi trắng tuyết phủ.

Thơ Đường có câu: *"Hữu mai vô tuyết bất tinh thần, hữu tuyết vô mai tục liễu nhân"* (Có hoa mai mà không có tuyết thì không được tinh thần, có tuyết mà không có mai thời trông lại tục).

132. Phù dung đỏ bờ: theo *Hình âm nghĩa tổng hợp đại tự điển* thì phù dung có hai loại: loại mọc ở dưới nước gọi là *thảo phù dung* tức một thứ hoa sen, loại mọc ở trên đất gọi là *mộc phù dung* tức là *mộc liên*. Cây phù dung cao chừng hơn một thước, lá to, hoa trắng hoặc hồng đậm nở về mùa thu và mùa đông.

Thơ Lý Bạch có câu:

Thanh thủy xuất phù dung,
Thiên nhiên khứ điêu sức.

(Đầm nước trong nảy mọc lên đóa phù dung - tức *đóa hoa sen* - tự nhiên không phải trang sức gì).

http://tieulun.hopto.org

Phù dung đỏ bờ: hoa sen nở đỏ ở gần bờ nước.

Câu này dịch đúng với nguyên văn của Đặng Trần Côn: *"Tuyết mai giang, thượng hựu phù dung"* (Cây mai tuyết phủ bên bờ sông lại thấy có hoa sen nở).

152. Hoàng hoa: hoa vàng, tức là hoa cúc nở về tháng chín. Lệ xưa bên Trung Quốc, cứ đến tháng chín thì đổi phiên lính đi thú; tháng chín là mùa hoa cúc nở nên lính đi thú phương xa gọi là *hoàng hoa thú* và chỗ đóng quân gọi là *chốn hoàng hoa.* Cũng có sách nói *chốn Hoàng hoa* là đất Hoàng hoa với những tên gọi như *Hoàng hoa đôi, Hoàng hoa lãnh, Hoàng hoa phụ. Chốn Hoàng hoa* ấy, đời Chiến Quốc và đời Đường, quân triều đình đã nhiều lần đánh nhau với Nhu Nhiên và Đột Quyết.

157. Tựa cửa: Điển Vương Tôn Giả thờ vua nước Tề. Vua Tề gặp loạn phải chạy trốn. Giả không theo, về nhà, bà mẹ mắng rằng: *"Mọi ngày con chậm về thì ta tựa cửa mong con. Nay con thờ vua, vua gặp nạn chạy trốn, con không biết vua đi đâu, con còn về làm gì nữa?"*

Tựa cửa sau được dùng để chỉ cảnh người mẹ mong đợi con về.

170. Gương lầu Tần: Tần Thủy Hoàng có cái gương rộng bốn thước, cao năm thước chín, người ta lấy tay để vào trái tim mà soi thì thấy cả ruột gan, soi người có bệnh thì thấy chỗ đau, soi đàn bà bất chính thì thấy cái mật phồng lên, trái tim động.

Thủy Hoàng dùng kính ấy soi các cung nữ, hễ thấy ai mật phồng lên và tim động thì giết đi.

179. Thấy nhàn: thấy chim *nhạn.* Điển Tô Vũ: Xưa Tô Vũ, đời Hán, đi sứ Hung Nô, vì ăn nói cương trực bị chúa Hung Nô tức giận, bắt đày lên Bắc Hải chăn dê. Về sau, khi hai nước hòa hoãn trở lại, vua Hán đòi sứ giả thì chúa Hung Nô nói Tô Vũ đã chết. Nhờ có mưu của Thương Huệ, vua Hán cho sứ giả sang Hung Nô bảo có bắt được con nhạn ở chân có bức thư của Tô Vũ. Chúa Hung Nô tưởng thật, bèn cho người đi tìm Tô Vũ mà trả về cho vua Hán. Do điển này mà *tin nhàn* được dùng để chỉ tin tức.

185. Chữ gấm: do chữ *cẩm tự.* Điển nàng Tô Huệ thêu bức "cẩm hồi văn": Đậu Thao đời Tấn phải đi lính, vợ là Tô Huệ ở nhà mới làm một bài thơ, thêu trên gấm, xin với vua cho chồng được về. Trong bài thơ ấy có câu: *"Chức tương nhất bản hiến Thiên tử, nguyện phóng nhi phu cập tảo hoàn"* (Dệt nên bức gấm dâng Thiên tử, cho phép chồng con sớm trở về).

239. Ả Chức: do chữ Chức Nữ (người con gái dệt vải). Theo sách *Kinh Sở tuế thời ký:* Ở hướng đông sông Ngân Hà có Chức Nữ, cháu Trời rất giỏi thêu dệt, Trời gả cho Ngưu Lang (chàng chăn trâu). Từ khi có chồng, nàng biếng nhác việc canh cửi nên Trời phạt, bắt hai vợ chồng phải xa nhau, mỗi năm chỉ cho gặp nhau có một lần vào đêm mồng bảy tháng bảy, ta thường gọi là ngày *Ngâu* vậy.

http://tieulun.hopto.org

246. Ôm đàn tranh: cổ thi có câu rằng: *"Sầu lai dục tấu tương tư khúc, bão đắc ngân tranh bất nhẫn đàn"* (Khi nỗi buồn rầu đến, muốn gảy một khúc nhạc tương tư, nhưng ôm cái đàn ngân tranh mà không nỡ gảy).

249. Ca quyên ghẹo làm rơi nước mắt: *(quyên:* đỗ quyên, một con chim giống như con tu hú hoặc con chim thước). Tiếng kêu của nó rất buồn nghe ra như thành câu *"bất như quy khứ"* (chẳng là về thôi) nên dễ ghẹo lòng người như cảnh người chinh phụ phải "rơi nước mắt". Sách *Quảng sự loại* có câu: *"Đỗ quyên sơ minh, tiên văn giả chủ ly biệt chi khổ"* (Khi chim đỗ quyên mới bắt đầu kêu, ai nghe thấy nó kêu trước nhất là sẽ bị cảnh khổ biệt ly).

Tiếng kêu của nó cũng khiến lữ khách dễ động lòng nhớ nhà.

Thôi Đồ đời Đường có viết rằng:

Hồ điệp mộng trung gia vạn lý,
Đỗ quyên chi thượng nguyệt tam canh.

(Trong giấc điệp mơ màng nhớ đến nhà ở xa vạn dặm lại nghe thấy tiếng chim đỗ quyên kêu lúc canh ba càng thêm buồn bã).

264. Một giờ mộng xuân: Thơ Sầm Tham có câu:

Động đình tạc dạ xuân phong khởi,
Dao ức mỹ nhân Tương giang thủy.
Chẩm thượng phiến thời xuân mộng trung,
Hành tận Giang Nam sổ thiên lý.

(Động đình đêm trước có gió xuân nổi, tưởng nhớ đến người đẹp ở bến sông Tương. Trên gối trong giấc mộng xuân chỉ có nửa giờ mà đi hết mấy nghìn dặm ở đất Giang Nam).

334. Hợp ly đành buồn quá khi vui: cái vui họp mặt thì ít mà cái buồn xa cách thì nhiều.

Bài thơ *Thất tịch* của Trương Tố có câu rằng: *"Biệt đa, hội thiểu, nại nhược hà? Khước ức tòng tiền hoan ái đa"* (Xa nhau nhiều, gần nhau ít làm thế nào? Nhớ lúc trước cùng nhau vui ân ái nhiều).

336. Bồ liễu: thứ cây có cành lá mềm mại trông có vẻ yếu ớt nên thường được dùng để ví với phụ nữ.

Đời xưa Cố Duyệt cùng tuổi với Giản Văn mà đầu lại bạc trước.

Giản Văn hỏi: "Tại sao bác lại bạc đầu sớm như vậy?"

Cố Duyệt đáp: *"Bồ liễu chi tư, vọng thu nhi lạc. Tùng bách chi chất, kinh sương độc mậu"* (Cái sức bồ liễu gặp tiết thu mà phải rụng, cái chất tùng bách, trải mùa sương mà vẫn tốt).

337. Văn Quân: Họ Trác, con Trác Vương Tôn, là một quả phụ xinh đẹp rất thích nghe đàn. Nhân một hôm lại ăn tiệc nhà Trác Vương Tôn, Tư Mã Tương Như biết vậy mới gảy khúc đàn *"Phượng cầu hoàng"*. Văn Quân

http://tieulun.hopto.org

say mê, nửa đêm cất lẻn trốn theo. Trác Vương Tôn cho thế là sỉ nhục không nhận con nữa.

Sau khi về với Tương Như, vợ chồng hòa hợp nhưng rồi Tương Như muốn lấy vợ lẽ. Văn Quân bèn làm bài *Bạch đầu ngâm*. Tương Như cảm động liền thôi.

342. Quang âm: chỉ ngày tháng, thì giờ. Lý Bạch có câu:
"Thiên địa giả vạn vật chi nghịch lữ; Quang âm giả bách đại chi quá khách" (Trời đất là nhà trọ của muôn vật; quang âm là khách qua đường của trăm đời).

356. Đôi hoa cùng sánh: theo Tình sử: Hai vợ chồng Trương Liêm Xuân gặp khi có giặc đến không muốn bị xa nhau mới dắt nhau nhảy xuống ao cùng chịu chết. Cách một năm sau, dưới ao mọc lên thứ sen thơm ngào ngạt gọi là *sen tinh đế*.

356. Đôi cây cùng liền: theo Tình sử: Đời Chiến Quốc, Hàn Bằng có vợ là Hà Thị đẹp lắm. Vua Tống Khang Vương muốn bắt Hà Thị vào làm cung phi, đã tống giam Hàn Bằng. Hàn Bằng tự tử chết. Hà Thị cũng tự tử chết theo và có để lại di bút xin được chôn bên cạnh chồng. Vua Tống nổi giận không cho chôn gần nhau mà bắt phải cách xa một vài thước. Bỗng có hai cây liễu mọc ở hai ngôi mộ ấy mà rễ ở dưới đất quấn liền nhau, cành ở trên trời kết liền nhau. Lại có đôi chim uyên ương thường tới đậu ở trên cây hót. Ngụ ý nói tình vợ chồng không gì chia lìa được.

360. Như chim... liền cành: câu này được dịch từ câu *"Tại thiên nguyện tác tỉ dực điểu, tại địa nguyện vi liên lý chi"* trong bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị thuật lời thề của Đường Minh Hoàng cùng Dương Quý Phi trong đêm thất tịch.

382. Khúc nhạc từ: dịch từ chữ Bình hoài tụng. *Cựu Đường thư* chép rằng: "Khi đất Hoài, Thái đã dẹp yên, thì Hàn Dũ có soạn bài văn bia *Bình Hoài tây bi*.

Trong bài bia đó, Hàn Dũ đã ca ngợi công trạng của Tể tướng Bùi Độ, trong khi thực có công là Lý Tố, người đã vào tận nước Ngô để bắt giặc Ngô Nguyên Tế. Vợ Lý Tố là con bà Đường An Công chúa không chịu ghi công sai lạc ấy mới tìm cách vào tâu vua xin cải chính lại lời bia. Nhà vua biết rõ sự thực đã cho Đoàn Văn Xương, Hàn lâm học sĩ làm bài bia khen Lý Tố.

Câu này ý nói nếu có sự ghi sai công trạng của chồng thì người chinh phụ cũng sẽ làm như vợ Lý Tố để bênh vực cho chồng.

383. Tần: tức Tần Quỳnh, tự Thúc Bảo, người ở đất Lịch Thành, theo Đường Thái Tông đánh bọn Vương Thế Sung, có công lao được phong tước Hồ Quốc công và tặng chức Từ Châu Đô đốc. Vua Đường Thái Tông đã cho vẽ tượng để ghi công ở *gác Lăng Yên* (gác khói) gồm 24 vị công thần ví với 24 ngôi sao trên trời.

http://tieulun.hopto.org

383. Hoắc: tức Hoắc Quang, người đã có công giúp Hán Chiêu Đế. Chiêu Đế băng, Hoắc Quang đón Xương Ấp Vương về tôn lên ngôi. Xương Ấp, vì hoang dâm bị Hoắc Quang phế truất rồi lập Tuyên Đế. Hoắc Quang ra vào cung cấm hai mươi năm trời không làm điều gì sơ suất nhưng lại đem họ hàng vào đầy triều và giao cho nhiều quyền hành. Hoắc Quang chết, Tuyên Đế đổ cho họ Hoắc mưu phản, bèn thu cả quyền hành và cho lệnh giết cả họ. Sau Tuyên Đế nhớ công của Hoắc Quang lại cho vẽ hình ông ta ở *gác Kỳ Lân* (đài Lân) gọi là Đại công Hoắc Quang Bác Lục hầu.

389. Tô phụ: vợ của Tô Tần, người đàn bà chỉ muốn được vinh hiển nên thấy chồng chưa thành đạt đã vội khinh rẻ. Tô Tần, người nước Triệu, đời Chiến Quốc, hiểu rõ tình hình bảy nước thời bấy giờ là Tề, Sở, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy và Tần.

Tô Tần đề xướng thuyết *hợp tung* (liên hiệp sáu nước để chống Tần), rồi lại đề xướng thuyết *liên hoành* (liên hiệp sáu nước để tôn thờ Tần) Tô Tần đi du thuyết khắp nơi. Lúc còn chưa thành đạt, mỗi khi về nhà, vợ ngồi trên khung cửi, không thèm đứng dậy đón chào. Sau khi hiển đạt, đeo ấn sáu nước trở về, vợ trông thấy sợ hãi, chỉ dám liếc nhìn. Tô Tần sai gì cũng phải làm theo, không còn ra thân phận của người vợ được vinh hiển nữa.

http://tieulun.hopto.org

嘉隆十四年穀月吉日

新刊征婦吟演音辭曲

正直堂校梓

http://tieulun.hopto.org

征婦吟演音新曲

課歪坦洝杆膾堷。

客腢紅赭餒屯邆。

撐箕瀋々層連。

爲埃醓孕朱牷餒尼。

穢長城龍拺霩月。

炤甘泉燏斸式遷。

尬吝鎌寶搽秺。

姅眐傳檄定暟出征。

渃清平已姦幹鼿。

襖戎捽官武自低。

使歪斸啜塘遷。

法公羅重念西詫卋。

塘終蹂骰扜弓箭。

眼餞迭悉絆妻拏。

霩旗啃耑賒ヒ。

愁蓮院隘怨跐閘房。

払歲祂本洇豪傑。

http://tieulun.hopto.org

18 擱筆硯愜役刀弓。

19 城連懞進陛蜂。

20 楚鎌包決拯容賊歪。

21 志心粰黢蚚肪馭。

22 招泰山弭似鴻毛。

23 啫茄蹺優戰袍。

24 咖檑梂渭汘汘膾秋。

25 汕頭梂渃瀙如滌。

26 塘邊梂靿木群藪。

27 迻払恚弋弋恤。

28 步坤朋馭水坤朋船。

29 渃固沚麻煩空瀉。

30 靿固薈麻胣拯懺。

31 乳耒乳吏拎秺。

32 趾赻戛趾綃綃吏趵。

33 恚妾似霉腋蹺唯。

34 恚払箕氷堎嬓天。

35 醂耒鱢幹龍泉。

36 指昂莞教包沔酩豹。

http://tieulun.hopto.org

37 狦樓蘭浪蹺介子。

38 細蛮溪盤事伏波。

39 襖扒櫬似霸坡。

40 馭扒色韋如羅雪印。

41 啃樂馭吝穜啃穢。

42 夾楆耒一俸放鬿。

43 河梁放技塘尼。

44 邊塘鞚蘿旗糪愧ヒ。

45 軍斀匋賦外營柳。

46 騎斨群雴塽長楊。

47 軍迻扒驁連塘。

48 柳楊別妾斷腸尼庄。

49 啃笛嗢聜澄同望。

50 行旗趂鞚霾拂披。

51 跴扒蹺笠遷迻。

52 妾裗孕肖嚐嗩餒茄。

53 扒辰趂堍賒湄膽。

54 妾辰衛臟斸詔禛。

55 兌鞚饒匋隔垠。

http://tieulun.hopto.org

56 滌牟遽碧烜痕肖撐。

57 淮咸京払群瞭吏。

58 潯瀟湘妾唉韲跟。

59 熩瀟湘隔咸陽。

60 杆咸陽隔瀟相汆重。

61 共韲吏麻共拯貾。

62 貾撐撐仍汆岸槐。

63 岸槐撐雲戞牟。

64 悉払意妾埃愁欣埃。

65 払自赻匁尼膼葛。

66 眐胯尼擬沫方觜。

67 罣陉戰地羌包。

68 内空閉黵掣鞠燀烅。

69 唏膼冷得恿楠憚。

70 洇渃漊馭赧躓跼。

71 揯鞍襘穢皂瘠。

72 輗濛韭葛昨墺靼撐。

73 陉漢鄞白城棟浹。

74 墐胡匁清海褚戈。

http://tieulun.hopto.org

75 形溪勂岗賦賒。

76 紲傕吏繓箊它吏高。

77 霜頭岗眼蹦如滌。

78 渃悉溪塽沫群淒。

79 怵得襖甲閉数。

80 悉圭戈妬楠愁拯懺。

81 連帳錦透咍庄吹。

82 狀征夫埃虌朱铖。

83 想得駪騸汆年。

84 拯尼瀚海辰沔瀟關。

85 匏炅阻隊岸蛇虎。

86 吏冷洟仍墠霜風。

87 蓮高鞚式遝籠。

88 悉爷羅拯動悉悲傷。

89 自赽踿東南澖塽。

90 別阾扒進討尼兜。

91 仍得征戰閉数。

92 弭祜性命如牟鞊椄。

93 嚥唏猛恩謣自斃。

http://tieulun.hopto.org

94 跠准鼏歲特包饒。

95 嬓祈鼆垮胯撩。

96 灤淝颼啀調鼍汆堀。

97 魂死士颼嗆匕啀。

98 楠征夫胯唯唯熽。

99 征夫死士汆得。

100 帠埃漠楠帠埃噲魂。

101 跴兵火渃嬓如黏。

102 几行人戈妬嚷傷。

103 分稨耬墝戰場。

104 払超邐皰點霜買衛。

105 想払跠麭皮爙弩。

106 已楚鎌蔑具戎安。

107 衝坡颼堄胯岸。

108 錭嘹頭馭教挺楠城。

109 會功名𣏌塘遁也。

110 仍瘠痕帠皰擬宜。

111 餒念別吁共埃。

112 妾齠翹闈払外蹎遷。

http://tieulun.hopto.org

113 　　龣閣尼匋停分妾。

114 　　外遽箕訝劫払爲。

115 　　仍懞魡渃森圍。

116 　　包疑堆我渃遽隔滆。

117 　　妾拯想跐得征婦。

118 　　払訝魯學優王孫。

119 　　據鞠隔阻渃嬓。

120 　　遣得催厴辰最仍恿。

121 　　發風流當澄年少。

122 　　鷚鐃共攔捯窏緣。

123 　　女芾堆侶少年。

124 　　關山底隔寒暄包停。

125 　　課臨行鶯諸絆柳。

126 　　嗨暝衛約塽鵑歌。

127 　　阾鵑匋啄鶯殽。

128 　　鷾鴯吏嘁斀茄吇呋。

129 　　課登途梅諸嘽颭。

130 　　嗨暝衛指度桃芃。

131 　　阾桃匋眷颭東。

136

http://tieulun.hopto.org

132 芙蓉吏吔邊滝婮婆。

133 現共些隴西岩意。

134 嚴匋轚芾貮唏沁。

135 岌嶷蘿洞梗簪。

136 村盱眐吋啃禽牢敲。

137 現尼觜潢陽梂怒。

138 賠吏尋芾固消耗。

139 岌嶷颱啀襟袍。

140 壢叡滌氾渃潮溟濛。

141 信常吏得空貮吏。

142 桮花殘匋浹蔡撐。

143 蔡撐汆立墡觤。

144 墂趎戔趾橎情嚜嗩。

145 書魯細得諸貮細。

146 幅簾踈咯煣霾陽。

147 霾陽汆睊穿昂。

148 唾何迸現尬常單差。

149 此併吏賦澖暟意。

150 錢蓮尼吏芳蘿已。

http://tieulun.hopto.org

151 怵得吝呂隘賒。

152 怵得拫准黃花蹂踐。

153 情家室爸埃拯固。

154 箕慈親閨婦怮傷。

155 索溦披拂贗霜。

156 猳踈棳淒屜當哺啾。

157 悉老親恤欺預閘。

158 咽孩兒除餂嚽粈。

159 吮裝妾拖孝男。

160 鍊猳烟册妾厶父親。

161 尼戔身餒溦吠祕。

162 挼關懷茫挨別包。

163 怮扒跠汆秋壁。

164 春曾對買冬爸群餘。

165 計軿匋已罥隔間。

166 緮悉溙靽萬滾昂。

167 約之賦檜學勰。

168 捵念荄蓋底扒煔咍。

169 釵宮漢貼暻出嫁。

http://tieulun.hopto.org

170 鋙樓秦跴匏熘終。

171 挹埃麻呶典共。

172 吁扒透歇屾悉相思。

173 鋁扜秺每欺瞵曦。

174 玉掑頭課剔愾制。

175 挹埃麻呶細尼。

176 底扒珍重跴得相親。

177 硬汆春信趎信吏。

178 細春尼信唉永空。

179 貮鴯隢想書封。

180 聜唏霜懺祆芫產床。

181 膾西涎空塘鴻便。

182 怵塿外雪眷湄沙。

183 幔湄帳雪衝波。

184 擬添冷汀几逖塿外。

185 題窏錦封催辰黚。

186 招跕錢信擙群疑。

187 歪斸蹲屋斮魚。

188 胯鬗拫襘芭蜍撚鬆。

http://tieulun.hopto.org

189 訝如埃魂醝霩吝。

190 俸蜍勺矧勺虛空。

191 簜掑襜紩慡愖。

192 歷攔邐緮弄銨腋腰。

193 踳軒永耽招曾趾。

194 蚡簾踈撚托隊番。

195 外簾鵲拯嗩信。

196 斮簾悉匏固烟別庄。

197 烟別拱豢平拯別。

198 悉妾稹悲切麻催。

199 愐悶吶拯軨唎。

200 花烟箕貝霩得呵傷。

201 鶵吠喔嘁霜斡羇。

202 槐拂按撚霩罘邊。

203 滜滌淶淜脈煩。

204 想之刻凳俛年寅夜。

205 香強焠魂陀瘼瓕。

206 劺強熽淚吏珠滇。

207 瑟琴強掖瓶彈。

http://tieulun.hopto.org

208 綀鴐驚紲泛鴐慱鍾。

209 悉尼呅颭東固便。

210 靽鐇嗔呅典藈燕。

211 嬓燕油渚細沔。

212 忮扒瀋瀋塘蓮朋歪。

213 歪瀋瀋賒滆坤透。

214 餒忮扒喇喇帎衝。

215 景恤得切他悉。

216 形椄霜拻啃蛩湄噴。

217 霜如鈰勛痭楮柳。

218 湄豢鋸鐰瘁梗梧。

219 鴣高翎粿沙雿。

220 螻墻吋咏鍾廚搌澖。

221 哎啃蜴月淶轏厓。

222 雋行蕉颭浹外軒。

223 蘿幔拺院颭穿。

224 鞷花蹺鞷月蓮斀簾。

225 花煣月月淹雋屾。

226 月篦花花瀋曾菴。

http://tieulun.hopto.org

227 月花花月重重。

228 斃花鄪月沖悉掣兜。

229 兜掣計閉愁氈惱。

230 自女工婦巧調愧。

231 吶扲金吶迭梭。

232 鶯堆慭緘蚿堆隬絒。

233 楆吶蘇咂強吶吶。

234 斸吏朝唯唯埌窗。

235 埌窗陰嚐魚悉。

236 永扒點粉粧紅貝埃。

237 吶粧點悉俥愁悴。

238 怵餒扒外塖扛氷。

239 恪之奾織姊姮。

240 灤銀淶淚宮腇祝夢。

241 愁揯礦埃重厶襘。

242 悶翥落埃嗹厶粣。

243 醂共花啦瀉談。

244 愁厶醂瀎悶厶花喂。

245 枯笙玉汆回空啃。

http://tieulun.hopto.org

246 揯彈箏汆泛浰秺。

247 怞俘行役閉阾。

248 踈賒溙痱篾涪匏滊。

249 渃捐淶爲鶹鶻啅。

250 蘿肝鍐黚穢譙枯。

251 痚鐀對恪形殊。

252 餒睽離別味咪豢尼。

253 唸咪唉朏悉買煘。

254 咪咳尼劻固爲埃。

255 爲扒淚妾浰堆。

256 爲扒身妾褸雷戔皮。

257 身妾拯賦掑黹帳。

258 淚妾帠岫紝邊巾。

259 嗢群魂夢特賦。

260 眺眺常細江津尋得。

261 尋最課陽臺塶麴。

262 吸櫸尼湘浦淩初。

263 森圍余六情期。

264 拯戈連襘戔徐夢春。

http://tieulun.hopto.org

265 妾恨身吏拯朋夢。

266 時斯払變陻城關。

267 欺麻仍惜欺殘。

268 情斢戢閃夢萬拱空。

269 啞拯撚屾悉罰學。

270 本蹺払徐刻帟愧。

271 悉蹺雙渚貯得。

272 蓮高汆昕鼕潟輛車。

273 變木支院蘋扡渃。

274 鼕鞊撐槐綠雲賒。

275 南村颼堷汆茄。

276 彈鷗鷺孕平沙睊朝。

277 塘熘爟草亭汆墔。

278 鼕核吳岟蜀邊遷。

279 北城院穭罈謣。

280 笛連樓課湄篩咖踂。

281 嬓東貯蘿棶苔埬。

282 雉習荏梅拱眼如。

283 岸澖熩鎖霎霖。

http://tieulun.hopto.org

284 猏鴣拔颭吪呸嚹吋。

285 滀西貗渃朝捥曲。

286 雁翎空洚啜船釣。

287 桮松罈粥笣荲。

288 隔溫濕倘得赻兜術。

289 轚罘皮蹎枲楠坦。

290 蓮鼾樓審率隊番。

291 笠遽凝相轚禗。

292 別兜坡塖羅沔玉門。

293 棯搼坦倚坤學斫。

294 巾招梂弔特貗仙。

295 悉尼化砠拱牾。

296 咬空淚玉麻蓮轚樓。

297 六暯吏瞝牟楊柳。

298 辰勸払仃勁爵封。

299 拯咍閍黵蹂踡。

300 悉払固拱如悉妾庄。

301 悉払啻拱朋如世。

302 悉妾兜敢擬賦賒。

http://tieulun.hopto.org

303 向陽悉妾羔花。

304 悉扒吝矧咳斜霾陽。

305 霾陽底花鐀庄兑。

306 花底鐀拱在霾陽。

307 花鐀花洇觤墻。

308 跠祜花洇眴霜汆吝。

309 茉花妾斀墝包挴。

310 院蘋掑邊壛迻香。

311 拆襜踖趾前堂。

312 語鞹祜厴天章矧蜍。

313 霾銀漢欺霢欺燅。

314 度奎躔晦固晦空。

315 式遽隊六瀎濃。

316 槌甓北斗催東吏兑。

317 戛解戛瀎味輪粉。

318 丈夫群呀哞沔澖。

319 欺甓形影拯浰。

320 悲徐女底隔滆參商。

321 扒跢馭斀長遽撫。

http://tieulun.hopto.org

322 妾踖跬棲翷蔡印。

323 膾春暟俛永信。

324 可傷呂歇汆番良辰。

325 仕汝欺梗姚朵魏。

326 斀颼春鐀紫鷚饒。

327 怒辰妸女払牛。

328 細腇秋吏北梂戈滝。

329 切俛几臡空隀窏。

330 辰節苓惏呂隊猋。

331 梭迻暟暚蹂毛。

332 乳茷審率戈牟春撐。

333 春秋底唳縈於胣。

334 合離仃恤過欺愮。

335 怨愁鼕綱葸排。

336 肝蒲柳易坤奈朝春。

337 箕文君美苗課斀。

338 咳細欺頭泊麻傷。

339 楠花怒矻潘郎。

340 怍欺贗遷坡霜拱凝。

http://tieulun.hopto.org

341 凝顏色當澄花妾。

342 惜光陰吝呂招戈。

343 凝髾薄惜年花。

344 妒絲汆祝侈勘娜洞。

345 閣香怒慲懞髊楠。

346 樓花箕彷彿唏香。

347 責枲鞪底呂廊。

348 妾溾妾吏溾払拯悁。

349 払拯貾鴣鴛於內。

350 甘共饒碍餒分張。

351 吏拯貾燕連棎。

352 鉑頭爷女悁塘緲蹺。

353 翅鴣鵑習超共翎。

354 蹎獙蛩隑另訂移。

355 柳塘蓮俸別之。

356 羔欺拱嗢花欺拱連。

357 意類物情緣群世。

358 鞪劫得女技妬低。

359 妾嗔閉劫緣尼。

http://tieulun.hopto.org

360 如鴣連翹如椄連梗。

361 悼閉劫窏情辰丕。

362 蹺劫尼欣貗劫斲。

363 妾嗔扒渚泊頭。

364 妾辰窏買祕牟祕中。

365 嗔厶霾蹺共扒丕。

366 扒赻兜拱貗妾邊。

367 扒拫暈日變願。

368 每念忠愛妾嗔院贃。

369 悉許國櫰糇屹屹。

370 飭疵民勁鏢知知。

371 泖單于瞛月氐。

372 意辰晦旺意辰餂咬。

373 鋂銅博隊吝欣許。

374 匋悉垒麈窏得忠。

375 獲扒姦陣成功。

376 摋牄塿北撩弓嬓兌。

377 霾幟啫旗外關隘。

378 啃凱歌跁吏神京。

http://tieulun.hopto.org

379 嵽嬓踈砐底名。

380 朝天刨斀宮庭登功。

381 盪銀漢鈸銅沼沚。

382 曲歌詞呇嘪啀吽。

383 才輞秦霍院全。

384 牻記閣熩像傳臺麟。

385 堰勳將帶巾煣厴。

386 窏同休碑筰衋冬。

387 恩連子廕妻封。

388 分榮妾拱淡鍾香丟。

389 妾拯愧如俘蘇婦。

390 払罕空劍優洛陽。

391 欺術扜顆印鐀。

392 連空緻敢氾揚厶高。

393 嗔爲払咍袍襘甲。

394 嗔爲払撚笠風霜。

395 爲払鈀祝囌鐀。

396 爲払點粉扜香惱濃。

397 擙巾淚払轣曾屾。

http://tieulun.hopto.org

讀詞愁扒審曾句。

句愜撏歇句愁。

唏爷共計斀斲每唾。

仕津滆吝吝隊嚼。

仕歌寅練練隊聜。

聜吟對飲曾番。

共扒吏結綒緣嗟溦。

朱補六愁賒隔忸。

矜麈饒愜課清寧。

吟哦蒙呶矜情。

豢尼歐罕才鐻丈夫。

http://tieulun.hopto.org

KHẢO DỊ [1]

6. Lửa Cam Tuyền lòe loẹt thức mây
7. Chín lần gươm báu chống tay
18. Gác bút nghiên theo việc đao cung.
22. Gieo Thái Sơn nhẹ nhữ hồng mao.
25. Ngòi đầu cầu nước trong như lọc.
34. Lòng chàng toan băng cõi non Thiên.
36. Chỉ ngang ngọn giáo vào miền hang beo
43. Hà lương chia ghẽ đường này.
46. Kỵ sau còn ngút nẻo Trường Dương.
50. Hàng cờ đi trông bóng phất phơ.
55. Đoái trông nhau đã cách ngăn.
57. Chốn Hàm Kinh chàng còn ngoảnh lại.
58. Ngác Tiêu Tương thiếp hãy trông sang.
60 Cơn Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.
68. Nội không muôn dặm xiết sao dãi dầu.
78. Nước lòng khe nẻo lội còn sâu
79. Xót người áo giáp bấy lâu
80. Lòng quê qua đó mặt sầu chẳng khuây.
82. Trạng chinh phu ai vẽ cho nên.
89. Từ đi sang đông nam khơi nẻo
95. Non kỳ quạnh cõi trăng treo.
101. Dấu binh hỏa nước non như cũ.
103. Phận trai già cõi chiến tràng.
108. Mày reo đầu ngựa, giáo dan mặt thành.
109. Hội công danh trăm đường rộn rã.
111. Nỗi niềm biết ngỏ cùng ai.
115 Những mong cá nước sum vầy.
116. Bao giờ đôi ngã nước mây cách vời.
120. Khiến người thôi sớm thì hôm những rầu.
121. Phết phong lưu đương chừng niên thiếu.
125. Thủa lâm hành oanh chưa bận (?) liễu.
127. Nay quyên đã trục oanh già
131. Hẹn cùng ta Lũng Tây đèo ấy.
136. Thôn lư nghe dậy tiếng cầm lao xao.
138. Đêm lại tìm nào có tiêu hao.
142. Gốc hoa tàn đã rải (trải) rêu xanh.
143. Rêu xanh mấy lớp xây quanh
149. Thử tính lại gần khơi ngày ấy.
154. Kìa từ thân khuê phụ nhớ thương.
155. Tác giả phơ phất mái sương.
156. Con thơ măng sữa vả đương bộ trì.

---

1. Chúng tôi lập bảng *khảo dị* này riêng đối với bản *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc*.

http://tieulun.hopto.org

160. Luyện con đèn sách, thiếp làm phụ thân.
163. Nhớ chàng trải mấy thu sao.
165. Rối lòng thêm nghìn vạn ngổn ngang.
172. Ngõ chàng thấu hết tấm lòng tương tư.
178. Tới xuân này tin hãy vắng không.
186. Gieo quẻ tiền tin dở còn ngờ.
187. Trời hôm đứng mái ngẩn ngơ.
192. Lệch làn tóc rối, lỏng vòng lưng eo.
197. Đèn biết cũng dường bằng chẳng biết.
199. Buồn muôn nói chẳng nên lời
203. Bể tuôn lai láng mạch phiền.
204. Tưởng chi khắc vựng một niên dần dà.
208. Dây uyên kinh đứt, phím loan sợ chùng.
217. Sương như búa đẽo mòn gốc liễu.
218. Mưa nhường cưa xẻ héo cành ngô.
219. Chim cao cánh mát sa mù.
221. Vài tiếng dế nguyệt rơi trước chái
222. Một hàng tiêu gió rải ngoài hiên.
225. Hoa trải nguyệt, nguyệt in một tấm
240. Bến Ngân rơi lệ, cung trăng chốc mòng.
241. Sầu ôm nặng ai chồng làm gối.
242. Muộn chứa đầy hãy thổi làm cơm.
243. Rượu cùng hoa lấp tả đàm
246. Ôm đàn tranh mấy phiếm lơi tay.
247. Xót người hành dịch mấy nay.
248. Dặm xa thêm mỏi trắp đầy đã vơi
249. Nước mắt rơi vì ca quyên gióng,
250. Lá gan mềm bởi trống tiều khua.
251. Võ vàng đổi khác hình thù
252. Nỗi khuê ly biết mùi chua dường này.
261. Tìm tới thuở Dương Đài lối cũ.
262. Gặp gỡ nơi Tương Phố bến xưa.
265. Thiếp giận thân lại không bằng mộng.
266. Được gần chàng bến Lũng thành Quan.
271. Lòng theo song chửa thấy người
273. Bến Mộc (?) che ngọn tần rữa nước,
274. Trông cỏ xanh dâu lục nẻo xa.
275. Nam thôn gió bụi mấy nhà,
276. Đàn âu lộ dựng bình sa buổi chiều.
277. Đường dập dìu thảo đình mấy lúc,
278. Trông cây Ngô núi Thục bên mây.
279. Bắc thành ngọn lúa chen dày
280. Địch trên lầu thuở mưa sây thét dài.
281. Non đông thấy lá rơi đầy đống
282. Trĩ xập xòe mai cũng nhởn nhơ.
284. Con chim bạt gió lo bì nản kêu.
285. Sông tây thấy nước triều uốn khúc.

http://tieulun.hopto.org

287. Gốc tùng chen chúc khóm lau
288. Cách duềnh thấp thoáng người đâu đi về.
291. Lớp mây ngưng mắt trông nhìn
292. Biết đâu bờ cõi là miền Ngọc Môn
299. Chẳng may muôn dặm ruổi giong
309. Chồi hoa nở trước sân đã hái
310. Ngọn tần cài bên bãi đưa hương
316. Đuôi sao Bắc Đẩu thôi đông lại đoài.
318. Trượng phu còn nha nhẩn miền khơi.
319. Khi sao hình ảnh chẳng rời.
321. Chàng giong ngựa dặm trường mây phủ.
327. Nọ thì ả Nữ chàng Ngâu
328. Tới trăng thu lại bắc cầu qua sông
329. Thiết một kẻ phòng không luống giữ
335. Oán sầu nhèo rối tơi bời
338. E tới khi đầu bạc mà thương
341. Ngừng nhan sắc đương chừng hoa nở
343. Ngừng mình bạc, tiếc niên hoa
350. Cam cùng nhau ngại nỗi phân trương
351. Lại chẳng thấy én trên rường.
352. Bạc đầu nào nỡ quên đường quấn nhau.
353. Cánh chim quyên đập siêu cùng lượn,
354. Chân muông cùng lóng lánh đều di.
355. Liễu đường sen vũng biết chi
356. Chồi chi cùng dính, hoa khi cũng liền
359. Thiếp xin muôn kiếp duyên này
361. Đành muôn kiếp chữ tình là vậy
368. Mọi niềm trung ái thiếp xin vẹn tròn
369. Lòng hứa quốc thắm son ngắt ngắt
370. Sức tý dân gắng sắt tri tri.
372. Ấy thì bữa uống, ấy thì bữa ăn
373. Mũi đòng vác đòi lần hăm hở
379. Đỉnh non thơ đá để danh
381. Doành Ngân Hán việt đồng rửa sạch
382. Khúc ca từ réo rắt khong khen
385 Nền huân tướng đai cân giại vẻ
386. Chữ đồng hưu bia *thẻ* nghìn đông
390. Chàng hẳn không kiếm lũ Lạc Dương
392. Trên khung cửi dám dễ dàng làm cao.
393. Xin vì chàng thay bào cổi giáp.
395 Vì chàng tay chuốc chén vàng.
399. Câu vui đổi hết câu sầu
400. Hơi nào cùng kể trước sau mọi lời.
404. Cùng chàng lại kết mối duyên tận già.
407. Ngâm nga mong gửi chữ tình

http://tieulun.hopto.org

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

(1705 - 1748)

Bà hiệu là Hồng Hà người làng Giai Phạm (sau đổi là Hiến Phạm), huyện Văn Giang, (nay thuộc tỉnh Hưng Yên).

Theo gia phả họ Đoàn thì họ của bà trước là họ Lê, đến thời thân phụ bà mới đổi ra họ Đoàn và ông có tên là Đoàn Doãn Nghi. Thân phụ bà đậu Hương cống cuối đời Lê, thi Hội không đậu, ở nhà dạy học và bốc thuốc.

Bà có người anh là Đoàn Doãn Luân. Từ nhỏ bà đã được học tập với cha và anh. Bà thông minh và sớm tỏ ra có văn tài vì thế có nhiều giai thoại xung quanh người con gái tài hoa ấy.

Năm bà 16 tuổi, Thượng thư Lê Anh Tuấn (người Thanh Hóa) nhận bà làm con nuôi và sau có ý định tiến bà vào phủ Chúa Trịnh làm cung phi, nhưng bà không chịu. Bà bèn trở về theo cha, anh dạy học ở làng Lạc Viên, huyện An Dương, nay thuộc Hải Phòng. Năm bà 25 tuổi (1729), thân phụ mất. Cả gia đình lại dời về làng Vô Ngại, huyện Đường Hào, nay là Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên, là nơi dạy học của anh bà. Chẳng bao lâu, anh bà cũng qua đời. Bà liền thay anh mình dạy học và bốc thuốc để nuôi mẹ, chị dâu và cháu nhỏ. Học trò bà cũng có nhiều người thành đạt và có cả người đậu đến đại khoa. Bà có học có tài nên việc kén chồng cũng phải kén người có học có tài và mãi đến năm 37 tuổi bà mới kết duyên với Tiến sĩ Nguyễn Kiều. Ông này góa vợ.

Lấy nhau chưa đầy một tháng thì chồng bà được cử làm Chánh sứ sang cống nhà Thanh. Vì có giặc ở biên giới nên chồng bà bị kẹt ở dọc đường, phải gần ba năm mới trở về. Bà ở nhà một mình thay chồng lo việc nhà. Có thể trong thời gian này bà đã dịch *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn vì bà cũng mang tâm trạng như một chinh phụ xa chồng [1].

---

1. Trong bài *văn tế bà*, Nguyễn Kiều cũng có viết:
Ba năm đi sứ Bắc, mày liễu buồn chau,
Năm ngựa trở về nhà, mặt hoa cười nở.

(Hoàng Xuân Hãn *dịch*)

http://tieulun.hopto.org

Khi trở về, Nguyễn Kiều được cử làm Tham thị ở Nghệ An. Bà theo chồng vào đến nơi thì mắc bệnh và mất ở trong đó, năm ấy mới có 44 tuổi.

Ngoài bản dịch *Chinh phụ ngâm khúc* ra chữ Nôm, Đoàn Thị Điểm còn sáng tác ra tập truyện viết bằng chữ Hán gọi là *Truyền Kỳ tân phả*. Tác phẩm chữ Hán này được giới thiệu trong tập 7 của bộ Tổng tập này.

http://tieulun.hopto.org

BẢN B (ĐOÀN THỊ ĐIỂM?)

Diễn âm:

CHINH PHỤ NGÂM

Sau khi đã công nhận Phan Huy Ích là dịch giả bài *Chinh phụ ngâm* hiện hành, cần phải tìm hiểu xem trong hai bản dịch B và C (mà Hoàng Xuân Hãn đã phiên âm và chú thích) bản nào là bản do Đoàn Thị Điểm dịch.

Hiện nay chưa có thể xác định rằng trong hai bản B và C ấy bản nào là do Đoàn Thị Điểm dịch. Vậy xin giới thiệu cả hai bản để làm tài liệu tham khảo.

Viết tắt:

Vc : bản Nôm viết cũ chép hai bài B và C

Lh : bản Long Hòa.

Tt : bản Trường Thịnh.

Ph : Phan Huy Ích

CPNBK : *Chinh phụ ngâm* bị khảo.

HXH : Hoàng Xuân Hãn.

http://tieulun.hopto.org

I. THỜI CHIẾN TRANH

1. Cơn gió bụi

Trời đất thuở gió bay bụi nổi,
Khách hồng nhan nhiều nỗi truân chuyên.
Kìa thăm thẳm nhé Thương thiên!
Uẩy ai gây dựng nhân duyên lỡ dàng [1]?
Vang tiếng trống chốn Tràng An nguyệt,
Ngoài Cam Tuyền, lửa khét rựng [2] mây.
Chín lần gươm việt cầm [3] tay,
Nửa đêm cửa tướng hịch bay [4] ầm ầm.
Ba trăm năm dưới trời [5] bình trị,
Việc nhung y nảy kẻ vũ thần.

2. Xuất quân

Sứ tinh sớm giục lên đường,
Người đi sợ phép, xem thường biệt li.
Lưng, trẩy đi, cung tên mang mể,
Áo phân tay, xem nhẹ tình duyên.
Ngọn cờ ra ải đeo phiền,
Trống còi ỏng ỏng, dẹp bên, giã nhà.
Giận thiết tha một lời đôi ngã,
Nỗi hợp tan buồn bã xiết lo [6].

---

1. *Lỡ dàng:* Dàng là dạng, nghĩa là khuôn khổ. Nay nói lỡ làng, hoặc nhỡ nhàng.
2. *Rựng:* Vc lầm ra *đóa,* vì tự dạng.
3. *Cầm:* Vc chép *trao*. Ý sai. Xét tự dạng, tôi chữa ra *cầm*.
4. *Hịch bay:* Dịch nghĩa đen hai chữ Phi hịch. Ý là truyền hịch rất chóng.
5. *Dưới trời:* Dịch nghĩa đen hai chữ thiên hạ. Nghĩa là toàn cõi.
6. *Xiết lo:* Nghĩa là lo đâu xiết.

http://tieulun.hopto.org

3. Chí chinh phu

Chàng hai mươi tuổi, cửa Ngô,
Gác nghề nghiên bút, dở đồ cung đao.
Đem thành dài ngưỡng [1] trao Minh thánh,
Xin tấc gươm dẹp tĩnh Thiên kiêu.
Trượng phu mã cách quản bao [2],
Ra tay, non Thái dường gieo lông hồng.
Giã khuê phòng, xe nhung gióng giả,
Vọt gió kêu ra ngả Vị kiều.

II. CHÀNG XUẤT CHINH

1. Lúc tiễn biệt

Đầu cầu duềnh nước trong veo,
Bên duềnh cỏ mọc xanh êu đầy đường.
Thiếp tiễn Chàng chưng cuông chốn ấy,
Tấc lòng riêng ngay ngáy xiết bao.
Lên đường, giận chẳng bằng câu,
Tới dòng nước, lại giận đâu bằng thuyền.
Nước xanh rờn chảy trong vặc vặc,
Chửa chút chiu rửa được lòng sầu.
Cỏ thơm mướt mướt ngắt màu,
Chưa phần nào lảng lo âu dạ nầy.
Tay cầm tay, nói hòa chẳng dứt,
Bước dần dần riêng bận gót xiêm.
Theo Chàng tựa bóng gương thiềm,
Lòng Chàng muôn dặm đăm đăm tếch ngàn.
Chén gieo tan, Long Tuyền thoắt múa,
Mũi giáo ngang thẳng trỏ lang quan.

---

1. *Ngưỡng:* Nghĩa là ngửa mặt, trỏ ý kính trọng.
2. *Bao:* Vc chép *đâu*, thành trùng vận với vế 32. Tôi chữa.
Ngay ngáy. Vc viết *ngại ngại*. Có lẽ đọc ngay ngáy là phải hơn. Nghĩa: lo luôn và nhiều.

http://tieulun.hopto.org

Rằng theo ai dẹp Lâu Lan,
Man Khê mỉn [1] tới, tranh bàn Phục Ba.
Áo sáng [2] lòa đỏ dường màu ráng,
Cỡi ngựa kiêu trắng dạng [3] dường sương.

2. Chàng lên đường

Ngựa Kiêu sảng sảng nhạc vàng,
Chiêng khêu, trống gióng lên đường ruổi mau.
Chửa bao lâu mặt cùng nhìn mặt,
Bỗng vội vàng nẻo dứt đôi phương.
Đôi phương từ chốn hà lương,
Bồi hồi thuở đứng bên đường giã nhau.
Mặt dàu dàu băng trông hành lộ,
Lá cờ bay lồ lộ rợp đường.
Xe [4] tiên, Tế Liễu bắc phương,
Ngựa sau, tây ở Trường Dương cõi nhà.
Đoàn ngựa xe đưa ra ải tuyết
Dương liễu kia khôn biết lòng nầy.
Lạc mai tiếng nhẫn xa bay,
Vẻ cờ mờ mịt một ngày một khơi.
Trông mây dời, Chàng cùng thiếp ghẽ,
Trông mây về, Chàng để thiếp mong.

3. Cùng ngóng nhau

Chàng đi ngoài cõi mịt mòng,
Thiếp về chốn cũ loan phòng ủ ê.

---

1. *Mỉn:* Dịch chữ Tiếu là cười. *Tranh bàn.* Vc viết "sự bàn". Vô nghĩa. Tôi xét tự dạng mà chữa. Nghĩa là tranh luận.

2. *Sáng:* Có thể đọc: rạng.

3. *Dạng:* Vc viết như vậy. Nghĩa là hình bộ. Cũng có thể đọc: rạng; *Sương:* Dịch ép chữ tuyết, nhưng ý cũng đúng, vì sương ở Hán văn là nước đọng trên cây cỏ và đông thành giá trắng.

4. *Xe:* Vc viết: quân. Nhưng ở vế 57 lại có "Đoàn ngựa xe". Tôi chữa. Xem phần Hiệu đính bài A.

http://tieulun.hopto.org

Nẻo ở, đi, mặt cùng trông đoái,
Đóa [1] mây xanh cùng trái non thương.
Chàng thì đoái thiếp Hàm Dương,
Thiếp thì dõi dõi Tiêu Tương đoái Chàng.
Bến Tiêu Tương mấy hàng khói tỏa,
Cây Hàm Dương bóng lá ngất đầu
Trông nhau mà chẳng thấy nhau,
Xanh xanh những thấy bóng dâu trên đường.
Dâu mấy hàng, có hay chăng nhé,
Lòng đấy đây, ai kẻ vắn dài?

III. NỖI THƯƠNG SỢ

1. Thương Chàng vất vả

Phong sa, từ đấy cõi ngoài,
Đêm trăng rạng [2], biết chốn ai đỗ nằm.
Gẫm cổ kim [3] chiến trường từng trải,
Muôn dặm trời quạnh mái nhà thôn.
Gió hun mặt khách héo don.
Nước sâu, ngựa nép vó chồn thiết tha.
Chốn Long sa, người nằm gối trống,
Kẻ nương yên, nhắp đống mộ thiêng [4].
Bạch Đăng nay Hán xuống[5] thành,
Mai Thanh Hải khúc đã nghênh mắt Hồ.

---

1. *Đóa:* Vc viết thế. Có thể là chữ dựng, đọc rặng, mà lầm ra, vì tự dạng. Rặng là dãy dài, nói về núi, cây.

2. *Đêm trăng rạng:* Vc chép: Rạng ngày mai. Đó là vì Hán văn bản Vc lầm chữ Nguyệt ra chữ Nhật. Minh nguyệt là trăng sáng; còn minh nhật là ngày mai. Tuy thoại sau cũng có nghĩa, nhưng chắc đây Đặng Trần Côn lấy chữ ở câu thơ của Hứa Hồn (xem phần Dx). Tôi chữa cho đúng ý ấy.

3. *Cổ kim:* Vc chép: Xưa nay: Làm cho vế 77 nầy không có vần lưng nào hợp với vần "nằm" ở vế trên. Hoặc là chữ *nằm* ấy là sai, mà phải chữa ra chữ *dừng* để hợp với vần "trường" trong vế 77: hoặc là hai chữ Xưa nay là sai, và phải chữa ra *Cổ kim* (nguyên âm *là Cổ câm*, sau đổi có lẽ vì húy của tổ nhà Nguyễn) để hợp với vần *Nằm* ở vế 76. Tôi nghĩ rằng Vc đã lầm theo thuyết sau.

4. *Thiêng:* Đáng viết "linh", thì vần mới đúng hơn.

5. *Xuống:* Dịch nghĩa đen chữ Hạ, nghĩa là lấy được.

http://tieulun.hopto.org

Đường quanh co, nọ Thanh Hải khúc,
Thấp hòa cao, chen vóc non xanh.
Non xanh trước nọ rành rành,
Dứt thôi lại nối,[1] kìa duềnh Thanh khê.
Nẻo trên khe, đầu rây thức tuyết,
Dưới suối thì nước xiết nương long.
Ít nhiều xót kẻ tùng nhung,
Trông về dõi dõi, cuông lòng nhớ thay.
Trên trướng gấm có hay chăng nhé?
Nỗi gian nan, ai vẽ chinh phu?
Tưởng chàng chốn trải mấy thu,
Tiêu quan mom đất, hải ngu bên trời.
Điếm mưa rơi cùng thôn sương rắc,
Chốn xà khu, hổ lạc hãi hùng.
Ở ăn xiết nỗi lạnh lùng,
Vế[2] in tuyết trắng, râu lồng giá trong.
Thức mây lồng, đứng cao trông vọi,
Khiến làm sao chẳng nổi sầu tây.

2. Sợ chàng thiệt thân

Đông nam từ thuở phân tay,
Chàng nay đánh dẹp chẳng hay đạo nào?
Người bấy nay quản bao gối bác,
Tính mệnh xem nào khác cỏ sương.[3]
Dưới đòng sực sựa hơi dương,
Ơn thâm bể thẳm, ấm dường ấp bông.
Lần trải trong khắc giờ kíp nhé!
Giáo giăng văng[4] thiệt kẻ thiếu niên.
Trăng mờ mờ chốn Kỳ liên,
Gió hiu hiu thổi mộ bên sông Phì.

---

1. *Nối:* Vc lầm chép ra *rối*, vì tự dạng.

2. *Vế:* Vc chép chữ gồm bộ Nhục và chữ Đế. Đọc dế. Nay biến âm ra *vế*. Hai âm tố D và V thường biến lẫn nhau.

3. *Sương:* Vc lầm chép ra *mây*, vì tự dạng.

4. *Giăng văng:* Xem phần Hiệu đính bài A, vế 238, chữ *giăng* đây viết bằng chữ Tráng. Có lẽ đó là muốn viết chữ Trang, hoặc Giang.

http://tieulun.hopto.org

Gió đòi khi đưa hồn tử sĩ,
Trăng lần soi mặt kẻ chinh phu.
Chinh phu ai kẻ vẽ đồ,
Hồn người tử sĩ, ai hồ viếng thăm.
Khá xót thầm giang sơn chốn ấy,
Tình khách nhân qua đấy dường bao?
Trông về, mấy kẻ khát khao,
Ban Siêu đầu bạc, tây giao [1] mới về.
Tưởng ngựa xe cõi Chàng gióng việc,
Ba thước gươm một chiếc nhung yên.
Cỏ ngàn gió át, trăng xuyên,
Mày reo [2] trước ngựa, cần xiên trên thành.
Hội công danh tấc vàng thắc mắc,
Khó nhọc đành chưa được thảnh thơi.

IV. NỖI NHỚ NHUNG

1. Than cách trở

Cùng ai nỗi ấy ngỏ lời,
Bên trời chàng ở, thiếp ngồi nương song.
Phận đã xong [3], nương song dám ngại,
Chàng bên trời, há phải hồn xưa.
Hồn xưa, cá nước duyên ưa,
Phận nầy, mây nước trông chờ [4] bao an.
Thiếp chẳng toan mình làm chinh phụ,
Cùng Vương Tôn, Chàng há học đòi.
Việc chi nam bắc xa xôi?
Khiến người rầu rĩ sớm thôi lại chiều.

---

1. *Tây giao:* Giao đây là chữ gồm bộ Ấp và chữ Giao. Nghĩa là phần đất ở cách ngoài nước hơn trăm dặm.

2. *Mày reo:* Vc viết "Gươm gieo" sau lại chữa ra "Gươm khua".
Nghĩ rằng đó là kẻ sao lại viết lầm, tôi chữa.

3. *Phận đã xong:* Vc chép: Buông đã xong (hay xông). Đó là sai ý Hán văn, là: phận đã đành. Sự sai ấy là bởi tự dạng. Chữ *buồn* viết *Bồn*, gồm chữ Phận ở trên.

4. *Chờ:* Vc viết chữ *Đại*, nghĩa là chờ, thường đọc *đợi*.
Đây chắc là chữ Từ, đọc *chờ*, bởi vần và luật như thế mới hợp.

http://tieulun.hopto.org

Tuổi chưa nhiều, đấy phong lưu khách,
Đây trẻ trung, muôn dịch [1] vừa quen.
Bao kham [2] đôi kẻ thiếu niên,
Đều riêng ấm lạnh, dặm nghìn ai hay.

2. Trách lỗi ngày hẹn

Thiếp nhớ ngày Chàng cùng thiếp ghẽ,
Đóa liễu mềm chưa rỉ tiếng oanh.
Hỏi Chàng bao lại hồi trình?
Chàng rằng: phỏng độ quyên minh tới nhà.
Nay quyên đã trục oanh già,
Trước lầu liễu nọ lại hòa tiếng ri.
Nhớ Chàng trong thuở trẩy đi,
Tuyết mai kia chửa biết gì gió xuân.
Thiếp hỏi Chàng độ về bao nả?
Trỏ đào hoa ngày rữa thức hồng.
Rày hoa đã quyến gió đông,
Mai già trên nước, lại cùng phù dung.

3. Trách lỗi nơi hẹn

Thiếp dặn cùng chốn nào chờ đợi?
Ngàn Lũng tây hẹn nói thiết thay!
Nửa ngày chẳng thấy lại rày,
Lá cây lác đác xuống [3] đầy mũi giêm.
Đứng trông xem, hạt châu luống ngậm,
Chim trời trưa làng rậm kêu sầu.
Cùng nhau hẹn ở nơi đâu?

---

1. *Dịch:* Chữ Nôm dùng chữ *dịch* để viết tiếng *việc*. Sự biến âm tố D và V là thường, và sự thay đổi hai âm tố cuối C và Ch cũng hay có (ví dụ: thác và thách). Ở đây, đọc *dịch* thì hợp vần hơn.

2. *Bao kham:* Nghĩa là: kể sao xiết.

Vc nguyên chép "Thiếp nhớ *thủa cùng chàng*. Sau có nét son chữa lại. Hai vế này đáng lẽ là song thất. Phan Huy Ích lấy lại vế 145 (xem bài A).

3. *Xuống:* Vc nguyên chép chữ Lũng, thường đọc *Luồng*.

Nhưng đọc như thế thì vô nghĩa. Theo Hán văn mà đoán, thì có thể đó là ý *rụng*, nhưng chữ này viết khác. Tiếng xuống, nghĩa cũng vậy, và tự dạng rất gần *Giêm*. Nôm viết chữ Chiêm, đọc *giêm*, nghĩa: trâm.

http://tieulun.hopto.org

Âu là cũng hẹn ở cầu Hán Dương.
Mặt trời vàng, vắng tanh chẳng thấy,
Áo phất phơ hây hẩy cốc phong [1].
Nhịn ngừng [2] thuở đứng trông mong,
Nước triều ban tối dẫy dòng hàn giang.

4. Trách hẹn lần lữa

Trước, gửi chàng xin mau trở lại,
Tin lại, mà người hãy còn không.
Cành dương hoa rụng dường bông,
Gió đưa rời rạc lẫn cùng rêu xanh.
Rêu lại rêu, xanh xanh đòi chốn,
Bước nhàn đình ngẫm ngụt [3] kể trăm.
Thư về, xưa đã mừng thầm,
Thư về, nay chửa thấy tăm người về.
Chốn song the, tư bề vắng vẻ.
Ác tà tà bóng xế rèm hoa.
Tà tà thôi đã lại tà,
Xem trong mười hẹn, kể đà chín sai.

V. NỖI LẺ LOI

1. Nuôi mẹ dạy con

Thầm tính ai từ phen lần tuyết,
Sen đúc tiền chẳng biết [4] đã ba.
Ngày chầy tử tái, thiết tha,

---

1. *Cốc phong:* Đó là nguyên Hán văn. Nghĩa là gió đông.

2. *Nhịn ngừng:* Vc nguyên viết: ngập ngừng. Chắc sai. Xem chú thích 135 ở bài A.

3. *Ngẫm ngụt:* Vc chép tiếng sau bằng chữ gồm bộ Khẩu và chữ Cốt, có lẽ đọc *gụt* (gẫm gụt) hoặc *ngụt*. Tuy tiếng ngụt có thể viết khác, tôi đọc như vậy, vì ngẫm ngụt là biến âm của ngẫm ngùi, và nghĩa cũng vậy. Về vần thì hai âm tố cuối N và T thường hay đi đôi trong vận văn ta.

4. *Chẳng biết:* Dịch nghĩa đen hai chữ *Bất giác*, nghĩa là không ngờ.

http://tieulun.hopto.org

Hoàng Hoa muôn dặm thậm là xót xoa[1].
Thú Hoàng Hoa, gia thân đều có,
Ải tía kia, khuê phụ ai không.
Sao khuây dưới gối, nên lòng;
Sao kham lâu ở, lạnh lùng phòng hương.
Tóc đường sương, mẹ chàng tuổi tác,
Mà con chàng trứng nước trẻ thơ.
Mẹ già ngoài [2] cửa đứng chờ,
Con thơ ngồi chực sớm trưa bữa thường.
Nuôi mẹ chàng, thiếp khôn làm gái, [3]
Dạy con chàng, thiếp phải làm cha.
Một mình nuôi dạy hai là, [4]
Nhớ chàng, tủi thiếp, nay đà mấy phen.
Ngày dường tên, trước đà thoắt khỏi,
Lại năm rày ban tối [5] còn đâu.
Thẩm chàng lần lữa bấy lâu,
Hai ba năm trải, lại hầu bốn năm.
Thiếp âm thầm tấc lòng ngao ngán.
Kể trăm nghìn muôn vạn xiết bao.
Bên chàng, ước được làm sao!
Kể bày lòng thiếp khát khao đoạn trường.

2. Dở vật cũ

Mặt hoa vàng ở trong cung Hán,
Đưa về, ngày gả bán thiếp xưa.
Cậy ai rày được gửi đưa,
Tỏ cho lòng kẻ trông chờ nhớ nhau.

---

1. *Xót xoa:* Vc viết chữ sau bằng chữ gồm bộ Tâm và chữ Soa.
Đọc: xoa. Nay cũng nói: xót xa.

2. *Ngoài:* Vc chép *ngồi*, chắc sai, vì trái với ý chữ *đứng* ở dưới. Tôi chữa lại chữ ngoài.

3. *Khôn làm gái:* Nghĩa là khó lòng làm gái, tức là làm trai.
Vì vần và luật, cho nên dịch ép.

4. *Hai là:* Nghĩa: cả hai.

5. *Ban tối:* Vc viết tiếng đầu bằng chữ Độn (gồm chữ Đồn và bộ Hiệt). Nhưng "Độn tối" không có nghĩa. Tôi đoán rằng đó là chữ Ban, tự dạng gần chữ Độn. Ban tối là nghĩa chữ Mộ ở Hán văn. Đáng chữa ra *ban cuối* thì rõ nghĩa hơn. Một thuyết khác cũng có thể đó là: *gần tối.*

http://tieulun.hopto.org

Gương Tần lâu, mặt soi vặc vặc,
Cùng với chàng ngày trước soi chung.
Cậy ai đưa được tới cùng,
Soi riêng bóng [1] thiếp lạnh lùng bên chăn.
Xưa chỉ ngân phau phau thức bạc,
Vốn ở tay ngày trước chẳng rời...
Cậy ai gửi được tới rày,
Hạnh nào quê khách của nầy báu trận.

VI. NỖI TRÔNG NGÓNG

1. Ngóng tin về

Trước đòi lần, có tin thư đoái,
Rày thưa thư mà lại thưa tin.
Thấy nhàn, ngỡ lụa thư truyền,
Mảng sương đưa lạnh thì mền xuýt [2] may.
Gửi gió tây cánh hồng chẳng thuận,
Xót cõi ngoài kẻ lẩn sương mưa.
Tuyết chẳng ưa, tựa nằm trướng hổ,
Mưa lạnh lùng, nương đỗ màn lang.
Xiết bao rét lạnh trăm đường.
Cõi ngoài đường ấy, khá thương những người.

---

1. *Bóng:* Trong bản Vc, hai tiếng *bóng* và *bụng* viết bắt một chữ. Đây đọc "bụng" cũng có nghĩa hợp với tích *Gương lầu Tần* (xem chú thích bản Dịch xuôi). Tôi nghĩ rằng đây nên đọc "bóng", vì ý ấy rất hợp với ý lạnh lùng ở sau.

Sau vế này, bản Vc hình như chép sót bốn vế. Có sự lạ là bản Hán văn Vc nguyên cũng sót bốn vế ấy và sau mới thêm vào. Xét qua ta có cảm tưởng rằng bài diễn ca đã theo Hán văn mà sót như vậy. Nhưng xét kỹ, ta thấy rằng không phải thế. Một lẽ là đoạn nầy có bốn tiết mang bốn vế Hán văn giống nhau: "Bằng thùy ký Quân tử". Sự ấy làm cho kẻ sao lại đã sót một đoạn. Lẽ thứ hai là trong bản diễn ca, vế 210 và về sau không ăn vần lắm. Sự ấy làm cho ta tin rằng kẻ sao cũng đã bỏ sót một đoạn. Sau đây tôi phỏng theo bút pháp diễn giả, mà thử tái lập bốn vế đã mất:

Cậy ai mà gửi tới nơi,
Để đem vật mọn ngụ lời thương nhau.
Trâm cài đầu, trắng ngời thức ngọc,
Khi trẻ thơ, thiếp vọc liền tay.

2. *Xuýt:* Vc chép chữ Chuyết. Có lẽ đọc *xuýt*, nghĩa là toan làm việc gì rồi lại thôi. Hai vế này đáng lẽ phải là lục bát.

http://tieulun.hopto.org

2. Thẫn thờ

Chữ gấm bài, phong thôi lại mở,
Tiền vàng gieo, lại ngợ chẳng tin.
Ác vàng lặn kể mấy phen,
Thẩn thơ người ở trùng hiên một mình.
Bóng trăng thanh trải bao đêm suốt,
Chếch gối nương, tóc sụt, mày sây [1],
Chẳng can chi [2] đắm cùng say,
Mặt hoa tròm trõm [3] dường bay điểm hồng.
Dại ngây cùng nhác, đã không,
Thức mà ngơ ngẩn, xem lòng dường say.
Trên đầu đính lỏng, giêm lay,
Lưng quần gầy gộc, khôn hay gióng cầm.

3. Bạn với đèn

Ngày đăm đăm thẹn hòng [4] duyên thước,
Bóng tròn hiên [5], chân bước dường sa.
Ngùi ngùi xiết kể thay là,
Bức rèm tương [6] nọ cuốn hòa lại buông.
Chạnh tất vuông, ngoài rèm nghênh mắt,
Ác [7] đầu cành, thước bặt đưa tin.
Trong rèm, ngoài lũng đeo phiền,
Biết lòng, đêm có một đèn mà thôi.

---

1. *Tóc sụt mày sây:* Vc chép "mây lọt tiếng rây". Đã không có nghĩa lại sai ý Hán văn. Vin vào tự dạng và cách đọc chữ Nôm, tôi đã tái lập như trên, thành ra đúng ý Hán văn.

2. *Chẳng can chi:* Dịch nghĩa đen hai chữ *Bất quan*, ý là không phải vì.

3. *Tròm trõm:* Vc viết bằng hai chữ *Lãm*, có thể đọc lòm lõm, hoặc tròm trõm. Ý Hán văn là: mắt lờ đờ như say. Tôi nhận thoại *tròm trõm*, vì ta thường nói: mắt tròm trõm vì thức suốt đêm. Đây diễn giả dùng tĩnh tự ấy để trỏ bộ mặt tiều tụy, ngây ngất.

Hai vế này đáng phải là song thất - *Thức* Vc chép lầm ra Thí, vì tự dạng.

4. *Hòng:* Vc chép chữ *Hồng* là đỏ. Tôi đọc *hòng*, nghĩa là chực, đợi một sự gì mình muốn có.

5. *Bóng tròn hiên:* Dịch hai chữ Ngọ viện. Ngọ là buổi trưa, là bóng người ta có thể thu gọn lại dưới chân. Ta còn gọi buổi trưa là lúc tròn bóng.

6. *Tương:* Vc chép lầm ra Sương. Rèm tương là rèm trúc.

7. *Ác:* Dịch chữ nhật là mặt trời.

http://tieulun.hopto.org

Đèn rạng soi, biết dường chẳng biết;
Thiếp một lòng thảm thiết nào nguôi.

VII. NỖI SẦU MUỘN

1. Sầu nhớ

Thảm này biếng kể khúc nhôi
Ngọn đèn hoa với bóng người khá thương.
Suốt đêm trường tiếng gà eo óc,
Thềm bát chuyên [1] ngang dọc bóng hoè.
Sầu tuôn tựa bể bề bề,
Khắc giờ [2] đảng đảng kề về dường năm.
Triện hương trầm, lâm dâm gượng thắp.
Dưới trụ [3] đàn, hoa dập hồn mai.
Ngắm gương loan, gượng gót hài,
Dễ dừng giọt [4] ngọc, khôn nài tháp hoa.
Khúc tì bà, gượng ôm, im ỉm,
Gảy nhơn nhơn dừng [5] phím phượng hoàng.
Cổi phiền [6], cung sắt gượng xoang
Khúc sầu dập át uyên ương phím đàn.
Tấc niềm đan, gió dù len lỏi,
Chác nghìn vàng gửi núi Yên Nhiên,
Gió mà chưa khứng đưa truyền,
Nhớ chàng thăm thẳm, dặm nghìn dường mây.

---

1. *Chuyên:* Vc chép lầm ra chữ Trù, vì tự dạng. Xem chú thích ở phần Dx.

2. *Giờ:* Cũng như trong bài A, chữ này đọc *giờ* hay *chờ* cũng đều thông. Trái với trong bài A giờ đây tôi đọc *giờ,* vì trong bài B nầy, còn có chỗ khác (vế 199 và 332) cũng dùng hai tiếng khắc giờ.

3. *Trụ:* Vc chép lầm ra Quế, vì tự dạng.

4. *Giọt:* Vc chép lầm ra Gót. Theo ý Hán văn, tôi chữa ra *dọt*, vì hai chữ cùng một vần có thể kẻ nhớ bị lầm. Nhưng tôi nghĩ rằng có thể là chữ *Đũa*. Đũa ngọc là dòng nước mắt, dịch hai chữ Ngọc trợ. Trong *Truyện Kiều*, cũng có: "Nàng thì đũa ngọc tuôn dào".

5. *Dừng:* Vc chép lầm ra chữ Chuyên, vì tự dạng.

6. *Phiền:* Vc nguyên chép sâu, sau chữa - *Xoang*. Vc lầm chép ra Không, vì tự dạng. Xoang đồng nghĩa với giang, hoặc xang. Nghĩa là gảy đàn.

http://tieulun.hopto.org

2. Cảnh gợi sầu

Mây diễn thay, khôn thông tin tức,
Lòng nhớ chàng dặc dặc nào khuây.
Nhớ người luống chạnh niềm tây,
Cây tương [1] thức lá, song rây tiếng cùng.
Rụng đùng đùng lá dương, sương bổ,
Cây ngô đồng mưa nọ chẻ tan.
Chim tìm cội, móc sa ngàn,
Vách sương xa lẳng [2], nhặt khoan chuông chiền.
Dế gợi [3] phiền, đêm mưa, mấy khúc,
Ngọn ba tiêu, gió giục [4] phất phơ.
Gió qua cửa, lọt màn thưa,
Trăng đưa hoa thắm [5] thẩn thơ trên mành.
Trước hoa đình, trăng dầu soi bạc,
Hoa dưới trăng, hoa mặc phơi hồng.
Bóng lồng hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa dưới nguyệt cuông lòng đìu hiu.

VIII. NỖI CHÁN NẢN

1. Lười biếng

Giận trăm chiều, thân rồi luống đợi,
Muôn việc đình, biếng tới cuông tay.

---

1. *Tương:* Vc chép Sương. Chắc lầm vì tự dạng. Tương nghĩa là sơn, thiếp vàng bạc vào vật gì cho đẹp. Tôi nghĩ rằng hai chữ đầu vế này có lẽ là: Tuyết tương - *Song.* Song là cửa sổ. Đây diễn giả theo Hán văn ở bản Vc, là "Cùng thanh tế vũ song". Vả chăng bản Vc chép hai vế Hán văn 251 và 252 khác các bản kia.

2. *Vách sương xa lẳng:* So với Hán văn, tôi thấy rằng ý sót nhiều. Tôi nghi ở đây có chữ sai.

3. *Gợi:* Chữ Nôm này có thể đọc *gảy* hay *gợi.* Tôi đọc gợi, tuy rằng chữ *gảy* ăn với chữ khúc ở dưới.

4. *Giục:* Vc nguyên chép *sót.* Sau đó nét son thêm vào. Chữ sót ấy có thể là *thốc,* như trong bài A.

5. *Hoa thắm:* Vc lầm chép ra: *lá thắm;* vì đó là sáo từ.

http://tieulun.hopto.org

Biếng dù canh, cưởi khéo thay,
Trên không, hổ [1] với uyên bày lứa đôi.
Tay biếng rồi, dù thêu vóc khéo,
Bướm song song, ngại nẻo đưa kim.
Biếng trang má tủi, phấn im, [2]
Thâu ngày biếng thốt, trong rèm ngồi nương.
Rủ rèm tương, lần nương cửa xế,
Mặt, vắng chàng, ai vẽ mày quang [3].
Mày ai vẽ, luống bàng hoàng,
Chàng quan nẻo cách từ chàng trẩy đi.
Ví khác chi Thiên tôn Chức Nữ,
Bến Ngân Hà, giọt nhớ [4] thánh tha.
Lạnh lùng ví ả Hằng nga,
Quảng hàn, ngồi tựa song sa một mình.

2. Nản lòng

Sầu chất thành [5], nương đầu làm gối,
Lửa tương tư, cơm thổi lò đan.
Cổi sầu, chén cúc mong toan,
Sầu càng nặng, rót bao an, gượng cầm.
Muộn, những lăm lấy hoa mà cổi,
Muộn nén [6] hoa, hoa tủi dàu dàu.
Lo xa vì nỗi muộn sầu,
Dưới hoa [7] chín suối nước sâu đành rành.
Thử chặp sanh, sanh nào trổi chặp,
Bấm ngân tranh, tay ấp biếng giang

---

1. *Hổ:* Vc lầm chép *Ngọn*, vì tự dạng - *Uyên*: Theo Hán văn bản Vc. Các bản khác chép Oanh, không hợp tứ bằng.

2. *Im:* Vc chép chữ Yêm, đọc *êm* hay *im*? Tôi nhận là Im, với nghĩa dừng. Ý là không xoa phấn.

3. *Ai vẽ mày quang:* Dịch nghĩa đen "Thùy vị dung". Nhưng ý trái. Phải hiểu ai vẽ mày quang làm gì. Ai trở chinh phụ. Chính nghĩa là: Vì ai mà làm dáng.

4. *Nhớ:* Vc chép chữ Nữ, có thể đọc *nỡ*, hoặc *nhữ*.

Tôi nghĩ rằng đó là chữ Nhữ (Nữ cũng đọc là Nhữ) mà phải đọc bằng nhớ, mới hợp tứ. Cũng có thể đó là tiếng *nhỏ*, nghĩa là rơi từng giọt; nhưng chữ nhỏ thường viết khác.

5. *Thành:* Vc viết chữ Thành là bức tường. "Chất thành" nghĩa là chất đống.

6. *Nén:* Vc chép lầm ra *nặng*, vì tự dạng.

7. *Dưới hoa:* Dịch hai chữ "hoa hạ" trong Hán văn chép trong bản Vc. Nhưng hai chữ ấy chắc lầm. Xem Hán văn.

http://tieulun.hopto.org

Gian nan tưởng chốn ải lang,
Nghĩ người chiến sĩ hành trang thêm rầu.
Quốc kêu sầu, khôn dừng hạt lệ,
Trống tiều giong, hầu [1] dễ mềm gan.
Nấu nung vóc liễu héo tàn,
Biết mùi li biệt chua chan dường nầy.

IX. NỖI NHỚ MONG

1. Mộng được gần

Chua cùng cay, xiết bao phong vị,
Nỗi chua cay thật chỉ vì chàng.
Vì chàng giọt tủi hai hàng,
Vì chàng bóng lẻ phòng hương một mình.
Cật đành hanh khuây chàng chinh trướng [2].
Lệ tủi nầy chưa vướng [3] chinh cân.
Những chiêm bao có tới gần,
Đêm đêm qua đỗi giang tân tìm chàng.
Nọ [4] trên đường Dương đài tìm đến,
Kia gặp chàng ở bến Tương Giang.
Nhớ trong vui họp lạ dường,
Sao rồi ra những một trường mộng xuân.
Luống giận thân chẳng bằng giấc mộng.
Cùng cửa Hàm, sông Lũng ra vào.
Mộng thôi lại tiếc rằng sao...
Giác [5] thì lại nghĩ, dối nào có tin.
Chỉn có tấc lòng riêng bứt rứt,
Trong khắc giờ chưa nhụt [6] mộ lông.

---

1. *Hầu:* Vc chép lầm ra "vượn", vì tự dạng và vì hai chữ *mềm gan* ở dưới. Vả lại có chữ Hầu là vượn.

2. *Chàng chinh trướng:* Nghĩa là chinh - trướng của chàng.
Diễn giả thường dùng cú pháp của Hán văn.

3. *Vướng:* Vc chép chữ gồm bộ khẩu và chữ Vương, đọc uống. Tôi đoán đó là chữ Vướng, gồm bộ Mịch và chữ Vương.

4. *Nọ:* Vc chép lầm ra No.

5. *Giác:* Vc chép lầm ra Thấy, vì tự dạng.

6. *Nhụt:* Vc chép chữ Nhật, có thể đọc Nhạt chăng? Chữ Nhạt viết Nôm bằng chữ Lật. Cho nên tôi đọc Nhụt.

http://tieulun.hopto.org

2. Trông bốn bề

Nhớ mà chẳng thấy âm dung,
Đòi ngày thắc thỏm trông mòng xe nhung.
Nẻo trông mòng, chốn nào xem thấy?
Bãi giang châu, có vậy ngất đâu.
Cỏ Yên, dây lục lộn màu,
Mây Tần pha với ngọn dâu một chòm.
Nửa về nam, chinh trần bụi bụi,
Một lũ cò ban tối bình sa.
Kìa trông thấy những chi là?
So le quán khách, rợp lòa đường quan.
Chốn vân gian mờ mờ Ngô [1] thụ,
Khuất trên mây lồ lộ Thục [2] cương.
Nửa thành từ bắc, cỏ hoang,
Mưa phun [3], một tiếng địch xoang lầu hồng.
Nọ trông mòng thấy gì chăng nhé?
Lá non Không [4] chất để nên thành.
Trĩ bay nội quạnh, cỏ xanh,
Mai kia giờn múa một mình bên sông.
Nẻo về đông, gió cùng khói tỏa,
Chim lạc chừng buồn bã kêu may [5]
Lại trông thấy những gì thay?
Dải sông gấp khúc đường rày vòng cung.
Nhạc lác đác trên không và điêm,
Duềnh khơi kia, một phiến quy chu.
Vực [6] tây cỏ lẫn tùng thu,

---

1. *Ngô:* Vc viết lầm ra chữ Ngô mà nghĩa là cây ngô đồng. Đó vì theo bản Hán văn đã chép lầm. - *Mờ mờ.* Trong bản Hán văn ấy, lại chép: "ngô thụ ám". Cho nên diễn giả đã dịch ra *mờ mờ.*

2. *Thục:* Vc chép *thanh.*

3. *Phun:* Vc chép chữ Yêm, có thể đọc *êm.* Tuy nghĩa cũng khá thông, nhưng tôi đoán rằng đó là chữ Phun, chép lầm vì tự dạng. - *Lầu hồng.* Bản Hán văn viết cũ chép Hồng lâu thay cho Giang lâu. Cho nên diễn giả dịch như thế. Xem chú thích ở bài A.

4. *Không:* Là tên núi. Xem phần dịch xuôi. Vc lầm ra chữ Không là chẳng có.

5. *Kêu may:* Vc chép "hơi mây". Tôi theo ý Hán văn và tự dạng mà chữa. Vả lại trong thơ ta thường thấy những câu như: "Nhạn gào sương"; ý cũng như kêu may (may là gió lạnh).

6. *Vực:* Nguyên chép lầm ra Thành, vì tự dạng.

http://tieulun.hopto.org

Mù mù bóng khách Thương châu chất đầy [1].
Đất cùng mây hợp trông ngang dọc,
Ấy chốn nào cửa Ngọc ruổi dong?

X. NỖI NGỜ VỰC

1. Hối hận

Rút đường chẳng chước [2] Trường phòng,
Gieo khăn lại chẳng tiên nương [3] linh phù.
Đỉnh Vọng phu, trinh lòng [4] biến hiện,
Quạnh thang mây [5], dễ đến lầu cao.
Ngảnh trông dương liễu nơi nào,
Ấn phong hầu, giận khát khao nỗi gì.

2. Ngờ vực

Nẻo trẩy đi dặm nghìn cách trở,
Biết lòng chàng có tựa thiếp chăng?
Ví mà lòng nhắc cân bằng,
Với Chàng, thiếp há dám rằng giận chê.
Lòng hoa kia, hơi dương hằng ngóng,
Xót lòng chàng dường bóng lưu quang.
Lưu quang phút diễn bóng gương,
Lòng hoa khao khát, mặt vàng, vàng le.

---

1. *Chất đầy:* Dịch chữ Mãn, mà bản Hán văn viết cũ đã lầm chép thay cho chữ Cách. Hai chữ ấy tự dạng rất gần.

2. *Chước:* Vc lầm chép ra Tố, vì tự dạng.

3. *Tiên nương:* Vc chép lầm chữ Nương ra chữ Ông, làm sai điển tích.

4. *Trinh lòng:* Nghĩa là lòng trinh. Đặt theo cú pháp Hán văn.

Hoặc giả phải đọc riêng lòng? Nhưng vô nghĩa. Hoặc giả kẻ sao lại đã đảo ngược?

5. *Quạnh thang mây:* Nguyên Hán văn trong bản cũ chép vế 343: "Vô thê khả đăng lâu". Nghĩa là không có thang để trèo lên lầu. Bởi vậy mới có lời dịch trên. Tôi nghĩ rằng đó là vì chữ Lệ (là nước mắt trong vế ấy, đã bị đổi ra chữ Thê là nước mắt, hoặc đó nguyên là chữ Thế. Chữ Thế ấy lại gần giống chữ Thê là thang. Mà muốn trèo lên lầu thì phải có thang! Vì những lẽ ấy, mới có sự lầm lớn như thế.
- *Quạnh* là vắng, thiếu.

http://tieulun.hopto.org

Hoa lại về chốn nào hớn hở?
Chốn [1] lưu quang mà nỡ bặt gương.
Lưu quang chẳng vị hoa vàng,
Hoa vàng lại vị lưu quang mà già.

XI. NỖI LO GIÀ

1. Tính ngày qua

Đóa lão hoa bên tường lác đác,
Dường hoa rày kể được mấy sương.
Trước sân, lan đã nảy vàng,
Bên sông, tô [2] lại đưa hương ngạt ngào.
Cột [3] áo bào, tiền đường thẳng bước,
Ngửng mặt coi nẻo trước thiên chương.
Đóa mây, vẻ dệt [4] mơ màng,
Đuôi sao Bắc Đẩu dọc ngang đòi lần.
Dải [5] sông Ngân thoắt mù, thoắt tỏ,
Đóa sao Sâm [6] chợt có, chợt không.
Đầu giường dòm bóng trăng trong,
Hương thừa gió thổi vân song sực mùi.

2. Còn xa cách

Mặt ngùi ngùi nhiều năm xa cách,
Chàng trượng phu quê khách một mình.
Trước thì làm ảnh, làm hình,

---

1. *Chồn:* Chữ này không thông. Có lẽ đã bị chép sai.

2. *Tô:* Bản Hán văn Vc chép "biên tô" cho nên dịch như vậy. Tô là một thứ cây, lá và hoa có mùi thơm, dùng làm thuốc giải nhiệt.

3. *Cột:* Vc chép lầm ra *gót*, vì tự dạng. *Cột* nghĩa là buộc lại cho gọn.

4. *Dệt:* Bản Hán văn cũ chép "Chức Nữ" thay cho Tiêm vân. Hai chữ Tiêm và Chức rất gần tự dạng nhau. Tôi nghĩ rằng nguyên kẻ sao đã lầm Tiêm vân Chức vân. Cho nên mới dịch như trên. Sau kẻ khác lại chữa ra Chức Nữ.

5. *Dải:* Vc chép *bãi*. Tôi nghĩ rằng kẻ sao đã tự lầm. Tôi chữa ra dải, cho thông hơn.

6. *Sâm:* Bản Hán văn cũ chép như thế. Xem chú thích phần Dx.

http://tieulun.hopto.org

Sâm Thương, rày bỗng ra tình, cớ sao?
Chàng chốn nào ngựa len mây ruổi,
Chốn thiếp ngồi, rêu nổi thềm hoa.

3. Lỡ lương thời

Thềm hoa, xuân đã hầu qua,
Tiếc thời tiết ấy thật là xót xoa.
Hẩy khí hòa, ấy lương thời tiết,
Rắp [1] Diêu hoàng, Ngụy khuyết gió đông.
Thu sang, thời tiết não nùng,
Nữ Ngưu họp thuở trăng trong vui vầy.
Trước, mé tây đầu chưa giắt ngọc,
Nay đã về kết tóc làng đông. [2]
Khá thương thỏ [3] ấp phòng không,
Năm năm thời tiết phụ cùng trời xanh.
Thời tiết lành dường tên thấm thoắt,
Người xanh xanh ủ mặt nên già.
Huống chi xuân muộn chưa qua,
Mà hờn thu lại đặt đa [4] nối liền.
Thuở hợp hoan vả vui bui [5] ít,
Mà sầu riêng khôn xiết dường nầy.
Hờn kia, sâu nọ sánh bày,
Sức bồ liễu mỏng, kham rày được bao.

---

1. *Rắp:* ghép. - *Ngụy khuyết.* Bản Hán văn cũ nguyên chép như vậy. Sau lại chữa ra Ngụy tử. Ngụy khuyết là tên một cái cửa trong cung vua đời xưa. Đây, hoặc vì Hán văn lầm, hoặc vì túng vần, dịch giả đã dịch như vậy.

Vc chép chữ có thể đọc *mái* hay *mé*. Đây đọc "mé" nghĩa là phía bên.

Có lẽ nguyên chữ ấy là *gái*, thì mới rõ nghĩa.

2. *Làng đông:* Vc chép Đông sàng. Sai nghĩa và mất vần. Đó chỉ một sáo từ, làm cho kẻ sao lầm. Tôi theo ý Hán văn mà chữa.

3. *Thỏ:* Tôi không rõ điển tích nầy.

4. *Đặt đa:* Vc chép tiếng trên bằng chữ Đát. Nên đọc thế nào?

Tôi không quyết đoán được. Nhưng, theo Hán văn, thì ý hai chữ này là lập tức, gấp, chóng. Vì vậy, tôi đoán tiếng đầu là *đặt,* như trong tiếng lật đật; và tôi nhận rằng đặt đa là một tiếng đôi xưa, nghĩa là vội vàng.

5. *Bui:* Vc chép hai chữ Bôi liền. Chữ đầu đọc *vui*. Còn chữ sau, thì tôi đoán là Bui. Bui nghĩa là chỉ có. Vế này diễn không đúng lắm. Xem chú thích bài A.

http://tieulun.hopto.org

4. Lo già

Luống bào hao tiếc cùng than thở,
Tiếc hồng nhan mặt nở nhụy đào.
Thở than ấy bởi làm sao?
Bóng qua cửa sổ thuở nào lại qua.
Tiếc tuổi hoa, cùng than phận bạc,
Ả thuyền quyên mấy đạc nên già. [1]
Gác hương, nhớ thuở cười hoa,
Lầu hồng thuở cổi hương la tơi bời.
Người tiếc Trời [2] chẳng cho phương tiện,
Nỗi gập ghềnh rày đến dường nầy.
Nỗi gập ghềnh, thiếp sao hay?
Riêng than ở thiếp, chung dây vì chàng.

XII. NỖI AO ƯỚC

1. Thua loài vật

Kia mấy hàng uyên ương ngoài nội,
Cánh quải bày ngại nỗi lẻ loi.
Trên rường, chim én lứa đôi,
Đã phơ đầu bạc, chưa dời niềm đan.
Nọ vô tình những đàn [3] chích chích,
Cánh liền nhau, trích trích chẳng dời.
Cùng kia chẳng biết nói cười,
Sánh đua trọn kiếp, mảy rời nửa dây.
Liễu truyền nay có nơi liên lý,
Sen cũng thì nở nhụy đôi hoa.
Nhân sinh sao nỡ cùng xa,
Than trong vật loại khéo là dường kia.

---

1. *Mấy đạc nên già:* Vc chép "mấy được tuổi già". Nghĩa trái hẳn Hán văn. Tôi theo nguyên ý và tự dạng mà chữa.

2. *Người tiếc Trời:* Vc chép "Trời tiếc người". Trái ý với Hán văn. Hoặc phải là "Trời ghét người"; hai chữ Tiếc và Ghét gần tự dạng nhau. Hoặc phải chữa như trên.

3. *Đàn:* Vc chép *loài*. Có lẽ lầm, vì không hợp vần với tiếng *đan* ở vế trên. Vả chữ thứ ba trong vế cũng xa vần với tiếng ấy. Vì vậy tôi chữa.

http://tieulun.hopto.org

2. Mong ở kề

Thân ước [1] gì chim trời liền cánh,
Cùng đất kia cây sánh mọc liền.
Thà cùng được thấy Cửu tuyền,
Chẳng kham li biệt ở miền trần gian.
Đã hay toan Cửu tuyền cùng thấy,
Sao bằng nơi trần thế cùng nhau.
Ước sao cùng tuổi chưa nhiều,
Thân triền làm bóng dập dìu ở chân.
Bóng được gần, thuở Chàng xa bước,
Chàng y quang, thiếp được như nguyền.
Chàng hứa quốc, giữ [2] lòng bền,
Chàng pha ải tía, gan [3] kèn sắt đanh.
Đói đã đành Nhục chi đầu nọ,
Máu Thiền vu khát có làm chè.

XIII. NỖI KHẨN CẦU

1. Cầu khải hoàn

Hạnh cùng dan díu cửa xe [4],
Lão thiên kia lại vỗ về nam nhi.
Trời giúp uy trong trăm trận đánh,
Ngựa trường khu dẹp tĩnh Quan đông. [5]
Tên truyền đông bắc sạch không,
Thiên sơn sớm thấy treo cung khắc giờ [6].

---

1. *Ước:* Vc chép ra Chước, vì tự dạng.

2. *Giữ:* Vc chép Thiếp. Không đúng ý Hán văn. Tôi chữa.

3. *Gan:* Vc chép chữ Thiếp, nhưng ý trái với Hán văn. Cũng như chữ Thiếp ở vế trên, tôi nghĩ rằng đó là kẻ sao chép đã sửa đổi ra. Tôi theo nguyên ý Hán văn mà chữa - *Kèn:* Vc chép chữ gồm chữ Kim và bộ Kiền, thường đọc kèn. Có lẽ là do chữ Kiên là bền mà ra, và nghĩa cũng như Kiên.

4. *Cửa xe:* Dịch hai chữ Hiên môn mà bản Vc chép thay cho Kỳ môn ở trong các bản khác.

5. *Quan đông:* Vc chép "Bắc đông". Chắc sai. Tôi theo Hán văn, chữa lại.

6. *Khắc giờ:* Dịch chữ Tảo, nghĩa là sớm, tức thời.

http://tieulun.hopto.org

Cuốn ngọn cờ, giã trăng cửa ải,
Dắng [1] khải ca nẻo trái sóc phong.
Yên sơn thơ tạc dòng dòng,
Dâng đầu Hiệt lợi chín trùng Vị ương.
Cung Vị ương rỡ ràng chiếu ngọc,
Rửa mũi đòng mượn nước sông Ngân.
Bình Hoài tiếng sảng từ nhân,
Ca không nhạc phủ tiếng lần Hán dao.
Tầng thấp cao, Lăng Yên mấy kẻ,
Vách Kỳ Lân dạm vẽ Hoắc Diêu.
Khoán vàng ghi sánh cỏ mao,
Hương dây [2] thê tử, phấn bêu triều đình

2. Mộng hợp hoan

Thiếp tằm lênh [3] đâu làm Tô nữ,
Chàng Lạc Dương cũng dự tài trai.
Ấn vàng đeo thuở quy lai,
Bất há cơ [4], chẳng học ai đâu là.
Áo chinh la, xin chàng mau cổi,
Chén rượu hà, quỳ [5] gối kính đưa.
Vì chàng, tóc mướt chải thưa,
Vì chàng, phấn ngọc sớm trưa điểm giồi.

---

1. *Dắng:* Vc lầm chép ra chữ Người, vì tự dạng. Tuy vậy, chữ Người ở đây cũng có thể dùng để dịch hai chữ Tướng sĩ ở Hán văn.

2. *Dây:* Vc chép Rơi. Chắc đó là chữ *dây*, nhưng lầm vì tự dạng. Dây nghĩa là lan đến một người, một vật khác.

3. *Tằm lênh:* Vc chép thành hai chữ Lại và Lạnh. Không rõ đích xác là hai tiếng gì. Xét Hán văn, thì đó có lẽ là để dịch hai chữ Si tâm, nghĩa là ngu si. Theo tự dạng hoặc âm, ta có thể đoán đó là *dại lành* chăng? Là *suẩn lành* chăng? Tôi nghi rằng xưa có tiếng *Tằm lênh*, nghĩa cũng như những tiếng bây giờ: tằm bậy, tầm phào, tầm vênh v.v... Hai chữ Lãi và Tàm (viết tắt) có thể lẫn nhau. Tôi tạm để thoại ấy. - *Đâu*: Vc chép lầm ra Hồn, vì tự dạng.

4. *Bất há cơ:* Nguyên chép lầm ra *lệnh bằng cơ*, vì tự dạng. Sau có nét son chữa. "Bất há cơ" nghĩa là không xuống khung cưởi, văn ép.

5. *Quỳ:* Nguyên chép chữ Quỳ mà tự dạng rất gần chữ Đạt. Sau, có nét son chữa ra Đạt, đọc *đặt*. Hình như xưa có tiếng "đặt gối" nghĩa là quỳ gối. Nhưng tôi tưởng rằng đó là ta đã lầm hai chữ Quỳ và Đạt mà bịa ra tiếng ấy.

http://tieulun.hopto.org

Lấy chàng coi [1] khăn xưa quẹn tủi,
Bức cựu tình dở dói chàng nghe.
Cựu từ sánh với tân đề,
Dộng [2] bề mới cũ, giải bề tỉnh say.
Chén bớt đầy, lại châm vặp vặp,
Thấp liền cao, nồi chặp ca oanh.
Rượu, đừng chuốc rượu Bồ thành, [3]
Ca, trong Tử lựu thì kềnh mấy thiên.
Hát song liên, cùng châm cửu uẩn,
Lại cùng chàng kể phận duyên xưa.
Đến ngày già, kết bối [4] tơ,
Công danh bõ [5] thuở sinh sơ trót rồi.
Cùng dan tay ở đời bình thái,
Đời thái bình xin hãy chỉ qua [6].
Ví dù hẳn vậy thay là,
Ấy trong li biệt, thiếp hòa gượng tươi.
Mong gửi lời, thuở nào hầu thấy:
"Than! trượng phu dường ấy hợp [7] nên!"

---

1. *Coi:* Vc lầm chép ra xem. Mất vần.

2. *Dộng:* Vc chép chữ Động. Tôi đọc *dộng*. Tiếng cổ nghĩa là tâu lên, thưa. Văn Lê hay dùng chữ ấy, nhưng chữ Nôm thường gồm bộ Khẩu và chữ Dụng.

3. *Bồ thành:* Vc chép Vĩ thành, theo như phần Hán văn trong bản ấy. Nhưng ở phần Hán văn, sau có kẻ chữa ra Bồ thành. Thoại này đúng. Xem phần dịch xuôi.

4. *Bối:* Vc chép Bối. Đó là tiếng cổ, nghĩa như mối.

5. *Bõ:* Vc chép Ngày, vô nghĩa. Tôi chữa.

6. *Chỉ qua:* Xem Dịch xuôi.

7. *Hợp:* Tiếng xưa nghĩa là đáng. Trong văn đời Mạc, Lê hay thấy. Đó là một bằng chứng rằng bài này là xưa hơn các bài kia.

http://tieulun.hopto.org

BẢN C (ĐOÀN THỊ ĐIỂM?)

Diễn âm:

CHINH PHỤ NGÂM

Bản này, Hoàng Xuân Hãn ngờ là của Nguyễn Khản (anh Nguyễn Du). Cho đến nay chưa chứng minh được là của ai.

I. THỜI CHIẾN TRANH

1. Cơn gió bụi

Nẻo trời đất nổi cơn gió bụi,
Kẻ hồng nhan nhiều nỗi gian truân.
Kìa xanh thăm thẳm mấy lần!
Duyên nầy ai khéo xây vần cho nên?
Trống Tràng An tiếng xuyên cung Nguyệt,
Lửa Cam Tuyền bóng rệt đóa [1] mây.
Tuốt [2] gươm, chín đợt ra tay,
Nửa đêm truyền hịch quải bày dụng binh
Ba trăm năm thái bình hữu tượng [3],
Áo nhung trao vũ tướng từ đây.

2. Xuất quân

Cửa Trời, cờ sứ sớm bay,
Những chăm quốc sự, dễ khuây khuê tình.
Nghiêm cung tên, sắm sanh gươm giáo;
Nỗi vợ con, tay áo phần sơ

---

1. *Đóa:* Chữ nầy gần giống chữ Dựng, đọc *rựng*.
2. *Tuốt:* Vc chép Trao. Chắc lầm vì tự dạng.
3. *Thái bình hữu tượng:* Nghĩa là có cảnh tượng thái bình.

http://tieulun.hopto.org

Ải quan sầu rủ lá cờ,
Ầm ầm tiếng trống, oán vừa từ gia.
Oán chưa vợi, sầu đà thêm rối,
Nỗi phân huề dở dói xiết bao.

3. Chí chinh phu

Cửa Ngô, chàng vả đứng hào
Bút nghiên nép dẹp, cung đao tập tành.
Dấu liên [1] thành thẳng dâng thánh chúa,
Xin xách gươm chém lũ thiên kiêu.
Dặm trường da ngựa, quản bao,
Quyết gieo non Thái dường khêu lông hồng.
Giã khuê phòng ruổi dong công ngự, [2]
Gió kim [3] đưa [4] vọt ngựa nhẹ bong.

II. CHÀNG XUẤT CHINH

1. Lúc tiễn biệt

Đầu Vị kiều, ngòi nước trong,
Bên ngòi ấy, đám cỏ lồng màu xanh.
Nẻo phân trình, đưa chàng từ đấy,
Lòng thiếp xui ngay ngáy lo sầu,
Bộ trình hiềm chẳng như câu,
Thủy trình hiềm chẳng như chu đưa chàng.
Nước có dòng màu gương lẻo lẻo,
Lòng thiếp sầu, khôn liệu rửa trong.
Xanh xanh có cỏ thơm nồng.
Ngắm nhìn, khôn nhẽ khuây lòng thiếp lo.

---

1. *Liên:* Vc nguyên chép lầm ra Mây, vì tự dạng. Có kẻ lại chữa lầm ra Bên.
2. *Công ngự:* Nghĩa là đánh giữ.
3. *Gió kim:* Tức là gió tây, lạnh.
4. *Đưa:* Nguyên chép Tiễn. Sau có kẻ chữa như thế.

http://tieulun.hopto.org

Cầm tay chàng, chuyện trò sau trước,
Dắt áo chàng, chân bước dùng dằng.
Theo chàng, lòng thiếp tựa trăng,
Lòng chàng muôn dặm, tên băng non Trời.
Đặt li bôi, Long Tuyền dậy [1] múa,
Ngang [2] giáo vàng, vờn ổ hùm lang.
Theo ngươi Giới, bắt Lâu Lan,
Trỏ Man khê, hỏi chuyện chàng Phục Ba.
Mùi áo chàng, ráng pha thắm ngắt,
Sắc ngựa chàng, tuyết trát trắng phau.

2. Chàng lên đường

Trống chiêng, gió rước vang thâu.
Nhạc loan vui khách, yên câu nhẹ người.
Chợt đối diện, phút dời phân đạo,
Lòng bâng khuâng thuở nẻo Hà lương.
Ngậm ngùi vắc [3] mặt bên đường:
Cờ bay phới phới, trông càng buồn thay.
Đội tiền quân, mé tây doanh Liễu,
Lũ hậu quân, bắc kéo Trường dương.
Ba quân rật rã ải lang,
Liễu dương có thấu đoạn trường nầy chăng?
Nghe suốt suốt mai đằng [4] tiếng diễn,
Bóng thưa thưa cờ rán [5] ruổi mau.
Lần trông đòi áng mây sầu,
Chàng khi ghẽ thiếp, thiếp nau nhớ chàng.

---

1. *Dậy:* Vc chép chữ gồm bộ Túc và chữ Dái. Có thể đọc Nhảy.
2. *Ngang:* Dịch chữ Hoành. Vc lầm ra Con, vì tự dạng.
3. *Vắc:* Nôm viết bằng Bác, đọc *vắc*, nghĩa là ngửng mặt lên.
4. *Đằng:* Vc chép chữ Đằng là lên. Tôi không rõ nên đọc và nên hiểu thế nào. Hoặc là kẻ sao lầm, nhưng cũng không thể quyết đoán được. Chữ Mai ở đây nghĩa là khúc địch Mai lạc (mơ rụng). Phải chăng đáng đọc Dằng mà nghĩa cũng như *dằng* hay *dẵng*, tức là trổi tiếng hát, tiếng nhạc?
5. *Rán:* Nôm viết gồm bộ Hỏa và chữ Đán. Đọc *rán*, nghĩa là gắng sức.

http://tieulun.hopto.org

3. Cùng ngóng nhau

Chàng lận đận, dầu sương, dãi gió,
Thiếp trở về, vò võ đêm đông.
Kẻ đi người lại, đều trông,
Non pha thức biếc, cây lồng màu xanh.
Chốn Hàm Dương, bằng hình trông thiếp,
Vợi [1] Tiêu Tương, chầy kíp trông chàng.
Khói Tương ngất bóng Hàm Dương,
Cây Hàm Dương cách sông Tương mấy trùng.
Cùng trông, mà vân mòng nào thấy,
Kìa xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu, thôi lại ngàn dâu,
Tình chàng, lòng thiếp, so nhau vắn dài.

III. NỖI THƯƠNG SỢ

1. Thương chàng vất vả

Từ thuở trẩy cõi ngoài Sa lũng,
Nguyệt tỏ, chàng mấy lúc [2] nghỉ ngơi.
Xưa nay chiến địa đòi nơi,
Đỗi không muôn dặm, đất khơi cửa nhà.
Gió lộng lộng, người hòa mặt dạn,
Nước sâu sâu, ngựa nản dò chân.
Nương yên, gối bạc [3] đỡ đần,
Giải khu [4] chiếu đất, che lần màn mây.
Bạch Đăng nay [5] đầy đầy quân Hán,
Thanh Hải mai đặn đặn Hồ nhung.

---

1. *Vợi:* Vc viết Thiếp. Sau có kẻ chữa ra Vợi, nghĩa là chốn xa. Tôi nghĩ rằng đó là chữ Ngác, mà kẻ kia đã lầm ra Vợi, vì tự dạng. Hoặc giả, kẻ kia đã tự bịa ra, để đối với chữ Chốn ở vế trên. Nhưng cũng có thể rằng, nguyên chữ Thiếp là đúng, mà chữ *Chốn* ở vế trên, thật ra, là chữ *Chàng*.

2. *Lúc:* Tuy vần này ép, nhưng chữ này chắc đúng.

3. *Bác:* Nay nói là mác. Đáng lẽ chữ này là Trống, thì mới đúng với Hán văn.

4. *Khu:* Chữ này cũng có lẽ đọc Gò, vì trong Hán văn có chữ Lục, nghĩa là gò. Vế này dịch không sát nghĩa nguyên văn. *Lần:* Nghĩa là từng, lớp.

5. *Nay:* Vc viết chữ Đạt, chắc là chữ Nay mà lầm ra vì tự dạng.

http://tieulun.hopto.org

Áp thành, cao thấp non lồng, [1]
Bên thành suối chảy, nổi dòng nông sâu.
Trên non xanh, trát đầu tuyết gội,
Dưới suối trong, nước lội ngang lưng.
Mấy người áo sắt giăng văng?
Xót người lúc ấy mặt bâng [2], chau mày.
Trong cẩm trướng có hay chăng nhé?
Gian nan nầy ai vẽ chinh phu.
Chớ khi trải chốn trì khu,
Tiêu quan men móc, hải ngu dầm dìa.
Kìa sương thôn, nọ thì vũ điếm,
Đã hổ khu, lại hẻm xà lâm.
Nằm sương, ăn gió, thiết căm,[3]
Đùi in tuyết lạnh, [4] râu lầm giá trong.
Lên lầu cao, xa trông biên sắc,
Dễ xui lòng thắc mắc sầu riêng.

2. Sợ chàng thiệt thân

Đông nam từ thuở phân trình,
Tin chàng, biết hỏi thăm lênh phương nào.
Kẻ chinh chiến xưa sao nay có,
Tính mệnh dường cây cỏ, trọng đâu.
Sa trường áo rộng ơn sâu,
Phút trong đòng bác, trẻ mau chóng già,
Mộ núi Kỳ, trăng tà, bóng giại,
Nấm sông Phì, gió lại hơi xuân.

---

1. *Lồng:* Vc lầm ra Sông, vì tự dạng. Lồng nghĩa là phủ lên, che trước.

Trát: Nôm viết chữ Giát, đọc *giát* hay *trát.*

Giăng văng. Xem chú thích 238 ở bài A.

2. *Bâng:* Nôm viết chữ Băng. Đọc *bâng*, nghĩa là buồn, như trong tiết đôi bâng khuâng.

3. *Căm:* Nguyên lầm ra Ngâm, sau chữa Nghĩa: đau lắm vì buồn, giận, rét...

4. *Lạnh:* Nguyên viết Mộc (là tắm); có kẻ chữa ra Gội (tự dạng gần). Nhưng tôi nghĩ đó là chữ Lạnh; vì tự dạng cũng gần như các chữ trên, và ý tứ đúng hơn. - *Lầm.* Nguyên chép Lồng, có kẻ chữa sau. *Lầm* nghĩa là lấm (chính nghĩa là bùn, như trong tiếng lầm than).

http://tieulun.hopto.org

Gió khiên [1] hồn kẻ tùng quân,
Trăng soi, in mặt chinh nhân rõ ràng.
Mặt chinh nhân, ai màng giạm [2] vẽ,
Hồn tùng quân, mấy kẻ xót thương.
Nước non nền cũ tranh cường,
Hành quân qua đấy, tình dường là bao!
Việc chinh chiến, đi sao chóng được,
Chàng Siêu về, tóc trước điểm đôi.
Chớ khi chàng trẩy cõi ngoài,
Gươm giơ ba thước, khấu cài một an.
Gió thu đưa, cỏ lan bãi cát,
Đỉnh quan sơn, nguyệt gác tỏ gương.
Chiêng khêu [3] trước ngựa nghiêm trang,
Bên thành ngất nghểu [4], đặt thang lần trèo.
Áng công danh, trăm chiều khó nhọc,
Những vội vàng, chẳng lúc nào nguôi.

IV. NỖI NHỚ NHUNG

1. Than cách trở

Cùng ai than thở khúc nhôi,
Chàng ngoài bể Quế [5], thiếp ngồi phòng hương.
Chực phòng hương, chỉn đành phận thiếp,
Song bên trời há kiếp chàng vay!
Muốn chàng cá nước sum vầy,
Thiếp đành chẳng ngại nước mây mộ phần.
Thiếp nào nghĩ làm thân chinh phụ,

---

1. *Khiên:* Vc viết chữ Khiên là dắc. Nhưng chữ này ép lắm. Tôi không đoán được nên đọc hoặc chữa thế nào?

2. *Giạm:* Nôm viết chữ gồm bộ Thủ và chữ Tạm. Đọc *giạm* (hoặc dạm), nghĩa là tô vẽ; chứ không phải đọc Chạm là đục thành hình.

3. *Chiêng khêu:* Dịch sai nghĩa. Xem chú thích ở bài A.

4. *Ngất nghểu:* Chữ Nôm có thể đọc như vậy, hoặc Ngoắt ngoéo. Sau có kẻ chữa "thoắt kéo". Ngất nghểu trỏ bộ cao lắm.

5. *Quế:* Vc chép chữ Quế là cây quế. Quế Hải tức là Nam Hải. Đây diễn giả dùng ép chữ ấy, cốt để đối với chữ Hương.

http://tieulun.hopto.org

Chàng muốn gì bạn lũ Vương Tôn.
Cớ chi nam bắc ỷ khôn [1],
Sớm xây thành nhớ [2], hôm tuôn bể phiền.
Một làm khách thiếu niên lầu thú,
Một làm thân chinh phụ phòng khuê.
Tuổi xanh khéo thẹn đôi bề,
Hàn huyên nghìn dặm, ủ ê tấc vàng.

2. Trách lỗi ngày hẹn

Nhớ từ thuở cùng chàng tiễn biệt,
Tơ liễu còn chưa dệt thoi oanh.
Hỏi chàng phỏng đạc quy trình,
Lời chàng giao hẹn rành rành quyên kêu.
Cái quyên, oanh, cùng nhau qua tiết,
Lầu liễu cao ríu rít tiếng nhi.
Cùng chàng nhẫn [3] thuở phân huề,
Tuyết mai chưa động dạng gì gió xuân.
Ngày phản bái, băn khoăn ướm hỏi,
Trỏ cây đào, chàng nói mùa hoa.
Hoa đào, xuân quyến đã xa,
Sông mai đến tiết hoa đà phù dung.

3. Trách lỗi nơi hẹn

Chốn đã hẹn ấy cùng tương hội:
Cầu Hán Dương với nội Lũng Tây.
Bửng tưng [4] đợi quá nửa ngày,

---

1. *Ỷ khôn:* Vc chép chữ Ỷ là tựa, và chữ Khôn là đất. Tôi không rõ nghĩa. Nhưng tạm hiểu nghĩa là: ấy là khổ.

2. *Thành nhớ:* Nghĩa là nhớ chất nên cái thành. So với vế 299 ở bài B: Sầu chất thành, nương đầu làm gối.

3. *Nhẫn:* Nguyên viết Nhất. Nhưng không đúng ý. Đây là tiếng *nhẫn*, nghĩa là: đến lúc, khi. Cũng đọc *nhẫn*.

4. *Bửng tưng:* Vc chép tiếng đầu bằng chữ Bảng. Nghĩa là mờ sáng. Cũng nói *tưng bừng*, hoặc *bừng tưng*.

http://tieulun.hopto.org

Cây lay, lá [1] rụng giắt đầy cái trâm.
Đứng dạu dạu, khôn cầm giọt ngọc,
Gà hoang thôn eo óc buổi trưa.
Xế chiều đợi cũng ngẩn ngơ,
Gió đưa hơi lạnh lọt tơ áo là.
Đứng dọi dọi, mặt hoa ngừng ngắt.
Bến hàn giang, bóng át, triều dâng.

4. Trách hẹn lần lữa

Tin chàng năm ngoái đã rằng,
Năm nay lại nhắn nói năng chàng về.
Tin đã về, mà chàng chưa thấy,
Hoa dương rơi đã dẫy rêu xanh.
Rêu xanh, thôi lại rêu xanh,
Sân nhàn một bước, tưởng quanh trăm đường.
Nửa trời ngọn lửa tương thắm cháy,
Khuya sủa trăng, sớm lại trông mây.
Thư chàng năm trước hẹn ngày,
Năm sau thư hẹn độ nầy hồi trang.
Thư đã về, mà chàng còn bận,
Xế song the, bóng lặn, ác tà.
Ác tà, thôi lại ác tà,
Tính trong chín hẹn, sai ngoa tới mười.

---

1. *Lá:* Nguyên viết như vậy. Sau có kẻ chữa ra *gió:* chắc sai. - *Giắt.* Nôm viết chữ Chất. Đọc *chất* cũng có nghĩa. Nhưng đọc *giắt* mới đúng ý. Các bản Hán văn không có vế nào ứng với hai vế diễn ca này. Theo cách đối từng tiết, thì ta thấy rằng đó là ý của diễn giả thêm, hoặc của ai thêm vào bản Hán văn mà diễn giả dùng; bởi vì hai tiết Hán văn 160-165 và 166-171 đối cân nhau và đều gồm sáu vế.

http://tieulun.hopto.org

V. NỖI LẺ LOI

1. Nuôi mẹ dạy con

Gẫm ngày đi, kể chơi từng lúc,
Đến nay đà ba đúc tiền sen.
Xót người tử tái liên niên [1],
Hoàng Hoa gánh nặng, cửa phiên [2] dùng dằng.
Người tử tái ai chăng từ phụ,
Kẻ hoàng hoa, khuê phụ ai không.
Từ thân, bao khá dời lòng;
Vợ con, ai khá tình trung hững hờ.
Đứng lão thân, tóc phơ đầu bạc,
Nỗi con thơ trứng nước ngóng mòng.
Mẹ già nương cửa ngóng trông;
Mớm cơm bìu rín, trẻ mong tháng ngày.
Bữa phụng thân, thiếp thay nam tử,
Sách dạy con, thiếp dở làm cha.
Một mình dạy trẻ, nuôi già,
Nhớ chàng, tủi thiếp, biết là mấy phen.
Nhớ chàng đã qua niên lịch trước,
Suốt năm nay, tháng chạp hầu xong.
Chàng khơi ba bốn năm ròng,
Mối sầu thiếp rối, kể vòng vạn thiên.
Chước chi chàng kề bên mình thiếp?
Dở [3] mối sầu mọi kiếp chàng hay.

2. Dở vật cũ

Cái thoa cung Hán yêu thay!
Vốn xưa của thiếp sắm ngày đưa dâu.
Cậy ai gửi tới hầu chàng ngắm
Ngụ lòng nầy chút tấm tương tư.

---

1. *Liên niên:* Nghĩa là luôn luôn trong mấy năm.
2. *Phiên:* Là nước chung quanh Trung Quốc. Cửa phiên là cửa ải ra nước ngoài.
3. *Dở:* Nguyên viết như vậy. Nếu chữa ra *đỡ* thì rõ nghĩa hơn.

http://tieulun.hopto.org

Gương Tần một bức ngày xưa,
Cùng chàng sánh mặt, bấy giờ soi chung.
Cậy ai gửi ngụ lòng trân trọng,
Tỏ loan phòng, chếch bóng thiếp nương.
Đeo tay có chuỗi [1] hạt vàng,
Cài đầu có ngọc, thiếp thường yêu chơi
Cậy ai gửi tới người quân tử
Chốn tha hương, làm sự dấu ghi.

VI. NỖI TRÔNG NGÓNG

1. Ngóng tin về

Năm xưa tin tức cũng khi [2],
Rày tin chẳng thấy, tức thì cũng không.
Thấy nhàn, tưởng thư phong tái điệp [3]
Nghe sương sa, sửa nếp áo bông,
Gió thu, mong gửi sứ hồng.
Bên trời xót kẻ lạnh lùng tuyết mưa.
Tuyết lạnh lẽo, nương nhờ hổ trướng,
Mưa rét căm, trú gượng màn lang.
Heo heo [4] rét lạnh đôi đường,
Ngoài trời xót kẻ cần vương, chẳng dời.

2. Thẫn thờ

Chữ thêu gấm, phong thôi thì mở
Quẻ gieo tiền, tin ngợ còn nghi
Ác vàng dòm bóng rèm the

---

1. *Chuỗi:* Vc chép chữ gồm bộ Mịch và chữ Lỗi, thường đọc rối. Cũng có thể đọc lõi, nghĩa là sợi dây xâu đồng tiền. Nhưng đó cũng có thể là do chữ Chuế mà làm ra, vì tự dạng: và nên đọc *chuỗi*. Vả tiếng Chuỗi có lẽ cũng cùng gốc với tiếng Lõi (Lõi do Tlõi mà ra. Chuỗi do Tluỗi mà ra).

2. *Cũng khi:* Tức là: cũng có khi có.

3. *Tái điệp:* Là tin ở cửa ải.

4. *Heo heo:* Nôm viết hai chữ Hiêu, đọc Hiu hoặc Heo. Hiu thì có nghĩa vắng vẻ, buồn. Hiu hiu trở bộ gió thổi nhẹ, mát. Heo có nghĩa lạnh: gió heo là thứ gió lạnh. Vì vậy, tôi đọc *heo heo*.

http://tieulun.hopto.org

Một mình lơ lửng đứng kề cửa hiên.
Ba canh nguyện, song xuyên bóng quế,
Mái tóc trôi xách mé [1] gối đơn
Rượu tăm bữa rót, chẳng can [2]
Cớ chi tâm tính tựa làn say ngây?
Đầu bùng rủ [3], tóc mây rối rút
Xiêm lỏng đai, lưng ruột gầy heo.

3. Bạn với đèn

Viện khơi, đi muốn hầu xiêu,
Mành tương cuốn ít rủ nhiều, biếng trông
Ngày mong tin, cành không tiếng thước
Đêm ngồi chong, nỗi nước đèn hay
Đèn hay, dù nhẫn chẳng hay
Hộc sầu, thiếp chỉn đong [4] đầy không vơi.

VII. NỖI SẦU MUỘN

1. Sầu nhớ

Tưởng hoa đèn, gượng cười nửa miệng
Ngán bóng người, lại biếng dòm hoa
Năm canh ran gáy tiếng gà
Tàn hòe bóng rủ tha ra [5] trì đường
Sầu tựa bể, khắc dường năm suốt
Nghĩa sự lòng, ta xót cùng ta
Quải hương, ngồi ngẩn trước tòa

---

1. *Xách mé:* Nghĩa là lệch không ngay. Cũng đọc: xếch mé.
2. *Chẳng can:* Dịch nghĩa đen hai chữ Bất quan. Xem chú thích ở bài B.
3. *Rủ:* Vc chép lầm ra Gió, vì tự dạng.
4. *Đong:* So với câu Kiều: Sầu đong, các khắc càng đầy.
5. *Tha ra:* Nôm viết tiếng sau bằng chữ Ra. Nghĩa là: trỏ bộ rủ nghiêng nghiêng. Cũng nói: tha la - *Trì đường* là cái hồ. Trì là hồ tròn, đường là hồ vuông. Diễn giả thêm ý này vào để gieo vần.

http://tieulun.hopto.org

Gương soi như giục lệ hoa, nhịn ngừng [1]
Khúc cầm gảy buồn dừng cột phượng
Tiếng sắt kêu sầu vướng dây uyên
Lòng này, gió khứng tin truyền.
Nghìn vàng thiếp trả, non Yên đưa cùng
Non Yên, ví chửa thông tin tức,
Lòng bâng khuâng, đường, bức [2] trời xanh.

2. Cảnh gợi sầu

Trời cao, khôn nhẽ thông hành
Mối sầu đảng đảng, nhớ quanh nào cùng
Chốn nhớ người càng trông càng thắm
Ngắm cảnh thêm trêu tấm lòng đau
Ngọn cây lá điểm sương thâu
Đàn mưa, trống ếch, gióng sầu ngoài song
Sương là búa, lạnh lùng cành liễu
Mưa là cưa, thất thểu lá ngô
Đóa tùng, chim ẩn khói mù
Khóm tùng [3] trụp trụp, hạt lồ phun phun
Hậu trùng [4] giọng nỉ non tường quạnh,
Chùa đằng [5] xa đỏng đảnh chuông ai
Mưa thôi, đàn dế chua tai,
Chuối bay cờ lá, viện ngoài gió đưa
Gió xuyên song, trướng tơ hẩy động,
Trăng lồng hoa, rựng bóng rèm châu.
Trước hoa, trăng tỏ lòng thâu
Dưới trăng hoa nở, cành đua màu hồng
Lẫn hoa nguyệt, chập chồng bóng rã
Khách, hoa tiền, nguyệt hạ, lòng xiêu.

---

1. *Nhịn ngừng:* Xem chú thích 135 ở bài A. Vc lầm chép Ngập ngừng.

2. *Bức:* Vc viết như vậy. Ý là đường leo dốc, như chân trời xanh dựng đứng tựa bức thành. Cũng có thể đó là chữ Bực (bực thang)?

3. *Khóm tùng:* Chữ Tùng này nghĩa là bụi, lùm cây. Lô: Tức là "lộ" nghĩa là hơi nước ban đêm đóng lại, mà ta gọi là móc hoặc sương.

4. *Hậu trùng:* Vc "Tiếng hầu" nghĩa là tiếng vượn. Tôi nghĩ rằng không lẽ diễn giả hiểu lầm đến như thế. Tôi chữa lại theo Hán văn.

5. *Đằng:* Vc chép chữ Toàn, nghĩa là nhóm. Tôi không đoán được nên đọc ra sao. Hoặc đó là chữ Đặng chăng, đọc *dựng* hoặc *đằng*.

http://tieulun.hopto.org

VIII. NỖI CHÁN NẢN

1. Lười biếng

Nghĩ càng thêm nỗi dật dìu
Nghìn chiều ngơ ngẩn, muôn chiều ngẩn ngơ
Oanh sánh đôi, ngại đưa thoi cửi,
Bướm thư hùng, thẹn gửi [1] chỉ thêu
Biếng giồi phấn, để má siu [2]
Biếng cười, biếng thốt lọn chiều nương song
Nương song, luống nương song, ủ dột
Chàng trẩy xa [3], chai chuốt cùng ai
Buồn muôn [4] thở vắn than dài
Nghĩ chàng xa xác [5] cõi ngoài ải Liêu [6]
Ví ả Quế ngồi hiu cung Quảng
Dường vợ Ngâu khóc lẵng duềnh Ngân.

2. Nản lòng

Nương sầu làm gối vô ngần [7],
Nấu buồn làm bữa, chút phần nào khuây.
Rượu giải sầu, sầu đầy, rượu lạt,
Hoa gỡ buồn, buồn át màu hoa
Quỳnh sanh tiếng gõ chẳng ra
Ngân tranh mong gảy, hầu ca lại dừng

---

1. *Gửi:* Nguyên viết chữ gồm bộ Khẩu và chữ Cái: đọc *gửi*. Sau có kẻ xóa bộ Khẩu.

2. *Siu:* Nôm viết chữ Siêu, có lẽ nên đọc là "deo" với ý nghĩa là "răn deo" chăng?

3. *Xa:* Nguyên viết chữ Trung. Có lẽ có bản cũ đã viết "Chàng trẻ trung". Tôi chữa theo ý Hán văn. - *Chai chuốt:* Vc chép chữ đầu làm ra Tề, vì tự dạng. Chai chuốt trở mặt mày dáng điệu trau giồi đẹp đẽ.

4. *Buồn muôn:* Xem chú thích ở bài A. *(Muôn* tức là muộn hoặc sầu).

5. *Xa xác:* Nôm viết chữ thứ hai bằng chữ Xác, nghĩa là thật. Theo ý Hán văn, xa xác nghĩa như xa xôi.

6. *Ải Liêu:* Liêu là tên đất ở vùng đông bắc Trung Hoa, tức vùng Mãn Châu.

7. *Vô ngần:* Vc lầm chép chữ đầu ra chữ Làm, vì tự dạng.

http://tieulun.hopto.org

Đường viễn tái, lo chưng [1] hiểm trở
Xót hành trang kham khổ cậy ai?
Tiếng quyên kêu lọt quan hoài,
Trống tiều khua phải gan ai rộn mềm.
Mùi khuê li, nếm xem chua lạt,
Chua lạt [2] vì bát ngát [3] Lang quân.

IX. NỖI MONG MỎI

1. Mộng được gần

Đôi hàng thiếp lệ đượm nhuần
Gối uyên chếch mác, thiếp thân đơn hàn.
Thiếp thân nào kể màn chinh trướng,
Thiếp lệ nào đượm nhuốm chinh cân.
Đêm đêm hồn dẫn mộng xuân,
Trước màn, dưới trướng, khôn thân [4] cơn buồn.
Hẹn đài Dương, mưa trôi nước lội,
Bến [5] Tiêu Tương, gió thổi cuốn mây.
Hoan trường mấy hội, dan tay,
Hải đường bừng rựng [6] thật nầy chiêm bao.
Thiếp hiềm chẳng chiêm bao mãi thế.
Chốn Hàm quan, Lũng thủy đều vui
Chiêm bao, song ghét thoảng thòi [7]
Giấc say dường có, tỉnh rồi lại không.

---

1. *Chưng:* Tiếng xưa, dịch chữ Chi. Là một giới tự trỏ rằng ý "hiểm trở" là thuộc ý "Đường viễn tái". Về văn phạm, gọi là "thuộc cách".

2. *Lạt:* Dùng ép chữ này.

3. *Bát ngát:* Ý là vắng vẻ. Cũng như chữ Lạt, hai chữ dùng ép. Có thể đổi chữ lạt ra vắng, và chữ bát ngát ra nỗi vắng, thì đúng ý và xuôi hơn. Hoặc là nghĩa ấy của "bát ngát" là thường khi xưa.

4. *Thân:* Vc chép chữ Thân là duỗi. Nghĩa đây là: bày ra để cho hả, cho khuây.

5. *Bến:* Nguyên chép Đình, không đúng với tên sông. Tôi chữa.

6. Bừng rựng (hoặc bững rựng). Nôm nguyên viết chữ Bừng.

(Nhậm trên, Kỷ dưới) và Dựng. Xét ta có tiếng *bừng* là sáng thình lình, là mở mắt. Còn tiếng *rựng* nghĩa là sáng ở giữa chỗ tối, mà không thấy lửa. Tôi đoán rằng "bừng rựng" nghĩa là lúc rạng đông, và "Hải đường" là giấc mộng đẹp đẽ.

7. *Thoảng thòi:* chóng.

http://tieulun.hopto.org

Bui thì có tấm lòng chẳng dứt [1]
Chẳng khi nào lãng nhụt nhớ chàng.

2. Trông bốn bề

Nhớ chàng mà chẳng thấy chàng.
Lầu cao mấy độ, trông phương đè chừng
Liếc bãi tần, cát bằng, nước gợn [2]
Dâu Tần chen cỏ Tấn, xanh pha
Mé nam, binh bụi miền xa
Bến tà dương điểm nhạn sa một đoàn
Non rụng lá, chất ngàn nên đống
Sông khoe mai, nội rộng, trĩ bay
Mé đông, nom [3] khói trùm cây
Đường không quạnh quẽ, chim vầy véo von
Đình tràng đoản, đồ [4] còn vẽ lớp
Non Thục cao, mây rợp rặng Ngô
Bắc phương, lúa nửa thành cô
Trổi [5] mưa tiếng địch, mịt mù giang lâu
Sông từng khúc, vòng câu uốn éo.
Nhạn bay không, mòng léo [6] bến khơi.
Ngàn tây cỏ rậm doi dài,
Bỗng người thoi thót cách ngoài sông Thương. [7]
Khắp trời đất, chiến trường khôn cốc [8]
Chốn nào là ải Ngọc, chiến trâu [9] ?

---

1. *Bui thì:* chỉ có - *Chẳng dứt*. Nguyên viết bứt rứt. Chữ Chăng (Trang) có thể lầm ra chữ Bất.

2. *Gợn:* Nôm viết chữ gồm bộ Thủy và chữ Ngân. Có thể đọc *Cặn, cắn* (nghĩa là đục) hoặc gợn. Tôi chọn tiếng cuối, tuy rằng vẫn không hợp bằng các tiếng trên.

3. *Nom:* Vc chép Nam. Chắc phải đọc *nom*.

4. *Đồ:* Nguyên viết Mây. Sau có nét son chữa.

5. *Trổi:* Vc lầm chép Ruổi, vì tự dạng.

6. *Mòng:* Vc chép chữ Mông là nhờ. Đây có lẽ chữ Mông là một thứ thuyền. *Léo*: đi tới gần.

7. *Thương:* Vc chép lầm ra chữ Thương là buôn. Diễn giả dịch ép hai chữ Thương châu.

8. *Cốc:* Tiếng cổ, nghĩa là biết, do chữ Giác mà ra.

9. *Chiến trâu:* Miền xa đánh nhau (*Trâu:* miền xa).

http://tieulun.hopto.org

X. NỖI NGỜ VỰC

1. Hối hận

Hiềm chăng rút đất, phép thua
Nào là tiên nữ có bùa gieo khăn
Lòng phỉ thạch [1] khôn vần, chuyền được
Khi đăng lâu, một bước một thương
Thẩn thơ dặm diễn đường trường,
Ăn năn tại thiếp giục chàng công danh.

2. Ngờ vực

Cách nghìn dặm, khát tình giao tiếp,
Biết lòng chàng giống thiếp hay không?
Ví chàng lòng cũng dữ đồng
Đã cam, há dám chút lòng hiềm chi.
Lòng thiếp bằng hoa quỳ chiêm hướng
Lệ lòng chàng, bóng thoảng lưu quang
Lưu quang thấm thoắt bóng dương
Quá chiều, hoa cũng úa vàng, phai thơm
Hoa ôi [2], dễ ai dòm dõi đến
Vì lưu quang, hoa thẹn nên già.

XI. NỖI LO GIÀ

1. Tính ngày qua

Hoa tàn rụng góc tường hoa
Trải xem hoa rụng biết là mấy giêng
Lan đổi lá, dềnh dềnh chồi bậm
Khóm tơ hồng [3], đầm ấm hơi dương

---

1. *Phỉ thạch:* Trỏ lòng cứng hơn đá.
2. *Ôi:* Để thừa nên héo, hỏng.
3. *Tơ hồng:* Nguyên viết Lục hồng. Chắc đó là lầm vì tự dạng. Hán văn trong bản Vc chép Hồng ti.

Phan Huy Ích, trong bài A, hình như đã theo sát các vế này.

http://tieulun.hopto.org

Sửa hài, bước tới tiền đường
Ngửa trông xem vẻ thiêng chương thần thờ
Duềnh Ngân hán khi mờ, khi tỏ
Sao Sâm [1] triền lúc có, lúc không
Cung Thiềm thấp thoáng mây lồng
Chuôi [2] ngôi Bắc đẩu chầu cung Tử thần.

2. Còn xa cách

Gẫm cơ tạo, niềm Xuân ngao ngán
Chạnh nỗi chàng cách diễn tha phương
Xưa thì hình ảnh cùng nương
Khi nay trở diễn Sâm Thương đeo phiền
Chốn chàng đi, mây chen hàng kỵ,
Chốn thiếp ngồi, chái để những rêu.

3. Lỡ lương thời

Gió xuân trong chái đìu hiu
Ngán chiều quá lứa, thẹn chiều xuân xanh
Ngụt gió xuân, giại [3] cành Diêu, Ngụy.
Rủ chiếng vàng, nở nhụy lồng đua
Nữ, Ngưu mừng gặp trăng thu
Duềnh Ngân bảng lảng cầu ô vững vàng.
Ngày chàng trẩy, tây nương bé tuổi
Nay đông lân đã cưới làm dâu
Thương thay thỏ chực phòng sầu!
Năm năm lần lữa, còn đâu là thời
Thời vì, bẵng thoi đi [4] thấm thoắt
Cảnh con người, dìu dặt [5] tuổi [6] qua

---

1. *Sâm.* Xem chú thích 388 bài B.

2. *Chuôi:* Vc lầm chép Chiên (đọc chen), vì tự dạng - *Tử thần* là cung sao Tử vi, chung quanh Bắc cực. Sao Bắc đẩu quay chung quanh cung Tử vi, như chầu cung sao ấy. Vì vậy, đời Đường, cung vua ngự có tên là *Tử thần.*

3. *Giại:* Vc chép chữ gồm bộ Hỏa và chữ Trại. Thường đọc Giại hay Giọi, và nghĩa là chiếu xiên. Đây ý là gió xuân ấm thổi vào.

4. *Đi:* Vc chép Đưa. Tuy hợp tứ hơn, nhưng lại sai vần.

5. *Dìu dặt:* Đây nghĩa là: hết khoảng này sang khoảng khác.

6. *Tuổi:* Vc lầm chép Nên, vì tự dạng.

http://tieulun.hopto.org

Huống chi sầu nguyệt, buồn hoa
Bén gần thì ít, dời xa thì nhiều
Nỗi sầu giận gợi trêu dường ấy
Bồ liễu kia được mấy xuân xanh.

4. Lo già

Tiếc than rộn rã tâm tình
Nỗi chung luống chịu một mình hư không
Tiếc vì nỗi hoa hồng tươi vẻ
Thẹn, vì chiều bóng xế khôn xoay
Hoa ôi, phận bạc khéo vay [1]!
Trẻ qua già đến, chóng thay lạ dường
Gác hương [2] hãy mơ màng tiếu hưởng [3]
Lầu thư còn mường tượng hương la
Trời cao trái thói người ta
Xui phong lưu ấy nay đà thoảng đâu
Biết thế vậy, dễ hầu sao được
Thiếp tiếc than, sau trước vì chàng

XII. NỖI ƯỚC AO

1. Thua loài vật

Kìa thì nội lục, uyên ương
Kiếp đành chẳng nghĩ phân trương khi nào
Nọ đôi én, lầu cao cùng quyến
Đầu bạc lông, bịn rịn chẳng rời
Chim kiêm [4] chắp cánh liền bay
Liễu hay liên lý, sen hay tĩnh đầu
Phận nhân sinh vì đâu diệu vợi
So chẳng cùng vật loại suy xem.

---

1. *Vay:* Nguyên lầm chép ra Thay. Trùng vần.
2. *Hương:* Vc chép chữ Toại. Có lẽ đó là chữ Thúy là sâu chăng? Không chắc như vậy, tôi tạm theo Hán văn để chữ Hương.
3. *Tiếu hưởng:* Tiếng cười còn vang.
4. *Kiêm:* Vc lầm chép Quyên, vì tự dạng.

http://tieulun.hopto.org

2. Mong ở kề

Sao cho liền cánh như chim
Như cây liền gốc, đềm êm một bề
Vì xui kiếp hợp ly bất định
Thà xin làm hình ảnh theo chàng
Chàng dù nương bóng lưu quang
Thiếp đành chí ước vẹn vang phỉ nguyền.
Nguyền ra tay phù nghiêng, chữa lệch
Đan là lòng, thiết thạch là gan
Thiền vu mặt khiếp, hồn tan
Máu chan làm nước, thịt bàn [1] làm cơm.

XIII. NỖI KHẨN CẦU

1. Cầu khải hoàn

Chí tang bồng đã cam nắng nỏ
Mày [2] lòng trời cũng hộ anh hùng
Anh hùng trăm trận nên công
Tì hưu thẳng đuổi, kiến ong quét trừ.
Ải đông bắc sạch lừ tên đá
Nguyệt non Trời, cung đã gác giơ
Non Yên, thích đá đề thơ
Cung Ương, hiến quắc, rạng nhờ khen khong
Tòa Thiên triều, chữ trung bộc bạch
Nước duềnh Ngân rửa sạch cung đao
Chép ghi, ban tứ Hán dao
Tưng bừng nhạc phủ, xôn xao từ đàn
Động trời đất, danh ran Tần, Hoắc
Rỡ đền Yên, rạng gác Kỳ Lân
Mâu tư [3] phong thưởng, vinh thân
Vợ con đều được gội nhuần móc sa.

---

1. *Bàn:* dọn.

2. *Mày:* Nôm viết chữ Mi là lông mày. Đọc mày nghĩa là xin. Đọc *Mày* tuy đúng ý, nhưng chữ nôm phải viết khác.

3. *Mâu tư:* Nghĩa là làm lễ phong Vương cho chư hầu (*Mâu*: một thứ cỏ. *Tư*: bọc). Lấy điển tích ở sự đời nhà Chu, vua lấy đất ngũ sắc gói vào trong cỏ màu trắng, mà đem giao cho chư hầu để biểu diễn sự phong tước.

http://tieulun.hopto.org

2. Mộng hợp hoan

Thiếp đành chẳng Tô gia si phụ
Chàng vả làm Lạc thổ hảo nhi
Ấn vàng rỡ rỡ đeo về
Trên khung chẳng xuống, sá gì chàng Vương [1]
Áo chiến giáp; đỡ chàng xin cổi
Chén tử hà, thay đổi, xin dâng
Điểm trang sắm sửa tưng bừng
Phấn Yên phức phức, tóc Tần phê phê [2]
Khăn cựu lệ dành khi chàng ngắm
Tờ cựu chương mấy tấm chàng hay
Tờ cũ, thơ mới đặt bày,
Ca dâng khúc ngọc, rượu đầy chén trân.
Tơ đỏ dắt mối nhân duyên cũ
Đũa no đôi, sánh thuở ngày già [3]
Công danh đền thuở li gia
Ngao du ngày tháng, nhỡn nha thái bình
Đời thái bình rỡ ràng, lặng lẽ
Dường ấy thì thiếp lệ dám sao
Hội kỳ lời dự [4] gửi trao
Trượng phu dường ấy mới cao mới tài!

---

1. *Vương:* Có lẽ diễn giả muốn nói đến Vương Tôn. Văn ép gượng.

2. *Yên:* Chính nghĩa là sáp. Đây diễn giả cho là tên xứ - *Tóc.* Vc chép Mây: tự dạng hai chữ gần nhau. - *Tần.* Không có nghĩa mà vẫn lại ép.

3. *Ngày già:* Vc chép chữ đầu ra Trờ, đó là vì dịch hai chữ Lão thiên. Nhưng Thiên có nghĩa là ngày.

4. *Lời:* Vc lầm chép ra Trời, vì tự dạng. - *Dự* soạn sửa sẵn sàng (dự bị).

http://tieulun.hopto.org

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

NGUYỄN GIA THIỀU

(1741 - 1798)

Nguyễn Gia Thiều sinh năm Tân Dậu (1741) [1] ở làng Liễu Ngạn, tổng Liễu Lâm, huyện Siêu Loại, phủ Thuận Thành, xứ Kinh Bắc, nay là thôn Liễu Ngạn, xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, trong một gia đình quý tộc.

Dòng họ của ông gốc ở làng Tống Sơn, huyện Gia Miêu, tỉnh Thanh Hóa, có cụ tổ là Nguyễn Bặc, làm quan đến chức Thái tể, tước Định Quốc công. Về sau, trong hàng con cháu có người tên là Nguyễn Viết Hựu đã lấy vợ ở xã Liễu Chữ (tức xã Liễu Ngạn) và rồi con cháu đã dời nhà từ Thanh Hóa về ở quê ngoại. Để nhớ lấy quê tổ, dòng họ ấy đã đổi tên đệm của mình là *Viết* sang *Gia* (gốc ở chữ Gia Miêu) và từ đó họ Nguyễn của Nguyễn Gia Thiều có tên đệm là *Gia*.

Thân phụ ông là Nguyễn Gia Ngô, làm quan võ, được phong tước hầu, gọi là Đạt Vũ hầu.

Thân mẫu ông là Quận chúa Quỳnh Liên, con gái thứ sáu của chúa An Đô Vương Trịnh Cương. Như vậy Nguyễn Gia Thiều gọi chúa Trịnh Doanh là cậu ruột.

Ông là thích thuộc nhà chúa cho nên khi 5 tuổi, ông được nuôi trong nội. Khi ông 19 tuổi, chúa ban cho chức Hiệu úy quản binh mã nhưng ông không để chí về đường công danh. Ông thường bỏ việc binh mã, về ở bên Hồ Tây, tự hiệu là Tâm thi viện tử rồi lại lấy hiệu là Sưu Chân. Lúc chúa Trịnh đến chơi nhà ông, lại cho hiệu là Sơn thủy nhân hoa và sau cho thăng chức, cho nhà ở tại Cửa Nam, sai ông điều khiển việc xây cái tháp chùa Tiên Tích. Ông nhân dịp đó, sửa sang nhà ông rất là đẹp đẽ. Chúa Trịnh thường ngự đến chơi và khen rằng: "Vào đây có cái phong thú như ngư phủ lạc Đào Nguyên".

Năm Nhâm Dần (1782), ông sung chức Lưu thủ xứ Hưng Hóa, và đã có công bình định được vùng biên cảnh.

---

1. Có sách nói ông sinh ngày mồng sáu tháng hai năm Tân Dậu tức là ngày 22-3-1741.

http://tieulun.hopto.org

Đến khi nhà Tây Sơn chấm dứt nhà Lê Trịnh, ông không chịu ra làm quan, bèn lánh lên vùng thượng du rồi về ở Hưng Hóa. Đến khi không thể ẩn lánh được nữa, ông về lại Bắc Thành (Hà Nội) nhưng vẫn không chịu ra thờ nhà Tây Sơn. Ông về quê ở cho đến ngày mồng chín tháng năm năm Mậu Ngọ (1798) thì mất, hưởng thọ 58 tuổi.

Thơ chữ Hán của ông có bộ *Tiền hậu thi tập* nhưng đến nay cũng không còn truyền lại một bài nào.

Quốc âm thì ngoài *Cung oán ngâm khúc*, ông còn có bộ *Từ trai* và *Tây Hồ thi tập* nhưng cũng không sưu tập lại được, chỉ thấy truyền lại có ba bài. Bài tả cảnh trong vườn:

Lởm chởm vài hàng tỏi.
Lơ thơ mấy khóm gừng [1]
Vẻ chi là cảnh mọn,
Mà cũng đến [2] *tang thương.*

bài *Sai Cam ra hái hoa:*

Cam, tốc ra thăm gốc hải đường,
Hái hoa về để kết làm tràng.
Những cành mới nhánh [3] *đừng vin nặng,*
Mấy đóa còn xanh chớ bứt quàng.
Với lại tây hiên tìm liễn xạ,
Rồi sang đông viện lấy bình hương.
Mà về cho chóng đừng thơ thẩn,
Kẻo lại rằng chưa dặn kỹ càng.

và bài *Khối tình:*

Khạc chẳng ra cho nuốt chẳng vào,
Khối tình nghẹn mãi biết làm sao?
Muốn kêu một tiếng cho to lắm,
Rằng: "Ới ai ơi khốn thế nào!"

Trong bộ *Xuyết thập tạp ký*, Lý Văn Phức khi nói về Nguyễn Gia Thiều đã cho rằng:

"Ôn Như hầu rất sở trường quốc văn, thơ ông có hai phép:

1. *Nhất thị ứng khẩu thành tụng ngữ ngữ khả nhân.*
2. *Nhất thị thiên đoạn bách luyện ngữ ngữ kinh nhân.*

(Một là thơ đọc ngay thì câu nào cũng nghe được,
Hai là thơ có ngẫm nghĩ thì câu nào ai cũng phải kinh).

---

1. Có bản chép: *luống khương.*
2. Có bản chép: *Thế mà cũng.*
3. *Mới nhánh:* mới nẩy, mới trồi.

http://tieulun.hopto.org

ĐẠI Ý KHÚC NGÂM

Khúc này là lời của một người cung phi có tài sắc mà bị nhà vua chán bỏ, than thở về số phận của mình.

Toàn khúc gồm có 356 câu viết theo thể *song thất lục bát*, có thể chia làm ba đoạn đại ý như sau:

I. Trước khi được tuyển làm cung phi *(Câu 1 - 116)*

1. (Câu 1 - 44) Kiếp má hồng thường hay gặp phải mệnh bạc. Mình nguyên là một người con gái có tài, có sắc, không thiếu gì kẻ ngấp nghé, tưởng là duyên phận sẽ được may mắn, sung sướng.

2. (Câu 45-116) Nhưng nghĩ đến kiếp người thì ngắn ngủi như bóng phù du, như giấc chiêm bao, nghĩ đến cuộc đời thì cay đắng, xót xa như chìm trong bến mê, như đắm trong biển khổ. Nghĩ đến thế, nên không muốn vào cuộc đời làm gì cho phải nhọc nhằn khổ sở, thà rằng đi tu cho được thanh thả tấm lòng.

II. Khi được tuyển làm cung phi *(Câu 117 - 192)*

1. (Câu 117 - 192). *Lúc được nhà vua sủng ái.*

Nào ngờ số phận trớ trêu, lại bị tuyển làm cung phi. Lúc đầu được nhà vua sủng ái, gối phượng, chăn loan, tha hồ cung đàn tiếng địch, tưởng cũng phỉ nguyền, bõ công trang điểm.

2. (Câu 193 - 288). *Khi bị nhà vua chán bỏ.*

Nhưng không được bao lâu, nhà vua lại đam mê người cung phi khác, không nhòm ngó gì đến mình nữa để cho phải chịu cảnh cô đơn, cửa mốc sân rêu. Nỗi buồn ấy kể làm sao cho hết.

III. Tâm sự của người cung phi *(Câu 289 - 356)*

Lúc này người cung phi cảm thấy trong lòng chán nản, chỉ còn biết than thân trách phận. Nếu có nuôi chút hy vọng được nhà vua nghĩ tới thì lại sợ khi ấy làm sao giữ được nhan sắc nữa.

http://tieulun.hopto.org

VẤN ĐỀ KHẢO ĐÍNH VÀ CHÚ GIẢI CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Khúc ngâm này do Ôn Như hầu Nguyễn Gia Thiều viết ra vào cuối thời Lê Trung hưng, cách đây trên 200 năm. Có thể lúc đầu khúc ngâm chỉ được truyền bá bằng sự sao chép hoặc bằng lối truyền miệng. Mãi đến đầu thế kỷ thứ XX mới thấy có bản khắc in **bằng chữ Nôm:**

1. *Cung oán ngâm khúc* - Khắc in chung trong tập *Danh gia quốc âm* [1].
2. *Cung oán ngâm khúc trùng san* - Khắc in năm Nhâm Tý (Duy Tân thứ 6, 1912).

hoặc bằng **chữ Quốc ngữ**:

1. *Cung oán ngâm khúc dẫn giải* của Đinh Xuân Hội - Tân Dân. 1929.
2. *Cung oán ngâm khúc* (in trong tập *Ngâm khúc)* của Nguyễn Quang Oánh, Vĩnh Hưng Long thư quán. 1930.
3. *Cung oán ngâm khúc* (bản Nôm và Quốc ngữ) của Xuân Lan in lần thứ hai. Long Quang, Hà Nội. 1932.
4. *Cung oán ngâm khúc* (in trong *Tứ dân văn uyển*, số 15, tháng 11 năm 1936).
5. *Cung oán ngâm khúc* của Vân Bình Tôn Thất Lương chú giải. Tân Việt. 1950.
6. *Cung oán ngâm khúc chú giải* của Lê Văn Hòe, Quốc học thư xã - 1954.
7. *Cung oán ngâm khúc* của Hoàng Ngọc Phách, Lê Thước - Vũ Đình Liên chú thích. Nhà xuất bản Giáo dục. Hà Nội. 1957.
8. *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Trác, Nguyễn Đăng Châu khảo thích. Nhà xuất bản Văn hóa. 1959.
9. *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Lộc khảo đính. Nhà xuất bản Văn học. 1986.

Nhận xét chung về các văn bản *Cung oán ngâm khúc* bằng chữ Nôm hoặc bằng chữ Quốc ngữ chúng ta thấy không có những khác biệt lớn. Tất cả các bản đều chỉ dài có 356 câu, không có mấy câu khác nhau hoàn toàn mà đôi khi chỉ khác nhau ở một vài chữ trong một câu mà thôi.

---

1. Tập *Danh gia quốc âm* khổ 12 x 23cm gồm ba tác phẩm: *Chinh phụ ngâm bị lục* (34 tờ), *Phan Trần truyện trùng duyệt* (31 tờ) và *Cung oán ngâm khúc* (12 tờ), được khắc in năm Nhâm Dần (1902).

http://tieulun.hopto.org

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Trải vách quế [1] gió vàng [2] hiu hắt,
Mảnh vũ y [3] lạnh ngắt như đồng.
Oán [4] chi những khách tiêu phòng, [5]
Mà xui phận bạc [6] nằm trong má đào [7].
Duyên đã may cớ sao lại rủi,
Nghĩ nguồn cơn dở dói [8] sao đang?
Vì đâu nên nỗi dở dang,
Nghĩ mình, mình lại nên thương nỗi mình.
Trộm nhớ thuở gây hình tạo hóa, [9]
Vẻ phù dung [10] một đóa khoe tươi,
Nụ hoa chưa mỉm miệng cười,

Khảo dị:

3. *Oan* chi những khách tiêu phòng (NQO).
9. Trộm nhớ thuở *hài* hình tạo hóa (NQO).
11. *Nhị* hoa chưa mỉm miệng cười (NQO).

Chú thích:

1. *Vách quế:* do chữ *quế bích* tức là căn phòng của người cung phi ở có cái cửa hình tròn như mặt trăng mà giữa sân có trồng cây quế.

2. *Gió vàng:* do chữ *kim phong*, chỉ gió mùa thu.

3. *Vũ y:* (*Vũ:* lông, *y*: áo) áo lót bằng lông chim để mặc cho ấm.

4. *Oán:* hờn trách.

5. *Tiêu phòng:* phòng có những tấm vách tô bằng vôi và có trộn lẫn hạt tiêu tán nhỏ để thêm ấm áp.

Khách tiêu phòng: chỉ người cung nữ.

6. *Phận bạc:* (*bạc:* mỏng) phận mỏng manh.

7. *Má đào:* chỉ người con gái đẹp.

8. *Dở dói:* (c.v. giở giói) giở trò này, trò kia, thất thường, gây phiền phức rắc rối.

9. *Gây hình tạo hóa:* chỉ lúc mới sinh ra làm người (do tạo hóa gây hình hài cho).

10. *Phù dung:* hoa phù dung, một thứ hoa đẹp thường được dùng để ví với người phụ nữ có nhan sắc.

http://tieulun.hopto.org

Gấm nàng Ban [1] đà lạt mùi thu dung. [2]
Áng đào kiểm [3] đăm bông não chúng, [4]
Khoé thu ba [5] dợn sóng khuynh thành. [6]
Bóng gương [7] lấp ló trong mành,
Cỏ cây cũng muốn nổi tình mây mưa. [8]
Chìm đáy nước cá lừ đừ lặn,
Lửng lưng trời, nhạn ngẩn ngơ sa [9].
Hương trời [10] đắm nguyệt say hoa,
Tây Thi [11] mất vía, Hằng Nga [12] giật mình.

Khảo dị:

12. *Gẫm* nàng Ban đã lạt mùi thu dung (NQO)

14. Khóe thu ba *gợn* sóng khuynh thành (ĐXH).

17. Chìm đáy nước cá *lờ đờ* lặn (NQO)

18. Lửng *da* trời nhạn ngẩn ngơ sa (ĐXH).

19. Hương trời *trẽn* nguyệt *trơ* hoa (NQO).

Chú thích:

1. *Gấm nàng Ban: (nàng Ban* là Ban Tiệp Dư, cung nữ của vua Hán Vũ Đế, trước được sủng ái sau bị ruồng bỏ) ý nói nhan sắc lộng lẫy của Ban Tiệp Dư.

2. *Thu dung:* vẻ đẹp mùa thu.

3. *Đào kiểm:* (*kiểm:* gò má) nói vẻ mặt của người con gái dậy thì hồng đôi má.

4. *Não chúng:* làm cho người ta phải não lòng (vì chẳng dễ gì mà chiếm được tình yêu).

5. *Thu ba:* (*ba:* sóng) sóng nước mùa thu. Ý nói khóe mắt long lanh như sóng nước mùa thu.

6. *Khuynh thành:* nghiêng thành. Trong bài hát của Lý Diên Niên có câu rằng: *"Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc"* (Liếc một cái làm nghiêng thành, liếc thêm một cái nữa làm nghiêng nước).

7. *Bóng gương:* chỉ bóng người con gái đẹp.

8. *Mây mưa:* do chữ *vân vũ* lấy từ bài tựa phú Cao Đường của Tống Ngọc: Xưa kia, Sở Tương Vương ra chơi Cao Đường chiêm bao thấy một người đàn bà đến xin cùng chăn gối với nhà vua và nói rằng "Thiếp ở bên nam núi Vu Sơn, sớm làm mây, tối làm mưa, sớm tối thiếp ở chốn Dương Đài này". Do điển ấy, về sau người ta dùng chữ *mây mưa* để chỉ cuộc ái ân của trai gái.

9. *Cá lặn..nhạn sa:* tả vẻ đẹp của người con gái đến chim phải sa, cá phải lặn. (Kể ra hình ảnh này cũng không đúng lắm vì chim thấy người con gái đẹp mà sa xuống để ngắm thì còn có lý chứ cá thấy người con gái đẹp mà lặn xuống thì trái hẳn nghĩa).

10. *Hương trời:* do chữ thiên hương quốc sắc (hương trời sắc nước) chỉ người con gái đẹp.

11. *Tây Thi:* người con gái rất đẹp ở nước Việt đời Xuân Thu. Nàng họ Thi, nhà ở thôn Trữ La, phía tây suối Nhược Da nên gọi là Tây Thi.

12. *Hằng Nga:* còn gọi là Thường Nga, vợ Hậu Nghệ. Chồng nàng được bà Tây Vương Mẫu cho thuốc trường sinh, chưa kịp uống thì Hằng Nga lấy trộm uống nên bay lên cung trăng.

Cả câu ý nói người cung phi này rất đẹp, đẹp đến nỗi Tây Thi phải mất vía và Hằng Nga phải giật mình.

http://tieulun.hopto.org

Câu cẩm tú [1] đàn anh họ Lý [2],
Nét đan thanh [3] bậc chị chàng Vương [4].
Cờ tiên rượu thánh ai đang,
Lưu Linh [5], Đế Thích [6] là làng tri âm [7].
Cầm điếm nguyệt [8] phỏng tầm Tư mã [9],
Địch lầu thu dường gã Tiêu lang [10].
Dẫu mà tay múa miệng dang [11]
Thiên tiên cũng xếp nghê thường [12] trong trăng.

Khảo dị:

26. *Sáo* lầu thu *là* gã Tiêu lang (ĐXH).

28. Thiên tiên cũng *ngành* nghê thường trong trăng. (N-ĐXH).

Chú thích:

1. *Cẩm tú:* do chữ *tú khẩu cẩm tâm* (miệng thêu lòng gấm) chỉ câu thơ hay.

2. *Lý:* tức Lý Bạch (701 - 762) một nhà thơ nổi tiếng đời Đường, thích uống rượu mà rượu càng say thì thơ lại càng hay nên được gọi là *Tửu Trung tiên*. Câu này ý nói thơ còn đáng bậc đàn anh Lý Bạch.

3. *Nét đan thanh:* (*đan*: đỏ, *thanh:* xanh) nét vẽ khéo.

4. *Chàng Vương:* tức Vương Duy (701 - 761), tự là Ma Cật, một nhà thơ nổi tiếng đời Đường mà lại giỏi cả về *thư pháp* và *hội họa*. Ông được tôn là ông tổ của lối họa sơn thủy "Nam tông".

Tô Thức đời Tống đã khen Vương Duy là: *"Thi trung hữu họa, họa trung hữu thi"* (Trong thơ như có vẽ, trong vẽ như có thơ).

Cả câu ý nói người cung phi này có tài vẽ còn hơn cả Vương Duy.

5. *Lưu Linh:* người đời Tấn, tên chữ là Bá Luân, hay uống rượu, có làm bài *Tửu đức tụng* nổi tiếng.

6. *Đế Thích:* ông tiên nổi tiếng cao cờ có đền thờ ở Hà Nội, xưa cứ vào ngày mồng chín tháng giêng là có hội.

7. *Tri âm:* (*tri:* biết, *âm:* tiếng) bạn bè thân mật, hiểu được lòng nhau.

8. *Cầm điếm nguyệt:* gảy đàn nơi quán khách có ánh trăng chiếu vào.

9. *Tư mã:* tức Tư mã Tương Như, người đời Hán, giỏi đàn, đến nhà Trác Vương Tôn, gảy khúc *Phượng cầu hoàng* khiến con gái của ông là Trác Văn Quân phải lòng mà trốn theo.

Cả câu ý nói tài đàn cũng ngang với Tư mã Tương Như.

10. *Tiêu lang:* tức Tiêu Sử. Đời Xuân Thu có chàng Tiêu Sử thổi sáo nghe như tiếng phượng. Tần Mục Công gả con gái là nàng Lộng Ngọc cho chàng. Chàng dạy vợ học sáo. Sau Lộng Ngọc cưỡi phượng, Tiêu Sử cưỡi rồng bay lên tiên.

11. *Miệng dang:* miệng hát (*dang* là mở miệng ra để hát; chữ này đặt đối với chữ *múa*).

12. *Nghê thường:* (*nghê:* cái cầu vồng, *thường:* cái xiêm, cái váy). Tích vua Đường Minh Hoàng thấy những người con gái mặc xiêm năm sắc như màu sắc cầu vồng múa hát trên cung trăng.

Cả câu ý nói khi người cung phi múa hát thì dẫu tiên nữ ở cung trăng cũng phải xếp y thường lại, không dám đua tài nữa.

http://tieulun.hopto.org

Tài sắc đã vang lừng trong nước,
Bướm ong [1] càng xao xác ngoài hiên.
Tai nghe nhưng mắt chưa nhìn,
Bệnh Tề Tuyên [2] đã nổi lên đùng đùng.
Hoa xuân nọ còn phong [3] nộn nhị [4],
Nguyệt thu kia chưa hé hàn quang [5].
Hồng lâu [6] còn khóa then sương [7],
Thâm khuê [8] còn rấm [9] mùi hương khuynh thành.
Làng cung kiếm [10] rắp ranh bắn sẻ [11],
Khách công hầu [12] ngấp nghé mong sao [13].
Vườn xuân bướm hãy còn rào,
Thấy hoa mà chẳng lối vào tìm hương.
Gan chẳng đá khôn đường khá chuyển,

Khảo dị:

37. Làng cung kiếm *lăm le* bắn sẻ (NQO)

Chú thích:

1. *Bướm ong:* con bướm và con ong thường bay đi hút nhụy hoa nên thường được dùng để ví với những kẻ hiếu sắc đi tìm những người con gái đẹp để tán tỉnh.

2. *Bệnh Tề Tuyên:* Tề Tuyên Vương đời Chiến Quốc nói với thầy Mạnh Tử rằng: *"Quả nhân hữu tật, quả nhân hiếu sắc"* (Quả nhân có tật, quả nhân thích sắc đẹp). Sau người ta lấy ba chữ *bệnh Tề Tuyên* để chỉ cái tính hiếu sắc, mê thích gái đẹp.

3. *Phong:* bao kín.

4. *Nộn nhị:* nhị hoa còn non, còn khép kín trong cánh hoa.

5. *Hàn quang:* ánh sáng mát lạnh.

6. *Hồng lâu:* lầu hồng, chốn lầu son gác tía, nơi phụ nữ quý phái ở.

7. *Then sương:* sương lạnh ở ngoài trời, người ta phải đóng cửa cài then để ngăn cách không cho lọt vào trong nhà.

Đây ý nói người con gái cấm cung, không ra ngoài.

8. *Thâm khuê:* buồng sâu kín, chỗ phụ nữ ở.

9. *Rấm:* ủ kín, giữ kín.

10. *Làng cung kiếm:* chỉ những người thuộc hàng quan võ.

11. *Bắn sẻ:* theo *Đường thư:* Đậu Nghị đời Đường muốn kén rể cho con gái mới sai người vẽ một con chim sẻ vào bức bình phong, hẹn hễ ai bắn trúng mắt chim thì sẽ gả con cho. Bấy giờ Lý Uyên (sau là vua Đường Cao Tổ) bắn trúng nên lấy được con gái Đậu Nghị. Do điển này mà về sau người ta gọi bắn sẻ là cầu hôn, hỏi vợ.

12. *Khách công hầu:* chỉ những người thuộc hàng quan văn có tước công, tước hầu.

13. *Mong sao:* do câu trong *Kinh Lễ: "Hôn giả kiến tinh nhi hành"* (Đám cưới thấy sao thì đi rước dâu).

Cả câu ý nói kẻ có danh vọng cũng nhiều người muốn cưới hỏi làm vợ.

http://tieulun.hopto.org

Mặt phàm [1] kia dễ đến Thiên Thai [2].
Hương trời sá động trần ai [3],
Dẫu vàng nghìn lạng dễ cười một khi [4].
Ngẫm nhân sự cớ chi ra thế,
Sợi xích thằng [5] chi để vướng chân.
Vắt tay nằm nghĩ cơ trần [6],
Nước dương [7] muốn rẩy nguội dần lửa duyên.
Kìa thế cục [8] như in giấc mộng.
Máy huyền vi [9] mở đóng khôn lường.
Vẻ chi ăn uống sự thường,
Cũng còn tiền định khá thương lọ là [10].

Chú thích:

1. *Mặt phàm:* chỉ hạng người tầm thường.

2. *Thiên thai:* một hòn núi ở tỉnh Chiết Giang (Trung Quốc). Xưa Lưu Thần và Nguyễn Triệu đi hái thuốc đã lạc vào núi Thiên Thai và gặp tiên. Ở nửa năm trời, khi về thì đã quá bảy đời rồi.

Cả câu ý nói những kẻ tầm thường thì làm sao mà dám sánh đôi với tiên.

3. *Trần ai:* bụi bặm, cuộc đời bụi bặm.

Cả câu ý nói người tiên đâu sá làm bạn với kẻ phàm trần.

4. *Dẫu vàng...một khi:* câu này ý nói nếu là kẻ không xứng đáng thì dẫu có nghìn lạng vàng cũng chưa chắc đã đổi được nụ cười của người đẹp. Nghĩa này là do tích vua U Vương đời nhà Chu, say mê nàng Bao Tự, nhưng chưa bao giờ thấy nàng cười. U Vương mới ra lệnh, hễ ai làm cho nàng cười thì thưởng cho nghìn lạng vàng.

(Nhất tiếu thiên kim mãi: Một nụ cười mua một ngàn lạng vàng).

5. *Xích thằng:* (*xích:* đỏ, *thằng:* dây). Vi Cố đời Đường, một đêm đi chơi gặp một ông già ngồi dưới trăng xem sách, bên cạnh có một cái túi đựng những sợi chỉ đỏ. Vi Cố hỏi cụ: "Chỉ đỏ để làm gì?" Cụ già trả lời: "Đó là dây chỉ đỏ để buộc chân những đôi trai gái sẽ thành vợ chồng".

6. *Cơ trần:* cái máy tạo hóa xoay vần mọi việc trên đời, chi phối cuộc sống của chúng ta.

7. *Nước dương:* thứ nước phép của nhà Phật.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát thường dùng cành dương liễu nhúng vào bình nước cam lồ để cứu độ chúng sinh thoát khỏi vòng đau khổ. Cả câu này ý nói muốn dẹp bỏ chuyện tình duyên mà đi tu.

8. *Thế cục:* cuộc đời.

9. *Huyền vi:* (*huyền*: mờ tối khó hiểu, *vi:* nhỏ nhặt) cuộc đời ví như cái máy tinh vi bí ẩn không ai hiểu được.

10. *Vẻ chi... lọ là:* cả hai câu ý nói mọi việc ở đời đều đã được định sẵn từ trước. (*Nhất ẩm nhất trác giai do tiền định*: một hớp nước, một miếng ăn đều được định sẵn từ trước).

http://tieulun.hopto.org

Đòi những kẻ thiên ma bách chiết [1],
Hình thì còn bụng chết đòi nau [2].
Thảo nào khi mới chôn rau,
Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra! [3]
Khóc vì nỗi thiết tha sự thế [4],
Ai bày trò bãi bể nương dâu [5].
Trắng răng đến thuở bạc đầu,
Tử sinh kinh cụ [6] làm nau [7] mấy lần.
Cuộc thành bại hầu cằn mái tóc,
Lớp cùng thông như đúc buồng gan [8].
Bệnh trần [9] đòi đoạn tâm can [10],
Lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da [11].

Khảo dị:

53. Đòi *rất mực* thiên ma bách chiết (NQO).

59. Trắng răng *cho đến* bạc đầu (NQO).

63. Bệnh trần đòi đoạn *tân toan* (NQO)

Chú thích:

1. *Thiên ma bách chiết:* nghìn lần mài, trăm lần gẫy. Ý nói khó nhọc vất vả.

2. *Đòi nau:* nhiều lần.

Cả câu ý nói chỉ còn cái thân xác thôi chứ tâm trí thì đã bị hủy hoại rồi.

3. *Thảo nào... mà ra:* cả hai câu này ý nói cuộc đời đầy những đau khổ nên đứa bé mới ra đời đã cất tiếng khóc ngay.

Chính vì muốn diễn tả ý ấy mà Nguyễn Công Trứ mới hỏi lại rằng:

Thoạt sinh ra thì đà khóc chóe,
Trần có vui sao chẳng cười khì?

4. *Thiết tha sự thế:* tức thiết tha việc đời, cả câu ý nói việc đời làm cho người ta phải đau đớn trong lòng.

Kinh Thi có câu: *"Như thiết như tha, như trác như ma"* (Như cắt như cưa như mài như giũa).

5. *Bãi bể nương dâu:* do chữ *thương hải tang điền*, ý nói đến những sự biến đổi lớn lao ở đời như biển xanh hóa ra ruộng dâu.

Thần tiên truyện: Tiên nữ Ma Cô nói với Vương Phương Bình: "Từ khi được hầu tiếp ông đến nay đã thấy biển Đông ba lần biến thành ruộng dâu".

6. *Tử sinh kinh cụ:* chết sống, sợ hãi, chỉ những nỗi lo lắng ở đời.

7. *Làm nau:* làm cho đau đớn biết bao nhiêu lần.

8. *Cuộc thành bại... buồng gan:* cả hai câu ý nói lo lắng nhiều về những sự thành bại ở đời mà mái tóc phải cằn đi, lo lắng nhiều về những cảnh bĩ thái (lúc gặp may lúc gặp rủi) ở đời mà buồng gan tưởng rắn lại như đúc.

9. *Bệnh trần:* nói đến những sự đau đớn ở đời.

10. *Đòi đoạn tâm can:* nhiều phen làm cho đau lòng.

11. *Lửa cơ... cắt da:* cả câu ý nói đói quá như lửa cắt đốt ruột, rét quá như dao cắt vào da.

http://tieulun.hopto.org

Gót danh lợi [1] bùn pha sắc xám,
Mặt phong trần [2] nắng rám mùi dâu.
Nghĩ thân phù thế [3] mà đau,
Bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê [4].
Mùi tục lụy [5] lưỡi tê tân khổ [6],
Đường thế đồ [7] gót rỗ kỳ khu [8].
Sóng cồn [9] cửa bể nhấp nhô,
Chiếc thuyền bào ảnh [10] lô xô mặt ghềnh.
Trẻ tạo hóa [11] đành hanh quá ngán,
Chết đuối người trên cạn mà chơi.
Lò cừ [12] nung nấu sự đời,

Khảo dị:

69. Mùi tục *vị* lưỡi tê tân khổ (ĐXH)

70. Đường thế đồ gót rỗ *khi* khu (ĐXH)

72. Chiếc thuyền bào ảnh lô xô *gập* ghềnh (ĐXH)

Chiếc thuyền bào ảnh lô xô *dập dềnh* (NQO)

Chú thích:

1. *Gót danh lợi:* gót của kẻ bôn ba cầu danh cầu lợi.

2. *Mặt phong trần:* (*phong:* gió, *trần:* bụi) mặt của kẻ chạy theo danh lợi phải chịu cực khổ trên đường bon chen.

3. *Thân phù thế:* tấm thân chìm nổi trong cuộc đời.

4. *Bến mê:* do chữ *mê tân,* chỗ làm cho người ta sai lầm, ý nói đến cái chướng ngại ở trần thế.

Cả câu ý nói đến cuộc đời của người ta cũng chìm nổi mong manh như bọt nước, như cánh bèo ở giữa bến mê bể khổ.

5. *Tục lụy:* mối phiền lụy ở đời.

6. *Tân khổ:* (*tân:* cay, *khổ:* đắng) cay đắng.

7. *Thế đồ:* (*thế*: đời, *đồ*: đường) đường đời.

8. *Kỳ khu:* gập ghềnh, mấp mô.

Cả hai câu ý nói nếm đủ mùi đời cay đắng mà tê cả đầu lưỡi, đi đường đời gập ghềnh mà rỗ cả gót chân.

9. *Sóng cồn:* sóng dâng cao lên, sóng lớn.

10. *Bào ảnh:* (*bào*: bọt nước, *ảnh:* cái bóng) đời người như cái bóng, cái bọt nước.

Kinh Kim Cương có câu: *"Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng ảo bào ảnh"* (Hết thảy việc đời như chiêm bao, như bọt nước, như cái bóng).

11. *Trẻ tạo hóa: Tạo hóa* là chỉ ông trời. Ông trời hay bày ra lắm chuyện trớ trêu nên người ta mới gọi là *trẻ tạo hóa* (hóa nhi).

12. *Lò cừ:* lò đúc lớn, tức là trời đất, theo câu: *"Thiên địa vi lô, tạo hóa vi công, âm dương vi thán, vạn vật vi đồng"* (Trời đất làm lò, tạo hóa làm thợ, khí âm khí dương làm than, muôn vật làm đồng).

http://tieulun.hopto.org

Bức tranh vân cẩu [1] vẽ người tang thương [2].
Đền vũ tạ [3] nhện giăng cửa mốc,
Thú ca lâu [4] dế khóc canh dài.
Đất bằng bỗng rấp chông gai,
Ai đem nhân ảnh [5] nhuốm mùi tà dương [6].
Mồi phú quý dử làng xa mã [7],
Bả vinh hoa lừa gã công khanh [8].
Giấc Nam Kha [9] khéo bất bình,
Bừng con mắt dậy thấy mình tay không.
Sân đào lý [10] mây lồng man mác,
Nền đỉnh chung [11] nguyệt gác mơ màng.
Cánh buồm bể hoạn [12] mênh mang,

Khảo dị:

79. Đất bằng bỗng *rập* chông gai (ĐXH)

84. Bừng con mắt dậy, *lại* mình tay không (NQO)

85. Sân đào lý *rêu phong* man mác (NQO)
Sân đào lý *giâm* lồng man mác (ĐXH)

Chú thích:

1. *Tranh vân cẩu:* bức tranh đám mây biến hình thành con chó. Do câu thơ của Đỗ Phủ: *"Thiên thượng phù vân như bạch y, tu du hốt biến vi thương cẩu"* (Đám mây nổi trên trời trông như cái áo trắng, bỗng chốc biến ra hình con chó xanh).

2. *Người tang thương: (tang thương:* dâu biển, xem chú thích câu 58) người chịu nhiều cảnh ngộ, lúc sướng lúc khổ, khi thế này khi thế khác.

3. *Vũ tạ:* (*vũ:* múa, *tạ:* nhà làm trên cái đài cao) chỗ múa hát.

4. *Ca lâu:* lầu dành cho ca nữ hát.

5. *Nhân ảnh:* bóng người.

6. *Tà dương:* mặt trời xế chiều.

7. *Làng xa mã:* chỉ hạng người giàu sang lên xe xuống ngựa.

8. *Gã công khanh:* kẻ làm quan to, vào hàng Tam công hoặc Cửu khanh bên Trung Quốc thời xưa.

9. *Giấc Nam Kha:* giấc mộng, giấc chiêm bao. Điển: Thuần Vu Phần một hôm nằm ngủ dưới gốc hòe, mộng thấy đến nước Hoè An, được vua ấy gả con gái cho rồi cho làm thái thú quận Nam Kha, sống cực kỳ sung sướng. Lúc tỉnh dậy, thấy chẳng có gì cả mà vẫn nằm dưới gốc hòe phía Nam. Còn quận Nam Kha chính là cành cây hòe (*kha:* cành cây). Do giấc mộng này mà về sau người ta dùng chữ *giấc Nam Kha* hoặc *giấc hòe* để chỉ giấc mộng.

10. *Sân đào lý:* (cây đào, cây lý; người có tài ví như cây đào cây lý) chỉ chỗ ở của những người tài giỏi.

11. *Nền đỉnh chung:* (*đỉnh:* cái đỉnh, *chung:* cái chuông) cảnh nhà phú quý vì ngày xưa nhà giàu có đông người ăn ở phải dùng vạc để nấu cơm và dùng chuông đánh để báo giờ ăn.

12. *Bể hoạn:* do chữ *hoạn hải* nghĩa là đường làm quan. Sở dĩ gọi như vậy vì con đường làm quan cũng lắm sóng gió như đi thuyền trên bể rộng.

http://tieulun.hopto.org

Cái phong ba [1] khéo cợt phường lợi danh.
Quyền họa phúc [2] trời tranh mất cả,
Chút tiện nghi [3] chẳng trả phần ai.
Con quay búng sẵn trên trời,
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm [4].
Hình mộc thạch [5] vàng kim ố cổ,
Sắc cầm ngư [6] ủ vũ ê phong.
Tiêu điều nhân sự đã xong,
Sơn hà cũng ảo, côn trùng cũng hư [7].
Cầu thệ thủy [8] ngồi trơ cổ độ [9],
Quán thu phong [10] đứng rũ tà huy [11].
Phong trần [12] đến cả sơn khê [13],
Tang thương [14] đến cả hoa kia cỏ này.

Khảo dị:

94. Sắc cầm ngư ủ vũ *e* phong (ĐXH-NQO)

96. Sơn hà cũng *hoản,* côn trùng cũng hư (ĐXH)

Chú thích:

1. *Phong ba:* (*phong:* gió, *ba*: sóng) sóng gió. Cái sóng gió ở bể hoạn cũng hay trêu cợt kẻ chạy theo danh lợi.

2. *Quyền họa phúc:* quyền gây ra tai họa hoặc ban cho hạnh phúc.

3. *Tiện nghi:* tùy nghi xếp đặt.

Cả hai câu ý nói một mình ông trời tranh hết cả quyền hành ban phúc giáng họa và không để cho người ta một chút tiện nghi nào mà sắp xếp cuộc sống theo ý muốn riêng.

4. *Con quay... đi đêm:* cả hai câu ý nói người ta như con quay ông trời búng cho xoay tít, không biết nó sẽ ngã vào đâu chẳng khác gì người ta đi trong đêm tối cứ đi liều mà không biết lối.

5. *Mộc thạch:* gỗ đá.

6. *Cầm ngư:* chim cá.

Cả hai câu ý nói đến gỗ đá cũng bị vàng ố vì thời gian và đến chim cá cũng bị ủ ê vì mưa gió thì con người ta làm sao mà chịu nổi những sự thăng trầm của cuộc đời.

7. *Tiêu điều... cũng hư:* cả hai câu ý nói việc đời của người ta tiêu điều buồn khổ đã đành mà đến sông núi cũng là huyễn ảo thì sâu bọ chỉ là hư không, có đáng kể gì.

8. *Thệ thủy:* (*thệ:* qua, *thủy*: nước) nước chảy.

9. *Cổ độ:* (*cổ:* cũ, *độ:* bến) bến đò cũ.

10. *Thu phong:* gió mùa thu.

11. *Tà huy:* bóng mặt trời và buổi chiều.

Hai câu này đều tả cảnh buồn: chiếc cầu nát vắng người ở bến đò cũ và cái quán rũ bóng chiều tà dưới làn gió thu hiu hắt thổi.

12. *Phong trần:* ý nói tiêu điều tàn tạ.

13. *Sơn khê:* núi khe.

14. *Tang thương:* ý nói cảnh đổi thay tiều tụy (Xem chú thích câu 58).

http://tieulun.hopto.org

Tuồng ảo hóa [1] đã bày ra đấy,
Kiếp phù sinh [2] trông thấy mà đau.
Trăm năm còn có gì đâu,
Chẳng qua một nấm cỏ khâu [3] xanh rì.
Mùi tục lụy [4] dường kia cay đắng,
Vui chi mà đeo đẳng trần duyên [5].
Cái gương nhân sự chiền chiền,
Liệu thân này với cơ thiền [6] phải nao.
Thà mượn thú tiêu dao [7] cửa Phật,
Mối thất tình [8] quyết dứt cho xong.
Đa mang chi nữa đèo bòng,
Vui gì thế sự mà mong nhân tình [9].
Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa,
Mượn hoa đàm [10] đuốc tuệ [11, 12] làm duyên.
Thoát trần một gót thiên nhiên,
Cái thân ngoại vật [13] là tiên trên đời.

Khảo dị:

101. Tuồng *hoản* hóa đã bày ra đấy (ĐXH).
Trò ảo hóa đã bày ra đấy (NQO).
108. *Liều* thân này với cơ thiền phải nao (NQO).
116. Cái thân ngoại vật là tiên *trong* đời. (ĐXH-NQO)

Chú thích:

1. *Ảo hóa:* biến hóa, thay đổi kỳ lạ.
2. *Kiếp phù sinh:* kiếp đời trôi nổi.
3. *Cỏ khâu:* cỏ mọc trên nấm mồ.
4. *Tục lụy:* cái lụy ở đời.
5. *Trần duyên:* duyên nợ ở cõi trần.
6. *Cơ thiền:* (*cơ:* máy, *thiền:* tĩnh, lặng). Đạo Phật lấy sự thanh tĩnh nên gọi là thiền. Cả câu ý nói liệu tính đến chuyện đi tu nương nhờ cửa Phật là hơn.
7. *Tiêu dao:* thản nhiên không để sự gì bận đến lòng cả. Cũng có nghĩa là thong thả đi đây đi đó, không bị bó buộc.
8. *Thất tình:* bảy thứ tình cảm: mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét, muốn.
9. *Nhân tình:* tình cảm của con người, lòng người.
Nhân tình thế thái: cách ăn ở với nhau ở đời.
10. *Hoa đàm:* hoa ưu đàm. Theo kinh *Pháp hoa* thì hoa ưu đàm cứ 3000 năm lại nở một lần, mà mỗi lần nó nở lại có đức Phật xuất thế.
11. *Đuốc tuệ:* ngọn lửa trí tuệ. Kinh *Hoa nghiêm* nói: *"Trí tuệ hỏa linh chúng sinh ly chướng ngại khổ"* (Lửa trí tuệ làm cho chúng sinh dứt bỏ được cái khổ vì che chắn, ngăn cản).
12. *Hoa đàm đuốc tuệ:* chỉ chung việc tu hành.
13. *Thân ngoại vật:* thoát ra ngoài cái vật chất, không dính dáng gì với đời.

http://tieulun.hopto.org

Ý cũng rắp ra ngoài đào chú [1],
Quyết lộn vòng phu phụ [2] cho cam.
Ai ngờ trời chẳng cho làm,
Quyết đem dây thắm [3] mà giam bông đào [4].
Hẳn túc trái [5] làm sao đây tá,
Hay tiền nhân [6] hậu quả [7] xưa kia.
Hay thiên cung có điều gì?
Xuống trần mà trả nợ đi cho rồi.
Kìa điểu thú [8] là loại vạn vật,
Dẫu vô tri [9] cũng bắt đèo bòng.
Có âm dương [10], có vợ chồng,
Dẫu từ thiên địa cũng vòng phu thê [11].
Đường tác hợp [12] trời kia run rủi,
Trốn làm sao cho khỏi nhân tình.
Thôi thôi ngoảnh mặt làm thinh,
Thử xem con tạo gieo mình nơi nao?

Khảo dị:

117. *Chí* cũng rắp ra ngoài đào chú (NQO)
121. Hẳn túc *chướng* làm sao đây tá (NQO)
130. *Lọt* làm sao cho khỏi nhân tình (ĐXH)
132. Thử xem con tạo *ấn* mình nơi nao (NQO)

Chú thích:

1. *Đào chú:* (*đào:* nặn, *chú:* đúc) sự nặn đúc của tạo hóa, sự sinh hóa của tạo hóa.
2. *Phu phụ:* vợ chồng.

Cả câu ý nói quyết lộn ra khỏi vòng quan hệ vợ chồng để đi tu.

3. *Dây thắm:* tức dây tơ hồng.
4. *Bông đào:* chỉ người con gái đẹp.
5. *Túc trái:* (*túc:* ngày xưa, cũ; *trái:* nợ) cái nợ từ những kiếp trước.
6. *Tiền nhân:* (*tiền:* trước, *nhân*: cái nguyên cớ) cái nguyên nhân ở kiếp trước.
7. *Hậu quả:* cái kết quả ở kiếp sau. Cả câu này ý nói người ta kiếp trước tạo ra cái nhân thì kiếp này hưởng lấy cái quả rồi cái quả của kiếp này lại là cái nhân của kiếp sau nữa, cứ thế, luân hồi mãi mãi.
8. *Điểu thú:* chim và muông thú.
9. *Vô tri:* không có tri thức.
10. *Âm dương:* khí âm và khí dương, hai nguyên tố đầu tiên phối hợp với nhau mà hình thành nên vạn vật. Cho nên trong vũ trụ bao giờ cũng có âm có dương như đất và trời, vợ và chồng, đực và cái.
11. *Phu thê:* vợ chồng.

Câu này đã nói rõ về âm dương: "*Dẫu từ thiên địa cũng vòng phu thê*".

12. *Tác hợp:* làm cho hợp lại (ý nói trời làm cho nên vợ chồng).

http://tieulun.hopto.org

Tay nguyệt lão [1] khờ sao có một,
Bỗng tơ tình vướng gót cung phi.
Cái đêm hôm ấy đêm gì,
Bóng dương [2] lồng bóng đồ mi [3] trập trùng.
Chồi thược dược [4] mơ mòng thụy vũ [5],
Đóa hải đường [6] thức ngủ xuân tiêu [7].
Cành xuân hoa chúm chím chào,
Gió đông [8] thôi đã cợt đào ghẹo mai.
Xiêm nghê [9] nọ tả tơi trước gió,
Áo vũ [10] kia lấp ló trong trăng.
Sênh ca [11] mấy khúc vang lừng,
Cái thân Tây tử [12] lên chừng điện Tô.
Đệm hồng thúy [13] thơm tho mùi xạ,

Khảo dị:

136. Bóng dương lồng bóng *trà* mi trập trùng (NQO)

137. *Liễu* thược dược mơ *màng* thụy vũ (ĐXH)
Chồi thược dược mơ *màng* thụy vũ (NQO)

140. Gió đông thôi đã *trêu* đào *cợt* mai (NQO)

Chú thích:

1. *Nguyệt lão:* (*nguyệt:* mặt trăng, *lão:* ông cụ già) ông già ngồi dưới trăng, chủ về việc hôn nhân. Xem thêm chú thích câu 46.

2. *Bóng dương:* bóng mặt trời, đây chỉ nhà vua.

3. *Đồ mi:* tên một thứ hoa sắc trắng nở về đầu mùa hạ, đây chỉ người đàn bà đẹp. Cả câu ý nói được nhà vua âu yếm.

4. *Thược dược:* tên một thứ hoa sắc đỏ hoặc trắng, nở về đầu mùa hạ, đây ví với người đàn bà đẹp.

5. *Thụy vũ:* hạt mưa tốt lành, đây ví với lòng yêu đương của nhà vua.

6. *Hải đường:* tên một thứ hoa sắc hồng nở về mùa xuân.

7. *Xuân tiêu:* đêm mùa xuân. Vua Đường Minh Hoàng bảo nàng Dương Quý Phi rằng: "Hoa hải đường ngủ chưa đủ ư?". Đây người cung phi tự ví mình như nàng Dương Quý Phi ngày xưa được vua yêu quý.

8. *Gió đông:* gió từ phương đông lại, tức là gió mùa xuân.

9. *Xiêm nghê:* (*xiêm:* cái váy, *nghê:* cầu vồng) cái xiêm có nhiều màu sắc như cái cầu vồng.

10. *Áo vũ:* áo làm bằng lông chim.

11. *Sênh ca:* (*sênh* hoặc *sinh* là thứ sáo có 13 cái ống trúc kết lại; *ca:* hát). Chỉ chung các điệu nhạc, khúc hát.

12. *Tây tử:* tức Tây Thi, một người con gái đẹp ở nước Việt về đời Xuân Thu. Vua Câu Tiễn nước Việt bị vua nước Ngô là Phù Sai đánh thua, mới dâng nàng Tây Thi cho vua nước ấy. Vua Phù Sai bèn làm *điện Tô* (điện ở Cô Tô) cho nàng ấy ở. Sau vua Phù Sai mất nước vì nàng ấy. Câu này ý nói người cung phi tự sánh mình như nàng Tây Thi ngày xưa được vua yêu dấu cho ở trong cung điện nguy nga.

13. *Đệm hồng thúy:* (*hồng:* con ngỗng trời, *thúy*: chim trả, bói cá) đệm làm bằng lông hai con chim này.

http://tieulun.hopto.org

Bóng bội hoàn [1] lấp ló trăng thanh.
Mây mưa [2] mấy giọt chung tình [3],
Đình Trầm [4] hương khóa một cành mẫu đơn.
Tiếng thánh thoát cung đàn thúy dịch [5],
Giọng nỉ non ngón địch đan trì [6].
Càng đàn, càng địch, càng mê,
Càng gay gắt điệu, càng tê tái lòng.
Mày ngài [7] lẫn mặt rồng [8] lồ lộ,
Sắp song song đôi lứa nhân duyên.
Hoa thơm muôn đội ơn trên,
Cam công mang tiếng thuyền quyên [9] với đời.
Trên chín bệ [10] mặt trời gang tấc [11],
Chữ xuân riêng sớm chực trưa chầu.
Phải duyên hương lửa cùng nhau,

Khảo dị:

148. Đình Trầm *xuân* khóa một cành mẫu đơn (NQO)
149. *Gẩy khúc phượng* cung đàn thúy dịch (NQO)
150. *Thổi hơi kim* ngón địch đan trì (NQO)
150. Giọng nỉ non *ngọn* địch đan trì (ĐXH)
154. Sắp song song đôi *nố* nhân duyên (N)
Sắp song song đôi *đũa* nhân duyên (NQO)

Chú thích:

1. *Bội hoàn:* (*bội*: đồ trang sức bằng ngọc đeo ở dây lưng, *hoàn:* tên một thứ ngọc hoặc vòng đeo) chỉ chung các đồ trang sức bằng ngọc của phụ nữ đeo.

2. *Mây mưa:* nghĩa bóng nói sự trai gái gặp gỡ ân ái với nhau.
Xem thêm chú thích câu 16.

3. *Chung tình:* (*chung:* họp lại, đúc lại) ái tình thu lại để dồn cả vào một người.

4. *Đình trầm:* tức là Trầm hương đình, tên một cái đình. Vua Đường Minh Hoàng cùng nàng Dương Quý Phi thưởng hoa thược dược ở đấy.

5. *Thúy dịch:* (*thúy:* sâu, *dịch:* bên cạnh) tòa nhà thâm nghiêm làm bên cạnh cung vua để các cung phi ở.

6. *Đan trì:* (*đan*: đỏ, *trì:* thềm) thềm sơn son, thềm nhà vua.

7. *Mày ngài:* lông mày như râu con ngài, chữ Hán là nga mi tức lông mày nhỏ mà dài của người con gái đẹp.

8. *Mặt rồng:* do chữ *long nhan,* chỉ mặt nhà vua.

9. *Thuyền quyên:* (*thuyền* hoặc *thiền:* đẹp, dáng đẹp, *quyên*: tốt đẹp, đẹp) chỉ người phụ nữ đẹp.

10. *Chín bệ:* chín bậc thềm, nơi để ngai vua.

11. *Mặt trời gang tấc:* (*mặt trời*: chỉ vua) vua ở rất gần.

http://tieulun.hopto.org

Xe dê [1] lọ rắc lá dâu mới vào?
Khi ấp mận ôm đào [2] gác nguyệt [3],
Lúc cười sương cợt tuyết đền phong [4].
Đóa lê [5] ngon mắt cửu trùng [6],
Tuy mày điểm nhạt, nhưng lòng cũng xiêu.
Vẻ vưu vật [7] trăm chiều chải chuốt,
Lòng quân vương chi chút [8] trên tay.
Má hồng không thuốc mà say,
Nước kia muốn đổ, thành này muốn long.
Vườn Tây Uyển [9] khúc trùng Thanh dạ [10],
Gác Lâm Xuân [11] điệu ngả Đình hoa [12].
Thừa ân [13] một giấc canh tà,
Tờ mờ nét ngọc, lập lòa vẻ son.

Khảo dị:

162. Lúc cười *hoa* cợt tuyết đền phong (NQO)

164. *Dầu* mày điểm nhạt nhưng lòng cũng xiêu (NQO)

169. Vườn *Thượng* uyển khúc trùng Thanh dạ (NQO)

Chú thích:

1. *Xe dê:* xe do dê kéo. Tần Vũ Đế có nhiều cung phi, mỗi lần đến với họ, nhà vua thường đi chiếc xe dê kéo, không có người điều khiển. Muốn được vua vào với mình, các cung phi phải tìm cách lấy lá dâu rắc trước phòng để dử dê vào.

2. *Ấp mận ôm đào:* ám chỉ cảnh nhà vua thân cận với các cung phi.

3. *Gác nguyệt:* gác có ánh trăng chiếu vào.

4. *Đền phong:* đền chung quanh có trồng cây phong, thứ cây có lá đỏ hồng hoặc vàng về mùa thu.

5. *Đóa lê:* đóa hoa lê, ví với người cung nữ.

6. *Ngon mắt cửu trùng:* ưa mắt nhà vua càng nhìn càng thấy say đắm, ham muốn.

7. *Vưu vật:* vật rất lạ, rất quý.

8. *Chi chút:* nâng niu gìn giữ.

9. *Tây Uyển:* tên một cái vườn ở phía tây huyện Lạc Dương, tỉnh Hà Nam (Trung Quốc), do Tùy Dương Đế lập ra.

10. *Thanh dạ:* tức là *Thanh dạ du* (đi chơi lúc đêm thanh) tên một khúc hát được đặt ra từ đời vua Tùy Dương Đế. Nhà vua thường lúc đêm thanh đem cung nữ dạo chơi trong vườn và nghe hát bài *Thanh dạ du.*

11. *Lâm Xuân:* tên một cái gác của vua Trần Hậu Chủ dựng lên bằng gỗ đàn hương cho nàng Trương Quý Phi ở.

12. *Đình hoa:* tức là *Ngọc thụ hậu đình hoa*, tên một khúc hát được đặt ra vào đời Trần Hậu Chủ.

13. *Thừa ân:* đợi ơn, đây ý nói được nhà vua yêu đến.

http://tieulun.hopto.org

Trên trướng gấm chí tôn [1] vòi vọi,
Những khi nào gần gũi quân vương.
Dẫu mà tay có nghìn vàng,
Đố ai mua được một tràng mộng xuân [2].
Thội cười nọ lại nhăn mày liễu [3],
Ghẹo hoa kia lại diễu [4] gót sen [5].
Thân này uốn éo vì duyên,
Cũng cam một tiếng thuyền quyên với đời.
Lan mấy đóa lạc loài sơn dã [6],
Uổng mùi hương vương giả [7] lắm thay!
Gẫm như cân trất [8] duyên này,
Cam công đặt cái khăn [9] này tắc ơ [10].
Tranh tị dực nhìn ưa chim nọ,
Đồ liên chi [11] lần trỏ hoa kia.

Khảo dị:

173. *Trong* trướng gấm chí tôn vòi vọi (ĐXH - NQO)

175. Dẫu mà *ai* có nghìn vàng (ĐXH - NQO)

183. *Ngẫm* như cân trất duyên này (NQO)

Chú thích:

1. *Chí tôn:* rất tôn trọng; đây chỉ nhà vua.

2. *Một tràng mộng xuân:* một giấc chiêm bao êm đềm vui thú về mùa xuân.

3. *Nhăn mày liễu:* xưa nàng Tây Thi đau bụng mà nhăn mặt thì trông lại đẹp thêm lên.

4. *Diễu:* đi có điệu bộ uyển chuyển.

5. *Gót sen:* bước chân của người phụ nữ đẹp. Do tích Tề Đông Hôn Hầu cho thợ lấy vàng dát thành hoa sen lát xuống nền nhà để nàng Phan Phi đi và nói rằng: "Mỗi bước đi của quý nương lại nở ra một bông sen".

6. *Sơn dã:* chốn rừng núi đồng ruộng.

7. *Mùi hương vương giả:* (*vương:* vua, *giả*: ấy), dùng để chỉ hoa lan tức là thứ hoa có một mùi thơm vua chúa.

Đức Khổng Tử đi từ nước Vệ về nước Lỗ thấy trong núi sâu, hang thẳm có nhiều hoa lan, mới than rằng: "Lan vi vương giả hương, kim dự chúng thảo ngụ" (Lan có hương thơm của vua chúa nay lại phải làm bạn với loài cỏ).

8. *Cân trất:* (*cân*: khăn, *trất:* lược) nói đạo làm vợ phải nâng khăn lược cho chồng.

9. *Đặt khăn:* nói về sự sinh con gái. Theo sách *Lễ ký*, hễ sinh con trai thì đặt cái cung ở bên trái cửa, hễ sinh con gái thì đặt cái khăn ở bên phải cửa.

10. *Tắc ơ:* tiếng chặc lưỡi, tỏ ý chán nản.

11. *Tị dực... liên chi:* liền cánh (sát cánh cùng bay), liền cành. Chữ lấy trong bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị nói về vua Đường Huyền Tôn cùng nàng Dương Quý Phi thề nguyền cùng nhau: "Ở trên trời xin làm chim liền cánh; ở dưới đất xin làm cây liền cành".

http://tieulun.hopto.org

Chữ đồng [1] lấy đấy làm ghi,
Mượn điều thất tịch [2] mà thề bách niên
Hạt mưa [4] đã lọt miền đài các,
Những mừng thầm cá nước [5] duyên may.
Càng lâu càng lắm màn hay,
Cho cam công kẻ nhúng tay thùng chàm [6].
Ai ngờ bỗng một năm một nhạt,
Nguồn ơn kia không tát mà vơi [7],
Suy di [8] đâu biết cơ trời [9],
Bỗng không mà hóa ra người vị vong [10] !
Đuốc vương giả [11] chí công [12] là thế,
Chẳng soi cho đến khóe âm nhai [13].
Muôn hồng nghìn tía đua tươi,

Khảo dị:

188. Mượn *lời* thất tịch mà thề bách niên (N - NQO)

191. Càng lâu càng lắm *mùi* hay (ĐXH)

194. Nguồn *cơn* kia *chẳng* tát mà vơi (H-ĐXH)

195. Suy *đi* đâu biết cơ trời (NQO)

198. Chẳng soi cho đến *kẽ* âm nhai (NQO)

Chú thích:

1. *Chữ đồng:* chữ đồng tâm, cùng một lòng với nhau.

2. *Thất tịch:* đêm mồng bảy tháng bảy.

Theo tục truyền thì trong một năm chỉ có ngày ấy là Ngưu Lang và Chức Nữ mới được gặp nhau. Vua Đường Huyền Tôn cũng nhân đêm ấy thề với nàng Dương Quý Phi như câu nói trên (c.185 - 186).

3. *Bách niên:* tức *bách niên giai lão* (giai: cùng) là sống cùng nhau đến trăm năm.

4. *Hạt mưa:* ví với thân phận người phụ nữ. Theo câu ca dao: *"Thân em như hạt mưa rào, hạt sa xuống giếng, hạt vào vườn hoa".*

5. *Cá nước:* cá gặp nước; ý nói đến cái duyên hai người gặp nhau một cách tương đắc.

6. *Nhúng tay thùng chàm:* tục ngữ có câu: *"Tay chót nhúng chàm"*. Cả câu ý nói: Đã trót đem thân vào làm cung phi mà được nhà vua yêu dấu thì cũng bõ công.

7. *Nguồn ơn... mà vơi:* cái ơn vua một ngày một kém đi như nước không ai tát mà cạn dần.

8. *Suy di:* thay đổi mà kém dần đi.

9. *Cơ trời:* máy tạo hóa, máy trời.

10. *Người vị vong:* (*vị:* chưa, *vong:* chết) người đàn bà góa chồng tự xưng là vị vong nhân.

11. *Đuốc vương giả:* đuốc sáng của nhà vua.

12. *Chí công:* hết sức công bằng.

13. *Âm nhai:* (*nhai:* sườn núi) hang tối.

http://tieulun.hopto.org

Chúa xuân nhìn hái một hai bông gần
Vốn đã biết cái thân câu chõ [2],
Cá no mồi cũng khó dử lên.
Ngán thay cái én ba nghìn,
Một cây cù mộc [3] biết chen cành nào.
Song đã cậy má đào chon chót,
Hẳn duyên tươi phận tốt hơn người.
Nào hay con tạo trêu ngươi,
Hang sâu chút hé mặt trời lại râm.
Trong cung quế [4] âm thầm chiếc bóng,
Đêm năm canh trông ngóng lần lần.
Khoảnh làm chi bấy chúa xuân,
Chơi hoa cho rữa nhị dần lại thôi.
Lầu đãi nguyệt [5] đứng ngồi dạ vũ,
Gác thừa lương [6] thức ngủ thu phong.
Phòng tiêu [7] lạnh ngắt như đồng,
Gương loan [8] bẻ nửa, dải đồng [9] xẻ đôi.

Khảo dị:

200. Chúa xuân *nở* hái một hai bông gần (NQO)
204. Một cây cù mộc *dễ* chen cành nào (NQO)
205. Song *cũng* cậy má đào chon chót (NQO)
208. Hang sâu *thoắt* hé mặt trời lại râm (NQO)
210. *Suốt* năm canh trông ngóng lần lần (NQO)
216. Gương loan bẻ nửa, dải đồng *xé* đôi (NQO)

Chú thích:

1. *Muôn hồng... bông gần:* hai câu này ý nói cung nữ đẹp thật nhiều mà nhà vua chỉ yêu có một vài người.

2. *Câu chõ:* câu ghé vào chỗ người ta đang câu.

3. *Cù mộc:* Cây cao lớn, ví với người vợ cả.

Kinh Thi có câu: *"Nam hữu cù mộc, cát lũy luy chi"* (Bên nam có cây lớn, dây sắn leo quấn lên) ý nói đến bà Thái Tự, vợ vua Văn Vương biết dung cho bọn nàng hầu vợ lẽ.

4. *Cung quế:* cung các phi tần ở. Cung này có cửa trong như mặt trăng, ngoài sân có trồng một cây quế (xưa Hán Vũ Đế có cho làm một cái cung để phi tần ở gọi là *quế cung*).

5. *Lầu đãi nguyệt:* lầu ngồi chơi chờ ngắm trăng lên.

6. *Gác thừa lương:* gác ngồi hóng gió mát.

7. *Phòng tiêu:* phòng của cung phi ở, tường vôi có trộn thêm hồ tiêu cho ấm.

8. *Gương loan:* cái gương hai vợ chồng soi chung.

9. *Dải đồng:* dải đồng tâm. Vua Tùy Dương Đế sai tết dải lụa lại gọi là *"đồng tâm kết"* đưa cho phu nhân.

http://tieulun.hopto.org

Chiều ủ dột giấc mai [1] trưa sớm,
Vẻ bâng khuâng hồn bướm [2] vấn vơ.
Thâm khuê [3] vắng ngắt như tờ,
Cửa châu gió lọt, rèm ngà sương treo.
Ngấn phượng liễn [4] chòm rêu lỗ chỗ,
Dấu dương xa [5] đám cỏ quanh co.
Lầu Tần [6] chiều nhạt vẻ thu,
Gối loan [7] tuyết đóng, chăn cù [8] giá đông.
Ngày sáu khắc tin mong nhạn [9] vắng,
Đêm năm canh tiếng lắng chuông rền.
Lạnh lùng thay giấc cô miên [10],
Mùi hương tịch mịch, bóng đèn thâm u.
Tranh biếng ngắm trong đồ tố nữ,
Mặt buồn trông trên cửa nghiêm lâu [11].
Một mình đứng tủi ngồi sầu,

Khảo dị:

222. Dấu dương xa *áng* cỏ quanh co (NQO)

223. *Cung đình* chiều nhạt vẻ thu (NQO)

226. Đêm năm canh *lắng tiếng* chuông rền (N)

Chú thích:

1. *Giấc mai:* giấc ngủ mơ màng đến người yêu. Do câu thơ cổ: "*Tương tư nhất dạ mai hoa phát, hốt đáo song tiền nghi thị quân*" (Nhớ nhau một đêm hoa mai nở, chợt thấy ở trước cửa sổ ngỡ là tình quân).

2. *Hồn bướm:* hồn mơ màng. Do tích Trang Chu nằm mơ thấy mình hóa ra con bướm rồi khi tỉnh còn mơ màng không biết mình là bướm hay là Trang Chu.

3. *Thâm khuê:* phòng sâu kín, chỗ người cung phi ở.

4. *Phượng liễn: (phượng*: chim phượng, *liễn*: xe) xe của vua đi, có chạm hình chim phượng.

5. *Dương xa:* xe dê kéo. Vua Tấn Vũ Đế ban đêm đi xe dê kéo vào cung của các phi tần ở. Các cung nhân mới lấy lá dâu rắc ở ngoài cửa phòng mình và đổ nước muối vào để cho dê thèm ăn mà dừng lại.

6. *Lầu Tần:* lầu trong cung vua Tần; đây dùng để chỉ cung điện vua nói chung.

7. *Gối loan:* gối có thêu chim loan chim phượng, gối của vợ chồng.

8. *Chăn cù:* chăn làm bằng lông con cù lân.

9. *Nhạn:* tin nhạn, chỉ tin tức một người ở xa. Do tích ông Tô Vũ đời nhà Hán sang sứ Hung Nô, phải đày ra Bắc Hải chăn dê. Sau khi hai nước đã hòa lại với nhau, vua Hán cho sứ sang đòi Tô Vũ thì vua Hung Nô bảo ông ta đã chết. Có người bày kế sứ giả nói với vua Hung Nô rằng: "*Vua Hán đi săn, có bắn được con chim nhạn, ở chân có buộc bức thư của Tô Vũ*". Vua Hung Nô nghe nói vậy phải trao trả Tô Vũ và phải tạ lỗi.

10. *Cô miên:* nằm ngủ một mình.

11. *Nghiêm lâu:* lầu thâm nghiêm, chỗ vua ở.

http://tieulun.hopto.org

Đã than với nguyệt, lại rầu với hoa.
Buồn mọi nỗi lòng đà khắc khoải,
Ngán trăm chiều bước lại ngẩn ngơ.
Hoa này bướm nỡ thờ ơ,
Để gầy bông thắm, để xơ nhị vàng.
Đêm năm canh lần nương vách quế,
Cái buồn này ai để giết nhau.
Giết nhau chẳng cái lưu cầu [1],
Giết nhau bằng cái u sầu độc chưa!
Tay nguyệt lão [2] chẳng xe thì chớ,
Xe thế này có dở dang không?
Đang tay muốn rứt tơ hồng,
Bực mình muốn đạp tiêu phòng mà ra!
Nào lối dạo vườn hoa năm ngoái,
Đóa hồng đào hái buổi còn xanh.
Trên gác phượng, dưới lầu oanh,
Gối du tiên [3] hãy rành rành song song.
Bây giờ đã ra lòng rẻ rúng,
Để thân này cỏ úng tơ mành [4].

Khảo dị:

232. *Những* than với nguyệt lại rầu với hoa (NQO)
241. Tay nguyệt lão *hư sao chăng* chớ (N)
Tay nguyệt lão *xe tơ chăng* chớ (ĐXH)
Tay nguyệt lão *khéo* xe *chằng* chớ
249. Bây giờ đã ra lòng *ruồng rẫy* (N)
250. Để thân này cỏ *ái* tơ mành (N)
Để thân này *tóc mỏng* tơ mành (NQO)

Chú thích:

1. *Lưu cầu:* con dao sắc hoặc một thứ binh khí ngày xưa.

2. *Nguyệt lão:* ông tơ (xem chú thích chữ *xích thằng,* câu 46).

3. *Gối du tiên:* (*du tiên:* chơi cõi tiên) Theo sách *Khai thiên dị sự,* nước Quy Tư dâng vua nhà Đường (Trung Quốc) một cái gối đỏ như mã não, đẹp như ngọc, hễ gối đầu vào thì nằm mơ thấy được đi chơi các cảnh tiên, nhân thế vua Đường mới gọi cái gối ấy là *gối du tiên.*

4. *Cỏ úng tơ mành:* (*úng:* thối nát, *mành:* mảnh nhỏ) câu này ý nói đến cái thân phận của người cung phi cũng không khác gì cỏ vàng đã úng thối và tơ đã nát ra mảnh vụn nhỏ.

http://tieulun.hopto.org

Đông quân [1] sao khéo bất tình [2],
Cành hoa tàn nguyệt [3] bực mình hoài xuân [4].
Nào lúc tựa lầu Tần hôm nọ,
Cành liễu mành bẻ thuở đương tơ.
Khi trướng ngọc, lúc rèm ngà,
Mảnh xuân y [5] hãy sờ sờ dấu phong.
Bây giờ đã ra lòng ruồng rẫy.
Để thân này nước chảy hoa trôi.
Hóa công [6] sao khéo trêu ngươi,
Bóng đèn tà nguyệt [7] dử mùi ký sinh [8].
Cảnh hoa lạc nguyệt minh [9] dường ấy,
Lửa hoàng hôn như cháy tấm son.
Hoàng hôn [10] thôi lại hôn hoàng,
Nguyệt hoa [11] thôi lại thêm buồn nguyệt hoa.
Buồn vì nỗi nguyệt tà ai trọng,
Buồn vì điều hoa rụng ai nhìn,
Tình buồn cảnh lại vô duyên,
Tình trong cảnh ấy, cảnh bên tình này.

Khảo dị:

251. Đông quân sao khéo bất *bình* (NQO)

253. Nào *thuở dạo vườn xuân* hôm nọ (NQO)

256. Mảnh xuân y hãy sờ sờ dấu *in*

257. Bây giờ đã ra lòng *dún dẩy* (N)

Chú thích:

1. *Đông quân:* vua phương Đông, vị thần làm chủ cho gió đông thổi về mùa xuân, cũng nghĩa như chúa xuân.

2. *Bất tình:* không có tình, lãnh đạm.

3. *Cành hoa tàn nguyệt:* mặt trăng đã tàn; đây mượn hai chữ ấy làm phẩm từ để nói về cảnh hoa đã tàn.

4. *Hoài xuân:* tưởng nhớ đến mùa xuân.

5. *Xuân y:* áo mặc về mùa xuân.

6. *Hóa công:* ông tạo hóa, ông trời.

7. *Bóng đèn tà nguyệt:* nói mặt trăng đã xế, đã lặn, đây mượn hai chữ này làm phẩm từ để nói về ngọn đèn sắp tàn.

8. *Ký sinh:* sống gửi, sống nhờ.

9. *Hoa lạc nguyệt minh:* (*minh:* mờ tối) hoa rụng và trăng mờ.

10. *Hoàng hôn:* (*hoàng:* vàng, *hôn*: tối) lúc xẩm tối.

11. *Nguyệt hoa:* trăng và hoa, trai gái thường hẹn nhau dưới trăng trước hoa để tự tình. Cảnh đẹp trăng sáng hoa nở.

http://tieulun.hopto.org

Khi trận gió lung lay cành bích [1],
Nghe rì rầm dế mách ngoài xa.
Mơ hồ ngỡ tiếng xe [2] ra,
Đốt phong hương hả mà hơ áo tàn.
Ai ngờ tiếng dế than ri rỉ,
Giọng bi thu [3] gọi kẻ cô phòng [4].
Vắng tanh nào thấy vân mòng,
Hơi thê lương [5] lạnh ngắt song phi huỳnh [6],
Khi bóng thỏ chênh vênh trước ốc [7],
Nghe vang lừng tiếng giục bên tai.
Đè chừng ngỡ tiếng tiểu đòi [8],
Nghiêng bình phấn mốc mà giồi má deo.
Ai ngờ tiếng quyên [9] kêu ra rả,
Điệu thương xuân [10] khóc ả sương khuê [11].
Lạnh lùng nào thấy ỏ ê [12]

Khảo dị:

270. Nghe rì rầm *tiếng* mách ngoài xa (ĐXH)
Nghe rì *rào* dế mách ngoài xa (NQO)
271. Mơ hồ *nghĩ* tiếng xe ra (N - ĐXH)
273. Ai ngờ tiếng dế *ran rĩ* rỉ (N - ĐXH)
274. Giọng bi thu *ghẹo* kẻ cô phòng (NQO)
277. Khi bóng thỏ chênh vênh trước *nóc* (NQO)
278. Nghe vang lừng tiếng giục *ngoài hiên* (NQO)
279. Đè chừng ngỡ tiếng *triệu* đòi (NQO)
280. Nghiêng bình phấn mốc *sẽ* giồi má *nheo* (NQO)

Chú thích:

1. *Cành bích:* cành cây sắc xanh.
2. *Tiếng xe:* tiếng xe của nhà vua.
3. *Bi thu:* buồn bã vì cảnh sắc mùa thu.
4. *Cô phòng:* buồng của người nằm một mình, sống trong cảnh cô độc.
5. *Thê lương:* buồn rầu, lạnh lẽo.
6. *Phi huỳnh:* con đom đóm bay.
7. *Ốc:* nhà.
8. *Tiếng tiểu đòi:* tiếng đứa hầu nhỏ được lệnh gọi cung phi lên hầu vua.
9. *Tiếng quyên:* tiếng cuốc.
10. *Thương xuân:* đau đớn vì nhớ mùa xuân.
11. *Sương khuê: (sương:* ở góa, *khuê:* buồng) buồng của người đàn bà góa chồng.
12. *Ỏ ê:* săn sóc đến, chăm nom đến.
Ta thường nói: "*Nhìn nhõ ỏ ê*".

http://tieulun.hopto.org

Khí bi thương sực nức hè lạc hoa [1]
Tiếng thúy điện [2] cười già ra gắt [3],
Mùi quyền môn [4] thắm rất nên phai [5].
Nghĩ nên tiếng cửa quyền ôi [6],
Thì thong thả vậy cũng thôi một đời.
Vì sớm biết lòng trời đeo đẳng [7],
Dẫu thuê tiền cũng chẳng buồn tênh.
Nghĩ mình lại ngán cho mình.
Cái hoa đã trót gieo cành biết sao!
Miếng cao lương [8] phong lưu những lợm [9],
Mùi hoắc lê [10] thanh đạm mà ngon.
Cùng nhau một giấc hoành môn [11],
Lâu lâu ríu rít cò con cũng tình [12].
Ví sớm biết phận mình ra thế,

Khảo dị:

284. Khí bi *thu* sực nức hè lạc hoa (NQO)
286. Mùi quyền môn thắm *gắt* nên phai (NQO)
290. Dẫu thuê tiền cũng chẳng *mang tình* (NQO)
292. Cái hoa *khi đã trao* cành biết sao (NQO)
293. Miếng cao lương phong lưu *nhưng* lợm (NQO)
295. Cùng nhau một giấc *hành* môn (ĐXH - NQO)
296. *Lau nhau* ríu rít cò con cũng tình (ĐXH)
297. *Mình có* biết phận mình ra thế (N - ĐXH)

Chú thích:

1. *Hè lạc hoa:* bậc thềm có hoa rụng.
2. *Thúy điện:* (*thúy*: sâu, *điện:* đền) tòa đền thâm nghiêm, chỗ vua ở.
3. *Cười già ra gắt.* ý nói vui lắm sinh ra buồn nhiều.
4. *Quyền môn:* nhà kẻ có quyền thế, bậc quan sang.
5. *Thắm rất nên phai:* ý nói đậm lắm thì nhạt càng mau, thân lắm thì sơ ngay.
6. *Quyền ôi:* (*ôi:* không còn tươi nữa, đã nguội lạnh và có mùi) nói người đã mất quyền thế.
7. *Đeo đẳng:* đeo đuổi, lẽo đẽo theo hoài.
8. *Cao lương:* (*cao:* mỡ, *lương:* gạo tốt) đồ ăn ngon.
9. *Lợm:* cảm thấy buồn nôn, ngấy chán.
10. *Hoắc lê:* hai thứ rau thường ăn của người dân quê.
11. *Hoành môn:* (*hoành:* ngang, *môn:* cửa) nhà người ở ẩn, dùng cây gỗ bắc ngang để làm cửa.
12. *Lâu lâu... cũng tình:* cả câu ý nói lấy chồng quê mùa mà được ríu rít với chồng lâu dài lại hơn.

http://tieulun.hopto.org

Giải kết [1] điều ỏe họe làm chi.
Thà rằng cục kịch nhà quê,
Dầu lòng nũng nịu nguyệt kia hoa này.
Chiều tịch mịch đã gầy bóng thỏ [2],
Vẻ tiêu tao [3] lại võ hoa đèn [4].
Muốn đem ca tiếu [5] giải phiền,
Cười nên tiếng khóc, hát nên giọng sầu.
Ngọn tâm hỏa [6] đốt rầu nét liễu [7],
Giọt hồng băng [8] thấm ráo làn son.
Dơ buồn đến cảnh con con,
Trà chuyên nước nhất, hương dồn khói đôi [9].
Trong gang tấc mặt trời [10] xa mấy,
Phận hẩm hiu dường ấy vì đâu?
Sinh ly đòi rất thời Ngâu [11, 12],
Một năm còn thấy mặt nhau một lần.
Huống chi cũng lạm phần son phấn [13],

Khảo dị:

298. Giải *kiết* điều ỏe *oẹ* làm chi (ĐXH)
305. Ngọn tâm hỏa đốt *dầu* nét liễu (NQO)
307. *Lại* buồn đến cảnh con con (NQO)
308. Trà *hư* nước nhất, hương *mòn* khói đôi (NQO)
309. Trong gang tấc, mặt trời xa *bấy* (NQO)
311. Sinh ly *rất mực* thời Ngâu (NQO)

Chú thích:

1. *Giải kết:* (*giải* : cởi, *kết:* nút) gỡ những điều nó bó buộc mình.
2. *Bóng thỏ:* bóng trăng.
3. *Tiêu tao:* tiêu điều, tịch mịch.
4. *Hoa đèn:* đầu bấc đèn đã cháy thành than nhưng lại được sức nóng nung đỏ lên.
5. *Ca tiếu:* hát và cười.
6. *Tâm hỏa:* lửa ở trong lòng; ý nói sự bực bội như ngọn lửa thiêu ở trong lòng.
7. *Rầu nét liễu:* (*nét liễu:* lông mày người con gái thanh nhỏ) làm cho vẻ mặt người cung phi cũng buồn rầu mà cau cá nét mày lại.
8. *Hồng băng:* (*hồng:* đỏ, *băng:* nước đông lại). Điển: Nàng Tiết Linh Vận phải tuyển vào cung để dâng lên vua Ngụy Văn Đế. Lúc từ giã cha mẹ, nàng khóc quá, nước mắt chảy tầm tã. Lấy cái bình ngọc mà hứng thì sau đông lại thành băng đỏ.
9. *Trà chuyên... khói đôi:* chè chuyên nước đầu thì còn nhạt, hương đã tỏa ra nhiều ngọn mà khói gần tàn.
10. *Mặt trời:* chỉ nhà vua. Cả câu ý nói chỗ nhà vua ở cũng chẳng xa bao nhiêu.
11. *Ngâu:* sao Khiên Ngưu.
12. *Thời ngâu:* thời kỳ của chàng Ngưu ả Chức gặp nhau.
13. *Lạm phần son phấn:* được chọn vào bậc cung phi.

http://tieulun.hopto.org

Luống năm năm chịu phận buồng không.
Khéo vô duyên bấy cửu trùng [1],
Thắm nào nhuộm lại tơ hồng cho tươi.
Vườn thượng uyển [2] hoa cười với nắng,
Lối đi về ai chẳng chiều ong.
Doành nhâm [3] một dải nông nông,
Bóng dương bên ấy, đứng trông bên này.
Tình rầu rĩ làm ngây nhĩ mục [4].
Chốn phòng không như giục mây mưa [5].
Giấc chiêm bao những đêm xưa,
Giọt mưa cửu hạn [6, 7] còn mơ đến rày.
Trên chín bệ có hay chăng nhẽ,
Khách quần thoa [8] mà để lạnh lùng.
Thù nhau ru hỡi đông phong!
Góc vườn dãi nắng cầm bông hoa đào.
Tay tạo hóa cớ sao mà độc,
Buộc người vào kim ốc [9] mà chơi.

Khảo dị:

314. Luống năm năm *chực* phận *phòng* không (NQO)
315. Khéo vô duyên *với* cửu trùng (NQO)
316. *Son* nào nhuộm *được má* hồng cho tươi (NQO).
321. Tình rầu rĩ làm *khuây* nhĩ mục (N - ĐXH)
327. Thù nhau *chi* hỡi đông phong (NQO)
328. Góc vườn dãi nắng *một* bông hoa đào (NQO)

Chú thích:

1. *Cửu trùng:* (*cửu*: chín, *trùng:* lớp) chỉ nơi vua ở, thâm nghiêm qua chín lớp cửa mới đến.

2. *Thượng uyển:* (*thượng:* chữ dùng để gọi vua như Hoàng thượng, Kim thượng; *uyển*: vườn) vườn trong cung vua.

3. *Doành nhâm:* (*doành:* hào nước, *nhâm:* thuộc về hướng bắc) nơi hoàng cung, cửa chính là Ngọ môn hướng nam, sau hoàng cung có hào, hào ấy hướng bắc gọi là *duềnh nhâm.*

4. *Nhĩ mục:* tai mắt.

Làm ngây nhĩ mục: làm cho tai mắt ngây dại đi không còn cảm thấy gì nữa.

5. *Như giục mây mưa:* như khêu gợi chuyện ái ân. (Xem chú thích câu 16).

6. *Cửu hạn:* (*cửu:* lâu, *hạn*: khô nắng) nắng đã lâu chưa có mưa.

7. *Giọt mưa cửu hạn:* ý nói nắng mãi mà được trận mưa cũng như xa cách lâu ngày mà nay được gặp lại thì mừng vô kể.

8. *Khách quần thoa:* (*quần:* xiêm váy, *thoa:* trâm cài đầu) đàn bà con gái nói chung.

9. *Kim ốc:* nhà vàng. Vua Hán Vũ Đế, lúc còn làm thái tử có nói với người cô của mình rằng: "Nếu cháu được A Kiều (con gái người cô) thì sẽ làm nhà vàng cho ở".

http://tieulun.hopto.org

Chống tay ngồi ngẫm sự đời,
Muốn kêu một tiếng cho dài kẻo căm!
Nơi lạnh lẽo, nơi xem gần gặn,
Há phai son lạt phấn ru mà
Trêu ngươi chi bấy trăng già,
Trao con chỉ thắm [1] mà ra tơ mành! [2]
Lòng ngán ngẩm buồn tênh mọi nỗi,
Khúc sầu tràng [3] bối rối dường tơ.
Ngọn đèn phòng động [4] đêm xưa,
Chùm hoa tịnh đế [5] trơ trơ chưa tàn.
Mà lượng thánh đa đoan [6] kíp mấy
Bỗng ra lòng dún dẩy vì đâu!
Bõ già [7] tỏ nỗi xưa sau,
Chẳng đem nỗi ấy mà tâu ngự [8] cùng.
Đêm phong vũ [9] lạnh lùng có một,
Giọt ba tiêu [10] thánh thót cầm canh [11].
Bên tường thấp thoáng bóng huỳnh [12],

Khảo dị:

338. *Mối* sầu tràng bối rối dường tơ (NQO)

340. *Đài* hoa tịnh đế trơ trơ chưa tàn (NQO)

341. Mà lượng thánh đa đoan kíp *bấy* (NQO)

343. Bõ già tỏ nỗi *trước* sau (NQO)

Chú thích:

1. *Chỉ thắm:* như *chỉ hồng*. (Xem chú thích câu 46).

2. *Tơ mành:* sợi tơ mảnh nhỏ.

3. *Sầu tràng:* (*sầu:* buồn, *tràng:* ruột) lòng buồn rầu.

4. *Phòng động:* do chữ *động phòng* là căn phòng kín đáo, buồng của hai vợ chồng mới cưới. Do câu: *"Động phòng hoa chúc dạ"* (Cái đêm đốt đuốc hoa trong phòng kín đáo).

5. *Chùm hoa tịnh đế:* (*tịnh:* cùng, *đế:* cuống hoa) chùm hoa cùng chung một cuống.

6. *Đa đoan:* nhiều nỗi, nhiều mối, lôi thôi rắc rối.

7. *Bõ già:* (*bõ:* tiếng gọi người đày tớ đã già) đây chỉ những người thái giám già hầu hạ trong cung vua.

8. *Tâu ngự:* (đối với vua thường xưng là *ngự*) tâu vua.

9. *Phong vũ:* gió mưa.

10. *Ba tiêu:* cây chuối.

11. *Cầm canh:* trống cầm canh, tiếng trống đánh ban đêm để báo sang canh, cứ cách một thời gian lại đánh. Đây ví tiếng nước mưa đập vào tàu lá chuối cứ từng hồi lại rơi lộp bộp xuống đất như tiếng trống cầm canh vậy.

12. *Huỳnh:* con đom đóm.

http://tieulun.hopto.org

Vách sương nghi ngút đèn xanh lờ mờ.
Mắt chưa nhắp đồng hồ [1] đã cạn,
Cảnh tiêu điều ngao ngán dường bao.
Buồn này mới gọi buồn sao,
Một đêm nhớ cảnh biết bao nhiêu tình.
Bóng câu [2] thoáng bên mành mấy nỗi,
Những hương sầu phấn tủi cho xong.
Phòng khi động đến cửu trùng [3],
Giữ sao cho được má hồng [4] như xưa.

Khảo dị:

348. Vách sương *hót gió*, đèn xanh lờ mờ (NQO).

354. Những hương sầu phấn tủi *bao* xong (ĐXH)

Chú thích:

1. *Đồng hồ:* (*đồng:* đồng, loại kim khí; *hồ:* bình đựng nước) cái bình bằng đồng đáy có lỗ nhỏ, người ta đổ nước vào cho nó rỉ dần ra và xem mực nước ở bên trong để biết thời khắc.

2. *Bóng câu:* (*câu*: ngựa non) nghĩa bóng chỉ thì giờ đi nhanh. Do câu: *"Nhân sinh nhất thế gian, như bạch câu quá khích"* (Khoảng một đời người nhanh như bóng con ngựa non màu trắng chạy qua khe cửa).

3. *Cửu trùng:* đây chỉ nhà vua.

4. *Má hồng:* vẻ đẹp của người con gái.

http://tieulun.hopto.org

宮悊吟曲

1 峖壁桂盪鐀囂汦

2 牄羽衣冷汦如銅

3 悊之仍客椒房

4 麻吹分箔鰍斖膲桃

5 緣皰枚擄牢吏蹂

6 抔源干擙緩坤當

7 爲兜碱涎擙扛

8 抔肴肴吏碱傷涎肴

9 濫忮課形骸造化

10 髁芙蓉沒朵誇鮮

11 葐花渚唳咽嗸

12 錦娘班皰瀎味秋容

13 盎烑檢抌芷惱眾

14 睽秋波湎溿傾城

15 膯鬊炟燦斖萌

16 靿核拱悶涎情遷湄

http://tieulun.hopto.org

17 沉底渃魡瀘沱吝

18 淜胇垔雁謹魚沙

19 香垔耽月醝花

20 西施呎鼇姷娥秩肭

21 勾錦繡彈英户李

22 涅丹青堛姊扒王

23 掑仙醂聖埃當

24 劉伶帝釋罷廊知音

25 琴店月倣尋司馬

26 賦樓秋罷狥羊郎

27 哂麻硒揕咝暘

28 天仙拱擺霓裳斮腋

29 才色匋嗹唆斮渃

30 蛵蜂強敲壳外軒

31 聰暄仍眛渚眧

32 病齊宣匋淊蓮同同

33 花春怒群封嫩蕊

34 月秋箕渚戲寒光

35 紅樓群鎖扞霜

http://tieulun.hopto.org

36 深閨群浸味香傾城

37 廊弓劍拉名翷駙

38 客公侯昅睎懞壁

39 園春蚏唉群撡

40 貮花麻拯塹匒尋香

41 肝拯砐坤塘呵轉

42 楆凡箕易旦天台

43 香枲詫動塵埃

44 唒鐀衍兩易嗸沒欺

45 嚕人事擄之蠋茷

46 紃赤繩之底紝蹎

47 物鞁輜抔机塵

48 渃楊悶洒汫寅炤緣

49 箕世局如印戝夢

50 贗玄微翷揀坤量

51 氂之咬旺事常

52 拱群前定可傷路羅

53 喙仍几千磨百折

54 形時群膆詖喙觜

http://tieulun.hopto.org

55 討吊欺買墫妾

56 匋茫啃哭班頭麻糴

57 哭爲涇切他事茷

58 埃排路壛滗埌槐

59 韭腇旦課泊頭

60 死生驚惧忐覮汆吝

61 局成敗侯癘贗遽

62 笠穷通如焠房肝

63 病塵喙斷心肝

64 炤飢焠腓刀寒割胯

65 蹭名利塭坡色湛

66 楆風塵爙監味槐

67 扮身浮世麻疔

68 淳斢滗苦蠤頭燮迷

69 味俗味褡痺辛苦

70 塘世途蹭躔崎嶇

71 洚澼斸滗泏濡

72 隻船泡影入蘇垃埬

73 巃造化停亨過嗆

http://tieulun.hopto.org

74 捵捋俘運泍麻制

75 炉渠爌烯事茷

76 幅幀雲狗氍俘桑滄

77 殿舞榭蝒扛酈木

78 趣欹樓蜴哭更戝

79 坦平俸拉柊核

80 埃抌人影染味斜陽

81 餉富貴批廊車馬

82 把榮花嚧狥公卿

83 戝南柯害不情

84 炰猳眛趔貗肴鬿空

85 墂桃李遷篕灤漠

86 垾昦鍾月擱慲恅

87 翹帆淲宦溟茫

88 丐風波害噤坊利名

89 權禍福丕爭秩奇

90 怵便宜拯者分埃

91 丐捶捧產連丕

92 慲慲人影如俘趁腤

http://tieulun.hopto.org

93 形木石鐀今瘜古

94 色禽魚塢雨咳風

95 蕭調人事皅衝

96 山河拱幻昆虫拱虛

97 梂誓水垒渚古渡

98 錧秋風蹲愈斜暉

99 風塵旦奇山溪

100 桑滄旦奇花箕靿尼

101 從幻化皅排蠯帝

102 劫浮生轂貗麻疠

103 螽幹群固之兜

104 拯戈沒埝靿丘韍韍

105 味俗累豢箕咳噔

106 愜之麻扣等塵緣

107 丐鬫人事鏖鏖

108 料身尼買机禪沛觜

109 他搼趣逍逕鄺伕

110 緮七情決撼朱衝

111 多恇之女扣摓

http://tieulun.hopto.org

112 恤之世事麻懞人情

113 衹盪沫胰清結義

114 摟花曇燄慧ㄙ緣

115 脫塵沒蹭天然

116 丐身外物羅仙連茷

117 意拱拉罹外陶鑄

118 決論銨夫婦朱甘

119 埃兮歪拯朱ㄙ

120 決抌綃櫜麻緘花桃

121 罕夙債ㄙ牢帝佐

122 能前因後果初箕

123 能天宮固調之

124 鄞塵麻者嬇趎朱耒

125 箕鳥獸羅類萬物

126 唒無知拱扒扜攓

127 固陰陽固婚鈇

128 唒徐天地拱銨夫妻

129 塘作合歪箕撤搋

130 捸ㄙ牢朱塊人情

http://tieulun.hopto.org

131 催催瞟楠心清

132 此貼猏造撩舍尼觜

133 鉹月老虛牢固沒

134 俸絲情紝蹐宮妃

135 丐腤叢仄腤之

136 膯楊篦膯茶麋蛰重

137 料芍葯慲懞瑞雨

138 朵海棠眱昨春霄

139 梗梨花唯呫嘲

140 鬞東催皂噤桃嚡梅

141 祜霓怒左哉斀鬞

142 襖羽箕炆燦衄腋

143 笙欹汆曲嗹唆

144 丐身西子蓮澄殿蘇

145 裣紅翠薟萩味麝

146 膯佩環烶燦腋清

147 遷湄汆涋鍾情

148 停沉春鎖沒梗牡丹

149 掀曲鳳宮彈逐掖

http://tieulun.hopto.org

150 嗹唏金阮笛丹墀

151 強彈強笛強迷

152 強綃撚調強犀再悉

153 眉蝵怒楠螪路々

154 捭雙々堆妬姻緣

155 花簪閉隊恩漣

156 甘功拦啃嬋娟買茷

157 漣尬陛楠歪熨學

158 羿春稹厴直潳朝

159 沛緣香炤拱饒

160 車牴璐撚蘢槐拱匒

161 欺挹槾揩烑擱月

162 昕嗛霜噤雪殿楓

163 朵梨唁眛九重

164 雖眉默滌仍悉拱超

165 屧尤物姦朝岐捽

166 悉君王之怵漣羓

167 膦紅空轈麻醝

168 渃箕悶覣城尼悶竜

http://tieulun.hopto.org

169 園西苑曲重清夜

170 閣臨春調我庭花

171 承恩沒戝更斜

172 燦爾涅玉烜燦髁輪

173 斡帳婂至尊渭湄

174 仍欺帟賦蹌君王

175 唒麻埃固靝鐀

176 妬埃摸特沒場夢春

177 催嗸慤吏痕眉柳

178 嚆花箕吏踟蹈蓮

179 身尼捥摟爲緣

180 拱甘沒啃嬋娟貝茷

181 蘭汆朵落類山野

182 狂味香王者鄟台

183 嚃如巾櫛緣尼

184 甘功摙丐巾尼唰唋

185 幀比翼眧於鴣怒

186 圖連棱吝女花箕

187 穻同祕帝心詭

http://tieulun.hopto.org

188 揾唾七夕麻誓百年

189 曷湄匋律沔臺閣

190 仍惆忱魡渃緣枚

191 強數強豦味能

192 朱甘功仉搽秺椿藍

193 涘兮俸沒觲沒瀎

194 源千箕拯薩麻滆

195 搉趎兜別机歪

196 俸空麻化鼬得未亡

197 燄王者至公羅世

198 拯熽朱旦睽陰涯

199 閍紅孡紫都鮮

200 主春聬揇沒缸菟賦

201 本匋別丐身勾住

202 魡皺餎拱庫批戚

203 嗹台丐燕已孡

204 沒核樛木別擅梗爷

205 雙匋悁膲龗焠焠

206 罕緣鮮分卒欣得

http://tieulun.hopto.org

207 吊能猏造啣的

208 酩凄斣戲楀歪吏淫

209 斶宮桂音沉隻膯

210 腤甗更瞳瞈吝吝

211 頃厶之貝主春

212 制花朱炤葐寅吏傕

213 樓待月蹲塋夜雨

214 閣乘涼戕昨秋風

215 房椒冷汘妬銅

216 鈞鴐撥妦帶同熾堆

217 朝塢涋戕梅潳斸

218 氉冰傾魂蚳汐潟

219 深閨永汘如詞

220 闈珠盞律簾玾霜撩

221 痕鳳鞪笆蔡魯杜

222 痻羊車盎鞊觖孤

223 樓秦朝滌氉秋

224 槍鴐雪揀禛衢這冬

225 暻愨刻信懞雁朗

http://tieulun.hopto.org

226 脂軏更潮啃鍾塵

227 冷淒台戕孤眠

228 味香寂寞膊烟深幽

229 幀怲瞝斖圖素女

230 楠恤瞳葷闌嚴樓

231 沒禸蹲悴塋愁

232 皰嚥貝月吏油貝花

233 恤每涇悉陀克快

234 嗉螽朝趾吏謹魚

235 花尼蛭女蜍唋

236 底瘨芷櫹底初葐鐀

237 脂軏更吝娘壁桂

238 丐恤尼埃底薨饒

239 薨饒拯丐琉球

240 薨饒朋丐幽愁毒渚

241 茜月老虛牢庄渚

242 車世尼固捵台空

243 當茜悶捼絲紅

244 逼禸悶踏椒房麻罹

http://tieulun.hopto.org

245 弔課踏園花幹外

246 朵紅桃挴哏群撐

247 連閣鳳鄠棲鶯

248 檜遊仙唉仃仃雙雙

249 悲睩包罷悉機飂

250 底身尼鞊愛絲萌

251 東君牢窖不情

252 梗花殘月逼肴恢春

253 弔眈拚樓秦歜怒

254 梗柳萌撥課當絲

255 欺帳玉眈簾玕

256 牯春衣唉初初跴印

257 悲睩匏罷悉淍氾

258 底身尼涎沚花澱

259 化工牢窖嗋的

260 膯烟斜月批味寄生

261 景花落月冥讓意

262 炤黃昏如烃屾輪

263 黃昏傕吏黃昏

http://tieulun.hopto.org

264 月花傕吏添恤月花

265 恤爲涇月斜埃重

266 恤爲調花用埃眧

267 情恤景吏無緣

268 情劬景氏景邊情尼

269 欺陣盪揜抹梗壁

270 暄咦喱蝭啼外賒

271 慲胡慘啀車玀

272 灺封香呵麻爐襖殘

273 埃參啀蝭嚪咦叱

274 喠悲秋噲兒孤房

275 永腥吊貗雲夢

276 唏漊涼冷汍窗彩螢

277 欺膯兔征榮斀屋

278 暄噤唆啀啜邊聰

279 提澄語啀小喙

280 迎瓶粉朱麻抹腢療

281 埃參啀鵑吋玀啫

282 調傷春哭妵霜閨

http://tieulun.hopto.org

283 冷洟芾貗塢咳

284 氣悲傷嗔惹堰落花

285 啃翠殿哄殧雡咭

286 味權門艡揂牋派

287 撱牋啃闌權喂

288 時從且丕拱傕沒茷

289 嗦斸別悉垔扔等

290 唒稅錢拱拯恤精

291 撱肴吏嗉朱肴

292 丐花匏悴招梗別牢

293 咝膏梁風流仍嚃

294 味蘲藜清淡麻唁

295 拱饒沒戕衡門

296 数数哺嘪驚猳拱情

297 肴固別分肴雡世

298 解結調唪惠忉之

299 他浪局劇茄圭

300 油悉慍腰月箕花尼

301 朝寂寞匏痚膯兔

http://tieulun.hopto.org

302 髁蕭騷吏瘞花畑

303 悶抌歌笑解煩

304 嗛輒啃哭喝輒喠愁

305 莞心火灺油涅柳

306 涋紅氷浸燥欄耣

307 噲愜旦景猳々

308 茶專渃一香敦熄堆

309 觕熤學糀枲賒汆

310 分飲囂豢仄爲兜

311 生離隊窒時牛

312 沒齴群貗糀饒沒吝

313 況之拱濫分耣粉

314 隀輒齴直分房空

315 害無緣汆九重

316 櫜芾梁吏絲紅朱鮮

317 園上苑花嗛貝爙

318 塶趂術花拯朝蝓

319 盪壬沒滯農農

320 膯楊邊仜蹲瞎邊尼

http://tieulun.hopto.org

321 情油吧忄虧耳目

322 准房空如啜遽湄

323 戕占包仍腤初

324 涋湄久旱群瞰旦剔

325 連尬陛固能庄鍾

326 客裙釵麻底冷湃

327 讋饒油唉東風

328 船園燀爙於苬花桃

329 鬗造化擩牢麻毒

330 繟得刨金屋麻制

331 擩鬗塹嘯事茷

332 悶叫沒啃朱踔嘺唫

333 尼冷汀尼貼賦近

334 呵派輪濕粉油麻

335 招皊之買腇豅

336 牢猳织櫜麻矲絲萌

337 悉嗉錦恤醒每涇

338 曲愁腸絒緮羔絲

339 莞烟房洞腤初

http://tieulun.hopto.org

340 苫花並蒂諸々渚殘

341 麻量聖多端急買

342 俸繼悉撰圯爲兜

343 佈裟斬涎初斲

344 拯枕涎仄麻奏御拱

345 腍風雨冷洟固沒

346 涋芭蕉聖説拎更

347 邊墻濕倘膊螢

348 壁霜喧咫烟撑爐爾

349 眛拯臥銅壺牢泮

350 景蕭条嗷嗹羔包

351 恤尼買噲恤牢

352 沒腍忸景別包饒情

353 膊駒倘邊萌汆涎

354 仍香愁粉悴朱衝

355 防欺動旦九重

356 興牢朱特腸紅如初

終

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

AI TƯ VẤN

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

LÊ NGỌC HÂN
(1770 - 1799)

Công chúa Lê Ngọc Hân là con gái vua Lê Hiển Tông. Mẹ là Nguyễn Thị Huyền, người làng Phù Ninh, tức làng Nành, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ngọc Hân là con gái yêu của vua Hiển Tông, từ bé được học thông kinh sử và tập làm thơ.

Năm 1786, Nguyễn Huệ kéo quân ở trong Nam ra Thăng Long diệt chúa Trịnh, vào chầu vua Lê Hiển Tông, tâu bày các lẽ phù Lê diệt Trịnh; vua bèn phong Nguyễn Huệ làm Nguyên soái và gả Công chúa Ngọc Hân cho. Năm ấy Ngọc Hân mới có mười sáu tuổi.

Năm 1790, vua Quang Trung tức Nguyễn Huệ phong cho Ngọc Hân làm Bắc cung Hoàng hậu.

Năm 1792, vua Quang Trung thăng hà (29 tháng 7 năm Nhâm Tý) để lại cho Ngọc Hân hai con nhỏ [1].

Năm 1799 Ngọc Hân mất, được vua Cảnh Thịnh truy tôn là Như Ý trang thận Trinh nhất vũ Hoàng hậu.

Ngọc Hân có để lại hai bài văn: *Ai tư văn* và *Văn tế vua Quang Trung*.

Ai tư văn là bài văn vần song thất lục bát. Lê Ngọc Hân làm ra để bày tỏ nỗi niềm thương nhớ của mình đối với chồng là Quang Trung, sau khi nhà vua thăng hà được một thời gian.

Có người nói bài *Ai tư văn* và bài *Văn tế vua Quang Trung* là do Phan Huy Ích làm ra, nhưng người ta vẫn cứ theo truyền thuyết mà coi là của Lê Ngọc Hân.

---

1. Theo dân làng Phù Ninh kể lại thì khi nhà Tây Sơn bị diệt bà ngoại là Nguyễn Thị Huyền có đem hai cháu, tức là con vua Quang Trung về nuôi giấu trong nhà, nhưng sau hai trẻ ấy đều chết.

http://tieulun.hopto.org

NỘI DUNG BÀI VĂN

Ai tư văn là một khúc ngâm dài 164 cấu. Có thể chia làm bốn đoạn như sau:

1. *Mở đầu* (1 - 8): Tác giả, *bà Ngọc Hân* nói về tình cảnh đau buồn của mình.

2. *Gợi lại kỷ niệm cũ* (9 - 40): Bà nhắc lại những kỷ niệm về chồng mình, một vị hoàng đế anh hùng, có độ lượng, có tình nghĩa. Vợ chồng ăn ở với nhau đã có hai con: một trai và một gái. Bà chỉ mong cho chồng sống lâu để được nương nhờ. Nào ngờ nhà vua bỗng nhiên bị bệnh, thuốc thang, cầu cúng đều vô hiệu mà rồi qua đời, làm cho bà phải "lênh đênh chút phận bèo mây, duyên kia đã vậy, thân này nương dâu."

3. *Tâm trạng đau buồn và niềm xót thương vô hạn* (41 - 60): Bà vô cùng xót thương, lúc nào cũng mơ tưởng đến chồng mình.

Khi trận gió hoa bay thấp thoáng,
Ngỡ hương trời bảng lảng còn đâu.
Vội vàng sửa áo lên chầu,
Thương ôi quạnh quẽ trước lầu nhện giăng!

Bà thường than vãn nỗi vua có công với nước, có đức với dân mà phải mất sớm như vậy. Bà luôn để hồn phách theo chồng mà tưởng nhớ lại những cảnh sum vầy ngày trước khiến bà lại càng thêm cảm thấy nỗi cô đơn buồn bã. Bà nhiều lúc dở lại những vật kỷ niệm ra ngắm nghía mà lẩn thẩn tự hỏi không biết làm thế nào để gửi những kỷ vật ấy đến cho chồng. Bà càng đau buồn khi nghĩ đến cảnh côi cút của hai con nhỏ mới lẫm chẫm biết đi, đến thân mình chịu cảnh lẻ loi góa bụa, đến nỗi nhớ thương của thần dân mất một vị vua đức độ.

4. *Kết thúc* (160 - 164): Bà than với trời đất và xin với "đôi vầng nhật nguyệt" chứng cho mấy lời tâm sự của mình.

*
* *

Có thể nói, trong văn học Việt Nam, trong lịch sử Việt Nam, chỉ duy nhất có một vị vua - *vua Quang Trung* - mới được người vợ thân yêu - *Công chúa Ngọc Hân* - khóc thương thành *văn* để lại cho đời sau như vậy.

http://tieulun.hopto.org

AI TƯ VĂN [1]

Gió hiu hắt, phòng tiêu [2] lạnh lẽo,
Trước thềm lan hoa héo ron ron!
Cầu Tiên [3] khói tỏa đỉnh non,
Xe rồng thăm thẳm, bóng loan [4] rầu rầu!
Nỗi lai lịch [5] dễ hầu than thở,
Trách nhân duyên mờ lỡ [6] cớ sao?
Sầu sầu, thảm thảm xiết bao,
Sầu đầy giạt bể, thảm cao ngất trời!
Từ cờ thắm trỏ vời cõi Bắc,
Nghĩa tôn phù [7] vắng vặc bóng dương [8],
Rút dây [9] vâng mệnh phụ hoàng,

---

1. *Ai tư văn*: *(ai tư:* buồn bã thương nhớ, *văn:* bài văn làm để khóc người chết) bài văn khóc thương người chết, đây là lời của Ngọc Hân khóc chồng là vua Quang Trung.

2. *Phòng tiêu*: *(phòng:* căn phòng, cái buồng, *tiêu:* hạt tiêu) xưa kia phòng các cung phi, hoàng hậu hay các nhà quyền quí thường dùng vôi trộn lẫn với hồ tiêu đâm nhỏ để mùa lạnh vẫn được ấm áp.

Bực mình muốn đạp tiêu phòng mà ra (C.O)

3. *Cầu Tiên:* mộ giả của vua Quang Trung ở Linh Đường, gần Cầu Tiên, huyện Thanh Trì (Hà Nội).

4. *Loan*: chim loan, người xưa cho là giống chim phượng, lông ngũ sắc và nhiều sắc xanh. *Loan phượng* được dùng để ví với hai vợ chồng.

Bóng loan: chỉ Ngọc Hân.

5. *Lai lịch: (lai:* đến, *lịch:* trải qua) nguồn gốc và bước đường đã trải qua; đây chỉ thân thế Ngọc Hân từ khi lấy Nguyễn Huệ.

6. *Mờ lỡ:* dở dang, lỡ làng.

7. *Nghĩa tôn phù:* Nguyễn Huệ khi ra Bắc là lấy danh nghĩa phù Lê diệt Trịnh.

8. *Bóng dương:* bóng mặt trời, ý nói rõ ràng.

9. *Rút dây:* ý nói việc thành duyên vợ chồng.

Trương Gia Trinh có năm người con gái muốn gả một người cho Đặng Nguyên Chấn mới bảo năm người con ngồi sau một cái màn, cầm năm sợi tơ, mỗi sợi một màu. Ông bảo Nguyên Chấn rút sợi tơ nào thì gả cho người cầm sợi tơ ấy. Nguyên Chấn rút *sợi tơ đỏ* và cưới người con gái thứ ba của Gia Trinh.

http://tieulun.hopto.org

Thuyền lan, chèo quế [1] thuận đường vu qui [2].
Trăm ngàn dặm quản chi non nước,
Chữ nghi gia [3] mừng được phải duyên.
Sang yêu muôn đội ơn trên,
Rõ ràng vẻ thúy [4], nối chen tiếng cầm.
Lượng che chở, vụng lầm nào kể,
Phận đinh ninh cặn kẽ mọi lời.
Dầu rằng non nước biến dời,
Nguồn tình ắt chẳng chút vơi đâu là.
Lòng đùm bọc thương hoa đoái cội [5],
Khắp tôn thân cũng đội ơn sang.
Miếu đường cầu dấu chưng thường [6],
Tùng thu [7] còn rậm mấy hàng xanh xanh.
Nhờ hồng phúc, đôi cành hòe quế [8],
Đượm hơi dương, dây rễ cùng tươi.
Non Nam lần chúc tuổi trời.
Dâng câu Thiên bảo [9], bày lời Hoa phong [10].

---

1. *Thuyền lan chèo quế:* thuyền bằng gỗ lan, chèo bằng gỗ cây quế; chỉ cái thuyền quí đưa Ngọc Hân về nhà chồng.

2. *Vu qui: (vu:* đi qua, *qui:* về) con gái về nhà chồng. Trong *Kinh Thi* có câu: *"Đào chi yêu yêu, chước chước kỳ hoa. Chi tử vu qui, nghi kỳ thất gia"* (cây đào tơ xinh tươi, hoa nở đầy. Nàng ấy đi lấy chồng, thì ắt thuận hòa êm ấm gia đình).

3. *Nghi gia: (nghi:* hòa thuận, *gia:* nhà) nói việc con gái về nhà chồng, thành gia thất.

4. *Vẻ thúy: (thúy:* màu xanh biếc như lông chim thúy) ý nói quần áo, chăn gối sang trọng.

5. *Thương hoa đoái cội:* ý nói Nguyễn Huệ yêu Ngọc Hân thì cũng nghĩ đến nhà Lê, cũng phải coi trọng nhà Lê.

6. *Chưng thường: (chưng:* tế mùa đông, *thường:* tế mùa thu; theo sách *Nhĩ Nhã)* ý nói nhờ có Quang Trung nên việc tế lễ trong tông miếu nhà Lê vẫn còn được giữ.

7. *Tùng thu: (tùng:* cây tùng, *thu:* cây thu) hai cây thường trồng ở nghĩa địa; đây chỉ lăng tẩm các vua Lê.

8. *Hòe quế:* cây hòe, cây quế, hai thứ cây được dùng để chỉ con cái các nhà quí tộc đậu đạt thành danh. Câu này ý nói nhờ hồng phúc (phúc lớn) mà Ngọc Hân đã sinh được hai con.

9. *Thiên bảo:* bài thơ của các quan chúc tụng vua. Chữ lấy trong *Kinh Thi.*

10. *Hoa phong:* tên đất. Vua Nghiêu đến chơi đất Hoa, viên quan ở đó chúc vua sống lâu, giàu có và nhiều con. Vua Nghiêu không nhận, nói: "Lắm con trai thì lo sợ nhiều, giàu có thì công việc nhiều, sống lâu thì nhục nhã nhiều".

Viên quan đáp lại: "Vua nói thế thật là một bậc quân tử nhưng có nhiều con trai mà giao cho mỗi người một việc thì có gì mà sợ, giàu có mà biết đem của chia cho thiên hạ thì làm gì có công việc nhiều, sống lâu mà biết vui cùng thiên hạ thì sao lại bảo là nhục được?"

Câu Thiên bảo, lời Hoa phong: những lời chúc tụng nhà vua.

http://tieulun.hopto.org

Những ao ước trập trùng tuổi hạc [1],
Nguyền trăm năm ngõ được vầy vui.
Nào hay sông cạn, bể vùi,
Lòng trời tráo trở, vận người biệt ly!
Từ nắng hạ, mưa thu trái tiết,
Xót mình rồng [2] mỏi mệt chẳng yên!
Xiết bao kinh sợ lo phiền,
Miếu thần đã đảo [3], thuốc tiên lại cầu.
Khắp mọi chốn đâu đâu tìm rước,
Phương pháp nào đổi được cùng chăng?
Ngán thay, máy tạo bất bằng!
Bóng mây thoắt đã ngất chừng xe loan [4, 5]!
Cuộc tụ, tán, bi, hoan kíp bấy!
Kể sum vầy đã mấy năm nay?
Lênh đênh chút phận bèo mây [6],
Duyên kia đã vậy, thân này nương dâu?
Trằn trọc luống đêm thâu, ngày tối,
Biết cậy ai giập nỗi bi thương?
Trông mong luống những mơ màng,
Mơ hồ bằng mộng, bàng hoàng như say!
Khi trận gió hoa bay thấp thoáng,
Ngỡ hương trời [7] bảng lảng còn đâu?
Vội vàng sửa áo lên chầu [8],
Thương ôi, quạnh quẽ trước lầu nhện giăng!
Khi bóng trăng, lá in lấp lánh,
Ngỡ tàn vàng nhớ cảnh ngự chơi.

---

1. *Tuổi hạc:* con hạc sống lâu nên người ta thường dùng chữ *tuổi hạc* để chúc nhau sống lâu.

2. *Mình rồng: (rồng:* tượng trưng cho nhà vua) dịch chữ *long thể* tức mình vua.

3. *Miếu thần đã đảo:* đã cầu đảo, cúng lễ cầu an ở nơi miếu thần.

4. *Xe loan:* xe có chuông rung, xe của nhà vua.

5. *Bóng mây... xe loan:* ý nói nhà vua đã băng hà.

6. *Phận bèo mây: (bèo mây:* bèo hợp mây tan, ý nói không bền vững, dễ bị tan rã ngay) phận lênh đênh như bèo giạt, mây trôi. Cả câu ý nói Ngọc Hân khôngg có được nơi nương tựa.

7. *Hương trời:* ở đây không có nghĩa bóng là người đàn bà đẹp mà lại được dùng chỉ nhà vua, hương hồn của vua Quang Trung.

8. *Chầu:* bởi chữ *triều* đọc chệch ra, có nghĩa là hầu chực vua.

http://tieulun.hopto.org

Vội vàng dạo bước tới nơi,
Thương ôi, vắng vẻ giữa trời tuyết sa [1]!
Tưởng phong thể [2] xót xa đòi đoạn,
Mặt rồng [3] sao cách gián lâu nay!
Có ai chốn ấy về đây,
Nguồn cơn xin ngỏ cho hay được đành?
Nẻo u minh [4] khéo chia đôi ngả,
Nghĩ đòi phen, nồng nã đòi phen!
Kiếp này chưa trọn chữ *duyên*,
Ước xin kiếp khác vẹn tuyền lửa hương [5].
Nghe trước có đấng vương Thang,Võ [6],
Công nghiệp nhiều, tuổi thọ thêm cao.
Mà nay áo vải, cờ đào,
Giúp dân, dựng nước biết bao công trình!
Nghe rành rành trước vua Nghiêu [7], Thuấn [8],
Công đức dày, ngự vận [9] càng lâu.
Mà nay lượng cả, ơn sâu,
Móc mưa rưới khắp chín châu [10] đượm nhuần.
Công dường ấy mà nhân dường ấy,
Cõi thọ sao hẹp bấy Hóa công?
Rộng cho chuộc được tuổi rồng,

---

1. *Tuyết sa:* tức sương sa.

2. *Phong thể:* hình dung, dáng điệu đi đứng của vua Quang Trung.

3. *Mặt rồng:* mặt vua. Sử ký: *"Cao Tổ vi nhân long chuẩn nhi long nhan"* (Cao Tổ người có mũi cao và mặt như mặt rồng) nên về sau gọi mặt vua là mặt rồng tức *long nhan).*

4. *Nẻo u minh: (u:* tối) cõi chết, nơi âm ty mờ mịt đen tối.

5. *Lửa hương:* mỗi khi người ta thề nguyền với nhau thường đốt hương nên về sau dùng hai chữ *lửa hương* để nói về việc kết duyên vợ chồng.

6. *Thang, Võ:* vua Thành Thang (1763 - 1754 tr.CN) đánh vua Kiệt để dựng nhà Thương, vua Vũ Vương (1122 - 1115 tr.CN) đánh vua Trụ để dựng nhà Chu. Hai vị vua này đều là bậc anh quân có công trị nước, an dân.

7. *Nghiêu:* vua Đường Nghiêu (2357 - 2258 tr.CN), vị vua nhân từ trong cổ sử Trung Quốc, có tài trị nước, nhân gian thuở ấy rất thái bình. Nhà vua thấy Thuấn là người hiền mới *không* truyền ngôi cho con mà truyền ngôi cho Thuấn.

8. *Thuấn:* vua Ngu Thuấn (2255 - 2207 tr.CN) trong cổ sử Trung Quốc, vừa có hiếu vừa có tài trị nước.

9. *Ngự vận:* thời gian ở ngôi vua, vận làm vua.

10. *Chín châu:* do chữ *cửu châu,* ngày xưa nước Trung Hoa chia ra làm chín châu (Ký Châu, Thanh Châu, Dương Châu, Duyên Châu, Từ Châu, Kinh Châu, Dự Châu, Lương Châu và Ung Châu) nên về sau chữ ấy được dùng để chỉ đất nước, giang sơn.

http://tieulun.hopto.org

Đổi thân ắt hẳn bõ lòng tôi ngươi.
Buồn thay nhẽ! Sương rơi, gió lọt,
Cảnh đìu hiu, thánh thót châu sa!
Tưởng lời di chúc thiết tha,
Khóc nào nên tiếng, thức mà cũng mê!
Buồn thay nhẽ! Xuân về, hoa ở [1],
Mối sầu riêng ai gỡ cho xong?
Quyết liều mong vẹn chữ tòng [2],
Trên rường [3] nào ngại, giữa dòng [4] nào e. [5]
Còn trứng nước [6] thương vì đôi chút [7],
Chữ *tình thâm* chưa thoát được đi!
Vậy nên nấn ná đòi khi,
Hình tuy còn ở, phách thì đã theo [8].
Theo buổi trước ngự đèo Bồng đảo [9],
Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân [10],
Theo xa thôi lại theo gần.
Theo phen điện quế, theo lần nguồn hoa.
Đương theo, bỗng tiếng gà sực tỉnh,
Đau đớn thay, ấy cảnh chiêm bao!
Mơ màng thêm nỗi khát khao,
Ngọc kinh [11] chốn ấy ngày nào tới nơi?
Tưởng thôi lại bồi hồi trong dạ,
Nguyện đồng sinh [12] sao đã kíp phai?

---

1. *Xuân về hoa ở: xuân:* là chúa xuân, chỉ vua Quang Trung, *hoa:* chỉ Ngọc Hân, ý nói Quang Trung mất đi để cho Ngọc Hân phải ở lại một mình.

2. *Tòng:* tòng phu, theo chồng.

3. *Rường:* xà nhà.

4. *Dòng:* dòng sông.

5. *Quyết liều... nào e:* cả hai câu ý nói Ngọc Hân muốn chết theo chồng, không ngại gì treo cổ trên xà nhà hay nhảy xuống dòng nước.

6. *Trứng nước:* ý nói bé bỏng, non dại.

7. *Đôi chút:* chỉ hai đứa con nhỏ.

8. *Hình ở... phách đi:* ý nói hình hài tuy còn ở trên cõi đời nhưng hồn phách đã theo chồng sang bên kia thế giới.

9. *Bồng đảo:* tức Bồng Lai chỉ cõi tiên.

10. *Sông Ngân:* sông Ngân Hà.

11. *Ngọc kinh: (ngọc:* ngọc, *kinh:* kinh đô) Ngụy Thư: Theo đạo giáo của Lão Tử, lúc trời đất chưa sinh ra, vẫn đã có Ngọc kinh. Về sau chữ *Ngọc kinh* dùng để chỉ chỗ vua ở. Đây là chỗ ở của Quang Trung.

12. *Đồng sinh:* cùng sống với nhau.

http://tieulun.hopto.org

Xưa sao sớm hỏi, khuya bày,
Nặng lòng vàng đá, cạn lời tóc tơ.
Giờ sao bỗng thờ ơ lặng lẽ!
Tình cô đơn, ai kẻ xét đâu?
Xưa sao gang tấc gần chầu,
Trước sân phong nguyệt [1], trên lầu sinh ca [2].
Giờ sao bỗng cách xa đôi cõi.
Tin hàn huyên [3] khôn hỏi thăm nhanh!
Nửa cung gẫy phím cầm lành [4],
Nỗi con côi cút, nỗi mình bơ vơ.
Nghĩ nông nỗi, ngẩn ngơ đòi lúc,
Tiếng tử qui [5] thêm giục lòng thương.
Não người thay, cảnh tiên hương!
Dạ thường quanh quất, mắt thường ngóng trông.
Trông mái đông lá buồm xuôi ngược,
Thấy mênh mông những nước cùng mây.
Đông rồi thì lại trông tây:
Thấy non ngân ngất, thấy cây rườm rà!
Trông nam thấy nhạn sa lác đác,
Trông bắc thì ngàn bạc màu sương.
Nọ trông trời đất bốn phương,
Cõi tiên khơi thẳm biết đường nào đi.
Cậy ai có phép gì tới đó,
Dâng vật thường, xin ngỏ lòng trung.
Này gương là của Hán cung [6],
Ơn trên xưa đã soi chung đòi ngày [7].

---

1. *Phong nguyệt:* gió trăng, nhắc lại lúc cùng nhau hóng gió ngắm trăng ở trước sân.

2. *Sinh ca:* gõ sênh mà hát, nhắc lại cùng nhau nghe đàn hát ở trên lầu.

3. *Hàn huyên: (hàn:* lạnh, *huyên:* ấm) ấm lạnh. Khi gặp nhau thường hỏi thăm sức khỏe của nhau xem thời tiết ấm lạnh có làm sao không?

Tin hàn huyên: tin tức về sức khỏe, về chuyện tâm tình.

4. *Nửa cung gẫy phím cầm lành:* ý nói cuộc tình duyên bị dang dở, nửa chừng như phím đàn đang gảy mà bị gẫy mất.

5. *Tử qui:* cũng gọi là *đỗ quyên*. Tương truyền Đỗ Vũ, vua nước Thục (Thục Đế) truyền ngôi cho Biệt Linh rồi bỏ nước mà đi. Sau thác, Thục Đế hóa thành chim đỗ quyên, nhớ nước, ngày đêm kêu nghe rất buồn. Ta cũng coi chim đỗ quyên là *con cuốc*.

6. *Gương Hán cung:* gương cung nữ dùng trong cung vua Hán.

7. *Đòi ngày:* nhiều ngày.

http://tieulun.hopto.org

Duyên hảo hợp [1, 2] xót rày nên lẻ,
Bụng ai hoài [3] vội ghẽ [4] vì đâu?
Xin đưa gương ấy về chầu,
Ngõ soi cho tỏ gót đầu trông ơn.
Tưởng linh sảng [5] nhơn nhơn còn dấu,
Nỗi sinh cơ [6] có thấu cho không?
Cung xanh đang tuổi ấu sung [7],
Di mưu [8] sao nỡ quên lòng đoái thương?
Gót lân chỉ [9] mấy hàng lẫm chẫm,
Đầu mũ mao, mình tấm áo gai [10].
U ơ ra trước hương đài,
Tưởng quang cảnh ấy chua cay dường nào!
Trong sáu viện [11] ố đào, ủ liễu,
Xác ve gầy, lỏng lẻo xiêm nghê [12, 13].
Long đong xa cách hương quê,
Mong theo: lầm lối, mong về: tủi duyên!
Dưới bệ ngọc, hàng uyên [14] vò võ,
Cắt chân tay thương khó xiết chi.
Hang sâu nghe tiếng thương bi,
Kẻ sơ còn thế, huống gì người thân?
Cảnh ly biệt nhiều phần bát ngát,
Mạch sầu tuôn, ai tát nên vơi...

---

1. *Hảo hợp:* nói về cảnh vợ chồng hòa thuận, vui vẻ chung sống với nhau.
2. *Duyên hảo hợp:* duyên tốt lành.
3. *Ai hoài:* thương nhớ.
4. *Ghẽ:* rẽ, chia rẽ.
5. *Linh sảng:* sáng suốt, thông minh, chỉ hồn tinh anh của vua Quang Trung.
6. *Sinh cơ:* cuộc đời của người sống tức của Ngọc Hân.
7. *Cung xanh... ấu sung:* câu này ý nói thái tử còn ở cung xanh, tức là người nối ngôi vua còn thơ ấu.
8. *Di mưu:* đây là lời dặn lại của vua Quang Trung về cách dạy dỗ Thái tử.
9. *Lân chỉ:* ngón chân con kỳ lân, chỉ con cháu nhà vua. Cả câu ý nói đến hai con nhỏ còn mới lẫm chẫm biết đi.
10. *Mũ mao, áo gai:* mũ rơm, áo gai, tức mũ áo tang.
11. *Sáu viện:* nơi các bà chính phi ở.
12. *Lỏng lẻo xiêm nghê:* ý nói mọi người trong cung đều gầy đi vì thương nhớ nên mặc áo quần đều thấy rộng (lỏng lẻo).
13. *Xiêm nghê:* xiêm nhiều màu sắc như màu sắc ở chiếc cầu vồng.
14. *Hàng uyên:* hàng chim uyên, ví với các quan vào chầu xếp thành hàng như chim uyên.

http://tieulun.hopto.org

Càng trông càng một xa vời,
Tấc lòng thảm thiết, chín trời [1] biết chăng?
Buồn trông trăng, trăng mờ thêm tủi,
Gương Hằng Nga [2] đã bụi màu trong!
Nhìn gương càng thẹn tấm lòng,
Thiên duyên lạnh lẽo, đêm đông biên hà [3].
Buồn xem hoa, hoa buồn, thêm thẹn,
Cánh hải đường [4] đã quyện giọt sương.
Trông chim càng dễ đoạn trường [5],
Uyên ương [6] chiếc bóng, phượng hoàng [7] lẻ đôi [8].
Cảnh nào cũng ngùi ngùi cảnh ấy,
Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu!
Phút giây bãi bể nương dâu [9],
Cuộc đời là thế, biết hầu nài sao?
Chữ *tình nghĩa* trời cao, đất rộng,
Nỗi đoạn trường còn sống, còn đau.
Mấy lời tâm sự trước sau,
Đôi vầng nhật nguyệt trên đầu chứng cho.

---

1. *Chín trời:* chín phương trời, chỉ cõi trời cao thẳm nơi linh hồn người chết phiêu diêu ở đó.

2. *Gương Hằng Nga:* mặt trăng tròn như tấm gương. *(Hằng Nga:* tục truyền Hằng Nga là vợ Hậu Nghệ. Khi Hậu Nghệ xin được thuốc tiên của Tây Vương Mẫu đem về, nàng lấy trộm uống rồi biến lên cung tiên làm một người tiên. Người xưa tin rằng trên mặt trăng có chị Hằng Nga nên mới gọi mặt trăng là *chị Hằng, cung Hằng).*

3. *Thiên duyên... biên hà:* duyên trời xe thành vợ chồng nay bị lỡ dở nên cảm thấy lạnh lẽo lẻ loi ở bên bờ sông vắng lúc đêm đông.

4. *Hải đường:* tên một loài cây có hoa đẹp thường được dùng để ví với người mỹ nữ. *Đóa hải đường thức ngủ xuân tiêu* (C.O)

5. *Đoạn trường:* đau lòng đến đứt ruột.

6. *Uyên ương:* tên một cặp chim, con trống gọi là *uyên,* con mái gọi là *ương.*

Tương truyền nếu một con chết thì con kia cũng chết theo. Nghĩa bóng chỉ vợ chồng hòa hợp.

7. *Phượng hoàng:* tên một cặp chim con trống gọi là *phượng* con mái gọi là *hoàng.* Chim phượng chim hoàng thường bay với nhau (phượng hoàng vu qui) chỉ cảnh vợ chồng hòa hợp.

8. *Chiếc bóng... lẻ đôi:* ý nói đến sự lẻ loi, cô đơn của Ngọc Hân từ khi vua Quang Trung qua đời.

9. *Bãi bể nương dâu:* do chữ *thương hải tang điền.* Theo *thần tiên truyện:* cứ ba mươi năm lại có một lần thay đổi lớn, biển cả hóa thành ruộng dâu, ruộng dâu hóa thành biển cả. Nghĩa bóng chỉ sự thay đổi lớn lao.

http://tieulun.hopto.org

THU DẠ
LỮ HOÀI NGÂM

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

ĐINH NHẬT THẬN

(1815–1866)

Đinh Nhật Thận tên tự là Tử Úy, tên hiệu là Bạch Mao Am, sinh năm Ất Hợi (1815) tại làng Thanh Liêm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, giữa khoảng sông Lam núi Hồng.

Ông nổi tiếng là thông minh, có tài mẫn tiệp, xuất khẩu thành chương.

Năm Đinh Dậu (1837) ông đi thi *Hương* đậu Cử nhân và năm Mậu Tuất (1838) ông đi thi *Hội* đậu luôn Tiến sĩ. Năm ấy là năm đầu tiên triều Nguyễn có lệ cho các Tiến sĩ được cưỡi ngựa xem hoa sau khi nghe truyền lô.

Nhờ khoa danh lỗi lạc như thế, ông kết giao với nhiều danh sĩ đương thời. Ông quen với Nguyễn Hàm Ninh, một người bạn đồng song. Hai ông về sau giao du thân mật với Cao Bá Quát, một bậc tài hoa lỗi lạc, có khí phách ngang tàng. Tình bạn giữa ba ông ngày càng thêm khăng khít, thường họp mặt uống rượu, làm thơ xướng họa với nhau.

Cách ít lâu, Đinh Nhật Thận được bổ làm quan. Nhưng ông lại không thích ở trong vòng cương tỏa. Vì tính cương trực, ông đã bị bãi chức tri phủ.

Mãi đến năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), ông mới được phục chức nhưng đã cáo bệnh để vui với nước biếc non xanh, nay đây mai đó.

Ông cũng có mở trường dạy học. Môn sinh thành đạt cũng nhiều.

Năm Tự Đức thứ 7 (1854), ở tỉnh Sơn Tây, một đảng lập Lê Duy Cự là dòng dõi nhà Lê làm minh chủ để đánh nhà Nguyễn. Cao Bá Quát làm Giáo thụ ở phủ Quốc Oai, bỏ quan theo đảng của Lê Duy Cự, làm Quốc sư, tung hoành ở vùng Sơn Tây nhưng rồi bị chết trận [1].

Đinh Nhật Thận vì có giao du thân mật với Cao Bá Quát cũng bị nghi ngờ và thường bị theo dõi.

Một hôm, vì có ba người bạn đến chơi muốn bày cuộc tổ tôm cho vui nhưng kể cả chủ nhà mới có bốn người, Đinh Nhật Thận bèn viết thư sai người nhà qua sông mời một người bạn nữa cho đủ chân và mượn cỗ bài luôn một thể.

---

1. Theo sách *Đại Nam chính biên* (mục *Nghịch thần*).

http://tieulun.hopto.org

Bức thư là một bài thơ:

Tứ tướng dĩ cụ,
Chỉ khiếm nhất viên.
Tương nhất bách nhị thập tinh binh,
Độ hà lai chiến!

Dịch:

Ở đây bốn tướng sẵn sàng,
Chỉ còn một tướng chưa sang phải vời,
Điểm quân cho đủ trăm hai,
Qua sông quyết chiến với người một phen.

Rủi cho ông. Cái thư ấy lại bị một tên lính lệ giật lấy ở bến đò và đem đi trình quan địa phương.

Đinh Nhật Thận bị bắt, đã hết lời phân trần, nhưng cũng không sao thân oan nổi cho mình, đành chịu án *"yêu thư yêu ngôn"* vài năm tù giam. Án tư về bộ, không ngờ lại bị bác. Ông bị giải về kinh để chờ *thu thẩm*.

Vị đại thần xét án vì có tư hiềm với ông nên quyết khép ông vào tội tử hình.

Nhưng may thay! Khi ông vừa bị hạ ngục thì bà mẹ của vị đại thần kia lâm bệnh mà không thầy nào chữa khỏi. Bà vốn biết tiếng của Đinh Nhật Thận là một danh y mới bảo con đi mời ông tới chữa bệnh cho bà. Sau khi bình phục, bà bảo vị đại thần kia phải tâu xin nhà vua ân xá cho thầy lang họ Đinh.

Vua Tự Đức xét thấy không có bằng cớ gì để buộc tội tử hình nên đã tính ân xá cho ông nhưng còn chưa muốn thả cho về quê. Nhà vua bèn cho lệnh quản thúc ông ở kinh đô để tiện theo dõi mọi hành vi.

Trong lúc ông bị giam lỏng như vậy ở xa nhà, ông buồn rầu cho cảnh ngộ của mình mới viết bài *Thu dạ lữ hoài ngâm* để bày tỏ tâm sự của mình.

Khúc ngâm ai oán ấy có lẽ đã làm động lòng trắc ẩn của nhà vua nên ông được tha về, sống trong cảnh ẩn dật nơi đồng ruộng.

Ông mất ngày 18 tháng 6 năm Bính Dần (1866), niên hiệu Tự Đức thứ 19, thọ 52 tuổi.

Đáng chú ý là *Thu dạ lữ hoài ngâm* được Đinh Nhật Thận viết bằng chữ Hán, nhưng lại theo thể thơ Việt "song thất lục bát" và có vần lưng xen với vần chân.

http://tieulun.hopto.org

ĐẠI Ý

Cái kiếp phù sinh chỉ ngắn như giấc mộng nên cần phải bày trò vui kẻo uổng phí mất. Gặp cảnh thu, trăng thanh gió mát, nào ai biết với mình cùng hưởng cái thú hóng gió, ngắm trăng? Thôi thì một mình mình ngâm thơ làm vui với vài ba chén rượu cho bớt mối sầu ly biệt. Trong phòng văn, nơi đất khách, ngồi đối mặt với ngọn đèn xanh, chạnh lòng lữ thứ mà sực nhớ người xưa. Chợt nghe mé ngoài sông Hương, có tiếng mái chèo khua nước mà giữa khoảng đêm trăng có sương mờ, lòng những bồi hồi khiến ta có cảm tưởng như mình là Trương Kế (thi hào đời Đường) đêm thu dạo thuyền qua bến Cô Tô, gần chùa Hàn Sơn. Lại nhớ ngày nào trên Khúc giang, nhà thơ Đỗ Phủ (cũng thuộc đời Đường) đứng trước cảnh thu thấy thuyền ai trôi nổi lại thương cho cái thân bình bồng của mình mà làm ra tám bài *Thu hứng* khiến kẻ lữ du cũng nặng lòng thương quê nhớ nhà. Ta cùng một cảnh ngộ nên lòng buồn man mác. Mới ngày nào còn vui sum họp mà nay đã phải chịu cảnh cô tịch thế này? Này trăng thu, này gió thu, này thơ thu, này rượu thu nào ai cùng ta ngắm trăng, hóng gió, ngâm thơ, uống rượu bây giờ?

Nghĩ đến cảnh ly biệt mà hai hàng nước mắt tuôn rơi lã chã! Đoái trông đám mây trắng xa xa chỉ biết cuối trời ấy là chốn quê nhà với những ngọn núi trùng trùng điệp điệp.

Hết nghĩ xa thôi lại nghĩ gần. Cuộc rượu tàn rồi vẫn một mình mình ngồi dựa câu lơn. Bừng mắt dậy, cái đêm thê lương vẫn hoàn thê lương!

*
* *

http://tieulun.hopto.org

秋夜靜天光隱約

隔疏廉淡酌金壘

天辰人事相催

浮生若夢幾回爲歡

人對景花間月炤

景撩人樹梢風吹

這般料少人知

閒來風月與誰爲秋

詩四絶怡愉雅愛

酒三杯瀟洒離懷

燈前獨對書齋

傷心客地有懷古人

香水外忽聞漁韻

從何來棹進江邊

http://tieulun.hopto.org

15 徘徊月夜霜天

寒山暗認客船更非

曲江水何辰大杜

一孤舟繫故園心

辰留八首詩吟

20 令人旅思轉深鄉情

昔我往青青柳絮

兩三聲初語黃鶯

而今菊已含英

柳陰庭外寒鳴流蟬

25 昔我去翻翻桃臉

兩三枝初占東風

而今蘭已成叢

桃夭軒外落從寒霜

http://tieulun.hopto.org

胡爲乎淒涼客舍

日優遊幾個冠童

安能夜夜書房

芭蕉泣露昆虫鳴秋

胡爲乎夷猶旅館

歲逡巡已半霜煙

安能暮暮西軒

風搖庭竹月懸屋樑

不是做何郎投筆

將忠肝爲國從軍

此身空自風塵

坐中虛視寢辰徒聞

不是做何人捧檄

將孝心離戚從官

http://tieulun.hopto.org

他鄉何事盤桓

白雲飛處牡丹開辰

今日自海濱遠顧

一輕帆直渡歸陵

鄉魂沸沸如馽

逐帆忽已破層層波

明日自山家遠朓

片孤雲帶曉浮空

鄉心梟梟如蓬

隋雲忽已過重重山

何處是鄉關雁信

悠哉難寫盡心情

夜聞妙諦鐘聲

海門鼓響御城砲催

http://tieulun.hopto.org

江曲曲腸回曲曲

景悠悠夜復悠悠

蕭條館旅亭秋

60 鄰家舂杵江頭棹聲

嗟客地紆縈心事

嘆閨人情緒可憐

更深燈滅案前

含情掩扇空懸月明

65 孤枕裡三更寤寐

片幽懷誰是爲憐

情頭夜半無人

睡來報蝶醒辰鳴雞

有辰或鄉閨夕炤

70 下堂來欲造花樓

http://tieulun.hopto.org

忽驚燕葺泥巢

鸞羞炤鏡鳳愁懶梳

有辰或織機夜靜

呼童來初整燈明

75 忽聞雁渡江聲

機慵足踏梭停手拋

可憐夜焚膏達旦

夜沈沈不見佳音

擲梭望望庭陰

80 霜寒蟋蟀聽吟聲愁

望不見悠悠我獨

顧閨門載復言還

誰家雞唱西欄

含情倚几挑殘孤燈

http://tieulun.hopto.org

可憐日登庭自早

日斜斜不到回書

擊衣步步康衢

蟬鳴楊柳帶愁眉看

望不見翻翻我獨

顧琴軒強欲爲情

忽貼蝶戲蘭屏

含悽穿屬復行西園

今必謂秋天靜好

我良人將到歸期

遑知世路蹺蹊

關山千里未期曷來

今必謂我離永久

自長安或抱衾裯

http://tieulun.hopto.org

風情慣似風流

繁花矧又皇州帝城

苟非有人情也者

胡而春而夏而秋

由來紫閣紅樓

英雄不住丈夫難持

如此者誰知之者

姻波中使我心愁

昂藏豈少年遊

風流舊態江湖故家

旅景每從哦裡痛

鄉魂空向夢中遊

江山客亦知乎

情中更切路途艱難

http://tieulun.hopto.org

雖曰已藻蘋婦事

內齊家上祀祖先

澗毛潢水微虔

安知主饋能賢婦人

可知者十分家幼

一門中共保無危

別辰正在孩兒

年來想已髮垂牙生

可愛者其兄之子

年十三十四中來

吾兄亦曰幸哉

底今未覺誰開學堂

可思者同窗二契

芝蘭香細細猶聞

http://tieulun.hopto.org

馬杯自挹輕塵

謂城此後故人亦辭

不知後北圻起匪

二吾兄已未回辰

嗟哉同病相憐

一瀟湘一向秦一方

將何日更相對語

敘閨情又敘客衷

而今秋月秋風

秋吟秋飲情中者誰

對離景淚垂雙眼

顧鄉關路限重山

酒殘獨倚欄杆

覺來眼看夜還淒涼

http://tieulun.hopto.org

Phiên âm:

THU DẠ LỮ HOÀI [1] NGÂM

Thu dạ tĩnh, thiên quang ẩn ước [2],
Cách sơ liêm đạm chước kim lôi [3].
Thiên thời, nhân sự tương thôi,
Phù sinh nhược mộng kỷ hồi vi hoan?
Nhân đối cảnh, hoa gian nguyệt chiếu,
Cảnh liêu nhân, thụ diếu [4] phong xuy.
Giá ban liệu thiểu nhân tri,
Nhàn lai phong nguyệt dữ thùy vị thu?
Thi tứ tuyệt di du [5] nhã ái,
Tửu tam bôi tiêu sái [6] ly hoài.
Đăng tiền độc đối thư trai,
Thương tâm khách địa hữu hoài cổ nhân!
Hương thủy ngoại, hốt văn ngư vận [7],
Tòng hà lai, trạo tiến giang biên?

---

1. *Lữ hoài*: (*lữ*: quán khách trọ) mối cảm hoài của người ở nơi quán trọ, xa quê nhà. Đây là mối cảm hoài của Đinh Nhật Thận khi bị giam lỏng ở kinh đô (Huế).

2. *Ẩn ước*: không rõ ràng, phảng phất như có như không. Bản Nôm dịch là *thấp thoáng*.

3. *Kim lôi*: (*lôi*: chén uống rượu) chén uống rượu bằng vàng. Hư Chu trong *Văn đàn bảo giám*, tái bản năm 1968, đã hiệu đính lại là *kim bôi* thì sai với nguyên tác.

4. *Thụ diếu*: (*diếu*: ngọn cây) ngọn cây.

5. *Di du*: trong lòng vui vẻ.

6. *Tiêu sái*: khí tiết thanh cao, không dính với trần tục. Ở đây nói rửa sạch (làm quên) được mối sầu ly hương.

7. *Ngư vận*: tiếng hò của người thuyền chài.

http://tieulun.hopto.org

Bồi hồi nguyệt dạ sương thiên [1],
Hàn San ám nhận khách thuyền [2] cánh phi.
Khúc giang thủy [3], hà thì Đại Đỗ...
Nhất cô chu [4], hệ cố viên tâm. [5]
Thời lưu bát thủ [6] thi ngâm,
Linh nhân lữ tứ chuyển thâm hương tình.
Tích ngã vãng thanh thanh liễu nhứ [7],
Lưỡng tam thanh sơ ngữ hoàng oanh.
Nhi kim cúc dĩ hàm anh,
Liễu âm đình ngoại hàn minh lưu thiền [8].
Tích ngã khứ, phiên phiên đào kiểm [9],
Lưỡng tam chi sơ chiếm đông phong.
Nhi kim lan dĩ thành tùng [10],
Đào yêu hiên ngoại lạc tòng hàn sương.

---

1. *Nguyệt dạ sương thiên:* chữ lấy từ bài *Phong kiều dạ bạc* của Trương Kế.
2. *Hàn San ... khách thuyền:* chữ lấy từ bài *Phong kiều dạ bạc* của Trương Kế.
Nguyên văn bài *Phong kiều dạ bạc* như sau:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

Nguyễn Hàm Ninh đã dịch là:*

Quạ kêu, trăng lặn, trời sương,
Lửa chài le lói sầu vương giấc hồ.
Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.

* Bản dịch này đã bị ghi lầm là của Tản Đà. Trong quyển Thơ Đường, tập I (Nxb Văn hóa, Hà Nội - 1962) các soạn giả Nam Trân - Hoa Bằng - Tảo Trang - Hoàng Tạo để là Khuyết danh.

3. *Khúc giang thủy:* trong mùa thu năm 766, Đỗ Phủ nhân đi thuyền trên sông Khúc có làm ra tám bài *Thu hứng* rất nổi tiếng.

4. *Cô chu:* chiếc thuyền lẻ loi.

5. *Nhất cô chu hệ cố viên tâm:* câu này mượn từ câu thơ của Đỗ Phủ, trong bài *Thu hứng:*

Cô chu nhất hệ cố viên tâm
(Con thuyền lẻ loi buộc chặt lòng nhớ nơi vườn cũ)

6. *Bát thủ:* đề tài *Thu hứng* gồm có tám bài thất ngôn bát cú.

7. *Liễu nhứ:* bông liễu, tơ liễu.

8. *Hàn minh lưu thiền*: (*minh:* kêu, *thiền:* con ve) tiếng ve kêu lạnh.

9. *Đào kiểm:* má đào. Người ta thường ví má đào người con gái với nụ đào chúm chím nở màu đỏ hồng.

10. *Thành tùng:* thành chùm.

http://tieulun.hopto.org

Hồ vi hồ thê lương khách xá?
Nhật ưu du kỷ cá quán đồng [1]!
An năng dạ dạ thư phòng?
Ba tiêu khấp lộ [2], côn trùng minh thu [3].
Hồ vi hồ di do lữ quán?
Tuế thuân tuần [4] dĩ bán sương yên!
An năng mộ mộ tây hiên?
Phong dao đình trúc, nguyệt huyền ốc lương [5].
Bất thị tố hà lang đầu bút [6],
Tương trung can vị quốc tùng quân,
Thử thân không tự phong trần,
Tọa trung hư thị, tẩm thần đồ văn.
Bất thị tố hà nhân phủng hịch,
Tương hiếu tâm ly thích tòng quan [7].
Tha hương hà sự bàn hoàn?
Bạch vân [8] phi xứ, mẫu đơn [9] khai thần.
Kim nhật tự hải tần viễn cố [10],
Nhất khinh phàm trực độ quy lăng.
Hương hồn [11] phất phất như tăng,
Trục phàm hốt dĩ quá từng từng ba.

---

1. *Quán đồng:* (冠 *quan:* cái mũ; *quán:* đội mũ; *đồng:* đứa nhỏ) chỉ mấy người học trò nhỏ đến tuổi đội mũ.

Tục lệ bên Trung Quốc con trai hai mươi tuổi thì làm lễ đội mũ (*gia quan).*

Gia quan mới dạo nhà huỳnh (Hoa tiên)..

2. *Ba tiêu khấp lộ:* sương xuống đọng đầy trên tàu lá chuối như nước mắt mà gió thổi làm thành tiếng kêu sột soạt nghe như tiếng khóc.

3. *Minh thu: (minh:* kêu) nói tiếng dế kêu giữa đêm thu.

4. *Thuân tuần: (thuân:* cũng đọc là *thoan:* lùi lại, rụt lại. Đi không nhích lên được gọi là *thuân tuần)* ý nói ngày tháng thong thả mà đi qua.

5. *Ốc lương:* rường nhà.

6. *Đầu bút:* vứt bút, xếp bút (để tòng quân).

7. *Ly thích tòng quan:* từ giã bà con để đi làm quan.

8. *Bạch vân:* đám mây trắng. Theo điển "*Bạch vân tư thân*". Địch Nhân Kiệt đời Đường làm Tham quân ở Tinh Châu, cha mẹ ở Hà Dương, một hôm Nhân Kiệt lên núi Thái Hàng quay lại thấy một đám mây trắng, bảo với người tả hữu rằng: "*Nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây ấy*". Sau chữ *bạch vân* (mây trắng) được dùng để chỉ lòng nhớ cha mẹ, lòng nhớ quê nhà.

9. *Mẫu đơn:* thứ cây hoa có màu đỏ, trắng hoặc vàng, người ta cho là vua trong các loài hoa.

10. *Viễn cố:* quay đầu nhìn lại ra đằng xa.

11. *Hương hồn:* (*hương:* làng quê) hồn quê.

http://tieulun.hopto.org

Minh nhật tự sơn gia viễn thiếu,
Phiến cô vân đối hiểu phù không.
Hương tâm [1] niểu niểu như bồng [2],
Tùy vận hốt dĩ quá trùng trùng san.
Hà xứ thị hương quan nhạn tín [3],
Du tai nan tả tận tâm tình.
Dạ văn Diệu Đế chung thanh,
Hải môn cổ hưởng Ngự thành pháo thôi.
Giang khúc khúc, trường hồi khúc khúc,
Cảnh du du, dạ phục du du.
Tiêu điều quán lữ đình thu,
Lân gia thung chử [4], giang đầu trạo thanh.
Ta khách địa vu oanh tâm sự,
Thán khuê nhân tình tự khả liên.
Canh thâm đăng diệt án tiền,
Hàm tình yểm phiến [5] không huyền nguyệt minh.
Cô chẩm lý, tam canh ngụ mị,
Phiến u hoài thùy thị vi lân?
Tình đầu dạ bán vô nhân,
Thụy lai báo điệp tỉnh thần minh kê.
Hữu thời hoặc hương khuê tịch chiếu,

---

1. *Hương tâm:* lòng quê.

2. *Bồng:* rối bung.

3. *Nhạn tín:* Tin nhạn. Tô Vũ, tướng nhà Hán, đi sứ sang Hung Nô, bị chúa Hung Nô giữ lại bắt đi chăn dê ở phương Bắc, sau Hung Nô hòa thân với Hán, nhà Hán đòi trả Tô Vũ không được. Thường Huệ bày mưu cho Hán sứ nói lừa chúa Hung Nô rằng vua Hán bắn được ở Thượng Lâm một con chim nhạn chân nó có buộc lá thư của Tô Vũ nhắn về rằng vẫn còn sống. Chúa Hung Nô đành phải cho tìm Tô Vũ để trả lại vua Hán.

Do điển này về sau người ta gọi *tin nhạn* là tin tức, thư tín.

4. *Thung chử:* (*thung:* đánh đập, *chử:* cái cối giã gạo) giã gạo.

5. *Hàm tình yểm phiến:* mang mối hận, lấy quạt che mặt lại. Chữ mượn trong bài *Tây cung thu oán* của Vương Xương Linh:

Phù dung bất cập mỹ nhân trang,
Thủy điện phong lai châu thúy hương.
Khước hận hàm tình yểm thu phiến,
Không huyền minh nguyệt đãi quân vương.

(Hoa phù dung không bằng được vẻ trang điểm của người đẹp, từ cung nước, làn gió đưa lại mùi hương quý báu. Lại oán hận phải ôm mối tình, lấy chiếc quạt thu che mặt, uổng công treo vầng trăng sáng đợi chờ vua).

http://tieulun.hopto.org

Hạ đường lai, dục tháo [1] hoa lâu.
Hốt kinh yến tập nê sào [2],
Loan tu chiếu kính [3], phượng sầu lãn sơ [4].
Hữu thời hoặc chức cơ dạ tĩnh,
Hô đồng lai, sơ chỉnh đăng minh.
Hốt văn nhạn độ giang thanh [5],
Cơ dung túc đạp, thoa đình thủ phao.
Khả lân dạ phần cao đạt đán,
Dạ trầm trầm bất kiến giai âm [6].
Trịch thoa vọng vọng đình âm,
Sương hàn tất suất [7] thinh ngâm thanh sầu.
Vọng bất kiến du du [8] ngã độc!
Cố khuê môn tái phục ngôn hoàn.
Thùy gia kê xướng tây lan?
Hàm tình ỷ kỷ khiêu tàn cô đăng.
Khả lân nhật đăng đình tự tảo,
Nhật tà tà bất đáo hồi thư.
Khiên y bộ bộ khang cù,
Thiền minh dương liễu đới sầu mi khan.
Vọng bất kiến phiên phiên ngã độc.

---

1. *Tháo:* 造 đến như *đăng môn tháo thất:* lên cửa tới nhà.

2. *Yến tập nê sào:* (*tập:* tu sửa lại, *nê:* bùn, *sào:* tổ) chim én tha bùn làm lại tổ. Đỗ Phủ trọ ở đất Thục, định về quê, chợt trông thấy đôi én từ Bắc vào Nam ngậm bùn để làm tổ mà giật mình cho cảnh *lữ du* từ hạ đã sang thu, bèn có câu thơ:

"Lữ thực song phi yến, hàm nê nhập bắc đường" (Đôi én bay đi ăn xa, ngậm bùn bay vào nhà làm tổ).

3. *Loan tu chiếu kính:* thẹn soi gương loan. Cổ thi: *Bịnh tiết phụ* có câu: *"Phượng trục thanh tiêu viễn, loan tùy u cảnh trầm"* (Mây thẳm chìm tăm phượng, gương mờ khuất bóng loan).

4. *Phượng sầu lãn sơ:* (*lãn:* lười, *sơ:* cái lược) biếng cài lược phượng. *Cổ thi* có câu: *"Vị vấn thúy thoa đầu thượng phượng, bất tri hương hình vị thùy hồi"* (Hỏi thăm phượng đậu cành trâm, vì ai mái tóc hương thơm ngạt ngào).

5. *Nhạn độ giang thanh:* (*độ:* đi qua sông) tiếng chim nhạn bay qua sông. Chữ mượn trong bài *Chức cẩm hồi văn* của Tô Huệ: *"Tam xuân hồng nhạn độ giang thanh, thử thị ly nhân đoạn trường tình"* (Mùa xuân tháng ba tiếng chim hồng nhạn bay qua sông, lúc ấy người ly nhân buồn đứt ruột).

6. *Giai âm:* tin tức tốt lành.

7. *Tất suất:* con dế.

8. *Du du:* xa xôi, lòng trông nhớ vời vợi.

http://tieulun.hopto.org

Cố cầm hiên [1] cưỡng dục vi tình.
Hốt chiêm điệp hí lan bình,
Hàm thê xuyên cược phục hành tây viên.
Kim tất vị thu thiên tĩnh hảo,
Ngã lương nhân tương đáo quy kỳ.
Hoàng tri [2] thế lộ nhiêu khê!
Quan sơn thiên lý vị kỳ hạt lai!
Kim tất vị ngã ly vĩnh cửu,
Tự Trường An hoặc bão khâm trù [3].
Phong tình quán tự phong lưu,
Phồn hoa thẩn hựu hoàng châu đế thành.
Cẩu phi hữu nhân tình dã giả,
Hồ nhi xuân nhi hạ nhi thu.
Do lai tử các hồng lâu [4],
Anh hùng bất trú trượng phu nan trì.
Như thử giả, thùy tri chi giả?
Yên ba trung sử [5] ngã tâm sầu!
Ngang tàng khởi thiếu niên du,
Phong lưu cựu thái, giang hồ cố gia.
Lữ cảnh mỗi tòng nga lý thống,
Hương hồn không hướng mộng trung du.
Giang sơn khách diệc tri hồ,
Tình trung cánh thiết lộ đồ gian nan.
Tuy viết dĩ tảo tần phụ sự,
Nội tề gia thượng tự tổ tiên.

---

1. *Cầm hiên:* cái đàn treo ở ngoài hiên.

Hiên sau treo sẵn cầm trăng (T.K.)

2. *Hoàng tri:* (*hoàng:* sớm, gấp) sớm hiểu, hiểu ngay.

3. *Khâm trù:* (*khâm:* cái chăn, *trù:* cái mền) chăn mền, ý nói chung chăn gối với nhau.

4. *Tử các hồng lâu:* gác tía lầu hồng. Ngày xưa các nhà phú quí thường hay sơn đỏ nhà cửa, chỗ phụ nữ ở.

Bạch Cư Dị: *"Đáo nhất hồng lâu gia, ái chi khan bất túc"* (Đến một nhà hồng lâu, lòng yêu đương xem chẳng chán).

Thơ của Vị Trang: *"Tràng An xuân sắc bản vô chủ, cổ lai tận thuộc hồng lâu nữ"* (Tràng An xuân sắc nguyên vô chủ, xưa nay đều thuộc gái hồng nhan).

Hồng lâu sau được dùng để chỉ nhà chứa gái mại dâm.

5. *Yên ba trung sử ngã tâm sầu:* trên sông khói sóng khiến cho lòng ta thêm buồn.

Câu này mượn từ câu: *"Yên ba giang thượng sử nhân sầu"* (Trên sông khói sóng làm cho ta buồn rầu) của Thôi Hiệu trong bài *Hoàng Hạc lâu.*

http://tieulun.hopto.org

Giản mao hoàng thủy vi kiền,
An tri chủ quỹ năng hiền phụ nhân.
Khả tri giả thập phần gia ấu,
Nhất môn trung cộng bảo vô nguy.
Biệt thời chính tại hài nhi,
Niên lai tưởng dĩ phát thùy nha sinh.
Khả ái giả kỳ huynh chi tử,
Niên thập tam thập tứ trung lai.
Ngô huynh diệc viết hạnh tai,
Để kim vị giác thùy khai học đường.
Khả tư giả đồng song nhị khế,
Chi lan hương tế tế do văn.
Mã bôi [1] tự ấp khinh trần [2],
Vị thành thử hậu, cố nhân [3] diệc từ.
Bất tri hậu Bắc Kỳ khởi phỉ,
Nhị ngô huynh dĩ vị hồi thần.
Ta tai đồng bệnh tương lân,

---

1. *Mã bôi:* chén rượu cầm lúc ngồi trên mình ngựa. Chữ mượn trong bài *Lương châu từ* của Vương Hàn:

Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi,
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi,
Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu,
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi?

(Rượu bồ đào đựng trong chén dạ quang, chiến sĩ muốn uống nhưng tiếng tỳ bà trên lưng ngựa đã giục giã ra đi. Nếu chiến sĩ có say sưa ngủ ở bãi sa trường, thì xin bạn đừng cười bởi vì từ xưa đi chinh chiến đã mấy người trở về?).

2. *Ấp khinh trần:* rưới nhẹ bụi trần.

3. *Vị Thành... cố nhân:* mấy chữ này là mượn ở bài *Vị Thành khúc* của Vương Duy.

Vị Thành triêu vũ ấp khinh trần,
Khách xá thanh thanh liễu sắc tân.
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu,
Tây xuất Dương Quan vô cố nhân.

(Đất Vị Thành mưa buổi sớm thấm ướt làn bụi nhẹ,
Nơi quán khách tơ liễu lá một màu xanh xanh.
Mời bác hãy uống cạn một chén rượu này,
Đi về phía tây, ra khỏi Dương Quan sẽ không có ai là cố nhân nữa.)

http://tieulun.hopto.org

Nhất Tiêu Tương, nhất hướng Tần [1] nhất phương.
Tương hà nhật cánh tương đối ngữ,
Tự khuê tình hựu tự khách chung.
Nhi kim thu nguyệt thu phong,
Thu ngâm thu ẩm tình trung giả thùy?
Đối ly cảnh, lệ thùy song nhãn,
Cố hương quan lộ hạn trùng san.
Tửu tàn độc ỷ lan can,
Giác lai nhãn khán dạ hoàn thê lương.

---

1. *Nhất Tiêu Tương nhất hướng Tần:* người tới sông Tiêu Tương, kẻ sang nước Tần. Câu này mượn từ bài *Hoài thủy biệt hữu* của Trịnh Cốc:

Dương Tử giang đầu dương liễu xuân,
Dương hoa sầu sát độ giang nhân.
Sổ thanh phong địch ly đình vãn,
Quân hướng Tiêu Tương ngã hướng Tần.

(Hàng cây dương liễu xanh tốt ở đầu sông Dương Tử, hoa dương liễu gợi mối sầu làm chết lòng người đi qua sông. Gió đưa mấy tiếng sáo vào ly đình lúc chiều tà, chính là lúc bạn hướng phía sông Tiêu Tương còn tôi thì đi tới đất Tần).

http://tieulun.hopto.org

Dịch nghĩa:

THU DẠ LỮ HOÀI NGÂM

Đêm thu lặng lẽ, thấp thoáng sáng trời,
Cách rèm thưa thoảng rót chén rượu con bằng vàng.
Thời trời và việc người thúc giục nhau,
Kiếp phù sinh ngắn như giấc mộng, được mấy hồi mà bày trò làm vui (như thế này?)
Người ngắm cảnh (thấy) trăng rọi giữa lòng hoa,
Cảnh trêu người (xui) gió thổi trên ngọn cây.
(Phong cảnh hữu tình dường này), liệu chừng cũng ít người biết,
Trong lúc thong thả cùng ai trông trăng hứng gió làm cho ra vẻ thu?
Ngâm bốn câu thơ làm vui, vì tính mình vẫn thích ngâm vịnh,
Mượn ba chén rượu rửa sạch mối sầu biệt ly.
Trong phòng văn một mình ngồi đối ngọn đèn,
Chạnh lòng đất khách, sực nhớ người xưa!
Ngoài sông Hương, chợt nghe tiếng hò mái đẩy của đám phường chài,
Từ đâu mà chèo tới bên sông thế nhỉ?
Đêm trăng trời sương lòng luống bồi hồi,
Đoán chừng là thuyền khách non Hàn, té ra không phải.
Trên sông Khúc, ngày nào nhà thơ Đỗ Phủ...
Lòng nhớ quê cũ buộc chặt với chiếc thuyền lẻ loi.
Lúc ấy để lại tám bài *Thu hứng*,
Khiến người có từ lữ du, bỗng hóa nặng lòng cố quận.
Xưa ta đi thì tơ liễu xanh xanh,
Chim hoàng oanh vừa thỏ thẻ vài ba tiếng.
Mà nay cúc đã ngậm vàng,
Trong bóng liễu ngoài thềm tiếng ve đã kêu lạnh.

http://tieulun.hopto.org

Xưa ta đi thì nụ đào chúm chím,
Gió đông mới điểm một đôi cành.
Mà nay lan đã thành chùm,
Hoa đào ngoài hiên đã rụng theo sương lạnh.
Làm chi vậy nhỉ? Buồn bã lạnh lùng nơi nhà khách...
Ngày làm bạn với mấy đứa học trò vừa biết đội khăn
Sao mà cứ chịu đêm đêm ngồi ở phòng đọc sách...
(Mà lắng tai nghe) giọt sương khóc trên tàu chuối, tiếng dế kêu giữa đêm thu?
Làm chi vậy nhỉ? Cứ lần lừa ở nơi quán trọ.
Thấm thoắt sương khói đã nửa năm trời.
Sao mà cứ đêm đêm ở hiên tây
(Ngồi nhìn) gió lay cành trúc trước thềm và mảnh trăng treo trên rường nhà.
Nghĩ mình chẳng phải làm như cái chàng nào đó vứt ngòi bút viết thuê.
Đem lá gan trung liệt ra đầu quân (cho đáng).
Cái thân này luống vì số phong trần mà xui ra vậy.
Trong chỗ ngồi luống xem (mà thẹn), trong lúc nằm luống nghe (mà buồn).
Chẳng phải làm như cái người nào đó vâng tờ hịch.
Vì lòng hiếu mà phải từ giã bà con để đi làm quan.
(Thế thì) việc gì mà cứ loanh quanh ở quê người...
Trong chỗ mây trắng bay, và trong khi hoa mẫu đơn nở.
Ngày nay từ nơi cửa bể trông ra đằng xa.
Một lá buồm nhẹ nhàng bay thẳng về cồn.
Lòng quê bỗng dưng sôi nổi như nồi nước nóng.
Theo lá buồm ấy bỗng đã vượt qua lớp lớp sóng đèo.
Ngày mai từ cái nhà trên núi trông ra đằng xa.
Một làn mây lẻ loi đeo ánh rạng đông nổi lên giữa trời.
Lòng quê bối rối như dây bòng bong.
Theo làn mây ấy chợt đã bay qua lớp lớp non xanh.
Tin nhạn ở quê làng nào thấy phương nào đâu?
Dài thay tấm tình này, khó làm sao mà tả cho xiết được!
Đêm buồn nghe tiếng chuông chùa Diệu Đế.
Tiếng trống canh ngoài cửa bể, tiếng súng nổ trên mặt thành.
Sông từng khúc, ruột cũng từng khúc.
Cảnh thế mãi, đêm lại thế mãi.

http://tieulun.hopto.org

Buồn bã thay vẻ thu nơi quán khách.
Tiếng chày giã gạo bên nhà hàng xóm, tiếng chèo khua đầu sông.
Thương mình nơi đất khách tâm sự bối rối (như tơ vò).
Nghĩ đến bạn phòng khuê, mối tình mới đáng chua xót là dường nào?
Canh khuya ngọn đèn lu lờ trên án...
(Mình ai) ngậm sầu, lấy quạt che mặt lại, luống để mặc vừng trăng sáng lạnh lùng treo.
Trên gối, nặm canh mơ màng.
Mảnh tình u uẩn có ai mà lấy làm thương cho mình?
Nửa đêm một mình với một mảnh tình riêng, không có người nào chung với.
Hễ chợp mắt ngủ, thì bướm đâu đã thoảng qua mộng, mà bừng mắt dậy thì gà đâu đã gáy bên tai.
Hoặc có lúc trong cửa buồng, ánh mặt trời tà rọi vào.
Bước xuống thềm lại muốn trở lên lầu hoa (để trang điểm nhan sắc).
Chợt thấy con én đương tha bùn làm lại tổ mà giật mình (rằng quá hạ đã sang thu).
Cho nên thẹn ngắm gương loan, biếng cài lược phượng.
Hoặc có lúc đương đêm thanh vắng, nàng ngồi trên khung dệt.
Vừa gọi thằng ở tới, bảo nó khêu sáng đèn lên (định để gắng thức khuya mà dệt).
Bỗng đâu nghe tiếng nhạn bay qua sông không ngừng lại, (biết là chim nhạn không đem thư cho mình).
Thì chân biếng đạp khung cửi, tay liền buông thoi.
Đáng thương thay có đêm chong đèn tới sáng.
Đêm vắng vẻ chẳng thấy tin lành.
Nàng bèn ném thoi (đứng dậy) ra trông ngóng ở trước thềm.
Nghe sương rơi lạnh lùng, dế ngâm buồn bã!
Trông chẳng thấy ai, chỉ vò võ một mình ta.
Ngảnh lại phòng khuê, tự nhủ: "Thôi hãy đi vào!"
(Vào tới buồng, chợt nghe) tiếng gà nhà ai gáy ở cái chuồng tại phía tây? (Ấy biết trời đã gần sáng).
(Nhưng hồn nàng ở đâu) nàng còn ngậm mảnh tình riêng, ngồi dựa ghế, khêu mãi ngọn đèn lẻ loi kia cho hao dầu, hết bấc!
Đáng thương thay, thường ngày ngủ dậy lên nhà trên thật sớm.
Bóng chiều đã xế, vẫn chưa thấy thư về.
(Bèn lững thững ngoài đường) vừa đi vừa vày vò tà áo,

http://tieulun.hopto.org

Tiếng ve kêu ở cành dương liễu khiến người ủ rũ mày sầu.
Trông chẳng thấy ai, luống chơ vơ một mình ta.
Bèn quay vào trong cái chái mọi ngày thường ngồi đánh đờn.
Cố gảy một khúc làm khuây.
Chợt trông thấy con bướm đùa với cành lan ở bình phong.
Ngậm sầu xỏ dép lại trở ra vườn tây.
Bây giờ hẳn nàng cũng nói rằng: "Trời thu tươi tốt sáng sủa.
Chồng ta có lẽ đã gần tới ngày về."
Biết đâu đường đời éo le hiểm trở?
Non sông ngàn dặm đã dễ làm sao mà hẹn trước được ngày về với nhau?
Rày hẳn nói rằng ta đi mãi không còn về nữa.
Hoặc ở Tràng An đã có người nâng khăn sửa túi rồi.
Cái thói phong tình cũng quen đi như cái tính phong lưu.
Đã là chỗ phồn hoa, lại là nơi đế khuyết (nơi vua đóng đô) hèn chi mà chẳng...?
Nếu không phải có cái lòng lắt léo như ai ấy...
Thì sao mà cứ lần lừa hết xuân rồi qua hạ, hết hạ rồi qua thu?
Xưa nay những nơi lầu hồng gác tía,
Dầu anh hùng, dậu trượng phu cũng không cầm lòng được thay!
(Nếu nàng nghĩ) như vậy, thì ai biết cho ta?
Trên sông khói sóng khiến cho lòng ta thêm buồn.
Há phải còn chơi ngang tàng như lúc còn trẻ?
Quen thói phong lưu ngày trước, lối giang hồ thuở xưa?
Nơi đất khách thường (mượn thú ngâm vịnh mà tiêu sầu lại thường khi) nhân cuộc ngâm vịnh mà hóa ra ngậm ngùi đau đớn cho lòng.
(Trong lúc ấy) hồn quê luống vật vờ trong mộng.
Non sông ai có biết cùng chăng?
Trong lòng lại tha thiết, nỗi đường sá gian nan.
Tuy đã nói rằng việc đàn bà tần tảo...
Trong thì coi sóc việc nhà, trên thì thờ cúng tổ tiên.
Tuy rằng rau khe nước suối cũng tỏ được chút lòng thành.
Nhưng đã chắc đâu làm tròn phận sự của một người đàn bà giỏi, tay hòm chìa khóa trong nhà?
Duy một điều có thể biết chắc được, là mười phần con trẻ nhà ta...
Trong một cửa đều được giữ gìn đùm bọc, khỏi nguy hiểm gì.
Lúc ta ra đi, thì con ta chính đương măng sữa.

http://tieulun.hopto.org

Qua năm này, có lẽ răng đã mọc, tóc đã dài rồi.
Dễ thương nhỉ! Thằng con của ông anh!
Tuổi chừng mười ba mười bốn mà lại.
Anh ta cũng nói rằng may thay!
Chẳng biết ngày nay đã có ai mở trường (dạy cho cháu học chưa?)
Đáng nhớ quá nhỉ! Hai ông bạn (cùng đèn cùng sách), cùng ngồi học với ta trong một cửa sổ năm xưa.
Mùi chi lan thoang thoảng còn nghe!
Nhớ khi từ giã nhau, ngồi trên ngựa cầm vội chén rượu (trận mưa bay) rưới ướt bụi trần...
Sau khi ấy ở Vị Thành bạn bè đành cũng tan lìa.
Chẳng biết về sau ở Bắc Kỳ có giặc nổi dậy...
(Thì khi ấy) hai anh ta đã về chưa?
Than ôi, cùng chung một bịnh với nhau, cùng thương xót nhau (là lẽ thường).
(Thế mà vì sao mỗi người mỗi ngả) người thì tới sông Tiêu Tương (ở đất Sở), kẻ lại sang nước Tần?
Hầu ngày nào lại ngồi đối mặt nhau nói chuyện...
Nói đến tình nhà lại nói đến lòng người.
Mà nay (sao quạnh quẽ thế này, chẳng bù với khi vui sum họp ấy).
Này trăng thu, gió thu, thơ thu, rượu thu, ấy lại chung tình với ta (cùng ta trông trăng, hứng gió, uống rượu, ngâm thơ), bây giờ?
Trông cảnh ly biệt, hai hàng nước mắt tuôn rơi.
Ngảnh lại quê nhà thì núi non từng lớp ngăn lấy đường.
Tiệc rượu tan rồi, một mình ngồi dựa lan can.
Bừng mắt dậy, cái đêm thê lương vẫn hoàn thê lương!...

http://tieulun.hopto.org

CÁC BẢN DỊCH

Bài *Thu dạ lữ hoài ngâm* của Đinh Nhật Thận được viết ra bằng chữ Hán theo thể song thất lục bát, dài 140 câu đã được Đẩu tiếp Nguyễn Văn Đề tìm thấy trong tủ sách của Nguyễn Hàm Ninh, một người bạn thân của Đinh Nhật Thận.

Bản chữ Hán này không được phổ biến nên ít người biết.

Bài *Thu dạ lữ hoài ngâm* (nguyên văn bằng chữ Hán) của Đinh Nhật Thận đã được một người học trò của ông dịch ra quốc âm cũng theo thể song thất lục bát, nhưng chúng ta không biết được tên người ấy.

Bài dịch này được coi là *bản dịch cũ* và được đánh giá là một bản dịch có giá trị.

Khi biên soạn quyển TRONG 99 CHÓP NÚI, trong đó có giới thiệu *Thu dạ lữ hoài ngâm,* Đẩu tiếp Nguyễn Văn Đề cũng có dịch lại và coi là *bản dịch mới.*

Chúng tôi sao chép lại cả hai bản dịch để các độc giả tiện tham khảo.

http://tieulun.hopto.org

THU DẠ LỮ HOÀI NGÂM

Bản dịch cũ

KHUYẾT DANH

Đêm thu lặng, bóng trời thấp thoáng,
Cách rèm thưa chuốc chén gượng nguôi.
"Thiên thời [1] nhân sự [2] tương thôi", [3]
Kiếp chiêm bao dễ mấy hồi người ta?
Người đối cảnh, trước hoa trăng tỏ,
Cảnh trêu người ngọn gió rung cây.
Nỗi niềm ai kẻ tỏ hay?
Cùng ai trăng gió đêm này với thu?
Thơ nhã ái [4] bốn câu buông vận,

Khảo dị:

Bản dịch này do Đẩu tiếp Nguyễn Văn Đề đã tìm được trong tủ sách của Nguyễn Hàm Ninh, chúng tôi lấy làm bản trục để khảo dị với bản của Trần Trung Viên sao lục in trong *Văn đàn bảo giám* - tập 2, in lần thứ ba - 1934.

1. Đêm thu *rạng* bóng trời thấp thoáng
2. Cách rèm thưa *rót* chén *kim lôi*
3. *Gẫm xem thời* sự *sụt sùi*
4. *Cõi phù mấy thuở làm vui cho đời*
5. Người *ngắm* cảnh *trăng soi hoa nở*
7. Nỗi niềm *mấy* kẻ tỏ hay
8. Cùng ai trăng gió đêm *ngày thưởng* thu
9. Thơ nhã ái bốn câu *ba* vận

Chú thích:

1. *Thiên thời:* thời vận của trời.
2. *Nhân sự:* công việc của người ta.
3. *Tương thôi:* thúc giục lẫn nhau.
4. *Nhã ái:* thích ngâm vịnh thơ tao nhã.

http://tieulun.hopto.org

Rượu ly hoài [1] ba chén làm khuây.
Trước đèn trong chốn thư trai [2],
Chạnh lòng đất khách nhớ người đời xưa.
Ngoài Hương thủy [3], tiếng ngư [4] văng vẳng,
Thuyền từ đâu chèo thẳng bên giang?
Lờ mờ đêm nguyệt trời sương,
Thuyền ai tưởng *khách non Hàn* [5] lại không?
Khúc giang thủy nhớ ông Đại Đỗ! [6]
Buộc con thuyền lòng cũ bơ vơ.
Hứng thu [7] đề tám bài thơ,
Xui người đất khách ngẩn ngơ tình làng.
Xưa ta đi, liễu đang thanh tế [8],
Chim hoàng oanh mới kể ba câu.
Bằng nay cúc đã hoa thâu [9],
Liễu kia nghĩ cũng âu sầu vì ve.

Khảo dị:

10 Rượu ly hoài *vài* chén làm khuây.
12. *Não* lòng đất khách *ngậm ngùi người* xưa.
14. Thuyền *ở* đâu chèo thẳng bên *dương*.
15 *Bồi hồi* đêm nguyệt trời sương.
16. *Non Hàn thuyền* khách *trông dường như bay*.
17. Khúc *ngư* thủy nhớ *ngày* Đại Đỗ.
19. *Mấy thu đề* tám bài thơ.
21. *Khi* ta đi liễu đang *xanh tốt*.
22. Chim hoàng oanh mới *hót* ba câu.
23. Bằng nay cúc đã *ngậm* thâu.

Chú thích:

1. *Ly hoài:* nỗi buồn do sự chia ly gây ra.
2. *Thư trai:* phòng đọc sách, phòng học.
3. *Hương thủy:* tức sông Hương Giang.
4. *Tiếng ngư:* tiếng người đánh cá.
5. *Non Hàn:* tức Hàn San. *Khách non Hàn* là chỉ Trương Kế, một nhà thơ nổi tiếng đời Đường. Ông có làm bài *Phong kiều dạ bạc* rất được truyền tụng.
6. *Đại Đỗ:* tức Đỗ Phủ. Người ta gọi Đỗ Phủ là *Lão Đỗ* hay *Đại Đỗ* để phân biệt với *Tiểu Đỗ* tức Đỗ Mục.
7. *Hứng thu:* tức *Thu hứng*, tên một chùm tám bài thơ của Đỗ Phủ rất được ca tụng.
8. *Thanh tế:* xanh mướt cành tơ.
9. *Cúc đã hoa thâu:* nhắc đến câu thơ của Đỗ Phủ (bài Thu hứng): *"Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ"* (Những bông hoa cúc trong bụi cây đã nở hai lần, khiến khách tha hương tuôn rơi hàng lệ ngày trước).

http://tieulun.hopto.org

Xưa ta đi, đào khoe tiếu kiểm [1],
Gió đông phong [2] mới điểm ba hàng [3].
Bằng nay lan đã chồi sương,
Đào non nghĩ cũng võ vàng vì thu.
Làm chi vậy buồn rầu đất khách?
Ngày quán đồng [4] mượn thích làm khuây.
Có đêm nương bóng hồi tây [5],
Tiếng sương khóc lá [6], hơi may [7] gọi trùng [8].
Làm chi vậy lạnh lùng quán lữ [9],
Năm sương yên [10] kể nữa vừa rồi.
Có đêm ngồi nhẫn [11] thư trai,
Gió lay bên trúc, nguyệt cài trên lương [12].

Khảo dị:

26. *Ngọn* đông phong mới điểm ba hàng.
27. Bằng nay lan đã *rõ* sương.
29. Làm chi vậy? Buồn *rù* đất khách.
30. *Nhật:* quán, đồng mượn thích làm khuây.
31. Có đêm nương *gối phòng* tây.
32. *Ba tiêu* khóc *lệ,* hơi may *ngâm* trùng.
33. Làm chi vậy? *Dở dang* quán lữ.
34. Câu này Đẩu tiếp Nguyễn Văn Đề đã sửa lại là:
"Năm, sương yên *hết* nữa *đi* rồi".
Bản TTV chép như trên.
35. Có *khi* ngồi nhẫn thư trai.

Chú thích:

1. *Tiếu kiểm:* (*tiếu*: cười, *kiểm*: má) cũng như *đào kiểm,* má hồng của người con gái. *Áng đào kiểm đâm bông não chúng* (C.O).

2. *Đông phong:* gió từ phương Đông thổi lại, tức gió xuân.

3. *Mới điểm ba hàng:* mới có lác đác hoa nở trên vài ba cành.

4. *Quán đồng:* (*quán*: đội mũ, *đồng*: trẻ nhỏ) trò nhỏ vừa đến tuổi đội mũ. Cả câu ý nói ngày làm bạn với mấy đứa học trò vừa đến tuổi đội mũ cho khuây khỏa.

5. *Hồi tây:* phòng học ở đầu hồi phía tây.

6. *Tiếng sương khóc lá:* tiếng sương rơi trên những tàu lá chuối có gió thổi sột soạt.

7. *Hơi may:* gió heo may.

8. *Gọi trùng:* gọi những con dế kêu hòa theo tiếng gió.

9. *Quán lữ:* (*quán:* nhà trọ, *lữ:* khách trọ, ở trọ) nhà trọ của khách xa quê.

10. *Sương yên:* sương khói.
Cả câu ý nói thấm thoắt qua mùa sương khói nay đã vừa nửa năm rồi.

11. *Ngồi nhẫn:* ngồi mãi.

12. *Nguyệt cài trên lương:* (*lương:* rường nhà) mảnh trăng chiếu vào nhà như cài trên rường.

http://tieulun.hopto.org

Nào có phải như chàng ném bút, [1]
Vì vua mà đồng mác [2] cho cam?
Luống đem thân thế cát lầm, [3]
Thấy, ngồi hổ mặt, nghe, nằm thẹn tai!
Nào có phải như ai vâng hịch,
Vì thân [4] mà xa cách cho xong?
Bỗng không khách địa [5] binh bồng.
Trông mây [6] lại nhớ, xem bông lại buồn.
Ngày nay đứng trông miền bể rộng,
Một lá buồm thẳng gióng về cồn.
Lòng quê đâu đã cuồn cuồn,
Phút theo buồm vượt mấy ngàn sóng khơi.
Ngày mai đứng trông nơi non thẳm,
Một làn mây sớm ngắm trên không.
Lòng quê đâu đã bòng bong,
Phút theo mây kéo mấy trùng non xa.
Trông tin nhạn [7] biết là đâu tá?
Tâm tình này ai tả cho nên?

Khảo dị:

38. Vì vua mà đồng *bác* cho cam.
40. *Khóc* ngồi hổ mặt, nghe nằm thẹn tai.
44. Trông mây lại nhớ, xem bông lại *phiền*.
46. Một *cánh* buồm thẳng gióng *Giang Lăng*.
47. Lòng quê *luống những bâng khuâng*.
48. Phút theo buồm vượt mấy *tầng* sóng khơi.
50. Một *áng* mây sớm ngắm trên không.
51. Lòng quê đâu đã *rối* bong.

Chú thích:

1. *Ném bút:* xếp bút nghiên lại để đi tòng quân.
2. *Đồng mác:* (*đồng*: đồ binh khí bằng đồng; *mác*: tức mác, giáo mác) chỉ chung đồ binh khí. Ý nói đi đánh giặc.
3. *Cát lầm:* cát bụi bẩn thỉu, ý nói bị gian nan vất vả.
4. *Vì thân:* vì chữ hiếu với cha mẹ.

Cả câu ý nói vì chữ hiếu mà phải đi chinh chiến hoặc làm quan võ ở nơi xa xôi.

5. *Khách địa:* đất khách, nơi đất lạ quê người.
6. *Trông mây:* Địch Nhân Kiệt trông thấy đám mây ở núi Thái Hàng nói rằng: *"Nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây ấy"*. Ý nói nhớ nhà.
7. *Tin nhạn:* chỉ tin tức.

http://tieulun.hopto.org

Đêm chùa Diệu Đế [1] chuông rền,
Trống vang cửa bể, súng rên thành vàng.
Sông quằn quại, ruột càng quằn quại,
Cảnh đìu hiu, dạ lại hiu đìu.
Lữ du [2] ai chẳng tiêu điều?
Tiếng chày trong xóm, tiếng chèo ngoài sông!
Than đất khách não nùng tâm sự,
Thương người quê [3] tình tự bây giờ.
Đèn khuya cơn tỏ cơn mờ,
Gẫm tình che quạt [4] luống thừa bóng trăng.
Năm canh những mơ màng trên gối,
Mảnh tình riêng biết nói cùng ai?
Thương thay đêm vắng không người,
Ngủ thời bướm báo [5], dậy thời gà kêu [6].
Hoặc có lúc bóng chiều trong khổn [7],

•

Khảo dị:

55. *Chuông* chùa Diệu Đế *khua* rền.

57. Câu này nguyên bản chép là: "Sông quằn *quặn*, ruột càng quằn *quặn*". Đấu tiếp Nguyễn Văn Đề đã sửa lại là "Sông quằn *quại*, ruột càng quằn *quại*".

Bản TTV: "*Lòng* quanh *quéo sông* càng quanh *quéo*".

64. *Ngậm* tình che quạt luống *chờ* bóng trăng.

65. *Canh khuya* những mơ màng trên gối.

67. Thương thay đêm vắng *im* người.

68. Ngủ *mơ giấc bướm tỉnh rồi* gà kêu.

69. Hoặc có lúc *ban* chiều trong khổn.

Chú thích:

1. *Chùa Diệu Đế:* chùa này được xây từ năm Thiệu Trị thứ 4 (1844) ở giữa cầu Đông Ba và cầu Gia Hội.

Đông Ba, Gia Hội hai cầu,
Có chùa Diệu Đế bốn lầu hai chuông.
(Ca dao)

2. *Lữ du:* khách đi chơi xa, khách xa nhà.

3. *Thương người quê:* thương vợ ở quê nhà.

4. *Che quạt:* lấy quạt che mặt lại. Cả câu ý nói buồn rầu lấy quạt che mặt lại không muốn nhìn bóng trăng (có sáng cũng bằng thừa vì không còn được cùng vợ chung ngắm nữa).

5. *Ngủ thời bướm báo:* ngủ thì chiêm bao thấy mình hóa ra bướm, tức cứ nằm ngủ thì lại chiêm bao.

6. *Gà kêu:* gà đã gáy sáng.

7. *Bóng chiều trong khổn:* (*khổn*: cửa buồng) bóng mặt trời lúc chiều tà rọi vào cửa buồng.

http://tieulun.hopto.org

Bước xuống thềm, lại muốn lên lầu.
Phút nghe con én [1] kêu sầu,
Lược rầu tóc chải, gương rầu mặt soi.
Hoặc có lúc đưa thoi đêm tối,
Gọi con tì vừa tới điểm đăng [2].
Phút nghe tiếng nhạn [3] khơi chừng [4],
Máy lơi chân đạp, thoi ngừng tay đưa.
Thương thay có đêm chờ nửa gối,
Đêm gần qua, chẳng thấy thư về.
Gác thoi ra đứng bên hè,
Tai nghe tiếng dế rè rè khóc sương.
Trông chẳng thấy chán chường than thở,
Đoái [5] phòng khuê [6] muốn trở gót giày.
Gà ai eo óc hồi tây? [7]
Gẫm tình dựa ghế liền tay khêu đèn [8].
Thương thay có ngày nhìn *sáu khắc,*

Khảo dị:

70. Bước *ra* thềm lại muốn lên lầu.

73. Hoặc có lúc *gieo* thoi đêm tối.

74. Gọi con *đồng* vừa *mới* điểm đăng.

76. Máy *rời* chân đạp thoi ngừng tay đưa.

80. *Đầu thềm con* dế *rù rì* khóc sương.

84. Gẫm tình *tựa gối* liền tay khêu đèn.

85. Câu này nguyên bản chép: "Thương thay có ngày nhìn *đến kẻ*", Đấu tiếp Nguyễn Văn Đề đã sửa lại là:

"Thương thay có ngày nhìn *sáu khắc*"

TTV: Thương thay những ngóng tin *sớm ấy*.

Chú thích:

1. *Con én:* con én báo tin mùa hạ đã qua, mùa thu đã đến.

2. *Điểm đăng:* khêu đèn lên cho sáng.

3. *Tiếng nhạn:* tiếng ngỗng trời.

4. *Khơi chừng:* ngoài khoảng xa.

Cả câu ý nói nghe chim nhạn bay qua không dừng lại thì biết là không có thư của mình. Ý này được nói rõ thêm ở câu 78: *"Đêm gần qua chẳng thấy thư về".*

5. *Đoái:* ngoảnh lại.

6. *Phòng khuê:* (*khuê*: cửa nhỏ) phòng đàn bà con gái ở.

7. *Hồi tây:* chái nhà phía tây.

Cả câu ý nói chợt nghe tiếng gà nhà ai gáy ở mé phòng phía tây thì biết trời đã gần sáng.

8. *Gẫm tình... khêu đèn:* cả câu ý nói tưởng nghĩ tới vợ, ở nhà chắc cũng mang nỗi nhớ nhung mà cứ ngồi dựa ghế, rồi lại khêu đèn thức tới suốt đêm.

http://tieulun.hopto.org

Ngày gần tàn chẳng gặp thư sang.
Xuống thềm, ra đứng bên đàng,
Mày sầu lá liễu hàng hàng khóc ve [1].
Trông chẳng thấy, lại về đứng đợi,
Đoái cầm hiên [2] toan gợi ngón đàn.
Bướm đâu trêu cợt bình lan?
Buồn tình mang dép ra vườn hái hoa.
Rày hẳn bảo: "Trời đà mát mẻ,
Lương nhân [3] ta có lẽ gần về..."
Biết đâu đường thế nghiêu khê [4],
Dặm ngàn hồ dễ đi về [5] cho năng? [6]
Rày hẳn nói mình chừng lâu ở
Ôm khâm trù [7] hoặc đã có người?
Phong lưu tính đã quen rồi,
Phồn hoa lịch sự lại mùi Tràng An!
Nếu chẳng thế, bàn hoàn [8] chi mãi,
Hết xuân rồi, hạ lại sang thu?

Khảo dị:

86. Ngày gần *hôm* chẳng *thấy* thư *về*.
87. *Bó xiêm lững thững* bên *hè*.
88. Mày sầu *khóm* liễu *dì dì* khóc ve.
90. Đoái cầm hiên *muốn* gợi *tay* đờn.
92. Buồn *thôi xỏ* dép ra vườn *bẻ* hoa.
93. *Nay* hẳn bảo trời đà mát mẻ.
95. Biết đâu đường *sá khắt khe*.
97. *Nay* hẳn *bảo ta* chừng lâu ở.
100. Phồn hoa lịch sự lại *người* Tràng An.
101. *Ví* chẳng *thể* bàn hoàn chi mãi.

Chú thích:

1. *Hàng hàng khóc ve:* ý nói ve kêu xào xạc buồn như muốn khóc trên các cây chạy dài thành nhiều hàng bên đường.

2. *Cầm hiên:* cái đàn treo ở hiên nhà.

Hiên sau treo sẵn cầm trăng (T.K)

3. *Lương nhân:* người lành. Vợ thường gọi chồng là lương nhân.

4. *Nghiêu khê:* ngoắt ngoéo quanh co, nói về lối đường khó đi. Cả câu ý nói biết đâu đường đời quanh co éo le trắc trở.

5. *Hồ dễ đi về:* đâu có dễ đi về.

6. *Cho năng:* cho nhiều được.

7. *Khâm trù:* chăn và mền, ý nói chồng mình ở Tràng An đã lấy vợ lẽ rồi.

8. *Bàn hoàn:* nghĩ quanh nghĩ quẩn.

Nỗi riêng, riêng những bàn hoàn (T.K).

http://tieulun.hopto.org

Lầu hồng [1] cung ấm ấy ru?
Anh hùng [2] lại với trượng phu [3] ai từ?
Như thế ấy, bây giờ ai biết?
Trong yên ba [4] khôn xiết dạ sầu.
Há còn trai trẻ chi đâu,
Phong lưu thói cũ, giang hồ lối xưa [5].
Cảnh du lữ câu thơ thổn thức,
Bóng hương quan [6] xa khuất dặm ngàn.
Non sông khách có biết chăng?
Vẫn tình thì nhớ [7], nhưng đường thì khơi [8]
Tuy rằng nói đã người tần tảo [9],
Trên tôn đường [10], trong đạo tề gia.
Rau khe nước suối cũng là [11],
Mình xa nào biết ở nhà làm sao?

Khảo dị:

104. Anh hùng *kia* với trượng phu ai từ.
106. *Trống yêu hoa* khôn xiết *đa* sầu.
107. Há còn *tuổi* trẻ chi đâu.
108. Phong lưu *tình* cũ giang hồ *thói* xưa.
110. Câu này nguyên bản chép là: "Bóng hương quan xa khuất dặm ngàn". Đẩu tiếp Nguyễn Văn Đề sửa lại là "Bóng hương quan *trước mắt mơ màng*". TTV: "Bóng hương *khuê* xa khuất dặm *trường*".
111. *Giang hồ dù có* biết *thương*.
112. *Thiết* tình *lại* nhớ *những* đường *dặm* khơi.

Chú thích:

1. *Lầu hồng:* chỉ lầu son gác tía, ngày xưa chỗ phụ nữ ở. Về sau chữ này được dùng để chỉ nhà chứa gái mại dâm.

2. *Anh hùng:* người tài giỏi, có khí phách hơn người.

3. *Trượng phu:* người đàn ông có chí khí hơn người. Vợ gọi chồng là *trượng phu*.

Cả hai câu 103-104 ý nói xưa nay những nơi lầu hồng gác tía, dầu kẻ anh hùng, bậc trượng phu cũng không cầm lòng được.

4. *Yên ba:* khói và sóng.

5. *Há còn... lối xưa:* cả hai câu ý nói há còn trẻ tuổi gì nữa mà bảo quen thói chơi bời như ngày trước nữa.

6. *Hương quan:* cửa làng, làng xã.

7. *Vẫn tình thì nhớ:* tình thì vẫn nhớ, vẫn tha thiết.

8. *Khơi:* xa.

9. *Tần tảo:* rau tần và rau tảo là hai thứ rau làm đồ tế. *Kinh Thi* có câu: *Thái tần thái tảo* là việc chuyên trách của người nội trợ.

10. *Trên tôn đường: (tôn đường:* nhà thờ tổ tiên) trên thì lo việc thờ cúng tổ tiên.

11. *Cũng là:* cũng là tỏ được tấm lòng thành.

http://tieulun.hopto.org

Duy biết trẻ đứa nào đứa nấy,
Trong gia đình đều thấy yên vui.
Lúc đi trẻ mới hay cười,
Tóc răng nay đã ra người lớn khôn.
Và thằng cháu trời thương cũng khá,
Tuổi năm nay chừng đã trưởng thành [1].
Phúc nhà mừng trộm cho anh,
Năm nay biết đã học hành cùng ai?
Bạn đèn sách một hai tri thức,
Mùi chi lan [2] sực nức một nhà.
Từ phen cất chén quan hà [3],
Vị Thành [4] lúc ấy rồi mà Dương Quan [5.6].
Sau chẳng biết ngoài miền Bắc động
Hai anh ta có chóng hồi hương?
Thương ôi đồng bịnh cùng thương

Khảo dị:

117. *Mừng cho* trẻ đứa nào đứa nấy.
118. *Gia đình thời* đều thấy yên vui.
121. *Vài* thằng cháu *nhờ ơn* cũng khá.
123. Phúc nhà mừng *hộ* cho anh.
124. Năm nay biết *có* học hành cùng ai.
126. Mùi *lan chi thơm* nức một nhà.
127. *Trừ* phen *chén rượu* quan hà.
130. Hai anh ta có chóng hồi *trang*.
131. *Mới hay cùng* bệnh *thêm* thương.

Chú thích:

1. *Trưởng thành:* đã lớn khôn rồi.
2. *Chi lan:* cỏ chi và cỏ lan, thứ cỏ thơm, hương nó hòa hợp nhau.
Nghĩa bóng: anh em bạn tốt.
3. *Chén quan hà:* (*quan*: cửa ải, *hà*: sông; chỉ đường xa, chỉ tình ly biệt) chén rượu tiễn biệt.

Sổ thanh phong địch ly đình vãn,
Quân hướng Tiêu Tương, ngã hướng Tần.

(Gió đưa mấy tiếng sáo vào ly đình lúc chiều tà, chính là lúc bạn hướng đi về phía sông Tiêu Tương còn tôi thì đi tới đất Tần).

4. *Vị Thành:* tên đất, thành cũ nay ở phía đông huyện Trường An, tỉnh Thiểm Tây.
5. *Dương Quan:* tên một cửa quan cũ, nay ở phía tây nam huyện Đôn Hoàng tỉnh Cam Túc.
6. *Từ phen... Dương quan:* hai câu này lấy ý từ bài *Vị Thành khúc* của Vương Duy tả cảnh tiễn biệt nhau. Sđd.

http://tieulun.hopto.org

Một Tần lại một Tiêu Tương [1] một trời [2]
Đến bao giờ cùng ngồi kể chuyện,
Kể hương tình cho đến khách trung [3].
Mà nay nào nguyệt nào phong,
Nào thi nào tửu biết cùng ai hay?
Sầu ly biệt tuôn đầy hai mắt,
Bóng hương quan [4] xa khuất dặm ngàn.
Rượu rồi ngồi dựa lan can [5],
Chiêm bao tỉnh giấc đêm tàn về thu.

Khảo dị:

132. *Kẻ* Tần *người lại* Tiêu Tương một trời.
135. *Bằng* nay nào nguyệt nào phong.
137. *Cảnh* ly biệt *lệ* đầy hai mắt.
138. Bóng hương *khuê* xa *cách* dặm ngàn.
139. Rượu rồi ngồi *tựa câu lan.*
140. Chiêm bao *thấy* giấc *canh* tàn về thu.

Chú thích:

1. *Một Tần... một Tiêu Tương:* (*Tiêu Tương*: con sông do sông Tiêu và sông Tương hợp thành, ở phía bắc huyện Linh Lăng, tỉnh Hồ Nam) mượn ý ở hai câu thơ của Trịnh Cốc để tả cảnh chia ly. Sđd.

2. *Thương ôi... một trời:* thương ôi! cùng chung một bệnh tương tư nhau, thương nhớ nhau mà sao mỗi người lại một ngả, người thì đi tới sông Tiêu Tương ở đất Sở, kẻ lại sang nước Tần.

3. *Khách trung:* tấm tình trong lòng khách ở quê người.

4. *Hương quan:* (*hương:* làng xóm, *quan*: cổng) cổng làng, chỉ quê nhà.

Trong bài *Hoàng hạc lâu* của Thôi Hiệu cũng có câu: *"Nhật mộ hương quan hà xứ thị?"* (Lúc trời chiều, ra đứng ngóng trông về làng cũ, tự hỏi: Quê nhà ở nơi đâu?)

5. *Lan can:* bao lơn ngoài hiên.

http://tieulun.hopto.org

THU DẠ LỮ HOÀI NGÂM

Bản dịch của NGUYỄN VĂN ĐỀ

Đêm thu lặng, trời thu sáng suốt,
Cách rèm thưa, lợt rớt chén vàng.
Giục thời, thời lại giục trường,
Kiếp phù mấy thuở bày tuồng làm vui.
Người đối cảnh hoa cười bóng nguyệt,
Cảnh trêu người, gió nguýt ngọn cây.
Dường này dễ mấy ai hay?
Cùng ai với gió trăng này làm thân?
Thơ khiển hứng ba vần nhã ái,
Rượu tiêu sầu lưng túi ly hoài.
Một đèn riêng một thư trai,
Nhớ thân muôn dặm, thương người nghìn thu.
Ngoài nọ bến, tiếng ngư vang dội,
Thuyền đâu chèo dọc mãi sông Hương?
Mơ màng đêm nguyệt trời sương,
Non Hàn tưởng khách thơ Đường là ai!
Trên sông Khúc nào hồi Tử Mỹ,
Chiếc bè trôi, chạnh ý ly hương?
Cảm thu truyền lại tám chương,
Khéo xui lòng khách dễ vương tình lòng?
Xưa ta đi, liễu đang xanh tốt,
Một vài câu vừa hót chim oanh.
Mà nay cúc nở vàng cành,
Liễu kia, ve khóc buồn tanh ngõ ngoài!

http://tieulun.hopto.org

Xưa ta đi, đào cười nhí nhoẻn,
Một đôi nhành vừa bén gió đông.
Mà nay lạn rợp như rừng,
Đào theo sương rụng lung tung phía ngoài.
Làm chi vậy, lẻ loi quán trọ,
Ngày ba thằng măng sữa nghêu ngao.
Đêm đêm án sách gục vào,
Lá than sương nặng, dế kêu thu buồn.
Làm chi vậy gầy mòn điếm lữ?
Chốc nửa năm sương gió lân la.
Đêm đêm hiên vắng nhìn ra,
Gió lay ngọn trúc, trăng sa mái hồi.
Nào có phải như ai vì nước,
Vứt bút mà đồng mác cho cam?
Khi không rước lấy cát lầm,
Hổ ngồi giương mắt, thẹn nằm nghiêng tai!
Nào có phải như ai vì hiếu,
Vâng hịch mà bôn tẩu chẳng nài?
Việc gì lần lữa quê người,
Mây che núi cũ, hoa cười thân cô.
Rày đứng ngóng trên bờ nọ biển,
Lá buồm ai về bến thẳng giong.
Lòng quê sôi nổi như nung,
Phút theo buồm vượt mấy trùng phong ba.
Mai đứng ngóng trên nhà nọ núi,
Làn mây cô, nắng rọi, nổi chong.
Lòng quê rối tựa bòng bong,
Phút theo mây kéo mấy trùng quan san.
Phương nào tá tin nhàn núi cũ?
Bút mực đâu tả đủ niềm đơn?
Bên chùa Diệu Đế chuông dồn,
Trên thành súng nổ, dưới đồn trống vang.
Sông quặn quặn, ruột càng quặn quặn,

http://tieulun.hopto.org

Cảnh rầu rầu, dạ vẫn rầu rầu.
Lạnh lùng đất khách trời thâu,
Kìa! Ai nhả gạo. Ở! Đâu khua chèo?
Ngoài nghìn dặm rối mèo tâm sự,
Chốn phòng khuê vò võ thương ai.
Canh khuya che quạt lặng ngồi,
Mặc đèn lu ngọn, kệ trời sáng trăng.
Trên gối chiếc, đêm tràng tráo trở,
Mảnh tình riêng than thở cùng ai?
Đã khuya trông chửa thấy người,
Ngủ mơ màng bướm, dậy oi óc gà.
Hoặc có lúc: trước nhà bóng bổ,
Bước xuống thềm, lại trở lên lầu.
Phút trông én ngậm bùn đâu
Phượng buồn bã lược, loan rầu rĩ gương.
Hoặc có lúc: trong buồng đêm vắng,
Gọi khêu đèn, hòng gắng dệt khuya.
Bỗng nghe nhạn vượt sông kia,
Ác buông trôi máy, én lìa ngang thoi.
Thương thay có đêm ngồi suốt sáng,
Đợi cả đêm, thư chẳng thấy nào!
Vứt thoi, lóng ngóng trước lầu,
Dế than sương lạnh rót sầu vào tai!
Chẳng thấy ai, riêng càng tức tối,
Đành ôm lòng trở lại buồng thêu.
Nhà bên gà đã gáy xèo,
Nghĩ đâu dựa ghế còn khêu hao đèn!
Thương thay cứ ngày quen dậy sớm,
Đợi tối ngày tin vưỡn (vẫn) vắng đâu!
Vày bâu, lững thững quanh lầu,
Liễu kia ve khóc rủ sầu ngang mi.
Chả thấy gì, lại vào lủi thủi,
Gượng ôm cầm dạo mấy đường tơ.

http://tieulun.hopto.org

Bình lan bướm vội theo đùa,
Bực thôi xỏ dép bỏ ra thăm vườn.
Giờ hẳn nói: "Trăng tròn lại tỏ",
Để đến ngày "Gương vỡ lại liền"!...
Biết đâu đường thế tần phiền,
Người đi chưa dễ biết phen nào về!
Thôi lại bảo: "Mình e ở mãi,
E ở Kinh đã phải lòng ai!...
Làng chơi quen thói ăn chơi,
Đất phồn hoa ấy, lại trời Phú Xuân!
Chẳng vì tiếc xuân nên nấn ná,
Sao xuân rồi, rồi hạ, rồi thu?
Mấy nơi các tía rèm chu,
Anh hùng hào kiệt chưa từ lọ ai?..."
Như thế ấy, ai người biết với?
Trong yên ba riêng tủi lòng này!
Phải rằng trai trẻ những ngày?
Rằng ưa đài các? Rằng hay giang hồ?
Câu lữ cảnh mượn ru ly hận,
Hồn hương quan vơ vẩn đêm trường,
Ai mà nghĩ đến mà thương,
Vì ai thêm xót nỗi đường cam gay!
Nghề nội trợ đã hay rằng thế,
Đạo trong nhà tổ nể trên đầu.
Rau khe nước suối mặc dầu,
Một tay trăm việc chắc đâu lo tròn?
Duy biết chắc đàn con ăn nhởi,
Lòng chẳng nghe ái ngại điều chi!...
Ngày đi trẻ dại biết gì?
Tóc răng rày hẳn ra bề đã khôn.
Dễ thương nhỉ thằng con anh trưởng!
Tuổi mười ba mười bốn chi rồi!...

http://tieulun.hopto.org

Anh mình hẳn lấy làm vui!
Năm này cháu đã theo ai sách đèn?
Nhớ đèn sách, khôn quên hai bạn,
Mùi chi lan thoang thoảng còn hoài.
Chén đưa nào lúc khuyên nài,
Vị thành lúc ấy là rồi chia tay.
Sau đất Bắc đường đầy binh lửa,
Hai anh ta về ở bề nào?
Bịnh chung, chung mối thương đau,
Thương ôi kẻ đấy người đâu một trời?
Bao giờ lại cùng ngồi chuyện vãn,
Chuyện gần xa lòng gạn hỏi lòng?
Mà nay nào nguyệt nào phong,
Nào thi nào tửu, ai chung với nào?
Trông đất khách, lệ trào đôi mắt,
Ngóng quê nhà, đường mắc nghìn non.
Rượu rồi gục xuống câu lơn,
Chiêm bao mở mắt, đêm còn hoàn đêm!...

http://tieulun.hopto.org

TỰ TÌNH KHÚC

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

CAO BÁ NHẠ

Cao Bá Nhạ là người xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, trước thuộc tỉnh Bắc Ninh nay thuộc Hà Nội. Ông là con Cao Bá Đạt và cháu Cao Bá Quát.

Năm 1854, Tự Đức thứ 7, sau khi Cao Bá Quát nổi lên chống lại triều đình ở Sơn Tây và bị thất bại thì cả nhà bị truy nã. Cao Bá Quát bị chết trận [1]. Cao Bá Đạt (người anh song sinh với Cao Bá Quát) bấy giờ đang làm Tri huyện Nông Cống (Thanh Hóa) bị bắt giam, sau đã phải tự tận. Cả nhà ông bị bắt. Duy có Cao Bá Nhạ trốn thoát, ẩn náu ở hạt Mỹ Đức (Hà Tây) được tám năm trời, nhưng rồi có kẻ tố cáo nên cũng bị bắt và bị chết mất tích.

Khúc Tự tình này, Cao Bá Nhạ làm khi đang bị giam ở trong ngục đã giãi bày tâm sự và nỗi oan ức của ông.

*
* *

Bài *Tự tình khúc* dài 608 câu được viết theo thể song thất lục bát, có thể chia làm sáu phần:

1. *Mở đầu* (1 - 8): Sau tám năm ẩn trốn (1854 - 1862) Cao Bá Nhạ bị tố cáo và bị bắt. Trong lúc bị giam giữ ông đã làm bài này để bày tỏ tâm sự của mình.

2. *Giới thiệu gia thế* (9 - 36): Quê ở làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh. Họ Cao nhà ông đã mấy đời khoa bảng và con cháu vẫn lấy thanh cần làm nền nếp nhà. Cha ông (Cao Bá Đạt) tuy làm một chức quan nhỏ (Tri huyện) nhưng có danh tiếng là thanh liêm.

3. *Gia biến và cảnh ẩn trốn* (37 - 188): Vì chú (Cao Bá Quát) khởi loạn chống lại triều đình mà cha ông phải tự sát và ông phải ẩn trốn ở Mỹ Đức, một nơi hẻo lánh, làm thầy đồ cố giữ cho mọi người không để ý. Đã có vợ và có con, ông chỉ mong được nhà vua ân xá cho ông.

4. *Thuật lại việc bị bắt* (189 - 324): Không ngờ có kẻ tố cáo, ông bị bắt, bị bỏ cũi giải đi Hải Dương, Bắc Ninh..., thân phận thật là khổ sở và tình cảnh thật là nhục nhã.

---

1. Theo sách *Đại Nam chính biên* (mục *Nghịch thần*).

http://tieulun.hopto.org

5. *Kể lại tâm sự khi bị giam ở trong ngục* (325 - 572): Ông buồn tủi vô cùng vì oan ức nhưng vẫn cố gắng giữ lòng ngay thẳng và luôn luôn nghĩ đến cha mẹ, vợ con, quê hương của mình.

6. *Kết thúc* (571 - 608): Ông bày tỏ lòng tin tưởng vào đạo lý của thánh hiền, vào sự khoan hồng của nhà vua và phúc đức của nhà mình.

Qua bài *Tự tình khúc* chúng ta nhận thấy tác giả viết ra không phải để dâng lên nhà vua mà chỉ muốn tự mình thanh minh với mình, với mọi người để bày tỏ nỗi oan ức của mình vì ông đâu có dính líu gì vào việc Cao Bá Quát dấy quân chống lại triều đình. Ông lấy làm oán hận vì đã phải trả những tội mà mình không gây ra. Trong những lời tự tình của ông chúng ta nhận thấy được cả tư tưởng đạo nghĩa rất mạnh của Nho gia với mộng công danh, đức thanh cần, chữ trung, chữ hiếu, sự coi trọng danh dự, vốn là những khuôn thước của nền luân lý Khổng Mạnh.

Ông tuy bị chết oan, nhưng những lời *tự tình* của ông đã để lại cho hậu thế một tấm gương cao nghĩa và một áng văn chương quí giá được viết ra lúc phải đeo gông, ngồi cũi.

http://tieulun.hopto.org

TỰ TÌNH KHÚC

Tỉnh giấc mộng ngâm câu ký vãng [1],
Trải tám thu [2] ngày tháng như thoa [3].
Chiếc thân tựa bóng quan hà [4],
Nỗi niềm tâm sự trăng già thấu chăng?
Thơ cao ẩn [5] tay đằng [6] nên tập,
Bức linh đài [7] bút dập vào tranh.
Bâng khuâng mình tiếc cho mình,
Xa xa nói với xanh xanh giãi lòng.
Ngòi Đức Thủy [8] khơi dòng kinh sử,
Phả Cao Dương [9] treo chữ [10] tấn thân.
Dõi đời khoa bảng xuất thân [11],
Trăm năm lấy chữ *thanh cần* [12] làm bia.

---

1. *Ký vãng:* đã qua. Luận ngữ: *"Thành sự bất thuyết, toại sự bất gián, ký vãng bất cữu"* (việc đã thành chẳng nói nữa, việc có thể thành chẳng nên can ngăn, việc đã qua không bắt lỗi nữa). Hai chữ *ký vãng* nêu ở đầu bài đã tóm tắt hết ý của toàn bài.

2. *Tám thu:* tám năm.

3. *Như thoa:* như thoi dệt qua lại mau trên khung cửi; ý nói ngày tháng qua mau.

4. *Quan hà: (quan:* cửa ải, *hà:* sông) nói việc tiễn đưa người đi xa phải qua sông, qua cửa ải. Nghĩa bóng chỉ sự tiễn biệt, chỗ xa xôi cách trở.

Tựa bóng quan hà: ý nói ẩn náu ở chỗ đất khách quê người.

5. *Cao ẩn:* bậc ẩn dật thanh cao.

6. *Đằng:* đằng tả, viết rõ ràng.

7. *Linh đài:* tâm linh của người ta, lòng người. Do câu: *"Nhất điểm linh đài, đan thanh mạc trạng "* (một tấm lòng không thể lấy màu đỏ, màu xanh vẽ ra được).

8. *Đức Thủy:* sông Nguyệt Đức chảy vào địa phận tỉnh Bắc Ninh.

9. *Phả Cao Dương:* về đời Đường Nghiêu có họ Cao Dương sinh ra tám người tài tử. Đây mượn chữ Cao Dương để chỉ gia phả nhà họ Cao.

10. *Tấn thân: (tấn:* cái hốt, *thân:* cái đai) bậc đậu đạt làm quan.

11. *Khoa bảng xuất thân:* do khoa cử đậu đạt mà ra làm quan.

12. *Thanh cần:* thanh liêm, cần mẫn, làm quan cần ba điều: thanh, thận, cần.

http://tieulun.hopto.org

Đèn Mông Chính [1] canh khuya một ngọn,
Màn Trọng Thư [2] năm trọn nửa vây.
Chim hồng mong chấp cánh mây,
Năm xe kinh sử [3] một tay vẽ vời.
Lửa Thái ất [4] đêm soi Lưu Hướng [5],
Cầu Thăng Tiên [6] ngày tưởng Tràng Khanh[7].
Gót chân coi nhẹ vân trình [8],
Văn chương dốc túi, công danh giật cờ.
Nền thế nghiệp [9] đã nhờ gia ấm [10],
Miền hoạn đồ [11] lại lắm thiên ân [12].
Trước sau trải mấy mươi lần,
Môn phong [13] vẫn giữ trung cần [14] dám sai.
Ngẫm tiên phụ [15] nửa đời khổ tiết [16],
Để mai sau một ít vi danh [17].

---

1. *Mông Chính:* tức Lã Mông Chính, người đời Tống, nhà nghèo nhưng chăm học sau đỗ Trạng nguyên và làm đến Tể tướng.

Đèn Mông Chính: ý nói chăm chỉ học tập.

2. *Trọng Thư:* tức Đổng Trọng Thư, một bậc đại nho đời Hán, rất chăm học, từng bỏ màn đọc sách, ba năm không dòm ra vườn.

3. *Năm xe kinh sử:* do câu *tài đong tám đấu, sách chở năm xe;* ý nói học rộng tài cao.

4. *Thái ất:* tên một ngôi sao.

5. *Lưu Hướng:* bậc đại nho đời nhà Hán (Trung Quốc).

Cả câu ý nói chăm đọc sách như Lưu Hướng ngày xưa vẫn thường đọc sách dưới ánh sáng của đèn Thái ất.

6. *Cầu Thăng Tiên:* cầu ở phía bắc Thành đô.

7. *Tràng Khanh:* tên tự của Tư mã Tương Như, đời Hán. Khi Tư mã Tương Như đi vào đất Thục, qua cầu Thăng Tiên có đề vào cột cầu rằng: *"Nếu không làm nên, không đi xe ngựa thì sẽ không trở về qua cầu này nữa".*

8. *Vân trình:* đường mây, đường công danh.

9. *Thế nghiệp:* nghiệp nhà đời nọ qua đời kia đều có người đậu đạt.

10. *Gia ấm:* phúc đức của tổ tiên để lại cho con cháu được nhờ.

11. *Hoạn đồ: (hoạn:* ra làm quan, *đồ:* con đường) con đường ra làm quan.

12. *Thiên ân:* ơn trời tức là ơn của nhà vua.

13. *Môn phong:* thói nhà.

14. *Trung cần:* hết lòng trung với nhà vua (*cần:* siêng năng).

15. *Tiên phụ:* cha đã qua đời.

16. *Khổ tiết:* chịu khắc khổ để giữ tròn khí tiết.

17. *Vi danh:* danh tiếng nhỏ bé.

http://tieulun.hopto.org

Hoạn giai [1] nhỏ mọn đã đành,
Trong vòng thú lệnh [2] phẩm bình còn khen.
Dấu trung ẩn [3] in miền mây trắng,
Chữ mục dân [4] bóng dựng non vàng.
Bức tranh treo chữ tuần lương [5],
Ngư Dương hát lúa [6] Hà Dương vịnh đào [7].
Giá cầm hạc so vào Triệu Biện [8],
Thư phụng hoàng đưa đến Mao Khanh [9].
Móc mưa ơn đội thánh minh,
Thánh minh hai chữ góp danh với đời.
Vườn Lý Bạch [10] chưa vui đào mận,
Nhà Tử Văn [11] nổi trận phong ba [12].

---

1. *Hoạn giai:* cấp bậc làm quan.

2. *Thú lệnh:* chức quan Thái thú và Lệnh doãn.

3. *Trung ẩn:* Thơ Bạch Cư Dị có câu: *"Đại ẩn ẩn triều thị, tiểu ẩn ẩn lâm tuyền bất như tác trung ẩn, ẩn tại lưu ty gian"* (Bậc đại ẩn ẩn ở triều đình nơi đô thị, bậc tiểu ẩn ẩn ở chỗ núi rừng, chẳng bằng làm bậc trung ẩn, ẩn ở chức quan lại nhỏ nhàn rỗi). Người ta dùng chữ *trung ẩn* để ví với những kẻ làm quan nhỏ, an nhàn.

4. *Mục dân:* chăn dắt dân chúng, săn sóc dân.

5. *Tuần lương:* giữ pháp luật và thi hành chính sách tốt.

6. *Ngư Dương hát lúa:* Trương Kham làm Thái thú ở Ngư Dương, tri dân khoan hòa, nông dân được mùa luôn thường vui mừng mà ca hát.

7. *Hà Dương vịnh đào: Tấn thư* chép rằng: Phan Nhạc khi làm quan lệnh huyện Hà Dương, bắt dân trong hạt, hễ kẻ nào thiếu thuế thì phải trồng một cây đào. Sau này khi ông hết hạn làm quan ở huyện ấy, khắp huyện chỗ nào cũng có cây đào.

8. *Cầm hạc... Triệu Biện:* Triệu Biện người đời Tống, làm quan to mà tính giản dị, đi nhậm chức chỉ đem theo một cây đàn và một con hạc.

9. *Phụng hoàng... Mao Khanh:* Mao Khanh tức Mao Nghĩa, người đời Đông Hán, rất hiếu hạnh, đương ở ẩn để nuôi mẹ thì có chiếu vua (thư phượng hoàng) bổ đi làm Tri huyện. Câu này ý nói đến việc Cao Bá Đạt được bổ đi làm Tri huyện ở Nông Cống (Thanh Hóa).

10. *Lý Bạch:* thi hào đời Đường, có làm bài tự *"Xuân dạ yến Đào Lý viên"* trong đó có câu: *"Hội đào lý chi phương viên, tự thiên luân chi lạc sự"* (Họp nhau ở chỗ vườn Đào Lý, tỏ bày sự vui vẻ trong đám anh em). Câu này ý nói trong nhà chưa vui sum họp được bao lâu.

11. *Tử Văn:* người đời Chiến Quốc, một công thần đã giúp cho Sở Thành Vương lập nên nghiệp lớn nhưng sau bị tội, cả nhà cùng mắc nạn.

12. *Phong ba: (phong:* gió, *ba:* sóng) gió sóng; việc bất thường mà người ta gặp phải; tai nạn rủi ro.

http://tieulun.hopto.org

Thương ôi! Hảo sự tiêu ma [1],
Tấm lòng băng tuyết phút hòa trần ai.
Mảnh ngọc bạch [2] thiêu người khách tử [3],
Lưỡi đoản đao [4] cắt chữ phù sinh [5].
Nhân gian ai kẻ thương tình,
Trăm năm công luận phẩm bình về sau.
Nỗi gia thất [6] mặc dầu Tạo hóa,
Đàn nhi tôn [7] gửi cả nhân gian.
Ơn sâu dám quản thân tàn,
Còn mong gò cáo [8] hồn oan lại về.
Bình dẫu phá còn lề cốt cách [9],
Gương dù tan vẫn sạch trần ai.
Thương thay một khóm hàn mai [10],
Hai cành ấm lạnh ra hai tấm lòng [11].
Giấc vinh nhục sinh không một thoảng,
Bia thị phi [12] để tạc còn dài.
Thế gian kẻ khóc người cười,
Muôn đời để sạch muôn đời để dơ.
Cuộc phù thế thờ ơ mệnh bạc,
Chốn dạ đài [13] chếch mác lòng son.

---

1. *Hảo sự tiêu ma:* việc làm tốt đều mất công vô ích.
2. *Ngọc bạch:* dải lụa thắt cổ.
3. *Khách tử:* chết nơi đất khách (ý nói đến việc Cao Bá Đạt phải tự tận).
4. *Đoản đao:* thanh đao ngắn, con dao ngắn.
5. *Phù sinh:* cuộc đời ngắn ngủi của người ta.
6. *Nỗi gia thất:* nỗi khổ trong nhà (sau khi Cao Bá Nhạ bị bắt).
7. *Nhi tôn:* con cháu.
8. *Gò cáo:* cáo chết lại quay về gò. Câu này ý nói người ta tuy phải chết ở quê người nhưng linh hồn thường vẫn tìm về quê nhà.
9. *Còn lề cốt cách:* ý nói nhà có phong thể dù bị tan nát vẫn còn giữ được nề nếp.
10. *Một khóm hàn mai:* ý nói anh em cùng bởi một gốc mà ra.
11. *Hai cành ấm lạnh ra hai tấm lòng:* Sách *Đông Pha thi chú* chép rằng: "Trên núi Đại Dũ có rất nhiều mai, những cây mai đó nở sớm muộn khác nhau, cành bên nam đã rụng, cành bên bắc mới nở. Đó là vì bên nam ấm, bên bắc lạnh". Cả câu ý chỉ tư tưởng của Cao Bá Đạt và Cao Bá Quát khác nhau: một bên giữ phận thần tử, một bên lại nổi loạn.
12. *Thị phi:* phải trái; lời khen chê.
13. *Dạ đài:* cõi âm phủ.

http://tieulun.hopto.org

Quyết mình há tưởng đến con,
Tưởng khuôn phúc thiện ngẫm còn về sau.
Phó ngạnh tích [1] mặc dầu sinh tử,
Chắc Lý đình [2] dạy chữ hiếu trung.
Cho nên lòng vẫn giữ lòng,
Dẫu khi biến cố [3] còn trong luân thường [4].
Mối tâm sự để gương non nước,
Mảnh huyết tình giãi trước thần minh.
Cầu kia ai gọi Tân đình [5],
Chiếc bia Trụy lệ [6] rành rành bên sông.
Đạo con lấy hiếu trung làm trọng,
Nỗi thế thường xem mỏng xem khinh.
Phù sinh một sợi tơ mành,
Giữ gìn di thể [7] như hình thiên kim [8].
Nhạn sa nước nổi chìm bể khổ,
Yến e cung tìm đỗ cây lành [9].

---

1. *Ngạnh tích:* dấu của tượng gỗ đào. Sách *Chiến quốc* chép: "Tượng đất bảo tượng gỗ: "Anh là cành đào đục tạc thành người. Hễ nước sông Hoài đổ đến, nó cuốn trôi anh đi, anh sẽ lênh đênh đến thế nào". Người ta ví những người lưu lạc bềnh bồng với tượng gỗ đào là do chuyện đó.

2. *Lý đình:* sân Lý. Lý là con đức Khổng Tử, một lần đi qua sân để đến chỗ học, được cha khuyên nên học Kinh Thi, Kinh Lễ. Ý nói lời cha khuyên con phải biết trung hiếu.

3. *Biến cố:* cái cơ sự hoạn nạn xảy ra.

4. *Luân thường:* phép tắc chính thường loài người nên theo.

5. *Tân đình:* cái đình trên núi Lao Lao, thuộc huyện Giang Ninh. Trong đời Đông Tấn, các tay danh sĩ thường hay lên đó mở tiệc, nghĩ đến đất nước rối loạn, nhiều người không khỏi nhỏ lệ. Về sau những kẻ tiễn người đi xa thường hay họp nhau ở đó. Thơ Lý Bạch: *"Thiên hạ thương tâm xứ, Lao Lao tống khách đình"* (Chỗ đau lòng của thiên hạ, ấy là đình tiễn khách trên núi Lao Lao).

6. *Trụy lệ:* bia kỷ niệm làm cho người ta phải rơi lệ.

Dương Hựu người đời Tấn, khi làm quan ở Tương Dương rất được lòng dân, đến khi mất được người dân lập bia tưởng nhớ. Ai trông thấy bia ấy cũng cảm động mà rơi lệ. Đỗ Dự bèn đặt tên bia ấy là bia *Trụy lệ*. Câu này và câu trên, tác giả mượn điển *Tân đình* và bia *Trụy lệ* để nói về cảnh đau đớn lúc bỏ nhà trốn đi.

7. *Di thể:* thân thể của cha mẹ để lại cho.

8. *Thiên kim:* nghìn vàng, ý nói quí lắm.

9. *Yến e cung tìm đỗ cây lành:* chim én bị người ta bắn trượt một lần, sau trông thấy cái cung là sợ, đi tìm cây nào kín đáo mới đậu. Ý nói mình đã thoát nạn, đi tìm chỗ ẩn náu.

http://tieulun.hopto.org

Đường ngang những sợ chông chênh,
Khăng khăng quyết giữ tấm thành như son.
Áo Bạch trữ [1] dầu cơn mưa nắng,
Khăn Ô luân [2] đội nặng gió sương.
Cành mai chếch mác càng thương,
Câu thơ tang tử [3] giữa đường càng đau.
Ngàn non Thái một màu mây bạc
Giạt chân bèo lưu lạc bể oan.
Gập ghềnh từng bước gian nan,
Một vùng khách địa muôn vàn thương tâm.
Lòng hiếu dưỡng trăm năm đã lỡ,
Lời di danh [5] hai chữ còn mang.
Trong khi biến chẳng khác thường,
Đến điều cùng quá lại càng kiên trinh.
Thu nước mắt gia tình biếng cạn,
Thấm mồ hôi vận hạn lâu qua.
Tràng đình [6] ngoảnh lại xa xa,
Khỏi cầu *Chiết Liễu* [7] ai là cố nhân?
Ghê chân bước phong trần [8] mới trải,
Nặng lòng ơn sơn hải [9] chưa đành.

---

1. *Áo Bạch trữ:* áo lụa trắng.
2. *Khăn Ô luân: (Ô:* quạ, đen như quạ, *luân:* sợi tơ) khăn lượt đen.
3. *Tang tử: (tang:* cây dâu, *tử:* cây thị) hai thứ cây trồng nhiều ở các làng quê, nghĩa bóng chỉ quê hương. Kinh Thi: *Duy tang dữ tử, tất cung kính chi* (cây dâu và cây tử của cha mẹ trồng, phải kính trọng nó). Hai chữ *tang tử* sau dùng để chỉ quê cha mẹ.

4. *Ngàn non Thái một màu mây bạc:* xưa Địch Nhân Kiệt (đời Đường) đi làm quan xa, có lần trở đám mây trắng ở núi Thái Hàng nói: *"Nhà cha mẹ ta ở dưới đó"*. Sau dùng chữ *non Thái, mây Hàng* để nói lòng nhớ cha mẹ.

5. *Di danh:* cái danh tiếng để lại.

6. *Tràng đình:* tên một cái quán. Sách *Hán thư:* Trên các con đường, cứ năm dặm có một cái quán gọi là *đoản đình,* cứ mười dặm lại có một cái quán gọi là *trường đình* để khách bộ hành nghỉ chân. Người ta thường tiễn đưa nhau ở *trường đình.*

7. *Chiết liễu:* bẻ cành liễu. Người đời Hán, khi tiễn bạn ở cầu Bá kiều thường bẻ một cành liễu làm roi ngựa để tặng biệt nên cầu ấy được gọi là cầu *Chiết Liễu.*

8. *Phong trần:* gió và bụi; gió thổi bụi bay, tả nỗi khó nhọc khi đi đường. Đây ý nói đến tình cảnh gian khổ lúc đi ẩn trốn.

9. *Sơn hải:* núi biển; ví công ơn cha mẹ nặng như núi và sâu như biển.

http://tieulun.hopto.org

Nước mây [1] mình biết cho mình,
Trời dành tuế nguyệt [2], đất dành điền viên. [3]
Thú thôn ổ ao nghiên ruộng chữ [4],
Màu giang sơn cơm sử áo kinh [5].
Pha hòa hai chữ trọc thanh [6],
Đổi màu lữ khách [7], thay hình hàn nho [8].
Người mến cảnh giang hồ [9] nên thú,
Cảnh yêu người, tân chủ [10] phải duyên.
Lần hồi trong tám chín niên,
Gối nhàn tạm chợp, mối phiền tạm khuây.
Vườn riêng, lấy cỏ cây làm bạn,
Năm dài, xem yến nhạn [11] bay qua.
Song hồ [12] ngày tháng lân la,
Một hai hoàng quyển [13], năm ba tiểu đồng.
Tráp Vĩnh Thúc [14] tay phong tay mở,
Tập Thiếu Lăng [15] câu lựa câu ngâm.

---

1. *Nước mây:* nước chảy mây trôi, ý nói đến bước đường lang thang nay đây mai đó trong lúc đi ẩn tránh.

2. *Tuế nguyệt:* năm tháng.

3. *Điền viên:* ruộng vườn.

Cả câu ý nói trời còn cho sống thì còn có đất dung thân.

4. *Ao nghiên ruộng chữ:* lấy nghiên làm ao, lấy chữ làm ruộng, kế sinh nhai.

5. *Cơm sử áo kinh:* nhờ kinh và sử mà lo cơm ăn, áo mặc.

6. *Trọc thanh:* đục trong. Khuất Nguyên đời Đông Chu có nói: *"Mọi người đều đục, duy có ta trong".*

7. *Lữ khách:* khách đi xa, trọ lại ở nơi đất lạ.

8. *Hàn nho:* nhà nho nghèo.

9. *Giang hồ:* sông hồ, nói kẻ nay đây mai đó, không có chỗ ở nhất định.

10. *Tân chủ:* khách và chủ.

11. *Yến nhạn:* (*yến*: chim én, *nhạn*: con ngỗng trời) én và nhạn bay qua ý nói mùa xuân đã qua, mùa thu đã đến.

12. *Song hồ:* cửa sổ có dán giấy.

13. *Hoàng quyển:* sách vàng. *Nghệ văn chí:* "Người xưa lấy lụa vàng bọc sách nên gọi là hoàng quyển". *Độn trai nhàn lãm:* "Người xưa chép sách đều dùng hoàng bá nhuộm giấy để mối mọt khỏi ăn". Vì các tính đó về sau người ta gọi sách là *hoàng quyển.*

14. *Tráp Vĩnh Thúc:* tráp đựng sách của ông Vĩnh Thúc, tên tự của Âu Dương Tu, một văn hào đời Tống (Trung Quốc).

15. *Tập Thiếu Lăng:* tập thơ của ông Thiếu Lăng, tên hiệu của Đỗ Phủ, một thi hào đời Đường (Trung Quốc).

http://tieulun.hopto.org

Thờ ơ thân thế phù trầm,
Khi rong trước gió, khi nằm dưới trăng.
Khuôn tạo hóa dẫu rằng phong sắc [1],
Nợ phù sinh [2] phó mặc bi hoan [3].
Thôn cư riêng thú bàn hoàn [4],
Đem thanh giải trọc [5], đem nhàn giải ưu [6].
Túi Tư mã [7] dở câu thánh phú,
Vườn Đào Am [8] quyền chủ thần hoa.
Mấy phen điểm xuyết yên hà [9],
Cúc mươi lăm khóm, mai vài bốn cây.
Giấc thanh dạ [10] cơn say cơn tỉnh,
Ngày lưu niên [11] khi lạnh khi nồng.
Phần du [12] nẻo bắc ngừng trông,
Nước non cách mấy mươi trùng xa xa.
Câu lữ cảm [13] lệ hòa nét mực,
Chữ gia tình thấm tắt lòng son.
Mắt trông Vương Xán [14] đã mòn,
Tay đề Hướng Tú [15] vẫn còn ngẩn ngơ.

---

1. *Phong sắc:* (*phong*: nhiều, hơn; *sắc*: ít, kém) do câu "Phong vu bỉ, sắc vu thử" (hơn bên này, kém bên kia).

2. *Phù sinh:* cuộc đời trôi nổi, ngắn ngủi.

3. *Bi hoan:* buồn vui.

4. *Bàn hoàn:* quanh quẩn, không nỡ dứt bỏ đi.

5. *Thanh... trọc:* trong... đục.

6. *Nhàn... ưu:* nhàn nhã, ... lo âu.

7. *Tư mã:* tức Tư mã Tương Như, người đã làm bài phú *Lăng vân* nổi tiếng là *thánh phú*, ở đời nhà Hán (Trung Quốc).

8. *Đào Am:* tức Đào Tiềm, người đời Tấn, có cái vườn trồng hoa mà mỗi loại có một vị thần hoa. Người chủ vườn hoa ấy là chú các thần hoa.

9. *Điểm xuyết yên hà:* (*điểm xuyết*: tô vẽ cho đẹp, *yên hà:* khói và ráng) sửa sang cảnh thiên nhiên cho đẹp đẽ thêm.

10. *Thanh dạ:* đêm vắng.

11. *Lưu niên:* năm tháng qua mau như nước chảy.

12. *Phần du:* cây phần và cây du, hai thứ cây thường trồng ở chốn thôn quê, tượng trưng cho quê hương.

13. *Lữ cảm:* cảm xúc của người ở trọ nơi quê khách.

14. *Vương Xán:* người nước Ngụy đời Tam Quốc, kiến thức uyên bác, có làm bài phú *Đăng lâu* để bày tỏ tâm tình của mình khi đứng trên lầu cao trông về cố hương.

15. *Hướng Tú:* tự Tử Kỳ; người đất Hoài (Hồ Nam - Trung Quốc) một trong *Trúc Lâm thất hiền*, có làm phú *Tư cựu* để tỏ lòng nhớ bạn.

http://tieulun.hopto.org

Tình ly biệt thờ ơ góp lại,
Mối ưu sầu gỡ mãi chưa xong.
Lối oan trót mấy năm ròng,
Ngày mong chữ gấm[1], đêm mong chiếu vàng [2].
E đất khách lỡ đường la võng [3],
Khép cửa sài [4] dám lỏng gót chân [5].
Bao nhiêu những sự xa gần,
Hư không phó mặc bụi trần bay đi.
Chữ nghĩa lý lòng ghi dạ tạc,
Điều thị phi mắt nhác tai che.
Cô trung [6] quyết giữ lời thề,
Để hồn di thể đi về cho an.
Nước Châu Thủy [7] đầy tràn buổi sáng,
Mây Na Sơn [8] bảng lảng ban chiều.
Có ai qua lối Hoạn kiều [9],
Cho nhờ gửi nhắn ít nhiều bi ai [10].
Tình kiều tử [11] hôm mai đằng đẵng,
Hồn quan sơn [12] mưa nắng dãi dầu.
Xa trông tầm tã giọt châu,
Gần trông phải gượng nuốt sầu ngậm than.

---

1. *Chữ gấm:* Đậu Thao đời Tấn, đi thú ở nơi xa. Vợ ở nhà là Tô Huệ làm bài thơ dệt trên gấm *(Chức cẩm hồi văn)* dâng lên vua, xin cho chồng về.

2. *Chiếu vàng:* chiếu của nhà vua viết trên giấy màu vàng, ân xá cho.

3. *La võng:* lưới đánh chim và lưới bẫy thú; ý nói đến sự bắt bớ giam cầm.

4. *Cửa sài:* cửa làm bằng những cành cây khô ghép lại. Ở nhà quê thường làm cửa đơn sơ như vậy.

5. *Lỏng gót chân:* buông lỏng gót chân, ý đi đây đi đó. Cả câu ý nói chỉ đóng cửa ngồi ở trong nhà không dám đi đâu.

6. *Cô trung:* lòng trung một mình mình biết, đâu dám cho ai biết.

7. *Châu Thủy:* tức sông Chu chảy về Thanh Hóa.

8. *Na Sơn:* dãy núi ở Thanh Hóa, thuộc huyện Nông Cống, nơi Cao Bá Đạt đã làm Tri huyện.

9. *Hoạn kiều:* tên một cái cầu trên đường về Bắc.

10. *Bi ai:* thảm thương, nỗi đau buồn trong lòng.

11. *Kiều tử:* (*kiều*: cây cao, cành mọc vươn thẳng lên, *tử*: cây thấp, cành mọc rủ (xuống) chỉ cha con.

12. *Quan sơn:* (*quan*: cửa ải; *sơn*: núi non) chỉ nơi xa xôi cách trở.

http://tieulun.hopto.org

Gối vò võ đèn tàn đêm vắn [1],
Cửa lơ thơ rèm chắn ngày thâu [2].
Cảm hoài khi lựa mấy câu,
Nghêu ngao đồng tử [3] tiêu sầu năm ba.
Đuôi con mắt châu sa thấm giấy,
Đầu ngón tay máu chảy pha son.
Người đau phong cảnh cũng buồn,
Thông gầy như trúc, cúc mòn như mai.
Mối tâm sự rối mười phần thảm,
Gánh gia đình nặng tám năm dư.
Khi ngày mong bức xá thư [4],
Khi đêm than bóng, khi trưa hỏi lòng.
Hương thề nguyện khói lồng [5] trước gió,
Tờ tố oan [6] mở ngỏ giữa trời.
Tờ oan kể xiết bao lời,
Hương thề sao chửa thấu nơi cửu trùng? [7]
Ngẫm đời trước vốn không oan trái [8],
Sao kiếp này vướng mãi gian truân [9].
Lo xa thôi lại nghĩ gần,
Thôi ngơ ngẩn sớm, lại trằn trọc khuya.
Ngơ ngẩn nhẽ đường kia nỗi nọ,
Ngao ngán thay phận nhỏ sầu to.
Một mình riêng những đắn đo,
Thường tình nhi nữ khôn dò sâu nông.

---

1. *Đêm vắn:* đêm ngắn.
2. *Ngày thâu:* ngày dài (*thâu*: suốt cả từ sáng đến tối).
3. *Đồng tử:* đứa trẻ nhỏ, học trò nhỏ.
4. *Xá thư:* thư nhà vua xá tội cho. Do câu "Đại xá thiên hạ thư".
5. *Khói lồng:* đốt hương thề nguyền thì gió đưa khói cuốn tỏa lên cao (lồng) .
6. *Tố oan:* bày tỏ nỗi oan, kêu oan.

Cả câu ý nói viết tờ kêu oan trải ở trên án giữa trời nên gọi là *mở ngỏ*.

7. *Cửu trùng:* (*cửu*: chín; *trùng*: lớp) nơi vua ở thâm nghiêm phải qua chín lớp cửa mới đến nơi được.

Sở từ: *Quân vương hề cửu trùng*. Cửu trùng chỉ vua.

8. *Oan trái:* (*trái*: nợ) theo thuyết luân hồi nhà Phật, vì kiếp trước làm điều oan nên kiếp này phải chịu đày đọa, như là để trả nợ.
9. *Gian truân:* gian nan khổ sở.

http://tieulun.hopto.org

Thôi dĩ vãng đã không kéo lại,
Còn tương lai liệu phải đền bồi.
Họa may cảm động đến trời,
Lấy thân mà trả nợ đời cho thân.
Dẫu đầy kiếp phong trần dám sá,
Giãi được lòng khuyển mã [1] là vinh.
Một là mở tấm đan thành [2],
Hai là rửa tiếng nguyệt bình [3] chê bai.
Để tiên tổ ngậm cười chín suối,
May gia khương [4] còn nối về sau.
Hay ra lại rạng cơ cừu [5],
Hèn ra sơn thủy tiêu sầu [6] cũng khoan [7].
Cho nên nỗi gian nan sá kể,
Liệu rồi ra tìm thế gỡ dần.
Thôn trang [8] tìm thú ân cần,
Một phần thê tử, hai phần thảo hoa.
Tưởng khuây khỏa ngày qua tháng tới,
Bỗng hãi hùng gió thổi mưa chan [9].
Nổi chìm, chìm nổi bể oan,
Mấy năm hầu cạn, một cơn lại đầy.
Nặng kiếp trước, vò giày chi mãi?

---

1. *Khuyển mã:* chó ngựa, lời tự khiêm của bầy tôi tỏ lòng trung thành với nhà vua.
2. *Đan thành:* (*đan*: son) tấm lòng son trung thành.
3. *Nguyệt bình:* lời bình phẩm hàng tháng ở trong làng xóm. *Hậu Hán thư:* Hứa Thiệu hay bình phẩm các nhân vật trong làng xóm, mỗi tháng lại bị thay phẩm đề một lần; vì vậy ở miền Nhữ Nam mới có tục phê bình nhân vật hàng tháng gọi là *nguyệt đán bình.*
4. *Gia khương:* phúc nhà.
5. *Cơ cừu:* (*cơ*: cái nia, cái thúng; *cừu* hoặc *dầu*: áo cừu).

Kinh Lễ có câu: *"Lương cung chi tử, tất học vi cơ, lương dã chi tử, tất học vi cừu"* (con thợ làm cung dẫu không khéo bằng cha nhưng cũng biết uốn tre làm được cái nia, cái thúng; con thợ hàn dù vụng cũng theo cha mà chắp mối da thú làm thành cái áo cừu). Người ta mượn chữ *cơ cừu* để nói bóng về việc con cháu nối được nghề nghiệp của cha ông.

6. *Sơn thủy tiêu sầu:* ý nói sống ẩn dật.
7. *Khoan:* khoan thai, thư thả; khuây khỏa nỗi lòng.
8. *Thôn trang:* làng xóm.
9. *Gió thổi mưa chan:* ý nói tai họa ập đến một cách bất ngờ.

http://tieulun.hopto.org

Ngẫm tình này oan trái sao cân.
Nghĩ thân mà ngán cho thân!
Một thân mang nợ mấy lần chưa thôi!
Chữ bạc mệnh [1], ai ơi! xót với,
Câu đa gian [2] trời hỡi! thấu chăng?
Gớm thay ngọn lửa đốt rừng,
Dập tàn, tàn lại bừng bừng bỗng không.
Ghê cho kẻ mọc lông trong bụng! [3]
Đặt nên điều vẽ bóng ngoài môi [4].
Ngựa hươu [5] thay đổi như chơi,
Giấu gươm đầu lưỡi [6], thọc dùi trong tay [7].
Gây ra sự chia cây, rụng lá,
Để cho ai chìm cá giạt bèo.
Năm ba kẻ thước, người hèo [8],
Ngõ Nhan lôi cái đan biều [9] đập tan.
Gà eo óc vừa tàn giấc mộng,
Nhặng [10] vo ve sực động hồn kinh.

---

1. *Bạc mệnh: (bạc:* mỏng) số mệnh mỏng manh không ra gì.
2. *Đa gian:* nhiều nỗi gian truân, cực khổ.
3. *Mọc lông trong bụng:* tục ngữ có câu "Bụng mọc lông" để chỉ người tàn ác.
4. *Vẽ bóng ngoài môi:* ý nói đặt chuyện nói vu cho người ta.
5. *Ngựa hươu:* do câu *"chỉ lộc vi mã"* (chỉ hươu làm ngựa). Triệu Cao dâng lên vua Trần Nhị Thế một con hươu và tâu là con ngựa. Vua bảo: *"Thừa tướng lầm rồi! Đó là con hươu chứ không phải con ngựa"*.

Đoạn vua xoay lại các quan để hỏi. Có người tâu là con hươu, có người tâu là con ngựa, có người không dám trả lời.

Triệu Cao ngầm trị tội những người bảo con hươu là con hươu.

Câu chuyện này ám chỉ việc lấy phải làm trái, lấy trái làm phải, xuyên tạc sự thật.

6. *Giấu gươm đầu lưỡi:* ý nói nhạm hiểm, lấy miệng lưỡi vu hãm giết người.
7. *Thọc dùi trong tay:* ý nói bất thình lình dùng mưu kế độc ác mà làm hại người.
8. *Người hèo: (hèo:* cây gậy có bọc tua ở đầu) người cầm cái hèo, cái gậy.
9. *Ngõ Nhan... đan biều:* (*đan*: rỏ, *biều*: bầu) xưa Nhan Hồi, học trò đức Khổng Tử, nhà nghèo ở ngõ hẻm, chỉ có một rỏ cơm, một bầu nước. Cả câu ý nói lính tráng vào nhà đập phá hết.
10. *Nhặng:* ruồi xanh, chỉ bọn sai nha.

Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh (T.K).

http://tieulun.hopto.org

Tiểu đồng [1] thổn thức chung quanh,
Thê nhi [2] lăn lóc bên mình khóc than.
Phút nửa khắc muôn ngàn thê thảm,
Trong một mình bảy tám biệt ly.
Ngảnh vào, ái ngại thê nhi,
Ngảnh ra, án cũ cầm thi ngại ngần.
Lay ngọn cúc gió dần lăn lóc,
Thấm cành mai sương khóc chan hòa.
Trông hoa đau đớn cùng hoa,
Ai ngờ từ đấy hóa ra vô tình?
Áo xốc xếch nửa mình chắp nối,
Tóc loăn xoăn trăm mối bòng bong.
Sầu dài chia nửa vào song [3],
Bước ra dùng dắng lại trông trở vào.
Hồn khuê phụ [4] lao đao lặng ngắt,
Người hương quan [5] quanh quất thương thay.
Bèo mây [6] lỡ bước từ đây,
Nước non tiễn khách là ngày hai nhăm.
Đau đớn nỗi kẻ thăm người hỏi,
Ngẩn ngơ buồn miệng nói chân đưa.
Giọt phiền lai láng như mưa,
Rượu nồng chẳng nhấp say sưa những sầu.
Bẻ cành liễu [7], ngâm câu ly hợp.
Khuất ngàn dâu qua lớp đoản tràng [8].
Bước sầu ai vẽ giữa đàng,
Mây in sắc lúa nửa vàng nửa xanh.
Sương thấm lối gập ghềnh từng bước,

---

1. *Tiểu đồng:* (*đồng*: trẻ nhỏ) đứa trẻ con hầu hạ trong nhà.
2. *Thê nhi:* vợ con.
3. *Chia nửa vào song:* chia nửa mối sầu như gửi vào trong song cửa nơi có vợ con khóc lóc.
4. *Khuê phụ:* thiếu phụ trong phòng khuê, chỉ người vợ.
5. *Hương quan:* làng xóm.
6. *Bèo mây:* bèo giạt mây trôi, ý nói bị giải đi khắp chỗ, nay nơi này mai nơi khác.
7. *Bẻ cành liễu:* lúc chia tay bên cầu người ta thường bẻ cành liễu để tặng người đi làm roi đánh ngựa, tượng trưng cho cảnh ly biệt.
8. *Đoản tràng:* đoản đình và tràng đình. Xem chú thích câu 91.

http://tieulun.hopto.org

Gió lần cành xao xác tai nghe.
Đoái trông cầu quán so le,
Cỏ ngăn lối ngõ, cây che mái nhà.
Mòn con mắt nẻo xa đằng đẵng,
Chồn bước chân dặm thẳng ngùi ngùi.
Sông quanh chín khúc mấy hồi,
Con đường man mác mười thôi [1] nhọc nhằn.
Cầu Ô Mễ [2] mấy lần mây lại,
Ngàn Hương Sơn [3] một dải núi đưa.
Lối này lạc bước từ xưa,
Ai ngờ thơ thẩn bây giờ lại đây.
Bóng thấp thoáng yến bay buổi tối,
Tiếng mau thưa quyên [4] gọi dặm trường.
Những là sợ gió e sương,
Thương thân chua xót nghĩ đường xa xôi.
Chuông cổ tự [5] điểm hồi rộn giục,
Trống quan thành [6] vừa lúc sưu không [7].
Sầu kia ai kể xiết lòng,
Chiều thôi lại tối, đêm xong lại ngày.
Gông ba thước ai bày nên nợ,
Cũi một gian khéo giở ra trò.
Mới qua là kẻ văn nho,
Bỗng nay đổi dạng tù đồ [8] bởi đâu?
Tấm tức nỗi ngậm sầu nuốt giận,
Thổn thức thay, thở vắn than dài,

---

7. *Mười thôi:* mười thôi đường, mười đoạn đường.

2. *Ô Mễ:* tên một cái cầu ở huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông xưa kia, nay là tỉnh Hà Tây.

3. *Hương Sơn:* núi Hương Sơn có chùa Hương Tích, thuộc huyện Mỹ Đức.

4. *Quyên:* tức đỗ quyên. Tiếng chim đỗ quyên kêu réo rắt khiến khách lữ hành dễ động lòng nhớ nhà. Chim đỗ quyên thực ra không phải là con cuốc nhưng ta vẫn thường dùng chữ ấy để chỉ con cuốc.

5. *Cổ tự:* chùa cổ.

6. *Quan thành:* thành cửa ải, có canh phòng cẩn mật.

7. *Sưu không:* (*sưu*: tìm tòi, *không*: trống không) cứ mỗi tối người ta cho lính đi soát khắp trong thành xem không có kẻ gian phi rồi mới đánh trống canh và đóng cổng thành lại. Cũng gọi là *thu không*.

8. *Tù đồ:* (*đồ*: bị đi đày) kẻ bị tù đi đày.

http://tieulun.hopto.org

Đến nay mới rõ thói đời,
Giả tình trước mặt, dối lời sau lưng.
Trận gió thổi vang lừng trống giục,
Lối bụi mù chen chúc quan gian [1].
Tám vai [2] quẩy nặng người oan,
Gần xa trăm miệng đồn vang phố phường.
Bên năn nỉ người thương người hỏi,
Ngoài xôn xao kẻ nói kẻ cười.
Phong tao [3] ra dạng con người,
Dịu dàng nét mặt, ra loài văn nhân.
Nỡ đày đọa phong trần nặng kiếp,
Để tơ vương oan nghiệp lạ đời.
Đã đày một đóa hoa mai,
Phẩm tiên [4] lưu lạc trần ai lạ lùng.
Nhờ nhật nguyệt soi trong can phế [5],
Xin giang sơn giãi vẻ tâm trường [6].
Nặng lòng trân trọng lời thương,
Thương nhau là khách qua đường biết sao.
Qua cửu mạch [7] cao cao cửa đỏ,
Trông lục nhai [8] lồ lộ gác vàng.
Những quen xó xỉnh điền trang,
Hãi hùng nghi vệ [9] công đường [10] viển vông,
Mặt bảo kính [11] soi lòng ky lữ [12],

---

1. *Quan gian:* gian nan.
2. *Tám vai:* bốn người khiêng cũi.
3. *Phong tao:* văn nhã đẹp đẽ.
4. *Phẩm tiên:* (*phẩm*: phẩm vật; *tiên*: tiên) phẩm vật quí. Đây ý nói đến Cao Bá Nhạ cũng là hạng người cao quí: *"Phong tao ra dạng con người"*.
5. *Can phế:* gan phổi.
6. *Tâm trường:* tim ruột.
7. *Cửu mạch:* chín đường.
8. *Lục nhai:* (*nhai*: con đường thông đi nhiều ngả) sáu đường phố, cảnh nơi đô thị.
9. *Nghi vệ:* nghi phục và thị vệ đi hầu các quan.
10. *Công đường:* chỗ các quan ngồi làm việc công.
11. *Bảo kính:* gương báu.
12. *Ky lữ:* (*ky*: ở đậu nơi đất khách) khách đi đường xa.

http://tieulun.hopto.org

Đuốc linh tê [1] thấu chữ kỳ oan [2].
Bức tranh vẽ bước gian nan,
Thanh thiên bạch nhật, niềm đan [3] giãi trình,
Nay phó xuống Đông thành tạm trú,
Mai truyền sang Bắc lộ ruổi ra,
Thân sao như gánh hàng hoa,
Sớm qua chợ sớm, chiều qua chợ chiều.
Người đất khách phó liều mưa nắng,
Thuyền sông mê chở nặng biệt ly.
Tràng đê một dải xanh rì,
Nước trôi đỏ thắm mây đi trắng ngần.
Hồn phần tử [4,5] mười phân lưu lạc,
Cõi phong ba [6] mấy bước nổi chìm.
Sóng đào [7] kêu mãi không im,
Giọt sương rả rích hầu êm lại tràn.
Dâu cao thấp qua ngàn bến Ái [8],
Cây mau thưa ngảnh lại huyện Gia [9].
Thương tâm này nước non nhà,
Cảnh còn như cũ, người đà khác xưa.
Đường lẩn lút gió đưa mưa rước,
Cõi phong trần mây ngược nước xuôi.
Sông sầu một gốc chia đôi,
Lối sầu trăm dặm một thôi đoản tràng.
Ô chếch chếch [10] xế ngang non bạc,
Sếu xa xa bay lạc ngàn xanh.

---

1. *Linh tê:* con tê giác linh thiêng. Sừng tê giác tượng trưng cho sự linh thiêng.
2. *Kỳ oan:* mối oan lạ lùng.
3. *Niềm đan:* niềm son, lòng son.
4. *Phần tử:* cây phần và cây tử, hai thứ cây thường trồng ở quê nhà.
5. *Hồn phần tử:* hồn quê.
6. *Phong ba:* gió sóng, chỉ sự gian nan vất vả.
7. *Sóng đào:* sóng lớn, chỉ tình cảnh khốn khổ.
8. *Bến Ái:* bến Thúy Ái.
9. *Huyện Gia:* huyện Gia Lâm.
10. *Ô chếch chếch: (Ô:* con quạ, ta thường gọi con quạ lửa là mặt trời, *ác vàng)* mặt trời sắp lặn.

http://tieulun.hopto.org

Giang sơn thêm nặng ly tình,
Giang thành vừa sớm, Sơn thành lại hôm.
Trời hầu tối hơi lam [1] giục giã,
Mây kéo cơn tầm tã sa mưa.
Ơn trên thấm thía cho chưa,
Ơn trời trước đã mau thưa đượm nhuần.
Ví đày kiếp phong trần cho bõ,
Cũng xét tình oan khổ với nao.
Dẫu rằng đất thấp trời cao,
Người còn trăm miệng lẽ nào một thân.
Nghe chiếu chỉ [2] truyền ran lệnh tiễn,
Giục tinh sương [3] đối diện công đình [4].
Thực hư may được rành rành,
Mười tay mười mắt [5] phân minh giữa trời.
Việc yêu quái tăm hơi mù mịt,
Điều oan vu xương thịt báo đền.
Lạc đàn trong bấy nhiêu niên,
Nào ngờ thất giáo [6] cho nên lụy mình,
Loài đồng khí [7] đã đành rằng nợ,
Lòng bỉnh di [8] sao nỡ bỏ hoài?
Ngón tay còn có vắn dài,
Huống chi lành dữ lòng người khác nhau.
Sóng bình địa [9] trước sau trùng điệp,
Gió phi tai [10] đơn kép giày vò.

---

1. *Hơi lam: (lam:* khí ở núi bốc lên) hơi độc ở núi rừng.
2. *Chiếu chỉ:* chiếu chỉ của nhà vua.
3. *Tinh sương:* sáng sớm (lúc trời còn sao và sương chưa tan hết).
4. *Công đình:* sân công đường.
5. *Mười tay mười mắt:* do câu *thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ,* ý nói trước mặt mọi người.
6. *Thất giáo:* không được dạy dỗ vì cha chết sớm.
7. *Đồng khí:* ý chí giống nhau.
8. *Bỉnh di: (bỉnh:* giữ, *di:* đạo thường) giữ gìn cái đạo thường, tôn trọng luân lý.
9. *Sóng bình địa:* do chữ *bình địa ba đào,* đất bằng mà nổi sóng lớn. Chỉ tai họa bất chợt xảy đến.
10. *Phi tai:* tai bay vạ gió.

http://tieulun.hopto.org

Càng ngày hoạn nạn càng to,
Cha con cùng một chuyến đò bể oan.
Một chiếc bóng giang san giãi tỏ,
Bấy nhiêu lâu thôn ổ ân cần.
Lỡ làng đến bước gian truân,
Dẫu là hiền trí [1], khôn phần nài sao.
Lánh cho khỏi tanh tao là quí,
Giữ được điều liêm sỉ [2] là hay.
Lòng kia đen, trắng, gian, ngay,
Gió trăng bầu bạn lâu nay biết lòng.
Đã chắc hẳn đứng không thẹn bóng,
Nào tưởng đâu lá bỗng ngược cành [3].
Chắc rằng gắn bó đan thành [4],
Chút thân chẳng bận hôi tanh mảy mày.
Sao đến nỗi tai bay vạ lạc,
Thà bỏ thân đáy nước, cành cây [5].
Thân sao thân đến thế này,
Mấy năm giũ sạch, một ngày bụi dơ!
Ơn tiên thế [6] bao giờ báo đáp,
Nợ phù sinh mấy kiếp đền bồi.
Phù sinh thôi thế thì thôi,
Dẫu thân chuộc lại cũng đời bỏ đi.
Sao gia vận [7] biến di [8] đến thế,
Nào tiên nhân [9] tích lũy [10] để đâu?
Cao cao xanh ngắt một màu,

---

1. *Hiền trí:* kẻ hiền tài thông minh.
2. *Liêm sỉ:* trong sạch, không làm điều gì phải xấu hổ.
3. *Lá bỗng ngược cành:* chỉ cảnh trái ngược ở đời.
4. *Đan thành:* lòng son chân thành.
5. *Đáy nước, cành cây:* tức là trầm mình xuống sông hoặc treo cổ ở cành cây.
6. *Tiên thế:* như *tiên nhân*, đời trước.
7. *Gia vận:* vận nhà.
8. *Biến di:* đổi dời, xoay chuyển.
9. *Tiên nhân:* cha ông, tổ tiên.
10. *Tích lũy:* ý nói chất chứa công đức.

http://tieulun.hopto.org

Biết rằng có thấu nguyên đầu [1] cho chăng.
Chữ khổ tiết khăng khăng cầm chắc,
Nợ đa truân dằng dặc cố theo.
Trước sau vẫn chút bấy nhiêu,
Nặng vì cốt nhục [2], phải liều phát phu
Tình phụ tử cay chua đến ruột,
Nỗi thất gia [4] đau buốt tận xương.
Từ nay nhấn nhủ thế thường [5],
Ai ơi xin chớ ngâm chương mộng hùng [6].
Hồn nghĩa lý chơi rong mây bạc,
Lệ văn chương sái lạc [7] suối vàng.
Mai sau còn kẻ tình thương,
Vài thiên ai cảm [8], mấy chương phẩm bình [9].
Luống tích thiện [10] sao không phùng thiện [11] ?
Chưa minh oan [12] lại đến hàm oan [13]!
Băng hồ rơi xuống lầm than,
Thà cho một chén tân toan [14] đi đời.
Khi lên xuống Tam Thai, Bích Lạc,
Lúc đi về Ngũ Nhạc, Huyền Đô [15].

---

1. *Nguyên đầu:* nguồn gốc.
2. *Cốt nhục:* xương thịt, chỉ tình thân thiết ruột thịt với nhau.
3. *Phát phu:* tóc da, chỉ bản thân.
4. *Thất gia:* nhà cửa, chỉ gia đình.
5. *Thế thường:* thói thường ở trong đời.
6. *Mộng hùng:* nằm chiêm bao thấy gấu là điềm sinh con trai.
7. *Sái lạc:* dáng phóng khoáng không bị bó buộc, cả câu ý nói lệ văn chương tuôn rơi bừa bãi cả xuống suối vàng.
8. *Ai cảm:* cảm động thương xót.
9. *Phẩm bình:* nhận xét đúng sai mà có lời bàn bạc khen chê.
10. *Tích thiện:* làm được nhiều điều tốt lành để lưu lại.
11. *Phùng thiện:* gặp được điều tốt lành.
12. *Minh oan:* bày tỏ được điều oan ức của mình.
13. *Hàm oan:* ngậm điều oan ức, mang lấy điều oan ức.
14. *Tân toan: (tân:* cay, *toan:* chua), đây ý nói đến chén thuốc độc.
15. *Tam Thai, Bích Lạc, Ngũ Nhạc, Huyền Đô:* nơi ở của những vị tiên hoặc đạo sĩ; chỗ tiên cảnh. Cả hai câu ý nói thà tự tử để được về nơi tiên cảnh còn hơn ở lại cõi trần đầy khổ ải này.

http://tieulun.hopto.org

Thoảng không trăm giận nghìn lo,
Trải thân bến khổ qua đò sông mê [1].
Còn vướng nỗi đề huề [2] nhiều ít,
Nỡ liều thân vĩnh quyết [3] sao đành.
Tiên phần [4] còn gửi mây xanh,
Xót thân lưu lạc phù bình [5] bấy lâu.
Nợ đại tạo [6] mai sau khoan thải [7],
Chút hiếu trung may lại báo đền.
Cho nên ngậm tủi nuốt phiền,
Cắn răng cố nhịn trăm nghìn thương tâm.
Nhà huyên [8] bấy nhiêu năm lưu lạc,
Chân bèo trôi một bước một đau.
Hoặc là thấu đến cao sâu,
Tấm lòng tấc cỏ [9] mai sau còn dành.
Lại còn nỗi gia đình tự tục [10],
Đau đớn lòng cốt nhục cù lao [11].

---

1. *Bến khổ, sông mê:* theo lý thuyết nhà Phật thì hết thảy chúng sinh đều chìm đắm vào trong biển khổ, sông mê. Cả câu ý nói thoát khỏi được mọi thống khổ ở đời.

2. *Đề huề*: *(đề:* nắm tay, dẫn lên; *huề:* dắt tay) nắm tay cùng đi, nghĩa bóng là đông đủ vui vẻ, hòa thuận. Đây chỉ cảnh vợ chồng con cái đề huề.

3. *Vĩnh quyết:* chết.

4. *Tiên phần:* mồ mả tổ tiên.

5. *Phù bình:* bèo nổi, ý nói trôi giạt nay đây mai đó.

6. *Đại tạo:* chỉ tạo hóa.

7. *Khoan thải:* trả nợ cho hết.

8. *Nhà huyên: huyên* là thứ cây lá nhỏ hoa vàng ta gọi là kim châm. Tương truyền lá cây huyên ăn vào sẽ hết buồn phiền lo lắng. Kinh Thi: *"Yên đắc huyên thảo, ngôn thụ chi bối"* (Ước gì có được cây huyên mà trồng ở thềm phía Bắc). Lại theo tục lệ Trung Quốc xưa, mỗi khi có tế tự bà chủ nhà thường đứng ở thềm phía Bắc dành riêng cho bà mẹ. Nghĩa bóng chỉ bà mẹ.

9. *Tấc cỏ:* do câu thơ của Mạnh Giao: *"Dục tương thốn thảo tâm, báo đáp tam xuân huy"* (Muốn đem tấc lòng cỏ để báo đáp ánh sáng của ba tháng xuân). Cỏ ví với đứa con, ánh sáng mùa xuân ví với công ơn cha mẹ. Nghĩa bóng: con cái đền đáp công ơn cha mẹ.

10. *Tự tục:* con cháu nối dòng ông cha.

11. *Cốt nhục, cù lao:* tình cốt nhục, đức cù lao; nói đến tình anh em ruột thịt, công ơn cha mẹ.

Cù lao: siêng năng, khó nhọc.

http://tieulun.hopto.org

Phúc xưa mòn mỏi thế nào,
Chút dòng thanh bạch nỡ nào mất không.
Gẫm đau đớn khuê phòng gối lẻ,
Bỗng vì đâu chia rẽ mối tơ.
Liễu bồ [1] đôi chút cành thơ,
Bao giờ bìu díu, bao giờ bồng mang?
Đã cay đắng nhiều đường rộn rã,
Lại nhục nhằn đến cả vợ con.
Mấy năm chút nghĩa ôn tồn,
Gieo đào trả mận [2], lòng còn bâng khuâng.
Đường kia nọ nửa chừng bề bộn,
Nỗi trước sau trăm món ngổn ngang.
Mắt kia thác cũng còn giương,
Hồn kia muốn dứt còn vương nỗi này.
Đành tiền kiếp [3] chịu đầy lầm cát,
Mong tái sinh [4] nhờ hạt móc mưa.
Phúc nhà còn mảnh sợi tơ,
Họa may báo đáp còn chờ về sau.
Thân nghĩ lại cũng sầu đã chán,
Số xui ra vận hạn [5] khôn đành.
Ví liều quyết chẳng tiếc mình,
Sạch mình đã vậy, thế tình [6] còn nghi.
Khuôn tạo hóa dẫu nguy còn phúc,
Tấm linh đài [7] khỏi nhục là vinh.

---

1. *Liễu bồ:* thứ cây thùy dương, cành lá mềm mại, thường được dùng để ví người phụ nữ có thể chất yếu đuối.

2. *Gieo đào trả mận:* người ta cho mình trái đào, mình biếu lại cho người ta quả mận; ý nói báo đáp ơn nhau.

Chữ lấy trong *Kinh Thi,* bài Mộc qua: *"Đầu ngã dĩ mộc đào, báo chi dĩ quỳnh dao"* (người ném tặng ta trái mộc đào, ta đáp lại bằng món ngọc dao đẹp đẽ) và *"Đầu ngã dĩ mộc lý, báo chi dĩ quỳnh kỷ"* (người ném tặng ta trái mộc lý, ta đáp lại bằng món ngọc cứu (kỷ) đẹp đẽ).

3. *Tiền kiếp:* kiếp trước, theo thuyết luân hồi của đạo Phật.

4. *Tái sinh:* sinh lại một kiếp khác, theo thuyết luân hồi của đạo Phật.

5. *Vận hạn:* điều không may gặp phải do số phận đưa đến.

6. *Thế tình:* tình đời.

7. *Linh đài:* tâm linh của người ta.

http://tieulun.hopto.org

Bo bo hãy gắng lấy mình,
Bấy lâu gìn giữ sao đành liều đi.
Xin tạo hóa phù trì [1] chớ bỏ,
Để thế gian [2] xem rõ kẻo lầm.
Đen nào dơ được đan thầm [3],
Sầu nào ngăn được cao ngâm dõi ngày.
Gần mùa hạ chim bay đuổi thỏ,
Rắp đầu thu ngọn gió cuốn mây.
Lọt then [4] ngày tháng hơi may,
Đồng hồ thánh thót vơi đầy [5] năm canh.
Nam cai [6] khuất non xanh man mác,
Thái Hàng [7] xa mây bạc lần vần.
Hồn bay ngàn dặm cũng gần,
Trong năm mươi khắc năm lần thấy cha.
Chợt sực thức la đà gối bị,
Nằm lại ngồi rầu rĩ chiếu manh.
Hóa công khéo giữ nhàn tình,
Đem người yên thủy [8] bó vành lao lung [9].
Đem lầm đục rẩy trong băng tuyết,
Rắc bụi trần điểm vết khuê chương [10].
Then mau khóa kín một đường,

---

1. *Phù trì:* giúp đỡ giữ gìn.
2. *Thế gian:* chỉ người đời.
3. *Đan thầm:* lòng son, lòng thực. Cũng như *đan tâm.*
4. *Lọt then:* lọt then cửa.
5. *Đồng hồ... vơi đầy:* cái *hồ* (bình) nhỏ bằng *đồng* đáy có đục lỗ nhỏ cho nước nhỏ giọt dần dần *(lậu),* bên trong có *khắc* từng độ để xem mực nước vơi đầy mà biết được giờ giấc.
6. *Nam cai:* tên một thiên trong *Kinh Thi* (không có lời thơ).
Nam cai khuất: ý nói xa nhà.
7. *Thái Hàng:* chỉ quê nhà xa xôi. Xem chú thích câu 81.
8. *Yên thủy: (yên:* khói, *thủy:* nước) nghĩa bóng chỉ cảnh giang hồ của những kẻ sống tự do, không bị ràng buộc như khói bay, như nước chảy.
9. *Lao lung:* cái chuồng và cái lồng, ý nói bị giam giữ trong cũi ngục.
10. *Khuê chương:* hai thứ ngọc quí.

http://tieulun.hopto.org

Hổ thân loan hạc, ra tuồng chó dê [1].
Chiếc ngựa trắng đi về góc bể,
Đàn chó xanh [2] lẻ tẻ bên trời.
Một mình với bóng là hai,
Rèm buông mỏng mảnh, song cài so le.
Mòn con mắt đi về Hương Lĩnh [3],
Ngỏ tấm lòng với mảnh phù vân [4].
Phù vân bay lại cho gần,
Gửi về Hương Lĩnh ân cần mấy câu.
Ngồi tựa gối giãi sầu với gió,
Mới đâu chừng đêm nọ tới nay.
Hơi may héo hắt từ đây,
Giang Nam phong vị [5] độ này ra sao?
Năn nỉ với hai sao bến Hán [6],
Dải tràng giang giới hạn đông tây.
Hai sao soi biết nạn này,
Xin cho Thất tịch [7] cùng ngày đoàn viên.
Vừng trăng trước về miền vân thủy [8],
Soi những người thiên lý tương tư [9].
Đi qua vườn cũ lơ thơ,

---

1. *Thân loan hạc, tuồng chó dê:* ý nói người cao quí mà phải tù tội làm mất cả nhân phẩm.

2. *Đàn chó xanh:* đám mây xanh hình con chó.

3. *Hương Lĩnh:* núi Hương Sơn.

4. *Phù vân:* đám mây nổi dễ tan.

5. *Giang Nam phong vị:* phong vị quê hương. Câu này cũng như hai câu *"Gió thu một tiếng bên tai, Thuần lô sực nhớ đến mùi Giang Nam"* là nhắc đến điển Trương Hàn.

Theo *Tấn Thư,* Trương Hàn người đất Ngô quận đời Tấn, làm quan ở Lạc Dương, nhân một buổi gió thu bắt đầu thổi mà nhớ canh rau thuần, gỏi cá lô (*lư* hoặc *hức)* ở quê nhà (Giang Nam), bèn than rằng: *"Người ta ở đời cốt được thích chí, việc gì tước lộc buộc mà phải xa quê hương ?"* Sau đó bỏ quan ra về.

6. *Hai sao bến Hán:* sao Ngưu Lang và sao Chức Nữ.

Sông Hán: sông Ngân Hà.

7. *Thất tịch:* ngày mồng 7 tháng 7 là ngày Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau.

8. *Vân thủy:* mặt nước chân mây, miền xa xôi .

9. *Thiên lý tương tư:* ngàn dặm tưởng nhớ nhau.

http://tieulun.hopto.org

Thử xem án cũ cầm thư [1] thế nào?
Trông đàn yến bay cao phấp phới,
Xịch then song gọi với trước mành.
Tiện đây nhờ gửi chữ tình,
Chờ xuân nhắn gửi chim xanh [2] còn chầy.
Tình nam bắc thâu ngày qua tháng,
Sầu biệt ly vơi sáng đầy chiều.
Nỗi riêng nhớ ít tưởng nhiều,
Cậy ai về nẻo Thước kiều [3] hỏi tin.
Quanh mao ốc [4] gió hiên trăng mái,
Dải thanh giang rượu tối thơ chiều.
Nào thơ nào rượu dập dìu,
Trông trăng tựa gió đìu hiu một mình.
Những say tỉnh Bắc kinh mưa gió,
Vẫn mơ màng phòng cũ chiếu chăn.
Gối sầu cách áng mây Tần [5],
Băn khoăn tay áo chân quần ở đây.
Án nọ nâng ngang mày [6] sớm tối,
Nay tháng ngày no đói với ai?
Gió thu một tiếng bên tai,
Thuần lư [7] sực nhớ đến mùi Giang Nam.

---

1. *Cầm thư :* sách và đàn.

2. *Chim xanh:* ngày 7 tháng 7 thoạt có con chim xanh đến trước điện vua Hán Vũ Đế. Đông Phương Sóc thấy thế nói rằng: "Tây Vương Mẫu gần tới". Tức thì thấy Tây Vương Mẫu tới, có ba con chim xanh theo hầu. Vì thế sau gọi người đưa tin là *chim xanh.*

3. *Thước kiều:* cầu Ô Thước do các con quạ bắc qua sông Ngân Hà để Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau.

4. *Mao ốc:* nhà tranh.

5. *Mây Tần:* do chữ *Tần vân.* Tình sử có câu: *"Tần vân Triệu võ"* để chỉ chỗ mát mẻ yên lặng, nhưng cũng khó ra vào. Nơi đàn bà con gái ở.

Mây Tần khóa kín song the (T.K).

6. *Án nọ nâng ngang mày:* Mạnh Quang đời Hán mỗi khi dâng cơm cho chồng là Lương Hồng thì nâng án lên ngang mày để tỏ lòng kính trọng. Tác giả nói đến người vợ của mình.

7. *Thuần lư: (thuần:* một loài sen, thủy quì; loại mọc ở ao hồ vùng Giang Nam rất ngon; *lư:* cá lư) rau thuần cá lư.

Xem chú thích câu 452.

http://tieulun.hopto.org

Kìa ngọn núi in làm bút giá,
Nọ đám mây mở lá thi bình [1].
Bút xưa trang điểm chữ tình,
Bình thi cuốn gửi Hồ đình bấy lâu.
Tưởng thư viện những sầu cách viễn [2],
Nghĩ hoa viên càng ngán xa xôi.
Giếng vàng một lá thu rơi [3],
Quan sơn nghìn dặm [4] mấy hồi tương tư.
Rắp mượn cá đem thư thăm hỏi,
Thoắt nghe chim tựa gối ngẩn ngơ.
Trông hoa luống nặng tình xưa,
Tiếc hoa luống ngại nắng mưa dãi dầu.
Dễ khuây khỏa trăm sầu ngàn giận,
Những sụt sùi thở ngắn than dài.
Biệt ly ai kể xiết lời,
Vì hoa cách mặt cho người thương tâm.
Người đưa rượu hỏi thăm Bành Trạch [5],
Kẻ say trăng tìm khách Đào Chu [6].
Nào ai trang điểm màu thu,
Hoa vàng chén bạc tạc thù với ai?
Miền Dứu Lĩnh [7] tìm mai gắn bó,
Đỉnh Cô Sơn [8] mối gió đợi chờ.

---

1. *Bút giá... thi bình:* cái giá để bút, cái bình (cái ống) để thơ văn.

2. *Cách viễn:* cách xa.

3. *Một lá thu rơi:* mượn ý từ câu: *"Ngô đồng nhất diệp lạc; thiên hạ cộng tri thu"* (một lá ngô đồng rụng, mọi người đều biết thu đã sang).

4. *Quan sơn nghìn dặm: (quan:* cửa ải; *sơn:* núi; chỉ sự xa xôi cách trở) ngàn dặm cách trở.

5. *Bành Trạch:* Đào Tiềm là Lệnh doãn Bành Trạch. Khi ông đương làm Lệnh doãn ở đó, có viên đốc bưu đến huyện, nha lại bảo ông nên đeo đai ra đón, ông nói: *"Ta có thể nào vì năm đấu gạo mà phải khom lưng ai ?"* Rồi ông xin về ẩn cư, viết bài *Qui khứ lai từ* để tỏ chí mình. Ông thường uống rượu, chơi cúc, vui trong cảnh nghèo.

6. *Đào Chu:* tên Phạm Lãi khi đi chu du Ngũ hồ vui thú phong nguyệt.

7. *Dứu Lĩnh:* nơi Dữu Tín ở ẩn có trồng nhiều mai.

8. *Cô Sơn:* Lâm Bô đời Tống làm nhà lau ở núi Cô Sơn, bên Tây Hồ, chỉ làm bạn với mai hạc.

http://tieulun.hopto.org

Muốn mang chén rượu câu thơ,
Lạnh lùng trong tuyết, hững hờ dưới trăng.
Chồi tiểu bạch [1] vừa chừng hơn thước,
Tay chủ nhân ngày trước vun trồng.
Dẫu khi sương tuyết lạnh lùng,
Xa xôi dám phụ tấm lòng kiên trinh.
Mây vô định bay quanh ngoài mái,
Trăng hữu tình soi lại trước sân.
Non sông tin tức cách ngăn,
Tường vi [2] rày đã mấy lần khai hoa.
Nhắn hỏi tiễn xuân la [3] mấy khóm,
Vẻ tiên hồng trang điểm dường nao?
Lầu trang gió bỡn trăng chào,
Kim thoa đưa nhớ, tiễn đau, cắt buồn.
Vườn thược dược thâu mòn cửa trúc,
Dãy ba tiêu [4] chen chúc song hồ [5].
Biệt ly vắng ngắt cảnh thu,
Thanh cư ai vẽ nên đồ Võng Xuyên [6].
Nhắn hỏi đến mộc liên hai ngọn,
Phóng tin hoa gần gận gió may.
Hoa kia hãy nhắn thư này,
Buổi thu còn vắng người say trước đình.
Tiếng tất suất [7] bên mình giục giã,

---

1. *Tiểu bạch:* hai giống lan, *tiểu kiều* và *bạch ngọc.*
2. *Tường vi:* thứ hoa hồng leo, còn gọi là *tầm xuân.*
3. *Tiễn xuân la:* thứ cây nhỏ nở hoa vào cuối mùa xuân.
4. *Ba tiêu:* cây chuối.
5. *Chen chúc sông hồ:* chen chúc ở ngoài vườn trước cửa sổ.
6. *Võng Xuyên:* Vương Duy có biệt thự ở Võng Xuyên, nơi ông thường cùng bạn là Bùi Địch ngao du, ngâm vịnh. Ông không những nổi tiếng về thơ lại còn sành âm nhạc, giỏi về thư pháp và hội họa. Tranh sơn thủy của ông mở đầu cho lối hội họa Nam Tống.
7. *Tất suất:* con dế.

http://tieulun.hopto.org

Ngọn đồ mi [1] trước giá [2] lơ thơ.
Buổi thu chớ ngại công chờ,
Con ong cái kiến ỡm ờ dời thay.
Nhờ tin gió hỏi cây thạch lựu,
Thu hầu sang, hạ cửu [3] gần qua.
Đan tâm [4] còn chút gọi là,
Giữ gìn băng ngọc đừng pha bụi trần.
Đường hoa trải mưa xuân lác đác,
Cánh lan tiêu [5] bay lạc lối ngoài.
Với ai khoe tía khoe tươi,
Trận vàng [6] ngần ngại những người nghiêm sương.
Tưởng sơn trúc thạch hương đã ngán,
Hỏi bồ đào long nhãn càng đau.
Hồng mai rả rích giọt châu,
Hững hờ sương táo, dãi dầu sương cam [7].
Góp trăm mối đem làm tâm sự,
Tính trăm hoa đầy cả gió sương.
Chập chờn say tỉnh giữa đường,
Hoa kia có biết đoạn trường [8] này chăng?

---

1. *Đồ mi:* tên một thứ cây cành lá có gai mùa hè nở hoa sắc trắng, nở chậm hơn tất cả các thứ hoa, nên Đường thi có câu: *"Khai đáo đồ mi hoa sự liễu"*.

2. *Giá:* cái giàn bắc cho cây đồ mi leo lên.

Áp giá sơ khai tam lưỡng chi,
Thượng Dương cung nữ đối sầu thì.
Nhất sinh bất thức mai hoa diện,
Độc điển thiều quang tác hậu kỳ.
NGUYỄN ÚC

(Vài ba cành mới mọc nằm đè lên trên giàn,
Cũng là lúc người cung nữ ở Thượng Dương đang sầu khổ suốt đời.
Chẳng biết mặt hoa mai là gì cả,
Riêng mình đến muộn lẽo đẽo theo sau bóng thiều quang).

3. *Hạ cửu:* chín mươi ngày mùa hạ.

4. *Đan tâm:* lòng son.

5. *Lan tiêu:* một thứ lan.

6. *Trận vàng:* trận kim phong, gió vàng tức gió thu.

7. *Sương táo, sương cam:* cây táo, cây cam ướt đẫm hạt sương.

8. *Đoạn trường:* nỗi đau lòng khổ sở đến đứt ruột. Tương truyền có một người nọ bắt được một con khỉ con đem làm thịt. Khỉ mẹ trên cây nhảy nhót khóc lóc thảm thiết rồi từ trên cây rớt xuống chết. Mổ bụng ra xem thấy ruột đều đứt cả.

http://tieulun.hopto.org

Nỗi ly hận nói năng sao xiết,
Tình tương tư nào biết bao nhiêu?
Tính xem ly biệt ít nhiều,
Thương cho mai cúc nặng điều tương tư.
Nhờ trận gió gửi thư thăm hỏi,
Mượn bóng trăng giãi nói ân cần.
Giá đành phong nguyệt chủ nhân,
Nỡ nào đày đọa phong trần xót thương.
Xin hoa chứa phong quang [1] như cũ,
Chủ nhân còn đoàn tụ có khi.
Trả cho sạch nợ lưu ly [2],
Tân toan [3] rửa hết đến kỳ cam lai [4].
Gửi tình trọng thay lời thương nhớ,
Cậy đồng tâm lo đỡ ít nhiều.
Có khi phủi bụi đan biều [5],
Khi trưa phơi sách, khi chiều tưới cây.
Lúc thanh hạ đặt bày giá bút,
Buổi rồi dài lau chuốt án thơ.
Dưới đèn giở thước xe tơ [6],
Sửa sang áo rét đợi chờ thu qua.
Tình khuê các [7,8] gần xa lắm nỗi,
Người quan sơn [9] sớm tối một mình.
Trông về trời bể mông mênh,
Lúc đi còn vướng mối tình tư qui [10].

---

1. *Phong quang:* (*phong:* gió, *quang:* ánh sáng) Cổ thi: *"Phong quang thảo tế phù"* (phong quang nổi trên cỏ). Gió không có ánh sáng, ánh sáng nằm trên cỏ. Mỗi khi gió thổi đến lay động ánh sáng khiến ta có cảm tưởng gió có ánh sáng. Sau dùng nghĩa rộng để chỉ phong cảnh. Đây chỉ vẻ đẹp.
2. *Lưu ly:* vì cùng khổ mà phải lưu lạc xa nhà.
3. *Tân toan:* cay chua, khổ sở.
4. *Cam lai:* (*cam:* ngọt, *lai:* lại) ý nói hết lúc khổ đến lúc sướng.
5. *Đan biều:* (cái giỏ, cái bầu) giỏ cơm bầu nước. Xem chú thích câu 208.
6. *Giở thước, xe tơ:* ý nói lo việc may quần áo.
7. *Khuê các:* chỗ đàn bà, con gái ở.
8. *Tình khuê các:* tình của vợ ở nhà.
9. *Người quan sơn:* người ở nơi xa xôi.
10. *Tư qui:* nhớ mong về nhà.

http://tieulun.hopto.org

Ngàn nam mẫu vừa khi canh tác,
Dải tây giang ngọn nước đầy vơi.
Dưới trăng thuyền trúc thảnh thơi,
Phong lưu năm ngoái là người năm nay.
Xếp tình cũ từ đây trở lại,
Hoài công đâu kể mãi việc nhàn.
Đã đành hội biệt bi hoan [1],
Mặc khuôn tạo hóa tuần hoàn [2] nghĩ chi.
Chữ thông tắc [3] phải tùy sở ngộ [4],
Lẽ thị phi [5] không hổ với đời.
Chiếc thân đứng giữa cõi người,
Trên trời nhật nguyệt, dưới trời sơn xuyên.
Chứa trong bụng đầy thiên kinh sử [6],
Đội trên đầu nặng chữ quân thân [7].
Bầu băng giá ngọc trắng ngần [8],
Dẫu dầm giọt nước, phong trần chẳng hoen.
Lỗi kim cổ là miền liêm sỉ,
Bia thị phi còn để nhục vinh.
Mắt tai hiền truyện thánh kinh,
Lẽ đâu cầm độc [9] ô danh quan thường [10].
Nhờ tạo hóa rộng đường phúc trạch [11],

---

1. *Hội biệt bi hoan:* khi hội họp, khi ly biệt, lúc buồn rầu, lúc vui vẻ.

2. *Tuần hoàn: (tuần:* theo thứ tự mà xoay vần, *hoàn:* vây quanh, khắp cả, cái vòng) xoay vần, ý nói mọi việc cứ tuần tự mà diễn ra theo vòng năm tháng.

3. *Thông tắc:* lúc hanh thông, lúc bế tắc.

4. *Sở ngộ:* cảnh ngộ của mình gặp được.

5. *Thị phi:* phải trái.

6. *Kinh sử: (kinh:* chỉ chung ngũ kinh là Thi, Thư, Dịch, Lễ và Xuân Thu; *sử:* sách sử của Trung Quốc) sách người xưa dùng để học mà thi cử.

7. *Quân thân:* vua và cha mẹ.

8. *Bầu băng giá ngọc trắng ngần:* phiến băng trong bầu ngọc. *(Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ).*

9. *Cầm độc:* cầm thú.

10. *Quan thường: (quan:* mũ; *thường:* cái quần, cái xiêm) y phục của các quan.

11. *Phúc trạch: (phúc:* việc tốt lành; việc may; *trạch:* ơn huệ) ơn trời cho nhiều phúc.

http://tieulun.hopto.org

Giăng thiên la [1] vét sạch hung ngoan [2].
Một phen cười với thế gian,
Rồi ra tùy ngộ nhi an [3] xin đành.
Hãy đem món thường tình xếp lại,
Tạm tính điều thế thái [4] để ra.
Đêm đêm lại hỏi trời già,
Thân này ô trọc hay là thanh cao?
Còn tiên thế [5] ít nhiều dư phúc,
Chắc linh đài chín khúc đan tâm.
Hóa cơ vãng phục [6] chẳng lầm,
Để cho tác thiện lục trầm [7] lẽ đâu?
Thu nước mắt nghĩ câu thận độc [8],
Dong ngọn đèn ngâm khúc mạc ai [9].
Bút nghiên tiêu khiển ngày dài,
Chẳng vì tâm khổ bỏ hoài quang âm [10].
Nhân thong thả lại ngâm quốc ngữ,
Đem thủy chung [11] tình tự nói năng.
Nôm na câu được câu chăng,
Đỡ khi buồn bã lại dâng một cười.

---

1. *Thiên la:* lưới trời.

2. *Hung ngoan: (hung:* ác; *ngoan:* không biết mà làm càn, cứng cổ) kẻ độc ác.

3. *Tùy ngộ nhi an:* tùy cảnh ngộ mà được sao hay vậy, không cầu cạnh.

4. *Thế thái:* thói đời.

5. *Tiên thế*: đời trước.

6. *Hóa cơ vãng phục:* cơ trời vận chuyển, hết bĩ rồi lại thái, hết khổ rồi lại sướng.

7. *Lục trầm:* chết đuối trên cạn.

8. *Thận độc: (thận:* cẩn thận; *độc:* một mình) dù khi ở một mình cũng phải cẩn thận giữ gìn.

9. *Mạc ai:* đừng buồn vô ích.

10. *Quang âm: (quang:* ánh sáng; *âm:* bóng tối) sáng tối thay đổi nhau. Nghĩa bóng: ngày giờ.

11. *Thủy chung: (thủy:* đầu; *chung:* trọn, cuối cùng) việc gì có trước có sau, có đầu có đuôi, từ đầu đến đuôi, ý nói trước sau vẫn một lòng, không thay đổi.

http://tieulun.hopto.org

TỲ BÀ HÀNH

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

TỲ BÀ HÀNH

Bản dịch bài *Tỳ bà hành* là một kiệt tác về phương diện dịch thuật.

Trước đây bài dịch này được truyền tụng là của Phan Huy Vịnh tuy cũng có người cho là của Nguyễn Công Trứ hoặc của Nguyễn Siêu [1].

Về sau, Hoàng Xuân Hãn (trong *Chinh phụ ngâm bị khảo*) và Trần Văn Giáp (trong *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*) đã xác định rằng đó là dịch phẩm của Phan Huy Thực.

Nguyên văn của Bạch Cư Dị đã được viết theo thể thơ *trường thiên* (thất ngôn cổ phong) gồm tất cả là 88 câu, 616 chữ. Bài dịch viết theo thể *song thất lục bát* cũng dài 88 câu và cũng vừa đúng 616 chữ.

Ngoài bản dịch phổ thông hiện hành, chúng ta thấy còn có các bản dịch khác sau đây:

– Bản dịch khuyết danh in trong *Nam Phong tạp chí*, số 181, tháng 2 năm 1933.

– Bản dịch của Trần Trọng Kim in trong quyển *Đường thi*, Tân Việt xuất bản - 1950.

– Bản dịch *khuyết danh* in trong *Đại cương Văn học sử Trung Quốc* của Nguyễn Hiến Lê - Tập II - 1964.

– Bản dịch của Khương Hữu Dụng in trong *Tạp chí Văn học Nước ngoài*, số 6 năm 1996.

– Bản dịch của Phạm Hồ in trong *Tạp chí Văn học Nước ngoài*, số 6 năm 1996.

Cả năm bản dịch sau đều không có bản nào vượt hơn được bản dịch của Phan Huy Thực.

---

1. *Nam Phong tạp chí* số 181 - tháng 2 - 1933 để khuyết danh. Bùi Kỷ trong *Quốc văn cụ thể* cũng để khuyết danh.

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

PHAN HUY THỰC

(1778 - 1844)

Phan Huy Thực tự là Vị Chi, hiệu là Khuê Nhạc, sinh năm Mậu Tuất (1778), niên hiệu Cảnh Hưng thứ 39 và mất năm Giáp Thìn (1844), thọ 67 tuổi.

Sau khi Tây Sơn mất, ông cùng với thân phụ là Phan Huy Ích về ẩn cư tại quê nhà (làng Thụy Khuê, gần Sài Sơn, nay thuộc tỉnh Hà Tây).

Năm Gia Long thứ 12 (1813), ông được triệu ra làm quan, đến năm thứ 16 (1817) được sung làm phó sứ trong sứ bộ sang triều Thanh (Trung Quốc). Năm Minh Mệnh thứ nhất (1820), ông được bổ làm hiệp trấn Lạng Sơn rồi đến nửa năm sau lại được gọi về kinh.

Ông làm quan trong triều Nguyễn tới chức Thượng thư Bộ Lễ.

Năm Thiệu Trị thứ nhất (1841), ông xin về nghỉ tại quê nhà và đến năm Giáp Thìn (1844) thì mất.

Tác phẩm của ông gồm có:

– *Hoa thiều tạp vịnh*

– *Nhân ảnh vấn đáp*

– *Tỳ bà hành diễn âm*

và một số thơ văn chưa được soạn tập lại.

* * *

http://tieulun.hopto.org

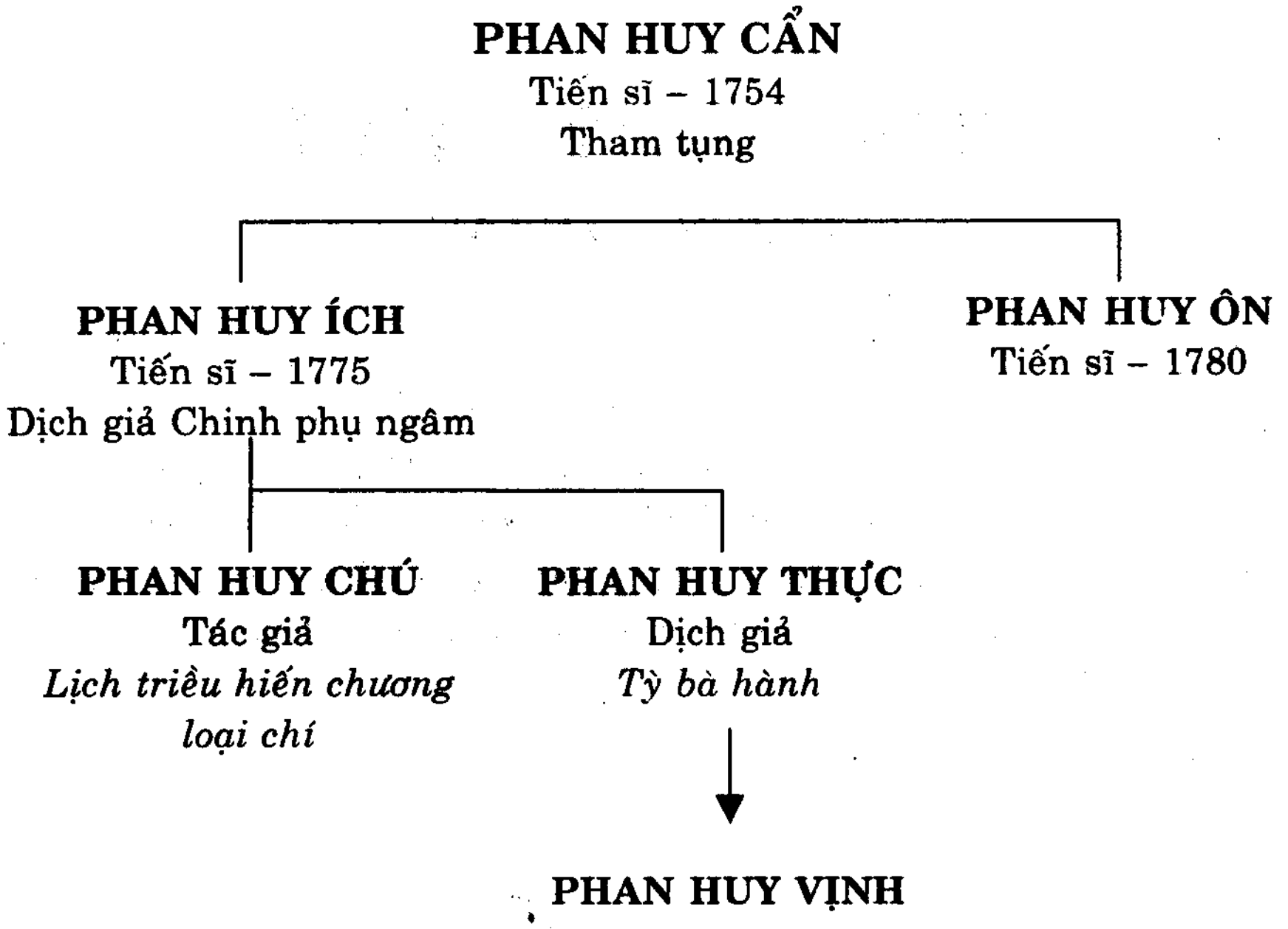

http://tieulun.hopto.org

Bản dịch I

TỲ BÀ HÀNH

PHAN HUY THỰC

dịch

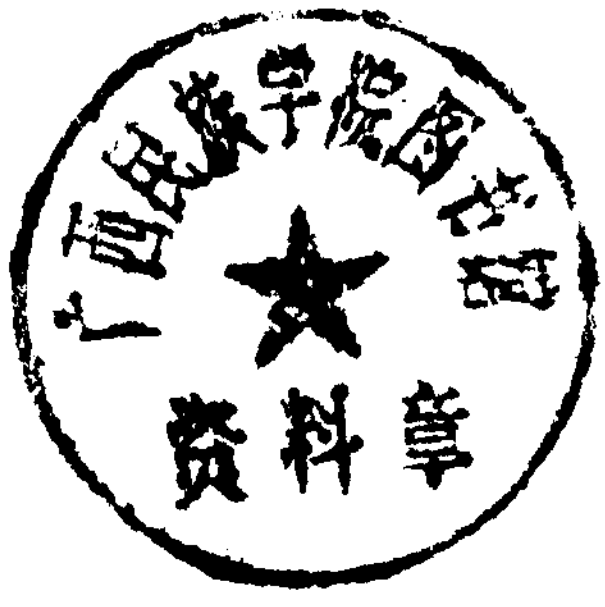

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

TỲ BÀ HÀNH

Bến Tầm Dương [1] canh khuya đưa khách.
Quạnh hơi thu, lau lách [2] đìu hiu.
Người [3] xuống ngựa, khách dừng chèo,
Chén quỳnh [4] mong cạn nhớ chiều trúc ti [5].
Say những luống ngại khi hầu rẽ,
Nước mênh mông đượm vẻ gương trong [6].
Đàn ai nghe vẳng bên sông,
Chủ khuây khỏa [7] lại, khách dùng dằng xuôi.
Lần [8] tiếng sẽ hỏi ai đàn tá?
Dừng tiếng đàn nấn ná [9] làm thinh.

Khảo dị:

5. Say những luống ngại khi *chia* rẽ (DQH)

7. *Tiếng tỳ* * nghe vẳng bên sông (NQO)
Tiếng tỳ nghe *lắng* bên sông (BK)

* . *Tiếng tỳ:* (*tỳ:* tỳ bà, thứ đàn có bốn dây, hình quả bầu, mặt phẳng cổ dài) tiếng đàn tỳ bà.

9. *Tìm* tiếng sẽ hỏi ai đàn tá (DQH)

10. Dừng *dây tơ* nấn ná làm thinh (DQH)

Chú thích:

1. *Tầm Dương:* sông Tầm Dương ở huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây. Trong bài *Tựa*, tác giả nói đến việc tiễn khách ở bến Bồn Phố hay Bồn Khẩu.

2. *Lau lách:* lau, cỏ lau, thứ cây nhỏ mọc hoang thành bụi, thân xốp, hoa trắng tụ thành bông.

3. *Người:* đây là chủ đưa tiễn khách, tức Bạch Cư Dị.

4. *Chén quỳnh:* chén rượu làm bằng ngọc quỳnh.

5. *Trúc ti:* tiếng trúc, tiếng tơ tức là tiếng đàn, tiếng sáo.

6. *Gương trong:* vừng trăng sáng như gương.

7. *Khuây khỏa:* quên đi nỗi buồn ở trong lòng. Ở đây ý nói chủ (tức Bạch Cư Dị) quên cả việc đưa tiễn.

8. *Lần:* dò tìm theo nơi có tiếng đàn phát ra.

9. *Nấn ná:* cố kéo dài thêm thời gian im lặng chưa chịu lên tiếng trả lời, cứ làm thinh thêm mãi.

http://tieulun.hopto.org

Dời thuyền ghé lại thăm tình, [1]
Chong đèn [2], thêm rượu, còn dành tiệc vui.
Mời mọc mãi, thấy người bỡ ngỡ,
Tay ôm đàn che nửa mặt hoa [3].
Vặn đàn mấy tiếng dạo qua,
Dẫu chưa nên khúc, tình đà thoảng hay [4].
Nghe não nuột mấy dây bứt rứt,
Dường than niềm tấm tức [5] bấy lâu.
Mày chau [6] tay gảy khúc sầu,
Giãi bày hết nỗi trước sau muôn vàn.
Ngón buông, bắt [7] khoan khoan dìu dặt,
Trước Nghê thường [8] sau thoắt Lục yêu [9].
Dây to dường đổ mưa rào [10],
Nỉ non dây nhỏ như trò chuyện riêng.
Tiếng cao thấp lựa chen lần gảy,
Mâm ngọc đâu bỗng nảy hạt châu [11].

Khảo dị:

11. Dời thuyền *nèo hỏi* thăm tình (NQO - BK)
15. Vặn đàn *vài* tiếng dạo qua (NQO - BK)
17. Nghe não nuột mấy dây *buồn bực* (NQO - ĐQH)
24. Nỉ non dây nhỏ *khác nào* chuyện riêng (DQH)

Chú thích:

1. *Thăm tình:* thăm hỏi bày tỏ cảm tình của mình khi nghe tiếng đàn.
2. *Chong đèn:* đổ thêm dầu cho đèn đủ sáng thêm lâu hơn.

Dầu chong trắng đĩa lệ tràn thấm khăn. (TK)

3. *Che nửa mặt hoa:* tỏ ý còn e lệ trước khách lạ.
4. *Tình đà thoảng hay:* người đàn bà ấy không nói năng gì, chỉ dạo qua mấy tiếng đã nói lên được cái tình cảnh khổ sở của mình.
5. *Tấm tức:* niềm đau buồn từ lâu đè nén ở trong chưa bộc lộ ra được.
6. *Mày chau:* cau mày lại vì có sự đau đớn ở trong lòng.
7. *Buông, bắt:* ý tả đánh đàn khi láy khi vuốt, buông tay rồi lại bắt lấy.
8. *Nghê thường:* tên một khúc nhạc của Dương Kính Chung dâng Đường Minh Hoàng.
9. *Lục yêu:* (chép những điều quan yếu) Đời nhà Đường có người nhạc công ghi chép được những chi tiết về nhạc dâng vua Minh Hoàng. Vua xem cho lựa vào nhạc tập gọi là khúc Lục yêu.
10. *Mưa rào:* ý tả tiếng đàn nghe ào ào như mưa lớn.
11. *Mâm ngọc... hạt châu:* câu này tả tiếng đàn thánh thót như những viên hạt châu lớn nhỏ rơi xuống mâm ngọc.

http://tieulun.hopto.org

Trong hoa oanh ríu rít nhau,
Nước tuôn róc rách, chảy mau xuống ghềnh [1].
Nước suối lạnh, dây mành [2] ngừng đứt,
Ngừng đứt nên phút bặt tiếng tơ [3].
Âm thầm đau giận ngẩn ngơ,
So ra lặng lẽ, bấy giờ càng hay.
Bình bạc vỡ tuôn đầy dòng nước,
Ngựa sắt giong, xô xát tiếng đao. [4]
Cung đàn trọn khúc thanh tao,
Tiếng buông xé lụa, lựa vào bốn dây [5].
Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt [6],
Một vầng trăng trong vắt lòng sông.
Ngậm ngùi đàn bát [7] xếp xong,
Áo xiêm khép nép hầu mong giãi lời.
Rằng: "Xưa vốn là người kẻ chợ [8],
Cồn Hà Mô [9] trú ở lân la.
Học đàn từ thuở mười ba,

Khảo dị:

32. *Tiếng tơ lặng ngắt,* bấy giờ càng hay (DQH)

34. Ngựa sắt giong, *sàn sạt* tiếng đao (NQO - BK)

42. Cồn Hà Mô *thú* ở lân la (NQO)

Chú thích:

1. *Nước tuôn... xuống ghềnh:* tả tiếng đàn liên tiếp nhau không ngừng như nước chảy từ trên ghềnh xuống.

2. *Dây mành:* dây nhỏ yếu mỏng manh, chỉ tiếng đàn nhỏ.

3. *Bặt tiếng tơ:* thôi không gảy nữa. Người đàn bà cảm thấy đau đớn trong lòng nên không gảy nữa. Phút yên lặng ấy mới càng thấm thía, bấy giờ người ta mới hiểu được tình, được cảnh và cảm thấy tuy không có tiếng đàn mà còn hơn khi có tiếng đàn.

4. *Bình bạc vỡ... tiếng đao:* cả hai câu ý nói tiếng đàn ngừng bỗng lại nổi lên, nghe tựa hồ như nước ở trong bình bị vỡ tóe tung ra hoặc sang sảng như tiếng gươm giáo ở chiến trường.

5. *Cung đàn... bốn dây:* cả hai câu ý nói đánh hết khúc đàn rồi thì lấy tay lướt cả bốn dây nghe thành tiếng như người xé lụa vậy.

6. *Thuyền... lặng ngắt:* cả câu tả cảnh những người ngồi trong các thuyền ở xung quanh đều im lặng để nghe.

7. *Đàn bát:* mảnh xương, mảnh ngà dùng để gảy đàn.

8. *Người kẻ chợ:* người ở chỗ kinh đô.

9. *Cồn Hà Mô:* cái gò ở Tràng An, nơi có nhiều hồng lâu tửu điếm.

http://tieulun.hopto.org

Giáo phường [1] đệ nhất bậc đà chép tên.
Gã thiện tài [2] sợ phen dừng khúc,
Ả Thu Nương [3] ghen lúc điểm tô.
Ngũ lăng [4], chàng trẻ ganh đua,
Biết bao the thắm chuốc mua tiếng đàn.
Vành lược bạc gãy tan [5] dịp gõ.
Bức quần hồng [6] hoen ố rượu rơi [7].
Năm năm [8] lần lữa vui cười,
Mải gió trăng chẳng đoái hoài xuân thu [9].
Buồn em trảy [10], lại sầu dì thác,
Lần hôm mai đổi khác hình dung.
Cửa ngoài xe ngựa vắng không [11],
Thân già mới kết duyên cùng khách thương.
Khách trọng lợi khinh đường ly cách [12],
Mải buôn chè sớm tếch nguồn khơi.

Khảo dị:

44. Giáo phường đệ nhất bậc đà *liệt danh* (NQO)
Giáo phường đệ nhất *chỉ* đà chép tên (DQH)
52. Mải *trăng hoa* chẳng đoái hoài xuân thu (DQH)
53. Buồn em trảy lại *lo* dì thác (DQH)
54. *Sầu* hôm mai đổi khác hình dung (DQH)
56. Thân già mới kết *đôi* cùng khách thương (NQO)
57. Khách trọng lợi khinh đường ly *biệt* (BK)

Chú thích:

1. *Giáo phường:* xóm những người làm nghề ca hát.

2. *Thiện tài:* người có tài khéo về đàn. Những người tài hoa dạy đàn và dạy hát ở giáo phường gọi là thiện tài.

3. *Thu Nương:* nàng Thu Nương. Đời nhà Đường, những con gái đẹp, hát hay, đàn giỏi thường lấy hiệu là Thu Nương như Đỗ Thu Nương, Tạ Thu Nương.

4. *Ngũ lăng:* năm cái gò ở Tràng An (Trường lăng, An lăng, Dương lăng, Mậu lăng và Bình lăng), chỗ các nhà quyền quí ở.

5. *Lược bạc gãy tan:* lược cài đầu, lúc đàn hát vui say cầm gõ dịp đến gãy tan ra.

6. *Quần hồng:* quần đỏ, phụ nữ bên Trung Quốc xưa thường mặc.

7. *Hoen ố rượu rơi:* ý nói cùng khách uống rượu, vui đùa làm đổ rượu cả vào áo quần mà bị hoen ố đi.

8. *Năm năm:* năm này qua năm khác.

9. *Xuân thu:* mùa xuân và mùa thu, chỉ năm tháng, tuổi tác.

10. *Trảy:* phải đi thú xa.

11. *Xe ngựa vắng không:* ý nói không còn có khách làng chơi đến hát nữa.

12. *Khinh đường ly cách:* ý nói không nghĩ gì đến tình vợ chồng sum họp quyến luyến nhau.

http://tieulun.hopto.org

Thuyền không, đậu bến mặc ai,
Quanh thuyền trăng dãi, nước trôi lạnh lùng[1].
Đêm khuya, sực nhớ vòng tuổi trẻ,
Chợt mơ màng dòng lệ đỏ hoen.
Nghe đàn ta đã chạnh buồn,
Lại rầu nghe nỗi nỉ non mấy lời:
"Cùng một lứa bên trời lận đận,
Gặp nhau đây lọ sẵn quen nhau [2].
Từ xa kinh khuyết bấy lâu,
Tầm Dương đất trích [3] gối sầu hôm mai.
Chốn cùng tịch [4] lấy ai vui thích,
Tai chẳng nghe đàn địch cả năm.
Sông Bồn [5] gần chốn cát lầm,
Lau vàng, trúc võ nẩy mầm quanh hiên".
Tiếng chi đó nghe liền sớm tối?
Cuốc kêu sầu, vượn hót véo von.
Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn,
Lần lần tay chuốc chén son riêng ngừng [6].
Há chẳng có ca rừng [7], địch nội? [8]
Giọng líu lo, buồn nỗi khó nghe.
Tỳ bà nghe dạo canh khuya,

Khảo dị:

65. Cùng một lứa *chân* trời lận đận (BK)
66. Gặp *gỡ nhau* lọ sẵn quen nhau (NQO)
69. Chốn cùng tịch lấy ai vui *với* (NQO)
    Chốn cùng tịch *cùng* ai vui thích (BK)
72. Lau vàng trúc võ, *âm thầm* quanh hiên (DQH)
76. Lần lần tay chuốc chén son *ngập* ngừng (DQH)

Chú thích:

1. *Thuyền không... lạnh lùng:* ý nói chỉ ở một mình trong thuyền, không có ai làm bè bạn, chỉ có bạn với trăng nước.

2. *Cùng một lứa... quen nhau:* Bạch Cư Dị phải biếm ra Giang Châu với người đàn bà gảy đàn tỳ bà kia gặp nhau ở nơi đất khách, dẫu không quen biết nhau nhưng hẳn phải là do cái duyên mới được gặp nhau.

3. *Đất trích:* nơi các quan có tội bị biếm (đày) ra đấy.

4. *Cùng tịch:* nơi xa xôi vắng vẻ.

5. *Sông Bồn:* Bạch Cư Dị tiễn bạn ở bến sông Bồn. Con sông này chảy vào sông Dương Tử, tỉnh Giang Tây.

6. *Tay chuốc chén son riêng ngừng:* tay rót rượu để rồi một mình ngồi uống trong lòng buồn bã chẳng muốn cầm chén lên nữa, cứ ngập ngừng mãi.

7. *Ca rừng:* giọng hát của người ở rừng.

8. *Địch nội:* tiếng sáo của người nhà quê.

http://tieulun.hopto.org

Dường như tiên nhạc gần kề bên tai [1].
Hãy ngồi lại gảy chơi khúc nữa,
Sẽ vì nàng soạn sửa bài ca [2].
Đứng lâu dường cảm lời ta,
Lại ngồi lựa phím đàn đà kíp dây [3].
Nghe não nuột khác tay đàn trước,
Khắp tiệc hoa [4] tuôn nước lệ rơi.
Lệ ai chan chứa hơn người?
Giang Châu Tư mã [5] đượm mùi áo xanh [6].

Khảo dị:

88. Giang Châu Tư mã đượm *tràng* áo xanh (NQO)

Chú thích:

1. *Tỳ bà... bên tai:* cả hai câu ý nói ở nơi hẻo lánh quê mùa đã lâu, tai chỉ nghe những "ca rừng địch nội" nay chợt được nghe tiếng đàn tỳ bà thì khác nào như được nghe khúc nhạc ở trên cõi tiên.

2. *Bài ca:* Bạch Cư Dị yêu cầu người đàn bà gảy thêm khúc nữa và đặt bài ca này để tặng lại làm kỷ niệm cho cuộc gặp gỡ.

3. *Kíp dây:* ý nói gảy một khúc đàn khác điệu nhanh hơn vì đêm đã khuya và tiệc đã hầu tàn.

4. *Khắp tiệc hoa:* khắp mọi người trong bữa tiệc.

5. *Giang Châu Tư mã:* Bạch Lạc Thiên làm chức Tư mã ở Giang Châu.

6. *Mùi áo xanh:* màu áo xanh. Tư mã Giang Châu là người khóc nhiều nhất, khóc nhiều đến nỗi ướt cả áo xanh.

Mùi: chữ *màu* trước đây cũng đọc là *mùi*. Câu 1121 trong *Truyện Kiều* cũng viết: *"Lối mòn cỏ lợt **mùi** sương"*. Bản Nôm Quan Văn Đường (1906) đã khắc 味 (mùi).

http://tieulun.hopto.org

TỲ BÀ HÀNH

(Nguyên văn chữ Hán)

琵琶行 序

元和十年，予左遷九江郡司馬。

明年秋，送客湓浦口，

聞舟中夜彈琵琶者，

聽其音，錚錚然有京都聲。

問其人，本長安娼女，

嘗學琵琶於穆曹二善才，

年長色衰，委身爲賈人婦。

遂命酒使快彈數曲。曲罷，憫然，

自敘少小時歡樂事；今漂淪憔悴，轉徙於江湖間。

予出官二年，恬然自安，感斯人言，是夕始覺有遷謫意，

因爲長句，歌以贈之，凡六百一十二言，命曰琵琶行。

（白居易）

http://tieulun.hopto.org

潯陽江頭夜送客
楓葉荻花秋瑟瑟
主人下馬客在船
舉酒欲飲無管絃
醉不成歡慘將別
別時茫茫江浸月
忽聞水上琵琶聲
主人忘歸客不發
尋聲暗問彈者誰
琵琶聲停欲語遲
移船相近邀相見
添酒回燈重開宴
千呼萬喚始出來
猶抱琵琶半遮面

http://tieulun.hopto.org

轉軸撥絃三兩聲
未成曲調先有情
絃絃掩抑聲聲思
似訴生平不得志
低眉信手續續彈
說盡心中無限事
輕攏慢撚抹復挑
初爲霓裳後六么
大絃嘈嘈如急雨
小絃切切如私語
嘈嘈切切錯雜彈
大珠小珠落玉盤
間關鶯語花底滑
幽咽流泉水下灘

http://tieulun.hopto.org

水泉冷澀絃凝絶
凝絶不通聲漸歇
別有幽愁暗恨生
此時無聲勝有聲
銀瓶乍破水漿迸
鐵騎突出刀鎗鳴
曲終收撥當心畫
四絃一聲如裂帛
東船西舫悄無言
惟見江心秋月白
沈吟放撥插絃中
整頓衣裳起斂容
自言本是京城女
家在蝦蟆陵下住

http://tieulun.hopto.org

十三學得琵琶成
名屬教坊第一部
曲罷常教善才服
妝成每被秋娘妬
五陵年少爭纏頭
一曲紅綃不知數
鈿頭銀篦擊節碎
血色羅裙翻酒污
今年歡笑復明年
秋月春風等閒度
弟走從軍阿姨死
暮去朝來顏色故
門前冷落車馬稀
老大嫁作商人婦

http://tieulun.hopto.org

商人重利輕別離
前月浮梁買茶去
去來江口守空船
繞船明月江水寒
夜深忽夢少年事
夢啼妝淚紅闌干
我聞琵琶已嘆息
又聞此語重唧唧
同是天涯淪落人
相逢何必曾相識
我從去年辭帝京
謫居臥病潯陽城
潯陽地僻無音樂
終歲不聞絲竹聲

http://tieulun.hopto.org

住近湓城地低濕
黃蘆苦竹繞宅生
其間旦暮聞何物
杜鵑啼血猿哀鳴
春江花朝秋月夜
往往取酒還獨傾
豈無山歌與村笛
嘔啞嘲哳難爲聽
今夜聞君琵琶語
如聽仙樂耳暫明
莫辭更座彈一曲
爲君翻作琵琶行
感我此言良久立
卻座促絃絃轉急

http://tieulun.hopto.org

85 淒淒不似向前聲

滿座重聞皆掩泣

座中泣下誰最多

江州司馬青衫濕

http://tieulun.hopto.org

Phiên âm bản chữ Hán

TỲ BÀ HÀNH

TỰ

Nguyên Hòa thập niên, dư tả thiên Cửu Giang quận Tư Mã. Minh niên thu, tống khách Bồn Phố khẩu, văn chu trung dạ đàn tỳ bà giả, thính kỳ âm, tranh tranh nhiên, hữu kinh đô thanh. Vấn kỳ nhân, bản Trường An xướng nữ, thường học tỳ bà vu Mục Tào nhị thiện tài; niên trưởng sắc suy, ủy thân vi cổ nhân phụ. Toại mệnh tửu sử khoái đàn số khúc. Khúc bãi, mẫn nhiên, tự tự thiếu tiểu thời hoan lạc sự; kim phiêu luân tiều tụy, chuyển tỷ ư giang hồ gian. Dư xuất quan nhị niên, điềm nhiên tự an, cảm tư nhân ngôn thị tịch thỉ giác hữu thiên trích ý. Nhân vi trường cú ca dĩ tặng chi. Phàm lục bách nhất thập nhị ngôn, mệnh viết *Tỳ bà hành*.

BẠCH CƯ DỊ.[1]

---

1. Bạch Cư Dị tự là Lạc Thiên, hiệu là Hương Sơn cư sĩ, sinh vào năm 772 tại huyện Tân Trịnh, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

Ông nổi tiếng thông minh từ lúc còn nhỏ: mới sáu tuổi đã học làm thơ và khi bảy tuổi đã hiểu được thanh vận...

Gia đình ông ở Từ Châu cho mãi đến năm ông 16 tuổi mới trở về kinh đô ở Trường An. Ông chuyên cần học tập.

Năm 28 tuổi ông thi đậu Tiến sĩ. Năm sau thi đậu Bạt tụy giáp khoa rồi ông lại đậu cả chế khoa, kỳ thi do chính vua làm chủ khảo. Về cuộc đời làm quan của ông thì có thể tóm tắt như sau:

34 tuổi làm Huyện úy Chu Chất, 35 tuổi giữ chức Hàn lâm học sĩ ở Trường An, 36 tuổi làm Tả thập di, 39 tuổi về để tang mẹ ba năm. Năm 814, ông trở lại Tràng An nhưng bị bọn cận thần gạt ra khỏi triều đình, chỉ được giao cho nhiệm vụ dạy dỗ Thái tử.

Năm 815 vì đòi trị tội bọn hoạn quan lộng quyền, ông bị đổi đi làm Tư mã Giang Châu. Năm 819, ông được bổ làm Thứ sử Trung Châu, rồi chuyển sang Hàng Châu, Tô Châu. Từ năm 827 trở đi ông lại được giao nhiệm vụ dạy dỗ Thái tử cho đến năm 845.

Về hưu được một năm, năm 846 ông qua đời ở Lạc Dương, thọ 75 tuổi.

Bạch Cư Dị sáng tác hơn 2800 bài thơ mà tự ông chia làm bốn loại: phúng dụ, nhàn thích, cảm thương và tạp luật. Cả bốn loại đều có những bài hay, đặc biệt là loại *phúng dụ*, nó phản ánh toàn diện và sâu sắc bộ mặt của thời đại, nhưng đáng kể hơn cả vẫn là loại *cảm thương* với hai bài kiệt tác là *Tỳ bà hành* và *Trường hận ca*. Hai bài này đã có ảnh hưởng khá nhiều đến văn học Việt Nam.

Cả hai bài đều được dịch sang quốc âm.

http://tieulun.hopto.org

TỰA

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ mười, ta phải đổi ra làm Tư mà quận Cửu Giang. Mùa thu năm sau, nhân đi tiễn khách ở bến Bồn Phố, nghe thấy trong đêm có người gảy đàn tỳ bà ở trong một chiếc thuyền mà giọng đàn lanh lảnh có tiếng ở kinh kỳ. Hỏi ra mới biết, đó là một xướng nữ vốn ở Trường An, thường học đàn với hai nhà thiện tài họ Mục và họ Tào; đến khi luống tuổi kém sắc mới gá thân làm vợ một người lái buôn. Ta liền bảo đặt rượu và truyền gảy mấy khúc đàn mua vui. Gảy xong, người ấy buồn bã, tự kể lại khi còn trẻ thì vui thú chừng nào mà nay phải lưu lạc ở nơi giang hồ tiều tụy biết mấy. Ta ra làm quan ở ngoài kinh đô đã hai năm vẫn thường điềm nhiên yên sống, đêm ấy cảm mấy lời nàng nói mới để ý đến nỗi mình là kẻ bị giáng trích mà làm bài ca trường thiên này để tặng. Cả bài có 612 chữ [1], đặt tên là *Tỳ bà hành*.

---

1. Bài này có 88 câu, mỗi câu 7 chữ như vậy cả bài có tới 616 chữ, nhưng tác giả (Bạch Cư Dị) chỉ ghi có 612 chữ.

http://tieulun.hopto.org

Phiên âm:

TỲ BÀ HÀNH

Tầm Dương giang đầu dạ tống khách,
Phong diệp địch [1] hoa thu sắt sắt.
Chủ nhân há [2] mã khách tại thuyền,
Cử tửu dục ẩm vô quản huyền.
Túy bất thành hoan, thảm tương biệt,
Biệt thời mang mang giang tẩm nguyệt.
Hốt văn thủy thượng tỳ bà thanh,
Chủ nhân vong quy, khách bất phát.
Tầm thanh ám vấn đàn giả thùy?
Tỳ bà thanh đình dục ngữ trì [3].
Di thuyền tương cận yêu tương kiến,
Thiêm tửu hồi đăng trùng khai yến.
Thiên hô vạn hoán thủy xuất lai,
Do bão tỳ bà bán già diện.
Chuyển trục bát huyền tam lưỡng thanh,
Vị thành khúc điệu, tiên hữu tình.
Huyền huyền yểm ức, thanh thanh tứ [4],
Tự tố sinh bình bất đắc chí.
Đê mi thân [5] thủ tục tục đàn,
Thuyết tận tâm trung vô hạn sự.
Khinh lung [6] mạn niễn mạt phục khiêu,
Sơ vi Nghê thường, hậu Lục yêu.
Đại huyền tào tào như cấp vũ,
Tiểu huyền thiết thiết như tư ngữ.
Tào tào thiết thiết thác tạp đàn,
Đại châu tiểu châu lạc ngọc bàn.

---

1. *Địch:* cây lau.
2. *Há:* xuống (đọc là *hạ* thì nghĩa là dưới).
3. *Ngữ trì:* (*ngữ*: lời đáp lại) chậm đáp lại.
4. *Tứ:* ý tứ (đọc là *tư* thì nghĩa là nghĩ).
5. *Thân:* 信 chữ này ở đây phải đọc là *thân*, nghĩa là duỗi ra. Nếu đọc là *tín* thì lại có nghĩa là tin, không đúng với câu này.
   Thân thủ: duỗi tay ra.
6. *Khinh lung:* nhẹ đánh (đàn).

http://tieulun.hopto.org

Gian quan oanh ngữ hoa để hoạt,
U yết lưu tuyền thủy há than.
Thủy tuyền lãnh sáp huyền ngưng tuyệt,
Ngưng tuyệt bất thông thanh tạm yết.
Biệt hữu u tình ám hận sinh,
Thử thời vô thanh thắng hữu thanh.
Ngân bình sạ phá thủy tương bính [1],
Thiết kỵ đột xuất đao thương minh.
Khúc chung thu bát [2] đương tâm hoạch,
Tứ huyền nhất thanh như liệt bạch.
Đông thuyền tây phảng [3] tiễu vô ngôn,
Duy kiến giang tâm thu nguyệt bạch.
Trầm ngâm phóng [4] bát sáp [5] huyền trung,
Chỉnh đốn y thường khởi liễm dung [6].
Tự ngôn, bản thị kinh thành nữ,
Gia tại Hà Mô lăng hạ trụ,
Thập tam học đắc tỳ bà thành,
Danh thuộc giáo phường đệ nhất bộ.
Khúc bãi thường giao thiện tài phục,
Trang thành mỗi bị Thu Nương đố.
Ngũ lăng niên thiếu tranh triền đầu [7],
Nhất khúc hồng tiêu [8] bất tri số.
Điền [9] đầu ngân bề kích tiết toái,

---

1. *Bính:* chảy tung tóe.
2. *Bát:* cái móng gảy đàn.
3. *Phảng:* chiếc thuyền nhỏ chở được độ năm, bảy người.
4. *Phóng:* thả ra.
5. *Sáp:* gài vào.
6. *Liễm dung:* sửa sang, tô điểm lại hình dung (cho được nghiêm chỉnh).
7. *Triền đầu:* (lấy gấm) quấn lên đầu. Do chữ *phao cẩm triền đầu.*
8. *Hồng tiêu:* thứ hàng lụa đỏ.
9. *Điền*: đồ trang sức của phụ nữ.

http://tieulun.hopto.org

Huyết sắc la quần phiên tửu ô.
Kim niên hoan tiếu phục minh niên,
Thu nguyệt xuân phong đẳng nhàn [1] độ.
Đệ tẩu tòng quân, a di tử,
Mộ khứ, triêu lai nhan sắc cố.
Môn tiền lãnh lạc [2] xa mã hi,
Lão đại giá tác thương nhân phụ.
Thương nhân trọng lợi, khinh biệt ly,
Tiền nguyệt Phù Lương mãi trà khứ?
Khứ lai giang khẩu thủ không thuyền,
Nhiễu [3] thuyền minh nguyệt, giang thủy hàn.
Dạ thâm hốt mộng thiếu niên sự,
Mộng đề trang lệ hồng lan can [4].
Ngã văn tỳ bà dĩ thán tức.
Hựu văn thử ngữ trùng tức tức,
Đồng thị thiên nhai [5] luân lạc nhân,
Tương phùng hà tất tằng tương thức.
"Ngã tòng khứ niên từ đế kinh,
Trích cư ngọa bệnh Tầm Dương thành.
Tầm Dương địa tịch vô âm nhạc,
Chung tuế bất văn ty trúc thanh.
Trụ cận Bồn thành địa đê thấp,
Hoàng lô khổ trúc nhiễu trạch sinh.
Kỳ gian đãn mộ văn hà vật,
Đỗ quyên đề huyết viên ai minh.
Xuân giang hoa triêu thu nguyệt dạ,
Vãng vãng thủ tửu hoàn độc khuynh.
Khởi vô sơn ca dữ thôn địch,
Ẩu á [6] trào chiết [7] nan vi thinh.
Kim dạ văn quân tỳ bà ngữ,
Như thinh tiên nhạc nhĩ tạm minh.

---

1. *Đẳng nhàn:* không để ý đến.
2. *Lãnh lạc*: lặng lẽ, vắng vẻ.
3. *Nhiễu*: chung quanh.
4. *Lan can:* vành con mắt.
5. *Thiên nhai*: chân trời, vùng đất xa xôi.
6. *Ấu á*: tiếng bập bẹ của con trẻ học nói.
7. *Trào chiết:* tiếng ríu rít của chim kêu.

http://tieulun.hopto.org

Mạc từ cánh tọa đàn nhất khúc,
Vị quân phiên tác tỳ bà hành."
Cảm ngã thử ngôn lương cửu lập,
Khước tọa [1] xúc huyền huyền chuyển cấp.
Thê thê bất tự hướng tiền thanh,
Mãn tọa trùng văn giai yểm khấp.
Tọa trung khấp hạ thùy tối đa?
Giang Châu Tư mã thanh sam thấp!

1. *Khước tọa*: ngồi lùi ra phía sau.

http://tieulun.hopto.org

Dịch nghĩa:

TỲ BÀ HÀNH

Trên bến Tầm Dương một đêm tiễn khách,
Lá phong, hoa lau hơi thu hiu hắt.
Chủ nhân xuống ngựa, khách ở trong thuyền,
Nâng chén rượu định uống mà không có đàn sáo.
(Nhưng) say mà không thành cuộc vui, vì buồn sắp phải xa nhau.
Lúc từ biệt trăng sáng dầm trong lòng sông mênh mang.
Chợt nghe có tiếng tỳ bà văng vẳng trên sông,
Chủ nhân quên về, khách chẳng muốn đi.
Lần đến nơi có tiếng đàn, sẽ hỏi xem ai gảy đó?
Tiếng đàn ngừng lại, ý ai muốn đáp nhưng lại ngại ngần.
Dời thuyền đến gần, xin cho được gặp mặt,
Rót thêm rượu, chong lại đèn, tiệc vui mở tiếp.
Hết lời mời mọc mới chịu bước ra,
Còn ôm cây đàn tỳ bà che nửa mặt.
Vặn trục lên dây, dạo qua vài tiếng,
Tuy chưa thành khúc điệu nhưng nghe đã có tình.
Mỗi dây ngân lên nghe thấy ấm ức, mỗi tiếng cất lên nghe thấy tình tứ,
Dường như kể hết nỗi bất bình của mình.
Nhẹ chau đôi mày đưa tay đều đều gảy,
Bao niềm tâm sự đều giãi hết nguồn cơn.
Nắn nhẹ, hết khoan rồi lại buông bắt,
Hết khúc Nghê thường, đến khúc Lục yêu.
Dây to rào rào như mưa ập tới,
Dây nhỏ thì thầm như kể lể niềm riêng.
To nhỏ, gảy xen thành nhịp,
Như bao hạt châu lớn nhỏ rắc xuống mâm ngọc.
Như tiếng oanh ca trơn giọng, líu lô trong hoa,
Như nhịp suối ngập ngừng, nước giội xuống thác.
Bỗng dứt tiếng ngân lạnh lẽo dây đàn ngừng bặt,
Dây ngừng bặt tiếng đàn im hẳn.
Lại hiện ra vẻ sầu hận thầm kín khác,

http://tieulun.hopto.org

Lúc này không có tiếng đàn lại hơn là lúc có tiếng đàn.
Bỗng như bình bạc vỡ tan, nước tuôn tung tóe,
Như đoàn thiết kỵ xung đột, gươm dao va chạm nhau.
Khúc vừa xong, lướt móng gảy qua bốn dây,
Cả bốn dây, như một tiếng xé lụa, vang lên.
Lúc ấy thuyền bè đông tây đều lặng im phăng phắc,
Chỉ thấy ánh trăng thu trắng rọi giữa lòng sông.
Lặng lẽ nàng gài chiếc móng gảy vào dây đàn,
Sửa lại xiêm áo khép nép đứng dậy,
Tự kể vốn là người kinh thành,
Nhà ở tại gò Hà Mô,
Năm mười ba tuổi đã học được ngón tỳ bà,
Tên đứng vào hàng nhất trong giáo phường,
Sau mỗi khúc đàn, các thiện tài thường phải phục,
Trang điểm xong từng bị nàng Thu Nương ghét ghen,
Bọn thiếu niên ở Ngũ Lăng tranh nhau tặng thưởng
(gấm quấn đầu),
Cứ mỗi khúc đàn, đếm không xuể những tấm lụa đào.
Vành lược bạc, cánh hoa vàng vui gõ dịp bị gãy tan,
Quần lụa hồng, bị rượu đổ làm hoen ố.
Cuộc truy hoan năm này sang năm khác,
Trăng thu trong, gió xuân mát, cứ lững lờ trôi qua.
Bỗng đứa em trai phải tòng quân, dì lại chết,
Sớm lại, chiều qua, nhan sắc kém phai.
Trước cửa xe ngựa thưa thớt vắng tanh dần,
Trở về già gá nghĩa cùng một người lái buôn.
Người ấy chỉ tham lợi, coi thường sự chia cách,
Bỏ đi Phù Lương buôn chè từ tháng trước.
Từ đấy, một mình với chiếc thuyền không ở bên sông,
Trăng rọi chung quanh, nước sông lạnh ngắt.
Đêm khuya bỗng mơ lại hồi tuổi trẻ.
Lệ hồng trong mơ làm trôi má phấn, làm đỏ cả vành mắt.
Ta nghe tiếng tỳ bà đã buồn bã thay,
Lại nghe câu chuyện càng thêm tức bực.
Cùng là khách lưu lạc nơi chân trời,
Gặp nhau đây, cứ gì phải là quen biết sẵn.
Ta từ năm ngoái từ giã chỗ kinh kỳ,
Bị giáng trích ra ốm nằm ở thành Tầm Dương.

http://tieulun.hopto.org

Tầm Dương là nơi hẻo lánh, làm gì có tiếng ca tiếng nhạc.
Suốt năm không hề được nghe tiếng sáo, tiếng đàn.
Nhà ở lại gần sông Bồn, nơi ẩm thấp,
Lau vàng trúc võ, mọc chung quanh nhà,
Ở đấy nghe thấy gì lúc sớm tối?
Chỉ thấy quyên kêu khắc khoải, vượn hú buồn bã.
Trước những cảnh sông xuân hoa sớm, đêm thu trăng tròn,
Thường thường chỉ một mình ngồi uống rượu,
Há phải không có tiếng hát núi, tiếng sáo đồng,
Nhưng khốn nỗi ậm ọe líu lô, nên rất khó nghe.
Đêm nay mới được nghe tiếng tỳ bà của nàng,
Chẳng khác được nghe nhạc tiên, tai bỗng được thỏa.
Nàng hãy vui lòng ngồi lại đàn thêm khúc nữa,
Ta sẽ vì nàng viết thành một bài hát tỳ bà.
Cảm lời ta, nàng ngần ngừ đứng lặng,
Rồi ngồi xuống lên dây, tiếng đàn gảy nghe rộn rã.
Não nùng khác hẳn tiếng đàn lúc trước,
Khiến mọi người ngồi đó đều bưng mặt khóc.
Nhưng trong đó ai khóc nhiều hơn cả,
Quan Tư mã Giang Châu ướt đẫm vạt áo xanh.

http://tieulun.hopto.org

Bản dịch 2

TỲ BÀ HÀNH

Bến Tầm Dương đêm chầy đưa khách,
Gió kim phong [1] hoa địch chồi bông.
Người vó ngựa, khách thuyền tùng,
Muốn đưa tiệc rượu mà không tiếng đàn.
Vui chẳng đã sầu toan bẻ liễu,
Trong doành sông leo lẻo vầng trăng.
Đàn ai văng vẳng bên giang,
Thẩn thơ kẻ lại, dùng dằng người đi.
Khúc tuyệt diệu ai rày ướm hỏi,
Đã dừng tay muốn nói còn e.
Chèo ngay một mái thuyền kề,
Chén quỳnh thêm đặt, đuốc huê thêm bày.
Gọi lại gọi, hỏi rồi lại hỏi,
Tay nâng đàn, tay hãy•còn che.
Gảy vài ba tiếng đàn tỳ,
Chưa rồi khúc điệu đã mê mệt tình.
Dây với tiếng ra hình âm ỉ,
Dường kêu van nỗi bấy nhiêu lâu.
Sa mày buông ngón thuộc lầu,
Nỗi niềm ngỏ hết mấy câu đàn này.
Khêu lại vuốt, bắt buông mấy khúc,
Trước Nghê thường, nối Lục yêu sau.
Dây to như trận mưa rào,
Nỉ non dây nhỏ như câu chuyện thầm.
Dây văn vũ [2] bổng trầm đưa đợt,
Trên ngọc bàn lạc đạc châu tuôn.
Tình u một khúc một buồn,
Oanh kêu đầu ngọn, nước tuôn dưới doành.
Doành lạnh ngắt tơ mành như đứt,

---

1. *Kim phong:* gió vàng tức gió thu, vì mùa thu thuộc hành kim.
2. *Dây văn vũ*: dây tiếu (nhỏ) và dây đài (lớn).

http://tieulun.hopto.org

Đứt chẳng thông tạm ngớt cung tơ.
Như sầu như ngẩn như ngơ,
Tứ riêng hay gấp tiếng tơ muôn phần.
Ào như tiếng ngân bình tuôn nước,
Tót như người lên ngựa tuốt đao.
Trọn cung một tiếng kíp sao,
Hình như xé lụa luôn vào bốn dây.
Thuyền khách đỗ đông tây lặng ngắt,
Một doành sông với mặt gương thâu.
Buồn sao buồn rĩ buồn rầu,
Quấn dây sốc áo dậy tâu sự mình.
Xưa kia cũng kinh thành phận gái,
Chốn non Chàng hang Nhái là nhà.
Nghề riêng quen thuở mười ba,
Giáo phường mấy bộ tên ra đứng đầu.
Tài với sắc mỗi màu mỗi đủ,
Vụng thiện tài lại xấu Thu Nương.
Xui người khuê ngọc các [1] vàng,
Một cung chưa biết mấy vàn hồng tiêu.
Đem trâm lược thay chiều kích tiết [2],
Sắc la quần chi biệt rượu chè.
Trận cười đã mấy năm chờ,
Thay gương thu nguyệt đổi cờ xuân phong.
Kiếp người thiếu tráng [3] dễ không,
Sớm qua tối lại còn hồng nhan đâu.
Khách xe ngựa ai hầu trông lại,
Chút xuân già gửi lại thương quân [4].
Một tình một lợi nào cân,
Buôn chè tháng trước đã lần bè xuôi.
Mình thê bạc [5] bên trời một chiếc,
Lạnh lùng thay với nước cùng trăng.
Ngày xuân còn nhớ tơ giăng,
Nỉ non phiếm trúc, nước ngưng lệ hồng.

---

1. *Khuê*: nhà trong, chỗ đàn bà con gái ở; *các*: gác, lầu.
2. *Kích tiết*: đánh nhịp.
3. *Thiếu tráng*: trẻ mạnh.
4. *Quân*: chữ tôn xưng, đây chỉ người chồng.
5. *Thê bạc*: dựa vào bờ.

http://tieulun.hopto.org

Say cầm sắt [1] bên lòng đã rối,
Lại lời than lắm nỗi nồng nồng.
Rằng trong một kiếp bình bồng [2],
Chẳng tương tri [3] cũng tương phùng [4] từ đây.
Ta những thuở từ nơi phượng khuyết,
Cũng xa xôi ra đến nẻo này;
Băng chừng nước quạnh non khơi,
Tuần trăng đã đủ, cầm đài [5] nào nghe.
Gian thảo xá [6] ở cùng thủy khúc,
Những chòm lau khóm trúc rà rà.
Sớm khuya những tiếng chi là,
Quyên gầy kêu hạ, vượn già gào đông.
Hoa xuân tốt, trăng thu trong,
Nghiêng bầu rót rượu luống không ai cùng.
Dẫu ca địch vang lừng thôn ổ,
Những líu lo cũng khó vào tai.
Một hôm nghe tiếng đàn ai,
Nhạc Thiều [7] dắng dỏi [8] bên tai ngọt ngào.
Gảy khúc nữa tiệc đào cho trót,
Cùng vì nhau mượn bút làm ghi.
Nặng lòng cảm nỗi tương tri,
Gót hoa nương chiếu, đàn tỳ lên cung.
Não nùng hỡi não nùng thay bấy,
Khách nhàn du [9] những sái giao châu [10].
Nực cười có kẻ riêng sầu,
Áo lam Tư mã còn màu gì xanh.

Khuyết danh

---

1. *Cầm sắt*: tên hai thứ đàn xưa, hòa với nhau, biểu hiện tình vợ chồng.
2. *Bình bồng*: tên một thứ bèo, ta gọi là "bèo Nhật Bản", đây nghĩa là trôi nổi.
3. *Tương tri*: biết nhau.
4. *Tương phùng*: gặp nhau.
5. *Cầm đài:* cái bệ trên đó (Tư mã Tương Như) gảy đàn cho (Trác Văn Quân) nghe. Trỏ việc chơi đàn. X. *Rằng nghe nổi tiếng cầm đài* (K).
6. *Thảo xá*: nhà cỏ; *thủy khúc:* khúc sông.
7. *Thiều*: cung hát vua Thuấn.
8. *Dắng dỏi*: du dương.
9. *Nhàn du:* chơi rỗi; *sái:* tưới, rảy.
10. *Giao châu*: nước mắt con sấu.

http://tieulun.hopto.org

Bản dịch 3

TỲ BÀ HÀNH

Trên bến Tầm Dương đêm tiễn khách,
Hoa địch [1] lá phong thu lạch tách.
Chủ nhân xuống ngựa, khách trong thuyền,
Cất ly muốn cạn, không quản huyền [2].
Say chẳng thành vui, buồn sắp biệt,
Lúc biệt lờ mờ sông đầm nguyệt.
Chợt nghe trên nước tiếng tỳ bà,
Chủ quên về, khách cũng lân la,
Theo tiếng hỏi thăm ai đó đàn.
Tiếng đàn ngừng hẳn, nói khoan khoan.
Xeo thuyền gần lại, mới ra mặt,
Khêu đèn, đặt rượu thêm tiêm tất.
Ngàn kêu muôn gọi mới qua thuyền,
Ôm chiếc tỳ bà che nửa mặt.
Vặn trục nhấn dây ít tiếng thôi,
Chưa thành khúc điệu đã tình rồi.
Dây dây đè nén ý trầm ngâm,
Như tỏ sinh bình chửa xứng tâm.
Cúi mày, tay gảy, tiếng tuôn tuôn,
Kể hết trong lòng bao nỗi buồn.
Nhẹ nhõm, khoan thai, hát lại khều.
Trước khúc Nghê thường, sau Lục yêu,
Có lúc thì thầm như nói nhỏ,
Có lúc ào ào như nước đổ.

---

1. Cây lau.
2. Đàn sáo.

http://tieulun.hopto.org

Ào ào, thì thầm xen lẫn đàn,
Châu nhỏ châu to rót ngọc bàn.
Tiếng oanh ríu rít dưới hoa, trơn,
Tiếng suối ngập ngừng nước xuống ngàn.
Thánh thót suối ngừng, dây ngỡ đứt,
Cách tuyệt không thông, đàn tạm đứt.
Riêng có u sầu ám hận sinh.
Khi im tiếng hơn khi có tiếng,
Bình bạc bể rồi, nước chảy tung.
Ngựa sắt vung ra, thương chạm kiếm,
Khúc rồi, cất bát [1] vạch tim đờn.
Xẹt một tiếng, bốn dây lẳng lặng,
Ghe cộ đông tây chẳng một lời.
Lòng sông chỉ thấy trăng thu trắng,
Tần ngần đem bát cắm trong dây.
Sửa soạn áo xiêm trở gót giày,
Tự xưng vốn thị gái kinh thành.
Nhà ở Hà Mô lăng hạ đó,
Đàn tỳ học giỏi mới mười ba.
Tên thuộc giáo phường đệ nhất bộ [2],
Khúc hay thường được thiện tài [3] khen.
Đóng mốt [4], Thu Nương [5] thêm tật đố [6],
Ngũ lăng [7] khách trẻ tranh triền đầu [8].
Một khúc tiêu hồng [9] không biết số,
Hoa vàng lược bạc bể luôn tay [10].

---

1. Cái phím để gảy đàn.
2. Sổ thứ nhất.
3. Thày dạy âm nhạc.
4. Trang điểm vào.
5. Tên người đàn bà đẹp đã có tuổi.
6. Ghen.
7. Tên đất gần kinh thành.
8. Khăn đỏ: hồi xưa người ta dùng nó để thưởng các nàng ca vũ.
9. Khăn đỏ.
10. Dùng những vật đó để gõ nhịp, lâu rồi bể hết.

http://tieulun.hopto.org

Đỏ nhuộm quần là vì nhuộm ố,
Năm nay cười giỡn lại sang năm.
Thu nguyệt xuân phong quên mấy độ,
Dì nuôi đã chết, em tòng quân.
Sớm tối đổi thay nhan sắc cũ,
Ngựa xe trước cửa vắng lơ thơ.
Già lớn về tay người đại cổ [1],
Con buôn lợi trọng biệt ly khinh.
Tháng trước, Phù Lương [2] đi bán trà,
Cửa sông đi lại giữ thuyền không.
Quanh thuyền trăng rọi, nước mênh mông,
Đêm khuya mộng thấy việc hồi trẻ,
Mơ màng giọt lệ đỏ [3] lan can [4].
Ta nghe đàn tỳ đã buồn bực,
Lại nghe lời này càng bứt rứt.
Cùng người luân lạc chỗ thiên nhai,
Gặp nhau hà tất từng tương thức.
Ta từ năm trước xa Đế kinh,
Giáng chức, đau nằm Tầm Dương thành.
Tơ trúc trọn năm nghe vắng tiếng,
Tầm Dương hẻo lánh thôi cũng đành.
Bến Bồn đất thấp nhà gần đó,
Trúc đắng lau vàng vẫn mọc quanh.
Nghe những tiếng gì trong sớm tối?
Tiếng quyên, tiếng vượn, tiếng buồn tênh.
Gặp khi hoa nở, khi trăng sáng,
Bầu rượu thường thường rót một mình.
Sau thôn có sáo và ca khúc,
Lăng líu, khàn khàn, khó gợi tình.

---

1. Người buôn bán lớn.
2. Tên đất.
3. Khóc mà nước mắt có máu nên đỏ cả lan can.
4. Nguyễn Hiến Lê đã chú thích: "Khóc mà nước mắt có máu nên đỏ cả lan can" thì sai. Theo các quyển *Đường thi tam bách thủ* thì *lan can* có nghĩa là vành mắt hoặc ngang dọc, đầm đìa.

http://tieulun.hopto.org

Đêm nay nghe được tỳ bà khúc,
Như nghe tiên nhạc, mở thông minh.
Chớ từ, gảy lại cho nghe nữa,
Vì mình ta làm tỳ bà hành.
Cảm lời nói ấy, đứng hơi lâu,
Ngồi xuống vặn dây, dây thẳng gấp,
Đau thương khác hẳn điệu vừa nghe,
Giọt lệ khách ngồi coi muốn khắp,
Thử hỏi ai là người khóc nhiều?
Giang Châu Tư mã áo xanh ướt.

Khuyết danh

http://tieulun.hopto.org

TRƯỜNG HẬN CA

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

TRƯỜNG HẬN CA

Bên cạnh bài *Tỳ bà hành* của Bạch Cư Dị thì bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị cũng là một tác phẩm nổi tiếng được nhiều người diễn âm. Chúng tôi sưu tầm thấy có:

– Bản dịch khuyết danh in trên *Nam Phong tạp chí*, số 127, tháng 3-1928.

– Bản dịch khuyết danh in trên *Nam Phong tạp chí*, số 180, tháng 1-1933.

– Bản dịch khuyết danh (thể lục bát) in trên *Nam Phong tạp chí*, số 180, tháng 1-1933.

– Bản dịch khuyết danh của một số thân sĩ và nhà giáo ở Bình Định do Lâm Mỹ Tài sao lục.

– Bản dịch của Tản Đà đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* – tháng 12-1934 và tháng 1-1935.

– Bản dịch của Vũ Đình Liên in trong *Thanh nghị*, số 6 (15-10-1941).

– Bản dịch của Vũ Văn Khoa in trong *Thanh nghị*, số 18 (1-8-1942).

– Bản dịch của Trần Trọng Kim in trong quyển *Đường thi* - Tân Việt - 1950.

– Bản dịch khuyết danh in trong *Đại cương Văn học sử Trung Quốc* của Nguyễn Hiến Lê, 1964.

– Bản dịch của Trần Trọng San in trong *Thơ Đường* quyển II, Bắc đẩu xuất bản - 1970.

Trong số các bản dịch ấy có bài của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu là đạt hơn cả.

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

TẢN ĐÀ
NGUYỄN KHẮC HIẾU
(1889-1939)

Nguyễn Khắc Hiếu hiệu là Tản Đà, sinh ngày 20-4 năm Kỷ Sửu (25-5-1889), quê quán làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc tỉnh Hà Tây).

Ông vốn thông minh nhưng tính phóng túng, làm văn không chịu theo khuôn khổ khoa cử nên mấy khoa thi đều không đậu.

Ông quay sang viết báo. Lúc đầu viết cho *Đông Dương tạp chí*. Khi *Nam Phong tạp chí* ra đời, ông cũng có cộng tác với tạp chí ấy một thời gian. Tạp chí *Hữu Thanh* mời ông về làm chủ bút nhưng chỉ được ít lâu ông lại từ chức. Năm 1926 ông làm chủ bút tờ *An Nam tạp chí* do chính ông sáng lập.

Tờ báo cũng không sống được bao lâu. Ông vào Nam viết cho *Đông Pháp thời báo* và *Thần Chung* ở Sài Gòn. Được một thời gian ông lại trở về Hà Nội.

Ông mất ngày 20 tháng 4 năm Kỷ Mão (1939), thọ 51 tuổi.

Ông tuy có làm báo, viết truyện, nhưng lại nổi tiếng về thơ.

Ông cũng có dịch một số *thơ Đường* đăng trên báo *Ngày nay*. Bài *Trường hận ca* do ông dịch lại được đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* (1935) và được in lại trong *Tản Đà vận văn*.

Thơ văn Tản Đà được giới thiệu trong tập khác của bộ Tổng tập này.

http://tieulun.hopto.org

Bản dịch I (của Tản Đà)

TRƯỜNG HẬN CA

Đức vua Hán mến người khuynh quốc,
Trải bao năm tìm chuốc công tai.
Nhà Dương có gái mới choai,
Buồng xuân khóa kín chưa ai bạn cùng.
Lạ gì của tuyết đông ngọc đúc,
Chốn ngại vàng phút chốc ngồi bên.
Một cười trăm vẻ thiên nhiên,
Sáu cung nhan sắc thua hờn phấn son.
Trời xuân lạnh, suối tuôn mạch ấm,
Da mỡ đông kỳ tắm ao Hoa.
Vua yêu bận ấy mới là,
Con hầu nâng dậy coi đà mệt thay!
Vân nhẹ bước lung lay tóc mái,
Màn phù dung êm ái đêm xuân.
Đêm xuân vắn vủn có ngần,
Ngai rồng từ đấy chậm phần vua ra.
Suốt ngày tháng tiệc hoa vui mãi,
Đêm xuân tàn, xuân lại còn đêm.
Ba nghìn xinh đẹp chị em,
Ba nghìn yêu quí chất nêm một mình.
Nhà vàng đúc, đêm thanh ôm ấp,
Lầu ngọc cao, say ắp màu xuân.
Anh em sướng đủ mọi phần,
Mà cho thiên hạ có lần rẻ trai.

http://tieulun.hopto.org

Vẳng tiên nhạc khắp nơi nghe biết,
Làn gió đưa cao tít Ly cung.
Suốt ngày múa hát thung dung,
Tiếng tơ, tiếng trúc say lòng quân vương.
Ầm tiếng trống Ngư Dương kéo đến,
Khúc Nghê thường tan biến như không.
Chín lần thành khuyết bụi tung,
Nghìn xe, muôn ngựa qua vùng Tây Nam.
Đi lại đứng hơn trăm dặm đất,
Cờ thúy hoa bóng phất lung lay.
Sáu quân dùng dắng làm rầy,
Mày ngài trước ngựa lúc này thương ôi!
Ai người nhặt thoa rơi bỏ đất,
Ôi! Thúy kiều ngọc nát vàng phai.
Quân vương bưng mặt cho rồi,
Quay đầu trông lại, máu trôi lệ dàn.
Gió tung bụi mê man tản mác,
Đường thang mây Kiếm Các lần đi.
Vắng tanh, dưới núi Nga My,
Mặt trời nhạt thếch, tinh kỳ buồn tênh!
Đất Ba Thục non xanh nước biếc,
Lòng vua cha thương tiếc hôm mai.
Thấy trăng luống những đau người,
Đêm mưa đứt ruột, canh dài tiếng chuông.
Phút trời đất quay cuồng vận số,
Bánh xe rồng đến chỗ ngày xưa.
Đất bùn chỗ chết còn trơ,
Thấy đâu mặt ngọc, bây giờ Mã Ngôi!
Đầm vạt áo, vua tôi giọt lệ,
Gióng dây cương, ngựa tế về đông.
Cảnh xưa dương liễu, phù dung,
Vị Ương, Thái Dịch hồ cung vẹn mười.

http://tieulun.hopto.org

Phù Dung đó, mặt ai đâu tá?
Mày liễu đâu, cho lá còn như!
Càng trông hoa liễu năm xưa,
Càng xui nước mắt như mưa ướt đầm.
Xuân đào lý gió đêm huê nở,
Thu khi mưa rụng lá ngô đồng.
Kìa Nam uyển, nọ Tây cung,
Đầy thềm ai quét lá hồng thu rơi?
Vườn Lê cũ những ai con hát?
Mái tóc coi trắng phớt lạ lùng.
Những ai coi giữ tiêu phòng?
Mày xanh thuở ấy nay cùng già nhăn.
Trước cung điện nhìn sân đêm tối,
Đom đóm bay gợi mối u sầu.
Ngọn đèn khêu đã cạn dầu,
Khó thay, giấc ngủ dễ hầu ngủ xong!
Tiếng canh tối tùng tùng điểm trống,
Năm canh dài chẳng giống đêm xưa.
Sông Ngân lấp lánh sao thưa,
Trời như muốn sáng, sao chưa sáng trời?
Trên mái ngói sương rơi ướt lạnh,
Trong chăn nằm bên cạnh nào ai?
Cách năm sống thác đôi nơi,
Thấy đâu hồn phách vãng lai giấc nồng?
Khách đạo sĩ Lâm Cùng có gã,
Chơi Hồng Đô phép lạ thần thông.
Xót vì vua chúa nhớ nhung,
Mới sai phương sĩ hết lòng ra tay.
Cưỡi luồng gió như bay như biến,
Trên trời xanh, dưới đến đất đen.
Hai nơi bích lạc, hoàng tuyền,
Dưới trên tìm khắp mơ huyền thấy chi!
Sực nghe nói tìm đi mé bể,

http://tieulun.hopto.org

Có non tiên ngoài phía hư không.
Rỡ ràng cung điện linh lung,
Xa trông năm sắc mây lồng đẹp sao!
Trong tha thướt biết bao tiên tử,
Một nàng tiên tên chữ Ngọc Chân.
Mặt hoa da tuyết trắng ngần,
Dáng như người ấy có phần phải chăng?
Mái tây gõ cửa vàng then ngọc,
Cậy đưa tin Tiểu Ngọc, Song Thành.
Nghe tin sứ giả Hán đình,
Cửu hoa trong trướng giật mình giấc mơ.
Cầm áo dậy, thẩn thơ buồn bực,
Mở rèm châu, bình bạc lần ra.
Bâng khuâng nửa mái mây tà,
Thềm cao xuống chiếc mũ hoa lệch đầu.
Phới tay áo bay màu ngọn gió,
Giống Nghê thường khúc múa năm xưa.
Lệ dàn mặt ngọc lưa thưa,
Cành lê hoa chíu hạt mưa xuân đầm.
Ngừng nước mắt âm thầm buồn bã,
Đội ơn lòng, xin tạ quân vương.
Từ ngày cách trở đôi phương,
Vắng tanh tăm tiếng, mơ màng hình dong.
Nơi đế điện dứt vòng ân ái,
Chốn tiên cung thư thái tháng ngày.
Cõi trần ngoảnh lại mà hay,
Tràng An chẳng thấy, thấy đầy bụi nhơ!
Lấy chi tỏ tình xưa thăm thú?
Gửi cành thoa vật cũ cầm xuôi.
Thoa vàng hộp khảm phân đôi,
Nửa xin để lại nửa thời đem đi.
Chỉ xin nguyện lòng ghi dạ tạc,
Tựa thoa vàng bền chắc không phai.

http://tieulun.hopto.org

Thời cho cách trở đôi nơi,
Nhân gian rồi với trên trời gặp nhau.
Ân cần dặn mấy câu lâm biệt,
Lời thề xưa lòng biết với lòng.
Là đêm Trùng thất ngồi chung,
Trường sinh sân điện vắng không bóng người.
Xin kết nguyện chim trời liền cánh,
Xin làm cây cành nhánh liền nhau.
Thấm chi trời đất dài lâu,
Giận này dằng dặc dễ hầu có nguôi...

http://tieulun.hopto.org

長恨歌

漢皇重色思傾國
御宇多年求不得
楊家有女初長成
養在深閨人未識
天生麗質難自棄
一朝選在君王側
回眸一笑百媚生
六宮粉黛無顏色
春寒賜浴華清池
溫泉水滑洗凝脂
侍兒扶起嬌無力
始是新承恩澤時
雲鬢花顏金步搖
芙蓉帳暖度春宵
春宵苦短日高起
從此君王不早朝
承歡侍宴無閒暇

http://tieulun.hopto.org

夜專夜遊夜三千人身
春從春遊麗三千一身夜
20 春後宮佳麗愛在一侍夜
三千龍愛成嬌侍和春
金屋妝成罷醉和列土
玉樓宴罷醉皆列門戶
姊妹弟兄皆列土門戶
可憐光彩生門戶心
25 遂令天下父母心
不重生男重生女
驪宮高處入青雲
仙樂風飄處處聞竹
緩歌謾舞凝絲竹足
30 盡日君王看不足
漁陽鼙鼓動地來
驚破霓裳羽衣曲
九重城闕煙塵生
千乘萬騎西南行
35 翠華搖搖行複止
西出都門百餘里

http://tieulun.hopto.org

六軍不發無奈何
宛轉蛾眉馬前死
花鈿委地無人收
翠翹金雀玉搔頭
君王掩面救不得
回看血淚相和流
黃埃散漫風蕭索
雲棧縈紆登劍閣
峨嵋山下少人行
旌旗無光日色薄
蜀江水碧蜀山青
聖主朝朝暮暮情
行宮見月傷心色
夜雨聞鈴腸斷聲
天旋地轉迴龍馭
到此躊躇不能去
馬嵬坡下泥土中
不見玉顏空死處
君臣相顧盡霑衣

http://tieulun.hopto.org

東望都門信馬歸
歸來池苑皆依舊
太液芙蓉未央柳
芙蓉如面柳如眉
對此如何不淚垂
春風桃李花開日
秋雨梧桐葉落時
西宮南內多秋草
落葉滿階紅不掃
梨園子弟白髮新
椒房阿監青娥老
夕殿螢飛思悄然
孤燈挑盡未成眠
遲遲鐘鼓初長夜
耿耿星河欲曙天
鴛鴦瓦冷霜華重
翡翠衾寒誰與共
悠悠生死別經年
魂魄不曾來入夢

http://tieulun.hopto.org

臨邛道士鴻都客
能以精誠致魂魄
爲感君王輾轉思
遂教方士殷勤覓
排雲馭氣奔如電
升天入地求之遍
上窮碧落下黃泉
兩處茫茫皆不見
忽聞海上有仙山
山在虛無縹緲間
樓閣玲瓏五雲起
其中綽約多仙子
中有一人字太眞
雪膚花貌參差是
金闕西廂叩玉扃
轉教小玉報雙成
聞道漢家天子使
九華帳裏夢魂驚
攬衣推枕起徘徊

http://tieulun.hopto.org

珠箔銀屏迤邐開
雲髻半偏新睡覺
花冠不整下堂來
風吹仙袂飄飄舉
猶似霓裳羽衣舞
玉容寂寞淚欄干
梨花一枝帶春雨
含情凝睇謝君王
一別音容兩渺茫
昭陽殿裏恩愛絶
蓬萊宮中日月長
回頭下望塵寰處
不見長安見塵霧
惟將舊物表深情
鈿合金釵寄將去
釵留一股合一扇
釵擘黄金合分鈿
但教心似金鈿堅
天上人間會相見

http://tieulun.hopto.org

辭寄重兩勤殷別臨
知心生長日七月七
殿時語私人無半夜
鳥翼比作願天在天
枝理連爲願地在地
期絶無綿綿恨此
盡時有久地長天

http://tieulun.hopto.org

TRƯỜNG HẬN CA

Vua Đường Minh Hoàng mê nàng Dương Quý Phi nên trễ nải cả việc triều chính.

Cuối thời Thiên Bảo, anh của Dương Quý Phi là Dương Quốc Trung được cử giữ chức Tể tướng, đã lộng quyền làm nhiều điều mất lòng dân.

An Lộc Sơn dấy binh chống lại Đường Minh Hoàng lấy cớ là loại trừ Dương Quốc Trung. Vua Đường Minh Hoàng phải bỏ kinh đô Tràng An chạy vào Tây Thục. Khi đến Mã Ngôi, quân sĩ đói mệt, không chịu đi nữa, đều oán giận cho rằng vì Quý Phi mà có loạn, bèn xin giết nàng. Vua phải theo ý tướng sĩ, sai đem thắt cổ nàng trước ngựa mà lòng vô cùng đau đớn.

Sau khi dẹp được loạn An Lộc Sơn, trở lại kinh đô, Đường Minh Hoàng luôn thương nhớ nàng Quý Phi.

Bạch Cư Dị viết bài ca này để chép lại chuyện đó.

Hán hoàng [1] trọng sắc tư khuynh quốc [2],
Ngự vũ đa niên cầu bất đắc.
Dương gia hữu nữ sơ trưởng thành,
Dưỡng tại thâm khuê nhân vị thức.
Thiên sinh lệ chất nan tự khi,
Nhất triêu tuyển tại quân vương trắc.
Hồi mâu [3] nhất tiếu bách mị sinh;

---

1. *Hán hoàng* : Bạch Cư Dị là thần tử nhà Đường. Vua Minh Hoàng tức là tiên đế cho nên không tiện nói rõ mới nói chạnh ra là Hán hoàng (vua Hán). Đây chỉ Đường Huyền Tông.

2. *Khuynh quốc*: làm nghiêng nước, chỉ người đàn bà đẹp. Do câu hát của Lý Diên Niên: *"Bắc phương hữu giai nhân, tuyệt thế nhi độc lập. Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc"* (Phương Bắc có người đẹp, một mình nhất thế gian. Nhìn một cái thì nghiêng thành người ta, nhìn hai cái thì nghiêng nước người ta).

3. *Hồi mâu*: (*mâu tử:* con ngươi mắt) ngoảnh nhìn lại.

http://tieulun.hopto.org

Lục cung [1] phấn đại [2] vô nhan sắc.
Xuân hàn tứ dục Hoa Thanh trì [3],
Ôn tuyền thủy hoạt tẩy ngưng chi [4];
Thị nhi phù khởi kiều vô lực,
Thủy thị tận thừa ân trạch thì.
Vân mấn [5] hoa nhan kim bộ dao [6],
Phù dung [7] trướng noãn độ [8] xuân tiêu;
Xuân tiêu [9] khổ đoản nhật cao khởi,
Tòng thử quân vương bất tảo triều.
Thừa hoan thị yến vô nhàn hạ,
Xuân tòng xuân du dạ chuyên dạ.
Hậu cung giai lệ tam thiên nhân,
Tam thiên sủng ái tại nhất thân.
Kim ốc [10] trang thành kiều thị dạ,
Ngọc lâu yến bãi túy hòa xuân.
Tỷ muội, đệ huynh giai liệt thổ,
Khả liên quang thái sinh môn hộ;
Toại linh thiên hạ phụ mẫu tâm,
Bất trọng sinh nam trọng sinh nữ.
Ly cung [11] cao xứ nhập thanh vân,

---

1. *Lục cung*: chỗ các cung phi ở.

2. *Đại:* thuốc đen của phụ nữ xưa dùng để vẽ lông mày nên đồ trang sức gọi là *phấn đại.*

3. *Hoa Thanh trì*: (*trì*: cái ao) tại Thiểm Tây, Lâm Đồng huyện, phía Nam Ly Sơn.

4. *Ngưng chi*: mỡ bị lạnh mà đông lại. Chữ trong *Kinh Thi,* bài *Thạc nhân: "Phu như ngưng chi"* (Da của nàng trắng như mỡ đông lại) ý nói trắng trẻo.

5. *Vân mấn*: (*mấn* cũng đọc là *tấn:* tóc mai, tóc bên mái tai) tóc bồng bềnh như mây.

6. *Bộ dao*: (*dao* cũng đọc là *diêu:* lay động) đồ trang sức trên đầu phụ nữ thời xưa, lúc đi thì lung lay vì có những bông hoa đính chung quanh, hoặc có những tua ngọc rủ quanh.

7. *Phù dung*: tên một thứ hoa đẹp (tức mộc phù dung) dùng để ví với mặt người đàn bà đẹp.

Phù dung trướng: trướng có thêu hoa phù dung.

8. *Độ:* qua.

9. *Xuân tiêu*: (*tiêu*: đêm) đêm xuân, đêm vui vẻ xuân tình. *Xuân tiêu nhất khắc trị thiên kim* (đêm xuân một khắc đáng nghìn vàng; tình tứ người chơi xuân) *Đóa hải đường thức ngủ xuân tiêu* (C.O.)

10. *Kim ốc*: (*kim*: vàng, *ốc:* nhà) dùng để chỉ cái nhà hết sức hoa lệ. Hán Vũ Đế khi còn nhỏ, từng nói về nàng A Kiều: *"Nếu lấy được A Kiều thì sẽ làm nhà vàng cho ở"*. Sau A Kiều trở thành hoàng hậu.

11. *Ly cung*: tức cung Hoa Thanh.

http://tieulun.hopto.org

Tiên nhạc phong phiêu xứ xứ văn;
Hoãn ca mạn vũ ngưng ty trúc,
Tận nhật quân vương khan bất túc.
Ngư Dương [1] bề cổ động địa lai,
Kinh phá Nghê thường vũ y [2] khúc.
Cửu trùng thành khuyết yên trần sinh,
Thiên thặng [3] vạn kỵ tây nam hành.
Thúy hoa dao dao hành phục chỉ,
Tây xuất đô môn bách dư lý.
Lục quân bất phát vô nại hà?
Uyển chuyển nga mi [4] mã tiền tử.
Hoa điền [5] ủy địa vô nhân thâu,
Thúy kiều [6], kim tước, ngọc tao đầu.
Quân vương yểm diện cứu bất đắc,
Hồi khan huyết lệ tương hòa lưu.
Hoàng ai tản mạn phong tiêu tác,
Vân sạn oanh vu [7] đăng Kiếm các [8].
Nga My [9] sơn hạ thiểu nhân hành,
Tinh kỳ vô quang nhật sắc bạc.
Thục giang thủy bích Thục sơn thanh,
Thánh chủ triêu triêu mộ mộ tình.
Hành cung kiến nguyệt thương tâm sắc,

---

1. *Ngư Dương*: nay thuộc tỉnh Sơn Tây. Xưa là nơi An Lộc Sơn đã nổi dậy để chống lại vua Đường Huyền Tông.

2. *Nghê thường vũ y:* điệu múa Nghê thường. Đời nhà Đường, đêm rằm tháng 8, đạo sĩ La Công Viễn dùng phép tiên đưa vua Minh Hoàng lên chơi trên Nguyệt điện. Vua thấy các tiên nữ mặc xiêm áo sặc sỡ như màu sắc cầu vồng múa hát ở sân Nguyệt điện, khác các điệu múa ở cung vua. Vua hỏi Công Viễn. Ông ta nói đấy là khúc *Nghê thường vũ y.*

3. *Thiên thặng:* (*thặng:* cỗ xe, xe bốn ngựa kéo) nghìn cỗ xe.

4. *Nga mi*: chữ lấy trong *Kinh Thi*, bài *Thạc nhân* (người đẹp) chỉ lông mày nhỏ, dài và cong như râu con ngài. Đây chỉ vẻ đẹp của Dương Quí Phi.

5. *Hoa điền*: đồ trang sức làm bằng vàng dùng để cài đầu của phụ nữ.

6. *Thúy kiều*: đồ trang sức trên đầu của phụ nữ.

7. *Oanh vu*: (*oanh:* quanh co, *vu* hoặc *hu, u:* quanh) quanh co.

8. *Kiếm các*: đường thang bắc ngang qua hai ngọn núi ở Kiếm Sơn, thế rất nguy hiểm.

9. *Nga My*: tên núi, ở phía Nam huyện Nga My, tỉnh Tứ Xuyên.

http://tieulun.hopto.org

Dạ vũ văn linh [1] trường đoạn thanh.
Thiên tuyền địa chuyển hồi long ngự,
Đáo thử trù trừ bất năng khứ.
Mã Ngôi pha [2] hạ nê thổ trung,
Bất kiến ngọc nhan không tử xứ.
Quân thần tương cố tận triêm y,
Đông vọng đô môn tín mã quy.
Quy lai trì uyển giai y cựu,
Thái Dịch [3] phù dung Vị Ương [4] liễu;
Phù dung như diện liễu như mi,
Đối thử như hà bất lệ thùy?
Xuân phong đào lý hoa khai nhật,
Thu vũ ngô đồng diệp lạc thì,
Tây cung nam nội đa thu thảo,
Lạc điệp mãn giai hồng bất tảo.
Lê viên tử đệ [5] bạch phát tân,
Tiêu phòng [6] a giám [7] thanh nga [8] lão.
Tịch điện huỳnh phi tứ tiễu nhiên,
Cô đăng khiêu tận vị thành miên.
Trì trì chung cổ sơ trường dạ,
Cảnh cảnh tinh hà dục thự thiên.
Uyên ương ngõa lãnh sương hoa trọng,
Phỉ thúy khâm hàn thùy dữ cộng,
Du du sinh tử biệt kinh niên,

---

1. *Văn linh*: (*linh:* cái chuông rung, cái chiêng), nghe tiếng chiêng hoặc tiếng chuông rung. Khi đến Tà Cốc khẩu Đường Huyền Tông nghe tiếng chiêng trong lúc mưa rầm, buồn bã vì nhớ tới Quý Phi, liền làm ra khúc ca gọi là *Vũ lâm linh khúc* (khúc chiêng kêu trong lúc mưa dầm).

2. *Mã Ngôi pha*: tên đất nay ở phía Tây huyện Hưng Bình, tỉnh Thiểm Tây, nơi Dương Quý Phi bị thắt cổ chết.

3. *Thái Dịch*: tên ao trong cung vua.

4. *Vị Ương*: tên cung điện.

5. *Lê viên tử đệ*: vua Minh Hoàng có tuyển một đội con hát riêng để được dạy tập luyện trong vườn riêng gọi là Hoàng đế Lê viên tử đệ.

6. *Tiêu phòng*: (*tiêu:* hạt tiêu, *phòng:* buồng) phòng của các cung phi ở, tường vách trát vôi có trộn thêm hạt tiêu cho thơm và ấm.

Bực mình muốn đạp tiêu phòng mà ra (C.O.)

7. *A giám:* quan hoạn coi trong cung.

8. *Thanh nga*: cung nữ trẻ đẹp.

http://tieulun.hopto.org

Hồn phách bất tằng lai nhập mộng.
Lâm Cùng [1] đạo sĩ Hồng Đô [2] khách,
Năng dĩ tinh thành trí hồn phách;
Vị cảm quân vương triển chuyển tư,
Toại giao phương sĩ [3] ân cần mịch.
Bài vân ngự khí bôn như điện,
Thăng thiên nhập địa cầu chi biến;
Thượng cùng bích lạc [4] hạ hoàng tuyền [5],
Lưỡng xứ mang mang giai bất kiến.
Hốt văn hải thượng hữu tiên sơn [6].
Sơn tại hư vô phiếu diểu gian,
Lâu các lung linh ngũ vân khởi;
Kỳ trung sước ước đa tiên tử,
Trung hữu nhất nhân tự Thái Chân [7],
Tuyết phu hoa mạo sâm si thị.
Kim khuyết [8] tây sương khấu ngọc quynh;
Chuyển giao Tiểu Ngọc [9] báo Song Thành [10].
Văn đạo Hán gia thiên tử sứ,
Cửu hoa trướng [11] lý mộng hồn kinh.
Lãm y thôi chẩm khởi bồi hồi,
Châu bạc ngân bình [12] dĩ lị [13] khai,
Vân kết bán thiên tân thụy giác,
Hoa quan bất chỉnh hạ đường lai.
Phong xuy tiên duệ phiêu phiêu cử,

---

1. *Lâm Cùng*: tên huyện thuộc tỉnh Tứ Xuyên, nơi người đạo sĩ ở đó.
2. *Hồng Đô:* chỗ thầy đạo sĩ ở chơi.
3. *Phương sĩ*: đạo sĩ, người nghiên cứu học thần tiên và các phương thuật trừ tà trục quỉ.
4. *Bích lạc*: đạo gia gọi trên trời là bích lạc.
5. *Hoàng tuyền*: suối vàng tức âm phủ. Nhà Phật cho rằng dưới âm phủ có chín suối vàng (cửu tuyền).
6. *Tiên sơn*: núi có tiên ở. Tương truyền trong Bột Hải có ba hòn núi: Bồng Lai, Phương Trượng và Doanh Châu là nơi tiên ở.
7. *Thái Chân*: tên chữ của Dương Quý Phi.
8. *Kim khuyết*: (*kim*: vàng, *khuyết* hoặc *quyết:* cái lầu canh ở cửa cung điện) cung điện.
9. *Tiểu Ngọc*: tên người hầu gái cũng là tiên nữ.
10. *Song Thành*: tức Đổng Song Thành, thị nữ của Tây Vương Mẫu.
11. *Cửu hoa trướng*: trướng có dệt hoa rực rỡ.
12. *Ngân bình*: bức bình phong bằng bạc.
13. *Dĩ lị*: quanh co men theo bên vệ.

http://tieulun.hopto.org

Do tự Nghê thường vũ y vũ;
Ngọc dung tịch mịch lệ lan can [1];
Lê hoa nhất chi đới xuân vũ.
Hàm tình ngưng thế tạ quân vương,
Nhất biệt âm dung lưỡng diểu mang!
Chiêu Dương [2] điện lý ân ái tuyệt.
Bồng Lai [3] cung trung nhật nguyệt trường.
Hồi đầu hạ vọng trần hoàn xứ,
Bất kiến Trường An kiến trần vụ.
Duy tương cựu vật biểu thâm tình,
Điền hạp kim thoa ký tương khứ.
Thoa lưu nhất cổ, hạp nhất phiến,
Thoa phách hoàng kim hạp nhân điền;
Đãn giao tâm tự kim điền kiên,
Thiên thượng nhân gian hội tương kiến.
Lâm biệt ân cần trùng ký từ,
Từ trung hữu thệ lưỡng tâm tri.
Thất nguyệt thất nhật Trường Sinh [4] điện,
Dạ bán vô nhân tư ngữ thì.
"Tại thiên nguyện tác tỵ dực điểu [5],
Tại địa nguyện vi liên lý chi" [6].
Thiên trường địa cửu hữu thì tận,
Thử hận miên miên vô tuyệt kỳ.

---

1. *Lan can*: vành con mắt. Cũng có nghĩa là chan hòa.
2. *Chiêu Dương:* tên điện, nơi Dương Quý Phi đã từng ở.
3. *Bồng Lai*: tên một hòn đảo trong Bột Hải, tương truyền có tiên ở.
4. *Trường Sinh*: tên điện trong cung nhà Đường.
5. *Tỵ dực điểu*: chim sát liền cánh lúc bay, ý nói luôn luôn bay có đôi, không bao giờ bay riêng lẻ.
6. *Liên lý chi*: hai cây gốc xa nhau mà cành vươn nối liền nhau.

http://tieulun.hopto.org

Dịch nghĩa:

TRƯỜNG HẬN CA

Vua Hán trọng sắc đẹp vẫn muốn có một người nghiêng nước nghiêng thành,
Tuy ở ngôi bao năm mà vẫn chưa tìm được người vừa ý.
Nhà họ Dương có cô con gái mới lớn lên,
Nuôi nấng ở nơi buồng the, người ngoài chưa ai biết.
Vẻ đẹp trời sinh khó có thể bỏ hoài đi,
Một sớm kia nàng được tuyển vào bên vua.
Mỗi lần nàng ngoảnh mặt, nhoẻn cười lại lộ ra trăm vẻ đáng yêu;
Khiến cho các phi tần ở sáu cung không còn ai đáng gọi là có nhan sắc nữa.
Tiết xuân lạnh, nàng được tắm ở hồ Hoa Thanh,
Nước suối ấm, trơn giội trên da trắng mịn như mỡ đông;
Thị tỳ nâng dậy, nàng yếu mềm tưởng như không còn sức đứng dậy nữa,
Ấy là lần đầu tiên nàng được thấm nhuần ơn vua.
Tóc mây, mặt hoa, nàng cài chiếc bộ dao trên đầu rung rinh,
Trong màn phù dung ấm áp, nàng trải qua những đêm xuân với nhà vua;
Bực nỗi đêm xuân ngắn ngủi, mặt trời lên cao rồi mới dậy,
Từ đấy vua không ra ngự triều sớm nữa.
Nàng chiều theo ý vua, khi mua vui, khi hầu tiệc, chẳng lúc nào nhàn rỗi,
Mùa xuân theo đi chơi xuân, đêm nào cũng là đêm riêng của nàng với vua.
Người đẹp nơi hậu cung có tới ba nghìn,
Nhưng tình yêu thương của nhà vua nay dồn cả vào một mình nàng.
Nơi nhà vàng, trang hoàng xong, nàng tới hầu vua mỗi đêm,
Tại lầu ngọc, tan tiệc rồi là lại say sưa với cả chiều xuân êm ái!
Chị em, anh em nàng đều được cất đất phong quan,
Thật là một mình làm vẻ vang cho cả nhà cả họ;
Khiến cho lòng những người làm cha mẹ trong thiên hạ hồi đó,

http://tieulun.hopto.org

Coi trọng sinh con gái hơn sinh con trai.
Cung điện trên núi Ly Sơn cao vút mây xanh,
Khúc nhạc tiên theo gió đưa đi, khắp nơi đều nghe thấy;
Giọng ca êm ả, điệu múa nhẹ nhàng hòa với tiếng đàn tiếng sáo,
Suốt ngày vua xem vẫn không thấy chán.
Tiếng trống tại đất Ngư Dương bỗng ầm ầm vang đến,
Phá tan cả điệu múa "Nghê thường vũ y"
Chín lần thành khuyết, khói bụi mịt mù,
Nghìn cỗ xe, muôn cỗ ngựa chạy về phía Tây Nam.
Tàn thắm, cờ hoa phất phới giong ruổi,
Đi ra phía tây, khỏi cổng thành được hơn trăm dặm.
Bỗng dừng lại không chịu tiến đi nữa, tình thế khó xong?
Nhà vua đành phải để người đẹp chết trước ngựa.
Bông họa vàng, cành thúy kiều, hình kim tước và trâm ngọc cài đầu,
Rơi vung vãi trên mặt đất chẳng có ai nhặt lên.
Cứu không nổi, vua đành che mặt (không nỡ nhìn),
Khi nhìn lại, máu hòa nước mắt chảy xuống ròng ròng.
Bụi vàng bay tản mát, gió thổi hắt hiu buồn,
Đường mây vẫn uốn khúc cheo leo đi lên Kiếm các.
Dưới chân núi Nga My rất ít người qua lại,
Bóng cờ ủ rũ, ánh mặt trời mờ nhạt.
Sông đất Thục biếc, núi đất Thục xanh,
Tình vua thương nhớ sớm chiều không lúc nào nguôi.
Ánh trăng nơi hành cung, trông những đau lòng,
Tiếng kiểng lúc đêm mưa, nghe càng đứt ruột.
Trời xoay đất chuyển, xe rồng lại trở về,
Tới đó dùng dắng không đi lên được.
Trong đám đất bùn, trên gò Mã Ngôi,
Không nhận ra chỗ người đẹp đã chết hôm xưa.
Vua tôi nhìn nhau, ai nấy đều lệ rơi thấm áo,
Hướng về cổng thành phía Đông mặc cho con ngựa quen đường lững thững trở về.
Về tới nơi, ao vườn vẫn nguyên như cũ,
Đây là phù dung hồ Thái Dịch, kia là liễu cung Vị Ương.
Thấy hoa phù dung, nhớ đến mặt nàng, thấy lá liễu, nhớ lông mày nàng,

http://tieulun.hopto.org

Trước cảnh ấy, làm sao cầm được nước mắt?
Nhớ những buổi gió xuân, đào lý nở hoa,
Những lúc mưa thu, ngô đồng rụng lá,
Tại Tây cung điện Nam nội cỏ thu mọc đầy,
Lá rụng đỏ đầy thềm không ai quét.
Bọn con em chốn Lê viên tóc đã bạc trắng,
Lũ thái giám, thị tỳ chốn tiêu phòng cũng đã già rồi.
Trước điện, buổi tối, đom đóm bay, cảnh buồn man mác,
Ngọn đèn vò võ khêu đã hết bấc, vẫn chưa ngủ được.
Tiếng trống cầm canh thong thả điểm mới canh đầu,
Ánh sao lấp lánh trên sông Ngân tưởng trời sắp sáng.
Lớp sương dày phủ trên mái ngói uyên ương giá ngắt,
Tấm chăn phỉ thúy lạnh, biết cùng ai chung đắp,
Kẻ khuất người còn xa nhau đã hơn năm trời đằng đẵng,
Hồn phách chưa từng về gặp nhau trong giấc chiêm bao!
Một đạo sĩ ở Lâm Cùng đến chơi Hồng Đô,
Có phép thuật tinh thành gọi được hồn người chết trở về;
Vì cảm tấm lòng nhớ nhung trằn trọc của nhà vua,
Mới sai phương sĩ hết lòng tìm kiếm hộ.
Lướt mây, cưỡi gió, đi nhanh như chớp,
Lên trời, xuống đất, tìm khắp mọi nơi;
Trên từ mây biếc, dưới đến suối vàng,
Cả hai nơi mênh mông đều không thấy.
Chợt nghe ở ngoài bể có ngọn núi tiên.
Núi này ở trong khoảng hư vô huyền ảo,
Lầu gác lộng lẫy, năm thức mây lồng;
Có bao nàng tiên thướt tha yểu điệu,
Trong số đó, có một nàng tên gọi là Thái Chân,
Da tuyết, mặt hoa, trông giống như Quý Phi.
Gõ cửa ngọc mái tây nơi kim khuyết;
Nhờ Tiểu Ngọc báo tin đến Song Thành.
Nghe có sứ vua Hán tới,
Trong trướng hoa giật mình tỉnh giấc.
Khép áo, đẩy gối, bồi hồi trở dậy,
Cánh rèm châu, bức mành bạc từ từ vén ra,
Bối tóc mây hơi lệch sang một bên, vẻ còn ngái ngủ,
Mũ hoa đội chưa ngay, vội bước xuống thềm.
Gió thổi, vạt áo phất phơ bay,

http://tieulun.hopto.org

Hệt như lúc nàng đang múa khúc "Nghê thường vũ y";
Mặt ngọc u buồn, vắn dài giọt lệ,
Trông như một cành hoa lê đẫm hạt mưa xuân.
Đăm đăm khóe mắt, nghẹn ngào như muốn nói đa tạ
quân vương,
Một lần từ biệt đôi ngả cách mặt khuất lời.
Tình ân ái ở điện Chiêu Dương thế là đoạn tuyệt.
Ngày tháng trong cung Bồng Lai dài đằng đẵng.
Ngoảnh mặt nhìn xuống cõi trần hoàn,
Không thấy Trường An, chỉ thấy cát bụi mờ mịt.
Nay xin mượn vật cũ để tỏ chút tình thâm,
Chiếc hộp hoa điền, cành kim thoa, gửi mang về giúp.
Thoa để lại một nhánh, hộp để lại một mảnh;
Thoa bẻ nhánh vàng, hộp chia mảnh khảm,
Chỉ nguyện tấm lòng bền như vàng như khảm,
Rồi kẻ trên trời, người trần thế sẽ lại gặp nhau.
Lúc sắp từ biệt còn ân cần nhắn gửi mấy lời,
Trong đó có lời thề riêng, chỉ hai tấm lòng được biết.
Đó là đêm mồng bảy tháng bảy, tại điện Trường Sinh,
Nửa đêm vắng vẻ, thề riêng với nhau.
"Ở trên trời nguyện làm chim liền cánh,
Ở dưới đất, nguyện làm cây liền cành".
Trời đất dài lâu còn có lúc hết,
Hận này dằng dặc, không có thuở nào nguôi!

http://tieulun.hopto.org

Bản dịch 2

TRƯỜNG HẬN CA

Vua Hán trọng yêu người sắc nước,
Thống trị lâu năm chẳng tìm được.
Họ Dương có gái vừa lớn lên,
Kín cổng cao tường, ai biết trước.
Trời cho sắc đẹp bỏ không đành,
Một sớm vua ban đứng cạnh mình.
Một nụ cười, trăm vẻ đẹp xinh,
Sáu cung son phấn cũng coi khinh.
Suối ấm tắm rồi, xuân hết lạnh,
Nước trơn da láng trắng phau phau.
Con hầu nâng đỡ thân mềm yếu,
Ơn huệ nhà vua nhớ lúc đầu.
Mái tóc mây gài kim bộ dao [1]
Đêm xuân giấc mộng ngắn làm sao!.
Mền ấm gần trưa vừa mới dậy,
Từ đó nhà vua chẳng sớm chầu,
Trò vui tiệc yến cứ bày thêm,
Nối gót chơi xuân đêm lại đêm.
Cung cấm ba ngàn khách má đào,
Ba ngàn yêu dấu một mình bao!
Nhà vàng sẵn đó đêm chầu chực,
Lầu ngọc xuân hòa hứng rượu cao.
Anh chị em đều chia tước thổ [2],
Vẻ sang khá yêu đầy cửa ngõ.
Xui lòng cha mẹ khắp trần gian,
Chẳng trọng sinh trai, trọng sinh gái.
Cung Ly [3] cao ngất đụng mây xanh,
Tiên nhạc gió đưa khắp thị thành;

---

1. Đồ trang sức để gài đầu.
2. Anh nàng Quý Phi được phong Quận công, ba chị em gái đều được phong Phu nhân.
3. Cung ở Ly Sơn, chỗ cất cung A Phòng đời Tần.

http://tieulun.hopto.org

Khoan thai tơ trúc và ca vũ,
Coi hết ngày đêm còn chưa đủ.
Ngư Dương [1] trống trận động trời đất,
Nghê thường vũ y [2] tan đi mất.
Thành khuyết [3] chín lần khói bụi ngất.
Muôn ngựa tây nam đi lật đật.
Cờ thúy lay lay đi lại ngừng,
Mới hơn trăm dặm, đứng lừng khừng.
Sáu quân chẳng tiến, biết làm sao?
Quần quại mày ngài chết nghẹn ngào.
Hoa điền [4] rớt đất không ai thâu,
Bỏ bao của quí chất trên đầu.
Nhà vua che mặt không phương cứu,
Máu lệ tràn hòa chảy mạch sầu.
Bụi vàng mù mịt gió xơ xác,
Đường sạn [5] quanh co lên Kiếm các [6] .
Nga My chân núi ít ai đi,
Cờ xí phai màu trời sáng nhạt.
Nước sông Thục biếc, núi Thục xanh,
Thánh chúa khuya khuya sớm sớm tình.
Cung oán thương tâm vừa thấy nguyệt,
Đêm mưa đứt ruột lại nghe linh [7].
Trời quay đất chuyển ngựa rồng [8] về,
Tới đó trù trừ chẳng nỡ đi.
Nắm đất Mã Ngôi còn chỗ đó,
Buồn rầu mặt ngọc thấy đâu kìa.
Vua tôi cùng ngó, lệ đầm đìa,
Đông hướng đô môn [9] mặc ngựa về.
Lúc về phong cảnh đều y cũ,

---

1. Chỗ An Lộc Sơn nổi loạn.
2. Là khúc nhạc tiên Minh Hoàng thường chơi. Nàng Quý Phi vừa múa vừa hát theo điệu nhạc.
3. Cửa cung.
4. *Điền*: là đồ trang sức ở trên đầu.
5. Đường bắc cầu qua núi.
6. *Kiếm các*: là đường thang bắc ngang trên hai trái núi Kiếm Sơn, thế rất nguy hiểm.
7. Một nhạc khí như cái chiêng.
8. Xe vua.
9. Cửa kinh đô.

http://tieulun.hopto.org

Thái Dịch [1] phù dung, Vị Ương liễu.
Phù dung như mặt, liễu như mày,
Đối cảnh ai mà chẳng thảm thay!
Đào, lý gió xuân hoa rực rỡ,
Thu, lá ngô rụng, hạt mưa bay.
Tây cung Nam nội [2] cỏ thu rờm,
Lá rụng đầy thềm, sắc đỏ lòm.
Đệ tử vườn Lê [3] sinh tóc trắng,
Tiêu phòng hầu cận muốn già khom.
Lửa huỳnh [4] nhấp nhoáng điện buồn tanh,
Khêu hết đèn tàn, giấc chửa đành.
Chuông trống dề dề đêm khó hết,
Tinh hà [5] chớp chớp muốn tan canh,
Tấm ngói uyên ương [6] tối lạnh lùng.
Riêng mền phỉ thúy [7] có ai chung,
Cách năm sinh tử buồn dằng dặc,
Hồn phách đi đâu, mộng chẳng thông?
Lâm Cung [8] đạo sĩ khách tu tiên,
Hay lấy tính thành thấu cõi huyền.
Cám cảnh quân vương thương nhớ quá,
Khiến cho phương sĩ [9] phải cần quyền [10].
Cưỡi khí, xô không [11] như điện chạy,
Xuống đất lên trời mau biết mấy!
Trên cùng mây biếc, dưới hoàng tuyền,
Hai chỗ mờ mờ đều chẳng thấy.
Chợt nghe trên bể có tiên san [12],

---

1. Hồ Thái Dịch, cung Vị Ương ở trong thành vua tại Tràng An.
2. Tên một cung điện.
3. Vua Minh Hoàng kén con nhà tử tế, lập một đội con hát riêng, dạy tập ở một khu vườn riêng gọi là "Lê viên" (vườn lê). Bọn con hát đó gọi là "Lê viên đệ tử".
4. Là đom đóm.
5. Là sao và sông Ngân Hà.
6. Thứ ngói úp, viên nọ úp lên viên kia.
7. Lông chim chả.
8. Là nơi có người đạo sĩ ở.
9. Là người theo thuật phù thủy, phụ tiên...
10. Là khẩn thiết.
11. Là cưỡi gió, xô không khí.
12. Là núi tiên.

http://tieulun.hopto.org

Phiếu diểu hư vô một cảnh nhàn,
Lầu gác linh lung mây rực rỡ.
Yêu kiều tiên tử thường hay ở,
Trong có một người tự Thái Chân [1].
Da tuyết mặt hoa coi tựa tựa,
Khuyết vàng cựa ngọc gõ thanh thanh.
Nhờ cô Tiểu Ngọc bảo Song Thành [2].
Vừa nghe có sứ vua nhà Hán,
Trong trướng cửu hoa [3] đã giựt mình.
Bồi hồi xô gối, sửa y thường,
Bình bạc rèm châu mở rõ ràng.
Chênh chếch mái [4] mây vừa ngủ dậy,
Mũ hoa chưa sửa xuống thềm đường [5].
Áo tiên phơi phới gió đưa đi,
Giống hệt Nghê thường múa trước kia.
Vẻ ngọc buồn buồn tràn nước mắt,
Ngày xuân mưa trĩu một cành lê.
Ngậm tình lặng gió tạ ơn dầy,
Một cách âm dương, vắng cả hai.
Ân ái Chiêu Dương đành dứt tuyệt,
Tháng ngày dài quá, chốn Bồng Lai.
Ngoảnh đầu trông xuống cõi trần hoàn,
Chẳng thấy Tràng An, thấy bụi đầy.
Phải đem vật cũ nêu tình hận,
Điền hạp [6] kim thoa của báu này.
Của chia phân nửa, lưu phân nửa,
Thấy của nhớ người cũng tạm khuây.
Chỉ cần lòng tựa vàng bền cứng,
Hạ giới, tiên cung gặp có ngày.
Giã từ khẩn khoản nhắn thêm lời,
Trong lời thề thốt, hai lòng biết.

---

1. Tên tự Dương Quý Phi.
2. *Tiểu Ngọc, Song Thành* là tên 2 người gái tiên.
3. Có nhiều hoa.
4. Mái tóc.
5. *Đường* là sân.
6. *Hạp* là cái hộp. *Điền:* đồ trang sức ở trên đầu.

http://tieulun.hopto.org

Nhớ đêm khất xảo [1] điện Tràng Sinh,
Nói nhỏ bên tai lời chí thiết:
Ở trên nguyện làm chim sát cánh,
Ở dưới nguyện làm cây liền cành.
Trời đất lâu dài có lúc hết,
Bao giờ dứt được sợi tơ tình.

Vô danh
(Trích trong *Đại cương Văn học sử Trung Quốc* của Nguyễn Hiến Lê)

1. Đêm mùng 7 tháng 7, Chức Nữ gặp Ngưu Lang. Người Trung Hoa đêm đó bày hoa quả cúng Chức Nữ để Chức Nữ ban cho được khéo tay.

http://tieulun.hopto.org

Bản dịch 3

TRƯỜNG HẬN CA

Xưa vua Hán trọng người sắc nước,
Tìm bao năm chưa được duyên lành.
Họ Dương gái mới trưởng thành,
Buồng xuân còn khép tơ tình chửa trao.
Chất mị lệ trời nào nỡ bỏ,
Bỗng chọn vào bên chỗ quân vương.
Một cười trăm vẻ rỡ ràng,
Sáu cung son phấn xem dường nhạt không.
Tiết xuân lạnh ao trong vào tắm,
Nước suối nồng trơn thắm màu da.
Thị tỳ dìu đỡ thướt tha,
Từ nay mới được ơn nhờ yêu đương.
Tóc mây mặt hoa vàng gót dạo,
Đêm xuân nồng, vui náu màn đào.
Giận đêm vắn, mặt trời cao,
Quân vương từ ấy buổi chầu ra trưa.
Cuộc hoan yến say sưa mãi mãi,
Đêm lần đêm, xuân lại đòi xuân.
Trong ba ngàn kẻ cung tần,
Chỉ riêng dành trọn ái ân cho nàng.
Khi hầu tối nhà vàng sẵn đúc,
Khi vui xuân lầu ngọc càng say.
Anh em tước lộc đã dày,
Nức khen môn hộ từ rày vẻ vang.
Xui bác mẹ lòng thường ai cũng,
Sinh gái mà xem trọng hơn trai.
Cung Ly cao vút mây trời,
Gió đưa tiên nhạc khắp nơi vang lừng.
Tiếng tơ trúc hòa cùng hát múa,
Suốt ngày xem hầu chửa chán chê.

http://tieulun.hopto.org

Đất Ngư vang động sấm bề,
Ngán thay áo vũ xiêm nghê tan tành.
Chốn thành khuyết bỗng sinh khói lửa,
Cõi Tây Nam xe ngựa khơi chừng.
Cờ lay lay bổng cao trông,
Dặm xa xe ruổi đã chừng ngoại trăm.
Quân chẳng tiến biết làm sao được,
Đem mày ngài liều trước chinh yên.
Không người thu lượm hoa điền,
Lược vàng trâm ngọc vãi trên mặt đường.
Cứu chẳng được, quân vương ngoảnh mặt,
Nhìn máu đào nước mắt hòa chan.
Bụi vàng man mác gió đàn,
Đường mây Kiếm các suối ngàn xông pha.
Người đi dưới núi Nga thưa thớt,
Sắc cờ bên bóng nhật nhạt mờ.
Non xanh nước biếc trời Ba,
Quân vương hôm sớm ngẩn ngơ mối tình.
Trong hành cung ra hình sầu não,
Nhạc đêm mưa tiếng dạo đau lòng.
Đất trời xoay trở xe rồng,
Đường về chốn cũ chân không nỡ dời.
Mã Ngôi đó trong nơi bùn lấm,
Mặt ngọc đâu? Thấy nấm mồ đâu?
Áo đằm tôi chúa nhìn nhau,
Đông đô quen lối vó câu dẫn về.
Về vườn cảnh còn y như cũ,
Phù dung kia, liễu nọ bên cung.
Liễu hoa in ngắt hình dung,
Làm sao đối cảnh mà không lệ trào?
Gió xuân thổi lý đào hoa nở,
Gặp mưa thu rụng lá ngô đồng.
Cỏ tràn tây uyển nam cung,
Lá rơi không quét ngập hồng thềm sân.
Bạn vườn Lê lần lần bạc tóc,
A giám xưa mấy chốc trắng mày.
Đền hôm buồn thấy đóm bay,
Đèn khuya khêu cạn giấc say chửa thành.

http://tieulun.hopto.org

Đêm đằng đẵng chầy canh điểm trống,
Trời mờ mờ rọi bóng Ngân Hà.
Phủ dày ngói uyển sương sa,
Lạnh lùng chăn thúy ai mà đắp chung.
Kiếp sống thác thư đông đã trải,
Hồn chiêm bao qua lại còn không.
Có người đạo sĩ Lâm Cùng,
Gọi hồn chiêu phách thần thông lạ thường.
Cảm nỗi chúa nhớ thương khắc khoải,
Một lòng sai phương sĩ tìm tòi.
Nhanh như gió lướt chớp ngời,
Đã hầu xuống đất lên trời khắp phương.
Kìa mây biếc suối vàng mọi chỗ,
Những mênh mông nào có thấy ai?
Thoắt nghe có núi Bồng Lai,
Ở đâu giữa khoảng bể trời mông lung.
Lầu óng ánh mây lồng năm vẻ,
Người thướt tha nhiều kẻ tiên nhân.
Có nàng tên gọi Thái Chân,
Mặt hoa da tuyết giống gần như in.
Ngoài kim khuyết gõ xin nhắn hỏi,
Tiểu Ngọc kia báo tới Song Thành.
Nghe tin có sứ Hán đình,
Cửu hoa trong trướng thốt kinh giấc hài.
Bồi hồi dậy xiêm cài gối sửa,
Lại từ từ bình mở rèm lên.
Bàng hoàng mái tóc còn xiên,
Mũ hoa chưa chỉnh, gót sen vội dời.
Trong tay áo nhẹ khơi trước gió,
Hãy in dường Nghê vũ ngày xưa.
Châu chan nét ngọc bơ thờ,
Một cành lê đẫm hạt mưa xuân dào.
Ngừng nước mắt nghẹn ngào tạ chúa,
Cách âm dung đôi ngả mơ màng.
Ái ân dứt lối Chiêu Dương,
Ngày dài tháng rộng đã thường cung tiên.
Ngoảnh trông xuống trần gian dưới ấy,
Trường An đâu? chỉ thấy bụi mù.

http://tieulun.hopto.org

Vật xưa đem tỏ tình sâu,
Này thoa này hạp xin hầu gửi qua.
Thoa với hạp chia ra hai nửa,
Nửa đưa về, nửa nữa lưu đây.
Lòng xin bền tựa vật này,
Tiên cung, hạ giới có ngày gặp nhau.
Khi lâm biệt mấy câu gắn bó,
Trong lời thề lòng tỏ đôi bên.
Nhớ hôm Thất tịch trên đền,
Đêm khuya vắng vẻ lời nguyền riêng tây:
"Trên trời nguyện cùng bay liền cánh,
Dưới đất nguyền cành nhánh liền đôi".
Đất trời sụp đổ có hồi,
Hận này dằng dặc biết đời nào nguôi.

Khuyết danh. [1]

---

1. Năm 1990, sau khi cho quyển *Thơ Đường* Tản Đà dịch, chúng tôi có nhận được của cụ Nguyễn Mỹ Tài một lá thư góp ý với một bản dịch bài *Trường hận ca*.

Trong thư cụ có viết như sau:

"Bản dịch này do một số thân sĩ và nhà giáo ở Bình Định dịch, khoảng 1935-1936, tôi cũng có tham gia. Chúng tôi có đem bản dịch trình cụ Đào Tấn, song lúc bấy giờ cụ đang mải mê viết các tuồng cổ nên cụ chỉ xem qua và có phát biểu: "Cũng tạm được." Nay được đọc cuốn Thơ Đường (Tản Đà dịch) do nhà nghiên cứu Nguyễn Quảng Tuân biên soạn, tôi mới ngồi nhớ lại bản dịch đó mà đem viết lại. Với thời gian gần 60 năm qua và trí nhớ đã hao mòn của tuổi 89 của tôi, chắc chắn có những sai sót không thể tránh, mặc dầu tôi đã cố gắng hết sức đem đối chiếu bản dịch với bản chữ Hán, theo sát từng câu, từng chữ để cho bản dịch được chính xác.

Nhận thấy bản dịch cũng hay, chúng tôi xin cho in lại để các độc giả thưởng thức.

http://tieulun.hopto.org

Bản dịch 4

TRƯỜNG HẬN CA

Vua nhà Hán chuộng người nhan sắc,
Bấy lâu nay tiêu tức còn chưa.
Nhà Dương có gái vừa tơ,
Buồng hương ai đã lá thơ chỉ hồng.
Thân vàng ngọc khôn cùng lang chạ,
Một mai vào hầu hạ bên vua.
Miệng cười trăm thức tươi đua,
Sáu cung son phấn đều thua một mình.
Buổi xuân mát ao Thanh cho tắm,
Mảnh hồng trang càng ấm càng trơn.
Nâng niu một má kiều nhan,
Mây mưa vừa lúc thừa ân vừa rầy.
Chau nét ngọc tóc mây mườn mượt,
Màn phù dung ấm ướp đêm thâu.
Đêm xuân đêm ngắn ngày mau,
Quân vương êm giấc trưa chầu từ đây.
Tiệc hoan yến biết ngày nào chán,
Cuộc xuân du nào hạn đêm nào.
Hậu cung mấy mặt má đào,
Ba nghìn yêu dấu đổ vào một thân.
Nhà vàng lúc canh xuân lưu luyến,
Lầu ngọc khi cạn chén vui say.
Đất chia anh chị đều tay,
Cửa nhà lừng lẫy nặng dày ân trên.
Lòng sinh dục xui nên cha mẹ,
Quí điềm xà mà rẻ điềm lân.
Cung cao mây tót mấy lần
Nhạc tiên gió quạt cõi trần đâu đâu.

http://tieulun.hopto.org

Dịp hát múa pha câu đàn địch,
Trọn cả ngày chưa thích nghề chơi.
Cổ bề đâu đã tới nơi,
Xuân nghê áo vũ rụng rời khúc ngâm.
Chốn thành khuyết ầm ầm khói lửa,
Cõi Tây Nam xe ngựa ruổi băng.
Cờ đi đi lại phút dừng,
Đường trăm dặm mới khỏi chừng Đô môn.
Nỗi ngang trở kể còn sao xiết,
Trước ngựa đành vĩnh quyết cho xong.
Hoa rơi ai nhặt tàn hồng,
Nào trâm cài tóc, nào bông giắt đầu.
Quân vương cũng mặt rầu khôn cứu,
Ngảnh lại càng giọt máu khôn theo.
Dặm trường bụi ngớt gió hưu,
Thang mây lần bước qua đèo Kiếm môn.
Dưới ghềnh nọ lối mòn văng vẳng,
Trông vẻ cờ bóng nắng buồn tênh!
Ngậm ngùi nước biếc non xanh,
Quân vương luống những nặng tình hôm mai.
Chốn hành điện trăng phơi sắc tủi,
Giọt sương đêm dứt mối can tràng.
Hồi loan trải mấy dặm trường,
Dùng dằng vì nỗi đoạn trường chi đây.
Vũng nê thổ chốn này chưa lạ,
Mà ngọc nhan đã hóa nơi đâu.
Mặt nhìn mặt càng thêm sầu,
Đoạn rồi giong ngựa thẳng vào Đô môn.
Ngó phong cảnh hãy còn như cũ,
Sen đầy hồ liễu rũ đầy cung.
Mặt sen mày liễu não nùng,
Nhớ người mến cảnh ai không đầm đìa.
Hoa đào lý nở kỳ xuân gió,
Lá ngô đồng rụng độ thu mưa.

http://tieulun.hopto.org

Vườn nam có rậm hơn xưa,
Đầy sân lá đỏ đã thưa màu hồng
Vườn Lê đã pha dòng tóc bạc,
Buồng Tiêu cùng kém nước mày xanh.
Đền khuya rầu rĩ bóng huỳnh,
Đèn tàn khêu lọn giấc mình chưa êm.
Trống canh khắc thâu đêm đằng đẵng,
Dải Ngân giăng trời sáng mờ mờ.
Ngói uyên nặng giọt sương hoa,
Lạnh lùng chăn thúy, ai mà riêng chung
Kiếp ly biệt mấy trùng sương nắng,
Hồn bình sinh sao vẳng chiêm bao.
Lâm Cùng đạo sĩ tay cao,
Chiêu hồn có phép thông vào u minh.
Cảm vì nỗi mối tình còn bận,
Sai du phương dò dặn khắp nơi.
Thần thông chớp nhoáng khôn dời,
Lần thâu dưới đất trên trời đòi phương.
Trải trời biếc suối vàng mấy mấy,
Đều mênh mang nào thấy tăm hơi.
Núi Tiên nghe ở trên vời,
Mịt mù mấy đỉnh cách khơi trần hoàn.
Khoảng lâu điện mây tràn năm vẻ,
Khách Quảng hàn nhiều kẻ nhởn nhơ.
Có người phảng phất Dương cơ,
Mặt hoa da tuyết in như một dường.
Gõ cánh cửa tây sương chực hỏi,
Cậy thị tì gửi mối âm hao.
Chợt nghe Hán sứ xin vào,
Trong màn thoắt giấc chiêm bao tỉnh liền.
Vơ áo gối ngồi lên bỡ ngỡ,
Thác mành the sẽ mở lần ra.
Tóc mây nửa bối nửa xòa,
Mũ hoa xốc xếch trên nhà xuống ngay.

http://tieulun.hopto.org

Tay áo nhẹ gió bay phất phới,
Sắc hà quang chấp chới vũ nghê.
Châu chan ngọc rót đầm đìa,
Hoa lê một nhánh nặng nề mưa xuân.
Ngừng giọt lệ ân cần gửi tạ,
Cách xuân dong chốc đã bấy nay.
Đền chiêu từ dứt nghĩa dày,
Non Bồng vui với tháng ngày độ thân.
Ngảnh trông lại phàm trần chốn ấy,
Thấy bụi mù nào thấy Tràng An.
Của tin gọi chút hoa tàn,
Thoa vàng xin gửi thiên nhan làm tình.
Nửa đưa gửi nửa dành làm tích,
Thoa trải vàng hợp tách cuống bông.
Xin cho vàng đá một lòng,
Xa xôi âu cũng tương phùng có khi.
Lâm biệt lại nhắn về gắn bó,
Lời thề khi hoa có thấu tình.
Canh Ngưu Nữ với Tràng Sinh,
Chuyện riêng vắng vẻ với mình nửa đêm.
Ở trời muốn làm chim liền cánh,
Ở đất xin làm khách liền chồi.
Cao dày còn có khi thôi,
Giận này dặc dặc biết hồi nào khuây.

Khuyết danh
Nam Phong, số 180
Tháng 1–1933

http://tieulun.hopto.org

CHỨC CẨM HỒI VĂN

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

CHỨC CẨM HỒI VĂN

Chức cẩm hồi văn là bài thơ của Tô Huệ viết gửi cho chồng là Đậu Thao, đi thú ở ngoài ải Lưu Sa đã gần mười năm chưa về.

Bài thơ đã được nàng thêu trên gấm rất công phu theo lối chữ chi, đọc vòng quanh từ ngoài vào trong.

Dệt xong nàng tìm cách dâng lên vua. Nhà vua xem thấy lời lẽ thống thiết mới thương tình tha cho chồng được trở về.

Bài thơ này đã được Ngô Thế Vinh, Hoàng Quang và Trương Minh Ký dịch sang quốc âm.

http://tieulun.hopto.org

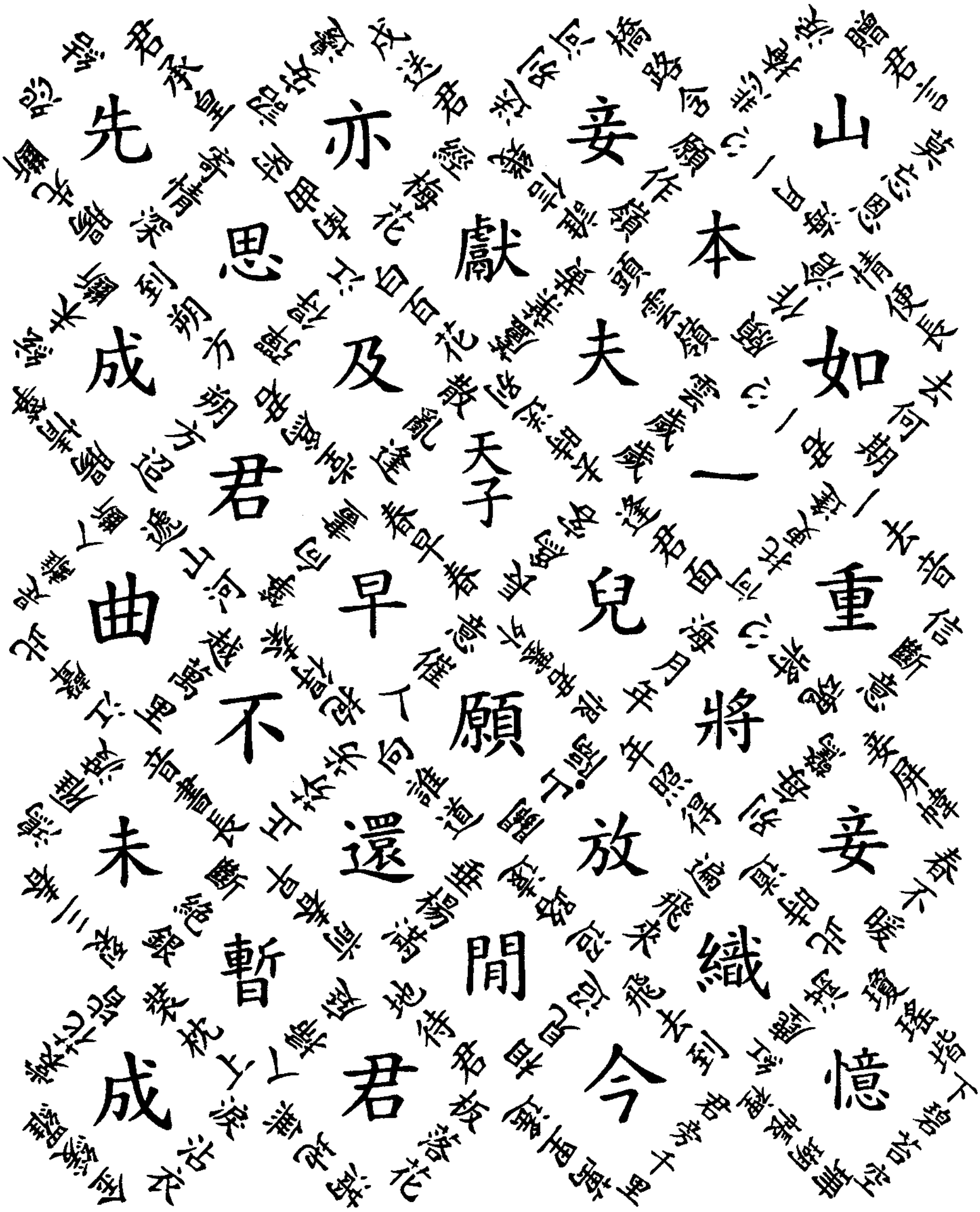
山
贈君三百六十五日恨情無限
高沙漠萬里一人
願作鴛鴦不羨仙
橋路危
妾
亦
思
君
不
成
寐
先
帝
崩
御
時
百
官
皆
素
服
奉
送
梓
宮
於
山
陵
還
御
之
後
各
奉
獻
和
歌
一
首
花
落
春
殿
夢
斷
遠
山
雲
白
雪
紛
紛
無
處
尋
君
恩
如
海
重
一
生
不
報
恩
何
期
一
夫
一
妻
願
比
翼
連
理
鳥
天
長
地
久
有
盡
時
此
恨
綿
綿
無
絕
期
妾
面
如
花
兮
柳
葉
眉
君
恩
如
山
兮
海
水
深
妾
身
如
浮
雲
兮
不
可
期
君
恩
如
日
兮
常
照
臨
妾
心
如
秋
扇
兮
常
悲
傷
將
軍
戰
死
沙
場
妾
獨
守
空
閨
年
年
不
見
將
軍
面
但
聞
將
軍
戰
死
名
空
在
妾
獨
守
空
閨
淚
不
乾
願
將
軍
憐
妾
意
莫
學
他
人
薄
倖
心
妾
有
一
言
君
莫
聽
願
君
三
思
而
行
之
妾
有
一
心
君
莫
疑
願
君
三
思
而
行
之

Bản dịch 1 của Ngô Thế Vinh

NGÔ THẾ VINH

Ngô Thế Vinh tự là Trọng Dực, biệt hiệu là Trúc Đường, quê ở làng Bái Dương, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Ông đậu Tiến sĩ năm Minh Mạng thứ 10 (1829), làm quan đến chức Lễ Bộ Lang trung.

Tác phẩm của ông còn lưu lại có *Trúc Đường tùy bút* và *Nữ huấn tân thư*. Ông cũng nổi tiếng về quốc âm và có dịch bài *Chức cẩm hồi văn* của Tô Huệ.

CHỨC CẨM HỒI VĂN

Chàng vâng chiếu ra ngoài biên thú,
Thiếp đưa chàng kiều lộ nẻo xa. [1]
Mấy lời dặn, hạt châu sa, [2]
Chút tình ân ái xin là chớ phai. [3]
Rồi từ đấy tin người vắng vẻ, [4]
Chốn phòng loan xuân để lạnh lùng. [5]
Thềm Quỳnh giao ngấn rêu phong, [6]
Màn san hô đã mấy trùng bụi che. [7]

Khảo dị:

1. Thiếp đưa chàng kiều lộ *xa* xa.
2. Mấy lời *tặng những* châu sa.
3. *Tình ân ái ấy biết là nhớ không*
4. *Sao một phút* tin *hồng văng vẳng*
5. Chốn *bình vi* xuân *chẳng ấm nồng*
6. *Dưới thềm lỗ chỗ* rêu phong
7. *Trong màn ngang dọc bụi hồng sương che*

http://tieulun.hopto.org

Đòi phen nghĩ chia ly sợ hãi, [1]
Chỉ ước ao mau lại gặp cùng. [2]
Muốn làm trăng sáng bể Đông, [3]
Muốn làm một đám mây lồng đầu non. [4]
Mây non nọ may còn khi gặp, [5]
Trăng bể kia soi khắp mọi nơi. [6]
Những mong được thấy mặt người, [7]
Ngoài nghìn muôn dặm giãi lời tương thân, [8]
Đường thăm thẳm mấy lần xa cách,
Ngán chàng còn làm khách ải quan. [9]
Lá lau khi tiễn mới vàng, [10]
Nào ngờ mấy độ mai tàn đổi thay. [11]
Hoa rực rỡ gặp ngày xuân sớm, [12]
Nỗi lòng xuân khôn dám hé môi. [13]
Cành dương liễu rủ vì ai, [14]
Hoa rơi khắp đất nào người quét cho. [15]
Trước sân cỏ thơm tho sực nức, [16]
Ôm đàn tranh ra trước khổn đường. [17]
Khúc Giang Nam gảy vì chàng,
Đem tình gửi đến Sóc phương cõi ngoài. [18]

---

1. *Khi tống biệt hồn kia kinh* hãi
2. *Biết làm sao cho gặp lại* cùng
3. *Ước gì như nguyệt* bể Đông
4. *Ước gì như thể* mây lồng đầu non
5. Mây non nọ may còn *một thấy*
6. Trăng bể kia soi *dậy một phương*
7. Những mong *lại gặp được chàng*
8. *Dẫu* nghìn muôn dặm *rõ đường* tương thân.
9. *Giận* chàng còn làm khách ải quan
10. *Ngày đi lư diệp* mới vàng
11. *Bây giờ đã mấy* mai tàn *trắng bông*
12. *Mai tán loạ* gặp *cùng* xuân *mới*
13. Nỗi *xuân riêng* khôn *nói cho ra*
14. *Vì chàng nên lá dương tà*
15. Hoa rơi *man mác ai là tảo nhân*
16. Trước sân *những cỏ xuân thơm* nức
17. Ôm đàn tranh ra trước *họa* đường
18. Đem tình *cho* đến Sóc phương cõi ngoài.

http://tieulun.hopto.org

Ngoài phương Bắc đường dài xa thẳm,
Bức âm thư nghìn dặm vắng lâu. [2]
Pha phôi gối đẫm lệ sầu, [3]
Dải là quần lụa nhạt màu phai hoa. [4]
Tiếng hồng nhạn bay qua thổn thức, [5]
Người ly nhân ruột đứt quặn đau. [6]
Đàn chưa dứt, ruột đã rầu, [7]
Oán hờn kết trước cung sau khôn tròn. [8]
Chàng nhớ thiếp như non tình nặng,
Thiếp nhớ chàng cũng chẳng lúc khuây. [9]
Dâng lên một bức thư này, [10]
Mong ơn Thiên tử tha ngay chồng về. [11]

---

1. Ngoài phương *Sóc xa xôi thăm* thẳm
2. Bức âm thư nghìn dặm *thấy đâu*
3. Pha phôi gối *lệ áo* sầu
4. *Dưới thềm hoa lá cùng màu nở ra*
5. *Qua sông ấy tiếng gà xao xác*
6. *Nỗi* ly nhân *trường đoạn khác đâu.*
7. Đàn chưa *rối* ruột đã *sầu*
8. *Cho nên một khúc* cung sau *chưa* tròn
9. Thiếp nhớ chàng cũng chẳng *tạm* khuây
10. *Hồi văn* một bức thư này
11. *Nhi phu xin sớm kíp ngày khởi qui.*

http://tieulun.hopto.org

織錦迴文

君承皇詔安邊戍
送君送別河橋路
含悲掩淚贈君言
莫忘恩情便長去
何期一去音信斷
憶妾屏幃春不暖
瓊瑤堦下碧苔空
珊瑚帳裡紅塵滿
此時道別每驚魂
將心何托更逢君
一心願作滄海月
一心願作嶺頭雲
嶺雲歲歲逢君面

http://tieulun.hopto.org

海月年年招得遍
飛來飛去到君旁
千里萬里遙相見
迢迢路遠關山隔
恨君塞外長爲客
去時送別蘆葉黃
誰信幾經梅花白
百花散亂逢春早
春意催人向誰道
垂楊滿地待君攀
落花滿地無人掃
庭前春早正芬芳
抱得秦箏向畫堂
爲君彈得江南曲
附寄情深到朔方
朔方迢遞山河越
萬里音書長斷絶

http://tieulun.hopto.org

銀裝枕上淚沾衣
金緩羅裳花皆裂
三春鴻雁渡江聲
此是離人斷腸情
箏絃未斷腸先斷
怨結先成曲未成
君今憶妾重如山
妾亦思君不暫間
織將一本獻天子
願放兒夫及早還

http://tieulun.hopto.org

Phiên âm

CHỨC CẨM HỒI VĂN

Quân thừa hoàng chiếu an biên thú,
Tống quân tống biệt hà kiều lộ.
Hàm bi yểm lệ tặng quân ngôn,
Mạc vong ân tình tiện trường khứ.
Hà kỳ nhất khứ âm tín đoạn,
Ức thiếp bình vi xuân bất noãn.
Quỳnh dao giai hạ bích đài không,
San hô trướng lý hồng trần mãn.
Thử thời đạo biệt mỗi kinh hồn,
Tương tâm hà thác cánh phùng quân.
Nhất tâm nguyện tác thương hải nguyệt,
Nhất tâm nguyện tác lĩnh đầu vân.
Lĩnh vân tuế tuế phùng quân diện,
Hải nguyệt niên niên chiếu đắc biên.
Phi lai phi khứ đáo quân bàng,
Thiên lý vạn lý dao tương kiến.
Thiều thiều lộ viễn quan sơn cách,
Hận quân tái ngoại trường vi khách.
Khứ thời tống biệt lư diệp hoàng,
Thùy tín kỷ kinh mai hoa bạch.
Bách hoa tán loạn phùng xuân tảo,
Xuân ý thôi nhân hướng thùy đạo.
Thùy dương mãn địa đãi quân phan,
Lạc hoa mãn địa vô nhân tảo.
Đình tiền xuân tảo chính phân phương,
Bão đắc Tần tranh hướng họa đường.
Vị quân đàn đắc Giang Nam khúc,
Phó ký tình thâm đáo Sóc phương.
Sóc phương thiều đệ sơn hà việt,
Vạn lý âm thư trường đoạn tuyệt.
Ngân trang chẩm thượng lệ triêm y,

http://tieulun.hopto.org

Kim hoãn la thường hoa giai liệt.
Tam xuân hồng nhạn độ giang thanh,
Thử thị ly nhân đoạn trường tình.
Tranh huyền vị đoạn tràng tiên đoạn,
Oán kết tiên thành khúc vị thành.
Quân kim ức thiếp trọng như san,
Thiếp diệc tư quân bất tạm nhàn.
Chức tương nhất bản hiến Thiên tử,
Nguyện phóng nhi phu cấp tảo hoàn.

http://tieulun.hopto.org

Dịch nghĩa:

CHỨC CẨM HỒI VĂN

Chàng vâng chiếu vua đi thú để giữ yên biên giới,
Tiễn đưa chàng từ biệt ở đường cầu bên sông.
Ngậm ngùi gạt nước mắt mà dặn chàng,
Chớ quên ân tình lúc xa nhau lâu ngày.
Nào ngờ từ khi chàng đi bặt hẳn tin tức,
Chàng có nhớ thiếp xuân về trong màn chẳng ấm.
Dưới thềm quỳnh dao luống để rêu xanh,
Trong màn san hô bụi đỏ phủ đầy.
Lúc này nhắc đến xa nhau lại kinh hồn,
Biết đem tấm lòng gửi vào đâu để tới được chàng.
Một lòng xin làm trăng trên biển xanh,
Một lòng xin làm mây trên đỉnh núi.
Mây trên núi suốt năm gặp mặt chàng,
Trăng trên biển suốt năm soi khắp mọi nơi.
(Mây) bay đi bay lại đều đến bên chàng,
(Trăng) nghìn dặm vạn dặm vẫn thấy chàng.
Thăm thẳm đường xa quan san cách trở,
Thương chàng cứ phải làm khách ngoài biên ải mãi.
Lúc tiễn chàng đi lá lau mới vàng,
Nào hay đã trải qua bao lần hoa mai nở trắng.
Trăm hoa rực rỡ gặp tiết xuân sớm,
Ý xuân giục người biết nói cùng ai,
Cành dương rủ khắp đất đợi chàng vin.
Hoa rơi đầy mặt đất không ai quét.
Trước sân cỏ xuân đương lúc thơm tho,
Thiếp ôm đàn Tần tranh đến cửa phòng the.
Vì chàng gảy nên khúc Giang Nam,
Gửi tình thương nhớ vào tiếng đàn đưa đến Sóc phương.
Sóc phương xa xôi, phải vượt bao núi sông
Muôn dặm âm thư lâu nay dứt hẳn.
Đồ trang sức trên gối và áo đầm nước mắt,
Dây lưng màu vàng, quần lụa, hoa thêu vào đó đều rách cả.

http://tieulun.hopto.org

Mùa xuân tháng ba tiếng chim hồng nhạn bay qua sông,
Lúc ấy người ly nhân cảm thấy đứt ruột,
Đàn tranh chưa đứt dây, ruột đã đứt trước,
Oán hận đã kết lại mà khúc đàn chưa thành.
Lòng chàng nhớ thiếp nặng như núi,
Thiếp cũng nhớ chàng không lúc nào nguôi.
Dệt thành một bức gấm dâng lên Thiên tử,
Xin cho chồng tôi sớm được trở về.

http://tieulun.hopto.org

Bản dịch 2 của Hoàng Quang

HOÀNG QUANG

Ông hiệu là Thai Châu cư sĩ, người làng Thái Dương, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, là một bực danh nho cuối thế kỷ XVIII.

Thơ ông để lại có: *Hoài Nam ca khúc* và bài dịch *Chức cẩm hồi văn* của Tô Huệ. Bài *Hoài Nam ca khúc* của ông được giới thiệu ở tập khác bộ Tổng tập này.

CHỨC CẨM HỒI VĂN

Chàng vâng chiếu ra yên cõi ngoại,
Thiếp đưa chàng tới lối cầu sông.
Ngậm sầu gạt lệ nhắn lòng,
Chớ tham chốn khác mà vong tình này.

Trông tin tức tới nay thăm thẳm,
Để buồng hương chẳng ấm hơi xuân.
Từ ngày đôi ngả cách phân,
Màn dần bụi bám thềm dần rêu phong.

Tưởng ly biệt nỗi lòng kinh sợ,
Thiếp với chàng bao thuở gặp nhau?
Nguyện làm trăng giữa biển sâu,
Nguyện làm mây phủ trên đầu non cao.

Trăng giữa biển năm nào cũng thấy,
Mây đầu non đường mấy cũng thông.
Bay qua bay lại bên chồng,
Dầu ngàn muôn dặm xa trông như gần.

http://tieulun.hopto.org

Quan sơn ấy mấy lần trở cách,
Hiềm nỗi chàng làm khách rất lâu.
Chàng đi mới ố bông lau,
Mà nay mấy độ trắng màu hoa mai.

Hoa trăm thức xuân tươi hớn hở,
Xuân giục người than thở với ai.
Dương kia rủ những tơ dài,
Hoa kia rã cánh không người quét cho.

Sân xuân sớm thơm tho trăm thức,
Chốn họa đường lựa bực đàn tranh.
Giang Nam năm khúc rành rành,
Mượn đầu năm móng gửi tình Sóc phương.

Sóc phương ấy đối đường diệu vợi,
Âm thư này nhắn gởi khôn thông.
Gối riêng nước mắt tuôn dòng,
Xiêm thêu áo vẽ lâu cùng mục tan.

Ba xuân tới tiếng nhàn gắng gởi,
Xuân giục người bối rối như tơ.
Năm dây còn đó sờ sờ,
Buồn đà đứt ruột khảy chưa rồi đàn.

Chàng thương thiếp tình hơn núi nặng,
Thiếp nhớ chàng tình chẳng kém thua.
Dệt đem bức gấm dâng vua,
Xét lòng dạ thiếp tha cho chồng về.

http://tieulun.hopto.org

Bản dịch 3 của Trương Minh Ký

TRƯƠNG MINH KÝ

(Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX)

Ông lấy bút hiệu là Thế Tải, đã viết cho tờ *Gia Định báo*, tờ báo đầu tiên của nước ta. Ông cùng với Trương Vĩnh Ký dùng tờ báo này để truyền bá chữ quốc ngữ và giới thiệu tư tưởng học thuật Âu Á.

Ông đã dịch bài *Chức cẩm hồi văn* của Tô Huệ.

Ông còn sáng tác ra các tác phẩm như: *Ý hạnh* (thơ lục bát), *Thiên hạnh, Như Tây nhật trình, Tuồng Kim Vân Kiều...*

CHỨC CẨM HỒI VĂN

Chàng vâng hoàng chiếu thú an biên,
Đưa tới Hà kiều rẽ thảm riêng.
Ngậm thở ngùi than ngừng giọt lụy,
Ân xa tình cách chớ hề quên.

Đi ra tin đứt có dè sao!
Màn trướng dầu xuân ấm đặng nào!
Dưới bực quỳnh diêu rêu biếc láng,
San hô trong trướng bụi hồng bao.

Nói lìa thuở ấy bắt kinh hoàng,
Đem gởi lòng đâu gặp lại chàng.
Lòng ước làm trăng ngoài biển cả,
Hoặc làm mây móc chót cao san.

Mây móc hàng năm thấy mặt chồng,
Hàng năm trăng biển rọi soi cùng.

http://tieulun.hopto.org

Bay đi bay lại cho gần được,
Muôn dặm thấy nhau kẻo đợi trông.

Đàng sá vơi vơi cách trở thay!
Hờn chàng ngoài ải ở lâu ngày.
Thuở đi đưa đó lau vàng lá,
Ai ngỡ hoa mai nở bấy chầy.

Trăm hoa rộn rực sớm chào xuân,
Ai đó mà xuân giục kẻ than.
Đầy đất dương sà vì đó vén,
Bông rơi không kẻ quét đầy đàng.

Thiệt thơm xuân sớm lối ngoài vườn,
Ôm lấy tần tranh tới họa đường.
Ngâm khúc Giang Nam vì đó khảy,
Tình sâu xin gởi thấu lòng chàng.

Bắc phương hiểm trở vượt non sông,
Muôn dặm thơ từ dứt nẻo thông.
Trắp bạc gối đầu dầm áo lụy,
Chỉ vàng xiên giẻ thảy xười bông.

Ba xuân hồng nhạn tiếng qua sông,
Ấy đó người lìa đứt ruột trông.
Chửa đứt dây đờn, lòng đã đứt,
Đã xong mối thảm, khúc chưa xong.

Chàng nay nhớ thiếp nặng bằng non,
Thiếp cũng nhớ chàng mỗi phút luôn.
Một bổn dệt đem dưng kính chúa,
Cầu tha chồng thiếp sớm về cùng.

http://tieulun.hopto.org

Phần II

Phần này gồm các truyện *Hoa tiên*, truyện *Sơ kính tân trang, truyện Kiều* và truyện *Mai đình mộng ký*. Vì ở từng truyện đã có sự giới thiệu Kỹ cho nên ở đây không có bài Khải luận.

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

TRUYỆN
HOA TIÊN

NGUYỄN HUY TỰ

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

NGUYỄN HUY TỰ

(1743 – 1790)

Nguyễn Huy Tự, tự là Hữu Chi, hiệu là Uẩn Trai, sinh ngày 15 tháng 7 năm Quí Hợi, niên hiệu Cảnh Hưng 4 (tức năm 1743) đời vua Lê Hiển Tông.

Ông quê ở làng Trường Lưu, xã Lai Trạch, tổng Lai Trạch, huyện La Sơn (Đức Thọ) nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Làng này nằm tựa vào dãy núi Phượng Lĩnh, thoai thoải nhìn xuống sông Phúc Giang. Đứng ở làng trông ra xa bốn phía đều có núi bao bọc; phía đông bắc là dãy Hồng Lĩnh, phía bắc là dãy Lam Thành Sơn, dãy Thiên Nhẫn, phía tây là dãy Giăng Màn (Khai Trướng). Ở gần làng thì có Trà Sơn và Bột Sơn. Cảnh trí ấy đã làm cho làng Trường Lưu nổi tiếng về mặt phong thủy, nơi đã sán sinh ra nhiều nhân tài lỗi lạc mà dòng họ Nguyễn Huy là một họ đáng kể nhất.

Cụ viễn tổ của dòng họ là Nguyễn Uyên Hậu đậu Ngũ kinh bác sĩ vào khoảng đời Lê Hồng Đức (1470-1497). Cụ tổ chín đời là Nguyễn Hàm Hằng đậu thi Hương năm 15 tuổi. Các đời sau đời nào cũng có người thi đỗ làm quan. Ông nội tác giả là Nguyễn Huy Tựu (1690-1750), từng đỗ đầu kỳ thi Hương, làm quan đến Tham chính Thái Nguyên, được phong tặng Công bộ Tả thị lang rồi lại được gia tặng Thượng thư Bộ Công.

Thân phụ tác giả là Nguyễn Huy Oánh (1713-1789) đỗ đầu kỳ thi Đình (khoa thi Hội năm Mậu Thìn niên hiệu Cảnh Hưng thứ 9 tức năm 1748), làm quan đến chức Hộ bộ Thượng thư, từng đi sứ nhà Thanh (Trung Quốc) và trứ tác nhiều sách như *Quốc sử toản yếu, Phụng sứ Yên đài tổng ca, Thạc Đình di cáo, Hoàng hoa sứ trình đồ, Tiêu Tương bách vịnh, Huấn nữ tử ca*... Đặc biệt thân phụ ông đã lập được một thư viện lớn gọi là *Phúc Giang thư viện* có hàng vạn cuốn sách quí. Xem thế thì biết Nguyễn Huy Tự là dòng dõi nhà trâm anh thế phiệt.

Lúc nhỏ, ông đọc sách đã có khiếu nhớ hơn người và làm văn đã có phép tắc và điển nhã. Năm 17 tuổi (1759, Cảnh Hưng thứ 20) ông đậu thứ năm kỳ thi Hương. Bấy giờ thân phụ ông đang làm thầy dạy cho Thế tử Trịnh Sâm nên ông được bổ làm Thị nội Văn chức tùy giảng. Kế được bổ làm Binh phiên

http://tieulun.hopto.org

câu kê trong phủ chúa Lương Vương. Năm 1768 (Cảnh Hưng thứ 29) ông được bổ làm Tri phủ Quốc Oai (Sơn Tây). Năm 1770 (Cảnh Hưng thứ 31) ông đi thi Hội nhưng không đỗ. Tiếp đó ông được thăng chức Hiến sát phó sứ xứ Sơn Nam. Đời Lê có lệ: nếu không đậu đại khoa (Tiến sĩ) thì không được thăng làm đại thần nên năm 32 tuổi (1774, Cảnh Hưng thứ 35) ông xin cải sang võ chức, sung chức Quản binh. Năm 1778 (Cảnh Hưng thứ 39) ông được cử đi trấn thủ xứ Hưng Hóa. Bấy giờ miền Hưng Hóa, Tuyên Quang thường có nhiều giặc giã nên ông luôn phải đem quân đi đánh dẹp. Nhờ lập được nhiều công trạng ông được thăng làm Đốc đồng các xứ Sơn Tây, Hưng Hóa. Ông cai trị dân có lượng khoan hồng nên được thổ dân cảm phục.

Năm 1784 (Cảnh Hưng thứ 45) nhân có loạn Kiêu binh nổi lên ở Thăng Long và nhân đã về cư tang nhạc mẫu từ năm 1783, ông bèn ở hẳn nhà không ra làm quan nữa.

Đến năm 1790, vua Quang Trung triệu ông vào Phú Xuân để bổ dụng nhưng ngày 27 tháng 7 năm ấy ông bị bệnh mất.

Ông là người tài cao học rộng mà tính tình lại phóng khoáng.

Năm 21 tuổi ông lấy vợ là Nguyễn Thị Bành, con gái đầu lòng của Thái bảo Toản quận công Nguyễn Khản (con trai của Xuân quận công Nguyễn Nghiễm), làm Tham tụng và rất được chúa Trịnh biệt đãi. Nhạc phụ ông lại là anh cùng cha khác mẹ với Nguyễn Du. (Nguyễn Huy Tự tuy hơn Nguyễn Du tới 23 tuổi nhưng phải gọi Nguyễn Du bằng chú).

Năm ông 31 tuổi, bà Nguyễn Thị Bành qua đời, ông lại lấy người em vợ là bà Nguyễn Thị Đài. Bà này đã có chồng con rồi nhưng vì mến tài anh rể đã bỏ cả chồng con để theo về ở với ông. Mối tình phóng tứ này đã vượt ra ngoài lễ giáo và chắc chắn đã ảnh hưởng đến tâm hồn nghệ sĩ của ông. Ông có được 9 người con trai và 4 người con gái. Người con cả (con bà Bành) là Nguyễn Huy Phó (1765-1838) đậu Giải nguyên. Một người con thứ (con bà Đài) là Nguyễn Huy Hổ (1783-1841) cũng hay Nôm, đã viết tác phẩm *Mai đình mộng ký*.

http://tieulun.hopto.org

PHẢ HỆ

TIÊN ĐIỀN

1. Nguyễn Huệ
(1705-33)
Tiến sĩ

2. Nguyễn Nghiễm
(1708-75)
Hoàng giáp
Quận công Tả tướng

7. Nguyễn Du
(1765-1820)
Tam trường
Tham tri

2. Nguyễn Điều
(1745-86)
Tứ trường
Trấn thủ

1. Nguyễn Khản
(1734-86)
Tiến sĩ
Quận công Tả tướng

2. Nguyễn Hành
(1778-1823)
Ẩn cư

1. Nguyễn Thiện
(1763-1818)
Ẩn cư

2. Nguyễn Thị Đài
(1752-1819)
1782

1. Nguyễn Thị Bành
(1705-73)
1763

TRƯỜNG LƯU

1. Nguyễn Huy Oánh
(1713-89)
Thám hoa
Thượng thư

2. Nguyễn Huy Quýnh
(1734-85)
Tiến sĩ
Đốc thị

2. Nguyễn Huy Tự
(1743-90)
Tứ trường
Đốc đồng

Nguyễn Huy Vinh
(1768-1828)
hiệu Chung Sơn
Cư sĩ

Nguyễn Huy Hổ
(1783-1841)
Linh đài Lang

Lê Thị Nguyên
Cháu vua
Lê Hiển Tông

http://tieulun.hopto.org

NGUỒN GỐC TRUYỆN HOA TIÊN

Quyển *Hoa tiên ký* mà ta thường gọi là truyện *Hoa tiên* là của Nguyễn Huy Tự làm ra đời Lê mạt (cuối thế kỷ thứ XVIII).

Ông là con của Đô ngự sử Thạc Lĩnh hầu Nguyễn Huy Oánh, người đã từng đi sứ nhà Thanh (năm Cảnh Hưng thứ 26, 1765) và đã lập được một thư viện lớn gọi là *Phúc Giang thư viện* có cả vạn cuốn sách quí. Ông hẳn đã được đọc quyển *Đệ bát tài tử Hoa tiên ký*, một *ca bản* của Trung Quốc, trong thư viện của thân phụ ông. (Có thể *ca bản* ấy đã do thân phụ ông đem từ Trung Quốc về). Khi đọc sách ấy, thấy cảnh sinh hoạt phong lưu của lớp công tử tiểu thư con nhà quí tộc ở Trung Quốc cũng giống với cảnh sinh hoạt của những thiếu niên con nhà quí tộc bấy giờ ở kinh đô và lại thấy những nhân vật trong truyện vẫn giữ được tấm gương "hiếu trinh" không trái với luân lý Nho giáo nên ông đem *ca bản* ấy diễn ra quốc âm.

Ca bản của Trung Quốc không có ghi tên người biên soạn, chỉ thấy nhà phê bình hiệu là *Tĩnh Tịnh Trai* nói rằng "theo truyền thuyết thì sách ấy do một ông Giải nguyên và một ông Thám hoa viết ra". Sự tích thuật trong *ca bản* cũng không nói rõ là thuộc về đời nào mà tác giả chỉ cho ta biết Lương sinh ở Tô Châu và Dao Tiên quê ở Trường Châu và cũng không cho ta biết thời đại họ sinh trưởng.

Chúng ta chỉ căn cứ vào hồi *"Bích Nguyệt thu kỳ"*, thấy lời văn có dẫn truyện Trương sinh và Tiểu Hồng nương trong *Tây sương ký* mà suy đoán rằng sách ấy được viết ra sau đời Nguyên (sau *Tây sương ký)*, có thể vào đời Minh vì sự tích có nói đến việc đánh nhau với giặc Hồ, tức là đánh nhau với các bộ lạc Mông Cổ. Thêm nữa, sự tích lại có chi tiết nói đến chức Bình chương là chức quan của Lương tướng công thì ca bản *Hoa Tiên* phải được viết vào thời Minh sơ vì chỉ thời kỳ đó mới có chức ấy.

Ca bản *Hoa tiên* khi mới in ra không mấy ai để ý đến và mọi người chỉ coi là một quyển sách tầm thường.

Sau có nhà phê bình hiệu là Tĩnh Tịnh Trai, về đời Thanh (sinh sau Kim Thánh Thán) thấy văn chương hay mới đem *ca bản Hoa Tiên* ấy ra phê bình,

http://tieulun.hopto.org

khen nó không kém gì *Tây sương ký* và liệt vào sau các sách tài tử của Thánh Thán[1] mà gọi là *Tú tượng đệ bát tài tử thư Hoa Tiên ký*.

Sách chia làm sáu quyển. Quyển thứ nhất có một bài *Tự tự* của Tĩnh Tịnh Trai và một bài *Tổng luận* nói về giá trị của ca bản. Năm quyển sau gồm 59 hồi. Mỗi hồi có một đề mục (4 chữ) tiếp theo là một đoạn văn phê bình cho cả hồi rồi mới đến phần chính văn của mỗi hồi.

---

1. – *Nam hoa kinh* (Trang Chu – *Xuân Thu*)
   – *Ly tao* (Khuất Nguyên – *Chiến quốc*)
   – *Sử ký* (Tư Mã Thiên – *Hán*)
   – *Đỗ thi* (Đỗ Phủ – *Đường*)
   – *Thủy hử truyện* (Thi Nại Am – *Tống*)
   – *Tây sương ký* (Vương Thực Phủ – *Nguyên*)
   – *Tỳ bà ký* (?)

http://tieulun.hopto.org

LƯỢC TRUYỆN
HOA TIÊN

Ca bản Hoa tiên gồm có 59 hồi đã được Nguyễn Huy Tự phỏng theo để viết thành *Truyện Hoa tiên.*

Truyện này sau được Nguyễn Thiện nhuận sắc và dài tới 1766 câu lục bát.

Sự tích của *ca bản* và *Truyện Hoa tiên* không có mấy khác biệt nên có thể tóm tắt lại như sau:

HỒI 1 – 23

Lương sinh và Dương Dao Tiên thề nguyền cùng nhau

Ở phủ Tô Châu, huyện Ngô Giang có quan tể tướng họ Lương tên là Ấn Ba. Vợ ông là Diêu Thị, người rất hiền lành, chỉ sinh được một người con trai, đặt tên là Phương Châu tự là Diệc Thương.

Gặp lúc thân phụ làm quan tại triều, chàng ở lại nhà với mẹ, đến tuổi lớn khôn mới được tới trường học cùng chúng bạn. Sau chàng xin với mẹ cho sang Tràng Châu ăn học và ở trọ nhà mợ họ Diêu.

Tới nơi, gặp lễ sinh nhật mợ, Lương sinh vào lạy mừng. Người em họ là Diêu sinh ra chào anh và hai bên làm quen với nhau.

Sau bữa tiệc, Lương sinh nhân lúc đêm trăng mới ra vườn nhà, thơ thẩn dạo quanh để xem phong cảnh thì bắt gặp hai thiếu nữ xinh đẹp đang ngồi đánh cờ.

Lương sinh bị quyến rũ bởi sắc đẹp của hai cô gái bèn xông thẳng tận bàn cờ. Hai thiếu nữ vội lánh ngay đi.

Lương sinh chỉ còn biết đứng trông theo... Đến khi con hầu Bích Nguyệt, theo lệnh của Dao Tiên, trở lại để lấy quân cờ về thì Lương sinh đón ngay nó hỏi thăm và nhờ nó làm mối cho mình. Bích Nguyệt đâu dám nhận lời, vội bỏ ra về.

http://tieulun.hopto.org

Lương sinh cũng trở lại phòng mình rồi tối ấy không làm sao ngủ được.

Sáng hôm sau, chàng sang vấn an mợ thì được biết, thiếu nữ chàng gặp đó chính là Dao Tiên, con gái của Dương đô đốc cũng từ Dương phủ sang chơi dự mừng sinh nhật.

Chàng đem lòng tương tư rồi tìm cách thuê nhà ở bên Dương phủ để tìm cách gặp lại Dao Tiên mà bày tỏ nỗi lòng.

Nhân có Diêu sinh tới thăm nhà mới, chàng ngỏ ý muốn được đưa sang thăm nhà Dương đô đốc. Diêu sinh nể lời, đưa chàng sang chơi và hai người được Dương công đón tiếp ân cần và mời ra uống rượu ở đình Vọng Ba. Lương sinh thấy bên đình có dán bài thơ *Trì liễu* bèn lại đọc. Dương công bảo đó là thơ của Dao Tiên làm và mời Lương sinh vui lòng họa lại.

Chàng còn giữ ý, kiếm lời từ chối nhưng Dương công đã cho thị tỳ cầm giấy bút ra. Chàng liền họa lại và trình lên trước án.

Dương công xem xong, khen hay và truyền đem dán bên bài thơ của Dao Tiên.

Lương sinh, lúc viết còn thừa hai tờ hoa tiên bèn giấu vào túi áo mang về. Từ đó chàng càng say mê Dao Tiên.

Về phần Dao Tiên, nàng sau khi biết chuyện họa thơ cũng sinh lòng cảm mến Lương sinh mà Dương công thì đã có ý muốn chọn chàng làm rể.

Hôm sau, Lương sinh nhân gặp con hầu Vân Hương ra hái hoa mới nhờ nó bắc cầu liên lạc. Hai người, Lương sinh và Dao Tiên, đã hẹn ước trên đình Khán Vân và đã viết lời thề nguyền vào hai mảnh hoa tiên để mỗi người giữ lấy một mảnh làm tin.

Truyện do đó mới có tên là *Hoa Tiên.*

HỒI 24 – 34

Lương sinh và Dương Dao Tiên xa cách nhau

Lương sinh đã thề nguyền với Dao Tiên rồi nhưng không ngờ ở nhà lại tính việc đính hôn cho chàng với người khác.

Nguyên do, Lương tướng công và Lưu tướng công vốn là người đồng quận và là bạn đồng liêu lúc cùng về trí sĩ đã gặp nhau trên sông. Trong lúc cùng nhau uống rượu, trò chuyện hai bên đã đem việc nhà ra kể: bên biết họ Lưu có nàng Ngọc Khanh còn chưa đính gả, bên biết họ Lương có chàng công tử vẫn chưa ước hôn nên Lương công và Lưu công mới cùng nhau hẹn đính thông gia.

Thế là việc hôn nhân của Lương sinh đã được định dưới thuyền.

Lương công khi đến nhà liền bảo phu nhân cho người đi gọi Lương sinh về để ông nói chuyện.

http://tieulun.hopto.org

Lương sinh được tin mới sang Diêu phủ và Dương phủ để chào. Chàng được Dương công hứa gả Dao Tiên cho nên mừng rỡ vô cùng. Chàng bèn tìm Dao Tiên để tâm sự cùng nhau trước khi tạm biệt.

Lương sinh về đến nhà thì được biết cha mẹ đã hỏi con gái họ Lưu cho chàng để cưới làm vợ. Thật là một tin sét đánh khiến chàng những buồn phiền trong dạ, trách duyên số mình với Dao Tiên sao lại bị trắc trở.

Thế rồi nhân một ngày mừng sinh nhật bên Dương phủ, Diêu sinh sang chúc mừng và có đem chuyện Lương công đã hỏi vợ cho Lương sinh ra kể. Dao Tiên nghe được lấy làm buồn lắm nhưng vẫn giữ vẹn lòng mình với mảnh tiên thề.

Trong lúc ấy thì có tin Dương công được đổi về kinh. Khi gia đình vào tới nơi, chẳng may biên thùy lại có giặc quấy phá. Nhà vua bèn sai Dương công ra làm trấn thủ. Ông đành phải để vợ con ở lại nương nhờ nhà người cậu họ Tiền ở viện Hàn lâm.

Về phần Lương sinh thì chàng vì nhớ Dao Tiên cũng xin mẹ sang Tràng Châu chơi nhưng khi tới nơi thì gia quyến họ Dương đã đổi về kinh rồi. Lương sinh buồn bã đến thành bệnh.

Trong lúc ấy Dao Tiên ở bên nhà cậu họ Tiền cũng buồn bã không kém.

Một hôm nghe tin cha thua trận phải lui về giữ Ngọc Quan, bị rợ Hồ vây nàng càng thêm sầu não lo lắng, ngày đêm những than thân tủi phận.

HỒI 35 – 47

Lương sinh ra đánh giặc bị vây hãm

Lương sinh phải nằm dưỡng bệnh ở Tràng Châu.

Một ngày kia Diêu sinh đến thăm, khuyên chàng hãy giữ lấy sức khỏe, ra công học tập để kịp ngày đi thi đồng thời tiện lúc ấy mà tìm lại Dao Tiên. Lương sinh nghe nói vậy mới chuyên cần học tập để kịp ngày vào thi.

Trong kỳ thi Hương, Lương sinh đậu Giải nguyên còn Diêu sinh đậu thứ năm. Hai chàng lại vào thi Hội: Lương sinh đậu Thám hoa và Diêu sinh cũng đậu Hoàng giáp.

Diêu sinh được bổ vào làm quan ở Bộ Lại còn Lương sinh được bổ vào làm quan ở Hàn lâm.

Tuy làm quan rồi, vinh hiển rồi mà Lương sinh vẫn buồn vì chưa tìm được người yêu. Còn về phía Dao Tiên thì lại buồn vô cùng vì cứ nghĩ mình bị phụ bạc.

http://tieulun.hopto.org

Ngờ đâu hai người đã ở gần nhau mà không biết. Thế rồi, một đêm Lương sinh dạo mát bên hoa nghe phía vườn bên có tiếng đàn bà con gái mới nhìn qua thì thấy, *không phải là ai xa lạ* mà chính là Dao Tiên, Vân Hương và Bích Nguyệt. Hai người, Lương sinh và Dao Tiên gặp nhau vui mừng khôn tả mới cùng nhau kể lể tâm tình, nói sao cho xiết.

Lương sinh bèn ngỏ cùng Dao Tiên, sẽ xin vua cho ra đánh giặc để giải cứu Dương công họa may có thể ân trả nghĩa đền mà rồi được duyên ưa phận đẹp.

Sau buổi gặp lại nhau ấy, Lương sinh liền dâng sớ xin đi đánh giặc. Nhà vua y cho.

Chàng vì nặng tình với Dao Tiên nên chẳng quản những điều khó nhọc nguy hiểm, đã xông pha ngoài cõi biên thùy, đánh luôn mấy trận. Quân của chàng, mắc mưu giặc, thừa thắng mà kéo vào thành không, liền bị vây. Đám bại binh chạy về được, đồn rằng Lương sinh đã chết. Triều đình được tin thua trận mới sai một quan đại tướng ra tiếp cứu, có Diêu sinh đi theo để vận lương thực.

Khi qua nhà họ Tiền, biết được bà mợ trú ở đó, Diêu sinh ghé vào hỏi thăm và đem việc Lương sinh nói cho mợ biết. Ngờ đâu con hầu Vân Hương nghe được kể lại cho Dao Tiên hay. Dao Tiên thương khóc thảm thiết, quyết nhịn ăn mà liều chết. Bích Nguyệt và Vân Hương phải lựa lời khuyên giải nhưng Dao Tiên cũng chẳng động lòng.

Ông bà họ Lương từ khi nghe tin con thi đậu đã mừng. Sau lại nghe tin con bị chết ở ngoài biên thùy thì vô cùng buồn bã, làm chay, để tang, mọi lễ sắm sanh đủ cả.

Về phía nhà họ Lưu, khi nàng Ngọc Khanh nghe tin Lương sinh bị chết trận, cùng thành phục để tang. Lưu phu nhân thấy con gái mình còn trẻ mà phải góa chồng mới toan bài cải giá, quyết gả cho một nhà họ Lam giàu có.

Ngọc Khanh bèn bỏ nhà ra đi, gieo mình xuống sông thủ tiết. May có quan Đề học họ Long vào kinh đi thuyền qua đó mà vớt được. Nghe rõ câu chuyện của Ngọc Khanh, vợ chồng quan Đề học bèn nhận nàng làm con nuôi.

Gia đình nhà họ Lưu xao xác đi tìm mà không thấy cũng sinh ra khóc vẩn thương vơ.

Có ai ngờ Lương sinh và Ngọc Khanh vẫn còn sống cả.

http://tieulun.hopto.org

HỒI 48 – 59

Lương sinh và Dương Dao Tiên lấy nhau

Lương sinh từ khi bị vây vẫn cố cầm cự khiến giặc Hồ không phá nổi thành. Diêu sinh vận lương thực đến nơi, biết tin Lương sinh hãy còn trấn giữ thành mới cùng thống tướng tìm cách giải vây cho Lương sinh và Dương đô đốc. Giặc bị phá tan. Diêu sinh dâng biểu về triều, một lần báo tiệp.

Ở nhà họ Dương, Dao Tiên nghe tin xiết bao mừng rỡ.

Sau đó Dương đô đốc, Lương sinh và Diêu sinh đã kéo quân khải hoàn về kinh. Tới dự lễ mừng có cả con quan Lưu thượng thư là anh nàng Ngọc Khanh. Trong câu chuyện, Lương sinh được biết nàng Ngọc Khanh đã chung tình tử tiết.

Chàng nghe vậy, bỗng sinh ra buồn rầu, những thương cho người đã khuất...

Còn Dương đô đốc, nhân khi rảnh việc cũng ghé tới thăm Lương sinh, thấy chàng có vẻ buồn bã mới hỏi rõ căn do. Ông liền bàn tâu xin tinh biểu cho nàng Ngọc Khanh.

Nhà vua ban sắc ngợi khen Ngọc Khanh và truyền cho Dao Tiên được sánh duyên cùng Lương sinh.

Ngay lúc bấy giờ Long đề học cũng vừa về tới kinh, nghe tin ấy bèn làm sớ tâu vua về việc Ngọc Khanh để mọi người được biết. Vua lại cho Ngọc Khanh được kết duyên cùng Lương sinh và phong cho cả Dao Tiên và Ngọc Khanh làm phu nhân nhất phẩm.

Thế là một nhà sum họp và Bích Nguyệt với Vân Hương cũng được dự vào hàng vợ lẽ.

*

* *

Câu chuyện dẫu không ngoài hai chữ *phong nguyệt*, lúc đầu gặp gỡ tuy là *tình* nhưng về sau vẫn vẹn mọi tiết vừa có *trinh* vừa có *trung* và vừa có *hiếu* nên soạn giả khuyên ai hãy đọc mà xem.

http://tieulun.hopto.org

NGUYỄN THIỆN ĐÃ NHUẬN SẮC HOA TIÊN CỦA NGUYỄN HUY TỰ NHƯ THẾ NÀO?

Các bản *Hoa tiên* vẫn lưu hành từ trước đến nay (cả bản Nôm và Quốc ngữ) đều là bản nhuận sắc của Nguyễn Thiện.

Nguyên tác của Nguyễn Huy Tự, bản khắc in thì không có, chỉ có bản viết tay sao chép lại được từ một bản gốc đã hư nát, do Nguyễn Huy Cừ còn giữ được.

Vào dịp nghỉ Tết năm Quí Mùi (ngày 27 tháng chạp năm Nhâm Ngọ tức 1-2-1943) ông Đào Duy Anh có về làng Trường Lưu và có mượn được bản Nôm ấy. Ông đã cùng với ông Đoàn Thăng phiên âm sang Quốc ngữ.

Bản phiên âm ấy sau được in trong quyển *Truyện Hoa tiên* của Lại Ngọc Cang khảo thích, do Nhà xuất bản Văn hóa in năm 1961.

Năm 1976, Đào Duy Anh có sửa lại đôi chỗ và cho in trong quyển *Truyện Hoa tiên* do Văn học xuất bản năm 1979.

Căn cứ vào bản *Hoa tiên* ấy của Nguyễn Huy Tự chúng tôi đã đối chiếu với bản *Hoa tiên nhuận chính* (chữ Nôm) của Đỗ Hạ Xuyên cho khắc in ở Hà Nội năm Ất Hợi (1875) niên hiệu Tự Đức thứ 28 thì thấy có hồi được viết dài thêm, có hồi được rút ngắn lại với những sự sửa đổi về ý và về lời như sau:

I. SỬA ĐỔI VỀ Ý TƯỞNG

* *Hồi I*

Hồi này bản Nguyễn Huy Tự dài tới 24 câu nhưng Nguyễn Thiện đã rút ngắn lại còn 22 câu và đã sửa lại cả đoạn mở đầu. Nguyễn Huy Tự đã theo *Ca bản* mà bắt đầu câu chuyện bằng việc tả cảnh *"thất tịch"*:

Nương lơn nhẹ hóng mát chiều,
Vàng pha gió quế trăng dìu hương sen
Gác rèm câu nguyệt xiên xiên,
Này hôm ả Chức chàng Khiên họp vầy.
Hẹn lành năm một đêm nay,
Trên kia còn vậy dưới này khiến sao.

Nguyễn Thiện đã phỏng theo Nguyễn Du trong *Truyện Kiều* mà sửa lại là:

http://tieulun.hopto.org

Trăm năm một sợi chỉ hồng
Đặt người tài sắc vào trong khuôn trời.
Sự đời thử ngẫm mà chơi
Tình duyên hai chữ với người hay sao!
Từng nghe trăng gió duyên nào,
Bể sâu là nghĩa, non cao là tình.
Người dung hạnh, bậc tài danh,
Nghìn thu để một mối tình làm gương.

Như vậy ông đã muốn đưa một luận đề về *tình* và *nghĩa* để làm cái dây vô hình nó nối liền các tình tiết trong câu chuyện để đi đến kết luận rằng:

Gót nguồn bàn lại mà chơi,
Phong quang *hai chữ cõi đời ai không.*

* *Hồi II – X*

Các hồi này Nguyễn Thiện giữ nguyên ý của bản Nguyễn Huy Tự và cũng không thêm bớt một câu nào: hồi II: 20 câu, hồi III: 18 câu, hồi IV: 48 câu, hồi V: 44 câu, hồi VI: 14 câu, hồi VII: 38 câu, hồi VIII: 18 câu, hồi IX: 32 câu, hồi X: 28 câu.

* *Hồi XI*

Hồi này bản Nguyễn Huy Tự có chép cả hai bài thơ tứ tuyệt: *Trì liễu* của Dương Dao Tiên và bài họa của Lương Phương Châu.

Nguyễn Thiện khi nhuận sắc đã bỏ cả hai bài thơ ấy đi. Việc làm này đã cho ta thấy được là ông đã chịu ảnh hưởng của Nguyễn Du, chỉ cần nhắc đến sự kiện làm thơ mà không ghi lại bài thơ vì có những bài thơ thực chất cũng không hay gì.

Nếu không kể hai bài thơ ấy, số câu trong hồi này của hai bản đều dài 54 câu.

* *Hồi XII và XIII*

Cả hai hồi này Nguyễn Thiện vẫn giữ nguyên số câu (hồi XII: 20 câu và hồi XIII: 22 câu) và không có sửa đổi gì về ý cả.

* *Hồi XIV*

Hồi này Nguyễn Huy Tự chỉ viết có 28 câu. Nguyễn Thiện để nhuận chính đã thêm vào 10 câu thành 38 câu.

Nguyễn Thiện đã viết thêm như vậy có lẽ vì ông muốn để cho Dương công bày tỏ cảm tình của mình đối với Lương sinh và cũng muốn để cho Lương sinh bày tỏ lòng kính trọng của mình đối với Dương công.

http://tieulun.hopto.org

Chúng ta hãy nghe hai người đối thoại với nhau:

Rằng: *Ta thuở trẻ theo đòi,*
Mênh mông bể thánh nào vơi phần nào?
Sông thù luống những khát khao,
Rắp đem hàn mặc ép vào biển mâu.
May thay giải cấu duyên đâu,
Mượn tay vườn hãn mở lầu rừng nho.
Đi về giảng sớm bàn trưa,
Quyển vàng họa được giải cho ít nhiều.
Thưa rằng: *Chút phận bọt bèo,*
Hậu sinh đã dám chơi trèo sao nên.
Gẫm mình võ vẽ bút nghiên,
Biết đâu kinh thánh truyện hiền là đâu.
Vả nay rốn bể cửa hầu,
Ra vào vì chút thẳm sâu ngại ngùng.

Đây cũng là một điểm tâm lý mà Nguyễn Thiện muốn diễn tả thêm đối với các nhân vật trong truyện.

* *Hồi XV - XXIII*

Các hồi này Nguyễn Thiện giữ nguyên ý của bản Nguyễn Huy Tự và cũng không có thêm bớt gì mấy:

Hồi XV : 14 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi XVI : 54 câu (bớt 2 câu)
Hồi XVII : 32 câu (tăng 2 câu)
Hồi XVIII : 30 câu (tăng 2 câu)
Hồi XIX : 58 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi XX : 50 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi XXI : 18 câu (tăng 2 câu)
Hồi XXII : 44 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi XXIII : 92 câu (bớt 4 câu)

Như vậy số câu đã không tăng từ hồi XV đến hồi XXIII.

* *Hồi XXIV*

Hồi này Nguyễn Huy Tự viết có 32 câu và đã dùng lối văn *thuật sự* nên không được linh động.

Nguyễn Thiện khi nhuận sắc đã tăng lên thành 42 câu và đã dùng lối văn *đối thoại* nó không những linh động mà còn diễn tả được tâm lý của Lưu công và Lương công.

http://tieulun.hopto.org

Chúng ta hãy đọc hai đoạn văn để so sánh nguyên văn của Nguyễn Huy Tự:

Hứng vui thóc mách chuyện nhà,
Họ Lưu một gái tự là Ngọc Khanh.
Tuần mười lẻ bảy xuân xanh,
Đọ mười dung hạnh đoan trinh vẹn mười.
Rõ tin Lương mượn chén mời,
Lấy lời thiểm khế dạm lời thông gia.

và nhuận sắc của Nguyễn Thiện:

Hứng vui thóc mách chuyện nhà,
Họ Lưu một ả tên là Ngọc Khanh.
Tuần mười lẻ bảy xuân xanh,
Người trang trọng nết đoan trinh vẹn mười.
Tỏ tin Lương mượn chén mời:
Biếng quan anh cũng trải đời như em.
Vòng trần hẳn đã không thèm,
Chút nguyền du Nhạc còn hiềm chưa nguôi.
Dám toan kén lứa chọn đôi,
Tấn Tần có nhẽ với người phồn hoa.
Thôi thì ta lại biết ta,
Chỉn e lều cỏ biết là nên chăng."
Cạn mời Lưu mới thưa rằng:
"Từ vào chi thất xem bằng long môn.
Một lời đã với nước non,
Vâng xe mối chỉ cho tròn duyên tơ.
Quản bao tuyết đợi sương chờ,
Xin đem dây sắn may nhờ bóng thông."

* *Hồi XXV – XXX*

Các hồi này Nguyễn Thiện cũng không sửa gì mấy về ý tưởng và cũng không có thêm bớt gì nhiều về số câu:

Hồi XXV	: 18 câu (tăng 2 câu)
Hồi XXVI	: 28 câu (tăng 2 câu)
Hồi XXVII	: 20 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi XXIII	: 12 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi XXIX	: 28 câu (bớt 2 câu)
Hồi XXX	: 18 câu (giữ nguyên số câu)

Nếu tính chung sáu hồi này thì số câu chỉ tăng có 2 câu.

http://tieulun.hopto.org

* *Hồi XXXI*

Hồi này Nguyễn Huy Tự chỉ viết có 12 câu nhưng để nhuận sắc, Nguyễn Thiện đã viết thêm 16 câu thành 28 câu để tả rõ *bát cảnh Tiêu Tương*.

Chúng ta hãy đọc hai đoạn tả cảnh ấy để so sánh nguyên văn của Nguyễn Huy Tự.

Hành trang vội sắp sửa xong,
Con thuyền chen chúc đua dong cánh lèo.
Giang thiên tám bức sầu treo,
Thành mai trận khói, non chiều phiến mây.

với nhuận sắc của Nguyễn Thiện:

Hành trang sắm sửa vừa xong,
Con thuyền chen chúc đua dong cánh lèo.
Giang sơn tám bức sầu treo,
Cảnh mai dễ chạnh, sắc chiều như xui.
1 *Kìa đâu cát phẳng một doi,*
Mấy chòm lích chích loi thoi trận nhàn.
2 *Kìa đâu mây tận chân ngàn,*
Đỉnh đèo xao xác họp tan chợ chiều.
3 *Kìa đâu viễn phố đìu hiu,*
Lưng trời rút thẳng con lèo ra khơi.
4 *Kìa đâu sông rộng sóng dồi,*
Ngư thôn mấy nóc mặt trời tà dương.
5 *Kìa đâu nghi ngút khói sương,*
Vẳng nghe chuông sớm còn vang bên lầu.
6 *Kìa đâu nước lạnh trời thu,*
Động Đình phẳng lặng một hồ trăng in.
7 *Kìa đâu ban tối đỗ thuyền,*
Bạc bay hoa tuyết giang thiên một màu.
8 *Kìa đâu trúc lệ nhuốm thâu,*
Tiêu Tương rả rích mưa mau canh chầy.

Qua sự nhuận sắc này, chúng ta nhận thấy Nguyễn Thiện đã chịu ảnh hưởng của Nguyễn Du muốn tả cảnh để tả tình nó thật đúng với định luật tâm lý nhưng ở đoạn này lại không cân đối với toàn hồi vốn chỉ có 12 câu và thực ra sự viết thêm ấy cũng không cần thiết.

* *Hồi XXXII*

Hồi này tả cảnh Dương công ra cõi biên thùy dẹp giặc, phải gửi gia quyến ở lại nha môn họ Tiền.

http://tieulun.hopto.org

Nguyễn Thiện vẫn giữ nguyên mọi chi tiết của câu chuyện với số câu là 18 câu, không có thêm bớt gì.

* *Hồi XXXIII*

Hồi này tả cảnh Phương Châu trở lại Tràng Châu tìm Dao Tiên mà không gặp.

Nguyễn Huy Tự đã tả niềm thất vọng của Phương Châu thật não nề đến nỗi ngã lăn ra bất tỉnh.

Nguyễn Thiện ở hồi này đã viết thêm 10 câu cho dài tới 48 câu để tả nỗi thất vọng của Phương Châu cho được sâu sắc hơn.

Ở đây chúng ta cũng thấy ảnh hưởng của Nguyễn Du trong cách diễn đạt tình cảm:

Miên man thăm hỏi gần xa,
Mới tường môn mạch nay đà phó kinh.
Nghe lời khôn nhẽ làm thinh,
Buồn nương bên triện sầu quanh khắp tòa.
Băn khăn đến trước đình Ba,
Rường không én đẻ, song tà nhện giăng,
Tiên thơ vách hãy dăng dăng,
Xa thơ cách mấy mươi từng người thơ.
Hiên cài lác đác sao thưa,
Sân rêu nọ chốn ngày xưa chén đồng.
Mày dương liễu, mặt phù dung,
Ngắm hoa thêm nhắc tấm lòng sinh ly.
Chỉ thề trăng vẫn tri tri,
Tay ai chểnh mảng còn chi Chương Đài.
Mừng xuân đào hãy ngậm cười,
Vẻ hồng trơ đó mặt người nào đâu?
Khi sao son gác phấn lầu,
Giờ sao tan tác mặc dầu khói sương.
Ấy ai dập lửa vùi hương,
Để ai nát đá phai vàng này đây.
Giận riêng trăm nỗi để đầy,
Da căm tức tối hồn say mơ màng.

Qua những câu trích dẫn ở trên, chúng ta nhận thấy hai câu:

Mừng xuân đào hãy ngậm cười,
Vẻ hồng trơ đó mặt người nào đâu.

đã được mô phỏng từ hai câu Kiều:

Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.

http://tieulun.hopto.org

hoặc hai câu:

Khi sao son gác phấn lầu,
Giờ sao tan tác mặc dầu khói sương.

thì cũng là phỏng theo hai câu Kiều:

Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.

nhưng vẫn không tránh được sự vá víu về mặt ý tưởng.

* *Hồi XXXIV – XXXVII*

Các hồi này cũng không có sửa gì mấy và Nguyễn Thiện cũng không có viết thêm gì đáng kể.

Hồi XXXIV : 20 câu (tăng 2 câu)
Hồi XXXV : 18 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi XXXVI : 20 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi XXXVII : 38 câu (giữ nguyên số câu)

Nếu tính chung 4 hồi này thì số câu chỉ tăng có 2 câu.

* *Hồi XXXVIII*

Nguyễn Huy Tự đã theo đúng *ca bản* để tả cảnh Lương sinh gặp lại Dương Dao Tiên ở vườn Hàn.

Nhận thấy hồi này còn nhiều thiếu sót về mặt tâm lý nên Nguyễn Thiện đã viết thêm 22 câu cho thành 114 câu.

Như khi nói đến nỗi sầu của Dao Tiên, Nguyễn Huy Tự chỉ viết có hai câu:

Cảnh đâu dễ nhắc lòng đâu,
Màng than tình cũ thêm sầu nỗi xưa.

Câu thứ nhì này hợp với nguyên văn trong *ca bản:*

"Ai thương đêm nay khổ tương tư.
Đối trăng than dài nhớ người xa".

Nguyễn Thiện nhân nỗi sầu ấy suy rộng ra mà viết thành một đoạn 8 câu:

Ngàn mây, trắng bạc như tờ,
Bóng dâu chênh chếch đã vừa ngang vai.
Bờ sương đỗi tuyết bao nài,
Nào ai ấm lạnh, nào ai ngọt bùi.
Tưởng người chén nguyệt thề bồi,
Phòng đông vừa ý đã người nào thôi.
Ba xuân những chốn làm vui,
Những hương những lửa những ai đó giờ?

http://tieulun.hopto.org

Tám câu này không những tả nỗi lòng của Dao Tiên nhớ Lương sinh (4 câu dưới) mà còn tả cả nỗi lòng của nàng nhớ cha mẹ nữa (4 câu trên).

Đoạn này Nguyễn Thiện đã phỏng theo đoạn Nguyễn Du tả cảnh Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích nhớ cha mẹ và Kim Trọng.

Hoặc khi thuật lúc Lương sinh dạo chơi ngoài vườn, trong trí nhớ đến người xưa là Dao Tiên, Nguyễn Huy Tự cũng chỉ viết có hai câu:

Than đâu lảnh lọt màu oanh,
Hoa say hạc ngủ vắng thênh dấu tìm.

thì Nguyễn Thiện đã thêm vào một đoạn 10 câu để vừa tả cảnh vừa tả tình:

Cảnh sầu như ghẹo người sầu,
Khi giằn giọc đá, khi rầu rĩ cây.
Nghĩ người mặt sóng chân mây,
Tiên thề đành để đến ngày tái sinh.
Lỡ làng bèo nước lênh đênh,
Ấy duyên phụ khách hay mình phụ duyên.
Nào ta bể dặn non nguyền,
Lòng nào chuông vạn ngựa nghìn với ai.
Nỉ non đêm ngắn tình dài,
Nguyệt cài bên triện hoa rơi trước rèm.

Ngoài hai đoạn thêm vào ở trên, Nguyễn Thiện còn sửa lại chỗ Lương sinh leo cành cây nhảy qua tường sang vườn của Dao Tiên.

Tuy việc này Nguyễn Huy Tự đã theo đúng với *ca bản* nhưng Nguyễn Thiện cho đó là một cử chỉ không được nho nhã nên đã dựa theo *Truyện Kiều* của Nguyễn Du mà sửa rằng:

Dạo quanh núi giả đi vòng,
Bên hoa dường có nẻo thông cuối tường.
Hài văn lần bước bước sang,
Cách tường đã dặng tiếng vàng xa đưa.

Như vậy Nguyễn Thiện đã không để cho Lương sinh phải trèo qua tường mà chỉ cho một lối đi thông qua vườn của Dao Tiên để sang gặp mặt.

Có điều đáng tiếc là Nguyễn Thiện đã quá lệ thuộc vào *Truyện Kiều* để nhuận sắc truyện *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự.

* *Hồi XXXIX – XLII*

Các hồi này Nguyễn Thiện cũng không có sửa gì mấy và số câu cũng không có thêm bớt bao nhiêu:

Hồi XXXIX	: 8 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi XL	: 10 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi XLI	: 4 câu (giữ nguyên số câu)

http://tieulun.hopto.org

Hồi XLII : 22 câu (giữ nguyên số câu)

Hồi XLIII : 10 câu (tăng thêm 2 câu)

Nếu tính chung 5 hồi này thì số câu chỉ tăng 2 câu.

* *Hồi XLIV*

Hồi này nói về việc Ngọc Khanh giữ tiết.

Nguyễn Huy Tự chỉ viết vắn tắt có 18 câu nhưng Nguyễn Thiện đã viết thêm 8 câu cho thành 26 câu để đề cao tấm lòng chung thủy của nàng đối với Lương sinh và lòng khinh bỉ của nàng đối với công tử họ Lam:

Vẻ chi một mảnh hồng quần
Chúa hoa đành đã Đông quân đấy rồi.
Thôi thôi đã vậy thì thôi,
Cũng liều má phấn cho rồi ngày xanh.
Hóa công có thiệt chi mình,
Treo gương trinh bạch rành rành cho coi.
.....
Dẫu rằng mòn núi cạn sông,
Gương này quyết chẳng soi chung với người.

Chúng ta nhận thấy Nguyễn Thiện đã muốn đề cao thêm đạo lý nhất là đối với phụ nữ.

* *Hồi XLV*

Hồi này theo nguyên truyện của Nguyễn Huy Tự có tên là *Lương sinh nghị kế* (Lương sinh bàn kế) nói đến cảnh Ngọc Khanh đau khổ khi nghe tin Lương sinh bị chết ở ngoài biên thùy nhưng thực ra chàng vẫn còn cầm cự được với giặc và vẫn còn sống.

Nguyễn Thiện đã chuyển hồi này xuống dưới hồi XLVIII, thành hồi XLIX cho thích hợp hơn với sự diễn tiến của câu chuyện.

* *Hồi XLVI*

Hồi này tả cảnh *"Lưu phủ bức hôn"*. Nguyễn Huy Tự viết dài tới 34 câu. Nguyễn Thiện đã viết thêm 2 câu thành 36 câu.

Nếu so sánh nguyên tác và bản của Nguyễn Thiện thì bản của Nguyễn Huy Tự có phần hay hơn cả về lời và về ý.

Như mấy câu sau đây:

Đòi nàng khuyên dỗ bấy giờ,
Rén quì thoắt đã tuôn mưa đôi hàng.
Chút thân từng nấy cửa Lương,
Xót thay đống cỏ chiến trường còn tươi.

http://tieulun.hopto.org

Yến kia bay chiếc lọ người,
Dung cho quấn chiếu trọn đời là cam.

mà Nguyễn Thiện sửa lại là:

Đòi nàng khuyên dỗ bấy giờ,
Rén thưa thoắt đã tuôn mưa đôi hàng.
Ngập ngừng nàng lại gửi chiềng:
Yếu thơ bồ liễu lỡ làng tóc tơ.

Nếu có muốn viết thêm thì chỉ nên để cho Ngọc Khanh trình bày về hoàn cảnh của mình bị bức hôn mà phải trầm mình xuống sông.

Ở đoạn này Nguyễn Huy Tự chỉ viết có hai câu:

Nàng nghe biện hết tơ hào:
"Lầu son lại ép, sóng đào thà gieo".

Viết như vậy thì quá vắn tắt, không đủ để giải thích lý do Ngọc Khanh phải liều đi trầm mình.

Nguyễn Thiện đã viết đầy đủ hơn:

"Trẻ thơ đội đức sinh thành,
Sớm khuya ai dễ dứt tình được đâu.
Ông tơ lật lọng lừa nhau,
Hại mình nên phải ngậm sầu bước ra.
Gốc phần dù lại dạo quà,
Cành vin chẳng kẻo bẻ hoa tay người.
Lại toan trơ tráo với đời,
Thà cho sóng bạc để rồi ngày xanh.
Muôn vàn tạ chút hậu tình,
Hẹn này may có lai sinh là còn.
Rồi đây đáy vực ngọn nguồn,
Mặc cho bụng cá lại chôn mày ngài".

Chúng tôi nhận thấy việc Nguyễn Thiện nhuận sắc mà không phỏng theo *Truyện Kiều* để viết thêm như vậy là hợp lý.

* *Hồi XLIX – LIV*

Các hồi này Nguyễn Thiện đã không thay đổi gì mấy và cũng không có viết thêm gì đáng kể.

Hồi XLIX	: 12 câu (thêm 4 câu)
Hồi L	: 20 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi LI	: 8 câu (bớt đi 2 câu)
Hồi LII	: 6 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi LIII	: 10 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi LIV	: 22 câu (giữ nguyên số câu)

Nếu tính chung cả 5 hồi này số câu chỉ tăng có 2 câu.

http://tieulun.hopto.org

Phận sao phận bạc như tờ,
Sinh thành nợ trả bao giờ được đâu.
Bên đường nấm cỏ rầu rầu,
Mặt nào quên não khuây sầu với ai.
Dẫu sao cũng một thân người,
Dung cho chiếc gối trọn đời mới cam.

thì vừa dài mà ý lại không thiết thực. Hơn nữa lời thơ lại phỏng theo *Truyện Kiều* nhiều quá.

Cứ để mộc mạc như Nguyễn Huy Tự có lẽ lại hay hơn.

* *Hồi XLVII*

Hồi này tả cảnh Ngọc Khanh đầu giang (Ngọc Khanh nhảy xuống sông) để giữ tiết với Lương sinh.

Nguyễn Huy Tự viết dài 18 câu, chúng tôi thấy đã đủ ý rồi.

Nguyễn Thiện đã thêm vào 18 câu thành ra cả hồi dài tới 36 câu.

Những câu thêm vào chỉ là những lời than thở trước khi gieo mình như ở đoạn đầu:

U minh đôi ngả khơi chừng,
Một niềm sắt đá thấy chăng hỡi tình.
Gọi là một chút bố kinh,
Nợ lòng phải giả đến mình mới xong.
Duyên tơ đã kết dải đồng,
Bèo mây ước chữ tương phùng kiếp sau.
Nỗi riêng càng nghĩ càng đau,
Tấm riêng thôi cũng mặc dầu gió trăng.

hoặc ở đoạn cuối:

Tiếc đời chi nữa cũng rằng,
Dẫu mà có thác cầm bằng không sinh.
Há rằng chác tiếng mua danh,
Sao cho phải phận sự mình thì cam.
Trông vời trời bể mênh mang,
Đem thân băng tuyết gửi hàm giao long.
Bất tình chi bấy hóa công,
Cho người lấy mảnh má hồng làm chi?
Người hạnh nghĩa, khách dung nghi,
Làm cho trâm gãy gương lìa mới thôi.
Mênh mông bể khổ sóng dồi,
Biết rằng phúc thiện có trời nữa không?

Chúng tôi nhận thấy Nguyễn Thiện đã để cho Ngọc Khanh than thở quá dài dòng mà quên mất cả cảnh "hạ màn" cho nàng nhảy xuống sông.

http://tieulun.hopto.org

Nguyễn Huy Tự thì chỉ để cho Ngọc Khanh than thở vắn tắt và đã kết thúc bằng hai câu thực gợi hình:

Sóng tuôn cuồn cuộn nghìn tầng,
Quyết liều gieo hẳn ghê chăng tiết nàng.

Phần nhuận sắc ở đây đã không hay bằng nguyên tác.

* *Hồi XLVIII*

Hồi này kể lại chuyện Đề học Long cứu vớt được nàng Ngọc Khanh và hỏi han về tâm sự của nàng.

Nguyễn Huy Tự chỉ kể lại sự việc chứ không trình bày theo lối đối thoại trực tiếp như Nguyễn Thiện đã nhuận sắc.

Chúng tôi nhận thấy lời hỏi của quan Đề học cũng không được khéo gì mà cứ giải thích như đoạn sau đây:

Thoắt thôi quan mới ướm lòng,
Khen rằng: "Tiết sạch danh trong thật là.
Tiếc thay trong giá trắng ngà,
Nỡ hoài chi để trôi hoa giạt bèo.
Rừng thiền cõi tình là nhiều,
Sạch mình chi lọ là liều với ai.
Đem mình mà trả nghĩa người,
Để công chín chữ thiệt thòi đến đâu.
May đây bèo nước gặp nhau,
Thôi thì Hợp phố cho châu lại về".

* *Hồi LV*

Hồi này nói về *Thánh chỉ vi môi* (chỉ dụ của vua làm mối). Nguyễn Huy Tự chỉ viết có 16 câu nhưng Nguyễn Thiện đã nhuận sắc thành 44 câu tức là tăng thêm tới 28 câu.

Sỡ dĩ Nguyễn Thiện đã viết thêm như vậy vì ông không muốn để cho Lương sinh tỏ ra vô tình với Ngọc Khanh mà hân hoan cử hành ngay hôn lễ với Dao Tiên.

Nếu Nguyễn Huy Tự theo *ca bản* chỉ viết:

Tạ ơn cùng xuống đền vàng,
Bước càng nhẹ bước, tươi càng nhẫn tươi.
Chở che trên thánh là trời,
Đã nơi vẹn nghĩa lại nơi vẹn tình.
Dương càng mừng nức cửa dinh,
Chín lần rủ dắt sợi mành mấy khi.

thì Nguyễn Thiện đã để cho Lương sinh tỏ ra là người có nghĩa, có tình:

http://tieulun.hopto.org

Tạ ơn cùng xuống điện vàng,
Vội mừng nào đã kịp đường nghĩ xa.
Về dinh thấm thức việc nhà,
Đành người có nghĩa nào ta chí tình.

Ông cũng để cho Lương sinh biết thương cảm Ngọc Khanh:

Vì ai cho thiệt thòi nhau,
Ấy ai dứt được mối sầu cho đang.
Chẳng cầm sắt cũng tao khang,
Nối dây thế chẳng vội vàng chút nao.

và dự định trì hoãn cuộc hôn nhân:

Duyên kia đã nặng thề bồi,
Thân kia trong mấy thu trời quản đâu.
Nghĩ duyên càng khảy tơ sầu,
Nghĩ thêm càng lại thêm đau đớn tình.

Diêu sinh đã phải khuyên giải phân tích:

Dám thưa: "Anh đã sai rồi,
Chấp kinh nhường ấy dạ hơi trần trần.
Tình phu phụ, nghĩa quân thân,
Trong ba cương ấy, xem phần nào hơn".

và còn phải gợi đến lòng hiếu thảo với cha mẹ già:

Mặc người tựa cửa hôm mai,
Cầm lòng vì chút nghĩa người thế ru.
Sợ khi đương bể mà dâu,
Hiếu tình lại dở dang nhau mặc lòng.

Nguyễn Thiện đã có ý thêm vào như thế để cho Lương sinh trọn được cả tình lẫn nghĩa.

* *Hồi LVI*

Hồi này cốt tả cảnh *Phụng chỉ nghênh hôn* (vâng chỉ vua mà cưới vợ) nên Nguyễn Thiện đã giữ nguyên số câu (14 câu) và cũng không có thay đổi gì về nội dung mà Nguyễn Huy Tự đã trình bày.

* *Hồi LVII*

Hồi này nói về việc *Long gia tấu hôn* (Đề học Long tâu việc hôn nhân với nhà vua). Nội dung cũng không có gì thay đổi nên Nguyễn Thiện chỉ viết thêm 8 câu (từ 30 câu thành 38 câu) để cho được rõ ràng hơn thôi.

http://tieulun.hopto.org

* *Hồi LVIII*

Hồi này nói đến việc *Dao Tiên khuyến thú* (Dao Tiên khuyên chồng cưới Ngọc Khanh). Nguyễn Huy Tự theo *ca bản* chỉ viết vắn tắt có 10 câu và đã dùng lối thuật sự:

Nào hay hoa cũng vẻ tươi,
Thực lòng yêu kính thiết lời khuyên can.

Nguyễn Thiện đã viết thêm 20 câu và đã để cho Dao Tiên trực tiếp khuyên chồng:

Tưởng rằng: "Trong đạo thường tình,
Thân bồ hãy lấy chữ trinh làm lề.
Hay đâu sống thác chẳng nề,
Nỗi niềm nghĩ lại mà ghê gớm đời.
Nghìn thu âu hẳn một người,
Ai ai lại dám xem ai làm thường.

Nguyễn Thiện đã để cho Dao Tiên bày tỏ lòng kính phục đối với Ngọc Khanh rồi mới để cho nàng nhắc lại tình xưa nghĩa cũ của Lương sinh với Ngọc Khanh:

"Vả vì chút nghĩa cũ càng,
Dấn mình vào áng chiến trường với nhau.
Làm cho liễu ủ đào rầu
Trăm năm để một gánh sầu cho ai".

Nguyễn Thiện đã để cho Dao Tiên thương cảm Ngọc Khanh mà vui vẻ khuyên chồng cưới nàng làm vợ để hai người được làm bè bạn chị em với nhau:

"Vì tôi để thiệt đến người
Nghĩ mình mình chẳng ngậm ngùi lắm ru.
Đành rằng nát ngọc chìm châu,
Ai ngờ trong cõi Diêm phù thấy nhau.
Ấy là máy tạo nhiệm mầu,
Duyên xưa tròn trặn ân sau đền bồi.
Bây giờ lầm cát mặc người,
Vinh hoa riêng lấy một đời hay sao.
Khi ăn nói, lúc ra vào,
Nghĩ nguồn cơn ấy làm sao cho đành".

Nguyễn Thiện như vậy đã để cho Dao Tiên nói lên tất cả ý nghĩ của mình đối với mối tình cũ của Lương sinh và Ngọc Khanh.

Cách diễn tả ấy đã cho ta thấy được tâm lý của các nhân vật trong hoàn cảnh tế nhị đó.

http://tieulun.hopto.org

* *Hồi LIX*

Hồi này là hồi cuối cùng của truyện *Hoa tiên*. Bản Nguyễn Huy Tự bị rách mất tờ cuối nên không biết tổng số câu của hồi LIX là bao nhiêu.

Nguyễn Thiện đã viết dài tới 72 câu để tả cảnh *Song phụng đoàn viên* và có thêm phần *kết luận* cho quyển truyện:

Gót nguồn bàn lại mà chơi,
Phong quang hai chữ cõi đời ai không.
Lấy tình gặp gỡ là xong,
Trước sau vẹn một chữ tòng mới ghê.
Khi nhàn chắp chảnh lời quê,
Gác câu tình dục theo bề hiếu trinh.

Như vậy Nguyễn Thiện khi nhuận sắc truyện *Hoa tiên* đã muốn chứng minh rằng truyện ấy tuy là sách phong nguyệt nói đến chữ tình, mà chữ tình ở đời ai lại không có, nhưng kết luận câu chuyện vẫn giữ vẹn được mọi tiết, vẫn có trinh và có hiếu.

Chính vì lẽ ấy ông mới kết thúc rằng:

Di luân sáng để rành rành,
Chớ đem ca xướng làm khinh làm thường.

II. SỬA ĐỔI VỀ LỜI VĂN

Nếu so sánh bản *Hoa tiên nguyên tác* của Nguyễn Huy Tự và bản *Hoa tiên nhuận chính của* Nguyễn Thiện chúng ta nhận thấy có những sửa đổi như sau:

1. Sửa đổi những chữ quá nôm na, mộc mạc bằng những chữ văn hoa bóng bảy hơn:

Khói om mấy đỉnh khe rinh,
Chợt nghe truyền gọi Diêu sinh lên nhà. (c. 61 - 62)

Khói om mấy đỉnh hương nghê
Chợt nghe truyền gọi Diêu về tiền nha (c. 59 - 60)

.....

Vừa cơn mây bợn nguyệt lòa,
Lẻn kề trông dưới đèn hoa tỏ tường (c. 89 - 90)

Vừa cơn mây vởn trăng lòa,
Mảnh tình gửi nét thu ba đưa vào. (c. 87 - 88)

.....

Thú riêng xó xỉnh điền thôn (c. 175)
Gọi là thủng thỉnh điền thôn (c. 173)

.....

Bấm dầm đôi tám xuân nay chưa nhiều (c. 196)

http://tieulun.hopto.org

Tuổi chừng đôi tám xuân nay chưa nhiều (c. 194)

.....

Dở dong đâu nữa chẳng dè chút đâu (c. 634)
Nhẽ thường hẳn chẳng e dè chút ru (c. 646)

.....

Chiềng: Sao rày dáng cưu điều chi vay (c. 664)
Chiềng: Sao rày vẫn có điều chi đây. (c. 678)

.....

2. Thay thế những từ cổ không còn thông dụng bằng những từ dễ hiểu hơn:

Thái Cơ lừa lẫn đỡ lời (c. 115)
Thái Cơ nghe nói đỡ lời (c. 113)

.....

Vẹn no khung dệt bàn thêu (c. 197)
Viện thơ khung dệt bàn thêu (c. 195)

.....

Đệ trình ông xiết không khen (c. 337)
Đệ trình ông những ban khen (c. 329)

.....

Tiện đâu một vách liền kề,
Mở lần cửa khém đi về cũng nên. (c. 401 - 402)
Tiện đâu giáp vách liền vi,
Mở lần cửa hãy dầu khi đi về. (c. 411 - 412)

.....

3. Sửa lại hẳn câu thơ nếu có chữ cổ khó hiểu hoặc không còn thông dụng:

Vẻn vang rèm nguyệt song mây
Nơi chồng sáo sách, nơi bày báu thơ. (c. 281 - 282)
Một tay nhìn đặt ngắm xoay,
Nơi chồng sáo sách, nơi bày cuốn thơ. (c. 279 - 280)

.....

Công phu nghĩ đã nên là,
Tôi mòi cho có vê va buổi này. (c. 345 - 346)
Bấy lâu đeo đẳng vì hoa,
Này hiên Lãm Thúy ắt là đâu đây. (c. 343 - 344)
Gùn ghè ông đã rắp ranh,
Nhắp chăng lại dạm vần quanh mấy lời. (c. 393 - 394)
Khéo thay lời nói hữu tình,
Giường đông rày mới là dành có nơi. (c. 391 - 392)

http://tieulun.hopto.org

4. Sửa lại câu thơ phỏng theo các câu mượn trong Truyện Kiều hoặc đặt thêm ra các chi tiết khác hẳn với nguyên bản mà lại mượn ý các câu Truyện Kiều:

Những là chắp cánh liền cành	(c. 241)
Thẫn thờ mây sớm đèn khuya	(c. 257)
Đầy thềm vằng vặc gương nga	(c. 337)
Bấy lâu đeo đẳng vì hoa	(c. 343)
Bấy lâu đắp nhớ đổi mong	(c. 445)
Ấp cây một mực trần trần	(c. 505)
Cố tình ép liễu nài hoa	(c. 621)
Chút chi gắn bó gọi rằng,	(c. 653)
Cho đành mối gió tin trăng sau này.	(c. 654)
Nghĩ người lại ngắm nghía ta	(c. 699)
Tiên thề tay thảo một chương	(c. 779)
Quản bao tuyết đợi sương chờ	(c. 843)
Chưa vui sum họp nỡ nào chia phôi.	(c. 880)
Tương tri có thế mới là tương tri.	(c. 888)
Ông tơ khéo nhẽ đa đoan	(c. 929)
Mừng xuân đào hãy ngậm cười,	(c. 1059)
Vẻ hồng trơ đó mặt người nào đâu.	(c. 1060)
Nỗi riêng riêng trạnh đòi nau một mình.	(c. 1138)
Rẽ bèo chân sóng tuyệt vời	(c. 1147)
Nào ai ấm lạnh, nào ai ngọt bùi	(c. 1178)
Tưởng người chén nguyệt thề bồi.	(c. 1179)
Nỉ non đêm ngắn tình dài	(c. 1195)
Những là cách mặt khuất lời	(c. 1203)
Dạo quanh núi giả đi vòng,	(c. 1205)
Bên hoa dường có nẻo thông cuối tường.	(c. 1206)
Hài văn lần bước bước sang,	(c. 1207)
Cách tường đã dặng tiếng vàng xa đưa.	(c. 1208)
Tưởng bây giờ là bao giờ,	(c. 1029)
Song song đôi mặt còn ngờ chiêm bao.	(c. 1210)
Tiếc thay sương tuyết cũ càng	(c. 1221)
Vì ai bèo nổi mây chìm bấy lâu	(c. 1250)
Đã đành chiếc bách sóng đào lênh đênh.	(c. 1264)
Êm lời nàng cũng giãn dần	(c. 1323)
Vẻ chi một mảnh hồng quần	(c. 1345)
Cũng liều mả phấn cho rồi ngày xanh.	(c. 1348)
Mấy lời tạc đá ghi vàng	(c. 1357)
Một lời gắn bó vừa xong	(c. 1367)
Phận sao phận mỏng như tờ	(c. 1373)
Biết duyên mình biết phận mình thế thôi.	(c. 1400)

http://tieulun.hopto.org

Bèo mây ước chữ tương phùng kiếp sau. (c. 1410)
Trông vời trời bể mênh mang, (c. 1425)
Đem thân băng tuyết gởi hàm giao long. (c. 1426)
Bất tình chi bấy hóa công, (c. 1427)
Cho người lấy mảnh má hồng làm chi. (c. 1428)
Tiếc thay trong giá trắng ngần, (c. 1441)
Nỡ hoài chi để trôi hoa giạt bèo. (c. 1442)
Yêu vì nết, trọng vì người. (c. 1463)
Ngọn cờ ngan ngác, trống canh trễ tràng (c.1500)
Đỉnh chung hầu dễ ăn ngồi được đâu. (c. 1546)
Nào đà kết cỏ ngậm vành chi đâu. (c. 1572)
Bâng khoăn thung cỗi huyên gầy, (c. 1591)
Tấm nguyền hữu thất đến rày chưa nguôi. (c. 1592)
Mặc người tựa cửa hôm nay, (c. 1593)
Cầm lòng vì chúc nghĩa người thế ru. (c. 1594)
Đủ lề nạp thái định ngày nghinh hôn. (c. 1606)
Đầu mày cuối mặt rõ ràng chẳng nhe, (c. 1646)
Ấy ai lại dám xem ai làm thường. (c. 1664)
Vì tôi để thiệt đến người, (c. 1669)
Nghĩ mình mình chẳng ngậm ngùi lắm ru. (c. 1670)
Khi ăn nói, lúc ra vào (c. 1677)
Hương bay muôn dặm tử phần (c. 1707)
Kiệu hoa giục giạo rước liền (c. 1727)

http://tieulun.hopto.org

CÁC BẢN HOA TIÊN

Nếu theo thứ tự thời gian, từ 1875 cho đến nay, chúng ta thấy có các bản *Hoa tiên* sau đây đã sưu tầm được:

1 *Hoa tiên nhuận chính.* (Bản Nôm)
Tự Đức Ất hợi Trung thu tân san (1875) Hà Nội Dương Sơn nguyên âm sinh Tú tài thưởng thụ ngũ phẩm Đỗ Hạ Xuyên kiểm. Lễ đương tàng bản.

2 *Chuyện Hoa tiên.* Bản in Quốc ngữ đầu tiên do Đặng Trần Tiến phiên âm, đã được Nguyễn Văn Nghi cho đăng vào *Đông Dương tạp chí* (Phần văn chương) năm 1916, từ trang 2853 trở đi.

3 *Hoa tiên chuyện.* Bản Quốc ngữ của nhà in Văn Minh, Hải Phòng (in lần thứ hai, 1924).
Bản này theo bản *Hoa tiên nhuận chính* nói trên. Chính trang đầu của bản này đã nêu lên cái nhan "Hoa tiên nhuận chính" trước khi in bản truyện.

4 *Hoa tiên chuyện.* Bản Quốc ngữ của nhà in Thụy Ký - Hà Nội - 1924.
Bản này in lại bản Đặng Trần Tiến, có phần chú thích và diễn ra văn xuôi kèm theo.

5 *Hoa tiên truyện dẫn giải.* Bản in của Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội - 1930.
Đinh Xuân Hội chú thích và diễn ra văn xuôi. Bản này, trừ vài tiểu tiết, theo bản in của Đặng Trần Tiến.

6 *Hoa tiên ký diễn âm.* Bản Quốc ngữ in trong Tập kỷ yếu hội Trí tri (Bulletin de la Société d'Enseignement mutuel), số 3 - 4 từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1996, trang 301 - 365. Bản này, theo lời phát đoan (Le Hoa tiên de Nguyễn Huy Tự) là do một bản chữ Nôm chép tay (khổ 15,5 x 27cm, 61 tờ trừ tờ mặt) của Thư viện trường Bác cổ (số hiệu: AB 269) mà Nguyễn Văn Tố đã phiên âm ra Quốc ngữ, dưới có chua rõ những chỗ chép khác của hai bản Đỗ Hạ Xuyên và Đặng Trần Tiến. (Bản Nôm này nay đã bị mất).

7 *Truyện Hoa tiên.* Bản in của Nhà xuất bản Tân Việt - Sài Gòn, 1950.
Vân Bình Tôn Thất Lương chú thích và diễn ra văn xuôi.
Theo phàm lệ thì "*Những chữ nào trước sai ở các bản cũ khác mà nay*

http://tieulun.hopto.org

cần phải đính chính hay là biện ngoa lại, thì có kể rõ cái nguyên do rõ ràng và trình bày hình dạng của chữ sai ấy".

8 *Truyện Hoa tiên.* Bản in của Nhà xuất bản Ngày mai - Hà Nội - 1952.

9 *Truyện Hoa tiên.* Bản in của Nhà xuất bản Phổ thông - Hà Nội - 1958.

10 *Truyện Hoa tiên.* Bản in của Nhà xuất bản Văn hóa - Viện Văn học - Hà Nội - 1961. Lại Ngọc Cang khảo thích và giới thiệu. Quyển này lấy bản Hoa tiên ký do Nguyễn Văn Tố phiên âm làm bản chính nên có điều không ổn vì bản này đã qua sự sửa chữa của Vũ Đái Vấn. (Bản nhuận sắc của Vũ Đái Vấn không nên coi là bản chính của Hoa tiên ký).
Quyển này có in thêm bản *Hoa tiên nguyên tác* của Nguyễn Huy Tự do Đoàn Thăng và Đào Duy Anh phiên âm.

11 *Truyện Hoa tiên.* Bản in của Nhà xuất bản Văn học - Hà Nội - 1978. Đào Duy Anh khảo đính, chú thích và giới thiệu.
Quyển này lấy bản *Hoa tiên nhuận chính* của Nguyễn Thiện làm bản chính và có chép bản *Hoa tiên nguyên tác* của Nguyễn Huy Tự trong phần *Phụ lục.*

Theo Đào Duy Anh đã viết trong *Lời đầu sách* thì: "Bản ấy trước đây chúng tôi (ĐDA) đã cùng với cụ Đoàn Thăng là cán bộ phiên dịch của Trường Đại học Tổng hợp phiên âm lần đầu tiên, song bản phiên âm ấy... còn có một số khuyết điểm, nay chúng tôi đã phiên âm lại cẩn thận hơn".

*
* *

Ngoài các bản *Hoa tiên* kể trên, cũng cần nói qua về quyển *Truyện Hoa tiên* do Dương Quảng Hàm phiên âm và chú thích, đăng trong *Giáo dục tân san* (bậc Trung học, các số 5, 6, 7 tháng 3, 4 và 5 năm 1946) nhưng chỉ mới được đến câu 376 hồi XII.

Theo Dương Quảng Hàm thì bản *Hoa tiên* này là một bản Nôm chép tay (khổ 15,5 x 27cm, 61 tờ trừ tờ mặt). Trên tờ mặt, giữa đề bốn chữ "*Hoa tiên quốc ngữ*", bên phải đề thành hai dòng: "La Sơn, Lai Thạch Nguyễn Huy Tự soạn. Tiên Điền Nguyễn Thiện nhuận sắc; bên trái cũng đề thành hai dòng: "Đường Giang Vũ Đái Vấn mặc bình - Phú Thị Cao Chu Thần chu bình"... Sau cái nhan đề là *"Đệ bát tài tử Hoa tiên ký".*

Bản này có bài *Tựa* chữ Hán và Vũ Đái Vấn viết vào năm Minh Mệnh thứ 10 (1829) và bài *Tựa* chữ Hán của Cao Chu Thần (Cao Bá Quát) viết vào năm Thiệu Trị thứ ba (1843). Ở trang cuối cùng có đề: "Khải Định tam niên bát nguyệt nhị thập ngũ nhật kính sao". (Kính sao ngày 25 tháng 8 năm Khải Định thứ 3, tức 29-9-1918).

*
* *

http://tieulun.hopto.org

Theo các bản *Hoa tiên* đã sưu tầm được như kể trên, chúng tôi tạm lựa ra những bản có giá trị hơn cả để nhận định thêm:

1. Hoa tiên nguyên tác của Nguyễn Huy Tự.

Đào Duy Anh trong lời đầu sách *Truyện Hoa tiên* đã cho rằng "Bản này *không phải là nguyên bản của Nguyễn Huy Tự* mà là bản do con cháu chép lại ở một bản xưa đã mục nát".

Điều này cũng là một lý do khiến ta có thể nghi ngờ rằng người sao chép đã sửa chữa lại đôi chỗ, phỏng theo "Truyện Kiều" của Nguyễn Du.

Theo thiển ý của chúng tôi thì bản *Hoa tiên* nguyên tác của Nguyễn Huy Tự nếu có những từ cổ, nếu còn có những chữ thô quê, chưa được văn hoa bóng bẩy thì nó vẫn có giá trị riêng đối với thời đại của nó.

Các nhà nhuận sắc như Nguyễn Thiện, Vũ Đái Vấn, Cao Bá Quát đã sửa lại cho văn hoa hơn, cho bóng bẩy hơn nhưng đã vô tình làm cho tác phẩm trở nên vá víu, không được thuần nhất nữa.

Chúng tôi vì chủ trương tôn trọng nguyên văn nên đã đưa bản *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự vào phần chính của sách này.

2. Hoa tiên nhuận sắc. (Bản Nôm)

Bản này đã được khắc in năm Ất Hợi, Tự Đức thứ 28 (1875), do Nguyễn Thiện nhuận chính và do Đỗ Hạ Xuyên kiểm lại.

Toàn bản dài 1766 câu, viết theo thể lục bát không có những câu thơ thất ngôn như ở bản *Hoa tiên ký*.

Bản Nôm này đã được nhà in Văn Minh cho phiên âm sang Quốc ngữ. Nguyễn Văn Tố trong *Hoa tiên ký diễn âm* đã làm đối chiếu và có ghi chú trong phần khảo dị. (Bản Nôm này chúng tôi có cho in lại toàn văn từ trang 329 đến trang 412).

3. Hoa tiên ký diễn âm.

Bản này do Nguyễn Văn Tố phiên âm ra từ một bản Nôm của Trường Bác cổ (nay đã không giữ được). Bản này chắc đã được Vũ Đái Vấn nhuận sắc. (Chúng tôi có cho in lại toàn văn từ tr.433 đến trang 522).

Toàn bản dài 1850 câu (gồm 1842 câu lục bát và 8 câu thơ thất ngôn chữ Hán). Nếu kể cả 8 câu thơ diễn Nôm (lấy từ bản Đặng Trần Tiến) thì toàn bản dài tới 1858 câu.

Sở dĩ số câu tăng lên như vậy là vì có nhiều đoạn được Vũ Đái Vấn (?) viết thêm ra khi nhuận sắc như một vài đoạn thí dụ sau đây:

http://tieulun.hopto.org

HOA TIÊN KÝ DIỄN ÂM	HOA TIÊN NHUẬN SẮC
Đồng say, khách lạ, canh dài, Một trăng, một bóng, một người hóa ba. Ưa chân theo thú lân la, Ngậm trăng nửa nóc, phun hoa bốn hè *(c.61 - 64)*	Đồng say khách lạ lân la, Ngậm trăng nửa chái, phun hoa bốn hè. *(c.61 - 62)*
Đầu dương đòi đoạn tơ vương, Tiếng chim bẻo lẻo gọi sang láng giềng. Hương đâu quến gió trước đình, Vừng chiêng soi thấu nguyên tình cho không? Tiên thi trên vách song song, Nhìn chơi nàng đã ghi lòng bốn câu. *(c.375 - 380)*	Trời mai dợn ráng tuôn vàng, Gió đâu sớm đã quyến hương trước đình. Dấu tiên trên vách rành rành, Nhìn chơi nàng đã lóng tình bốn câu. *(c.357 - 360)*
Dập dìu cầm sắt xướng hòa, Phu nhân đã giục tin ra rước chàng. Tướng công dẫn sự dọc đường, Gặp Lưu cao nghĩa, được nàng tốt đôi. Việc mừng thêm nỗi lòng vui, Thiếp canh đã vội sai môi đệ trình. *(c.875 - 880)*	Dập dìu cầm sắt xoang hòa, Phong thư đã giục tin xa rước mời. Nhà huyên thêm nỗi lòng vui, Người băng đưa thiếp đã sai đệ trình. *(c.853 - 856)*
Ông tơ sao nhẽ đa đoan, Ba sinh luống đợi Ngọc Hoàn còn lâu. Khuôn xanh kia mới hiểm sâu, Đã lừa nhau lại tỏ nhau nữa mà. Oanh vàng thắm thoắt thoi qua, Phủ Dương sinh nhật một nhà vầy vui. Chàng Diêu đệ lễ sang chơi, Rượu đua cuộc thánh, thơ bồi câu tiên. Khi vui trạnh nhớ bạn hiền, Thấy Diêu hầu dễ nên quên sự chàng. Rằng: "Từ bẻ liễu lên đường, Gửi mai sao hãy trễ tràng đến nay". *(c.955 - 966)*	Ông tơ khéo khéo đa đoan, Ba sinh luống đợi Ngọc Hoàn còn xa. Oanh vàng thấm thoắt thoi qua, Đỉnh thung mấy quả tuyết đà trắng ngân. Các Dương vừa tiệc đản thần, Tình trong quyến cảm qua mừng trước sanh.

http://tieulun.hopto.org

	Thấy Diêu ông mới hỏi sinh, Về quê sao bằng phong thanh tịn rày. *(c.929 - 936)*
Tỉnh dần mới vực về sương, Giấc buồn chưa vợi, mạch tương đã đầy. Nỗi chàng kể đã chua cay, Nỗi nàng nào biết đến rầy những sao. Một mình một ngọn đèn hao, Đám mây bên ải, chiêm bao cho liền *(c.1105 - 1110)*	Tỉnh ra về tới trú phòng, Giấc buồn chưa giã, mạch tương lại đầy. Nàng từ trú ngụ bấy nay, Duềnh Hàn lần ngắm, đóa mây điểm nghìn. *(c.1069 - 1072)*
Đòi vui uất ức một mình, Bóng dương được giãi tấc thành từ đây. Chợt nghe thêm tức niềm tây, Giở nhời nàng đã kể ngay mọi nhời. Rằng: "Vâng mừng trộm cho người, Đã duyên đằm thắm, lại vời giàu sang". *(c.1251 - 1256)*	Biết đâu hương lửa ba sinh, Còn trăng, còn gió, còn dành duyên ta. Dịp đàn đã lỡ lại hòa, Mới là tơ vận, mới là nguyệt xoay. Nàng nghe giọt tủi thêm đầy, Cạn lời rồi lại giãy bày tóc tơ. Tài lang nào phải như xưa, Mình sang, duyên thắm thừa ưa mọi đường. *(c.1213 - 1220)*
Một cơn gió giật mưa bào, Nhẽ này người quyết, dạ nào đinh ninh. Bụi Hồ quét sạch sành sanh, Ơn trên sau nữa nghĩa mình trả xuôi. Hẳn dù nhầm nhỡ lứa đôi, Chén thề để chút đền bồi cũng xong. Hoạ khi trời lại xuống lòng, Một chuông vàng, một chỉ hồng cũng hay! Bọc da dù đến thân này, Cũng đành tỏ chút tình ngay với người.	Sinh nghe lòng thắm như bào, Nhẽ trời đã quyết dạ nào đinh ninh Bụi Hồ một trận quét thanh, Công nên may được duyên lành cũng nên. Càng xui cảm kích cần quyền, Ngành than ngọn thở nhường quên bóng đời *(c.1269 - 1274)*

http://tieulun.hopto.org

Kiếp này đã nhỡ nhàng rồi,
Ra chi mà có tiếc đời nữa chi.
Thôi thời thôi có nghĩ gì,
Thiệt mình mà trả được nghì cũng nên.
Tứ sinh quyết một mánh nguyền,
Cành than, ngọn thở hầu quên bóng trời.
(c.1305 - 1320)

Vắng nghe chẳng một nỗi nàng,
Dặm nghìn lại nỗi đài Lương ở nhà.
Tin mai mừng đã truyền ba
Lại nghe thỉnh thảo Lương đà hành biên.
Chợt đâu lời gió xa truyền,
Dạ buồn chói rỡ, nét phiền rơi sương

Tang hồ thiệt phận mà thương,
Đông tây vâng mệnh, phận thường nghĩ nao.
Đội ơn đất rộng trời cao,
Phải đem tính mệnh liều vào giang sơn.
Nát thân danh vẫn chưa sờn,
Thôi thời ngọc lở còn hơn ngõa toàn.
Phận con mà thế cũng nên,
Nhẹ thân một thác, nỗi nguyền ba sinh.
Tấm thân chán lợi triềng danh,
Trăm năm còn nghĩ thường tình nữa sao?
Xót vì muôn kiếp tôn giao,
Lửa hương biết gửi chốn nào cho yên?
Vả là duyên chửa tròn duyên,
Chửa chung sang trọng, đã riêng đeo sầu.
Dở dang xót nỗi mai sau,
Càng phiền anh chị, càng rầu dâu con.
Thôi thôi nói mãi cũng chồn,
Đã đành cái phận cánh chuồn thời thôi.

Nghe tin chẳng xiết nỗi nàng,
Dặm xa lại nỗi đài Lương ở nhà.
Những mừng dịch tiệp từng ba,
Vừa nghe trần thỉnh xe đà hành biên.

Lại nghe những sự ngoa truyền,
Xót lòng luống những xây phiền đắp thương.
Thực hư ai biện cho tường,
Lễ chiêu tuần điễn, lệ thường thiếu đâu.
Cuộc đời chửa đến bể dâu,
Bỗng dưng mua não chác sầu mà chơi.

Tiếng oan dậy đất lở trời,
Tin đưa Lưu cũng xa xôi mà chừng.
(c.1325 - 1336)

http://tieulun.hopto.org

Cũng là theo thói người đời,
Lại xe buộc cỏ mà vùi nắm hoa.
Sầu chung chẳng những một nhà,
Hỡi ơi Lưu cũng nẻo xa mơ màng!
(c.1371 - 1398)

U minh đôi ngã khơi chừng,
Một niềm vàng đá, biết rằng thấu không.
Kiếp này đã lỏng dải đồng,
Mảnh duyên gắn bó còn hòng kiếp sau.
Nỗi riêng càng nghĩ càng đau,
Càng hờn non nước, càng rầu gió trăng.
Một mình mình lại ngập ngừng.
Ngọc xuôi đồ sắm, hương lừng mã thay.
(c.1469 - 1476)

U minh đôi ngả khơi chừng,
Một niềm sắt đá thấu chăng hỡi tình.
Gọi là một chút bố kinh,
Nợ lòng phải trả đến mình mới xong.
Duyên tơ đã kết dải đồng,
Bèo mây ước chữ tương phùng kiếp sau.
Nỗi riêng càng nghĩ càng đau,
Tấm riêng thôi cũng mặc dầu gió trăng.
Nghĩ đi nghĩ lại ngập ngừng.
Ngọc sôi hạt tấm hương lừng mớ xây.
(c.1405 - 1414)

Mối sầu đòi đoạn như tơ,
Nguồn cơn nghĩ lại sau xưa tại mình:
"Quá thương chút phận lênh đênh,
Nghìn thu để chịu bạc tình với con.
May duyên nghĩ đã vừa khuôn,
Toan nài chỉ thắm, cho tròn tuổi xanh.
Ai hay xem nghĩa hơn mình,
Nổi nênh bèo bọt, tan tành cải kim.
Đã đành mặt nước nổi chìm,
Biết đây tăm cá bóng chim bây giờ?"
Nàng đành được chốn nương nhờ,
Khéo ai rấp lối ngăn bờ với ai.
Bến mê ngán ngẩm sự đời,
Cái vòng con tạo, nực cười lẳng lơ.
Người còn hai mặt sờ sờ,
Bên ngờ làng nước, bên mơ suối vàng.
Điệu đâu trăng nước hoa gương,
Làm chi ngọc đá mơ màng thế thôi.

Nàng đành được chốn nương nhờ,
Khéo là khóc vẩn thương vơ nực cười.
Tiếc thay ngán ngẩm cho đời,
Cái vòng con tạo khéo chơi lững lờ.
Người còn đôi mặt trơ trơ,
Bên mê thủy quốc, bên ngờ vân hương.
Vàng thau ngọc đá mơ màng,
Để cho ố thắm phai vàng là đây.
(c.1477 - 1484)

http://tieulun.hopto.org

(c.1539 - 1556)

Tân bằng yến ẩm vừa xong,
Thung dung Lưu mới vào trong ngỏ bày :
"Từ xưa biết lỗi đã đầy,
Tấm lòng ngậm hổ từ rầy về sau.

Vị Dương một tấm tình sâu,
Sang mừng gọi tả chút sầu bấy nay.
Hạt châu chót đã sẩy tay,
Tự mình trăm nỗi chẳng hay đã đành".
Cúi đầu nàng mới rén trình:
"Rủi may âu cũng phận mình xui ra.
Móc mưa sấm sét cũng là,
Cao sâu đâu nữa mà qua vòng trời.
Vả trong dại dạ hèn đời,
Trắng trong đã vậy, ngọt bùi làm sao?
Bỗng đâu rồng trúc sóng đào,
Chia ra đã hẳn, ép vào khéo xinh.
Vẹn tròn bên nghĩa bên tình,
Khuôn duyên kia đã chiều mình là may.
Tam công chẳng dổi một ngày,
Chuyện xưa còn để đến rày sao nên?"
Giúp lời sinh cũng mở khuyên,
Thuận hòa từ đấy cùng in một lòng.
Đòi phen cười thắm cợt hồng,
Ngọc lung lay động, hương nồng nã rơi.
Xuân quang cả bốn mùa trời,
Gió đưa trăng rước, hoa mời tuyết khuyên.

(c.1805 - 1830)

Đòi phen cợt thắm cười hồng,
Ngọc lung lay động, hương nồng nã rơi.

Phong quang cả bốn mùa trời,
Gió đưa hương rước, trăng mời tuyết khuyên.

(c.1733 - 1736)

Căn cứ vào những đoạn trích dẫn ở trên, chúng ta nhận thấy Vũ Đái Vấn cũng không để ý đến *ca bản* của Trung Quốc mà cứ tùy theo sự suy nghĩ riêng của mình để nhuận sắc.

http://tieulun.hopto.org

4. Bản quốc ngữ Đặng Trần Tiến

Nếu so sánh bản này với bản *Hoa tiên nhuận chính* và bản *Hoa tiên ký diễn âm* chúng tôi nhận thấy *có thể khi san định* Đặng Trần Tiến đã theo cả hai bản Nôm rồi châm chước điều hòa nên có những câu lấy ở bản nọ lại có những câu lấy ở bản kia, không nhất định theo một bản nào cả.

Thí dụ như đoạn sau đây :

Dập dìu cầm sắt xướng hòa, *Phu nhân đã giục tin ra rước chàng.* *Tướng công dẫn sự dọc đường,* *Gặp Lưu cao nghĩa, được nàng tốt đôi.*	bản Hoa tiên ký diễn âm
Nhà huyên thêm nỗi lòng vui, *Người băng đưa thiếp đã sai đệ trình*	bản nhuận chính

hoặc đoạn:

Tỉnh ra về tới trú phòng, *Giấc buồn chưa giã mạch tương lại đầy.*	bản nhuận chính
Nỗi chàng kể đã chua cay, *Nỗi nàng nào biết đến rầy những sao* *Một mình một ngọn đèn hao,* *Đám mây bên ải chiêm bao cho liền.*	bản Hoa tiên ký diễn âm

Bản này có 1830 câu (1814 lục bát, 8 câu thơ chữ và 8 câu thơ diễn Nôm). Nếu so với bản *Hoa tiên ký* diễn âm thì thiếu hẳn một đoạn 28 câu (từ câu 1365 đến câu 1392).

*

* *

Qua các nhận định kể trên chúng tôi cho rằng chỉ có hai bản đáng được lựa chọn để khảo đính, đó là bản nguyên tác của Nguyễn Huy Tự và bản nhuận sắc của Nguyễn Thiện.

http://tieulun.hopto.org

TRUYỆN HOA TIÊN

(Nguyên tác của Nguyễn Huy Tự)

I. HOA TIÊN ĐẠI Ý

(Đại ý Hoa tiên)

Nương lơn [1] nhẹ hóng mát chiều,
Vàng pha gió quế [2] trắng dìu hương sen. [3]
Gác rèm câu nguyệt [4] xiên xiên,
Này hôm ả Chức chàng Ngưu [5] họp vầy. [6]
Hẹn lành [7] năm một đêm nay,
Trên kia còn vậy dưới nầy khiến sao!
Từng nghe trăng gió duyên nào,
Bể sâu là nghĩa non cao là tình.
Hẹp truyền ai kẻ biết danh,

---

1. *Nương lơn :* (*lơn:* do chữ lan đọc chạnh ra tức lan can) đứng tựa bao lơn ngoài hiên.

2. *Gió quế:* gió thu. Sở dĩ gọi *gió thu* là *gió quế* vì vào quãng tháng tám cây quế thường nở hoa. *Gió thu* còn gọi là *gió vàng* (kim phong) vì, theo ngũ hành, *kim* thuộc về mùa thu.

3. *Trắng dìu hương sen:* đối chiếu với ngũ sắc thì mùa thu thuộc sắc trắng.

4. *Câu nguyệt:* trăng hình lưỡi liềm (như cái móc câu). *Mồng một lưỡi trai, mồng hai lưỡi liềm, mồng ba câu liêm* (hình mặt trăng mọc về những đêm đầu tháng).

5. *Ả Chức chàng Ngưu:* Chức nữ và Ngưu lang (*chức:* dệt, *nữ:* con gái; *ngưu:* con trâu, *lang:* chàng con trai).

6. *Họp vầy:* gặp nhau, sum họp.

Tục truyền cháu gái của Trời là Chức nữ chuyên lo việc dệt vải, may vá, Trời thương mới gả cho Ngưu lang. Nhưng từ khi lấy chồng, Chức nữ trở nên lười biếng, bỏ cả việc canh cửi, Trời giận mới đày mỗi người ở một ngả bên sông Ngân Hà và chỉ cho mỗi năm gặp nhau một lần vào đêm mồng bảy tháng bảy (thất tịch). Khi gặp nhau hai vợ chồng ôm nhau than khóc, nước mắt chảy xuống cả hạ giới. (Vì hôm ấy hay có mưa nên gọi là mưa ngâu, *ngâu* do *chữ ngưu* đọc chạnh ra).

7. *Hẹn lành:* do chữ *giai kỳ,* ngày tốt, thường chỉ ngày kết hôn. Đây nói đến ngày Ngưu lang và Chức nữ gặp nhau, mỗi năm vào đêm *thất tịch.*

http://tieulun.hopto.org

Nói vay mượn tiếng chặp chành [1] để gương.
Rằng Tô Châu [2] dải Ngô Giang, [3]
Trâm thân [4] có đấng họ Lương truyền nhà.
.....Ba,
Sang yêu [5] sớm đã dự tòa Bình chương. [6]
Gió thanh hây hẩy gác vàng, [7]
Thảnh thơi chèo Phó [8] nhẹ nhàng gánh Y. [9]
Giúp trong Diêu thị khổn nghi, [10]
Điềm nhà sớm ứng lân nhi [11] một chàng.
Húy Phương Châu tự Diệc Thương,
Phong nghi [12] khác giá từ chương [13] tót loài. [14]
Gấm hoa [15] tài mạo [16] gồm hai,
Đua tay nhảy phượng [17] sánh vai cỡi kình. [18]

---

1. *Chặp chành:* chắp chảnh, nhặt nhạnh hoặc chữ hoặc lời mà nối chắp vào với nhau.
2. *Tô Châu:* tên phủ thuộc tỉnh Giang Tô.
3. *Ngô Giang:* tên con sông chảy qua Ngô huyện.
4. *Trâm thân:* trâm anh và tấn thân. (*Trâm:* trâm gài đầu, *anh:* dải mũ; *tấn:* lụa sắc đỏ, *thân*: cái dải to) chỉ người quyền quý, có học thức và danh vị cao.
5. *Sang yêu:* do chữ *quý sủng,* ở địa vị cao sang quý trọng mà được vua yêu vì.
6. *Tòa Bình chương:* cơ quan cao nhất trong triều đình Trung Quốc đời nhà Minh.
7. *Gió thanh ... gác vàng:* (*thanh phong*: gió mát – ý nói tiếng thơm; *gác vàng:* do chữ *hoàng các*, dinh thự của Tể tướng, vì tránh sắc đỏ của nhà vua nên dùng sắc vàng). Điển: Đời Đường có hai vị Tể tướng là Phòng Huyền Linh và Đỗ Như Hối làm việc giúp ích cho đời nên có câu thơ ca ngợi rằng: *"Hoàng các tam thập niên, Thanh phong thiên vạn cổ"*. (Làm quan ba mươi năm, tiếng thơm ngàn năm còn để lại).
8. *Chèo Phó:* (*Phó:* Phó Duyệt là công thần của vua Cao Tông nhà Ân ở Trung Quốc xưa) do lời vua Cao Tông bảo Phó Duyệt rằng: *"Nhược tế cự xuyên, dụng nhữ tác chu tiếp"* (Nếu muốn qua sông lớn, phải dùng ngươi làm mái chèo).
9. *Gánh Y:* (Y: Y Doãn là công thần của vua Thành Thang nhà Thương ở Trung Quốc xưa). Vua Thương nghe tiếng Y Doãn cày ruộng ở Hữu Sằn là người hiền, đến vời ba lần mới được ông ra gánh vác việc nước. Y Doãn có công đánh vua Kiệt nhà Hạ.
10. *Khổn nghi:* (*khổn:* cửa buồng, *nghi:* khuôn mẫu) khuôn phép mẫu mực đối với người đàn bà ở trong khuê phòng.
11. *Lân nhi:* (*nhi:* con) con lân. Người ta dùng chữ *lân nhi* để chỉ con cháu nhà quý phái.
12. *Phong nghi:* dáng dấp hình dung của người hiền.
13. *Từ chương:* các thứ văn hay ý đẹp như thi, phú, từ, khúc.
14. *Tót loài:* giỏi tột bực, hơn hẳn mọi người.
15. *Gấm hoa:* chỉ sự đẹp đẽ như gấm như hoa.
16. *Tài mạo:* người vừa có tài vừa có dáng vẻ đẹp đẽ.
17. *Nhảy phượng:* nhảy lên lưng chim phượng mà bay cao.
18. *Cỡi kình:* cỡi lên lưng cá kình mà vượt biển rộng.

Cả câu ý nói mặc sức phô tài, khoe sức cho mọi người biết mình lỗi lạc.

http://tieulun.hopto.org

Gia quan [1] đã dạo cung huỳnh, [2]
Thú nhà hầu hạ huyên đình [3] bấy lâu.

II. BÁI MẪU ĐĂNG TRÌNH

(Lạy mẹ lên đường)

Song hồ [4] nấn ná thôn dâu, [5]
Thẻ rồng [6] xuân điểm ngày thâu chìm chìm.
Lối thơm khi nhẹ gót tìm,
Mùi hoa như rước tiếng chim ngỡ chào.
Dợn đào [7] mảnh mảnh bông đào,
Mặt xuân ưu ngắm khác nào hoa xuân.

---

1. *Gia quan:* (*gia*: thêm, *quan:* mũ) lễ đội mũ của người con trai khi đến tuổi trưởng thành (theo tục lệ xưa ở Trung Quốc).

2. *Cung huỳnh:* do chữ *huỳnh vũ*. Thời nhà Hán, ở Kinh đô có dựng tòa nhà gọi là *huỳnh vũ* để cho các sĩ tử từ các địa phương về học. Vậy cung huỳnh chỉ trường học của các nho sinh.

3. *Huyên đình:* (*huyên*: cỏ huyên, rau huyên, *đình:* sân; thường viết là *huyên đường*. Ở đây đổi *đường* ra *đình* cho hợp vần).

Người ta thường giảng *huyên đường* theo chữ lấy trong *Kinh Thi: "Yên đắc huyên thảo, ngôn thụ chi bối"*. (Làm sao có được cây quên sầu, trồng ở ngôi nhà phía Bắc). Chữ 諼 (huyên) nguyên nghĩa là quên, dùng với chữ *thảo* mới có nghĩa là cây quên sầu. Về sau người ta lại viết chữ 萱 (huyên) để chỉ cỏ huyên, cũng gọi là *vong ưu thảo*. Vì tin cỏ huyên có công dụng giải được mọi nỗi lo âu nên người ta mới trồng cỏ ấy ở chái phía bắc, chỗ người mẹ ở để mong cho người mẹ quên được mọi nỗi phiền ưu.

Lại theo tục xưa ở Trung Quốc, mỗi khi có tế lễ, bà chủ nhà thường đứng ở thềm phía bắc nên người mẹ được gọi là *huyên đường*.

Thơ Diệp Mộng Đắc (đời Đường) có câu:

Bạch phát huyên đường thượng,
Hài nhi cánh cộng thùy.

(Trên có huyên đường tóc tạc, hài nhi còn thiết cùng ai).

4. *Song hồ:* cửa sổ có dán giấy (bằng hồ) nên gọi là song hồ.

5. *Thôn dâu:* chỗ quê hương, xưa thường trồng dâu.

6. *Thẻ rồng:* người Trung Quốc xưa làm một cái bình bằng đồng hình con rồng hoặc chạm hình con rồng trong đựng nước và có một cái thẻ khắc độ để đo mực nước. Nước trong bình theo lỗ rỉ cạn dần và người ta căn cứ vào mực nước để tính giờ và gọi cái bình bằng đồng chứa nước ấy là đồng hồ.

7. *Dợn đào:* (*đào:* sóng) dợn sóng.

http://tieulun.hopto.org

Hẹn phong lưu [1] để nợ nần,
Nửa song [2] âu thẹn vũng tần đôi uyên. [3]
Rộng chân thử bước khơi miền,
Dẩy dun [4] khi được như nguyền biết đâu.
Gởi qua [5] xắm nắm [6] dưới lầu,
Xin sang chơi học Tràng Châu [7] quán ngoài. [8]
Dạy: Cho hồ thỉ [9] chí trai,
Tìm thầy hỏi bạn chi hoài bỗng dưng.
Vả từ quê Vị [10] khơi chừng, [11]
Rầy sinh nhật mợ sang mừng cũng hay.
Sẵn nơi trú ngụ đây tày,
Tiện tra bạ trướng [12] bấy nay cho tường.
Rồi thì rèn cặp văn chương,
Cách nào rạng dấu thư hương [13] mặc lòng.

---

1. *Phong lưu:* (*phong:* gió, *lưu*: nước chảy) cái thói giao du của người ta như ngọn gió chỗ này bay đến chỗ khác, như dòng nước nơi nọ chảy đến nơi kia. Cũng chỉ dáng dấp và thái độ tao nhã của con người lịch sự. Ngày nay thường gọi người hay chơi bời đàng điếm là *phong lưu.*

2. *Nửa song:* ý nói chưa có bạn lứa đôi để cùng ngồi bên cửa sổ tâm sự với nhau.

3. *Vũng tần đôi uyên:* tả cảnh đôi chim uyên ương đang cùng nhau bơi trong vũng nước trồng rau tần.

Cả câu ý nói Phương Châu lấy làm thẹn vì chưa tìm được người bạn trăm năm.

4. *Dẩy dun:* cũng như *dun dủi,* tình cờ đưa đến mà nên duyên vợ chồng.

5. *Gởi qua:* thưa qua.

6. *Xắm nắm:* cũng nói *xắm rắm,* là sắm sửa, khiến làm việc gì. (H.T.C).

7. *Tràng Châu:* huyện Tràng Châu do nhà Đường đặt ra, sau là phủ Tô Châu, tỉnh Giang Tô.

8. *Quán ngoài:* quê ngoại.

9. *Hồ thỉ:* (*hồ*: cung, *thỉ*: tên) do bốn chữ *tang hồ bồng thỉ* là cái cung bằng gỗ dâu, cái tên bằng cỏ bồng. Tục xưa bên Trung quốc, khi sinh con trai thì dùng cái cung gỗ dâu, tên bằng cỏ bồng bắn ra bốn phương và lên trời xuống đất để mong cho đứa bé sau này lớn lên có chí khí tung hoành (lập được sự nghiệp hiển hách).

10. *Quê Vị:* tên đất tức Vị Dương. *Kinh Thi* có chép lời của Tấn Khang Công đưa cậu là Tấn Văn Công về nước: *"Ngã tống cữu thi, chi vu Vị Dương"* = Ta đưa cậu ta đến đất Vị Dương.

Quê Vị: theo nghĩa bóng là quê cậu.

11. *Khơi chừng:* xa xôi cách trở, xa vời.

12. Bạ trướng: (*bạ:* cũng đọc là bộ, sổ sách; Trướng: sổ sách) đây chỉ quyển gia phả.

13. *Thư hương:* hương thơm của sách, ý nói tiếng thơm của gia đình có con cháu nối được nghiệp nho của cha ông.

http://tieulun.hopto.org

III. DIÊU PHỦ CHÚC THỌ

(Chúc thọ ở phủ Diêu)

Lĩnh lời quẩy gánh giục đồng, [1]
Thuyền lan [2] một lá thuận dòng thênh thênh.
Dợn quyên [3] sơ diễn mặt duềnh,
Đầu doi [4] chằm lộ [5] cuối ghềnh vọc âu. [6]
Ca chèo mây lọt tiếng đâu:
Ngước trông đã tới Tràng châu ghé thuyền.
Nhà xuân [7] vừa trước thọ diên, [8]
Chén pha giếng cúc [9] bàn chen núi đào. [10]
Lạy bày mừng rỡ khen lao,
Lại truyền công tử chàng Diêu rước mừng.
Hàn huyên [11] cùng giãi lâng lâng, [12]
Mới hay Diêu cữu chuyển thăng Đô đường.
Bóng nghiêng [13] dở chén tàng tàng, [14]
Tiệc thôi Diêu mới đưa sang trú phòng. [15]

---

1. *Giục đồng:* giục tiểu đồng, đứa trẻ theo hầu.

2. *Thuyền lan:* thuyền làm bằng gỗ mộc lan, thứ gỗ vừa cứng vừa bền. (*Thuyền lan* và *chèo lan:* lan chu, lan tương).

3. *Dợn quyên:* (*quyên:* dòng nước) dợn sóng.

4. *Đầu doi:* (*doi:* cồn cát) đầu cồn cát.

5. *Chằm lộ: (chằm:* đầm, hồ; *lộ:* cò) chỗ cò ở, đầm cò ở.

6. *Vọc âu:* chim âu (một loài chim nước) vọc nước (đầm nước, đùa giỡn dưới nước).

7. *Nhà xuân:* nhà vui vẻ, đang có việc vui.

8. *Thọ diên:* (*diên:* tiệc) tiệc mừng thọ.

9. *Giếng cúc:* do chữ *cúc tỉnh*. Theo sách Phong tục thông thì ở huyện Ly đất Nam Dương (nay thuộc tỉnh Hà Nam - Trung Quốc) có thứ cúc to mọc trên núi, nước khe núi thấm quanh rồi chảy xuống vùng dân ở gần đấy. Người ta lấy nước suối ấy uống, sống rất lâu.

10. *Núi đào:* theo sách Liệt tiên truyện, ở huyện Nga My, tỉnh Tứ Xuyên có núi My Sơn, trên núi có lắm cây đào, ăn quả đào ấy được thọ và thành tiên. Cả câu tả cảnh dâng rượu và mâm quả để mừng thọ.

11. *Hàn huyên:* (*hàn:* lạnh, *huyên*: ấm) Lúc gặp nhau thường hỏi thăm sức khoẻ xem có bị ảnh hưởng thời tiết nóng lạnh không? Nghĩa bóng là trò chuyện, tâm sự với nhau một cách thân mật.

12. *Lâng lâng:* ý nói vui sướng trong lòng cảm thấy nhẹ nhàng, không có lo nghĩ gì.

13. *Bóng nghiêng:* nói đã xế chiều, ánh mặt trời đã chiếu nghiêng xuống đất.

14. *Tàng tàng:* ý nói đã ngà ngà say.

15. *Trú phòng:* phòng dành riêng cho ở trong lúc tạm trú ở đây.

http://tieulun.hopto.org

Anh em kề vế [1] bày lòng,
Góp đem phong nguyệt [2] vào trong phẩm bình. [3]
Khói om mấy đỉnh khê kinh, [4]
Chợt nghe truyền gọi Diêu sinh lên nhà.

IV. KỲ BIÊN TƯƠNG HỘI

(Gặp nhau bên bàn cờ)

Đồng say [5] khách lạ [6] lân la,
Ngậm trăng nửa nóc phun hoa bốn hè.
Tiêm cài [7] giá chất [8] so le,
Vẽ niêm dấu cổ, [9] thơ đề lối chân. [10]
Cầm dao [11] sẵn thắng [12] dây huân, [13]
Nổi tươi [14] chậu chậu, cắm xuân [15] cành cành.
Gương huyền [16] lộn bóng chi thanh.
Trong hiên đã vậy, ngoài sanh [17] lại càng.

---

1. *Kề vế:* ngồi sát nhau, tả vẻ thân mật.

2. *Phong nguyệt:* gió trăng, thú tiêu khiển của những người thích trăng trong gió mát, cùng nhau ngâm vịnh.

3. *Phẩm bình:* (*phẩm:* lời phê bình) bàn bạc khen chê về văn chương.

4. *Khê kinh:* nghĩa không rõ. Có lẽ vì lẽ ấy Nguyễn Thiện mới sửa làm *đỉnh hương nghê* cho dễ hiểu hơn. Để sửa lại như vậy Nguyễn Thiện cũng đã phải đổi *phẩm bình* thành *phẩm đề* cho đúng vần.

5. *Đồng say:* tiểu đồng ngủ say

6. *Khách lạ:* chỉ Lương sinh

7. *Tiêm cài:* (*tiêm:* cái thẻ) cái thẻ dùng trong thư phòng để đánh dấu trang sách hoặc để nêu tên sách cho dễ kiểm tra.

8. *Giá chất:* giá để sách thành từng chồng cao lên.

9. *Vẽ niêm dấu cổ:* (*niêm:* dính vào) những bức tranh liễn đều có đề theo lối chữ cổ.

10. *Thơ đề lối chân:* thơ đề vịnh thì viết theo lối chữ chân phương.

11. *Cầm dao:* (*niêm:* cây đàn, *dao:* ngọc dao) cây đàn khảm ngọc dao.

12. *Sẵn thắng:* đã lên dây sẵn.

13. *Dây huân:* dây đàn. Vua Thuấn gảy đàn cầm, hát khúc gió nam có bốn chữ *"Nam phong chi huân"*.

14. *Nổi tươi:* ý nói các cây trồng trong chậu tươi tốt hẳn lên.

15. *Cắm xuân:* trồng cây cảnh, lá xanh tươi như cây có về mùa xuân.

16. *Gương huyền:* (*huyền:* treo) Nguyễn Thiện đã sửa lại là *Gương treo bóng lộn màu thanh* cho dễ hiểu.

17. *Ngoài sanh:* (*sanh:* do chữa *thinh* hay *sảnh*) ngoài sảnh đường bên ngoài công đường.

http://tieulun.hopto.org

Bức lơn [1] quanh quất vũng đường,
Chiếc sen gầy vóc [2] bóng dương rầu rầu.
Ngôi thơm dẫn nước làu làu,
Rặng cây khuất khuất, lưng cầu khom khom.
Thủy đình [3] rã bóng [4] lom om,
Dứt chừng khúc kính [5] qua chòm tàng xuân. [6]
Đào thôn [7] điểm điểm ngấn trần, [8]
Sào Ngư [9] mường tượng cắm gần đâu đây.
Nảy cành chợt động oanh bay,
Gọi khuya quyên [10] cũng nhặt rây [11] góc tường,
Xông hoa lành lạnh hơi sương,
Lảng chân hầu rắp [12] nhận đường về trai. [13]
Tiếng đâu gió lọt bên tai,
Đêm thanh dường vẫn còn ai say cờ.
Đè chừng [14] lẻn bước thẩn thơ,
Ít nhiều hương cụm nhặt thưa bóng cành.
Mẫu đơn [15] lộ mở con đình, [16]
Xạ đâu trận trận lọt mành phôi pha.

---

1. *Bức lơn:* bức lan can.
2. *Chiếc sen gầy vóc:* đóa sen cuống khẳng khiu.
3. *Thủy đình:* (*thủy*: nước, *đình:* cái nhà nhỏ không có tường bao quanh, chỉ có bốn cột với mái che) cái nhà nhỏ làm trên mặt nước để ngồi chơi hóng mát.
4. *Rã bóng:* rủ bóng.
5. *Khúc kính:* (*khúc:* quanh co, *kính:* con đường) con đường quanh co.
6. *Tàng xuân:* chỉ chòm cây lá xanh tươi như chứa mùa xuân.
7. *Đào thôn:* thôn có trồng đào tức cảnh Đào Nguyên, nơi có tiên ở, chỉ cảnh tiên.
8. *Ngấn trần:* dấu vết phô bày ra.
Cả câu ý nói cảnh tiên cứ lần lần hiện ra.
9. *Sào ngư:* cái sào của ông chài (Ngư phủ). Bài *Đào hoa nguyên ký* của Đào Tiềm có kể chuyện một người đánh cá chèo thuyền vào một thôn trồng toàn đào, hỏi thăm thì người dân ở đây nói rằng tổ tiên họ tránh loạn vào đấy từ thời nhà Tần. Người đánh cá sau có trở lại tìm nhưng không thấy dấu vết đâu cả, cho là cảnh tiên.
10. *Quyên:* đây là con cuốc kêu lúc đêm khuya.
11. *Nhặt rây:* (*nhặt:* mau, liền, liên tiếp) tiếng cuốc kêu mau lọt qua tường mà tới.
12. *Hầu rắp:* (*hầu:* gần, sắp) đã toan có ý, sắp sửa.
13. *Trai:* trai phòng, phòng đọc sách.
14. *Đè chừng:* nhắm chừng, phỏng chừng.
15. *Mẫu đơn:* thứ cây có hoa đỏ đẹp.
16. *Con đình:* cái đình, nhà ngồi hóng mát, không có tường bao quanh, thường chỉ có bốn mái và bốn chiếc cột.
Cả câu ý nói Phương Châu vừa đi qua khóm mẫu đơn thì trông thấy cái đình.

http://tieulun.hopto.org

Vừa cơn mây bợn nguyệt lòa,
Lẻn kề trông dưới đèn hoa tỏ tường.
Vây tiên [1] một cuộc đôi nàng,
Một về nam lại dung trang tuyệt chừng.
Dờn dờn mây cựa [2] quanh trăng,
Hoa tươi mỉm động ngọc lừng thơm bay.
Thiên nhiên sẵn đúc dày dày, [3]
Mực hoen sá thấm [4] phấn rơi thông giồi. [5]
Lạt in vẻ tố [6] là sồi, [7]
Cài xanh một đóa lẫn mùi lan xanh.
Bụi phàm [8] chẳng bá [9] đỉnh đinh,
Dưới thông [10] trong quít [11] vuốn đành là đây.
Gió đâu dun dủi duyên này,
Cả liều đảm sắc [12] vào ngay trước bàn.
Rèm tương [13] động thét tiếng hoàn,

---

1. *Vây tiên:* chơi cờ vây (*tiên* ý nói Dao Tiên và hai thị tỳ đẹp như tiên).

2. *Mây cựa:* mây chuyển.

3. *Thiên nhiên sẵn đúc dày dày:* câu này được rút gọn từ câu *Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên* trong *Truyện Kiều* nhưng đem vào đây thì không thích hợp vì trong *Truyện Kiều,* Nguyễn Du đã viết để tả cô Kiều ở trần để tắm mà trong *Hoa Tiên*, Dao Tiên và nữ tỳ đang ngồi đánh cờ đâu có ở trần. Nguyễn Huy Tự đã tả Dao Tiên mặc xiêm trắng. Như vậy thì làm sao thấy được tấm thân của Dao Tiên mà Nguyễn Thiện lại tả thêm *"càng tươi tính nét càng say sưa tình"*. Người sau chép truyện *Hoa tiên* - trước khi Nguyễn Huy Tự nhuận sắc - cũng đã dựa theo *Truyện Kiều* để sửa lại câu thơ của Nguyễn Huy Tự. Chúng tôi nhận thấy ở đây đã có sự vá víu vụng về và chính sự vá víu vụng về này đã cho ta thấy người sao chép truyện *Hoa tiên đã chịu ảnh hưởng của Truyện Kiều* chứ Nguyễn Du không hề chịu ảnh hưởng gì của Nguyễn Huy Tự qua bản *Hoa tiên* cả.

4. *Mực hoen sá thấm: Tơ thắm, cầu xanh:* là nói đến chuyện kết duyên đôi lứa vợ chồng mực có hoen vào cũng không thể thấm được sắc trắng.

5. *Phấn rơi thông giồi:* phấn dù có rớt đi cũng đủ giồi cho trắng được làn da mặt.

6. *Vẻ tố:* vẻ đẹp trắng trẻo.

7. *Là sồi: là* và *sồi* là thứ hàng tơ sợi.

8. *Bụi phàm:* bụi trần.

9. *Bá:* dính vào.

10. *Dưới thông:* do chữ *tùng hạ*. Điển: Vương Chất đời Tấn vào hái củi ở núi Thạch Thất thấy hai đứa trẻ đánh cờ ở dưới cây thông, để búa xuống ngồi lại xem. Khi ván cờ đánh xong. Chất ra về thì thấy cán búa đã bị mục. Hóa ra đã mấy năm qua rồi.

11. *Trong quýt:* trong quả quýt. Điển: Ở xứ Ba Ấn trong một vườn quýt, có một quả quýt rất to. Khi quả quýt chín, bóc ra thì thấy có hai ông lão ngồi đánh cờ tướng. (Sách dạy bí quyết đánh cờ gọi là *Quất trung bí*).

12. *Đảm sắc:* sắc mật ý nói to gan, liều lĩnh.

13. *Rèm tương:* rèm làm bằng trúc sông Tương, rất đẹp.

http://tieulun.hopto.org

Vẻ lan vừa chán [1] gót lan vội dời. [2]
Mếch xem [3] chiều mỉm mỉm cười,
Sóng dầm [4] khoé hạnh [5] chẳng rời nét trông.
Môi đào ánh mặt phù dung, [6]
Xiêm pha bóng tuyết sen lồng ngấn rêu. [7]
Lũ về xót kẻ trông theo,
Xa mù lần khóa vắng teo giọt lầu [8].

V. BÍCH NGUYỆT THU KỲ

(Bích Nguyệt thu con cờ)

Tới buồng nặng quở con hầu:
Đi đâu bỗng để người đâu xông càn!
Vân Hương rén gởi bên màn:
Lòa mây [9] nào ngỡ khách man [10] tịn vời.
Thái Cơ lừa lẩn đỡ lời:
Tiệc vầy [11] ban sớm khi chơi ngoại đường. [12]
Nghe truyền công tử họ Lương,
Sang chơi dạy ngụ tây lang [13] mái ngoài.
Mới rồi hẳn nghỉ [14] chẳng sai,
Hôm tăm tạm ngụ biết ai đấy mà.

---

1. *Vẻ lan vừa chán:* vẻ đẹp của Dao Tiên vừa nhìn rõ. (*chán, thấy chán chường:* thấy rõ ràng).

2. *Gót lan vội dời:* gót giày của người đẹp (Dao Tiên) vội dời đi.

3. *Mếch xem:* ngó xem nghiêng, liếc ngang.

4. *Sóng dầm khóe hạnh chẳng rời nét trông:* Dao Tiên (trước khi lui gót) còn đưa mắt nhìn Lương sinh vẻ như tình tứ (sóng dầm).

5. *Khoé hạnh:* khoé mắt.

6. *Phù dung:* tên một thứ cây (mộc phù dung) có hoa đẹp nên người ta thường ví hoa phù dung với mặt người con gái đẹp. Bạch Cư Dị: *Phù dung như diện, liễu như mi.* (*Mộc phù dung* khác với *thủy phù dung* là hoa sen).

7. *Sen lồng ngấn rêu:* chỉ gót giày in lằn (ngấn) trên rêu.

8. *Vắng teo giọt lầu:* (lầu tức là chữ *lậu*, đọc theo thanh bằng cho hợp vần) ý nói vắng vẻ chỉ nghe tiếng nước rỏ xuống từ chiếc đồng hồ (khắc lậu).

9. *Lòa mây:* ý nói nhìn không rõ.

10. *Khách man*: chỉ Phương Châu đã có hành động thô bạo, liều lĩnh.

11. *Tiệc vầy:* tiệc vui có nhiều người tham dự.

12. *Ngoại đường*: (*ngoại:* ngoài, *đường:* nhà) bên nhà họ ngoại.

13. *Tây lang*: (*tây:* phía Tây, *lang:* chái nhà) chái nhà (gian) phía Tây.

14. *Nghỉ:* hắn.

http://tieulun.hopto.org

Hay tình lặng lặng nghe qua,
Lại đòi Bích Nguyệt truyền ra sau lầu:
Vắng chừng ấy chẳng ai đâu,
Con cờ còn đấy xem mau lấy về.
Được lời băng lối đình khuya,
Viện lan [1] trông suốt trướng hoè lâm râm.
Khách còn bẽn lẽn đứng nâm, [2]
Nỉ non van đá, âm thầm trách hoa.
Dưới trăng bóng Nguyệt [3] còn xa,
Quên hiềm sinh đã bước sà hỏi ngay:
Tiên nào ban nãy giáng đây ?
Quyến hồn khôn vía dại này đi đâu.
Nàng Hồng [4] duyên sẵn giúp nhau,
Sương Tây [5] chi luống bóng tàu xế trăng.
Thấy lời Bích Nguyệt vùng vằng:
Ví đâu ví lạ ngán chăng là đời.
Đào trên mây, hạnh trên trời, [6]
Nghĩ chi cho nát dạ người như tươm !
Dứt hiềm phó hẳn con gươm [7]
Thôi đừng muộn ép sầu đơm khó lòng. [8]
Sinh rằng: Động khóa nguồn phong. [9]
Dám đâu hỏi đến đon dòng [10] xôn xao.

---

1. *Viện lan*: như *nhà lan*, chữ dùng cho đẹp lời, cũng có nghĩa là nhà của người có đức tốt.

2. *Đứng nâm:* đứng trơ.

3. *Bóng Nguyệt:* bóng của Bích Nguyệt.

4. *Nàng Hồng:* chỉ Hồng Nương ở Tây sương ký đã giúp cho Trương Quân Thụy gặp được Thôi Oanh Oanh.

5. *Sương Tây:* tức *Tây sương* là mái Tây, chái nhà ở phía Tây.

6. *Đào trên mây, hạnh trên trời:* mượn ý ở câu thơ của Cao Thiềm: "*Thiên thượng bích đào hòa lộ chủng. Nguyệt biên hồng hạnh ỷ vân tài:* trên trời cây bích đào hòa với sương móc mà mọc, bên mặt trăng cây hồng hạnh dựa vào mây mà mọc", để tả sắc đẹp cao quý của người con gái.

7. *Con gươm:* lưỡi gươm. Bích Nguyệt nói với Lương sinh rằng: "Nếu chàng muốn dứt nỗi phiền thì hãy lấy gươm mà cắt đi".

8. *Khó lòng:* khó có thể được. Bích Nguyệt muốn nói với Lương sinh rằng: "Thôi đừng có tìm cách làm quen, thật khó lòng, chỉ gây thêm sầu mà thôi".

9. *Động khóa nguồn phong:* ý nói Dao Tiên cứ ở trong phòng kín không ra ngoài chơi, cửa phòng lúc khóa kín, không thấy mở.

10. *Hỏi đến đon dòng:* hỏi dò tin tức.

http://tieulun.hopto.org

Nghĩ chăng khi trở gót vào,
Trong cười nhường cũng rủ trao ân cần. [1]
Riêng ai tính vẩn toan vần,
Người tiên khi bạn kiếp trần [2] mà hay
Nguyệt rằng: Mơ mẩn xinh thay !
Cười chăng cười nỗi thày lay [3] dại làn. [4]
Tấc mây đố bợn gương Hàn, [5]
Bớt lời xin chớ, loàn đan [6] lắm lời.
Phụng phà [7] miệng nói chân dời,
Vườn khuya mặc đấy một người đứng trơ,
Ngân Hà [8] trăng lạt sao thưa,
Dở dang lẽ ở, say sưa chiều về.

VI. LƯƠNG SINH SI TƯỞNG

(*Lương sinh ngây tưởng*)

Đỉnh trầm thoảng chợt hương nghê, [9]
Chập chờn cơn tỉnh cơn mê trước đình.
Bỗng dưng vương lấy tơ tình,
Này đồ vườn Lãng [10] hay tranh non Bồng. [11]
Người sao ngọc đúc tuyết đông,
Vẻ sao giá chuốt gương trong hệt người.
Chớ chê dạ khách tơi bời,

---

1. *Rủ trao ân cần:* (*rủ:* nói nhỏ) cả câu ý nói: Dao Tiên mỉm cười như muốn ngỏ ý ân cần với chàng.

2. *Bạn kiếp trần:* có duyên nợ (làm bạn) với người trần.

3. *Thày lay:* làm tài hay, gánh vác việc không ai cầu.

4. *Dại làn:* (*làn:* do chữ *làn đan* có nghĩa là lờn dể, vô phép) dại dột vô phép.

5. *Gương Hàn:* (*Hàn:* cung Quảng Hàn chỉ mặt trăng) mặt trăng. Bích Nguyệt muốn nói là Dao Tiên không hề có tình gì với Lương sinh, tâm hồn luôn trong sáng như tấm gương Hàn (mặt trăng) đố có tấc mây nào che khuất nổi.

6. *Loàn đan:* (cũng như *làn đan*) lờn dể, vô phép.

7. *Phụng phà:* làu nhàu nói với thái độ có vẻ vùng vằng, bất mãn.

8. *Ngân Hà:* (*Ngân:* dải Ngân Hà) tả chung cảnh trăng nhạt ánh, sao đã thưa.

9. *Hương nghê:* (*hương:* hương thơm, *nghê:* con sư tử) lư hương trên nắp có hình con nghê.

10. *Đồ vườn Lãng:* (*đồ:* tranh, *Lãng:* Lãng uyển, vườn tiên), tranh vẽ cảnh vườn tiên.

11. *Non Bồng:* (*Bồng:* Bồng Lai, một trong ba hòn đảo tiên ở bể Bột Hải)
Cả câu ý nói Dao Tiên đẹp như người trong các bức tranh.

http://tieulun.hopto.org

Tượng sành ấy cũng rụng rời chân tay.
Xiêm huyền bên nọ đối bày,
Huyền kia tuy lịch, bạch này càng tôn.
Ví chăng bình tước [1] gây khuôn, [2]
Thì chi lắm giống tiêu hồn [3] quấy ai !
Tình dài thêm bận canh dài,
Lầu điêu [4] nhẫn trót [5] hiên cài bóng đông.

VII. LƯƠNG SINH VẤN CẤM [6]

(*Lương sinh hỏi mợ*)

Thỉnh an [7] vào trước lầu trong,
Phu nhân thấy khác hình dung vỗ về.
Rằng: "Đây quán hẹp ủ ê,
Dễ cưu [8] dạ khách lòng quê kẻo gì.
Mặt sau vả sẵn viên trì, [9]
Liền song sang đó dù khi đỡ buồn.
Thú riêng xó xỉnh điền thôn, [10]
Hồ sơn [11] cũng giúp cầm tôn [12] khi rồi".

---

1. *Bình tước:* (*tước:* chim sẻ) Đậu Nghệ đời Đường muốn kén rể, sai vẽ một con chim sẻ trên bình phong rồi hẹn nếu ai bắn trúng mắt con chim sẻ sẽ gả con gái cho.

2. *Gây khuôn:* (*khuôn:* đồ dùng để đúc theo mẫu đã định, khuôn mẫu) gây thành duyên vợ chồng

3. *Tiêu hồn:* làm mất cả hồn vía. Ý nói đẹp đến nỗi người ta phải mê mẩn không còn hồn vía gì nữa.

4. *Điêu:* cái chiêng đồng.

5. *Trót:* lần cuối cùng.

Cả câu ý nói tiếng chiêng trên lầu (chòi canh) đã điểm lần cuối, ngoài hiên ánh mặt trời đã chiếu vào (trời đã sáng).

6. *Cấm:* mợ.

7. *Thỉnh an:* hỏi thăm xem có được mạnh khoẻ không.

8. *Cưu:* tích lại, gom lại.

Cả câu ý nói: nếu ở đây mà có nhớ nhà thì cũng chẳng kẻo (e ngại) gì.

9. *Viên trì:* vườn và ao.

10. *Điền thôn:* ruộng làng chỉ cảnh ở nhà quê.

11. *Hồ sơn:* bể cạn và hòn non bộ.

12. *Cầm tôn:* cây đàn và chén rượu.

Cả câu ý nói đến cái thú ngắm hòn non bộ trong bể cạn (hồ) và gảy đàn uống rượu cho vui.

http://tieulun.hopto.org

Được lời sinh vội rón lời:
"Dạo trăng ban tối lạc vời lọt sang.
Bầu trời chia chiếm phong quang, [1]
Cảnh nhường quyến khách, khách nhường quên xa.
Ngại chăng đông tiếng đàn bà
Thẳm nghiêm chi lẽ xông pha người ngoài".
Dạy rằng: "Họ đấy chẳng ai,
Đến chơi ngày vía [2] rồi mai cũng về".
Lại lời đon đả mân mê:
"Những ai hơi hướng phỏng bề gần xa?"
Mỉm cười biết nỏm [3] chàng ta,
Dạy rằng: "Chơi đấy họ nhà vài chi. [4]
Một người bề gọi là gì,
Thái Cơ họ Mã trăng kỳ tròn khuyên. [5]
Là người ưu rủ xiêm huyền,
Mấy em mới dạm vấn duyên [6] Việt Hồ. [7]
Một người bề gọi là cô,
Con Dương đô đốc phủ Tô cõi này.
Dao Tiên một tỉnh tiếng bay,
Bấm dầm [8] đôi tám [9] xuân nay chưa nhiều.
Vẹn no [10] khung dệt bàn thêu,
Chữ đề thiếp Tuyết [11] cầm khêu phả đồng. [12]
Người thanh vẻ bạch thêm nồng,

---

1. *Phong quang:* (*phong:* gió, *quang:* ánh sáng) chỉ phong cảnh đẹp đẽ.
2. *Ngày vía:* ngày lễ sinh nhật.
3. *Biết nỏm:* biết được ý riêng.
4. *Chi:* ngành họ.
5. *Trăng kỳ tròn khuyên:* ý nói tuổi vừa 15, 16 đương độ trăng tròn.
6. *Dạm vấn duyên:* đánh tiếng xin kết duyên.
7. *Việt Hồ:* hai nước Việt - Hồ tuy ở xa cách nhau nhưng vẫn kết duyên vợ chồng được, cũng như Tần Tấn vậy.
8. *Bấm dầm:* phỏng chừng.
9. *Đôi tám:* hai lần tám tức 16 tuổi
10. *Vẹn no:* trọn vẹn đầy đủ
11. *Chữ đề thiếp Tuyết:* (*Tuyết:* tức Tùng Tuyết Đạo nhân, biệt hiệu của Triệu Mạnh Huy, người đời Tống có tài viết chữ rất đẹp) chữ viết đẹp như trong thiếp của Tùng Tuyết Đạo nhân.
12. *Cầm khêu phả đồng:* (*phả:* sách dạy đèn, *đồng:* gỗ cây ngô đồng) đánh đàn thật hay.

http://tieulun.hopto.org

Thuyền quyên [1] đáng mặt anh hùng [2] nát gan.
Tai nghe ruột rối khôn hàn,
Trước tòa đứng sững bên bàn ngồi quên.
Tỏ tình lại mở lời khuyên,
Quyển vàng [3] còn, đủ là duyên má đào.
Vây hồng [4] hãy gắng gió cao,
Tự nhiên chỉ dắt tơ trao lọ là.

VIII. BỘ NGUYỆT TƯƠNG TƯ

(Bước dưới trăng mà nhớ nhau)

Tạ từ vừa xuống thềm hoa,
Diêu sinh vừa gặp rủ ra thư phường. [5]
Lưu liên [6] khi lại chiên đường, [7]
Non đông đã gác vừng gương giãi sườn. [8]
Tình riêng bận nữa lông lươn,
Lại xăm xăm tới dạo vườn hôm qua.
Chiếc đình gió lọt sương pha,
Xạ phai trận rước, sen lòa dấu in. [9]
Tấc gang gác khóa lầu then,
Bồng sơn [10] dẫu cách muôn nghìn chửa sai.

---

1. *Thuyền quyên:* (*Thuyền* 嬋 : cũng đọc là *thiền*) tả cái dáng xinh đẹp đáng yêu, cho nên mới gọi con gái là *thuyền quyên.*

2. *Anh hùng:* (*anh*: vua loài hoa, *hùng:* vua loài thú) người hào kiệt xuất chúng.

3. *Quyển vàng... má đào:* cả câu ý nói nếu còn biết lo chăm chỉ đọc sách thì tự nhiên là cái duyên má đào sẽ có được.

4. *Vây hồng:* cánh chim hồng. *Hồng* là có loài ngỗng trời, thường được dùng để chỉ người đàn ông có chí lớn.

5. *Thư phường:* đúng ra là *thư phòng*, ở đây đổi ra *thư phường* cho hợp vần. *Thư phòng* là phòng đọc sách, phòng học.

6. *Lưu liên:* ngồi nói chuyện vui vẻ mà quên về nhà. Nếu viết 留 thì *lưu liên* lại có nghĩa là quyến luyến không nỡ dứt đi.

7. *Chiên đường:* chỉ nhà giảng học hay nhà học. Sách *Hậu Hán thư* chép theo Dương Chấn truyện nói có con chim tước ngậm ba con cá chiên bay đến đậu trước giảng đường nhà Chấn, đô giảng lấy đem trình.

8. *Vừng gương giãi sườn:* vừng trăng đã giãi ánh sáng bên sườn núi.

9. *Xạ phai ... dấu in:* cả câu ý nói mùi hương xạ của người đẹp kỳ gặp lần trước đã phai rồi và những dấu giày của gót sen cũng đã bị xóa rồi.

10. *Bồng sơn:* non Bồng tức nơi tiên ở. Đây chỉ chỗ ở của Dao Tiên.

http://tieulun.hopto.org

Chập chờn bóng Tố [1] trêu ai,
Hoa đâu rụng lá đâu rơi [2] trước rèm.
Kêu sương [3] tiếng nhạn lay thềm,
Nhạn chìm [4] khôn buộc lụa kèm một phong. [5]
Phượng cầu [6] cầm có nên cung,
Cầm xa chưa dễ thấu thung [7] mấy tầng.
Tơ trần [8] sớm ngỡ riêng giăng,
Thì lên nhờ Cuội cung trăng [9] kẻo còn.

IX. HỒI PHỦ TỐ TÌNH

(Trở về phủ tỏ tình)

Lại song sầu bể sầu non,
Nào hay là khách lầu son đã về.
Liệng hài vào trước mành the,
Lũ hoàn tấp nập mở thìa [10] đẩy song. [11]
Trướng bình [12] kẻ cuốn người phong,
Kẻ bao gương [13] giá người xông hương màn.
Người đài nước, [14] kẻ lò than,

---

1. *Bóng Tố:* (*Tố:* Tố Nga, chỉ Hằng Nga) bóng trăng, bóng chị Hằng.
2. *Hoa rụng, lá rơi:* hình ảnh này gợi nỗi buồn rầu trong lòng Lương sinh.
3. *Kêu sương:* kêu trong sương.
4. *Nhạn chìm:* nhạn bay xa như bị chìm vào trong sương.
5. *Lụa kèm một phong:* phong thư buộc bằng dải lụa vào chân nhạn. Theo điển Tô Vũ: Tô Vũ, một tướng đời Hán, bị Hung Nô bắt đày lên miền Bắc chăn dê. Hán Vũ Đế tưởng Tô Vũ đã chết rồi nhưng sau khi nhận được phong thư của Tô Vũ cột ở chân một con chim nhạn thì mới yêu cầu với Hung Nô tha cho Tô Vũ về.
6. *Phượng cầu:* tức *Phượng cầu hoàng* (chim phụng trống tìm chim phụng mái) tên một bản đàn nguyên của Công chúa Lộng Ngọc. Về sau Tư mã Tương Như, đời Hán cũng đàn bản *Phụng cầu hoàng* để quyến rũ nàng Trác Văn Quân.
7. *Thấu thung:* (*thung:* vùng đất rộng) lọt tới vùng đất rộng.
8. *Tơ trần:* nói mối tơ duyên vợ chồng ở trần gian.
9. *Cuội cung trăng:* đúng ra phải là Ông già dưới trăng tức *Nguyệt lão* mới hợp với điển. (Xem thêm chú thích câu 242).
10. *Mở thìa:* mở khóa.
11. *Đẩy song:* mở cửa sổ.
12. *Trướng bình:* màn trướng, bình phong.
13. *Bao gương*: (*bao*: lau) lau gương cho sáng dễ soi.
14. *Đài nước*: đồ dùng để đặt chén rượu, chén nước của các nhà quý phái thuở xưa.

http://tieulun.hopto.org

Đệm thêu trải lớp, bình đan [1] trí tòa. [2]
Yên xong ai nấy chiềng bà:
"Đọ xem cảnh trí Diêu nha [3] nhường nào?"
Dạy rằng: "Đài tạ [4] hồ ao.
Dặc Bình [5] hai vẻ thanh tao một làn".
Vờ chơi Nguyệt lại ướm đàn:
"Cảnh thanh cũng vậy người càn mới dơ!
Lấy cờ hôm trước vâng ra,
Lẳng lơ còn thấy nghỉ va bên lầu.
Lưng trời nói những đâu đâu,
Những tơ nào thắm [6] những cầu nào xanh. [7]
Những lăm chắp cánh liền cành, [8]
Đã mềm tấc uốn thì oanh [9] mối vò.
Cậy quanh mãi mãi buồn no, [10]
Hay hèn dơ cả [11] khua [12] cho một hồi.

---

1. *Bình đan:* (*đan:* đỏ) bình phong đỏ.
2. *Trí tòa:* suốt tòa.
3. *Diêu nha:* dinh nhà họ Diêu.
4. *Đài tạ:* (*đài* là cái nền cao, *tạ* là cái nền mà có nhà) chỉ chung nhà cửa cao rộng.
5. *Dặc Bình:* tên hai khu vườn của vua Hán Vũ Đế là Dặc Đường và Bình Tuyền.
6. *Tơ thắm:* do chữ *xích thằng*. Tương truyền Vi Cố người đời Đường, một hôm trông thấy một ông lão ngồi dưới trăng (Nguyệt lão), xem sách, bên cạnh có một cái túi đựng chỉ đỏ. Vi Cố hỏi những sợi chỉ đỏ đó dùng để làm gì? Ông lão đáp: "Để cột chân những người sẽ thành vợ chồng với nhau". Do điển này về sau người dùng *tơ thắm* để chỉ việc xe duyên vợ chồng.
7. *Cầu xanh:* do chữ *Lam kiều*. Tương truyền, đời Đường, Bùi Hàng gặp nàng Vân Kiều được nàng cho một bài thơ trong có câu nói *"Lam kiều bản thị thần tiên quật"* (Lam kiều là chỗ thần tiên ở). Đến sau khi qua cầu Lam, khát nước, vào hàng uống nước thì thấy nàng Vân Anh rất xinh đẹp, muốn xin cưới làm vợ. Bà mẹ bảo nếu có chày ngọc giã được thuốc tiên xong thì gả cho. Bùi Hàng nhờ mua được chày ngọc nên cưới được Vân Anh. Hôm làm lễ cưới, Bùi Hàng mới nhận ra người đưa cho mình bài thơ chính là chị Vân Anh. Sau hai vợ chồng cùng lên cõi tiên.

Tơ thắm, cầu xanh: là nói đến chuyện kết duyên đôi lứa vợ chồng

8. *Chắp cánh liền cành:* do chữ *tỉ dực, liên lý* trong bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị. Đường Minh Hoàng nói với Dương Quý Phi: *"Tại thiên nguyện tác tỉ dực điểu, tại địa nguyện vi liên lý chi"* (ở trên trời nguyện làm chim liền cánh, ở dưới đất guyện làm cây liền cành).
9. *Oanh:* cuốn nhiều vòng, vấn quanh.
10. *Buồn no:* (*no:* quá nhiều, chán) buồn chán quá.
11. *Dơ cả:* ý nói dơ cả đời.
12. *Khua:* tức khua miệng, nói lớn để quở mắng.

http://tieulun.hopto.org

Luống còn mỏi mệt đòi thôi, [1]
Khéo là nước chảy bèo trôi hững hờ". [2]
Lóng nghe nhường cạnh [3] đong đưa, [4]
Nhủ rằng: "Người thế [5] sam sưa [6] đã đầy,
Tự ta đóng nguyệt cài mây, [7]
Buồng thơm [8] chớ lọt mảy may gió tà". [9]
Buông rèm dao cách [10] bóng hoa,
Tường đông [11] ong lại bướm [12] qua mặc lòng.
Dặn dò lối phải lẽ sùng, [13]
Lan phòng [14] nào biết văn phòng [15] khát khao.

X. PHỎNG MÃI THƯ PHÒNG

(Thăm mua phòng đọc sách)

Từ nghe khách lại cung sao, [16]

---

1. *Đòi thôi:* (*đòi:* nhiều, *thôi:* hồi, lúc, đỗi) nhiều lúc.

2. *Nước chảy bèo trôi hững hờ:* đúng ra phải viết là *hoa trôi* mới có nghĩa là hững hờ vô tình như câu thơ Đường *Thủy lưu hoa tạ lưỡng vô tình* (Ý nói mình không có ý với người mà người lại có tình với mình ví như nước không chiều hoa mà hoa lại trôi theo nước).

3. *Cạnh:* cạnh khoé.

4. *Đong đưa:* trai lơ, không đứng đắn.

5. *Người thế:* người đời.

6. *Sam sưa:* nói người si tình có thái độ không đứng đắn, cũng như *sàm sỡ.*

7. *Đóng nguyệt cài mây:* ý nói đóng cửa cấm cung, không ra ngoài.

8. *Buồng thơm:* do chữ *hương khuê,* chỉ phòng của phụ nữ có hương thơm.

9. *Gió tà:* do chữ *tà phong* là ngọn gió không thổi theo hướng chính, dùng để ví với những việc bất chính của người đời.

10. *Dao cách:* (*dao:* xa) cách xa.

11. *Tường đông:* bức tường ở phía đông. Bài phú của Tống Ngọc có câu: *"Thần lý chi mỹ giả, mạc nhược thần đông gia chi tử"*: Người đẹp trong làng hạ thần không đâu bằng con gái của nhà láng giềng phía đông nhà hạ thần. *Tường đông* sau dùng theo nghĩa bóng để chỉ chỗ ở của người con gái đẹp.

12. *Ong bướm:* con ong và con bướm, hai con côn trùng này thường bay đi hút nhị hoa, nói bóng đến những người con trai đi ve vãn con gái.

13. *Lối phải lẽ sùng:* (*sùng:* chuộng, quý trọng) đường lối thế nào là phải, nghĩa lý thế nào phải trọng.

14. *Lan phòng:* phòng thơm, chỉ Dao Tiên.

15. *Văn phòng:* phòng học, chỉ Lương sinh.

Cả câu ý nói Dao Tiên đâu biết Lương sinh vẫn khát khao được gặp mặt tỏ tình.

16. *Cung sao:* cung điện ở trên trời nơi có các vì sao: ý nói cảnh tiên, cung tiên.

http://tieulun.hopto.org

Bụi hồng [1] dứt nẻo chiêm bao đi về. [2]
Cơn mây sớm ngọn đèn khuya,
Trà tiêu bụi khát, [3] hương chia mùi sầu. [4]
Dò la Dương tướng dinh đâu?
Tụ Hiền phường ấy [5] cửa hầu thâm nghiêm. [6]
Nhơn nhơn lệnh lặng điêu chìm, [7]
Tịt mù tăm cá bóng chim [8] mấy trùng.
Liền tường bỗng thấy một thung, [9]
Rêu đâm lấm chấm then song lỏng cài.
An đồng [10] tra hỏi vườn ai.
Mới hay viễn khách [11] nhà ngoài để không.

---

1. *Bụi hồng:* do chữ *hồng trần* có nghĩa là bụi sắc đỏ, cõi trần, cuộc đời bụi bặm. *Bụi hồng* ở câu này có nghĩa là cảnh phồn hoa náo nhiệt.

Đường phú có câu: "*Hồng trần mộng đoạn...*" (chiêm bao cách đám bụi trần) và Đường thi cũng có câu:

Tử mạch hồng trần phất diện lai,
Vô nhân bất đáo khán hoa hồi.
(Lưu Vũ Tích)
(Bụi hồng dặm tía người chen chúc,
Thảy bảo xem hoa mới trở về).

2. *Bụi hồng dứt nẻo chiêm bao đi về:* câu này đã được sửa theo câu Kiều "*Bụi hồng liệu nẻo đi về chiêm bao*" và có nghĩa là: Dao Tiên cứ cấm cung ở trong phòng the không ra ngoài nên Lương sinh không làm sao mà có thể gặp mặt được, đành dứt nẻo phồn hoa mà trở về trong mộng (tình trong mộng) để được gặp mặt người yêu. *Chinh phụ ngâm* cũng có câu ý tương tự:

Khi mơ những tiếc khi tàn,
Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không.

3. *Trà tiêu bụi khát:* ý nói Lương sinh mượn chén trà làm cho tiêu tan hết nỗi khát (không còn chút bụi nào).

4. *Hương chia mùa sầu*: ý nói Lương sinh muốn đốt lò hương (ngồi đọc sách) để cho vơi bớt nỗi sầu (nhưng đều không giải được mối sầu tương tư).

5. *Tụ Hiền phường ấy:* ở phường (làng) Tụ Hiền ấy.

6. *Cửa hầu thâm nghiêm:* cửa nhà quan thâm nghiêm kín cổng.

Thơ Thôi Giao (Đường):

Hầu môn nhất nhập thâm như hải: cửa hầu một vào sâu như bể.

7. *Lệnh lặng điêu chìm:* (*lệnh:* cái thanh la đánh để ra lệnh, *điêu:* thứ chiêng đánh để cầm canh) tiếng thanh la, tiếng chiêng lắng xuống rồi im hẳn.

8. *Tăm cá bóng chim:* con cá con nhạn là vật đưa tin nên người ta thường dùng chữ *ngư nhạn* để chỉ thư tín, tin tức.

9. *Thung:* chỗ đất rộng, nơi ở đó có vườn rộng.

10. *An đồng*: sai tên hầu.

11. *Viễn khách:* khách đi xa.

http://tieulun.hopto.org

Rờn rờn hoa nở khóm lòng, [1]
Non Vu đành có nẻo thông từ rày.
Dương đài đảnh sẵn mưa mây. [2]
Mà xem chúa Sở lo vầy giấc tiên.
Bạ thu [3] ngân lạng kể nghìn,
Dốc trang [4] chác lấy [5] danh viên [6] ngõ gần.
Sửa làm một thú buồng văn,
Viện hoa Nam mở [7] đài xuân Bắc vầy.
Vẻ hà [8] yểm ánh [9] đông tây,
Sớm đình Hương [10] tối đình Mây [11] sẵn sàng.
Tòa khúc hạm, [12] dãy hồi lang, [13]
Kề hiên xoang đá, [14] diễu tường tán cây.
Vẻn vang [15] rèm nguyệt song mây,
Nơi chồng sáo sách, nơi bày báu thơ.
Nơi cầm nơi rượu nơi cờ,
Sẵn đình tả nhớ khuây chờ đủ nơi.

---

1. *Hoa nở khóm lòng:* nói sự vui vẻ trong lòng.

2. *Non Vu, Dương Đài:* (*non Vu:* Vu Sơn) Vua Sở Tương Vương thường đến chơi ở Cao Đường, có lần nằm ngủ mộng thấy một người đàn bà đến cùng vua chăn gối. Hỏi thì nàng tự xưng là Thần nữ ở núi Vu Sơn, sớm thì làm mây, tối thì làm mưa ở chốn *Dương đài.*

Do điển này về sau các chữ *non Vu* (Vu Sơn), *Cao đường, Dương đài, Mây mưa* được dùng để chỉ những cuộc ái ân của trai gái ngoài vòng lễ giáo.

3. *Bạ thu:* sổ thu.

4. *Dốc trang:* (*trang:* tay nải, túi tiền) dốc túi tiền.

5. *Chác lấy:* (*chác* hoặc *chuốc:* mua lấy bằng mọi giá, dù có đắt cũng chịu) thuê lấy, mua lấy.

6. *Danh viên:* cái vườn đẹp có tiếng.

7. *Viện hoa Nam mở, đài xuân Bắc vầy:* mở một vườn hoa ở phía Nam và sửa một đài xuân ở phía Bắc làm chỗ vui vầy. *Ca bản* thì chép: phía Bắc có gác *Tàng xuân* trồng các thứ hoa, phía Nam có đình *Hạnh hoa* làm cảnh non bộ.

8. *Vẻ hà:* (*hà:* ráng, tức là hơi mây có ánh mặt trời chiếu vào thành sắc đỏ) vẻ trời.

9. *Yểm ánh:* lấp lánh.

10. *Đình Hương*: tức đình Vạn Hương.

11. *Đình Mây:* tức đình Khán Vân.

12. *Khúc hạm:* bao lan quanh co, uốn khúc.

13. *Hồi lang*: nhà cầu uốn khúc bao quanh.

14. *Xoang đá:* chữ 腔 (xoang) cũng đọc là *khang* (cái hỗng) cái hỗng đá.

15. *Vẻn vang:* gọn gàng, vén khéo.

http://tieulun.hopto.org

XI. BÁI PHỎNG HỌA THI

(Lạy thăm mà họa thơ)

Đào mềm [1] lẫn đổi dương tươi, [2]
Cưu hoàn [3] chưa gọn oanh dời [4] đã sang.
Dặt dìu mới rủ Diêu lang,
Cậy bề cậu cháu đem đường thông lân. [5]
Rước mừng tự lễ phân tân, [6]
Đầu đuôi khách đã vân vân rén chiềng: [7]
Chút trong buổi mới láng giềng,
Gần soi may được nhờ riêng bóng thừa. [8]
Tướng công trò chuyện bấy giờ:
Ngỡ là ai, bỗng chẳng ngờ chẳng ai.
Nguyên xưa chú với tôn đài, [9]
Một song [10] một án [11] dùi mài mấy thu.
Từ khoa Tân Mão phân đồ, [12]
Người chừng may bước, kẻ lo trở nghề.
Bắn cung phi ngựa [13] sồ sề,
Trạng đầu may cũng cắm vè [14] cửa viên. [15]

---

1. *Đào mềm:* chỉ mùa xuân.
2. *Dương tươi:* chỉ mùa hè.
3. *Cưu hoàn:* (*cưu*: nhóm, *hoàn*: trọn) chưa vẹn, ý nói sửa sang nhà cửa chưa xong hẳn.
4. *Oanh dời:* do chữ *oanh thiên* thường dùng để ví đến việc dời nhà.
Cả câu ý nói việc sửa sang lại nhà chưa xong thì Lương sinh đã dọn đến ở ngay.
5. *Thông lân:* (*lân:* láng giềng) giao thiệp với láng giềng.
6. *Tự lễ phân tân:* (*tân:* khách) bày lễ, phân ngôi chủ khách mà tiếp nhau.
7. *Chiềng*: trình.
8. *Bóng thừa:* do chữ *dư quang,* ánh sáng khị mặt trời đã lặn còn sót lại, nghĩa bóng chỉ ân huệ.
9. *Tôn đài:* (*đài:* tiếng tôn xưng người khác) Dương công gọi cha của Lương sinh là *tôn đài* để tỏ ý kính trọng.
10. *Một song:* một cửa, cũng như nói *đồng song* là bạn cùng học với nhau ở một cửa sổ tức bạn học một trường.
11. *Một án*: một bàn học.
12. *Tân Mão phân đồ:* (*đồ:* đường đi) chia đôi đường, ý nói xa nhau từ năm Tân Mão.
13. *Bắn cung phi ngựa:* ý nói theo nghiệp võ.
14. *Vè:* lá cây hay lông chim kết ở gốc mũi tên cung ná.
15. *Cửa viên:* (*viên*: càng xe) cửa dinh ông tướng. Ngày xưa, chỗ doanh trại đóng quân thường lấy xe làm hàng rào và dựng càng xe lên làm cửa cho nên gọi là *viên môn.*

http://tieulun.hopto.org

Bể quan [1] khơi vượt cánh suyền, [2]
Thổi đưa [3] là những sức trên trao dùng.
Được rày công tử chơi cùng,
Đã trong thông quyến, [4] lại trong lân tình [5]
Bôi bàn [6] rộn giục trù đinh, [7]
Tiệc vầy rước tận sau đình Vọng Ba. [8]
Dạo theo quanh quất mấy tòa,
Rủ dòng tơ liễu thiết tha phất đầu.
Nhác lên vách phấn thơ đâu,
Rung vàng chữ chữ, rắc châu hàng hàng
Tiên hoa [9] dấu thoảng còn hương,
Vịnh bài *Trì liễu* [10] rõ ràng bốn câu.

THƠ RẰNG:

Thùy bả thùy đương thực nội trì ?
Xuân lai phi nhứ điểm liên y.
Thanh thanh bất thị khê tiền chủng,
Khẳng hướng nhân gian quản biệt ly. [11]

Xem thôi nức nỏm nhìn nhau,
Ông vừa tủm tỉm kề sau dạy lời:
"Trẻ nhà võ vẽ đề chơi,
Vụng về chẳng bõ giây cười làng thơ.
Giai chương [12] ước được mảnh tờ,

---

1. *Bể quan:* do chữ *hoạn hải;* người ta ví kẻ làm quan như người vượt biển, gặp nhiều nỗi bất trắc nên gọi quan trường là *hoạn hải.*

2. *Cánh suyền:* (*suyền:* đi mau, nước chảy mau) cánh buồm đi mau, thuyền đi mau. Cả câu ý nói làm quan được thăng chức mau.

3. *Thổi đưa:* ý nói nhờ vận may mà tiến mau như thuyền buồm gặp gió thổi đưa đi.

4. *Thông quyến:* họ hàng. Dương công nói mình cũng có họ xa với họ Lương.

5. *Lân tình:* tình hàng xóm láng giềng.

6. *Bôi bàn*: (*bôi:* chén bát, *bàn:* cái mâm), chỉ tiệc tùng ăn uống.

7. *Trù đinh*: (*trù:* bếp, *đinh:* người) người nấu bếp, nhà bếp.

8. *Đình Vọng Ba:* cái đình (nhà) ngồi để trông sóng, ngắm cảnh sóng nước.

9. *Tiên hoa*: (*tiên*: giấy) giấy có vẽ hoa, giấy hoa tiên.

10. *Trì liễu*: (*trì:* ao) cây liễu bên bờ ao.

11. *Bài dịch: Men dầm thăm thẳm gốc thùy dương,*
Phơ phất màu xuân lộn bóng gương.
Há phải bờ kia cùng cõi nọ,
Mong đem gửi tặng khách qua đường?

12. *Giai chương:* (*giai:* tốt đẹp, hay, *chương:* bài) thơ văn hay.

http://tieulun.hopto.org

Hoa tươi thêm vẻ là nhờ bút tươi".
Chối từ sinh hãy rón lời,
Thị tỳ ông đã giục đòi truyền qua:
"Nẻo quanh viện sách còn xa,
Tiện buồng bà sẵn lấy và trương đây."
Trên đình nghiên bút đủ bày,
Hầu đề sinh lại dừng tay nghĩ thầm.
Nổi nênh no chút tình thâm,
Lá ngô [1] man mác duềnh Nhâm [2] dập dềnh.
Gieo cầu [3] sẵn dịp đâu dành,
Mượn câu cảnh, ngụ câu tình họa may.
Ngòi dao [4] mưa táp gió bay,
Tựa vần vịnh liễu lại bày một thiên. [5]

THƠ RẰNG:

Văn đạo xuân phong biến lục trì,
Nhu điều niểu niểu động thanh y,
Dao tri chủng hướng chu môn lý,
Na thức nhân gian hữu biệt ly. [6]

---

1. *Lá ngô:* (*ngô:* ngô đồng) Cổ thi có bài *Đồng diệp oán* (oán lá ngô đồng) trong có câu: *"Thư tác tương tư tự, thư hương thu diệp thượng, nguyện trục thu phong khởi, thiên hạ hữu tâm nhân, bất thức tương tư ý"* (Đề chữ tương tư trên lá thư, xin bay theo lá thư tỏ ý rằng: người có lòng tương tư, thảy biết chết vì nỗi tương tư, chỉ người phụ lòng kẻ tương tư thì chẳng biết ý tương tư)

2. *Duềnh Nhâm:* (*Nhâm:* tên một vị thần ở dưới nước gọi là Nhâm công) Thơ Tô Đông Pha có câu: *"Nhâm công phi không Đinh nữ tàng"* (Nhâm công bay trên không và Đinh nữ nép mình ẩn kín) tả cái khe nước bay, trên núi cao chảy xuống.

Ở đây *duềnh Nhâm* có nghĩa là vũng nước, dòng nước.

Cả câu ý nói Lương sinh tự nghĩ thầm không biết tình ý của Dao Tiên với mình ra sao? (có vô tình như chiếc lá ngô đồng nổi trôi trên mặt nước không?)

3. *Gieo cầu:* ném quả cầu. Vua Hán Vũ Đế kén phò mã, mới bày yến tiệc trong cung và văn võ bá quan các công tử đến dự. Công chúa ngồi trên lầu gieo cầu xuống, hễ ai bắt được thì sẽ chọn người ấy làm chồng.

4. *Ngòi giao:* ngòi bút đưa cho.

5. *Thiên:* bài thơ

6. Bài dịch:

Gió xuân hơi hởi thổi ngàn dương,
Tha thướt tơ mành động bóng gương.
Trộm biết cành vàng nương gác tía,
Hay đâu nông nỗi khách qua đường?

http://tieulun.hopto.org

Đệ trình ông xiết khong khen: [1]
Giá này lầu Hạc [2] đình Liên cũng nhường.
Phong tình hết tấc yêu đương,
Lại truyền đem dán phấn tường một bên.
Còn thừa hai cánh hoa tiên,
Chắt chiu sinh đã nong liền vào bao.
Ngậm chiêng [3] chén hãy kèo mau,
Tạ từ thôi mới giã nhau lại nhà.

XII. QUY QUÁN TƯƠNG TƯ

(Về nhà trọ mà nhớ nhau)

Đầy song vằng vặc gương nga, [4]
Bóng cành vẽ vách mùi hoa đan rèm. [5]
Ngẫm từ may bước cung thiềm, [6]
Nhẫn nay chừng đã đâu thèm nửa sương. [7]
Đầu sông Tương cuối sông Tương, [8]

---

1. *Khong khen:* cao ráo, khen ngợi.

2. *Lầu Hạc:* tức *Hoàng Hạc lâu,* bài thơ nổi tiếng của Thôi Hiệu. Lý Bạch khi qua lầu Hoàng Hạc cũng muốn đề vịnh một bài nhưng không tìm được tứ hay lại thấy có bài thơ của Thôi Hiệu đã đề rồi, đành phải thôi. Phải chăng vì Lý Bạch có hiệu là Thanh Liên cư sĩ nên Nguyễn Huy Tự mới viết là *đình Liên?*

3. *Ngậm chiêng:* nói lúc mặt trời lặn ngang ngọn núi, lúc trời đã về chiều.

4. *Gương nga:* chỉ mặt trăng vì người ta xưa kia cho rằng trên mặt trăng có ả Hằng Nga.

Truyện Kiều: Gương nga vằng vặc đầy song.

5. *Mùi hoa đan rèm:* mùi hương thoảng lọt qua mành.

6. *Cung thiềm:* (*cung:* cung Quảng Hàn trên mặt trăng, *thiềm:* con cóc) Tương truyền Hằng Nga sau khi lấy trộm thuốc tiên của chồng là Hậu Nghệ, uống vào thành tiên lên ở trên cung trăng và hóa ra con cóc.

7. *Nửa sương:* (*sương:* mỗi năm có một tiết sương nên *sương* có nghĩa là năm) nửa năm.

8. *Đầu sông Tương, cuối sông Tương:* (*sông Tương:* con sông có tiếng thuộc tỉnh Hồ Nam của Trung Quốc). Đời nhà Chu, có người con gái tên Lương Y và người con trai tên là Lý Sinh, nhân xa cách nhau nên có làm bài thơ trong có đoạn:

... Quân tại Tương giang đầu,
Thiếp tại Tương giang vĩ
Tương tư bất tương kiến
Đồng âm Tương giang thủy.
(Chàng ở đầu sông Tương,
Thiếp ở cuối sông Tương.
Nhớ nhau mà chẳng thấy,
Cùng uống nước sông Tương).

http://tieulun.hopto.org

Khách xa no [1] những mơ màng bóng xa.
Công phu nghĩ đã nên là,
Thòi mòi [2] cho có vê va [3] buổi này.
Một thơ thấu chẳng mà hay, [4]
Lại trăng kia với khách này tỏ nhau.
Tiên hoa lẩn giữ trong bào, [5]
Phấn bình nhường quyện hương lầu nhường rơi.
Mở phong [6] chẳng nỡ rời tay,
Người xa gần chút báu này cũng duyên.
Người tiên tên đã đáng tiên,
Gặp tiên bỗng diễn [7] vân thiên [8] mấy trùng.
Nương yên [9] bóng nhẫn tà song, [10]
Cảo thơ [11] biếng giở túi đồng [12] để nuông. [13]
Vật vờ bướm chiếc [14] màn suông.
Chiền [15] đâu đã lọt vần chuông mé tường.

XIII. CHỦ TỲ KHÁN THI

(Chủ tớ xem thơ)

Hồ mai dợn ráng tuôn vàng,
Gió hương sớm sớm quyến hương trước đình.
Dấu tiên trên vách rành rành,

---

1. *No*: đầy.
2. *Thòi mòi:* cũng nói là *chòi mòi,* có nghĩa là tọc mạch, lục lạo, muốn biết nhiều chuyện.
3. *Vê va:* ham muốn sự gì.
4. *Một thơ thấu chẳng mà hay:* Lương sinh tự nghĩ: bài thơ mình họa lại không biết có thấu đến ý nàng chăng?
5. *Bào:* áo.
6. *Mở phong:* mở ra gói lại.
7. *Diễn:* cách xa.
8. *Vân thiên:* trời mây.
9. *Nương yên*: tựa vào cái bàn (*yên:* cái bàn đóng xiên xiên có thể để sách mà đọc hoặc viết).
10. *Tà song*: ánh trăng xế nghiêng cửa sổ.
11. *Cảo thơ:* (*cảo:* bản nháp) tập thơ.
12. *Túi đồng:* (*đồng:* đàn vì mặt đàn làm bằng gỗ cây ngô đồng) túi đàn.
13. *Nuông*: để không đụng tới.
14. *Vật vờ bướm chiếc:* ý nói mơ màng. Theo *Nam hoa kinh,* Trang Chu mơ màng ngủ thấy mình hóa bướm, lúc tỉnh dậy không hiểu mình hóa bướm hay bướm hóa ra mình là Trang Chu.
15. *Chiền:* chùa, *chiền gia* (cũng đọc là *thiền gia*).

http://tieulun.hopto.org

Nhìn chơi nàng đã lộng tình [1] đòi câu.
Vân Hương kề hỏi: "Thơ đâu?"
Dạy rằng: "Buổi trước con hầu nói qua,
Khách nào bên giậu [2] chơi nhà,
Mệnh đề [3] truyền lấy tiên hoa vội vàng.
Nay xem dòng khoản [4] ghi tường,
Chẳng ai lại, lại là chàng Lương sinh.
Trong thơ buộc bện lời tình,
Mượn tơ quấn quả [5] nói cành ủ ê. [6]
Tưởng đâu ngày một điên mê,
Biết bao mưu chước cho kề đây chi".
Lộng nâm [7] chiều Nguyệt mới kỳ,
Bước lên chiềng: "Ngẫm duyên gì chẳng sai.
Song song một vách đôi bài,
Giai nhân tài tử [8] bày vai [9] khéo là".
Mắng rằng: "Ai nhủ đôi la, [10]
Đặt bày phong nguyệt [11] giềm pha cương thường. [12]
Mây quang lẻo lẻo lòng gương,
Để soi đỉnh Giáp [13] duềnh Tương [14] sau này!"

---

1. *Lộng tình:* bày tỏ tình ý.
2. *Khách giậu:* (*giậu:* hàng rào ngăn cách hai nhà) khách bên hàng xóm.
3. *Mệnh đề:* có lệnh bảo làm thơ họa.
4. *Khoản:* tức lạc khoản, đề tên họ ở bên mép tờ giấy.
5. *Quấn quả:* vương vấn.
6. *Ủ ê:* sầu thảm.

Cả câu ý nói Lương sinh muốn mượn lời thơ để bày tỏ nỗi lòng.

7. *Lộng nâm:* chữ Nôm viết 哢喃 nhưng các bản gốc đều phiên là *"lộng mồm"* hoặc *"sổng mồm"*. *Lộng nâm* có thể hiểu là ăn nói bừa bãi, không biết giữ ý tứ.
8. *Giai nhân tài tử:* trai tài gái đẹp.
9. *Bày vai:* một lứa xứng nhau.
10. *Đôi la:* cũng như đôi mách, đem chuyện người khác ra kể.
11. *Phong nguyệt:* gió trăng, nói cảnh trai gái hẹn hò nhau trước cảnh trăng trong gió mát.
12. *Cương thường:* do chữ tam cương ngũ thường (*cương:* cái dây lớn ở cái lưới, điều cốt yếu; *thường:* đức tính thường của con người).

Tam cương: ba giềng mối là vua tôi, cha con và vợ chồng.

Ngũ thường là nhân, nghĩa, lễ, trí và tín.

Cả câu ý nói đừng có đem chuyện gió trăng ra mà nói để có hại cho đạo đức luân thường.

13. *Đỉnh Giáp:* (*đỉnh:* chóp núi, *Giáp:* núi Vu Giáp. Chữ 峽 cũng đọc là *hạp, hiệp)* (xem chú thích câu 270).
14. *Duềnh Tương:* xem chú thích câu 343.

Câu này ý nói dễ nào lại đem mảnh gương trong sạch mà soi đến những cảnh tình tứ nơi đỉnh Giáp, sông Tương sau này được đâu.

http://tieulun.hopto.org

XIV. DƯƠNG GIA HỒI BÁI

(Dương công thăm đáp lễ)

Một bên êm ả hiên tây,
Một bên rộn rã tiệc vầy gác đông.
Lại cho tin rước Diêu [1] cùng.
Lễ thường hồi bái [2] hẳn ông sang nhà.
Tròn xoe tán ngọ thà la, [3]
Vườn vừa dọn chỉnh, khách đà đến chơi.
Đình Hương chìm nổi chén mồi, [4]
Những say vì nghĩa những vui vì tình.
Chề chà [5] ông mới hỏi Sinh:
"Tước bình [6] đã định tên bình đâu chưa".
Dứt lời khúm núm bày thưa:
"Nợ thường chưa giả duyên tơ còn dành."
Gùn ghè [7] ông đã rấp ranh, [8]
Nhắp chăng [9] lại dạm vần quanh mấy lời.
Ông nhường rủ khách thường chơi,
Khách nhường còn lấy thẳm khơi [10] ngại lòng.
Thuận lời vui chén thung dung,
Rằng: "Trong thế nghị [11] là trong một nhà.

---

1. *Diêu:* tức Diêu sinh. Đoán biết thế nào Dương công cũng sang chơi đáp lễ nên Lương sinh đã mời Diêu sinh tới nhà để cùng đón tiếp.

2. *Hồi bái:* sang thăm để đáp lễ lại.

3. *Tán ngọ thà la:* đúng giữa trưa, bóng cây tròn xoe như cái tán che rợp mặt đất.

4. *Chén mồi:* chén bằng đồi mồi.
Chìm nổi chén mồi: cũng như *dìu dặt chén mồi* trong *Truyện Kiều*, ý nói cạn rồi lại rót, hết chén này sang chén khác.

5. *Chề chà:* chậm chạp, thong thả.

6. *Tước bình*: (*tước:* chim sẻ) Đậu Nghi có con gái muốn kén rể, mới vẽ con chim sẻ ở bức bình phong, bảo hễ ai bắn trúng mắt con chim sẻ thì sẽ gả con gái cho. Lý Uyên bắn trúng. Đậu Nghi bèn gả con gái cho. Về sau Lý Uyên lên làm vua tức vua Đường Cao Tổ và lập con của Đậu Nghi làm Hoàng hậu. Do điển này mà các chữ *tước bình*, *bắn sẻ có nghĩa* là hỏi vợ hoặc kén rể.

7. *Gùn ghè:* chữ Nôm viết 悃 憎 có thể phiên âm là *gùn ghè*, nghĩa là gạ gẫm (ĐDA).

8. *Rấp ranh:* định sẵn, toan, muốn.

9. *Nhắp chăng:* nhắp chút rượu rồi lại như có ý muốn nói ra mà còn ngập ngừng.

10. *Thẳm khơi:* sâu thẳm, ý nói cửa nhà quan ra vào khó khăn (rốn bể cửa hầu).

11. *Thế nghị:* (*thế:* đời, *nghị:* nghĩa) tình nghĩa quen biết từ lâu.

http://tieulun.hopto.org

Đã gần chi có điều xa,
Lòng ta chẳng gián, [1] vườn ta lọ nề.
Tiện đây một vách liền kề,
Mở lần cửa khém [2] đi về cũng nên.
Cho thông một cuộc hồ thiên, [3]
Khi rồi hai khóa hai bên ngại gì".
Vội mừng sợ lại sinh nghi,
Mặt nam sẵn thợ tức thì mở ngay.
Gió đâu đem lối thày lay, [4]
Tiện đường Dương tướng dở say lại nhà.

XV. PHU THÊ THAM TẾ

(Vợ chồng thèm rể)

Trướng khuya [5] trầm trộ [6] đàn hòa:
"Rằng gương dù ngựa [7] rằng đà tướng khanh. [8]
Rồi đây tìm cạnh mối manh,
Bạn già được rể tài tình mới cam".
Ông bà kẻ muốn người tham,
Tiểu thư đìm ím lầu nam biết gì.
Sớm giồi [9] còn đẫm hơi chi, [10]
Thăm hoa đã gọi Hương tỳ vội sai.
Lá dầm lướt mướt sương mai,
Líu lo mừng ráo [11] một vài tiếng chim.

---

1. *Lòng ta chẳng gián*: lòng ta chẳng ngăn cách thì cái vườn có nệ gì mà sợ bị ngăn cách.

2. *Cửa khém:* cửa nhỏ hai bên, phía trong nhà. (H.T.C), đây là cửa thông hai nhà.

3. *Hồ thiên*: 湖天 Chữ *hồ* phải viết là 壺 mới đúng. *Hồ thiên* là bầu trời. Cả câu ý nói cho thông hai nhà thành một cõi trời chung.

4. *Thày lay*: làm việc không ai mướn.

5. *Trướng khuya:* trong màn lúc đêm khuya.

6. *Trầm trộ:* tức *trầm trồ,* hết sức ngợi khen.

7. *Dù ngựa:* cái lọng và con ngựa, chỉ sự giàu sang.

8. *Tướng khanh:* quan đại thần giữ chức lớn trong triều đình.

9. *Sớm giồi*: buổi sớm trang điểm (giồi phấn)

10. *Hơi chi:* (*chi:* phấn sáp phụ nữ dùng để trang điểm), hương phấn thơm.

11. *Mừng ráo:* mừng trời tạnh ráo.

http://tieulun.hopto.org

Dạo quanh lảnh hỏi thung tìm: [1]
"Cửa đâu trổ dưới tường nghiêm một tòa?"
Lạ xem thuận lối dần dà,
Bằng vi giá thược [2] lần qua ngân đường. [3]

XVI. NGỘ TỲ TRẦN TÌNH

(Gặp con hầu bày tỏ tình)

Lét chừng [4] khói ngất bóng dương, [5]
Bởi nao thấy một người nhường quen quen.
Sinh vừa sớm dạo trước hiên,
Vừa trông ngang lại, vừa nhìn rõ nhau.
Đình đan [6] còn phưởng phất đâu,
Hãy xem phong phát [7] con hầu thử xem.
Bóng người Hương vội lánh hiềm, [8]
Sinh đà ve trước [9] êm êm sẽ bày:
"Cùng nhau chi nợ nhau thay,
Dừng chân gạn một lời này chưa nao.
Bên cờ [10] từ lạc bè sao, [11]
Trước trăm năm ngẫm duyên nào chi không?
Bấy nay đắp nhớ bợ trông,
Chút lòng đeo đẳng chút công tìm tòi.

---

1. *Lảnh hỏi thung tìm:* ý nói hỏi chỗ này tìm chỗ khác.
2. *Giá thược:* cái giá đỡ cho cây thược dược khỏi bị gãy.
3. *Ngân đường:* (*đường:* ao) ao nước bóng loáng trông như bạc.
4. *Lét chừng:* ngó chừng.
5. *Bóng dương:* bóng cây dương liễu.
6. *Đình đan:* cái đình màu đỏ, chỉ chỗ ở của Dao Tiên.
7. *Phong phát:* thái độ.
8. *Lánh hiềm:* (*hiềm:* nghi ngờ) tránh sự nghi ngờ.
9. *Ve trước:* nói lấy lòng trước.
10. *Bên cờ:* bên bàn cờ.
11. *Lạc bè sao:* sách *Bác vật chí* chép rằng xưa có người đi bè đến một nơi có thành quách rất nghiêm, đứng xa trông thấy trong cung có nhiều đàn bà dệt cửi và một người đàn ông dắt trâu uống nước ở bến sông. Sau người ấy về hỏi thì có người bảo cho biết rằng năm tháng ấy ngày ấy có khách tinh phạm vào sao Ngưu. Ý tác giả nhắc tích *lạc bè sao* ấy để ví Lương sinh như sao khách phạm vào sao Ngưu. (Theo ĐDA).

http://tieulun.hopto.org

Nghĩ cho lỡ thớ thiệt thôi,
Đài dinh [1] may lẽ rủ soi quán bèo. [2]
Vườn thơm màn rủ gấm treo, [3]
Hay sao tường có bướm liều vì hoa". [4]
Thật lời Hương mới nhủ qua:
"Tính trời băng ngọc [5] phép nhà băng sương. [6]
Éo le ai dám độc đường, [7]
Luống thay công cái dã tràng luống công". [8]
Gió đâu động trận quét không,
Ngập ngừng lòng chạnh riêng lòng đòi khi
Kề lơn [9] mấy nỗi nằn nì,
Thật thà chút chẳng màu xuy hơi hàn. [10]
Lành lòng thấy khách châu chan,
Xót chiều Hương lại ướm han [11] thử lời:
"Hiếm nơi ngòi phẳng duềnh khơi, [12]

---

1. *Đài dinh:* chỉ người đài các, ở dinh thự.

2. *Quán bèo:* chỉ người tầm thường, ở nhà tranh vách đất.

Cả câu là lời nói khiêm nhường của Lương sinh cho rằng mình là kẻ tầm thường không biết có được tiểu thư ở nơi đài các để ý đến không.

3. *Màn rủ gấm treo:* ý nói cấm cung ở trong phòng, trướng rủ màn che.

4. *Bướm liều vì hoa*: ý nói đến việc Lương sinh say mê Dao Tiên mà không biết giữ gìn.

5. *Băng ngọc:* ý nói tính nết đoan trang như ngọc trắng băng trong.

6. *Băng sương:* ý nói phép nhà nghiêm ngặt luôn giữ gìn trinh tiết, trong trắng như băng như gương.

Ca bản Hoa tiên:

Thỉnh quân mạc giảng phong tình sự,
Khuê môn gia giáo lẫm băng sương
(Xin chàng đừng giở nguyệt hoa,
Phép nhà nghiêm nhặt như là băng sương).

7. *Độc đường:* bày điều, mở đường làm cho kẻ nhỏ bắt chước (H.T.C)

8. *Công cái dã tràng:* ý nói mất công vô ích.

Ca dao: *Dã tràng xe cát bể đông,*
Nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì.

9. *Kề lơn:* bên cạnh lan can.

10. *Chút chẳng màu xuy hơi hàn*: ý nói thật thà chất phác chẳng có chút giả dối gì (như thứ kim khí chẳng có mạ, có hàn gì).

11. *Ướm han:* ướm lời hỏi han thêm

12. *Ngòi phẳng duềnh khơi:* (chữ 滂 đọc là *phẳng*) chỉ nơi nước rộng sóng êm thuyền đi lại được dễ dàng.

http://tieulun.hopto.org

Lá hồng [1] bỗng nặng chi nơi nổi chìm".
Sinh rằng: "Khiến cải xui kim, [2]
Là trong tiếng ứng hơi tìm [3] biết đâu.
Ước ao nguyền nặng dài lâu,
Hoa đầu mớ, liễu đầy xâu sá nài.
Cầu sương dặm tuyết chiều ai,
Dịch mai đành tỏ tin mai [4] những mừng.
Hay đâu nước lạt bằng dưng, [5]
Giấc xuân nỡ khiến chập chừng dở say.
Dù chăng đoái chút nỗi này,
Bên đào đành cũng như ngày chửa ai".
Thiết lời Hương dễ êm tai,
Sợ nhà nể khách [6] nói hai ngần ngừ:

---

1. *Lá hồng:* do chữ *hồng diệp*. Đời Đường Hy Tông có người tên là Vu Hựu nhặt được chiếc lá từ dòng ngự câu trong cung trôi ra, trên lá có thơ đề. Hựu bèn đề mấy câu đáp lại vào lá rồi thả ở phía thượng lưu của ngự câu. Người cung nhân, *tác giả bài thơ gửi ra* là Hàn thị bắt được. Sau vua thải cung nữ, Hàn thị lấy Vu Hựu. Có lần kể lại chuyện chiếc lá đề thơ cho nhau nghe mới hay *"hồng diệp thị lương môi"* (lá thắm là mối giỏi).

Cả hai câu 451 – 452 diễn tả lời nói của Vân Hương bảo với Lương sinh rằng thiếu gì nơi dễ dàng hỏi vợ sao chàng cứ theo đuổi nơi khó khăn này làm gì.

2. *Khiến cải xui kim:* do câu *"Hổ phách thập giới, tư thạch dẫn châm"* là nói hổ phách hút hạt cải, đá nam châm hút cái kim; ý nói tình duyên vợ chồng do sự cảm thông lưu luyến mà nên.

3. *Tiếng ứng hơi tìm:* do câu *đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu* tức là có cảm tình với nhau.

4. *Dịch mai đành tỏ tin mai:* mượn ý ở bài thơ của Lục Khải đời Đường khi bẻ cành mai gửi về cho bạn:

Chiết mai phùng dịch sứ,
Ký dữ Lũng Đầu nhân.
Giang Nam vô sở hữu,
Dao tặng nhất chi xuân.
(Hái mai nhân gặp người trạm,
Gửi cho người ở xứ Lũng Đầu.
Ở Giang Nam không có gì,
Chỉ xin tặng một cành xuân).

Do bài thơ này, về sau người ta mượn chữ *mai dịch* để chỉ sự gửi tin tức. Hai câu 457 - 458 ý Lương sinh muốn nói: tôi đợi ở nơi dặm tuyết cầu sương này lạnh lùng hiu quạnh chỉ mong có được tin tức thỏa lòng như người xưa gửi cành mai vậy.

5. *Nước lạt bằng dưng:* chỉ thái độ lạt lẽo thờ ơ của Vân Hương trước những lời năn nỉ nhờ vả của Lương sinh.

6. *Sợ nhà nể khách:* sợ phép nhà nhưng lại nể Lương sinh.

http://tieulun.hopto.org

"Phép trong đâu chẳng e giờ,
Vì người vâng sẽ thử chờ để xem.
Họa khi gió khiến mây đem,
Điểm thành cho động đá mềm [1] dễ đâu.
Ví mà đêm lạnh lỗi câu, [2]
Phận kia dầu vậy thôi dầu vậy thôi".
Chợt nghe sầu chợt trở vui,
Ơn này đành nhẫn bia vùi đá rêu.
Bày trao hết các mọi điều.
Đã về sinh lại tốc theo tin tường.
Ngẩn ngơ mới hỏi tên Hương:
"Buồng trong ai nớ quen thường hầu trong?"
Đứng dừng Hương lại kể cùng,
Vội pha nẻo cũ thẳng trông về lầu.

XVII. KHUÊ CÁC ĐẠT TÌNH

(Tỏ tình ở gác khuê)

Vắng thênh mới đệ hoa hầu, [3]
Quở rằng: "Cũng mải rong đâu lo về?" [4]
Tiện lời rón rén tỉ tê,
Dở bề soát sỉnh [5] dở bề mách mao: [6]
"Kể từ lạc lối vườn nào,
Làm sao gặp gỡ làm sao nói bày.
Đong đưa [7] não nuột chiều thay,
Giấy kia dễ chép [8] trượng này khôn đo.
Nhẹ nhàng gượng nhủ nhe cho,

---

1. *Điểm thành cho động đá mềm:* ý nói Vân Hương muốn dù cô tôi lòng có cứng như đá nhưng nếu chàng có tấm lòng thành cũng có thể làm mềm đi được.

2. *Lỗi câu:* không câu được cá, cá chẳng bén mồi.

Hai câu 469 - 470 ý nói nếu như duyên chẳng bén duyên thì đó là do số phận cũng đành chịu vậy.

3. *Đệ hoa hầu:* Vân Hương đưa hoa lên cho Dao Tiên.

4. *Lo về:* tức là chẳng lo về.

5. *Soát sỉnh:* ý nói lúng túng tìm cách trả lời để đi vào từng chi tiết.

6. *Mách mao:* ý nói bịa đặt thêm để mách lại Dao Tiên.

7. *Đong đưa:* trai lơ trao trát.

8. *Dễ chép:* chưa dễ gì đã chép được, khôn chép.

http://tieulun.hopto.org

Càng xui châu chã [1] tơ vò càng thương.
Rẻ xem núi ngọc non vàng,
Tấc thành là thép là gang đố rèn. [2]
Ngày giêng nhớ cữ dưới đèn,
Đẫy đà nhắc giá thanh niên hiếm tày. [3]
Mấy lâu tưởng võ trông gầy,
Xưa lại phần độ còn nay nửa phần.
Ấp cây [4] mãi mực trần trần
Nặng tình đành nhẹ đến thân có người.
Nghe thôi lặng lẽ đòi thôi,
Ngọc khoan khoan mới mở lời rỉ trao:
"Mảnh tiên từ thấy thơ nào,
Bể tình dễ thấm nên khao [5] ruộng lòng. [6]
Tiếc cho cửa tướng nhà dòng,
Phong tao tài điệu khéo nhòng [7] ai so.
Kẻo lần mượn mối trao cho,
Ấy tròn gương nguyệt, bỗng mờ bóng mây.
Là điều thuận miệng vắng đây,
Mạch rừng [8] bưng bít cho hay chẳng vừa".
Chợt nghe truyền gọi tiểu thư,
Lánh sau Hương những lừa cơ mách chàng.

---

1. *Châu chã:* nước mắt rơi lã chã.

2. *Rẻ xem ... đố rèn:* hai câu này ý nói vì tấm tình với Dao Tiên là bền vững lắm nên chàng đã không tiếc tiền để mua lấy một sở vườn ở gần.

3. *Ngày giêng ... hiếm tày:* hai câu này ý nói ngày trước khi Lương sinh vào xem cuộc cờ dưới đèn thì trông đẫy đà, thật có phong độ ít có thanh niên nào sánh tày.

4. *Ấp cây:* do chữ *thủ châu* là khư khư giữ lấy gốc cây. Hàn Phi Tử chép: có người ở nước Tống đi cày nhân thấy một con thỏ chạy va vào gốc cây mà chết thì anh ta cứ bỏ cày lại ngồi ở gốc cây đợi con thỏ khác. Vì sự si mê ngu dại ấy nên về sau mới có thành ngữ *thủ châu đãi thố* (ôm gốc cây đợi thỏ).

5. *Khao*: khô khao, ý nói trong lòng cũng khao khát tình như ruộng khô khát nước.

6. *Ruộng lòng:* do chữ *tình điền* là cái chỗ mà cảm tình phát sinh ra, đúc hột giống ái tình ở đó, tức cái lòng nuôi sẵn ái tình.

7. *Nhòng:* cao như cao nhòng (H.T.C).

8. *Mạch rừng:* mạch nước dù chảy ngầm trong rừng cũng sẽ bị lộ ra. *Tai vách mạch rừng* là rừng có mạch, vách có tai, phải cẩn thận lời nói. (H.T.C).

http://tieulun.hopto.org

XVIII. PHỤC NGỘ VÂN HƯƠNG

(Lại gặp Vân Hương)

Bình mai [1] đã lọt tin sương, [2]
Song đồng [3] khách hãy mơ màng bàn mê. [4]
Thói quyền [5] khỏng khảnh đã lề, [6]
Miệng hầu vắt vẻo đi về khôn tin.
Vẽ lòng há chẳng nên thiên,
Lại e giấu giếm mà phiền tiếng tăm.
Chiêu chăm [7] nhắm nhó [8] nhường chăm,
Nách tường lại cứ quen dằm [9] xa nom,
Non tà lạt khói ria tôm, [10]
Ráo cành nhao nhác nha hôm [11] điểm sầu.
Dải là thoi thót bởi đâu,
Phải Hương [12] đấy chốc nhìn lâu tỏ chừng.
Chào xa hớn hở tưng bừng:
"Động xuân hẳn có tin mừng đêm nay."
Hương rằng: "Dạy sỗ sàng thay!
Hội đào rước bạn tiên vầy là chơi!
Chịu lời cũng muốn đắt lời,
Bên sông trót đã lỡ mồi buông câu.

---

1. *Bình mai:* (*bình:* bình phong, *mai:* hoa mai, chữ dùng cho đẹp lời) chỉ phòng Dao Tiên ở.

2. *Tin sương:* do chữ *sương tín,* tên riêng để gọi chim nhạn. Chim nhạn ở phương Bắc mỗi khi bay đến thì người ta biết rằng sắp có sương mù. *Tin sương* sau được dùng để chỉ tin tức.

3. *Song đồng:* song cửa phía ngoài sân có trồng cây ngô đồng.

4. *Bàn mê:* bàn hoàn mê mẩn, bối rối ở trong lòng.

5. *Thói quyền:* thói những người hầu hạ các nhà quyền quý.

6. *Đã lề:* đã quen thói.

7. *Chiêu chăm:* đăm chiêu trông ngóng chăm chú vào nơi Dao Tiên ở.

8. *Nhắm nhó:* cũng như *nhắm nhía,* coi xem chăm chỉ mà có vẻ nôn nóng, không yên lòng.

9. *Quen dằm:* (*dằm:* dấu vết, dấu in xuống) quen đường đã đi, quen lối đi. *(Rắn đi còn dằm:* lằn nó bò hãy còn lại, chỉ nghĩa không mất dấu tích).

10. *Nhạt khói ria tôm:* khói nhạt chỉ còn những làn nhỏ thưa thớt *(Ria tôm)* (râu tôm): le the, thưa thớt. (H.T.C).

11. *Nha hôm:* quạ chiều hôm.

12. *Phải Hương đấy chốc:* có phải Vân Hương đấy thực chăng?

http://tieulun.hopto.org

Vực sâu còn đợi dò lâu,
Thuyền trăng bỗng rắp nổi đâu nhường này!
Vụng hèn xin chước [1] từ đây,
Tìm đâu nhạn khác [2] gởi mây [3] được đành."
Thấy lời sinh lại dỗ dành,
Rạng màu tô tỉnh [4], dịu vành khuyên van.
Đủ no cạnh dạm ý bàn,
Một hai lại cậy, thiên vàn chửa quên.
Người lại gác, kẻ về hiên,
Ngày phiền chăm dõi bóng phiền kể phân.

XIX. CHỦ TỲ KHẤN NGUYỆT

(Chủ tớ xem trăng)

Lầu trang vàng chợt rắc sân, [5]
Đầu thu vừa gặp giữa tuần trăng thanh.
Rước trăng giục giạo cuốn mành.
Tớ thầy thơ thẩn tựa quanh triện mồi. [6]
Cùng Vân Hương sẽ rỉ lời:
Bốn mùa cảnh bốn mùa trời thanh thay,
Thu đâu chừng nửa tháng nay,
Là trăng là nước là mây thực là!
Đòi cơn gió thoảng vàng pha, [7]
Lạnh thui từng cụm liễu già khói tan.
Chực bên Nguyệt cũng thở than:
Giục người phong cảnh năm tàn lại năm,
Nhớ ngày nào liễu ấy nhâm. [8]
Le te bên vũng cỡ tầm ngang vai.
Chợt đâu gốc cả cành dài,
Đã sương đã khói [9] đã vài năm nay.

---

1. *Chước:* miễn cho.
2. *Nhạn khác:* ý nói tìm người khác mà nhờ đưa tin.
3. *Gởi mây:* đưa tin cho người đẹp *(vân nga* = người tiên ở trong cung mây).
4. *Tô tỉnh:* (*tô:* sống lại) nói người đang ngủ mà thức dậy (Thiều Chửu).
5. *Vàng chợt rắc sân*: ánh trăng vàng vừa mới soi trên sân.
6. *Triện mồi:* lan can có hình chữ triện khảm đồi mồi.
7. *Vàng pha:* lá cây liễu đã bắt đầu ố vàng.
8. *Liễu ấy nhâm:* cây liễu ấy mới giâm.
9. *Đã sương đã khói:* ý nói cây liễu đã cao lớn và đã trải qua bao lần khói tỏa sương lồng.

http://tieulun.hopto.org

Xuân sang lục mới khoe mày, [1]
Thu về vàng đã ố tay [2] lọ gì.
Tưởng người lấy liễu mà suy,
Người khi xuân cỗi, liễu khi thu cằn.
Liễu khi thu lại còn xuân,
Người kia xuân dễ mấy lần xanh chăng.
Nối lời Hương lại cật rằng:
"Gió mây [3] khôn xiết nói năng sự đời.
Chơi trăng hãy nói trăng chơi,
Vẻ trong soi biết cõi người mấy thung. [4]
Người thì trướng xấp uyên chồng [5]
Người thì cầm lắp [6] loan chung [7] chửa đừng. [8]
Người thì nương bóng trông vừng,
Người e áo mảnh [9] người ngừng quê khơi. [10]
Lại người bướm Sở Dương đài, [11]
Giấc tàn mếch thấy hiên cài [12] ngẩn ngơ.
Cũng sầu song cũng vừa vừa,
Riêng người gối chiếc tương tư là sầu.
Thanh cao [13] soi dễ thấu đâu,
Nên soi đâu cũng một màu thanh cao.
Là người liệu liệu lấy nao,
Một xuân một tuổi cỡ nào luống qua.
Dù vui dù tẻ cũng là
Bóng đưa trăng mọc trăng tà đợi ai.

---

1. *Lục mới khoe mày:* lá liễu khoe màu xanh, ví với lông mày phụ nữ (mày liễu).
2. *Ố tay:* vàng ố ra tay.
3. *Gió mây:* gió cuốn mây bay, ý nói đời người qua mau.
4. *Mấy thung:* mấy nơi, mấy xứ.
5. *Trướng xấp uyên chồng:* (*trướng:* màn, *uyên:* gối thêu uyên ương) ý nói đến cảnh vợ chồng nơi chăn màn êm ấm.
6. *Cầm lắp:* đàn họa với nhau, vợ chồng hòa hợp.
7. *Loan chung:* (*loan:* gối loan) vợ chồng chung chăn gối với nhau.
8. *Chửa đừng:* chửa được như thế.
Cả câu ý nói có những người chưa từng được hưởng cảnh vợ chồng lứa đôi êm ấm.
9. *Người e áo mảnh:* người e cảnh lạnh lẽo thương chồng một mình ở nơi xa xôi.
10. *Người ngừng quê khơi:* người ở nơi xa xôi sầu nhớ quê nhà.
11. *Người bướm Sở Dương đài:* người mơ đến cảnh ân ái với người yêu.
(Xem thêm chú thích câu 270).
12. *Hiên cài:* chỉ ánh trăng chiếu xiên qua cửa phòng như vào hiên nhà.
13. *Thanh cao:* chỉ trời xanh ở trên cao.

http://tieulun.hopto.org

Đàn đâu réo rắt bên tai,
Lửa đâu chất chở nhường khơi trận hừng.
Sầu đâu dở dói biếng rằng,
Nhủ hoàn khép triện đẩy trăng trả trời. [1]
Thủng tha [2] loan liệng về đài, [3]
Mặt giồi [4] lau sạch mối cài [5] tháo tung.
Buông màn thoáng đã vào trong,
Gối tiên trằn trọc luống dong canh dài.
Bàn riêng những chuyện mới rồi,
Mấy lời Hương, Nguyệt thật lời nói ngay.
Lân la mười sáu xuân chầy,
Tơ kia quấn, bóng kia xoay [6] mấy mà.
Xót thay cho kẻ vì ta,
Liễu gầy trăng lạnh [7] sa đà [8] những lâu.
Giá nào, nào dễ mấy đâu, [9]
Duyên nào, nào biết về sau nhường nào.
Dìu sầu [10] nhẫn suốt tàn sao, [11]
Tiếng gà đã gọi lầu cao dậy nằm.

---

1. *Đẩy trăng trả trời:* đẩy mặt trăng trả lại cho ông trời, ý nói đóng cửa lại. Câu này mượn ý ở câu đối của Tô Tiểu Muội (em gái Tô Đông Pha) ra cho chú rể trước khi làm lễ hợp cẩn: *"Bế môn thôi xuất song tiền nguyệt"* = đóng cánh cửa đẩy trăng ra ngoài song cửa.

2. *Thủng tha:* thong thả đi.

3. *Loan liệng về đài:* (*loan:* chim loan thêu ở chiếc hài, chỉ chiếc hài) ý nói đi về nơi đài trang.

4. *Mặt giồi:* mặt đánh phấn.

5. *Mối cài:* mái tóc thành mối.

6. *Tơ kia quấn, bóng kia xoay:* (*tơ:* tơ liễu; *bóng:* bóng trăng) ý nói đã trải mấy lần tơ liễu rủ quấn theo gió, bóng trăng soi xoay quanh rồi.

7. *Liễu gầy trăng lạnh:* Lương sinh tương tư đến nỗi thân đã gầy như liễu và lòng cũng trống trải như trăng lạnh.

8. *Sa đà:* mê đắm (H.T.C).

9. *Giá nào, nào dễ mấy đâu:* ý nói Lương sinh cũng là người có giá trị như thế nào chứ đâu phải là hạng tầm thường.

10. *Dìu sầu:* mối sầu cứ liên miên ám ảnh (dìu dặt) hết rồi lại tiếp tục.

11. *Tàn sao:* lúc trời đã gần sáng khi sao đã bắt đầu lặn dần.

http://tieulun.hopto.org

XX. HOA TIÊN PHỤC NGỘ

(Lại gặp ở vườn hoa)

Trang thôi [1] nhẹ nhẹ nưng cầm, [2]
Bóng duềnh [3] lặng ngắm chiều đăm đăm chiều. [4]
Hương đà lét trước bình thêu,
Tình hôm nay, hẳn vì điều hôm qua,
Gởi rằng: "Vườn mới thêm hoa,
Êm cơ phải buổi hay là viếng chơi."
Phải lời nàng cũng tin lời,
Một Hương theo gót nhẹ dời sân ngô. [5]
Chòm chòm sương khói điểm tô,
Đầu cây rắc phấn mặt hồ trau gương. [6]
Rập rờ lảnh bước lần sang
Cửa son bỗng thoáng bóng chàng bởi đâu.
Lần lừa sá quản Hương sau,
Quày sen [7] nhè nhẹ dạo mau vội về.
Chặn ngang sinh đã trước kề,
Cật chừng giữ đất [8] rụt rè ghé xiên.
Chán chường [9] bên liếc bên nhìn,
Nhìn bên càng mặn, liếc bên khi gầy.
Định tình sinh sẽ sẽ bày:
"Duyên chi may lại phen này gặp nhau.

---

1. *Trang thôi:* trang điểm xong.

2. *Nưng cầm:* nâng cây đàn lên. Bản Nôm viết 琴 (cầm).

3. *Bóng duềnh:* ánh nắng buổi sáng trên mặt nước.

4. *Chiều đăm đăm chiều*: (*chiều:* vẻ, dáng) vẻ ưu tư như đang trông ngóng một điều gì.

5. *Sân ngô:* sân có trồng cây ngô đồng.

6. *Trau gương:* bóng lộn như gương.

7. *Quày sen:* (*sen*: gót sen, do điển *Kim Liên*: xưa Đông Hôn Hầu cho đúc hoa sen bằng vàng lát trên mặt đất bảo Phan Phi bước lên mà đi rồi khen rằng: bước chân của nàng sinh ra bông sen vàng; vì thế về sau người ta thường gọi gót chân người con gái đẹp là *gót sen*), quay gót lại, đi trở về.

8. *Cật chừng giữ đất:* tìm mọi cách ngăn lối không cho đi.

9. *Chán chường:* tỏ tường, bày ra trước mắt (H.T.C) (*Thấy chán cường:* thấy rõ). Cả câu ý nói hai bên nhìn nhau đã rõ mặt.

http://tieulun.hopto.org

Mảnh riêng đắng đót [1] bấy lâu,
Tiện lân [2] phỏng thấy bên lầu chút chăng.
Ngày xanh [3] đã dễ đâu rằng,
Luống thay cữ gió tuần trăng [4] hỡi người."
Ngượng ngùng e tiếng dè hơi,
Gọi Hương mau bước liệu lời cho nao.
Khi nay sửa mũ dưới đào, [5]
Cớ chi lễ cấm phép rào [6] chẳng kiêng,
Nhịn ngừng [7] sinh lại rén chiềng:
"Lẽ chung đành vậy, tình riêng nỗi là.
Đeo đai [8] trót một tiếng đà,
Đài thiêng [9] hổ [10] có trăng già chứng lâm. [11]
Sở nguyền ví chẳng tòng tâm,
Cũng liều đầu bạc dám lầm tuổi xanh." [12]

---

1. *Đắng đót:* cay đắng, đau khổ.
(H.T.C có chữ *đắng đót*)

2. *Tiện lân:* (Chữ *tiện* 便 không phải do chữ *sứ* 使 lộn thành).

Đào Duy Anh đã chép là *sứ lân* và đã giảng *sứ lân* là tin cá và đã đưa thêm hai điển tích để minh chứng. Nhưng ông đã nhầm vì chính trong quyển *Từ điển Hán Việt* của ông đã có chữ *tiện lân* là hàng xóm nghèo hèn (lời khiêm xưng).

Ở câu 616 "*Tiện lân phỏng thấu bên lầu chút chăng*" Lương sinh muốn nói một cách khiêm nhường với Dao Tiên rằng nỗi lòng đau khổ của kẻ láng giềng hèn mọn này có thấu được đến chỗ lầu cao của tiểu thư chút nào chăng? (*Tiện lân* đặt đối với *lầu trang* mới có nghĩa).

3. *Ngày xanh:* lúc xuân xanh, lúc còn trẻ tuổi.

4. *Cữ gió tuần trăng*: chỉ tháng ngày chờ đợi qua đi đã khá lâu rồi, hết cữ gió này đến tuần trăng kia.

5. *Sửa mũ dưới đào:* ý nói làm chuyện dễ gây ra mối nghi ngờ như đi dưới cây đào, không nên giơ tay lên sửa mũ sợ bị người ta nghi là hái trộm quả đào. Bài *Quân tử hạnh* của Ngụy Võ Đế có câu: "*Qua điền bất nạp lũ, lý hạ bất chỉnh quan*" (ở trong ruộng dưa không nên cúi xuống sửa dép, ở dưới cây mận không nên giơ tay sửa mũ).

Từ câu 621 đến câu 624 là lời của Vân Hương nói đỡ cho Dao Tiên.

6. *Lễ cấm phép rào:* lễ phép ngăn cấm.

7. *Nhịn ngừng:* nén cảm xúc nhưng còn ngập ngừng chưa nói được lên lời.

8. *Đeo đai:* đeo đuổi.

9. *Đài thiêng:* tức *linh đài,* tâm linh của người ta, chỉ con tim, tấm lòng.

10. *Hổ:* hổ thẹn.

11. *Chứng lâm:* (*lâm:* đến) chứng minh đến cho.

12. *Lầm tuổi xanh:* phí tuổi xanh.

Cả câu ý Lương sinh muốn nói nếu tôi chẳng được toại nguyện (lấy được cô) thì tôi xin thề rằng dù cho đến lúc đầu bạc vẫn liều ở vậy với tuổi xuân xanh này.

http://tieulun.hopto.org

Nặng lời chẳng lẽ làm thinh,
Rằng: "Trong cửa cửi buồng canh biết gì.
Dẫu cho nền lễ sân thi,
Cũng tùy chốn lựa cũng tùy nơi xe.
Chia đường hãy tránh cho về,
Dở dong đâu nữa chẳng dè chút đâu."
Nể lời khôn lẽ cầm lâu,
Tránh ngang sinh lại theo sau gạn nài:
"Lời vàng ý ngọc dám sai,
Lửa gần lại dạy cho bài nước xa. [1]
Tin kinh diệu vợi [2] tin nhà
Thưa chừng, [3] những sợ hoặc là sao chăng.
Lẽ chi gắn bó gọi rằng,
Cho đành mối gió tin trăng sau này."
Tai nghe gót dạo dạo giày.
Mắt đưa kẻ luống trông ngây tịn lầu.

XXI. ĐỐI HOA TỰ THÁN

(Tự than với hoa)

Về song vò võ mày chau,
Một phen gặp cũng thêm rầu một phen,
Mấy hoa [4] những ngại ngùng duyên,
Thôi hờn nhị thắm, thì ghen nụ vàng.
Nàng từ trở lại buồng trang, [5]
Nhường xui canh cánh nỗi chàng biếng khuây,
Thảo nào Nguyệt nói Hương bày,
Thấy tình thực cũng thiết thay là tình.
Dửng dưng nước vốn xuôi duềnh,

---

1. *Lửa gần ... nước xa:* cả câu ý nói lòng Lương sinh đang nôn nóng như lửa cháy mà Dao Tiên lại bảo lấy nước rưới tắt đi, thì làm sao mà chờ đợi cho được.

2. *Tin kinh diệu vợi:* tin Lương công ở Kinh đô còn cách bức khó khăn chưa nhận được.

3. *Tin nhà ... thưa chừng:* tin mẹ ở nhà thì ít khi nhận được (thưa chừng), không biết có làm sao không.

4. *Mấy hoa:* với hoa.

5. *Buồng trang:* tức *trang đài*, phòng riêng của con gái để trang điểm.

http://tieulun.hopto.org

Hoa sao hoa khéo vẩn ghềnh chiều xuân. [1]
Lời đâu quyến luyến thanh tân, [2]
Rủ rê gió Sở mây Tần [3,4] bởi ai.
Thốt chi [5] phong vị lâu đài,
Trách chi lữ huống [6] khách hoài [7] khiến sao.
Thà cho xong một bề nào,
Chẳng thà dắc dở hôm dao [8] nhường này.

XXII. CHỦ TỲ TƯ ĐÀM

(Chủ tớ chuyện trò riêng)

Non xuân [9] trễ chút mái mây, [10]
Phượng xo phiếm tựa [11] uyên gầy gác treo [12]
Dòm nên Hương đã biết chiều,
Chiềng: Sao rày dáng cưu điều chi [13] vay?

---

1. *Chiều xuân:* vẻ xuân, chỉ tình yêu của Lương sinh.

Cả hai câu 653 - 654 ý nói lòng của Dao Tiên cứ vô tình dửng dưng như nước chảy xuôi mà lòng của Lương sinh lại cứ như hoa nổi trôi trên ghềnh ra chiều khêu gợi, tình xuân dào dạt.

2. *Thanh tân:* xanh tốt, mới mẻ; ý chỉ người con gái còn trẻ tuổi. Cả câu ý nói lời của Lương sinh khiến cho Dao Tiên cũng phải đem lòng yêu mến.

3. *Gió Sở mây Tần:* đúng ra là mưa Sở mây Tần. *Mưa Sở* theo điển *non Vu, chúa Sở* câu 270 và câu 272 và *đỉnh Giáp* câu 380.

4. *Mây Tần:* do chữ *Tần vân*. Tấn thư có câu: *"Tần vân như mỹ nhân"* (mây Tần như người đẹp), ở đây gió Sở mây Tần ý nói chuyện trai gái yêu đương.

5. *Thốt chi:* nói chi.

6. *Lữ huống:* (*lữ:* quán khách trọ) cảnh xa nhà.

7. *Khách hoài:* cảnh xa quê hương.

8. *Dắc dở hôm dao:* (*dao*: xa) nhắc nhở hoài những ngày xa cách.

9. *Non xuân:* do chữ *xuân sơn* ý nói lông mày nhạt như vệt núi về mùa xuân *(mi đạm xuân sơn).*

10. *Mái mây:* mái tóc mây.

Cả câu ý nói mái tóc không chải để xõa xuống lông mày.

11. *Phượng xo phím tựa:* (*xo:* buồn xo, buồn quá) Dao Tiên lựa phím gảy nên những tiếng nghe buồn bã quá. *(Phím phượng* dùng để chỉ cây đàn vì trong văn học Trung Quốc thường nói đến cây đàn Phượng hoàng trụ của Triệu Phi Yến đời Hán).

12. *Uyên gầy gác treo: (Uyên* dùng thay cho chữ *loan* tức gương loan, chỉ tấm gương soi) ý nói Dao Tiên nhìn vào tấm gương soi ở trong phòng (trên gác) thì thấy vẻ người gầy hẳn đi.

13. *Cưu điều chi:* có mang điều tâm sự gì trong lòng.

http://tieulun.hopto.org

Gởi rằng: "Hiu hắt trở may,
Chiều thu nhường cũng nên say chiều người".
Mượn thu Hương lại uốn lời,
Tả nơi thu tứ bàn nơi thu tình.
Đá đưa [1] như khẩy tằm oanh [2]
Cạn lời nàng phải đinh ninh dạy cùng.
Rằng: "Đà nẩy dạ thác lòng, [3]
Liệu xem lọ phải gạn gùng [4] lắm chi.
Người hầu gỗ đá tri tri,
Đã hay tình ấy còn suy lẽ này.
Thói đời giọt nước cơn mây, [5]
Đấu nào ao được vơi đầy mà tin.
Lại khi đôi tuổi [6] kén duyên,
Biết rằng đã hẳn như nguyền cho chưa.
Bây giờ chẳng bõ bấy giờ,
Luống giây điều nghĩ [7] mà dơ trò cười".
Hương rằng: "Vâng cũng như lời,
Thấy chàng ổn trọng [8] khác vời thường nhân.
Nền thi lễ nếp đai cân, [9] •
Vẻ nào phỏng nhắc đồng cân cũng già.
Nghĩ người lại ngắm nghía ta,
Đòi nhân sinh đệ nhất là lứa đam. [10]

---

1. *Đá đưa:* nói bóng nói gió, lấy sự vật này mà đả động sự vật khác.
2. *Tằm oanh*: (*oanh:* quanh vòng) ý nói ruột rối như tơ vò.
3. *Nảy dạ thác lòng:* ý nói Dao Tiên đã từng bày tỏ nỗi lòng với Vân Hương.
4. *Gạn gùng:* hỏi đến cùng cho biết rõ tất cả mọi sự việc, mọi chi tiết.

Cả câu ý nói: Dao Tiên muốn nói với Vân Hương rằng cứ liệu xem đủ biết lòng nàng, khỏi phải hỏi thêm gì nữa.

5. *Giọt nước cơn mây:* (*giọt nước* chỉ lạt lẽo, *cơn mây* chỉ mỏng manh) chỉ thói đời bạc bẽo.
6. *Đôi tuổi:* nói đến việc so đôi tuổi xem có hợp hay không.
7. *Luống giây điều nghĩ:* Dao Tiên nói với Vân Hương rằng nếu ta đây cứ vương vấn nghĩ đến mối tình với chàng bao nhiêu thì chỉ làm trò cười cho thiên hạ bấy nhiêu.
8. *Ổn trọng:* (*ổn:* yên ổn, *trọng*: coi trọng không khinh xuất) nói thái độ nghiêm trang đứng đắn của Lương sinh.
9. *Đai cân:* (*đai:* cái đai áo của các quan, *cân:* cái khăn) chỉ y phục của các quan. *Nếp đai cân:* nề nếp con nhà quan.
10. *Lứa đam:* tức lứa đôi. Tác giả đã đổi *đôi* thành *đam* cho hiệp vần với câu dưới. Cũng có thể hiểu *đam* là đam mê và *lứa đam* là đôi lứa yêu nhau tha thiết.

http://tieulun.hopto.org

Ngọc lành nhắc giá [1] mới cam,
Làm chi đợi đến phải nhàm ong ve. [2]
Lầm khi bạc mẫu [3] trầm tre, [4]
Châu nghìn đấu, [5] gấm nghìn xe [6] cũng liều.
Từ xưa tài sắc cũng nhiều,
Để gương ngẫm biết bao nhiêu đấy là.
Ải mây [7] oán điệu tỳ bà, [8]
Dấu giày non Mã [9] sương pha nên đồ.
Buồm sen khói vởn năm hồ, [10]
Lăm tăm bờ cỏ sông Ô [11] lấp đường.
Tưởng nơi cung lạnh ngồi ngang,
Phú Tương Như [12] dễ nghìn vàng chác nên.

---

1. *Ngọc lành nhắc giá:* chữ trong *Luận ngữ*: *Mỹ ngọc thiện giá*, ý nói đã gặp được người xứng đáng để kết bạn trăm năm.

2. *Ong ve:* con ong và con ve, ý nói tiếng chê bai của người ngoài.

Cả câu ý nói chớ kén chọn quá để rồi lỡ làng ra mà phải nghe những lời chê bai của thiên hạ.

3. *Bạc mẫu:* đồ bằng bạc giả để làm mẫu hàng.

4. *Trầm tre:* gốc tre dùng giả làm trầm, chỉ đồ giả.

Cả câu ý nói nhỡ lầm khi gặp phải kẻ giả dối chỉ có cái mẽ ngoài mà không có tài đức.

5. *Châu nghìn đấu:* (*đấu*: đồ dùng để đong thóc gạo) châu báu nhiều cả nghìn đấu.

6. *Gấm nghìn xe:* gấm nhiều cả nghìn xe.

Cả hai câu 689-690 có nghĩa là nếu lấy phải kẻ lừa dối thì dẫu đám cưới có to mấy cũng chẳng làm gì, phải liều như là không vậy.

7. *Ải mây:* cửa ải ở nơi biên giới có núi cao mây phủ.

8. *Điệu tỳ bà:* nhắc đến tích Chiêu Quân bị gả cho chúa Hung Nô, khi qua Nhạn Môn Quan gảy bài đàn oán trách vua Hán Nguyên Đế.

9. *Dấu giày non Mã:* Dương Quý Phi được Đường Minh Hoàng rất yêu dấu. Khi xảy ra vụ loạn An Lộc Sơn, nhà vua đem Dương Quý Phi chạy vào đất Thục. Nhưng đến núi Mã Ngôi, quân sĩ đòi vua phải giết Dương Quý Phi rồi mới chịu đi. Vua phải nghe theo.

10. *Năm hồ:* tức *Ngũ hồ*. Tây Thi, gái nước Việt, đời Xuân Thu được vua Việt gả cho nước Ngô để dùng kế mỹ nhân làm cho nước Ngô suy yếu theo kế hoạch của Phạm Lãi. Theo truyền thuyết, sau khi diệt được nước Ngô, Phạm Lãi đem Tây Thi đi dạo khắp Ngũ hồ rồi mất tích.

11. *Cỏ sông Ô:* Ngu Cơ là vợ yêu của Hạng Võ (Tây Sở Bá Vương). Trong trận đánh ở Cai Hạ, Hạng Võ bị quân của Lưu Bang (Hán Cao Tổ) vây chặt. Không muốn làm bận chân chồng, Ngu Cơ đã lấy kiếm chồng tự sát nhưng rồi trận ấy Hạng Võ cũng bị thua và phải tự trầm ở Ô Giang. Người ta cho rằng hồn Ngu Cơ đã nhập vào thứ cỏ ở bờ sông Ô gọi là *cỏ Ngu mỹ nhân*.

12. *Phú Tương Như:* Trần Hoàng hậu, vợ Hán Vũ Đế, vì quá ghen mà vô lễ với vua bị đầy ra *Trường Môn cung* (cung lạnh). Biết Tư mã Tương Như có tài văn chương, bà sai đem nghìn vàng nhờ làm cho bài *Trường Môn phú* dâng lên vua. Vũ Đế cảm động tha tội cho và cho phục lại làm Hoàng hậu.

http://tieulun.hopto.org

Sao bằng đôi lứa phỉ nguyền,
Chữ tình thêm vẹn chữ duyên thêm nồng.
Nghĩ lòng dù chẳng quyết lòng,
Cắm sào cầm khách [1] chờ trông được nào".
Dở lời chưa dạy rằng sao
A hoàn đâu bỗng pha vào việc ngang.

XXIII. THỆ BIỂU CHÂN TÌNH

(Thề tỏ lòng thật)

Chắc tin Hương những trễ tràng,
Ngóng tin sinh luống bên tường chờ thăm.
Trung thu vừa giữa tiết rằm,
Viện thơ [2] chụm thưởng sân cầm [3] chòm chơi.
Trước lơn riêng nặng một người,
Tơ duyên lần nhắc chén mồi để dưng.
Hoa in trúc động [4] mơ chừng,
Lần trông cửa tía vợi ngừng gác son.
Tiêu đâu rủ phượng [5] véo von,
Một xoang [6] như gọi nước non mấy niềm.
Phất phơ trướng liễu buông rèm,
Bóng đâu mây lẫn màu xiêm rõ ràng.
Nói cười sang sảng gieo vàng,
Nhởn nhơ với Nguyệt với Hương trước đình.
Dạo ra tới trước tự tình,
Rằng: "Đà được thỏa sinh bình chút chiu.
May đây xin một hai điều,

---

1. *Cắm sào cầm khách:* ý nói chờ đợi để kén được người tài đức xứng đôi vừa lứa.
2. *Viện thơ:* trong viện thì họp nhau ngồi thưởng thức thơ.
3. *Sân cầm:* ngoài sân thì họp nhau ngồi nghe gảy đàn.
4. *Hoa in trúc động:* mượn ý của câu thơ trong *Tây sương ký*: *Cách tường hoa ảnh động, nghi thị ngọc nhân lai* (cách tường bóng hoa lay động, tưởng người đẹp đến). Cả câu ý nói Lương sinh mong ngóng Dao Tiên đã tưởng như có người đẹp đến với mình.
5. *Rủ phượng:* tích Tiêu Sử đời Xuân Thu có tài thổi ống tiêu, lấy vợ là nàng Lộng Ngọc, con gái vua Tần Mục Công. Lộng Ngọc có tài thổi ống sành bằng ngọc. Mỗi khi hai vợ chồng hòa thổi với nhau thì có chim phụng bay xuống chầu.
6. *Xoang:* điệu hát, điệu đàn.

http://tieulun.hopto.org

Đêm lành khéo lẽ sương gieo [1] hẹn lành".
Nỏ chơi [2] Nguyệt hãy đành hanh,
Nàng rằng: "Đây chẳng là ghềnh Mã Đương. [3]
Liệu xin bảo trọng phải đường,
Nặng lời trẻ mỏ nên nhường chẳng thông".
Nấu nung đâu đã sẵn lòng,
Chợt nghe chợt chã đôi dòng nhường pha.
Nỗi niềm thăn thỉ gần xa,
Một chiều càng một thiết tha một chiều,
Vả vì nỗi chút bấy nhiêu,
Ngấn bào ngọc đượm ít nhiều thử coi.
Thương ưa phải sự ép đòi,
Lượng xuân [4] đành quyết hẹp hòi chốc ru!
Thẳm cao dám trách gương thu, [5]
Trách chăng trách lẫn đường tu vụng về.
Nàng nghe nàng cũng thiết ghê,
Hương nghe Hương cũng ủ ê khôn hàn. [6]
Ngập ngừng ra trước gởi van,
Rằng: "Trong tình ý thế gian hiếm tày. [7]
Vàng bền ví quyết chẳng lay,
Mũi gươm chẳng khác đang tay nỡ người. [8]

---

1. *Sương gieo:* Đào Duy Anh và Đoàn Thăng đã phiên âm là *sương gieo* nhưng sau Đào Duy Anh lại sửa lại là *sương siu* (Hoa tiên - 1978).

Hai chữ 霜超 phải phiên âm là sương gieo như Đoàn Thăng mới đúng.

Sương gieo là do chữ *sương trụy,* nghĩa bóng là sự la rầy quở phạt. Cả câu ý nói: "Lẽ nào trong đêm tốt đẹp này mà sự ước hẹn duyên lành lại bị quở trách".

2. *Nỏ chơi:* chẳng chơi.

3. *Mã Đương:* ghềnh Mã Đương ở trên sông Dương Tử thuộc tỉnh Giang Tây, Vương Bột được Diêm Bá Phù (đời Đường) mời dự tiệc ở gác Đằng Vương nhưng đêm trước ông còn ở ghềnh Mã Đương sợ không về kịp. May sao trời nổi gió lớn, thuyền thuận buồm nên về kịp và có làm *Đằng Vương các tự* rất nổi tiếng. Về sau người ta thường dùng mấy chữ *gác Đằng Vương, ghềnh Mã Đương* để chỉ cơ hội may mắn.

4. *Lượng xuân:* lượng rộng rải, cũng có nghĩa là tình yêu của Dao Tiên mà Lương sinh mong muốn nhận được.

5. *Gương thu:* trăng thu.

6. *Khôn hàn:* khôn ngăn được.

7. *Hiếm tày:* hiếm sánh kịp.

8. *Nỡ người:* cả hai câu ý nói nếu tiểu thư cứ giữ lòng mình không lay chuyển đối với mối tình của Lương sinh thì cũng không khác nào giết người mà không dao vậy.

http://tieulun.hopto.org

Mẹo duyên trộm nghĩ thiêng đời,
Nhắm đon báu nước [1] hương trời [2] sóng nhau.
Chung tình [3] trước một ai đâu,
Còn dan díu lắm, còn âu yếm nhiều.
Chén tương rủ phận Lam kiều, [4]
Bữa vừng nơi rước cung tiêu chốn mời.
Ấy trên tiên, lọ dưới người,
Pho tình biết mấy mươi nơi còn truyền.
Trong duyên gặp gỡ với duyên,
Trong tình vẹn vẽ đôi bên mới tình.
Trong quyền song chẳng rời kinh, [5]
Dám xin rộng chuẩn tấm thành tôi con.
Gặp nay người họp trăng tròn,
Niềm so giãi một chén son cùng thề.
Một là tỏ tiết phòng khuê,
Một là đành kẻ liệu bề mối manh.
Đào non [6] sớm ngỡ thơ lành, [7]
Vầy duyên một hội nức danh nghìn đời".
Chàng nghe chàng cũng trở tươi,
Nguyệt nghe Nguyệt cũng ép lời gởi qua.
Nàng nghe ngần ngại nét hoa,
Đăm đăm lặng ngắm bóng nga biếng rằng.
Đôi hầu hay ý dùng dằng,

---

1. *Báu nước:* chỉ người tài đức trong nước.

2. *Hương trời:* chỉ người con gái đẹp.

Cả câu ý nói trời kia có phép màu nhiệm dun dủi cho hai người, kẻ có tài người có sắc thành lứa đôi với nhau.

3. *Chung tình:* (*chung:* un đúc lại) ái tình rất mật thiết, như un đúc lại mà dồn cả vào cho ai.

4. *Chén tương rủ phận Lam kiều:* nhờ chén quỳnh tương mà được kết mối duyên lành, lấy được người đẹp. (*Lam kiều:* xem chú thích câu 242).

5. *Quyền ... kinh:* (*quyền:* phép xử sự lúc biến; *kinh:* phép xử sự lúc bình thường). Cả câu ý nói dù Dao Tiên có nhận lời thề ước với Lương sinh thì cũng chẳng có gì là trái với lễ giáo.

6. *Đào non:* chỉ người con gái trẻ đẹp đến tuổi lấy chồng. Chữ lấy trong *Kinh Thi,* bài *Đào yêu* (Chu Nam): *Đào chi yêu yêu, chước chước kỳ hoa. Chi tử vu quy, nghi kỳ thất gia* (Cây đào tơ xanh tươi, hoa nhiều chi chít. Nàng ấy đi lấy chồng, thì chắc êm ấm cảnh gia đình).

7. *Thơ lành:* tức bài thơ *Đào yêu* nói trên.

http://tieulun.hopto.org

Giục nhau bài trí tăng hoăng trước đình.
Trên yên [1] bút giá nghiễn bình,
Tiên hoa vừa sẵn bào dành hai trương.
Nếp thề tay thảo nên chương,
Trọn tờ chép núi đầy hàng tạc sông. [2]
Chứng trên vầng vặc vừng trong,
Lại ghi Hương, Nguyệt tên dòng cuối trang.
Triện thành [3] ngát ngát tuôn hương,
Lễ bày thôi đã sinh nhường đứng sau.
Đôi hầu nặng ép thôi lâu,
Nép ngồi nàng cũng gật đầu và phen.
Văn thề trao chịu hai tiên, [4]
Mời ngồi Hương lại nài khuyên trót giờ.
Ý hoa [5] song sóng người thơ,
Bóng lồng chung vẻ hương đưa lẫn mùi.
Tạ lòng bày biện đầu đuôi,
Trong lời gắn bó ra chồi lần khân.
Nàng rằng: "Bồ liễu chút thân,
Cành xuân trót nể chúa xuân cần quyền. [6]
Trăm năm chừng vụng [7] tấm nguyền,
Vừng soi đã hổ với trên đỉnh đầu.
Thề lòng đợi bến Hà Châu, [8]

---

1. *Trên yên:* trên cái án tức là cái bàn nhỏ.

2. *Chép núi, tạc sông:* nói về những lời thề nguyền được ghi chép vào núi, được tạc vào sông, tức những lời thề chí tình.

3. *Triện thành:* chiếc lư hương khắc trang trí hình chữ triện có thắp những nén hương để bày tỏ lòng thành thực.

4. *Hai tiên:* hai tờ giấy có vẽ hoa.

5. *Ý hoa:* ghế có chạm hoa.

6. *Cần quyền:* ân cần và gắn bó.

7. *Chừng vụng:* vụng trộm, thầm lén.

8. *Đợi bến Hà Châu:* hai chữ *Hà Châu* là rút ở bài *Quan thư* trong *Kinh Thi: "Quan quan thư cưu, tại hà chi châu, yểu điệu thục nữ, quân tử hảo cầu".* (Chim thư cưu hòa tiếng kêu, ở bên bờ sông kia, người thục nữ yểu điệu, người quân tử tìm để sánh đôi).

Ngụ ý nói ông Văn Vương cùng bà Thái Tỷ nhà Chu tương xứng với nhau, ví như đôi chim thư cưu (chim có đôi không kết tình lang chạ) về sau người ta dùng chữ *quan thư* hay *Hà Châu* để chỉ việc kết lứa đôi của những người có đức hạnh.

http://tieulun.hopto.org

Đợi nhau nghĩa Bộc ca dâu [1] ru mà!
Dám xin xem rộng toan xa,
Bảng vàng treo đã đuốc hoa [2] sẽ vầy."
Người kia tình ấy lời này,
Càng ưa đòi vẻ, càng say một vành.
Chuyện trò thêm gắn sắt đanh,
Dùi sương [3] chợt mảng trên thành điểm năm.
Giục ai giọt giọt khôn cầm,
Rốn lời căn vặn lưu tâm mấy lời.
Sầu đâu cũ mới xui người,
Bên băng gác thắm bên dời lầu thơ.
Những đành cải bén kim ưa, [4]
Máy thiêng nhường đã nhiệm lừa [5] biết đâu.

XXIV. CHU TRUNG HỨA THÂN

(Hứa hôn trong thuyền)

Lương gia vào tướng [6] bấy lâu,
Sáng soi gương đức, rộng trau nền bình. [7]
Vạc mai [8] chán nếm trường danh,
Rau thuần [9] sẽ nhớ mùi canh ngọt ngào.

---

1. *Nghĩa Bộc ca dâu:* do chữ *tang gian Bộc thượng*. Sách *Đông chu liệt quốc* chép: Trai gái nước Vệ thường hẹn hò làm chuyện dâm ô ở trong bãi dâu còn trai gái nước Trịnh thì lại diễn ra ở bên bờ sông Bộc. Do đó nghĩa *Bộc ca dâu* được dùng để chỉ sự ân ái không theo lễ giáo.

2. *Đuốc hoa:* do chữ *hoa chúc*. Vợ chồng lúc động phòng có treo cây đèn có hoa (hoa chúc). Chữ *chúc* nghĩa là đuốc hoặc đèn.

3. *Dùi sương:* chiếc dùi đánh cầm canh lúc đêm sương.

4. *Cải bén kim ưa:* ý nói hai bên gắn bó với nhau như cải với kim.

5. *Nhiệm lừa:* lừa lọc một cách mầu nhiệm.

6. *Vào tướng:* vào làm tể tướng ở triều đình.

7. *Rộng trau nền bình:* cố gắng làm cho nền bình trị của nhà vua được lan rộng khắp nơi.

8. *Vạc mai:* vua Cao Tông nhà Ân nói với Phó Duyệt: *"Nếu muốn nêm canh thì phải dùng ngươi làm muối làm mơ"*. Do đó người ta mới ví việc nêm canh bằng mơ, bằng muối với tài của Tể tướng điều hòa việc nước.

9. *Rau thuần:* (*thuần:* một loài sen). Theo *Tấn thư* Trương Hàn đang làm quan ở Kinh đô, một hôm gió thu bắt đầu thổi, nhớ tới quê nhà, ông liền bỏ quan mà về. Bạch Cư Dị mới có thơ rằng: *"Thu phong nhất trợ lô ngư khoái, Trương Hàn dao đầu hoán bất hồi"* (Gió thu thổi, nhớ tới một gắp đũa gỏi cá lô, Trương Hàn quyết lắc đầu, gọi cũng không quay trở lại).

Cả câu ý nói Lương công nhớ đến quê nhà.

http://tieulun.hopto.org

Làm chi một giấc lá hươu, [1]
Giằng nhau đầu gạc [2] ốc bưu [3] khó lòng.
Dẫn nhàn [4] bèn thỉnh ban rồng,
Đền xuân yến mở, cửa đông tiệc vầy. [5]
Vẻ tươi rờ rỡ gấm ngày, [6]
Cuộc cao dễ khiến bạn bầy ước phen. [7]
Có Lưu Lại bộ tác hiền, [8]
Là người bản huyện cũng xin viện lề. [9]
Duồng theo [10] một cữ thuyền về,
Sớm đua mái rẽ, [11] hôm kề bến neo. [12]
Pha phôi trăng mạn gió lèo,
Rộng ngâm vân thủy [13] vơi kèo yên ba. [14]
Hứng vui thóc mách chuyện nhà,
Họ Lưu một gái tự là Ngọc Khanh.

---

1. *Giấc lá hươu:* Sách *Liệt tử* chép có người nước Trịnh vào rừng kiếm củi, bắt được con hươu mới chết, liền lấy lá che giấu đi định khi về sẽ đem về nhà nhưng khi trở về lại quên mất chỗ giấu, tìm mãi không ra mới cho rằng là mình nằm mơ chứ không phải bắt được thật. Do điển này mà *giấc lá hươu* mới có nghĩa là giấc mộng (ví công danh như giấc mộng).

2. *Đầu gạc:* do điển trên nói đến hươu nên mới dùng *đầu gạc* để chỉ lợi lộc.

3. *Ốc bưu:* do chữ *oa giác* là sừng con sên (chỉ vật nhỏ mọn). *Oa giác công danh:* công danh nhỏ mọn, không đủ quý.

Cả câu ý nói một chút lợi cỏn con khó có thể ràng buộc được nhau.

4. *Dẫn nhàn:* tìm đến cảnh nhà bằng cách xin về hưu.

5. *Yến mở ... tiệc vầy:* ý nói vua thì mở yến tiệc trong cung để tiễn, các quan thì ra đến tận cửa Đông bày tiệc tiễn hành.

6. *Gấm ngày:* mặc áo gấm ban ngày mà về quê ý nói vẻ vang trở về làng khi hưu trí.

7. *Ước phen:* (*phen*: so sánh) ước sánh với.

8. *Tác hiền:* (*tác bạn:* bạn cùng lứa tuổi), bạn hiền.

9. *Viện lề:* (*lề:* do chữ *lệ* đọc nôm theo thanh bằng) dẫn lệ cũ ra, theo lệ thường xin về hưu.

10. *Duồng theo:* cũng như. Từ điển Génibrel đã dịch *duồng theo* là comme eux, comme lui.

Câu này ý nói cũng như Lại bộ họ Lưu cùng một lúc đi thuyền về.

11. *Sớm đua mái rẽ:* (chữ 杞 có thể phiên là *rẽ* hoặc *dẩy*) buổi sớm hai chiếc thuyền chèo rẽ nước đi.

12. *Hôm kề bến neo:* buổi tối hai chiếc thuyền lại đậu ở bến sông để nghỉ qua đêm.

13. *Vân thủy:* mây nước, ý nói hai ông già làm thơ vịnh cảnh mây nước.

14. *Yên ba:* khói sóng, ý nói hai ông già làm thơ vịnh cảnh khói sóng (khói tỏa ở các nhà ven sông, khói hoàng hôn).

http://tieulun.hopto.org

Tuần mười lẻ bảy xuân xanh,
Đọ mười dung hạnh đoan trinh vẹn mười.
Rõ tin Lương mượn chén mời,
Lấy lời thiểm khế [1] dạm lời thông gia.
Tiếng chàng Lưu cũng nghe xa,
Một lời cũng hứa một nhà định nên.
Dập dìu buồm nghĩa gió duyên,
Lòng tên [2] thuyền cũng như tên chiều lòng.
Non xuân [3] đã tỏ làn trông,
Đình bưu [4] còn trở tin thông chửa về.
Huyện nha vội dõi xảy nghe,
Trượng kỳ [5] nghinh tiếp sự lề sửa sang.
Giang đình chia ngả vinh hương, [6]
Xe an ngựa tứ [7] đài Lương lại nhà.

XXV. SAI BỘC TIẾP CHỦ

(Sai tớ đón chủ)

Phu nhân mừng rỡ xiết là
Đã truyền nhặt lối [8] tin xa rước chàng.
Tướng công dẫn sự dọc đường,
Gặp Lưu cao nghĩa được nàng đẹp đôi.
Chí tình thêm thỏa lòng vui,
Thiếp canh [9] vội đã sai môi [10] đệ trình.
Dựa trao một lễ cho đành,

---

1. *Thiểm khế:* (*thiểm:* tiếng khiêm xưng, *khế:* ý khí hợp nhau, *khế hữu* là bạn tốt hoặc *khế nghị* là làm bạn với nhau từ lâu đời) tình bạn bè lâu năm.

2. *Lòng tên:* lòng mong cho chóng về tới quê nhà được nhanh như mũi tên; do thành ngữ *quy tâm tư tiễn.*

3. *Non xuân:* như *non quê* chỉ quê nhà.

4. *Đình bưu:* (*đình:* cái nhà nhỏ, *bưu:* chuyển thư tín) nhà trạm.

5. *Trượng kỳ:* nghi trượng và cờ xí.

6. *Chia ngả vinh hương:* Lương công và Lưu công hai người chia tay nhau mỗi người một ngả mà vẻ vang trở về làng mình.

7. *Xe an ngựa tứ:* (*tứ:* xe bốn ngựa) xe êm có bốn ngựa kéo.

8. *Nhặt lối:* đi mau.

9. *Thiếp canh:* tờ thiếp có ghi rõ tên tuổi của mỗi bên trai gái.

10. *Sai môi:* sai người làm mối.

http://tieulun.hopto.org

Được ngày chẳng lọ chờ sinh dôi ngày.
Sinh từ vâng tiếp tin bay,
Giã em gởi mợ [2] sắp bày quy trang. [3]
Lại sang phụng biệt đài Dương,
Tiễn đưa ông mới dặn chàng sự duyên.
"Lời quê hãy gởi tôn tiền, [4]
Chẳng hiềm lều ngặt [5] vâng truyền chỉ trăng". [6]
Vội mừng ra lạy xui mừng,
Tạ từ thoắt lại băng chừng thú quen.

XXVI. LIỄU ÂM KHỐC BIỆT

(Khốc biệt nhau dưới bóng liễu)

Vừa khi Nguyệt viếng hoa viên,
Sự tình đã cậy rỉ truyền trước loan. [7]
Bằng nay vội gióng [8] Dương Quan, [9]
Diện từ xin giãi đài đan [10] một lời.
Chợt nghe nàng dễ rối bời,
Thềm lan lãng đãng [11] ngại dời gót lan. [12]
Lục giăng [13] tơ liễu nên ngàn,
Này ai kíp đã giở màn đình Cao. [14]

---

1. *Dôi ngày:* trễ ngày.
2. *Gởi mợ:* thưa với mợ là Diêu phu nhân để xin về nhà.
3. *Quy trang:* sửa soạn đồ đạc hành lý để về nhà, cũng như *hồi trang*.
4. *Gởi tôn tiền:* gửi đến thân phụ của Lương sinh.
5. *Chẳng hiềm lều ngặt:* ý nói chẳng hiềm nhà thanh bạch (*lều tranh)* cho con trai (Lương sinh) được kết duyên với con gái tôi.
6. *Chỉ trăng:* tơ hồng của Nguyệt lão.
7. *Loan:* (*loan nghi* hay *trướng loan*): cái màn có thêu chim loan chỉ Dao Tiên.
8. *Gióng:* sắp sửa (lên đường) .
9. *Dương Quan:* tên cửa ải. Thơ Vương Duy (đời Đường) đưa tiễn ông Nguyễn Nhị đi sứ đất Tây An có câu: *"Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu, Tây xuất Dương Quan vô cố nhân"* (Khuyên ông hãy uống cạn chén rượu này, ra khỏi Dương Quan ở phía Tây sẽ không có ai là bạn cũ nữa). *Dương Quan* sau được dùng để chỉ sự ly biệt.
10. *Đài đan:* (*đan:* đỏ) lầu đỏ, đài son. Nghĩa bóng chỉ lòng son.
11. *Lãng đãng:* lững thững, nói đi bộ chậm chạp không vội vàng.
12. *Gót lan:* cũng như *gót sen*, chỉ gót chân người con gái đẹp.
13. *Lục giăng:* nói tơ liễu giăng màn xanh biếc.
14. *Đình cao:* tức *Cao đình*. Thơ cổ có câu: *"Cao đình tương biệt xứ"* (Cao đình là nơi tiễn biệt nhau).

http://tieulun.hopto.org

Lời ông sinh vội bày trao,
Ý nàng còn sợ ba đào [1] khác chăng.
Càng khi diễn ngã khơi chừng. [2]
Càng xui chỉ đỉnh trỏ vừng [3] nặng gieo.
Song thơ [4] lại dặn buồng thêu: [5]
"Ngọc vàng mình hãy nâng niu lấy mình.
Rày mai kịp ruổi sứ xanh, [6]
Non quê dám lãng đinh ninh bây giờ".
Buồng thêu lại dặn song thơ:
"Sắt son lòng chớ thờ ơ nên lòng.
Sớm khuya miễn gắng chí hồng [7]
Cửa khuê [8] cho bõ trông mong đòi ngày".
Dứt bào [9] chả nỡ rời tay,
Non tà liễu đã tơ rây bóng vàng.
Cùng chia cùng giã bên đường,
Nửa cành cùng bẻ [10] bốn hàng cùng rơi.
Xa trông liễu khuất bóng người,
Ngại ngần năm bước chia mười về hiên

---

1. *Ba đào:* (*ba:* sóng nhỏ, *đào:* sóng lớn) nói những cảnh sóng gió vất vả, những việc bất trắc có thể xảy đến.

2. *Diễn ngã khơi chừng:* (*diễn* và *khơi* đều có nghĩa là xa) xa nhau.

3. *Chỉ đỉnh trỏ vừng:* chỉ đỉnh núi và trỏ vừng trăng mà thề nguyền.

4. *Song thơ:* chỉ Lương sinh (ở thư phòng).

5. *Buồng thêu:* chỉ Dao Tiên (ở buồng thêu).

6. *Sứ xanh:* chim xanh làm sứ giả, lấy tích trong *Hán Vũ Đế cố sự:* Một hôm vào ngày thất tịch có chim loan xanh tới đậu trước điện nhà vua. Đông Phương Sóc tâu rằng Tây Vương Mẫu sắp đến. Quả nhiên như vậy. Về sau người ta dùng *chim xanh, sứ xanh* để chỉ tin vui về nhân duyên.

7. *Chí hồng:* chí cao. Chim hồng là giống chim có sức bay cao và xa.

8. *Cửa khuê:* (*khuê:* cửa nhỏ) do chữ *Khuê môn,* cửa nhà trong, chỗ con gái ở.

9. *Dứt bào:* (*bào*: áo dài) rời bỏ vạt áo.

10. *Nửa cành cùng bẻ:* bẻ cành dương liễu. Thời xưa, ở Trung Quốc, mỗi khi đưa tiễn nhau người ta thường bẻ một cành liễu để tặng nhau như gửi cả mối tình vào đó.

Tự tình khúc: *"Khỏi cầu chiết liễu ai là cố nhân?"* (Cao Bá Nhạ).

http://tieulun.hopto.org

XXVII. HỒI GIA KIẾN PHỤ

(Về nhà thăm cha)

Thanh gươm cặp sách xuống thuyền
Phây phây mếch nặng đầy then [1] chở sầu.
Song bồng [2] gió vẩy mưa mau,
Trận nhàn [3] họp nhớ vi lau chia buồn.
Dòng xuôi một sợi nhường tuôn,
Đầu mui đã thấy hương thôn gần gần.
Vào hầu lạy trước nhà xuân [4],
Hương đưa mùi chén gấm nhuần vẻ bao [5].
Chuyện trò dặn dỗ thiếu đâu:
"Kỳ khu [6] cho kịp năm sau đã trường.
Nề chi định tỉnh [7] lệ thường,
Làm sao thân hiển danh dương [8] ấy là".
Phu nhân lại dạy chuyện nhà,
Đại khoa [9] nhân thể tiểu khoa cũng giờ.
Duyên Lưu mới kể sau xưa,
Lễ trao cho nhận thiếp đưa mọi lời.
Chợt nghe chợt mướt mồ hôi,
Vẳng tai nhường giữa lưng trời sấm vang.

---

1. *Then:* thanh gỗ dài bắc ngang từ bên này hông thuyền sang bên kia hông thuyền. Ở đây *đầy then* có nghĩa là đầy khoang.

2. *Song bồng:* cũng như *cửa bồng,* cửa thuyền (*bồng:* mui thuyền, chuyển nghĩa là cái thuyền).

3. *Trận nhàn:* viết *triện nhàn* là sai. *Trận nhàn:* đàn nhạn bay trên trời thành hàng, có khi là chữ nhất (一) có khi là chữ nhân (人) nên mới ví với hàng quân khi dàn trận.

4. *Nhà xuân:* do chữ *xuân đường. Xuân* là một thứ cây mọc trên núi, sống rất lâu cho nên mới dùng chữ ấy để ví với cha.

5. *Vẻ bao: (bao:* do chữ bào là cái áo đọc thành đoản thanh) vẻ áo.

6. *Kỳ khu:* gập ghềnh, ý nói phải chịu khó nhọc học hành.

7. *Định tỉnh:* do chữ *hôn định thần tỉnh,* buổi tối phải hầu cha mẹ cho định giấc ngủ, buổi sáng phải thăm hỏi cha mẹ xem có được khỏe không.

8. *Thân hiển danh dương:* thi đỗ tức là thân mình được *dương danh,* mình được *dương danh* thì cũng làm vẻ vang cho cha mẹ nên *Hiếu kinh* mới có câu: "*Hiển thân, dương danh, hiếu chi chung dã*" (làm vẻ vang cho cha mẹ, làm cho danh mình được lừng lẫy, đó là làm tròn được chữ hiếu vậy).

9. *Đại khoa:* tức *đại đăng khoa* là đi thi đậu, trái với *tiểu đăng khoa* là cưới vợ.

http://tieulun.hopto.org

Lẽ đành dễ dám trở cường [1],
Nhịn ngừng [2] gởi đã vội vàng về song.

XXVIII. ĐỐI NGUYỆT TỰ THÁN

(Tự than với trăng)

Trướng tô [3] hì hục hiên trong,
Há mình lật lọng hay lòng đơn sai [4].
Bẽ bàng trăng tối gió mai,
Vì ai làm dở dang ai ghê đường.
Người xa tường lẽ chửa tường,
Cửa thu [5] luống đợi tin sương [6] góc trời.
Tạc ghi lòng dễ đâu dời,
Dẫu lòng hầu dám cãi lời hai thân [7].
Năm canh cung nguyệt tính dần [8],
Năm lần xa tưởng năm lần vợi than.
Ông tơ thật cũng đa đoan [9],
Ba sinh [10] đợi ước ngọc hoàn [11] còn xa.

---

1. *Trở cường:* cãi lại, chống lại quyết định của cha mẹ.

2. *Nhịn ngừng:* nén cảm động mà ngập ngừng nói không ra lời.

3. *Trướng tô:* do chữ *lưu tô trướng* là cái màn có kết tua ngũ sắc. Thơ Vương Duy: *"Thúy vũ lưu tô trướng"* màn lưu tô màu xanh cánh trả.

4. *Đơn sai:* đơn bạc sai trái, không thực lòng.

5. *Cửa thu:* chữ *thu* ở đây ý nói về thời tiết chuyển đổi đã sắp tới mùa sương rồi, đã sắp có tin tức rồi.

6. *Tin sương:* do chữ *sương tín*. Hễ trời sắp rét, sương sắp sa thì chim nhạn bay ra vì thế biết tin sương xuống. Thường dùng để nói về cảnh muà đông hay dùng nghĩa bóng để chỉ tin tức. Đây ý nói đến tin tức mối lái.

7. *Hai thân:* tức *song thân* chỉ cha mẹ.

8. *Cung nguyệt tính dần: (cung nguyệt:* cung trăng) Lương sinh suy tính suốt đêm không ngủ.

9. *Đa đoan:* (*đoan:* đầu mối) nhiều mối, lôi thôi.

10. *Ba sinh:* ba kiếp sống của con người (kiếp trước, kiếp này và kiếp sau), nghĩa bóng là hẹn trước hay tiền định từ ba đời trước.

Truyện Kiều: Ba sinh âu hẳn duyên trời chi đây?

11. *Ngọc hoàn:* cái vòng bằng ngọc, nghĩa bóng chỉ mặt trăng tròn, ngụ ý đoàn viên.

http://tieulun.hopto.org

XXIX. VĂN HÔN MẠ TỲ

(Nghe tin kết hôn mắng con hầu)

Bóng câu [1] lần lữa ngày qua,
Đỉnh xuân [2] lốp lốp tuyết đà trắng ngân.
Cửa Dương vừa tiệc đản thần [3],
Lễ mừng Diêu cũng đem cần [4] trước sanh [5].
Thấy Diêu ông chợt hỏi sinh:
"Sinh về sao vắng phong thanh [6] tịn rày?"
Việc Lưu Diêu mới giải bày:
"Hẳn vì nhân sự [7] nên chầy chửa sang"
Nàng vừa sau bức rèm tương [8],
Bên tai một trận thê lương gió nào.
Gởi qua vội dạo gót vào,
Sóng dồi lớp lớp nhường chao bể lòng.
Vì ai lở đỉnh lấp dòng [9],
Đã đành gối lạnh chăn mong lầm người.
Tả lời Hương lại khuyên lời:
"Dù nơi nỡ phụ chi nơi luống chờ.
Nhị đào [10] vẹn vẽ [11] còn tơ,
Ví ra bướm lọc ong lừa [12] kém ai."

---

1. *Bóng câu: (câu:* ngựa tốt, còn non tuổi) ý nói thì giờ đi nhanh như bóng ngựa câu qua cửa sổ.

2. *Đỉnh xuân: (xuân:* cây xuân, một thứ cây sống rất lâu) chỉ cha già.

Cả câu ý nói cha nay đã già, tóc đã bạc trắng như tuyết.

3. *Đản thần:* (*đản:* sinh đẻ, *thần:* buổi sớm) cũng như *sinh nhật*, ngày sinh ra đời.

4. *Đem cần: (cần:* rau cần) do chữ *cần hiến* là dâng rau cần, lời nói khiêm khi tặng vật gì cho ai.

5. *Trước sanh:* trước *sảnh đường*, nhà lớn để tiếp khách.

6. *Sao vắng phong thanh:* sao không có hơi tiếng, tin tức gì.

7. *Nhân sự:* việc hôn nhân.

8. *Rèm tương:* (*tương:* thứ tre ban trúc, thứ tre có vằn) cái rèm (mành) bằng tre có vằn đẹp nhưng cũng có ý nói đến tình tương tư giữa đôi trai gái.

9. *Lở đỉnh lấp dòng: (đỉnh:* đỉnh núi) ý nói bị đổ bể, bị lỗi hẹn, lỗi thề.

10. *Nhị đào:* (*nhị:* phần ở trong hoa, đầu có phấn vàng và thơm) nhị của bông hoa đào.

11. *Vẹn vẽ:* hoàn toàn tốt đẹp (khác với *vẻn vẹn* có nghĩa là tất cả như *"vẻn vẹn trong túi chỉ còn ba chục đồng bạc"* (VNTĐ).

Cả câu ý nói Dao Tiên vẫn còn trong trắng, giữ nguyên được sự trinh tiết.

12. *Bướm lọc ong lừa:* bướm ong lừa lọc, ý nói có bị lừa dối, bị phụ tình.

Cả câu ý nói nếu người ta (Lương sinh) có giở thói lừa lọc thì tiểu thư vẫn cao giá kém gì ai.

http://tieulun.hopto.org

Thoảng nghe những tiếng trái tai,
Thét rằng: "Giống khéo dông dài [1] gớm chăng !
Vì đâu quyến gió rủ trăng [2],
Bây giờ còn dám xung xăng [3] múa lời.
Phận đàn bà ngỡ là chơi,
Một ngày tăm tiếng muôn đời thẻ quyên [4].
Mặc ai lạt dặn phai nguyền,
Tự ta tiết sạch danh tuyền với ta."
Tính nên Nguyệt mới chiềng qua:
"Cơ duyên cũng chửa dễ là quyết xong.
Hoặc chăng ép thế ép lòng,
Mặc đâu xin hãy thung dung nghĩ nào."

XXX. PHÒNG TRUNG HÓA VẬT

(Đốt các vật trong phòng)

Nàng nghe ngấn ngọc [5] thấm bào [6],
Phận đành là thế dù sao cũng đành.
Rối lòng tính quẩn toan quanh,
Lẽ gì mình tỏ cho mình chút vay.
Buồng riêng thức thức phô bày,
Lòng nào vui những vật này với ai.
Cầm [7] nào, kẻ biện thiêng tai [8],
Dù say, ai với ai nài điệu say?
Cờ nào kẻ đấu ngang tay,
Dù mê ai với ai vầy [9] cuộc mê?
Thơ nào kẻ họa vần quê,

---

1. *Dông dài:* nói dông nói dài, nói càn, nói bậy bạ.

2. *Quyến gió rủ trăng:* quyến rủ yêu thương nhau. Cả câu ý Dao Tiên mắng Vân Hương về cái tội xưa kia đã khuyên rủ nàng đem lòng yêu thương Lương sinh và thề nguyền cùng chàng.

3. *Xung xăng:* nói xằng, nói bậy.

4. *Thẻ quyên: (quyên:* lụa mộc) thẻ bằng lụa mộc, xưa chưa có giấy để ghi chép nên phải viết trên thẻ lụa, ý nói để tiếng lại đời sau.

5. *Ngấn ngọc:* ngấn nước mắt.

6. *Thấm bào:* thấm ướt áo.

7. *Cầm:* đàn cầm, thứ đàn xưa có năm dây.

8. *Kẻ biện thiêng tai: (biện:* xét rõ để phân biệt) kẻ sành nghe âm nhạc.

9. *Vầy: (vầy:* sum họp) vui vầy.

http://tieulun.hopto.org

Giấy kia dù xướng nên đề ai liên [1] ?
Vẽ nào kẻ nhận nét truyền,
Bút kia dù trạng [2] nên phiền ai xem?
Nào gương nào chỉ nào kim,
Nào ai mà để chi thêm bận bùng [3] !
Sạch sanh phó trận lửa nồng,
Dành chơi tiên thệ [4] ghi lòng để sau.

XXXI. VĂN GIA THĂNG NHẬM

(Nghe tin cha được thăng bổ nhậm)

Bập bùng chưa nguội bếp sầu,
Nhện đâu chợt mảng tin đâu trước mành.
Dương gia chuyển nhậm [5] thăng Kinh [6],
Đề huề [7] truyền dọn thủy trình [8] trẩy [9] ra.
Nỗi mình thêm rộn [10] nỗi nhà
Khi xa xa biết là xa mấy trùng.
Hành trang [11] vội sắp sửa xong,
Con thuyền chen chúc đua dong cánh lèo [12].
Giang thiên [13] tám bức [14] sầu treo,
Thành mai trận khói non chiều phiến mây.
Mạch phiền tuôn dội kể ngày,
Phượng thành [15] sáng mở nào hay đã gần.

---

1. *Ai liên: (liên:* tiếp hợp nhau, *liên đối:* hai câu viết đối nhau) ai làm bài đối lại.
2. *Trạng: (trạng:* hình trạng, bề ngoài của vật thể) vẻ ra hình thể.
3. *Bận bùng:* bận bịu, vướng víu.
4. *Tiên thệ:* tờ giấy hoa tiên ghi lời thề của hai người.
5. *Chuyển nhậm: (nhậm* chức vụ, gánh vác, cũng đọc là *nhiệm)* chuyển chức vụ.
6. *Thăng Kinh: (thăng:* lên, đi đến; *Kinh:* Kinh đô) về làm quan ở Kinh đô.
7. *Đề huề: (đề:* cầm, *huề:* dắt) mang dắt, hòa hợp, thân mật; đây có nghĩa là mang theo cả gia đình cùng đi.
8. *Thủy trình: (trình:* đường đi) đi đường thủy, đi thuyền.
9. *Trẩy:* đi xa.
10. *Rộn:* bận bịu, rối rít.
11. *Hành trang: (trang:* quần áo, đồ dùng) đồ dùng của người đi đường.
12. *Lèo:* dây buộc ở lá buồm để lựa theo chiều gió cho thuyền đi.
13. *Giang thiên:* cảnh trời ở bên sông.
14. *Tám bức:* tức *Tiêu Tương bát cảnh*. Ở đây ý nói cảnh vật ở sông này cũng đẹp không kém gì tám cảnh ở sông Tiêu Tương.
15. *Phượng thành:* Kinh đô.

http://tieulun.hopto.org

XXXII. THÁC QUYẾN TIỀN NHA

(Gởi gia quyến ở nha môn họ Tiền)

Cửa dinh [1] liễu mới rước xuân [2],
Biên thư [3] vừa thấy tấu văn bệ Thiều [4].
Bắc Hồ [5] nũng thói con kiêu [6],
Ruổi mù bụi ngựa trẩy theo ải Nhàn [7].
Sân phong [8] chọn mặt kể quan,
Lại sai Dương tướng ra hàn giậu biên [9].
Hịch lông [10] nhặt lối sao truyền [11],
Đành chăm việc nước hầu quên việc nhà.
Hàn lâm [12] sẵn có Tiền nha [13],
Với phu nhân một ruột rà [14] nề đâu [15].
Hãy sang tạm trú ít lâu,
Trỏ ngày dẹp giặc về chầu chẳng khơi [16].

---

1. *Cửa dinh:* cửa nơi dinh thự.

2. *Liễu mới rước xuân:* liễu mới đón xuân sang. Nếu giảng *dinh liễu* là tên một dinh thự ở đất Tế Liễu thì câu nệ điển tích quá.

3. *Biên thư:* thư ở biên giới gửi về.

4. *Bệ Thiều:* bệ rồng, nơi nghe cử nhạc Thiều. *(Thiều:* tên khúc nhạc trong cung vua Thuấn. *Kinh Thi* chép: *Tiêu thiều cửu thành phụng hoàng lai tân* (Cử khúc *Cửu thành* có chim phụng hoàng về chầu).

5. *Bắc Hồ:* rợ Hồ ở phương Bắc.

6. *Con kiêu:* do chữ *kiêu tử.* Sách *Hán thư* chép câu quốc thư của rợ Thuyền Vu gởi vua Hán rằng: "Phương Nam có nhà Đại Hán, phương Bắc có Cường Hồ, Cường Hồ là đứa con kiêu ngạo của nhà vua vậy".

7. *Ải Nhàn:* tức *Nhạn Môn Quan,* dựng từ đời Hán để ngăn rợ Hồ.

8. *Sân phong:* do chữ *phong đình, phong bệ, phong thần* chỉ sân trong cung điện nhà vua vì có trồng nhiều cây phong. Chữ này sau được dùng để chỉ chỗ vua ở hoặc triều đình. (Đời Hán trong cung điện có trồng nhiều cây phong. *Cây phong* là thứ cây có lá đỏ hồng hoặc vàng về mùa thu trông rất đẹp; nó không phải là cây bàng như có người đã hiểu lầm).

9. *Hàn giậu biên: (hàn:* gắn lại) trấn giữ vùng biên giới đã bị quân giặc đánh phá (coi đường biên giới như bức giậu ngăn chặn quân giặc).

10. *Hịch lông: (hịch:* lời hô hào, chiêu tập quân sĩ hoặc hiểu dụ nhân dân, kể tội quân thù) tờ hịch có cắm lông gà mà truyền đi, tỏ ý khẩn cấp.

11. *Sao truyền:* truyền lệnh đi mau ban đêm dưới ánh sao.
Truyện Kiều: Dưới cờ một lệnh vội vàng ruổi sao.

12. *Hàn lâm:* Hàn lâm viện để giữ việc khởi thảo các chiếu sắc hoặc giấy tờ trong triều.

13. *Tiền nha:* quan thự của họ Tiền.

14. *Ruột rà:* nói tình thân cùng máu mủ.

15. *Nề đâu:* chẳng ngại gì đâu.

16. *Chẳng khơi:* chẳng xa, chẳng lâu.

http://tieulun.hopto.org

Tiền nghe đón rước nhẫn nơi [1],
Vườn sau nhường chốn nghỉ ngơi thanh nhàn.
Chị em cậu cháu vầy đoàn,
Đành lòng Dương mới gióng an [2] (yên) cõi ngoài.
Một phương giăng vững thành dài,
Khinh không Hồ Yết [3] chi loài khuyển dương.

XXXIII. PHỤC VÃNG TRÀNG CHÂU

(Lại sang Tràng Châu)

Sinh từ náu [4] dặm phần hương [5]
Sắt son nhẩm bóng duềnh Tương [6] từng ngày.
Bụi đong [7] hộc hộc chở đầy,
Cánh nào đâu được ngỏ bày trước trang.
Phô sòng [8] gởi đến tôn đường [9],

---

1. *Nhẫn nơi:* đến nơi đến chốn.

2. *Gióng an: (an:* cái yên) lên đường, lên yên ngựa ra đi.

3. *Hồ Yết:* tên rợ ở xứ Hung Nô.

Cả câu *Khinh không Hồ Yết chi loài khuyển dương* nếu đặt theo đúng ngữ pháp Hán văn thì phải viết là *Khinh không Hồ Yết, khuyển dương chi loại.* (Coi khinh rợ Hồ Yết là loài chó dê).

4. *Náu:* nương náu, ẩn mình.

5. *Phần hương: (phần:* thứ cây trồng ở thôn quê, biểu hiện cho quê hương) nơi quê hương.

6. *Duềnh Tương:* tức sông Tương. Xem chú thích câu 343. Cả câu này ý nói Lương sinh vẫn một lòng chung thủy với Dao Tiên và vẫn nhớ nàng từng ngày không thể quên được.

7. *Bụi đong: (bụi:* chỉ sự khó chịu trong lòng). Lư Đồng đời Đường cất công ba lần đến thăm một vị cao tăng mà không gặp mới gửi lại một bài thơ trong có câu: *"Khát tâm quy khứ sinh trần ai"* (Lòng khao khát muốn gặp mà chẳng được nên lúc ra về sinh ra bụi bậm khó chịu).

8. *Phô sòng:* nói thẳng ra. Truyện Kiều: *Tình riêng chàng lại nói sòng.* Trong câu này, Lương Sinh đâu dám nói thẳng ra câu chuyện yêu đương của chàng với Dao Tiên mà chỉ nhân lúc có cha ở nhà, chàng xin phép thẳng với cha, không phải xin phép mẹ như mọi khi cha chàng đi làm quan xa.

9. *Tôn đường:* chỉ cha của Lương sinh, gọi một cách tôn kính.

http://tieulun.hopto.org

Tràng Châu xin lại tìm sang sân Trình [1].
Được lời tức tốc khởi hành,
Lối quen một lá lênh đênh nổi dòng.
Nước nguyền non dặn trùng trùng,
Phụ phàng no những [2] thẹn thùng nước non.
Vườn riêng gióng giả kíp đon [3],
Hồng còn chửa lạt thắm còn chửa phai.
Niềm thơm cỗi cụm chờ ai,
Đầy song tuyết điểm hoa mai trắng ngần.
Lẻn sang vội tiếng thú gần,
Sang thì vắng ngắt mấy lần cửa son.
Cỏ bờ khóm khóm xanh non,
Thạch kiều [4] lối quạnh dấu mòn rêu đơm.
Lảnh tàn [5] giá rã [6] rơi thơm [7],
Chồi sai thưa bẻ, khóm sờm vắng vin.
Biết ai hầu hỏi sự duyên,
Viên công [8] vừa thấy trong miền ló ra.
Men chào [9] dò hỏi gần xa,
Mới tường môn mạch [10] sự đà thăng Kinh [11].
Ngán xong lã chã đôi duềnh [12],
Tựa quanh khắp triện dạo quanh khắp tòa.
Băn khoăn quẩn trước đình Ba,
Rường [13] cao én dạo hiên tà nhện giăng.

---

1. *Sân Trình:* sân của Trình Tử, chỉ trường học. *Trình* tức Trình Di và Trình Hạo người đời Tống, cả hai anh em đều học một thầy là Chu Đôn Hy và đều tinh thông chư tử bách gia và các sách của thánh hiền. Lúc mất, Văn Ngạn Bác đề trên mộ Trình Hạo là *Minh Đạo tiên sinh.*

2. *No những:* đầy những.

3. *Kíp đon:* hỏi thăm gấp.

4. *Thạch kiều:* cầu đá.

5. *Lảnh tàn:* dây hoa leo bị tàn héo khô.

6. *Giá rã:* cái giá cho cây leo bị nát rã, bị mục nát.

7. *Rơi thơm:* rơi hết hoa.

8. *Viên công:* ông già làm vườn.

9. *Men chào:* lại gần chào hỏi.

10. *Môn mạch: (môn:* cửa nhà, chỉ gia đình, *mạch:* dòng họ) ngóc ngách mọi việc trong nhà.

11. *Thăng Kinh:* lên Kinh đô.

12. *Đôi duềnh:* hai hàng nước mắt tuôn trào ra như hai dòng nước, ý nói nước mắt chan hòa.

13. *Rường:* cột ở trên quá giang đỡ cái xà nhà.

http://tieulun.hopto.org

Tiên thơ vách hãy dăng dăng,
Lầu thơ cách mấy mươi tầng người thơ.
Nửa rèm lác đác hoa mưa,
Sân rêu này dấu thề xưa chỗ này.
Quặn riêng trăm nỗi chứa đầy,
Huyết dông cơn vựng [1] chây vây ngã đùng.
Lẹ làng vừa có viên công,
Tri hô [2] vội gọi gia đồng [3] thuốc thang.
Tỉnh ra mới vực về sương [4],
Giấc buồn chửa vợi mạch Tương [5] lại đầy.

XXXIV. VĂN DƯƠNG TAO KHỐN

(Nghe họ Dương gặp khốn)

Nàng từ nương ngụ bấy chầy
Ải mây [6] lần ngắm đóa mây dặm nghìn.
Chợt nghe Tiền cữu [7] báo tin,
Giặc Hồ nghiêng nước [8] vây miền Ngọc quan [9].
Dương công lũy mảnh quân đơn,
Miếu đường [10] chửa định mưu toan bời bời.
Phu nhân nghe biết rụng rời,
Tiểu thư lăn khóc rơi rơi xiết nào.

---

1. *Cơn vựng:* cơn choáng váng.
2. *Tri hô:* biết mà kêu gọi cho mọi người hay.
3. *Gia đồng:* đứa trẻ ở hầu hạ trong nhà, đứa trẻ theo hầu Lương sinh.
4. *Sương:* cái chái nhà, cái gian nhỏ ở hai đầu nhà như nhà ba gian hai chái..
5. *Mạch Tương:* (*mạch:* dòng, suối; *Tương:* tên một con sông) Lúc vua Thuấn chết, hai bà vợ là Nga Hoàng, Nữ Anh khóc ở sông Tương nên trong văn chương người ta dùng sông Tương để ví với nước mắt.

Truyện Kiều: Chưa xong điếu nghĩ đã đào mạch Tương.

6. *Ải mây:* cửa ải xa xôi như ở tận chỗ chân mây cuối trời.
7. *Tiền cữu:* (*cữu:* cậu) người cậu họ Tiền.
8. *Nghiêng nước:* ý nói mạnh có thể làm cho đất nước bị nguy khốn, triều đình bị nghiêng ngửa.
9. *Ngọc quan:* tức Ngọc Môn quan ở giáp giới miền Tây Vực.
10. *Miếu đường:* (*miếu:* cung điện thờ các vị vua đã mất; *đường:* nhà thờ) tôn miếu nhà vua. Còn có nghĩa là triều đình.

Truyện Kiều: Đã hay thành toán miếu đường.

http://tieulun.hopto.org

Luống sinh làm phận má đào,
Phải là tay thước [1] quản bao cát lầm !
Lậu khuya nước cạn [2] canh trầm,
Thôi lai láng tưởng lại thầm thì than.
Ải du [3] tin tức khơi ngàn,
Cửa bèo [4] nênh nổi nhà lan [5] lật lừa.
Sá bao thân mỏng như tờ,
Nợ bình sinh [6] nỗi tóc tơ [7] chửa đền.
Đêm đêm vừng nguyệt hoa đèn [8],
Võ vàng ve [9] lỏng xiêm tiên [10] đòi lần.

---

1. *Tay thước:* chiếc gậy gỗ dài và dẹt dùng để đánh. Cả câu ý nói nếu là con trai thì ra đầu quân đánh giặc dù có gian nan khổ sở cũng chẳng quản gì.

2. *Lậu khuya nước cạn:* (*lậu*: rỉ, rỏ giọt) cũng như nói đêm khuya khắc lậu. Ngày xưa người ta dùng một cái bình bằng đồng trong có để một cái thẻ khắc từng độ để chỉ thời gian. Nước đổ đầy bình rồi rỉ dần ra ngoài và người ta nhìn mực nước cạn theo từng độ khắc ở cái thẻ để biết thì giờ.

3. *Ải du:* do chữ *du tái, du quan* và xưa kia các cửa ải ở biên giới phía Bắc Trung Quốc có trồng cây du.

4. *Cửa bèo:* ý nói ở không ổn định, trôi nổi như cánh bèo trên mặt nước.

5. *Nhà lan:* do chữ lan giao, ý nói mối tình bạn bè rất tốt, tình đằm thắm như hương hoa lan.

Cả câu tả nỗi lòng của Dao Tiên đã buồn vì cảnh ở nhờ lại buồn vì nỗi người yêu lật lọng.

6. *Bình sinh: (bình:* thường, lúc bình thường) lúc sống ở trên đời. *Luận ngữ* có câu: *"Cửu yếu bất vong bình sinh chi ngôn"* (Điều cốt yếu là không quên lời nói trong lúc mình còn sống).

7. *Tóc tơ:* tóc và tơ là hai vật nhỏ dùng để ví với cái gì nhỏ nhặt. *Tóc tơ chửa đền:* chửa đền được một phần nhỏ, chửa đền được một tí gì.

8. *Hoa đèn:* tàu đèn, bông đèn tức bông tim đèn.

9. *Võ vàng ve:* ý nói thân gầy như xác ve.

10. *Lỏng xiêm tiên:* ý nói thân gầy nên mặc xiêm vào thấy lỏng đi.

http://tieulun.hopto.org

XXXV. DIÊU SINH KHUYẾN THÍ

(Diêu sinh khuyên đi thi)

Chàng thì mải mệt song vân [1],
Khắc quyên [2] lần đã gióng xuân sang hè.
Diêu sinh thăm viếng dã dề [3],
Lấy ngày thi cử ép bề cháo thang.
Dối quanh sinh một bàn ngang,
Bỏ liều nào nghĩ đến đường công danh.
Diêu rằng: "Dạy thế sao đành,
Lầu ban sáu kỷ [4] song huỳnh mười thu. [5]
Lại gì cho trọng hơn ru,
Mà xem muôn dặm vân cù [6] làm chơi.

---

1. *Song vân:* tức *vân song*, cửa sổ phòng đọc sách (*vân*: thứ cỏ thơm dùng để trừ mọt sách).

2. *Khắc quyên:* tiếng quyên kêu khắc khoải. Quyển *Việt Nam từ điển* của Hội Khai trí Tiến Đức trước đây và quyển *Từ điển tiếng Việt* của Nhà xuất bản Khoa học xã hội hiện nay đều giảng: *Quyên:* con cuốc, đỗ quyên nói tắt. Quyển *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của cũng giảng: "Cuốc": con quốc, thứ chim đồng cao giò và hay kêu, chữ gọi là *đỗ quyên, đỗ vũ* hay *tử quy*. Nhưng quyển *Từ điển Việt Hán* do Thương vụ ấn thư quán ở Bắc Kinh in năm 1960 lại cho rằng con cuốc không phải là chim đỗ quyên và đã ghi rằng: Cuốc: chim cuốc, đỗ quyên đích ngoa xưng. Nhận xét ấy là đúng vì con cuốc khác hẳn với con đỗ quyên.

Đỗ quyên là thứ chim thuộc loại phan cầm (leo cây) đuôi dài, lưng màu tro, bụng sắc trắng, không tự làm tổ lấy, đẻ trứng vào tổ chim oanh để chim oanh ấp và nuôi hộ. Tiếng chim quyên kêu réo rắt, khiến khách lữ hành dễ động lòng nhớ nhà. Tương truyền vua nước Thục là Đỗ Vũ thông dâm với vợ Biết Linh và truyền ngôi cho Biết Linh rồi bỏ nước mà đi. Sau khi chết, Thục Đế hóa thành chim đỗ quyên, nhớ nước, ngày đêm kêu mãi không thôi. Sở dĩ các cụ ta xưa đã lấy con cuốc để liên hệ với điển vua Thục Đế nhớ nước vì tiếng kêu "quốc, quốc" nó gợi cho ta nhớ đến nước tức *quốc ở* câu: *"Khắc quyên lầm đã gióng xuân sang hè!"* thì chữ *quyên* là chỉ con cuốc.

3. *Dã dề:* chuyện trò, chuyện vãn, mừng nhau.

4. *Lầu ban sáu kỷ: (ban:* màu sặc sỡ, *kỷ:* mỗi kỷ là 12 tuổi, sáu kỷ là 72 tuổi) ý Diêu sinh muốn nhắc cho Lương sinh phải nhớ ở nhà còn có cha già mà chàng có nhiệm vụ phải làm cho vui lòng như xưa kia Lão Lai đã mặc áo màu sặc sỡ mà múa cho cha mẹ vui lòng.

5. *Song huỳnh mười thu: (song:* cửa sổ, *huỳnh:* con đom đóm, *thu:* mùa thu, năm) mười năm đèn sách *(Song huỳnh:* ngày xưa Trác Dận không có đèn bắt đom đóm soi sáng mà học, chữ song huỳnh sau được dùng để chỉ phòng học).

6. *Vân cù: (vân:* mây, *cù:* đường) đường mây, chỉ đường công danh.

http://tieulun.hopto.org

Bể bằng chín vạn [1] bay khơi,
Bất bình dẫu việc tày trời cũng xong."
Phải lời sinh dễ chiều lòng,
Vả lòng cũng ngõi [2] kinh trung [3] tìm nàng.
Sử kinh lại gắng nghiệp thường
Ngọc càng thêm chuốt, vàng càng thêm trau.
Sắc thi [4] vang dậy đâu đâu,
Hồi trang [5] sinh mới ruổi mau thuận dòng.

XXXVI. ĐỒNG PHÓ THU VI

(Cùng đi thi khoa thi Hương)

Tôn sư [6] án khảo [7] vừa đông [8]
Lọt dùi [9] sớm đã tỏ nhòng [10] tiền xanh [11].
Tán hòe vàng [12] chợt xây cành [13],
Trước sân vào gởi đăng trình [14] ra thi.

---

1. *Bể bằng chín dặm:* Trong *Nam hoa kinh,* thiên *Tiêu dao du,* Trang Tử đã thuật rằng ở ngoài biển có chim bằng cất cánh bay được một mạch dài chín vạn dặm. Về sau trong văn chương dùng hình ảnh chim bằng bay xa ấy để chỉ người có chí lớn.
2. *Cũng ngõi:* cũng muốn.
3. *Kinh trung:* ở trong Kinh đô.
4. *Sắc thi:* sắc nhà vua mở khoa thi.
5. *Hồi trang: (hồi:* về, *trang:* đồ dùng, quần áo) sửa soạn hành lý để về nhà.
6. *Tôn sư:* người được thiên hạ tôn ngưỡng, chỉ thầy học.
7. *Án khảo: (án:* khảo xét) khảo xét và cân nhắc hơn kém.
8. *Vừa đông:* vừa tụ họp đông đủ.
9. *Lọt dùi:* ý nói tỏ rõ tài năng. Theo điển nói về *Bình nguyên quân và Mao Toại:* Bình Nguyên Quân (Triệu Thắng) là một vị tướng quốc thời Chiến Quốc, có tính hào hiệp, mời khách ăn trong nhà hằng ngày đến ba ngàn người. Khi nước Tần đem quân sang đánh Kinh đô Hàm Đan, ông có kén một đoàn tùy tùng để sang cầu cứu bên nước Sở nhưng tìm mãi vẫn thiếu một người. Mao Toại cũng là thực khách trong nhà xin đi tháp tùng, Bình Nguyên Quân tỏ vẻ ngần ngại bảo rằng: *"Người có tài cũng như mũi dùi ở trong tay áo, đầu nhọn của nó tất phải lòi ra. Vậy sao lâu nay không thấy ông lộ ra tài năng gì cả ?"* Mao Toại trả lời: *"Chuyến này đi rồi ông sẽ thấy".* Quả nhiên chuyến ấy Mao Toại đã làm nên việc.
10. *Nhòng:* từ cổ, có nghĩa là vai, lứa: một nhòng với nhau (V.N.T.Đ).
11. *Tiền xanh:* do chữ *thanh tiền,* lấy tích ông Trương Thốc đời Đường làm văn, bài nào cũng hay như chọn tiền xanh, chữ nào cũng đẹp.
12. *Tán hòe vàng:* do chữ *hòe hoa hoàng,* là nói đến mùa hoa hòe vàng, thời gian này ở vào mùa thu kỳ thi hương thường được mở ra.
13. *Xây cành:* tả cành lá mọc xoay tròn như cái tán (tán hòe).
14. *Đăng trình: (đăng:* lên, *trình:* đường đi) lên đường, ra đi.

http://tieulun.hopto.org

Dạy rằng: Mây gió gặp thì [1],
Ngòi dao [2] này hội nam nhi vẫy vùng.
Tiện cùng Diêu đệ cặp cùng [3],
Mựa đua rong rả [4] mà vong [5] tập rèn.
Bảng vàng sớm sớm bêu [6] tên,
Tiện đường kịp lại ruổi liền hội xuân [7].
Đi về lọ quấn dưới chân,
Hãy cho ba tiệp [8] trao lần rày mai,
Lĩnh lời dạy trước đình Lai [9],
Túi Đào tráp Lý [10] kíp dời trẩy sang.
Sắm sanh Diêu đã chờ chàng,
Đồ thư [11] đôi mạn, phong quang [12] một chèo.
Đòi nơi giốc sớm tơi chiều [13],
Văng câu mặt nước, quảy rìu [14] chân mây.
Cảnh thanh trải mấy nào hay,
Phồn hoa [15] dấu cũ nơi này Nam Kinh [16].

---

1. *Mây gió gặp thì:* do chữ *phong vân hội ngộ* là nói gió đi theo cọp và mây đi theo rồng, thường dùng để nói đến việc gặp may, gặp cơ hội tốt.

2. *Ngòi dao:* tức ngòi bút, do chữ *đao bút* vì ngày xưa chưa có bút người ta lấy dao nhọn làm bút để vạch vào thanh tre.

3. *Cặp cùng:* nói hai người cùng đi với nhau thành cặp (đôi).

4. *Mựa đua rong rả: (mựa:* chớ) chớ có đua đòi chơi bời bê tha.

5. *Vong:* quên.

6. *Bêu:* nêu lên cho mọi người trông thấy. *Bêu tên:* nêu tên.

7. *Hội xuân:* chỉ kỳ thi Hội thường mở vào mùa xuân.

8. *Ba tiệp: (tiệp:* đánh thắng, xong việc) ba tin mừng đỗ đạt, tức là đỗ cả ba khoa thi: thi Hương, thi Hội và thi Đình.

9. *Đình Lai: (đình:* sân) sân Lai, nhắc lại chuyện ông lão Lai, nước Lỗ, tuổi già đã 72 mà còn cha mẹ. Ông sợ cha mẹ lo buồn, thường mặc áo ngũ sắc làm như trẻ con ca múa cho cha mẹ vui. Sân Lai sau được dùng để chỉ sân nhà cha mẹ.

10. *Túi Đào tráp Lý:* túi và tráp của văn nhân lỗi lạc như Đào Tiềm, như Lý Bạch.

11. *Đồ thư:* tranh vẽ và sách học, chỉ chung sách vở giấy bút.

12. *Phong quang:* cảnh tượng, phong cảnh.

Cả câu ý nói chất đồ thư vào hai bên mạn thuyền trong khoang rồi cho thuyền đi mà cùng nhau ngồi ngắm cảnh.

13. *Giốc sớm tơi chiều: (giốc:* cái tù và), tiếng tù và buổi sớm và áo tơi mặc buổi chiều khi trời mưa; tả cảnh canh mục.

14. *Văng câu... quảy rìu:* tả cảnh ngư tiều.

15. *Phồn hoa: (phồn:* nhiều, *hoa:* hoa mỹ) chốn hoa mỹ náo nhiệt, chỉ nơi thành thị.

16. *Nam Kinh:* thời nhà Minh có hai Kinh đô. Ở Bắc Trị Lý có Bắc Kinh, ở Nam Trị Lý có Nam Kinh (nay thuộc tỉnh Giang Tô),

http://tieulun.hopto.org

XXXVII. THIÊN KHAI VĂN VẬN

(Vua mở khoa thi văn)

Y kỳ [1] đầu quyển [2] báo danh,
Trận thu cờ trống lũy thành một ai [3].
Mấy phen thử sức đua tài,
Tỉnh nguyên [4] giật giải tên bài [5] Diệc Thương [6].
Vòng năm [7] Diêu cũng chen hàng,
Gió đưa cờ tiệp [8] pha sương [9] nhặt truyền [10].
Trải tuần [11] yến ẩm lưu liên [12],
Ích đầu [13] lại hướng đài Yên [14] quày đầu.
Vui này dễ nhắc sầu đâu,
Nỗi riêng riêng chạnh đòi nau [15] một mình.
Đông về rỗ biếc [16] mòn xanh [17],
Núi gầy như vóc, sông quanh tựa lòng.
Phẩm đề [18] biếng giở thi đồng [19],

---

1. *Y kỳ:* đúng hạn định.
2. *Đầu quyển: (đầu:* đưa, ném vào) nộp quyển thi.
3. *Trận thu... một ai:* cả câu ý nói đi thi cũng không khác gì ra trận, nào bút nghiên, nào cờ, nào trống, nào lũy, nào thành, chẳng ai chịu nhường ai.
4. *Tỉnh nguyên:* đậu đầu kỳ thi Hương, tức Giải nguyên.
5. *Tên bài:* tên đề.
6. *Diệc Thương:* tên tự của Lương Phương Châu, tức Lương sinh.
7. *Vòng năm:* đậu thứ năm.
8. *Cờ tiệp:* cờ báo tin thi đậu.
9. *Pha sương:* ý nói rất sớm, lúc trời còn sương chưa tan hết.
10. *Nhặt truyền:* truyền đi thật mau chóng.
11. *Tuần:* mười ngày.
12. *Lưu liên: (lưu:* để lại, cầm lại) quyến luyến không nỡ dứt đi. Cả câu ý nói mở yến tiệc ăn mừng trong suốt mười ngày không ngừng.
13. *Ích đầu:* con chim ích (một loài chim nước) được vẽ ở đầu mũi thuyền.
14. *Đài Yên:* tức là Yên Kinh, tức Kinh đô phía Bắc của nhà Minh (đời vua Minh Thành Tổ).
15. *Đòi nau:* nhiều lần đau buồn.
16. *Rỗ biếc:* lá cây bị lốm đốm vàng hoặc đỏ.
17. *Mòn xanh:* màu xanh của lá cây bị biến đổi dần đi, chuyển dần sang màu vàng.
18. *Phẩm đề: (phẩm:* bàn bạc khen chê) phê lời khen.
19. *Thư đồng: (đồng:* ống tre tròn) ống đựng cuốn thơ.

http://tieulun.hopto.org

Thành xuân [1] đã tỏ mây lồng thức năm [2].
Hành trang [3] vừa dỡ lên giầm [4],
Mật sai vội đã cho thăm sự nàng.
Chỉ nghe xấm xuất [5] tin Dương,
Còn thì lưu lạc chửa tường biết nơi.
Rễ bèo chân sóng tuyệt vời,
Giận duyên xốc nổi xót người chơ vơ.
Việc thi nên cũng ơ hờ,
Cật kỳ [6] Diêu nói tận từ mới nghe.
Nẩy tài nhả bích phun khuê [7].
Nhẹ giương vây sóng, đua xè cánh mây [8].
Đất bằng một tiếng sấm rây [9],
Hai sinh đều dự bốn ngày nguy khoa [10].
Truyền lô [11] Lương lại Thám hoa [12],

---

1. *Thành xuân:* chỉ Kinh đô, mượn ý ở câu thơ của Hàn Hoành (đời Đường): *Xuân thành vô xứ bất phi hoa* (ở nơi Kinh thành về mùa xuân không chỗ nào là không có hoa bay).

2. *Mây lồng thức năm: (thức:* sắc) mây năm sắc phủ trên Kinh đô. Do chữ *ngũ sắc vân.* Ngày xưa cho rằng mây năm sắc đẹp lại điềm lành. Về đời Hán, lúc vua Hán Cao Tổ còn hàn vi thường trốn ở núi Mang Đường. Bà vợ đem cơm cho ăn, hễ trông thấy mây ngũ sắc ở nơi nào thì biết vua Cao Tổ ở dưới ấy.

3. *Hành trang:* đồ dùng đem theo lúc đi xa.

4. *Vừa dỡ lên giầm:* vừa dỡ lên khỏi giầm *(giầm:* ở đây là khoang thuyền, chỗ để hàng).

5. *Nghe xấm xuất:* nghe nói đi nói lại mà không rõ (H.T.C) *Xấm xuất* là tiếng cổ. Đào Duy Anh phiên âm là *xẩm xuất* và giảng là *phảng phất* thì không đúng hẳn.

6. *Cật kỳ:* đến cùng kỳ lý.

7. *Nhả bích phun khuê:* cũng như *nhả ngọc phun châu,* ý nói khen thơ hay từng chữ từng lời nói ra như nhả ra từng viên ngọc, phun ra từng hạt châu.

8. *Vây sóng... cánh mây:* ngụ ý nói may mắn đậu hạt như cá vượt sóng, như rồng gặp mây thì tha hồ vùng vẫy bay cao.

9. *Sấm rây:* sấm nổ inh tai.

Câu 1102 và 1103 mượn ý câu thơ chữ Hán: *"Vũ môn tam cấp lãng, bình địa nhất thanh lôi"* (ba đợt sóng vượt Vũ môn, một tiếng sấm dậy đất bằng).

10. *Nguy khoa: (nguy:* cao lớn) cũng như đại khoa tức khoa thi Hội và thi Đình.

11. *Truyền lô:* truyền tin bằng loa, xướng danh người đậu bằng loa.

12. *Thám hoa:* một trong ba bậc được chấm đậu trong kỳ thi Đình.

Thời xưa đậu thi Hội và thi Đình được chia ra làm ba cấp bậc cao thấp gọi là *giáp. Đệ nhất giáp:* trạng nguyên, bảng nhãn và thám hoa. *Đệ nhị giáp:* cũng gọi là hoàng giáp. *Đệ tam giáp:* cũng gọi là đồng tiến sĩ. Hoàng giáp như vậy là người đậu thứ tư.

http://tieulun.hopto.org

Diêu sinh Hoàng giáp cũng tòa á khôi [1].
Phấn vua lộc nước hương trời,
Đủ nơi biết tiếng, ninh người nghị duyên [2].
Đá đưa thêm khẩy tấc phiền,
Chén trăng [3] xưa đã nặng nguyền sá đâu.
Vinh quy [4] vừa định tuần sau,
Vừa tin biên báo [5] vội hầu quan sai [6].
Diêu ra quan chính [7] việc ngoài [8],
Lương vào Hàn uyển [9] thảnh thơi Ngọc đường [10].
Mé sau trúc thạch [11] sẵn sàng,
Liền công thự đấy là tường Tiền nha.

XXXVIII. HÀN UYỂN TRÙNG PHÙNG

(Gặp lại ở vườn Hàn)

Nàng từ tin ải [12] truyền xa,
Nỗi mình nỗi khách [13] xiết là bao nhiêu.
Trọn ngày khóa lặng song thêu,
Nguyệt Hương hay ý ép dìu ra chơi.
Trước hoa lẫn vẻ hoa dời,

---

1. *Á khôi: (á:* dưới một bậc, xấp xỉ; *khôi:* đứng đầu) người thi đậu vào hàng đệ nhị giáp.

2. *Ninh người nghị duyên: (ninh:* nhiều, cũng như nói ninh ních), nhiều người bàn chuyện nhân duyên, ý nói có người muốn gả con gái cho Lương sinh.

3. *Chén trăng:* chén rượu uống thề nguyền với nhau dưới trăng.

4. *Vinh quy: (vinh:* vẻ vang, *quy:* về) nói những người đỗ đạt vẻ vang trở về làng. Thời xưa đi thi, ai đậu tiến sĩ thì vua ban cờ biển cho về quê nhà gọi là vinh quy bái tổ.

5. *Biên báo:* tin báo từ biên thùy về.

6. *Hầu quan sai:* vâng lệnh quan trên sai phái thi hành chức vụ gì.

7. *Quan chính: (quan:* xem) coi việc chính trị.

8. *Việc ngoài:* thời xưa các quan làm việc ở Kinh đô gọi là làm *quan trong* còn nếu làm việc ở các tỉnh thì gọi là *quan ngoài.*

9. *Hàn uyển: (Hàn* hoặc *hãn:* ngòi bút lông, *uyển:* vườn) cũng như Hàn lâm. Ở Trung Quốc, đời Đường đặt Hàn lâm viện để giữ việc khởi thảo các chiếu sắc hoặc biên soạn trước tác những giấy má trong triều.

10. *Ngọc đường:* ngày xưa gọi Hàn lâm viện là *ngọc đường.*

11. *Trúc thạch:* cây trúc và đá (bài trí thành hòn giả sơn).

12. *Tin ải:* tin Dương tướng bị vây ở nơi quan ải.

13. *Nỗi khách:* nỗi buồn ở nơi đất khách. Dao Tiên đang ở nhà người cậu.

http://tieulun.hopto.org

Dưới trăng mếch bóng [1] trăng soi người sầu.
Cảnh đâu dễ nhắc lòng đâu,
Màng than tình cũ thêm sầu nỗi xưa.
Tiếng kiều [2] cao thấp gió đưa,
Tường trăng sinh cũng khi vừa dạo thanh [3].
Than đâu lảnh lọt [4] màu oanh,
Hoa say hạc ngủ vắng thênh dấu tìm.
Đá tòa trông cạnh vũng thiềm [5],
Cách tường gió lướt bóng xiêm một người.
Bào đơn [6] lén lút ngấn rơi [7],
Phải nàng song dáng có hơi gầy gầy
Nguyệt Hương cũng tới sao đây,
Ruột tằm [8] gan bẻo [9] đòi giây phập phồng.
Tình nữa bể [10], núi bằng lông [11],
Vin theo cành đỡ quyết xông qua tường.
Chợt đâu động lũ kinh hoàng,
Báo danh đã tỏ tiếng chàng tới sau.
Mấy niềm tan hợp bởi đâu,
Sóng thu [12] cũng nhễ [13] cơn ngâu nữa dòng [14].
Bặt ngừng [15] sinh mới tự lòng:

---

1. *Mếch bóng: (mếch:* làm cho chếch mếch, đơn chiếc) lẻ bóng, đơn chiếc (H.T.C).
2. *Tiếng kiều: (kiều:* con gái) tiếng người con gái.
3. *Tường trăng... dạo thanh:* bên tường dưới trăng đi dạo mát.
4. *Lảnh lọt:* tiếng thanh cao (H.T.C).
5. *Vũng thiềm:* hồ nước có bóng trăng in.
6. *Bào đơn:* áo đơn.
7. *Lén lút ngấn rơi:* ý nói khóc thầm, một mình buồn bã mà rơi lệ.
8. *Ruột tằm:* ruột rối như tơ tằm.
9. *Gan bẻo:* gan héo lại chỉ còn một chút, ý nói thắt gan lại.
Ruột tằm gan bẻo: ruột rối gan thắt lại.
10. *Tình nữa bể: (nữa:* hơn cả) tình nhiều hơn cả nước biển.
11. *Núi bằng lông:* núi nhẹ như sợi lông.
12. *Sóng thu:* do chữ *thu ba,* sóng mùa thu. Mắt con gái long lanh sáng trong như sóng mùa thu.
13. *Nhễ:* nước mắt nhễ nhại, chảy chan hòa.
14. *Cơn ngâu nữa dòng:* nước mắt chảy còn hơn cả mưa ngâu (nhắc đến chuyện vợ chồng Ngâu gặp nhau đêm thất tịch sụt sùi khóc).
15. *Bặt ngừng:* ngưng hẳn, không khóc nữa.

http://tieulun.hopto.org

"Bấy nay xa nhắc diễn trùng [1] nước mây [2]."
Nàng nghe thêm thổn thức đầy,
Đỡ lời vội đã kể bày tóc tơ:
"Tài lang [3] nào phải như xưa,
Mệnh sang duyên thắm thừa lưa mọi đường,
Tiếc thay sương tuyết cũ càng [4],
Lối duyên bao ngỡ tự chàng rắc chông [5].
Quản bao một tiết giá trong,
Đành thân kia vậy sao lòng ấy đang.
Dù bo bo chút phận thường,
Giữ bền một nghĩa nghìn vàng chửa sai.
Thề hoa vả tiếng hơi hơi,
Cũng còn lòng kẻo thẹn lời với hoa.
Duyên đâu từ mảng tin đà,
Buồng riêng mấy vật cũng thà tay châm [6].
Một thân xưa đã quyết thầm,
Nhện vương dễ mấy phen lầm nữa vay.
Tiện đây ngỏ chút niềm tây [7],
Rồi đây xin chớ nghĩ đây chi là.
Ngày thơm khúc mới xoang hòa,
Đành tơ kia thắm, đành hoa nọ hồng.
Một vùng bờm ngựa trăng trong [8],
Dám năn ai [9], lại năn lòng thế thôi."
Tựa lơn so bóng nghẹn lời,
Trăng mờ hoa lặng dế rời khúc ngâm.
Chiều người chiều cảnh bao kham [10],
Sinh càng đôi giọt dầm dầm như chan.
Sụt sùi nửa chối nửa van,

---

1. *Diễn trùng:* xa cách nghìn trùng.
2. *Nước mây:* mặt nước chân mây, chỗ xa xôi.
3. *Tài lang:* chàng tài tử.
4. *Sương tuyết cũ càng:* ý nói mối tình trải qua năm tháng đã cũ càng và lạnh nhạt.
5. *Chông:* chông gai, ý nói gây ra những trở ngại, rắc rối.
6. *Tay châm:* tay đốt bỏ đi.
7. *Niềm tây:* mối nghĩ riêng trong lòng.
8. *Bờm ngựa trăng trong: (bờm ngựa:* do chữ *mã lạp phong* là một kiểu đắp phần mộ như hình bờm ngựa), nghĩ đến cảnh bóng trăng sáng chiếu xuống phần mộ của mình.
9. *Dám năn ai:* đâu dám than trách với ai.
10. *Kham:* chịu đựng.

http://tieulun.hopto.org

Rằng: "Khuôn kia vậy nào can sức người.
Mấy phen ước giãi một lời,
Cầu Lam nào dễ biết nơi thăm dò.
Tấc niềm trời đất thương cho,
Gặp nay biện chút tình do họa là.
Kể từ đài liễu [1] dời xa,
Cửa Lưu khi ép đình Ba khi tìm.
Bắc Nam dặm dứt đường chim [2],
Vì ai bèo nổi mây chìm [3] nấy lâu.
Trúc gầy mai võ sá đâu,
Nghĩ chăng những nghĩ lầm nhau bởi mình.
Hay đâu cơ hội còn dành,
Gác Hàn [4] lại rủ gió thanh đem đường.
Buổi này họp mặt tròn gương,
Còn ngờ đâu giấc Cao đường [5] thuở say.
Nhân sao nương ngụ chốn này?
Những sao nông nỗi bấy nay dạy cùng."
Tỏ nghe nàng dễ não nùng [6],
Ai hay lòng cũng còn lòng chửa quên.
Thấy âu là nợ là duyên,
Gió duồng mưa dẩy cho nên cớ nào.
Sự mình bày mọi tiêu hao [7],
Đã đành chiếc bách sóng đào [8] lênh đênh.
Thiết thay muôn dặm biên thành [9],
Xa xôi nào thấu dữ lành tin hơi

---

1. *Đài liễu:* chỉ chỗ Dao Tiên ở.

2. *Dứt đường chim:* không còn nhìn thấy đường chim bay, ý nói xa cách không có tin tức gì.

3. *Bèo nổi mây chìm:* cánh bèo trôi nổi trên dòng nước, bóng mây chìm dưới đáy sông, hình dung cảnh lưu lạc gian khổ.

4. *Gác Hàn:* mượn ý của gác Đằng Vương để nói đến sự may mắn được gặp lại Dao Tiên.

5. *Giấc Cao đường:* giấc mộng thấy người đẹp.

6. *Não nùng:* buồn giận, thảm sầu (H.T.C).

7. *Tiêu hao: (tiêu:* tiêu tức, tin tức, *hao:* tin tức) tin tức.

8. *Chiếc bách sóng đào: (bách:* cây bách, vì chiếc thuyền làm bằng gỗ bách nên cũng gọi chiếc thuyền là chiếc bách, *đào:* sóng lớn) chỉ người đàn bà con gái gặp phải cuộc đời chìm nổi.

9. *Biên thành:* thành trì ở ngoài biên giới.

http://tieulun.hopto.org

Xót lời nên phải cạn lời,
Gặp nhau cùng khách quê người biết sao.
Sinh nghe tình cũng thêm hào [1],
Lẽ này đã quyết dạ nào ninh ninh [2]:
"Bụi Hồ một sức quét thanh [3],
Công nên may được duyên lành cũng nên."
Càng xui cảm kích [4] cần quyền [5],
Ngành than ngọn thở nhường quên bóng dời [6].
Giục khuya hoàn cũng khuyên lời:
"Hiểu trang [7] lầu nọ tiếng người ban đông.
Biệt ly ai vẽ nên lòng,
Tình khi chẳng nỡ đoái trông mới càng."
Kẻ về người lại sảnh đường [8],
Liền đèn thảo biểu tan sương [9] tiến triều.

XXXIX. PHỤNG CHỈ CHINH PHIÊN

(Vâng chỉ vua đi đánh Phiên)

Lãm qua [10] ban doãn [11] lời tâu,
Cờ sai gươm hộp [12] quyền dầu tiện nghi [13].

---

1. *Thêm hào:* thêm mạnh mẽ, phấn khởi.
2. *Dạ nào ninh ninh:* dạ nào mà chẳng đinh ninh.
3. *Quét thanh:* quét sạch.
4. *Cảm kích:* trong lòng có điều cảm động mà kích phát lên.
5. *Cần quyền:* khẩn khoản về một việc, ân cần và gắn bó.
6. *Bóng dời:* bóng trăng đã chuyển dời, đêm đã khuya.
7. *Hiểu trang: (hiểu:* buổi sáng) trang điểm lúc buổi sớm.
8. *Sảnh đường: (sảnh:* chỗ làm việc quan, *đường:* ngôi nhà) chỗ công đường.
9. *Tan sương:* còn sớm (khi trời mới tan sương).
10. *Lãm qua:* xem qua.
11. *Ban doãn: (doãn:* bằng lòng cho) ban lời bằng lòng, chấp thuận.
12. *Cờ sai gươm hộp: (sai:* khiến một người đi nơi nào để làm việc quan) cờ vua trao cho để được quyền điều khiển và gươm để trong hộp tượng trưng cho uy quyền của nhà vua ủy thác cho.
13. *Quyền dầu tiện nghi: (tiện nghi:* thuận tiện nên làm thế nào thì làm sao cho thích hợp) quyền được mặc dầu thi hành công việc không cần phải đợi mệnh lệnh của nhà vua.

http://tieulun.hopto.org

Lệnh sao [1] ruổi phát tức thì,
Tinh binh [2] mười vạn thuộc tùy [3] trăm viên.
Bệ từ [4] vâng chỉ đặc truyền [5],
Ầm ầm ngựa gác [6] xe chen khải hành [7].
Mịt mù dặm cát đồi tranh,
Cùng nhau khi nặng vì tình chút nao.

XL. LƯƠNG SINH BỊ KHỐN

(Lương sinh bị nguy)

Ải xa mấy trận quyết giao,
Quân tiên [8] quá đất lầm vào thành không.
Súng đâu gọi phục [9] đùng đùng,
Bốn bên đánh giáp [10] ba vòng bọc quanh.
Hư truyền [11] đã chết Lương sinh,
Để thu rải rác tàn binh bốn bề.
Quân thua hoảng hốt tin về,
Truyền sai biệt tướng [12] kíp đề trọng binh [13].
Tiện hay [14] các việc biên đình [15],
Quân lương [16] Diêu cũng tại hành trẩy ra.

---

1. *Lệnh sao:* lệnh ban xuống phải ruổi mau cả ban đêm (dưới ánh sao).
2. *Tinh binh:* quân lính tinh nhuệ.
3. *Thuộc tùy:* quân sĩ dưới quyền.
4. *Bệ từ:* trước bệ rồng ra đi dẹp giặc.
5. *Đặc truyền:* truyền lệnh đặc biệt.
6. *Ngựa gác:* ngựa đóng vào xe.
7. *Khải hành: (khải:* mở) mở đường đi, lên đường.
8. *Quân tiên:* quân tiên phong, tức đội quân đi đầu ra trận.
9. *Gọi phục:* làm hiệu cho phục binh bất thình lình xông ra đánh.
10. *Đánh giáp:* tức đánh giáp lá cà, khi quân hai bên xông vào đâm chém nhau.
11. *Hư truyền:* tin truyền không đúng sự thực.
12. *Biệt tướng:* tướng đặc biệt có tài.
13. *Đề trọng binh:* đem quân mạnh có khí giới nặng.
14. *Tiện hay:* tùy tiện theo các tin biết được.
15. *Biên đình: biên giới, biên thùy*, chỗ giáp giới với nước ngoài.
16. *Quân lương:* quân vận chuyển lương thực.

http://tieulun.hopto.org

XLI. BIỆT CẤM [1] GIẢI LƯƠNG

(Từ biệt mợ đi vận lương)

Mới nghe mợ trú Tiền nha [2],
Vấn an [3] tiện thể cáo qua [4] lên đường.
Việc biên [5] nói chuyện tin Lương,
Chực sau Hương đã rõ ràng tai nghe.

XLII. VÂN HƯƠNG BÁO CHỦ

(Vân Hương báo tin cho chủ)

Tốc vào [6] rỉ mách buồng khuê [7],
Vẳng tin [8] nàng chợt ngã kề bên loan [9].
Lầu trong nhấm khóc [10] chùng than [11],
Quyết ngay [12] nào sá lời can lẽ nài.
Vì ai cho luỵ đến ai,
Thì liều phận bạc dám sai chữ đồng [13].
Cháo hồ [14] quyết chẳng đụng lòng,
Nguyệt đà cạn lẽ riêng chung [15] nài nì.
Chiềng: Nào thôi đã vậy thì,
Dẫu liền đâu nữa ích gì đấy chăng.

---

1. *Biệt cấm:* từ biệt mợ.
2. *Trú Tiền nha:* ở tại chỗ quan thự của họ Tiền.
3. *Vấn an:* hỏi thăm xem có bình yên không.
4. *Cáo qua:* báo cho biết.
5. *Việc biên:* việc mà Diêu sinh thuật lại cho Dương phu nhân nghe ở đây là việc Lương sinh tử trận ở biên thùy.
6. *Tốc vào:* chạy mau vào.
7. *Buồng khuê: (khuê:* cửa nhỏ) buồng trong, chỗ con gái ở, đây chỉ Dao Tiên.
8. *Vẳng tin:* mới thoảng nghe được tin.
9. *Bên loan:* bên gối có thêu chim loan.
10. *Nhấm khóc:* khóc âm thầm.
11. *Chùng than: (chùng:* lén lút. H.T.C) than vụng, than thầm.
12. *Quyết ngay:* quyết liều chết ngay.
13. *Chữ đồng:* tức đồng *sinh đồng tử,* cùng sống cùng chết với nhau.
14. *Cháo hồ: (hồ:* cháo loãng quấy bằng bột để cho người yếu ăn. V.N.T.Đ) chỉ chung các loại cháo nấu bằng gạo hay bằng bột.
15. *Riêng chung:* riêng đối với Dao Tiên và chung đối với gia đình, nhất là với Dương phu nhân.

http://tieulun.hopto.org

Tình kia non bể [1] thực rằng,
Tình kia song lại nhắc bằng hiếu kia.
Gìn mình ngọc tạc đá bia [2],
Mới là hai lẽ cân chia lưỡng tuyền [3].
Chấp mê [4] nàng đã đâu tin,
Gỡ lần Hương lại kề bên rén bày:
Đào kia dành trả mận này [5],
Nghĩ chăng đợi ít lâu đây ông về.
Cho phu nhân chút hả hê,
Vẹn tròn khi ấy chi hề dám ngăn.
Phải lời nàng cũng gắng dần,
Ngày lề ôn sảnh [6] đêm tuần khói hương [7].

XLIII. VĂN LƯƠNG THÂN TÁNG

(Nghe tin Lương sinh chết)

Lầm tin chẳng một nỗi nàng,
Dặm khơi [8] lại nỗi đài Lương [9] ở nhà.
Vừa mừng dịch tiệp truyền ba [10],
Vừa nghe trần thỉnh [11] xe đà hành biên [12].

---

1. *Non bể:* do chữ *thệ hải minh sơn,* chỉ núi chỉ biển mà thề với nhau tức là nặng thề với nhau.

2. *Đá bia:* lòng giữ bền như bia đá khó mòn.

3. *Lưỡng tuyền: (tuyền* hoặc *toàn)* trọn vẹn cả hai mặt.

4. *Chấp mê:* do chữ *chấp mê bất ngộ,* cố chấp lấy ý kiến mà mình đã nhầm lẫn, dầu có nói thế nào cũng không tỉnh ngộ.

5. *Đào kia... mận này:* bài *Ức* trong *Kinh Thi* có câu *"Đầu ngã dĩ đào, báo chi dĩ lỹ"* nói về việc trai gái lấy đào và mận tặng lẫn nhau. Ở trong câu này và câu sau Vân Hương muốn nói với Dao Tiên rằng nếu nàng có muốn tìm cái chết để tạ lòng Lương sinh thì cũng nên đợi ít lâu nữa ông về sẽ hay.

6. *Ôn sảnh:* tức *đông ôn hạ sảnh,* mùa đông thì ấp lạnh, mùa hè thì quạt nồng, ý nói hầu hạ chăm nom mẹ.

7. *Khói hương:* cúng lễ cho Lương sinh.

8. *Dặm khơi:* chỉ sự xa xôi cách trở.

9. *Đài Lương:* chỉ Lương công ở nhà.

10. *Dịch tiệp truyền ba: (dịch:* dùng ngựa trạm để đem công văn, thư từ; *tiệp:* báo tin tức thắng trận) ba lần có tin trạm báo con thi đậu.

11. *Trần thỉnh:* tâu bày để xin với vua.

12. *Hành biên:* đi dẹp giặc nơi biên giới.

http://tieulun.hopto.org

Lại nghe Ngân Lộc [1] khống truyền [2],
Xót lòng huống những xây phiền đắp thương.
Thực hư ai biện đấy tường,
Lễ chiêu [3] tuần điện [4] mua đường xinh sao.

XLIV. NGỌC KHANH TƯ TIẾT

(Ngọc Khanh giữ tiết)

Cửa Lưu cũng ngỡ thật nào,
Ngọc Khanh tin dạ xiết bao nghẹn ngừng [5].
Khóc than chút chẳng dè bưng [6],
Đổi màu xiêm sắc kém thưng [7] bữa vàng.
Lũ hoàn [8] khuyên dỗ mọi đường,
Tối nằm đứt nối [9] là thường nghĩ nao [10].
Thấy lời kia nọ xôn xao,
Dạy rằng: "Ngọc đá vời nào ví von.
Cương thường [11] treo nặng núi non,
Cánh còn kẻ chặt [12], hố còn kẻ gieo [13].

---

1. *Ngân Lộc:* tên người hầu Nhan Trân Khanh đời Đường, tuy suốt đời hoạn nạn mà không bỏ chủ. Về sau người ta dùng tên ấy để chỉ người nghĩa bộc.

2. *Khống truyền: (khống:* cáo mách) truyền báo tin.

3. *Lễ chiêu:* lễ chiêu hồn.

4. *Tuần điện:* tuần cúng cơm người chết.

5. *Nghẹn ngừng:* nghẹn ngào, ngập ngừng nói chẳng ra lời.

6. *Dè bưng: (bưng* tức *bâng* có nghĩa là bưng bít, giấu kín) e dè giữ kín.

7. *Thưng:* do chữ *thăng* đọc trạnh ra; đồ đong lường bằng một phần mười cái đấu: *Kẻ đầy thưng khinh người lưng bát.*

8. *Hoàn: a hoàn:* người đày tớ gái.

9. *Tối nằm đứt nối:* tục ngữ có câu : *Đứt thì nối, tối thì nằm,* ý nói chồng chết thì lại lấy chồng khác là chuyện dĩ nhiên. *(Đứt nối* là ý nói đến dây đàn bị đứt được nối lại. Người xưa lấy đàn cầm đàn sắt tượng trưng cho tình vợ chồng).

10. *Nghĩ nao: (nao:* nào) nghĩ làm chi nào.

11. *Cương thường:* tam cương và ngũ thường. *Tam cương:* (cương: cái dây lớn ở cái lưới, điều cốt yếu) ba mối: vua tôi, cha con, vợ chồng. *Ngũ thường:* năm điều thường phải giữ gìn: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

12. *Cánh còn kẻ chặt: (cánh:* cánh tay) vua Liêu Thái Tổ chết, Hoàng hậu đến chùa Nghĩa Tiết chặt một cánh tay đem để ở lăng vua. Kính phục thái độ ấy của Hoàng hậu, người ta cho xây ở chùa một lầu kỷ niệm gọi là Đoạn Uyển lâu (*uyển:* cổ tay)

13. *Hố còn kẻ gieo:* vợ Trần Trọng đời Đường là Trương thị gặp giặc không chịu nhục, nhảy xuống hố sâu tự tử.

http://tieulun.hopto.org

Mười phần trinh liệt [1] chẳng nao [2],
Chẳng mười chăng cũng phen theo một vài.
Màng bao giấy mỏng thói đời [3],
Đợi tuần ráo cỏ [4] chê cười bằng không.
Nói nên lời, ở nên lòng,
Sẻ đàn đâu biết chim hồng [5] chí cao.
Mấy lời kia nọ ghê sao,
Chiều lòng dám lại rêu rao trình bày.

XLV. LƯƠNG SINH NGHỊ KẾ

(Lương sinh bàn kế)

Nàng thì rười rượi tháng ngày,
Hay đâu sinh hãy trong vây [6] giữ gìn.
Vỗ về [7] lẽ khích [8] lời khuyên,
Đắp cao lũy nghĩa, chống bền giậu trung.
Tính lương Hồ những để rông [9],
Chắc tay cá lưới chim lồng [10] vội đâu.

---

1. *Trinh liệt:* trung trinh và tiết liệt (kiên trinh, dám chết để giữ trọn lòng trong sạch với chồng).

2. *Chẳng nao:* chẳng thấy tinh thần, ý chí bị dao động.

3. *Giấy mỏng thói đời:* ý nói thói đời đơn bạc.

4. *Tuần ráo cỏ:* nói đến thời gian người đàn bà góa chồng phải chờ đợi để được tái giá. *Kim cổ kỳ quan* chép rằng: Trang Tử một hôm đi chơi ngoài cánh đồng gặp một người đàn bà mặc tang phục đang lấy quạt quạt mồ. Trang Tử hỏi thì người ấy đáp: "Chồng tôi trước khi chết có dặn tôi rằng phải chờ cho đến khi cỏ xanh trên mồ khô héo đi mới được lấy chồng khác, nên tôi phải quạt mồ cho đất khô để cỏ chóng héo". Do chuyện này mới có từ *ráo cỏ,* như kể trên.

5. *Sẻ đàn... chim hồng:* do câu *"Yến tước an tri hồng hộc chí"* (Chim én chim sẻ sao biết được cái chí của chim hồng chim hộc, ý nói kẻ tiểu nhân sao biết được chí khí kẻ anh hùng. Câu này Dao Tiên muốn nói rằng kẻ tầm thường làm sao biết được tấm lòng trung trinh của mình.

6. *Trong vây:* trong vòng vây.

7. *Vỗ về:* yên ủi, làm cho yên lòng.

8. *Lẽ khích:* lẽ khêu cho nức lòng, cho có ý chí chiến đấu.

9. *Để rông:* ý nói không canh phòng cẩn thận, bỏ lỏng sự kiểm soát (*rông:* ở trong tình trạng buông lỏng).

10. *Cá lưới chim lồng:* cá mắc trong lưới, chim nhốt trong lồng không còn chạy đi đâu được nữa. Đây ý nói đã bị bao vây không thoát ra được nữa.

http://tieulun.hopto.org

XLVI. LƯU PHỦ BỨC HÔN

(Phủ Lưu bức kết hôn)

Tương trì [1] cũng chửa bao lâu,
Gớm lòng Lưu nữ [2] hiểm sâu nên lòng.
Vội lo măng lỡ cải vồng [3],
Trả đồ cho rể, kén chồng cho con.
Họ Lam công tử danh đồn,
Nghe hơi sai mối đến đon [4] chỉ hồng [5].
Hấp [6] mừng bà vội gởi ông,
Biết con đã dặn xem lòng nó xưa [7].
Đòi nàng khuyên dỗ bấy giờ,
Rén quỳ thoắt đã tuôn mưa đôi hàng:
Chút thân từng nấy [8] cửa Lương,
Xót thay đống cỏ chiến trường còn tươi [9].
Yến kia bay chiếc [10] lọ người,
Dung cho quấn chiếu [11] trọn đời là cam [12].
Lời ngay dễ lật ý tham,
Mối càng hay cặp hay càm [13] bàn ngang.
Uốn môi hết tấc khoe khoang,
Nói giàu bằng bể, nói sang đến trời.

---

1. *Tương trì:* (*tương:* cùng nhau, *trì:* giữ) giữ nhau, giằng co nhau, không chịu nhường nhau.

2. *Lưu nữ:* chỉ Lưu phu nhân, mẹ Ngọc Khanh.

3. *Măng lỡ cải vồng:* măng đã già (quá lứa) cải đã ra hoa, ý nói con gái đã lớn tuổi, đã quá thì.

4. *Đon*: hỏi dò, thăm chừng.

5. *Chỉ hồng:* nói đến việc xe duyên vợ chồng. (Xem thêm chú thích câu 242).

6. *Hấp:* hấp hối, giục làm cho mau.

7. *Xem lòng nó xưa:* xem lòng nó vốn thế nào, có thay đổi không.

8. *Nấy:* nấy trao, trao cho, gửi cho.

9. *Đống cỏ chiến trường còn tươi:* ý nói Lương sinh mới chết, đống cỏ trên mồ ngoài bãi chiến trường còn tươi.

10. *Yến kia bay chiếc:* chim yến và chim oanh là hai thứ chim hay có cặp đực cái, khi một con bị chết con kia chịu lẻ loi.

11. *Quấn chiếu:* tức là nằm một mình (cuốn trong chiếu).

12. *Cam:* cam chịu.

13. *Cặp càm:* (*cặp:* ghép đôi, *càm* hoặc *kềm*: ràng buộc, ghép buộc) tìm cách để ghép lại cho thành đôi vợ chồng.

http://tieulun.hopto.org

Nói tài danh nức nước đời,
Thôi lời cải gấm [1] lại lời ken hoa [2].
Trẻ trung của dễ đâu là
Vàng tương [3] đá tạc song đà để bêu [4].
Ngứa tai khôn nén giọng kiều [5],
Rằng: "Khi nên lọ lắm điều mà nên.
Gà kia hầu luộc mấy phen [6],
Ôm đàn ấy lại qua thuyền [7] nào ru?
Lồng khuya [8] chẳng thẹn bức cù [9],
Nữa trò thừa thải tiếng chua bằng nào".
Phu nhân dự ý [10] đón rào,
Nạt rằng: "Khuê các [11] hay sao chuyện ngoài.
Duyên này chẳng được bàn dai [12],
Mẹ cha đã định còn ai dám càng [13]."
Thiếp canh [14] truyền lấy phó sang [15],
Sợ sùng gởi tạ [16] đài trang [17] bước vào.

---

1. *Cải gấm:* cải hoa để dệt gấm.

2. *Ken hoa:* trổ hoa.

3. *Vàng tương:* do chữ *kim tương* là vàng nấu ra nước để đúc thành khối, vàng đúc (H.T.C).

4. *Để bêu:* trưng ra, để khoe ra cho mọi người thấy.

Cả câu ý nói người con gái quý giá thì phải được đề cao để dễ lấy chồng.

5. *Giọng kiều:* giọng người con gái. Cả câu ý nói Ngọc Khanh nghe thấy trái tai mới không nén được lòng mà phải trả lời.

6. *Gà luộc mấy phen:* ý nói con gái chỉ lấy chồng một lần.

7. *Ôm đàn... qua thuyền:* ôm cây đàn để bước qua thuyền khác. *Đường thi: Khẳng bả tỳ bà quá biệt thuyền* (chẳng ôm tỳ bà qua thuyền khác) ý nói đi lấy chồng khác, không giữ trọn nghĩa cũ.

8. *Lồng khuya:* cái đèn lồng về khuya.

9. *Bức cù:* tấm nệm (*cù:* tên tấm nệm).

Cả câu này ý nói đèn khuya soi tỏ cho lòng mình chẳng thẹn với tấm nệm nhưng vì tối nghĩa nên Nguyễn Thiện mới sửa lại là *"Nỗi mình, mình những thẹn thò"*.

10. *Dự ý:* dự đoán được ý Ngọc Khanh.

11. *Khuê các:* chỗ đàn bà con gái ở nên đàn bà con gái nhà quyền quý cũng gọi là *khuê các*.

12. *Bàn dai:* bàn lôi thôi, dằng dai câu chuyện.

13. *Dám càng:* dám cưỡng lại, dám chống lại (*càng* do chữ *cãng* viết theo thanh bằng).

14. *Thiếp canh:* mảnh giấy biên ngày giờ sinh của đôi bên trai gái, trao lẫn cho nhau khi đính hôn.

15. *Phó sang:* nhờ giao sang, nhờ đưa sang.

16. *Gởi tạ:* gửi lời chào.

17. *Đài trang:* chỗ đàn bà con gái trang điểm, phòng của đàn bà con gái ở.

http://tieulun.hopto.org

XLVII. NGỌC KHANH ĐẦU GIANG

(Ngọc Khanh nhảy xuống sông)

Toan lo nỗi xiết là bao,
Lọc lừa [1] dám trách khuôn nào trên xanh [2]
Dựng gây dám nghĩ [3] sinh thành [4],
Biết duyên mình biết phận mình thế thôi.
Những toan đôi lứa gồm đôi,
Ơn nhà [5] hãy trước nghĩa người [6] thì sau.
Kể khi phải nước [7] bởi đâu,
Nghĩ người đáy giếng [8] thang lầu [9] chẳng dưng [10].
Quyết xong nhịn tủi nuốt ngừng [11],
Ngọc sôi vẻ sắm [12] hương lừng mới thay [13].
Mịn màng [14] ai dễ kẻ hay [15],
Lần nghe văng vẳng canh chầy điểm ba [16].
Vườn sau rón mở then hoa [17],

---

1. *Lọc lừa: (lừa:* lựa đọc theo thanh bằng) chọn lọc và sắp xếp cho.

2. *Khuôn nào trên xanh:* tức khuôn xanh chỉ ông trời. Người xưa quan niệm trời là cái khuôn lớn để tạo ra muôn vật.

Truyện Kiều: Khuôn thiêng lừa lọc đã dành có nơi.

3. *Dám nghĩ:* dám không nghĩ đến (chữ *dám* có khi dùng để nói nhún, nói khiêm hoặc nói điều trái ngược lại).

4. *Sinh thành:* sinh đẻ ra và nuôi dưỡng cho thành người.

5. *Ơn nhà:* Ơn nhà mẹ sinh thành.

6. *Nghĩa người:* tình nghĩa với Lương sinh.

7. *Phải nước:* phải nước này (*nước:* nỗi nước, nông nỗi). *Truyện Kiều: Chàng ơi biết nỗi nước này cho chưa.*

8. *Người đáy giếng:* người phụ nữ dám nhảy xuống giếng để bảo toàn danh tiết.

9. *Thang lầu:* nói người phụ nữ dám nhảy từ trên lầu xuống để bảo toàn danh tiết như nàng Lục Châu, vợ Thạch Sùng đời Đường, không chịu thất thân với Tôn Tú.

10. *Chẳng dưng:* chẳng phải là chuyện bỗng dưng, tự nhiên mà có.

11. *Nhịn tủi nuốt ngừng:* bốn chữ này nếu muốn đặt cho xuôi thì phải nói là *nhịn ngừng nuốt tủi* như trong câu Kiều: *Nhịn ngừng nuốt tủi đứng ra.*

Nghĩa là đè nén cảm xúc trong lòng mà đành nuốt tủi chịu đựng.

12. *Ngọc sôi vẻ sắm:* ví Ngọc Khanh lại lộ vẻ tươi đẹp ra (sôi) sau khi sắm sửa trang điểm.

13. *Hương lừng mới thay:* ý nói Ngọc Khanh lại có thêm hương thơm phức sau khi thay quần áo mới.

14. *Mịn màng:* dịu dàng (H.T.C).

15. *Ai dễ kẻ hay:* ai dễ hay biết được.

16. *Điểm ba:* điểm canh ba.

17. *Then hoa:* cái then cửa. Chữ *hoa* được dùng cho đẹp lời.

http://tieulun.hopto.org

Bắt chừng [1] sông cái ruổi pha [2] một mình.
Khóc than vời vợi cuối ghềnh,
Xổ lòng [3] với nước, bày tình với trăng.
Sóng tuôn cuồn cuộn nghìn tầng,
Quyết liều gieo hẳn ghê chăng tiết nàng.

XLVIII. ĐỀ HỌC CỨU VẤN

(Đề học cứu được và hỏi thăm)

Nào hay kề dưới bến Tương [4]
Có Long Đề học trẩy ngang trú thuyền [5].
Tiếng đâu lảnh lảnh đưa miền,
Vừa nghe dội nước [6] kíp truyền vớt xem.
Trước thuyền luồn luột [7] áo xiêm,
Gạn tường mới giãi mọi niềm sâu nông.
Khen cho ông lại ướm lòng:
"Hay đem về trả tôn công nhường nào?"
Nàng nghe biện hết tơ hào [8]:
"Lầu son lại ép, sóng đào [9] thà gieo."
Thấy chiều dung đức đủ chiều,
Phu nhân càng nặng tấm yêu nên lời.
Rằng: "Già nay đã khác vời,
Cứ này tượng bởi [10] lòng trời hậu cho.

---

1. *Bắt chừng:* theo chừng, phỏng chừng.
2. *Ruổi pha:* (*pha:* xông pha) chạy băng đi.
3. *Xổ lòng:* tỏ bày nỗi lòng.
4. *Bến Tương:* bến sông Tương. *Tương* là tên một con sông ở tỉnh Hồ Nam chảy vào hồ Động Đình. Trong thi văn, sông này thường tượng trưng cho sự buồn rầu vì trai gái nhớ mong nhau.
5. *Trú thuyền:* dừng thuyền nghỉ lại.
6. *Dội nước:* nghe dội lại theo dòng nước.
7. *Luồn luột:* nói bị ướt đầm đìa. Thường nói là *ướt sườn sượt.*
8. *Tơ hào:* (*tơ* cũng đọc là *ti:* phần mười của một hào, hoặc sợi tơ nhỏ; *hào:* phần mười của một ly hoặc lông mao nhỏ) một ti một hào, nói về số rất nhỏ, hoặc nói về những điều rất nhỏ nhặt. Ở đây Ngọc Khanh kể lại đầy đủ mọi chi tiết cho Long Đề học nghe.
9. *Sóng đào:* (*đào:* sóng) sóng lớn, chỉ sông nước.
10. *Cứ này tượng bởi:* cứ xem thế này thì dường như là bởi lòng trời.

http://tieulun.hopto.org

Minh linh [1] muốn chút nghĩa vò [2],
Sớm khuya được cậy, già nua được đành.
Sau dù lá kệ phiếu kinh,
Mặc tiêu sái đấy [3] cho thanh thả đời."
Ơn lời dễ dám chối lời,
Tạ vào thôi đã thuyền dời bến sơ [4].

XLIX. VĂN BÁO TẦM THI

(Nghe báo tin đi tìm xác)

Buồm Long xuôi những xưa xưa [5],
Trướng Lưu còn mải giấc lưa êm nềm [6].
Hoảng tin mới rộn [7] sai tìm,
Khác nào đáy bể mò kim một dường [8].
Nàng thì đành được chốn nương [9],
Lưu thì bày đặt lễ thường [10] thiếu đâu.
Ông bà no những van nhau [11],
Dành cho nào biết cơ mầu [12] nhiệm xoay [13].

---

1. *Minh tinh:* tên một loài sâu. Con tò vò bắt con sâu này về làm mồi cho con nó ăn. Xưa người ta tưởng lầm tò vò bắt nó về tổ để nuôi nó lớn lên mà thành con tò vò. Ở nước ta thường cho đó là con nhện con nên mới có câu: *"Tò vò mà nuôi con nhện, ngày sau nó lớn nó quyện nhau đi".*

Con kẻ khác mà nuôi làm con của mình cũng gọi là *minh tinh.*

2. *Nghĩa vò:* nghĩa con tò vò.

3. *Mặc tiêu sái đấy: (tiêu sái:* phóng khoáng không vướng víu) mặc cho được sống ung dung phóng khoáng khỏi phải lo lắng gì.

4. *Bến sơ:* bến đỗ thuyền nghỉ tạm.

5. *Xuôi những xưa xưa:* xuôi đi đã lâu rồi.

6. *Giấc lưa êm nềm: (lưa:* dư, thừa) giấc ngủ còn hãy dư êm đềm.

7. *Rộn:* rối rít.

8. *Đáy bể mò kim một dường: (dường:* như) ý nói việc khó, không thể làm được như mò kim ở dưới đáy biển.

9. *Chốn nương:* chốn nương thân, ở nhờ.

10. *Bày đặt lễ thường:* cũng bày đặt ra cúng lễ theo đủ mọi hình thức cho vong linh của Ngọc Khanh.

11. *No những van nhau: (van:* kêu rên, than thở H.T.C) đã than thở với nhau đủ điều, đã chịu nhiều nỗi khổ lòng.

12. *Cơ mầu: (cơ:* nhỏ, sự gì mới có điềm báo cho biết cái điềm (triệu trẫm) mầu nhiệm, khó xem, khó hiểu.

13. *Xoay:* xoay vần, ý nói máy tạo xoay vần, cuộc đời biến đổi.

http://tieulun.hopto.org

L. TIỄN TRUYỀN CƠ MẬT

(Bắn tên truyền kế bí mật)

Diêu từ ruổi bước ải mây [1],
Tin lương tỏ biết còn vây [2] đã mừng.
Hiềm vì thống tướng dè lưng [3],
Viên biền [4] sợ lọt cầm giằng [5] chưa sai.
Lĩnh quân Diêu mới quyết bài,
Đặc truyền tức khắc hàm mai tiềm hành [6].
Đêm khuya dòm dỏ tặc tình [7],
Bóng cờ ngan ngác trống canh trễ tràng.
Phá kiêu [8] nghĩ cũng dễ dàng,
Về song [9] kíp thảo hai trương mật bài [10].
Hẹn cho giờ sửu [11] đêm mai,
Dấu cờ hiệu súng trong ngoài giáp công [12].
Lên nơi cao phụ [13] quãng không,
Hai bên hai tiễn hai phong [14] bắn vào.
Lương vừa khuya tựa chòi cao.
Vật chi vi vút phương nào tìm xem.
Tiễn đâu giấy chữ buộc kèm,
Chước mầu mừng thấy trong niêm tỏ bày.

---

1. *Ải mây:* cửa ải xa xôi (có ý nói xa tận chân trời lấn vào với mây).
2. *Còn vây:* còn bị quân giặc bao vây.
3. *Dè lưng:* dè dặt về cái thế không được mạnh của mình (*lưng:* thế như dựa lưng là dựa thế. H.T.C).
4. *Viên biền: (biền:* quan võ) viền quan võ.
5. *Cầm giằng:* cầm chừng, còn trù trừ.
6. *Hàm mai tiềm hành:* ngậm tăm mà đi thầm lặng, đây là toán quân đi dò xét tình hình quân giặc.
7. *Tặc tình:* tình hình quân giặc.
8. *Phá kiêu:* phá vỡ đám quân kiêu ngạo không chịu phòng thủ nghiêm mật.
9. *Về song: (song:* cửa sổ) về phòng ngồi bên cửa sổ.
10. *Mật bài:* thư kín nói về việc tấn công giặc.
11. *Giờ sửu:* từ 1 giờ đến 3 giờ đêm.
12. *Giáp công: (giáp:* kèm ở hai bên, *công:* đánh) hai bên quân địch xáp gần nhau mà đánh nhau.
13. *Cao phụ:* gò cao.
14. *Hai tiễn hai phong:* hai mũi tên có buộc hai phong thư.

http://tieulun.hopto.org

Chư quân trông đã chầy ngày [1],
Được tin mài cánh day tay [2] đợi truyền.

LI. TẤU KHẢI HỒI TRIỀU

(Tâu lên và về triều)

Ải gần Dương cũng thông tin,
Hợp binh một khắc giải liền hai vây [3].
Cậy nhiều Hồ hãy múa may,
Lại thu quân sót rắp gây mộng thừa [4].
Cộng đồng bàn bạc nhung cơ [5],
Dương Lương cùng hiệp dẹp bừa [6] lập công [7].
Ải ngoài chi đạo [8] quét xong,
Quán kình [9] vòi vọi bụi hồng lâng lâng [10].
Sân bồ [11] biểu tiệp [12] liền dâng,
Thanh bình [13] roi gõ chân nưng [14] khải hoàn [15].

---

1. *Chầy ngày:* đã lâu ngày rồi chưa phá vòng vây.
2. *Mài cánh day tay:* ý nói quân lính tỏ ra quyết tâm phá giặc, vẻ hăng hái lắm.
3. *Hai vây:* hai vòng vây của giặc.
4. *Rắp gây mộng thừa:* cũng toan gây cái mộng cuối cùng đánh thắng trở lại.
5. *Nhung cơ: (nhung:* các đồ quân bị, binh lính; *cơ:* cơ mưu) cơ mưu về việc binh, việc cơ yếu trong quân.
6. *Dẹp bừa:* đánh dẹp ồ ạt đi.
7. *Lập công:* dựng nên công trạng.
8. *Chi đạo:* đạo quân nhánh tách lẻ ra.
9. *Quán kình: (quán:* gò, đống; *kình:* kình ngạc hai loài cá dữ tức cá voi và cá sấu, ví với bọn giặc cướp) nói quân giặc bị giết chết nhiều đến nỗi chôn thành gò cao.
10. *Bụi hồng lâng lâng:* (*bụi:* tức gió bụi chỉ chiến tranh) bụi hồng sạch lâng lâng, ý nói đã dẹp xong giặc không còn chiến tranh nữa.
11. *Sân bồ:* sân nhà vua có lót cỏ bồ để quỳ cho êm.
12. *Biểu tiệp:* tờ biểu tâu báo tin thắng trận.
13. *Thanh bình:* yên ổn thái bình, không còn giặc giã nữa.
14. *Roi gõ chân nưng:* thắng trận rồi lấy roi gõ vào chân ngựa thong thả trở về.
15. *Khải hoàn: (khải:* hát mừng thắng trận, *hoàn:* trở về) thắng trận trở về.

http://tieulun.hopto.org

LII. DAO TIÊN VĂN HỈ

(Dao Tiên nghe tin mừng)

Gia thư nhẹ ruổi chân nhàn [1],
Tin lành sớm đã lọt màn Tiền nha.
Vân Hương tấp tểnh [2] chiềng [3] bà,
Nỗi thân [4] nỗi nghĩa [5] nhường hoa nở lòng.
Gánh sầu nhẹ cất hư không,
Càng tường tin báo, càng trông độ về.

LIII. THÁNH CHỈ GIAI PHONG

(Chỉ vua phong thưởng)

Thương canh [6] lần dịch [7] gióng khuya,
Chợt đâu bản dạo đã kề thành đô.
Rồng mây [8] một hội nghìn thu,
Gác Đường [9] vẽ mặt, yến Chu [10] tả lòng
Người tài, người lược [11], người trung,
Luận công ba [12] ấy đều phong liệt hầu [13].

---

1. *Chân nhàn: (nhàn:* nhạn) thư buộc vào chân nhạn.
2. *Tấp tểnh:* hí hửng (vui mừng lộ hẳn ra cử chỉ).
3. *Chiềng:* trình.
4. *Nỗi thân:* nỗi mừng vì được tin cha.
5. *Nỗi nghĩa:* nỗi mừng vì được tin Lương sinh.
6. *Thương canh:* tên con chim thường hót về mùa xuân.
7. *Dịch:* người lính trạm.

Cả câu ý nói Dao Tiên khi nghe chim thương canh hót thì càng vui mừng, không ngủ được, càng thức khuya chờ tin người lính trạm đưa tin về.

8. *Rồng mây:* cơ hội may mắn (lập được công trạng đánh thắng quân giặc) như rồng gặp mây.
9. *Gác đường:* gác của vua nhà Đường. Do chữ *Lăng Yên các* (gác khói), một cái gác rất cao tưởng như đến mây khói. Ở gác này vua Đường Thái Tông có cho vẽ tượng 24 vị công thần để lưu truyền sự nghiệp.
10. *Yến Chu:* nhà Chu có lệ đãi yến các chư hầu trong dịp họ tới triều bái.
11. *Người tài, người lược: (tài:* tài năng, *lược:* mưu lược) tài giỏi thao lược (hiểu biết các kế hoạch về quân sự).
12. *Công ba:* ba người có công ấy.
13. *Liệt hầu: (liệt:* hàng, *hầu:* tước hầu) được xếp vào hàng tước hầu.

http://tieulun.hopto.org

Chuẩn cho thế tập [1] truyền sau,
Rành rành khoán núi, làu làu thư sông [2].
Móc mưa [3] nhuần gội chập chùng,
Rước mừng cửa chợ [4] vầy đông bội thường [5].

LIV. LƯU CỮU CỐ TÌNH

(Cậu Lưu tỏ tình)

Liêu bằng [6] khánh hạ [7] chen đường,
Vừa Lưu công tử anh nàng Ngọc Khanh.
Mới vâng ấm bổ [8] thăng Kinh [9]
Đến mừng nhân kể cỗi cành sự em [10].
Lương nghe dường dễ động niềm,
Chửa cam tình nọ [11] lại thêm nghĩa này [12].
"Tăm hơi thấm thía chi vầy,
Thủy chung một tiết xưa nay mấy người.
Nỡ cho ngọc đắm hoa trôi,
Núi non nào dễ đền bồi chút đâu."
Hiên trong ngài ngại nét sầu,
Xảy vừa Dương tướng tháo chầu [13] vào chơi.
Việc gì nhường khác vẻ vui,
Nỗi Lưu, Lương lại kể lời duyên do.

---

1. *Thế tập: (thế:* đời, *tập:* tiếp nối) con gái tiếp nối theo cha được phong tước hầu.

2. *Khoán núi... thư sông: (khoán:* tờ giấy ước hẹn, bằng cứ; *thư:* chữ viết) Vua Hán Cao Tổ khi cắt đất phong tước cho các công thần đều sai làm một bản khoán bằng sắt đề bằng son mấy chữ *"Sơn hà đái lệ"* ý nói dù núi mòn sông cạn vẫn không quên công.

3. *Móc mưa: (móc:* hạt sương đọng trên lá cây ngọn cỏ) chỉ ân huệ của nhà vua đối với người dân như mưa như móc thấm nhuần vào sinh vật.

4. *Cửa chợ:* cửa nơi kẻ chợ, chỗ đô hội.

5. *Bội thường:* gấp mấy so với ngày thường.

6. *Liêu bằng: (liêu:* quan, *bằng:* bạn bè) bạn bè cùng làm việc quan với nhau.

7. *Khánh hạ: (khánh:* mừng, *hạ:* đem lễ vật mừng, chúc tụng) làm lễ ăn mừng.

8. *Ấm bổ: (ấm:* ơn trạch hay quyền thế của cha ông để cho con cháu được nhờ) lấy chân ấm sinh được bổ làm quan.

9. *Thăng Kinh:* lên Kinh đô.

10. *Cỗi cành sự em:* đầu đuôi (gốc ngọn) câu chuyện của em.

11. *Tình nọ:* là tình đối với Dao Tiên.

12. *Nghĩa này:* là nghĩa đối với Ngọc Khanh.

13. *Tháo chầu:* tan buổi chầu ra về.

http://tieulun.hopto.org

Dương nghe cũng ngậm ngùi cho,
Rằng: "Danh tiết ấy thơm tho ai bì.
Sao chẳng gởi đến đan trì [1],
Ngõ [2] cam tinh biểu [3] chút gì trả nhau."
Hiệp lời vội cảo [4] bản tâu,
Hẹn vào tiện điện [5] buổi sau tiến trình.
Gương trời soi tỏ các tình,
Tiết ngay sắc tặng [6] tiếng lành biển tương [7].

LV. THÁNH CHỈ VI MỐI

(Chỉ vua làm mối)

Sự Lương trong vốn đã tường,
Ngọc âm [8] lại phán hỏi Dương sự nhà.
Thềm phong [9] lạy trước tâu qua:
"Hiếm hoi một gái tuần đà thèm hai [10].
Những vâng rong ruổi việc ngoài,
Buồng canh [11] nên hãy còn cài cửa thoi [12]."
Năm mây [13] xuống chỉ [14] rạch ròi [15],

---

1. *Đan trì: (đan:* đỏ, *trì:* thềm nhà) cái thềm sơn đỏ, chỉ cái thềm ở cung vua. Nghĩa rộng chỉ nhà vua.

2. *Ngõ:* ngõ hầu.

3. *Tinh biểu: (tinh:* cờ hiệu; *biểu:* biểu dương, làm cho tỏ rõ) nói những người có công trạng hoặc có tiết nghĩa được nhà vua khen tặng làm tỏ rõ cho mọi người biết.

4. *Vội cảo:* vội thảo ngay, vội viết ngay.

5. *Tiện điện: (tiện:* tiện lợi, *điện:* cung điện) nơi cung điện riêng ở bên chỗ triều chính để nhà vua vào nghỉ ngơi hoặc thay áo cho tiện.

6. *Sắc tặng:* sắc, tặng để biểu dương trinh tiết.

7. *Biển tương:* biển thếp vàng.

8. *Ngọc âm:* lời nói của nhà vua.

9. *Thềm phong: (phong:* cây phong) trước thềm cung điện thường có trồng cây phong nên gọi là thềm phong.

10. *Thèm hai:* gần hai mươi tuổi.

11. *Buồng canh: (canh:* canh cửi) buồng phụ nữ nơi người phụ nữ thường lo việc canh cửi (dệt vải).

12. *Cài cửa thoi:* cài cửa để lo đưa thoi dệt vải, ý nói chưa lấy chồng.

13. *Năm mây:* chỉ tờ chiếu ngũ sắc của vua.

14. *Chỉ:* tờ mệnh của vua.

15. *Rạch ròi:* rõ ràng.

http://tieulun.hopto.org

Thiên vi trập đỗ [1] còn soi nỗi nhà.
Lòng tôi thể tất [2] mới là.
Gái Dương cho lựa phím hòa với Lương [3].
Tạ ơn cùng xuống đền vàng,
Bước càng nhẹ bước, tươi càng nhẫn tươi.
Chở che trên thánh là trời,
Đã nơi vẹn nghĩa lại nơi vẹn tình.
Dương càng mừng nức cửa dinh,
Chín lần [4] rủ dắt sợi mành [5] mấy khi.

LVI. PHỤNG CHỈ NGHINH HÔN

(Vâng chỉ vua mà rước vợ)

Tư thiên [6] khâm chọn nhật thì,
Trải trao các lễ đến kỳ nghinh hôn [7].
Dâng thành [8] gởi trước Ngọ môn [9],
Đồ ban lễ tiến xáo xôn chín đường.
Nở sen đuốc ngự ín vàng,
Chưng rưng nhạc võ, rỡ ràng gấm phong [10].
Dưới đèn lộng vẻ song song,
Ngọc in bảo đái [11], ráng lồng hà y [12].

---

1. *Thiên vi trập đỗ:* chưa tường được nghĩa.

2. *Thể tất: (thể:* thể lượng tức đặt mình vào địa vị ấy mà lượng thứ cho người ta, *tất:* biết, hiểu rõ) thể lượng mà hiểu rõ cho những nông nỗi của người ta.

3. *Lựa phím hòa với Lương:* cho sánh lứa đôi với Lương (lựa phím hòa là nói vợ chồng hòa hợp như gảy đàn sắt đàn cầm với nhau).

4. *Chín lần:* do chữ cửu trùng, nơi vua ở thâm nghiêm qụa chín lớp cửa mới đến nơi được. *Sở từ: Quân vương hề cửu trùng. Cửu trùng (chín lần) là chỉ vua.*

5. *Rủ dắt sợi mành:* ý nói nhà vua rủ lòng yêu quý dắt dây tơ hồng xe cho thành vợ chồng.

6. *Tư thiên:* tức là chức quan coi lịch. Cũng gọi là *Tư thiên giám* hay *Khâm thiên giám.* Nguyên có chữ trong *Kinh Thư "Khâm nhược thiên thi"* kính thuận thời hậu của trời, thuộc về chức quan xem thiên văn và xem lịch.

7. *Nghinh hôn:* đón dâu.

8. *Dâng thành:* dâng lòng thành kính.

9. *Ngọ môn:* cửa chính đi vào kinh thành vua.

10. *Gấm phong:* gấm vua ban cho.

11. *Bảo đái:* đai áo quý báu.

12. *Hà y: (hà:* sắc rán, *y:* áo) cái áo sắc đỏ hồng hồng như sắc ráng. Chép là *hà phi* thì e không đúng.

http://tieulun.hopto.org

Trai tài gái sắc phải thì,
Doanh châu [1] ấy khách, Dao trì [2] này tiên.
Là người mới lại người quen,
Kể sao xiết nỗi tình duyên bấy giờ.
Càng thêm quấn chỉ oanh tơ [3],
Đã đầy cá nước duyên ưa [4] một nhà.

LVII. LONG GIA TẤU HÔN

(Cụ Long tâu việc hôn nhân)

Rỉ đưa lời cánh bay xa,
Vừa Long Đề học thuyền đà tới kinh.
Tỏ hay thay thảy mọi tình,
Bài phường [5] lại thấy biển tinh chữ bày.
Đòi nàng ngỏ dạy trước đài,
Cũng làm một biểu buổi mai tiến triều.
Nàng nghe ren rén khép bào [6],
Gởi xin: "Chẳng lọ nài tâu chi nhàm.
Rủi may dễ kẻo [7] lứa đam [8],
Mặc vầy duyên ấy đành cam phận nào."
Phu nhân lại dạy vần vào,
Rằng: "Như bia tạc sắc bao [9] phụ gì.
Dù chăng vội chốn kết nghì [10],
Là vâng chỉ ngọc, dám ghì lòng đanh [11].

---

1. *Doanh châu:* tên một hòn núi trong ba hòn núi thần tiên ở trong Bột Hải, chỉ cảnh tiên.

2. *Dao trì:* cái ao bằng ngọc, chỗ bà Tây Vương Mẫu ở.

3. *Oanh tơ:* xe tơ.

4. *Cá nước duyên ưa:* cái duyên hai người ưa nhau, thích hợp với nhau như cá với nước.

5. *Bài phường:* cổng khải hoàn dựng lên để mừng đón những người chiến thắng trở về. Cả câu ý nói ở bài phường còn có tấm biển và lá cờ *(biển tinh)* nêu cao tiết tháo của Ngọc Khanh.

6. *Bào:* cái áo dài và tay rộng.

7. *Dễ kẻo:* dễ như có phải.

8. *Lứa đam:* lứa đôi.

9. *Sắc bao: (bao:* khen -H.T.C) sắc vua khen.

10. *Kết nghì: (nghì:* nghĩa) kết duyên.

11. *Dám ghì lòng đanh:* đâu không dám bền giữ tấm lòng sắt đanh với Ngọc Khanh.

http://tieulun.hopto.org

Ví xưng xưng [1] quyết lấy mình,
Bóng dâu [2] hai lão phỏng đành đấy chăng.
Ngẫm cơ ghềnh Thái [3] gác Đằng [4],
Hay đâu là chẳng xích thằng sẵn xe
Cạn lời bằn bặt nín nghe,
Tạ thôi sen dạo gót về hiên sau.
Tan sương chợt chợt ban chầu,
Biểu văn Long sẵn cắp bào gởi lên.
Ngự khong: "Này mới thiên duyên,
Ngọc Khanh nay đọ Ngọc Liên chi nhường."
Lại cho hợp phối với Lương,
Cứ y lễ trước chiếu thường lễ sau.
Cùng ban nhất phẩm ngang nhau,
Hóa phong cho rệt mối đầu chính phong.
Ngửa vâng ơn sóng trùng trùng,
Hai bên khấu tạ hô tung đều về.

LVIII. DAO TIÊN KHUYẾN THÚ

(Dao Tiên khuyên lấy vợ)

Lương càng khấp khởi [5] đôi bề,
Vội vàng ngỏ trước hương khuê [6] xem ngời.
Nào hay hoa cãng [7] vẻ tươi,
Thực lòng yêu kính thiết lời khuyên lơn.
Thấy chiều dễ cấm [8] mừng rơn [9],
Đành hay hiền thuận gấp hơn thói thường.

---

1. *Ví xưng xưng: nếu cứ một bề cãi lấy được.*
2. *Bóng dâu:* ánh mặt trời lúc xế tà còn vương trên ngọn cây dâu, ví với tuổi già. Cả câu ý nói để cha mẹ già ở nhà phỏng có đành chăng ?
3. *Ghềnh Thái:* tức là ghềnh Thái Thạch, nơi Lý Bạch bị chết đuối.
4. *Gác Đằng:* tức Đằng Vương các, nơi Vương Bột vì gặp may có gió đưa thuyền cho ông về kịp dự tiệc và làm thơ mà trở thành nổi tiếng. Đây chỉ duyên may của Ngọc Khanh tưởng đã bị chết đuối mà lại được cứu vớt.
5. *Khấp khởi:* mừng hí hửng trong lòng.
6. *Hương khuê:* cái buồng thơm, nơi con gái ở.
7. *Cãng:* hãy còn.
8. *Cấm:* ngăn đón.
9. *Mừng rơn:* mừng lắm.

http://tieulun.hopto.org

Lễ hôn chuông chắn [1] mọi đường,
Quế càng hương chắp [2], gấm càng hoa thêm.
Cát kỳ [3] chòm nức chụm xem,
Xe mây trăm lượng [4] trang liêm [5] dẫy thừa.

LIX. SONG PHỤNG ĐOÀN VIÊN

(Đôi phượng vẹn tròn)

Đụng chen tân tướng [6] đón đưa,
Bàn tiên tiệc ngọc đã xưa lại rày.
Buổi sau mừng mặt đông vầy,
Tiên đua vẻ ngọc, ngọc bày đoàn tiên,
Người kính nghĩa, kẻ yêu hiền,
Chị em cùng gọi dưới trên sá nề.
Chuẩn cho công khóa [7] đi về,
Nguyệt, Hương phận cũng đẹp bề tiểu tinh [8].
Nước yên nhà vẹn đã đành,
Giữ lề đều gởi đan đình [9] vinh quy.
Rào tuôn [10] cách ngoại ai bì,
Lương gồm quy tỉnh [11], Diêu thì hoàn nhân [12].
Diêu đường, Dương nhạc hai thân,
Được cơ đều cũng biểu trần minh nông [13].

---

1. *Chuông chắn:* cũng như *vuông vắn,* đầy đủ mọi điều.
2. *Chắp:* nối, tỏa hương thơm mãi không hết.
3. *Cát kỳ: (cát:* tốt) kỳ nghinh hôn.
4. *Trăm lượng: (lượng:* cỗ xe) trăm cỗ xe.
5. *Trang liêm: (trang:* quần áo; *liêm:* cái trắp gương của phụ nữ dùng) quần áo và đồ dùng của người con gái đem về nhà chồng.
6. *Tân tướng:* khách của Lương tướng công.
7. *Công khóa:* mức độ công lao.
8. *Tiểu tinh:* ngôi sao nhỏ, chỉ người vợ lẽ. Chữ lấy trong *Kinh Thi,* bài *Tiểu tinh tuệ: bỉ tiểu tinh, tam ngũ tại đông* (Sáng thay ngôi sao bé nhỏ kia, ba ngôi, bảy ngôi tại phương đông). Phận vợ bé, sợ vợ cả ghen, chỉ khi nào đêm thật khuya mới dám vào với chồng.
9. *Đan đình:* sân màu son, sân trong cung vua.
10. *Rào tuôn:* chỉ ơn mưa móc của nhà vua thật nhiều.
11. *Quy tỉnh: (tỉnh:* thăm hỏi có bình an không) về thăm cha mẹ.
12. *Hoàn nhân:* lo tròn việc hôn nhân.
13. *Minh nông:* làm rõ chính sách trọng nông của nhà vua tức xin về hưu để làm ruộng.

http://tieulun.hopto.org

Bài vàng cờ đỏ đầy sông,
Vầy vui một hội lạ lùng nghìn xưa.
Gió căng buồm gấm tươi đưa,
Mấy tuần chợt đã ghé bờ Tràng Châu.
Cửa Diêu khách rộn chen lầu,
Vinh quy trí sĩ [1] rước dâu một ngày.
Đình Ba liền tiệc Dương vầy,
Thự riêng Lương cũng đình Mây rước mời.
Trải tuần ngoại quán lần chơi,
Cuộc nhà đều lại thuyền dời Ngô giang.
Cửa Vu [2] nếp sẵn phong quang,
Nức sân tuyền mã [3] dẫy làng minh kha [4].
Thọ canh gồm vẻ đôi tòa,
Ngần mừng con, lại ngần là mừng dâu.
Họ Lưu...
May thay công tử ra chiều sớm tin.
.....

1. *Trí sĩ:* từ quan về quê ở quê nhà.

2. *Cửa Vu:* cửa nhà có nhiều phúc đức. Do tích Vu Công đời Hán vì coi việc hình ngục rất công bằng nên được nhiều ân đức. Khi cổng nhà ông hỏng, dân làng xây lại, ông bảo xây cao to hơn để con cháu ta xe ngựa võng lọng ra vào cho dễ. Sau con cháu ông có người làm tới Ngự sử đại phu.

3. *Sân tuyền mã:* sân hẹp chỉ đủ chỗ cho ngựa quay lại, chỉ sân nhà ông tể tướng thanh liêm như Tể tướng Lý Hãng đời Tống.

4. *Làng minh kha: (kha*:thứ đá giống như ngọc). Người xưa dùng *ngọc kha* để làm đồ trang sức cho xe ngựa nên xe ngựa nạm ngọc kha được gọi là *minh kha.*

Làng minh kha là làng giàu có, chỗ quê hương phú quý.

http://tieulun.hopto.org

TRUYỆN HOA TIÊN

(Bản do Nguyễn Thiện nhuận sắc)

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

NGUYỄN THIỆN

(1763 - 1818)

Nguyễn Thiện tự là Khả Dục, hiệu là Thích Hiên, quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, sinh năm Quý Mùi (1763), niên hiệu Cảnh Hưng thứ 24, đời vua Lê Hiển Tông.

Ông là con trai trưởng của Nguyễn Điều và bà chính thất họ Bùi (con gái Đoan quận công Bùi Thế Đạt), thuộc dòng danh gia thế phiệt.

Thân phụ ông làm quan đến chức Đốc đồng, tước Điều Nhạc hầu. Ông nội ông là Nguyễn Nghiễm làm quan đến chức Công bộ Thượng thư tước Xuân Quận công. Bác ruột ông là Nguyễn Khản làm quan đến chức Lại bộ Thượng thư, tước Toản Quận công. Chú ruột ông là Nguyễn Du làm quan đến chức Hữu tham tri bộ Lễ tước Du Đức hầu.

Vì là con nhà tướng (thân phụ ông xuất thân Tứ trường nhưng cải sang võ chức, có nhiều quân công) nên ông được ấn phong Hoằng Tín đại phu, Phó trung úy, Đại Nhạc hầu.

Năm Quý Mão (1783), Cảnh Hưng thứ 44, ông đi thi Hương đậu tứ trường (tức là Cử nhân) cùng với hai chú là Nguyễn Nễ và Nguyễn Nhưng. Khoa ấy xã ông đậu 5 người mà ông đứng đầu. Sinh bình ông chỉ lấy văn tự làm vui, trước thuật có: *Đông Phủ thi tập* và *Huyền cơ đạo thuật bí thư*. Em ruột ông là Nguyễn Đạm, hiệu Nam Thúc, nổi tiếng văn học, cùng với chú là Nguyễn Du đã chiếm được hai chỗ trong *An Nam ngũ tuyệt*.

Sau khi triều Lê bại vong, ông quyết định ở ẩn để giữ lòng trung với cũ.

Khi Nguyễn Du về sống ở quê nhà từ năm 1796 tại làng Tiên Điền, thì hai chú cháu đã trở thành đôi bạn tâm tình.

Nguyễn Ánh lên ngôi (tức vua Gia Long) có xuống chiếu lục dụng các cựu thần nhà Lê và con cháu họ, ông đã không ra làm quan như Nguyễn Du. Thái độ của ông thật dứt khoát. Ông mất năm 1818.

Theo bài Tựa bản *Hoa tiên ký* của Vũ Đái Vấn viết năm Kỷ Sửu (1829), Minh Mệnh thứ 10 thì ông đã nhuận chính truyện *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự.

http://tieulun.hopto.org

HOA TIÊN
NHUẬN SẮC

Trăm năm một sợi chỉ hồng,
Đặt người tài sắc vào trong khuôn trời [1].
Sự đời thử ngẫm mà chơi,
Tình duyên [2] hai chữ với người hay sao!
Từng nghe trăng gió [3] duyên nào,
Bể sâu là nghĩa non cao là tình.
Người dung hạnh [4], bậc tài danh,
Nghìn thu để một mối tình làm gương.
Cõi Tô Châu dải Ngô giang,
Khí thiêng [5] đúc lại họ Lương một nhà.
Tướng công [6] chữ gọi Ấn Ba,
Sang yêu sớm đã dự tòa Bình chương.
Gió thanh hây hẩy gác vàng,
Thảnh thơi chèo Phó, nhẹ nhàng gánh Y.
Giúp trong Diêu thị khổn nghi,

---

1. *Khuôn trời:* người xưa cho rằng ông trời định sẵn vận mệnh của con người như đã đúc sẵn trong khuôn.

Truyện Kiều cũng có các chữ *khuôn xanh, khuôn thiêng* và *khuôn duyên.*

2. *Tình duyên: (tình:* những mối cảm xúc ở trong lòng, lòng yêu nhau; *duyên:* nhân, nhân kết thành *duyên* như *duyên cố, duyên cớ.* Nhà Phật cho vì nhân mà được quả là *duyên* như *nhân duyên, duyên phận).* Cái duyên may của hai người trai gái yêu nhau mà được kết thành vợ chồng.

3. *Trăng gió:* do chữ *phong nguyệt* chỉ cảnh trăng trong gió mát. Từ Miễn ban đêm thường cùng học trò hội họp. Một đêm có người khách đến hỏi việc quan, ông nghiêm nghị đáp: *"Đêm nay chỉ nói đến cảnh gió trăng mà thôi không nên nói đến việc quan".*

Trăng gió lại có nghĩa là sự tình tự của trai gái với nhau trước cảnh trăng trong gió mát.

4. *Dung hạnh:* chỉ người con gái vừa có nhan sắc vừa có đức hạnh.

5. *Khí thiêng:* do chữ *tú khí.* Cái khí tiết tốt đẹp của non sông đất nước chung đúc lại để sinh ra những bậc anh hùng, hào kiệt.

6. *Tướng công: (tướng:* tể tướng, *công:* ông, tiếng tôn xưng) tức Lương tướng công, cha của Lương sinh (tức Lương Phương Châu).

http://tieulun.hopto.org

Điềm lành sớm ứng hinh nhi [1] một chàng.
Phương Châu biểu tự Diệc Thương,
Phong nghi khác giá, từ chương tót loài.
Gấm hoa tài mạo gồm hai,
Đua chân nhảy phượng sánh vai cưỡi kình.
Gia quan mới dạo nhà huỳnh,
Thú nhà hầu hạ huyên đình bấy lâu.
Song hồ nấn ná thôn dâu,
Thẻ rồng xuân điểm ngày thâu chìm chìm.
Lối thơm khi nhẹ gót tìm,
Mùi hoa như rước, tiếng chim ngỡ chào.
Sóng đào mảnh mảnh bông đào [2],
Hoa xuân lóng lánh khác nào mặt xuân.
Hẹn phong lưu để nợ nần,
Nửa song âu thẹn vũng tần đôi uyên.
Chen chân thử dạo khơi miền [3],
Dẩy dun may được như nguyền biết đâu.
Gởi qua xắm nắm [4] dưới lầu,
Xin ra du học Tràng Châu quê ngoài.
Dạy rằng: "Hồ thỉ chí trai".
Tìm thầy hỏi bạn chi hoài bỗng dưng.
Vả từ quê Vị khơi chừng,
Ngày sinh nhật mợ sang mừng cũng hay.
Sẵn nơi trú ngụ đâu tày,
Tiện tra bạ trướng bấy nay cho tường.
Rồi ra luyện tập văn chương,
Cách nào rạng dấu thư hương mặc lòng.
Lĩnh lời sắp gánh giục đồng,
Thuyền lan một lá xuôi dòng thênh thênh.

---

1. *Hinh nhi: (hinh:* hương thơm, tiếng thơm; *nhi:* trẻ nhỏ) người con quí. Chữ 馨 cũng đọc là *hấn*. Tấn thư Vương Diễn truyện có câu "*Hà vật lão ấu, sinh thử ninh hấn nhi ?*" (Bà già này người thế nào mà sinh ra đứa bé ấy). Chữ *hấn* được dùng làm trợ ngữ từ nhưng Đào Duy Anh đã phiên âm sai là *hinh nhi.*

2. *Sóng đào... bông đào:* ý nói sóng gợn nhẹ đưa những cánh đào trôi theo dòng nước.

3. *Khơi miền: (khơi:* xa) nơi xa.

4. *Xắm nắm:* sắm sửa, khiến làm việc gì, rắp, toan, hàng (H.T.C). Cũng viết là *xắm rắm.*

http://tieulun.hopto.org

Rượu tiêu [1] thơ sẵn [2] mặt duềnh,
Đầu doi bay lộ, cuối ghềnh nổi âu.
Ca chèo mây bợn [3] tiếng đâu,
Ngước [4] trông đã đến Tràng Châu ghé thuyền.
Nhà xuân vừa mở thọ diên,
Chén pha giếng cúc bàn chen núi đào.
Lạy bày mừng rỡ khen lao,
Lại truyền công tử [5] họ Diêu rước mừng.
Hàn huyên cùng giãi lâng lâng
Mới hay Diêu cữu [6] chuyển thăng Đô đường [7].
Bóng nghiêng dở chén tàng tàng,
Tiệc thôi Diêu mới đưa sang trú phòng.
Anh em kề vế bày lòng,
Góp đem phong nguyệt vào trong phẩm đề [8].
Khói om mấy đỉnh hương nghê [9],
Chợt nghe tin gọi Diêu về tiền nha.
Đồng say khách lạ lân la,
Ngậm trăng nửa chái, phun hoa bốn hè.
Tiêm cài giá chất so le,
Vẽ xem dấu cổ [10], thơ đề lối chân.

---

1. *Rượu tiêu:* rượu ngâm thuốc có bỏ thêm hột tiêu thơm vào, thứ rượu quí.

2. *Thơ sẵn:* ý nói cảnh đẹp nên thơ đã có sẵn ở trên sông tha hồ mà ngâm vịnh.

3. *Bợn:* chữ 絆 đọc là *bận* và có nghĩa là vương.

4. *Ngước:* bản Nôm khắc là 虛 (hư) nhưng ở đây chắc là chữ *ngước* 虐 bị khắc sai đi.

5. *Công tử: (công:* ông, tiếng tôn xưng, *tử:* con) ngày xưa con các chư hầu gọi là *công tử,* về sau chữ ấy được dùng để chỉ con nhà quyền quý.

6. *Diêu cữu: (cữu:* cậu, em mẹ) người cậu họ Diêu tức là người cậu của Lương sinh.

7. *Đô đường:* chức quan ở Đô sát viện đời Minh như Đô ngự sử, Thiêm đô ngự sử.

8. *Phẩm đề: (phẩm:* cân nhắc khen chê) đề vịnh phẩm bình.

9. *Hương nghê:* lư hương trên nắp có đúc hình *con nghê* (con vật tưởng tượng đầu giống đầu con sư tử và thân có vẩy).

10. *Vẽ xem dấu cổ:* những bức họa trong phòng nhìn xem đều thấy có dấu ấn của các họa sĩ thời xưa.

http://tieulun.hopto.org

Cầm dao sẵn thắng dây huân [1],
Nổi tươi [2] từng chậu, cắm xuân từng cành.
Gương treo bóng lộn màu thanh,
Trong hiên đã vậy, ngoài sanh mới càng [3].
Bức lơn cửa quất [4] vũng đường,
Chiếc sen ngăn buộc, bóng dương dãi dầu.
Ngòi thơm dẫn nước làu làu,
Rặng cây khuất khuất, lưng cầu khom khom.
Thủy đình rã bóng lom om,
Dứt đường khúc kính qua chòm tàng xuân.
Đào thôn điểm điểm ngấn trần,
Sào Ngư mường tượng cắm gần đâu đây.
Nảy cành chợt động oanh bay,
Quyên khuya khắc khoải xa rây ngọn tường.
Xông hoa [5] lành lạnh hơi sương,
Dừng chân hầu rắp nhận đường về trai.
Tiếng đâu gió lọt bên tai,
Đêm thanh nhường bẵng [6] còn ai say cờ.
Đè chừng rén bước thẩn thơ,
Ít nhiều hương cụm nhặt thưa bóng cành.
Lối thơm mở rộng Ba đình,
Xạ đâu thoang thoảng lọt mành phôi pha.
Vừa cơn mây vẩn [7] trăng loà,
Mảnh tình gởi nét thu ba [8] đưa vào.
Cuộc tiên đôi ả má đào,
Riêng làn xiêm trắng đem vào mắt xanh [9].

---

1. *Dây huân:* dây đàn.
2. *Nổi tươi:* ý nói từng chậu cây trông tươi tốt hẳn lên.
3. *Ngoài sanh mới càng:* phía ngoài, trước nhà chính mới lại càng đẹp.
4. *Cửa quất:* cửa phía ngoài có trồng cây quất.
5. *Xông hoa:* hoa tỏa mùi hương ra thơm lừng chung quanh.
6. *Dường bẵng:* dường bằng, dường như.
7. *Mây vẩn:* bản Nôm viết 隕 (bộ 阝 + 員 = phụ + viên) thì phải đọc là *vén* hoặc *vòn* mới đúng. Đọc là *vẩn* có hơi gượng nhưng hợp nghĩa hơn.
8. *Thu ba: (thu:* mùa thu, *ba:* sóng) chỉ khóe mắt long lanh như nước về mùa thu.
9. *Mắt xanh:* do chữ *thanh nhãn.* Nguyễn Tịch đời Tấn, khi gặp ai mà vừa ý thì nhìn thẳng (mắt thấy nhiều lòng đen) gọi là *mắt xanh,* còn nếu gặp ai mà không vừa ý thì nhìn nghiêng (mắt thấy nhiều lòng trắng). Về sau *mắt xanh* được dùng để chỉ sự có cảm tình.

http://tieulun.hopto.org

Gió đông [1] dờn dợn sóng tình,
Trăm hoa lộng lẫy một cành mẫu đơn [2].
Mặn mà chìm cá rơi nhàn,
Nguyệt ghen gương khép, hoa hờn thắm bay.
Thiên nhiên sẵn đúc dày dày,
Càng tươi tỉnh nét [3] càng say sưa tình.
Bụi phàm chẳng bợn đỉnh đinh,
Dưới tùng trong quýt âu đành là đây.
Gió đâu dun dủi duyên này,
Cả liều mặt sắt [4] vào ngay trước bàn.
Rèm tương động thét tiếng hoàn,
Vẻ hoa vừa chán, gót lan vội dời.
Mếch xem chiều mỉm mỉm cười,
Sóng dầm khóe hạnh, chưa dời nét trông.
Môi đào hé mặt phù dung,
Xiêm in bóng tuyết, sen lồng ngấn rêu.
Lũ về xót kẻ trông theo,
Xa mù lần khóa vắng teo giọt lầu.
Tới buồng nặng quở con hầu:
"Đi đâu mà để người đâu xông càn!"
Vân Hương rén gởi bên màn:
"Lòa mây nào ngỡ khách man tạn [5] vời."
Thái Cơ nghe thấy đỡ lời:
"Tiệc vầy [6] ban tối khi chơi ngoại đường.
Nghe rằng công tử họ Lương,

---

1. *Gió đông:* gió từ phương đông thổi lại, gió mùa xuân.

2. *Mẫu đơn:* một thứ cây có hoa đẹp được coi đẹp nhất trong các loài hoa.

3. *Càng tươi tỉnh nét:* Nguyễn Thiện đã không khéo khi mượn hai câu thơ của Nguyễn Du (tả cảnh Thúy Kiều tắm) để tả Dao Tiên ngồi đánh cờ. Dao Tiên có "ở trần" đâu mà lại tả *"Thiên nhiên sẵn đúc dày dày, càng tươi tỉnh nét càng say sưa tình".*

4. *Mặt sắt:* chữ *mặt* bản Nôm khắc 月昧 nhưng đúng ra phải viết 未面. Chỗ này cũng là một điểm nghi ngờ không biết chắc là *mặt sắt* (mặt liều lĩnh) hay *mật sắc* (sắc đảm, nói cả gan, bạo dạn) như bản Nguyễn Văn Tố phiên âm.

Nhưng nếu phiên âm là *mật sắc* thì cũng không ổn vì bản Nôm khắc chữ 鐵 (sắt) chứ không phải chữ 色 (sắc).

5. *Tạn:* bản Nôm khắc 羨 *(tạn-tận)* ĐNQATV cũng có chữ này và chú nghĩa là sát một bên.

6. *Tiệc vầy: (vầy:* sum họp) tiệc đông người tham dự.

http://tieulun.hopto.org

Sang hầu dạy ngụ tây sương mái ngoài.
Mới rồi hẳn nghỉ chẳng sai,
Hôm tăm [1] tạm ngụ biết ai đấy mà."
Hay tình lẳng lặng nghe qua,
Dạy đòi Bích Nguyệt truyền ra trước lầu:
"Vắng chừng ấy chẳng ai đâu,
Con cờ còn đấy, xem mau lấy về".
Vâng lời băng lối đình khuya,
Viện lan trông suốt, dãy hòe lâm râm.
Bóng sân trăng hãy còn cầm [2],
Nỉ non van đá, âm thầm trách hoa.
Nhởn nhơ dáng Nguyệt còn xa,
Quen vùng sinh đã dần dà tới ngay:
"Tiên nào ban nãy xuống đây ?
Quyến hồn khôn vía buổi [3] này đi đâu.
Rằng: Tơ duyên chẳng giúp nhau,
Mái tây chi để bóng tàu [4] xế trăng".
Nghe lời Bích Nguyệt vùng vằng:
"Ví đâu ví lạ lùng chăng cho đời!
Đào trên mây hạnh trên trời,
Nghĩ chi cho nát dạ người như tương.
Dứt phiền phó hẳn con gươm,
Làm chi muộn đắp sầu đơm khó lòng [5]".
Sinh rằng: "Động tỏa nguồn phong,
Dám đâu hỏi bến thăm dòng xôn xao.
Nghĩ chăng kịp trở gót vào,
Một cười xem ý biết bao xa gần.
Riêng ai tính vẩn toan vần,

---

1. *Hôm tăm:* đêm hôm tối tăm.

2. *Trăng hãy còn cầm:* ý nói trông xa thời thấy trăng chiếu bóng Lương sinh nên biết được chàng đứng ở trước sân.

3. *Buổi:* bản Nôm viết 晦 thì phải phiên âm là *buổi* và có thể hiểu *buổi này* là lúc này.

4. *Bóng tàu: (tàu:* cái máng làm bằng nửa thân cây tre hay cây cau đục thành rãnh) cả câu ý nói Bích Nguyệt nếu không giúp chàng (Lương sinh) gặp được Dao Tiên thì thật đã để lỡ mất cơ hội tốt.

5. *Khó lòng:* bản Nôm khắc 苦 (khổ) thì cũng có thể đọc là *khó* cho hợp nghĩa hơn.

http://tieulun.hopto.org

Người tiên khi bạn kiếp trần [1] mà hay".
Nguyệt rằng: "Mơ mẩn xinh thay,
Cười chăng cười nỗi thày lay [2] dại càn.
Tấc mây như bợn gương Hàn [3],
Trăng hoa phải sự nên bàn mà chơi".
Phụng phà miệng nói chân dời,
Vườn khuya mặc đấy một người đứng trơ.
Ngân tà trăng lạt sao thưa,
Dở dang lẽ ở, say sưa chiều về.
Đỉnh [4] trầm thoang thoảng gió khuya,
Chập chờn cơn tỉnh cơn mê trước đình.
Bỗng dưng vương lấy tơ tình,
Này đồ vườn Lãng, này tranh non Bồng.
Người sao ngọc đúc tuyết đông [5],
Vẻ sao giá chuốt gương trong hỡi người.
Chớ chê dạ khách tơi bời,
Tượng sành âu cũng rụng rời khéo thay.
Xiêm huyền chửa dễ ai tày,
Huyền kia đã vậy, bạch này mới thanh.
Thợ trời dù hẳn vô tình,
Làm chi đem giống khuynh thành [6] trêu ai.
Tình dài dễ vắn canh dài,
Tiếng điêu [7] điểm chót [8], hiên cài bóng đông.
Thỉnh an vào trước nhà trong,
Phu nhân thấy khác hình dung vỗ về. [9]
Rằng: "Nơi quán hẹp chớ nề,

---

1. *Bạn kiếp trần: (bạn:* bản Nôm khắc 伴 thì phải đọc là *bạn)* cả câu ý nói người tiên (chỉ Dao Tiên) biết đâu lại không có duyên làm bạn trăm năm với người trần (chỉ Lương sinh).

2. *Thày lay:* làm tài hay, làm chuyện không ai cầu, không ai ưa.

3. *Gương Hàn:* chỉ mặt trăng.

4. *Tối:* bản Nôm khắc 最 thì phải đọc là *tối* nhưng ở đây chữ *tối* không hợp nghĩa. Chúng tôi cho là chữ *đỉnh* 鼎 đã bị khắc sai.

5. *Ngọc...tuyết:* ý nói đến sự trong trắng cao quí của người con gái.

6. *Khuynh thành:* chỉ người con gái *đẹp* (*Khuynh thành:* nghiêng thành. Lý Diên Niên ở đời Hán có câu hát: *"Nhất tiếu khuynh nhân thành, tái tiếu khuynh nhân quốc"* nghĩa là cười một lần làm nghiêng thành, cười hai lần làm nghiêng nước.

7. *Điêu:* cái chiêng đồng dùng để đánh cầm canh.

8. *Điểm chót:* điểm tiếng chiêng cuối cùng.

9. *Vỗ về:* an ủi, làm cho vui lòng, an lòng.

http://tieulun.hopto.org

Dễ cưu [1] dạ khách lòng quê kẻo gì.
Mặt sau sẵn thú viên trì,
Liền song sang đó dù khi [2] đỡ buồn.
Gọi là thủng thỉnh điền thôn [3],
Hồ sơn cũng giúp cầm tôn [4] khi rồi".
Được lời sinh vội uốn lời:
"Dạo trăng ban tối lạc vời bước sang.
Bầu trời chia chiếm phong quang,
Cảnh vừa mến lạ, khách nhường quên xa.
Ngại chăng đông tiếng đàn bà,
Thẩm nghiêm chi để xông pha người ngoài."
Dạy rằng: "Họ đấy chẳng ai,
Đến chơi ngày vía rồi mai cũng về."
Được lời rón rén mụ mê, [5]
Những ai hơi hướng những bề gần xa ?
Mỉm cười thôi mới dạy qua:
"Đêm xưa [6] chơi đấy họ nhà đôi chi.
Một người bề gọi là dì,
Thái Cơ họ Mã trăng kỳ tròn khuyên.
Ấy người rủ bức xiêm huyền,
Với em đây rắp kết duyên Việt Hồ.
Một người bề gọi là cô,
Con quan Dương tướng Tham đô [7] tỉnh này.
Dao Tiên đồn khắp châu đây,
Tuổi chừng đôi tám xuân nay chửa nhiều.
Viện thơ khung dệt bàn thêu, [8]
Chữ đề thiếp Tuyết, cầm treo phả đồng.
Chiều thanh vẻ bạch thêm nồng,
Thuyền quyên đáng mặt anh hùng nát gan."

---

1. *Cưu:* mang, giúp đỡ.
2. *Dù khi:* (*dù* cũng đọc là *dầu)* ví như, nếu như.
3. *Điền thôn: (điền:* ruộng, *thôn:* làng) ý nói thú quê.
4. *Cầm tôn:* (cây đàn và chén rượu) cái thú đánh đàn và uống rượu.
5. *Mụ mê:* chưa rõ nghĩa.
6. *Đêm xưa:* đêm hôm qua.
7. *Tham đô:* (*tham:* xen vào, dự vào; *đô:* cai quản) tham dự vào việc cai quản trong tỉnh.
8. *Viện thơ... bàn thêu:* câu này ý nói Dao Tiên không những khéo về nữ công mà còn giỏi cả thơ phú nữa.

http://tieulun.hopto.org

Lắng nghe riêng những bàn hoàn,
Trước toà đứng sững [1] bên bàn ngồi quên.
Rõ tình lại mở lời khuyên :
"Quyển vàng còn đủ là duyên má đào.
Cánh hồng hãy gắng bay cao,
Tự nhiên chỉ dắt tơ trao lọ là."
Tạ tình [2] vừa xuống thềm hoa,
Diêu sinh vừa gặp rủ ra thư phòng.
Dỉ dang [3] khi lại huỳnh song [4],
Gương Nga thoắt đã non đông nửa vừng
Bếp tình riêng để bập bừng,
Vườn thơm thoắt lại đè chừng lần ra.
Ba đình tuyết (?) lọt sương pha,
Xạ xông trận gió, sen lòa dấu in.
Tấc gang gác khóa lầu then,
Bồng Sơn dấu cách muôn nghìn chẳng sai.
Lập lòe bóng nguyệt trêu ai,
Hoa đâu rụng, lá đâu rơi trước rèm.
Kêu sương tiếng nhạn lay thềm,
Mảnh thư đưa đến cung thiềm [5] bỗng không.
Phượng cầu dù lựa nên cung,
Ngón cầm biết khảy [6] được lòng hay chăng.
Xe duyên hẳn phải xích thằng,
Thà xin xem số dưới trăng kẻo còn [7].
Lại song [8] sầu bể sầu non,
Nào hay là khách lầu son [9] đã về.
Mình gieo vào chốn phòng the,

---

1. *Sững:* bản Nôm khắc 產 (sẵn) nhưng chữ *sẵn* không hợp nghĩa nên các bản Quốc ngữ đều phiên âm là *sững. Đứng sững:* đứng ngẩn người ra.

2. *Tạ tình:* cảm tạ thịnh tình của người khác.

3. *Dỉ dang:* ý nói vừa đi vừa nói chuyện tâm tình với nhau.

4. *Huỳnh song: (huỳnh:* con đom đóm): phòng học.

5. *Cung thiềm: (thiềm:* con cóc) cung trăng. Người xưa tin rằng trên mặt trăng có con cóc (thiềm thừ) nên gọi cung trăng là *cung thiềm.*

6. *Khảy:* thì có thể phiên âm là *gảy* hoặc *khảy. Khảy* có nghĩa là khêu gợi lên.

7. *Xe duyên... kẻo còn:* cả hai câu này ý nói: "Nếu việc xe duyên vợ chồng quả có định sẵn thì xin ông Nguyệt lão xem trong sổ có tên hai người không ?"

8. *Lại song:* nói Lương sinh đã về đến thư phòng.

9. *Khách lầu son:* chỉ Dao Tiên.

http://tieulun.hopto.org

Lũ hầu tấp nập hả hê chực mòng [1].
Trướng bình kẻ cuốn người phong,
Kẻ bao gương giá, người xông hương màn.
Người đài nước, kẻ lò than,
Kẻ lồng đệm thúy [2], người dàn chiếu hoa.
Yên xong ai nấy chiềng qua:
"Trải xem cảnh trí Diêu gia nhường nào?"
Dạy rằng: "Đáng giá thanh cao,
Khắp trong cửa tía đài cao khác thường."
Vờ chơi Nguyệt cũng đua đàn, [3]
"Cảnh thanh đã vậy người sang mới là".
Lấy cờ hôm nọ vâng ra,
Lẳng lơ còn thấy dạo qua bên lầu.
Gió trăng nói những đâu đâu,
Những tơ nào thắm những cầu nào xanh.
Những lăm chắp cánh liền cành,
Đã mềm tấc uốn lại quanh tơ vò.
Cậy quanh mãi mãi buồn no,
Khéo dơ thay những chuyện trò khúc nôi.
Luống còn mải miết [4] đòi thôi,
Khéo đâu nước chảy bèo trôi hững hờ.
Lóng tai những cạnh (?) đong đưa,
Nhủ rằng: "Người thế sam sưa [5] đã đầy.
Tự ta đóng nguyệt cài mây,
Buồng thơm chưa lọt mảy may gió tà.
Buông rèm ngăn cách bóng hoa,
Tường đông bướm lại ong qua mặc lòng."
Mấy lời để tạc gương trong,
Hương khuê nào biết văn phòng khát khao.

---

1. *Chực mòng: (mòng:* mong) chờ mong, chờ đợi, mong mỏi (H.T.C).

2. *Đệm thúy: (thúy:* xanh biếc như màu lông chim trả) đệm làm bằng lông chim phỉ thúy.

3. *Đua đàn:* đua theo chúng bạn.

4. *Mải miết:* mê mải nói không ngớt lời.

5. *Sam sưa:* bản Nôm khắc là 潘 疏 (phan thưa) nhưng *"phan thưa"* không có nghĩa nên các bản Quốc ngữ đều phiên âm là *sam sưa.*

http://tieulun.hopto.org

Từ nghe khách lại cung sao,
Bụi hồng dứt nẻo chiêm bao đi về [1].
Thẫn thờ mây sớm đèn khuya,
Trà gây giọng khát hương ghê mùi sầu.
Dò la Dương tướng dinh đâu,
Tụ Hiền [2] phường ấy cửa hầu thẳm nghiêm.
Nhơn nhơn chiêng lặng điêu chìm,
Tuyệt mù tăm cá bóng chim mấy trùng.
Liền tường [3] bỗng thấy một thung [4],
Rêu sân lấm tấm, then song lỏng cài.
Sai đồng tra hỏi vườn ai,
Mới hay viễn khách nhà ngoài để không.
Sởn sơ [5] hoa nở khóm lòng,
Non Vu đành có nẻo thông từ rày.
Dương đài đành sẵn mưa mây,
Mà riêng chúa Sở lo vầy giấc tiên,
Truyền thu ngân lạng kể nghìn,
Dốc tình chác lấy [6] danh viên cho gần.
Sửa làm một chốn phòng văn,
Viện hoa bắc mở, đài xuân nam bày.
Thái hà [7] lấp lánh đông tây,
Sớm đình Hương, tối đình Mây sẵn sàng.
Hàng khúc hạm, dãy hồi lang
Kề hiên tòa đá, rợp đường tán cây.
Một tay nhìn đặt ngắm xoay,
Nơi chung viện sách, nơi bày cuốn thơ.

---

1. *Từ nghe... đi về:* hai câu này ý nói từ khi Dao Tiên (khách) đã về phòng khuê (cung sao) thì Lương sinh không còn tìm được cách nào để gặp nữa đành trở về gặp trong giấc chiêm bao thôi.

2. *Tụ Hiền:* xóm Tụ Hiền, chỗ dinh Dương tướng ở.

3. *Liền tường:* bản Nôm khắc 連 (trên) thì sai. Ở đây phải là chữ 連 (liền) mới đúng. *Liền tường* có nghĩa là sát tường, ngay nhà bên cạnh.

4. *Thung:* chữ 春 (xuân) đọc là *thung* (春) cho hợp vần.

5. *Sởn sơ:* bản Nôm khắc 口山又 thì có thể phiên âm là *sởn sơ* và có thể hiểu nghĩa là vui tươi, hớn hở.

6. *Chác lấy:* ý nói bỏ tiền ra mua ngay lấy cho chắc chắn được ở gần với nhà Dương tướng.

7. *Thái hà: (thái:* vẻ, *hà:* ráng) mây ráng năm vẻ.

http://tieulun.hopto.org

Nơi cầm nơi rượu nơi cờ,
Sẵn đình tả nhớ đợi chờ đủ nơi.
Đào mềm lẫn đối dương tươi,
Cưu hoàn chưa vẹn, oanh dời đã sang [1].
Dặt dìu mới rủ Diêu lang,
Cậy bề cậu cháu định đường thông lân.
Rước mừng tự lễ phân tân,
Đầu đuôi sinh đã vân vân rén chiềng:
Chút trong buổi mới láng giềng,
Gần soi may được nhờ riêng bóng thừa [2].
Dương công rằng: "Sự tình cờ,
Ngỡ là ai, bỗng chẳng ngờ là ai.
Nguyên xưa chú với tôn đài,
Một rèm một án dùi mài mấy thu.
Từ khoa Tân Mão phân đồ,
Kẻ mừng gặp bước, người lo trở nghề.
Cửa Ngô cung kiếm giữ lề,
Trạng đầu may cũng cắm vè cửa viên.
Bể quan khơi vượt cánh suyền,
Thổi đưa là những sức trên trao dùng [3]."
Được lời công tử biết cùng,
Đã trong thế nghị [4] lại trong lân tình.
Bôi bàn rộn giục trù định,
Tiệc vầy rước tận sau đình Vọng Ba.
Dạo theo quanh quất mấy tòa,
Rủ dòng tơ liễu thướt tha phất đầu.
Ngửng lên vách phấn thơ đâu,
Rung vàng chữ chữ, rắc châu hàng hàng.
Tiên hoa dấu thoảng còn hương,
Vịnh bài *Trì liễu* rõ ràng bốn câu.

---

1. *Đào mềm... đã sang:* cả hai câu ý nói mùa xuân đã dần dần qua đi, sắp sang mùa hạ, việc sửa sang dọn dẹp căn nhà còn chưa xong thì Lương sinh đã vội dọn sang.

2. *Gần soi... bóng thừa:* Lương sinh ý muốn đề cao Dương tướng công nên mới ví ông như cây đèn tỏa nhiều ánh sáng mà chàng chỉ xin soi nhờ chỗ dư thừa ấy cũng đủ rồi.

3. *Bể quan... trao dùng:* cả hai câu là ý của Dương tướng công muốn khiêm nhường cho rằng mình làm quan được thăng mau như vậy cũng là nhờ may mắn, được nhà vua tin dùng mà trao cho trọng chức chứ cũng không có tài cán gì.

4. *Thế nghị: (thế:* đời, *nghị:* nghĩa tình) chỗ quen biết từ lâu đời.

http://tieulun.hopto.org

Nhìn xem nhận suốt gót đầu,
Ông vừa liếc lại đến sau rỉ lời:
"Trẻ nhà võ vẽ đề chơi,
Vụng về chẳng bõ giây cười làng thơ.
Giai chương ước được mảnh tờ,
Hoa tươi thêm vẻ là nhờ bút tươi".
Dối quanh sinh hãy chọn lời,
Thị tỳ ông đã giục đòi truyền qua:
"Nẻo quanh viện sách còn xa,
Phòng riêng sẵn giấy mượn và trương đây."
Trên đình nghiên bút đủ bày,
Hầu đề [1] sinh lại dừng tay nghĩ thầm.
Nổi nênh chút nỗi tình thâm,
Lá ngô man mác duềnh Nhâm dập dềnh [2].
Bạch Tô [3] sẵn mối duyên lành,
Mượn câu cảnh, ngụ câu tình [4] họa may.
Ngón dao gió táp mưa bay [5],
Tựa thơ *vịnh liễu* lại bày một thiên.
Đệ trình ông những ban khen:
"Giá nầy lầu Hạc đình Liên cũng nhường [6]".
Thanh phong [7] hết tấc yêu đương,
Lại truyền đem dán ngang tường một bên.
Còn thừa hai mảnh hoa tiên,
Chắt chiu sinh đã giấu liền biết đâu.

---

1. *Hầu đề:* sắp sửa viết, toan đề.

2. *Nổi nênh... dập dềnh:* cả hai câu ý Lương sinh muốn nói mình vốn có mối tình thâm với Dao Tiên mà còn chưa được nàng đem lòng quý mến nên còn nổi nênh như lá ngô đồng lênh đênh trên mặt nước.

3. *Bạch Tô:* tức Bạch Cư Dị, thi nhân đời Đường và Tô Đông Pha, thi nhân đời Tống.

4. *Ngụ câu tình:* Lương sinh muốn mượn lời văn tả cảnh để gửi tình ý của mình.

5. *Gió táp mưa bay:* ý nói làm thơ mau.

6. *Lầu Hạc đình Liên cũng nhường: (Lầu Hạc* là Hoàng Hạc lâu, tên bài thơ của Thôi Hiệu đời Đường, *đình Liên:* Lý Bạch lấy hiệu là Thanh Liên cư sĩ). Câu này mượn ý từ câu chuyện của Lý Bạch và Thôi Hiệu. Lý Bạch một hôm đến *Hoàng Hạc lâu* định đề một bài thơ nhưng khi thấy đã có bài thơ của Thôi Hiệu quá hay thì không đề nữa, đành phải nhường tài Thôi Hiệu. Ở đây Dương tướng công muốn khen Lương sinh có tài làm thơ hơn cả mọi người.

7. *Thanh phong:* thanh tao phong nhã, chỉ sự cao quí của văn chương.

http://tieulun.hopto.org

Hầu vui chén hãy kèo [1] mau,
Tạ từ thôi mới giã nhau về nhà.
Đầy thềm vằng vặc gương nga,
Bóng cành vẽ vách mùi hoa đan rèm.
Cầu Lam [2] khi tỏ lối tìm.
Nhẫn nay chừng đã đâu thèm [3] nửa sương [4].
Rằng: "Chừng một đoạn sông Tương,
Người xa luống những mơ màng bóng xa.
Bấy lâu đeo đẳng vì hoa,
Nào hiên Lãm Thúy [5] ắt là đâu đây.
Thơ kia [6] có thấu mà hay,
Lại trăng kia với khách này rõ nhau.
Tiên hoa còn đó chớ đâu,
Phấn bình dường thấu, hương lầu dường bay.
Mở phong chẳng nỡ rời tay,
Người xa, gọi [7] chút báu này cũng duyên.
Người tiên tên đã đáng tiên,
Gặp tiên bỗng diễn vân thiên mấy trùng.
Trước hiên nương bóng tà song,
Cảo Tô biếng giở túi đồng để nuông.

---

1. *Kèo:* bản Nôm khắc 撟 (kéo) nhưng ở đây phải là chữ *kèo* (橋) mới có nghĩa là rót rượu mời. Nhưng chữ 撟 cũng có thể đọc là *kèo* vì chữ mộc (木) nhiều khi cũng được viết tắt là 扌.

2. *Cầu Lam:* tích Bùi Hàng đến Lam kiều gặp được tiên. Ý nói nơi gặp gỡ duyên lành.

3. *Thèm:* gần, còn kém, còn thiếu chút ít thì bằng.

4. *Nửa sương:* mỗi năm có một mùa sương cho nên *sương* cũng có nghĩa như năm. *Bán sương* là nửa năm.

5. *Lãm Thúy:* tên của cái hiên. Trong *Truyện Kiều*, chữ *Lãm Thúy* có ý nghĩa đặc biệt. Kim Trọng khi thấy ở cái hiên có đề *Lãm Thúy hiên* thì mừng thầm chắc sẽ lấy được Thúy Kiều vì chữ *Lãm* 攬 có nghĩa là nắm lấy. Nhưng Nguyễn Thiện đem dùng chữ ấy vào trong câu này thì mất hẳn ý nghĩa đi tuy cũng ngụ ý chỉ nơi gặp người đẹp.

6. *Thơ kia:* bản Nôm khắc 初 (thường đọc là *xưa)* nhưng có thể đọc là *sơ* hoặc *thơ*. Ở câu này phải phiên âm là *thơ* mới có nghĩa vì Lương sinh muốn nhắc tới bài thơ *Trì liễu* mà mình họa lại không biết có thấu đến ý nàng chăng.

Trong *Hoa tiên nguyên tác,* Nguyễn Huy Tự cũng viết là "Một thơ thấu chẳng mà hay".

7. *Gọi:* bản Nôm khắc 膾 thì phải phiên âm là *gói* mới đúng. (Chữ *gói* viết với bộ *khẩu* 噲, 哙.

http://tieulun.hopto.org

Giấc hồ [1] nửa gối mơ mòng.
Chiền đâu đã lọt tiếng chuông mé tường.
Trời mai dợn trắng tuôn vàng,
Gió đâu sớm đã quyến hương trước đình.
Dấu tiên trên vách rành rành,
Nhìn chơi nàng đã lộng tình bốn câu.
Vân Hương chiềng hỏi: "Thơ đâu ?"
Dạy rằng: "Buổi trước con hầu nói qua.
Khách nào bên giậu chơi nhà,
Mệnh đề truyền lấy tiên hoa vội vàng.
Nay xem dòng khoản ghi tường,
Ngỡ là ai lại là chàng Lương sinh.
Trong thơ buộc bện [2] lời tình,
Mượn cây quấn quít, mượn cành ủ ê.
Tưởng đâu ngày một đê mê,
Biết bao mưu chước đi về đây chi".
Lộng nâm [3] (?) Nguyệt mới mới kỳ,
Bước lên chiềng: "Ngẫm duyên gì chẳng sai.
Song song một vách đôi bài,
Giai nhân tài tử sánh vai khéo là".
Rằng: "Ai thêm ngán nói mà,
Đặt bày phong nguyệt, gièm pha cương thường.
Mây quang lẻo lẻo lòng gương,
Để coi đỉnh Giáp duềnh Tương sau này.
Người đà phong nguyệt chi đây,
Ngán thay cho khách những say sưa lòng".
Rước Diêu lại đến thư phòng,
Lễ thường hồi bái mừng ông sang nhà.
Khiến xui thật đã ưa là,
Vườn vừa dọn chỉnh [4], khách đà đến chơi.
Đình Hương dìu dặt chén mồi,

---

1. *Giấc hồ: (hồ:* hồ điệp, con bướm) tích Trang Chu hóa bướm, chỉ giấc mộng.

2. *Buộc bện:* buộc kết.

3. *Lộng nâm:* nói những lời lẽ thiếu tế nhị, nói bừa bãi. Cả câu ý nói Bích Nguyệt không biết giữ mồm cứ nói bừa bãi thật là kỳ cục.

Các bản Quốc ngữ đã phiên âm là *xổng mồm* (NVT, ĐXH, TTL) *đổng mồm* (ĐDA) và đều hiểu là mau mồm, lắm lời.

4. *Chỉnh:* sạch sẽ đẹp đẽ.

http://tieulun.hopto.org

Những say vì nghĩa, những vui vì tình.
Chề chà ông mới hỏi sinh:
"Bấy lâu đã lọt tên bình đâu chưa ?"
Dứt lời khúm núm rén thưa:
"Nợ thường [1] chưa trả, duyên tơ [2] còn dành."
Khéo thay lời nói hữu tình,
Giường đông [3] rày mới là dành có nơi.
Rằng: "Ta thuở trẻ theo đòi,
Mênh mông bể thánh nào vơi phần nào.
Sông Thù [4] luống những khát khao,
Trót đem hàn mặc [5] ép vào biền mâu [6].
May thay giải cấu duyên đâu,
Mượn tay vườn hãn [7], mở lầu rừng nho.
Đi về giảng sớm bàn trưa,

---

1. *Nợ thường:* nợ đèn sách.

2. *Duyên tơ:* (tơ duyên) sợi tơ hồng buộc đôi trai gái thành vợ chồng, chuyện tình duyên. Trương Gia Trinh có năm người con gái muốn gả một người cho Đặng Nguyên Chấn. Ông bảo năm người con ngồi sau một cái màn, cầm năm sợi tơ, mỗi người một màu khác nhau. Đặng Nguyên Chấn ở ngoài rút lấy sợi tơ hồng và cưới người con gái thứ ba của Trương Gia Trinh.

3. *Giường đông:* (chữ 床 có thể đọc là *sàng* hoặc *giường)* do chữ *đông sàng thản phúc* là nằm ngay bụng ở giường phía đông. Đời Tần họ Tạ sai người sang nhà họ Vương để kén chồng cho con gái mình là Tạ Đạo Uẩn. Con em nhà họ Vương nhiều người tuấn tú, nghe được tin có người họ Tạ đến, đều làm ra vẻ trang nghiêm hiếu học duy có Vương Hy Chi cứ nằm ưỡn bụng ở giường phía đông, không để ý gì đến khách. Người nhà trở về nói lại với Tạ công về anh chàng nằm ở giường đông. Tạ công khen rằng: *thằng ấy là thằng rể tốt.* Vương Hy Chi sau làm quan đến chức Hữu quân và nổi tiếng là người viết chữ đẹp. Vì câu chuyện này mà về sau người ta dùng chữ *đông sàng* hoặc *giường đông* để chỉ người rể quý.

4. *Sông Thù:* tên con sông chảy qua nước Lỗ, quê hương của đức Khổng Tử.
Nghĩa bóng nói về đạo của đức Khổng Tử.

5. *Hàn mặc: (hàn:* bút lông, *mặc:* mực; đồ dùng của kẻ văn nhân) văn chương.

6. *Biền mâu: (biền:* cái gươm, *mâu:* cái giáo) võ nghệ.

7. *Vườn hãn:* do chữ *viên hàn* bởi câu *Tây viên hàn mặc lâm* là nói cái vườn bút mực ở phía tây. *Tay vườn hàn* là người có tài về văn chương, cả câu ý nói Dương công muốn nhờ Lương sinh là tay giỏi văn chương chỉ bảo thêm cho ông.

http://tieulun.hopto.org

Quyển vàng [1] họa được giải cho ít nhiều."
Thưa rằng: "Chút phận bọt bèo,
Hậu sinh đã dám chơi trèo sao nên.
Gẫm mình võ vẽ bút nghiên,
Biết đâu kinh thánh truyện hiền là đâu.
Vả nơi rốn bể cửa hầu,
Ra vào vì chút thẳm sâu ngại ngùng."
Thuận lời vui chén thung dung,
Rằng: "Trong thanh khí [2] là trong một nhà.
Đã gần chi có điều xa,
Nhà ta coi với lòng ta lệ gì.
Tiện đâu giáp vách liền vi,
Mở lần cửa hãy dầu khi đi về.
Rồi ra đôi khóa đôi bề,
Đành ngăn khép đó lọ nề nập [3] chi."
Vội mừng thôi chẳng ngại gì,
Mặt nam sẵn thợ tức kỳ mở ngay.
Thiên Thai [4] đành trổ lối này,
Tiện đường Dương tướng dở say lại nhà.
Trướng loan [5], trò chuyện dàn hòa,
Biết bao dù ngựa [6] cùng là trâm anh [7].

---

1. *Quyển vàng:* quyển sách giấy nhuộm sắc vàng. Xưa ta dùng một thứ thuốc sắc vàng có tính sát trùng để nhuộm giấy mà trừ mối mọt.

Địch Nhân Kiệt lúc còn nhỏ đang đọc sách thì có viên quan đến nhà tra xét vụ án một người môn hạ. Mọi người đều tranh nhau thuật chuyện duy Địch Nhân Kiệt vẫn chăm chú đọc sách. Viên quan trách thì Kiệt đáp: "*Hoàng quyển trung phương dự thánh hiền đối, hà hạ đồng tục lại ngữ gia ?* (Trong sách vàng đang cùng thánh hiền đối đáp, rảnh đâu mà nói chuyện với viên quan lại trần tục).

2. *Thanh khí:* (do chữ *đồng thanh tương khí đồng khí tương cầu* nghĩa là những vật cùng một loại khí thì tìm nhau) chỉ người có đồng tình đồng điệu.

3. *Nề nập:* coi thường. Từ điển Génibrel có ghi:

Đừng nề nập và đã dịch *nề nập* là mépriser comme l'ordure (coi khinh như rơm rác).

Cả câu ý nói đành cứ khép cửa lại chứ không phải là coi thường gì đâu.

4. *Thiên thai:* tên quả núi tương truyền có tiên ở. Đời Hán Lưu Thần và Nguyễn Triệu đã lạc vào đó rồi ở lại nửa năm. Khi trở về thì đã trải qua bảy đời rồi. Nghĩa bóng: chỉ cảnh đẹp làm người ta say mê.

5. *Trướng loan: bức* trướng thêu chim loan, chỗ phụ nữ ở.

6. *Dù ngựa:* nói cảnh võng lọng ngựa xe, chỉ sự giàu sang.

7. *Trâm anh: (trâm:* cái gài tóc, *anh:* dải mũ) Xưa thi đậu tiến sĩ trở lên mới được đội mũ gài trâm, chỉ nhà quyền quí.

http://tieulun.hopto.org

Rồi đây gởi mối trao manh,
Tuổi già kịp thấy rể lành mới may.
Duyên kia tơ đã trao tay,
Mà người khuê khổn [1] những say về gì.
Sớm dồi còn đậm hơi chi,
Dưới hoa đã gọi Hương tỳ vội sai [2].
Lá đằm lướt mướt sương mai,
Líu lo trên liễu một vài tiếng chim.
Diễu quanh lũng hỏi thung tìm,
Cửa đâu trổ dưới tường nghiêm một tòa.
Lạ xem thuận lối dần dà,
Giàn vi [3] giá thược lần qua cẩm tường [4].
Lét chừng khói ngất bóng dương,
Nẻo xa thấy một người nhường quen quen.
Sinh vừa dạo gót trước hiên,
Vừa trông ngang thấy vừa nhìn được nhau.
Đài trang [5] còn những đâu đâu,
Hãy xem phong phát [6] con hầu thử xem.
Xa xa Hương vội lánh hiềm,
Sinh đà dạo trước êm êm sẽ bày:
"Cùng nhau chi nợ [7] nhau đây,
Dừng chân gạn một lời này chút nao.
Bên cờ từ lạc bè sao,
Trước trăm năm có duyên nào hay không ?

---

1. *Khuê khổn: (khuê:* cửa nhỏ, *khổn:* cửa buồng) chỗ con gái ở trong nhà. *Người khuê khổn* chỉ Dao Tiên.

2. *Sớm dồi... vội sai:* cả hai câu ý nói Dao Tiên một buổi sớm mai trang điểm xong đã gọi Vân Hương (người hầu gái) ra vườn hoa sai bảo.

3. *Giàn vi:* giàn hoa tường vi. Bản Nôm khắc là *sàng* (床) nhưng ở câu này phải chép là *giàn* mới đúng.

4. *Cẩm tường:* tường gấm tức tường hoa.

5. *Đài trang:* phòng riêng của con gái để trang điểm. Nghĩa bóng chỉ người con gái với ý tôn kính, đây chỉ Dao Tiên.

6. *Phong phát:* dáng vẻ, thái độ.

Cả hai câu ý nói nay nơi trang đài (Dao Tiên) còn cao xa chưa dễ thấu, vậy ta (Lương sinh) hãy dò tình ý thái độ của cô hầu gái (Vân Hương) xem sao.

7. *Nợ:* duyên nợ. Theo quan điểm xưa trai gái lấy nhau là do duyên tiền định, kết quả của nhân duyên từ kiếp trước hay là do *nợ* mắc nhau từ kiếp trước mà kiếp này phải trả cho nhau.

http://tieulun.hopto.org

Bấy lâu đắp nhớ đổi mong,
Xót lòng đeo đẳng [1], xót công tìm tòi.
Nghĩ cho đáng bấy thiệt thòi,
Đài sen may họa tỏ soi quán bèo [2].
Vườn thơm màn rủ gấm treo,
Hay sao lại có ong liều vì hoa.
Bóng kiều mong gởi thân la [3],
Biết đem trăng buộc [4] dễ mà cậy ai".
Thưa rằng: "Lời nói như chơi,
Biết đâu ngấn bể đầy vơi mà chiềng.
Éo le ai dám độc đường,
Tiếc thay thân cái dã tràng luống công.
Gió đâu rụng tía rơi hồng,
Ngập ngừng lòng chạnh riêng lòng đòi khi.
Xiết bao mấy nỗi nằn nì,
Thảm oanh khúc rối [5] sầu chia giọt tràn.
Thẹn lòng [6] thấy khách châu chan,
Chút chiều [7] Hương lại thử bàn ướm chơi.
Hiếm chi ngòi phẳng duềnh khơi,
Lá hồng bỗng đến chi nơi nổi chìm".
Sinh rằng: "Khiến cải xui kim,
Lạ trong tiếng ứng hơi tìm biết đâu.
Ước ao nguyền nặng thề sâu,
Hoa đầy mớ [8], liễu đầy câu [9] sá nài [10].

---

1. *Đeo đẳng:* theo đuổi dai dẳng.

2. *Đài sen... quán bèo:* Lương sinh đề cao Dao Tiên (đài sen) và tự hạ mình (quán bèo).

3. *Kiều... la:* (*kiều:* cây to, *la:* cây leo) ở câu này Lương sinh hạ mình có phần quá đáng.

4. *Trăng buộc:* ý nói đến ông già dưới trăng (Nguyệt lão) buộc chân những người con trai con gái thành vợ chồng. Cả câu ý nói biết đem mối nhân duyên để mà nhờ cậy ai giúp cho được.

5. *Thảm oanh khúc rối: (oanh:* cuốn, quanh đi nhiều vòng) ý nói nỗi lòng sâu thẳm, rối như tơ vò.

6. *Thẹn lòng:* lấy làm xấu hổ. Cả câu ý nói Vân Hương lấy làm xấu hổ cho Lương sinh đã chan hòa nước mắt.

7. *Chút chiều:* chiều theo một phần ý muốn của Lương sinh.

8. *Hoa đầy mớ:* ý nói thiếu gì hoa đẹp, có cả mớ.

9. *Liễu đầy câu: (câu:* dòng nước) ý nói liễu mọc đầy bên bờ dòng nước, đâu có thiếu gì

10. *Ước ao... sá nài:* cả hai câu này ý Lương sinh muốn được thỏa ước nguyện kết duyên với Dao Tiên chứ còn người đẹp trong thiên hạ đầy ra đó chàng có để ý gì đến.

http://tieulun.hopto.org

Cầu sương khe tuyết chiều ai,
Dịch xuân đành rõ tin mai những mừng [1].
Hay đâu nước lạt dửng dưng,
Giấc hoa nỡ để chập chừng dở say.
Dù chăng đoái chút nỗi này,
Bên đào đành có như ngày chửa ai."
Thấy lời Hương dễ êm tai,
Sợ nhà nể khách một hai ngần ngừ:
"Phép trong đâu chẳng e giờ,
Vì người vâng sẽ thử chờ đây xem.
Họa khi gió thảm mưa chìm [2],
Điểm thành [3] cho thấu đá mềm dễ đâu [4] ?
Ví mà cá lạnh đông câu [5],
Phận ai mấy vậy thôi dầu vậy thôi".
Chợt nghe sầu chợt trở vui,
Ơn này biết trả đến đời nào xong.
Lặng nghe Hương cũng sượng sùng,
Vội pha [6] lối cũ thẳng giong về lầu.
Vắng thênh mới đệ hoa hầu,
Quở rằng: "Sao bỗng đi đâu chậm về ?
Tiện lời rón rén tỉ tê,
Dở bề xuýt ải [7] (?), dở bề mách mao [8].
Trót vì lạc lối vườn nào,

---

1. *Cầu sương... những mừng:* hai câu ý Lương sinh muốn nói sở dĩ chàng dày công chờ đợi nơi cầu sương khe tuyết vì mong nhận được một tin vui thỏa lòng phỉ nguyện như người xưa đã gửi cành mai.

2. *Gió thảm mưa chìm:* ý nói bị đọa đày sầu thảm vì tình.

3. *Điểm thành:* tấc lòng thành.

4. *Họa khi... dễ đâu:* hai câu này ý Vân Hương muốn nói nếu cô tôi thấy công tử sầu thảm vì tình thì tấm lòng thành của công tử có thể làm cho cô tôi mềm lòng, nhưng cũng không phải dễ đâu.

5. *Cá lạnh đông câu:* do câu *"thủy hàn ngư bất nhị"* (mùa đông nước lạnh cá không cắn mồi câu) thường dùng để ví việc không thành, đây ý nói Dao Tiên không bằng lòng.

6. *Vội pha:* vội xông pha, đi thẳng.

7. *Xuýt ải:* (*ải*: kêu) xuýt xoa kêu nhè nhẹ.

8. *Mách mao: (mao:* sơ lược) mách sơ lược, bịa đặt ra. Cả câu ý nói Vân Hương rón rén tỉ tê vừa xuýt xoa kêu nhè nhẹ vừa kể lại câu chuyện một cách bịa đặt.

http://tieulun.hopto.org

Sương gieo [1] để chịu biết bao tội tình [2].
Người [3] sao khéo léo là xinh,
Nói sao dơ dáng dại hình mới hay.
Đong đưa não nuột chiều thay,
Giấy kia dễ chép, trượng này khôn đo [4].
Nhẹ nhàng gượng nhắn nhe cho,
Càng xui châu chã tơ vò càng thương.
Rẻ xem núi ngọc non vàng,
Tấc vuông một tấm sắt gang trăm rèn [5].
Ngày xưa nhớ cữ soi đèn,
So ra nhắc giá thanh niên ai tày.
Bấy lâu tưởng võ trông gầy,
Mười phân xuân độ xanh rày nửa phân.
Ấp cây một mực trần trần,
Nặng tình đành nhẹ đến thân có người.
Nghe thôi lặng lẽ đòi thôi,
Sẽ khoan khoan mới mở lời rỉ trao:
"Mảnh tiên chẳng thấy thơ nào,
Ruộng tình dễ thấm nên khao khát lòng [6].
Tiếc cho cửa tướng nhà dòng,
Phong tao tài điệu rất nhòng ai so.
Kẻo lần mượn mối trao cho,
Đã tròn gương nguyệt, lọ mờ bóng mây [7].
Ra điều thuận miệng vắng đây,

---

1. *Sương gieo:* do chữ *sương trụy*, sương rơi xuống làm cho cây cỏ điêu tàn, nên thường ví *sương gieo* với sự tai vạ giáng xuống. Đây dùng để nói đến sự quở trách.

2. *Trót vì... tội tình:* hai câu này ý nói Vân Hương không may đi lạc vào nơi vườn gần nhà Lương sinh mới bị về trễ nên đã làm nên tội lỗi.

3. *Người:* chỉ Lương sinh.

4. *Giấy kia... khôn đo:* cả câu ý nói câu chuyện thật dài dòng, giấy không chép hết và trượng đo cũng không được.

5. *Rẻ xem... trăm rèn:* hai câu này là lời Vân Hương nhắc lại lời của Lương sinh nói rằng chàng không lấy tiền tài châu ngọc làm quý (nên đã bỏ ra mua sở vườn nhà bên cạnh) mà chỉ cố bày tỏ một tấm lòng thành gắn chặt với Dao Tiên như gang như sắt trăm lần rèn luyện thôi.

6. *Mảnh tiên... khát lòng:* hai câu này là lời của Dao Tiên nói với Vân Hương rằng nếu như khi trước chẳng thấy bài thơ của Lương sinh *họa lại* thì ta đâu dễ để bể ái thấm được vào ruộng tình (tức đâu dễ đã làm cho ta có cảm tình với chàng).

7. *Kẻo lần... bóng mây:* hai câu này ý Dao Tiên muốn nói: sao Lương sinh không nhờ mối manh, như thế có phải giữ cho nàng được vẹn toàn danh giá (gương nguyệt) họ là phải tìm cách tỏ tình một cách không được đàng hoàng (mờ bóng mây) như thế này.

http://tieulun.hopto.org

Mạch rừng [1] bưng bít cho hay chẳng vừa [2]".
Chợt nghe truyền gọi tiểu thư,
Lánh sau Hương những xem cơ bảo chàng.
Bình mai đã bợn tin sương,
Rèm đồng khách hãy mơ màng bàn mê [3].
Thói quyền [4] khỏng khảnh là lề,
Miệng hầu [5] vắt vẻo đi về khó tin.
Vẽ lòng há chẳng nên thiên,
Lại e giấu giếm mà phiền tiếng tăm.
Những là lo vẩn nghĩ nhầm,
Nguyệt chờ chực hẹn, xuân tầm nã tin.
Ngàn non ngậm kín bóng kim,
Táo [6] cành xao xác [7], chiếc chim điểm sầu.
Dải là thôi thoắt [8] bên lầu,
Phải Hương đấy chốc nhìn lâu tỏ chừng.
Hỏi chào lơi lả tưng bừng,
Dương xuân [9] đã có tin mừng sớm nay ?
Hương rằng: Dạy sẽ nhường hay,
Sự trăm năm phải một ngày nên ru.
Hãy coi vào số phong lưu,
Ấy nhân duyên biết là đâu chẳng trời.
Ừ là trót đã giúp lời,
Thử xem con tạo chiều người hay không.
Trăng kia dẫu có phụ lòng,
Có đâu dối bướm dại ong dường này.

---

1. *Mạch rừng:* mạch nước chảy ngầm ở trong rừng dù có cỏ cây rậm rạp mấy rồi cũng bị lộ ra.

2. *Ra điều... chẳng vừa:* hai câu này ý Dao Tiên muốn nói với Vân Hương rằng đừng có tưởng là điều nói thuận miệng ở chỗ vắng người nhưng phải biết *rừng có mạch, vách có tai,* hãy nên kín đáo, chớ lộ ra cho ai biết.

3. *Bình mai... bàn mê:* tin tức đã đưa đến phòng của Dao Tiên nhưng Lương sinh bên bức rèm còn bàn luận mơ màng chưa biết là thực hay hư.

4. *Thói quyền:* lề thói kẻ hầu người hạ trong nhà quyền quí.

5. *Miệng hầu:* miệng con hầu Vân Hương.

6. *Táo:* bản Nôm khắc 噪 . Tự điển Génibrel cũng có chữ 噪 ấy và dịch là chant d'une troupe d'oiseaux (tiếng hót của một đàn chim).

7. *Táo cành xao xác:* cả đàn chim kêu xao xác.

8. *Thôi thoắt:* ý nói tà áo phơ phất bay theo từng bước đi.

9. *Dương xuân:* ngày mùa xuân.

http://tieulun.hopto.org

Vụng hèn xin chước từ đây,
Tìm đâu chốn khác bắt mây cho đành.
Thấy lời như khảy [1] mối tình,
Rạng màu tô tỉnh, dịu vành van lơn.
Chi điều liễu tủi hoa hờn,
Một hai xin cậy thiên vàn chẳng quên.
Người lại gác, kẻ về hiên,
Tình chung mấy đoạn, sầu riêng mấy phần.
Lầu trang vàng chợt rắc sân,
Đầu thu vừa gặp giữa tuần trăng thanh.
Bên trăng gió dạo cuốn mành,
Tớ thầy thơ thẩn tựa quanh triện mồi.
Gọi Hương nàng sẽ rỉ lời:
Bốn mùa bốn cảnh chiều trời xinh thay.
Thu đâu chừng nửa tháng nay,
Lạ trăng, lạ nước, lạ mây thật là.
Tiếc thay lục ố vàng pha [2],
Vóc dương trơ một cỗi già khói tan.
Chực bên Nguyệt cũng thở than:
"Giục người phong cảnh năm tàn lại năm.
Nhớ ngày nào liễu mới giâm, [3]
Le te bên vũng độ tầm ngang vai.
Chợt đâu bóng cả cành dài,
Đã sương đã khói đã vài năm nay.
Xuân sang lục mới khoe mày,
Thu về vàng đã ố tay lọ gì.
Tưởng người lấy liễu mà suy,
Người khi xuân cỗi, liễu khi thu cằn.
Liễu kia thu lại còn xuân,
Người kia xuân dễ mấy lần xanh chăng.
Đối (?) lời Hương lại gạn rằng:
Gió mây khôn xiết nói năng sự đời.
Biết trăng hãy nói trăng chơi,

---

1. *Khảy:* cũng nói *gảy*, gợi lên, làm cho xúc động ở trong lòng.

2. *Lục ố vàng pha:* màu lá xanh bắt đầu ố vàng đỏ có pha lẫn sắc vàng về mùa thu (lá *ố* chứ không phải lá *úa*).

3. *Giâm (nhâm):* cắm cành để gây một cây mới.

http://tieulun.hopto.org

Vẻ thanh soi khắp tướng người mấy thung.
Người khi trướng xấp uyên chồng,
Người khi cầm lắp loan chung chửa dừng.
Người khi tựa bóng xem vừng,
Người e áo mảnh, người ngừng xuân khơi.
Người đương sắm sửa trang đài,
Giấc tàn dường bẵng [1] hiên cài ngẩn ngơ [2].
Cũng sầu, song cũng vừa vừa,
Riêng người gối chiếc tương tư là sầu.
Thanh cao soi dễ thấu đâu,
Nên soi đâu cũng một màu thanh cao.
Làm người nên nghĩ lấy nao,
Một năm một tuổi nỡ nào vội qua,
Dù vui dù tẻ cũng là,
Bóng đưa trăng mọc trăng tà đợi ai.
Đàn đâu réo rắt bên tai,
Lửa đâu chất chở dường khơi trận hừng.
Sầu đâu dở dói biếng rằng,
Nhủ hoàn khép cửa đẩy trăng trả trời.
Thủng tha loan lánh về đài,
Mặt dồi lau sạch, mối cài rũ tung.
Buông màn nhẹ bước vào trong,
Gối tiên [3] trằn trọc luống dong canh dài.
Bàn riêng những sự mới rồi,
Mấy lời Hương Nguyệt thực lời nói ngay.
Lân la mười sáu thu nay,
Tơ kia quấn bóng kia xoay mấy mà.
Xót thay cho kẻ vì ta,
Liễu gầy trăng lạnh sa đà bấy lâu.
Giá nào nào dễ mấy đâu,
Duyên nào nào biết về sau dường nào.
Dặt sầu nhẫn suốt tàn sao,
Tiếng gà đã gọi lầu cao dậy nằm.

---

1. *Bẵng:* bằng. *Dường bẵng:* dường bằng, dường như.

2. *Giấc tàn... ngẩn ngơ:* ý nói lúc tỉnh dậy (tan giấc mơ) thì không thấy người yêu đâu nữa, lại cách nhau như trước cửa hiên có cài then không sao gặp lại được mà ngẩn ngơ trong lòng.

3. *Gối tiên:* gối của người con gái đẹp, chữ *tiên* dùng cho đẹp lời.

http://tieulun.hopto.org

Trang thôi nhè nhẹ nâng cầm [1],
Bóng duềnh dường ngắm chiều đăm đăm chiều.
Hương đà liếc [2] trước buồng thêu,
Tình sớm nay, hẳn vì điều hôm qua.
Gởi rằng: "Vườn mới thêm hoa,
Êm cơn phải buổi hay là sang chơi."
Phải lời nàng cũng tin lời,
Một Hương theo gót vội dời sân ngô.
Chòm chòm sương điểm khói tô,
Đầu cây trải phấn mặt hồ lau gương [3].
Dần dà rón bước lần sang,
Gác son bỗng thấy bóng chàng tới sau.
Tiếng vàng vội gọi con hầu,
Gót sen nhè nhẹ dạo mau về nhà.
Cố tình ép liễu nài hoa [4],
Nàng về sinh đã dạo ra bên tường.
Nước thu sóng sánh một làn,
Môi đào e ấp, vẻ lan dạn dầy.
Định tình [5] sinh mới sẽ bày:
"Duyên chi khéo lại phen này gặp nhau.
Duềnh riêng đắng đót bấy lâu,
Tiện lân phỏng thấu bên lầu chút chăng.
Ngày xanh đã dễ đâu rằng,
Luống thay cữ gió tuần trăng hỡi người."
Ngượng ngùng e tiếng lệ rơi,
Gọi Hương mau bước liệu lời cho nao.
Bằng nay sửa mũ dưới đào,
Vả trong lễ cấm phép rào sao nên.
Ngần ngừ sinh rén rén chiềng:
"Nhẽ chung đành vậy tình riêng sao mà.

---

1. *Nâng cầm:* nâng đàn để gảy.
2. *Lét:* liếc nhìn.
3. *Lau gương:* chữ 抹 có thể phiên là *lau* hoặc *trau*. Ở đây phiên âm là *lau* hợp nghĩa hơn vì ta thường nói *sáng như gương lau.*
4. *Ép liễu nài hoa:* ép nài điều dâm dục. Nguyễn Thiện đã mượn câu Kiều đưa vào đây thì hoàn toàn không thích hợp vì Lương sinh đâu dám làm điều "ép liễu" khi còn có mặt cả Vân Hương theo hầu.
5. *Định tình:* quyết định tình ý.

http://tieulun.hopto.org

Đeo đai kia một tiếng đà,
Đài thiêng hổ có trăng già chứng lâm.
Thề phai nguyền lạt khôn cầm,
Cũng liều đầu bạc, dám lầm tuổi xanh [1].”
Nặng lời dở nhẽ làm thinh,
Rằng: “Trong cửa cửi buồng canh biết gì.
Dẫu cho nền lễ sân thi [2],
Cùng nhau đôi lứa cũng tùy nơi xe.
Chia đường [3] hãy tính cho về,
Nhẽ thường hẳn chẳng e dè chút ru.”
Nể lời dở nhẽ cầm lâu,
Tránh ngang sinh lại theo sau gạn nài:
“Lời vàng ý ngọc dám sai,
Lửa gần lại bảo cho bài nước xa [4].
Tin kinh diệu vợi tin nhà,
Thưa đăng cá lọt [5] hoặc là sao chăng.
Chút chi gắn bó gọi rằng,
Cho đành mối gió tin trăng sau này”.
Tai nghe gót dạo dạo giày,
Mắt đưa kẻ luống trông ngây nơi lầu.
Về song vò võ mày chau,
Một phen gặp gỡ thêm rầu một phen.
Với hoa những ngại ngùng duyên,
Thôi hờn lá thắm thì ghen nhị vàng.
Sóng tình sao khéo lênh lang,
Trúc tùng [6] ai có mơ màng chăng ai [7].

---

1. *Cũng liều... tuổi xanh:* cả câu ý nói Lương sinh muốn nói sẽ cố công chờ cho đến bạc đầu dù cho có bỏ phí cả tuổi xanh của mình đi nữa cũng không ngại gì.

2. *Nền lễ sân thi: (Thi, Lễ* là tên hai bộ sách, *Kinh Lễ* và *Kinh Thi*) nói đến người đi học có lễ nghĩa đạo đức.

3. *Chia đường:* tránh đường.

4. *Lửa gần... nước xa:* sách *Tân bảo giám* có câu ý nói nước xa không cứu được lửa gần. Ở câu này ý nói để chậm thì việc nhân duyên không thành được.

5. *Thưa đăng cá lọt: (đăng:* đồ đan bằng tre, hình phên, dùng chắn ngang dòng nước mà quây bắt cá). Cắm đăng thưa thì cá chui lọt, ý nói nếu không khăng khít gắn bó thì sợ lỡ mất dịp may kết mối duyên lành.

6. *Trúc tùng:* hai cây này đều có tính cách cao quí của người quân tử nên được dùng để ví với mối kết giao xứng đôi vừa lứa.

7. *Ai... ai:* chỉ Dao Tiên.

http://tieulun.hopto.org

Ngại ngần khi lại trang đài [1],
Mảnh riêng riêng để chất dài một bên.
Chừng nào yến mối oanh tin,
Thấy tình thật cũng đã nên là tình.
Dửng dưng nước vốn xuôi duềnh,
Hoa sao hoa khéo vẩn ghềnh chiều xuân.
Lời đâu quyến luyến thanh tân,
Rủ rê gió Sở mây Tần bởi ai.
Nói chi phong vị lâu đài,
Vả trong khách huống lữ hoài biết sao.
Thà cho xong một bề nào,
Chẳng thà cách trở hôm dao nhường này.
Non xuân lánh chút mái mây,
Phượng so phím lựa, loan gầy đồ (?) thêu."
Ngẫm nên Hương đã biết chiều,
Chiềng: "Sao rày vẫn có điều chi đây ?"
Dạy rằng: "Hiu hắt hơi may,
Chiều thu dường cũng nên say chiều người."
Mượn thu Hương lại uốn lời [2]:
"Chớ nề thu cảnh bàn chơi thu tình."
Đá đưa như khảy tầm oanh,
Gạn lời nàng mới đinh ninh dạy cùng:
"Đã là thác dạ nảy lòng,
Liệu xem lọ phải gạn gùng làm chi.
Người hầu với đá tri tri,
Đành hay tình ấy còn suy nỗi này.
Thói đời giọt nước làn mây,
Đấu nào ao được vơi đầy mà tin [3].
Lại khi đôi tuổi kén duyên,
Biết là đã hẳn như nguyền cho chưa.
Bấy giờ chẳng bõ bây giờ [4],
Luống giây điều nghĩ mà dơ trò cười."

---

1. *Trang đài:* phòng riêng của phụ nữ để trang điểm.
2. *Uốn lời:* lựa lời.
3. *Thói đời... mà tin:* hai câu này ý nói thói đời thường dễ thay đổi tan biến như giọt nước làn mây khó lấy đấu mà lường tấm lòng, chung thủy, vơi đầy ra sao mà tin cho được.
4. *Bấy giờ... bây giờ:* (nếu việc so tuổi không hợp, việc kết duyên không thành) thì bấy giờ sẽ gặp bao nhiêu dang dở chẳng bõ mình biết giữ gìn bây giờ có hơn không.

http://tieulun.hopto.org

Hương rằng: "Vâng cũng như lời,
Thấy chàng ổn trọng khác vời thường nhân.
Nền thi lễ, nếp đai cân,
Giá nào dẫu nhắc [1] đồng cân cũng già. [2]
Nghĩ người lại ngắm nghía ta,
Nhân sinh đệ nhất thật là lứa đôi.
Ngọc lành được giá là thôi,
Làm chi đợi đến những lời ong ve.
Dầu khi bạc mẫu trầm tre,
Châu nên đấu, gấm nên xe cũng liều.
Từ xưa tài sắc còn nhiều,
Để gương ngẫm lại bao nhiêu đấy là.
Ái vân oán điệu tỳ bà,
Dấu giày non Mã sương pha nên đồ.
Buồm mây khói tỏa năm hồ,
Lâm dâm bờ cỏ sông Ô khắp đường.
Tưởng nơi cung lạnh ngòi ngang,
Phú Tương Như dễ mấy vàng chác nên [3].
Sao bằng đôi lứa phỉ nguyền,
Chữ tình thêm vẹn chữ duyên càng nồng.
Nghĩ lòng dù chẳng quyết lòng,
Cắm sào đợi nước chờ trong được nào [4].
Dở lời chưa dạy rằng sao,
Tiểu hoàn đâu đã pha vào việc ngang.
Chắc tin Hương những trẻ tràng,
Ngóng tin sinh những lỡ làng chờ thăm.
Trung thu vừa giữa tiết rằm,
Viện thơ tụ thưởng sân cầm đua chơi.
Trước lan riêng nặng một người,
Tờ duyên lần dở chén mời để dưng [5].

---

1. *Nhắc:* nâng lên để xem nặng nhẹ ra sao, nghĩa rộng là cân.
2. *Đồng cân cũng già: (già:* nặng cân hơn, dư ra). Nặng hơn một đồng cân.
3. *Tưởng nơi... chác nên:* hai câu này ý nói rằng: nếu kén quá chẳng may lỡ thì sẽ phải chịu cảnh cô đơn, khi ấy khó có thể dùng tiền để mua lại hạnh phúc lứa đôi.
4. *Nghĩ rằng... được nào:* hai câu này ý Vân Hương muốn khuyên Dao Tiên phải sớm quyết định lấy việc tình duyên của mình, chứ cứ chần chờ, ngồi đợi ông tơ mãi thì sao nên.
5. *Trước lan... để dưng:* cả hai câu ý nói: Lương sinh vì nặng tình nên cứ vẩn vơ trông ngóng trước lan can, tay lần giở tờ hoa tiên xem đi xem lại, còn chén rượu thì cứ để dưng không rót vì biết mời ai cùng uống.

http://tieulun.hopto.org

Hoa thề trúc động mơ chừng,
Liếc trông cửa tía vợi ngừng [1] gác son [2].
Tiêu đâu rủ phượng véo von,
Một xoang như gọi nước non mấy niềm.
Phất phơ tơ liễu buông rèm,
Bóng đâu mây lẩn màu xiêm rõ nàng.
Nói cười sang sảng gieo vàng,
Thảnh thơi vui với Nguyệt Hương trước đình.
Dạo ra đến trước tự tình:
Nay đà được thỏa bình sinh ít nhiều.
May đây xin một hai điều,
Đêm lành khéo nhẽ *sương gieo* [3] hẹn lành [4] ?"
Tỏ chơi Nguyệt hãy đành hanh,
Nàng rằng: "Đây chẳng là ghềnh Mã đương.
Liệu xin bảo trọng phải đường,
Nặng lời trẻ mỏ bằng dường chẳng thông.
Nấu nung đâu sẵn lò lòng,
Chợt nghe chợt chã [5] đôi dòng phôi pha [6].
Nỗi niềm thăn thỉ [7] gần xa,
Một chiều càng một thiết tha một chiều.
Vả vì một nỗi bấy nhiêu,
Tình duyên gây phải đến điều lôi thôi.
Thương ưa phải sự ép đời,
Lượng xuân đành quyết hẹp hòi chốc ru.
Thẳm cao dám trách trăng thu,
Trách chăng trách lẫn đường tu vụng về.
Mấy lời năn nỉ tỉ tê,

---

1. *Vợi ngừng:* (*vợi:* xa vời) ngừng từ xa, cứ đứng từ xa (mà ngó lên gác son).

2. *Hoa thề... gác son:* cả hai câu ý nói Lương sinh trong lúc mơ màng thấy hoa lay trúc động tưởng có người đến, bèn liếc mắt trông sang nơi cửa tía, xa dừng bước không dám lại gần chỗ gác son.

3. *Sương gieo:* do chữ *sương trụy*. Sương rơi xuống làm cho cây cỏ điêu tàn. Đây dùng để nói đến sự quở trách.

4. *May đây... hẹn lành:* cả hai câu ý Lương sinh muốn nói may gặp ở đây xin được tỏ bày một đôi điều, chẳng lẽ trong đêm tốt lành này mà sự ước hẹn tốt lành trăm năm hạnh phúc lại là có tội ư?

5. *Chợt chã:* bỗng lã chã nước mắt tuôn rơi.

6. *Phôi pha:* bỏ qua, giả lơ (H.T.C).

7. *Thăn thỉ:* năn nỉ, kêu van.

http://tieulun.hopto.org

Xót vì Hương cũng ủ ê khôn hàn.
Ngập ngừng ra trước khuyên van,
Rằng: "Trong tình ấy thế gian hiếm tày.
Vàng bền ví quyết chẳng lay,
Hoa thơm chăng nỡ đang tay hỡi người.
Mẹo (?) duyên trộm kiếp thiêng đời,
Dủi dun báu nước hương trời [1] đợi nhau.
Chén tương dỗ khách Lam cầu,
Màn tô [2] nơi rước cung châu [3] chốn mời.
Ấy trên tiên, lọ dưới người,
Pho tình biết mấy mươi nơi còn truyền,
Trong duyên gặp gỡ là duyên,
Trong tình vẹn vẽ đôi bên mới tình.
Trong quyền mà chẳng rời kinh,
Dám xin rộng chuẩn mảnh tình tôi con [4].
Gặp nay người họp trăng tròn,
Niềm son [5] giãi một chén son cùng thề.
Một là đợi tiết phòng khuê [6],
Hai là dành dập [7] liệu bề mối manh.
Đào non sớm nghĩ thơ lành,
Khuôn duyên [8] một hội nức danh muôn đời."
Mặt hoa hớn hớn thêm tươi,
Đỡ lời, Nguyệt cũng thay lời gởi qua.
Nàng nghe ngần ngại nét hoạ [9],
Chăm chăm lặng ngắm bóng nga biếng rằng.
Nguyệt Hương biết ý dùng dằng,
Tiệc bày dan díu dăng dăng trước giường.

---

1. *Hương trời:* bản Nôm khắc *gương* 妎 trời, nhưng đúng ra là *hương* 香 trời mới có nghĩa là người đàn bà đẹp.

2. *Màn tô:* tức *lưu tô trướng* là cái màn có tua chân chỉ hột bột.

3. *Cung châu:* cung bằng châu ngọc.

4. *Mảnh tình tôi con:* bởi chữ *thần tử* là nói chung những phận hèn mọn như tôi đối với vua, con đối với cha mẹ. So sánh như vậy cũng có phần quá đáng.

5. *Niềm son:* do chữ *đan tâm* là tấm lòng thành thực, chung thủy, son sắt.

6. *Tiết phòng khuê:* tiết của người con gái kiên trinh, giữ được tiết sạch giá trong.

7. *Dành dập:* đành để, ý nói như rấm trước.

8. *Khuôn duyên:* khuôn trời định sẵn cho hai người con trai và con gái kết duyên với nhau.

9. *Nét hoa:* nét mặt người con gái đẹp như hoa.

http://tieulun.hopto.org

Tiên thề tay thảo một chương,
Trọn lời đắp núi, đầy hàng tạc sông.
Nhìn trên vằng vặc vừng trong,
Lại ghi Hương Nguyệt tên dòng cuối trương.
Triện thành nghi ngút tuôn hương,
Mấy lời khẩn nguyện mặc chàng trước sau.
Ép nài nể ý đôi hầu [1],
Vén xiêm ngồi dưới cất đầu trông lên.
Văn thề thảo một hai tiên,
Kìa lòng vàng đá, nọ nguyền tóc tơ.
Ghẹo hoa lộng lộng người thơ,
Bóng lồng chung vẻ hương đưa lẫn mùi [2].
Ghi lòng nghe cũng lả lơi,
Xem trong [3] gắn bó ra chồi lần khân.
Nàng rằng: "Bồ liễu chút thân,
Gió đông [4] những lệ [5], chúa xuân phải phiền.
Trăm năm nhẹ một mảnh nguyền,
Vừng soi đã hổ với trên đỉnh đầu.
Thề lòng giãi bến Hà Châu,
Đợi nhau trên Bộc trong dâu ru mà.
Dám xin tính rộng lo xa,
Bảng vàng treo đã đuốc hoa vội gì."
Một chiều thêm một yêu vì,
Lọ mây ngồi với mưa [6] đi mới tình.
Chuyện trò thêm gắn sắt đanh,
Mái sương chợt mảng [7] trên thành điểm năm.
Giục ai giọt giọt khôn cầm,

---

1. *Đôi hầu:* là Bích Nguyệt và Vân Hương. Cả câu ý nói Dao Tiên vì hai con hầu ép nài mà phải nể lời.

2. *Bóng hồng... lẫn mùi:* câu này mượn ý ở câu Kiều: Dải là hương lộn, bình gương bóng lồng.

3. *Lả lơi... xem trong:* câu này cũng mượn ý ở câu *Kiều: Xem trong âu yếm có chiều lả lơi,* nhưng ở đây thì không hợp lắm vì Lương sinh đâu dám ép tính hoa nguyệt khi còn có mặt Bích Nguyệt và Vân Hương.

4. *Gió đông:* gió thổi từ phương đông lại, tức gió xuân.

5. *Những lệ: (lệ:* sợ) những sợ.

6. *Mây... mưa:* ý nói đến việc trai gái ăn nằm với nhau. Xem thêm chú thích câu 270-271, *Hoa tiên* - Nguyễn Huy Tự.

7. *Chợt mảng:* chợt nghe thấy.

http://tieulun.hopto.org

Tất giao [1] một dạ lan câm (kim) [2] mấy lời.
Sầu đâu cũ mới xui người,
Bên băng gác tía bên dời song thơ.
Những đành cải bén kim ưa,
Máy thiêng [3] dường đã nhiệm lừa [4] biết đâu.
Lương gia vào các [5] bấy lâu,
Sáng soi gương đức, rộng trau cân bình.
Vạc mai chán nếm trường danh,
Lâu lâu sẽ nhớ mùi canh ngọt ngào.
Chập chờn xem bẵng chiêm bao,
Làm chi mệt giấc lá hươu khổ lòng.
Dẫn nhàn [6] gởi xuống bệ rồng,
Đền xuân yến mở gác đông tiệc bày.
Vẻ vang rờ rỡ gấm ngày [7],
Ai ai chẳng muốn bạn bầy với tiên.
Có Lưu Lại bộ tác hiền,
Là người bản huyện cũng xin viện lề.
Dòng theo một cữ thuyền về,
Sớm đua mái rẽ [8] (?), hôm kề bến eo [9] (?).

---

1. *Tất giao:* (*tất:* sơn, *giao:* keo) gắn bó với nhau keo sơn.

2. *Lan câm (kim):* bạn bè rất tốt, tình đằm thắm như hương hoa lan và quí trọng hơn cả vàng bạc.

3. *Máy thiêng:* tạo hóa ví như cái máy có phép nhiệm màu đặt bày ra muôn vật và muôn việc.

4. *Nhiệm lừa:* lừa lọc (chọn lọc và xếp đặt) một cách mầu nhiệm.

5. *Vào các:* vào trong Nội các (văn phòng của nhà vua).

6. *Dẫn nhàn:* tìm đến cảnh nhàn, xin về hưu trí.

7. *Gấm ngày:* do chữ *trú cẩm,* chỉ sự vinh hiển được mọi người đều biết đến chứ không phải như kẻ "áo gấm đi đêm" có ai nào biết đến.

8. *Mái rẽ:* chữ 扼 có thể phiên âm là *rẽ, dẩy* khác với *đẩy* viết là 掟 hoặc 待 揸.

9. *Bến eo:* về câu này Đào Duy Anh có nhận xét:

"Hai câu: *"Dong theo một cữ thuyền về, sớm đua bến Dĩ hôm kề sông Dâu"* chỉ là phiên âm sai chứ bản nguyên tác của Nguyễn Huy Tự vốn chép: *"Dong theo một cữ thuyền về, sớm đua mái đẩy, hôm kề bến neo".*

Chữ 扜 (đẩy) bị lộn thành *Dĩ, Rẽ, Sỹ* và chữ 挩 (neo), bị lộn thành 杬 mà phiên làm *dâu."*

Tuy có nhận xét như vậy nhưng trong phần văn bản *Hoa Tiên nhuận chính,* Đào Duy Anh vẫn phiên âm câu 824 là:

Sớm đua mái đẩy, hôm kề bến eo.

vì bản Nôm khắc chữ 腰 (eo) chứ không phải chữ *neo* 栮.

http://tieulun.hopto.org

Pha phôi trăng mạn gió lèo,
Rộng làn lưu thủy, vơi kèo [1] yên ba.
Hứng vui thóc mách chuyện nhà,
Họ Lưu một ả tên là Ngọc Khanh.
Tuần mười lẻ bảy xuân xanh,
Người trang trọng, nết đoan trinh vẹn mười.
Tỏ tin Lương mượn chén mời:
"Biếng quan [2] anh cũng trải đời như em.
Vòng trần hẳn đã không thèm,
Chút nguyền du Nhạc [3] còn hiềm chưa nguôi.
Dám toan kén lứa chọn đôi,
Tấn Tần [4] có nhẽ với người phồn hoa [5].
Thôi thì ta lại biết ta,
Chỉn e lều cỏ biết là nên chăng."
Gạn mời Lưu mới thưa rằng:
"Từ vào chi thất [6] xem bằng Long môn [7].
Một lời đã với nước non,
Vâng xe mối chỉ cho tròn duyên tơ.
Quản bao tuyết đợi sương chờ,
Xin đem dây sắn may nhờ bóng thung. [8]"
Khiển tình mấy chén thung dung,
Việc hai nhà, dốc một lòng định nên.
Dập dìu buồm nghĩa gió duyên,

---

1. *Kèo:* rót rượu mời nhau cùng uống.

2. *Biếng quan: (biếng:* không muốn) không muốn làm quan nữa.

3. *Chút nguyền du nhạc: (du:* đi chơi, *Nhạc:* Ngũ Nhạc) chút mong muốn được như Trương Hướng Bình đời Đông Hán, chán công danh về ở ẩn, rồi đi chơi Ngũ Nhạc không trở về nữa.

4. *Tấn Tần: (Tấn:* tên một nước đời Xuân Thu, *Tần* tên một nước đời Chiến Quốc) Hai nước Tấn Tần thường gả con cho nhau nên có chữ duyên Tấn phận Tần để chỉ duyên vợ chồng.

5. *Người phồn hoa: (phồn hoa:* náo nhiệt hoa lệ, chỗ hoa lệ xa xỉ) người ở nơi thành thị, giàu sang quen sự xa xỉ.

6. *Chi thất:* cũng như *lan thất,* nhà đức hạnh. Nghĩa này do câu: *"Dữ thiện nhân cư như nhập chi lan chi thất"* (ở với người thiện như vào nhà có hương thơm của cỏ chi, cỏ lan).

7. *Long môn:* cửa rồng. Kẻ sĩ gặp được người hiền tài tiếp chuyện thì lấy làm vinh hạnh như lên cửa rồng.

8. *Thung:* đúng ra là chữ *xuân* 椿 nhưng ở đây phải viết thành chữ *thung* 椿 cho hợp vần. ĐNQATV chỉ có chữ thung (viết là *xuân)* và giảng *thung* là tên một cây to.

http://tieulun.hopto.org

Lòng tên, thuyền cũng như tên chiều lòng.
Non xuân mới tỏ làn trông,
Cờ bay ngọn gấm, xe lồng thức mây.
Giang đình [1] đôi ngả chia tay,
Đài Lương gióng ngựa ruổi ngay quê nhà.
Dập dìu cầm sắt [2] xoang hòa,
Phong thư đã giục tin xa rước mời.
Nhà huyên thêm nỗi lòng vui,
Người băng [3] đưa thiếp đã sai đệ trình.
Dự trao một lễ cho đành,
Lệ thường chẳng lọ chờ sinh trễ ngày.
Sinh vừa vâng thấy tin bay,
Tạ từ ngoại thị [4] sắp bày hồi(?) trang.
Lại sang bái tạ đài Dương [5],
Tiễn đưa ông mới tỏ tường tấm riêng:
"Nỗi lòng luống những cần quyền,
Chỉ còn e lệ cho nên ngại ngùng.
Lời quê hãy gởi tôn công [6],
Bấy lâu trộm đã ơn lòng nhầm yêu [7].
Ngây thơ [8] chút cửa mận đào [9],

---

1. *Giang đình:* cái nhà nghỉ ở bến sông.

2. *Cầm sắt:* (đàn *cầm* và đàn *sắt) Kinh Thi* có câu: *"Yểu điệu thục nữ, cầm sắt hữu chi"*. (Vợ chồng hòa hợp như gảy đàn sắt, đàn cầm). Về sau dùng hai chữ này để nói sự hòa hợp của hai vợ chồng.

3. *Người băng:* do chữ *băng nhân,* lấy tích ông Lệnh Hồ Sách nằm mộng thấy mình đứng trên băng (nước đông thành đá) mà nói chuyện với người đứng dưới băng. Có kẻ đoán rằng: trên thuộc dương, dưới thuộc âm, âm dương tức việc hôn nhân mà nói chuyện là việc làm mối. Do chuyện đó mà về sau chữ *băng nhân* (người băng) được dùng để chỉ người làm mối.

4. *Ngoại thị:* bên họ ngoại, đây chỉ bên nhà cậu mợ của Lương sinh.

5. *Đài Dương:* nhà Dương tướng công.

6. *Tôn công:* chỉ người cha của Lương sinh, gọi thế cho tôn kính.

7. *Nhầm yêu:* được yêu lầm vì tự thấy không xứng đáng, ý khiêm tốn.

8. *Ngây thơ:* chỉ con gái của mình (Dao Tiên).

9. *Mận đào:* do chữ *đào lý,* ngụ ý chỉ các vị quan có tài năng. Địch Nhân Kiệt đời Đường tiến cử lên nhà vua 30 người đều là những kẻ tài năng lỗi lạc cả. Người đương thời có lời khen: *"Thiên hạ đào lý tận tại công môn"* (Đào lý trong thiên hạ hầu hết là ở cửa nhà ngài mà ra cả). Nghĩa bóng *cửa đào lý* (mận đào) là cửa tụ hội của những người lỗi lạc, chỉ cửa nhà quyền quí.

http://tieulun.hopto.org

Khuôn vàng [1] cho lĩnh ít nhiều là may [2]".
Nghe lời như cởi niềm tây,
Tạ về thôi lại dạo ngay sang đình.
Gặp Hương mới kể sự tình,
Xin nhờ dì gió [3] đệ trình trướng loan [4].
Một mai vội gióng Dương quan,
Diện từ [5] xin giãi niềm đan mấy lời.
Chợt nghe chín khúc [6] tơi bời,
Thềm lan lãng đãng ngại dời gót lan.
Duyên ưa mai liễu [7] một đoàn,
Này ai đã vội giở màn đình cao.
Sinh rằng: "Chút nghĩa tương giao [8],
Chưa cùng sum họp nỡ nào chia phôi.
Dắt tơ nay mới vâng lời,
Đành hay nhân định thì trời phải theo.
Êm đềm gác gấm phòng thêu;
Ngọc vàng mình phải nâng niu lấy mình.
Dập dìu lá thắm [9] chim xanh [10,11],
Quả mai chi để trên cành bảy ba [12].

---

1. *Khuôn vàng:* do từ ngữ *khuôn vàng thước ngọc,* chỉ lời dạy bảo quí báu.

2. *Ngây thơ... là may:* cả hai câu ý Dương công muốn nói với Lương sinh rằng nếu con gái nhỏ còn ngây thơ của mình có về cửa quyền quí bên ấy thì nay muốn nó được may mắn nhận lĩnh ít nhiều lời chỉ bảo về khuôn phép của Lương gia.

3. *Dì gió:* chỉ Vân Hương.

4. *Trướng loan:* chỉ Dao Tiên.

5. *Diện từ:* gặp mặt nhau để có lời cáo từ trước khi ra đi.

6. *Chín khúc:* chỉ ruột rối như bị vò mà cuộn thành chín khúc.

7. *Mai liễu:* hai cây có lá xinh hoa đẹp thường được trồng bên nhau nên được ví với bạn bè.

8. *Tương giao:* giao du cùng nhau, kết bạn thân với nhau.

9. *Lá thắm:* Đời Đường có một người cung nữ họ Hàn đề thơ vào một chiếc lá rồi thả xuống dòng ngự câu cho lá trôi đi. Vu Hưu bắt được, đề thơ vào lá thả lại trên ngự câu, người cung nữ lượm được. Sau nhân vua thả cung nữ ra, hai người lấy nhau, đem lá đỏ ra so, khi ấy mới biết lá đỏ ấy chính là *môi giới* tự nhiên.

10. *Chim xanh:* Tương truyền xưa vua Hán Vũ Đế đương ngồi chơi, có con chim xanh bay đến, Đông Phương Sóc nói: *"Đấy là sứ giả của Tây Vương Mẫu đến"*. Sau người ta lấy chim xanh để ví với sứ giả, người đưa tin hoặc người làm mối.

11. *Lá thắm chim xanh:* chỉ sự làm mối.

12. *Quả mai... bảy ba:* bài thơ *Phiếu mai* trong *Kinh Thi* có câu: *"Phiếu hữu mai, kỳ thực thất hề... kỳ thực tam hề"* (Quả mai đang mười phần còn lại bảy phần rồi còn lại ba phần) ý nói về sự hôn nhân phải kịp thì.

Dập dìu... bảy ba: cả hai câu ý Lương sinh muốn nói với Dao Tiên rằng mình về sẽ nói với cha mẹ để nhờ có người làm mới cho kịp thì chứ không để chậm trễ.

http://tieulun.hopto.org

Tình xa bao quản người xa,
Tương tri có thế mới là tương tri [1].
Rằng: "Nay nam bắc phân kỳ,
Đã đành trời nọ trăng kia với lòng.
Sớm khuya hãy gắng chí hồng [2],
Trông mong cho bõ tấm lòng bấy nay."
Mặt nhìn chẳng nỡ rời tay,
Non xa liễu đã tơ rây bóng vàng [3].
Gởi tình nửa ngọn cành dương,
Hồn quê thơ thẩn như dường theo ai.
Tuyệt mù cây khuất bóng người,
Ngại ngần năm bước chia mười xa đem.
Sách gươm nhẹ bóng con thuyền,
Trong khoang mếch [4] nặng, lưng then chở sầu.
Song bồng mưa dập gió mau,
Triện nhàn đắp nhớ, ngọn lau khảy buồn.
Dòng xuôi một dải dường tuôn,
Đầu mui đã thấy hương thôn gần gần.
Vào hầu lạy trước nhà xuân,
Hương đưa chén rót gấm nhuần tiệc cao.
"Bấy lâu con học thế nào?
Ngọc kinh [5] nghe đã xôn xao mở trường [6].
Nề chi định tỉnh lễ thường,
Làm sao thân hiển danh dương mới là."
Phu nhân lại dạy truyền ra:
"Họa may đại tiểu đăng khoa cũng vừa."
Nỗi Lưu mới kể sau xưa,

---

1. *Tương tri:* hiểu biết nhau.

2. *Chí hồng: (hồng:* một loài ngỗng trời) chim hồng bay cao lắm, không thể dùng cung tên bắn tới được. *"Hồng phi minh minh, dặc giả hà soán yên"* (Chim hồng bay cao thăm thẳm, người đi săn làm sao bắn được) chí cao hơn hẳn mọi người.

3. *Tơ rây bóng vàng:* tơ liễu quay theo gió như rây ánh nắng chiều.

4. *Mếch:* sai chậy, mẻ sứt, làm cho chếch mếch.
Mếch lòng: làm cho phải buồn giận đau lòng.
Chếch mếch: nghiêng triềng (chếch lệch, đổ về một phía), đơn chiếc (H.T.C).

5. *Ngọc kinh:* kinh đô của nhà vua.

6. *Mở trường:* mở khoa thi.

http://tieulun.hopto.org

Tay trao cho nhận mấy tờ thiếp canh [1].
Nỗi mình lại ngán cho mình,
Trời cao sấm dậy, đất bình sầu xây.
Lòng thơ như dại như ngây,
Gửi qua [2] thoắt đã trở giày về song [3].
Thôi thôi lòng đã phụ lòng,
Trăm năm lẻ một chữ đồng [4] vì ai.
Bẽ bàng trăng tối mưa mai,
Sao duyên ngang ngửa cho người dở dang.
Người xa [5], đành nhẽ chưa tường,
Cửa thu văng vẳng tin sương góc trời.
Dẫu vàng dẫu đá [6] với người,
Nặng tình đâu dám nhẹ lời song thân,
Năm canh cung nguyệt lựa dần,
Năm lần xa nhớ năm lần thở than.
Ông tơ [7] khéo nhẽ đa đoan,
Ba sinh luống đợi Ngọc Hoàn còn xa. [8]
Oanh vàng thấm thoắt thoi qua,
Đỉnh xuân mấy quả tuyết đà trắng ngân [9].
Gác Dương vừa tiệc đản thần,
Tình trong quyến cảm [10] qua mừng trước sanh.
Thấy Diêu ông mới hỏi sinh:
"Về quê sao vắng phong thanh tịn rày."
Việc Lưu, Diêu mới giãi bày:

---

1. *Thiếp canh:* tờ thiếp ghi tên tuổi người con trai hoặc người con gái khi ngỏ lời lễ đính hôn để tiện so tuổi xem có hợp không.

2. *Gửi qua:* thưa gửi vội vàng.

3. *Về song: (song:* cửa sổ) về phòng riêng.

4. *Chữ đồng:* do chữ *đồng tâm kết,* cái nút thắt bằng hai dải lụa, dùng để ghi nhớ lời nguyện ước cùng một lòng yêu nhau, như sống thì cùng sống, chết thì cùng chết.

5. *Người xa:* chỉ Dao Tiên.

6. *Vàng... đá:* vàng và đá, tỉ dụ tình yêu bền chặt, chung thủy.

7. *Ông tơ:* ông tơ hồng tức *nguyệt lão* (ông lão ngồi dưới trăng), tục truyền là vị thần xem việc hôn nhân, buộc chân những người con trai con gái có duyên phải lấy nhau.

8. *Ba sinh... còn xa:* cả câu ý nói nếu có phải chờ đợi đến kiếp sau thì kiếp sau, *(như lời Ngọc Hoàn* (Dương Quý Phi) *hẹn với vua Đường Minh Hoàng),* biết đến bao giờ?

9. *Đỉnh xuân... trắng ngân:* cả câu ý nói cha là Dương công đã già rồi, đầu đã bạc trắng.

10. *Quyến cảm:* tình cảm đối với thân quyến.

http://tieulun.hopto.org

"Ấy vì hôn sự nên chầy chửa sang."
Nàng vừa chực tuyết phòng hương [1],
Bên tai một trận thê lương [2] khác nào.
Nghe qua vội trở gót vào,
Sóng dồi lớp lớp dường xao bể lòng.
Vì ai lở đỉnh lấp dòng,
Đã đành nệm ủ chăn mong [3] đợi chờ.
Nhị đào vẹn vẽ còn tơ,
Ví ra bướm lọc ong lừa kém ai.
Thoảng nghe những tiếng trái tai,
Thét rằng: "Giống khéo dông dài gớm chăng.
Vì ai quyến gió rủ trăng,
Bây giờ còn dám đãi đằng [4] với ai.
Phận đàn bà ngỡ là chơi,
Một ngày tăm tiếng muôn đời mắt tai [5].
Mặc lòng dặn lạt nguyền phai,
Tự ta xuân khóa mây cài [6] với ta."
Đỡ lời Nguyệt mới thưa qua:
"Tơ duyên cũng chửa hẳn là dứt xong.
Duyên kia dù hẳn phụ lòng,
Mặc ai xin hãy thung dung nghĩ nào."
Mưa tuôn ngấn ngọc nhơ bào [7],
Phận đành là thế dẫu sao cũng đành.
Từ đây nước nổi bèo nênh,
Áng hoa vô chủ đã đành từ đây.
Phòng riêng thức thức phô bày,

---

1. *Chực tuyết phòng hương:* chực hầu cha mẹ khi trời tuyết lạnh.

2. *Thê lương:* xót thương khổ sở, đau đớn trong lòng. *Trận thê lương:* nói sự đau khổ ập đến như một trận gió mạnh thổi vào trong lòng.

3. *Nệm ủ chăn mong:* nệm buồn chăn đơn, ý nói buồn bã cô đơn.

4. *Đãi đằng:* nói năng, ăn nói.

5. *Mắt tai:* tai mắt thiên hạ, cả câu ý nói nếu làm gì tai tiếng thì để lại tiếng xấu muôn đời.

6. *Xuân khóa mây cài:* khóa xuân cài mây, ý nói cấm cung ở trong phòng, không ra ngoài một lòng giữ gìn đức hạnh.

7. *Ngấn ngọc nhơ bào:* ngấn lệ làm dơ áo. Chữ *nhơ* (dơ) khắc 如 (như), nhưng đúng ra phải khắc là 洳 (nhơ). Hai chữ này viết gần giống nhau, chỉ khác có chấm *thủy* 氵. Nếu sửa lại là *thấm* 浸 thì khác hẳn mặt chữ.

http://tieulun.hopto.org

Lòng sao vui những của này [1] khéo thay!
Ngón cầm dù lựa vào dây,
Điệu cao đã vậy ai rầy thẩm âm [2] ?
Túi thơ dù đúc nên ngâm,
Phẩm đề ai kẻ tri âm [3] với mình.
Bút hoa dù vẽ nên tranh,
Lấy ai mà nhận nét tình cho hay ?
Cuộc cờ dù nhận ngang tay,
Thấy cờ mà tưởng những ngày càng thêm. [4]
Nào gương nào chỉ nào kim,
Nào ai còn để chi thêm bận bùng.
Sạch sanh phó trận lửa nồng,
Tiên thề để đấy ghi lòng kiếp sau.
Bập bùng chửa nguội bếp sầu,
Nhện sạ [5] chợt mảng tin đâu trước mành.
Dương gia chuyển bổ thăng Kinh,
Đề huề truyền đón thủy trình trẩy ra.
Nỗi mình thêm rộn nỗi nhà,
Khi xa nào biết là xa mấy trùng.
Hành trang sắm sửa vừa xong,
Con thuyền chen chúc đua giong cánh lèo.
Giang sơn tám bức [6] sầu treo,

---

1. *Của này:* ý nói đến những đồ vật kỷ niệm. Chữ *của* mới có nghĩa và mới đúng với mặt chữ...

2. *Thẩm âm: (thẩm:* khảo xét kỹ càng) xét ra tiếng hay tiếng dở trong âm nhạc, nói người biết thưởng thức âm nhạc.

3. *Tri âm: (tri:* biết, *âm:* tiếng). Nguyên xưa Bá Nha đánh đàn rất hay, Chung Tử Kỳ nghe hiểu từng âm một. Sau Chung Tử Kỳ chết, Bá Nha đập đàn không gảy nữa cho rằng trong thiên hạ không còn ai nghe hiểu tiếng đàn của mình. *Tri âm* sau được dùng để chỉ người bạn thân hiểu được lòng mình.

4. *Những ngày càng thêm:* những ngày bên nhau... càng thêm buồn bã.

5. *Nhện sa:* tục xưa tin nhện sa xuống trước mặt là điềm báo tin mừng.

6. *Tám bức:* (từ câu 987 đến câu 1002) tám bức gồm có:

1. *Bình sa lạc nhạn* (cảnh đàn chim nhạn bay xuống bãi cát phẳng).
2. *Sơn thị tình lam* (cảnh chợ chiều chân núi trời quang tạnh).
3. *Viễn phố qui phàm* (cảnh chiếc thuyền buồm trở về bến xa).
4. *Ngư thôn tịch chiếu* (cảnh bóng chiều ở xóm thuyền chài).
5. *Sơn tự hàn chung* (cảnh tiếng chuông chùa văng vẳng trên sườn núi).
6. *Động Đình thu nguyệt* (cảnh trăng thu trên hồ Động Đình).
7. *Giang biên mộ tuyết* (cảnh tuyết rơi bên sông lúc trời gần tối).
8. *Tiêu Tương dạ vũ* (cảnh mưa đêm trên sông Tiêu Tương).

Tám cảnh này do Tống Địch đời Tống vẽ.

http://tieulun.hopto.org

Cảnh mai dễ chạnh, sắc chiều như xui.
Kìa đâu cát phẳng một doi,
Mấy chòm lích chích loi thoi trận nhàn [1].
Kìa đâu mây tận [2] chân ngàn,
Đỉnh đèo xao xác họp tan chợ chiều.
Kìa đâu viễn phố đìu hiu [3],
Lưng trời rút thẳng con lèo ra khơi.
Kìa đâu bể rộng sóng dồi,
Ngư thôn mấy nóc mặt trời tà dương.
Kìa đâu nghi ngút khói sương,
Vẳng nghe chuông sớm còn vang bên lầu.
Kìa đâu nước lạnh trời thu,
Động Đình [4] phẳng lặng một hồ trăng in.
Kìa đâu ban tối đỗ thuyền,
Bạc bay hoa tuyết giang thiên [5] một màu.
Kìa đâu trúc lệ nhuốm thâu,
Tiêu Tương rả rích mưa mau canh chầy.
Cảnh kia thêm bận lòng này,
Phượng thành rạng mở nào hay đã gần.
Cửa dinh liễu mới mừng xuân,
Biên thư đã thấy tấu văn bệ Thiều.
Bắc Hồ lộng thói con kiêu,
Ruổi mù bụi ngựa trẩy theo ải Nhàn.
Sân phong chọn mặt thăng quan,
Lại sai Dương tướng giữ giàng [6] việc biên [7].
Hịch rồng một mảnh sao truyền,
Đành chăm việc nước phải quên việc nhà.
Hàn lâm sẵn có Tiền nha,
Với phu nhân vả cũng là đồng thân [8].
Hãy sang tạm trú cho gần,

---

1. *Nhàn:* do chữ *nhạn* đọc theo thanh bằng.
2. *Mây tận:* đúng ra là *mây tạnh,* dịch từ chữ *tình lam.*
3. *Đìu hiu:* bản Nôm khắc 爲 (vi) nhưng các bản Quốc ngữ đều phiên âm là *đìu* hiu.
4. *Động Đình:* tên một cái hồ danh tiếng của Trung Quốc, ở tỉnh Hồ Nam.
5. *Giang thiên:* cảnh trời ở bên sông.
6. *Giữ giàng:* giữ gìn, coi sóc cẩn thận (viết *giữ giàng* cho hợp vần với câu trên).
7. *Việc biên:* việc canh phòng nơi biên giới.
8. *Đồng thân:* cùng cha mẹ sinh ra. Dương phu nhân và Hàn lâm họ Tiền là chị em.

http://tieulun.hopto.org

Đợi ngày dẹp giặc trông chừng chẳng khơi.
Tiền nghe đón rước tận nơi,
Dọn lầu sửa chốn nghỉ ngơi thanh nhàn.
Chị em cậu cháu vui đoàn,
Đành lòng Dương mới gióng an cõi ngoài.
Một phương chống vững thành dài,
Màng bao Hồ Yết những loài khuyển dương [1].
Sinh từ nấn náu phần hương,
Trời thu ba cữ duềnh Tương một ngày.
Bụi đong muôn hộc chất đầy,
Cánh nào bay đến ngỏ bày trước trang [2].
Liệu cơ ra lạy huyên đường [3],
Tràng Châu xin lại tìm sang sân Trình.
Được lời theo lối thủy hành,
Thẳng dong buồm lá thênh thênh một dòng.
Biết bao dặn bể thề sông,
Lạt với no những thẹn thùng nước non.
Vườn riêng nọ thú cầm tôn [4],
Vàng Diêu tía Ngụy [5] vẫn còn chưa phai.
Cụm thơm rào cắm [6] chờ ai,
Đầy song mấy điểm hoa mai trắng ngần.
Vội sang thăm thú vườn gần,
Một vùng cỏ biếc mấy lần cửa son.
Lơ thơ gốc cỗi cành non,
Sương in cầu đá, tuyết dồn lối thơm.
Lầu thơ khói tỏa mây vờn, [7]
Chồi sai biếng bẻ khóm sờm vắng vin.
Biết ai hầu hỏi sự duyên,

---

1. *Khuyển dương:* chó dê. Xưa người Trung Quốc thường gọi các tộc ở láng giềng một cách khinh miệt như vậy.

2. *Cánh nào... trước trang:* cả câu ý nói biết làm sao có cánh bay đến nơi đài trang của Dao Tiên để tỏ bày tâm sự.

3. *Huyên đường:* cha mẹ.

4. *Cầm tôn: (cầm:* đàn, *tôn:* chén) cây đàn và chén rượu, ý nói thú đánh đàn và uống rượu.

5. *Vàng Diêu tía Ngụy:* do chữ *Hoàng Diêu tử Ngụy* tức màu vàng của họ Diêu, màu tím của họ Ngụy là hai tên riêng của hoa mẫu đơn gọi là Diêu hoàng và Nguỵ tử.

Cả câu ý nói những đoá hoa mẫu đơn vàng tím, màu sắc tươi đẹp vẫn chưa phai.

6. *Cụm thơm rào cắm:* cắm rào ở quanh khóm hoa.

7. *Mây vờn:* mây lượn quanh.

http://tieulun.hopto.org

Viên công [1] vừa thấy trong miền [2] ló ra.
Miên man [3] thăm hỏi gần xa,
Mới tường môn mạch nay đà phó kinh.
Nghe lời khôn nhẽ làm thinh,
Buồn nương bên triện sầu quanh khắp tòa.
Ngán ngâm đến trước đình Ba,
Rường không én đẻ, song tà nhện giăng.
Tiên thơ vách hãy dăng dăng,
Xã thơ [4] cách mấy mươi tầng người thơ. [5]
Hiên đài lác đác sao thưa [6],
Sân rêu nọ chốn ngày xưa chén đồng [7].
Mày dương liễu, mặt phù dung [8],
Ngắm hoa thêm nhắc tấm lòng sinh ly [9].
Chỉ thề, trăng vẫn tri tri [10],
Tay ai chểnh mảng còn chi Chương đài [11].
Mừng xuân đào hãy ngậm cười,

---

1. *Viên công:* ông già coi vườn. Bản Nôm khắc 中 (vi) nhưng *ca bản* ghi rõ ràng là *viên công.*

2. *Trong miền:* bản Đặng Trần Tiến phiên âm là *trong miền* nhưng bản Nôm lại khắc là *trong thuyền* 船

3. *Miên man:* ríu rít hỏi không ngừng.

4. *Xã thơ:* do chữ *thi xã,* đoàn thể gồm nhiều thi sĩ họp lại mà làm thơ với nhau.

5. *Người thơ:* người trong cuộc làm thơ.

6. *Lác đác sao thưa:* mái hiên bỏ không có một vài chỗ bị thủng nhìn lên trông như sao thưa.

7. *Chén đồng:* chén rượu thề nguyền đồng tâm.

8. *Dương liễu... phù dung:* do câu thơ *"Phù dung như diện, liễu như mi"* trong bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị, đời Đường.

9. *Sinh ly:* còn sống mà phải chia lìa nhau.

10. *Tri tri:* cũng như trơ trơ. (Đọc *tri tri* cho hợp vần với câu trên).

11. *Chương đài:* tên con đường ở Tràng An bên Trung Quốc. Đời Đường Hàn Hoành lấy một người kỹ nữ là Liễu thị ở Chương đài sau đổi đi làm quan xa, để nàng ở lại tại con đường ấy. Lúc xa cách Hoành có gửi cho Liễu thị bức thư trong ấy có những câu: *"Chương đài liễu. Tích nhật thanh thanh kim tại phủ? Giả ưng phan chiết tha nhân thủ?* (Liễu Chương đài - Ngày trước xanh xanh nay còn chăng? Hay là đã bị tay người khác bẻ mất rồi). Cuối đời Thiên Bảo, Liễu thị bị tướng Phiên cướp mất. Sau nhờ có Hứa Tuấn giúp, cướp lại được mà đem gả cho Hàn Hoành. Nghĩa bóng chỉ chỗ ở của người kỹ nữ. Ở đây cả câu ý nói nếu mình chểnh mảng không tính ngay chuyện hôn nhân thì kẻ khác sẽ cưới mất còn đâu đến mình nữa.

http://tieulun.hopto.org

Vẻ hồng [1] trơ đó, mặt người nào đâu.
Khi sao son gác phấn lầu,
Giờ sao tan tác mặc dầu khói sương [2].
Ấy ai dập lửa vùi hương,
Để ai nát đá phai vàng [3] này đây.
Giận riêng trăm nỗi để đầy,
Dạ căm tức tối, hồn say mơ mòng.
May sao vừa gặp viên công,
Rụng rời kíp gọi gia đồng thuốc thang.
Tỉnh ra về tới trú phòng [4],
Giấc buồn chưa dã [5], mạch tương lại đầy.
Nàng từ trú ngụ bấy nay,
Duềnh Hàn [6] lần ngắm đoá mây điểm nghìn.
Chợt nghe Tiền cữu [7] bảo tin,
Giặc Hồ nghiêng nước vây miền Ngọc Quan.
Dương công lũy mảnh quân đơn,
Miếu đường cầm hịch [8] mưu toan tới bời.
Một nhà nghe nói nghẹn lời,
Sự mình kia với sự đời hay sao.
Luống sinh [9] làm nghiệp má đào,
Phải ra tay thước quản bao cát lầm [10].

---

1. *Vẻ hồng:* ý nói hoa đào còn nở đỏ hồng.
Hai câu 1059-1060 là mượn ý từ hai câu Kiều:
Trước sân nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.
Nguyên được Nguyễn Du phỏng dịch từ hai câu của Thôi Hiệu đời Đường:
Nhân diện bất tri hà xứ khứ, Đào hoa y cựu tiếu đông phong.

2. *Khi sao... khói sương:* hai câu này được nhuận sắc phỏng theo hai câu Kiều:
"Khi sao phong gấm rủ là, giờ sao tan tác như hoa giữa đường."

3. *Nát đá phai vàng:* khi thề nguyền với nhau thì hứa sẽ giữ lòng chung thủy bền như vàng đá mà nay để cho đá phải nát, vàng phải phai, tức là không giữ được lời thề với nhau.

4. *Trú phòng:* phòng trọ.

5. *Dã:* giảm bớt, tan dần.

6. *Duềnh Hàn:* chỉ Hàn uyển ở nhà họ Tiền nơi hai mẹ con Dao Tiên đang ở ngụ.

7. *Tiền cữu:* bản *Hoa tiên* nguyên tác chép là *Tiền cữu,* bản nhuận sắc khắc 扌 *(nói),* có thể do khắc lộn từ chữ *cữu* ra chữ *nói.*

8. *Cầm hịch:* cầm hịch chưa truyền xuống.

9. *Luống sinh:* uổng sinh.

10. *Cát lầm:* cát bụi và bùn lầy, chỉ nơi chiến trường.

http://tieulun.hopto.org

Lậu khuya nước cạn canh trầm [1],
Thôi lai láng tưởng lại thầm thì than.
Ải mây tin tức khe ngàn,
Cửa bèo nênh nổi nhà lan lật lừa.
Xiết bao phận mỏng như tờ,
Nợ bình sinh, nỗi tóc tơ chưa đền.
Đêm đêm vừng nguyệt hoa đèn,
Mai gầy guộc vóc, liễu đen ủ mày.
Bể sầu càng vợi [2] càng đầy,
Đã đường kia lại nỗi này mới ghê.
Đình Ba từ trở lại về,
Tiếng quyên đã gọi bóng hè theo xuân [3].
Diêu sinh thăm hỏi ân cần,
Lấy ngày thi cử [4] ép phần cháo thang.
Sinh rằng: "Duyên kiếp dở dang,
Thà thôi chi nghĩ đến đường công danh."
Dám thưa: "Dạy thế sao đành,
Lầu ban sáu kỷ, song huỳnh mười thu.
Lại gì cho trọng hơn ru,
Mà coi muôn dặm vân cù làm chơi.
Gió bằng chín vạn bay khơi,
Bất bình dẫu việc tày trời cũng xong."
Nghe lời như dập cơn nồng,
Nhân kỳ phó cử [5] quyết lòng tầm phương [6].
Sử kinh lại gắng nghiệp thường,
Gấm hoa thêm cải, ngọc vàng thêm trau.
Sắc thi vang dậy đâu đâu,
Hồi trang sinh mới ruổi mau thuận dòng.
Tôn sư án khảo vừa đông,
Viện cây sớm đã tỏ dòng nhặt xanh.

---

1. *Canh trầm:* canh tàn.
2. *Vợi:* lấy bớt ra. Ý cũng như câu Kiều:
Sầu đong càng lắc càng đầy.
3. *Bóng hè theo xuân:* ý nói hết mùa xuân, sang mùa hè.
4. *Thi cử: (thi:* đua tài, *cử:* tiến cử lên) thi tài để đậu đạt và được tiến cử lên nhà vua bổ ra làm quan; ý nói đua tranh trong sự học hành.
5. *Phó cử: (phó:* đi thi, *cử:* tiến cử lên) đi thi để được tiến cử ra làm quan.
6. *Tầm phương:* tìm hoa thơm tức là tìm lại người yêu hiện cũng đang ở kinh đô.

http://tieulun.hopto.org

Tán hòe vàng chợt xây cành,
Trước sân vào gởi đăng trình ra thi.
Dạy rằng: "Mây gió gặp kỳ,
Dậy giao [1] này hội nam nhi vẫy vùng.
Tiện cho Diêu đệ theo cùng,
Hàn song phong nguyệt [2] gắng công sách đèn.
Bảng thu [3] choi chói đề tên,
Tiện đường kíp lại ruổi liền hội xuân [4].
Đi về đường quẩn [5] dưới chân,
Hãy cho ba tiệp trao lần nay mai [6].
Lĩnh lời lạy trước sân Lai,
Diêu sinh đã hẹn cùng dời chân sang.
Túi Ôn tráp Lý nhẹ nhàng,
Đồ thư nửa mạn, phong quang đôi chèo.
Đòi nơi giốc sớm địch chiều,
Bóng ngư mặt nước, tiếng tiều chân mây.
Cảnh thanh trải mấy nào hay,
Dấu phồn hoa thật nơi này Nam Kinh.
Y kỳ đầu quyển đề danh,
Trận thu cờ trống đường thành một ai [7].
Mấy phen thử sức đua tài,
Tỉnh nguyên giật giải tên bài Diệc Thương.
Vòng năm Diêu cũng chen hàng,
Gió đưa cờ tiệp pha sương nhặt truyền.
Trải tuần yến ẩm lưu liên,
Ích bay lại hướng đài Yên gióng tàu.

---

1. *Dậy giao:* do chữ *đằng giao,* con rồng bay, nghĩa bóng tài hoa xuất chúng.

2. *Hàn song phong nguyệt:* trăng gió nơi song cửa lạnh của người học trò nghèo, là lời thú vị của kẻ chăm học với bạn hiền.

3. *Bảng thu:* bảng đề tên những người đậu kỳ thi Hương thường được mở ra về mùa thu.

4. *Bảng thu... hội xuân:* cả hai câu ý nói làm thế nào đậu được kỳ thi Hương để rồi vào thi tiếp thi Hội.

5. *Quẩn:* đeo đuổi (H.T.C).

6. *Đi về... nay mai:* ý nói đi về đường theo đuổi cũng không kể gì, miễn sao ba lầu, ba trường đều trúng cả trong khi mong đợi nay mai.

7. *Y kỳ... một ai:* cả hai câu ý nói vào thi hai chàng Lương, Diệu đã đúng hạn nạp quyển và đề tên rõ ràng. Đi thi cũng như ra trận nào cờ trống, nào đường thành sự đỗ đạt chưa biết về tay ai.

http://tieulun.hopto.org

Vui này dễ ngả sầu đâu,
Nỗi riêng riêng chạnh đòi nau một mình.
Đông về rỗ biếc mòn xanh,
Núi gầy guộc vóc, sông quanh quất lòng [1].
Phẩm đề biếng giở thi đồng,
Thành xuân đã tỏ mây lồng thức năm.
Hành trang vừa độ xa xăm,
Mật sai kíp đã cho thăm việc nàng.
Chỉ nghe phảng phất tin Dương,
Còn ai lưu lạc chưa tường biết nơi.
Rễ bèo chân sóng [2] tuyệt vời,
Giận duyên xốc nổi (?), thương người bơ vơ.
Việc thi nên cũng ơ hờ,
Cật ngày, Diêu nói tận từ mới nghe.
Nẩy tài nhả ngọc phun khuê,
Nhẹ nhàng vây sóng [3] sập sè cánh mây [4].
Đất bằng một tiếng sấm bay [5],
Hai sinh đề dự bốn ngày nguy khoa.
Truyền lô Lương lại Thám hoa,
Diêu sinh Hoàng giáp cũng tòa á khôi.
Phấn vua lộc nước hương trời,
Muôn nghìn danh giá, năm mười nhân duyên.
Đá đưa thêm khảy tấc phiền,
Chén trăng xưa đã nặng nguyền sá đâu.
Vinh qui vừa định tuần sau,
Vừa tin biên báo vội bầu quan sai.
Diêu ra quan chính việc ngoài,
Lương vào Hàn uyển thảnh thơi Ngọc đường.
Vườn sau trúc thạch sẵn sàng,

---

1. *Đông về... quất lòng:* hai câu này ý nói mùa đông trở về làm cho cây cối ố vàng không còn xanh tốt nữa, cả đến ngọn núi cũng xác xơ, dòng sông cũng quanh quất chảy làm nhiều khúc, tất cả đều ra vẻ tiều tụy như chàng vậy.

2. *Rễ bèo chân sóng:* Rễ bèo bị chân sóng cuốn trôi đi, chỉ cảnh lưu lạc trôi nổi.

3. *Vây sóng:* giương vây nhảy lên nói cảnh cá vượt vũ môn, chỉ việc đua tài thi cử đậu đạt.

4. *Cánh mây:* cất cánh bay theo mây, nói cảnh rồng bay *(đằng giao),* chỉ việc thi đậu.

5. *Đất bằng... sấm bay:* do câu thơ *"Vũ môn tam cấp lãng, bình địa nhất thanh lôi"* (Vũ môn ba bực sóng, đất bằng một tiếng sấm ran) chỉ việc thi đậu cao tiếng tăm vang dậy như sấm.

http://tieulun.hopto.org

Liền công thự đó là tường Tiền nha.
Nàng từ tin ải truyền nhà,
Nỗi mình nỗi khách biết là bao nhiêu.
Trọn ngày khóa lặng song thêu,
Nguyệt Hương biết ý dập dìu ra chơi.
Trước hoa lần bóng hoa rời,
Dưới lầu mếch [1] bóng [2] trăng soi người sầu.
Cảnh nào sẽ nhắc lòng đâu,
Màng than tình mới thêm sầu nỗi xưa.
Ngàn mây, trắng bạc như tờ,
Bóng dâu chếch chếch đã vừa ngang vai.
Bờ sương đỗi tuyết bao nài,
Nào ai ấm lạnh nào ai ngọt bùi [3].
Tưởng người chén nguyệt thề bồi,
Phòng đông vừa ý đã người nào thôi [4].
Ba xuân [5] những chốn làm vui,
Những hương những lửa những ai đó giờ [6]?
Tiếng ve cao thấp gió đưa,
Cách tường sinh cũng khi vừa dạo thanh [7].
Cành trăng ngọn gió mong manh,
Nhịp châm dạ khách [8], tiếng kình [9] đêm thu.
Cảnh sầu như ghẹo người sầu,

---

1. *Mếch:* làm cho chếch mếch, đơn chiếc (H.T.C).

2. *Mếch bóng:* lẻ bóng.

3. *Ngàn mây... ngọt bùi:* bốn câu này ý nói Dao Tiên nghĩ đến cha ở nơi xa xăm bờ sương dặm tuyết không có ai thay mình phụng sự.

4. *Tưởng người... nào thôi:* câu này ý nói Dao Tiên nhớ đến Lương sinh mà nghe tin nay đã gá nghĩa nhà họ Lưu (hỏi nàng Ngọc Khanh).

5. *Ba xuân:* do câu thơ của mạnh Giao, đời Đường: *"Thùy vân thốn thảo tâm, báo đáp tam xuân huy"* (Ai bảo tấm lòng của tấc cỏ, có thể báo đền được ánh sáng ba tháng xuân) ý nói đến công cha mẹ.

6. *Ba xuân... đó giờ:* hai câu này là ý nghĩ của Dao Tiên, nàng tự hỏi ai là người bây giờ làm vợ của Lương sinh để giúp chàng trong việc đền đáp công ơn cha mẹ và nối dõi tông đường, giữ gìn hương khói.

7. *Dạo thanh:* dạo mát dưới ánh trăng thanh.

8. *Nhịp châm dạ khách:* nhịp của tiếng chày đập vải như đập vào lòng khách.

9. *Tiếng kình: (kình:* cá kình. Tương truyền trong biển có con cá kình, trên bờ có con bồ lao. Hễ con cá kình mà đánh con bồ lao thì con bồ lao kêu to lắm, nên người ta mới tượng trưng bằng cách làm hình con bồ lao trên chóp chuông, còn cái chày thì làm hình con cá kình để mỗi khi cầm chày đánh vào chuông thì chuông kêu vang to lên) tiếng chuông chùa.

http://tieulun.hopto.org

Khi trằn trọc đá, khi rầu rĩ cây.
Nghĩ người mặt sóng chân mây,
Tiên thề đành để đến ngày tái sinh.
Lỡ làng bèo nước lênh đênh,
Ấy duyên phụ khách hay mình phụ duyên.
Nào ta bể dặn non nguyền,
Lòng nào chuông vạn ngựa nghìn [1] với ai.
Nỉ non đêm ngắn tình dài,
Nguyệt kề bên triện [2], hoa rơi trước rèm.
Cách hoa lặng ngắm bóng thiềm [3],
Mây lồng tha thướt làn xiêm một người.
Áo đơn bụi lọt ngấn rơi,
Đào rầu rầu ủ, liễu hơi hơi gầy.
Người xưa sẽ nhớ những ngày,
Nguyệt Hương cũng đến chi đây lạ đời.
Những là cách mặt khuất lời,
Non Bồng [4] diễn ngỡ mấy mươi mươi trùng.
Dạo quanh núi giả đi vòng,
Bên hoa dường có nẻo thông cuối tường.
Hài văn lần bước bước sang,
Cách tường đã dặng tiếng vàng xa đưa.
Tưởng bây giờ là bao giờ,
Song song đôi mặt còn ngờ chiêm bao [5].
Bấy lâu mưa khóa gió rào,
Ngoài muôn nghìn dặm biết bao nhiêu tình.
Biết đâu hương lửa ba sinh [6],
Còn trăng còn gió còn dành duyên ta.

---

1. *Chuông vạn ngựa nghìn:* tức vạn chuông thóc, nghìn cỗ xe bốn ngựa, chỉ cảnh giàu sang cực độ.

2. *Nguyệt kề bên triện:* ánh trăng chiếu vào cái bao lơn tạc hình chữ triện trông như kề (tựa) vào đó.

3. *Bóng thiềm: (thiềm:* con cóc. Tương truyền Hằng Nga, sau khi lấy trộm thuốc tiên của chồng là Hậu Nghệ, uống vào thành tiên lên ở cung trăng và hóa ra con cóc).

4. *Non Bồng:* tức Bồng đảo, chỉ cảnh tiên.

5. *Dạo quanh... chiêm bao:* sáu câu này Nguyễn Thiện đã lấy từ ***Truyện Kiều*** để nhuận chính lại truyện *Hoa tiên.*

6. *Hương lửa ba sinh:* do chữ *tam sinh hương hỏa.* Ông Tình Lang nằm chiêm bao đi chơi núi Bồng, thấy một ông sư thắp hương tụng niệm, hương khói lan tỏa. Tình Lang hỏi, nhà sư đáp rằng: "Lúc tôi khấn nguyện, nén hương này vẫn cháy, mà nay tôi đã chuyển sinh ba kiếp người rồi." Thường dùng để chỉ việc hôn nhân.

http://tieulun.hopto.org

Nhịp đàn đã lỡ lại hòa,
Mới là tơ vận, mới là nguyệt xoay.
Nàng nghe giọt tủi thêm đầy,
Cạn lời rồi lại giãi bày tóc tơ.
Tài lang [1] nào phải như xưa,
Mình sang duyên thắm thờ ơ [2] mọi đường.
Tiếc thay sương tuyết [3] cũ càng,
Tơ duyên ai dở [4] tự chàng mà thôi.
Thề hoa vì tiếng hơi hơi,
Vẫn ghi lòng kẻo thẹn lời với hoa.
Soi trông sẵn bóng trăng già [5],
Ai ngờ vàng đá xảy ra cát lầm [6].
Thôi duyên đâu nữa mà lăm, [7]
Nhện vương lại mấy tơ tằm nữa đây.
Bấy lâu một tấm riêng tây,
Ái ân này đến đêm này là xong.
Lời thề dù hãy chút lòng,
Trên mồ một chén rượu trong cũng là.
Ngày thơm khúc mới xoang hòa [8],
Đành tơ kia thắm, đành hoa nọ nồng.
Giãi lòng với mảnh trăng trong,
Tạ lòng vâng đã vâng lòng thế thôi.
Trước lơn so bóng [9] lựa lời,
Trăng mờ hoa lặng, dế rời khúc ngâm.
Gió thương mây thảm âm thầm,
Đìu hiu ngọn liễu như dầm hạt mưa.
Chủ trương kia hỡi ông tơ,

---

1. *Tài lang:* chàng tài tử, đây chỉ Lương sinh.

2. *Thờ ơ:* không hề quan tâm tới, không hề có chút tình cảm gì.

3. *Sương tuyết:* về mùa thu, mùa đông mới có sương tuyết. Nghĩa rộng nói về năm tháng.

4. *Ai dở:* ai để dở dang.

5. *Trăng già:* tức Nguyệt lão, do điển *xích thằng, tơ hồng.*

6. *Trăng già... cát lầm:* cả hai câu ý Dao Tiên muốn nói vầng trăng soi chung hai người lúc thề nguyền vẫn còn đó mà ai ngờ những hứa hẹn vàng đá nay đã hóa ra cát lầm.

7. *Lăm:* ước muốn.

8. *Xoang hòa:* (*xoang:* điệu đàn hát) hòa hợp nhịp nhàng.

9. *So bóng:* hai người đứng bên nhau bóng in trên mặt đất như so nhau dài ngắn.

http://tieulun.hopto.org

Nào ai gió lật trăng lừa [1] với ai.
Nặng lòng son sắt một lời,
Cầu Lam [2] hầu dễ biết nơi thăm dò.
Cao dầy [3] xin hãy chứng cho,
Gặp đây biện chút duyên do họa (?) là:
"Kể từ dinh liễu [4] dời xa,
Cửa Lưu khi ép [5], đình Ba khi tìm [6].
Bắc Nam dặm tắt đường chen,
Vì ao bèo nổi mây chìm [7] bấy lâu.
Nắm xương mai sá nghĩ đâu,
Nghĩ chăng những nghĩ nhầm nhau tại mình.
Hay đâu cơ hội còn dành (?),
Gác Đằng [8] lại rủ gió thanh đem đường.
Buổi này họp mặt tròn gương [9],
Mới hay rằng có lửa hương [10] kiếp này.
Nhân sao nàng ngụ nơi đây ?
Những sao nông nỗi bấy nay dạy cùng."
Càng nghe càng một não nùng:
"Ai hay ai cũng còn lòng chửa quên.
Tình kia nào phụ chi duyên,
Gió dun mưa dẩy [11] cho nên cớ nào.

---

1. *Gió lật trăng lừa:* gió trăng lừa lật ý nói những hứa hẹn dưới trăng đã không còn giữ được, đã bị lừa gạt.

2. *Cầu Lam:* điển *Lam kiều,* chỉ nơi tiên ở (xem chú thích câu 339).
Cả câu này ý nói làm sao thăm dò được nơi ở của Dao Tiên.

3. *Cao dầy:* trời cao đất dầy, chỉ trời đất.

4. *Dinh liễu:* nhà quan, chỗ ở cũ của Dao Tiên.
(Người *dinh liễu* được đặt đối với người *quê mùa* (H.T.C).)

5. *Cửa Lưu khi ép:* ý nói đến việc bị ép phải đính hôn với Lưu Ngọc Khanh.

6. *Đình Ba khi tìm:* khi trở lại đình Ba, chỗ ở cũ của Dương công để tìm Dao Tiên.

7. *Bèo nổi mây chìm: (mây chìm:* bóng mây in hình trên mặt nước trông như chìm xuống) tức bèo mây nổi chìm, chỉ cảnh lưu lạc gian khổ.

8. *Gác Đằng:* đây chỉ dịp may. Xem chú thích câu 738.

9. *Tròn gương:* trăng tròn.

10. *Lửa hương:* ý nói nhân duyên vợ chồng. Xem chú thích câu 1213.

11. *Gió dun mưa dẩy:* tức gió dun mưa dẩy cũng như gió cuốn mây đem do câu *vân bằng phong dẫn* nghĩa là nhờ có gió mới đem được mây đi. Thường dùng để ví duyên trời sui khiến hai người gặp nhau.

http://tieulun.hopto.org

Sự mình kể hết tiêu hao [1],
Đã đành chiếc bách sóng đào lênh đênh.
Thương ôi muôn dặm Trường thành [2],
Xa xôi nào thấu dữ lành tin hơi.
Xót lời nên mới ngỏ lời,
Gặp nhau cùng khách quê người biết nao.
Sinh nghe lòng thắm như bào [3],
Lẽ trời đã quyết dạ nào đinh ninh [4].
Bụi Hồ một trận quét thanh,
Công nên may được duyên lành cũng nên.
Càng xui *cảm kích* [5] cần quyền [6],
Ngành than ngọn thở dường quên bóng dời.
Giục khuya hoàn cũng rỉ lời:
"Chốn lầu trang nọ tiếng người nghe đông."
Biệt ly ai vẽ nên lòng,
Càng mau giọt tủi, càng nồng tấm thương.
Kẻ về người lại sảnh đường,
Liền tay chép biểu [7] tan sương lên chầu.
Lãm qua chuẩn doãn lời tâu,
Cờ sai gươm giáp mặc dầu tiện nghi.
Lệnh trao ruổi phát tức thì,
Tinh binh mười vạn thuộc tùy trăm viên.
Bệ từ vâng chỉ đặc truyền,
Ầm ầm ngựa (?) gác xe chen khải hành.
Mịt mù bãi cát đồi tranh,
Cùng nhau khi nặng lời tình quản bao.
Ải gần mấy trận binh giao,
Truy quân [8] quá đất lầm vào thành không.

---

1. *Tiêu hao:* (*tiêu:* nêu, *hao:* tin tức) tin tức chiếc bách sóng đào (*bách:* gỗ bách, *đào:* lớn). Chiếc thuyền bằng gỗ bách ở giữa sóng lớn, ý nói đến cuộc đời sóng gió gian truân của người con gái.

2. *Muôn dặm Trường thành:* tức Vạn lý trường thành, nơi cửa ải xa xôi mà Dượng công phải đóng quân dẹp giặc.

3. *Lòng thắm như bào:* lòng son đau xót như bào.

4. *Dạ nào đinh ninh:* (*đinh ninh:* dặn đi dặn lại cặn kẽ) dạ nào chẳng đinh ninh, ghi nhớ lấy những lời dặn cặn kẽ.

5. *Cảm kích:* trong lòng có điều sở cảm mà kích phát lên.

6. *Cần quyền:* ân cần và gắn bó.

7. *Chép biểu:* chép tờ tấu trình nhà vua.

8. *Truy quân:* đuổi theo quân giặc.

http://tieulun.hopto.org

Pháo đâu hội phục đùng đùng,
Bốn bên giáp đánh ba vòng bọc quanh.
Một hai tin lũ tán binh [1],
Đồn rằng Lương đã liều mình trong quân.
Miếu đường [2] hiếm lẽ xử phân,
Hành biên [3] lại chọn trọng thần [4] chỉ huy.
Tiện nghi các việc biên thùy,
Vận lương Diêu cũng tức thì trẩy ra.
Mới hay mợ trú Tiền nha,
Vấn an tiện thể cáo qua lên đường.
Việc biên nói chuyện tin Lương [5],
Chực sau Hương đã rõ ràng tai nghe.
Liền vào gởi trước hương khuê,
Nghe tin nàng những ê dề [6] đòi cơn [7].
Vật mình khóc lóc thở than,
Quyết ngay nào sá lời can lẽ nài.
Vì ai cho lụy đến ai,
Thà liều mệnh bạc kẻo sai chữ đồng.
Cháo cơm chẳng đụng quyết lòng,
Nguyệt đà [8] cạn lẽ riêng chung nằn nì.
Chiềng rằng: "Đâu đã vậy thì,
Dẫu liều đâu nữa ích gì đấy chăng.
Tình kia bể núi thật rằng,
Tình kia song lại nhắc [9] bằng hiếu kia.
Gìn mình ngọc, tạc lòng bia [10],
Mới là hai lẽ phân chia lưỡng tuyền."
Chấp mê nàng đã đâu tin,
Gỡ dần Hương lại đứng bên rén bày:

---

1. *Tán binh:* lính thua trận chạy tán loạn.
2. *Miếu đường:* tôn miếu nhà vua, triều đình.
3. *Hành biên:* đi tuần nơi biên giới, đi dẹp giặc nơi biên giới.
4. *Trọng thần:* vị quan có chức quyền lớn ở triều đình.
5. *Tin Lương:* Tin Lương sinh đã liều mình trong quân.
6. Ê *dề:* đau đớn lắm.
7. *Đòi cơn:* nhiều cơn.
8. *Nguyệt đà:* Bích Nguyệt đã.
9. *Nhắc:* nâng vật gì trong tay để ước lượng nặng nhẹ bao nhiêu, có nghĩa như cân.
10. *Tạc lòng bia:* ghi nhớ mãi trong lòng không bao giờ quên như tạc vào bia vậy.

http://tieulun.hopto.org

"Đào kia mà trả mận này,
Có chăng đợi chút một giây ông về.
Cho phu nhân chút hả hê,
Vẹn tròn lúc ấy chi hề dám ngăn."
Êm lời nàng cũng giãn dần [1],
Ngày lề ôn sảnh bữa tuần khói hương.
Nghe tin chẳng xiết nỗi nàng,
Dặm xa lại nỗi đài Lương [2] ở nhà.
Những mừng dịch tiệp từng ba [3],
Vừa nghe trần thỉnh [4] xe đà hành biên.
Lại nghe những sự ngoa truyền,
Xót lòng luống những xây phiền đắp thương.
Thực hư ai biện cho tường,
Lễ chiêu [5] tuần điện [6] lệ thường thiếu đâu.
Cuộc đời chửa đến bể dâu,
Bỗng không mua não chác sầu mà chơi.
Tiếng oan dậy đất lở trời,
Tin đưa Lưu cũng xa xôi mà chừng.
Ngọc Khanh xiết nỗi ngại ngần,
Đổi mùi xiêm trắng, kém cân cơm vàng.
Xót vì hoàn [7] cũng khuyên nàng,
Dẫu dây đứt, nối [8] là thường nghĩ nao.
Thấy lời oanh yến [9] xôn xao,
Càng chan giọt thắm, càng bào lòng son.
Rằng: "Cương thường [10] nặng núi non,
Hãy còn vũ trụ là còn di luân [11].

---

1. *Giãn dần:* nguôi dần nỗi đau khổ trong lòng.
2. *Đài Lương:* chỉ Lương công.
3. *Dịch tiệp từng ba: (dịch:* trạm dịch đưa phát công văn, *tiệp:* tin báo thắng trận) từng ba lần tin trạm báo thi đậu.
4. *Trần thỉnh:* trần tình để thỉnh nguyện, trình bày để xin với nhà vua.
5. *Lễ chiêu:* lễ chiêu hồn.
6. *Tuần điện: (điện:* tiến cúng) tuần cúng cơm cho người chết.
7. *Hoàn:* a hoàn, đầy tớ gái.
8. *Dây đứt, nối:* dây đàn bị đứt, lại đem nối lại, ý nói đến việc chồng chết thì lại lấy chồng khác.
9. *Lời oanh yến:* lời bàn tán chuyện cưới xin (oanh yến ví với trai gái, vợ chồng).
10. *Cương thường:* tam cương, ngũ thường.
11. *Di luân: (di:* đạo thường, *luân:* nhân dân) cũng như *luân thường* (những điều thường hợp với đạo lý mọi người nên theo).

http://tieulun.hopto.org

Vẻ chi một mảnh hồng quần [1],
Chúa hoa đành đã đông quân [2] đấy rồi.
Thôi thôi đã vậy thì thôi,
Cũng liều má phấn cho rồi [3] ngày xanh.
Hóa công có thiệt chi mình,
Treo gương trinh bạch rành rành cho coi.
Màng bao giấy mỏng thói đời [4],
Đợi tuần ráo cỏ [5] chê cười như không.
Dẫu rằng mòn núi cạn sông,
Gương này quyết chẳng soi chung với người.
Ở nên lòng, nói nên lời,
Gớm thay cái mặt con người vô lương."
Mấy lời tạc đá ghi vàng,
Mối manh ai dám độc đường [6] nữa đâu.
Duyên kia thôi vậy cũng dầu,
Nợ kia ai lại làm rầu rĩ ai.
Ngày xuân lo những thiệt thòi,
Phu nhân vội đã toan bài ép duyên.
Lễ đưa truyền lại dẫn đền,
Tước bình [7] thử mở xem tên ai vào.
Họ Lam có một người nào,
Nghe tin sai mối lại trao chỉ hồng.
Một lời gắn bó vừa xong,
Biết đâu đã hẳn như lòng cho chưa.

---

1. *Hồng quần:* quần đỏ. Tục xưa con nhà sang trọng, con gái hay mặc quần điều nên trong văn chương thường dùng chữ đó để chỉ con gái.

2. *Đông quân:* thần mùa xuân còn gọi là *chúa đông* hay *chúa xuân*. Mùa xuân thuộc mộc về phương đông nên gọi chủ mùa xuân là *đông quân*. Nghĩa bóng chỉ người chồng hoặc ông vua.

3. *Cho rồi:* cho xong, cho dứt hẳn.

4. *Giấy mỏng thói đời:* nói thói đời đơn bạc (mỏng như tờ giấy).

5. *Tuần ráo cỏ:* sách *Kim cổ kỳ quan* chép rằng Trang Chu một hôm đi chơi ở ngoài đồng nội gặp một người đàn bà mặc đồ tang lấy quạt quạt một nấm mồ. Hỏi thì người ấy bảo là chồng lúc sắp chết có dặn, nếu muốn lấy chồng khác thì hãy chờ cho cỏ xanh ở mồ héo hết đã. Vì lẽ đó tôi mới quạt cho đất mau khô để cỏ chóng héo.

6. *Độc đường:* tự tiện một mình quyết định mà không hỏi đến Ngọc Khanh.

7. *Tước bình:* do chữ *trí bình xạ tước*, bắn trúng chim sẻ vẽ ở bình phong.

Ngày xưa, Đậu Nghi vẽ con chim sẻ ở bình phong, bảo hễ ai bắn được trúng mắt con chim thì gả con gái cho. Lý Uyên tức vua Đường Cao Tổ bắn trúng và cưới được vợ. Về sau Đường Cao Tổ lập con của Đậu Nghi làm hoàng hậu. Nghĩa bóng chỉ việc hỏi vợ hoặc kén rể.

http://tieulun.hopto.org

Đòi nàng khuyên nhủ bây giờ,
Rén thưa thoắt đã tuôn mưa đôi hàng.
Ngập ngừng nàng lại gởi chiềng:
"Yếu thơ bồ liễu [1] lỡ làng tóc tơ [2].
Phận sao phận bạc như tờ,
Sinh thành nợ trả bao giờ được đâu.
Bên đường nấm cỏ rầu rầu,
Mặt nào quên não khuây sầu với ai.
Dẫu sao cũng một thân người,
Dung cho chiếc gối trọn đời mới cam."
Lời ngay dễ trái dạ tham,
Lấy lời nửa mặt [3] coi làm trăm năm.
Chước nên mối những mừng thầm,
Lại đem trời bể mà cầm giàu sang.
Uốn mềm hết tấc khoe khoang,
Trái tai nàng mới kể tường gần xa:
"Nói chi những sự người ta,
Nghĩ mình nên chửa hay là chẳng nên.
Chữ trinh là phận thuyền quyên [4],
Ôm cầm ấy lại qua thuyền [5] nào ru?
Nỗi mình riêng những thẹn thò,
Lại mang lấy tiếng ná trò [6] mà chơi".
Phu nhân nghe hết mọi lời,
Rằng: "Sao đã biết những nơi chuyện ngoài.
Duyên này chẳng được bàn dai,
Nhẹ đem vàng đá mà coi làm thường.
Thiếp canh [7] truyền hãy phó sang [8],

---

1. *Bồ liễu:* thứ cây thùy dương, cành mềm trông có vẻ yếu ớt nên được dùng để chỉ thể chất yếu mềm của phụ nữ.

2. *Tóc tơ:* tức kết tóc xe tơ, chỉ việc hôn nhân.

3. *Lời nửa mặt:* do chữ *"bán diện chi từ"* là lời nói của người mới quen.

4. *Thuyền quyên: (thuyền* hoặc *thiền:* dáng tốt đẹp, *quyên:* đẹp tốt) dáng đẹp đẽ dễ thương, dùng để chỉ người phụ nữ xinh đẹp có duyên.

5. *Ôm cầm... qua thuyền:* ôm cầm mà bước sang thuyền của người khác tức là lấy chồng khác.

6. *Ná trò: (ná:* 那 *:* gì, sao) trò gì kỳ lạ.

7. *Thiếp canh:* thiếp có đề tên tuổi người cầu hôn.

8. *Phó sang:* đưa tới.

http://tieulun.hopto.org

Sợ sùng [1] gởi trước đài trang bước vào.
Trăng già lật lọng [2] hay sao,
Cầm dây cả quyết xe vào khéo xinh.
Gây dừng dám nghĩ sinh thành [3],
Biết duyên mình biết phận mình thế thôi.
Hiếu trinh riêng những gồm đôi,
Ơn nhà hãy trước, nghĩa người thì sau.
Phận mà ra vậy cũng dầu,
Nghĩ người đáy giếng thang lầu [4] chẳng dưng [5].
U minh [6] đôi ngả khơi chừng,
Một niềm sắt đá thấu chăng hỡi tình.
Gọi là một chút bố kinh [7],
Nợ lòng phải trả đến mình [8] mới xong.
Duyên tơ đã kết dải đồng [9],
Bèo mây ước chữ tương phùng kiếp sau.
Nỗi riêng càng nghĩ càng đau,
Tấm riêng thôi cũng mặc dầu gió trăng.
Nghĩ đi nghĩ lại ngập ngừng,
Ngọc xôi hạt tấm, hương lừng mớ xây [10].
Lầu khuya vắng vẻ ai hay,
Lần nghe văng vẳng canh chầy điểm ba [11].
Vườn sau đóng chặt then hoa,
Đè chừng sông cái ruổi pha [12] một mình.
Khóc than ti tỉ (?) cuối ghềnh,

---

1. *Sợ sùng:* có nghĩa như *sượng sùng,* chỉ vẻ hổ thẹn, chai cứng mặt.
2. *Lật lọng:* ý nói thay đổi ý kiến lừa dối người ta.
3. *Sinh thành:* sinh đẻ và nuôi cho nên người, nói đến công ơn của cha mẹ.
4. *Người đáy giếng, thang lầu:* người tự tử hoặc nhảy xuống giếng hoặc nhảy thang lầu ở tầng cao xuống.
5. *Chẳng dưng:* không phải bỗng dưng không có lý do.
6. *U minh: (u:* tối, *minh:* sáng) tức là âm phủ và dương gian.
7. *Bố kinh:* do chữ *kinh thoa bố quần* là cái thoa bằng cỏ gai, cái quần bằng vải, chỉ người vợ hiền. Theo điển xưa: nàng Mạnh Quang, vợ Lương Hồng đời Hậu Hán, tuy lấy chồng sang trọng mà chỉ dùng đồ tầm thường ấy.
8. *Trả đến mình:* phải đem thân mình ra để trả nợ.
9. *Dải đồng:* dải đồng tâm.
10. *Ngọc xôi... mớ xây:* cả câu ý nói Ngọc Khanh trang điểm ngọc bóng từng hạt, áo quần từng mớ sực hương thơm (làm ra vẻ không còn đau buồn nữa).
11. *Điểm ba:* điểm canh ba.
12. *Đè chừng... ruổi pha:* phỏng theo hướng... đi mau như chạy.

http://tieulun.hopto.org

Giãi lòng với nước, đè tình với trăng.
Tiếc đời chi nữa cũng rằng,
Dẫu mà có thác cầm bằng không sinh.
Há rằng chác [1] tiếng mua danh,
Sao cho phải phận sự mình thì cam.
Trông vời trời bể mênh mang,
Đem thân băng tuyết [2] gửi hàm giao long.
Bất tình chi bấy hóa công,
Cho người lấy mảnh má hồng làm chi.
Người hạnh nghĩa [3], khách dung nghi [4],
Làm cho trâm gẫy gương lìa mới thôi.
Mênh mang bể khổ sóng dồi,
Biết rằng phúc thiện có trời nữa không.
Có quan Đề học [5] họ Long,
Hồi kinh vừa gặp thuận dòng trẩy qua.
Tiếng người lảnh lảnh nghe xe,
Kíp tìm thủy thủ bỏ chà [6] vớt xem.
Trước thuyền trau chuốt màu xiêm,
Gạn tường [7] mới giãi mọi niềm sâu nông.
Thoắt thôi quan mới ướm lòng,
Khen rằng: "Tiết sạch danh trong thật là.
Tiếc thay trong ngọc trắng ngà,
Nỡ hoài chi để trôi hoa giạt bèo [8].
Rừng thiền [9] cõi tĩnh là nhiều,

---

1. *Chác:* chuốc lấy.

2. *Thân băng tuyết:* tấm thân còn trong trắng như băng như tuyết.

(Thúy Kiều thì đã *"thừa xấu xa"* không còn băng tuyết nữa nên câu 2672 phải phiên âm là *"Trước hàm rồng cá gieo mồi vắng tanh"* không thể phiên âm là *"băng tinh"* hoặc *"thủy tinh"* được.

3. *Hạnh nghĩa:* có đức hạnh nghĩa khí.

4. *Dung nghi:* có sắc đẹp đoan trang.

5. *Đề học:* chức quan coi việc học trong một tỉnh.

6. *Bỏ chà:* bỏ những cành cây hoặc cành tre xuống sông để làm thành hàng rào ngăn cản lại, cắm rào ngang sông.

7. *Gạn tường:* hỏi đến cùng để biết rõ mọi chuyện.

8. *Trôi hoa giạt bèo:* ý nói đến cảnh lưu lạc của người phụ nữ.

9. *Rừng thiền: (thiền:* do chữ Phạn dyana tức *thiền na* có nghĩa là yên lặng) dịch từ chữ *thiền lâm* có nghĩa là chùa. Đạo Phật lấy sự thanh tịnh làm gốc nên gọi cửa chùa là *thiền môn,* thầy chùa là *thiền gia,* ngôi chùa là *thiền đường.*

http://tieulun.hopto.org

Sạch mình chi lọ là liều với ai.
Đem mình mà trả nghĩa người,
Để công chín chữ [1] thiệt thòi đến đâu.
May đây bèo nước [2] gặp nhau,
Thôi thì Hợp Phố cho châu lại về [3]."
Lặng nghe giọt ngọc dầm dề,
Lạy thôi mới kể tỉ tê sự mình:
"Trẻ thơ đội đức sinh thành,
Sớm khuya ai dễ dứt tình được đâu.
Ông tơ lật lọng lừa nhau,
Hai mình nên phải ngậm sầu bước ra.
Gốc phần [4] dù lại dạo qua,
Cành vin chẳng kẻo bẻ hoa tay người [5].
Lại toan trơ tráo với đời,
Thà cho sóng bạc để rồi ngày xanh.
Muôn vàn tạ chút hậu tình,
Hẹn này may có lai sinh là còn.
Rồi đây đáy vực ngọn nguồn,
Mặc cho bụng cá lại chôn mày ngài. [6]"
Yêu vì nết, trọng vì người,
Phu nhân lại dạy đến lời đa mang [7].

---

1. *Chín chữ:* tức *chín chữ cù lạo:* sinh (cha sinh), cúc (mẹ đẻ), phủ (vỗ về), dục (nuôi cho khôn lớn), cố (trông nom), phục (quấn quít), phủ (nâng nhắc), súc (nuôi cho lớn), phúc (bồng bế), chỉ công khó nhọc của cha mẹ đối với con.

2. *Bèo nước:* do chữ *bèo thủy tương phùng*, bèo nước gặp nhau; đất khách gặp nhau.

3. *Hợp Phố châu về:* ý nói trả về lại cho gia đình. Đời Hậu Hán đất Hợp Phố thuộc về quận Giao Chỉ (nước ta) là đất có hạt châu nhiều. Vì quan lại người Trung Quốc bắt dân ta phải đi mò trai lấy hạt châu nên những người dân làm nghề này bỏ đi ở chỗ khác cả. Khi Mạnh Thường làm thái thú, sửa bỏ lệ cũ, người dân làm nghề mò hạt châu lại trở về Hợp Phố. (Ta thường truyền rằng những con trai có hạt châu tự nhiên bỏ đi nơi khác rồi sau lại trở về, đó chỉ kể lại theo dị đoan).

4. *Gốc phần:* chỉ quê hương vì ở thôn quê thường trồng cây phần và cây du; cũng gọi chỗ thôn quê là *phần du.*

5. *Gốc phần... tay người:* hai câu ý nói nếu có trở lại quê nhà thì sẽ bị ép gả qua tay người khác.

6. *Mày ngài:* do chữ *nga my* - lông mày con gái đẹp như râu con ngài; đây dùng để chỉ người con gái đẹp.

7. *Đa mang: (đa:* nhiều, *mang:* rối) nguyên nghĩa làm nhiều việc là rối cả lòng, sau được dùng để chỉ sự đèo bòng thêm. Ở đây có nghĩa là cưu mang nuôi thêm làm con cái trong nhà.

http://tieulun.hopto.org

"Thân già vì chút muộn màng,
Mới hay máy tạo tuần hoàn dành cho.
Trăm năm dan díu nghĩa vò [1],
Mai sau trông cậy già nua được dành.
Rồi ra lá kệ phiếu kinh,
Mặc tiêu sái [2] đấy cho thanh thả đời".
Ơn lòng dám nhẽ lược lời [3],
Ta từ thôi thoắt thuyền xuôi bến nào.
Nhà Lưu kinh hãi biết bao,
Mơ màng đón hỏi xôn xao sai tìm.
Đầu duềnh [4] cuối bãi lần xem,
Khác chi đáy bể mò kim [5] hững hờ [6].
Nàng đành được chốn nương nhờ,
Khéo là khóc vẩn thương vơ nực cười.
Tiếc thay ngán ngẩm cho đời,
Cái vòng con tạo [7] khéo chơi lững lờ.
Người còn đôi mặt trơ trơ,
Bên mê thủy quốc [8], bên ngờ vân hương [9,10].
Vàng thau ngọc đá mơ màng,
Để cho ố thắm phai vàng là đây.
Mấy thu [11] tên đá [12] bời bời,
Biết đâu sinh hãy trong vây giữ gìn.
Vỗ về lẽ khích lời khuyên,

---

1. *Nghĩa vò:* tình nghĩa con nuôi. Xem thêm chữ *minh linh* trang...

2. *Tiêu sái: (tiêu:* mất đi, *sái:* rảy nước, không bó buộc) khí tiết thanh cao không dính với trần tục.

3. *Lược lời:* chối lời.

4. *Đầu duềnh:* đầu vụng sông hoặc vụng biển.

5. *Đáy bể mò kim:* cái kim ở đáy biển khó tìm được thế mà vẫn cố tìm.

6. *Hững hờ:* không dè, không ngờ (H.T.C).

7. *Cái vòng con tạo:* ý nói đến sự xoay vần của con tạo (mượn hình ảnh từ cái bàn xoay của người thợ đồ gốm làm ra các đồ vật).

8. *Thủy quốc:* thủy cung, cõi dưới nước, cũng như nói *cung nước* (câu 1544).

9. *Vân hương:* cõi trên mây. Cũng như nói *làng mây* (câu 1544).

10. *Người còn... vân hương:* hai câu này ý nói Lương sinh và Ngọc Khanh vẫn còn sống thế mà bên này ngỡ đã về *thủy quốc*, bên kia ngờ đã về *vân hương*.

11. *Mấy thu:* mấy năm. Lương sinh mới bị vây mà đã mấy năm sao? Chắc là mấy tháng mùa thu.

12. *Tên đá:* do chữ *thỉ thạch* là mũi tên và hòn đá. Đời xưa chỉ dùng tên và đá để đánh giặc; tên dùng cung mà bắn, đá dùng cần vọt để phóng đi xa.

http://tieulun.hopto.org

Đắp cao lũy nghĩa, chống bền giậu trung.
Tính lương [1] Hồ những để rông [2],
Chắc rằng cá lưới chim lồng vội đâu.
Dằng dai bạng duật [3] bao lâu,
Bóng ô hè giục sang thu đã chầy [4].
Diêu từ ruổi tới ải mây [5],
Tin Lương biết hãy trong vây đã mừng.
Hiềm vì thống tướng non lưng [6],
Đóng quân kín lũy cầm chừng chẳng sai.
Lĩnh quân Diêu cũng quyết bài [7]
Đặc truyền tức khắc hàm mai tiền hành [8].
Đêm khuya liếc thấy binh tình,
Ngọn cờ ngan ngác, trống canh trễ tràng.
Phá kiêu [9] nghĩ cũng dễ dàng,
Đóng dinh [10] kíp thảo hai trương mật bài [11].
Hẹn cho giờ sửu [12] đêm mai,
Dấu cờ hiệu súng trong ngoài giáp công [13].
Lên nơi cao phụ [14] đứng trông,
Mũi mày [15] thuận gió một phong [16] bắn vào.

---

1. *Tính lương:* tìm cách hãm lương thực không cho tiếp tế.
2. *Để rông:* buông lỏng, không xiết chặt việc canh phòng.
3. *Bạng duật: (bạng:* con trai, *duật:* con cò) do câu chuyện bạng duật tương trì, con cò mổ con trai bị con trai kẹp chặt lấy mỏ, hai con cứ dằng co nhau không bên nào chịu thua. Đây dùng để nói quân Lương và rợ Hồ cứ dằng co đánh nhau mãi.
4. *Bóng ô... đã chầy:* cả câu ý nói cuộc bao vây kéo dài đã lâu hết mùa hạ đông sang mùa thu lâu rồi. Như ý câu này thì "mấy thu" ở câu 1485 có thể hiểu là mấy tháng mùa thu.
5. *Ải mây:* ải xa, cao trên núi trông như có mây phủ.
6. *Non lưng:* ý nói ít quân không đủ lực để tấn công.
7. *Quyết bài:* quyết liệu phương cách giải vây.
8. *Đặc truyền tức khắc hàm mai tiền hành: (hàm mai:* ngậm tăm, *tiền hành:* đi lặng lẽ) truyền lệnh đặc biệt phải lập tức yên lặng tiến quân (giữ cho thật bí mật).
9. *Phá kiêu:* phá rợ Hồ.
10. *Đóng dinh:* đóng dinh trại.
11. *Mật bài:* bức thư bày tỏ kế hoạch bí mật giải vây.
12. *Giờ sửu:* khoảng từ 1 giờ đến 3 giờ đêm.
13. *Giáp công:* hai bên đánh kẹp lại.
14. *Cao phụ:* gò cao.
15. *Mũi mày:* đầu nhọn của mũi tên, tức mũi tên.
16. *Một phong:* một phong thư.

http://tieulun.hopto.org

Lương vừa khuya tựa trướng sao [1],
Thấy tên nảy xuống nộp vào trình xem.
Phong thư vẹn vẻ còn in,
Mở coi thật dấu chữ em những ngày.
Chư quân [2] trông ngóng lâu nay,
Biết mưu mài cánh day tay [3] đợi truyền.
Lũy Dương gần cũng thông tin,
Hội binh một khắc giải liền hai nơi.
Khác chi hùm cũi ra ngoài,
Ấy là thoát tội đoạn rồi lập công.
Thừa cơ lò lửa mũi lông [4],
Quán kình vòi vọi, bụi hồng lâng lâng [5].
Thanh bình một biểu tâu dâng,
Thảnh thơi yên khấu [6], chân nưng khải hoàn [7].
Gia thư nhẹ ruổi chân nhàn [8],
Tin lành sớm đã lọt màn Tiền nha.
Vân Hương vào trước chiềng qua,
Nỗi thân nỗi nghĩa như hoa nở lòng.
Gánh sầu cất nhẹ như không,
Càng xem tin báo càng mong độ về.
Thương cạnh [9] lần dịch gióng khuya,
Tỏ tường bản đạo [10] kéo về kinh đô.

---

1. *Trướng sao:* trướng căng ở bên ngoài dưới trời sao.

2. *Chư quân: (chư:* các) các quân sĩ.

3. *Mài cánh day tay:* ý nói chuẩn bị sẵn sàng ra đánh.

4. *Lò lửa mũi lông:* do chữ *hỏa tốc* và *vũ hịch.* Tờ hịch phát đi gấp có găm một cái lông. Đây ý nói việc phá vòng vây phải làm gấp rút để cho địch bị bất ngờ mà không kịp chống cự.

5. *Quán kình ... lâng lâng: (kình:* loài cá voi, loài cá lớn ở ngoài biển, thường được dùng với *ngạc* tức kình ngạc để chỉ bọn giặc cướp) cả câu ý nói thây giặc chất đống cao thành từng lớp, nơi chiến trường đã sạch bụi hồng, ý nói chiến thắng rồi thái bình đã trở lại.

6. *Yên khấu: (khấu:* dây yên ngựa) yên cương. *Thảnh thơi yên khấu:* thảnh thơi lên ngựa đã thắng yên cương trở về.

7. *Khải hoàn: (khải:* hát mừng thắng trận) quân thắng trận hát vang trở về.

8. *Chân nhàn:* chân nhạn, nhắc đến chuyện Tô Vũ khi bị đày đi chăn dê ở một nơi cùng tịch đã buộc một phong thư vào chân con nhạn để báo tin về cho vua Hán biết mình còn sống. Đây ý nói thư nhà được sớm đưa về tới nơi.

9. *Thương canh:* chim oanh. *(Kinh Thi: Thương canh vu phi* = chim thương ca, ý nói bạn oanh yến lứa đôi, nghe chim oanh kêu giục tình đôi bạn).

10. *Bản đạo:* đạo quân chính của Dương công và Lương sinh.

http://tieulun.hopto.org

Rồng mây [1] một hội nghìn thu,
Gác Đường vẽ mặt [2], yến Chu thỏa lòng [3].
Người tài lược [4], kẻ tinh trung [5],
So vào công tái [6] đều phong liệt hầu [7].
Dõi cho [8] thế tập [9] về sau,
Rành rành khoán núi, làu làu thư sông [10].
Móc mưa [11] nhuần đượm chập chùng,
Bể sôi chợ họp người trong sảnh đường.
Rước mừng tân hữu [12] rỡ ràng,
Có Lưu công tử anh nàng Ngọc Khanh.
Mới vâng ấm bổ [13] phó kinh [14],
Đến mừng nhân kể ngọn ngành sự em.
Dẫu khi vui cũng chạnh niềm,
Chửa cam tình nọ lại thêm nghĩa này.
Lửa hương [15] nào đã chi đây,
Mà liều cung nước làng mây [16] hỡi người.

---

1. *Rồng mây:* do chữ *vân long phong hổ* là khi theo rồng bay có mây theo, khi cọp chạy có gió, lấy nghĩa vật loại và khí tượng cảm nhau, dùng điển ấy ví vua được kẻ tôi giỏi.

2. *Gác Đường vẽ mặt:* vua Đường Thái Tôn cho vẽ tượng những bề tôi có công cứu nước ở gác Lăng Vân.

3. *Yến Chu thỏa lòng:* vua nhà Chu bày yến tiệc và ban thưởng cho các công thần *(Kinh Thi,* thiên *Lộc minh).*

4. *Tài lược:* kẻ có tài thao lược *(lục thao tam lược* là những phép đánh giặc được nói trong bộ sách Binh thư của ông Hoàng Thạch Công).

5. *Tinh trung:* lòng trung thành rất mực.

6. *Công tái:* sách ghi chép công trạng của các tôi giỏi.

7. *Liệt hầu:* sắp vào hàng tước hầu (tước thứ nhì trong năm tước: công, hầu, bá, tử, nam). Theo chế độ nhà Hán thì con tước vương được phong hầu gọi là *chư hầu* còn những người có công được phong hầu gọi là *liệt hầu.*

8. *Dõi cho:* cho được hưởng nối tiếp đời đời.

9. *Thế tập: (thế:* đời, *tập:* di truyền xuống đời sau) tước vị đời cha ông truyền lại cho con cháu.

10. *Khoán núi... thư sông: (khoán:* tờ ghi công, *thư:* sự ghi chép công) những sự ghi chép công huân cùng vững bền lâu dài như sông núi.

11. *Móc mưa:* ví ân vua ban xuống cho dân ai cũng được hưởng như mưa móc thấm nhuần khắp cây cỏ.

12. *Tân hữu: (tân:* khách; *hữu:* bạn) quan khách và bạn bè.

13. *Ấm bổ: (ấm:* ơn trạch hay quyền thế của cha ông để cho con cháu được nhờ) lấy chân ấm sinh bổ làm quan (phải sát hạch).

14. *Phó kinh: (phó:* đi đến) đến kinh đô nhận chức vụ.

15. *Lửa hương:* tức hương lửa, ý nói đến việc nhân duyên. Xem thêm chú thích *hương lửa ba sinh.*

16. *Cung nước làng mây:* nói đến việc Ngọc Khanh tự trầm, cũng như *thủy quốc, vân hương.*

http://tieulun.hopto.org

Khối tình [1] mang nặng nghìn đời,
Đỉnh chung [2] hầu dễ ăn ngồi được đâu.
Tiếc hoa ngần ngại nét sầu,
Vừa khi Dương tướng thôi hầu vào chơi.
Việc gì dường khác vẻ vui,
Thấy lời sinh lại rạch ròi duyên do.
Thương tình mà ngậm ngùi cho,
Rằng: "Danh tiết ấy thơm tho ai bì.
Sao không tâu đến đan trì [3],
Họa là tình ấy chút gì trả nhau."
Nghe lời vội thảo bản tâu,
Vào trong tiện điện [4] buổi sau tiến trình.
Gương trời soi rõ mảnh tình,
Vẽ lòng lá sắc [5], tạc danh biển vàng [6].
Chàng đà vẹn vẽ cương thường [7],
Thung dung lại phán truyền Dương sự nhà.
Thềm phong [8] khúm núm tâu qua:
"Hiếm hoi một gái tuần đà thèm hai [9].
Những là rong ruổi cõi ngoài,
Phòng xuân [10] nên hãy còn cài cửa thoi [11]."

---

1. *Khối tình:* tình kết thành khối. Do tích: người con gái phải lòng một người lái buôn rồi nhớ thương mà chết. Khi cải táng thấy trong bụng một cục rắn đập không vỡ. Khi người lái buôn nghe tin, tới viếng, thấy vậy thương cảm khóc, nước mắt rơi vào cục đó liền tan ra huyết mất.

2. *Đỉnh chung: (đỉnh:* cái vạc, *chung:* cái chuông) do chữ *chung minh đỉnh thực.* Ngày xưa bên Trung Quốc những nhà sang trọng đến bữa ăn thường đánh chuông mời khách và để vạc ở giữa cùng ăn. Nghĩa bóng nói sự giàu sang có chức vị.

3. *Đan trì: (đan:* đỏ, *trì:* thềm) thềm đỏ, chỉ chỗ vua ở hay nhà vua.

4. *Tiện điện:* điện vua ở sau chánh điện, thường là chỗ các quan chờ để vào chầu vua hoặc nơi vua thay áo.

5. *Lá sắc:* tờ chiếu chỉ của vua khen tấm lòng trinh tiết của Ngọc Khanh.

6. *Biển vàng:* bức biển sơn son thếp vàng chạm mấy chữ vua khen sự tiết hạnh hay là trinh liệt.

7. *Cương thường:* tam cương và ngũ thường, ý nói giữ trọn được đạo nghĩa.

8. *Thềm phong: (phong:* cây phong về mùa thu lá đỏ, trồng ở nơi cung điện nhà vua) thềm trong cung vua.

9. *Thèm hai:* gần hai mươi tuổi.

10. *Phòng xuân:* phòng của người con gái còn trẻ tuổi.

11. *Cài cửa thoi:* cài cửa ở nơi phòng canh cửi.

http://tieulun.hopto.org

Năm mây [1] xuống chiếu rạch ròi,
Dao Tiên truyền kíp sánh đôi cùng chàng.
Tạ ơn cùng xuống điện vàng,
Vội mừng nào đã kịp đường nghĩ xa.
Về dinh thấm thía sự nhà,
Đành người cố nghĩa, nào ta chí tình.
Rèm tương [2] việc hãy rành rành [3],
Nào đà kết cỏ [4] ngậm vành [5] chi đâu.
Vì ai cho thiệt thòi nhau,
Ấy ai dứt được mối sầu cho đang.
Chẳng cầm sắt [6] cũng tao khang [7],
Nối dây [8] thế chẳng vội vàng chút nao.
Gặp nhau chín suối khi nào,
Luống thêm thẹn mặt trông vào với ai.
Duyên kia đã nặng thề bồi,
Thân kia trong mấy thu trời quản đâu.
Nghĩ duyên càng khẩy tơ sầu,
Nghĩ thân càng lại thêm đau đớn tình.
Sang chơi vừa gặp Diêu sinh,

---

1. *Năm mây:* nói về chiếu của nhà vua. Ngày xưa cho rằng mây ngũ sắc đem lại điều lành. Tống sử có câu: "*Ngũ sắc vân hiệu*"= năm sắc mây hiệu. Nghĩa bóng nói về đời thái bình, nói về vua hoặc nói về thi đỗ.

2. *Rèm tương:* do chữ *tương liêm* là rèm tre, rèm trúc. *Tương trúc:* cây trúc, cây tre ở bên bờ sông Tương (thuộc tỉnh Hà Nam) có thứ trúc đốm đẹp.

3. *Việc hãy rành rành:* việc Ngọc Khanh tự trầm mình còn rành rành ra đó. Cả câu ý nói đến việc Ngọc Khanh tự trầm mà liên tưởng tới việc hai bà vợ vua Thuấn tự trầm ở sông Tương.

4. *Kết cỏ:* báo ơn sau khi chết.

Theo tích Ngụy Khỏa người nước Tấn thời Xuân Thu cho người thiếp của cha mình đi lấy chồng không đem chôn theo cha. Sau Khỏa đánh với Đỗ Hồi, nước Tần, có cha của người thiếp, ông cha ấy cứ kết cỏ làm cho vướng chân con ngựa của Đỗ Hồi khiến Đỗ Hồi bị Khỏa giết chết.

5. *Ngậm vành:* cũng nói về sự cám ơn sau khi chết. Theo tích Dương Bảo thời Đông Hán bắt được một con chim sẻ bị thương, đem về nuôi đến khi nó khỏe rồi thả ra. Về sau có một đứa trẻ mặc áo vàng cầm bốn cái vòng ngọc đến nói tạ ơn.

6. *Cầm sắt:* ý nói vợ chồng hòa hợp nhau như đàn cầm và đàn sắt hòa nhịp với nhau.

7. *Tao khang: (tao:* cám, *khang:* tấm) ý nói người vợ đã lấy mình từ lúc nghèo hèn đã chịu cực khổ chung với mình (ăn cám ăn tấm) thì không thể bỏ được. Tích ông Tống Hoằng.

8. *Nối dây:* ý nói Ngọc Khanh mới chết mà lại lấy ngay Dao Tiên.

http://tieulun.hopto.org

Thở than Lương mới kể rành khúc nôi [1].
Dám thưa: "Anh đã sai rồi,
Chấp kinh [2] dường ấy ra hơi trần trần [3].
Tình phu phụ [4], nghĩa quân thân [5],
Trong ba cương [6] ấy xem phần nào hơn.
Tôi con chút phận lờn bơn [7],
Nếu dồi dắng [8] lại ra lờn cợt ngay.
Băn khoăn xuân cỗi huyên gầy [9],
Tấm nguyền hữu thất [10] đến rày chưa nguôi.
Mặc người tựa cửa [11] hôm mai,
Cầm lòng vì chút nghĩa người thế ru.
Sợ khi đương bể mà dâu [12],
Hiếu tình lại dở dang nhau mặc lòng.
Nghĩa kia đành tạc núi sông,
Biển vàng may thế chữ đồng cũng cân.
Dù chăng dứt gỡ tơ trần,
Đành rồi lập miếu [13] phong phần [14] về sau.
Ấy lời tâm phủ [15] cùng nhau,
Tình sao cho được trước sau vẹn nghì [16].
Tưng bừng sắm sửa lễ nghi,

---

1. *Khúc nôi:* (hoặc *khúc nhôi)* nỗi niềm tình cảnh.
2. *Chấp kinh: (chấp:* giữ, *kinh:* đạo theo khi thường) cầm giữ theo đạo thường.
3. *Trần trần:* trơ ra, ỳ ra.
4. *Phu phụ*: vợ chồng.
5. *Quân thân:* vua và cha tức vua tôi và cha con.
6. *Ba cương:* tức *tam cương* là ba mối: vua tôi, cha con, vợ chồng.
7. *Lờn bơn:* loài cá mình dẹt, miệng méo. Nghĩa bóng là chịu lép một bề.
   Ca dao: *Thà rằng chịu lép lờn bơn một bề.*
8. *Dồi dắng:* diên dẫn, trễ tràng, chiều theo sự thế, không quyết ý, còn do dự ((H.T.C).
9. *Xuân cỗi huyên gầy:* ý nói cha già và mẹ yếu.
10. *Tấm nguyền hữu thất:* tấm lòng mong ước cho con cái thành gia thất.
11. *Người tựa cửa:* chỉ người mẹ.
Lấy tích mẹ Vương tôn giả thời Chiến Quốc nói với con rằng: *"Mày đi buổi sớn mẹ tựa cửa mong; mày đi buổi chiều mẹ tựa cửa ngóng."*
12. *Đương bể mà dâu: (bể... dâu* do chữ *tang thương)* đương là biển xanh mà hó ra ruộng dâu, *ý nói đến cuộc biến đổi lớn ở đời.*
13. *Lập miếu:* lập đền để thờ.
14. *Phong phần: (phong:* đắp, *phần:* mộ) xây đắp phần mộ.
15. *Lời tâm phủ:* lời thành thực xuất ra từ lòng dạ.
16. *Vẹn nghì:* trọn vẹn tình nghĩa với nhau.

http://tieulun.hopto.org

Đào phen xanh trỗi [1], hoa kỳ thắm sây [2].
Rõ ràng một cuộc vui vầy,
Đủ lề nạp thái [3] định ngày nghinh hôn [4].
Sen nở đuốc [5], quế in son [6],
Vang lừng nhạc phủ [7], vuông tròn gấm phong.
Dưới đèn lộng vẻ song song,
Ngọc quang [8] bảo đái [9], sương lồng hà chi [10].
Trai tài gái sắc ai bì,
Doanh Châu [11] ấy khách Dao Trì [12] nọ tiên.
Đã người mới lại người quen,
Kể sao cho xiết tình duyên bấy giờ.
Càng thêm cuốn chỉ ghép tơ,
Đã đành cá nước [13] duyên ưa một nhà.
Gió đưa lời cánh bay xa,
Vừa Long đề học thuyền đà tới kinh.
Rõ nghe thay thảy các tình,
Bia xây [14] (?) lại thấy biển tinh [15] chữ bày.
Đòi nàng ngỏ dạy trước đài,
Cùng làm một biểu đến mai dâng chầu.

---

1. *Đào phen xanh trỗi: (phen:* lúc, buổi, *trỗi:* hơn lên) cây đào đang khi xanh tốt cành lá.

2. *Hoa kỳ thắm sây: (sây:* phủ đầy, sai) hoa đang thời kỳ đỏ thắm. Câu 1605 là dịch theo ý câu: *"Đào chi yêu yêu, xước xước kỳ hoa, chi tử vu qui, nghi kỳ thất gia* (cành đào non mơn mởn, hoa thắm sây rực rỡ, nàng ấy về nhà chồng, nên cửa nên nhà) trong *Kinh Thi.*

3. *Nạp thái: (nạp:* nộp, *thái:* chọn) lễ dẫn đồ cưới tục gọi là lễ bỏ trầu.

4. *Nghinh hôn:* lễ rước dâu.

5. *Sen nở đuốc:* hoa sen đỏ như cây đuốc.

6. *Quế in son:* hoa quế nở đỏ chói như được in son.

7. *Nhạc phủ:* khúc nhạc ở trong nội phủ.

8. *Ngọc quang:* ngọc sáng.

9. *Bảo đái:* đai áo có nạm châu báu.

10. *Hà chi:* chén rượu quí, đựng trong chén ngọc.

11. *Doanh Châu:* một trong ba hòn đảo ở Bột Hải, tương truyền là nơi có tiên ở.

12. *Dao Trì: (Dao:* tên một thứ ngọc, *trì:* ao) ao bằng ngọc, chỗ bà Tây Vương Mẫu ở.

13. *Cá nước:* cá gặp nước. Vua tôi gặp nhau như cá gặp nước. Lưu Bị nói với Trương Phi và Quan Vũ: *"Ta gặp được Khổng Minh cũng như cá gặp nước."* Nghĩa rộng nói hai người gặp nhau một cách tương đắc.

14. *Bia xây:* tấm bia xây để làm kỷ niệm. Tấm bia này đã được nhắc lại trong câu 1632: *"Rằng: Như bia ấy sắc kia phụ gì".*

15. *Biển tinh:* biển treo để biểu dương.

http://tieulun.hopto.org

Nàng nghe ren rén cúi đầu:
"Bọt bèo dám động cao sâu thêm nhàm.
Rủi may chẳng kẻo lứa đam [1],
Đã đành duyên ấy lại cam phận nào.
Vả là hư thực biết bao,
Ấy ai biết được âm hao [2] cho đành.
Sao bằng mình sạch lấy mình,
Mặc ai lạt nghĩa mặn tình nghĩ chi."
Cạn lời ông lại gạt đi,
Rằng: "Như bia ấy [3] sắc kia phụ gì.
Dẫu rằng vội chốn kết nghì,
Là vâng ngọc chỉ [4] dám phi tấc tình.
Ví xưng xưng [5] quyết lấy mình,
Xuân đâu hai lão [6] phỏng đành đấy chăng.
Ngẫm cơ ghềnh Thái [7] gác Đằng [8],
Hay đâu là chẳng xích thằng sẵn xe [9]".
Cạn lời bằn bặt lặng nghe,
Tạ từ liền dạo gót về hiên sau.
Tan sương vừa buổi ban chầu,
Biểu văn Long đã quì tâu sân đền.
Khen rằng: "Này thật thiên duyên [10],
Ngọc Khanh nay đọ Ngọc Liên [11] chi nhường."

---

1. *Lứa đam:* lứa đôi.

2. Âm *hao:* (*âm:* tiếng, *hao:* tin tức) tin tức.

3. *Bia ấy:* chữ *bia* ở câu này cho ta thấy được chữ *bia xây* ở câu 1620 là đúng hơn *bài phường*.

4. *Ngọc chỉ:* tờ chiếu chỉ của vua.

5. *Xưng xưng:* không có mà nhất quyết cãi là có, cũng như *khăng khăng*.

6. *Xuân đâu hai lão:* ý nói cha mẹ đâu có còn trẻ gì nữa, đã già cả rồi.

7. *Thái:* dùng điển Lý Bạch khi đi thuyền đến sông Thái Thạch, nhân thấy bóng trăng dưới lòng sông bèn nhảy xuống để ôm lấy rồi có con cá kình đến rước đi mất nên người sau gọi Lý Bạch là *Hải Thượng ky kình khách* (khách cưỡi kình trên bể). Có thể Lý Bạch đã bị ngã xuống sông mà mất tích nhưng người đời đã tô điểm thêm.

8. *Gác Đằng:* chuyện Vương Bột gặp may nhờ gió đưa đến gác Đằng.

Xem chú thích câu 1254.

9. *Ngẫm cơ... sẵn xe:* cả hai câu ý nói ngẫm cơ sự thì thấy Ngọc Khanh đã không bị chết đuối mà lại được cứu thoát rồi gặp lại người cũ, như thế chẳng phải là duyên trời đã xe sẵn.

10. *Thiên duyên: duyê*n trời.

11. *Ngọc Liên: Tình sử* chép rằng Ngọc Liên, con gái họ Tiền, góa chồng lúc còn trẻ, mẹ ép tái giá, liều chết để giữ tiết với chồng.

http://tieulun.hopto.org

Đòi Lưu công tử xem tường,
Đầu mày cuối mặt rõ ràng chẳng nhe.
Ông tơ quanh quẩn mới kỳ,
Trả ơn mưa móc, đền nghì trúc mai [1].
Cửa Lương truyền lại sánh đôi,
Đậm đà tình trước, đền bồi nghĩa sau.
Cùng ban một phẩm ngang nhau,
Các chu môn liệt mối đầu chính phong [2].
Ngửa vâng ơn sóng trùng trùng,
Hai bên khấu tạ [3] sân phong [4] ra về.
Lòng hoa khấp khởi đôi bề,
Vội vàng vào trước hương khuê ngỏ lời.
Nhơn nhơn nét phấn thêm tươi,
Dỉ dang [5] kể hết đầu đuôi sự mình:
"Tưởng rằng trong đạo thường tình,
Thân bồ [6] hãy lấy chữ trinh làm lề.
Hay đâu sống thác chẳng nề,
Nỗi niềm nghĩ lại mà ghê gớm đời.
Nghìn thu âu hẳn một người,
Ấy ai lại dám xem ai làm thường.
Vả vì chút nghĩa cũ càng,
Dấn mình vào áng chiến trường với nhau.
Làm cho liễu ủ đào rầu,
Trăm năm để một gánh sầu cho ai.
Vì tôi để thiệt đến người,
Nghĩ mình, mình chẳng ngậm ngùi lắm ru!
Đành rằng nát ngọc chìm châu [7],
Ai ngờ trong cõi Diêm phù [8] thấy nhau.

---

1. *Trúc mai:* hai thứ cây trong *bộ tứ quí* (mai, lan, cúc, trúc) mà người đời thường quí trọng vì khí tiết, tư cách nên hay dùng tượng trưng cho nghĩa bè bạn và tình vợ chồng.

2. *Chính phong:* phần chủ yếu trong *Kinh Thi* ca tụng đức hạnh của phụ nữ ở trong bà Thái Tự vợ Chu Văn Vương.

3. *Khấu tạ:* cúi đầu lạy tạ.

4. *Sân phong:* sân trong cung điện nhà vua, nơi có trồng nhiều cây phong.

5. *Dỉ dang:* nói nhỏ nhẻ, sẽ sàng kể.

6. *Thân bồ:* thân bồ liễu, ví với thân người phụ nữ mềm mại, yếu ớt.

7. *Nát ngọc chìm châu:* nói tấm thân ngà ngọc đã bị chìm mất rồi.

8. *Diêm phù:* (tiếng phạn là Jumba) tức là cõi trần (đối với cõi tiên, cõi Phật). Cả câu ý nói ai ngờ trên cõi trần này còn thấy được nhau.

http://tieulun.hopto.org

Ấy là máy tạo nhiệm mầu,
Duyên xưa tròn trặn, ân sau đền bồi.
Bây giờ lầm cát mặc người,
Vinh hoa riêng lấy một đời hay sao.
Khi ăn nói, lúc ra vào,
Nghĩ nguồn cơn ấy làm sao cho đành."
Mấy lời sắt đá đinh ninh,
Khúc tằm đem mối tơ tình gỡ ra.
Sắm sanh giục mở tiệc hoa,
Quản huyền [1] lừng lẫy, trâm thoa rỡ ràng.
Xe châu trăm lượng [2] chen hàng,
Tiệc xuân Đồng tước [3] bằng dường là đây.
Hội đào xưa đã lại rày,
Hoa thêm vẻ gấm, ngọc vầy đoàn tiên.
Xem nhau trân trọng muôn nghìn,
Chút nào dám để thẹn duyên Châu Trần [4].
Bâng khuâng hoa đóa trăng vầng,
Đã cung đàn nọ, lại vần thơ kia.
Xét cho công khóa [5] đi về
Nguyệt Hương cũng được dự bề tiểu tinh [6].
Nhà yên vừa dịp nước bình,
Hai sinh đều gửi đan đình [7] vinh qui [8].

---

1. *Quản huyền: (quản:* ống sáo, *huyền:* dây đàn) gọi chung các nhạc khí: sáo, đàn, âm nhạc.

2. *Xe châu trăm lượng:* xe có trang hoàng hạt châu nhiều tới trăm cỗ. *(lượng:* cỗ xe).

3. *Đồng tước:* mượn ý câu thơ của Đỗ Mục (đời Đường): *"Đồng tước xuân thâm tỏa nhị Kiều"* (nói về việc Tào Tháo xây đài Đồng tước, đánh Ngô định bắt hai cô gái con Kiều quốc lão về để ở đó) để nói đến việc Lương sinh sẽ cùng hai vợ đẹp là Dao Tiên và Ngọc Khanh sống chung một nhà.

4. *Châu Trần:* tên hai họ cùng ở một làng đời đời kết thông gia với nhau, sau được dùng để chỉ những cuộc nhân duyên xứng hợp.

5. *Công khóa:* những công việc khi vào học phải làm gọi là *công,* những bài học trò phải học gọi là *khóa,* gọi chung là *công khóa.*

Ở đây có nghĩa là mức độ công lao.

6. *Tiểu tinh: (tiểu:* nhỏ, *tinh:* sao).

Kinh Thi: Tuệ bỉ tiểu tinh tam ngũ tại đông (sáng thay ngôi sao bé nhỏ kia, ba ngôi, bảy ngôi tại phương đông). Phận vợ bé thấy sao mới vào hầu hạ chồng, chưa lặn đã phải đi ra. Trên trời nhiều sao nhưng chỉ có một mặt trăng cũng như đàn ông nhiều hầu nhưng chỉ một vợ mà thôi. Nghĩa bóng chỉ vợ lẽ.

7. *Đan đình: (đan:* son, *đình:* sân) sân nhà vua.

8. *Vinh qui:* vẻ vang trở về quê hương.

http://tieulun.hopto.org

Cẩm hoàn [1] một lá hồng kỳ [2],
Lương thì hồi lão [3], Diêu thì hoàn nhân [4].
Diêu đường Dương nhạc hai thân,
Viện lề Diêu cũng biểu trần minh nông [5].
Phất phơ điểm phấn trang hồng,
Tơ buông ngọn liễu, hương lồng vó câu.
Mảng vui cờ cuộc rượu bầu,
Cầm bên bóng nguyệt, ca đầu ngàn thung [6].
Tiện đường thủy đạo thung dung,
Con thuyền lại thuận một dòng nước xuôi.
Chiều ai hoa cỏ đua tươi,
Tiếng gà đâu đã gọi người cố nhân.
Hương bay muôn dặm tử phần [7],
Tràng Châu nay đã gần gần tới nơi.
Người đón rước, kẻ mừng vui,
Ghé thuyền sinh cũng tiện dời đến chơi [8].
Phủ Diêu tiệc ngọc phô bày,
Mây lồng cờ mở, hương bay chén kèo [9].
Động phòng [10] kìm bảng [11] lần theo
Khi vui kể hết bao nhiêu là tình.
Đài Dương về chốn Ba đình,
Tiệc vui cũng rước hai sinh sang nhà.

---

1. *Cẩm hoàn: (cẩm:* áo gấm, *hoàn:* về) mặc áo gấm trở về làng, ý nói vẻ vang đối với mọi người.

2. *Hồng kỳ:* lá cờ đỏ vua ban để về vinh quy.

3. *Hồi lão:* về hưu dưỡng già.

4. *Hoàn nhân:* làm tròn việc nhân duyên.

5. *Minh nông: (minh:* làm sáng tỏ, *nông:* chính sách trọng nông của nhà vua) xin về hưu để lo việc đồng áng, làm nghề nông.

6. *Thung:* chữ 椿 đọc là *thung* cho hợp vần. Cây xuân.

7. *Tử phần: (tử:* cây thị, *phần:* cây phần) cây tử, cây phần hay trồng ở thôn quê nên gọi chỗ quê hương là *tử phần.*

8. *Người đón... đến chơi:* hai câu này ý nói khi đến Tràng Châu, biết bao nhiêu người vui mừng đón rước nên tiện đường Lương sinh cũng ghé vào thăm nhà Diêu sinh.

9. *Chén kèo:* chén mời.

10. *Động phòng: (động:* hang động, *phòng:* căn buồng) cái buồng sâu kín tức là phòng cô dâu chú rể mới cưới.

11. *Kim bảng:* do câu *kim bảng đề danh,* ai thi đỗ, tên được ghi lên bảng vàng. Tục nước ta xưa, thi đỗ tiến sĩ được đề tên lên bảng vàng có vẽ rồng. Nghĩa rộng chữ bảng vàng là thi đậu.

http://tieulun.hopto.org

Rỡ ràng cưỡi ngựa xem hoa [1],
Tin về đã đến sai nha [2] đệ chiềng.
Một nhà đôi dạ thắm thương [3],
Sắm sanh xe ngựa sẵn sàng trước sau.
Ngọn cờ mây rợp thôn dâu [4],
Bồng Lai xe hạc [5] Dương Châu lưng tiền [6].
Tiếng thơm dậy đất sấm rền,
Cửa Lưu [7] xa cũng nhặt truyền tin sang.
Tấc riêng mừng rỡ trăm đường,
Nhạt tanh chuyện cũ bằng dường đã quên [8].
Kiệu hoa giục giạo rước liền,
Đành theo tình mới cho đền lỗi xưa [9].
Mảnh lòng xuân trỗi huyên tơ [10],
Rước mừng chẳng bợn tóc tơ mọi điều [11].
Đoàn viên [12] một tiệc gấm thêu,
Cúc đầy vơi chén, cầm dìu dặt cung.

---

1. *Cưỡi ngựa xem hoa:* chỉ cái vinh dự của người đậu đại khoa được cưỡi ngựa xem hoa ở trong vườn Thượng uyển.

2. *Sai nha:* thơ lại hoặc lính lệ ở trong nha môn để sai phái.

3. *Đôi dạ thắm thương:* chỉ cha mẹ thương con thắm thiết.

4. *Thôn dâu:* do chữ *tang tử* (cây dâu và cây thị).

Kinh Thi có câu: *"Duy tang dữ tử, tất cung kính chi"*, ý nói cây tang, cây tử là của cha mẹ trồng, mình nhớ đến nó thì sinh lòng cung kính. Sau vì thế mà có *tang tử* là nơi quê nhà.

5. *Bồng Lai xe hạc:* chỉ cảnh xe ngựa sung sướng như tiên ở chốn Bồng Lai.

6. *Dương Châu lưng tiền:* chỉ cảnh giàu có như ở Dương Châu. Chuyện xưa kể rằng: Có ba người nói chuyện với nhau: người thứ nhất ước 10 vạn quan tiền, người thứ nhì ước được cỡi hạc bay lên tiên chơi, người thứ ba ước được làm quan Thái thú *Dương Châu* (nơi phồn hoa đô hội nổi tiếng). Cả ba còn đang bàn cãi xem ai sướng hơn thì có người thứ tư biết vậy mới xen vào mà *ước có 10 vạn quan tiền giắt lưng, cưỡi hạc bay tới Dương Châu.* Cả ba người kia đều phải cho người thứ tư này là sướng nhất.

7. *Cửa Lưu:* chỉ nhà cha mẹ Ngọc Khanh.

8. *Tấc riêng... đã quên:* hai câu này nhắc lại chuyện ép duyên xưa của cha mẹ Ngọc Khanh nay đã được quên đi mà vui vẻ trong lòng.

9. *Kiệu hoa... lỗi xưa:* hai câu này nói nhà họ Lưu cũng đem kiệu hoa đến rước Lương sinh và Ngọc Khanh và cũng vui vẻ mừng rỡ theo tình mới để mong đền bồi lỗi xưa.

10. *Xuân trỗi huyên tơ:* ý nói lòng cha mẹ như tươi vui hẳn lại.

11. *Mảnh lòng... mọi điều:* lòng cha mẹ đối với con và rể trong lúc rước mừng đã chẳng bợn chút thắc mắc gì về chuyện ép duyên ngày trước.

12. *Đoàn viên: (đoàn:* hội họp lại , *viên:* đầy đủ) hội họp đầy đủ mọi người trong gia đình.

http://tieulun.hopto.org

Đòi phen cợt thắm cười hồng,
Ngọc lung lay động, hương nồng nã rơi [1].
Phong quang [2] cả bốn mùa trời,
Gió đưa hương rước, trăng mời tuyết khuyên.
Phồn hoa [3] bõ thuở truân chiên [4],
Đã gương phúc hậu, lại nền hiển vinh.
Ngửa vâng chiếu phượng [5] rành rành,
Lại đem bảo quyến [6] phó kinh [7] lên chầu.
Buồm quan [8] một lá khơi sâu [9],
Siêu thăng thoát đã đứng đầu Nam nha [10].
Quan châm [11] chút chẳng sai ngoa,
Lộc trời chuông vạc [12] gánh nhà quân dân.
Gió thu gọi dạ tử phần,
Biểu từ lại lấy tỉnh thân [13] làm lề [14].
Rõ ràng áo gấm lại quê,
Gót câu lỏng khấu [15], bánh xe êm bồ [16].

---

1. *Đòi phen ... nồng nã rơi:* hai câu này tả cảnh Lương sinh cùng hai vợ là Dao Tiên và Ngọc Khanh cùng sum họp vui vầy, khi cười phấn khi cợt son đã diễn nên những cảnh diễm tình lung lay ngọc và nồng nã hương.

2. *Phong quang:* nói cái cảnh đẹp của một nhà vinh diệu vẻ vang.

3. *Phồn hoa:* cảnh xa xỉ náo nhiệt, đây ý nói đến cuộc sống xa hoa sung sướng chẳng thiếu thốn gì.

4. *Truân chiên: (truân:* khó khăn, *chiên* hoặc *chuyên:* khó đi, không bước tới được) khó khăn vất vả.

5. *Chiếu phượng:* chiếu chỉ của nhà vua.

6. *Bảo quyến:* gia quyến, nói tôn xưng ai.

7. *Phó kinh: (phó:* đi tới) đi lên kinh đô.

8. *Buồm quan:* chỉ người làm quan vì người ta thường ví kẻ làm quan như người vượt biển, gặp nhiều nỗi bất trắc (quan trường vì thế được gọi là *hoạn hải).*

9. *Khơi sâu:* ý nói rộng và sâu *(hoạn:* làm quan).

10. *Nam nha:* Lý Phụ Quốc đời Đường làm quan Binh bộ Thượng thư hay ngồi trong tòa nhà hướng nam để làm việc nên *Nam nha* được dùng để chỉ tòa Binh bộ.

11. *Quan châm:* lời răn cho kẻ làm quan. *Quan châm* xưa có ba điều: *thanh* (trong sạch), *cần* (siêng năng), *và thận* (cẩn thận).

12. *Chuông vạc:* do chữ *chung đỉnh,* ý nói cảnh giàu sang phú quí.

13. *Tỉnh thân: (tỉnh:* hỏi thăm có bình an không, *thân:* cha mẹ) thăm hỏi cha mẹ.

14. *Gió thu... làm lề:* hai câu ý nói nhân gió thu, chạnh nhớ đến quê nhà, chàng bèn dâng sớ xin vua về thăm cha mẹ cho đúng lề thói.

15. *Gót câu lỏng khấu: (câu*: con ngựa non) cưỡi ngựa thong thả đi tay lỏng dây cương.

16. *Bánh xe êm bồ: (bồ:* bồ xa, xe dùng cỏ bồ khô bao quanh bánh xe cho êm) ngồi xe có quấn cỏ bồ ở bánh cho êm.

http://tieulun.hopto.org

Mạch văn [1] còn dõi dòng nho,
Hùng bi mấy giấc [2] đã phô điềm lành.
Sớn sơ lan huệ [3] trỗi cành [4],
Lễ thi cứ phép cửi canh giữ lề.
Tình ân nhớ đủ mọi bề,
Ký thân Long khổn [5], kết nghì Diêu môn [6].
Phúc thường rủ đến nhi tôn,
Bảng vàng theo nếp cửa son dõi đời.
Gót nguồn [7] bàn lại mà chơi,
Phong quang hai chữ cõi đời ai không.
Lấy tình gặp gỡ là xong,
Trước sau vẹn một chữ tòng mới ghê.
Khi nhàn chắp chảnh lời quê,
Gác câu tình dục, theo bề hiếu trinh.
Di luân [8] sáng để rành rành,
Chớ đem ca xướng [9] làm khinh làm thường.
Nôm na đỡ chút canh trường,
Giở tơ dạo lại vài đường sẽ hay.

---

1. *Mạch văn:* dòng văn chương.

2. *Hùng bi mấy giấc: (hùng:* gấu, *bi:* con bi, *giấc:* giấc mộng).

Kinh Thi có câu : *"Duy hùng duy bi"*. Nằm chiêm bao thấy gấu là điềm sinh con trai.

3. *Lan huệ:* hai thứ hoa thơm, thường được dùng để ví với bậc giai nhân tài tử hay bè bạn tốt.

4. *Trỗi cành:* cành lá tươi tốt nảy mầm đâm lộc.

5. *Ký thân Long khổn: (khổn:* cửa nhà) kết thân với nhà họ Long.

6. *Kết nghì Diêu môn:* kết nghĩa với nhà họ Diêu.

7. *Gót nguồn:* đầu đuôi, trước sau.

8. *Di luân: (di:* đạo thường, *luân:* nhân luân) luân thường.

9. *Ca xướng:* ý nói đến truyện *Hoa Tiên* là một *ca bản*.

http://tieulun.hopto.org

KHẢO DỊ

Chúng tôi đã theo bản Nôm *Hoa tiên nhuận chính* của Đỗ Hạ Xuyên cho khắc in năm Tự Đức thứ 28 (1875) để phiên âm ra Quốc ngữ.

Bản phiên âm này có một số chữ khác với bản phiên âm của Nguyễn Văn Tố và bản phiên âm của Đào Duy Anh, chúng tôi xin ghi lại ở phần *Khảo dị* để các độc giả tiện kiểm tra khi xem bản chữ Nôm được in từ trang 329 đến trang 403.

Có một số chữ Nôm bị khắc sai hoặc bị in mờ chúng tôi chỉ đoán đọc được thôi, chưa chắc đã đúng hẳn, chúng tôi có ghi thêm dấu hỏi ở bên cạnh (?) để các độc giả tiện tra cứu.

14. Giúp trong Diêu thị *khuôn nghì* (NVT)

17. Phương Châu biểu tự *Lâm* Thương (N)

18. *Văn chương* khác giá, từ chương *toát* loài (NVT)

29. *Hạn* phong lưu để nợ nần (NVT)

33. Gửi qua xắm *lắm* xuống lầu (NVT)

42. *Khác nào nhường* dấu thư hương mặc lòng (NVT)

45. Rượu tiêu thơ *thẩn* mặt duềnh (ĐDA)

46. Đầu *soi* bay lộ, cuối ghềnh nổi âu (ĐDA)

47. Ca chèo mây *bện* tiếng đâu (NVT)

48. *Hư* trông đã thấy Tràng Châu ghé thuyền (N [1] - NVT [2])

56. Tiếc thôi Diêu mới *đi* sang trú phòng (N - NVT)

60. Chợt nghe *truyền* gọi Diêu về tiền nha (ĐDA [3])

63. *Châm* cài giá chất so le (N - NVT)

64. Vẽ *niêm* dấu cổ, thơ đề lối chân (ĐDA)

---

1. N: Bản Nôm.
2. NVT: Nguyễn Văn Tố.
3. ĐDA: Đào Duy Anh.

http://tieulun.hopto.org

66. *Nuôi* tươi từng chậu, cắm xuân từng cành (ĐDA)

Bản Nôm khắc 浮 (nổi) thì không thể phiên âm là *nuôi* được. Chữ *nuôi* 餵 viết có bộ 食 (thực) ở bên. Ngoài ra chữ *tươi* (tươi tốt, tươi sống) cũng không phải là âm xưa của chữ *tiên* (âm Hán Việt) nên không thể giảng là *cá* được.

69. Bức lơn cửa quất *bóng* đường (NVT)

78. Quyên khuya khắc khoải xa *say* ngọn tường (NVT)

79. *Trong* hoa lành lạnh hơi sương (N)

82. Đêm thanh nhường *vẫn* còn ai say cờ (NVT - ĐDA)

94. Nguyệt ghen gương *khiếp*, hoa hờn thắm bay (NVT)

101. *Riềm* tương động thét tiếng hoàn (NVT)

102. Vẻ hoa vừa chán, gót *sen* vội đời (ĐDA)

103. *Nhác* trông chiều mỉm mỉm cười (NVT)

104. Sóng *đầm* khóe hạnh, chưa dời nét trông (NVT)

106. Xiêm in bóng tuyết *mây* lồng ngấn rêu (N - NVT)

107. Lũ về *khuất* kẻ trông theo (ĐDA)

108. Xa *mùi* lần tỏa vắng teo giọt lầu (NVT)

111. Vân Hương rén gửi *trước* màn (ĐDA)

112. Lòa mây nào ngỡ khách man *tịn* vời (ĐDA)

112. *Lòe* mây nào ngỡ khách man *tiện* vời (NVT)

113. Thái Cơ nghe *nói* đỡ lời (ĐDA)

118. Hôm tăm tạm *ngộ* biết ai đấy mà (NVT)

120. *Lại* đòi Bích Nguyệt truyền ra trước lầu (ĐDA)

130. Quyến hồn khôn vía buổi này đi đâu ? (N)

Bản Nôm khắc 晦 thì phải phiên âm là buổi mới đúng, nếu bảo do chữ 悔 (dại) lộn thành thì cũng chưa chắc vì hai chữ tự dạng khác hẳn nhau.

131. *Nàng Hồng* duyên chẳng giúp nhau (ĐDA)

136. Nghĩ chi cho nát dạ người như *tiêm* (NVT)

138. Làm chi muộn đắp sầu đơm *khổ* lòng (N - NVT)

139. Sinh rằng: Động *khóa* nguồn phong (ĐDA)

http://tieulun.hopto.org

144. Người tiên khi *bận* kiếp trần mà hay (ĐDA)

147. Tấc mây *đố* bợn gương Hàn (ĐDA)

Bản Nôm khắc 如 *(như)* thì cũng có nghĩa. Chữ *như* đây là "nếu như", nó đi với chữ *phải* và chữ *nên* ở câu dưới.

149. *Bỗng pha* miệng nói chân dời (NVT)

153. *Tối* trầm thoang thoảng gió khuya (N)

Chữ *tối* 最 có thể do chữ *đỉnh* 鼎 lộn thành.

154. *Dập dờn* cơn tỉnh cơn mê trước đình (NVT)

156. Này đồ *viên* Lãng, này tranh non Bồng (NVT)

158. Vẻ *màu* giá chuốt gương trong hỡi người (NVT)

164. Làm chi đem *giọng* khuynh thành trêu ai (N)

166. Tiếng tiêu điểm *suốt* hiên cài bóng đông (NVT)

171. Mặt *lầu* sẵn thú viên trì (NVT)

176. Dạo trăng ban tối *nhác* vời bước sang (NVT)

180. *Thẩm* nghiêm chi để xông pha người ngoài (NVT)

183. Được lời rón rén *phú* mê (NVT)

Được lời rón rén *mẩn* mê (ĐDA)

186. Đêm *khuya* chơi đấy họ nhà đôi chi (ĐDA)

Bản Nôm khắc 昜 (xưa) thì không thể đọc là *khuya* được. *Đêm xưa* có nghĩa là đêm qua.

190. *Mấy* em đây rắp kết duyên Việt Hồ (ĐDA)

201. *Tỏ* tình lại mở lời khuyên (ĐDA)

207. *Dở dang* khi lại huỳnh song (NVT - ĐDA)

Bản Nôm khắc 礼 江. Nếu theo mặt chữ thì chữ 礼 có thể đọc là *lễ, lãi, lạy, lẫy, lẩy, lẻ, lể, rẻ,* và chữ 江 có thể đọc là *giang, giảng, nhăng, dăng.*

Nếu đọc là *dở dang* như NVT và ĐDA thì không có nghĩa. Chúng tôi tạm đọc là *dỉ dang* vì ở câu 1658 cũng có chữ 汜 江(dỉ dang): *Dỉ dang kể hết đầu đuôi sự mình*. Chữ 礼 và chữ 汜 có tự dạng hơi giống nhau nên có thể đã bị khắc sai hoặc vì cách viết không thống nhất như đã nhận thấy trong sách này vẫn thường xảy ra.

http://tieulun.hopto.org

211. Ba đình *gió lọt* sương pha (NVT)

Ba đình *bóng lọt* sương pha (ĐDA)

214. Bồng Sơn *dẫu* cách muôn nghìn chẳng sai (NVT)

220. Ngón cầm biết *gảy* được lòng hay chăng (NVT - ĐDA)

225. Mình gieo vào chốn *buồng* the (NVT)

226. Lũ *hoàn* tấp nập hả hê chực mòng (ĐDA)

231. Yên xong ai *những* trình qua (NVT)

234. Khắp trong *gác* tía đài cao khác thường (NVT)

235. *Vì* chơi Nguyệt cũng đua đàn (NVT)

245. Luống còn mải *mệt lôi* thôi (ĐDA)

248. Nhủ rằng: Người thế *sàm sưa* đã đầy (NVT)

250. Buồng thơm *chớ* lọt mảy may gió tà (ĐDA)

253. Mấy lời để tạc *năm trong* (ĐDA)

ĐDA phiên âm là *năm trong* Ông đã giảng *năm* là ngũ tạng: tim, gan, lá lách, phổi, cật. Chúng tôi cho *gương trong* là đúng vì Dao Tiên ở đây muốn nói "mấy lời để làm tấm gương sáng cho mọi người soi chung".

257. *Thẩn thơ* mây sớm đèn khuya (NVT)

263. *Trên* tường bỗng thấy một thung (N)

267. *Rơn rơn* hoa nở khóm lòng (ĐDA)

Nhơn nhơn hoa nở khóm lòng (NVT)

NVT đã phiên âm là *nhơn nhơn* và ĐDA đã phiên âm là *rơn rơn*. Chúng tôi tạm phiên âm là *sởn sơ*.

Sởn sơ là rất tươi tắn như vẻ mặt sởn sơ, cây cối sởn sơ sau trận mưa.

272. Dốc tình *chuốc* lấy danh viên cho gần (ĐDA)

Dốc tình *nhắc* lấy danh viên cho gần (NVT)

278. Kề hiên *tỏa* đá rợp đường tán cây (NVT)

279. Một tay nhận đặt ngắm xoay (N - NVT)

280. Nơi *chồng sáo* sách, nơi bày cuốn thơ (ĐDA)

293. Nguyên xưa chú *mấy* tôn đài (NVT)

298. Trạng đầu may cũng cắm vè cửa *hiên* (N - NVT)

Chữ *viên* 轅 đã bị khắc sai là 軒 (hiên)

http://tieulun.hopto.org

307. *Ngửa* lên vách phấn thơ đâu (ĐDA)

308. *Dòng* vàng chữ chữ, rắc châu hàng hàng (NVT)

317. Dối quanh sinh hãy *trả* lời (NVT)

320. *Buồng* riêng sẵn giấy mượn và trương đây (ĐDA)

327. *Ngọn giao* gió táp mưa bay (ĐDA)

339. Cầu Lam khi *rõ* lối tìm (NVT)

345. *Xưa* kia có thấu mà hay ((NVT - ĐDA)

Ở câu này chữ 初 (sơ) cũng như chữ 疏 (sơ) phải đọc là *thơ* thì mới có nghĩa.

346. Lại trăng kia với khách này *tỏ* nhau (ĐDA)

347. *Hoa tiên* còn đó chớ đâu (ĐDA)

357. Trời mai *gợn trắng* tuôn vàng (NVT)

Trời mai *dợn ráng* tuôn vàng (ĐDA)

358. Gió đâu sớm đã *quấn nhang* trước đình (NVT)

360. *Nhận* chơi nàng đã lộng tình bốn câu (N)

Nhìn chơi nàng đã *lóng* tình bốn câu (ĐDA)

368. Mượn cây *luẩn quất,* mượn cành ủ ê (NVT)

371. *Sổng mồm* Nguyệt mới mới kỳ (NVT)

Lổng mồm Nguyệt mới mới kỳ (ĐDA)

Bản Nôm khắc 哼 喃 : NVT phiên âm là *sổng mồm,* ĐDA phiên âm là *lổng mồm.* Chúng tôi thấy chữ 喃 (nôm) mà đọc là *mồm* thì không ổn nên tạm đọc là *lộng nâm* theo đúng mặt chữ và tạm hiểu là ăn nói bừa bãi.

372. Bước lên *trình rén*: "Duyên gì chẳng sai" (NVT)

387. *Dần dà* ông mới hỏi sinh (NVT)

395. Sông *Châu* huống những khát khao (NVT)

396. *Rắp* đem hàn mặc ép vào biền mâu (ĐDA)

398. Mượn tay *viên cán* mở lầu rừng nhỏ (NVT)

405. Vả *nay* rốn bể cửa hầu (ĐDA)

414. Đành ngăn khép đó *no* nề *nạp* chi (NVT)

Đành ngăn khép đó *no* nề *nập* chi (ĐDA)

http://tieulun.hopto.org

417. Thiên Thai đành *chỏ* lối này (NVT)

422. Tuổi già *gặp* thấy rể lành mới may (NVT)

423. Duyên kia *duyên* đã trao tay (NVT)

Chữ 絲 (tơ) đã bị khắc sai là 緣 (duyên)

430. Cửa đâu *trỏ xuống* tường nghiêm một tòa (NVT)

436. Vừa trông ngang thấy vừa nhìn *rõ* nhau (ĐDA)

443. Bên cờ từ lạc *bề* sao (NVT)

452. Biết đem *ràng buộc* dễ mà cậy ai (NVT)

455. O le ai *khéo* độc đường (ĐDA)

460. Thảm sanh khúc rối sầu chia giọt *làn* (ĐDA)

461. *Lành* lòng thấy khách châu chan (ĐDA)

Chữ 善 (thẹn) đã bị khắc sai thành chữ 𦍌 (lành)

463. Hiếm chi ngòi *bảng* doành khơi (NVT)

466. *Là* trong tiếng ứng hơi tìm biết đâu (NVT)

468. Hoa đầy *má* liễu đầy câu sá nài (NVT)

470. Dịch xuân đành *tỏ* tin mai những mừng (ĐDA)

482. Phận ai *mới* vậy thôi dầu vậy thôi (NVT)

486. *Tin* pha lối cũ thẳng dong về lầu (N - NVT)

Bản Nôm khắc chữ 信 (tin) nhưng chắc là lầm với chữ 倍 (vội) có tự dạng gần giống nhau.

490. Dễ bề *chối ải,* dễ bề mách mao (ĐDA)

Dễ bề *soát sỉnh,* dễ bề mách mao (NVT)

492. Sương *siu* để chịu biết bao tội tình (ĐDA)

NVT đã phiên âm trong bản *Hoa tiên ký* là *sương xiu* nhưng ở bản *Hoa tiên nhuận chính* lại phiên âm là *sương gieo.*

498. Càng xui châu *nhả* tơ vò càng thương (NVT)

504. Mười phần xuân độ *còn* rày nửa phân (NVT)

507. Nghe thôi lẳng *lặng* đòi thôi (ĐDA)

511. Phong tao tài điệu *khéo* nhòng ai so (ĐDA)

515. *Là* điều thuận miệng vắng đây (ĐDA)

http://tieulun.hopto.org

526. Nguyệt chờ chực hẹn, xuân *tìm* nã tin (ĐDA)

Nguyệt chờ chực hẹn, xuân *tìm hấp* tin (NVT)

528. *Sáo* cành *xào xạc* chiếc chim điểm sầu (NVT)

Ráo cành xao xác chiếc chim điểm sầu (ĐDA)

529. Dải là thoi *thót* bên lầu (ĐDA)

530. Phải Hương đấy chốc *nhận* lâu tỏ chừng (N)

532. Ừ là trót đã *chấp* lời (NVT)

543. Thấy lời như *gẩy* mối tình (NVT)

544. *Sáng* màn tô tỉnh, dịu vành van lơn (NVT)

551. *Rước* trăng gió dạo cuốn mành (ĐDA)

556. *Là* trăng *là* nước *là* mây thật là (ĐDA)

Bản Nôm khắc 迷 thì phải đọc là *lạ* mới đúng vì ở cuối câu đó có chữ *là* đã được khắc 罢 , không có bộ 辶 (sước).

557. Tiếc thay lục *úa* vàng pha (ĐDA)

561. Nhớ ngày nào liễu mới *nhâm* (ĐDA)

566. Thu về vàng đã ố tay *nọ* gì (NVT)

Thu về vàng đã *úa* tay lọ gì (ĐDA)

571. *Nối* lời Hương lại gạn rằng (ĐDA)

575. Người khi trướng *sắp* uyên chồng (NVT)

576. Người thì cầm *rấp* loan chung chửa dừng (NVT)

580. Giấc tàn dường *vững* hiên cài ngẩn ngơ (NVT)

Giấc tàn nhường *thấy* hiên cài ngẩn ngơ (ĐDA)

592. Như hoàn khép cửa *dẩy* trăng trả lời (NVT)

598. Mấy lời Hương Nguyệt *là* lời nói ngay (ĐDA)

607. Trang thôi nhè nhẹ nâng *cằm* (NVT - ĐDA)

610. Tình *hôm* nay hẳn vì điều hôm qua (ĐDA)

618. *Cửa* son bỗng thấy bóng chàng tới sau (ĐDA)

628. *Sứ* lân phỏng thấu bên lầu chút chăng (ĐDA)

Bản Nôm khắc chữ 便(tiện) là đúng chứ không phải là nhầm như Đào Duy Anh đã nhận xét.

634. Vả *chăng* lễ cấm phép rào sao nên (ĐDA)

http://tieulun.hopto.org

635. *Ngẩn ngơ* sinh rén rén chiềng (NVT)

637. Đeo đai *cũng* một tiếng đà (ĐDA)

645. *Rẽ* đường hay tính cho về (NVT)

656. Mắt đưa kẻ luống *coi* ngây nơi lầu (NVT)

Mặt đưa kẻ luống trông ngây nơi lầu

Bản Nôm khắc là 靣 (mặt)

659. *Mấy* hoa những ngại ngùng duyên (ĐDA)

662. Trúc *mai* ai có mơ màng chăng ai (ĐDA)

675. Non xuân *trễ* chút mái mây (ĐDA)

Đào Duy Anh cho rằng chữ 另 (lánh) đã bị khắc sai từ chữ (trễ)

676. Phượng so phím lựa *uyên* gầy đồ thêu (NVT)

683. Đá đưa như gảy, *tằm* oanh (NVT)

Đá đưa như khẩy, *tằm* oanh (ĐDA)

684. *Cạn* lời nàng mới đinh ninh dạy cùng (ĐDA)

687. Người hầu *gỗ* đá tri tri (ĐDA)

688. Đành hay tình ý còn suy nỗi này (NVT)

696. Thấy chàng *ẩn* trọng khác vời thường nhân (NVT)

707. Ải *mây* oán điệu tỳ bà (ĐDA)

710. *Lăm tăm* bờ cỏ sông Ô khắp đường (ĐDA)

Lâm dâm bờ cỏ sông Ô *lấp* đường (NVT)

712. Phú Tương Như dễ mấy vàng *rước* nên (NVT)

717. Dở lời *chửa* dạy rằng sao (ĐDA)

722. Viện thơ *vội* thưởng sân cầm đua chơi (NVT)

Viện thơ *họp* thưởng sân cầm đua chơi (ĐDA)

724. Tờ duyên lần giở *lên* mời để dưng (NVT)

Tờ duyên lần giở chén *mồi* để dưng (ĐDA)

726. Liếc trông cửa tía *vội* ngừng gác son (NVT)

730. Bóng đâu mây *lẫn* màu xiêm *tỏ* nàng (ĐDA)

732. Thảnh thơi vui với Nguyệt *Nhang* trước đình (NVT)

736. Đêm lành khéo nhẽ sương *siu* hẹn lành (ĐDA)

http://tieulun.hopto.org

737. Tỏ chơi Nguyệt hãy *rành rành* (ĐDA)

742. Chợt nghe chợt *rã* đôi dòng phôi pha (NVT)

Chợt nghe chợt chã đôi dòng *nhường* pha (ĐDA)

754. Rằng: Trong tình ý thế gian *hiếm* tày (ĐDA)

756. Hoa thơm *chăng nữa* đang tay hỡi người (ĐDA)

757. *In* duyên trộm nghĩ *linh* đời (N)

Theo Đào Duy Anh: nếu so với Hoa tiên (NHT) thì chữ 卯 (mão, mẹo) bị in lộn thành 印 (ấn, in)

758. Dủi dun báu nước *gương* trời đợi nhau (ĐDA)

Bản Nôm khắc chữ *gương* 鏡 nhưng có thể là do chữ 香 (hương) chép sai.

759. Chén tương *rủ bạn* làm cầu (ĐDA)

781. *Nhận* trên vằng vặc vừng trong (N - NVT)

786. Vén xiêm ngồi *xuống gật* đầu trông lên (NVT)

793. Nàng rằng: Bồ liễu *xót* thân (N)

796. Vừng soi đã hổ *có* trên đỉnh đầu (N)

797. Thế lòng *đợi* bến Hà Châu (ĐDA)

ĐDA cho là chữ *đợi* 待 đã bị khắc sai thành chữ 燬 (giãi).

805. Giục *người* giọt giọt khôn cầm (ĐDA)

813. Vạc mai *chén* nếm trường danh (N)

816. Làm chi một giấc lá hươu *khó* lòng (ĐDA)

826. Rộng làn *vân* thủy, vơi kèo yên ba (ĐDA)

839. Cạn mời Lưu mới thưa rằng (ĐDA)

824. Sớm đua mái *đẩy*, hôm kề bến eo (ĐDA)

Sớm đua bến rẽ, hôm kề bến *Dâu* (NVT)

Bản Nôm khắc 把 thì có thể phiên âm là *rẽ* hoặc *dẩy* nên các bản Quốc ngữ thường phiên âm vế trên câu thơ đó là *sớm đua bến rẽ*. Bản Nôm khắc 腰 thì phải phiên âm là *eo* không thể đọc là *neo* được vì chữ *neo* viết khác hẳn với bộ 栮 (mộc) và chữ (nao).

http://tieulun.hopto.org

844. Xin đem dây sắn may nhờ bóng *thông* (ĐDA) ở đây chữ 椿 (xuân) được đọc là *"thung"* cho hợp vần với *"dung"* ở câu dưới. Đọc là *"thông"* thì không đúng.

845. Khiển tình *một* chén thung dung (ĐDA)

846. Việc hai nhà, *đúc* một lòng định nên (ĐDA)

850. Cờ bay ngọn gấm *xa* lồng thức mây (ĐDA)

852. *Lương đài* gióng ngựa ruổi ngay quê nhà (NVT)

860. Tạ từ ngoại thị sắp bày *qui* trang (ĐDA)

861. Lại sang bái *biệt* đài Dương (ĐDA)

881. *Chắp tơ* nay mới vâng lời (NVT)
Phiên âm là *chắp* thì sai.

882. Đành hay *người* định thì trời phải theo (ĐDA)

883. Êm nềm gác gấm *buồng* thêu (ĐDA)

885. *Dặt* dìu lá thắm chim xanh (ĐDA)

893. Mặt *nhận* chẳng nỡ rời tay (N)

900. Trong khoang *thấy* nặng lưng then chở sầu (NVT)

901. Song bồng mưa *táp* gió mau (ĐDA)

911. Phu nhân lại dạy *chuyện* ra (ĐDA)

927. Nằm canh chung nguyệt *so* dần (ĐDA)

932. Đỉnh *thông* mấy quả tuyết đà trắng ngân (NVT)
Đỉnh *thung* mấy quả tuyết đà trắng ngân (ĐDA)

933. *Các* Dương vừa tiệc đẳn thần (ĐDA)
Gác Dương vừa tiệc *duyên* (diên) thần (NVT)

936. Về quê sao *bẵng* phong thanh tịn rày (ĐDA)
Về quê sao *bẵng* phong thanh *tiện* rày (NVT)

939. Nàng vừa chực tuyết phòng *nhang* (NVT)

942. Sóng *trôi* lớp lớp dường *trao* bể lòng (NVT)

943. Vì ai *lỡ* đỉnh lấp dòng (ĐDA)

948. Thét rằng: "*Giọng* khéo dông dài gớm chăng" (ĐDA)

949. Vì ai *quến* gió *nhủ* trăng (NVT)

959. Mưa tuôn ngấn ngọc *thấm* bào (ĐDA)

http://tieulun.hopto.org

961. Từ đây nước nổi bèo *lênh* (NVT)

962. *Đám* hoa vô chủ đã đành từ đây (NVT)

964. Lòng sao vui những *xem* này khéo thay (ĐDA)

965. Ngón cầm dù lựa vào *tay* (NVT)

976. Tiên thề *đành* để ghi lòng kiếp sau (NVT)

980. Đề huề truyền *dọn* thủy trình trẩy ra (NVT)

988. Mấy chòm *lếch thếch* loi thoi trận nhàn (NVT)

991. Kìa đâu viễn phố *hiu* hiu (NVT)

992. *Chân* trời rút thẳng con lèo ra khơi (NVT)

993. Kìa đâu *sông* rộng sóng dồi (ĐDA)

1002. Tiêu Tương rả rích *giọt* mau canh chầy (NVT)

1007. Bắc Hồ *nũng* thói con kiêu (ĐDA)

Bắc Hồ *lồng ruổi* con kiêu (NVT)

1008. *Lối* mù bụi ngựa *đi* theo ải nhàn (NVT)

1022. *Mảng* bao Hồ Yết những loài khuyển dương (NVT)

1023. Sinh từ *núm* náu phần hương (NVT)

1025. Bụi *rong* muôn hộc chất đầy (NVT)

1035. Khóm thơm rào rắm chờ ai (ĐDA)

Ngắm thơm *sào* cắm chờ ai (NVT)

1036. Đầy song *mây* điểm hoa mai trắng ngần (ĐDA)

1040. Sương in cầu đá, tuyết *mòn* lối thơm (ĐDA)

Sương in cầu đá, tuyết *dồn* lối thơm: các bản Quốc ngữ đều chép là tuyết *mòn* nhưng bản Nôm khắc 痒 thì có thể đọc là *dồn*. *(Tuyết dồn:* tuyết ở trên lối đi được xúc dồn đống lại). Chữ *mòn* viết với bộ 疒 (nạch) và chữ 門 (môn).

1041. Lầu *thưa* khói tỏa mây *om* (NVT)

Lầu thơ khói tỏa mây *trùm* (ĐDA)

1044. Viên công vừa thấy trong *thuyền lộ* ra (NVT)

1049. *Băn khoăn* đến trước đình Ba (ĐDA)

1052. *Đỗ* thơ cách mấy mươi từng người thơ (NVT)

http://tieulun.hopto.org

1054. Sân rêu nọ *rõi* ngày xưa chén đồng (NVT)

1064. Để ai nát đá phai vàng *nơi* đây (NVT)

Chữ 尼 có thể phiên âm là *này* hoặc *nơi* nhưng ở câu này đọc là *này* hợp nghĩa hơn.

1069. Tỉnh ra về tới trú *phường* (ĐDA)

1073. Chợt nghe Tiên *nói* bảo tin (NVT - ĐDA)

Bản Nôm khắc là 吶 (nói) nhưng có thể là do chữ 臼 (cữu) khắc lộn thành

1077. Một nhà nghe nói *ngán* lời (NVT)

Chữ 嗲 có thể phiên âm là *nghẹn* hoặc *ngán*.

1081. Lậu khuya nước cạn canh *chìm* (ĐDA)

Giọt khuya nước cạn canh trầm (NVT)

1088. Mai gầy guộc vóc, liễu đen *đủi* mày (ĐDA)

1091. Đình Ba từ trở *gót* về (ĐDA)

Bản Trần Đình Tiến đã chép là *trở gót về.*

1110. Viện cây sớm đã tỏ lòng nhặt *thanh* (NVT)

1111. *Cửa* hòe vàng chặt xây cành (NVT)

1114. *Vượt* giao này hội nam nhi vẫy cùng (ĐDA)

1116. Hàn *lòng* phong nguyệt gắng công sách đèn (N - NVT)

Bản Nôm khắc 悉 (lòng) nhưng có thể là chữ 雙 (song) đã bị khắc sai đi.

Bản Nôm khắc 洞 (dòng) nhưng chắc là chữ 册 (sách) đã bị khắc sai.

1117. Bảng thu *chơi chới* đề tên (NVT)

1119. Đi về *đừng* quẩn dưới chân (ĐDA)

Đi về đường *quẫn* dưới chân (NVT)

Bản Nôm khắc 唐 (đường)

1121. Lĩnh lời lạy trước *đình* Lai (N - NVT)

1122. Diêu sinh đã hẹn *cũng* dời chân sang (NVT)

1130. Trận thu cờ trống *lũy* thành một ai (ĐDA)

http://tieulun.hopto.org

1132. Tỉnh nguyên giật giải tên bài *Lâm* Thương (N - NVT)

1136. *Ác* bay lại hướng đài Yên gióng tàu (NVT)

1137. Vui này dễ *ngã* sầu đâu (NVT - ĐDA)

1143. Hành *kỳ* vừa độ xa xăm (NVT)

Bản Nôm khắc 技 : *kỹ, chi, kỳ*. Đúng ra phải là *hành trang* mới có nghĩa.

1159. Đá đưa thêm *gảy* tấc phiền (NVT)

1171. Trước hoa *lẫn* bóng hoa dời (ĐDA)

1172. Dưới *trăng* mếch bóng trăng soi người sầu (ĐDA)

1174. *Mảng* than tình mới thêm sầu nỗi xưa (NVT)

1180. Phòng *Đông Pha ấy* đã người nào thôi (ĐDA)

1183. Tiếng ve cao *nét* gió đưa (ĐDA)

Chữ 湟 (nét) và chữ 濕 (thấp) có tự dạng gần giống nhau nên đã bị khắc lầm.

NVT đã phiên âm là *cao thấp* thì đúng nghĩa hơn.

1196. Nguyệt *cài* bên triện, hoa rơi trước rèm (ĐDA)

Bản Nôm khắc chữ 香 (hương) chứ không phải chữ 花 (hoa)

1196. Nguyệt kề bên triện, *hương lay* trước rèm (NVT)

1208. Cách tường đã *dựng* tiếng vàng xa đưa (NVT)

1220. Mình sang duyên thắm *thừa ưa* mọi đường (ĐDA)

1226. Ai ngờ vàng đá *đưa* ra cát lầm (NVT)

1227. Thôi duyên đâu nữa mà *nhầm* (NVT–ĐDA)

1254. *Các* Đằng lại rủ gió thanh đem đường (ĐDA)

1257. Nhân sao *nương* ngụ nơi đây (NVT)

Chữ 娘 có thể phiên âm là *nàng* hoặc *nương*.

1262. Gió dun *mây* dẩy cho nên cớ nào (ĐDA)

1282. Cờ sai gươm *hộp* mặc dầu tiện nghi (ĐDA)

1286. Ầm ầm *sớm* gác xe chen khải hành (N - NVT)

Bản *Hoa tiên ký* do Nguyễn Văn Tố phiên âm và bản Đặng Trần Tiến đều chép là *"ngựa gác"*. Chúng tôi nhận thấy chữ *"ngựa"* có nghĩa hơn là chữ *"sớm"* nên đã chép theo.

http://tieulun.hopto.org

1291. *Súng* đâu gọi phục đùng đùng (ĐDA)

1293. Một hai tin lũ *tản* binh (NVT)

1296. Hành biên *ai giục* trọng thần chỉ huy (NVT)

Bản Nôm khắc 遁: chữ này có thể phiên âm là *độn, rộn, dọn, trốn.* Ở câu này có thể đọc là *chọn* thì mới hợp nghĩa. Nguyễn Văn Tố đã phiên âm là *giục* thì không đúng. Chữ *giục* viết khác hẳn là 逐 hoặc 啄

1302. Chực sau Hương *cũng* rõ ràng tai nghe (ĐDA)

1309. Cháo cơm chẳng *động* quyết lòng (NVT)

1328. Vừa nghe trần thỉnh *sa* đà hành biên (NVT)

1334. Bỗng dưng mua não *rước* sầu mà chơi (NVT)

1355. *Ưa* nên lòng, nói nên lời (NVT)

1369. Đòi nàng khuyên *dỗ* bây giờ (ĐDA)

1371. Ngập ngừng nàng lại gửi *trường* (NVT)

1389. Nỗi mình *mình* những thẹn thò (ĐDA)

1390. Lại *đem* lấy tiếng *lạ* trò mà chơi (NVT)

Lại mang lấy tiếng *lạ* trò mà chơi (ĐDA)

Bản Nôm khắc 那 (ná: gì, sao) thì không thể phiên âm là *lạ* được.

1396. *Sượng* sùng gởi trước đài trang bước vào (NVT)

1397. Trăng già lật *lưỡng* hay sao (ĐDA)

1399. *Dựng gây* dám nghĩ sinh thành (ĐDA)

1414. Ngọc xôi hạt *sắm,* hương lừng mớ xây (ĐDA)

1416. Lần nghe văng vẳng canh chầy *sang* ba (ĐDA)

1417. *Viên lâu* đóng chặt then hoa (N - NVT)

1419. Khóc than *ri rỉ* cuối ghềnh (ĐDA)

1420. Giãi lòng với nước, *đè* tình với trăng (NVT)

1438. *Cạn* tường mới giãi mọi niềm sâu nông (ĐDA)

1440. Khen rằng: Tiết sạch *giá* trong thật là (NVT)

1441. Tiếc thay trong *giá* trắng ngà (ĐDA)

1449. Lặng nghe giọt ngọc *dào* dề (N)

http://tieulun.hopto.org

1460. *Ngần* này may có lai sinh là còn (ĐDA)

1466. *Có khi* máy tạo tuần hoàn dành cho (ĐDA)

1479. Tiếc thay ngán ngẩm *sự* đời (ĐDA)

1484. Làm cho *úa* thắm phai vàng là đây (ĐDA)

1513. Lũy Dương gần *đã* thông tin (ĐDA)

1518. Quán kình *lớp lớp* bụi hồng lâng lâng (ĐDA)

Quán kình *vời vợi* bụi hồng lâng lâng (NVT)

1519. Thanh bình một sớ tâu dâng (ĐDA)

1530. Gác Đường vẽ mặt, *án* Chu thỏa lòng (NVT)

1536. Bể sôi chợ họp người trong *bách* đường (NVT)

Bể sôi chợ họp người trong *mạch* đường (ĐDA)

1560. Thung dung lại phán *chuyện* Dương sự nhà (NVT)

1561. Thèm phong *sắm lắm* tâu qua (NVT)

1564. *Buồng* xuân nên hãy còn cài cửa thoi (NVT)

1569. Về dinh *thổn thức* việc nhà (NVT)

Về dinh thấm *thức* việc nhà (ĐDA)

1570. Đành người *có* nghĩa, nào ta chí tình (ĐDA)

1582. Nghĩ *thêm* càng lại thêm đau đớn tình (ĐDA)

Có thể là chữ *thân* đã bị in sai thành *thêm*.

1585. *Dám thà trót* đã sai rồi (NVT)

1590. Nếu *rồi hoãn* lại ra lờn cợt ngay (ĐDA)

Nếu dồi dấng lại ra *hờn* cợt ngay (NVT)

1591. Băn khoăn *thung* cỗi huyên gầy (ĐDA)

1597. Nghĩa kia đành tạc *non* sông (ĐDA)

1599. Dù chăng *rất* gỡ tơ tình (NVT)

1604. Liễu phen xanh *chỗi,* hoa kỳ thắm sây (ĐDA)

Liễu phen xanh *nối,* hoa kỳ thắm xây (NVT)

1608. Chưng rưng nhạc *vỗ* vuông tròn gấm phong (ĐDA)

1615. Càng thêm *quấn* chỉ *dây* tơ (ĐDA)

1619. *Tỏ* nghe thay thảy các tình (ĐDA)

http://tieulun.hopto.org

1620. Bài *phường* lại thấy biểu tinh chữ bày (ĐDA)

Bài sai lại thấy biển tinh chữ bày (NVT)

1621. Đòi nàng *xin* dạy trước đài (N)

Bản Nôm khắc là 吁千 (xin)

1625. Rủi thay chẳng kẻo *sỡ sàm* (NVT)

1634. Là vâng *chỉ ngọc* dám phi tấc tình (ĐDA)

1636. Xuân đâu hai *khảo* phỏng đành đấy chăng (NVT)

Bóng dâu hai *lão* phỏng đành đấy chăng (ĐDA)

Bản Nôm khắc 春㵎 (xuân đâu) chứ không phải (bóng dâu).

Có thể chữ 老 (lão) đã bị khắc sai thành 考 (khảo)

1637. Ngẫm cơ *kênh* Thái gác Đằng (N)

1642. Biểu văn Long đã *tuyệt thâu* sân đền (N)

Bản Nôm khắc 絶偷 (tuyệt thân): như vậy là chữ 跪 (quý)

và chữ 奏 (tâu) đã bị khắc sai thành *tuyệt thâu.*

1652. *Khuê môn cho rệt* mối đầu chính phong (ĐDA)

1671. Đành rằng nát ngọc *trầm chu* (NVT)

1691. Xét cho công *quả* đi về (NVT)

1692. Nguyệt Hương cũng được *cam* bề tiểu tinh (ĐDA)

1698. Việc lề *đều* cũng biểu trần minh nông (ĐDA)

1702. Cầm bên bóng nguyệt, ca đầu ngàn *thông* (ĐDA)

1710. *Kề* thuyền sinh cũng tiện dời đến chơi (NVT)

1713. Động phòng kim bảng *lẫn nhau* (ĐDA)

1719. Một nhà đôi dạ *thảm* thương (NVT)

1729. Mảnh lòng *thung chỗi* huyên tơ (ĐDA)

1751. Sơn sơ lan huệ *chỗi* cành (ĐDA)

1752. *Ân tình* chớ đủ mọi bề (ĐDA)

1755. Phúc thường *như* đến nhi tôn (NVT)

http://tieulun.hopto.org

嗣薇之十六神龜新刻

花笑澗正

河內賜山原蔭生秀才
賞授五品祉夏川檢
禮堂藏板

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

花箋潤正新編

聂辞茂紅紐紃紅
事裝此蹁麻制
會賙腹憂緣节
得容行幅才名
婈蘇州帶吳江
相公符噲印波
憂清海又閣鐃
執軸姚氏園餞
鄰花才字林冶
芳州袁貌鬳台
加冠員龐茹贊

連得才色飽
情緣台符貝
波潑哭義嵗
訢秋底農緙
氣歲鷰吏戶
鄢腰暴匆頑
請台掉傳琊
恬怜歟應馨
丰餞恪價詞
都蹟記鳳聘
趣茹侯下萱
延開邀鯨章卒類払伊章茹平座梗義兒戔払

1 - 22

http://tieulun.hopto.org

富湖艮那村橈
攝簪欵弭蹟尋
湃蒞猛了芃菲
限風流底女雜
檀蹟此造漏污
吸戈戩憾蔪樓
吠源歌矢志翳
顏自主寓齊
產尼住寓虎齊
未番練習文章
領坙插梗啄重
篠蜅春黠時
味花如逴嗜
卉花春湃汚恪
粦窗歐惜滌
扼掾枚特如
吁器遊學長
尋柴晦伴之
時生日媽避
恪希義踽書
便查簿帳悲
船蘭茂英吹
頭墻寇鷺鸕
偷鴣語洗
朝又春蘧虎外仍能詳悉又驚
渡清默朱共庳主別堪栖

歌掉霎遯
茄春皮
翅翔壽筵
寒瞳穷
栖排愬
烘晴宰
特凌又
戰藏又
要施棋
牌排恚
熄焙尒
童醛客
箸棋架
栗瑶産
幅蘭圍
刻撩暻
論年清
橘捧棠

虛鞀匋典長
戰坡洴菊盘
吏傳公子戶
買哈姚舅轉
席催姚買拽
給挖風月恤
秩暄信嚕姚
吟腋姅屋噴
瀆鮮雪垹揍
冲軒匋丕舛
隻蓮垠紲暻
楊特油
州壽
船
槐
鬱岗
姚逴愬
堂
房
題
品
融
都
邨
倚
厦
眾
花
題
塌
貼
踽古詩
題
廂
買強
春
會
梗
眞

47 - 70

http://tieulun.hopto.org

淵蒼潮又
水亭包
睡蓋焙
乔村点
乃梗秩
冲花令
暗鳧鷿
提潛練
塙蓑鋪
又晞霜
皮干蓼
曷仙堆
嘍慵東
唌跳剜
嗄腾飛
洗燦亭
午雁情

孕樓屈又
搖塘曲徑
篥漁恍象
鵑鷚刻快
停蹟俟恠
逃鼈香檫
麝鳧倘又
塩情改遑
真闌襜鼻
暮花弄礼
月恠劑翅
胶林欽又
戈笞藏春
斫鳧低墻
揲賧筎荒
群認堙術
日蓂醝棋
秋律萌疎
波配睡梗
迻相牡牆
花覓梗飥
幌牡相飥
謎冊韋飥

71 - 94

http://tieulun.hopto.org

天然產灣
浩九庫絆
臉鬼接唯
簾湘動吻
髖駐朝免
啾來戲稛
細房礙喫
雰術怵几
曼衛恤
芸香練啜
彩姬暄覽
暄浪公子
買束罕枿
庄差戶梁

強鮮省濕強
鄧松冲橘欧
奇料膝鉄飽
屧花皮懺証
淒澤駐杏潜
稽印奉雪霎
豉吾鎖永
敍鬼麻底得
睬霎前語客
席囤班最欺
即侯牝禺西
歌沁輸遇別
埃厠制蛮鬼
帝厦外羨冲
廠外堂為乾

95 - 118

http://tieulun.hopto.org

能情朗又
氷澄意庶
埃皃亭蟲
鄘亞米垠
犀墒腰咳
眼如豢月
仙前班乃
浪綠緣庶
暄亞碧月
痳煩付罕
生浪洞燼
庄浪原封
鼓踠晨燔
枯庄鼓踠
眙傳碧月
晨棋群帶
院蘭聒率
倅巖嗅殘
槐毛罌
祕林
淫術
樓
吠噤碧月傳
晨棋群帶貼
院蘭聒率汜
倅巖嗅殘音
槐毛罌輜
祕林
淫術
樓
杏皃杏逕遶
厦西之底睫
眷塊坤臞睨
昏墜生甪寅
佟巖嗅殘音
槐毛罌輜
祕林
淫術
樓
杏皃杏逕遶
芍之朱皇脆
夕之岡嵁愁
盥皃竢淩喿
厦西之底睫
眷塊坤臞睨
昏墜生甪寅
佟巖嗅殘音
槐毛罌輜
祕林
淫術
樓
包淵挽得庄
賸砷苦如朱
斷勞憃尖共
眷塊坤臞睨
昏墜生甪寅
佟巖嗅殘音
槐毛罌輜
祕林
淫術
樓

119 - 142

http://tieulun.hopto.org

眞 月 聖 奉 颺 最 俾 得 俾 諸 儲
英 浪 遷 吧 料 沉 哆 牟 仍 署 諸
併 癘 如 咂 腋 倘 啫 玉 王 罹 渚
習 敝 絆 喃 薇 又 嘴 支 倘 玄 渚
劫 生 台 頭 駢 腕 最 年 祕 歪 易
摩 台 寒 藪 疎 最 疎 玉 絲 咄 埃
運 運 運 運 運 最 疎 玉 絲 咄 埃

得 英 陵 國 抗 屋 尼 縣 像 云 多
仙 庄 花 最 揚 干 囡 牢 砦 箕 之
欺 嘆 沛 默 重 醒 園 價 嘔 缶 捷
伴 沒 事 帝 於 干 涼 棒 嘔 不 重
胡 柒 鍼 文 醯 戈 尼 翦 拱 白 傾
摩 盤 得 筲 迷 沖 幀 涿 尼 用 頃
塵 麻 臭 麻 朝 轄 哭 嵗 害 買 棗
能 乾 制 猪 術 侑 逢 得 合 清 城
惠 棧 東 棧 清 合 得 逢 亭 術 猪 制 乾 能

http://tieulun.hopto.org

請妄飥
浪尼節
秩猪泥
趣園池
讀田村
倍宛堕
占風光
嗜弾婆
帝庄埃
飄杢
特堕
吟央
栖襞
意
得
撿
文
得
皮
陰
哭
姨
覓
其
催
貫
吠
戈
迷
演
嫉
幅
禧
玄

夫人覽恪形容撫
易鳩施悪圭矯衛
潮山拱執落茶油欺缶盆之
踏跛班撮
景皮慵躍
潘巖之抵
典制暇麗
脇勗制帝
彩亟戸馬
貝施低啦
結縁越朗
仍埃唏物
冲客蒙渦
坡得涓
仍皮賊
未枚拱
腰戸茄堆
戸仍
敷臉
圏支賑衛
外車
遛
未
敷
此
敷
缶
矯
之
衛

167 - 190

http://tieulun.hopto.org

文得皮
哈哭姑
院疏空
苍仙市
泣州低
朝清鬣
朗暄貞
瘴情吏
翔丞蓟
白添濃
仍盘桓
麵鴻敬
謝情皮
龜墟花
勇悪高
乱官楊将
歲淀堆蓋
弹娟嘗桶
鞏座時產
卷黃羣覩
自然叙搖
跳生皮扱
翦中陣瞼
園荼脫吏
蓬山踊隔
齊在美印
参都省
勝渚
譜同
脈滑
悪量
提滔
蓮煤
蹄各
捉悪
蓬山踊隔
齊在美印

http://tieulun.hopto.org

灿爆腾月
旸霜嗜雁
揉墟
城宫

凰求油虑
车缘罕沛
赤绳
房箍
欹巍
得封
炉炭
呈戈
声盈

命招色雀
支窗愁彼
张弄几卷
得臺浩几
安冲埃乃
哭泯尝价
葬制月共
都弹
番

花亮用英
旋书逸典
宫蟾俸空
特恚能庄
群术贴效
贺楼纶废
几笔禅翠
几色架得
奚侯习纳
前能哭客

景清匏丞
池体阁紫
硬贴景致
朗庐群觉
跣戈鼻边
楼哭常弟

漆暑箫
宫蟾俸空
特恚能庄
群术贴效
贺楼纶废
几笔禅翠
几色架得
奚侯习纳
前能哭客

http://tieulun.hopto.org

臉睃吶仍凭又
仍森抗翹連梗
忌觥買又愠奴
陻羣瘨瘕隊催
自些棟月旗逐
余歪底鑒隔摸
毛簫垠隔庳花
自些棟月旗逐
余歪底鑒隔庳
毛簫垠隔庳花
知緰遽最吏客
自笪宮劈中蓟
徒吳楊將營鼻
烝又舐朗丁沉

仍緑芾菰仍林
笆夔剕琬吏蓑
害鼻茶泜氋仍
嗥浪得世箇路
房簪渚律獸烏
墻東蚜吏蜂香
滒紅撼梟占包
茶菱墐滑香戈
聚賢坊意圍枚
絕喪沁仃庳疏
重嚴愁粥滴悪
肖治狗餧扜青

http://tieulun.hopto.org

達墻傘覺
差童查晦
葉悉
傳收銀兩
所夕矣唯
彩震炷焰
行曲檻汜
又稍認違
尼乘尼驅
飛婆吝對
逸遐買屢
教郎

春
叫又花矣
陽臺停產
園埃
計斟
東西
回廊

蓉墘凜沁杵
買能遠容茹
嚴巫停固梟
麻貞主荃怍
篤精戚祕名
院花札翦臺
屋亭香最亭
棋軒座殘業
尼踵院冊尼
產享寫牧待
鳩完消援嘗
忌皮寬邦定
唐移除排唐
逼包覩卷傘
鄰遛尼疎棧

窗弄棋
外底空
逼自扇
仙
貶
床排

http://tieulun.hopto.org

逕恩叙頭陛生包云
礼分賓拙韜眼纔枚特如
楊公浪買朗盜賊燔枚特如
元初注買尊情期語哭埃俸庄
自科辛卯分途剣符倒越翹揣子別穷
開吳弓牧頭校共楪退逸哭仍勤
被官淵文簾文案趙几惆返跳得
符丞公子別穷
孟盤遣逐厨丁
遣疏舷橋余座
仰遣壁粉詩鳧
蓑花踊倩聲香

逕恩叙頭陛生包云
拙韜眼纔枚特如
楊公浪買朗盜賊燔枚特如
元初注買尊情期語哭埃俸庄
自科辛卯分途剣符倒越翹揣子別穷
開吳弓牧頭校共楪退逸哭仍勤
被官淵文簾文案趙几惆返跳得
符丞公子別穷
孟盤遣逐厨丁
遣疏舷橋余座
仰遣壁粉詩鳧
蓑花踊倩聲香

287 - 310

http://tieulun.hopto.org

聰聒認翁皮聊吏典載吧
恥佳祕茄尾題制悼廊陳堅
詩清遥瓢白漖連景對艇章茄宇認
乘風呈鼓薪滯亭硯院生約宇
仝歇翁臉蔥枻硯房庭紙蔓約尾題制
蝠緣緣鬱筆觀排堅侯題生更停悼廊
落涓謎物領嘻駕深緣鬱筆觀排
盤腰堂花笑

翁皮聊吏典
悼廊陳堅
侯題生更停
英梧蛮莫溫
授勾景寓勾
栝詩咏爺吏
價尼樓窪亭
吏傳挽諫昂
賞招生迤晒
連嘗文遛拱
別文邊議篇

311 _ 334

http://tieulun.hopto.org

侯慍磯戦 謝詞催買者
唉撟毛 喜嬙示 又詢娥尋 團麩刁 前軒覧翠乙
戚蝴姅 禮麻豪 鼈亮兎律嗜 香轄厨 亜墻
戚蝴姅 禮麻豪 鼈亮兎律嗜 香轄厨 亜墻
撟軒娘 膝斜窗 段滝湘花 透麻能 女移翑 粉屏兼透香 高苶丙撰禓 銅底攠 重縁窺 簇低車霜 簾茄
得仙牳 兎律嗜 等為花 邪猪亮 迩仙俸演雲 楼瓦 哭亮 杜膝姅 単簾茄
翑仙

蹲仙連壁
芸香呈晦
客帘边簿
尼貼涌歎
融詩仆紵
想堯時文
弄喃月買
双又爻壁
浪埃溱嗐
遥光了又
得宅屈肩
踅娥哀典
冷又
諏制頒匋弄
吠淚眼轄昆
命題傳祕箋
語哭埃吏哭
曼核窘橋曼
別包謀斫趁
跳違呈嘴緣
佳人才子聘
達排風月諗
底瓏頂裘盔
豹台朱客仍
礼常回拜惆
翁醝師恚
茄邇

359-382

http://tieulun.hopto.org

遺吹寔匋
亭香迢迭
遞茶翁買
驀堕坎念
窖台唾吶
淚些課祕
淹株陼晻仍
枝台避迤
趍徜講歙
疎淚拙分
蹦禽宇罨
癲尼朕潵
圈皮揉整
团數匋律
女常渚者
床東劇買
淚濛潵圣
幸挑翰墨
曼翫圈翰
卷嬛和特
後生匋敢
罷色為拙
沱潺矽隅

http://tieulun.hopto.org

順咗恤從容
包斯之固調賒
便凭夾壁連位
倍棚催鎖堆皮
未器堆庄砖之
天台停揸尼
帳鴦路傳弹和
未低啜緣筭緣
莆灘測緣包拌栖
渺扁陲嗨春尋

淚軺声氣哭軺文
茄些魄買悉些戾之
瀰吝閘咳咖欺路泥納之粥
糊南產儡期瀰韋
停垠押妬路泥納
便塘楊將抬醝吏茄緩
別包帕馭拱哭聲緩
歲粶及賃堙哭
蔴得围圃仍醝粥
帶花匏吟香婢倍差
門咘連斎文菲啃鴿
閘凭揸寔墻厓文座

407 – 430

http://tieulun.hopto.org

逞朔生臺車劳边团杓圈牌
順堰寅夜 皮澄貼
塊岂膝楊 粧又 風
踏蹋暑軒 群仍鬼又 香倍另嫌
之女毓低 自落岌蟲 捨妝对朦
慢擔錦撩 豪呶身英
陲吶如制

床薇架芍吝戈錦壇
裊賒体艾得 皮睫昂体皮
唉貼風蜚昆 生宅蹋暑淹
停頭咻文咝 臺蓮校和嶺
咱年吏固蜂 别抌肢絲易
别凳堰撤落 鴻麻料燴功 祈疋又 侯聪羔 此特捐又 壇
豚悞為敫尋 台拙仕 排貼毓又 呈埃花藪豚空 觉

431 - 454

http://tieulun.hopto.org

要离埃敢讀唐　惜台身丐冶
臆鬼用紫涞紅　岌岑悉鄭貞
掣包余餒雅尼　滲蒙曲緑愁
憐悉体客珠滇　拙朝香吏此
倫之泳旁溢洞　遝蘿紅俸典
約洶願碾吹針　遝融啃應啼
辣霜溪雪朝埃　驛春停煬信
約願碾吹針淺　花浩膦柳浩
法体丞油阢鬼　戝花女底執
輔垂香兑地濑　邊飛停固如
意庄易庄仍又　寧菇悌客爻
咳淹聖餞尼除　得鄂仕此除

455～478

http://tieulun.hopto.org

禍葬臉慘霜沉
吾麻个冷冬勾
秩睢愁秩阻蓋
朗睢香共尚崇
永清買遍花侵
便堕蹊練北扉
率為落環園前
得字曙又哭生
逐遂惆訥朝台
耳床強忍怖朱
襪耻岩玉巖蘚
騁初悵睥煽畑

点誠朱透
忘公埃買丕
尼別者
信坡頭貓
課限宰葎
撰皮翌隘
紙箕易劄
霜超底發
明牢濮樣
強吹珠喈
剭駐茂胤
芻番弋價
青武綵行
年埃慕強
齋鍊商都
皆情毛術

http://tieulun.hopto.org

閉數想痒
邑樣文墨
瑎催浪礼
隘笺在賃
惜朱圍相
嬌吝憂緉
悉調順咂
秩瑎傳嗆
舁枚匏絆
退權吼景
盧吾呵垚
仍哭怖物
扦枉簏

迸分春度薄
穫情停珥典
仕覓又買輔
珊情易滲毓
風騷才調望
匏論劃月路
脈棱氷別朱
跕箴香仍貼
咂俟勿表趁
吏呶瞻店麻
壽煩術忙机
拿啃昔盡保
信泌信迷払

503 - 526

http://tieulun.hopto.org

羞蕨玲瓏針
帶綵催亭謹
嗨朝雷呂槽舜
香痕吠牡羨風流
唉曦倦苞扶歪
於哭卒苞扶歪
腰箕唱固負恙
悔憒吁酌自低
体歪扱綣情憒
機得更罔几術軒
糙調森悴花憒
鐫秘勤義

噪梗滴壳
沛香帝視
陽春苞固
事慕簡沛
意因緣別
此耽見造
固鬼緻蚁
尋鬼准恪
嫦牟芬省
文斧吁粮
情鍾余辰
頭秋丧及
神愁千吵扒
旬貞萬煉遜
腰伞庄喟朱
滿分涓蘭停
信認
鬼尋
得蜂
哈朝
哭文
恩數
慨煽
忘
鴟
愁
澄
聆
油
歪
空
瓦
停
蘭
涓
庄
钺
伞
貞
愁
千
吵
扒
悎
朝
哭
文
信
認
數
鴟
忘
煽
慨
恩
聆
澄
愁
油
歪
空
瓦
停
蘭
涓
分
滿

527 - 550

http://tieulun.hopto.org

邊塗秋情直牧秩春想柳閉別
腰香臺亮邊月共悪横坡奔仕叱哑胸矜奇梗虢任棄買誇眉推春肅麻隼吏吽浪制腋内
遍湯腰遲潜遲腰遲異得遲亮鳴邊台緑澄娘遍踏捲萌

俩茱疎矧棠務畢景朝歪生篆現
遲腰遲潜遲遲遲寔生台
利楊脩之風景輔殘恭魄散哭
逐得風景輔殘恭魄散哭
離身边奉度尋昂吏輔散
包霜包燒包悪包雚尋昂吏輔
秋粥鐮包悪拂路輔昂鞘
得欺春槍柳欺秋樸之劬
得箕春易傘各欺秋樸之
聽遲坤製能事花
譜湾癟汢吶能事花
相得伞脩在

551 - 574

http://tieulun.hopto.org

得欺帳垂鴛重
得欺掠摒蓂重
得當藏所稚臺
拱愁双拱皮ヌ
清高燼易透鬼
夕得犧抔祂覓
渦慍油惺共哭
殭鬼啼剛邊瞵
愁鬼揖徐丙痕
統他鴛另術臺
抗幔珥跋飲觸
盥貞仍事買未

得欺琴笠鴛鍾潛停
得啄奧脇得滿春淵
戟殘豢凭斬棋艮魚慈
文辭文歲文弁清高戈
賢得禽隻相思哭鯲
鉞燼鬼拱文弁清高戈
牌逐腰木胰舅特共
鬼質潛豢淵陣烜埃
亂鬢怯圍把菠者歪
稱槩年泜箝攄撼祺
祉仙陳濁菴替黃撼
衆歷香月寔坐納

http://tieulun.hopto.org

兼哭迸
恍台朱
几為些
老秋阶
價前前
易余鬼
卒歲舞
又拖琴
香笆沛
簟催理
轉房紗
買添花
楗愁忍
香包興
園族悉
啄淚園
沛悉族
笞又霜
寅夜蹉
嗜饑倍
故情押
柳柰花
侯迎蘇
跳吾邊
嚐昆点

綠箕寄牌
柳疾牌
緣前又
嗜鴣包
牌潛兼
情最卧
淹干沛
文香蹺
頭挨貸
閣齋俸
踊蓮理
踏蹬毛
頹術生
箕边
箕茹
箕荔
箕芬
箕芳
箕芸
箕苞
箕苓
箕苔
箕茂
箕苗
箕英
箕茎
箕茅
箕茨
箕荷
箕莆
箕莫
箕莱
箕莲
箕莪
箕莓
箕莽
箕菁
箕菅
箕菊
箕萃
箕萌
箕萍
箕萝
箕萧
箕萼
箕落
箕葛
箕葡
箕董
箕葵
箕蒂
箕蒋
箕蒙
箕蓉
箕蓑
箕蔓
箕蔗
箕蔚
箕蔡
箕蔽
箕蕉
箕蕊
箕蕙
箕蕨
箕蕴
箕蕾
箕薄
箕薇
箕薛
箕薯
箕藉
箕藏
箕藤
箕藻
箕蘑
箕虎
箕虫
箕虹
箕虽
箕虾
箕蚁
箕蚂
箕蚊
箕蚌
箕蚕
箕蚜
箕蛀
箕蛇
箕蛋
箕蛙
箕蛛
箕蜂
箕蜗
箕蜘
箕蝇
箕蝉
箕蝎
箕蝗
箕蝴
箕蝶
箕螃
箕螺
箕螽
箕蟋
箕蟑
箕蟒
箕蟠
箕蟹
箕蠕
箕血
箕行
箕衍
箕衫
箕衬
箕衰
箕衷
箕衽
箕衾
箕衿
箕袁
箕袄
箕袈
箕袋
箕袍
箕袒
箕袖
箕袜
箕被
箕袭
箕袱
箕裁
箕裂
箕裆
箕裔
箕裕
箕裙
箕裤
箕裸
箕裹
箕褂
箕褐
箕褒
箕褥
箕褪
箕褶
箕襁
箕襄
箕襟
箕襦
箕襻
箕西
箕要
箕覆
箕见
箕观
箕规
箕觅
箕视
箕览
箕觉
箕觊
箕觎
箕觐
箕觑
箕角
箕解
箕触
箕言
箕訾
箕詈
箕誉
箕誓
箕谁
箕谅
箕谈
箕谊
箕谋
箕谍
箕谎
箕谐
箕谑
箕谓
箕谕
箕谗
箕谙
箕谛
箕谜
箕谢
箕谣
箕谤
箕谦
箕谨
箕谩
箕谬
箕谭
箕谱
箕谴
箕谷
箕豁
箕豆
箕豕
箕豚
箕象
箕豪
箕貂
箕貉
箕貌
箕贝
箕贞
箕负
箕财
箕责
箕贤
箕败
箕账
箕货
箕质
箕贩
箕贪
箕贫
箕贬
箕购
箕贮
箕贯
箕贱
箕贴
箕贵
箕贷
箕贸
箕费
箕贺
箕贼
箕贾
箕贿
箕赁
箕赂
箕赃
箕资
箕赋
箕赌
箕赎
箕赏
箕赐
箕赔
箕赖
箕赘
箕赚
箕赛
箕赞
箕赠
箕赡
箕赢
箕赤
箕赦
箕赫
箕走
箕赴
箕赵
箕起
箕趁
箕趋
箕超
箕越
箕趟
箕趣
箕足
箕跃
箕跋
箕跌
箕跑
箕跖
箕跗
箕跚
箕跛
箕距
箕跟
箕跨
箕跪
箕踊
箕踏
箕踝
箕踞
箕踢
箕踩
箕踪
箕蹂
箕蹄
箕蹈
箕蹊
箕蹋
箕蹑
箕蹒
箕蹙
箕蹦
箕蹬
箕蹭
箕蹲
箕躁
箕躇
箕躏
箕身
箕躬
箕躯
箕躲
箕躺
箕车
箕轧
箕轨
箕轩
箕轮
箕软
箕轰
箕轴
箕轻
箕载
箕轿
箕较
箕辄
箕辅
箕辆
箕辈
箕辉
箕辐
箕辑
箕输
箕辕
箕辖
箕辗
箕辘
箕辙
箕辛
箕辜
箕辞
箕辟
箕辣
箕辨
箕辩
箕辫
箕辱
箕农
箕迈
箕迁
箕迂
箕迄
箕迅
箕过
箕迈
箕迎
箕运
箕近
箕返
箕还
箕这
箕进
箕远
箕违
箕连
箕迟
箕迢
箕迪
箕迫
箕述
箕迷
箕迸
箕迹
箕迺
箕追
箕退
箕送
箕适
箕逃
箕逅
箕逆
箕选
箕逊
箕透
箕逐
箕递
箕途
箕逗
箕通
箕逛
箕逝
箕逞
箕速
箕造
箕逢
箕逮
箕逵
箕逸
箕逻
箕逼
箕逾
箕遁
箕遂
箕遇
箕遍
箕遏
箕遐
箕遑
箕遒
箕道
箕遗
箕遛
箕遢
箕遣
箕遥
箕遨
箕遭
箕遮
箕遵
箕遽
箕邀
箕邂
箕邃
箕邋
箕邑
箕邓
箕邕
箕邙
箕邛
箕邝
箕邢
箕那
箕邦
箕邪
箕邬
箕邮
箕邵
箕邸
箕邹
箕邺
箕邻
箕邾
箕郁
箕郊
箕郎
箕郑
箕郓
箕郝
箕郡
箕郢
箕郦
箕郧
箕部
箕郭
箕郴
箕郸
箕都
箕鄂
箕鄙
箕鄞
箕鄢
箕酉
箕酊
箕酋
箕酌
箕配
箕酒
箕酗
箕酚
箕酝
箕酣
箕酥
箕酩
箕酪
箕酬
箕酮
箕酯
箕酰
箕酱
箕酵
箕酶
箕酷
箕酸
箕酿
箕醇
箕醉
箕醋
箕醌
箕醒
箕醚
箕醛
箕醪
箕醴
箕醺
箕采
箕釉
箕释
箕里
箕重
箕野
箕量
箕金
箕釜
箕鉴
箕銎
箕銮
箕鋆
箕鋈
箕錾
箕鍪
箕鎏
箕鏊
箕鑫
箕钆
箕钇
箕钋
箕钌
箕钍
箕钎
箕钏
箕钒
箕钓
箕钕
箕钗
箕钙
箕钛
箕钜
箕钝
箕钞
箕钠
箕钡
箕钢
箕钣
箕钤
箕钥
箕钦
箕钧
箕钨
箕钩
箕钪
箕钫
箕钬
箕钮
箕钰
箕钱
箕钲
箕钳
箕钴
箕钵
箕钷
箕钹
箕钺
箕钻
箕钼
箕钽
箕钾
箕铀
箕铁
箕铂
箕铃
箕铅
箕铆
箕铈
箕铉
箕铊
箕铋
箕铍
箕铎
箕铐
箕铑
箕铒
箕铕
箕铖
箕铗
箕铘
箕铙
箕铛
箕铜
箕铝
箕铞
箕铟
箕铠
箕铡
箕铢
箕铣
箕铤
箕铥
箕铧
箕铨
箕铩
箕铪
箕铫
箕铬
箕铭
箕铮
箕铯
箕铰
箕铱
箕铲
箕铵
箕银
箕铸
箕铺
箕铼
箕铽
箕链
箕铿
箕销
箕锁
箕锂
箕锄
箕锅
箕锆
箕锇
箕锈
箕锉
箕锋
箕锌
箕锏
箕锑
箕锒
箕锔
箕锕
箕锖
箕锗
箕锘
箕错
箕锚
箕锛
箕锝
箕锞
箕锟
箕锡
箕锢
箕锣
箕锤
箕锥
箕锦
箕锨
箕锩
箕锫
箕锬
箕锭
箕键
箕锯
箕锰
箕锲
箕锵
箕锶
箕锷
箕锹
箕锻
箕锾
箕锿
箕镀
箕镁
箕镂
箕镄
箕镅
箕镆
箕镇
箕镉
箕镊
箕镌
箕镍
箕镎
箕镏
箕镐
箕镑
箕镒
箕镓
箕镔
箕镖
箕镗
箕镘
箕镙
箕镛
箕镜
箕镝
箕镞
箕镡
箕镣
箕镤
箕镥
箕镦
箕镧
箕镨
箕镩
箕镪
箕镫
箕镬
箕镭
箕镯
箕镰
箕镱
箕镳
箕镶
箕长
箕门
箕闩
箕闪
箕闭
箕问
箕闯
箕闰
箕闲
箕闳
箕间
箕闵
箕闶
箕闷
箕闸
箕闹
箕闺
箕闻
箕闼
箕闽
箕闾
箕阀
箕阁
箕阂
箕阅
箕阉
箕阎
箕阐
箕阑
箕阔
箕阕
箕阖
箕阗
箕阙
箕阚
箕阜
箕队
箕阪
箕阮
箕阱
箕防
箕阳
箕阴
箕阵
箕阶
箕阻
箕阿
箕陀
箕陂
箕附
箕际
箕陆
箕陇
箕陈
箕陉
箕陋
箕陌
箕降
箕限
箕陕
箕陡
箕院
箕除
箕陨
箕险
箕陪
箕陬
箕陵
箕陶
箕陷
箕隅
箕隆
箕隋
箕隍
箕随
箕隐
箕隔
箕隘
箕隙
箕障
箕隧
箕隶
箕隼
箕隽
箕难
箕雀
箕雁
箕雄
箕雅
箕集
箕雇
箕雌
箕雍
箕雏
箕雕
箕雨
箕雪
箕雯
箕雳
箕雷
箕零
箕雾
箕雹
箕雾
箕雷
箕雳
箕零
箕雯
箕雹
箕雾
箕雷
箕雳
箕零
箕雯
箕雹
箕雾
箕雷
箕雳
箕零
箕雯

若秋涛聘文澜
定情生買仕排
盈貞登突困數
仰顒咏嗜亮唏
聘撵笆易鬼浪
朋矜所樣蒂桃
長魚生稞又呈
刀帶其文皆宅
誓派願兴咏夕清
磯哑堰礼璘詩
酉未堰兴咏夕清
唛唐唉併朱術

啾桃咏唔驁
緣之害吏畜
庵台鞏臉旬
便鄰倣透边
唸香毛跋料
顒融礼禁法
共料頭泊敢
臺灵虎固腋
畬終停丕情
浪融閘緻房
拱饒堆呂共
咏常罕庄咏
嗟蓓更瞅卷
出尼别歲証
淌車之青臨
麻戟覓得庄
及描咳朱窄
楼尼蘭悼
饒譠

http://tieulun.hopto.org

你唑上糸
唑横意庄
信京妙伍
盛信茹浪
差茹浪潜
数洌排滞
程昂生吏
焰財吏保
疎登个律
朱停綿臆
楣逸几隆
文番及拳
催憤蕖栽
竹松換固
体情实共
苔牢谷磬
嗄噢臆楚
秦京朝春
黜哭文边
埃横番楼
悩芽尼鞍
忙庄芽尼
戝文番尼
哭牢庄车
情边埃横
戝贞又底
钺哭文情
澄前燕綿
砖銀敦吏
唑仍仍港
亮着練清
吹溫信新

647 - 670

http://tieulun.hopto.org

吶之風味
樓臺
他朱中爻
皮芾
巖春另描
贋迷
嘺犧香缶
戚涼罌乙
曼秋香吏
移逸如被
得侯貝移
缶哭托糈
閉除庄補悲除緣遞又
頗觔客況
庄他隔阻
鳳匆蚜侶
呈牢劇物
朝秋羨共
渚泥秋景
泮堕娘買
仃台情意
料貼路佣
寻常幻特
別哭缶罕
隨綀詷杤
麻如潟群
泮丁盤犧
迦願涔推
路朱麻沒
嗛猪信尼
牢尼戣低
情得共之
671 - 694
693

香痕卿
共如啞
体书隐重
恪鴻常
人
夕之待典
珠犹斗鼎
底羯嘺吏
踽踏嬴馬
淋沁坡鞏
賦相如易
符情湊院
禁巢待著
小寰嵏冤
坡匋除沖
役昜帝

仍墜蜂鳩

價芾嘕弋
同斤共襟
実哭侶堆
王耹得吏
聽詨些
自油
初才
色群燒
調琵琶
想帆
迷
熄
潩南湖
冷渺昜
牢
朋尼
堆宮
侶斐願
枯
悉
油
庐决悉
宇

695 - 718

http://tieulun.hopto.org

戢信香仍稚長
中秋皮牀節森
畧蘭貞課芟得
花誓竹動麻澄
蕭亮嗳鳳嘯哮
拂機徐柳搓簧
吶巢爽又招橫
蹬器細畧叙情
枚低吁文台詶
煉制月唉亭又
料吁保重怖唐
燇爐兜產炉悉

禺信生仍呂郎除
院詩驟賞璘乘都啄
詞緣吝持毓迸底仍製
矧瞳圍紫渭汚閤都喬
艾腔如唭搭歲余念
俸亮遝吝年淸衾
清台盃員月脸
蔥黔妥平
葱黔窖咻霜
娘淚低庄哭
秩暄柣啫祕某朋
洞義崇超恨逃詣趣
配庄禹堂黔亭娘
坡逼堂黔趣亭娘

http://tieulun.hopto.org

浅余呻吟賦縣
文朝強文切他
吠賊傷潘及余廣印戰意戡
訒回
没困饒高敢唖緣責庶秋勤
祝雷
情緣芟沛旦量春停央狹責庄責吝唐惴為香共鳩昵修俸
油崔
事押隊責庇秋唉北屋勤喟央庄揉
客藍林路蔚導
華哭緣
庄寝経

文朝強文切他
情緣芟沛旦量春停央狹責庄責吝唐惴為香共鳩昵修俸
油崔
浪懇世同哎北屋勤喟央庄揉
客藍林路蔚導
華哭緣
庄寝経

文朝強文切他
情緣芟沛旦量春停央狹責庄責吝唐惴為香共鳩昵修俸
油崔
戡奔花逴宮秤咲得斉
雷祝
敢吁薦準牖堆珠隹特兢
訒回
情边尼群隹嗤
崔
碎買群隹嗤虢得斉
訒回
晃情侶嗤虢得斉

743 - 766

http://tieulun.hopto.org

反跲得
合腋臉
爻哭待
節房周
奄嫩最
栖花漢
娘踵恨
月香別
笺誓西
認連域
篆誠宜
押柰咻
文善草
嚆花弄

念秦烽
台哭溫
台噁名
菌緣文
施啞月
針又朗
席排圍
論啞塔
吏記香
余啞貌
援詰塋
箕恚憤
瘁羞頭
香怒願
客味緑

767 - 790

http://tieulun.hopto.org

記悪聒共呂来
娘浪蒲柳恼身
暮輔琍艾煩願
猛悔聘悪蔣変
河洲攐忉縣艾
朝溧文優為伴
路溧喂瘭灯又
坤拎逐埃淺又
坤拎愁鼈吹号
仍打跋淡金放
緊箭勉囥団数
鑾核戦飡場名

貼勉哏啼番株杏巾
臉東仍冥主春沛煩
彙烟匏虎固連項頭
待饒連紃買潤勉桃咄床
榜横撩匏焉湄之倩
路迭塗買潤紫辺移寇跡
臕膠文施蘭金伞堕
覆霜秩嗾連城点甌
煩烟剃方駿宰介平
嫈又仕牧味美吮嗷

791 - 814

http://tieulun.hopto.org

蛩屭貼朋
引圊跋氭
陛荣焰又
固刘吏部
凋踈爻鞑
作船衛賢
包陛蠅暗

夕之廢戟
戕吞宴菊
埃又庄嗣
哭尋本梟
歔都賈朮
讀瀾深水
共伴裶買
吁援例仙
丙官英共
尋莊重湟
戶刘爻奾
拙願迍缶
晉秦圄鍾
參啜蓁鞊
別哭毓蔡
丄花愧旐
端貞援迸
鵜哭玉烟
波腰例裶
悲

815 - 838

http://tieulun.hopto.org

淅噠刘買
戈啞匊貝
管包雪待
遺情伞嘰
習調帆姜
江亭堆我
立韶琴惡
茹萱添妥
預拌戈礼
生皮鄂体
吏遛幷謝
臺楊

嶽春買嶡
襜瀾聰支
悪牋朝悪
車黽式遜
跟寔圭茹
刋書匾蹂
長冰逡帖
匈當庄路
除生稚睜
錢逡翁買
炘詳胤貞

自蚀芝室
貼平竜門
朱臉緣絲
校恟膝樁
吁捥綀趛
很台茹媽
悪骯船共
如牋朝悪
謝辞外氏
錢逡翁買

http://tieulun.hopto.org

沒恚隨。仍勤拳
唾圭唉矣只群啄戾
呶尊公團婆濫匋朱銊砑禺
莍疎拙團槾桃團橫朱領息恚怔腰
瞎唾如於念西琴疎拙哭枚
艾枚倍探楊開計事情千物嬛聰遽呈帳鴩亭
緣放枚曲哉排團柳文面辝吁燐聽遽亟帳亭
秩瞎尬又相交尼埃匋倍扜噯亭皋蘭遽呈
生浪惴揉絲尼淹念圈帛女芾支配晓買卑唾
遴迢英舵鴿青

863 - 886

http://tieulun.hopto.org

情車包官得車
浪尼南獻戲駭
扎分岐互志鴻
栺認庄玄稅孤
拔情姅荒梗楊
絶雲核屈膊得
冊燕珥膊晟船
忘蓬湄冒臉毛
洶吹文帶羨縣
色侯褲暑茄香
悲委晟学並帝
泥之定省礼常

相知固世買哭相知
匋仃歪怒膊異貝悪
聖蒙朱補恍悪囲脇
嫩車柳匋絲飾膊横
堀圭疎矧如羨蹺埃
矽恨敵跳支辿賒拢
觜雁搭妝頭枚匋体
香逶嘶戦淖錦閩席
為宰身頭名楊買哭
玉京暗匋咐嗃糊場

887 - 910

http://tieulun.hopto.org

夫人吏吠代傳番
沒刘買計光初娄
滋舍吏疹朱舍朱
悉疎加瘐如疼舍
崔又悉匊貟悉
彼旁腋最淵枚員
鼻車仃童猪詳鼻
晴横晴砌秋永又
砬更宮月慮宍端
翁絲窖咻多端梭
鴛横審脫梭戈辰
閣楊皮席誕辰

村枚大小登科
捌拌朱認余詞
丞高票越坦平
啾戈脫匊阻愁
慕納穫艾符催
牢緣昂語朱同
閑秋永又信踏
磭情凳敢珥徜
芭生陲待玉環
敌吝車牧敌吝
頂椿余果雪咗
情融眷感戈群
思轉皇群車
雁恨

911 ~ 934

http://tieulun.hopto.org

体姚翁
役刘姚
買焙排
雪房香
跋躓勉
頂拉淜
尾群綠
嗜績聰
聽屢牍
話哭制
瀕願派
買踈戈
緣堂油

衂圭牢氷
意為婿事
边聰艾陣
淒堆豈又
悭忺稔塢
吻痕僅害
杳器蛟祿
悲除群監
艾時沁嗜
絲緣共渚
默埃吁埃
從容抆前

935 - 958

http://tieulun.hopto.org

閒踩痕玉如炮
房貞式又自低淺淺蕙萍
瓶琴池聽緣詩抽鐫筆花抽罷
局棋抽忍前剔节級泄付陣炮烨潴渺炤
分竹哭世酉年共打
蠶花無主包停自低
憲年盛仍貼調高包丕埃品題埃凡知例審音員音角哈添維萎
秘埃麻認湟情朱時強添絆
體棋麻想仍
義誓低底記恵劾
蛔沙袂嗏信程裙畧萌
提携侍頓水
欺車前別哭車余重器

959 - 982

http://tieulun.hopto.org

行裝檝所皮冲
江山橙幅愁旅
箕皃吉傍艾堆
箕皃遂尽頁岸
箕皃遂涕頁頭
箕皃波藐鼍頭
箕皃宣浦鴈鼍
箕皃岩岚媿霜
箕皃岩為丞秋
景箕添絆悉尼
圍岩鈯員愚春

昆船璫祝
景放易鄭
余告歷隻
賤丞枻鯈
漁村余蓉
永暄鍾彙
洞庭傍朗
泊懇花雪
洋湘左滴
鳳城爆瀰
边書笣体
奏周陛韶
郎台笣賑
群喋边婆印
江天文牟
湄毛更迟
沸皃嗃嘵
合散助朝
雷催陣雁
朝如吹綠

983 - 1006

http://tieulun.hopto.org

扎胡嵩腿昆驕
壖桃撲桶升官
皺鼷艾牖鼾傳
翰林產固戔戔
唉迦暫住朱賦
戔聒遖違尽尼
茆蒐曰招盂圄
艾方探凭城賤
生自葸耨粉鄉
塘捘冏觧質浩
特唾蹺堄水行

踱震塏馭裙
吏差楊將箏
仃針役湛淌
員夫人頗共
待睄楪賊瞠
遁樓所准指
仃悉楊買探
惜包胡鶉仍
至秋巴胆盪
翹前懋旦午
長州嗔吏尋
鵗捘帆奠青
又遛墝轀粧
艾湘睄羊外
湔程粧睄閒

澄庄瀰親茹
哭同役涓
床佚边雁
蹺隘

1007 - 1030

http://tieulun.hopto.org

別包吟波
誓菴
園積怒趣
葉賓操捺
葉枒徐埃
佶邇深趣
盧疎裕檜
樓踈熄煩
別埃候嗨
綿奎噪嗨
鏞兆紫魏
落窓佘點
艾撻韜碧
霜印林豽
妹差丙撥
岡公皮体
買詳門脉
協娠边豪
稼空燕蝉
社踈隔佘
舞養怒唯
初詹斜蝠
戦得蝠泣
同踈扛座

1031 - 1054

http://tieulun.hopto.org

眉揚弈楣芙蓉
指誓腰沏知又
惆春桃矣嗆其
歎宇嗇圄作忒
意埃拉焰茹蒲
恨貞慕潑亡底
校岸皮及圄公
省罟衛細筆底
痕徐住寓圄房
秩暄餞吶保信
楊公墨牖團跲
文茹暄吶團跲
唪軍單唑

瞟花添戈胤心
悉生離
之章臺
市鬼低
宇排開
孰胡迎渚圄
戚盆渚嗜脉
溫翰吝瞟朵
脆怜即最塊
戚埃湟豫淑
用移急唸家
除宇散作忒
孫紅猪茹蒲
孵埃整莽群
事俞箕員事
店堂扮撥謀
代羌沔逐湘
皆哉玉点吏
宇排開斉湯

1055 - 1078

http://tieulun.hopto.org

菴生勺　製包分　賭ヌ熹　波愁強　亭波自　郊生琛　生浪緣　戴踈吠　支之朱　膾鵬舵　業賜桃　洴更沉　漏鬳涕　陰遂信　息溪岸　懞如詞　月花畑　頗吏衛　未強潛　朝般勤　世宰仃　重放油　萬誌洲

沛器捵莽曾包　女平生沒鬟綷　閘蘇汴沒茹林　催來朗想吏沒　枚賽局紲柳蘭　匏塘貧吏沒烏　渚鵑匝嚕賻栗　秘暇詩擧押栗　他催之抔典夏　樓班赴紀齒晓　寿矚莹唐功招　不平嗶役者共　尭矚莹迸秋名　冲制秋名湯春稽

1079 - 1102

http://tieulun.hopto.org

瑁啞如摺干濃　因期赴峯洪志尋
吏經吏亘攀常　帛花添改玉横添
咒免又考度冬　回荻生買頭横添
秩磋梗及期　院荻慶缶所泥扣
瞼及期　暑燐飢畋登毛順
弟蹺穷　越蛟尾今男程青
又題硯　寒蠹風月亘兒蓬詩
領啞衽窘蒂頭　便唐急吏頭功渕
授術喜　矣朱巴捷裨　郤生缶限穷連会春畑
榜秋烃　郤生缶限穷　團書聳艘風　膊魚楓渚喈
綫温倏　移真胯枚　光堆掉遞　樵真遂掉遞
隊角　吝胯枚　

1103 - 1126

http://tieulun.hopto.org

景清疎傘哨鰲苍実花
依期枝巻題名陣秋旗穐堂城文南京
傘蕃此飭都才省元秩解鶉排林滄埃
瓊行臆遂旗捷坡城ヌ
鼈連鷁鯢吏向臺殊冊日侍艙
慇梟沒貞貞鄭隊覚燕裰日
悟尼易我穐宴歓平
冬衛魯碧高紛滝
品題丙撰
行枝曳度
只琚彷彿
枕蕭直湃
夜詩篇城共
詖得詳琛菅高橋悪舎
買巴別尼娘甌
聒為

1127 - 1150

http://tieulun.hopto.org

仂才哋　再兼蒲滸
坦平文　仁生調煎
俏胎梁　死生黃甲
粉壽祿　屏府各價
陂逐漆　戰腰初匁
茱劾壓　皮信边報
觔番覓　梁匜翰苑
圍裟竹　漥舍漥客
娘自信　月香別意
論時鎖　蒲花陂立
輅花吾　薜腰煸得
景芾仕　戈悉兗添
朗齒銚　忙嘆情異
愁漥初

1151 - 1174

http://tieulun.hopto.org

芹迷泉泊　如訫　睡稅簣ヲ匋皮昂糈
想尋噦月　巴眷仍准　坡箱隊雪　包奈　弔埃蔭冷弔埃吒裴
譬倍　房東坡意　弔催　弔埃劝徐
仌盃　仍香仍焰仍　隔墻生共歟皮蹬清
楖腋荒臉　葉砧脆客嗜　敲陳育豽歟　景愁如撟　扔得楣湃　蹈遜義誓仃底典　泃秋鯨　油氾核　呇蕨脂舞　情踐　月棋边篆香　抹畧蕭　吊些潑涮　弟蕨願　悉弟鍾萬馭　角負　負緣生　長負容台　寻再　意緣　芹埃　文寻　襜鑝　隔花朗蹸

1175 - 1198

http://tieulun.hopto.org

楔单蓓律衰漆桅油又鸠柳
得初仕牧仍寻月香共旦之
仍哭隔光岗假移鋖逼花兼固枭
踬光岗假移鋖逼花兼固枭
想毯徐哭包隊又遛隔墻包哼嗜
闭缕湄潰瞼樣外同辭黝别鱼
别鱼香炤巴生群胰群瞼群与占包
葉弹包呂吏和買哭絲運買吳月礎
娠聒涙落淋堕耒吏辮排鬟絲
才郎芾淶初舍鼻綠菽乘欤每唐
惜台箱雪篾強縣緣埃苟自松麻催

1199 - 1222

http://tieulun.hopto.org

誓花為
燼蠻產
催緣堯
困裘文
啞誓油
暇莫恵
畧蘭芻
臆傷逐
主引箕
覩恚箐
高謂干
矣証朱

吻記恵喬
埃与橫夠
蛔王吏余
爰恩尼典
連墓洩戦
行絲箕荘
謝恵哪迦
腋悚花朗
詔譽荒柳
前埃臆栗
棘盧倭易
緣別腹劾
由尼駈移
衬嗓員曷
哭徒埃湄

惜啞貝
傻器吉
脞尼尋
共哭女
醮勒共
朋怒世
催濃哭
侈脞絲
花淋低
花冲咽

1223 - 1246

http://tieulun.hopto.org

計徐菖柳秧車閘刘敗神亭
托南墜悉捻昌枚詫拮波
唐瞳為埃蘇後遽群沉
坊鳧芳在仍抒性團敗
眼尼合楣買哈浪固沼饒
因宇娘寓後困仍宇農後
強聒強文猶論剔香清饑
情貨芾負之緣腿擐滑
事令計歇消耗包停隻柘
傷喂冏敗長城車吹前透
悄唾錢買吟唾及跣共客
生聒恚赧如胞奎丕匏決
芾導黔信冷挺落吠芾悁
丁別信汀芾悁共厄唐舍
寧芾唏汀芾悁共厄唐舍

1247 - 1270

http://tieulun.hopto.org

培胡文陣
扶浩
功鍼枚特線
齡共輔

強吹感激
勤拳
梗嘆荒阻兼
消膊
移

遂鬲髮共
汜啞
准樓撫怒啃
尋聒
冬

別离埃臑
凡衛
強毛深滌強
濃尶
傷

覓文進外
今莽緊発
連瓶劄表散
導聒
朝

陛告宥言
音又最桐車
精兵遊萬屬
隨
宜

危震長言
共髣欺襲亟
追軍透坦嚇
擔啟慕
員行包

陸賊余庫
眾皮來打巴
亟城空光
軍

特負
頹拳
兵交
即時
又

敢兵
衣紀信憂
舍融
軍

1271 - 1294

http://tieulun.hopto.org

廟堂僉奎
処分便宜咨復
邊隅賞恰碼住
踐裔信梁用
復邊門伺連
勿爺哭祿飽
考埃朱累香
賜粗走凍甩
呈浪兔匋
情箕被岗
厘命玉釐分
北迷浪匋
行邊衷遁重
臣揩
運粮姚共卽
直婁香匋燔
暗信艱仍啄
決証前詫歷
他料令泊矯
月匋淵奎貞
晒料兔文益
精箕及吏弋
買哭台奎分
荐寅香吏蹄
邊練兩朋之
排全其庄尼
同李干暗塘
提隊聰花器
床戈蓮揮

1295 – 1318

http://tieulun.hopto.org

棄	朱	淹	寵	仍	吏	寔	哥	啃	体
其	夫	啜	寵	朔	寵	虛	其	宛	啜
麻	人	娘	信	髹	仍	娭	渚	吠	為
者	拙	共	庄	援	事	辨	典	咀	髮
穆	呵	柬	実	狼	說	朱	波	培	丞
尼	唏	実	狼	巴	侍	詳	穢	苻	狠

固	院	踈	歸	皮	怦	俸	礼	信	対
庄	踈	肤	例	寵	悪	仍	招	送	味
符	之	意	温	陳	陳	模	旬	刘	褝
拙	矣	之	清	請	仍	惆	莫	共	自
文	敢	文	旬	車	蓬	例	常	車	剣
秩	垠	秩	熄	宅	煩	常	少	吹	斤
翁	香	翁	香	行	塔	違	愁	麻	料
衲	衲	衲	衲	辺	傷	制	鬼	澄	鐶

強	渓	哭	恒	緑	唔	哭	常	劾	斎
渓	安	炮	悪	斎	覚

1319 - 1342

http://tieulun.hopto.org

浪紹常
磯岢嵗
尾之文
催又苞
化工固
芷包紙
噴派瘁
於鈸恚
尒至鈸
緣其催
暟春怙
化工舌
芷包之
噴派命
於鈸蒙
尒至退
緣其茂
暟春洴
催又滝
尾之紅
浪紹裙
常
磯岢嵗
尾之文
催又苞
化工固
芷包紙
噴派瘁
於鈸恚
尒至鈸
緣其催
暟春怙
催又共
化工油
芷包舌
噴派催
於鈸唒
尒至鈸
緣其催
暟春怙
戸礼
藍逸
圈斜
文得
並
戸礼暟
藍逸春
圈斜怙
文得仍
並
戸礼暟緣
藍逸春其
圈斜怙催
文得仍
並
戸礼暟緣尒
藍逸春其至
圈斜怙催
文得仍
並
戸礼暟緣尒於
藍逸春其至鈸
圈斜怙催
文得仍
並
戸礼暟緣尒於噴
藍逸春其至鈸派
圈斜怙催
文得仍
並
戸礼暟緣尒於噴芷
藍逸春其至鈸派包
圈斜怙催
文得仍
並
戸礼暟緣尒於噴芷化
藍逸春其至鈸派包工
圈斜怙催
文得仍
並
戸礼暟緣尒於噴芷化催
藍逸春其至鈸派包工又
圈斜怙催
文得仍
並
戸礼暟緣尒於噴芷化催尾
藍逸春其至鈸派包工又之
圈斜怙催
文得仍
並
戸礼暟緣尒於噴芷化催尾浪
藍逸春其至鈸派包工又之紹
圈斜怙催
文得仍
並
戸礼暟緣尒於噴芷化催尾浪紹
藍逸春其至鈸派包工又之紹常
圈斜怙催
文得仍
並
戸礼暟緣尒於噴芷化催尾浪紹常
藍逸春其至鈸派包工又之紹常磯
圈斜怙催
文得仍
並
戸礼暟緣尒於噴芷化催尾浪紹常磯岢
藍逸春其至鈸派包工又之紹常磯岢嵗
圈斜怙催
文得仍
並
戸礼暟緣尒於噴芷化催尾浪紹常磯岢嵗
藍逸春其至鈸派包工又之紹常磯岢嵗尾
圈斜怙催
文得仍
並
戸礼暟緣尒於噴芷化催尾浪紹常磯岢嵗尾之
藍逸春其至鈸派包工又之紹常磯岢嵗尾之文
圈斜怙催
文得仍
並
戸礼暟緣尒於噴芷化催尾浪紹常磯岢嵗尾之文
藍逸春其至鈸派包工又之紹常磯岢嵗尾之文催
圈斜怙催
文得仍
並
戸礼暟緣尒於噴芷化催尾浪紹常磯岢嵗尾之文催又
藍逸春其至鈸派包工又之紹常磯岢嵗尾之文催又苞
圈斜怙催
文得仍
並
戸礼暟緣尒於噴芷化催尾浪紹常磯岢嵗尾之文催又苞工
藍逸春其至鈸派包工又之紹常磯岢嵗尾之文催又苞工固
圈斜怙催
文得仍
並
戸礼暟緣尒於噴芷化催尾浪紹常磯岢嵗尾之文催又苞工固紙
藍逸春其至鈸派包工又之紹常磯岢嵗尾之文催又苞工固紙

艾歷哏哄
隊娘勸除
及冷娘呈
分牢分娘
边唐埝勸
酉啐共鼻
堅証易債
衙銊鰈仍
捩萎竭事
兩之仍憫
等貞哭分
淺合貞仍

別亮缶牢
練睜脫缶
公疎蒲柳
生成女者
楠前悄惘
容朱隻稔
禰芃貝甘
祕堅救楠
吏按歪破
債聰娘買
招琴意吏
吏托祕啫
那路麻制

悪禾猪
滌渭堆行
呂羹遥殍
包榮特亮
爵愁貝埃
鑰芃貝甘
吏按歪破
麻拎矗鼻
曦夕寡納

http://tieulun.hopto.org

夫人聒歇每啞
緣尼庄特盘皆
庸庚舟駛付通
展蘇栗兩麥芽
敢栲生成年堆
荼貞仍駛兼堆
分麻罌壬共油
溢朔堆戎洞溢
布荆同疔沒沒
緣緣缶結帶強
貞證栲吏吏沒
栲駿栲吏沒沒

浪牢缶別仍尼得外
理悗橫陵埭
事棠啜罌苗
拎襖奇夫車
別緣俞別分
恩茹矣罌姜
栲集底涕湯
文念鍊發透
玄恚沛者典
瓢迷約荐相
祕貞崔共太
玉吹扃沁香
凌馬磋

1391 - 1414

http://tieulun.hopto.org

樓最永日
園婁棟更
秩杵花點
萍臉豈巴
女共浪角
哨謙名腰
阿浪卓事
惜共之甘
哭嘆夾時
睹為丕生
不清之
尋行誼客
渡泚濺苦
固哀素容
嗜得冷暨
垂又暗賒
捽幸禮

容暗永又
提邊澹丐
頭坡戈角
提情貝腰
拎平空生
牢朱沛分
晉麻固托
宠身氷雪
朱皋祕臨
夕朱替枝
別浪福善
固哀及順
急尋水手
補槎越貼
件詩買燒
每念婆農

1415 - 1438

http://tieulun.hopto.org

脫儸官員厌恚
惜台冲玉追牙
棱觯埕争哭饒
宪禽麻者姜尋
枚低蠻浩及饒
祕踈隊玉猺堤
淜睹渓易生成
翁緑栗弄馳焼
楮枌油灶員葬
吏緧戈吏緧戈
未低底域荒源

青展節
汪含坤实
文板之哭
底功尷崔
崔时合浦
稚崔買計
敏殿埃易
害禽鋮沛
梗接压橋
他朱湃吟
埕尼枚固
犬朱膟仆
吏滌眉蜱
泣含珠徵
底油花戛
路哭料員
笋舌崔典
埃酥哭

http://tieulun.hopto.org

慢	身	扉	未	忌	茹	頭	艰	指	导	横	余
為	糙	輛	罢	悉	刘	盗	仃	台	烊	輸	秋
湟	為	擱	竟	敢	驚	脍	特	嗲	堆	玉	卷
重	為	悯	偶	諸	经	包	准	娘	如	特	行
為	俾	忙	网	忙	駁	别	包	啼	朱	莽	又
俾	忙	掃	美	虾	墨	吝	貼	啼	朱	莽	又

夫	人	吏	吠	典	杰	羊	洒	帝	朱
買	台	厝	造	循	謝	辞	催	脫	船
枚	姜	瞳	悋	糙	慚	忙	頓	嗨	噭
悸	之	底	波	摸	丐	屡	昱	造	害
底	朱	鳴	菽	派	容	哭	汐	傷	
边	迷	水	国	边					
剛	堯	生	矣	鞘					
亜	環	奴	青	吹	嗃	針	為	制	朗	雲	哭	符
多	溢	特	且	波	差	與	嚜	朗	盧	嗱	何	寻	前	莽	行	朱	忙
		掃							御								塵	低

1463 - 1486

http://tieulun.hopto.org

撫衙重
激啞勐
併糧胡
扛佳鮮
殲包娄
殲為統
殲軍謹
信粱別
戰浪仐
膊烏夏
棟軍謹
特伺即
荒旗手
棟營急
顫褪順
體饰乃
詗睨实
施飥針
仍呈瀚
時貼飥

塔高墨
戰浪仐
棟軍謹墨
特伺即刻
荒旗手芽
棟營急草
顫褪順瞼
體饰乃竜
詗睨实踟
施飥針外
仍呈瀚夾
時貼飥攻

封卡院尾群印

梁皮扁高撫阜時體兵情共易洋
通厄高阜時聰
限朱除丑店枚
破騛拷
肫斷劖体兵情
領軍殲將嶽陵
殲為統細陰逕
殲軍謹墨抄
扛佳鮮仍底凋
併糧胡鶺包娄

排長行差惆迟竟忠
更枚潛匪匋
密雜潛庄匋
排長行差惆迟
外弓更枚潛匪匋
攻排長行差惆迟
夾密雜潛庄匋
飥攻排長行差惆迟

1487 - 1510

http://tieulun.hopto.org

諸軍曄頊数阸諮之徐櫃罘外
墅楊賦共通信素机炉炤鼾
清平文表鼾蠅穌
家書琿忘琿真雁奏跬
芸吾勉畧呈戈空
楝愁拮琿舍寘吾舜
蛵迷文会兵衆鬗
尋才畧几精忠
唯朱世裹衛鼕

別謀碰梗猪珊待伴
会兵文刻解連台疋
意兕脫罪覓辣嵓又培紅凌又
請台鼓卻真撇艷还
信齡鬗匜偉幔銭衙
隨貼信報沒覿沒美如花妾憲
嶺詐本道矯衛京都
閤唐縣楣曼周多憲
掇色功載詞封刻侯
今又券崇
庵書

1511 - 1534

http://tieulun.hopto.org

沐猴冠重
漾蛩重
連惆宵
買弗萌
酉歎孟
炤香前
塊情莊
惜花堰
役之蓁
傷情麻
宰空奏
踈歪倍
剪丕典丹墀
草本奏
滾潘翠合
固刘公子
旦恩因計
潘甘情愍
席料宫潘
鼎鐘倭易
皮歎揚将
賃啞生吏
浪名節意
和哭情意
凹韜便殿
題恚莞勅
釐各扁横

http://tieulun.hopto.org

払拖院尾　従容吏判伴　楊事茹
剛常　墻栫坎埃　徐灰文姻旬　它嚮台二
奏戈　仍哭移踠　霊仙伴急逞　堆共払
埜外　泣蒜　房春毓唉群　棋圍務
殿廣　事茹　借愬帝匍及　行尋故姜帝匍及　唐抔車
崔焼　冷冷　帝匍結鄚吟　意埃穢特緻　愁朱之意　些至情
糟糠　姻帝　綬紩世庄　陸添慣楣瞠　身莫軾余秋　寺寔哀添
誓信　綵慈　身莫匍員埜　庄侶黄庄菟　当意　寺寔哀添
綵慈　　庄侶　　寺寔哀添

1559 - 1582

http://tieulun.hopto.org

遲制度
哉嘸要
情夫妊
萍昆施
班覓檜
默鼻疥
膊數当
姜箕仃
油庄捻
意丞心
燈怦戴
嫌共庶
所礼僕
局猛囤

咀嘆渠買計
扶經蓑意罷
鼻未勝吏器
沁願有室日
拎悉爲拙美
差情吏拎揚
扁憊校替持
仃未立庙封
併宇朱特暑
雍畜青哀花
覩剡納采定
尋期姜院俯
迎就磋姜巾
婿

盈曲敏
啼陳又
弟噪宣
倒落慨由
園分前
尋世悉
虎共同
姜貲姜

1583 - 1606

http://tieulun.hopto.org

蓮妾携挂印宝
帶加弄蘇
務才務色
五导冒吏
及又埃皮
徽陵泉府動
玉光宝帶霜
盜州意客瑶
計牢朱墾情
脸逸堅勉
皮電提学船
在仆仆浩緣
隊旅吁吠
旅聚聖練又
瓦枚庄穩
顏哭重宴
宰平食涯
翰徽陵泉府動輸歸封
玉光宝帶霜黃霞庖
盜州意客瑶池怒仙
計牢朱墾情緑閉徐
在仆仆浩緣文茹
牌君吏覽偏宅細京
共夕父表且排
勤縣敢動高
徂仆緣意吏
默埃薛姜嘆
意笑訓特音
情耗朱仆
之仆並岩朝

1607 - 1630

http://tieulun.hopto.org

洴啞公翌更
油浪借准
吝称又決
鼬祝京采
洴啞弼又
敲霜皮眼
霪浪尼美
隊刘公子
翁緜扃著
閘梁伺吏
方頒文品
語哪恩洴
重又昂痩

浪如碑意勅
哭哪玉旨敢
台皃哭庇赤
謝笄連踣踖
表文童缶絕
玉殛脅度玉
頭眉鉉楠嚐
者恩滑沐填
淡它情畧蒽
扃朱門烳綸
命边扣謝撻
桱罌衛

1631 - 1654

http://tieulun.hopto.org

憑花泣故
然又湟粉
想浪冲道
皆凭葬充
許秋歿罕
戍葛祥芙
展朱柳塢
為一乡麗
停浪滙玉
意哭祝造
悲隊滿活
欺跌吶缺
准皮
倍橫色畧
香圍吁堅
頭雕事舍
辭貞乡例
常情
身蒲矣祕
汜江計歇
意埃吏敢
淺舍色盎
戰場員凭
貼埃乡常
麻稽劍茂
浸念芳吏
慕訥底戈
梗愁朱埃
吟愧寧吶
芳又庄
妥与敵塜
圖浮体虎
蒙花貞祕
初鬍陣
緣恩婁填
培
芳源干意
年朱台年
作

http://tieulun.hopto.org

余至
嵐生
車珠
令乘
貼焼
炙朱
傾花
珍重
同音
例
行
花
量
平
旗
親
紅
粧
點
彩
局
酣
亂
紅
拂
披
点
楊
岳
台
親
旗
平
術
課
多
功
皮
楪
浩
文
英
紅
棋
局
酣
亂
紅
雨垂宅簇
音弦叟礼
席春洞雀
朋蒙哭依
苔深毬鼎
恨市盛底
也宮弾怒
月香穷特
台生調啜
梁前回老
援例朊共
絲荒荒柳
琴边睽月
歌頭岸蕃
香嵐跡駄
表陳明農
朊有完姻

1679 - 1702

http://tieulun.hopto.org

便唐水
朝埃花
香港同
尋施違
府離扉
洞房金
樓吞燒
臺楊徼
炤煉騎
艾茄堆
荒旗遥
嗜黃越
垣寨嚜
與鼻唐

昆船吏順
嘗鵜亮包
寄船生共
長州阸包
遥黃旗翔
香彪戰喬
敖愜計敬
包慌哭情
席愜共違
信徼包旦
戲生車馭
蓬菜車崔
楊州艘踐
開刘車共
辣星得首
冏蒙包糒

1703 - 1726

http://tieulun.hopto.org

http://lieulun.hopto.org

轎花驄逶遲亹
騷悉椿
荑萱綠
席鼎絇
團圄艾
尾光奇
隊轡噤
繁花補
語鄂詔
軏宦艾
宦箴拙
課屯專
眾務丕
紅哄
仜蹴情買
遲惆庄絆
菊落為戰
玉竜癢動
驄逡香遲
也薾福厚
吏宦宝着
趄陞脫也
禄丕廛慶
表辝吏祕
踼駒弄扣
然買余戚
也鋪恬冷

產初蘭蕙梗
情恩牧覩自
福常亂典紀
蹟源盤吏庶
祂情极撻罪
欺周抗整手
昇倫爛底哭
喃鄂鼈惱主
更長伶伶中

禮詩拗法緻更符例
寄身竜圄結誼姚門
榜廣虒塲舊唯共
風光台符以員稽
暑婁院文埜共埃空
桐句情欲践皮孝貞
渚宠敏唱夕軠夕常
撰絲搥吏菲唐仕咱

1751 - 1766

http://tieulun.hopto.org

SƠ KÍNH TÂN TRANG

PHẠM THÁI

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

PHẠM THÁI
(1777- 1813)

Ông người xã Yên Thường, huyện Đông Ngàn, trấn Kinh Bắc (nay thuộc ngoại thành Hà Nội).

Thân phụ ông trước làm quan với nhà Lê, được phong tước Trạch Trung hầu. Sau khi Tây Sơn dứt nhà Lê (1789), ông định khởi binh chống lại nhưng việc không thành. Ông lại định nối chí thân phụ, đi tìm người đồng chí để lo sự khôi phục. Vì bị truy nã, ông phải khoác áo nhà sư vào tu ở chùa Tiêu Sơn (huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh) lấy pháp danh là *Phổ Chiêu thiền sư.*

Một người bạn đồng chí là Trương Đăng Thụ đương làm quan ở Lạng Sơn cho người về chùa đón ông lên đấy, nhưng không được bao lâu thì người bạn của ông mất. Ông đưa thi hài người bạn về làng Thanh Nê thuộc huyện Kiến Xương, trấn Sơn Nam (Có thuyết cho rằng Thanh Nê thuộc huyện Ý Yên) và ở lại đó ít lâu. Trong thời gian này, ông biết người em gái của bạn là *Trương Quỳnh Như.* Hai người đem lòng thương yêu nhau, làm thơ văn tỏ tình với nhau.

Cha của Quỳnh Như biết rõ gốc gác của Phạm Thái có ý muốn gả con gái cho nhưng bà mẹ lại không ưng. Bị ép phải lấy một người khác, Quỳnh Như sau buồn bực mà chết (có sách nói là *tự ải* [1]), Phạm Thái mất người yêu, lại thất bại trong việc chống Tây Sơn, sinh ra chán đời, chỉ uống rượu li bì, đi lang thang khắp nơi nên có hiệu là *Chiêu Lì.*

Năm 37 tuổi ông mất ở Thanh Hóa. Tác phẩm của ông có:

1. *Chiến tụng Tây Hồ phú* (Nôm): Bài này ông viết ra là để chống lại Nguyễn Huy Lượng, một cựu thần của nhà Lê đã ra phục vụ nhà Tây Sơn, người đã soạn bài *Tụng Tây Hồ phú* trong mô tả và ngợi khen phong cảnh Tây Hồ (Hà Nội) và tán tụng công đức nhà Tây Sơn.

2. Một số bài *thơ* và bài *từ.*

3. Truyện *Sơ kính tân trang* (lược gương trau giồi mới lại) soạn vào khoảng đầu thế kỷ thứ XIX (1804) trong đó ông kể lại cuộc tình duyên trắc trở của mình với nàng Trương Quỳnh Như.

---

1. Theo bài *Văn tế Quỳnh Như* của Phạm Thái đọc trước mộ nàng thì có thể là nàng đã tự ải:

Ta hăm hở chí trai hồ thỉ, bởi đợi tình cho nấn ná nhân duyên;
Mình long đong phận gái liễu bồ, vì phận hóa ngang làng tính mệnh.

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

LƯỢC TRUYỆN
SƠ KÍNH TÂN TRANG

Truyện kể cuộc tình duyên trắc trở của Phạm Kim với Trương Quỳnh nương.

Nguyên hai bên cha mẹ đã trao đổi *lược* (sơ) và *gương* (kính) để đính ước cho đôi lứa nhưng rồi vì loạn lạc xảy ra khiến cho hai gia đình phải xa nhau mà không liên lạc tin tức trở lại được.

Bên gia đình họ Phạm thì cửa nhà tan tác và cha cúa Phạm Kim qua đời. Chàng sinh ra đau buồn mới đi ngao du. Tình cờ chàng tìm được nhà họ Trương, gặp Quỳnh nương và cùng nhau tỏ bày tình yêu qua những bài thơ thầm kín trao đổi.

Bất ngờ có một vị đô đốc quyền thế đến nhà họ Trương xin hỏi cưới Quỳnh nương.

Trương Công vô cùng bối rối chưa biết tính sao. Quỳnh nương biết khó tránh khỏi sự bức hôn nên nhắn tin cho Phạm Kim tới để được gặp mặt, từ biệt người yêu rồi uống thuốc độc tự tử.

Phạm Kim, sau cái chết của Quỳnh nương, buồn bã vô cùng mới đem thân nương cửa Phật để cố làm dịu vết thương lòng.

Trương công lại còn một người con gái nữa là Thụy Châu. Khi nàng đến tuổi cài trâm thì nhà vua có lệnh tuyển cung nữ. Nàng phải cải trang làm một đạo sĩ, rời nhà đi vân du với một nữ tỳ giả làm tiểu đồng. Tình cờ nàng lại tới vãng cảnh chùa của Phạm Kim và ở đây nàng *với lốt đạo sĩ* đã cùng vị tăng họ Phạm kia làm thơ xướng họa rất là tương đắc.

Sau đó Phạm Kim bỏ chùa về tiếp tục việc học, không ngờ lại đến thụ giáo Trương công và được thầy mến tài cho lưu lại trong nhà ăn học. Phạm Kim có dịp nhận ra người con gái cải trang đạo sĩ chính là Thụy Châu, em của Quỳnh nương, nhờ những kỷ vật còn lưu giữ được. Thế là vành lược cũ đính ước cùng cô chị nay lại được gài lên mái tóc cô em (tân trang).

Tuy vui duyên mới nhưng chàng Phạm Kim vẫn không quên được tình xưa với Quỳnh nương.

Truyện *Sơ kính tân trang* như sơ lược ở trên đã không dựa theo một tác phẩm cổ nào của Trung Quốc mà là câu chuyện của chính đời tác giả đã được thêm thắt đôi chút cho ly kỳ hơn, như việc đem duyên em thay cho tình chị ở phần cuối. Có thể nói đây là một câu chuyện tình vô cùng lãng mạn trong xã hội Nho giáo thời xưa mà trai gái phải *"thụ thụ bất thân"*. Thế mà Trương

http://tieulun.hopto.org

Quỳnh nương, *một cô gái con nhà thi lễ*, đã dám tự do yêu đương, làm thơ trao đổi thầm kín với bạn trai thì đã không còn coi nền luân lý Khổng Mạnh ra gì nữa. Rồi đến khi bị một vị đô đốc bức hôn, nàng đã quyết định nửa đêm đến với người yêu:

Hai bên than trúc nguyền mai,
Trách khuôn duyên nỡ hẹp hòi lượng dung.

(c.683 - c.684)

Khăng khăng sắt đá một lòng,
Ước nguyền cậy có non sông biết tình.
Chuyện thôi, hồi trống giục canh,
Tạ chàng nàng mới sắm sanh ra về.

(c.697 - c.700)

để rồi quyết liều mình:

Ngũ hoa một chén, cửu truyền nghìn thu

(c.730)

Việc nàng tự tử để giữ mối tình chung thủy với người yêu khiến ta có cảm tưởng như câu chuyện mới xảy ra gần đây chứ không phải ở vào thời xa xưa ấy nữa.

Mà Phạm Kim cũng chỉ là một khách hào hoa nên sau cái chết của người yêu, gan tráng sĩ cũng trở thành mây khói. Chàng chỉ còn biết kéo dài ngày tháng vô vọng trong quán rượu mà:

Đưa lời cho tới cung mây,
Mối sầu xin gỡ cho đây với cùng.

(c.747 - c.748)

Chàng thêm thắc mắc bên lòng,
Đã hoa liễu trận, lại phong sương hồi.
Cơn say tỉnh, lúc đầy vơi,
Đương năn nỉ nguyệt, bỗng cười cợt hoa.
Ma từng chữa, thuốc từng tra,
Thầy non Biển Thước, sư già Lão quân.
Bệnh mười chẳng giảm một phần,
Rè chuông, thủng trống, sai cân, mòn cầu.

(c.823 - c.830)

Chàng sinh ra đau bệnh, thuốc gì chữa cũng không khỏi... Khách hào hùng như vậy hỏi còn đâu. Về sau, để quên đi nỗi thất tình, chàng đã tìm đến cửa thiền nhưng rồi lại vướng vào mối tình khác cũng không kém phần lãng mạn.

Thật là *"một giấc mơ trong thư phòng"* nhưng qua tác phẩm *Sơ kính tân trang* ta lại thấy được tâm hồn của Phạm Thái lần lượt bộc lộ ra với từng vần thơ say đắm.

Tiếc rằng những câu thơ lục bát ấy còn chưa được nhã luyện cho lắm nhưng mấy bài *từ* của ông thì lại là những sáng tác vào hàng đầu tiên ở nước ta đáng kể là đặc sắc.

http://tieulun.hopto.org

VẤN ĐỀ KHẢO ĐÍNH VÀ CHÚ GIẢI TRUYỆN SƠ KÍNH TÂN TRANG

Truyện *Sơ kính tân trang* đã được viết ra từ năm 1804, nhưng chưa có bản Nôm nào được khắc in.

Bản in bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên là ở trong quyển *Phổ Chiêu thiền sư thi văn tập* do Sở Cuồng LÊ DƯ phiên âm và do nhà Nam Ký xuất bản năm 1932 ở Hà Nội.

Khi biên soạn quyển *Sơ kính tân trang*, xuất bản năm 1960, ông Lại Ngọc Cang có tìm thấy ở Thư viện Ủy ban Khoa học Nhà nước một bản Nôm chép tay nhan đề là *Châu sơ kim kính lục*, đánh số AB 275. Bản này, theo ông Lại Ngọc Cang, *"hình như mới chép gần đây vì giấy còn mới"*.

Căn cứ vào phần khảo dị - *so với bản của Lê Dư phiên âm* - thì thấy người sao chép đã viết thêm vào ở đoạn mở đầu và đoạn kết thúc.

Đoạn *mở đầu*, người sao chép đã phỏng theo *Truyện Kiều* của Nguyễn Du mà cũng bắt đầu bằng hai chữ *trăm năm* và cũng lấy hai chữ *duyên* và *phận* để dựng lên một triết thuyết cho tác phẩm của Phạm Thái.

Ở đoạn *kết thúc*, người sao chép cũng đã phỏng theo *Truyện Kiều* của Nguyễn Du mà viết rằng:

Khi nhàn nhặt nhạnh lời quê,
Nối đường cố chuyện, góp bề nam âm.

Sự mô phỏng ấy để sửa lại truyện *Sơ kính tân trang* cũng không khác gì Nguyễn Thiện đã mượn các câu *Kiều* để nhuận sắc *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự.

Bản Nôm ấy đã làm sai lạc nguyên tác của Phạm Thái khá nhiều nên chúng tôi đã không dùng để *khảo dị* và chỉ lấy bản phiên âm của Lê Dư làm *văn bản* để *chú thích*.

Về việc *chú thích*, chúng tôi nhận thấy cũng có những khó khăn không giống với các truyện Nôm khác. Lời văn thì không cổ lắm nên không có mấy chữ cổ nhưng lại có những từ ngữ do Phạm Thái đặt ra, cả *danh từ chung* lẫn *danh từ riêng* nên việc chú thích cũng còn có chỗ nghi vấn. Riêng về các *tên chùa* mà ông kể ra thì thật nhiều, nếu là người chưa đến tham quan thì khi chú thích cũng chỉ căn cứ vào sách báo tất không khỏi có chỗ sai lầm.

http://tieulun.hopto.org

Thí dụ như *chùa núi Yên Tử* mà chính Phạm Thái viết:

Mây giăng thượng điện ngất chừng

thì cũng đã không rõ ràng, dễ gây ngộ nhận. Thực ra ở núi Yên Tử *chùa Đồng* mới có cảnh "mây giăng ngất chừng", nhưng *chùa Đồng* lại không phải là một ngôi chùa thực thụ mà chỉ là một cái *miếu* nhỏ cao có 1,35 mét đế rộng có 1,10 mét và dài 1,40 mét. *Thượng điện tức Đại hùng bảo điện* lại là ngôi *chùa Hoa Yên*. Đây mới là ngôi chùa chính mà người ta gọi là *chùa Cả*. Ngôi thượng điện này chỉ ở lưng chừng núi, tuy cao nhưng mới ở độ 500 mét còn *chùa Đồng* mới cao trên 1.000 mét. Có nhiều người đi thăm núi Yên Tử nhưng chỉ leo lên tới *chùa Hoa Yên* rồi xuống.

Nguyễn Trãi khi đến thăm núi Yên Tử cũng có bài thơ *Đề Yên Tử sơn Hoa Yên tự* với câu mở đầu:

Yên Sơn sơn thượng tối cao phong

(Chùa Hoa Yên ở trên ngọn cao nhất của núi Yên Tử)

thì cũng làm nhiều người hiểu lầm là chùa ấy ở trên đỉnh núi.

Quyển *Sơ kính tân trang* lại có nhiều từ ngữ về Phật giáo. Chúng tôi đã căn cứ vào các bộ *Tự điển Phật học* để tra cứu và chú thích cho rõ ràng và chính xác.

Nói chung trong việc *chú thích* chúng tôi đã rất thận trọng, nhưng vẫn tự nghĩ khó tránh khỏi những sơ xuất.

BẢNG VIẾT TẮT

C.O.	:	Cung oán ngâm khúc
C.P.N.	:	Chinh phụ ngâm khúc
H.T.	:	Hoa tiên
N.C.T.	:	Nguyễn Công Trứ
N.Đ.M.	:	Nhị độ mai
T.K.	:	Truyện Kiều
T.T.K.	:	Tự tình khúc
H.T.C.	:	Huỳnh Tịnh Của

http://tieulun.hopto.org

SƠ KÍNH TÂN TRANG [1]

PHẦN MỞ ĐẦU

Trước cảnh xuân, nhớ chuyện cũ

Hiên mai [2] hây hẩy Đông phong [3],
Hương đầm áo thúy [4], hoa lồng trướng thanh
Nước non, trời vẽ nên tranh,
Ngư tiều cảnh lạ, mục canh thú mầu [5].
Hứng vui, trời đất một bầu,
Thanh nhàn, tựa mái Tây lâu gióng cầm [6].
Khề khà mấy chén thưởng tâm,
Trạnh niềm sẽ tưởng tri âm [7] khéo là.

---

1. *Sơ kính tân trang: (sơ:* cái lược, *kính:* cái gương, *tân:* mới, *trang:* tô điểm, trau giồi) gương lược trau giồi mới lại.

2. *Hiên mai:* hiên có trồng cây mai ở phía trước. Chữ *mai* có thể chỉ được dùng cho đẹp lời.

3. *Đông phong:* gió từ phương Đông thổi lại tức gió xuân.

Gió Đông thôi đã cợt đào ghẹo mai. (C.O.)

4. *Áo thúy:* áo màu xanh biếc như màu lông chim thúy (chim trá).

5. *Ngư, tiều, mục, canh:* nói về cảnh đánh cá trên sông, nhặt củi trên rừng, chăn trâu ngoài đồng cỏ và cày bừa ngoài đồng ruộng.

6. *Gióng cầm:* dạo đàn, gảy lên mấy tiếng đàn.

7. *Tri âm: (tri:* biết, *âm:* tiếng đàn) Bá Nha (đời Xuân Thu) gảy đàn được Chung Tử Kỳ nghe mà hiểu được từng tiếng. Sau Tử Kỳ chết, Bá Nha đập đàn không gảy nữa vì cho rằng trên đời này không còn ai hiểu được tiếng đàn của mình nữa. Về sau *tri âm* có nghĩa là bạn thân, người bạn hiểu được lòng mình

http://tieulun.hopto.org

PHẦN THỨ NHẤT

Giới thiệu hai họ Phạm - Trương và nguyên ủy việc trao gương đổi lược

I

Tình bạn giữa Trương công và Phạm công

Bắc Nam đôi ngả một nhà,
Nền trâm hốt [1], nếp hào hoa [2] dõi thường.
Kinh luân [3], thao lược [4] hai đường,
Đỉnh Từ [5] chỏ sáng, bể Xương [6] góp tài.
Nghiệp nhà văn võ theo đòi,
Phạm vây hổ tướng, Trương giồi Lân kinh [7].
Chí trai nghiên bút học hành,
Vờn tranh kiếm mã [8], dậm hình quan thân [9].
Cùng nhau sàng tịch mấy xuân,
Chữ tình song tỏ, chữ nhân tháp [10] đầy.

---

1. *Nền trâm hốt: (trâm:* cái trâm gài ở tóc, *hốt:* cái hốt cầm ở tay) nền quyền quí, dòng dõi con nhà cao sang.

2. *Nếp hào hoa: (hào:* kẻ tài trí hơn người, *hoa:* đẹp tốt) nếp phong lưu, xa xỉ, chỉ hạng người giàu có mà ăn tiêu rộng rãi.

3. *Kinh luân:* việc kéo tơ, lấy từng mối tơ mà chia ra gọi là *kinh*, so những sợi tơ cùng một thứ mà hợp lại gọi là *luân*. Nghĩa bóng là việc sửa sang sắp đặt về chính trị.

4. *Thao lược:* (lục thao, tam lược) nói chung các kế hoạch về việc dụng binh.

5. *Đỉnh Từ: (Từ:* Từ Sơn, một phủ ở trấn Kinh Bắc) quê của Trạch Trung hầu.

Đỉnh Từ chỏ sáng: ý nói ngôi sao bản mệnh của Phạm Kim chói sáng ở trên phần trời đất Từ Sơn.

6. *Bể Xương:* quê của Kiến Xuyên hầu ở phủ Kiến Xương, trấn Sơn Nam, gần biển.

7. *Lân kinh:* Khổng Tử viết kinh Xuân Thu, đến chuyện "bắt được con kỳ lân ngoài đồng" thì dừng bút nên người ta gọi kinh Xuân Thu là *Lân kinh.*

8. *Vờn tranh kiếm mã: (vờn:* tô màu các nét vẽ cho rõ hơn) ý nói luyện tập võ nghệ cho giỏi.

9. *Dậm hình quan thân: (dậm:* tô lại nét vẽ cho đậm màu hơn lên; *quan thân:* cái mũ và cái dải mũ) ý nói luyện tập văn chương để trở thành người có danh vọng, mũ cao áo rộng.

10. *Sàng, tịch, song, tháp:* (giường, chiếu; cửa sổ, giường nhỏ) mấy chữ này ý nói là bạn cùng học một trường, cùng ở chung một nhà.

http://tieulun.hopto.org

Vườn đào chén cúc dan tay,
Thề lòng ấy với cao dầy dưới trên.
Rằng: "Ta cùng bạn thanh niên,
Cùng lòng vàng đá, cùng nguyền keo sơn."
Muốn cho vẹn nghĩa kim lan [1],
Quạt trâm phải đính Trần Phan [2] một lời.
Chân *sơ* [3], Kim *kính* [4] đôi người,
Sơ nguyền kết phát [5], *kính* soi chung tình [6].
Kim, Châu hai chữ mệnh danh,
Phạm treo *gương* nghĩa, Trương dành *lược* nhân.
Đã thân mà lại thêm thân,
Tai thần nghe thấp, mắt thần soi xa.
Tuất niên vừa hội cao khoa,
Liếc sương cung kiếm [7], rảy hoa chương hàn [8].
Đất bằng một tiếng sấm vang [9],
Bảng hùm [10] tỏ Phạm, tháp nhàn [11] diễn Trương.
Đều vào bái mệnh điện vàng,
Chiếu ban vinh tiến [12], cờ tương hiển hồi [13].
Loan linh [14] tiếng dậy hòe nhai [15],
Đường thông rợp bóng, đồi mai chen hàng.

---

1. *Kim lan:* bạn tâm đầu ý hiệp, bạn bè giao du với nhau bền vững như vàng, khí vị thơm như hoa lan.

2. *Trần Phan:* nhắc đến mối tình cũng đằm thắm như trong truyện Phan Trần.

3. *Sơ:* cái lược.

4. *Kính:* cái gương.

5. *Kết phát:* kết tóc, ý nói kết duyên vợ chồng.

6. *Chung tình*: chung một mối tình thương yêu nhau. Ở đây chỉ đối ý chứ không đối chữ nên không cần sửa là *chung hình.*

7. *Liếc sương cung kiếm:* mài lưỡi gươm và mũi tên cho sắc (mượn ý từ chữ *sương nhẫn* là mũi gươm, mũi dao thật sắc và thật sáng).

8. *Rảy hoa chương hàn: (chương:* bài văn, *hàn:* cái bút lông) ý nói văn thơ hay nức tiếng thơm như có rảy nước hoa vào.

9. *Đất bằng... sấm vang:* thi đậu cao tiếng tăm đồn vang khắp nơi.

10. *Bảng hùm:* (*hùm:* hổ) bảng đề tên những người đỗ Cử nhân.

11. *Tháp nhàn: (nhàn:* nhạn) tháp đề tên người đậu Đại khoa.

12. *Vinh tiến:* được vinh dự tiến cử lên nhà vua trọng dụng.

13. *Hiển hồi:* được vinh hiển về quê bái tổ .

14. *Loan linh: (loan:* nhạc ngựa, *linh:* cái chuông) ý nói cưỡi ngựa có tiếng nhạc vang vang.

15. *Hòe nhai: (nhai:* con đường thông đi nhiều ngả) đường có trồng cây hòe.

http://tieulun.hopto.org

Chèo hoa buồm quế thẳng làn,
Trời in biếc nhuộm, nước rờn chàm pha.
Người đón liễu, kẻ đưa hoa,
Khúc đàn gió cuốn, tiếng ca mây vần [1].
Phạm, Trương gắng sức trung cần,
Mải bề định loạn [2], trăm phần yên bang [3].
Ty hiệu điểm [4], tỉnh bình chương [5].
Tường sân kinh tế [6], cột rường trung trinh.
Khổn [7] ngoài che chống miếu đình,
Xuân doanh [8] đốc thị [9], nông thành trưởng chi.
Điềm lành sao phúc [10] một thì,
Đôi bên đồng chí, một kỳ đồng khoa.

II

Kết ước thông gia

Chỉn hiềm một ước thông gia,
Ngán thay con tạo khéo là trêu duyên.
Thềm Trương, lan huệ [11] nở chen,
Sắt cầm [12] đã biết mấy phen hài hòa.
Phạm đường [13] cũng mộng hủy xà [14],
Năm ba thơ ngợi Đào hoa [15] nghi kỳ.

---

1. *Chiếu ban... mây vần:* (từ câu 36 đến câu 42) mấy câu này tả cảnh người thi đậu đại khoa vinh hiển trở về làng bái tổ trước sự đón rước của mọi người.

2. *Định loạn:* dẹp yên giặc giã (võ quan).

3. *Yên bang:* trị nước cho yên (văn quan).

4. *Hiệu điểm: (hiệu:* bộ phận quân đội, *điểm:* kiểm tra) cơ quan kiểm soát về việc binh.

5. *Bình chương:* cơ quan hành chánh tối cao ở trong triều đặt dưới quyền Tể tướng.

6. *Kinh tế:* nguyên chữ là *kinh bang tế thế* tức là trị nước giúp đời.

7. *Khổn:* (khổn kỳ) trách nhiệm của người làm thống tướng đi đánh giặc, vua có lời chúc thác rằng: Từ cửa thành trở vào, quyền thuộc trẫm giữ, từ cửa thành trở ra, quyền do tướng quân, nghĩa là phàm việc ở biên cảnh đều giao toàn quyền cho tướng quân.

8. *Xuân doanh:* một đơn vị quân đội.

9. *Đốc thị:* trông coi, cai quản.

10. *Sao Phúc:* sao tốt, vận may.

11. *Lan huệ:* hoa lan và hoa huệ, ví với người con trai và người con gái có đức tốt. Hai người hòa thuận với nhau như mùi hoa lan hoa huệ hòa hợp lại.

12. *Sắt cầm:* tên hai thứ đàn, tiếng hòa với nhau. Nghĩa bóng: vợ chồng hòa hợp.

13. *Phạm đường:* nhà họ Phạm.

14. *Mộng hủy xà: (hủy:* một thứ rắn) nằm mộng thấy con rắn, điềm sinh con gái.

15. *Đào hoa:* hoa cây đào, ý nói sinh con gái đẹp.

http://tieulun.hopto.org

Muộn màng thay giấc điềm bi [1],
Tinh thành [2] ắt cũng có khi cảm thần.
Sửa sang một cuộc âm phần,
Hàm thư [3] đan phượng [4] lắm phần tinh hoa.
Minh đường [5] chung tú thay là,
Án thai sơn trấn [6], chẩm sa thủy triền [7].
Hai bên tốn bút tốn nghiên
Huyệt hình tướng pháp hợp bên văn hình.
Ba năm kết phát cũng xinh.
Cẩm đường [8] rạng vẻ khôi tinh [9] một người.
Phong tư [10] mới thực khác vời,
Khổ người tuấn tú, bẩm trời thanh quang.
Tử vi xem mới lạ dường,
Lộc quyền [11] chiếu mệnh, khúc xương giáp trì.
Âm dương lưỡng diệu càng ghê,
Việt, khôi, tử, phủ [12] đóng về thân cung.
Còn e dương, kiếp, đà, không [13],
Nữa trong vận [14] chửa khỏi vòng truân chiên [15].
Chữ Kim lại lấy đặt tên,
Phạm công mừng đã phỉ nguyền kính, sơ [16].

---

1. *Điềm bi: (bi:* con gấu) điềm sinh con trai.

2. *Tinh thành:* lòng tin tuyệt đối. *Tinh thành sở chí, kim thạch năng khai:* lòng tinh thành đến nơi, đến chốn, dầu đá vàng cũng có thể nứt vỡ.

3. *Hàm thư:* ngậm sách. Kiểu mộ chôn ông tổ họ Phạm.

4. *Đan phượng:* phượng đỏ.

5. *Minh đường:* kiểu mộ nơi hình đất quang đãng, sáng sủa.

6. *Án thai sơn trấn:* ngôi mộ hình cái án có núi trấn phía trước.

7. *Chẩm xa thủy triền: (chẩm:* gối) ngôi mộ có dòng nước chảy bao quanh lấy gò cát.

8. *Cẩm đường:* nhà gấm, ý nói nhà quyền quí, sang trọng.

9. *Khôi tinh:* ngôi sao thứ nhất trong quần tinh Bắc đẩu, ý nói ngôi sao ứng vào bản mệnh chức quan đầu triều đình.

10. *Phong tư:* dáng dấp xinh đẹp.

11. *Lộc quyền:* hóa lộc, hóa quyền là ngôi sao chủ về bổng lộc và về chức quyền.

12. *Việt, khôi, tử, phủ:* thiên việt, thiên khôi, tử vi, thiên phủ là các ngôi sao tốt của người có số cực quí.

13. *Dương, kiếp, đà, không:* kình dương, địa kiếp, đà la, thiên không là những ngôi sao xấu.

14. *Nữa trong vận:* còn nữa trong vận hạn.

15. *Truân chiên:* khó khăn, không thuận lợi.

16. *Nguyền kính sơ:* (*kính:* gương, *sơ:* lược) ước nguyền kết thông gia khi trao đổi gương lược với nhau.

http://tieulun.hopto.org

Nâng niu vàng ngọc sớm trưa,
Thoi oanh [1] thấm thoắt đã đưa trưởng tuần.
Lăm le giật giải thanh vân [2],
Trèo trăng bẻ quế [3] gọi xuân mở đường [4].
Bóng kim đã thoáng trong gương,
Lược đâu sao hãy chưa tường người châu ?

III

Xảy loạn, Phạm Kim rời nhà ra đi
nhưng không làm nổi việc cần vương

Hữngờ con tạo hay đâu,
Làm ra bãi bể nương dâu [5] khéo là.
Mã đầu [6] xảy động can qua [7],
Cát bay cửa tía [8], tro pha sân vàng [9].
Phạm công nặng gánh cần vương [10],
Giang sơn một gánh, cương thường [11] hai vai.
Khôn toan thay đổi cuộc đời,
Lòng trời là thế, dễ người cho xong ?

---

1. *Thoi oanh:* ý nói thời gian qua nhanh như oanh đưa thoi.

2. *Thanh vân:* mây xanh, ý nói cao tận mây xanh. Dùng để nói về địa vị cao sang hoặc về thi đậu cao. Cổ thi: *"Nhất đán công đạo khai, thanh vân tại bình địa"* (Một mai đường công mở, thanh vân tại đất bằng).

3. *Trèo trăng bẻ quế:* nói về sự thi đỗ như bẻ được cành quế trên cung trăng.

4. *Gọi xuân mở đường:* ý nói thi đậu mở đường công danh. Vì kỳ thi hội thường mở vào mùa xuân nên mới nói là *xuân gọi.*

5. *Bãi bể nương dâu:* nói về sự thay đổi lớn trong cuộc đời.

6. *Mã đầu:* đầu năm ngọ, tức năm Bính ngọ (1786).

7. *Xảy động can qua: (can:* cái mộc, *qua:* cái mác, chỉ chiến tranh) xảy ra việc chiến tranh do Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc diệt họ Trịnh.

8. *Cửa tía:* chỉ phủ chúa.

9. *Sân vàng:* chỉ cung vua.

Cả câu ý nói đến sự sụp đổ của chính quyền Vua Lê Chúa Trịnh.

10. *Cần vương:* hết sức với nhau, cố phò vua.

11. *Cương thường:* tam cương, ngũ thường.

Tam cương: ba mối giềng, vua tôi, cha con, vợ chồng.

Ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí và tín, tức năm đức thường của người ta.

http://tieulun.hopto.org

Sương đỉnh Dĩ [1], tuyết ngàn thông [2],
Sao chìm Bắc cực, mây lồng Nam tinh.
Kim lang ngao ngán gia tình,
Huỳnh [3] lòe soi oán, dế quanh gảy sầu.
Gió ngô [4], trăng hạnh [5], đêm thâu,
Địch đâu thổi sớm, chuông đâu nện chiều ?
Giọng buồn, điệu thảm dập dìu,
Chim năn nỉ tiếng, ve hiu hắt hình.
Nghĩ mình thêm giận chí mình,
Cũng toan ra mặt tỏ danh anh tài.
Nhưng thì cũng lúc vân lôi [6],
Hào tam truân [7] ấy hay nuôi chí bền.
Căm gan tóc đứng [8] dựng lên,
Tuốt gươm chén án [9] ngâm thiên ca rằng:
"Làm trai cho thỏa chí trai,
Trong trần ai, chớ lụy ai tầm thường".

---

1. *Đỉnh dĩ: đúng ra theo Kinh Thi* thì chữ 屺 phải đọc là *khĩ, khởi* nhưng các cụ ta quen đọc là *dĩ* và lại coi là tên núi (núi Dĩ).

Bài *Trắc hỗ* (Ngụy Phong 4) có 3 đoạn: *Đoạn 1:* "Trắc bĩ *hỗ* hề, chiêm vọng phụ hề..." (Ta leo lên núi có cây kia để ngóng trông cha. *Đoạn 2:* "Trắc bĩ *khởi* hề, chiêm vọng mẫu hề..." (Ta leo lên núi trọc để trông ngóng mẹ...). *Đoạn 3:* "Trắc bĩ *cương* hề, chiêm vọng huynh hề..." (Ta leo lên sống núi kia để trông ngóng anh...)

Như vậy: *Trắc hỗ* được dùng để chỉ con nhớ cha.

Trắc khởi được dùng để chỉ con nhớ mẹ.

Trắc cương được dùng để chỉ em nhớ anh.

2. *Ngàn thông:* chỉ người cha. Đúng ra phải là chữ *xuân* 椿 nhưng đôi khi vì vần của câu thơ người ta đổi là *thung* 椿 hoặc *thông* 樅

Hai câu 91-92: ý nói cha mẹ của Phạm Kim đã chết.

3. *Huỳnh:* con đom đóm.

4. *Gió ngô:* gió thổi vào cây ngô đồng.

5. *Trăng hạnh:* trăng chiếu xuống cây hạnh.

Từ câu 94 đều câu 98: tả những cảnh buồn.

6. *Vân lôi:* tức *vân lôi thời tiết* là thời buổi làm mây làm sấm.

Nghĩa bóng: anh hùng gặp thời làm nên sự nghiệp lớn lao.

7. *Hào tam truân:* ý nói đến sự gian truân vất vả.

8. *Tóc đứng:* tả sự căm tức đến cực độ.

9. *Tuốt gươm chém án:* tả sự cương quyết hành động.

Tam quốc chí: Vua Ngô là Tôn Quyền nghe lời Chu Du quyết đánh Tào Tháo liền rút gươm chém sạt một góc án rồi trao gươm cho Chu Du được quyền thống lĩnh quân sĩ.

http://tieulun.hopto.org

Bốn phương hồ thỉ [1] dậy vang,
Nhảy từng đào lãng [2], bắc thang vân cù [3].
Tu mi [4] tỏ mặt trượng phu [5],
Đem trung hiếu để trả thù non sông.
Anh hùng [6] ấy mới anh hùng,
Thâu nhàn há xá học đồng thiếu niên ?
Hương quan [7] từ ấy khuây niềm,
Việc gia đình mặc anh em giữ giàng.

IV

Phạm Kim đi chơi những danh lam thắng cảnh đất nước

Sắm sanh thơ rượu, cờ đàn,
Lanh trai thằng trẻ, nhẹ nhàng gánh thanh.
Nước non mấy thú hữu tình,
Mời cô Thường hiệu [8], rủ anh Đông hoàng [9].
Nàng thanh nữ, ả hồng nhan,
Dâng hoa ngũ cúng, rót thang [10] thiên trù [11].
Trải qua Dục Thúy [12], Thần Phù [13],

---

1. *Hồ thỉ: (hồ:* cái cung, *thỉ:* cái tên) chí làm trai. Ngày xưa hễ đẻ con trai thì treo trên cửa về phía tả một cái cung với một cái tên, ý mong cho đứa con trẻ sau này có chí tung hoành bốn phương.

2. *Đào lãng:* vượt sóng. Cá vượt sóng liên tiếp qua ba đợt thác (*Vũ môn tam cấp lãng)* thì hóa rồng, ý nói đến sự thi đỗ cao.

3. *Vân cù:* đường mây, đường công danh thành đạt.

4. *Tu mi:* râu mày, chỉ kẻ nam nhi.

5. *Trượng phu:* người đàn ông tài giỏi có chí khí.

6. *Anh hùng:* bậc tài giỏi và có chí to hơn người.
Ca dao: *Ở đời muôn sự của chung, hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.*

7. *Hương quan:* làng và cổng làng, chỉ quê hương.

8. *Thường hiệu:* chỉ Thường Nga tức Hằng Nga là mặt trăng.
(Hiệu: cũng đọc là *hạo:* vẻ sáng trắng).

9. *Đông hoàng:* cũng như đông quân, thần mùa xuân.

10. *Thang:* nước nóng.

11. *Thiên trù: (trù:* bếp) bếp trời.

12. *Dục Thúy:* thường gọi là núi Non Nước ở ngay thị xã Ninh Bình có sông Vân Sàng vây ba mặt. Trương Hán Siêu (đời Trần) đã đặt tên cho núi là *Dục Thúy.*

13. *Thần Phù:* tên cửa sông Đáy chảy ra biển, xưa kia là nơi có sóng to gió lớn rất nguy hiểm, nay đã bị cát bồi thành cửa cạn.

http://tieulun.hopto.org

Kìa cung Giáng Hạc, nọ chùa Ngự Loan [1].
Sang Bích Động [2], tới Tràng An [3],
Có đền Nhị Đế [4], có hang Cửu Tầng [5]
Lên Kỳ Lão xuống dần dần,
Nghe đồn Hương Tích [6] lắm phần thanh tao.
Ăn chơi sĩ, nữ xôn xao,
Kẻ ra sơn đỗng, người vào thủy cung.
Chùa Cầu Tím [7] mới não nùng [8],
Sư dịu dàng dạng, tiểu phong phanh hình.
Già lam [9] xen vẻ thị thành,
Phong quang có một, cảnh tình không hai.
Tử Sầm [10] thú vị tuyệt vời,
Dưới cung Vương ngự [11] trên đài Vô Vi [12].

---

1. *Giáng Hạc, Ngự Loan:* trong số các chùa mà Phạm Thái kể ra có những ngôi chỉ là hư tưởng như *Giáng Hạc* và *Ngự Loan*.

2. *Bích Động:* một động đẹp nổi tiếng ở vùng Hoa Lư. Trong dịp ra Bắc Hà, vua Tự Đức có đến viếng Hoa Lư và có đề tặng cho động Bích danh hiệu *"Nam thiên đệ nhị động"*.

Bích Động thuộc địa phận thôn Đam Khê, xã Ninh Hải, cách thị trấn Hoa Lư độ 3 cây số.

3. *Tràng An:* kinh thành Hoa Lư. Theo sách *Đại Nam nhất thống chí*, Đinh Bộ Lĩnh sau khi lên ngôi, đóng đô ở các xã Trường An, Thượng Hạ, cách động Hoa Lư chừng 33 dặm (khoảng 20 cây số)...

Kinh thành Hoa Lư hồi đó chắc cũng khá lớn nên mới có câu *"Hoa Lư động thị Hán Trường An)*.

(Kinh đô Hoa Lư có thể sánh ngang với Kinh đô Tràng An của nhà Hán).

4. *Đền nhị đế:* đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành.

Theo lời truyền, khi vua Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long (năm 1010), nhân dân xã Trường Yên và các xã trong vùng đã góp công góp của xây dựng hai ngôi đền: đền vua Lê cách đền vua Đinh độ 500 mét.

5. *Hang Cửu Tầng:* núi Vũ Lâm ở huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình có hang cao nhiều tầng. Có thể đó là *Xuyên Thủy động* và *động Tam Cốc*.

6. *Hương Tích:* thường gọi là *chùa Hương*, một danh lam thắng cảnh cách Hà Nội khoảng 60 cây số về phía Tây Nam.

7. *Chùa Cầu Tím:* không rõ là chùa nào.

8. *Não nùng:* đẹp đến não lòng người.

Vì chàng điểm phấn đeo hương não nùng (C.P.N.).

9. *Già lam:* do chữ phạn *Samgharama* = Tăng già lam ma, gọi tắt là *già lam* chỉ khu vườn tăng chúng ở, sau dùng để chỉ ngôi chùa.

10. *Tử sầm:* tức núi *Tử Trầm*, nơi có chùa Trầm ở tỉnh Hà Tây.

11. *Cung Vương Ngự:* các chúa Trịnh rất thích cảnh chùa Trầm nên có lập một cung ở đó để đến ngự chơi.

12. *Đài Vô Vi:* một cái am ở trong núi Trầm. Pháp thân mà Phật sở chứng trong lặng tịch tĩnh, xa lìa mọi nhân duyên tạo tác nên gọi là *vô vi*.

Chữ này cũng có nghĩa là niết bàn, ngôi nhà yên ổn của con người.

http://tieulun.hopto.org

Xuân thu [1] bao nả nữ ni ?
Khen rằng: "Trẻ cũng từ bi lọ già !"
Sài Sơn [2] tựa ánh phồn hoa,
Sư huynh chải chuốt, vãi già đong đưa.
Ra vào tiểu gái lẳng lơ,
Long lanh mắt liếc, say sưa miệng cười.
Sư tiên [3] đủng đỉnh lạ đời,
Xe thêu kim tuyến, áo dài khói hương.
Hoa sen da lợn lót gương,
Gậy mun bạc bít, mũ vàng gấm căng.
Bồ đoàn [4] cạp góc lục lăng [5],
Mơ màng tràng hạt, ngát lừng cà sa [6].
Chùa Phật Tích [7] mới gọi là,
Kẻ mềm mại điệu, người tha thướt chiều.
Tiểu tăng lắm vẻ mỹ miều,
Bẻ bai [8] chiều lịch, dập dìu dạng thanh.
Ôi nao ôi ! Khổ tu hành !
Biết Tây phương [9] có dạng hình này không ?
Tu cho vẹn kiếp trần hồng [10],
Kẻo già nua trách nào lòng từ bi [11] ?

---

1. *Xuân thu:* tuổi, vì tính theo mỗi năm có một mùa xuân hoặc một mùa thu.

2. *Sài Sơn:* tức chùa Thầy ở cách Sơn Tây khoảng 23 cây số, cách Hà Nội khoảng 30 cây số. Dưới chân núi có chùa *Thiên Phúc*. Chùa Thầy nổi tiếng với hang *Cắc Cớ*.

Chính Từ Đạo Hạnh đã tu và hóa ở đây.

3. *Sư tiên:* nhà sư và những tiểu gái lẳng lơ đẹp như tiên.

4. *Bồ đoàn:* tấm thảm tết bằng cỏ bồ, hình tròn nên gọi là *bồ đoàn*. Thơ của Hứa Hồn: *Ngô tăng tụng kinh bãi, bại nạp y bồ đoàn.* (Nhà sư nước Ngô tụng kinh xong, cất áo cà sa và bồ đoàn của mình)

5. *Lục lăng:* sáu góc. Cái bồ đoàn này lại có hình lục lăng.

6. *Cà sa:* tiếng phạn là *kasaya* tức *cà sa duệ* dịch là hư nát, nhiễm bẩn. Phàm là áo *cà sa* phải nhuộm hai lần cho hỏng màu đi. Ở nước ta thường nhuộm thành màu nâu hoặc màu vàng nghệ.

7. *Chùa Phật Tích:* chùa ở huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh do vua Thánh Tông nhà Lý cho dựng lên. Trong chùa có một tượng đá cao 5 thước. Hằng năm cứ vào ngày 4 tháng giêng chùa có mở hội xem hoa.

Chùa đã bị quân Pháp phá hủy năm 1947-1948.

8. *Bẻ bai:* réo rắt, nói về tiếng đàn. Đây là tiếng nói thỏ thẻ dịu dàng.

9. *Tây phương:* chỉ cõi cực lạc Tịnh độ của đức Di Đà. Đoạn này cho ta thấy được Phạm Thái cũng chỉ là kẻ tu hành miễn cưỡng để lẩn tránh sự truy nã của quân Tây Sơn.

10. *Trần hồng:* tức *hồng trần*, cõi bụi hồng, nơi trần tục.

11. *Từ bi: (từ:* lành, lòng yêu rất mực, *bi:* thương xót) đạo Phật lấy từ bi làm tôn chỉ nghĩa là thương xót chúng sinh mà ra tay tế độ.

http://tieulun.hopto.org

Hoa tàn, nước chảy một khi,
Bấy giờ chưa hẳn lại thì này đâu !
Lên Hùng Vương rất non cao [1],
Mấy đường ngóc ngách, mấy cầu chông chênh.
Người cung nữ, tuổi xuân xanh,
Đem thân bồ liễu [2] đổi cành đàn na [3].
Sang Quỳnh Lâm [4] cũng xa xa,
Năm năm công việc, ba tòa phạm cung [5].
Vào Yên Tử [6] rất non cùng [7],
Đàn xô nước suối, phách giong cây rừng.
Mây giăng thượng điện ngất chừng [8],
Cây lồng tán rợp, hoa lừng hương xông.
Dần dà ra tới Thành Công [9],
Cây ngang Kinh Chủ [10] bên dòng nước tuôn.
Đá sực nức, nước cồn cồn,
Chông chênh cửa động, chon von mái chùa.

---

1. *Rất non cao:* non (núi) rất cao tức núi Nghĩa Cương nơi có Đền Hùng.

2. *Bồ liễu:* cây thủy dương. *Thân bồ liễu:* thân yếu đuối của người phụ nữ.

3. *Đàn na:* tiếng phạn là đà na bát để. Chữ Hán dịch là *thí* (bố thí). *Đà na bát để* (Danapati) dịch là *thí chủ* và gọi tắt là *đà na* hay *đàn việt.*

Cành đàn na: ám chỉ nhà tu hành, người tín đồ của đạo Phật hay bố thí, cứu giúp chúng sinh.

4. *Quỳnh Lâm:* một ngôi chùa nổi tiếng ở trên một quả gò trong núi Quỳnh Lâm, xã Hà Lôi, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh do thiền sư Nguyễn Minh Không lập. Thiền sư Pháp Loa và thiền sư Huyền Quang đã từng trụ trì ở đây.

Ai qua Yên Tử, Quỳnh Lâm,
Vĩnh Nghiêm chưa đến thiền tâm chưa đành. (Ca dao).

5. *Phạm cung: (phạm:* thanh tịnh) Phật giáo lấy thanh tịnh làm tôn chỉ nên gọi cung thờ Phật là *phạm cung.*

6. *Yên Tử:* một danh sơn và cũng là nơi có nhiều danh lam ở tỉnh Quảng Ninh.

7. *Rất non cùng:* non (núi) rất cao, tận tít cùng mây xanh. Đỉnh núi cao trên một nghìn mét.

8. *Mây giăng thượng điện ngất chừng:* Thực ra ở trên đỉnh núi chỉ có một cái miếu thờ, cao 1,35 mét, xưa kia bằng đồng nên gọi là chùa Đồng. Nhiều người lầm chùa Đồng với chùa Hoa Yên ở lưng chừng núi. Trước triều Trần đã có nhiều nhà sư về tu ở Yên Tử nhưng đến Triều Trần mới thực là thịnh hiển. Vua Trần Nhân Tông hiệu là *Điều Ngự Giác Hoàng* đã cùng hai vị thiền sư là *Pháp Loa* và *Huyền Quang* trụ trì tại đây, lập ra thiền phái Trúc Lâm nên được coi là *Trúc Lâm tam tổ.*

Dù ai quyết chí tu hành, có về Yên Tử mới đành lòng tu (Ca dao).

9. *Thành Công:* địa danh thuộc tỉnh Quảng Ninh.

10 *Kinh Chủ:* địa danh thuộc vùng Đông Triều, giáp Mạo Khê.

http://tieulun.hopto.org

Tu hành đấy có sư cô,
Dễ đem nghìn nén mà mua tiếng cười ?
Quí canh [1] phỏng độ đôi mươi,
Chẳng người tử thất [2] cũng người hồng lâu [3].
Xem chiều lịch sự [4] đủ màu,
Hẳn chê trần giới [5], rắp chầu tĩnh phương [6].
Nam vô [7] có thấu chăng chường [8],
Chẳng cho thành Phật thì nhường để ai ?
Thôi đường bộ, lại ra khơi,
Thuyền lan [9] chèo quế [10],[11] thảnh thơi giang hà.
Lá buồm hây hẩy gió hòa,
Vân hà [12] bảng lảng, thủy ba [13] chờn vờn.
Thủy đường [14] xem đã băng ngàn [15],
Qua Đồ Sơn [16] thẳng đè làn Hoa Phong.
Tới nơi ác ngậm non hồng [17],

---

1. *Quí canh:* 貴庚 lời sang trọng dùng để hỏi tuổi người khác.

2. *Tử thất:* nhà tía, gác tía; chỉ nhà giàu sang quyền quí. *Lầu son gác tía.*

3. *Hồng lâu:* lầu hồng. Ngày xưa các nhà quyền quý thường hay cho sơn đỏ nhà cửa để cho đàn bà con gái ở.

Hồng lâu tử các đâu mà đến đây ? (B.C.K.N)

Về sau *hồng lâu* lại được dùng để chỉ nhà chứa, chỗ ca kỹ ở.

4. *Lịch sự:* do câu *"am lịch sự cố, luyện lịch sự tình, canh lịch sự biến"* mà ra, ý nói từng trải việc đời, điều gì cũng biết. Nay ta thường dùng theo nghĩa khéo đẹp, nhã nhặn, giao thiệp khôn khéo.

5. *Trần giới:* cõi đời bụi bặm, cuộc đời.

6. *Tĩnh phương:* cũng như tĩnh cảnh, nơi trong sạch của cõi Phật.

7. *Nam vô:* cũng đọc là *Nam mô;* do chữ phạn *Namah, Namô,* dịch là qui mệnh, kính lạy, qui lễ, cứu ngã, độ ngã... Đó là câu nói của chúng sinh hướng về Phật, qui y tín thuận. *(Qui mệnh* là bố thí cho chúng sinh).

8. *Chường:* tức là chàng đọc chạnh đi cho hợp vần.

9. *Thuyền lan: (lan:* gỗ cây lan) thuyền làm bằng thứ gỗ mộc lan, thứ gỗ vừa cứng vừa dẻo.

Thuyền lan một lá xuôi dòng thênh thênh (H.T).

10. *Thuyền lan chèo quế:* do chữ *quế trạo lan tương* của Tô Đông Pha đã viết trong bài *Hậu Xích Bích phú.*

11. *Chèo quế:* mái chèo bằng gỗ cây quế.

Hai chữ *lan-quế* thường cũng được dùng cho đẹp lời.

12. *Vân hà:* mây trắng và ráng đỏ.

13. *Thủy ba:* sóng nước.

14. *Thủy đường:* cũng như *thủy trình,* đường sông (dùng thuyền đi trên sông).

15. *Băng ngàn:* vượt qua bao đoạn rừng núi ở ven sông.

16. *Đồ Sơn:* bãi biển ở cách Hải Phòng trên 10 cây số.

17. *Ác ngậm non hồng: (ác:* con quạ, nghĩa bóng là nói mặt trời). Mặt trời lặn nửa phần sau ngọn núi trông như ngậm lấy ngọn núi còn đỏ ánh chiều tà.

http://tieulun.hopto.org

Thuyền câu chống mái, chèo giong ca về.
Đùn đùn khói núi phủ che,
Kẻ đem gạo đổi, người kề rượu mua
Vạn Ninh trông thấy mù mù,
Nửa ta phá phách, nửa Ngô [1] tơi bời.
Tàu bè mành [2] đã chen vai,
Sẵn sàng mọi vật nước ngoài cõi trong.
Trải xem khắp hết non sông,
Đến đâu cảnh trí [3], ấy vùng phong lưu [4].
Cầm vui thú, họa say màu,
Mười bài thơ Lã [5], một màu rượu Tô [6].

PHẦN THỨ HAI

Phạm Kim và Quỳnh Như

I

Phạm Kim đến Thúy Hoa Dương

Có người nhàn tựa cô chu [7],
Nghĩ tình cũng khách giang hồ [8] qua chơi.

---

1. *Ngô:* tên nước Đông Ngô đời Tam Quốc bên Trung Hoa. Người mình xưa thường dùng để gọi nước Trung Quốc.

Gánh vàng đi đổ sông Ngô, đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Thương.

Bình Ngô đại cáo (Ca dao).

2. *Mành:* thuyền buồm chạy đường biển.

3. *Cảnh trí:* ý nói cảnh trí đẹp.

4. *Phong lưu:* chữ này có nhiều nghĩa: 1. phẩm cách con người có đức tốt, lịch sự, phong dạng lưu xướng. 2. khá giả, không túng thiếu. 3. chơi bời phóng túng.

Cả câu này ý nói cứ mỗi khi đi đến nơi nào có cảnh trí đẹp đẽ thì Phạm Kim lại dừng chân để thưởng ngoạn và hưởng thú phong lưu.

5. *Thơ Lã: (Lã Động Tân,* một trong tám vị tiên ở đảo Bồng Lai) thơ hay như thơ của Lã Động Tiên.

6. *Rượu Tô: (Tô:* tức Tô Thức tự là Đông Pha, văn hào nổi tiếng đời Tống) rượu có tiếng là sành, biết thưởng thức rượu ngon.

7. *Cô chu:* chiếc thuyền lẻ loi, đậu lơ lửng một mình.

8. *Giang hồ: (giang:* sông, *hồ:* hồ nước) Tam giang và Ngũ hồ là chỗ ẩn dật. Sử ký: *"Phạm Lãi thừa biến chu phù ư giang hồ"* (Phạm Lãi cưỡi thuyền nhỏ chơi phiếm trên giang hồ). *Giang hồ* là chữ của những người ở ẩn tự xưng. Thân ở chốn giang hồ mà lòng vẫn lưu luyến triều đình. Về sau hai chữ *giang hồ* được dùng để chỉ những người đi lang thang nay đây mai đó.

http://tieulun.hopto.org

Khách rằng: "Trộm biết tiếng người,
Những mong khuya sớm tới vời thăm lanh [1]".
Chàng rằng: "Nặng đội lòng anh,
Trước sau xin ngỏ tâm tình trình qua.
Tôi đã lánh chốn quyền gia [2],
Thảo hoa [3] ấy bạn, yên hà [4] ấy quen.
Phong quang [5] mấy thú lâm tuyền [6],
Kết duyên vốn cũ đính nguyền ấy lâu".
Khách rằng: "Vâng biết lòng hầu [7],
Công danh yên phận, khổ giàu mặc khi.
Tính đà vui thú giang khê [8]
Gần đây có chốn thanh kỳ [9] rất vui.
Một vùng cảnh Phật bầu trời,
Nước vờn sắc biếc, non vùi vẻ xanh.
Điện đài, cầu quán, cung thành,
Kẻ ganh quần áo, người tranh ngựa dù [10].
Mán, Lào, Mường, Mọi, Nùng, Ngô,
Líu lo giọng Thổ, xì xồ tiếng muông.
Có miền gọi Thúy Hoa Dương [11],
Trời thêu thức ngọc [12], xuân trang màu hồng.
Hải đường, thược dược, phù dung,

---

1. *Thăm lanh:* thăm lênh tức thăm nom.
2. *Quyền gia:* nhà quyền quí, sang trọng.
3. *Thảo hoa:* cỏ hoa, làm bạn với cỏ hoa, chỗ ở ẩn .
4. *Yên hà:* mây và khói, chỗ núi rừng cô tịch, chỗ ở ẩn.
Câu đối: *Tự cổ tăng nhàn thường dẫn yên hà vi bạn lữ;*
Sơn thâm thế cách chỉ bằng thảo mộc ký xuân thu.
(Chùa cổ sư nhàn thường lấy khói mây làm bầu bạn;
Non sâu đời khuất chỉ nhờ cây cỏ biết xuân thu).
5. *Phong quang:* cảnh tượng, phong cảnh.
6. *Lâm tuyền:* rừng và khe suối, chỗ ở ẩn.
7. *Hầu:* tước hầu, tước thứ hai trong năm tước (công, hầu, bá, tử, nam) tiếng gọi người sang trọng đáng kính.
8. *Giang khê: (giang:* sông, *khê:* khe suối) sông và khe suối, như chữ giang hồ.
9. *Thanh kỳ:* đẹp lạ.
10. *Ngựa dù: (dù:* cái lọng), nói cảnh giàu sang.
11. *Thúy Hoa Dương:* thực ra không có miền nào tên là Thúy Hoa Dương mà lại có qui tụ đủ giống người như Phạm Thái đã kể.
12. Thức ngọc: *(thức:* sắc) sắc ngọc.
Hoa đèn càng tỏ thức hồng. (T.K).
Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây (C.P.N).

http://tieulun.hopto.org

Hạ sen, thu cúc, đông tùng, xuân lan.
Thị thành sở thú dưỡng nhàn,
Chim cành gióng nhạc, gà ngàn gáy canh".
Chàng nghe khách nói hữu tình,
Ngụ nhàn hứng bút rành rành mấy câu:
Sẵn có giang sơn vốn thú mầu,
Mặc ai thành thị, mặc công hầu
Sớm Ngô tối Sở dầu vui vậy,
Rầy Tấn mai Tần chẳng biết đâu !
Ca thôi, trò chuyện giờ lâu,
Chèo hoa dẫm nhịp ca màu Thương Lang
Xanh xanh bãi biếc sông vàng,
Xôn hồng đón khách, nổi hương đưa người.
Năm ngày đến chốn thư trai,
Khách đưa chàng đến mái ngoài Thúy dương
Bồn cây biếc, chậu cá vàng,
Dàn thiên lý cuốn bức tường ruổi chen.
Trong thì màn trướng rủ then.
Quan thư [1] có án, nghênh tiên có đường.
Lồng đèn, điếu ống, lò hương,
Bức tranh thủy mặc, giá gương xà cừ.
LẠC THIÊN [2] hai chữ ngân thư [3],
Rèm in tễ nguyệt [4], cửa chờ phong quang.

II

Hồng nương bẻ trộm hoa mẫu đơn,
Yến Đồng thăm dò tin tức.

Tôi trai Yến tử [5] thanh đồng [6],
Đủ chiều nhanh nhảu, lọt vòng khéo khôn.

---

1. *Quan thư:* xem sách.

2. *Lạc thiên:* vui với phận mình do trời định. *Kinh Dịch: Lạc thiên, tri mệnh, cố bất ưu:* vui với trời, biết vận mệnh mình nên chẳng âu lo.

3. *Ngân thư:* chữ thiếp bạc.

4. *Tễ nguyệt: (tễ:* mưa tạnh) mặt trăng sau cơn mưa.

5. *Yến tử:* con chim én, chữ này được dùng để đặt tên cho đứa tiểu đồng.

6. *Thanh đồng: (thanh:* xanh) như tiên đồng (vì trẻ em hầu các vị thần tiên thường mặc áo xanh).

http://tieulun.hopto.org

Vườn hoa phó giữ tưới vun,
Bỗng đâu bên mái tây môn một nàng.
Vẻ người hầu hạ cung trang [1],
Nhởn nhơ tan bẻ mẫu đơn [2] một cành.
Yến đồng ướm hỏi sự tình,
Nàng nghe bèn nói phân minh mọi đường:
"Tôi là thị nữ Hồng nương,
Qua đây thấy vẻ thanh quang muốn vào".
Yến rằng: "Ngán nhẽ làm sao !
Của người mà bỗng chắt chiu [3] lạ lùng.
Mình còn say đắm vẻ hồng,
Huống chi ta chẳng não nùng hương ru ?
Nữa e huệ oán lan tu [4],
Nắng hè sen thảm, trăng thu cúc hờn".
Hồng rằng: "Mến cảnh tìm thơm [5],
Trót nhầm nhặt bước thì van vì người.
Kẻo khi trúc mĩa mai cười,
Đào e ấp vẻ [6], thông ôi ả chiều [7]".
Lệ thường: "Vay mận trả đào [8],
Người đưa quả ấy, ta trao quỳnh này.
Vì hương ghẹo khách xuân say,
Nỡ nào xuân để bẽ mày với hương ?"
Yến nghe Hồng nói dịu dàng,
Thôi đường mai mỉa, tìm đường vả vê [9].

---

1. *Cung trang:* cũng như *đài trang*, nơi người phụ nữ giàu sang ở.

2. *Mẫu đơn:* một thứ cây hoa có đủ các màu sắc đỏ, trắng, vàng, tía, người ta cho là vua trong các loài hoa.

3. *Chắt chiu:* hà tiện, dè dặt. *Ít chắt chiu hơn nhiều phung phí* (Tục ngữ).

4. *Huệ oán lan tu:* (*u:* túi hổ) ý nói hoa huệ, hoa lan cũng oán hờn túi hổ vì bị hái mất.

5. *Tìm thơm:* tìm hoa thơm đẹp.

6. *Đào e ấp vẻ:* đào có vẻ ngại ngùng, e lệ.

7. *Thông ôi ả chiều:* thông có chiều mất sự tươi tốt.

Cả bốn câu 259-262 ý Hồng muốn nói: Tôi đã lỡ hái hoa mẫu đơn nên phải van xin anh kẻo không anh lại mai mỉa tôi thì tôi sẽ e ngại và buồn bã lắm.

8. *Vay mận trả đào:* lấy ý từ câu *"Đầu ngã dĩ đào, báo chi dĩ lý"* (cho ta quả đào, ta trả lại quả mận) để nói sự trả ơn, sự báo đáp vì *"có vay, có trả"* hoặc *"có đi có lại, mới toại lòng nhau"*.

9. *Vả vê:* ham muốn sự gì (H.T.C.).

Tìm đường vả vê: tìm đường bày tỏ ý muốn của mình.

http://tieulun.hopto.org

Rằng: "Đây há khách vụng về ?
Cũng nên dẩy liễu dun hòe [1] cho xong.
Cũng là đắm trúc say thông,
Thấy đào hoa nở vẻ hồng, ướm chơi [2].
Yêu hương xót ngọc cho người,
Vậy nên cợt mận ghẹo mai thử tình".
Hồng nghe ngán ngẩm trăm hình,
Giận người đưa đẩy, trách mình lẳng lơ.
Rằng: "Tôi trót chẳng e chờ,
Phải khi lỡ bước bơ vờ [3], tới đây.
Xin ghi ân với dạ này,
Lấy hoa ắt cũng có ngày trả hoa".
Yến rằng: "Nàng dẫu thế mà,
Nhưng thì cũng phải thưa qua với người".
Vào trước án, gửi mấy lời:
"Ngoài vườn hoa thấy có ai lạ lùng".
Chàng nghe, sai Yến đòi Hồng,
Hồng vâng, vào chốn tây phòng tạ [4] qua.
Rằng: "Tôi hầu hạ Thúy Nga [5],
Tìm hoa kết mãng [6], vâng bà tôi sai.
Lỡ chân trộm tới cửa Người,
Ngửa trông đuốc ngọc sáng soi má hồng [7].
Chàng dạy Yến tử thanh đồng,
Hoa thơm [8] ai chẳng não nùng muốn đeo ?

---

1. *Dẩy liễu dun hòe:* ý nói ngỏ lòng với nhau, ướm hỏi kết mối duyên với nhau như có trời xui khiến (dun dẩy).

2. *Ướm chơi:* thử lòng xem có ưng ý không.

Dặn dò hãy thử ướm chơi xem lòng (N.Đ.M.).

3. *Bơ vờ:* (tức là *bơ vơ* đọc trạnh đi cho hợp với trường bình thanh) một mình, không biết đi đường nào. *Bơ vơ ai biết ai đâu mà tìm* (L.V.T.).

4. *Tạ:* tạ tội, tạ lỗi, nhận lỗi và xin tha cho.

5. *Thúy Nga:* người nữ tỳ không nói tên thực của cô chủ mình mà đã đặt ra một tên khác là Thúy Nga.

6. *Mãng:* nghĩa đen là con rắn, nghĩa rộng là cái vòng, như vòng hoa.

Rỡ ràng bông mãng, lập lòe vàng đai (N.Đ.M.).

7. *Ngửa trông... má hồng:* câu này ý con Hồng muốn nói: Tôi mong đợi ơn trên của ông như đuốc ngọc hãy soi xét cho tôi đã không có ý gian tà mà tha lỗi cho tôi là phận gái được nhờ.

8. *Hoa thơm:* ví với người con đẹp còn trinh trắng, hoa thơm phong nhụy.

Hoa thơm ai chẳng muốn đeo, người khôn ai chẳng nâng niu bên mình (ca dao).

http://tieulun.hopto.org

Mùi hương thoảng đến thì yêu,
Như lan hang thẳm [1] dễ điều biết lan ?"
Vẻ chi dăm cánh hồng [2] tàn,
Mà con lỡ [3] khách hồng nhan làm gì [4] ?
Truyền cho tha khách tức thì,
Hồng nương từ tạ trở về xuân lâu.
Gửi thưa mọi sự trước sau,
Nàng nghe bèn hỏi: "Người đâu lạ lùng ?"
Hồng thưa rằng: "Khách xa vùng,
Có chiều tuấn dật [5], có đồng [6] thanh cao.
Xem chiều mỹ khổ [7] mận đào [8],
Vốn người Kinh Bắc mà vào Thúy Dương.
Một là vui thú tiên hương,
Thăm miền Tùng lĩnh [9], tìm đường Đào nguyên [10].
Hai là vui thú lâm tuyền [11],
Phai duyên đài các, thắm nguyền thảo hoa [12].
Cho nên quyến bạn yên hà,
Say sưa đông tuyết, la đà [13] xuân phong".
Khen cho: "Thực khách hào hùng,
Chẳng hào mà khác trần hồng [14] thế ru ?
Xưa nay đã mấy trượng phu ?

---

1. *Lan hang thẳm:* lan mọc trong hang sâu ít người biết đến. Ở đây *"Lan hang thẳm"* chỉ có ý so sánh thông thường cũng như người con gái đẹp cấm cung ở trong phòng kín không mấy ai biết tới.

2. *Cánh hồng:* con Hồng hái trộm hoa mẫu đơn chứ không phải hoa hồng nhưng ở đây không phải có sự nhầm lẫn. Chữ *hồng* chỉ là màu sắc tiêu biểu cho bông hoa mà thôi.

3. *Lỡ:* ý nói giữ không cho về làm lỡ việc của người ta.

4. *Vẻ chi... làm gì:* cả hai câu này ý Phạm Kim muốn nói: "Có đáng gì mấy cánh hoa mẫu đơn màu hồng mà con giữ người ta lại làm lỡ việc của người ta ra làm gì?".

5. *Tuấn dật: (tuấn:* bậc tài giỏi hơn người, *dật:* vượt ra ngoài tầm thường) người tài giỏi xuất chúng.

6. *Đồng:* tiểu đồng, đứa hầu nhỏ tuổi.

7. *Mỹ khổ:* tầm vóc người đẹp đẽ, dáng đẹp.

8. *Mận đào:* do chữ *đào lý* là cây đào cây mận, nghĩa bóng chỉ người có tài ví như cây đào cây mận, trồng các thứ cây ấy mùa hạ thì được bóng mát mùa đông thì được ăn trái.

9. *Tùng lĩnh:* núi Tùng, chỉ cảnh tiên.

10. *Đào nguyên:* nguồn đào, chỉ cảnh tiên.

11. *Lâm tuyền:* rừng và khe suối, chỗ ở ẩn.

12. *Phai duyên... thảo hoa:* cả câu ý nói chán cảnh danh lợi mà thích cảnh ẩn dật.

13. *La đà:* lảo đảo, thất thểu (VNTĐ).

14. *Trần hồng:* chỗ bụi hồng, cõi đời, đây ý nói người đời.

http://tieulun.hopto.org

Người phong lưu [1], phải phong lưu đãi người".
Chàng từ nghe tỏ khúc nhôi [2],
Sai Yến đồng lại tới nơi hỏi tường.
Yến vâng lời đến lầu trang,
Thấy phong quang lắm vẻ vang [3] lạ lùng.
Một chiều là một não nùng,
Chẳng nơi hoàng các [4], cũng vùng huyền lâu [5].
Giọt đồng hồ, trống khoan mau,
Quân canh trên dưới, chi hầu vào ra.
Cửa đào, rèm thúy, then hoa,
Lầu phô cẩm tú, sân lòa phân phương [6, 7].
Tửu đài, cầm viện giăng hàng,
Kề bên kỳ quán, bắc ngang thi phòng.
Kìa phấn bích [8], nọ hương cung [9],
Nhòm trang kính các [10], ngắm dòng hoa lâu [11].
"Tuyển phu" biểu diễn làu làu,
Ấy chiều quan phủ mà màu tiên hương.
Yến dù lông cánh trăm đường,
Dễ mà đến chốn cung trang được nào ?
Bỗng đâu may khéo làm sao,
Hồng nương bên mái vườn đào bước ra.
Nhác trông thấy Yến xa xa,
Hỏi rằng: "Có việc chi mà đến đây ?"

---

1. *Phong lưu: (phong:* gió, *lưu:* dòng nước) cái đức tốt như ngọn gió chỗ này thổi đến chỗ khác, như dòng nước chỗ nọ chảy đến chỗ kia. Phẩm cách con người. Ở đây *phong lưu* có nghĩa là sự chơi bời, hào hoa phong nhã. Cả câu ý nói mình đã là người hào hoa phong nhã thì phải lấy sự hào hoa phong nhã để tiếp đãi người ta, không để gò bó trong lễ giáo Khổng Mạnh.

2. *Khúc nhôi:* (hoặc *khúc nôi)* nỗi niềm, sự tình riêng, đầu đuôi câu chuyện sự việc xảy ra.

3. *Vẻ vang:* rực rỡ (H.T.C.).

4. *Hoàng các:* gác vàng, chỉ nhà quyền quí.

5. *Huyền lâu:* cũng như *huyền môn,* lầu của đạo gia.

6. *Phân phương:* (*phân:* cây cỏ thơm tho, *phương:* thơm) thơm tho.

7. *Lòa phân phương:* ý nói nức mùi hương thơm nhưng chữ *lòa* không đúng nghĩa. Tác giả vì để cho hợp vận đã phải dùng ép như vậy.

8. *Phấn bích: (bích:* vách) vách phấn, tường vôi.

9. *Hương cung:* phòng hương, phòng đàn bà con gái ở.

10. *Kính các:* cũng như *đài gương,* chỗ đàn bà con gái chải đầu đánh phấn.

11. *Hoa lâu:* lầu hoa.

http://tieulun.hopto.org

Yến rằng: "Nhân có việc này,
Cậy nàng đưa đến cung Tây thế nào ?"
Hồng rằng: "Việc ấy dễ điều ?
Vả nghiêm cẩn thế mà vào được đâu ?
Người đâu kén giá hảo cầu [1],
Thị thành mấy lứa ? Công hầu mấy ai ?
Bao nhiêu những kẻ bất tài,
Cá nhàn [2] hãy lánh ra ngoài cho xa !"
Yến rằng: "Nàng chửa biết mà,
Kẻ tài hoa với tài hoa kết nguyền.
Bình Sơn Lãnh Yến [3] phải duyên,
Kìa nơi tân liễu [4], nọ miền cẩm hương [5].
Người tây liễu [6], kẻ tây sương [7],
Thụy anh [8] đôi chiếc uyên ương [9] kén tài.
Cho hay tình phận bởi trời,
Đường nhân duyên ấy dễ người định nên ?
Hồng nghe Yến nói cần quyền,
Ngọt ngào miệng ấy, nhạt mềm dạ kia.
Hỏi rằng: "Ông những tài gì,
Mà chàng nhanh mép so bề cổ nhân ?"
Yến rằng: "Ông bậc thanh xuân,

---

1. *Hảo cầu:* chỉ đôi lứa tốt đẹp, xứng nhau.

Kinh Thi: "Quan quan thư cưu, tại hà tri châu, yểu điệu thục nữ, quân tử hảo cầu" (nghe tiếng chim cưu kêu bên bờ sông, người quân tử muốn kết duyên đôi lứa với người thục nữ yểu điệu).

2. *Cá nhàn: (nhàn:* nhạn) tin tức mối lái.

Cá: tin cá. Ông Trần Thắng bỏ thư vào bụng cá để thông tin.

Nhàn: tin nhạn. Ông Tô Vũ buộc thư vào chân chim nhạn.

Đời sau dùng hai điển ấy để nói về tin tức.

3. *Bình, Sơn, Lãnh, Yến:* tên một cuốn tiểu thuyết Trung Quốc. *Sơn* Đại và *Lãnh* Giáng Tuyết là hai cô gái có tài có sắc đã đem lòng yêu mến *Bình* Như Hành và *Yến* Bạch Hạm là hai danh sĩ. Trải qua nhiều trắc trở, sau đã lấy được nhau.

4. *Tân liễu:* liễu mới.

5. *Cẩm hương:* làng gấm.

6. *Tây liễu:* liễu tây.

7. *Tây sương:* mái tây.

Mấy chữ này là tên gọi những nơi ở của Bình Sơn Lãnh Yến có thể do Phạm Thái tự đặt ra.

8. *Thụy anh:* tốt lành, đẹp đẽ.

9. *Uyên ương:* (*uyên:* con đực, *ương:* con cái). Chim uyên ương sống từng cặp, không khi nào rời nhau. Nghĩa bóng: vợ chồng thương yêu nhau.

http://tieulun.hopto.org

Tuổi vừa đôi tám, kinh phần [1] uyên vi [2].
Từ chương, phú lục, văn thi,
Cung đao, kiếm mã mọi bề lưu thông.
Thú chơi tài tử lọt vòng,
Vang đàn thi bá, nổi vùng cầm tiên.
Cờ thần, rượu thánh, thơ tiên,
Tiêu hay múa phượng, địch thiêng [3] gáy hoàng
Nghề thuật số vốn tinh tường,
Gồm bên Tiên, Thích [4], đủ đường Lý, Y [5].
Tiên nương dù có thanh kỳ,
Chẳng qua quốc sắc [6] nga mi [7] khuynh thành [8].
Ngọc vàng sánh vẻ cũng xinh,
Vả xưa đà cảm ân tình nỡ khuây ?
Dù chăng duyên hợp mưa mây [9],
Hãy xin thấy bóng nàng rầy mà thôi".
Hồng nghe nói cũng nực cười:
"Nhưng thì nghiêm cẩn nhiều vời khôn thông".
Thế thì theo thiếp vào trong,
Nàng bằng có hỏi gửi: "Hồng, chị em".
Yến rằng: "Bài ấy cũng êm !"

---

1. *Kinh phần: (kinh:* ngũ kinh gồm Thi, Thư, Dịch, Lễ và Xuân Thu; *phần* sách vở của các vua Phục Hy, Thần Nông và Hoàng Đế gọi là *tam phần*, vì thế nên gọi sách vở cổ là *phần điển).*

2. *Kinh phần uyên vi:* am hiểu rõ ràng về kinh sách cổ.

3. *Tiêu hay... địch thiêng:* Tiêu Sử, người đời Xuân Thu, có tài thổi ống tiêu, lấy nàng Lộng Ngọc cũng có tài thổi ống sanh bằng ngọc. Mỗi khi hai vợ chồng thổi hòa nhau có chim phụng bay xuống chầu.

4. *Tiên, Thích:* Tiên Phật tức đạo Giáo (thường có luyện cả phép tu tiên) và đạo Phật (người sáng lập ra đạo Phật là Thích Ca Mâu Ni).

5. *Lý, Y:* nghề phong thủy (địa lý) và nghề làm thuốc. Đoạn này từ câu 357 đến câu 366 Phạm Thái đã để cho tên tiểu đồng khoe về tài của Phạm Kim tức là đã tự khoe mình có những tài như vậy.

6. *Quốc sắc:* người có sắc đẹp nổi tiếng trong cả nước.

7. *Nga mi:* lông mi cong như râu con ngài.

8. *Khuynh thành:* nghiêng thành. Con gái đẹp làm cho ông vua say mê đến nỗi thành phải nghiêng, nước phải đổ. Lý Diên Niên ở đời Hán có câu hát: *"Nhất tiếu khuynh nhân thành, tái tiếu khuynh nhân quốc"* (một lần cười làm nghiêng thành, một lần cười nữa làm nghiêng nước).

9. *Mưa mây:* do hai chữ *vân vũ.* Nguyên vua Sở Hoài Vương nằm mơ thấy người con gái ở Vu Sơn xin vào hầu chăn gối, tự xưng mình tối làm mây, sớm làm mưa, vì thế mới dùng hai chữ *mây mưa* để chỉ cuộc ái ân nam nữ.

http://tieulun.hopto.org

Theo Hồng len lén vào thềm Thúy Nga.
Quỳnh nương vừa lúc thướng hoa,
Nhác trông thấy lạ [1] thoáng qua cội đào.
Bèn đòi Hồng thị nương vào,
Hỏi rằng: "Sau ấy kẻ nào lạ kia ?"
Gửi rằng: "Em bé nhà quê,
Chốn quyền môn [2] nó chưa lề [3] vào ra.
Trộm nghe đây cửa phồn hoa [4],
Trẻ thơ đường đột, xin bà thứ cho".
Yến ta giả cách quê mùa,
Thu hình khép dạng nhấp nhô bóng Hồng.
Liếc trông vào chốn hoa phòng [5],
Sao trăng đèn nến, mây hồng khói hương.
Đai cù [6] năm thức vóc trang,
Thủy tinh gương áo, Kim Cương cơi trầu.
Giá mun, tranh đá quang lầu,
Đế ly [7] hóa vật, thảm tầu in hoa.
Màn thêu, trướng rợn thủy ba [8],
Ống xen kim tử [9], rèm pha ngân hoàng [10].
Trừ trần [11] trăm bức họa vàng,
Ấm hoa hổ phách [12], hợp hương xà cừ [13].
Quỳnh nương yểu điệu phong tư [14],
Chiều lịch sự, vẻ đong đưa [15] khác vời.

---

1. *Thấy lạ:* thấy có kẻ lạ, chữ *"lạ"* này được nói rõ thêm ở câu 382:... *"kẻ nào lạ kia ?"*
2. *Quyền môn:* nhà kẻ quyền quí.
3. *Chưa lề:* chưa quen.
4. *Cửa phồn hoa:* cửa nhà giàu sang, ăn tiêu xa xỉ, có lắm kẻ hầu người hạ.
5. *Hoa phòng:* cũng như phòng hương, phòng của đàn bà con gái nhà sang trọng.
6. *Đai cù: (cù:* loài rồng không sừng) dải lụa thắt lưng có thêu hình con rồng.
7. *Đế ly: (ly:* loại chai đá trong suốt, loại thủy tinh) cái đế bằng thủy tinh.
   Đế ly cũng như *giá* mun ở câu trên là những từ tả các đồ vật.
8. *Trướng rợn thủy ba:* bức trướng thêu sóng nước.
9. *Kim tử:* vàng tía.
10. *Ngân hoàng:* trắng vàng.
11. *Trừ trần:* quét sạch bụi, lau chùi sạch sẽ.
12. *Hổ phách:* nhựa thông hóa đá, màu vàng nâu trong suốt.
13. *Xà cừ:* lớp trong của vỏ trai có màu sắc óng ánh.
14. *Phong tư: (phong:* dáng sắc đẹp, *tư:* dáng vẻ) dáng dấp xinh đẹp.
15. *Đong đưa:* có vẻ trai lơ
    Mà con người thế ra người đong đưa. (T.K.).
    Há nên tìm tiếng đong đưa cùng người. (P.T.).

http://tieulun.hopto.org

Yến xưa đủ khắp vẻ người,
Bảo Hồng gửi lạy rằng: "Tôi xin về".

III

Yến Đồng nói lại với Phạm Kim,
khen nhan sắc Quỳnh Như đẹp và chê nàng
có tướng yểu mệnh.

Trình ông sau trước mọi bề,
Lần trang trộm thấy dung nghi tỏ tường.
Trương công [1] là đấng nghiêm đường,
Vốn dòng ngọc diệp, tên nàng Quỳnh Thư.
Xuân hoa bậc ấy đã vừa,
Tuổi vừa đôi bảy phong tư lạ lùng.
Thước tầm phỏng dạng bằng ông,
Lam pha mày liễu [2], mỡ đông da ngà [3].
Chiều cá nhảy, vẻ nhạn sa [4],
Mắt long lanh nguyệt, tóc rà rà mây.
Má hồng môi thắm hây hây,
Khổ mê thược dược, thức say hải đường.
Chiều sánh ngọc, vẻ so vàng,
Ôi hoa vì sắc [5], ủ hương vì màu.
Thị thành đã mấy ai đâu ?
Nguyệt vi [6] kém giá xuân lâu ít làn [7].
Chỉn e tướng số chưa an,
Hay là vì chữ hồng nhan quải gàn.

---

1. *Trương công:* ông họ Trương, cha của Quỳnh Như.
2. *Lam pha mày liễu:* lông mày lá liễu (nhỏ và thanh) phơn phớt màu xanh lam.
3. *Mỡ đông da ngà:* da màu trắng như ngà và mịn mềm như làn mỡ đông lại.
4. *Cá nhảy nhạn sa:* ý nói nhan sắc đẹp lắm. Đáng lẽ phải nói là *cá lặn nhạn sa* (trầm ngư lạc nhạn) như trong văn chương ta thường viết:

Chìm đáy nước cá lờ đờ lặn,
Lửng da trời nhạn ngẩn ngơ sa.

(Cung oán)

5. *Ôi hoa vì sắc: (ôi:* kém tươi) sắc hoa cũng kém tươi so với nhan sắc của nàng.
6. *Nguyệt vi:* vành trăng, chỉ Hằng Nga; ý nói Quỳnh Như còn đẹp hơn cả Hằng Nga.
7. *Xuân lâu ít làn: (làn:* từng, lớp) ý nói người con gái ở lầu xuân cũng không cao quí bằng.

http://tieulun.hopto.org

Hai cung nhật nguyệt [1] thần quang [2],
Tài thông minh với văn chương rất kỳ.
Song hiếm phúc ấn tiêm đê [3],.
E đường thọ khảo kém bề phu quân.
Tiền định hoa tạ tàn xuân,
Hay phần qui ẩn, xấu phần tư cơ.
Dám trình minh bạch sau xưa,
"Nên chăng thầy định, đi về tôi vâng".
Chàng rằng: "Mày nói phân vân,
Người ta thanh quí nhiều phân khác thường.
Làm sao tướng số dở dang ?
Hay là người ngắm chưa tường thế ru ?"
Yến rằng: "Há việc hồ đồ,
Mà thầy lại chửa biết cho chân tình ?
Thế nào thầy định phân minh,
Việc gì thầy phó, điều đình mặc tôi !
Rất cao là gác Long Lôi,
Song nhàn [4] còn được no đôi [5] đêm ngày.
Khơi chừng rất mực cung Tây [6],
Thanh loan [7] cũng lọt vào mây đưa tình.
Cẩm đường điện nọ nghiêm canh,
Chim anh sao khéo đậu cành véo von ?
Lầu cao biếc ngất mây tuôn,
Hoàng anh mấy tiếng, nỉ non bên đường.
Những loài phi tẩu vật thường,
Còn len lỏi đến cung trang lọ là !"

---

1. *Cung nhật nguyệt:* chỉ hai con mắt.

2. *Thần quang:* sáng và có tinh thần.

Cả câu ý nói vẻ thông minh lộ ra cả ở đôi mắt.

3. *Phúc ấn tiêm đê: (tiêm:* nhọn, *đê:* thấp) chỗ giữa trán, phía trên sống mũi, nhọn và thấp là tướng người chết non.

4. *Song nhàn:* đôi chim nhạn.

5. *No đôi:* sống lâu có đôi với nhau mãi mãi.

6. *Cung Tây:* cung Tây Vương Mẫu.

7. *Thanh loan:* chim loan xanh.

Đoạn từ câu 437 đến câu 446: ý nói dù cao mấy, dù xa mấy, dù nghiêm canh mấy, dù khó khăn mấy như ở chín tầng mây mà những loài chim còn len lỏi vào được nữa là chỗ cung trang của Quỳnh Như thì làm sao mà mình không lui tới được, làm sao mà *"dứt được đường chim xanh"*.

http://tieulun.hopto.org

IV

Phạm Kim và Quỳnh Như xướng họa thơ từ.
Hai năm yêu đương.

Ngụ tình chàng vịnh một ca,
Điêu Tây giang nguyệt, khúc Hòa thương âm.

Bài từ:

Oanh yến véo von gọi khách,
Cỏ hoa hớn hở mừng ai.
Gió xuân hây hẩy giục đưa người,
Dễ khiến lòng thơ bối rối.
Thấp thoáng thoi oanh dệt liễu [1],
Thung thăng phấn bướm dồi mai [2].
Vũ Lăng [3] *xa diễn biết bao vời,*
Khôn hỏi Đào Nguyên đâu tá !
Khôn hỏi Đào Nguyên đâu tá,
Dòng ngự câu gieo lá [4] *tình thi.*
May thay một hội tương kỳ,
Đã bên tình phận lại bề phong lưu.
Câu hảo cầu đợi người thục nữ,
Năm mây phong đôi chữ đồng tâm [5].
Đón xuân nhắn với tri âm,
Tính tình xin tỏ tiếng cầm này cho.

---

1. *Thoi oanh dệt liễu:* chim oanh bay bên hàng liễu tơ rủ như đưa thoi dệt.

2. *Phấn bướm giồi mai:* con bướm bay chập chờn đậu trên những đóa mai như xoa phấn cho nhụy thêm nhiều.

3. *Vũ Lăng:* huyện Vũ Lăng, quê của người ngư phủ (đời Tấn) đã lạc vào động Đào Nguyên, nơi tiên ở.

4. *Dòng ngự câu gieo lá: (câu:* dòng nước, *ngự:* chữ dùng thuộc về nhà vua). Vu Hựu (đời Đường) nhặt được chiếc lá từ dòng nước trong cung vua trôi ra, thấy có bài thơ mới lấy chiếc lá khác họa lại rồi thả vào trong cung. Người cung nữ Hàn thị nhặt được. Gặp khi nhà vua thả cung nhân, Vu Hựu lấy người cung nữ đó. Sau này nàng hỏi chuyện mới rõ chiếc lá đề thơ là của hai người và do điển này mà về sau chữ *lá thắm* được dùng để chỉ nhân duyên vợ chồng.

5. *Năm mây phong đôi chữ đồng tâm:* Vua Tùy Dương Đế sai làm dải đồng gồm hai dải lụa năm sắc tặng người cung phi được sủng ái nhất để tỏ tình yêu của mình.

http://tieulun.hopto.org

Rắp hẹn hò ngồi hoa đứng nguyệt
E lầu Tây bóng nguyệt khơi chừng [1].
Bây giờ mượn gió cung Đằng [2],
Vì duyên đưa mối xích thằng [3] *lại đây.*
Khúc đàn nay tiếng giọng hòa nhạc
Tranh ân tình nét mạc [4] *nghìn xuân*
Lứa đôi tài tử giai nhân,
Gương in một sắc thanh tân kém gì ?

Thơ

Dẩy hoa dun lá bởi tay trời,
Nghĩ đến duyên do cũng nực cười.
Bắc yến Nam hồng tình một tấm,
Đông đào Tây liễu khách đôi nơi.
Lửa ân chẳng chở [5] *sao không tắt,*
Bể ái dù khơi cũng chẳng vơi.
Đèn nguyệt ví bằng mây chẳng bợn,
Xin soi cho tỏ nỗi niềm người.
"Soi cho tỏ nỗi niềm người,
Đài sen [6] dệt nghĩa, thơ mai [7] dõi tình.

---

1. *Bóng nguyệt khơi chừng:* ý nói sợ Quỳnh Như không ưng mà xa lánh.

2. *Gió cung Đằng:* do câu *Đằng Vương các phong*. Diêm Đô đốc, mở tiệc ở Đằng Vương Các. Vương Bột nghe tin về dự nhưng đường xa may nhờ gió thuận mà về kịp. Trong bữa tiệc Vương Bột có làm một bài *tự* mà ai cũng phải khen hay và chàng nổi danh từ đó. Người ta cho là Vương Bột gặp thời nên mới gặp gió thuận đưa tới gác Đằng. Về sau, các nhà văn dùng điển này để tả sự may mắn, sự gặp gỡ nhau hay duyên vợ chồng.

Thuyền lan nhẹ cánh lâng lâng,
Hay đâu mượn gió các Đằng đưa duyên.
(Chu Mạnh Trinh)

3. *Xích thằng:* chỉ đỏ. Vi Cố (đời Đường) gặp một ông lão ngồi dưới trăng xem quyển sổ, tay có cầm cái túi đựng những sợi chỉ đỏ. Hỏi mới biết, dây đó là để buộc chân những người có duyên vợ chồng với nhau.

Mối xích thằng: mối duyên tiền định.

4. *Nét mạc:* nét vẽ.

Nét mặt Chiêu Quân đã mạc tranh (N.Đ.M.).

5. *Chẳng chở:* chẳng chè (chở che).

6. *Đài sen:* cây nến có cái đài ở phía trên hình hoa sen nở để đỡ những giọt nến chảy xuống.

7. *Thơ mai:* chữ *mai* đây chỉ được đặt thêm cho đẹp lời chứ không hẳn đã lấy từ bài *Phiếu mai* trong *Kinh Thi*.

http://tieulun.hopto.org

Khổn hoa [1] từ mảng [2] phong thanh [3],
Nức hương kính các, nổi danh tao đàn [4].
Trong tình thú, hồng nhan mấy kẻ ?
Chốn phòng hương lắm vẻ phong quang
Nguyện lòng này với lửa hương [5],
Rạng bình xạ tước [6], mức giường thừa long [7].
Xuân đài mặc đông phong liệu lượng,
Nhắc ân tình cho đáng đồng cân.
Thư này gửi với giai nhân,
Đem phong nguyệt góp cõi trần làm duyên.
Yến đồng lĩnh lấy hoa tiên,
Gặp Hồng thị nữ đưa lên xuân đài.
Hồng nương vào gửi mọi lời,
Chúng tôi hầu hạ ơn người nặng thương
Lẽ đâu dám thói lân đơn,
Mở đường quyến bướm, tìm đường rủ ong ?
Vì ơn nên phải ghi lòng,
Có công mà nỡ phụ công sao đành ?
Trước tôi lỡ bước vin cành,
Đội ơn công tử rủ tình đoái thương.
Cho nên mới dám sỗ sàng,
Tôi này sơ mạo [8] xin đương gia hình [9] ".

---

1. *Khổn hoa: khổn* là cửa buồng, giới hạn trong cửa, chỗ đàn bà con gái ở. Chữ *hoa* được đặt thêm cho đẹp lời.

2. *Mảng:* nghe. *Mảng tin xiết nỗi kinh hoàng* (T.K.).

3. *Phong thanh:* nghe đồn.

4. *Nức hương... tao đàn:* cả câu ý nói Quỳnh Thư nổi tiếng có nhan sắc và có tài văn thơ.

5. *Lửa hương:* do chữ *hương lửa ba sinh* thường dùng để nói về việc nhân duyên vợ chồng.

6. *Xạ tước: (xạ:* bắn, *tước:* chim sẻ). Ngày xưa Đậu Nghị vẽ con sẻ (đúng ra là con công) ở bình phong, bảo ai bắn trúng mắt chim sẽ được gả con gái cho. Lý Uyên (sau là Đường Cao Tổ) bắn trúng và cưới được vợ. Về sau Đường Cao Tổ lập con của Đậu Nghị làm Hoàng hậu.

Nghĩa bóng là hỏi vợ hoặc kén rể.

7. *Thừa long:* cưỡi rồng. Sách *Sơ học ký* chép: Hoàng Thượng làm tư đồ cùng với Lý Nguyên Lễ đều lấy con gái Thái úy Hoàn Yên, người đời khen rằng con gái của Thái úy đều được cưỡi rồng.

8. *Sơ mạo:* phạm lỗi lần đầu.

9. *Gia hình:* thi hành hình phạt.

http://tieulun.hopto.org

Nàng nghe đủng đỉnh khác tình,
Đòi Yến mới hỏi phân minh mọi đường.
Thôi nghĩ ngợi, lại toan lường,
Vả lời Hồng với thơ chàng dễ nghe.
Cẩm hoa [1] một bức tục đề [2],
Sai Hồng nương lại tức thì đưa sang.

Bài từ

I

Im ỉm màn sương đợi khách.
Thênh thênh cửa nguyệt chờ ai ?
Giai nhân tài tử mấy lăm người ?
Chạnh tưởng tâm tình thêm rối.
Phơi phới gió lay chồi liễu,
Phau phau tuyết điểm cành mai.
Non cao chắn ngất biển xa vời,
Ai biết Bồng, Doanh [3] chăng tá ?

Ai biết Bồng Doanh chăng tá ?
Uẩy thuyền đâu chiếc lá xa xa ?
Lầu cao nghé mắt trông ra,
Ấy là Lưu tử [4] hay là Từ lang [5] ?
Nhủ Đông hoàng [6] mặc lòng khụ xử,
Chớ đem xuân suồng sã trần gian !

---

1. *Cẩm hoa:* tờ giấy có vẽ hoa đẹp đẽ.
2. *Tục đề:* đề tiếp.
3. *Bồng, Doanh:* đảo tiên là Bồng Lai và Doanh Châu.
4. *Lưu tử:* Lưu Thần người đã lạc vào Thiên Thai.
5. *Từ lang:* Từ Thức là một viên quan đời Trần, nhân một ngày hội chùa đã cởi áo gấm chuộc cho một cô gái đã lỡ hái một cành mẫu đơn. Sau ông từ quan và đi ngao du sơn thủy mới lạc vào một đảo tiên. Ở đây ông đã gặp Giáng Hương, người đã được ông cởi áo chuộc cho. Ở nửa năm, ông lại nhớ quê, xin về thăm nhưng về tới nơi thì mới biết đã bảy đời qua rồi. Ông lại tìm về đảo tiên nhưng rồi biệt tích.
6. *Đông hoàng: (Đông:* phương Đông, *hoàng:* vua) Mặt trời mọc ở phương Đông nên dùng chữ *đông hoàng* hoặc *đông quân* để ví thần mặt trời. *Đông hoàng* hoặc *đông quân* lại có nghĩa là thần mùa xuân.

http://tieulun.hopto.org

Vịn xe dưới nguyệt hỏi han,
Hỏi ông Nguyệt lão [1] trong nang [2] có gì ?
Lá thơ đề ân cần mấy chữ,
Tạ lá hồng hảo khứ nhân gian [3].
Rằng: "Đây chỉn phận hồng nhan,
E xuân vội bước nữa tàn hoa chăng !
Cậy ả Hằng vì ta xe mối,
Xe thì xe chớ nới tơ ra.
Ngụ tình một bức cẩm hoa,
Chín mây [4] đưa gửi, năm hà [5] phong in.

Thơ

Dắt mối đưa duyên cũng bởi trời,
Vì ai run rủi nghĩ như cười.
Dặn dò lá thắm còn in đấy,
Gắn bó tin vàng đã có nơi ?
Nhắc gánh nhân duyên nhường chửa nặng,
Do nguồn ân ái hãy còn vơi.
Miễn rằng vàng đá lòng như một,
Chớ thói trăng hoa nữa bẽ người,
Chớ trăng hoa nữa bẽ người,
Đan gương ân ái mà soi tâm tình.
Gửi đây đà gác thị thành,

---

1. *Nguyệt lão:* ông già dưới trăng. Xem chú thích chữ *Xích thằng* câu 468.
2. *Trong nang:* trong túi.
3. *Hảo khứ nhân gian:* đi thẳng tới nhân gian.
Phạm Thái nhắc lại bài thơ của Hàn thị viết trên lá thắm:
Lưu thủy hà thái cấp
Thâm cung tận nhật nhàn.
Ân cần tạ hồng diệp,
Hảo khứ đáo nhân gian.
(Nước chảy sao mà vội,
Cung sâu cả buổi nhàn.
Ân cần khuyên lá thắm,
Đi thẳng tới nhân gian).
4. *Chín mây:* chín tầng mây.
5. *Năm hà:* năm sắc ráng trời.

http://tieulun.hopto.org

Thêu màn lan thất [1], vẽ tranh Lam Điền [2].
Nhủ dì gió rằng duyên là thế,
Chớ vì tài mà rẻ chữ nhân.
Lời này gửi với Đông quân,
Chơi xuân trải vẻ thanh tân mới hào.
Đường tình phận thấy trao nhạn cá [3],
Bức cẩm vân phải họa một thiên.
Gọi là phục bút làm duyên,
Thô sơ xin có hay hèn dạy cho".
Nàng phong thư phó [4] Hồng nương,
Vừa khi chàng ở hoa đường thưởng xuân
Gửi: "Tôi vâng mệnh chủ nhân,
Mấy lời tâm sự ân cần một phong.
Mở thư chàng thấy não nùng,
Biết chiều thanh quí ngụ trong chương hàn.
Phê rằng: "Phấn đại [5] tao đàn [6],
Nêu tiêu xích xí [7] cho đoàn nữ lưu !"
Hai thu oanh yến [8] dập dìu,
Hương ưa lan thất, hoa chiều hạnh thôn.

V

Phạm Kim có việc về quê. Trong khi ấy, có viên đô đốc ở kinh đô định cướp Quỳnh Như rồi hẹn ngày ép cưới.

Chàng toan định lễ cầu hôn,
Bỗng nghe một tín gia môn [9] phải về.

---

1. *Lan thất:* nhà lan. Do câu: *"Dữ thiện nhân cư như nhập chi lan chi thất"* (Cùng ở với người hiền như vào nhà có hương cỏ chi cỏ lan), ý nói ở gần người hiền thì mình cũng được thơm lây, cũng trau dồi được đức hạnh.

2. *Lam Điền:* tên một ngọn núi ở huyện Lam Điền tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc, tục truyền có rất nhiều ngọc. Nghĩa bóng là ngọc, chỉ dòng dõi con nhà cao quí. Cả câu ý nói trau dồi đức hạnh để giữ lấy tư cách con nhà dòng dõi cao quí.

3. *Nhạn cá:* tin tức.
Cả câu ý nói tin tức về đường tình duyên được đưa tới.

4. *Phó:* trao cho.

5. *Phấn đại: (đại:* màu đen dùng để vẽ lông mày) phấn sáp, chỉ phụ nữ.

6. *Tao đàn:* đàn văn.

7. *Xích xí: (xích:* đỏ, *xí:* lá cờ nhỏ) lá cờ nhỏ màu đỏ.

8. *Oanh yến:* chim oanh, chim yến, tức là cảnh vật mùa xuân. Nghĩa bóng nói đến tình yêu đương của đôi trai gái.

9. *Gia môn:* nhà cửa, đây chỉ gia đình.

http://tieulun.hopto.org

Nàng trao một bức cẩm đề [1],
Ghi lời nguyền ước, nhủ bề ái ân.

Thơ

Hương lửa tình này dễ nói năng,
Chẳng hay lòng khách thấu cùng chăng ?
Vườn đào sực thấy oanh đưa tín,
Dặm liễu đâu xui yến cách chừng.
Vàng đá nên chăng cùng một ước,
Nước non thề đã có đôi vừng.
Lời này dặn với tri âm nhé:
Chớ phụ cầm treo [2] đợi dưới trăng !
Chàng xem thư dẫu thêm phiền,
Nhưng còn áy náy một bên gia đường.
Tức thì sắm sửa hành trang [3],
Sầu gieo đào ủ, thảm tràn đào phai.
Uẩy đâu sự mới lạ đời !
Chẳng hay con tạo trên ngươi cớ gì ?
Ông Đô đốc chốn kinh kỳ,
Nghe đồn Quỳnh Ngọc dung nghi khác vời.
Sắm sanh tử tế lạ đời,
Lọng xanh buông chỉ, võng mai [4] ngáng ngà
Rỡ ràng bộ đãy [5] cẩm hoa,
Xênh xang áo thắm, nhởn nhơ quần điều.
Giáo ngù [6] gươm bạc dập dìu,
Đôi khiên [7] đủng đỉnh, cặp hèo [8] nghênh ngang.

---

1. *Cẩm đề:* một bài thơ viết trên giấy đẹp.
2. *Cầm treo:* treo đàn không gảy còn đợi kẻ tri âm.
3. *Hành trang:* đồ dùng cần thiết lúc đi đường.
4. *Võng mai:* chữ *mai* được đặt cho đẹp lời thôi chứ không có nghĩa gì.
5. *Đãy:* tay nải, cái túi to để đựng đồ.

Bộ đãy: hai cái túi có dải buộc liền với nhau, khi xưa các quan dùng để đựng trầu thuốc lúc đi chầu hoặc đi đâu xa.

6. *Giáo ngù:* (*giáo:* thứ khí giới có cán dài, mũi sắt nhọn dùng để đâm) giáo có buộc tua rủ xuống ở chỗ nối giữa cán và đuôi mũ sắt nhọn.
7. *Khiên:* thứ khí giới dùng để đỡ mũi giáo lúc giao tranh.
8. *Hèo:* cây gậy có buộc tua dùng làm đồ nghi trượng của các quan.

http://tieulun.hopto.org

Luân [1] thêu, thắm vấn hoang mang,
Phập phèo thuốc giấy, ngó càng đẹp trai.
Ống nhổ bạc, tráp ngà voi,
Lò hương đồng bạch, nón quai đồi mồi.
Năm ngày ông rẽ tới nơi,
Trương công nghe nói tới bời sửa sang.
Cắt người dọn chốn tĩnh đường [2],
Trắng ngần chiếu ké, sáng choang ống đồng.
"Dám mời ông lớn vô trong",
Tiểu đồng tấp nập, trà phòng lanh trai.
Thung dung mời gửi khoan thai,
"Dám thân [3] có việc chi người tới đây ?"
Gửi thôi, ông dạy làm vầy:
"Ta nghe chúng nói ông rầy có con.
Vậy nên tính việc cầu hôn,
Mần răng [4] tính đó cho tròn mới xong !"
Trương công nghe nói hãi hùng,
Gửi rằng: "Trẻ nó ấu trùng dám đâu ?
Vả tôi với khách doanh cầu [5],
Việc Châu Trần [6] định với nhau đã rồi".
Ông nghe thấy nói trái tai:
"Đù ỏa [7] sấu đá Đồng Nai [8] ngầy ngà [9] !
Đây không đáng rể ông già ?
Gớm gan Đô đốc có là chi mô !
Trẻ đâu phá cửa bay vô,
Nắm bắt ngó thử náu cô [10] chừng nào !"

---

1. *Luân:* tơ xanh.
2. *Tĩnh đường:* nhà nghỉ ngơi yên tĩnh.
3. *Dám thân: (thân:* tiếng thưa gửi) dám thưa, dám bẩm.
Thân ông: bẩm ông, *thân lạy:* bẩm lạy (H.T.C).
4. *Mần răng:* làm sao, thế chi.
5. *Doanh cầu: (doanh:* cũng đọc là *dinh)* dùng tâm tư và lao lực để tìm kiếm.
6. *Châu Trần:* tên hai họ ở thôn *Châu Trần,* Từ Châu bên Trung Quốc đời đời kết thông gia với nhau nên về sau thường dùng hai chữ đó để nói việc kết hôn.
7. *Đù ỏa:* tiếng chửi.
8. *Sấu đá Đồng Nai (Đồng Nai:* vùng đất mênh mông ở Biên Hòa thường hiểu chung là đất Nam Kỳ hồi đó) chửi mà đem cá sấu ra là tệ nặng như *hùm tha sấu bắt.*
9. *Ngầy ngà:* quấy rầy, phiền nhiễu lôi thôi, gây chuyện.
10. *Náu cô:* cô ấy ẩn náu ở đâu.

http://tieulun.hopto.org

Trương công tìm giọng ngọt ngào,
Thân: [1] "Ông thương đến dạy sao vâng lời.
Vội vàng thế chửa hợp ngôi,
Hãy xin sắm sửa mứa tôi dâng người".
Ông rằng: "Nọ đặng nói chơi !
Chừng năm ba bữa ta sai chúng về".
Sắp quân rẽ xuống kinh kỳ,
Ngựa lay mào thắm [2], võng kề lọng xanh.
Trương công tính toán trăm hình,
Nghĩ rằng: "Chẳng lọt khỏi vành này đâu.
Bèn vào đến chốn xuân lâu,
Đòi Quỳnh nương nói trước sau mọi điều:
"Bây giờ con nghĩ thế nào ?
Nên chăng liệu đấy, làm sao mặc lòng !"

VI

Quỳnh Như đưa thư gọi Phạm Kim tới rồi đang đêm lẻn đến nhà trọ của chàng, cùng nhau than thở, hẹn hò tái ngộ.

Quỳnh nương thấy nói hãi hùng,
Than rằng: "Phận bạc [3] má hồng [4], gớm thay !
Lời nguyền văng vẳng còn đây,
Kim lang biết nỗi nước này hay không ?"
Cũng toan giếng thẳm [5] cho xong,
Nhưng còn nghĩ lại tấm lòng chưa an.
Thà rằng được thấy mặt chàng,
Tỏ bày tâm sự, thở than ân tình.
Rồi mình sẽ tính phận mình,
Cho toàn một ước, cho minh [6] một nguyền.

---

1. *Thân:* bẩm, thưa (H.T.C).
2. *Ngựa lay mào thắm: (mào:* chòm lông màu thắm người ta buộc ở trên đầu con ngựa) ngựa chạy lung lay cái mào màu thắm ở trên đầu.
3. *Phận bạc:* số phận mỏng manh không ra gì.
4. *Má hồng:* do chữ *hồng nhan,* chỉ người đàn bà đẹp.
Phận bạc má hồng: do chữ *hồng nhan bạc phận,* người đẹp thường số phận không ra gì.
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen (T.K.).
Rằng hồng nhan tự thuở xưa,
Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu ? (T.K.).
5. *Giếng thẳm:* tự tử nhảy xuống giếng.
6. *Cho minh:* cho sáng tỏ, cho rõ.

http://tieulun.hopto.org

Sai Hồng nương lại đưa tin,
Rơi châu một bức ngân tiên [1] gửi về.

Bức thư

Nguyệt lão xe dây khéo dở dang !
Xanh xanh chi nỡ phụ hồng nhan ?
Dẩy dun ngán nhẽ ! Tiên mà cú [2] !
Đôi lứa ghê thay ! Ngọc lẫn than [3] !
Lá ghét mày xanh chìm nước biếc,
Chim ghen môi thắm vắng tin vàng.
Đội ơn công tử lòng như một,
Bồ liễu [4] duyên sao khéo bẽ bàng ?
Bẽ bàng duyên phận liễu bồ,
Hoa xuân kém vẻ, nguyệt thu ủ chiều.
Vì ai thèo đảnh [5] khơi trêu,
Khiến hồng nhan gặp lắm điều gian truân [6].
Ngán ngẩm thay phận quần hồng [7],
Thù gì con tạo tiếc xuân riêng mình ?
Ngỡ rằng dì gió cũng bênh,
Mà van vỉ nói rằng tình bấy nay.
Ai ngờ nên nỗi nước này,
Nào bà Nguyệt lão ? Nào thầy Thiên tiên ?
Long đong ngán nhẽ phận duyên,
Nợ nần này phải đính nguyền kiếp sau.

---

1. *Ngân tiên: (tiên:* tờ giấy) tờ giấy viết thư màu trắng như bạc.

2. *Tiên mà cú:* người đẹp như tiên mà phải lấy hạng người không ra gì, xấu như cú.

Nếu mà cú đậu cành mai,
Thì công trang điểm chẳng hoài lắm ru.
(Ca dao)

3. *Ngọc lẫn than:* nếu phải lấy tên Đô đốc thì chẳng khác ngọc lẫn với than.

4. *Bồ liễu:* cây bồ, cây liễu, hai thứ cây yếu ớt, ẻo lả thường được ví với đàn bà con gái.

Chút thân bồ liễu nào mong có rày (T.K.).

5. *Thèo đảnh:* nhẹ dạ, hời hợt, bông lơn.

6. *Gian truân:* lúc khó khăn vất vả.

7. *Quần hồng:* quần đỏ. Tục xưa con gái các nhà sang trọng hay mặc quần điều nên trong văn chương dùng hai chữ đó để chỉ người con gái đẹp sang trọng.

Phong lưu rất mực hồng quần (T.K.).

http://tieulun.hopto.org

Gửi đưa một bức về hầu,
Chữ tình xin ngỏ cho nhau kẻo mà !
Chàng xem thư nói nẫu nà [1],
Chiều xuân ngao ngán, mặt hoa rầu rầu.
Độn [2] xem một quẻ mới âu [3],
Khắc âm hậu thổ [4], động câu Đằng thần [5].
Bói thì quẻ thủy lôi truân,
Lục thân [6] vương hổ, lục thân không tài.
Chân giò ủ cái [7], xung ngoài [8],
Vị Ly hỏa vượng, cung Đoài kim suy [9].
Càng thêm não ruột, mọi bề,
Giục đồng sắm sửa, thẳng đè chừng lên.
Ba ngày chàng tới ngụ miền,
Đèn xanh giong bóng, khêu phiền soi thương.
Canh ba sảng tiếng kim trang [10],
Thác rèm [11] hoa thấy một nàng tiên nga.
Chiều ủ liễu, vẻ ôi hoa,
Ngọc ngần môi thắm, châu sa má đào.
Nhác xem [12], chàng ngỡ chim bao,
Dẫu người sắt cũng lệ rào, lọ ai ?
Hai bên than trúc nguyền mai,
Trách khuôn duyên [13] nỡ hẹp hòi lượng dung.
Nàng rằng: "Phận thiếp đã xong,

---

1. *Nẫu nà:* nát cả gan ruột, vô cùng đau đớn, trong lòng.
2. *Độn:* bấm độn, một phép tính Thái ất.
3. *Âu:* lo âu.
4. *Hậu thổ:* dày về hành thổ.
5. *Đằng thần:* thần Đằng xà chỉ sự tranh đoạt.
6. *Lục thân:* sáu bực bà con gần: cha, mẹ, anh, em, vợ, con.
7. *Ủ cái:* móng giữa có vẻ ủ ê.
8. *Xung ngoài:* móng ngoài có sự lo.
Phạm Kim bấm số và xem chân giò thì thấy toàn điềm xấu.
9. *Ly vượng... Đoài suy:* có chuyện bất hạnh.
10. *Tiếng kim trang: (kim:* vàng, *trang:* đồ trang sức) tiếng đàn bà con gái (*kim trang* là đồ trang sức bằng vàng của đàn bà con gái sau được dùng rộng ra để chỉ người đàn bà con gái).
11. *Thác rèm:* vén rèm, cuốn rèm.
12. *Nhác xem:* thoáng xem.
13. *Khuôn duyên:* chỉ ông trời đã định sẵn nhân duyên cho người ta.
Buộc người tài sắc vào trong khuôn trời (H.T.).

http://tieulun.hopto.org

Kiếp này đã vậy, còn hòng kiếp sau.
Những thì u hiển [1] khác nhau,
Dẫu khi gặp gỡ dễ hầu mà tin
Thiếp nay tuy có son in,
Quỳnh nương hai chữ thì xin nhớ cùng !
Tặng chàng hồ điệp [2] đôi vòng,
Yến đồng xin sánh với Hồng thị nương".
Chàng nghe nàng nói tỏ tường,
Kim hoàn [3] gửi lại tay nàng xem qua.
Thề rằng: "Đã có trời già,
Duyên sau chẳng gặp âu thà rằng không.
Khăng khăng sắt đá một lòng,
Ước nguyền cậy có non sông biết tình !"
Chuyện thôi, hồi trống giục cành,
Tạ chàng, nàng mới sắm sanh ra về.
Người thư các [4], kẻ hương khuê,
Mõ quyên [5] khua thảm, đàn ve gảy sầu.

VII

Quỳnh Như tự tử và linh ứng

Tang tang [6] trang điểm lên lầu,
Ngựa đâu tiếng nhạc bên lầu giong gianh.
Vội vàng hé bức mành mành,
Quan quân đã chật trong dinh ngoài đường.
Nàng bèn vào chốn phòng hương,
Mở bao lấy mớ [7] cẩm trang, hoa hài [8].

---

1. *U hiển: (u:* tối, *hiển:* sáng tỏ) kẻ chết người sống. Quỳnh Như nói cho Phạm Kim biết là mình sẽ tự tử và hai người sẽ cách biệt âm dương (u hiển).

2. *Hồ điệp:* con bươm bướm.

3. *Kim hoàn: (hoàn:* cái vòng) vòng vàng, xuyến vàng.

4. *Thư các:* phòng ngủ của đàn bà con gái nhà sang trọng.

5. *Mõ quyên: (quyên:* chim cuốc, ở nước ta cũng gọi là đỗ quyên) tiếng cuốc kêu như cầm canh.

6. *Tang tang:* (tức là *tang tảng* đọc chạnh ra thanh bằng) lúc mới bắt đầu sáng.

7. *Mớ:* một số không nhất định, một vài bộ.

8. *Cẩm trang, hoa hài:* quần áo gấm và giày có thêu hoa.

http://tieulun.hopto.org

Trâm ngà, quạt thẻ đồi mồi [1],
Vòng đeo hổ phách, chuỗi cài kim minh [2].
Dạ châu [3] nhẫn mặt hoa oanh,
Ngân trang dép khảm, thủy tinh liễn mồi [4].
Đòi Hồng nương nhủ mọi lời,
Con nay đã đính lứa đôi Yến đồng.
Giữ bề tứ đức [5], tam tòng [6],
Xướng tùy [7] cho vẹn đạo trong cương thường [8].
Thay ta hầu hạ Phạm lang,
Sớm trưa cho vẹn mọi đường chủ tôi.
Kiếp này giã thế gian rồi,
Họa là tái thế một mai xoay vần".
Hồng nương thấy dạy ân cần,
Nghĩ tình thầy tớ muôn phần cảm thay.
Cầm dao lá trúc liền tay,
Quyết liều mình trả nghĩa thầy cho xong.
Nàng rằng: "Đây đã biết lòng,
Thờ thầy phải đạo, thờ chồng có nhân.
Ấy là trả nghĩa muôn phần,
Thì ta chín suối tinh thần cũng yên".
Nói thôi phong gấm, phô chiên [9],
Ngũ hoa [10] một chén, cửu tuyền [11] nghìn thu.
Ngao ngán nhẽ, áng Diêm phù [12],
Kiếp sinh tử mặc đông lưu [13] một dòng.

---

1. *Quạt thẻ đồi mồi:* quạt làm bằng những nan đồi mồi.
2. *Chuỗi cài kim minh:* chuỗi vòng đeo ở cổ có dát vàng sáng bóng.
3. *Dạ châu: dạ minh châu,* thứ ngọc sáng về ban đêm.
4. *Liễn mồi: (liễn:* xe người kéo) xe có khảm đồi mồi.
5. *Tứ đức:* bốn đức tính người phụ nữ phải có: công, dung, ngôn, hạnh.
6. *Tam tòng:* ba điều người phụ nữ xưa phải tuân theo; ở nhà phải theo cha, lấy chồng phải theo chồng và chồng chết phải theo con.
7. *Xướng tùy:* (phu xướng phụ tùy) chồng nói vợ theo.
8. *Cương thường:* tam cương và ngũ thường.
Tam cương ba giềng mối là vua - tôi, cha- con, vợ - chồng.
Ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí và tín.
9. *Phong gấm phô chiên:* mặc áo gấm và mở chăn ra đắp.
10. *Ngũ hoa:* năm thứ hoa (đây chỉ chén thuốc độc sắc bằng năm thứ hoa).
11. *Cửu tuyền:* chín suối tức âm phủ.
12. *Diêm phù:* cõi đời.
13. *Đông lưu:* nước chảy về đông.
Cả câu ý nói người sống chết ở đời cứ phó cho số mạng ví như dòng sông nước cứ chảy xuôi ra biển Đông không có gì ngăn lại được.

http://tieulun.hopto.org

Trương công nghe nói não nùng,
Tiếng ai oán đã dậy trong trang đài.
Hỡi ơi, một tiếng thơ mai,
Nợ hồng trần [1] để lụy người hồng nhan [2].
Chàng nghe thấy phó âm [3] sang,
Ngập ngừng đôi giọt, thở than một lời.

Thơ

Than rằng: cao ngất mấy lần khơi,
Nỡ để duyên ai luống thiệt thòi.
Buồn đốt lò vàng [4], hương nhạt khói,
Sầu châm chén ngọc [5], rượu không hơi.
Lầu Tây nguyệt gác, gương lồng bóng,
Ải Bắc nhàn sang, bể tuyệt vời.
Mấy nỗi chung tình, tan một khúc
Cậy lòng dì gió gửi đưa lời.
Đưa lời cho tới cung mây [6],
Mối sầu xin gỡ cho đây với cùng.
Túi tơ hồng trách ai xe mối,
Đến nửa chừng bỗng nới dần ra.
Căm gan một ả trăng già,
Trêu nhau chi mãi chẳng tha thế này ?
Kể từ ngày tha hương [7] gặp gỡ,
Chữ chung tình [8] để nợ cho nhau.

---

1. *Nợ hồng trần: (hồng:* đỏ, *trần:* bụi) nợ trong cõi đời bụi bậm.
2. *Người hồng nhan:* người con gái đẹp.
   Kiếp hồng nhan có mong manh (T.K.).
3. *Phó âm: (phó:* báo tang, báo tin chết) báo tin người chết.
4. *Lò vàng:* lò hương, chữ *vàng* được dùng cho đẹp lời.
5. *Chén ngọc:* chén rượu, chữ *ngọc* được dùng cho đẹp lời để đối với chữ *vàng* ở trên.
6. *Cung mây:* chỉ mặt trăng ở giữa từng mây. Trong mặt trăng có cung Quảng Hàn, chỗ Hằng Nga ở. Đây ý nói hương hồn Quỳnh Như lên ở cõi tiên *(Thiếp xưa dự bậc tiên nga* - c. 795).
7. *Tha hương: (tha:* khác, *hương:* quê) sống ở nơi đất khách quê người.
8. *Chung tình: (chung:* un đúc lại) ái tình rất mật thiết như un đúc cả vào một người.

http://tieulun.hopto.org

Ái ân mấy nỗi xưa sau,
Lời vàng đá [1] ấy dễ hầu đơn sai.
Giận vì ai làm sao thèo đảnh [2],
Để cho người canh cánh đôi phương.
Xui nên trắc trở mọi đường,
Nghĩ nông nỗi ấy như vương mối sầu.
Nguyệt làu làu, vẻ thu lấp lánh,
Chén lương thần [3] lóng lánh gương in.
Đông sang, tuyết đượm áo chiên,
Khúc đàn lạc sự gảy xen tính tình.
Mái xuân đình đóa hoa sặc sỡ,
Bức thưởng tâm [4] rờ rỡ nét hương.
Hạ về gió lọt lầu trang,
Vịnh chơi mỹ cảnh bên tường mấy thơ.
Bỗng bây giờ tuyết tan gió lạnh,
Hoa phai màu, nguyệt lánh thềm lan.
Thơ vịnh oán, rượu chân hàn [5],
Bức tranh vẽ thảm, cung đàn gảy thương.
Giá sầu gương, bình ngân [6] tủi sáp,
Nếp tàn hương phong hộp châu lan [7].
Bụi phong đôi chút điệp hoàn,
Mãng [8] phai trầm bạch, lò tàn xạ hương.
Nghĩ những đường éo le trêu ghẹo
Gớm ghê cho mụ mối thày lay [9] !
Làm cho gàn quải [10] duyên này,
Nẫu nà [11] thay để cho đây chữ tình !
Ấy vì mình hồng nhan bạc phận,

---

1. *Lời vàng đá:* lời thề thốt ước nguyện với nhau sẽ không bao giờ phai lạt mà sẽ bền vững như vàng với đá.
2. *Thèo đảnh:* nhẹ dạ, hời hợt, bông lơn (Génibrel).
3. *Chén lương thần: (lương:* tốt, *thần:* buổi sớm) chén rượu uống buổi sớm lúc trời tốt.
4. *Thưởng tâm:* tâm ý vui vẻ.
5. *Chân hàn:* chữ *hàn* là do chữ *hờn* đọc chạnh ra cho hợp vần cũng như *đàn* đọc thành *đờn, lan* thành *lơn.*
6. *Bình ngân:* bình bạc.
7. *Hộp châu lan:* hộp đựng son tô môi bằng gỗ mộc lan.
8. *Mãng:* áo thêu (Génibrel).
9. *Thày lay:* mua lấy việc không phải của mình.
10. *Gàn quải:* ngăn trở.
11. *Nẫu nà:* đau đớn đến tan nát cả cõi lòng.

http://tieulun.hopto.org

Hay vì ta gặp vận đa gian [1] ?
Cho nên lắp lúc nhỡ nhàng,
Dẫu sao thì vậy đã cam một bề.
Thuở phân kỳ hai đường u hiển [2],
Hương hồn thiêng xin đến ở đây.
Triện hương ngát, chén rượu say,
Văn này ngỏ giãi, lòng này bao nguôi ?
Có khi vắng vẻ hiên mai,
Trướng trong êm giấc, lầu ngoài sang canh.
Thấy người thấp thoáng dưới mành,
Dường đeo chiều thảm, dường quanh mối sầu.
Trình rằng: "Thiếp ở vân lâu [3],
Cám ơn công tử, xuống hầu tạ qua.
Thiếp xưa dự bậc tiên nga,
Yến Quỳnh Dao, sẩy chén hoa, mắc đày
Mười lăm năm, nhẫn tháng ngày,
Dao trì [4] lại được sánh bầy thiên tiên.
Thiếp tâu đã trót trần duyên,
Lại xin xuống để vẹn nguyền trần gian.
Xuân huyên [5] chàng trước muộn màn,
Đã bàn cúng Phật, lại bàn nhương tinh [6].
Cửu trùng [7] cảm đến lòng thành,
Sai kim tinh [8] xuống thác sinh cõi trần.
Chàng nay Thái bạch kim thân,
Ắt duyên ngư thủy [9], long vân gặp thì".

---

1. *Đa gian:* nhiều gian nan.
2. *Hai đường u hiển:* ý nói kẻ sống, người chết.
3. *Vân lâu:* cái lầu cao tận mây.
4. *Dao trì:* cõi tiên. Chỗ bà Tây Vương Mẫu ở.
5. *Xuân huyên:* cây xuân và cây huyên.

Xuân: cây xuân cao to và sống lâu nên người ta ví người cha với cây xuân.

Huyên: thứ cây nhỏ lá dài còn gọi là kim trâm, có tính giải sầu nên người ta ví với người mẹ.

Xuân huyên: chỉ cha mẹ.

6. *Nhương tinh: (nhương:* tế thần để trừ tai họa, dẹp trừ; *tinh:* sao) lễ dâng sao thường được tổ chức vào đêm nguyên tiêu (rằm tháng giêng) để cầu tiêu trừ tai nạn.
7. *Cửu trùng:* chín từng, chỉ ông trời.
8. *Kim tinh:* sao bản mệnh của người giỏi văn chương, tức Thái bạch kim tinh hoặc sao Trường canh.
9. *Duyên ngư thủy:* duyên may như cá gặp nước.

http://tieulun.hopto.org

Chàng nghe nói hết mọi bề,
Hỏi rằng: "Nàng biết nàng về đâu không ?"
Nàng rằng: "Thầy chửa phán xong,
Còn ban mệnh ấy vào trong Dao đài [1]".
Chuyện thôi từ tạ một lời,
Bốn phương gió thổi, một trời hương bay.
Giật mình chàng tỉnh giấc say,
Bút hoa tả lại sầu này một thiên.
Oanh ru bên trướng giấc hoa hồng
Say tỉnh hồn mai thực bướm ong.
Non nước mơ màng chừng lữ để [2],
Mây mưa phảng phất đỉnh Vu phong [3].
Quyên [4] *về viễn phố* [5] *hoa rầu rĩ,*
Nhạn tếch Hành Dương [6] *nguyệt não nùng.*
Đàn tiếng ly loan [7] *tay ngại gảy,*
Lấy ai lần gỡ mối sầu xong ?
Chàng thêm thắc mắc trong lòng,
Đã hoa liễu trận, lại phong sương hồi.
Cơn say tỉnh, lúc đầy vơi,
Đương năn nỉ nguyệt, bỗng cười cợt hoa.
Ma từng chữa [8], thuốc từng tra,
Thầy non Biển Thước [9], sư già Lão quân [10].
Bệnh mười chẳng giảm một phân,

---

1. *Dao đài:* lâu đài bằng ngọc dao, chỗ tiên ở.

2. *Lữ để: (lữ:* quán trọ, *để:* dừng, chờ đợi) mong chờ hão huyền nơi quán khách, *lữ mộng*: giấc mộng phù sinh, không có thực.

3. *Vu phong: (Vu:* non Vu, *phong:* chóp núi) điển Vu Sơn, chiêm bao thấy nữ thần Vu Sơn, hội ngộ với tình nhân, trai gái ân ái với nhau.

4. *Quyên:* chim đỗ quyên. Tiếng chim đỗ quyên kêu làm lữ khách thêm nhớ nhà.

5. *Viễn phố:* bến xa.

6. *Hành Dương:* một trong năm dãy núi lớn (Ngũ Nhạc) của Trung Quốc, thuộc tỉnh Hồ Nam.

Nhạn tếch Hành Dương: nhạn bay thẳng về Hành Dương, không trở lại, ý nói không có tin tức gì.

7. *Ly loan:* loan phụng thường đi đôi với nhau, nay chim loan bị chia rẽ là nói đến tình duyên bị tan vỡ.

8. *Ma từng chữa:* người nhà đã cho là Phạm Kim bị ma làm nên đã cầu cúng để trừ ma.

9. *Biển Thước:* danh y Trung Quốc đời Xuân Thu.

10. *Lão quân:* tức Lão Tử, đời Chu, họ Lý tên Nhĩ, là thủy tổ của đạo gia. Người ta còn tôn Lý Nhĩ là ông tổ của đạo phù thủy và là bậc chúa tiên.

http://tieulun.hopto.org

Rè chuống, thủng trống, sai cân, mòn cầu.
Thiếp Minh đô [1] cũng xấu mầu [2],
Thư phong chữ kín, gương lầu bóng không [3].
Kinh cầu văn cũng dơ tuồng,
Ráo bình nước phép, nhẫn vòng trang thiêng [4].
Thôi vẻ đạo, lại mầu tiên,
Gieo khăn bắc nhịp cầu lên mấy lần.
Bùa trấn quỉ, ấn khu thần [5],
Giá phong [6] *chú nhiệm, đằng vân* [7] *phép mầu.*
Dẫu qua một tọa thư lâu [8],
Rải vàng hai dãy, đính châu ba tòa.
Quân thiều [9] nhạc tấu tiên nga,
Điệu tham Nghê vũ [10], khúc pha sinh hoàng [11].
Quỳnh nương phong hộp linh đan,
Gửi đồng đưa xuống chữa chàng phong sương.
Viêm lô đem lại thiều quang,
Chồi mai mưa thụy, cành dương gió hòa [12].
Thong dong mở tiệc thanh ca,
Chàng cho Hồng yến thất gia [13] vẹn nguyền.
Miền vân phố, mái thư hiên,
Hoa lay cầm kiếm, trăng in điển phần [14].

---

1. *Minh đô: (minh:* tối) kinh đô mờ tối tức âm phủ.

Thiếp Minh đô: phép phù thủy làm cho người ta mê đi như chết để sai linh hồn xuống âm phủ tìm người chết.

2. *Xấu mầu:* không có mầu nhiệm nữa.

3. *Thư phong... bóng không:* cả câu ý nói người nhà Phạm Kim có đánh đồng thiếp mà cũng không tìm được Quỳnh Như.

4. *Nhẫn vòng trang thiêng:* bản Lê Dư chép là *trang linh* thì lạc vận. Chữ thiêng cũng có nghĩa tương tự mà lại hợp vần.

5. *Ấn khu thần:* ấn đuổi được ác thần.

6. *Giá phong:* cưỡi gió.

7. *Đằng vân:* cưỡi mây.

8. *Một tọa thư lâu:* một tòa lầu nhà đọc sách.

9. *Quân thiều:* tên một khúc nhạc tiên.

10. *Nghê vũ: (nghê:* cầu vồng) điệu múa tiên mặc áo bảy màu.

11. *Sinh hoàng:* khúc hát có tiếng sênh tiếng phách hòa theo.

12. *Viêm lô... gió hòa:* cả hai câu tả cảnh Phạm Kim đã khỏi bệnh.

13. *Thất gia:* nhà cửa, gia đình.

14. *Điển phần:* sách cổ, văn chương sách vở.

http://tieulun.hopto.org

VIII

Phạm Kim đi tu

Thày lay [1] thay đứa tiểu nhân,
Tiếng phi thường biết mấy lần mỉa mai ?
Gian nan vì một chữ tài,
Chẳng hay con tạo quấy người ta chi ?
Âu là lánh chốn thị phi [2],
Tìm nơi phong nguyệt, qua thì vân lôi [3].
Một sư, một tiểu thảnh thơi,
Cảnh thanh có chốn đợi người thánh tăng.
Kim Sơn phong cảnh đâu bằng ?
Hoa đưa chén cúc, hương lừng án thông.
Mành rủ liễu, tán giương tùng,
Trúc khua phách lá, lan lồng áo tiêu.
Đèn trăng tỏ đóa hoa điều,
Cửa hang gió thổi, tiếng điêu [4] dập dìu.
Đầu non vượn hót, khỉ trèo,
Cây kề cửa động, hoa leo mái già.
Chim gà gióng dõi tiếng ca,
Nước tuôn khe biếc, khói pha lá vàng.
Kinh [5] thủy sám [6], kệ [7] kim cương [8],
Rẩy cành Cam lộ [9], thét gươm Đại hùng.

---

1. *Thày lay:* không phải việc của mình mà cũng mách lẻo. Ý nói có kẻ mật báo Phạm Kim hoạt động chống lại triều đình, ám chỉ Phạm Thái chống lại Tây Sơn.

2. *Chốn thị phi: (thị:* phải, *phi:* trái) chốn có dư luận không hay, không biết phân biệt phải trái, nguy hiểm.

3. *Vân lôi: (vân:* mây, *lôi:* sấm) thời buổi làm mây làm sấm, ý nói anh hùng gặp cơ hội.

4. *Tiếng điêu: (điêu:* cái chiêng to) tiếng chiêng.

5. *Kinh:* theo *nghĩa rộng* là hết thảy giáo pháp mà đức Thế Tôn nói ra, theo *nghĩa hẹp* là kinh điển ghi chép những lời đức Phật nói ra, trong đó cũng gồm cả một số lời do đệ tử nói.

6. *Thủy sám:* sách về tu pháp chứ không phải kinh.

7. *Kệ:* một thể văn ở trong kinh Phật, cứ mỗi thiên kinh thường có một bài *kệ*, là lời tán tụng diễn dịch đại ý trong kinh ra. Vì bài *kệ* thâu tóm hết ý nghĩa của một thiên kinh nên gọi là *kiệt* (thâu tóm hết). Nhà Phật làm thơ gọi là *kệ* và làm văn gọi là *biệt* (kệ biệt).

8. *Kim cương:* kinh chứ không phải kệ, tên gọi chính thức là *Kim cương bát nhã kinh*.

9. *Cam lộ:* nước móc ngọt. Nhà Phật tin rằng đức Quan Âm thường dùng nước cam lộ trong tĩnh bình và dùng cành dương vẩy làm phép để làm tiêu tan nỗi khổ của chúng sinh.

http://tieulun.hopto.org

Úm ma ni bát minh hồng [1],
Kình vang tiếng giác, cá giong giọng từ.
Nguyện Di Đà [2], niệm Tỳ Lư [3],
Bồ đề [4] là đạo, Chân Như [5] ấy lòng.
Miệng ăn trai giới [6] lạ lùng,
Chán màu ly thái lại đồng thủy thoa.
Hoa bát nhã, quả ba la [7],
Ấp hương giải thoát [8], đeo hoa ưu đàm [9].
Mũ ni, gậy trúc, giày rơm,
Dấn sồng vải mỏng, nhuộm chàm thổn thưa.
Chiều thanh lịch, vẻ trai lơ,
Vãi lờ đờ dạng, tiểu lơ thơ tuồng.
Tu hành nhờ đức Thế Tôn [10],
Ắt say sưa đạo, lại buồn bồng duyên.
Lọ là khấn vái thiên tiên,
Cậy Phật Bà [11] với Mục Liên [12] xét tình.

---

1. *Úm ma ni bát minh hồng:* lời thần chú có nghĩa là cầu được lên tòa sen ngọc báu.

2. *Di Đà:* tên gọi tắt của đức Phật A Di Đà (Amita).

3. *Tỳ Lư:* tên gọi tắt của Tỳ Lư Xá Na tức Đại Nhật Như Lai.

4. *Bồ đề:* do chữ Phạn *Bodhi,* xưa dịch là đạo, nay dịch là giác nghĩa là giác ngộ. *Bồ đề bảo thụ* là cây bồ đề mà đức Thích Ca ngồi dưới gốc trước khi giác ngộ.

5. *Chân Như:* cái chân lý thực thể thực tính mà đời đời không thay đổi. Cũng có thể xưng hiệu Phật là *chân như.*

6. *Trai giới:* ăn chay và răn mình.

7. *Bát nhã... ba la:* do chữ Phạn Prajnaparamita. *Prajna* dịch là trí tuệ. Lấy trí tuệ soi tỏ thực tướng, làm con thuyền, cái bè đưa chúng sinh từ bờ sinh tử sang bên kia là niết bàn, do vậy gọi là *bát nhã ba la mật* (paramita).

Ba la mật dịch là *độ* hoặc là sang tới bờ bên kia.

8. *Giải thoát:* trừ bỏ cái ngu mê của thế tục mà được giải ngộ về cõi Phật.

9. *Ưu đàm:* do chữ Phạn *udumbara,* còn gọi là ô đàm, tên hoa. *Hoa ưu đàm* 3000 năm mới xuất hiện một lần. Vì hoa ít xuất hiện nên trong kinh thường ví sự hiếm có.

10. *Thế Tôn:* vì đức Phật có đủ muôn đức được thế gian tôn trọng nên gọi là *Thế Tôn.*

11. *Phật Bà:* tức Phật Bà Quan Thế Âm hoặc Quan Thế Âm Bồ Tát.

12. *Mục Liên:* tín đồ đạo Phật, tu hành đắc đạo, đã xuống địa ngục cứu mẹ vào ngày rằm tháng bảy. Do đó có lễ *"xá tội vong nhân".*

http://tieulun.hopto.org

PHẦN THỨ BA

Phạm Kim và Thụy Châu

I

Thụy Châu sinh ra và càng lớn lên càng đẹp

Máy thiền [1] cho biết cùng xinh
Bỗng đâu xe pháp [2] lại nhanh chuyển vần.
Trương công [3] gặp lúc gian truân,
Một niềm ái quốc trung quân chẳng rời.
Phù nguy rắp tỏ chí trai,
Nhưng thì người dễ đem trời lại ru [4] ?
Cỏ hoa ngày tháng ưu du,
Một non sông phó xuân thu [5] phẩm bình.
Đã ngoài sáu dật [6] qui linh [7]
Phương Đông lại rạng tiểu tinh [8] một nàng.
Sinh châu [9] sực ứng điềm lan [10],
Phòng hương ngọc nữ quang nhan khác vời.

---

1. *Máy thiền: (thiền:* do chữ Phạn *dhyana* = thiền na gọi tắt, có nghĩa là lặng nghĩ suy xét vì đạo Phật lấy thanh tĩnh xét tỏ chân lý làm tôn chỉ) ý nói sự mầu nhiệm của đạo pháp đã khiến mọi người có nhân quả như cái máy vần chuyển.

2. *Xe pháp:* do chữ *pháp luân* là bánh xe pháp, có nghĩa là lời thuyết pháp của đức Phật không dừng lại ở một người nào, ở một chỗ nào mà cứ xoay chuyển như bánh xe để truyền đạt cho mọi người và có thể phá vỡ tội ác chúng sinh.

3. *Trương công:* tức Khiến Xuyên hầu, bạn của Phạm công.

4. *Đem trời lại ru:* ý nói khó thay đổi được việc trời đã định, ám chỉ khó cứu được Nhà Lê khỏi suy vong.

5. *Xuân Thu:* kinh Xuân Thu là sách sử ký nước Lỗ của Khổng Tử soạn ra với những lời bình luận khen chê. Ở đây có nghĩa là để cho lịch sử phẩm bình.

6. *Sáu dật: (dật:* yên vui) ý nói đã ngoài sáu chục tuổi.

7. *Qui linh: (qui:* rùa, *linh:* tuổi) tuổi rùa, ý nói trường thọ.

8. *Tiểu tinh:* nếu theo nghĩa của chữ này thì phải giảng là vợ bé nhưng ở đây lại phải hiểu là một nàng con gái nhỏ vì chữ ấy chiếu xuống câu dưới *"sinh châu sực ứng điềm lan"*.

9. *Sinh châu:* do câu *lão bạng sinh châu* (con trai già sinh ra ngọc) ý nói tuổi già mà sinh con quý.

10. *Điềm lan:* do chữ *mộng lan.* Vợ hầu Trịnh Văn Công (Xuân Thu) nằm mộng thấy cây lan mà sinh ra con trai sau là Mục Công. (Ngày nay đàn bà có chửa gọi là *mộng lan).* Ở câu này cũng như ở câu 896 (chữ *tiểu tinh)* chữ *điềm lan* cũng phải hiểu nghĩa khác đi là sinh con gái thay vì trong điển là sinh con trai.

http://tieulun.hopto.org

Lưng liễu uốn, miệng hoa cười,
Có sen cốt cách, có mai tinh thần.
Sá so Phi Yến [1], Triều Vân [2],
Biện Cầm nhường lứa, Thái Tần [3] kém đôi.
Hào hoa ấy gái mà trai,
Đã ba Quỳnh Ngọc lại hai Minh Hà.
Chiều xuân trăm vẻ nẫu nà [4].
Nức hương bồ liễu, xôn hoa hải đường.
Châu sơ chỉn xứng tân trang,
Y lời ước, đặt tên nàng Thụy Châu.
Thức hoa vừa bước xuân thâu,
Hương khuê đủ việc, thư lâu đủ tài.
Tiếng thơm lừng lẫy trong ngoài,
Dậy vùng huyện xích, nức nơi châu Thần.
Thời vừa lệnh kén tài nhân,
Khuê viên dễ mấy cung tần giá kia ?

II

Thụy Châu vốn tính phóng khoáng,
cải trang làm đạo sĩ đi chơi khắp nơi

Nàng bèn đổi dạng nam nhi,
Đồ nâu sồng [5] sẵn tiên y, đạo bào [6].
Tiểu đồng ấy lại mới hào,
Nàng My Oanh cạo trái đào hoa gioi.
Túi thơ, phím trúc hẳn hoi,
Ngâm vừng minh nguyệt, giong hồi thanh phong.
Cuộc cờ, chén rượu thong dong,

---

1. *Phi Yến:* người con gái đất Thành Dương, có nhan sắc, được Hán Thành Đế tuyển vào cung rồi được lập làm Hoàng hậu. Khi vua băng, Ai Đế phong làm Hoàng Thái hậu. Nhưng khi Bình Đế lên ngôi thì bị phế làm thứ nhân. Phi Yến sau tự sát.

2. *Triều Vân:* chỉ tên một người đàn bà đẹp, chưa rõ là ai

3. *Thái Tần:* Giang Thái Tần người đất Bồ Điền, được tuyển làm cung phi đời Đường Minh Hoàng, rất được nhà vua sủng ái. Sau vua tuyển được Dương Ngọc Hoàn, phong làm Quý Phi thì Thái Tần bị thất sủng.

4. *Nẫu nà:* đúng ra phải viết là *nõn nà* mới có nghĩa là đẹp mơn mởn.

5. *Nâu sồng:* màu nhuộm bằng nâu bằng sồng. Nói chung đồ mặc của người tu đạo Phật.

6. *Đạo bào:* áo của người đạo sĩ.

http://tieulun.hopto.org

Được thua hội ấy, lạt nồng mùi kia.
Khói hòe [1] nấu liễu đòi khi,
Chè mai cốt, bánh tùng chi sẵn nhiều.
Hoàng tinh [2] sơn dược mấy liều,
Đồ trưa: kim cúc, đồ chiều: ngọc chi.
Nhân sâm, ý dĩ [3] liệu ky [4],
Sớm vui tùng bách, tối bì trầm hương.
Luyện tu biết mấy linh đan,
Hút mây từng tháng, thở sương từng thì.
Mới hay thay, lẽ huyền vi [5],
Đạo thanh tĩnh, phép từ bi nhiệm mầu.
Dần dần dắt mối duyên nhau,
Dưới trăng tỏ thắm, doành câu lá hồng.
Nàng từ giả dạng tiên phong [6],
Mấy miền non thẳm, mấy vùng sông khơi.
Thích tình ngoạn thưởng qua chơi,
Đến miền cảnh thú ấy nơi ngâm bình.

III

Đến Kim Sơn, Thụy Châu tỏ tài văn thơ

Nghe Kim Sơn [7] rất phong tình
Nghĩ rằng cảnh Phật, trời dành đãi tiên.
Giục Oanh sắm sửa ngâm tiên,
Tìm duyên Bồng đảo, hỏi miền Vũ Lăng.
Ca chim, đàn suối, phách rừng,
Chiếu mây rải đá, đèn trăng treo tùng.
Phong quang mấy vẻ não nùng [8],
Đem miền Tây Trúc [9] về vùng Nam giao.

---

1. *Khói hòe:* khói của gỗ cây hòe dùng để nấu bếp.
2. *Hoàng tinh:* thứ cây có rễ củ dùng làm thuốc hoặc xay làm bột để ăn.
3. *Ý dĩ:* thứ cây nhỏ thuộc loại ngũ cốc, có hạt dùng làm thuốc được.
4. *Liệu ky: (ky* hoặc *cơ:* đói) ăn cho đỡ đói.
5. *Huyền vi:* sâu kín nhỏ nhặt.
6. *Tiên phong:* phong thái người tiên.
7. *Kim Sơn:* tên một ngôi chùa.
8. *Não nùng:* đẹp xinh.
9. *Tây Trúc:* tức xứ Ấn Độ, nơi đất Phật.

http://tieulun.hopto.org

Một bầu thế giới thu vào,
Cảnh tình có vẻ, thanh tao có màu.
Lên tựa mát mái chung lâu,
Thấy bên vách phấn có câu thơ đề.

Thơ

Thích tình từng trải thú sơn hà,
Phong cảnh đây ru mới gọi là !
Doành chở bè từ [1] *vờn sắc ngọc,*
Đỉnh in trăng tuệ [2] *tỏ màu hoa.*
Véo von bối kệ [3] *khua chim pháp,*
Réo rắt đàn thông gảy gió hòa.
Dẫu chẳng tiên ru ? Nhưng chẳng tục,
Mới hay rằng Phật cũng là ta.
Xem thôi giở bút nghiên ra,
Hứng ngâm một luật tục hòa bốn câu:

Thơ họa

Đã khắp sơn lâm khắp hải hà,
Khen đây cảnh trí khéo thay là !
Gió từ hây hẩy đưa buồm gấm,
Trăng tuệ làu làu rạng tán hoa [4].
Tiu [5] *điểm tiếng kinh xen trống giục,*
Mõ giong giọng kệ lẫn chuông hòa.
Nào ai là Phật, nào ai tục ?
Có biết tiên chăng ? Chẳng, gọi ta !
Đề thôi trông xuống cửa già [6],

---

1. *Bè từ:* đạo từ bi của đức Phật như cái bè từ chở chúng sinh qua bến mê, bể khổ.

2. *Trăng tuệ:* cái trí tuệ của đức Phật như ánh trăng soi sáng cho chúng sinh được giác ngộ.

3. *Bối kệ:* câu kệ viết trên lá cây bối đa.

4. *Tán hoa:* vành cánh hoa hình tròn.

5. *Tiu:* nhạc khí bằng đồng hình như cái bát úp của thầy cúng thường dùng để đánh với cái cảnh.

6. *Cửa già: (già:* già lam) cửa chùa.

http://tieulun.hopto.org

Chữ *nhàn* đối *tục* tán ra lẽ mầu:
Người ở bên hang [1] âu hẳn tục,
Trăng vào trong cửa [2] ắt là nhàn.
Cười rằng: "Liễn ấy chẳng hào,
Đã *nhàn* thôi lại mang vào *tục* chi ?"
Nàng bèn lấy bút cải đề,
Chữ ra lạc thảo, thế đi cẩm triền [3].
Trời xuống lòng người [4] âu hẳn Phật,
Người về bên núi [5] ấy là Tiên.
Viết rồi lại thấy cửa chiền [6],
Tả biên chiếc lẻ, hữu biên chưa đề.
Khách hồng trần lơ láo bước phu hư,
Lối kim cổ ra vào sinh tử mãi
Cho ai là kẻ cao kỳ,
Thì xin đối lại bên kia cho cùng.
Nàng xem chẳng quản ngại ngùng,
Bút hoa viết lại một dòng bên sau:
Thợ huyền tạo khéo khôn tay ảo diệu
Then kiền khôn mở đóng tịch triêu mau.
Đối thôi thượng ngoạn giờ lâu,
Cầm giang [7] ba điệu, ca mầu năm cung.

---

1. *Người ở bên hang:* người (chữ Hán là *nhân* 人) hang (chữ Hán là *cốc* 谷), chữ 人 đặt bên chữ 谷 thành chữ 俗 (*tục*).

2. *Trăng vào trong cửa:* trăng (chữ Hán là *nguyệt* 月) cửa (chữ hán là *môn* 門), chữ 月 đặt trong chữ 門 thành chữ 閒 (*nhàn*)

3. *Chữ ra... cẩm triền:* nét chữ viết bay bướm (lạc thảo) mà uốn lượn như múa trông đẹp tựa gấm (cẩm triền).

4. *Trời xuống lòng người:* trời (chữ Hán là *thiên* 天), người (chữ Hán là *nhân* 人); chữ 人 đặt bên chữ 天 thành chữ 仟 (*Phật*). Chữ Phật thường viết là 佛 .

5. *Người về bên núi:* người (chữ Hán là *nhân* 人), núi (chữ Hán là *sơn* 山); chữ 人 đặt bên chữ 山 thành chữ 仙 (*Tiên*)

6. *Cửa chiền:* (*chiền:* do chữ thiền đọc chạnh ra) cửa chùa.

7. *Cầm giang:* đánh đàn.

http://tieulun.hopto.org

IV

Phạm Kim (nhà sư) và Thụy Châu (đạo sĩ) gặp nhau, cùng nhau xướng họa

Xa xa trông thấy Nhạn đồng,
Mụ Oanh vẫy lại nói năng chuyện trò.
Rằng: "Tiên lang [1] khách giang hồ,
Nghe sư đạo đức, vả chùa thanh tân.
Cho nên chẳng quản xa gần,
Trước là đính lễ [2], sau phần qui y [3].
Phiền đồng vào bạch tôn si [4],
Nam vô lượng giác từ bi chăng là ?"
Nhạn rằng: "Sư phụ xuất gia,
Chân như để dạ, phồn hoa giác ngoài.
Tiểu tôi nay đã kính rồi,
Ở đây đi lại lắm người khéo ghê !
Tướng hình xem rất quái kỳ,
Chú thì Tùng Lĩnh, anh thì Mai Hiên [5].
Chẳng qua hết gạo lỡ tiền,
Túi thơ bầu rượu giả tiên dối đời.
Xem khi thơ, rượu lạ đời,
Thơ ngơ ngẩn lạ, rượu lời lẫm thay !"
Oanh rằng: "Đồng chẳng biết đây,
Người nay ba đấng, của nay ba loài.
Những là mến thú thanh trai,
Những nơi trọc cảnh sá hoài đến chi ?
Chùa thấp up, bụt đen sì,
Tiểu phềnh bụng gạo, sư bì da rau.
Mấy người sãi, vãi xấu mầu,
Má đen chó đá, mắt sâu sấu sành.

---

1. *Tiên lang: (lang:* chàng trai) người trẻ tuổi theo đạo tiên.
2. *Đính lễ: (đính:* cái chỏm đầu) cúi đầu sát đất để làm lễ.
3. *Qui y: (qui:* dốc lòng tin theo), nhà Phật có ba phép qui y: qui y Phật, qui y pháp và qui y tăng. *Qui y* là bỏ nơi tối tăm mà đem cả tấm thân quay về nơi sáng tỏ vậy.
4. *Tôn si:* tôn sư. Chữ *sư* đọc chạnh thành *si* cho hợp vần.
5. *Tùng Lĩnh... Mai Hiên:* chỉ cảnh tiên.

http://tieulun.hopto.org

Những tuồng nết quỉ dạ tinh,
Miệng tuy bồ tát [1] mà tình dạ xoa [2].
Phật về Tây Trúc ru mà,
Để cho những giống yêu ma quấy chùa ?
Thế mà cũng tiếng nam vô,
Gớm tuồng thô tục, nhớ trò trần ai !
Tiểu sao chẳng nghĩ ngắn dài,
Đem nơi ngu muội sánh nơi tài tình ?
Hãy còn tục vật chẳng thanh,
Sao người thanh cảnh mà tình trần gian ?
Nhạn rằng: "Ngán nhẽ đa đoan !
Dễ hầu đã tỏ thánh phàm được đâu ?
Thôi thôi vái cảnh các hầu,
Tài tình mấy kẻ bấy lâu tới miền ?
Người xưng chữ thánh, thơ tiên,
Thơ rông chó chạy, chữ nhem cua bò.
Vách vôi đen nhẻm như tro,
Chổi cùn biết mấy, rơm vò biết bao
Cũng đòi xưng lấy anh hào,
Chước gì nói phét, lệnh nào cấm đi ?"
Oanh rằng: "Gớm lẽ ngu si,
Mấy người thô tục biết gì người tiên ?
Nghĩ rằng Phật có lương duyên [3],
Bè từ nhẹ thảy [4], cửa thiền rộng khơi [5].
Nào hay nặng trĩu hẹp hòi,
Thế thì Phật cũng dối người thế gian.
Nhạn rằng: "Giáo phiệt [6], đạo quân [7],
Chở người thiện giác, dung đoàn chân như.

---

1. *Bồ tát:* gọi tắt của *Bồ đề tát thùy* (Bodhisattva) chỉ người đã tự giác được bản tính và phổ độ chúng sinh. Cũng gọi là *Phật Bồ tát.*
2. *Dạ xoa:* tên một loài quỉ: *xấu như quỉ dạ xoa.*
3. *Lương duyên:* nhân duyên tốt lành.
4. *Nhẹ thảy:* nhẹ thả.
5. *Rộng khơi:* rộng mở.
6. *Giáo phiệt: (phiệt:* cánh bè, tán dương phép Phật rất mầu cứu vớt người khỏi chìm đắm) dạy người ta về đạo từ bi, cứu vớt chúng sinh.
7. *Đạo quân: (quân:* thiên quân = tâm người) dạy cho người ta biết giữ lấy cái tâm cho yên vui.

Hai chữ này đã được giải thích qua câu *"chở người thiện giác, dung đoàn chân như".*

http://tieulun.hopto.org

Độ đậu những kẻ si mê [1] ?
Chớ đem trần tục trách về Phật duyên !
Xin người về nghỉ kẻo phiền,
Phiền người, vả lại bận thiền sư tôi".
Nàng nghe Nhạn nói nực cười,
Khen rằng: "Tiểu trẻ lắm lời khôn ngoan.
Bấy lâu những khách trần hoàn,
Ít người tuấn dật [2], lắm đoàn ngu mê.
Nhưng thì chẳng trách đồng chi,
Thử xem thơ đối bên kia thế nào ?"
Nhạn xem rồi gửi: "Thực hào [3] !
Thế mà lấy khách tục lưu sánh cùng !
Thứ tình cho được đội trông,
Thơ này vâng biết vào trong gửi Người".
Vừa khi am tĩnh thưởng mai,
Thấy thơ Nhạn gửi, sư coi khen kỳ.
Sai người dọn mái liên trì [4],
Sửa sang phương trượng [5] trai nghi đãi đằng [6].
Người đạo sĩ, kẻ thiền tăng,
Chuyện trò phép nhiệm, nói năng chước mầu.
Nàng rằng: "Đây thú thanh tao,
Với thiền sư cũng phong lưu khác thường
Cho nên hỏi lối tìm đường,
Lấy hằng tâm để cúng dường [7] làm duyên".
Tăng rằng: "Nặng đội khách tiên,
Xa xôi chẳng ngại lâm tuyền đến đây.
Tấc vuông [8] cũng thấu cao dày,
Người đã thành kính, Phật rày chứng minh.

---

1. *Si mê:* tâm ngu si mê muội ở sự lý, không tin luân hồi nhân quả, nghi ngờ chính pháp.

2. *Tuấn dật:* nhân tài cao siêu.

3. *Thực hào:* thực là tài trí, có tài cao.

4. *Mái liên trì:* mái nhà bên ao sen.

5. *Phương trượng:* phòng ở của sư trụ trì. Truyền rằng *thạch thất* (nhà đá) của cư sĩ Duy Ma Cật vuông vắn mỗi chiều có một trượng nên mới gọi là *phương trượng*.

6. *Đãi đằng:* thiết đãi, đón tiếp.

7. *Cúng dường: (dường* hoặc *dàng)* tức là *cung dưỡng* đọc chạnh ra, có nghĩa là đem lễ vật cúng vào nhà chùa.

8. *Tấc vuông:* do chữ *phương thốn* là tấc lòng.

http://tieulun.hopto.org

Những e khổ hạnh tu hành,
Nhạt không mùi tĩnh, vắng tanh cửa từ.
Hoa chểnh mảng, nguyệt ơ hờ,
Tuyết e ấp vẻ, gió [1] ngơ ngẩn chiều.
Cỏ hoa kết bạn dập dìu,
Nhiều bên tĩnh thú, ít liều trần duyên [2].
Lấy gì thết đãi khách tiên,
Đạo cao xin thấu lòng thiền này cho".
Nàng rằng: "Há quản thế ru?
Muốn đem duyên với giang hồ làm thân.
Tôi nay lánh chốn phong trần,
Kiền môn [3] góp lại thanh tân túi đầy.
Nước non một gánh nhẹ thay,
Lứa vui [4] gì gió, bạn vầy ả trăng.
Bụi trần rũ sạch lâng lâng,
Hoa hồng cười nói, tuyết ngân thưởng bàn.
Cuộc cờ, chén rượu, cung đàn,
Thơ ngâm Bành Trạch [5], tranh vờn Tiêu Tương.
Lợi danh sá quản tầm thường,
Yên hà cũng đủ phong quang góp đời".
Tăng rằng: "May đã tới vời,
Thì đều ngôn chí mỗi người một thiên".
Nàng rằng: "Thi hứng cũng nên,
Tăng thì tiên xướng, tôi xin tục đề".

---

1. *Hoa...nguyệt... tuyết .... gió:* tức phong hoa tuyết nguyệt chỉ các thú vui tiêu khiển. Cả hai câu ý nói từ bỏ hết mọi thú vui tiêu khiển.

2. *Trần duyên:* cảnh của lục trần tức *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp* vì chúng là sở duyên của tâm, làm dơ bẩn tâm tính.

3. *Kiền môn:* cửa trời.

4. *Lứa vui:* bản Lê Dư in là *lửa đôi,* chắc là chữ *lứa* bị in sai dấu. Chữ *lứa* này được đặt đối với chữ *bạn* ở vế sau: "bạn vầy".

5. *Bành Trạch:* Đào Bành Trạch tức Đào Uyên Minh (vì Uyên Minh có làm quan lệnh ở huyện Bành Trạch), người đời Tấn, bỏ quan ra về và có làm bài *Qui khứ lai từ* rất nổi tiếng mà trong văn chương ta xưa thường hay nhắc đến.

http://tieulun.hopto.org

Tăng xướng

Non xanh xanh nước cũng xanh xanh,
Non nước gồm hai thú hữu tình.
Non vững rường nhân lay chẳng chuyển,
Nước đưa màu trí ngắm càng thanh.
Thoáng hình chớp giật lòa kim cổ,
Phút bóng câu[1] *qua giục tử sinh.*
Trót với trần gian cho vẹn kiếp,
Những như tình cảnh cũng buồn tênh !

Nàng họa

Đã từng nước biếc lại non xanh,
Non nước cùng ta cũng lắm tình.
Non chở thảo hoa vầy bạn cũ,
Nước rờn phong nguyệt góp người thanh.
Thoi đưa ảo cảnh hồn như mộng,
Khóa chặt tuần hoàn[2] kiếp hữu sinh.
Đeo đẳng phù sinh[3] chi bận với,
Để cho non nước những buồn tênh ?
Ngâm thôi, so sánh tài tình,
Đã hay thi họa lại tinh cầm kỳ.
Nàng say thú lạ giang khê,
Có thiên tức cảnh, có đề đăng sơn.
Từ Vọng thạch[4], điệu Quan lan[5],
Ngâm chung các, vịnh thiền quan mấy bài.

---

1. *Bóng câu:* do thành ngữ *bạch câu quá khích* (ngựa trắng phi qua khe cửa) ý nói thật nhanh, thoáng một cái đã qua đi.
2. *Tuần hoàn:* theo thứ tự mà xoay vần.
3. *Phù sinh:* cuộc đời ngắn ngủi.
Tuồng ảo hóa đã bày ra đó, kiếp phù sinh trông thấy mà đau (C.O.).
4. *Từ Vọng thạch:* bài từ nhan đề là *Vọng thạch* (trông núi đá).
5. *Điệu Quan lan:* bài ca nhan đề là *Quan lan* (xem sóng).

http://tieulun.hopto.org

V

Sau lúc từ biệt, hai người nghĩ tới nhau
và cùng nghi ngờ về nguồn gốc của nhau

Thong dong giã mái thanh trai,
Tạ sơn tăng, lại thảnh thơi lên đường.
Thênh thênh thuyền bách [1] nhẹ nhàng,
Nước xanh lần chở, gió vàng thẳng đưa.
Kìa đâu chiền sớm [2], chợ trưa,
Chày boong boong nện, khói mờ mờ bay.
Kìa đâu doành nguyệt, am mây,
Cô giong chỉ thắm, chị lay đóa vàng.
Kìa đâu bãi giá ngàn sương,
Cây pha tuyết bạc, địch dàn cỏ xanh.
Kìa đâu hoa phố liễu doanh [3],
Tiếng vang công cổ [4], vẻ kinh thế thần [5].
Nàng về đến chốn lầu xuân,
Với Oanh bàn bạc giai nhân mấy người.
Oanh rằng: "Tăng lối [6] khác vời,
Trách con tạo nỡ hẹp hòi cho nên.
Hay là gióng giẫy [7] trần duyên,
Ngại ngùng tục giới, nức nguyền tĩnh phương [8] ?
Hay là mắc tiếng phi thường [9],
Tìm nơi u tịch, lánh đường phong ba [10] ?

---

1. *Thuyền bách:* thuyền làm bằng gỗ bách.
2. *Chiền sớm:* ý nói đến tiếng chuông chùa buổi sáng sớm.
3. *Hoa phố liễu doanh:* tức *phố* và *doanh* (phố sá) còn hoa và liễu chỉ được thêm vào cho đẹp lời.
4. *Công cổ:* thợ thuyền và người buôn bán.
5. *Thế thần:* chỉ những người làm quan to (có lâu đài tráng lệ).
6. *Tăng lối:* ý nói cách đi đứng ăn nói của nhà sư.
7. *Gióng giẫy:* ruồng rẫy, từ bỏ.
8. *Tĩnh phương:* cảnh chùa vì đạo Phật lấy sự thanh tịnh làm gốc.
9. *Tiếng phi thường:* ý nói Phạm Kim (ám chỉ Phạm Thái) có hoạt động gì chống lại triều đình (ám chỉ nhà Tây Sơn).
10. *Phong ba:* sóng gió, chỉ tai họa bất kỳ.

http://tieulun.hopto.org

Tiếc thay những bậc tài hoa,
Phải đem châu báu mà pha cát lầm.
Nam vô cứu khổ Quan Âm,
Phật duyên độ lấy trần tâm chăng là."
Chàng từ trở gót chiền gia [1],
Bao Nhạn đồng, hết gần xa mọi điều.
Ta xem người ấy mỹ miều,
Và đường ăn ở ra chiều nữ nhân.
Chữ thì lắm vẻ thanh tân,
Giọng thơ mầu ngả đượm phần hương hoa [2].
Nhạn rằng: "Tôi chửa nghĩ ra,
Chốn này chẳng thấy ai là nữ lang [3].
Miền xa xôi cũng chưa tường,
Hay Quan Âm lại tìm đường thử thanh [4].
Nếu mà người thú thị thành,
Dò ra lâu cũng biết tình, chẳng thông."
Chẳng còn nghi tín chưa xong,
Hỏi tiên âu phải phụ đồng thỉnh tiên.
Đốt lò, niêm áng bùa thiêng,
Rượu châm bạch tuyết, hoa truyền thanh hương.
Lưỡng khẩu thánh [5], cửu thiên lang [6],
Kinh đưa phách nguyệt [7], hạc nương bóng thần.
Bốn câu lạc thảo [8], thanh tân,
Có chiều cao viễn, có phần huyền vi.

---

1. *Chiền gia:* tức thiền gia, chỉ nhà chùa.
2. *Hương hoa:* ý nói có vẻ đàn bà con gái.
3. *Nữ lang: (lang:* con trai) con gái có tài học như con trai.
4. *Thử thanh:* thử (xem có phải là chân tu không)
Chữ *thanh* được đặt thêm coi như tiếng đệm.
5. *Lưỡng khẩu thánh:* vị thánh trấn giữ hai cửa khẩu.
6. *Cửu thiên lang:* vị thần trấn giữ trên chín tầng trời.
7. *Phách nguyệt: (phách:* phần tối trên mặt trăng) vía hồn vía.
8. *Lạc thảo:* viết thảo thật mau.

http://tieulun.hopto.org

Cửa Bắc cây chen màu "Thảo dĩ [1] ",
Lầu Nam nguyệt rạng vẻ "Trường cung [2] "
Lầu lầu vàng [3] đúc vành gương [4] báu,
Vành vạnh châu trao chiếc lược [5] hồng.
Chàng xem, mới bảo Nhạn đồng,
Rằng: "Lời thơ ấy ngụ trong gia tình.
Phạm Trương hai chữ rành rành,
Vả câu chiếc lược với vành gương kia.
Kim, Châu [6] mới lại tỏ ghê,
Kính nơi cảnh Phật, *sơ* về động Tiên.
Cho hay hai chữ nhân duyên,
Còn non nước cũ, vẫn nguyền ước xưa.
Phạm đây, Trương đấy, ai ngờ ?
Kìa *gương* chưa bụi, nọ sơ hãy mầu [7].
Nhưng thì Tiên Phật khác nhau,
Nón thuyền khôn chở, khăn cầu [8] khôn sang.
Đành rằng duyên phận nhỡ nhàng,
Đã gàn quải thế, hãy nương náu này.
Lòng vuông tấc, đức cao dầy,
Xét soi ắt cũng có ngày chẳng không."

---

1. *Thảo dĩ:* 艹 *(thảo)* 汜 *(dĩ)* = 范 *(phạm)* .
2. *Trường cung:* 弓 *(cung)* + 長 *(trường)* = 張 *(trương).*
3. *Vàng:* tức là Kim (tên của Phạm Kim).
4. *Gương:* tức là kính.
5. *Lược:* tức là sơ.
6. *Châu:* tên của Trương Châu.

Bốn câu thơ tiên giáng bút nói đến ước cũ gương lược *(sơ kính)* của Phạm Kim và Trương Châu.

7. *Sơ hãy màu:* lược hãy còn mầu nhiệm.
8. *Nón thuyền... khăn cầu:* ý nói đến phép tiên như nón làm thuyền, khăn làm cầu cũng hết hiệu nghiệm.

http://tieulun.hopto.org

VI

Phạm Kim bỏ tu hành, tới ngụ nhà Trương công

Chàng từ nấn ná phạm cung [1]
Tòa sư, mệnh Thích [2] cửa rồng [3], chí Nho.
Nom cung Lỗ, tắm sông Thù [4]
Thương Lang [5] giặt dải, vũ Vu gióng đàn [6].
Bóng thư đăng tỏ thiền quan,
Càng gào mõ cá, càng dàn kinh Lân [7].
Bỗng nghe đồn tiếng huyện thân [8],
Bậc sư biểu [9] có cao nhân tót vời.
Giong lừa nghìn dặm xa xôi,
Đường thanh vân [10] rộng đón người thanh xuân.
Cửa Trình [11], thoắt đã gần gần,

---

1. *Phạm cung: (phạm:* sự thanh tịnh) ngôi chùa gọi là *phạm cung.*

2. *Mệnh Thích: (Thích:* tức là Thích Ca Mâu Ni (Sakyamuni) có nghĩa là Bậc tĩnh tịnh trong họ *Thích ca.* Ngài là Thái tử Tất Đạt Đa, con vua Tịnh Phạn (Suddhodana ở thành Ca tì la vệ (Kapilavatsu) nước Ấn Độ, sinh năm 563 trước Công nguyên, sau thấy cuộc đời có lắm cảnh khổ đau mới quyết chí dứt bỏ tục lụy để đi tu và trở thành Phật). Cuộc sống của nhà sư. Các nhà sư đều lấy họ Thích.

3. *Cửa rồng:* cửa vua. Con rồng là tượng trưng của nhà vua nên mặt vua được gọi là *mặt rồng,* áo vua mặc gọi là *áo rồng,* sân nhà vua gọi là *sân rồng.*

4. *Sông Thù:* con sông chảy qua nước Lỗ, là nơi đức Khổng Tử sinh nên thường dùng để nói đạo Nho.

5. *Thương Lang:* sông Thương Lang.

6. *Vũ Vu gióng đàn: Luận ngữ:* Khổng Tử hỏi chí học trò. Mỗi người trả lời một ý như phò vua và giúp dân. Chỉ có Tăng Điểm thưa: *"Xuân đã hết, muốn may bộ áo mỏng, rủ mấy đứa trẻ ra sông Nghi tắm, hóng gió ở đàn Vu, thong thả ca hát mà về".* Khổng Tử khen vì cho đó là ước muốn của đời thái bình.

7. *Càng gào... kinh Lân:* ý nói càng tụng kinh gõ mõ càng nhớ đến kinh sách của đạo Khổng.

8. *Huyện thân: (thân:* tấn thân, người thượng lưu) ông huyện có danh vọng.

9. *Sư biểu: (sư:* thầy, *biểu:* cái dấu hiệu đặt ra cho mọi người nhìn vào) bậc thầy có học thức rộng và đạo đức cao, đáng làm gương cho mọi người noi theo. Đức Khổng Tử được coi là *vạn thế sư biểu.*

10. *Thanh vân:* mây xanh. *Đường thanh vân:* đường công danh thi cử.

11. *Cửa Trình:* cửa nhà ông Trình Tử, một bậc đại Nho đời Tống, chính tên là Trình Di, hiệu là Y Xuyên, chú thích nhiều kinh truyện. Nghĩa bóng nói nơi giảng tập Nho học.

http://tieulun.hopto.org

Nam lâu dưỡng tính [1], Tây tân [2] kén tài.
Bèn vào yết kiến thư đài [3]
Trương Công gạn hỏi mọi lời phân minh.
Kim lang trạnh tủi gia đình,
Vả người hoàn tố [4] mà mình lũ lam.
Lẽ đâu tỏ nỗi hương quan,
Thưa trình: "Quê ở Thanh Lan gần miền.
Gia đình xảy gặp truân chiên,
Ngậm sầu cố quốc [5], đeo phiền tha hương.
Trộm nghe danh giá cao đường,
Dám đem thân mọn ngụ nương cửa hầu [6] ".
Trương Công thử thách mọi mầu,
Đã thông kinh sử, lại lầu văn chương.
Truyền người dọn mái thư đường,
Cảnh tình lắm vẻ thanh quang lạ lùng.
Sẵn sàng tứ bảo văn phòng [7],
Hương đầm mực bách, hoa lồng giấy dương
Cầm ly [8] gióng, giả câu lan,
Trúc êm bút thế [9] đá quang nghiễn trì [10].
Lời uẩn áo, lẽ huyền vi,
Lân la đàn Hạnh [11], gần kề tiếng chuông.
Trương công thấy vẻ văn phong,
Xót tài vả lại có lòng trọng Nho.

---

1. *Nam lâu dưỡng tính:* Trương công ngồi ở gác phía Nam để tu dưỡng tính tình.

2. *Tây tân: (tây:* phía tây, *tân:* khách) người khách ngồi ở phía Tây, chỉ người gia sư của những gia đình giàu có.

3. *Thư đài:* đài cao ngồi đọc sách.

4. *Hoàn tố: (hoàn:* lụa nõn, *tố:* lụa trắng) áo quần sang trọng.

5. *Cố quốc:* nước cũ, chỉ triều đại nhà Lê đã mất.

6. *Cửa hầu:* cửa nhà quyền quí.

7. *Tứ bảo văn phòng:* gồm bút, nghiên, giấy, mực.

8. *Cầm ly:* đàn có khảm ngọc lưu ly.

9. *Bút thế:* cách cầm bút và cách viết.

10. *Nghiễn trì:* ao nghiên. *Thú thôn ổ ao nghiên ruộng chữ* (T.T.K.).

11. *Đàn Hạnh:* tức Hạnh đàn, chỗ nền cũ của Khổng Tử giảng học, ở trước Khổng miếu, tại Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông.

http://tieulun.hopto.org

Cơm xẻ với, áo nhường cho,
Đạo cao, phép nhiệm nhỏ to dạy truyền.
Kim lang ăn ở ngụ miền,
Gác đường hoa liễu, mảng bên điển phần [1].

VII

Xướng họa từ nhạc

Thụy nương ở mái lầu xuân,
Sửa sang khổn pháp, chuyên cần nữ công.
Nhân dệt thắm, đức thêu hồng,
Đạo vờn bức vẽ, nghĩa lồng quyển thơ.
Phải chi giở đến Châu sơ,
Dường ngao ngán nỗi, dường ngơ ngẩn chiều
Oanh xem kém vẻ mỹ miều
Gửi nàng "Xuân sắc dường đeo đẳng phiền"
Nàng rằng: "Cũng có sự duyên,
Nhưng mà đâu dễ hỏi nên được nào ?
Phạm, Trương xưa nghĩa tương giao,
Thề nguyền hai họ, ước ao một lời.
Kính sơ [2], đôi chiếc đôi người,
Bỗng phong trần khiến cách vời non sông.
Dễ mà nhạn cá cho thông ?
Băn khoăn dạ bác, não nùng duyên con.
Ngậm ngùi kẻ khuất người còn,
Mà lời bể cạn, non mòn làm sao ?
Hỏi thăm mấy kẻ ra vào,
Càng nghe những nỗi âm hao [3] càng phiền.
Hầu môn thay dấu, đổi nền,
Đặt sân lá thắm, in thềm rêu xanh.

---

1. *Điển phần:* kinh sách.
2. *Kính sơ:* gương lược.
3. *Âm hao: (hao:* tin tức) tin tức.

http://tieulun.hopto.org

Biến dời mấy lớp vân tinh [1],
Dãi tường liệt nhật [2], treo cành nghiêm sương [3].
Chàng thì chịu tiếng phi thường,
Biết là dặm nguyệt ngàn sương chốn nào ?
Nhân duyên ai há nỡ liều,
Chẳng dời gan đá, chẳng xiêu lòng vàng ?
Hóa nhi mà chẳng bênh thương,
Một dường nước chảy, một dường lầu không.
Kẻo mà duyên phận long đong,
Đành rằng một kiếp má hồng [4] mà thôi !
Oanh rằng: "Ly hợp bởi trời,
Sức đâu nghĩ xiết sự đời thiệt hơn ?
Miễn là yên phận thanh nhàn,
Chớ lo chầy kíp, chớ bàn gần xa.
Hãy xin nâng nhắc ngọc ngà [5],
Kẻo chi sương nhuộm, gió pha lạnh lùng.
Nguyệt vừa tỏ, tuyết vừa đông,
Đào êm lá thắm, mai phong nhị vàng.
Lồng vẻ gấm, đượm mùi hương,
Kìa hoa mới nở, nọ gương chưa lòa.
Mà sao đã lệ xuân già,
Ngại ngùng chữ phận, nẫu nà chữ duyên ?
Thôi thôi xin chớ lo phiền,
Kính, sơ ắt cũng có phen soi, cài !"
Nàng rằng: "Oanh nói mọi lời,
Dập tàn lửa ái, tát vơi sóng tình".
Đỡ sầu mượn khúc dương tranh [6],

---

1. *Vân tinh: (vân:* mây, *tinh:* sao) ý nói đến cuộc đời đổi thay như mây ở trên trời hoặc sao đổi ngôi (vật đổi sao dời).
2. *Liệt nhật:* mặt trời quá nóng.
3. *Nghiêm sương:* sương quá buốt lạnh.
Cả hai câu 1243 - 1244 ý nói đến cảnh gia đình Phạm Kim bị biến đổi sa sút.
4. *Một kiếp má hồng:* ý nói đành ở vậy không lấy chồng.
5. *Nâng nhắc ngọc ngà:* ý nói giữ gìn tấm thân quí giá như ngà ngọc.
6. *Tranh:* đàn tranh.

http://tieulun.hopto.org

"Tiễn mai" một điệu dương hình oán thu.
Tuyết sương lác đác, nguyệt mờ mờ.
Quế nhạt hương đưa,
Sen nhạt hương đưa
Rải rác trên không nhạn lẳng lơ.
Oanh cũng thờ ơ
Bướm cũng thơ ơ
Chồi ngô gió thổi lá bơ xờ
Mai ủ hình thơ,
Trúc ủ hình thơ
Khúc dạ thanh ca[1] *khéo hững hờ.*
Cung Quảng[2] *xa xa !*
Cầu thước[3] *xa xa !*
Xa xa cầu Thước mấy lần,
Để Ngưu Nữ cách sông Ngân lạnh lùng.
Vẻ nghê vũ xếp phong bên trướng,
Lối cung tiên dễ mượn ai đưa ?
Cẩm vân mấy bức tình thư,
Thờ ơ thay cá, ngẩn ngơ thay nhàn !
Gượng vui gảy cung đàn một khúc,
Phím uyên ương lắm lúc chùng dây.
Nhân duyên khéo ngẩn ngơ thay !
Chẳng hay dì gió quấy rầy làm sao ?
Chàng đương tựa mái lầu cao,
Tiếng đàn văng vẳng lọt vào bên tai.
Rằng tri âm dễ mấy ai ?
Xưa nay cũng chửa có hai Nha, Kỳ[4].

---

1. *Khúc dạ thanh ca:* khúc hát đêm thanh.
2. *Cung Quảng:* cung trăng.
3. *Cầu thước:* cầu chim thước bắc ngang sông Ngân Hà cho Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau vào đêm Thất tịch (mồng 7 tháng 7).
4. *Nha, Kỳ:* (Bá Nha, Tử Kỳ) Bá Nha gảy đàn, Tử Kỳ nghe hiểu từng tiếng cao thấp nên gọi là tri âm.

http://tieulun.hopto.org

Bặc xuyên hoa điệp cao đê,
Chẳng cô Nguyệt lão cũng dì non Vu !
Trần hoàn ai dễ thấy ru ?
Ghẹo lòng du tử [1], quấy sầu tao nhân [2].
Cầm não ruột, khúc thanh tân,
Có chiều biệt hạc, có phần ly loan [3].
Cách chừng khôn lẽ hỏi han,
Dễ toan với nguyệt, khôn bàn với hoa.
"Thương xuân" họa lại một ca,
Kim phong [4] thổi lọt song sa [5] đưa vào.
Trăng soi vằng vặc vóc non mờ,
Loan thoảng hương đưa,
Cúc thoảng hương đưa
Trời in một sắc nước xanh lơ
Oanh nói u ơ.
Yến nói u ơ.
Cánh buồm chở nguyệt gió lay sơ
Lốm đốm sao thưa.
Phất phới sương thưa
Chinh nhân thổi địch lắng ơ hờ.
Thiều nhạc không xa !
Hoan hội không xa !
Không xa hoan hội mấy trùng,
Quan đăng [6] ai chẳng não nùng ngân hoa. [7]
Đoàn sĩ tử nhởn nhơ dưới nguyệt,
Khách thanh du [8] nhạc thét châu cung [9]

---

1. *Du tử:* người thích đi chơi ngoạn cảnh.
2. *Tao nhân:* khách văn nhân tao nhã.
3. *Biệt hạc, ly loan:* hình ảnh tượng trưng cho sự ngăn cách giữa hai người.
4. *Kim phong:* gió vàng, gió mùa thu.
5. *Song sa:* cửa sổ có rèm che bằng thứ lụa thưa.
6. *Quan đăng:* xem đèn.
7. *Ngân hoa:* hoa trắng như bạc.
8. *Thanh du:* tức là khúc *Thanh dạ du* của vua Tùy Dương Đế, ý nói khúc nhạc hay.
9. *Châu cung:* cung đàn quí hiếm.

http://tieulun.hopto.org

Kìa đâu cắt gấm, thêu hồng,
Đem thiều quan lại về vùng mộ thương. [1]
Chẳng lo mượn Đông hoàng [2] *sắm sửa,*
Mà thu quang cũng lứa xuân dung !
Ngạt ngào hẩy trận hương phong,
Đưa Ngưu, Nữ lại sang sông Ngân hà.
Nàng nghe mấy tiếng xa xa,
Biết rằng đàn ấy họa ca điệu mình.
Lời đài các, vẻ cung đình,
Như oanh hót liễu [3] âm thanh đủ màu.
Hỏi Oanh mọi nỗi xưa sau:
"Những ai là kẻ vào hầu bấy nay.
Bỗng nghe bên mái lầu Tây,
Tiếng đàn văng vẳng lạ thay, hỡi mình !"
Oanh rằng: "Có kẻ tài tình,
Chúa công [4] cho đến ngụ trong ngọc đường. [5]
Nghe đồn người ở Thanh Lan,
Bậc phong lưu [6] cũng khác làn sĩ nhân".
Nàng rằng: "Chẳng phải miền gần,
Thanh Lan đâu có thanh tân giữn người.
Tiếng đàn nghe cũng khác vời,
Vả từ hoa [7] ấy ra lời sơn tăng. [8]
Con ra nép xuống bóng trăng,
Nghé nhòm xem có phải chăng, cho tường !"
Oanh vâng ra mái thư đường,
Lại qua liếc thấy rõ ràng chẳng sai.

---

1. *Mộ thương:* ý nói khúc nhạc ban chiều nghe buồn bã.
2. *Đông hoàng:* như *đông quân* tức chúa xuân.
3. *Oanh hót liễu:* chim hót về mùa xuân, ý nói lời nhạc rất hay.
4. *Chúa công:* chỉ Trương công, ông chủ nhà.
5. *Ngọc đường:* nhà ngọc. Ngày xưa gọi Hàn lâm viên là *Ngọc đường* nhưng về sau chữ ấy cũng được dùng để gọi chung các nhà phú quí.
6. *Phong lưu:* đây có nghĩa là người có đức tốt, lịch sự, phong dạng cao sang.
7. *Từ hoa:* bài từ lời lẽ đẹp như hoa.
8. *Sơn tăng:* vị sư tu ở ngôi chùa trên núi.

http://tieulun.hopto.org

Trở vào trong chốn xuân đài [1],
Gửi rằng: "Thực kẻ có tài tri âm [2] !
Bây giờ gặp kẻ tri âm,
Nỡ lòng nào chịu bức trầm [3] cho đang.
Cũng toan tơ giá ngọc vàng,
Kẻo mà khách lấy tầm thường chê ta !"
Nàng rằng: "Sao nói thế mà,
Người là viễn khách, ta là khuê viên [4].
Khổn nghi [5] phải giữ phép nghiêm,
Vả xưa *lược* ấy đã nguyền *gương* kia.
Lẽ đâu trăng gió hai bề [6],
Còn non nước, để nữa e phẩm bình.
Mặc ai hoa liễu yến oanh,
Đá vàng ta tạc ân tình chẳng sai !"

VIII

Phạm Kim và Thụy Châu theo ước gương lược kết duyên với nhau và sau đó cùng nhận ra Thụy Châu là hậu thân của Quỳnh Như.

Kim lang tự họa cầm rồi,
Một mình trong chốn thư đài [7] nghĩ toan.
Lấy ai mà được thở than,
Việc phong tình ấy dễ bàn cho ra ?

---

1. *Xuân đài:* đài xuân, chỗ ở của Thụy Châu. Ngày xuân lên đài nhìn ra xa, tâm thần sung sướng.

2. *Kẻ có tài tri âm:* Mỵ Oanh khen Thụy Châu, cô chủ mình có tài nghe hiểu tiếng lòng của Phạm Kim, vị sơn tăng.

3. *Bức trầm:* ép cho chìm đi.

4. *Khuê viên:* người ở phòng khuê, ý nói con gái phải giữ gìn đức hạnh.

5. *Khổn nghi: (khổn:* cửa buồng, *nghi:* khuôn phép) khuôn phép lễ nghi trong chỗ khuê khổn.

6. *Hai bề:* ý nói đến người đã được cha mẹ hẹn ước trao gương đổi lược và người sơn tăng mới gặp.

7. *Thư đài:* Phòng đọc sách.

http://tieulun.hopto.org

Phải khi đồng xuống dáng trà,
Nhỏ to chàng mới lân la ướm tình.
Rằng: "Đây, mấy chốn thi đình,
Những ai là kẻ có danh bấy chầy.
Thì đồng phải nói cho hay,
Họa là ngọc ấy vàng này xứng chăng ?"
Hỏi thôi, đồng mới thưa rằng:
"Chốn này công tử tài năng khác thường.
Gồm nghề cử tử [1], tài lang,
Lại thêm lắm vẻ tiên phương [2], đạo mầu".
Chàng nghe đồng kể gót đầu,
Nhủ rằng: Đồng hãy chịu dầu [3] gửi cho.
Rằng: "Tôi là phận hàn nho [4],
Thô sơ đâu dám sánh so anh hào [5] ?
Gọi là cũng biết phong tao [6],
Gửi thơ đàn ấy được vào bậc không [7] ?"
Đồng vâng, vào chốn hoa phòng,
Y lời chàng nhủ gửi cùng nàng nghe.
Nàng rằng: "Khách đã thế thì,
Lại ra ướm hỏi hương quê [8] chốn nào ?
Với duyên do những làm sao,
Thì còn phải hỏi âm hao cho tường".
Đồng vâng ra gác hỏi chàng,

---

1. *Cử tử:* con nhà nghiệp (lập sự nghiệp bằng khoa cử).

2. *Tiên phương:* (tức *tiên phong* đọc chạnh cho hợp vần) có phong thái người tiên.

3. *Chịu dầu:* chịu khó, chịu vất vả.

4. *Hàn nho:* học trò nghèo, như *hàn sĩ*.

5. *Anh hào:* (*anh:* đẹp nhất, *hào:* giỏi nhất) anh hùng hào kiệt, người có tài năng xuất chúng.

6. *Phong tao:* (*phong:* gió, thiên *Quốc phong* ở *Kinh Thi; tao:* bài *Ly tao* của Khuất Nguyên nước Sở đời Xuân Thu) văn nhã đẹp đẽ.

7. *Được vào bậc không:* được vào bực giá trị nào không, có xứng đáng không; ngụ ý mình vào hàng thấp kém.

8. *Hương quê:* tức *quê hương* đặt đảo lại cho hợp vần. Chữ 圭 đọc nôm là *quê*, đọc theo âm Hán Việt là *khuê*, nên bản của Lê Dư đã phiên âm sai là *khuê*.

http://tieulun.hopto.org

Đắn đo lại cứ lời nàng chẳng sai.
Kim lang nghĩ: "Hẳn lòng trời,
Đem người tài tử sánh người thần tiên.
Nếu còn giấu họ giấu tên,
Đường giao [1] sao thiết, lời nguyền sao thân ?"
Nhủ đồng mọi nỗi ân cần,
Rằng: "Ơn công tử muôn phần bận tâm.
Tri âm đã gặp tri âm,
Lẽ đâu mà lại tuyệt cầm [2] cho đang ?
Bắc Kinh [3] quê ấy An Thường,
Kính, sơ đôi chiếc, Phạm, Trương một nguyền.
Bỗng đâu gặp vận truân chiên [4],
Kẻ miền Nam Hải, người miền Từ Sơn.
Ngậm ngùi khôn lẽ thở than,
Nói ra trạnh tướng kim lan [5] nghĩa nhà.
Bây giờ Nam Bắc thất gia,
Cho nên mới dám tỏ ra chân tình".
Đồng vâng về gửi phân minh,
Nàng nghe thấy nói dượng hình chiêm bao.
Ngán thay sự lạ lùng sao !
Trời xanh còn tựa má đào vậy vay ?
Sai đồng đến chỗ lầu Tây,
Mượn chàng *kim kính* về rầy sóng xem.
So *châu sơ* lại như in,
Tức thì về chốn thư hiên gửi tình.
Rằng: "Con đâu dám sỗ sàng,
Vì nghe đàn ấy biết chàng tính danh.

---

1. *Đường giao:* (*giao:* keo) đường nhân duyên gắn bó thành vợ chồng).
2. *Tuyệt cầm:* từ chối không chịu gảy đàn cho tri âm nghe.
3. *Bắc Kinh:* tức *Kinh Bắc,* đảo lại cho hợp với thanh bằng ở chữ thứ hai.
4. *Truân chiên:* (*truân:* khó khăn, *chiên:* khó đi, không bước tới được) khó khăn trắc trở.
5. *Kim lan:* bè bạn tâm đầu ý hiệp; bạn bè giao tình bền vững như vàng, khí vị hợp như hoa lan.

http://tieulun.hopto.org

Vậy đưa *sơ, kính* lên trình,
Nhân duyên vâng đức điều đình dám sai".
Trương công thấy sự nực cười,
Chẳng lòng trời dễ sức người được đâu ?
Truyền đòi Phạm tử lên hầu,
Trương bàn mọi nỗi Kim, Châu nghĩa nhà.
Kim lang đến trước thưa qua,
Hổ tôi thô lậu trộm đà khoan dung.
Lẽ đâu dám kẻ giường Đông [1] ?
Tước bình [2] xin đợi thừa long [3] xứng tài.
Trương công rằng: "Bởi duyên trời,
Một là vàng đá, muôn đời nước non.
Dẫu rằng nước cạn, núi mòn,
Đá còn chẳng nát, vàng còn chưa phai.
Nhưng con hãy bấm chí trai !
E vui tuyết nguyệt, nữa nguôi thư cầm.
Xem hoa [4] sớm nảy hòe âm [5],
Kính, sơ này cũng vừa tầm *tân trang* [6] ".
Chàng tuy vâng mệnh cao đường,
Nghĩ tình Quỳnh Ngọc chưa đường nào nguôi.
Nhưng thì phụ mệnh dám sai ?
Một lời giao ước, trọn đời hôn nhân.
Nếu mà trọng nghĩa tư thân [7].
Vì xuân, lụy giá thanh xuân thế cười.

---

1. *Giường Đông:* do chữ *Đông sàng*. Nguyên ngày xưa ông Khước Giám muốn kén rể cho người đến nhà ông Vương Đạo xem các học trò để chọn. Đến nơi, ai cũng làm ra vẻ nghiêm trang học tập, chỉ có Vương Hy Chi vẫn nằm ưỡn bụng trên giường phía Đông ăn bánh. Người nhà về kể lại, ông Khước Giám bảo: *"Anh đó mới thật là rể ta"*, rồi gả con gái cho Vương Hy Chi. Vì thế đời sau thường dùng chữ *đông sàng* để chỉ chàng rể.

2. *Tước bình:* ý nói kén rể.

3. *Thừa long:* cưỡi rồng, ý nói lấy chồng vẻ vang.

4. *Xem hoa:* thi đỗ Đại khoa, các Tiến sĩ được nhà vua cho phép vào vườn ngự uyển xem hoa.

5. *Hòe âm:* bóng cây hòe, chỉ con đường có trồng hòe ở kinh đô.

6. *Kính, sơ... tân trang:* tức *Sơ kính tân trang* là lược gương lại được đem trang điểm cho mối duyên mới này.

7. *Tư thân:* nhớ cha mẹ.

http://tieulun.hopto.org

Song ân tình vẫn chưa nguôi,
Tủi người nhất tử [1], bẽ người tam sinh [2].
Lời nguyền có đó rành rành,
Bây giờ mà lại đinh ninh chốn nào ?
Hai đường lui tới biết sao ?
Âu là mình hãy chăm điều vân phong.
Nào hay vận bĩ chưa thông
Dẫu thánh hiền cũng lánh tuồng tinh ma.
Trời còn chớm [3] kẻ tài hoa,
Để già tuế nguyệt cho già tài danh.
Quan trâm đôi lứa trưởng thành [4],
Việc hôn nhân phải sắm sanh lệ thường.
Trang hoàng lục lễ [5] sẵn sàng
Kén người mời khách, sửa đường quan tân [6].
Sánh duyên mở tiệc lương thần [7],
Trăng thu rủ bạch, hoa xuân quyến hồng.
Mai điểm tuyết, liễu nghênh phong,
Thềm lan nức tiếng, dặm trùng đưa hương.
Đôi bên diệm nữ, kỳ lang [8],
Tài cao mệnh thế, sắc ngang khuynh thành [9].
Kính, sơ so nhắc cũng bằng,
Thợ trời cân nghĩa, khuôn tình rất công.
Chàng tuy duyên hợp loan phòng [10],
Nhưng tình Quỳnh Ngọc trong lòng chưa yên.

---

1. *Người nhất tử:* người đã một dạ tự ải chết, chỉ Quỳnh Như.
2. *Người tam sinh:* người thành duyên vợ chồng.
3. *Chớm:* ướm thử.
4. *Quan, trâm... trưởng thành: (quan:* con trai 20 tuổi làm lễ đội mũ, *trâm:* con gái 16 tuổi làm lễ cài trâm) ý nói Phạm Kim và Thụy Châu đều đã đến tuổi trưởng thành cả rồi.
5. *Lục lễ:* sáu lễ trong việc hôn nhân là nạp thái, vấn danh, nạp cát, nạp trung, thỉnh kỳ và thân nghinh.
6. *Quan tân: (tân:* khách) quan khách.
7. *Tiệc lương thần: (lương:* mát mẻ, *thần:* buổi sáng) tiệc lúc buổi sớm còn mát mẻ.
8. *Diệm nữ, kỳ lang:* gái có sắc, trai có tài.
9. *Sắc ngang khuynh thành:* sắc đẹp ngang với những người được kể là khuynh thành.
10. *Loan phòng:* cái buồng có màn che thêu hình chim loan, phòng vợ chồng.

http://tieulun.hopto.org

Nhân khi nhàn hạ thở than,
Giở kim hoàn [1] ngắm, giọt tràn đôi châu [2].
Thụy nương bèn gạn gót đầu,
Chàng bèn kể hết trước sau ân tình.
Nàng nghe nói đến chữ Quỳnh,
Nghĩ tiền duyên hẳn là mình chẳng sai.
Ngửa tay xem dấu tỏ mười,
Vậy hay sinh hóa cơ trời lạ thay !
Chàng rằng: "Một mối duyên này,
Khen cho Nguyệt lão xe dây tơ hồng !
Mấy thu hương lửa loan phòng,
Điềm thiêng sớm ứng hủy hùng [3] mấy phen.
Nhạn, Oanh cũng hợp nhân duyên,
Nét thêu *sơ kính,* dấu in thư cầm [4].
Cho hay hai chữ tình thâm,
Gẫy chừng đỉnh Bắc, cạn tầm bể Nam.

PHẦN KẾT THÚC

Vậy nên hứng bút chép làm,
Nghìn thu thích nghĩa kim lan hai nhà.
Năm nay Giáp Tý tháng ba,
Trạnh niềm tưởng đến đặt hòa ngâm chơi.

---

1. *Kim hoàn:* vòng vàng.

2. *Đôi châu:* đôi hàng lệ.

3. *Hủy hùng: (hủy:* con rắn, *hùng:* con gấu) mộng thấy rắn, thấy gấu. Nằm chiêm bao thấy gấu là điềm sinh con trai.

4. *Thư cầm:* sách và đàn. Ta thường nói là *cầm thư,* hai thứ học trò thường dùng. Cũng như hai chữ *sách đèn.*

Cái nợ cầm thư phải trả xong (N.C.T.).

http://tieulun.hopto.org

Truyện Kiều

NGUYỄN DU

(1765 - 1820)

Nguyễn Du, tác giả Truyện Kiều, tự là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, biệt hiệu là Hồng Sơn liệp hộ, sinh năm Ất Dậu đời Cảnh Hưng nhà Lê (1765) ở Kinh đô Thăng Long

Ông vốn quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Thân phụ ông là Nguyễn Nghiễm, làm quan tới chức Tể tướng. Thân mẫu ông là Trần Thị Tần, người xã Hoa Thiều, huyện Đông Ngàn, xứ Kinh Bắc nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Thời niên thiếu, Nguyễn Du sống ở Thăng Long trong cảnh giàu sang của một gia đình đại quý tộc. Nhưng cuộc sống ấy cũng không được bao lâu thì ông bị rơi vào cảnh mồ côi cha năm 10 tuổi và mồ côi mẹ năm 12 tuổi. Bốn anh em Nguyễn Du chưa có ai đến tuổi trưởng thành, phải sống nương nhờ vào sự bao bọc của người anh khác mẹ là Nguyễn Khản, làm quan tại triều đến chức Tham tụng.

Năm 1773, ông thi đậu Tam trường rồi bỏ luôn không ứng thí nữa, có thể do gia biến và thời cuộc lúc bấy giờ. Loạn Kiêu binh nổi lên năm 1784 đã phá tan nhà cửa của Nguyễn Khản ở phường Bích Câu.

Gặp hoàn cảnh như vậy Nguyễn Du cũng bị lao đao nhưng may còn có người cha nuôi họ Hà, làm quan võ ở Thái Nguyên. Khi người cha nuôi mất, ông được kế chân làm chức ấy. Thời cuộc vẫn cứ biến chuyển và đã ảnh hưởng đến cuộc đời của Nguyễn Du. Năm 1787, Nguyễn Huệ ở Phú Xuân thấy Nguyễn Hữu Chỉnh lừng lẫy ở đất Bắc bèn sai Vũ Văn Nhậm ra bắt và giết đi. Vua Chiêu Thống bỏ Kinh đô chạy sang Kinh Bắc. Nguyễn Du cũng muốn theo xa giá, nhưng không kịp, bèn trở về quê vợ, ở tỉnh Thái Bình, sống nhờ người anh vợ là Đoàn Nguyễn Tuấn. Thật là:

Một phen thay đổi sơn hà
Mảnh thân chiếc lá biết là về đâu ?

http://tieulun.hopto.org

Bấy giờ Nguyễn Du mới có 22 tuổi. Thời gian ở Thái Bình, khoảng 10 năm (thập tải phong trần), khi thấy vận nhà Lê đã hết ông mới có ý nghĩ muốn vào Nam giúp Nguyễn Vương để chống lại Tây Sơn. Ông bèn tìm về quê nhà ở Hà Tĩnh. Việc bại lộ, trấn thủ Nghệ An là Quận công Nguyễn Thận bắt giam ông. Cũng may, ông có người anh là Nguyễn Nễ, quen thân với Nguyễn Thận nên ông chỉ bị giam có ba tháng rồi được tha. Sau đó ông về sống ở quê nhà, làng Tiên Điền và chỉ lấy việc săn bắn làm vui.

Năm Gia Long nguyên niên (1802), ông được triệu ra làm Tri huyện Phù Dung, phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam (nay thuộc tỉnh Hưng Yên), rồi ít lâu sau được thăng Tri phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam (nay thuộc tỉnh Hà Tây). Năm Gia Long thứ 4 (1805), ông được triệu vào Kinh giữ chức Đông các học sĩ và được phong Du Đức hầu. Năm Gia Long thứ 8 (1809), ông được đổi ra làm Cai bạ tỉnh Quảng Bình. Năm Gia Long thứ 12 (1813), ông được thăng Cần chánh điện học sĩ, sung làm Chánh sứ sang cống nhà Thanh. Đến khi về, ông lại được thăng Lễ bộ Hữu tham tri. Năm Minh Mệnh nguyên niên (1820), lại có mệnh đi sứ Trung Quốc nhưng chưa kịp đi thì mất, khi ấy ông mới có 56 tuổi.

Ông học rộng xem nhiều, không những tinh thâm Nho học mà còn am hiểu cả đạo Phật, đạo Lão nữa. Ông làm nhiều thơ văn bằng chữ Hán và để lại các tác phẩm như *Thanh hiên thi tập*, *Nam trung tạp ngâm* và *Bắc hành tạp lục*. Ông lại sáng tác thơ văn Nôm - Truyện Kiều là tác phẩm Nôm chủ yếu của Nguyễn Du và cũng là một trong những kiệt tác của văn học Việt Nam.

http://tieulun.hopto.org

TRUYỆN KIỀU

(Đoạn trường tân thanh)

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

NGUỒN GỐC TRUYỆN KIỀU

Từ trước đến nay ai cũng đều biết rằng Nguyễn Du đã dựa theo một quyển tiểu thuyết của Trung Quốc để viết ra quyển ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH tức *Kim Vân Kiều tân truyện.*

Quyển tiểu thuyết Trung Quốc ấy, thấy ở thư viện của Pháp quốc Viễn Đông Học viện (École française d'Extrême-Orient) trước đây. Đó là một quyển sách chép tay, mang ký hiệu A.953, nhan đề là *Kim Vân Kiều truyện* - Thanh Tâm Tài Tử.

Bản này gồm 4 quyển, chia làm 20 hồi. Đầu quyển thứ nhất có đề *Quán Hoa đường bình luận, Kim Vân Kiều truyện, quyển chi nhất - Thánh Thán ngoại thư - Thanh Tâm Tài Tử biên thứ.* Đầu các quyển sau cũng đề y như thế, chỉ khác ở thứ tự "*chi nhị*", "*chi tam*" và "*chi tứ*".

Năm 1941, theo Dương Quảng Hàm, ông có mượn được của ông Trần Văn Giáp một bộ *Kim Vân Kiều*, bản in theo lối mộc bản, khổ 12,5 cm x 21,2 cm, gồm 4 quyển.

Quyển I: từ hồi 1 đến hồi 6 - 35 tờ (thiếu mất 21 tờ đầu).

Quyển II: từ hồi 7 đến hồi 12 - 36 tờ.

Quyển III: từ hồi 13 đến hồi 17 - 33 tờ.

Quyển IV: từ hồi 18 đến hồi 20, không rõ có bao nhiêu tờ, chỉ còn 21 tờ đầu.

Ở trang đầu quyển II, III và IV có ghi: *Quán Hoa đường bình luận Kim Vân Kiều truyện, quyển chi nhị* (hoặc *tam*, hoặc *tứ*). *Thánh Thán - Thanh Tâm Tài Nhân biên thứ.* Mỗi hồi có một đề mục đặt thành hai câu đối nhau, rồi bắt đầu là đoạn bình luận, kế đến là lời kể truyện.

Theo nhật xét chung, khi đem so sánh hai bản (bản chép tay và bản in) thì thấy có một vài chỗ khác nhau do sự chép sai mà ra. Trong sự chép sai ấy, đáng kể hơn cả là tên hiệu của tác giả: nguyên trong bản in là *Thanh Tâm Tài Nhân* thì bản viết tay đã chép là *Thanh Tâm Tài Tử.*

Chắc Nguyễn Du khi đi sứ nhà Thanh năm 1813 đã mang về một bản *Kim Vân Kiều* in vì ở Việt Nam không có. Ngay ở Trung Quốc hồi đó, bản truyện ấy cũng đã rất hiếm rồi nên đến nay chỉ còn lại hai bản [1]: một bản lưu trữ tại Nhật Bản Thiển Thảo thư ốc [2] và một bản lưu trữ tại Trung Quốc Đại Liên đồ thư quán.

---

1. Quyển này có *lời tựa* của Thiên Hoa tàng chú nhân.
2. Bản này chỉ còn lại có 4 hồi và đã bị rách nát nhiều.

http://tieulun.hopto.org

Năm 1983, Xuân Phong Văn Nghệ xuất bản xã đã cho in lại quyển *Kim Vân Kiều truyện* do Lý Trí Trung hiệu đính, chủ yếu dựa vào bản ở Đại Liên đồ thư quán.

Quyển truyện của Thanh Tâm Tài Nhân này đã được *Hùng Sơn* Nguyễn Duy Ngung phỏng dịch sang tiếng Việt và Nhà xuất bản Tân Dân in năm 1928. Nguyễn Đỗ Mục dịch lời bình của Thánh Thán.

Năm 1962, Nguyễn Đức Vân và Nguyễn Khắc Hanh đã dịch [1] quyển *Kim Vân Kiều truyện* sang tiếng Việt đầy đủ từ đầu đến cuối chỉ lược bỏ một vài đoạn ngắn và một số bài thơ mà thôi.

Năm 1959, *Tô Nam* Nguyễn Đình Diệm và *Hàm Cổ* Bùi Quang Tung đã dịch quyển truyện ấy sang tiếng Việt và cho đăng trên *Văn hóa nguyệt san* số 45, 47, 48, 49, 50, 52, 55 và 56. Sau Nha Văn hóa thuộc Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa đã cho in lai [2] thành sách có kèm theo cả bản chữ Hán A.953. Bản này dịch đầy đủ cả lời phê bình của Thánh Thán, nhưng cũng có lược bỏ một vài đoạn ngắn, đáng kể hơn cả là đoạn cuối hồi 12 nói về việc quan phủ sai lính sắm sửa cờ kiệu rước vợ chồng Thúc Sinh - Thúy Kiều về tận nhà.

Nay nếu đem so sánh *nguyên truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân với quyển *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, chúng ta nhận thấy rằng đại cương tình tiết hai quyển đều giống nhau, nếu có khác cũng chỉ ở một số chi tiết thôi. Hơn nữa sự so sánh ấy đã cho ta thấy rằng Nguyễn Du không phải chỉ dịch văn xuôi ra văn vần mà đã có sáng tạo thêm, không chia quyển truyện ra từng hồi, lại sắp đặt nhiều chi tiết cho hợp lý hơn, bỏ đi nhiều chỗ thô tục hoặc rườm rà và cũng bỏ luôn tất cả các bài thơ vốn chẳng có giá trị gì.

Tóm lại, nguồn gốc *Truyện Kiều* Nôm [3] của Nguyễn Du là một quyển tiểu thuyết của Thanh Tâm Tài Nhân, nhan đề là *Kim Vân Kiều truyện*, được soạn ra vào cuối thế kỷ 16 hoặc đầu thế kỷ 17 và do Kim Thánh Thán (1627-1662) bình luận. Quyển truyện này thực ra cũng không có giá trị gì mấy nhưng nội dung có nhiều tình tiết hợp với tâm sự của Nguyễn Du nên ông mới đem diễn ra quốc âm mà rồi vì lời thơ quá hay nên tác phẩm trở thành bất hủ đúng như Phan Thạch Sơ đã viết trong bài thơ đề *vịnh Kiều* rằng:

Hữu Minh nhất đại vô song kỹ
Đại Việt thiên thu tuyệt diệu từ.

---

1. Theo bản A.953 và bản giấy sáp do Hoàng Dật Cầu gửi biếu năm 1959 khi ông dịch quyển *Truyện Kiều* của Nguyễn Du sang Trung Văn.

2. Ở Sài Gòn, năm 1971.

3. Sau khi Nguyễn Du viết quyển *Truyện Kiều* Nôm một nhà Nho ẩn danh ở nước ta mới dịch quyển truyện ấy ra Hán văn đặt tên là *Kim Vân Kiều Lục*; chắc hẳn người dịch ấy chưa được đọc quyển *Kim Vân Kiều Truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân. Đến khi thấy quyển *Truyện Kiều* Nôm của Nguyễn Du, văn hay truyện cảm, nhà Nho ẩn danh ấy mới đem dịch ra chữ Hán cho nhiều người đọc vì thời ấy, chữ Hán còn đương thịnh.

Quyển *Kim Vân Kiều Lục* đã được khắc in nhiều lần ở Hà Nội vào các năm 1876, 1888 và 1896.

http://tieulun.hopto.org

NGUYỄN DU ĐÃ VIẾT TRUYỆN KIỀU VÀO THỜI KỲ NÀO?

Các sách báo trước đây đều căn cứ vào quyển *Đại Nam chính biên liệt truyện* mà cho rằng Nguyễn Du đã viết quyển *Truyện Kiều* sau khi đi sứ nhà Thanh về.

Nhưng từ năm 1943, sau bài *Nguyễn Du viết Đoạn trường tân thanh vào lúc nào?* của Đào Duy Anh đăng trên Tạp chí *Đại Việt* số 13 ra ngày 16/4/1943 và Tạp chí *Tri Tân* số 96 ra ngày 20/5/1943 thì các nhà nghiên cứu văn học đã nêu ra ba ức thuyết về *thời điểm Nguyễn Du viết quyển Truyện Kiều:*

1. Sau khi đi sứ Nhà Thanh về tức là sau năm 1813.

2. Trong những năm ra làm quan với nhà Nguyễn tức là vào khoảng từ 1802 đến 1809.

3. Trong những năm còn ẩn dật ở quê nhà tức là vào khoảng từ 1796 đến 1802.

Đến nay thì nhiều người đã ngả theo ức thuyết thứ hai.

Về vấn đề này chúng tôi đã có ý kiến trình bày rõ ràng trong bài: *"Cần phải xác định lại giá trị bài tựa Kim Vân Kiều án"* đăng trên Tạp chí *Hán Nôm* số 2 (9) năm 1990 và cho rằng *Nguyễn Du đã viết Truyện Kiều sau khi đi sứ nhà Thanh về.* (Xem trang 755).

Ý kiến này cũng là ý kiến của Lê Thước, một người đã bắt đầu nghiên cứu Nguyễn Du từ năm 1922, khi ông còn dạy học ở trường Cao đẳng Tiểu học Vinh. [1]

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ muốn đem chính quyển *Truyện Kiều* ra để chứng minh rằng Nguyễn Du đã viết tác phẩm ấy sau khi đi sứ nhà Thanh về.

Nếu chúng ta đọc quyển *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân thì từ đầu đến cuối chúng ta nhận thấy các sự việc đã được kể lại qua hai mươi hồi. Nguyễn Du đã không chia quyển *Truyện Kiều* hay nói đúng hơn quyển *Đoạn trường tân thanh* của mình ra làm các hồi như vậy mà mỗi lần chuyển tiếp câu chuyện ông thường lồng qua một khung cảnh thiên nhiên, để vừa tả cảnh, vừa tả tình và vừa chuyển ý.

Ngay đầu trang sách đã có đoạn tả cảnh mùa xuân ở ngoài cánh đồng:

---

1. Ông đã có bài viết về vấn đề này đăng trên tạp chí *Văn học* tháng 11, 1965.

http://tieulun.hopto.org

Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

(câu 41 - 42)

Cảnh này là một cảnh ước lệ, chúng ta đã thấy tả trong câu thơ cổ:

Phương thảo liên thiên bích,
Lê chi sổ điểm hoa.

Nhưng Nguyễn Du không phải chỉ đọc thấy trong thơ cổ mà còn được thấy tận mắt trên đường đi sứ:

Nhương tận khổ hàn tam duyệt nguyệt,
Lĩnh đầu lạc đắc khán mai hoa.

(Từ Châu đạo trung)

(Chống chọi với cái rét ghê người suốt ba tháng, cuối cùng được thấy hoa mai trên núi).

hoặc:

Nhất đái tuyết điền thanh giả mạch...,
Cộng chỉ mai hoa báo tiêu tức,
Xuân hà tằng đáo dị hương nhân.

(An Huy đạo trung)

(Trên cánh đồng tuyết phủ chỗ màu xanh là lúa mạch, cùng nhau chỉ hoa mai báo tin xuân, nhưng xuân đâu có đến với người ở đất khách).

Khi cha mẹ Thúy Kiều đi mừng lễ sinh nhật ngoại gia thì thời tiết đã chuyển sang mùa hè.

Nguyễn Du cũng khéo chuyển tiếp câu chuyện theo dòng thời gian với nhận xét:

Lần lừa ngày gió đêm trăng,
Thưa hồng rậm lục đã chừng xuân qua.

(Câu 369 - 370)

Cái cảnh ấy trong thơ cổ cũng đã từng được nói đến: *"Lục ám hồng hi xuân khứ dã"* (màu xanh của lá cây sẫm nhiều lên, màu đỏ của hoa ít đi tức là xuân đã qua rồi). Cái cảnh ấy ở bên Trung Quốc là xứ lạnh nên màu sắc cây cỏ hoa lá rõ rệt hơn ở bên nước ta. Lại có con cuốc nó gọi vào hè:

Dưới trăng quyên đã gọi hè,
Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông.

(Câu 1307 - 1308)

http://tieulun.hopto.org

Nguyễn Du đã trông thấy cả một phía thành trên ven núi:

Thành Bắc sơn lưu hồng cánh hồng.

(Thương Ngô trúc chi ca)

(Phía Bắc thành hoa lựu trên núi đã đỏ càng đỏ thêm).

Các cảnh tả mùa hè thì chỉ có ít trong *Truyện Kiều*, nhưng các cảnh tả mùa thu thì thật nhiều. Mùa thu lại là mùa dễ gợi sự buồn rầu như Tương Phố đã có câu:

Ai đem thu cảnh bạn cùng thu tâm. [1]

Nguyễn Du khi đi sứ gặp cảnh thu về chắc không thể tránh khỏi nỗi buồn rầu nhớ nhà:

Đêm thu khắc lậu canh tàn,
Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương.
Lối mòn cỏ lợt màu sương,
Lòng quê đi một bước đường một đau.

(Câu 1119-1122)

cho nên ông đã viết:

Cực mục thương tâm hà xứ thị,
Thu phong lạc mộc quá Nguyên Tương.

(Tương Đàm điếu Tam Lư đại phu)

(Nhìn hết tầm mắt đau lòng không biết là đâu? Đi qua vùng Nguyên Tương giữa lúc gió thu thổi, lá cây rụng).
hoặc:

Thu phong lạc nhật giai hương vọng

(Sở vọng)

(Buổi chiều gió thu nổi lên, ai cũng nhớ nhà).

Đọc mấy câu thơ ấy, chúng ta thấy tâm trạng của Nguyễn Du cũng không khác gì nỗi lòng của Thúy Kiều lúc xa nhà trên đường lưu lạc.

Lòng quê đi một bước đường một đau.

Nguyễn Du đã tả cái tâm cảnh và cái ngoại cảnh của mùa thu khi ông ở Trung Quốc:

Sân ngô cành biếc đã chen lá vàng.

(Câu 1386)

Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô

(Câu 1594)

---

1. Chữ 秋 (thu) cộng với chữ 心 (tâm) thành chữ (sầu) 愁.

http://tieulun.hopto.org

mà cổ thi đã có câu bất hủ:

Ngô đồng nhất diệp lạc,
Thiên hạ cộng tri thu.
(Một lá ngô đồng rụng,
Thiên hạ biết thu về).

Ở Trung Quốc mùa thu về nổi bật với cảnh rừng phong lá đỏ:

Thu mãn phong lâm sương diệp hồng

(Nhiếp Khẩu đạo trung)

(Khí thu đầy rừng phong, sương nhuộm đỏ lá cây)

hoặc: *Mãn mục giai thu sắc,*

(Tương âm dạ)

(Đâu đâu mắt cũng thấy sắc thu)

Chính Nguyễn Du đã thấy *sắc thu* ấy nên về sau ông mới viết nên được những câu như:

Rừng thu từng biếc chen hồng

(Câu 917)

Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san

(Câu 1520)

Cái màu lá đỏ mà Nguyễn Du gọi là *"màu quan san"* ấy thì chỉ có ở mùa thu bên Trung Quốc chứ ở bên nước ta không có.

Những người chưa được đi xa như Nguyễn Du, chưa được trông thấy cảnh *rừng phong lá đỏ* mới dám hạ bút sửa câu:

Rừng thu từng biếc xen hồng

thành: *Rừng thu rỗ biếc ố hồng.*

Kiều Oánh Mậu đã giải thích:

"*Rỗ biếc:* bích sắc bán cải như nhân đậu ban; *ố hồng:* hồng sắc toàn cải khô hoàng dã".

(*Rỗ biếc:* sắc xanh biến đổi dở dang như nốt rỗ của người lên đậu; *ố hồng:* màu đỏ lan khắp thành màu vàng).

Sự thực không phải là *lỗ rỗ đỏ* rồi thành màu vàng như cây bàng ở nước ta mà cây phong lá đỏ khắp cành.

Đào Duy Anh trong quyển *Hán Việt từ điển* đã chú thích *Phong* là cây bàng. Một số nhà chú thích *Truyện Kiều* cũng đã giảng *cây phong là cây bàng*. Lê Văn Hoè trong quyển *Truyện Kiều chú giải* đã viết: *"Rừng phong tức là rừng bàng. Về thu, lá bàng vàng rồi ngả sang màu đỏ sẫm"*. Giải thích như vậy là sai. Đúng ra thì lá cây phong khi có sương xuống nhiều đỏ tươi ngay cả vòm lá.

http://tieulun.hopto.org

Hồi xưa nhiều người đã hiểu lầm như vậy vì không được như Nguyễn Du sang Trung Quốc và trông thấy tận mắt cảnh rừng phong về mùa thu.

Ông lại còn được trông thấy tuyết rơi và đã làm những bài tả cảnh tuyết:

Nhất đái tuyết điền thanh giả mạch.
(Trên cánh đồng tuyết phủ chỗ màu xanh là lúa mạch)

hoặc:

Nhất thiên phong tuyết độ Hoàng Hà
(Từ Châu đạo trung)

(Qua sông Hoàng Hà giữa một ngày gió tuyết).

Nguyễn Du đã thấy được cảnh tuyết rơi như vậy nên ông mới viết được câu:

Nửa rèm tuyết ngậm, bốn hè trăng thâu.
(Câu 1242)

Cái cảnh tuyết ngậm nửa rèm ấy nhất định là người chưa đi Trung Quốc không thể hình dung ra được.

Một điều chúng tôi thấy cần phải nhấn mạnh thêm nữa là những đoạn Nguyễn Du tả cảnh đó đều không có trong *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân. Chính những cảnh thực ấy, ông đã quan sát được lúc đi sứ và đó là lý do - *chứ không phải là ức thuyết* - cụ thể chứng minh rằng Nguyễn Du đã viết quyển *Đoạn trường tân thanh* sau khi đi sứ về.

Khi đi sứ, ông đã gặp được quyển *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân và khi đọc tập ấy đã cảm thương cho thân thế nàng Kiều mà không khỏi nghĩ đến hoàn cảnh của mình.

Khi về nước, ông tâu xin nhà vua cho nghỉ ở nhà sáu tháng. Thời gian ấy dư thừa để cho ông viết một tác phẩm như quyển *Truyện Kiều*. Có thể ông chỉ viết trong vòng một, hai tháng. Thiên hạ truyền rằng ông viết có một đêm mà vì dùng não lực nhiều quá nên đầu bạc trắng hết.

Như vậy là Nguyễn Du có thể đã viết xong quyển truyện *Đoạn trường tân thanh* vào năm 1814, rồi trong gia đình, Nguyễn Thiện đã được đọc ngay và sau đó đã nhuận sắc *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự.

Sau này Nguyễn Du có trao quyển *Đoạn trường tân thanh* của mình cho người bạn thân là Phạm Quý Thích xem. Ông này có làm bài thơ *Đề từ*, đổi nhan đề là KIM VÂN KIỀU TÂN TRUYỆN rồi cho khắc in. Sau Tiên Phong Mộng Liên đường chủ nhân có viết bài *Tựa* cho biết rằng: *"Ta lúc nhàn đọc hết cả một lượt, mới lấy làm lạ rằng: Tố Như tử dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hệt, đàm tình đã thiết, nếu không phải có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời, thì tài nào có cái bút lực ấy. Bèn vui mà viết bài tựa này".*

http://tieulun.hopto.org

Vậy người *"có con mắt trông thấu cả sáu cõi"* và *"tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời"* phải là người đã từng trải, đã cao tuổi, ít nhất cũng phải ở vào cái tuổi năm mươi như khi Nguyễn Du đi sứ về, chứ nếu còn trẻ quá thì đâu đã có *"con mắt"* và *"tấm lòng"* như thế được.

Mấy điều nhận xét trên đây cũng tăng thêm lý do cho việc chủ trương thuyết Nguyễn Du đã viết quyển *Truyện Kiều* sau khi đi sứ về và có thể chứng tỏ được *Đại Nam chính biên liệt truyện* đã chép đúng.[1]

---

1. *Đại Nam chính biên liệt truyện* chỉ chép nhầm quyển *Lê quý kỷ sự* là của Nguyễn Du thôi. Theo Lê Thước thì vị sứ thần nhà Nguyễn ở Quốc sử quán có những tài liệu chính xác về Nguyễn Du cũng như về các tác phẩm của ông để lại.

http://tieulun.hopto.org

VẤN ĐỀ KHẢO ĐÍNH VÀ CHÚ GIẢI TRUYỆN KIỀU

Như ta được biết, đến nay đã có rất nhiều bản *Truyện Kiều,* kể cả bản Nôm cũng như bản Quốc ngữ. Bản cổ nhất hiện còn giữ được là bản Liễu Văn đường, Tự Đức nhị thập tứ niên (1871) và mới nhất là bản *Truyện Kiều* do Đào Duy Anh hiệu khảo và chú giải, Nhà xuất bản Văn học in năm 1984. Qua hàng chục bản Kiều ấy; nếu đem đối chiếu với nhau thì mỗi bản đều có những chỗ khác nhau, chưa kể những chữ khắc sai ở bản Nôm hoặc in sai ở bản Quốc ngữ. Chính do những chữ chép sai, những chữ khắc nhầm, những chữ bị in mờ ở các bản Nôm mà sau này đã xảy ra nhiều sự phiên âm khác nhau ở các bản Quốc ngữ như hiện nay.

Trước đây, Kiều Oánh Mậu đã có hiệu đính quyển *Truyện Kiều* khá công phu và đã cho khắc in bằng chữ Nôm vào năm Thành Thái, Nhâm Dần (1902) với chính nhan đề của Nguyễn Du đặt là *Đoạn trường tân thanh.*

Đến năm 1917, Phạm Kim Chi có phiên âm quyển *Kim Túy tình từ* ra Quốc ngữ. Bản này do ông nghè Nguyễn Mai, cháu xa đời của Nguyễn Du còn giữ được và được ông coi là chính bản của Nguyễn Du để lại. Nếu so bản này với bản của Kiều Oánh Mậu thì chúng ta thấy có nhiều chỗ giống nhau nhưng nếu bảo là "bản chính" thì cũng không lấy gì làm bằng cứ.

Năm 1925, nhà Vĩnh Hưng Long có cho in quyển *Truyện Thúy Kiều* bằng Quốc ngữ do Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim hiệu khảo và chú giải, căn cứ vào một bản Nôm cổ nhưng đã không cho biết là bản Nôm nào. Điều này đã làm cho việc hiệu khảo thiếu đi tính khoa học.

Đến năm 1965 và 1972 có hai quyển *Truyện Kiều:* một của Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Sĩ Lâm - Nguyễn Đức Vân hiệu đính và một của Nguyễn Thạch Giang hiệu đính đều có giá trị khoa học. Cũng rất có giá trị khoa học là bản của Đào Duy Anh (Nhà xuất bản Văn học – Hà Nội 1979) Nôm cổ và bản Quốc ngữ có giá trị để làm khảo dị.

Cũng làm công việc ấy, từ nhiều năm nay chúng tôi đã sưu tầm được một số bản Kiều Nôm và Quốc ngữ để làm tài liệu *khảo đính:*

Chữ Nôm

– *Kim Vân Kiều tân truyện* (Duy Minh thị - 1879)

– *Kim Vân Kiều tân truyện* (Abel des Michels - 1884)

http://tieulun.hopto.org

– *Đoạn trường tân thanh* (Kiều Oánh Mậu - 1902)
– *Kim Vân Kiều tân tập* (Quan Văn đường - 1906)
– *Kim Vân Kiều tân truyện* (Phúc Văn đường - 1918)
– *Kim Vân Kiều Quảng tập* (Khải Định - Giáp Tý - 1924)
– *Kim Vân Kiều tân truyện* (Quan Văn đường - 1925)
– *Thúy Kiều truyện tường chú* (Chiêm Vân thị - 1965)

Chữ Quốc ngữ

– *Kim Vân Kiều truyện* (Trương Vĩnh Ký - 1875)
– *Kim Vân Kiều tân truyện* (Abel des Michels - 1884)
– *Kim Vân Kiều tân truyện* (Edmond Nordemann - 1897)
– *Kim Túy tình từ* (Phạm Kim Chi - 1917)
– *Truyện Thúy Kiều* (Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim - 1925)
– *Kiều truyện dẫn giải* (Hồ Đắc Hàm - 1929)
– *Kim Vân Kiều* (Bùi Khánh Diễn - 1926)
– *Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện* (Tản Đà - 1941)
– *Thúy Kiều truyện tường chú* (Chiêm Vân thị - 1965)

Về các bản Kiều bằng Quốc ngữ, nếu bản nào có in lại nhiều lần chúng tôi đều cố tìm mua cho đủ các lần tái bản. Khi dùng bản in năm nào, chúng tôi sẽ ghi rõ bản in năm ấy để các độc giả tiện đối chiếu vì như bản Trương Vĩnh Ký giữa hai lần in 1898 và 1911 đã có 107 chỗ khác nhau và bản Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim giữa hai lần in 1925 và 1934 đã có 130 chỗ khác nhau. Riêng các bản của nhà Tân Việt in lại đã có rất nhiều lỗi ấn loát không thể dùng để làm khảo dị được.

Sau khi đã đọc và so sánh các bản Nôm và Quốc ngữ chúng tôi đã căn cứ vào mấy bản chính sau đây để làm khảo dị:

1. *Đoạn trường tân thanh* (Kiều Oánh Mậu - 1902)
2. *Kim Vân Kiều tân tập* (Quan Văn đường - 1906)
3. *Kim Vân Kiều tân truyện* (E. Nordemann - 1897)
4. *Kiều truyện dẫn giải* (Hồ Đắc Hàm - 1929)
5. *Truyện Thúy Kiều* (Bùi Kỷ - T.T. Kim - 1934)
6. *Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện* (Tản Đà - Nguyễn Khắc Hiếu - 1941)
7. *Thúy Kiều truyện tường chú* (Chiêm Vân thị - 1965)

Trong số bảy bản trên, chúng tôi đã dựa vào hai bản chính để đối chiếu: bản *Kiều Oánh Mậu* và bản *Quan Văn đường*. Ngoài ra, khi **khảo đính** chúng tôi cũng có tham khảo đến các bản đã liệt kê. Sau đây là một vài thí dụ về *khảo đính:*

http://tieulun.hopto.org

Thí dụ 1: Giá trà mi

Câu 1092: **Giá** *trà mi đã ngậm trăng nửa vành.*

Câu này, các bản Quốc ngữ hầu hết đều chép là:

"Đóa trà mi đã ngậm trăng nửa vành".

Chép như vậy là sai vì ở các bản Nôm đều khắc chữ 架 (giá) chứ không phải chữ 朵 (đóa).

Ngoài ra còn chữ 荼 (đồ) cũng được khắc thành chữ 茶 (trà). Hai chữ ấy chỉ khác nhau có một nét nhưng đây không phải là khắc sai mà có dụng ý vì các cụ ta xưa cho rằng chữ *"đồ"* không được thanh nhã cho lắm. Vậy nếu muốn chép câu thơ cho thật đúng chúng ta phải viết là:

Giá đồ mi đã ngậm trăng nửa vành.

vì thực ra chỉ có cây *đồ mi* chứ không có cây *trà mi.*

(Xem thêm trang 328).

Thí dụ 2: Trắc khởi 陟 屺

Câu 1832: *Suy lòng trắc* **khởi** *đau lòng chung thiên.*

Câu này, các bản Quốc ngữ hầu hết đều chép là *"Suy lòng trắc* **dĩ** *đau lòng chung thiên"*, chỉ có ba bản Trương Vĩnh Ký, Hồ Đắc Hàm và Ưng Dự đã chép là *"Suy lòng trắc* **tỵ** *đau lòng chung thiên".*

Hai chữ 陟 屺 các quyển *Tự điển Hán Việt* cũng mỗi quyển phiên âm một cách.

Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh đã phiên âm là *trắc* **tỵ** và đã chú thích rằng: *"Kinh Thi có câu: Trắc bỉ tỵ hề, chiêm vọng mẫu hề: nghĩa là trèo lên núi kia, trông mẹ vậy, vì thế nói con có hiếu nhớ đến mẹ gọi là* **trắc tỵ**. (*Tỵ* là núi không có cây)".

Hán Việt tự điển của Thiều Chửu đã phiên âm là *trắc* **dĩ** và đã chú thích như sau:

Dĩ 屺 : núi trọc. *Kinh Thi có câu:* "Trắc bỉ dĩ hề, chiêm vọng mẫu hề" = *trèo lên núi Dĩ chừ, nhìn ngóng mẹ chừ. Đời sau nói sự nghĩ nhớ mẹ là trắc dĩ là bởi đó.*

Tự điển Trung Việt của Văn Tân lại phiên âm là **kỷ.** Sở dĩ có sự phiên âm khác nhau như vậy vì chữ 已 (tỵ), 已 (dĩ) và 已 (kỷ) viết gần giống nhau chỉ có đầu của nét móc cao hơn hay thấp hơn một chút.

Hai quyển *Dictionnaire Vietnamien - Chinois - Français* của Gouin và *Petit lexique Chinois - Annamite - Français* của Tây Dương đã phiên âm là **khỉ (khởi).**

Các bộ *Kinh Thi*, như bộ *Thi Kinh tạp chú*, Tam Hưng thư cục ấn hành, quyển 3, trang 16 đã ghi âm chữ 屺 đọc là *khỉ (khởi)*

http://tieulun.hopto.org

Bộ *Khang Hi tự điển* đã phiên âm chữ như sau:

口以切音起 (khẩu dĩ thiết âm *khỉ* hoặc *khởi*). Như vậy hai chữ phải được phiên âm là **trắc khởi** mới đúng.

Chúng tôi nhận thấy chữ *"trắc dĩ"* tuy đã được thông dụng nhưng không vì lẽ gì cứ để tồn tại mãi một sự sai lầm mà không hiệu đính lại nên đã chép câu 1832 là:

Suy lòng trắc khởi *đau lòng chung thiên.*

Thí dụ 3: Đền 膭紅塡過姅時渚催

Câu 2162: *Má hồng* **đền** *quá nửa thì chưa thôi.*

Câu này các bản Nôm đề khắc là 囲 hoặc 填. Bản *Truyện Thúy Kiều* của Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim do Vĩnh Hưng Long ấn hành đều in đúng là *"đền"*. Nhà Tân Việt khi cho tái bản quyển *Truyện Thúy Kiều* đã in sai là *"đến"* (bản in lần thứ bảy) và rồi sự sai lầm ấy đã thấy xuất hiện ở một hai bản Truyện Kiều in gần đây. [1]

Chữ *"đền"* và chữ *"đến"* viết Quốc ngữ chỉ khác nhau có một cái dấu (huyền) hoặc (sắc) nên rất dễ lầm lẫn.

Cho nên khi khảo đính *Truyện Kiều* chúng tôi đã thận trọng đối chiếu lại các bản Nôm để cố tránh các sai lầm nếu được.

Đó là vấn đề khảo đính.

Còn về **chú giải**, chúng tôi đã thừa hưởng được một phần ở các bản ra trước và cố tìm hiểu thêm cho được chính xác hơn. Chúng tôi xin nêu ra một vài ví dụ như sau:

Thí dụ 1: Lãm Thúy 攬翠

Câu 280: *Có hiên* Lãm Thúy *nét vàng chưa phai.*

Trong quyển *Truyện Thúy Kiều*, Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim đã viết (Lãm Thúy hiên) và đã giảng là: *"cái mái để ngắm cảnh tươi tốt của hoa cỏ. Nhân tên Kiều với Vân đều đệm bằng chữ Thúy, chắc có duyên gì với người mình đang mong mỏi chăng".*

Tản Đà cũng viết chữ *Lãm* không có bộ *thủ và cũng giảng như Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim.*

Các bản Quốc ngữ sau này hầu hết đều giảng như vậy vì hiểu lầm chữ *"Lãm"* là ngắm xem.

Đúng ra chữ *Lãm* 攬 viết có bộ *thủ* 扌 và có nghĩa là nắm lấy, thu góp.

Nguyên truyện viết: Viên danh Lãm Thúy, tắc nhị Thúy chi sự bất bốc khả hài (Tên vườn là Lãm Thúy thì việc hai nàng Thúy không bói chắc cũng xong).

---

1. Truyện Kiều chú giải - Lê Văn Hoè (1953);
Truyện Kiều - Bùi Kỷ (1957);
Truyện Kiều - Đào Duy Anh (1979).

http://tieulun.hopto.org

Vậy *Lãm Thúy* phải hiểu là thu góp cả sắc xanh và *hiên Lãm Thúy* là cái hiên ngồi đó nhìn ra có thể thu góp được vào tầm mắt cả sắc xanh của cây cỏ. Riêng Kim Trọng thấy cái hiên có tên như vậy thì mừng thầm trong bụng rằng mình đã nắm bắt được hai cô Thúy: Thúy Kiều và Thúy Vân.

Thí dụ 2: Song đào 窗桃

Câu 446: *Đài sen nối sáp,* **song đào** *thêm hương.* Câu này, các bản Nôm đều viết 窗桃 (song đào) với chữ *song* là cửa sổ.

Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu có chú thích như sau: "Song đào *có bản chua là cửa sổ có trồng cây đào ở một bên, có bản nói là cái lư, cái đỉnh để đốt hương mà làm hình quả đào. Hai nghĩa đều không xuôi, chỉ xin tạm nhận là một nghĩa chưa tường để đợi người biết".*

Chúng tôi nhận thấy chữ *song* viết là 窗 (*song:* cửa sổ) chứ không phải 雙 (*song*: song đôi). Không có bản Nôm nào viết chữ 雙 cả. Như vậy thì câu *Đài sen nối sáp* song đào *thêm hương* có thể hiểu là: Kim Trọng đã nối thêm sáp ở cây nến có cái đài hình hoa sen (để đỡ những giọt nến chảy xuống) và bỏ thêm trầm vào cái lư hương để ở bên cửa sổ (mà phía ngoài sân có trồng cây đào).

Cái lư trầm bày ở bên cửa sổ có rèm treo nên trong *Truyện Kiều* còn có câu: *"Trầm bay nhạt khói, gió đưa lay rèm".*

Cây đào ở bên cửa sổ cũng đã được Nguyễn Du nói đến trong câu: *"Sinh thì rảo bước sân đào vội ra".*

Chúng tôi nhận thấy khung cảnh ấy đã đúng với câu thơ của Nguyễn Du.

Thí dụ 3: Thuần hức. 蓴鰒

Câu 1593: *Thú quê* **thuần hức** *bén mùi.*

Câu này, hai chữ 蓴鰒 trước đây vẫn được phiên âm là *thuần hức* và được giảng là rau thuần cá hức. Hai chữ ấy là chữ Hán nhưng Đào Duy Anh trong quyển *Truyện Kiều* [1] đã bảo là chữ Nôm, phải phiên âm là *thuần vược* (vì ông cho *hức* là một giống ba ba) tức rau thuần và cá vược. Thực ra thì chữ 鰒 (hức) là chữ Hán có được ghi trong các tự điển *Khang Hi, Từ Hải, Từ Nguyên*... và là một loại cá giống như cá *lô* (lư).

Ở trong câu này Nguyễn Du vì luật bằng trắc đã phải dùng chữ *hức* (trắc) thay cho chữ *lô* (bằng). Hơn nữa chữ *hức* viết với bộ 魚 *ngư* thì rõ ràng là một loài cá không thể bảo là con ba ba được.

Qua ba thí dụ trên, chúng tôi đã nói về việc chú giải mấy chữ Hán khó hiểu.

Lại có những chữ thuần Nôm như *e ấp, chán chường* đến nay vẫn chưa

---

1. Nhà xuất bản Văn học - 1979.

http://tieulun.hopto.org

được giải thích cho thỏa đáng nếu đem áp dụng vào câu 1390: *Nặng lòng e ấp, tính bài phân chia* và câu 935: *Cối xiêm lột áo chán chường.*

Vì thấy chữ *chán chường* có vướng mắc trong cách chú giải nên bản Hồ Đắc Hàm đã sửa lại là *Cổi xiêm lột áo sổ sàng* và bản Tản Đà đã sửa lại là *Cổi xiêm trút áo sổ sàng.* Sự sửa chữa này đã thấy có trong bản Nôm *Kim Vân Kiều Quảng tập* khắc in năm 1924. Nhưng chữ *chán chường* đã có một nghĩa cổ, ít người để ý đến. Quyển *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của đã chú thích *chán chường* là *tỏ tường, bày ra trước mắt.* Nghĩa ấy rất thích hợp với câu *cổi xiêm lột áo chán chường* và ta có thể giải thích là cổi xiêm lột áo bày cả thân thể ra trước mặt mọi người. Từ trước đến nay, chúng ta cứ hiểu *chán chường* là "chán nản, buồn bực, đã trải nhiều rồi không thiết nữa" như trong câu 514: *"Quá chiều nên đã chán chường yến anh".*

Chữ *chán chường* thì còn có thể giải nghĩa được như trên nhưng chữ *e ấp* thì vẫn chưa giải nghĩa sao cho ổn được.

Chúng tôi có xem lại các bản Nôm thì thấy hầu hết đều khắc là 咳吧 (e ấp) chỉ có bản Phúc Văn khắc là 音邑 (âm ấp, ăm ắp). Chúng tôi nhận thấy chữ đó hợp nghĩa hơn nên *trong hai lần in trước,* đã chép theo là:

Nặng lòng ăm ắp, tính bài phân chia.

nhưng rồi xem lại thấy hai chữ ấy vẫn không có ý nghĩa bằng hai chữ "e ấp" nó còn tả được cả tâm lý của nhân vật nữa.

Đọc lại nguyên truyện chúng ta thấy rõ ngay được điều này: *"Thúc ông mắng rằng: "Thằng ngu xuẩn này! Mày đã bao nhiêu tuổi mà đòi lấy vợ lẽ. Lấy vợ lẽ đã là việc không nên, huống chi mày lại đi lấy một con kỹ nữ. Mày phải biết bố vợ mày là hạng người nào? Vợ mày là một tiểu thư con nhà đài các. Nếu vợ mày biết tin này, nó sẽ giận đến chừng nào; khi ấy mày bảo tao sẽ làm sao mà chịu nổi cái điều tức giận của nó. Mày phải đuổi ngay con kỹ nữ kia về nhà họ Mã, có thế thì mọi sự mới êm được".*

Rõ ràng là Thúc ông đã sợ làm mất lòng bên nhà họ Hoạn, nếu chấp nhận cho Thúc sinh lấy Thúy Kiều, nên Nguyễn Du mới dùng chữ *"e ấp".*

Vậy hai chữ "e ấp" là đúng và câu 1930 phải được chép là:

Nặng lòng e ấp, tính bài phân chia.

Chúng tôi xin thưa ngay ở đây là trong việc hiệu đính, *chúng tôi tuyệt đối không đặt ra một chữ mới nào* mà chỉ căn cứ vào các bản Nôm hoặc Quốc ngữ đã in để lựa chọn sao cho thích hợp với câu văn.

Như trên chúng tôi đã nêu ra một vài thí dụ về khảo đính và chú giải *Truyện Kiều.* Cả hai vấn đề này đều có những khó khăn nhất định *nhất là về mặt khảo đính.* Có thể nói văn bản Truyện Kiều mà chúng tôi lập lại chưa hẳn đã được mọi người nhất trí hoàn toàn nhưng với sự đối chiếu các văn bản kỹ càng và cẩn thận, chúng tôi hy vọng đã giải quyết được một phần nào các sự dị biệt mà từ lâu nay vẫn còn tồn tại.

http://tieulun.hopto.org

TRUYỆN KIỀU

Do ĐÀO DUY ANH khảo đính

Từ trước đến nay có nhiều nhà nghiên cứu giới thiệu các văn bản khác nhau về truyện Kiều, trong số đó có nhiều văn bản có giá trị. Ở đây, xin chỉ giới thiệu văn bản của Đào Duy Anh (Nhà-xuất bản Văn học – Hà Nội 1979 và 1984) là văn bản khảo đính gần đây nhất và thuộc loại rất có giá trị khoa học: Tiếp theo đó, xin giới thiệu văn bản mà Nguyễn Quảng Tuân vừa mới khảo đính – Phần chú thích được giới thiệu kèm với văn bản này (từ trang 852 đến trang 1034).

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.
Lạ gì bỉ sắc tư phong,
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.

Cảo thơm lần giở trước đèn,
Phong tình có lục còn truyền sử xanh.
Rằng: Năm Gia Tĩnh Triều Minh,
Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng.
Có nhà viên ngoại họ Vương,
Gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung.
Một trai, con thứ rốt lòng,
Vương Quan là chữ nối dòng Nho gia.
Đầu lòng hai ả tố nga,
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
Mai cốt cách, tuyết tinh thần,
Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.
Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang,
Hoa cười ngọc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn:
Làn thu thủy, nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.
Thông minh vốn sẵn tư trời,
Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.
Cung thương làu bậc ngũ âm,

http://tieulun.hopto.org

Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.
Khúc nhà, tay lựa nên chương,
Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân.
Phong lưu rất mực hồng quần,
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê,
Êm đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.

Tiết vừa con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
Thanh minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ, hội là Đạp thanh.
Gần xa, nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Dập dìu, tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm.
Ngổn ngang, gò đống kéo lên,
Thoi vàng vó rắc, tro tiền giấy bay.
Tà tà, bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
Bước lần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh:
Nao nao, dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè, nấm đất bên đường,
Rầu rầu, ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
Rằng: "Sao trong tiết Thanh minh,
Mà đây hương khói vắng tanh thế mà?"
Vương Quan mới dẫn gần xa:
"Đạm Tiên nàng ấy, xưa là ca nhi.
Nổi danh tài sắc một thì,
Xôn xao ngoài cửa kém gì yến anh,
Kiếp hồng nhan có mong manh,
Nửa chừng xuân, thoắt gãy cành thiên hương!
Có người khách ở viễn phương,

http://tieulun.hopto.org

Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.
Thuyền tình vừa ghé tới nơi,
Thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ.
Buồng không lặng ngắt như tờ,
Dấu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh.
Khóc than khôn xiết sự tình,
Khéo vô duyên bấy là mình với ta!
Đã không duyên trước chăng là,
Thì chi chút ước gọi là duyên sau.
Sắm sanh nếp tử xe châu,
Vùi nông một nấm, mặc dầu cỏ hoa.
Trải bao thỏ lặn ác tà,
Ấy mồ vô chủ, ai mà viếng thăm?"
Lòng đâu sẵn mối thương tâm,
Thoạt nghe, Kiều đã đầm đầm châu sa:
"Đau đớn thay, phận đàn bà!
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.
Phũ phàng chi bấy hóa công!
Ngày xanh mòn mỏi, má hồng phôi pha.
Sống làm vợ khắp người ta,
Khéo thay thác xuống làm ma không chồng!
Nào người phượng chạ loan chung,
Nào người tiếc lục tham hồng là ai?
Đã không kẻ đoái người hoài,
Sẵn đây ta kiếm một vài nén hương.
Gọi là gặp gỡ giữa đường,
Họa là người dưới suối vàng biết cho".
Lầm rầm khấn vái nhỏ to,
Sụp ngồi vài gật, trước mồ bước ra.
Một vùng cỏ áy bóng tà,
Gió hiu hiu thổi một vài bông lau.
Rút trâm sẵn giắt mái đầu,
Vạch da cây, vịnh bốn câu ba vần.
Lại càng mê mẩn tâm thần,
Lại càng đứng lặng, tần ngần chẳng ra.
Lại càng ủ dột nét hoa,
Sầu tuôn đứt nối, châu sa vắn dài.

http://tieulun.hopto.org

Vân rằng: "Chị cũng nực cười,
Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa!"
Rằng: "Hồng nhan tự thủa xưa,
Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu?
Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
Thấy người nằm đó biết sau thế nào?"
Quan rằng: "Chị nói hay sao,
Một lời là một vận vào khó nghe!
Ở đây âm khí nặng nề.
Bóng chiều đã ngả, dặm về còn xa".
Kiều rằng: "Những đấng tài hoa,
Thác là thể phách, còn là tinh anh.
Dễ hay tình lại gặp tình.
Chờ xem, ắt thấy hiển linh bây giờ!"
Một lời nói, chửa kịp thưa,
Phút đâu trận gió cuốn cờ đến ngay.
Ào ào đổ lộc rung cây,
Ở trong dường có hương bay ít nhiều.
Đè chừng ngọn gió lần theo,
Dấu giầy từng bước in rêu rành rành.
Mặt nhìn, ai nấy đều kinh,
Nàng rằng: "Này thực tinh thành chẳng xa.
Hữu tình, ta lại gặp ta,
Chớ nề u hiển mới là chị em".
Đã lòng hiển hiện cho xem,
Tạ lòng, nàng lại nối thêm vài lời.
Lòng thơ lai láng bồi hồi,
Gốc cây lại vạch một bài cổ thi.

Dùng dằng, nửa ở nửa về,
Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần gần.
Trông chừng thấy một văn nhân,
Lỏng buông tay khấu, bước lần dặm băng.
Đề huề, lưng túi gió trăng,
Sau chân theo một vài thằng con con.
Tuyết in sắc ngựa câu giòn.

http://tieulun.hopto.org

Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.
Nẻo xa, mới tỏ mặt người,
Khách đà xuống ngựa, tới nơi tự tình.
Hài văn lần bước dặm xanh,
Một vùng như thể cây quỳnh, cành dao.
Chàng Vương quen mặt ra chào,
Hai Kiều e lệ, nép vào dưới hoa.
Nguyên người quanh quất đâu xa,
Họ Kim tên Trọng, vốn nhà trâm anh.
Nền phú hậu, bực tài danh,
Văn chương nết đất, thông minh tính trời.
Phong tư tài mạo tót vời,
Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa.
Chung quanh vẫn đất nước nhà,
Với Vương Quan trước vốn là đồng thân.
Trộm nghe thơm nức hương lân,
Một nền Đồng Tước khóa xuân hai Kiều.
Nước non cách mấy buồng thêu,
Những là trộm giấu thầm yêu chốc mòng.
May thay, giải cấu tương phùng,
Gặp tuần đố lá, thỏa lòng tìm hoa.
Bóng hồng nhác thấy nẻo xa,
Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai.
Người quốc sắc, kẻ thiên tài,
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.
Chặp chờn cơn tỉnh cơn mê,
Rốn ngồi chẳng tiện, dứt về chỉn khôn.
Bóng tà như giục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo.
Dưới dòng, nước chảy trong veo,
Bên cầu, tơ liễu bóng chiều thướt tha.

Kiều từ trở gót trướng hoa,
Mặt trời gác núi, chiêng đà thu không.
Gương nga vằng vặc đầy sọng.
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.
Hải đường lả ngọn đông lân,
Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà

http://tieulun.hopto.org

Một mình, lặng ngắm bóng nga,
Rộn đường gần với nỗi xa, bời bời:
"Người mà đến thế thì thôi,
Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi!
Người đâu gặp gỡ làm chi,
Trăm năm biết có duyên gì hay không?"
Ngổn ngang trăm mối bên lòng,
Nên câu tuyệt diệu ngụ trong tính tình.
Chênh chênh bóng nguyệt xế mành,
Tựa ngồi bên triện, một mình thiu thiu.
Thoắt đâu thấy một tiểu kiều,
Có chiều phong vận, có chiều thanh tân.
Sương in mặt, tuyết pha thân,
Sen vàng lững thững, như gần như xa.
Rước mừng, đón hỏi, dò la:
"Đào nguyên lạc lối đâu mà đến đây?"
Thưa rằng: "Thanh khí xưa nay,
Mới cùng nhau lúc ban ngày, đã quên?
Hàn gia ở mé Tây thiên,
Dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu.
Mấy lòng hạ cố đến nhau,
Mấy lời hạ tứ ném châu gieo vàng.
Vâng trình hội chủ xem tường,
Mà xem trong sổ Đoạn trường có tên
Âu đành quả kiếp nhân duyên,
Cũng người một hội một thuyền, đâu xa!
Này mười bài mới mới ra,
Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vời".
Kiều vâng lĩnh ý đề bài,
Tay tiên một vẩy, đủ mười khúc ngâm
Xem thơ nức nở khen thầm:
Giá đành tú khẩu cẩm tâm khác thường
Ví đem vào tập Đoạn trường.
Thì treo giải nhất chi nhường cho ai!
Thềm hoa khách đã trở hài,
Nàng còn cầm lại, một hai tự tình.
Gió đâu sịch bức mành mành
Tỉnh ra, mới biết rằng mình chiêm bao.

http://tieulun.hopto.org

Trông theo nào thấy đâu nào,
Hương thừa dường hãy ra vào đâu đây.
Một mình lưỡng lự canh chầy,
Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh.
Hoa trôi bèo giạt đã đành.
Biết duyên mình, biết phận mình, thế thôi.
Nỗi riêng lớp lớp sóng dồi,
Nghĩ đòi cơn, lại sụt sùi đòi cơn.
Giọng Kiều rền rĩ trướng loan,
Nhà huyên chợt tỉnh, hỏi cơn cớ gì.
"Cớ sao trằn trọc canh khuya,
Màu hoa lê hãy dầm dề giọt mưa?"
Thưa rằng: "Chút phận ngây thơ,
Dưỡng sinh đôi nợ tóc tơ chưa đền.
Buổi ngày chơi mả Đạm Tiên,
Nhắp đi, thoắt thấy ứng liền chiêm bao:
Đoạn trường là số thế nào,
Bài ra thế ấy, vịnh vào thế kia.
Cứ trong mộng triệu mà suy,
Phận con thôi có ra gì mai sau!"
Dạy rằng: "Mộng triệu cứ đâu,
Bỗng không mua não chác sầu nghĩ sao!"
Vâng lời khuyên giải thấp cao.
Chưa xong điều nghĩ, đã dào mạch Tương.
Ngoài song, thỏ thẻ oanh vàng,
Nách tường, bông liễu bay sang láng giềng.
Hiên tà gác bóng nghiêng nghiêng,
Nỗi riêng riêng chạnh tấc riêng một mình.

Cho hay là thói hữu tình,
Đố ai gỡ mối tơ mành cho xong!
Chàng Kim từ lại thu song,
Nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuây
Sầu đong càng lắc càng đầy,
Ba thu dọn lại một ngày dài ghê!
Mây Tần khóa kín song the,

http://tieulun.hopto.org

Bụi hồng liệu nẻo đi về chiêm bao.
Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao,
Mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng.
Phòng văn hơi giá như đồng
Trúc se ngọn thỏ, tơ chùng phím loan.
Mành Tương phân phất gió đàn,
Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình.
Ví chăng duyên nợ ba sinh,
Làm chi đem khói khuynh thành trêu ngươi?
Bâng khuâng nhớ cảnh, nhớ người,
Nhớ nơi kỳ ngộ, vội dời chân đi.
Một vùng cỏ mọc xanh rì.
Nước ngâm trong vắt, thấy gì nữa đâu!
Gió chiều như giục cơn sầu,
Vi lô hiu hắt như màu khẩy trêu.
Nghề riêng nhớ ít tưởng nhiều,
Xăm xăm đè nẻo Lam kiều lần sang.
Thẳm nghiêm, kín cổng cao tường,
Cạn dòng lá thắm, dứt đường chim xanh.
Lơ thơ tơ liễu buông mành.
Con oanh học nói trên cành mỉa mai.
Mấy lần cửa đóng then cài,
Dẫy thềm hoa rụng, biết người ở đâu?
Tần ngần, đứng suốt giờ lâu,
Dạo quanh, chợt thấy mé sau có nhà.
Là nhà Ngô Việt thương gia,
Phòng không để đó, người xa chưa về.
Lấy điều du học hỏi thuê,
Túi đàn cặp sách đề huề dọn sang.
Có cây có đá sẵn sàng.
Có hiên Lãm Thúy nét vàng chưa phai.
Mừng thầm chốn ấy chữ bài,
Ba sinh âu hẳn duyên trời chi đây!
Song hồ nửa khép cánh mây,
Tường đông ghé mắt ngày ngày hằng trông.
Tấc gang động khóa nguồn phong,
Tịt mù nào thấy bóng hồng vào ra.

http://tieulun.hopto.org

Nhẫn từ quán khách lân la,
Tuần trăng thấm thoát nay đà thêm hai.
Cách tường, phải buổi êm trời,
Dưới đào, dường có bóng người thướt tha.
Buông cầm, xốc áo vội ra,
Hương còn thơm nức, người đà vắng tanh!
Lần theo tường gấm dạo quanh,
Trên đào, nhác thấy một cành kim thoa.
Giơ tay với lấy về nhà.
"Này trong khuê các đâu mà đến đây?
Ngẫm âu người ấy báu này.
Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm!"
Liền tay ngắm nghía, biếng nằm,
Hãy còn thoang thoảng hương trầm chưa phai.
Tan sương, đã thấy bóng người.
Quanh tường ra ý tìm tòi ngẩn ngơ.
Sinh đà có ý đợi chờ,
Cách tường lên tiếng, xa đưa ướm lòng:
"Thoa này bắt được hư không,
Biết đâu hợp phố mà mong châu về?"
Tiếng Kiều nghe lọt bên kia:
"Ơn lòng quân tử sá gì của rơi.
Chiếc thoa nào của mấy mươi,
Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao!"
Sinh rằng: "Lận lý ra vào,
Gần đây, nào phải người nào xa xôi.
Được rày nhớ chút thơm rơi,
Kể đà thiểu não lòng người bấy nay!
Bấy lâu mới được một ngày,
Dừng chân gạn chút niềm tây gọi là".
Vội về thêm lấy của nhà,
Xuyến vàng đôi chiếc, khăn là một vuông.
Bực mây đón bước ngọn tường,
Phải người hôm nọ rõ ràng chẳng nhe?
Sượng sùng, giữ ý, rụt rè,
Kẻ nhìn rõ mặt, người e cúi đầu.
Rằng: "Từ ngẫu nghĩ gặp nhau.
Thầm trông trộm nhớ, bấy lâu đã chồn.

http://tieulun.hopto.org

Xương mai tính đã rũ mòn,
Lần lừa ai biết hãy còn hôm nay.
Tháng tròn như gửi cung mây.
Trần trần một phận ấp cây đã liều.
Tiện đây, xin một hai điều,
Đài gương soi đến dấu bèo cho chăng!"
Ngần ngừ, nàng mới thưa rằng:
"Thói nhà băng tuyết, chất hằng phỉ phong.
Dầu khi lá thắm chỉ hồng,
Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha.
Nặng lòng xót liễu vì hoa,
Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thưa!"
Sinh rằng: "Rày gió mai mưa,
Ngày xuân đã dễ tình cờ mấy khi.
Dầu chăng xét tấm tình si,
Thiệt đây, mà có ích gì đến ai?
Chút chi gắn bó một hai,
Cho đành, rồi sẽ liệu bài mối manh.
Khuôn thiêng dầu phụ tấc thành,
Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời.
Lượng xuân dầu quyết hẹp hòi,
Công đeo đuổi chẳng thiệt thòi lắm ru!"
Lặng nghe lời nói như ru,
Chiều xuân dễ khiến nét thu ngại ngùng.
Rằng: "Trong buổi mới lạ lùng,
Nể lòng có lẽ cầm lòng cho đang.
Đã lòng quân tử đa mang,
Một lời vâng tạc đá vàng thủy chung".
Được lời, như cởi tấm lòng,
Giở kim thoa với khăn hồng trao tay.
Rằng: "Trăm năm cũng từ đây,
Của tin gọi một chút này làm ghi".
Sẵn tay bả quạt hoa quì,
Với cành thoa ấy tức thì đổi trao.
Một lời gắn bó tất giao,
Mé sau dường có xôn xao tiếng người.
Vội vàng lá rụng hoa rơi,
Chàng về viện sách, nàng dời lầu trang

http://tieulun.hopto.org

Từ phen đá biết tuổi vàng,
Tình càng thấm thía, dạ càng ngẩn ngơ.
Sông Tương một dải nông sờ,
Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia.
Một tường tuyết chở sương che,
Tin xuân đâu dễ đi về cho năng.

Lần lần, ngày gió đêm trăng,
Thưa hồng rậm lục, đã chừng xuân qua.
Ngày vừa sinh nhật ngoại gia,
Trên hai đường dưới nữa là hai em,
Tưng bừng, sắm sửa áo xiêm,
Biện dâng một lễ xa đem tấc thành.
Nhà lan thanh vắng một mình,
Ngẫm cơ hội ngộ đã dành hôm nay.
Thì trân thức thức sẵn bày,
Gót sen thoăn thoắt dạo ngay mé tường.
Cách hoa sẽ dặng tiếng vàng,
Dưới hoa, đã thấy có chàng đứng trông.
"Trách lòng hờ hững với lòng,
Lửa hương chốc để lạnh lùng bấy lâu.
Những là đắp nhớ đổi sầu,
Tuyết sương nhuốm nửa mái đầu hoa râm".
Nàng rằng: "Gió bắt mưa cầm,
Đã cam tệ với tri âm bấy chầy.
Vắng nhà được buổi hôm nay,
Lấy lòng, gọi chút ra đây tạ lòng".
Lần theo núi giả đi vòng,
Cuối tường, dường có nẻo thông mới rào.
Xắn tay, mở khóa động đào,
Rẽ mây, trông tỏ lối vào Thiên Thai.
Mặt nhìn mặt, càng thêm tươi,
Bên lời vạn phúc, bên lời hàn huyên.
Sánh vai, về chốn thư hiên,
Góp lời phong nguyệt, nặng nguyền non sông.
Trên yên bút giá thi đồng,

http://tieulun.hopto.org

Đạm thanh một bức tranh tùng treo trên.
Phong sương được vẻ thiên nhiên,
Mặt khen nét bút càng nhìn càng tươi.
Sinh rằng: "Phác họa vừa rồi,
Phẩm đề xin một vài lời thêm hoa".
Tay tiên gió táp mưa sa,
Khoảng trên dừng bút, thảo và bốn câu.
Khen: "Tài nhả ngọc phun châu,
Nàng Ban ả Tạ cũng đâu thế này,
Kiếp tu xưa ví chưa dày,
Phúc nào nhắc được giá này cho ngang".
Nàng rằng: "Trộm liếc dung quang.
Chẳng sân Ngọc bội, thì phường Kim môn.
Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
Khuôn xanh biết có vuông tròn mà hay?
Nhớ từ năm hãy thơ ngây,
Có người tướng sĩ đoán ngay một lời:
Anh hoa phát tiết ra ngoài,
Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.
Trông người lại ngẫm đến ta.
"Một dày một mỏng, biết là có nên?"
Sinh rằng: "Giải cấu là duyên,
Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.
Ví dù giải kết đến điều,
Thì đem vàng đá mà liều với thân".
Đủ điều trung khúc ân cần,
Lòng xuân phơi phới, chén xuân tàng tàng.
Ngày vui ngắn chẳng đầy gang,
Trông ra, ác đã ngậm gương non đoài.
Vắng nhà, chẳng tiện ngồi dai,
Giã chàng, nàng mới kíp dời song sa.
Đến nhà, vừa thấy tin nhà,
Hai thân còn dở tiệc hoa chưa về.
Cửa ngoài vội rủ rèm the,
Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình.
Nhặt thưa gương rọi đầu cành,
Ngọn đèn trông lọt, trướng huỳnh hắt hiu.

http://tieulun.hopto.org

Sinh vừa tựa án thiu thiu.
Dở chiều như tỉnh, dở chiều như mê.
Tiếng sen sẽ động giấc hoè,
Bóng trăng đã xế, hoa lê lại gần.
Bâng khuâng đỉnh Giáp non Thần,
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng!
Nàng rằng: "Khoảng vắng đêm trường,
Vì hoa, nên phải trổ đường tìm hoa.
Bây giờ rõ mặt đôi ta,
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao?"
Vội mừng làm lễ rước vào,
Đài sen nối sáp, song đào thêm hương.
Tiên thề cùng thảo một chương,
Tóc mây một mớn, dao vàng chia đôi.
Vừng trăng vằng vặc giữa trời,
Đinh ninh hai miệng một lời song song.
Tóc tơ căn vặn tấc lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương.
Chén hà sánh giọng quỳnh tương,
Dải là hương lộn, bình gương bóng lồng.
Sinh rằng: "Gió mát trăng trong,
Bấy lâu nay, một chút lòng chưa cam.
Chày sương chưa nện cầu Lam,
Sợ lần khân quá sa sờm sỡ chăng?"
Nàng rằng: "Hồng diệp xích thằng,
Một lời cũng đã tiếng rằng tương tri.
Đừng điều nguyệt nọ hoa kia,
Ngoài ra, ai lại tiếc gì với ai".
Rằng: "Nghe nổi tiếng cầm đài,
Nước non luống những lắng tai Chung Kỳ".
Thưa rằng: "Tiện kỹ sá chi,
Đã lòng dạy đến, dạy thì phải vâng"
Hiên sau treo sẵn cầm trăng,
Vội vàng Sinh đã tay nâng ngang mày.
Nàng rằng: "Nghề mọn riêng tay,
Làm chi cho bận lòng này lắm thân!"
So dần dây võ dây văn,
Bốn dây to nhỏ theo vần cung thương.

http://tieulun.hopto.org

Khúc đâu Hán Sở chiến trường,
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau?
Khúc đâu Tư mã Phượng cầu,
Nghe ra như oán như sầu phải chăng?
Kê khang này khúc Quảng Lăng.
Một rằng lưu thủy, hai rằng hành vân.
Quá quan này khúc Chiêu Quân,
Nửa phần luyến chúa, nửa phần tư gia.
Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.
Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi đó mà ngơ ngẩn sầu.
Khi tựa gối, khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày.
Rằng: "Hay thì thật là hay,
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào!
So chi những bực tiêu tao?
Thiệt lòng mình, cũng nao nao lòng người".
Rằng: "Quen mất nết đi rồi,
Tẻ vui thôi cũng tính trời, biết sao?
Lời vàng vâng lĩnh ý cao,
Họa dần dần bớt chút nào được không?"
Hoa hương càng tỏ thức hồng
Đầu mày cuối mặt càng nồng tấm yêu.
Sóng tình dường đã xiêu xiêu,
Xem trong âu yếm có chiều lả lơi.
Thưa rằng "Đừng lấy làm chơi,
Rỉ cho thưa hết một lời đã nao!
Vẻ chi một đóa yêu đào,
Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh?
Đã cho vào bực bố kinh,
Đạo tòng phu lấy chữ trinh làm đầu.
Ra tuồng trên Bộc trong dâu,
Thì con người ấy ai cầu làm chi!
Phải điều ăn xổi ở thì,

http://tieulun.hopto.org

Tiết trăm năm nỡ bỏ đi một ngày!
Ngẫm duyên kỳ ngộ xưa nay,
Lứa đôi ai lại đẹp tầy Thôi, Trương.
Mây mưa đánh đổ đá vàng,
Quá chiều, nên đã chán chường yến anh.
Trong khi chắp cánh liền cành,
Mà lòng rẻ rúng đã dành một bên.
Mái Tây để lạnh hương nguyền,
Cho duyên đằm thắm ra duyên bẽ bàng.
Gieo thoi trước chẳng giữ giàng,
Để sau nên thẹn cùng chàng, bởi ai?
Vội chi liễu ép hoa nài,
Còn thân, ắt lại đền bồi có khi."
Thấy lời đoan chính dễ nghe,
Chàng càng thêm nể thêm vì mười phân.
Bóng tàu vừa lạt vẻ sân,
Tin đâu đã đến cửa ngăn gọi vào.
Nàng thì vội trở buồng thêu,
Sinh thì dạo gót sân đào bước ra.

Cửa sài vừa ngỏ then hoa,
Gia đồng vào gửi thư nhà mới sang.
Đem tin thúc phụ từ đường,
Bơ vơ, lữ thấn tha hương đề huề.
Liêu Dương cách trở sơn khê,
Xuân đường kíp gọi sinh về hộ tang.
Mảng tin, xiết nỗi kinh hoàng,
Băng mình lẻn trước đài trang tự tình.
Gót đầu mọi nỗi đinh ninh,
Nỗi nhà tang tóc, nỗi mình xa xôi.
"Sự đâu chưa kịp đôi hồi,
Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ.
Trăng thề còn đó trơ trơ,
Dám xa xôi mặt mà thưa thớt lòng!
Ngoài nghìn dặm, chốc ba đông,
Mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy.
Gìn vàng giữ ngọc cho hay,

http://tieulun.hopto.org

Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời".
Tai nghe, ruột rối bời bời,
Ngập ngừng, nàng mới giải lời trước sau:
"Ông tơ ghét bỏ chi nhau,
Chưa vui sum họp, đã sầu chia phôi.
Cùng nhau đã trót nặng lời.
Dẫu thay mái tóc, dám dời lòng tơ?.
Quản bao tháng đợi năm chờ.
Nghĩ người ăn gió nằm mưa xót thầm.
Đã nguyền hai chữ đồng tâm,
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.
Còn non còn nước còn dài,
Còn về còn nhớ đến người hôm nay".
Dùng dằng chưa nỡ dời tay,
Vừng đông đâu đã đứng ngay nóc nhà.
Ngại ngùng, một bước một xa,
Một lời trân trọng châu sa mấy hàng.
Buộc yên quảy gánh vội vàng,
Mối sầu sẻ nửa, bước đường chia hai.
Buồn trông phong cảnh quê người,
Đầu cành quyên nhặt, cuối trời nhạn thưa.
Não người cữ gió tuần mưa,
Một ngày nặng gánh tương tư một ngày.

Nàng còn đứng tựa hiên tây,
Chín hồi vấn vít như vầy mối tơ.
Trông chừng khói ngất song thưa,
Hoa trôi giạt thắm, liễu xơ xác vàng.
Tần ngần dạo gót lầu trang,
Một đoàn mừng thọ ngoại hương mới về.
Hàn huyên chưa kịp dã dề,
Sai nha bỗng thấy bốn bề xôn xao.
Người nách thước, kẻ tay đao,
Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi.
Già giang một lão một trai,
Một dây vô lại buộc hai thâm tình.
Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh.

http://tieulun.hopto.org

Rụng rời khung dệt, tan tành gói may.
Đồ tế nhuyễn, của riêng tây,
Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham
Điều đâu bay buộc ai làm?
Này ai đan dập giật giàm bỗng dưng?
Hỏi ra, sau mới biết rằng:
Phải tên xưng xuất tại thằng bán tơ.
Một nhà hoảng hốt ngẩn ngơ.
Tiếng oan dậy đất, án ngờ lòa mây.
Hạ từ, van lạy suốt ngày,
Điếc tai lân tuất, phũ tay tồi tàn.
Rường cao rút ngược dây oan,
Dẫu rằng đá cũng nát gan, lọ người!
Mặt trông đau đớn rụng rời,
Oan này còn một kêu trời... nhưng xa.
Một ngày lạ thói sai nha,
Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền!

Sao cho cốt nhục vẹn tuyền,
Trong khi ngộ biến tòng quyền biết sao?
Duyên hội ngộ, đức cù lao.
Bên tình bên hiếu, bên nào nặng hơn?
Để lời thệ hải minh sơn,
Làm con, trước phải đền ơn sinh thành.
Quyết tình nàng mới hạ tình:
"Rẽ cho để thiếp bán mình chuộc cha!"
Họ Chung có kẻ lại già,
Cũng trong nha dịch, lại là từ tâm.
Thấy nàng hiếu trọng tình thâm,
Vì nàng, nghĩ cũng thương thầm xót vay.
Tính bài lót đó luồn đây,
Có ba trăm lạng việc này mới xuôi.
Hãy về tạm phó giam ngoài,
Dặn nàng quy liệu trong đôi ba ngày.
Thương lòng con trẻ thơ ngây,
Gặp cơn vạ gió tai bay bất kì.
Đau lòng tử biệt sinh ly,

http://tieulun.hopto.org

Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên!
Hạt mưa sá nghĩ phận hèn,
Liệu đem tấc cỏ quyết đền ba xuân.
Sự lòng ngỏ với băng nhân,
Tin sương đồn đại, xa gần xôn xao.
Gần miền có một mụ nào,
Đưa người viễn khách tìm vào vấn danh.
Hỏi tên, rằng Mã Giám sinh.
Hỏi quê, rằng huyện Lâm Thanh cũng gần.
Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao.
Trước thầy sau tớ lao xao,
Nhà băng đưa mối rước vào lầu trang.
Ghế trên ngồi tót sỗ sàng,
Buồng trong mối đã giục nàng kíp ra.
Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,
Thềm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng.
Ngại ngùng, giợn gió e sương,
Xem hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày.
Mối càng vén tóc bắt tay,
Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai.
Đắn đo, cân sắc cân tài,
Ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ.
Mặn nồng một vẻ một ưa.
Bằng lòng, khách mới tùy cơ dặt dìu.
Rằng: "Mua ngọc đến Lam Kiều.
Sính nghi xin dạy bao nhiêu cho tường?"
Mối rằng: "Giá đáng nghìn vàng,
Giá nhà, nhờ lượng người thương, dám nài".
Cò kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá, vâng ngoài bốn trăm.
Một lời, thuyền đã êm giầm,
Hãy đưa canh thiếp trước cầm làm ghi.
Định ngày nạp thái vu qui
Tiền lưng đã có, việc gì chẳng xong!
Một lời cậy với Chung công,
Khất từ, lam lĩnh Vương ông về nhà.

http://tieulun.hopto.org

Thương tình con trẻ cha già,
Nhìn nàng, ông những máu sa ruột rầu.
"Nuôi con, những ước về sau,
Trao tơ phải lứa, gieo cầu đáng nơi.
Trời làm chi cực bấy trời!
Này ai vu thác cho người hợp tan.
Búa rìu bao quản thân tàn,
Nỡ đày đọa trẻ, càng oan khốc già.
Một lần, sau trước cũng là,
Thôi thì mặt khuất, chẳng thà lòng đau".
Theo lời như chảy dòng châu,
Liều mình, ông đã gieo đầu tường vôi.
Vội vàng, kẻ giữ người coi,
Nhỏ to, nàng lại tìm lời khuyên can:
"Vẻ chi một mảnh hồng nhan?
Tóc tơ chưa chút đền ơn sinh thành.
Dâng thư, đã thẹn nàng Oanh,
Lại thua ả Lý bán mình hay sao?
Cỗi xuân tuổi hạc càng cao,
Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành.
Lượng trên dù chẳng dứt tình,
Gió mưa âu hẳn tan tành nước non.
Thà rằng liều một thân con,
Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây.
Phận sao đành vậy cũng vầy,
Cầm như chẳng đậu những ngày còn xanh.
Cũng đừng tính quẩn lo quanh,
Tan nhà là một thiệt mình là hai".
Phải lời, ông cũng êm tai,
Nhìn nhau, giọt ngắn giọt dài ngổn ngang.
Mé ngoài, họ Mã vừa sang,
Tờ hoa đã ký, cân vàng mới trao.
Trăng già độc địa làm sao?
Cầm dây chẳng lựa, buộc vào tự nhiên!
Trong tay đã sẵn đồng tiền,
Dầu lòng đỏi trắng thay đen khó gì!
Họ Chung ra sức giúp vì,
Lễ tâm đã đặt, tụng kỳ cũng xong.

http://tieulun.hopto.org

Việc nhà đã tạm thong dong,
Tinh kỳ giục giã đã mong độ về.
Một mình nàng ngọn đèn khuya,
Áo dầm giọt lệ, tóc se mái sầu.
"Phận rầu, dầu vậy cũng dầu,
Xét lòng đeo đẳng bấy lâu một lời.
Công trình kể biết mấy mươi.
Vì ta khăng khít cho người dở dang.
Thề hoa chưa ráo chén vàng,
Lỗi thề thôi đã phụ phàng với hoa!
Trời Liêu non nước bao xa,
Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi!
Biết bao duyên nợ thề bồi,
Kiếp này thôi thế thì thôi, còn gì!
Tái sinh chưa dứt hương thề,
Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai
Nợ tình chưa trả cho ai,
Khối tình mang xuống Tuyền đài chửa tan".
Nỗi riêng, riêng những bàn hoàn,
Dầu trong trắng đĩa, lệ tràn thấm khăn.
Thúy Vân chợt tỉnh giấc xuân,
Dưới đèn ghé đến, ân cần hỏi han:
"Cơ trời dâu bể đa đoan,
Một nhà để chị riêng oan một mình,
Cớ chi ngồi nhẫn tàn canh
Nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây?"
Rằng: "Lòng đương thổn thức đầy,
Tơ duyên còn vướng mối này chưa xong.
Hở môi ra, cũng thẹn thùng,
Để lòng, thì phụ tấm lòng với ai.
Cậy em, em có chịu lời?
Ngồi lên cho chị lạy, rồi sẽ thưa.
Giữa đường, đứt gánh tương tư,
Keo loan chắp mối tơ thừa, mặc em.
Kể từ khi gặp chàng Kim;
Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.
Sự đâu sóng gió bất kỳ,

http://tieulun.hopto.org

Hiếu tình, khôn lẽ hai bề vẹn hai.
Ngày xuân em hãy còn dài,
Xót tình máu mủ, thay lời nước non.
Chị dù thịt nát xương mòn,
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.
Chiếc thoa với bức tờ mây,
Duyên này thì giữ, vật này của chung.
Dầu em nên vợ nên chồng,
Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên.
Mất người, còn chút của tin,
Phím đàn với mảnh hương nguyền ngày xưa.
Mai sau, dầu có bao giờ,
Đốt lò hương ấy, so tơ phím này.
Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.
Hồn còn mang nặng lời thề,
Nát thân bồ liễu đền nghì trúc mai.
Dạ đài cách mặt khuất lời,
Tưới xin giọt lệ cho người thác oan.
Bây giờ trâm gãy gương tan,
Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân!
Trăm nghìn gửi lạy tình quân,
Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi.
Phận sao phận bạc như vôi!
Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng.
Ôi Kim lang! Hỡi Kim lang!
Thôi thôi, thiếp đã phụ chàng từ đây!"
Cạn lời, hồn dứt máu say,
Một hơi lặng ngắt, đôi tay giá đồng.
Xuân huyên chợt tỉnh giấc nồng,
Một nhà tấp nập kẻ trong người ngoài.
Kẻ thang người thuốc bời bời,
Mới dầu cơn vựng, chưa phai giọt hồng.
Hỏi sao ra sự lạ lùng.
Kiều càng nức nở nói không ra lời.
Nỗi nàng Vân mới rỉ tai:
Chiếc thoa này với tờ bồi ở đây.
"Vì cha làm lỗi duyên mày,

http://tieulun.hopto.org

Thôi thì việc ấy sau này đã em.
Vì ai rụng cải rơi kim?
Để con bèo nổi mây chìm vì ai?
Lời con dặn lại một hai,
Dẫu mòn bia đá, dám sai tấc vàng?"
Lạy thôi, nàng lại rén chiềng:
"Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi.
Sá chi thân phận tôi đòi,
Dẫu rằng xương trắng quê người, quản đâu!"

Xiết bao kể nỗi thảm sầu!
Khắc canh đã giục nam lâu mấy hồi.
Kiệu hoa đâu đã đến ngoài,
Quản huyền đâu đã giục người sinh ly.
Đau lòng kẻ ở người đi,
Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ tằm.
Trời hôm, mây kéo tối dầm,
Rầu rầu ngọn cỏ, đầm đầm cành sương
Rước nàng về đến trú phường,
Bốn bề xuân khóa, một nàng ở trong.
Ngập ngừng, thẹn lục e hồng,
Nghĩ lòng, lại xót xa lòng đòi phen.
Phẩm tiên rơi đến tay hèn,
Hoài công nắng giữ mưa gìn với ai!
Biết thân đến bước lạc loài,
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung.
Vì ai ngăn đón gió Đông,
Thiệt lòng khi ở, đau lòng khi đi.
Trùng phùng dù họa có khi,
Thân này, thôi có ra gì mà mong!
Đã sinh ra số long đong,
Còn mang lấy kiếp má hồng được sao?
Trên yên sẵn có con dao,
Giấu cầm, nàng đã gói vào chéo khăn.
Phòng khi nước đã đến chân,
Dao này thì liệu với thân sau này,

http://tieulun.hopto.org

Đêm thu một khắc một chầy,
Bâng khuâng như tỉnh như say một mình.
Chẳng ngờ, gã Mã Giám sinh,
Vẫn là một đứa phong tình đã quen.
Quá chơi, lại gặp hồi đen.
Quen mồi, lại kiếm ăn miền nguyệt hoa.
Lầu xanh có mụ Tú bà,
Làng chơi đã trở về già hết duyên.
Tình cờ, chẳng hẹn mà nên,
Mạt cưa mướp đắng, đôi bên một phường.
Chung lưng mở một ngôi hàng,
Quanh năm buôn phấn bán hương đã lề.
Dạo tìm khắp chợ thì quê,
Giả danh hầu hạ, dạy nghề ăn chơi.
Rủi may âu cũng sự trời,
Đoạn trường lại chọn mặt người vô duyên!
Xót nàng, chút phận thuyền quyên,
Cành hoa đem bán vào thuyền lái buôn!
Mẹo lừa đã mắc vào khuôn,
Sính nghi rẻ giá, nghinh hôn sẵn ngày.
Mừng thầm, cờ đã đến tay,
Càng nhìn vẻ ngọc, càng say khúc vàng.
Đã nên quốc sắc thiên hương,
Một cười này, hẳn nghìn vàng, chẳng ngoa.
Về đây, nước trước bẻ hoa,
Vương tôn quý khách ắt là đua nhau.
Hẳn ba trăm lạng kém đâu,
Cũng đà vừa vốn, còn sau thì lời.
Miếng ngon kề đến tận nơi,
Vốn nhà cũng tiếc, của người cũng tham.
Đào tiên đã bén tay phàm.
Thì vin cành quít cho cam sự đời.
Dưới trần mấy mặt làng chơi,
Chơi hoa, đã dễ mấy người biết hoa.
Nước vỏ lựu, máu mào gà,
Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên.
Mập mờ đánh lận con đen,
Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền, mất chi?

http://tieulun.hopto.org

Mụ già hoặc có điều gì,
Liều công mất một buổi quì mà thôi.
Vả đây đường sá xa xôi,
Mà ta bất động nữa người sinh nghi.
Tiếc thay! Một đóa trà (đồ) mi,
Con ong đã mở đường đi lối về!
Một cơn mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương!
Đêm xuân một giấc mơ màng,
Đuốc hoa để đó, mặc nàng nằm trơ.
Giọt riêng tầm tã tuôn mưa,
Phần căm nỗi khách, phần dơ nỗi mình.
Tuồng chi là giống hôi tanh,
Thân nghìn vàng để ô danh má hồng.
Thôi còn chi nữa mà mong,
Đời người thôi thế là xong một đời!
Giận duyên tủi phận bời bời,
Cầm dao, nàng đã toan bài quyên sinh.
Nghĩ đi nghĩ lại một mình:
Một mình thì chớ, hai tình thì sao?
Sau dầu sinh sự thế nào,
Truy nguyên, chẳng kẻo lụy vào song thân.
Nỗi mình âu cũng giãn dần,
Kíp chầy, thôi cũng một lần mà thôi.
Những là đo đắn ngược xuôi,
Tiếng gà nghe đã gáy sôi mé tường.
Lần mai vừa rúc còi sương,
Mã sinh giục giã vội vàng ra đi.
Đoạn trường thay! Lúc phân kỳ,
Vó câu khấp khểnh, bánh xe gập ghềnh.
Bề ngoài mười dặm trường đình,
Vương ông mở tiệc tiễn hành đưa theo.
Ngoài thì chủ khách dập dìu.
Một nhà huyên với một Kiều ở trong.
Nhìn càng lã chã giọt hồng,
Rỉ tai, nàng mới giải lòng thấp cao:
"Hổ sinh ra phận thơ đào,
Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong?

http://tieulun.hopto.org

Lỡ làng, nước đục bụi trong,
Trăm năm để một tấm lòng từ đây.
Xem gương trong bấy nhiêu ngày,
Thân con chẳng kẻo mắc tay bợm già.
Khi về bỏ vắng trong nhà,
Khi vào dùng dắng, khi ra vội vàng.
Khi ăn khi nói lỡ làng,
Khi thầy khi tớ xem thường xem khinh.
Khác màu kẻ quí người thanh,
Ngẫm ra cho kỹ, như hình con buôn.
Thôi con còn nói chi con,
Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người!"
Vương bà nghe bấy nhiêu lời,
Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên.
Vài tuần, chưa cạn chén khuyên,
Mé ngoài nghỉ đã giục liền ruổi xe.
Xót con, lòng nặng chề chề,
Trước yên, ông đã nằn nì thấp cao:
"Chút thân yếu liễu thơ đào,
Gấp nhà đến đỗi dấn vào tôi ngươi.
Từ đây, góc bể bên trời,
Nắng mưa thui thủi, quê người một thân.
Nghìn tầm nhờ bóng tùng quân,
Tuyết sương che chở cho thân cát đằng".
Cạn lời, khách mới thưa rằng:
"Buộc chân, thôi cũng xích thằng nhiệm trao.
Mai sau, dầu đến thế nào,
Kìa gương nhật nguyệt, nọ dao quỷ thần".
Đùng đùng gió giật mây vần
Một xe trong cõi hồng trần như bay,
Trông vời gạt lệ phân tay,
Góc trời thăm thẳm, ngày ngày đăm đăm.
Nàng thì cõi khách xa xăm,
Bạc phau cầu giá, đen dầm ngàn mây.
Vi lô san sát hơi may,
Một trời thu để riêng ai một người.
Dặm khuya, ngất tạnh mù khơi,
Thấy trăng mà thẹn những lời non sông.

http://tieulun.hopto.org

Rừng thu từng biếc chen hồng,
Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn.

Những là lạ nước lạ non,
Lâm Tri vừa một tháng tròn tới nơi.
Xe châu dừng bánh cửa ngoài,
Rèm trong đã thấy một người bước ra.
Thoắt trông lờn lợt màu da,
Ăn gì cao lớn đẫy đà làm sao!
Trước xe, lơi lả han chào,
Vâng lời, nàng mới bước vào tận nơi.
Bên thì mấy ả mày ngài,
Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi.
Giữa thì hương án hẳn hoi,
Trên treo một tượng trắng đôi lông mày.
Lầu xanh quen lối xưa nay,
Nghề này thì lấy ông này tiên sư.
Hương hoa hôm sớm phụng thờ,
Cô nào xấu vía có thưa mối hàng,
Cổi xiêm lột áo chán chường,
Trước thần sẽ nguyện mảnh hương lầm rầm.
Đổi hoa, lót xuống chiếu nằm,
Bướm ong bay lại ầm ầm tứ vi.
Kiều còn ngơ ngẩn biết gì?
Cứ lời dạy xuống mụ thì khấn ngay:
"Cửa hàng buôn bán cho may,
Đêm đêm Hàn thực, ngày ngày Nguyên tiêu.
Muôn nghìn người thấy cũng yêu,
Xôn xao anh yến, dập dìu trúc mai.
Tin nhạn vẩn, lá thơ bời,
Đưa người cửa trước, rước người cửa sau".
Lạ tai, nghe chửa biết đâu,
Xem tình ra, cũng những màu dở dang.
Lễ xong hương hỏa gia đường,
Tú bà vắt nóc lên giường ngồi ngay.
Dạy rằng: "Con lạy mẹ đây,
Lạy rồi, sang lạy cậu mày bên kia.

http://tieulun.hopto.org

Nàng rằng: "Phải bước lưu ly,
Phận hèn, vâng đã cam bề tiểu tinh.
Điều đâu lấy yến làm anh,
Ngây thơ chẳng biết là danh phận gì.
Đủ điều nạp thái vu quy,
Đã khi chung chạ, lại khi đứng ngồi.
Giờ ra thay bực đổi ngôi,
Dám xin gửi lại một lời cho minh".
Mụ nghe nàng nói hay tình,
Bây giờ, mới nổi tam bành mụ lên:
"Này này, sự đã quả nhiên,
Thôi đà cướp sống chồng min đi rồi!
Bảo rằng đi dạo lấy người,
Đem về, rước khách kiếm lời mà ăn.
Tuồng vô nghĩa, ở bất nhân,
Buồn mình trước đã tần mần thử chơi.
Màu hồ đã mất đi rồi,
Thôi thôi, vốn liếng đi đời nhà ma!
Con kia đã bán cho ta,
Nhập gia, phải cứ phép nhà tao đây.
Lão kia có giở bài bây,
Chẳng văng vào mặt, mà mày lại nghe.
Cớ sao chịu tốt một bề,
Gái tơ mà đã ngứa nghề sớm sao!
Phải làm cho biết phép tao!"
Giật bì tiên, rắp sấn vào ra tay.
Nàng rằng: "Trời thẳm đất dày!
Thân này đã bỏ những ngày ra đi.
Thôi thì thôi có tiếc gì! "
Sẵn dao tay áo, tức thì giở ra.
Sợ gan nát ngọc liều hoa,
Mụ còn trông mặt, nàng đà quá tay.
Thương ôi! Tài sắc bực này,
Một dao oan nghiệt, đứt dây phong trần.
Nỗi oan vỡ lở xa gần,
Trong nhà người chật một lần như nen.
Nàng thì bằn bặt giấc tiên,
Mụ thì cầm cập mặt nhìn hồn bay.

http://tieulun.hopto.org

Vực nàng vào chốn hiên tây,
Cắt người coi sóc, rước thầy thuốc men.
Nào hay chưa hết trần duyên,
Trong mê, dường đã đứng bên một nàng.
Rỉ rằng: "Nhân quả dở dang,
Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao?
Số còn nặng nghiệp má đào,
Người dầu muốn quyết, trời nào đã cho!
Hãy xin hết kiếp liễu bồ,
Sông Tiền Đường sẽ hẹn hò về sau".
Thuốc thang suốt một ngày thâu.
Giấc mê nghe đã dần dần vừa tan.
Tú bà chực sẵn bên màn,
Lựa lời khuyên giải, mơn man gỡ dần:
"Một người dễ có mấy thân,
Hoa xuân đương nhị, ngày xuân còn dài.
Cũng là lỡ một lầm hai,
Đá vàng sao nỡ ép nài mưa mây.
Lỡ chân trót đã vào đây,
Khóa buồng xuân, để đợi ngày đào non.
Người còn thì của hãy còn,
Tìm nơi xứng đáng làm con cái nhà.
Làm chi tội báo oan gia,
Thiệt mình, mà hại đến ta, hay gì?"
Kề tai mấy nỗi nằn nì,
Nàng nghe dường cũng thị phi rạch ròi.
Vả trong thần mộng mấy lời,
Túc nhân âu cũng có trời ở trong.
Kiếp này nợ trả chưa xong,
Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau?
Lặng nghe, ngẫm nghĩ gót đầu,
Thưa rằng: "Ai có muốn đâu thế này.
Được như lời thế là may,
Hẳn rằng mai có như rày cho chăng?
Sợ khi ong bướm đãi đằng,
Đến điều sống đục, sao bằng thác trong?"

http://tieulun.hopto.org

Mụ rằng: "Con hãy thong dong,
Phải điều lòng lại dối lòng mà chơi!
Mai sau, ở chẳng như lời,
Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi".
Thấy lời quyết đoán hẳn hoi,
Đành lòng, nàng cũng sẽ nguôi nguôi dần.
Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân,
Vẻ non xa, tấm trăng gần ở chung.
Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.
Bẽ bàng mây sớm đèn khuya.
Nửa tình nửa cảnh, như chia tấm lòng.
Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ.
Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai?
Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.
Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ rầu rầu.
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Chung quanh những nước non người,
Đau lòng lưu lạc nên vài bốn câu.
Ngậm ngùi rủ bức rèm châu.
Cách lầu, nghe có tiếng đâu họa vần.
Một chàng vừa trạc thanh xuân,
Hình dung chải chuốt, áo khăn dịu dàng.
Nghĩ rằng cũng mạch thư hương,
Hỏi ra, mới biết rằng chàng Sở Khanh.

http://tieulun.hopto.org

Bóng nga thấp thoáng dưới mành.
Trông nàng, chàng cũng ra tình đeo đai:
"Than ôi! Sắc nước hương trời,
Tiếc cho đâu bỗng lạc loài đến đây?
Giá đành trong nguyệt trên mây,
Hoa sao hoa khéo giã giày bấy hoa?
Nỗi cơn riêng giận trời già,
Lòng này ai tỏ cho ta hỡi lòng?
Thuyền quyên ví biết anh hùng,
Ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi!"
Song thu đã khép cánh ngoài,
Tai còn đồng vọng mấy lời sắt đanh.
Nghĩ người thôi, lại nghĩ mình.
Cám lòng chưa xót, lạt tình bơ vơ.
Những là lần lữa nắng mưa,
Kiếp phong trần biết bao giờ là thôi?
Đánh liều, nhắn một hai lời,
Nhờ tay tế độ vớt người trầm luân.
Mảnh tiên kể hết xa gần,
Nỗi nhà báo đáp, nỗi thân lạc loài.
Tan sương, vừa rạng ngày mai,
Tiện hồng nàng mới nhắn lời gửi sang.
Trời Tây lãng đãng bóng vàng,
Phục thư đã thấy tin chàng đến nơi.
Mở xem một bức tiên mai,
Rành rành *tích việt* có hai chữ đề.
Lấy trong ý tứ mà suy:
Ngày hai mươi mốt, tuất thì phải chăng?
Chim hôm thoi thót về rừng,
Giá trà (đồ) mi đã ngậm trăng nửa vành.
Tường Đông lay động bóng cành,
Đẩy song, đã thấy Sở Khanh lẻn vào.
Sượng sùng, đánh dạn, ra chào,
Lạy thôi, nàng mới rỉ trao ân cần.
Rằng: "Tôi bèo bọt chút thân,
Lạc đàn, mang lấy nợ nần yến anh.
Dám nhờ cốt nhục tử sinh,
Còn nhiều kết cỏ ngậm vành về sau"

http://tieulun.hopto.org

Lặng nghe, tủm tỉm gật đầu:
"Ta đây nào phải ai đâu mà rằng!
Nàng đà biết đến ta chăng,
Bể trầm luân lấp cho bằng mới thôi".
Nàng rằng: "Muôn sự ơn người,
Thế nào xin quyết một bài cho xong".
Rằng: "Ta có ngựa truy phong,
Có tên dưới trướng vốn dòng kiện nhi.
Thừa cơ, lẻn bước ra đi,
Ba mươi sáu chước, chước gì là hơn?
Dù khi gió kép mưa đơn,
Có ta đây, cũng chẳng cơn cớ gì!"
Nghe lời, nàng đã sinh nghi.
Song đà quá đỗi, quản gì được thân.
Cũng liều nhắm mắt đưa chân,
Mà xem con tạo xoay vần đến đâu.
Cùng nhau lẻn bước xuống lầu,
Song song, ngựa trước ngựa sau một đoàn.
Đêm thâu, khắc lậu canh tàn,
Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương.
Lối mòn cỏ lợt màu sương.
Lòng quê đi một bước đường một đau.
Tiếng gà xao xác gáy mau,
Tiếng người đâu đã mé sau dậy dàng.
Nàng càng thổn thức gan vàng,
Sở Khanh đã rẽ dây cương lối nào!
Một mình khôn biết làm sao,
Dặm rừng bước thấp bước cao hãi hùng.
Hóa nhi thật có nỡ lòng,
Làm chi giày tía vò hồng lắm nao!
Một đoàn đổ đến trước sau.
Vuốt đâu xuống đất, cánh đâu lên trời?
Tú bà tốc thẳng đến nơi.
Hăm hăm áp điệu một hơi lại nhà.
Hung hăng, chẳng hỏi chẳng tra.
Đang tay vùi liễu dập hoa tơi bời.
Thịt da ai cũng là người,
Lòng nào hồng rụng thắm rời chẳng đau!

http://tieulun.hopto.org

Hết lời thú phục khẩn cầu,
Uốn lưng thịt đổ, dập đầu máu sa.
Rằng: "Tôi chút phận đàn bà,
Nước non lìa cửa lìa nhà đến đây.
Bây giờ sống thác ở tay,
Thân này đã đến thế này thì thôi!
Nhưng tôi có sá chi tôi.
Phận tôi đành vậy, vốn người để đâu?
Thân lươn bao quản lấm đầu,
Chút lòng trinh bạch từ sau cũng chừa".
Được lời, mụ mới tùy cơ,
Bắt người bảo lĩnh, làm tờ cung chiêu.
Bày vai có ả Mã Kiều,
Xót nàng, ra mới đánh liều chịu đoan.
Mụ càng kể nhặt kể khoan,
Gạn gùng đến mực nồng nàn mới tha,
Vực nàng vào nghỉ trong nhà,
Mã Kiều lại ngỏ ý ra dặn lời:
"Thôi đà mắc lận thì thôi!
Đi đâu chẳng biết con người Sở Khanh?
Bạc tình nổi tiếng lầu xanh,
Một tay chôn biết mấy cành phù dung!
Đà đao sắp sẵn chước dùng,
Lạ gì một cốt một đồng xưa nay.
Có ba mươi lạng trao tay,
Không dưng chi có chuyện này trò kia?
Rồi ra trở mặt tức thì,
Bớt lời, liệu chớ giây chi mà đời".
Nàng rằng: "Thề thốt nặng lời,
Có đâu mà lại ra người hiểm sâu".
Còn đương suy trước nghĩ sau,
Mặt mo đã thấy ở đâu dẫn vào.
Sở Khanh lên tiếng rêu rao:
"Nọ nghe rằng có con nào ở đây,
Phao cho quyến gió rủ mây,
Hãy xem có biết mặt này là ai?"
Nàng rằng: "Thôi thế thì thôi,
Rằng không, thì cũng vâng lời rằng không".

http://tieulun.hopto.org

Sở Khanh quát mắng đùng đùng,
Bước vào vừa rắp thị hùng ra tay.
Nàng rằng: "Trời nhẽ có hay!
Quyến anh rủ yến sự này tại ai?
Đem người dẩy xuống giếng thơi,
Nói rồi, rồi lại ăn lời được ngay!
Còn tiên *tích việt* ở tay,
Rõ ràng mặt ấy mặt này chứ ai?"
Lời ngay đông mặt trong ngoài,
Kẻ chê bất nghĩa, người cười vô lương.
Phụ tình, án đã rõ ràng,
Dơ tuồng, nghỉ mới kiếm đường tháo lui.
Buồng riêng, riêng những sụt sùi,
Nghĩ thân mà lại ngậm ngùi cho thân.
Tiếc thay! Trong giá trắng ngần,
Đến phong trần, cũng phong trần như ai.
Tẻ vui cũng một kiếp người,
Hồng nhan phải giống ở đời mãi ru!
Kiếp xưa đã vụng đường tu,
Kiếp này chẳng kẻo đền bù mới xuôi.
Dẫu sao bình đã vỡ rồi,
Lấy thân mà trả nợ đời cho xong.

Vừa tuần nguyệt sáng gương trong,
Tú bà ghé lại, thong dong dặn dò:
"Nghề chơi cũng lắm công phu,
Làng chơi ta phải biết cho đủ điều".
Nàng rằng: "Mưa gió dập dìu,
Liều thân thì cũng phải liều, thế thôi".
Mụ rằng: "Ai cũng như ai,
Người ta ai mất tiền hoài đến đây?
Ở trong còn lắm điều hay,
Nỗi đêm khép mở, nỗi ngày riêng chung.
Này, con thuộc lấy làm lòng,
Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề.
Chơi cho liễu chán hoa chê,
Cho lăn lóc đá, cho mê mẩn đời.

http://tieulun.hopto.org

Khi khoé hạnh, khi nét ngài,
Khi ngâm ngợi nguyệt, khi cười cợt hoa.
Đều là nghề nghiệp trong nhà,
Đủ ngần ấy nết, mới là người soi".
Gót đầu vâng dạy mấy lời,
Dường chau nét nguyệt, dường phai vẻ hồng.
Những nghe nói đã thẹn thùng,
Nước đời lắm nỗi lạ lùng khắt khe!
Xót mình cửa các buồng khuê,
Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp hay!
Khéo là mặt dạn mày dày,
Kiếp người đã đến thế này thì thôi!
Thương thay! Thân phận lạc loài,
Dẫu sao, cũng ở tay người, biết sao?
Lầu xanh mới rủ trướng đào,
Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người.
Biết bao bướm lả ong lơi!
Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.
Dập dìu, lá gió cành chim,
Sớm, đưa Tống Ngọc, tối tìm Trường Khanh.
Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,
Giật mình, mình lại thương mình xót xa.
Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường?
Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân?
Mặc người mưa Sở mây Tần,
Những mình nào biết có xuân là gì.
Đòi phen, gió tựa hoa kề,
Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu.
Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ?
Đòi phen nét vẽ câu thơ,
Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa.
Vui là vui gượng kẻo là,
Ai tri âm đó, mặn mà với ai?
Thờ ơ gió trúc mưa mai,
Ngẩn ngơ trăm nỗi, dùi mài một thân.

http://tieulun.hopto.org

Nỗi lòng đòi đoạn xa gần,
Chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau.
Nhớ ơn chín chữ cao sâu,
Một ngày một ngã bóng dâu tà tà.
Dặm nghìn nước thẳm non xa,
Nghĩ đâu thân phận con ra thế này!
Sân hòe đôi chút thơ ngây,
Trân cam ai kẻ đỡ thay việc mình?
Nhớ lời nguyện ước ba sinh,
Xa xôi, ai có thấu tình chăng ai?
Khi về hỏi liễu Chương đài,
Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay?
Tình sâu mong trả nghĩa dày,
Hoa kia đã chắp cánh này cho chưa?
Mối tình đòi đoạn vò tơ,
Giấc hương quan luống lần mơ canh dài.
Song sa vò võ phương trời,
Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng
Lần lần thỏ bạc ác vàng,
Xót người trong hội Đoạn trường đòi cơn.
Đã cho lấy chữ hồng nhan,
Làm cho cho hại cho tàn cho cân!
Đã đày vào kiếp phong trần,
Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi.
Khách du bỗng có một người,
Kỳ Tâm họ Thúc, cũng nòi thư hương.
Vốn người huyện Tích, châu Thường,
Theo nghiêm đường, mở ngôi hàng Lâm Tri.
Hoa khôi mộ tiếng Kiều nhi,
Thiếp hồng tìm đến hương khuê gửi vào.
Trướng tô giáp mặt hoa đào,
Vẻ nào chẳng mặn, nét nào chẳng ưa.
Hải đường mơn mởn cành tơ,
Ngày xuân, càng gió càng mưa càng nồng.
Nguyệt hoa hoa nguyệt não nùng,
Đêm xuân, ai dễ cầm lòng được chăng!
Lạ gì thanh khí lẽ hằng,
Một dây một buộc, ai giằng cho ra?

http://tieulun.hopto.org

Sớm đào tối mận lân la,
Trước còn trăng gió, sau ra đá vàng.
Dịp đâu may mắn lạ dường,
Lại vừa gặp khoảng xuân đường lại quê.
Sinh càng một tỉnh mười mê,
Ngày xuân lắm lúc đi về với xuân.
Khi gió gác, khi trăng sân,
Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nối thơ.
Khi hương sớm, khi trà trưa,
Bàn vây điểm nước, đường tơ họa đàn.
Miệt mài trong cuộc truy hoan,
Càng quen thuộc nết, càng dan díu tình,
Lạ cho cái sóng khuynh thành,
Làm cho đổ quán xiêu đình như chơi.
Thúc sinh quen thói bốc rời,
Trăm nghìn đổ một trận cười như không.
Mụ càng tô lục chuốt hồng,
Máu tham hễ thấy hơi đồng là mê.
Dưới trăng quyên đã gọi hè,
Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông.
Buồng the phải buổi thong dong,
Thang lan rủ bức trướng hồng tẩm hoa.
Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,
Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên.
Sinh càng tỏ nét càng khen,
Ngụ tình, tay thảo một thiên luật Đường.
Nàng rằng: "Vâng biết ý chàng,
Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu.
Hay hèn, lẽ cũng nối điêu,
Nỗi quê còn một hai điều ngang ngang.
Lòng còn gởi áng mây vàng,
Họa vần, xin hãy chịu chàng hôm nay".
Rằng: "Sao nói lạ lùng thay!
Cành kia chẳng phải cội này mà ra".
Nàng càng ủ dột nét hoa,
Đoạn trường lúc ấy nghĩ mà buồn tênh:
"Thiếp như hoa đã lìa cành,
Chàng như con bướm lượn vành mà chơi.

http://tieulun.hopto.org

Chúa xuân đành đã có nơi,
Ngắn ngày, thôi chớ dài lời làm chi!"
Sinh rằng: "Từ thủa tương tri,
Tấm riêng, riêng những nặng vì nước non.
Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông".
Nàng rằng: "Muôn đội ơn lòng,
Chút e bên thú bên tòng dễ đâu.
"Bình Khang nấn ná bấy lâu,
Yêu hoa, yêu được một màu điểm trang.
Rồi ra lạt phấn phai hương,
Lòng kia giữ được thường thường mãi chăng?
Vả trong thềm quế cung trăng,
Chủ trương đành đã chị Hằng ở trong.
Bây giờ khăng khít dải đồng,
Thêm người, người cũng chia lòng riêng tây.
Vẻ chi chút phận bèo mây,
Làm cho bể ái khi đầy khi vơi.
Trăm điều ngang ngửa vì tôi,
Thân sau ai chịu tội trời ấy cho?
Như chàng có vững tay co,
Mười phần, cũng đắp điếm cho một vài.
Thế trong dù lớn hơn ngoài,
Trước hàm sư tử, gửi người đằng la.
Cúi đầu, luồn xuống mái nhà,
Dấm chua lại tội bằng ba lửa nồng.
Ở trên còn có nhà thung,
Lượng trên trông xuống, biết lòng có thương?
Sá chi liễu ngõ hoa tường,
Lầu xanh lại bỏ ra phường lầu xanh.
Lại càng dơ dáng dại hình,
Đành thân phận thiếp, ngại danh giá chàng.
Thương sao cho vẹn thì thương,
Tính sao cho trọn mọi đường xin vâng".
Sinh rằng: "Hay nói đè chừng,
Lòng đây lòng đấy chưa từng hay sao?
Đường xa chớ ngại Ngô Lào,
Trăm điều, hãy cứ trông vào một ta.

http://tieulun.hopto.org

Đã gần chi có điều xa,
Đá vàng đã quyết, phong ba cũng liều".
Cùng nhau căn vặn đến điều,
Chỉ non thề bể, nặng gieo đến lời.
Nỉ non, đêm đến tình dài,
Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm gương.
Mượn điều trúc viện thừa lương.
Rước về, hãy tạm giấu nàng một nơi.
Chiến, hòa, sắp sẵn hai bài,
Cậy tay thầy thợ, mượn người dò la.
Bắn tin đến mặt Tú bà,
Thua cơ, mụ cũng cầu hòa, dám sao!
Rõ ràng của dẫn tay trao,
Hoàn lương một thiếp thân vào cửa công.
Công tư hai lẽ đều xong,
Gót tiên phút đã thoát vòng trần ai.
Một nhà sum họp trúc mai,
Càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông.
Hương càng đượm, lửa càng nồng;
Càng sôi vẻ ngọc, càng lồng màu sen.

Nửa năm, hơi tiếng vừa quen,
Sân ngô cành biếc đã chen lá vàng.
Giậu thu mới nảy giò sương,
Gối yên đã thấy xuân đường tới nơi.
Phong lôi nổi trận bời bời,
Nặng lòng e ấp, tính bài phân chia.
Quyết ngay biện bạch một bề,
Dạy cho má phấn lại về lầu xanh.
Thấy lời nghiêm huấn rành rành,
Đánh liều, sinh mới lấy tình nài kêu.
Rằng: "Con biết tội đã nhiều,
Dẫu rằng sấm sét búa rìu cũng cam.
Trót vì tay đã nhúng chàm,
Dại rồi, còn biết khôn làm sao đây!
Cùng nhau vả tiếng một ngày,
Ôm cầm, ai nỡ dứt dây cho đành.

http://tieulun.hopto.org

Lượng trên quyết chẳng thương tình,
Bạc đen, thôi có tiếc mình làm chi!"
Thấy lời sắt đá tri tri,
Sốt gan, ông mới cáo quì cửa công.
Đất bằng nổi sóng đùng đùng,
Phủ đường sai lá phiếu hồng thôi tra.
Cùng nhau theo gót sai nha.
Song song vào trước sân hoa lạy quì.
Trông lên mặt sắt đen sì,
Lập nghiêm, trước đã ra uy nặng lời:
"Gã kia dại nết chơi bời,
Mà con người thế là người đong đưa!
Tuồng chi hoa thải hương thừa,
Mượn màu son phấn đánh lừa con đen.
Suy trong tình trạng bên nguyên,
Bề nào thì cũng chưa yên bề nào.
Phép công chiếu án luận vào,
Có hai đường ấy, muốn sao mặc mình:
"Một là cứ phép gia hình,
Hai là lại cứ lầu xanh phó về".
Nàng rằng: "Đã quyết một bề,
Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần!
Đục trong thân cũng là thân,
Yếu thơ vâng chịu trước sân lôi đình".
Dạy rằng: "Cứ phép gia hình!"
Ba cây chập lại một cành mẫu đơn.
Phận đành chi dám kêu oan,
Đào hoen quẹn má, liễu tan tác mày.
Một sân lầm cát đã đầy,
Gương lờ nước thủy, mai gầy vóc sương.
Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,
Nẻo xa trông thấy, lòng càng xót xa.
Khóc rằng: "Oan khóc vì ta,
Có nghe lời trước, chẳng đà lụy sau!
Cạn lòng chẳng biết nghĩ sâu,
Để ai trăng tủi hoa sầu vì ai?"
Phủ đường nghe thoảng vào tai,
Động lòng lại gạn đến lời riêng tây.

http://tieulun.hopto.org

Sụt sùi, chàng mới thưa ngay,
Đầu đuôi kể lại sự ngày cầu thân:
"Nàng đà tính hết xa gần.
Từ xưa, nàng đã biết thân có rày.
Tại tôi hứng lấy một tay,
Để nàng cho đến nỗi này vì tôi".
Nghe lời nói cũng thương lời,
Dẹp uy, mới dạy cho bài giải vi.
Rằng: "Như hẳn có thế thì,
Trăng hoa, song cũng thị phi biết điều".
Sinh rằng: "Chút phận bọt bèo,
Theo đòi cả cũng ít nhiều bút nghiên".
Cười rằng: "Đã thế thì nên,
Mộc già, hãy thử một thiên trình nghề!"
Nàng vâng cất bút tay đề,
Tiên hoa trình trước án phê xem tường.
Khen rằng: "Giá đáng Thịnh Đường,
Tài này sắc ấy, nghìn vàng chưa cân.
Thật là tài tử giai nhân,
Châu trần còn có Châu Trần nào hơn!
Thôi đừng rước dữ cưu hờn,
Làm cho lỡ nhịp cho đàn ngang cung.
Đã đưa đến trước cửa ông,
Ngoài thì là lý, song trong là tình.
Dâu con trong đạo gia đình,
Thôi thì dẹp nỗi bất bình là xong".
Kíp truyền sắm sửa lễ công,
Kiệu hoa cất gió, đuốc hồng ruổi sao.
Bày hàng cổ xúy xôn xao,
Song song đưa tới tường đào sánh đôi.
Thương vì hạnh, trọng vì tài.
Thúc ông thôi cũng dẹp lời phong ba.
Huệ lan sực nức một nhà,
Từng cay đắng, lại mặn mà hơn xưa.

Mảng vui rượu sớm cờ trưa,
Đào đà phai thắm, sen vừa nảy xanh.

http://tieulun.hopto.org

Trướng hồ vắng vẻ đêm thanh,
E tình, nàng mới bày tình riêng chung:
"Phận bồ từ vẹn chữ tòng,
Đổi thay nhạn yến đã hòng đầy niên.
Tin nhà ngày một vắng tin
Mặn tình cát lũy lạt tình tao khang".
Nghĩ ra thật cũng nên dường,
"Tăm hơi ai kẻ giữ giàng cho ta?
Trộm nghe kẻ lớn trong nhà,
Ở vào khuôn phép, nói ra mối giường.
E thay! Những dạ phi thường,
Dễ dò rốn bể, khôn lường đáy sông!
Mà ta suốt một năm ròng,
Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào.
Bấy chầy chưa tỏ tiêu hao,
Hoặc là, trong có làm sao chăng là?
Xin chàng kíp liệu lại nhà,
Trước người đẹp ý, sau ta biết tình.
Đêm ngày giữ mực giấu quanh,
Rày lần mai lữa, như hình chưa thông".
Nghe lời khuyên nhủ thong dong,
Đành lòng, sinh mới quyết lòng hồi trang.
Rạng ra gửi đến xuân đường,
Thúc ông cũng vội giục chàng ninh gia.
Tiễn đưa một chén quan hà,
Xuân Đình thoắt đã đổi ra Cao Đình.
Sông Tần một dải xanh xanh,
Loi thoi bờ liễu mấy cành Dương Quan.
Cầm tay, dài thở ngắn than,
Chia phôi ngừng chén, hợp tan nghẹn lời.
Nàng rằng: "Non nước xa khơi,
Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm.
Dễ lòa yếm thắm trôn kim,
Làm chi bưng mắt bắt chim khó lòng!
Đôi ta chút nghĩa đèo bồng,
Đến nhà, trước liệu nói sòng cho minh.
Dù khi sóng gió bất tình,
Lớn ra uy lớn, tôi đành phận tôi.

http://tieulun.hopto.org

Hơn điều giấu ngược giấu xuôi,
Lại mang những việc tầy trời đến sau.
Thương nhau, xin nhớ lời nhau,
Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy.
Chén đưa, nhớ bữa hôm nay,
Chén mừng, xin đợi ngày này năm sau".
Người lên ngựa, kẻ chia bào,
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.
Dặm hồng bụi cuốn chinh an,
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.
Người về, chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi, muôn dặm một mình xa xôi.
Vừng trăng ai xẻ làm đôi?
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường!

Kể chi những nỗi dọc đường.
Buồng trong này nỗi chủ trương ở nhà.
Vốn dòng họ Hoạn danh gia,
Con quan Lại bộ tên là Hoạn Thư.
Duyên Đằng thuận nẻo gió đưa,
Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.
Ở ăn, thì nết cũng hay,
Nói điều ràng buộc, thì tay cũng già.
Từ nghe vườn mới thêm hoa,
Miệng người đã lắm, tin nhà thì không.
Lửa tâm càng dập càng nồng,
Trách người đen bạc ra lòng trăng hoa.
Ví bằng thú thật cùng ta,
Cũng dung kẻ dưới mới là lượng trên.
Dại chi chẳng giữ lấy nền?
Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình?
Lại còn bưng bít giấu quanh,
Làm chi những thói trẻ ranh nực cười!
Tính rằng cách mặt khuất lời,
Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho!
Lo gì việc ấy mà lo,
Kiến trong miệng chén lại bò đi đâu?

http://tieulun.hopto.org

Làm cho nhìn chẳng được nhau,
Làm cho đày đọa cất đầu chẳng lên.
Làm cho trông thấy nhãn tiền.
Cho người thăm ván bán thuyền biết tay!
Nỗi lòng kín chẳng ai hay,
Ngoài tai để mặc gió hay mé ngoài.
Tuần sau, bỗng thấy hai người,
Mách tin, ý cũng liệu bài tâng công.
Tiểu thư nổi giận đùng đùng:
"Gớm tay thêu dệt ra lòng trêu ngươi!
Chồng tao nào phải như ai,
Điều này hẳn miệng những người thị phi!"
Vội vàng, xuống lệnh ra uy,
Đứa thì vả miệng, đứa thì bẻ răng.
Trong ngoài kín mít như bưng,
Nào ai còn dám nói năng một lời!
Buồng đào, khuya sớm thảnh thơi.
Ra vào, một mực nói cười như không.
Đêm ngày lòng những dặn lòng,
Sinh đà về đến lầu hồng xuống yên.
Lời tan hợp, nỗi hàn huyên,
Chữ tình càng mặn, chữ duyên càng nồng.
Tẩy trần, vui chén thong dong,
Nỗi lòng ai ở trong lòng mà ra?
Chàng về, xem ý tứ nhà,
Sự mình cũng rắp lân la giải bày.
Mấy phen cười nói tỉnh say,
Tóc tơ bất động mảy may sự tình.
Nghĩa đà bưng kín miệng bình,
Nào ai có khảo mà mình lại xưng?
Những là e ấp, dùng dằng,
Rút dây, sợ nữa động rừng, lại thôi.
Có khi vui chuyện mua cười,
Tiểu thư lại giở những lời đâu đâu.
Rằng: "Trong ngọc đá vàng thau,
Mười phần, ta đã tin nhau cả mười.
Khen cho những miệng dông dài,
Bướm ong lại đặt những lời nọ kia,

http://tieulun.hopto.org

Thiếp dù vụng chẳng hay suy,
Đã dơ bụng nghĩ, lại bia miệng cười".
Thấy lời thủng thỉnh như chơi,
Thuận lời, chàng cũng nói xuôi đỡ đòn,
Những là cười phấn cợt son,
Đèn khuya chung bóng trăng tròn sánh vai,
Thú quê thuần hức bén mùi,
Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô.
Chạnh niềm nhớ cảnh giang hồ,
Một màu quan tái, bốn mùa gió trăng.
Tình riêng chưa dám rỉ răng.
Tiểu thư trước đã liệu chừng nhủ qua:
"Cách năm mây bạc xa xa
Lâm Tri cũng phải tính mà thần hôn".
Được lời như cổi tấc son,
Vó câu thẳng ruổi nước non quê người.
Long lanh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.
Roi câu vừa dóng dặm trường,
Xe hương nàng cũng thuận đường quy ninh.
Thưa nhà huyên hết mọi tình,
Nỗi chàng ở bạc, nỗi mình chịu đen.
"Nghĩ rằng: ngứa ghẻ hờn ghen,
Xấu chàng, mà có ai khen chi mình!
Vậy nên ngảnh mặt làm thinh,
Mưu cao vốn đã rắp ranh những ngày.
Lâm Tri đường bộ tháng chầy,
Mà đường hải đạo sang ngay thì gần.
Dọn thuyền lựa mặt gia nhân,
Hãy đem dây xích buộc chân nàng về.
Làm cho cho mệt, cho mê,
Làm cho đau đớn ê chề cho coi.
Trước cho bõ ghét những người,
Sau cho để một trò cười về sau".
Phu nhân khen chước rất mầu,
Chiều con, mới dạy mặc dầu ra tay.
Sửa sang buồm gió lèo mây,
Khuyển, Ưng lại chọn một bầy côn quang.

http://tieulun.hopto.org

Dặn dò hết các mọi đường,
Thuận phong một lá vượt sang bến Tề.
Nàng từ chiếc bóng song the,
Đường kia nỗi nọ như chia mối sầu.
Bóng dâu đã xế ngang đầu,
Biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi?
Tóc thề đã chấm ngang vai,
Nào lời non nước, nào lời sắt son?
Sắn bìm chút phận con con.
Khuôn duyên biết có vuông tròn cho chăng?
Thân sao nhiều nỗi bất bằng!
Liều như cung Quảng ả Hằng nghĩ nao!
Đêm thu, gió lọt song đào,
Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời.
Nén hương đến trước Thiên đài,
Nỗi lòng khấn chửa cạn lời vân vân.
Dưới hoa, dậy lũ ác nhân
Ầm ầm khốc quỉ kinh thần mọc ra.
Đầy sân, gươm tuốt sáng lòa,
Thất kinh, nàng chửa biết là làm sao,
Thuốc mê đâu đã tưới vào,
Mơ màng như giấc chiêm bao, biết gì?
Vực ngay lên ngựa tức thì,
Buồng đào viện sách bốn bề lửa dong.
Sẵn thây vô chủ bên sông
Đem vào để đó lộn sòng ai hay?
Tôi đòi phách lạc hồn bay,
Pha càn bụi cỏ gốc cây ẩn mình.
Thúc ông nhà cũng gần quanh,
Chợt trông ngọn lửa, thất kinh rụng rời
Tớ thầy chạy thẳng đến nơi,
Tơi bời tưới lửa, tìm người lao xao.
Gió cao, ngọn lửa càng cao,
Tôi đòi tìm đủ, nàng nào thấy đâu.
Hớt hơ hớt hải nhìn nhau,
Giếng sâu bụi rậm trước sau tìm quàng.
Chạy vào chốn cũ phòng hương,
Trong tro thấy một đống xương cháy tàn.

http://tieulun.hopto.org

Ngay tình ai biết mưu gian,
Hẳn nàng thôi, lại còn bàn rằng ai?
Thúc ông sùi sụt ngắn dài,
Nghĩ con vắng vẻ, thương người nết na.
Di hài nhặt sắp về nhà,
Nào là khâm liệm, nào là tang trai
Lễ thường đã đủ một hai,
Lục trình chàng cũng đến nơi bây giờ.
Bước vào chốn cũ lầu thơ,
Tro than một đống, nắng mưa bốn tường.
Sang nhà cha, tới trung đường,
Linh sàng, bài vị thờ nàng ở trên.
Hỡi ơi! Nói hết sự duyên,
Tơ tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan.
Gieo mình vật vã khóc than:
"Con người thế ấy, thác oan thế này!
Chắc rằng mai trúc lại vầy,
Ai hay vĩnh quyết là ngày đưa nhau!"
Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau,
Dễ ai rấp thảm quạt sầu cho khuây.
Gần miền, nghe có một thầy,
Phi phù trí quỉ, cao tay thông huyền.
Trên Tam bảo, dưới Cửu tuyền,
Tìm đâu thì cũng biết tin rõ ràng
Sắm sanh lễ vật rước sang,
Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi han.
Đạo nhân phục trước tĩnh đàn.
Xuất thần giây phút chưa tàn nén hương
Trở về, minh bạch nói tường:
"Mặt nàng chẳng thấy, việc nàng đã tra.
Người này nặng nghiệp oan gia,
Còn nhiều nợ lắm, sao đà thác cho!
Mệnh cung đang mắc nạn to,
Một năm nữa mới thăm dò được tin.
Hai bện giáp mặt chiền chiền,
Muốn nhìn, mà chẳng dám nhìn lạ thay!"
Nghe lời nói lạ dường này,
Sự nàng đã thế, lời thầy dám tin!

http://tieulun.hopto.org

Chẳng qua đồng cốt quàng xiên,
Người đâu mà lại thấy trên cõi trần?
Tiếc hoa, những ngậm ngùi xuân,
Thân này dễ lại mấy lần gặp tiên!

Nước trôi hoa rụng đã yên,
Hay đâu địa ngục ở miền nhân gian!
Khuyển, Ưng đã đắt mưu gian,
Vực nàng, đưa xuống để an dưới thuyền.
Buồm, cao lèo thẳng cánh suyền,
Đè chừng huyện Tích, băng miền vượt sang.
Dỡ đò, lên trước sảnh đường,
Khuyển, Ưng hai đứa nộp nàng dâng công,
Vực nàng tạm xuống môn phòng,
Hãy còn thiêm thiếp giấc nồng chưa phai,
Hoàng lương chợt tỉnh hồn mai,
Cửa nhà đâu mất, lâu đài nào đây?
Bàng hoàng, dở tỉnh dở say,
Sảnh đường mảng tiếng đòi ngay lên hầu.
A hoàn liền xuống giục mau,
Hãi hùng, nàng mới theo sau một người.
Ngước trông tòa rộng dãy dài.
"Thiên quan trủng tể" có bài treo trên.
Ban ngày sáp thắp hai bên.
Giữa giường thất bảo ngồi trên một bà,
Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra,
Sự mình nàng phải cứ mà gửi thưa.
Bất tình, nổi trận mây mưa.
Diếc rằng: "Những giống bơ thờ quen thân.
Con này chẳng phải thiện nhân,
Chẳng phường trốn chúa, thì quân lộn chồng.
Ra tuồng mèo mả gà đồng,
Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào.
Đã đem mình bán cửa tao,
Lại còn khủng khỉnh làm cao thế này!
Nào là gia pháp nọ bay!
Hãy cho ba chục biết tay một lần".

http://tieulun.hopto.org

A hoàn trên dưới dạ rân.
Dẫu rằng trăm miệng khôn phân lẽ nào.
Trúc côn ra sức đập vào,
Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh?
Xót thay! Đào lý một cành,
Một phen mưa gió, tan tành một phen.
Hoa Nô truyền dạy đổi tên,
Buồng the dạy ép vào phiên thị tì.
Ra vào theo lũ thanh y,
Dãi dầu tóc rối da chì quản bao!
Quản gia có một mụ nào,
Thấy người thấy nết ra vào mà thương.
Khi chè chén, khi thuốc thang,
Đem lời, phương tiện, mở đường hiếu sinh
Dạy rằng: "May rủi đã đành,
Liễu bồ, mình giữ lấy mình cho hay.
Cũng là oan nghiệp chi đây,
Sa cơ mới đến thế này, chẳng dưng.
Ở đây, tai vách mạch rừng,
Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi.
Kẻo khi sấm sét bất kỳ,
Con ong cái kiến kêu gì được oan!"
Nàng càng giọt ngọc như chan,
Nỗi lòng luống những bàn hoàn niềm tây.
Phong trần kiếp đã chịu đầy
Lầm than lại có thứ này bằng hai!
Phận sao bạc chẳng vừa thôi?
Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng nhan!
Đã đành túc trái tiền oan,
Cũng liều ngọc nát hoa tàn mà chi!
Những là nương náu qua thì,
Tiểu thư phải buổi mới về ninh gia.
Mẹ con trò chuyện lân la,
Phu nhân mới gọi nàng ra dạy lời:
"Tiểu thư dưới trướng thiếu người,
Cho về bên ấy theo đòi lầu trang".
Lĩnh lời nàng mới theo sang,
Biết đâu địa ngục thiên đường là đâu?

http://tieulun.hopto.org

Sớm khuya khăn mặt lược đầu,
Phận con hầu, giữ con hầu, dám sai?
Phải đêm êm ả chiều trời,
Trúc tơ hỏi đến nghề chơi mọi ngày.
Lĩnh lời nàng mới lựa dây,
Nỉ non thánh thót dễ say lòng người.
Tiểu thư xem cũng thương tài,
Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân
Cửa người đày đọa chút thân,
Sớm năn nỉ bóng, đêm ân hận lòng.
Lâm Tri chút nghĩa đèo bồng,
Nước non để chữ tương phùng kiếp sau.
Bốn phương mây trắng một màu,
Trông vời cố quốc, biết đâu là nhà?
Lần lần tháng lọn ngày qua,
Nỗi gần nào biết đường xa thế này!

Lâm Tri từ thủa uyên bay,
Phòng không thương kẻ tháng ngày chiếc thân.
Mày ai trăng mới in ngần,
Phấn thừa hương cũ bội phần xót xa.
Sen tàn, cúc lại nở hoa,
Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang xuân.
Tìm đâu cho thấy cố nhân?
Lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương.
Chạnh niềm nhớ cảnh gia hương,
Nhớ quê, chàng lại tìm đường thăm quê.
Tiểu thư đón cửa dã dề,
Hàn huyên vừa cạn mọi bề gần xa.
Nhà hương cao cuốn bức là.
Buồng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng.
Bước ra... một bước một dừng.
Trông xa, nàng đã tỏ chừng nẻo xa,
Phải rằng nắng quáng đèn lòa.
Rõ ràng ngồi đó chẳng là Thúc sinh?
Bây giờ tình mới tỏ tình,
Thôi thôi, đã mắc vào vành chẳng sai!

http://tieulun.hopto.org

Chước đâu có chước lạ đời!
Người đâu mà lại có người tinh ma!
Rõ ràng thật lứa đôi ta,
Làm ra con ở chúa nhà đôi nơi.
Bề ngoài thơn thớt nói cười
Mà trong nham hiểm giết người không dao!
Bây giờ, đất thấp trời cao.
Ăn làm sao, nói làm sao, bây giờ?
Càng trông mặt, càng ngẩn ngơ,
Ruột tằm đòi đoạn, như tơ rối bời.
Sợ uy, dám chẳng vâng lời,
Cúi đầu, nép xuống sân mai một chiều.
Sinh đà phách lạc hồn xiêu.
Thương ôi! Chẳng phải nàng Kiều ở đây?
Nhân làm sao đến thế này?
Thôi thôi, ta đã mắc tay ai rồi!
Sợ quen, dám hở ra lời?
Khôn ngăn giọt ngọc sụt sùi nhỏ sa.
Tiểu thư trông mặt hỏi tra:
"Mới về, có việc chi mà động dung?"
Sinh rằng: "Hiếu phục vừa xong,
Suy lòng trắc Dĩ, đau lòng chung thiên".
Khen rằng: "Hiếu tử đã nên!
Tẩy trần, mượn chén giải phiền đêm thu".
Vợ chồng chén tạc chén thù,
Bắt nàng đứng chực trì hồ hai nơi.
Bắt khoan bắt nhặt đến lời,
Bắt quì tận mặt, bắt mời tận tay.
Sinh càng như dại như ngây,
Giọt dài giọt ngắn, chén đầy chén vơi.
Ngảnh đi, chợt nói chợt cười,
Cáo say, chàng đã giạm bài lảng ra.
Tiểu thư vội thét: "Con Hoa!
Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn".
Sinh càng nát ruột tan hồn.
Chén mời phải ngậm bồ hòn ráo ngay.
Tiểu thư cười nói tỉnh say,
Chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi.

http://tieulun.hopto.org

Rằng: "Hoa Nô đủ mọi tài,
Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe".
Nàng đà tán hoán tê mê,
Vâng lời, ra trước bình the vặn đàn.
Bốn dây như khóc như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng.
Cùng trong một tiếng tơ đồng,
Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm!
Giọt châu lã chã khôn cầm,
Cúi đầu, chàng những gạt thầm giọt Tương.
Tiểu thư lại thét lấy nàng:
"Cuộc vui gảy khúc đoạn trường ấy chi!
Sao chẳng biết ý tứ gì?
Cho chàng buồn bã, tội thì tại ngươi".
Sinh càng thảm thiết bồi hồi,
Vội vàng gượng nói gượng cười cho qua.
Giọt rồng canh đã điểm ba,
Tiểu thư nhìn mặt dường đà cam tâm.
Lòng riêng tấp tểnh mừng thầm:
"Vui này đã bõ đau ngầm xưa nay!"
Sinh thì gan héo ruột đầy,
Nỗi lòng càng nghĩ, càng cay đắng lòng.
Người vào chung gối loan phòng,
Nàng ra tựa bóng, đèn chong canh dài.
Bây giờ mới rõ tăm hơi,
Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen!
Chước đâu rẽ thúy chia uyên,
Đã ra dường ấy, ai nhìn được ai?
Bây giờ một vực một trời,
Hết điều khinh trọng, hết lời thị phi.
Nhẹ như bấc, nặng như chì,
Gỡ cho ra nữa, còn gì là duyên?
Lỡ làng chút phận thuyền quyên,
Bể sâu sóng cả có tuyền được vay?
Một mình âm ỉ đêm chầy,
Đĩa dầu vơi, nước mắt đầy, năm canh.

http://tieulun.hopto.org

Sớm khuya, hầu hạ đài doanh,
Tiểu thư chạm mặt, đè tình hỏi tra.
Lựa lời, nàng mới thưa qua:
Phải khi mình lại xót xa nỗi mình.
Tiểu thư hỏi lại Thúc sinh:
"Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao".
Sinh đà rát ruột như bào,
Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng đang.
Những e lại lụy đến nàng,
Phô sòng, mới sẽ lựa đường hỏi tra.
Cúi đầu, quì trước sân hoa
Thân cung nàng mới thảo qua một tờ.
Diện tiền trình với tiểu thư;
Thoắt xem dường có ngẩn ngơ chút tình.
Liền tay trao lại Thúc sinh,
Rằng: "Tài nên trọng, mà tình nên thương.
Ví chăng có số giàu sang.
Giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên!
Bể trần chìm nỗi thuyền quyên,
Hữu tài, thương nỗi vô duyên lạ đời!"
Sinh rằng: "Thật có như lời,
Hồng nhan bạc mệnh một người nào vay!
Nghìn xưa âu cũng thế này,
Từ bi âu liệu bớt tay mới vừa".
Tiểu thư rằng: "Ý trong tờ,
Rắp đem mệnh bạc xin nhờ cửa không.
Thôi thì thôi cũng chiều lòng,
Cũng cho khởi lụy trong vòng bước ra.
Sẵn Quan Âm Các vườn ta,
Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa.
Có thảo thụ, có sơn hồ,
Cho nàng ra đó giữ chùa tụng kinh".
Tưng tưng trời mới bình minh,
Hương hoa ngũ cúng sắm sanh lễ thường.
Đưa nàng đến trước Phật đường,
Tam quy ngũ giới cho nàng xuất gia.
Áo xanh đổi lấy cà sa,
Pháp danh lại đổi tên ra Trạc Tuyền.

http://tieulun.hopto.org

Sớm khuya tính đủ dầu đèn,
Xuân, Thu cắt sẵn hai tên hương trà.
Nàng từ lánh gót vườn hoa,
Dường gần rừng tía, đường xa bụi hồng.
Nhân duyên đâu lại còn mong?
Khỏi điều thẹn phấn tủi hồng thì thôi.
Phật tiền thảm rấp sầu vùi
Ngày pho thủ tự, đêm nồi tâm hương.
Cho hay giọt nước cành dương,
Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên.
Nâu sồng từ trở màu thiền,
Sân thu trăng đã vài phen đứng đầu.
Quan phòng then nhặt lưới mau,
Nói lời trước mặt, rơi châu vắng người.
Gác kinh, viện sách đôi nơi,
Trong gang tấc lại gấp mười quan san.
Những là ngậm thở ngùi than,
Tiểu thư phải buổi vấn an về nhà
Thừa cơ, sinh mới lẻn ra,
Xăm xăm đến mé vườn hoa với nàng.
Sụt sùi, giở nỗi đoạn trường,
Giọt châu tầm tã đượm tràng áo xanh:
"Đã cam chịu bạc với tình,
Chúa xuân để tội một mình cho hoa!
Thấp cơ, thua trí đàn bà.
Trông vào đau ruột, nói ra ngại lời.
Vì ta nên lụy đến người,
Cát lầm ngọc trắng, thiệt đời xuân xanh,
Quản chi lên thác xuống ghềnh,
Cũng toan sống thác với tình cho xong.
Tông đường chút chửa cam lòng.
Cắn răng, bẻ một chữ đồng làm hai.
Thẹn mình đá nát vàng phai,
Trăm thân dễ chuộc một lời được sao!"
Nàng rằng: "Chiếc bách sóng đào,
Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi may.
Chút thân quằn quại vũng lầy.
Sống thừa còn tưởng đến rày nữa sao!

http://tieulun.hopto.org

Cũng liều một giọt mưa rào,
Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay!
Xót vì cầm đã bén dây,
Chẳng trăm năm, cũng một ngày duyên ta.
Liệu bài mở cửa cho ra.
Ấy là tình nặng, ấy là ơn sâu".
Sinh rằng: "Riêng tưởng bấy lâu,
Lòng người nham hiểm biết đâu mà lường?
Nữa khi giông tố phũ phàng,
Thiệt riêng đấy, cũng lại càng cực đây.
Liệu mà xa chạy cao bay,
Ái ân ta có ngần này mà thôi!
Bây giờ kẻ ngược người xuôi,
Biết bao giờ lại nối lời nước non?
Dẫu rằng sông cạn đá mòn,
Con tằm đến thác cũng còn vương tơ".
Cùng nhau kể lể sau xưa,
Nói rồi lại nói, lời chưa hết lời.
Mặt trông tay chẳng nỡ rời,
Hoa tì đã động tiếng người nẻo xa.
Nhịn ngừng nuốt tủi đứng ra,
Tiểu thư đâu đã rẽ hoa bước vào.
Cười cười nói nói ngọt ngào,
Hỏi: "Chàng mới ở chốn nào lại chơi?"
Dối quanh, sinh mới liệu lời:
"Tìm hoa quá bước, xem người viết kinh".
Khen rằng: "Bút pháp đã tinh,
So vào với thiếp Lan Đình nào thua!
Tiếc thay! Lưu lạc giang hồ,
Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài".
Thiền trà cạn nước hồng mai
Thong dong nối gót thư trai cùng về.
Nàng càng e lệ ủ ê,
Rỉ tai hỏi lại hoa tì trước sau.
Hoa rằng: "Bà đến đã lâu,
Dón chân đứng núp, độ đâu nửa giờ.
Rành rành kẽ tóc chân tơ,
Mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường:

http://tieulun.hopto.org

Bao nhiêu đoạn khổ tình thương,
Nỗi ông vật vã, nỗi nàng thở than.
Ngăn tôi, đứng lại một bên,
Chán tai, rồi mới bước lên trên lầu".
Nghe thôi, kinh hãi xiết đâu,
"Đàn bà thế ấy, thấy âu một người!
Ấy mới gan, ấy mới tài!
Nghĩ càng thêm nỗi sởn gai rụng rời.
Người đâu sâu sắc nước đời.
Mà chàng Thúc phải ra người bó tay,
Thực tang, bắt được đường này,
Máu ghen ai cũng chau mày nghiến răng
Thế mà im, chẳng đãi đằng,
Chào mời vui vẻ, nói năng dịu dàng.
Giận dầu, là dạ thế thường,
Cười dầu, mới thực khôn lường hiểm sâu!
Thân ta, ta phải lo âu,
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này.
Ví chăng chắp cánh cao bay,
Rào cây, lâu cũng có ngày bẻ hoa.
Phận bèo, bao quản nước sa,
Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh.
Chỉn e quê khách một mình,
Tay không chưa dễ tìm vành ấm no".
Nghĩ đi nghĩ lại, quanh co,
Phật tiền sẵn có mọi đồ kim ngân
Bên mình giắt để hộ thân,
Lần nghe canh đã một phần trống ba.
Cất mình qua ngọn tường hoa,
Lần đường theo bóng trăng tà về Tây.

Mịt mù dặm cát đồi cây,
Tiếng gà điểm nguyệt, dấu giầy cầu sương.
Canh khuya, thân gái dặm trường
Phần e đường sá, phần thương dãi dầu.
Trời Đông vừa rạng ngàn dâu.
Bơ vơ nào đã biết đâu là nhà?

http://tieulun.hopto.org

Chùa đâu trông thấy nẻo xa,
Rành rành "Chiêu Ẩn Am" ba chữ bài.
Xăm xăm, gõ mé cửa ngoài,
Trụ trì nghe tiếng rước mời vào trong.
Thấy màu ăn mặc nâu sồng,
Giác Duyên sư trưởng lành lòng liền thương.
Gạn gùng ngành ngọn cho tường,
Lạ lùng nàng hãy tìm đường nói quanh:
"Tiểu thiền quê ở Bắc Kinh.
"Quy sư, quy Phật, tu hành bấy lâu.
Bản sư rồi cũng đến sau,
Dạy đưa pháp bảo sang hầu sư huynh".
Rày vâng diện hiến rành rành,
Chuông vàng khánh bạc bên mình giở ra.
Xem qua sư mới dạy qua,
"Phải nơi Hằng Thủy là ta hậu tình.
Chỉn e đường xá một mình,
Ở đây chờ đợi sư huynh ít ngày".
Gửi thân được chốn am mây,
Muối dưa đắp đổi, tháng ngày thong dong.
Kệ kinh câu cũ thuộc lòng,
Hương đèn việc cũ, trai phòng quen tay.
Sớm khuya lá bối phiến mây,
Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương.
Thấy nàng thông tuệ khác thường,
Sư càng nể mặt, nàng càng vững chân.

Cửa chiền vừa cữ cuối xuân,
Bóng hoa đầy đất, vẻ ngân ngang trời,
Gió quang mây tạnh thảnh thơi,
Có người đàn việt lên chơi cửa già.
Giở đồ chuông khánh xem qua,
Khen rằng: "Khéo giống của nhà Hoạn nương".
Giác Duyên thực ý lo lường,
Đêm thanh mới hỏi lại nàng trước sau.
Nghĩ rằng khôn nỗi giấu mầu,
Sự mình nàng mới gót đầu bày ngay:

http://tieulun.hopto.org

"Bấy giờ sự đã dường này,
Phận hèn dù rủi dù may tại người".
Giác Duyên nghe nói rụng rời.
Nửa thương nửa sợ, bồi hồi chẳng xong.
Rỉ tai mới kể sự lòng:
"Ở đây cửa Phật là không hẹp gì.
E chăng những sự bất kỳ,
Để nàng cho đến thế thì cũng thương.
Lánh xa, trước liệu tìm đường,
Ngồi chờ nước đến nên đường còn quê".
Có nhà họ Bạc bên kia,
Am mây quen lối đi về dầu hương
Nhắn sang dặn hết mọi đường,
Dọn nhà hãy tạm cho người trú chân.
Những mừng được chốn an thân.
Vội vàng, nào kịp tính gần tính xa.
Nào ngờ cùng tổ bợm già,
Bạc bà học với Tú bà đồng môn!
Thấy nàng lạt phấn tươi son,
Mừng thầm được món bán buôn có lời.
Hư không đặt để nên lời,
Nàng đà lớn sợ rụng rời lắm phen,
Mụ càng xua đuổi cho liền,
Lấy lời hung hiểm ép duyên Châu Trần.
Rằng: "Nàng muôn dặm một thân,
Lại mang lấy tiếng dữ gần lành xa.
Khéo oan gia, của phá gia,
Còn ai dám chứa vào nhà nữa đây.
Kíp toan kiếm chốn xe đây,
Không dưng, chưa dễ mà bay đường trời.
Nơi gần thì chẳng tiện nơi,
Nơi xa thì chẳng có người nào xa.
Này chàng Bạc Hạnh cháu nhà,
Cũng trong thân thích ruột rà chẳng ai.
Cửa hàng buôn bán Châu Thai,
Thật thà có một, đơn sai chẳng hề.
Thế nào nàng cũng phải nghe,
Thành thân rồi sẽ liệu về Châu Thai.

http://tieulun.hopto.org

Bấy giờ ai lại biết ai,
Dầu lòng bể rộng sông dài thênh thênh.
Nàng dù quyết chẳng thuận tình,
Trái lời nẻo trước, lụy mình đến sau".
Nàng càng mặt ủ mày chau,
Càng nghe mụ nói, càng đau như dần.
Nghĩ mình túng đất, sẩy chân,
Thế cùng nàng mới xa gần thở than:
"Thiếp như con én lạc đàn,
Phải cung, rày đã sợ làn cây cong.
Cùng đường, dù tính chữ tòng.
Biết người, biết mặt, biết lòng làm sao?
Nữa khi muôn một thế nào,
Bán hùm buôn sói, chắc vào lưng đâu?
Dù ai lòng có sở cầu,
Tâm minh xin quyết với nhau một lời.
Chứng minh có đất có trời,
Bấy giờ vượt bể ra khơi quản gì".
Được lời, mụ mới ra đi,
Mách tin họ Bạc tức thì sắm sanh.
Một nhà dọn dẹp linh đình,
Quét sân đặt trác, rửa bình thắp hương.
Bạc sinh quỳ xuống vội vàng,
Quá lời, nguyện hết Thành hoàng Thổ công.
Trước sân lòng đã giải lòng,
Trong màn làm lễ Tơ hồng kết duyên.
Thành thân, mới rước xuống thuyền,
Thuận buồm, một lá xuôi miền Châu Thai.
Thuyền vừa đỗ bến thảnh thơi,
Bạc sinh lên trước tìm nơi mọi ngày.
Cũng nhà hành viện xưa nay,
Cũng phường bán thịt, cũng tay buôn người.
Xem người, định giá vừa rồi,
Mối hàng một đã ra mười thì buông.
Mượn người thuê kiệu rước nàng
Bạc đem mặt bạc, kiếm đường cho xa.
Kiệu hoa đặt trước thềm hoa.
Bên trong thấy một mụ ra vội vàng.

http://tieulun.hopto.org

Đưa nàng vào lạy gia đường:
Cũng thần mày trắng, cũng phường lầu xanh.
Thoắt trông, nàng đã biết tình,
Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao.
Chém cha cái số hoa đào,
Gỡ ra, rồi lại buộc vào như chơi!
Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Tài tình chi lắm cho trời đất ghen!
Tiếc thay! Nước đã đánh phèn,
Mà cho bùn lại vẩn lên mấy lần!
Hồng quân với khách hồng quần
Đã xoay đến thế, còn vần chưa tha!
Lỡ từ lạc bước bước ra,
Cái thân liệu những từ nhà liệu đi
Đầu xanh đã tội tình gì?
Má hồng đền quá nửa thì chưa thôi.
Biết thân chạy chẳng khỏi trời,
Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.
Lần thâu gió mát trăng thanh,
Bỗng đâu có khách biên đình sang chơi.
Râu hùm, hàm én, mày ngài,
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
Đường đường một đấng anh hào,
Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài.
Đội trời đạp đất ở đời,
Họ Từ tên Hải, vốn người Việt Đông.
Giang hồ quen thú vẫy vùng,
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo.
Qua chơi, nghe tiếng nàng Kiều,
Tấm lòng nhi nữ cũng xiêu anh hùng.
Thiếp danh đưa đến lầu hồng,
Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa.
Từ rằng: "Tâm phúc tương cờ,
Phải người trăng gió vật vờ hay sao?
Bấy lâu, nghe tiếng má đào
Mắt xanh chẳng để ai vào, có không?
Một đời được mấy anh hùng,
Bõ chi cá chậu chim lồng mà chơi!"

http://tieulun.hopto.org

Nàng rằng: "Người dạy quá lời,
Thân này còn dám xem ai làm thường.
Chút riêng chọn đá thử vàng,
Biết đâu mà gửi can trường vào đâu?
Còn như vào trước ra sau,
Ai cho kén chọn vàng thau tại mình?"
Từ rằng: "Lời nói hữu tình,
Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân.
Lại đây, xem lại cho gần,
Phỏng tin được một vài phần hay không".
Thưa rằng: "Lượng cả bao dung,
Tấn Dương được thấy mây rồng có phen.
Rộng thương cỏ nội hoa hèn,
Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau".
Nghe lời vừa ý, gật đầu,
Cười rằng: "Tri kỷ trước sau mấy người!
Khen cho con mắt tinh đời,
Anh hùng đứng giữa trần ai mới già.
Một lời đã biết đến ta,
Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau".
Hai bên ý hợp tâm đầu,
Khi thân, chẳng lọ là cầu mới thân.
Ngỏ lời nói với băng nhân,
Tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát hoàn.
Buồng riêng sửa chốn thanh nhàn,
Đặt giường thất bảo, vây màn bát tiên.
Trai anh hùng, gái thuyền quyên,
Phỉ nguyền sánh phượng, đẹp duyên cưỡi rồng.
Nửa năm hương lửa đương nồng,
Trượng phu thoắt đã động lòng bốn phương,
Trông vời trời bể mênh mang,
Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong.
Nàng rằng: "Phận gái chữ tòng,
Chàng đi, thiếp cũng một lòng xin đi".
Từ rằng: "Tâm phúc tương tri,
Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình?
Bao giờ mười vạn tinh binh,
Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường.

http://tieulun.hopto.org

Làm cho rõ mặt phi thường,
Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia.
Bằng nay bốn bể không nhà,
Theo càng thêm bận, biết là đi đâu?
Đành lòng chờ đó ít lâu,
Chầy chăng là một năm sau, vội gì!"
Quyết lời dứt áo ra đi,
Gió mây bằng đã đến kỳ dặm khơi,
Nàng từ chiếc bóng song mai,
Đêm thu đằng đẵng, nhặt cài then mây,
Sân rêu chẳng vẽ dấu giày,
Cỏ cao hơn trước, liễu gầy vài phân.
Đoái trông muôn dặm tử phần,
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.
Xót thay! Huyên cỗi, xuân già.
Tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi?
Chốc đà mười mấy năm trời,
Còn ra khi đã da mồi tóc sương.
Tiếc thay! Chút nghĩa cũ càng,
Dẫu lìa ngó ý, còn vương tơ lòng.
Duyên em dầu nối chỉ hồng,
May ra khi đã tay bồng tay mang.
Tấc lòng cố quốc tha hương,
Đường kia nỗi nọ ngổn ngang bời bời.
Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,
Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm.
Đêm ngày luống những âm thầm,
Lửa binh đâu đã ầm ầm một phương.
Ngất trời sát khí mơ màng,
Đầy sông kình ngạc, chật đường giáp binh.
Người quen thuộc, kẻ chung quanh,
Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.
Nàng rằng: "Trước đã hẹn lời,
Dẫu trong nguy hiểm, dám dời ước xưa!"
Còn đang dùng dắng ngẩn ngơ,
Mé ngoài đã thấy bóng cờ tiếng la.
Giáp binh kéo đến quanh nhà,
Đồng thanh cùng gửi: "Nào là phu nhân?"

http://tieulun.hopto.org

Hai bên, mười vị tướng quân,
Đặt gươm cổi giáp, trước sân khấu đầu.
Cung nga thể nữ nối sau,
Rằng: "Vâng lệnh chỉ rước chầu vu quy"
Sẵn sàng, phượng liễn loan nghi,
Hoa quan giấp giới, hà y rỡ ràng.
Lệnh cờ nổi trống, lên đường,
Trúc tơ nổi trước, đào vàng kéo sau.
Hỏa bài tiền lộ ruổi mau,
Nam đình nghe động trống chầu đại doanh.
Kéo cờ lũy, phát súng thành,
Từ công ra ngựa thân nghênh cửa ngoài.
Rỡ mình, lạ vẻ cân đai,
Hãy còn hàm én mày ngài như xưa.
Cười rằng: "Cá nước duyên ưa,
Nhớ lời nói những bao giờ hay không?
Anh hùng mới biết anh hùng
Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa?"
Nàng rằng: "Chút phận ngây thơ,
Cũng may dây cát được nhờ bóng cây.
Đến bây giờ mới thấy đây,
Mà lòng đã chắc những ngày một hai".
Cùng nhau trông mặt cả cười,
Dan tay về chốn trướng mai tự tình.
Tiệc bày thưởng tướng khao binh,
Om thòm trống trận, rập rình nhạc quân.
Vinh hoa bõ lúc phong trần,
Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày.

Trong quân có lúc vui vầy,
Thong dong mới kể sự ngày hàn vi:
Khi Vô Tích khi Lâm Tri,
Nơi thì lừa đảo, nơi thì xót thương.
Tấm thân rày đã nhẹ nhàng,
Chút còn ân oán đôi đường chưa xong.
Từ công nghe nói thủy chung,
Bất bình nổi trận đùng đùng sấm vang,

http://tieulun.hopto.org

Nghiêm quân tuyển tướng sẵn sàng,
Dưới cờ một lệnh vội vàng ruổi sao.
Ba quân chỉ ngọn cờ đào,
Đạo ra Vô Tích đạo vào Lâm Tri.
Mấy người phụ bạc xưa kia,
Chiếu danh tầm nã bắt về hỏi tra.
Lại sai lệnh tiễn truyền qua,
Giữ giàng họ Thúc một nhà cho yên.
Mụ quản gia, vãi Giác Duyên,
Cũng sai lệnh tiễn đem tin rước mời.
Thệ sư, kể hết mọi lời,
Lòng lòng cũng giận, người người chấp uy.
Đạo trời báo phục chỉn ghê,
Khéo thay, một mẻ tóm về đầy nơi!
Quân trung gươm lớn giáo dài,
Vệ trong thị lập, cơ ngoài song phi,
Sẵn sàng, tề chỉnh uy nghi,
Vác đòng chật đất, tinh kỳ rợp sân.
Trướng hùm mở giữa trung quân,
Từ công sánh với phu nhân cùng ngồi,
Tiên nghiêm, trống chửa dứt hồi,
Điểm danh, trước dẫn trực ngoài cửa viên.
Từ rằng: "Ân oán hai bên,
Mặc nàng xử quyết báo đền cho minh".
Nàng rằng: "Muôn cậy uy linh,
Hãy xin báo đáp ân tình cho phu.
Báo ân, rồi sẽ trả thù".
Từ rằng: "Việc ấy phó cho mặc nàng".
Cho gươm mời đến Thúc lang,
Mặt như chàm đổ, mình dường dẽ (cầy) run.
Nàng rằng: "Nghĩa nặng nghìn non,
Lâm Tri người cũ, chàng còn nhớ không?
Sâm Thương chẳng vẹn chữ tòng,
Tại ai, há dám phụ lòng cố nhân?
Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân,
Tạ lòng, dễ xứng báo ân gọi là.
Vợ chàng quỷ quái tinh ma,
Phen này, kẻ cắp bà già gặp nhau.

http://tieulun.hopto.org

Kiến bò miệng chén chưa lâu,
Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa".
Thúc sinh trông mặt bấy giờ,
Mồ hôi chàng đã như mưa ướt dầm.
Lòng riêng mừng sợ khôn cầm,
Sợ thay, mà lại mừng thầm cho ai!
Mụ già sư trưởng thứ hai,
Thoắt đưa đến trước, vội mời lên trên.
Dắt tay mở mặt cho nhìn.
"Hoa Nô kia với Trạc Tuyền cũng tôi.
Nhớ khi lỡ bước sẩy vời,
Non vàng chữ dễ đền bồi tấm thương.
Nghìn vàng gọi chút lễ thường.
Mà lòng Phiếu mẫu mấy vàng cho cân".
Hai người trông mặt tần ngần,
Nửa phần khiếp sợ, nửa phần mừng vui.
Nàng rằng: "Xin hãy rốn ngồi,
Xem cho rõ mặt, biết tôi báo thù".
Kíp truyền chư tướng hiến phù.
Lại đem các tích phạm đồ hậu tra.
Dưới cờ, gươm tuốt nắp ra,
Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư!
Thoắt trông nàng đã chào thưa:
"Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây!
Đàn bà dễ có mấy tay,
Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan!
Dễ dàng là thói hồng nhan,
Càng cay nghiệt lắm, càng oan trái nhiều".
Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu.
Khấu đầu dưới trướng, giở điều kêu ca.
Rằng: "Tôi chút phận đàn bà,
Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.
Nghĩ cho khi gác viết kinh,
Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo
Lòng riêng, riêng những kính yêu,
Chồng chung, chưa dễ ai chiều cho ai.
Trót lòng gây việc chông gai,
Còn nhờ lượng bể thương bài nào chăng".

http://tieulun.hopto.org

Khen cho: "Thật đã nên rằng,
Khôn ngoan đến mực, nói năng phải lời.
Tha ra, thì cũng may đời,
Làm ra, thì cũng ra người nhỏ nhen.
Đã lòng tri quá thì nên".
Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay.
Tạ lòng, lạy trước sân mây,
Cửa viên lại dắt một dây dẫn vào.
Nàng rằng: "Lồng lộng trời cao,
Hại nhân nhân hại, sự nào tại ta!"
Trước là Bạc Hạnh, Bạc bà
Bên là Ưng, Khuyển bên là Sở Khanh.
Tú bà với Mã Giám sinh,
Các tên tội ấy đáng tình, còn sao?
Lệnh quân truyền xuống nội đao,
Thề sao, thì lại cứ sao gia hình.
Máu rơi thịt nát tan tành,
Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời.
Cho hay muôn sự tại trời,
Phụ người, chẳng bõ khi người phụ ta.
Mấy người bạc ác tinh ma,
Mình làm mình chịu, kêu mà ai thương!
Ba quân đông mặt pháp trường,
Thanh thiên bạch nhật rõ ràng cho coi,
Việc nàng báo phục vừa rồi,
Giác Duyên vội đã gửi lời từ quy.
Nàng rằng: "Thiên tải nhất thì,
Cố nhân đã dễ mấy khi bàn hoàn.
Rồi đây, bèo hợp mây tan,
Biết đâu hạc nội mây ngàn là đâu?"
Sư rằng: "Cũng chẳng bao lâu,
Trong năm năm lại gặp nhau đó mà.
Nhớ ngày hành cước phương xa,
Gặp sư Tam Hợp vốn là tiên tri.
Bảo cho hội hợp chi kỳ,
Năm nay là một, nữa thì năm năm.
Mới hay tiền định chẳng lầm,
Đã tin điều trước, ắt nhằm việc sau.

http://tieulun.hopto.org

Còn nhiều ân ái với nhau,
Cơ duyên nào đã hết đâu vội gì!"
Nàng rằng: "Tiền định tiên tri.
Lời sư đã dạy ắt thì chẳng sai.
Họa bao giờ có gặp người,
Vì tôi cậy hỏi một lời chung thân".
Giác Duyên vâng dặn ân cần,
Tạ từ, thoắt đã dời chân cõi ngoài.
Nàng từ ân oán rạch ròi,
Bể oan dường đã vơi vơi cạnh lòng.
Tạ ơn lạy trước Từ công:
"Chút thân bồ liễu nào mong có rày!
Trộm nhờ sấm sét ra tay.
Tấc riêng như cất gánh đầy đổ đi,
Chạm xương chép dạ xiết chi,
Dễ đem gan óc đền nghì trời mây!"
Từ rằng: "Quốc sĩ xưa nay,
Chọn người tri kỷ một ngày được chăng?
Anh hùng tiếng đã gọi rằng,
Giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha!
Huống chi việc cũng việc nhà,
Lọ là thâm tạ với là tri ân?
Xót nàng còn chút song thân,
Bấy nay kẻ Việt người Tần cách xa.
Sao cho muôn dặm một nhà,
Cho người thấy mặt là ta cam lòng".
Vội truyền sửa tiệc quân trung,
Muôn binh nghìn tướng hội đồng tẩy oan.
Thừa cơ trúc chẻ ngói tan,
Binh uy từ ấy sấm ran trong ngoài.
Triều đình riêng một góc trời
Gồm hai văn võ, rạch đôi sơn hà.
Đòi cơn gió quét mưa sa,
Huyện thành đạp đổ năm tòa cõi Nam.
Phong trần mài một lưỡi gươm,
Những loài giá áo túi cơm sá gì.
Nghênh ngang một cõi biên thùy,
Kém gì cô quả, kém gì bá vương!

http://tieulun.hopto.org

Trước cờ ai dám tranh cường?
Năm năm hùng cứ một phương hải tần.
Có quan tổng đốc trọng thần,
Là Hồ Tôn Hiến, kinh luân gồm tài.
Đẩy xe, vâng chỉ đặc sai,
Tiện nghi bát tiễu, việc ngoài đổng nhung.
Biết Từ là đấng anh hùng,
Biết nàng cũng dự quân trung luận bàn.
Đóng quân, làm chước chiêu an,
Ngọc vàng gấm vóc, sai quân thuyết hàng.
Lại riêng một lễ với nàng,
Hai tên thể nữ, ngọc vàng nghìn cân.
Tin vào gửi trước trung quân,
Từ công riêng hãy mười phần hồ đồ.
Một tay gây dựng cơ đồ,
Bấy lâu bể Sở, sông Ngô tung hoành.
Bó thân về với triều đình,
Hàng thần lơ láo, phận mình ra đâu?
Áo xiêm buộc trói lấy nhau,
Vào luồn ra cúi, công hầu mà chi?
Sao bằng riêng một biên thùy,
Sức này đã dễ làm gì được nhau!
Chọc trời quấy nước mặc dầu,
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai?
Nàng thì thật dạ tin người,
Lễ nhiều, nói ngọt, nghe lời dễ xiêu.
Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,
Đã nhiều lưu lạc, lại nhiều gian truân.
Bằng nay chịu tiếng vương thần.
Thênh thênh đường cái thanh vân hẹp gì!
Công tư vẹn cả hai bề,
Dần dà, rồi sẽ liệu về cố hương.
Cũng ngôi mệnh phụ đường đường,
Nở nang mày mặt, rỡ ràng mẹ cha.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Một là đắc hiếu, hai là đắc trung.
Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng,
E dè sóng gió, hãi hùng cỏ hoa?

http://tieulun.hopto.org

Nhân khi bàn bạc gần xa,
Thừa cơ, nàng mới bàn ra nói vào.
Rằng: "Ơn thánh đế dồi dào,
Tưới ra đã khắp, thấm vào đã sâu.
Bình thành công đức bấy lâu,
Ai ai cũng đội trên đầu biết bao
Ngẫm từ dấy việc binh đao,
Đống xương Vô Định đã cao bằng đầu.
Làm chi để tiếng về sau,
Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào?
Sao bằng lộc trọng quyền cao,
Công danh ai đứt lối nào cho qua?"
Nghe lời nàng nói mặn mà,
Thế công Từ mới trở ra thế hàng,
Chỉnh nghi tiếp sứ vội vàng,
Hẹn kỳ thúc giáp, quyết đường giải binh.
Tin lời thành hạ yêu minh,
Ngọn cờ ngơ ngác, trống canh trễ tràng.
Việc binh bỏ chẳng giữ giàng,
Vương sư dòm đã tỏ tường thực hư.
Hồ công quyết kế thừa cơ,
Lễ tiên binh hậu, khắc cờ tập công.
Kéo cờ chiêu phủ tiên phong,
Lễ nghi dàn trước, vác đòng phục sau.
Từ công hờ hững biết đâu?
Đại quan lễ phục, ra đầu cửa viên.
Hồ công ám hiệu trận tiền.
Ba bề phát súng, bốn bên kéo cờ.
Đang khi bất ý chẳng ngờ,
Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn.
Tử sinh liều giữa trận tiền,
Dạn dày cho biết gan liền tướng quân.
Khí thiêng khi đã về thần,
Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng.
Trơ như đá, vững như đồng,
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng dời.
Quan quân truy sát đuổi dài,
Hằm hằm sát khí ngất trời ai đương.

http://tieulun.hopto.org

Trong hào ngoài lũy tan hoang,
Loạn quân vừa dắt tay nàng đến nơi,
Trong vòng tên đá bời bời,
Thấy Từ còn đứng giữ trời trơ trơ.
Khóc rằng: "Trí dũng có thừa,
Bởi nghe lời thiếp, đến cơ hội này!
Mặt nào trông thấy nhau đây?
Thà liều sống chết một ngày với nhau.
Dòng thu như xối cơn sầu,
Dứt lời nàng cũng gieo đầu một bên.
Lạ thay! Oan khí tương triền,
Nàng vừa phục xuống, Từ liền ngã ra.
Quan quân kẻ lại người qua,
Xót nàng, sẽ lại vực ra dần dần.
Đem vào, đến trước trung quân,
Hồ công thấy mặt, ân cần hỏi han.
Rằng: "nàng chút phận hồng nhan.
Gặp cơn binh cách nhiều nàn cũng thương
Đã hay thành toán miếu đường,
Giúp công, cũng có lời nàng mới nên.
Bây giờ sự đã vẹn tuyền,
Mặc lòng nghĩ lấy muốn xin bề nào".
Nàng càng giọt ngọc tuôn dào,
Ngập ngừng, mới gửi thấp cao sự lòng.
Rằng: "Từ là đấng anh hùng,
Dọc ngang trời, rộng vẫy vùng bể khơi.
Tin tôi, nên quá nghe lời,
Đem thân bách chiến làm tôi triều đình.
Ngỡ là phú quý phụ vinh,
Ai ngờ một phút tan tành thịt xương!
Năm năm trời bể ngang tàng,
Dẫn mình đi bỏ chiến trường như không.
Khéo khuyên kể lấy làm công,
Kể bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu!
Xét mình công ít tội nhiều,
Sống thừa, tôi đã nên liều mình tôi.
Xin cho thiên thổ một doi,
Gọi là đắp điếm lấy người tử sinh".

http://tieulun.hopto.org

Hồ công nghe nói, thương tình,
Truyền cho kiểu táng di hình bên sông
Trong quân mở tiệc hạ công,
Xôn xao tơ trúc, hội đồng quân quan.
Bắt nàng thị yến dưới màn,
Dở say, lại ép cung đàn nhật tâu.
Một cung gió thảm mưa sầu,
Bốn dây rỏ máu năm đầu ngón tay.
Ve ngâm vượn hót nào tầy,
Lọt tai, Hồ cũng nhăn mày rơi châu.
Hỏi rằng: "Này khúc ở đâu?
Nghe ra muôn oán nghìn sầu lắm thay!"
Thưa rằng: "Bạc mệnh khúc này,
Phổ vào đàn ấy những ngày còn thơ.
Cung cầm lựa những ngày xưa,
Mà gương bạc mệnh bây giờ là đây!"
Nghe càng đắm, ngắm càng say,
Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình!
Dạy rằng: "Hương lửa ba sinh,
Dây lan xin nối cầm lành cho ai".
Thưa rằng: "Chút phận lạc loài,
Trong mình nghĩ đã có người thác oan.
Còn chi nữa, cánh hoa tàn,
Tơ lòng đã dứt dây đàn Tiểu Lân.
Rộng thương còn mảnh hồng quần,
Hơi tàn được thấy gốc phần là may".
Hạ công, chén đã quá say,
Hồ công đến lúc rạng ngày nhớ ra.
Nghĩ mình phương diện quốc gia,
Quan trên nhắm xuống, người ta trông vào
Phải tuồng trăng gió hay sao.
Sự này biết tính thế nào được đây?
Công nha vừa buổi sáng ngày,
Quyết tình, Hồ mới đoán ngay một bài.
Lệnh quan ai dám cãi lời,
Ép tình, mới gán cho người thổ quan.
Ông tơ thật nhẽ đa đoan!
Xe tơ, sao khéo vơ quàng vơ xiên?

http://tieulun.hopto.org

Kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền,
Lá màn rủ thấp, ngọn đèn khêu cao.
Nàng càng ủ liễu phai đào,
Trăm phần nào có phần nào phần tươi?
Đành thân cát dập sóng vùi,
Cướp công cha mẹ, thiệt đời thông minh.
Chân trời mặt bể lênh đênh,
Nắm xương biết gửi tử sinh chốn nào?
Duyên đâu ai dứt tơ đào,
Nợ đâu ai đã dắt vào tận tay?
Thân sao thân đến thế này?
Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi.
Đã không biết sống là vui,
Tấm thân nào biết thiệt thòi là thương.
Một mình cay đắng trăm đường,
Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi.
Mảnh trăng đã gác non đoài,
Một mình luống những đứng ngồi chưa xong.
Triều đâu nổi tiếng đùng đùng?
Hỏi ra, mới biết rằng sông Tiền Đường,
Nhớ lời thần mộng rõ ràng,
Này thôi hết kiếp đoạn trường là đây.
"Đạm Tiên nàng nhẽ, có hay?
Hẹn ta, thì đợi dưới này rước ta".
Dưới đèn sẵn bức tiên hoa,
Một thiên tuyệt bút gọi là để sau.
Cửa bồng vội mở rèm châu,
Trời cao sông rộng một màu bao la.
Rằng: "Từ công hậu đãi ta,
Chút vì việc nước mà ra phụ lòng.
Giết chồng, mà lại lấy chồng,
Mặt nào còn đứng ở trong cõi đời?
Thôi thì một thác cho rồi,
Tấm lòng phó mặc trên trời dưới sông".
Trông vời con nước mênh mông,
Đem mình gieo xuống giữa dòng trường giang.
Thổ quan theo vớt vội vàng,
Thì đà đắm ngọc chìm hương cho rồi.

http://tieulun.hopto.org

Thương thay! Cũng một kiếp người,
Khéo thay! Mang lấy sắc tài làm chi!
Những là oan khổ lưu ly,
Chờ cho hết kiếp, còn gì là thân!
Mười lăm năm, bấy nhiều lần,
Làm gương cho khách hồng quần thử soi.
Đời người đến thế thì thôi.
Trong cơ âm cực dương hồi khôn hay.
Mấy người hiếu nghĩa xưa nay.
Trời làm chi đến lâu ngày càng thương!

Giác Duyên từ tiết giã nàng,
Đeo bầu quảy níp, rộng đường vân du
Gặp bà Tam Hợp đạo cô,
Thong dong, hỏi hết nhỏ to sự nàng:
"Người sao hiếu nghĩa đủ đường,
Kiếp sao rặt những đoạn trường thế thôi".
Sư rằng: "Phúc họa đạo trời,
Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.
Có trời mà cũng tại ta,
Tu là cội phúc, tình là dây oan.
Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan,
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành.
Lại mang lấy một chữ tình,
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.
Vậy nên những chốn thong dong,
Ở không yên ổn, ngồi không vững vàng.
Ma đưa lối, quỷ đem đường,
Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi.
Hết nạn ấy, đến nạn kia,
Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần.
Trong vòng giáo dựng gươm trần,
Kề răng hùm sói gửi thân tôi đòi.
Giữa dòng nước dẫy sóng dồi,
Trước hàm rồng cá, gieo mồi vắng tanh
Oan kia theo mãi với tình,
Một mình mình biết, một mình mình hay.

http://tieulun.hopto.org

Làm cho sống đọa thác đày,
Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi".
Giác Duyên nghe nói rụng rời:
"Một đời nàng nhẽ thương ôi! Còn gì!"
Sư rằng: "Song chẳng hề chi,
Nghiệp duyên cân lại nhắc đi còn nhiều.
Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều,
Mắc điều tình ái, khỏi điều tà dâm.
Lấy tình thâm trả nghĩa thâm,
Bán mình, đã động hiếu tâm đến trời.
Hại một người, cứu muôn người,
Biết đường khinh trọng, biết lời phải chăng.
Thửa công đức ấy ai bằng?
Túc khiên đã rửa lâng lâng sạch rồi.
Khi nên, trời cũng chiều người,
Nhẹ nhàng nợ trước, đền bồi duyên sau.
Giác Duyên dù nhớ nghĩa nhau,
Tiền Đường thả một bè lau rước người.
Trước sau cho vẹn một lời,
Duyên ta, mà cũng phúc trời chi không!"
Giác Duyên nghe nói mừng lòng,
Lân la tìm thú bên sông Tiền Đường.
Đánh tranh, chụm nóc thảo đường.
Một gian, nước biếc mây vàng chia đôi.
Thuê năm ngư phủ hai người,
Đóng thuyền chực bến, kết chài dăng sông.
Một lòng chẳng quản mấy công,
Khéo thay! Gặp gỡ cũng trong chuyển vần!
Kiều từ gieo xuống duềnh ngân,
Nước xuôi bỗng đã trôi dần tận nơi.
Ngư ông kéo lưới vớt người,
Ngẫm lời Tam Hợp rõ mười chẳng ngoa.
Trên mui lướt mướt áo là,
Tuy dầm hơi nước, chưa lòa bóng gương.
Giác Duyên nhìn thật mặt nàng,
Nàng còn thiêm thiếp giấc vàng chưa phai.
Mơ màng phách quế hồn mai,
Đạm Tiên, thoắt đã thấy người ngày xưa.

http://tieulun.hopto.org

Rằng: "Tôi đã có lòng chờ,
Mất công mười mấy năm thừa ở đây.
Chị sao phận mỏng phúc dày,
Kiếp xưa đã vậy, lòng này dễ ai!
Tấm thành đã thấu đến trời,
Bán mình là hiếu, cứu người là nhân.
Một niềm vì nước vì dân,
Âm công cất một đồng cân đã già.
Đoạn trường sổ rút tên ra,
Đoạn trường thơ phải đưa mà trả nhau.
Còn nhiều hưởng thụ về lâu,
Duyên xưa tròn trặn phúc sau dồi dào".
Nàng còn ngơ ngẩn biết sao,
Trạc Tuyền! Nghe tiếng gọi vào bên tai.
Giật mình, thoắt tỉnh giấc mai
Bâng khuâng nào đã biết ai mà nhìn.
Trong thuyền nào thấy Đạm Tiên,
Bên mình chỉ thấy Giác Duyên ngồi kề.
Thấy nhau, mừng rỡ trăm bề,
Dọn truyền, mới rước nàng về thảo lư.
Một nhà chung chạ sớm trưa,
Gió trăng mát mặt, muối dưa chay lòng.
Bốn bề bát ngát mênh mông,
Triều dâng hôm sớm, mây lồng trước sau.
Nạn xưa trút sạch làu làu,
Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này.
Nỗi nàng tai nạn đã đầy,
Nỗi chàng Kim Trọng bấy chầy mới thương.
Từ ngày muôn dặm phù tang,
Nửa năm ở đất Liêu Dương tại nhà.
Vội sang vườn Thúy dò la,
Nhìn xem phong cảnh nay đà khác xưa.
Đầy vườn cỏ mọc, lau thưa,
Song trăng quạnh quẽ, vách mưa rã rời.
Trước sau, nào thấy bóng người?
Hoa đào năm ngoái còn cười gió Đông.

http://tieulun.hopto.org

Xập xè, én liệng lầu không,
Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giày.
Cuối tường, gai góc mọc đầy,
Đi về, này những lối này năm xưa.
Chung quanh lặng ngắt như tờ,
Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai?
Láng giềng có kẻ sang chơi,
Lân la sẽ hỏi một hai sự tình.
Hỏi ông, ông mắc tụng đình,
Hỏi nàng, nàng đã bán mình chuộc cha.
Hỏi nhà, nhà đã dời xa,
Hỏi chàng Vương với cùng là Thúy Vân,
Đều là sa sút khó khăn,
May thuê viết mướn, kiếm ăn lần hồi.
Điều đâu sét đánh lưng trời,
Thoắt nghe, chàng thoắt rụng rời xiết bao!
Hỏi thăm di trú nơi nao,
Đánh đường, chàng mới tìm vào tận nơi.
Nhà tranh vách đất tả tơi,
Lau treo rèm nát, trúc gài phên thưa.
Một sân đất cỏ dầm mưa,
Càng ngao ngán nỗi, càng ngơ ngẩn dường.
Đánh liều, lên tiếng ngoài tường,
Chàng Vương nghe thấy, vội vàng chạy ra.
Dắt tay, vội rước vào nhà,
Mé sau viên ngoại ông bà ra ngay.
Khóc than kể hết niềm tây:
"Chàng ôi! Biết nỗi nước này cho chưa?
Kiều nhi phận mỏng như tờ,
Một lời đã lỗi tóc tơ với chàng.
Gặp cơn gia biến lạ dường,
Bán mình, nó phải tìm đường cứu cha.
Dùng dằng khi bước chân ra,
Cực trăm nghìn, nỗi dặn ba bốn lần.
Trót lời nặng với lang quân,
Mượn con em nó Thúy Vân thay lời.
Gọi là trả chút nghĩa người,
Sầu này dằng dặc muôn đời chưa quên.

http://tieulun.hopto.org

Kiếp này, duyên đã phụ duyên,
Dạ dài còn biết sẽ đền lai sinh.
Mấy lời ký chú đinh ninh,
Ghi lòng để dạ, cất mình ra đi.
Phận sao bạc bấy Kiều nhi!
Chàng Kim về đó, con thì đi đâu?"
Ông bà càng nói càng đau,
Chàng càng nghe nói, càng rầu như dưa.
Vật mình, vẫy gió tuôn mưa,
Dầm dề giọt ngọc, thẫn thờ hồn mai.
Đau đòi đoạn, ngất đòi thôi,
Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê.
Thấy chàng đau nỗi biệt ly,
Nhịn ngừng, ông mới vỗ về giải khuyên:
"Bây giờ ván đã đóng thuyền,
Đã đành phận bạc khôn đền tình chung.
Quá thương chút nghĩa đèo bồng,
Nghìn vàng thân ấy dễ hòng bỏ sao?"
Dỗ dành khuyên giải trăm chiều,
Lửa phiền càng dập, càng khêu mối phiền.
Thề xưa, giờ đến kim hoàn,
Của xưa lại giở đến đàn với hương.
Sinh càng trông thấy càng thương.
Gan càng tức tối, ruột càng xót xa.
Rằng: "Tôi trót quá chân ra.
Để cho đến nỗi trôi hoa giạt bèo.
Cùng nhau thề thốt đã nhiều
Những điều vàng đá phải điều nói không!
Chưa chăn gối, cũng vợ chồng,
Lòng nào mà nỡ dứt lòng cho đang?
Bao nhiêu của, mấy ngày đường.
Còn tôi, tôi một gặp nàng mới thôi".
Nỗi thương nói chẳng hết lời,
Tạ từ, Sinh mới sụt sùi trở ra.
Vội về sửa chốn vườn hoa,
Rước mời viên ngoại ông bà cùng sang.
Thần hôn chăm chút lễ thường,
Dưỡng thân thay tấm lòng nàng ngày xưa.

http://tieulun.hopto.org

Đinh ninh mài lệ chép thư,
Cắt người tìm tõi, đưa tờ nhắn nhe.
Biết bao công mượn của thuê,
Lâm Thanh mấy độ đi về dặm khơi!
Người một nơi, hỏi một nơi,
Mênh mông nào biết bể trời nơi nao?
Sinh càng thảm thiết khát khao,
Như nung gan sắt, như bào lòng son.
Ruột tằm ngày một héo hon,
Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve.
Thẩn thơ, lúc tỉnh lúc mê,
Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm bao.
Xuân huyên lo sợ xiết bao,
Quá ra khi đến thế nào mà hay!
Vội vàng sắm sửa chọn ngày,
Duyên Vân sớm đã xe dây cho chàng.
Người yểu điệu, kẻ văn chương,
Trai tài gái sắc, xuân đương vừa thì.
Tuy rằng vui chữ vu quy,
Vui này đã cất sầu kia được nào!
Khi ăn ở, lúc ra vào,
Càng âu duyên mới, càng dào tình xưa.
Nỗi nàng nhớ đến bao giờ,
Tuôn châu đòi trận, vò tơ trăm vòng.
Có khi, vắng vẻ thư phòng,
Đốt lò hương, giở phím đồng ngày xưa.
Bẻ bai rủ rỉ tiếng tơ,
Trầm bay lạt khói, gió đưa lay rèm.
Dường như bên chái bên thềm,
Tiếng Kiều đồng vọng, bóng xiêm mơ màng.
Bởi lòng tạc đá ghi vàng,
Tưởng nàng, nên lại thấy nàng về đây.

Những là phiền muộn đêm ngày,
Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần?
Chế khoa gặp hội trường văn,
Vương, Kim cùng chiếm bảng xuân một ngày.

http://tieulun.hopto.org

Cửa trời rộng mở đường mây,
Hoa chào ngõ hạnh, hương bay dặm phần.
Chàng Vương nhớ đến xa gần,
Sang nhà Chung lão tạ ơn chu tuyền.
Tình xưa, ơn trả nghĩa đền,
Gia thân, bèn mới kết duyên Châu Trần.
Kim từ nhẹ bước thanh vân.
Nỗi nàng càng nghĩ xa gần càng thương.
Ấy ai dặn ngọc thề vàng,
Bây giờ Kim mã Ngọc đường với ai?
Ngọn bèo chân sóng lạc loài,
Nghĩ mình vinh hiển, thương người lưu ly.
Vâng ra ngoại nhậm Lâm Tri,
Quan sơn nghìn dặm, thê nhi một đoàn.
Cầm đường ngày tháng thanh nhàn,
Sớm khuya, tiếng hạc tiếng đàn tiêu dao.
Phòng xuân trướng rủ hoa đào,
Nàng Vân nằm bỗng chiêm bao thấy nàng.
Tỉnh ra, mới rỉ cùng chàng,
Nghe lời chàng cũng hai đường tin nghi.
Nọ Lâm Thanh với Lâm Tri,
Khác nhau một chữ, hoặc khi có lầm.
Trong cơ thanh khí tương tầm,
Ở đây hoặc có giai âm chăng là?
Thăng đường, chàng mới hỏi tra,
Họ Đô có kẻ lại già thưa lên:
"Sự này đã ngoại mười niên,
Tôi đà biết mặt biết tên rành rành.
Tú bà cùng Mã Giám sinh,
Đi mua người ở Bắc Kinh đưa về.
Thúy Kiều tài sắc ai bì!
Có nghề đàn, lại đủ nghề văn thơ.
Kiên trinh chẳng phải gan vừa,
Liều mình thế ấy, phải lừa thế kia.
Phong trần chịu đã ê chề,
Dây duyên sau lại gả về Thúc lang.
Phải tay vợ cả phũ phàng,
Bắt về Vô Tích toan đường bẻ hoa.

http://tieulun.hopto.org

Dứt mình, nàng phải trốn ra,
Chẳng may, lại gặp một nhà Bạc kia.
Thoắt buôn về, thoắt bán đi,
Mây trôi bèo nổi, thiếu gì là nơi!
Bỗng đâu lại gặp một người,
Hơn người trí dũng, nghiêng trời uy linh.
Trong tay mười vạn tinh binh,
Kéo về đóng chật một thành Lâm Tri.
Tóc tơ các tích mọi khi,
Oán thì trả oán, ân thì trả ân.
Đã nên có nghĩa có nhân,
Trước sau trọn vẹn, xa gần ngợi khen.
Chưa tường được họ được tên,
Sự này hỏi Thúc sinh viên mới tường".
Nghe lời Đô nói rõ ràng,
Tức thì đệ thiếp mời chàng Thúc sinh.
Nỗi nàng hỏi hết phân minh
Chồng con đâu tá, tính danh là gì?
Thúc rằng: "Gặp lúc loạn ly,
Trong quân tôi hỏi thiếu gì tóc tơ.
Đại vương tên Hải, họ Từ,
Đánh quen trăm trận, sức dư muôn người
Gặp nàng khi ở Châu Thai,
Lạ gì quốc sắc thiên tài phải duyên.
Vẫy vùng trong bấy nhiêu niên,
Làm nên động địa kinh thiên đùng đùng.
Đại quân đồn đóng cõi Đông,
Về sau chẳng biết vân mồng làm sao".
Nghe tường ngành ngọn tiêu hao,
Lòng riêng chàng luống lao đao thẫn thờ.
Xót thay! Chiếc lá bơ vơ,
Kiếp trần biết giũ bao giờ cho xong?
Hoa trôi nước chảy xuôi dòng,
Xót thân chìm nổi, đau lòng hợp tan.
Lời xưa đã lỗi muôn vàn,
Mảnh hương còn đó, phím đàn còn đây.
Đàn cầm khéo ngẩn ngơ dây,
Lửa hương biết có kiếp này nữa thôi?

http://tieulun.hopto.org

Bình bồng còn chút xa xôi,
Đỉnh chung sao nỡ ăn ngồi cho an!
Rắp mong treo ấn từ quan,
Mấy sông cũng lội mấy ngàn cũng pha.
Dấn mình trong áng can qua,
Vào sinh ra tử, họa là thấy nhau!
Nghĩ điều trời thẳm vực sâu,
Bóng chim tăm cá, biết đâu mà nhìn!
Những là nấn ná đợi tin,
Nắng mưa biết đã mấy phen đổi dời!
Năm mây bỗng thấy chiếu trời,
Khâm ban sắc chỉ đến nơi rành rành.
Kim thì cải nhậm Nam Bình,
Chàng Vương cũng cải nhậm thành Châu Dương.
Sắm xanh xe ngựa vội vàng,
Hai nhà cũng thuận một đường phó quan.
Xẩy nghe thế giặc đã tan,
Sóng êm Phúc Kiến, lửa tàn Chiết Giang.
Được tin, Kim mới rủ Vương,
Tiện đường, cùng lại tìm nàng sau xưa.
Hàng Châu đến đó bấy giờ,
Thật tin hỏi được tóc tơ rành rành.
Rằng: Ngày hôm nọ giao binh,
Thất cơ, Từ đã thu linh trận tiền.
Nàng Kiều công cả chẳng đền,
Lệnh quan lại bắt ép duyên thổ tù.
Nàng đà gieo ngọc chìm châu,
Sông Tiền Đường đó, ấy mồ hồng nhan.
Thương ôi! Không hợp mà tan,
Một nhà vinh hiển, riêng oan một nàng!
Chiêu hồn, thiết vị lễ thường,
Giải oan, lập một đàn tràng bên sông.
Ngọn triều non bạc trùng trùng,
Vời trông, còn tưởng cánh hồng lúc gieo.
Tình thâm bể thảm lạ điều,
Nào hồn tinh vệ biết theo chốn nào?
Cơ duyên đâu bỗng lạ sao,
Giác Duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi.

http://tieulun.hopto.org

Trông lên linh vị chữ bài,
Thất kinh mới hỏi: "Những người đâu ta?
Với nàng thân thích gần xa,
Người còn, sao bỗng làm ma khóc người?"
Nghe tin, ngơ ngác rụng rời,
Xúm quanh, kể họ, rộn lời hỏi tra:
"Này chồng, này mẹ, này cha,
Này là em ruột, này là em dâu.
Thật tin, nghe đã bấy lâu,
Pháp sư dạy thế, sự đâu lạ dường!"
Sư rằng: "Nhân quả với nàng,
Lâm Tri buổi trước Tiền Đường buổi sau.
Khi nàng gieo ngọc chìm châu,
Đón nhau, tôi đã gặp nhau rước về.
Cùng nhau nương cửa bồ đề,
Thảo am đó cũng gần kề, chẳng xa.
Phật tiền ngày bạc lân la,
Đăm đăm nàng cũng nhớ nhà khôn khuây".
Nghe tin, nở mặt nở mày,
Mừng nào lại quá mừng này, nữa chăng?
Từ phen chiếc lá lìa rừng,
Thăm tìm, luống những liệu chừng nước mây.
Rõ ràng, hoa rụng hương bay,
Kiếp sau họa thấy, kiếp này hẳn thôi.
Minh dương đôi ngả chắc rồi.
Cõi trần mà lại thấy người Cửu nguyên.
Cùng nhau lạy tạ Giác Duyên,
Bộ hành một lũ theo liền một khi.
Bẻ lau vạch cỏ tìm đi,
Tình thâm luống hãy hồ nghi nửa phần.
Quanh co theo dải giang tân,
Khỏi rừng lau, đã tới sân Phật đường.
Giác Duyên lên tiếng gọi nàng,
Buồng trong vội dạo sen vàng bước ra.
Trông xem đủ mặt một nhà:
Xuân già còn khoẻ, huyên già còn tươi.
Hai em phương trưởng hòa hai,
Nọ chàng Kim đó, là người ngày xưa!

http://tieulun.hopto.org

Tưởng bây giờ là bao giờ,
Rõ ràng mở mắt, còn ngờ chiêm bao!
Giọt châu thánh thót quẹn bào,
Mừng mừng, tủi tủi, xiết bao là tình.
Huyên già dưới gối gieo mình,
Khóc than, mình kể sự mình đầu đuôi:
"Từ con lưu lạc quê người,
Bèo trôi sóng vỗ, chốc mười lăm năm.
Tính rằng sông nước cát lầm,
Kiếp này, ai lại còn cầm gặp đây!"
Ông bà trông mặt, cầm tay,
Dung quang chẳng khác chi ngày bước ra.
Bấy chầy dãi nguyệt dầu hoa,
Mười phần xuân có gầy ba bốn phần.
Nỗi mừng biết lấy chi cân?
Lời tan hợp, chuyện xa gần thiếu đâu.
Hai em hỏi trước han sau,
Đứng trông, chàng cũng trở sầu làm tươi.
Quây nhau lạy trước Phật đài,
Tái sinh trần tạ lòng người từ bi.
Kiệu hoa giục giã tức thì,
Vương ông dạy rước cùng về một nơi.
Nàng rằng: "Chút phận hoa rơi.
Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng cay.
Tính rằng mặt nước chân mây,
Lòng nào còn tưởng có rày nữa không?
Được rày tái thế tương phùng,
Khát khao đã thỏa tấm lòng lâu nay.
Đã đem mình bỏ am mây,
Tuổi này gửi với cỏ cây cũng vừa.
Mùi thiền đã bén muối dưa,
Màu thiền ăn mặc đã ưa nâu sồng.
Sự đời đã tắt lửa lòng,
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi!
Dở dang nào có hay gì,
Đã tu tu trót, qua thì thì thôi!
Trùng sinh ơn nặng bể trời,
Lòng nào nỡ dứt nghĩa người ra đi?"

http://tieulun.hopto.org

Ông rằng: "Bĩ thử nhất nhì,
Tu hành thì cũng phải khi tòng quyền.
Phải điều cầu Phật cầu Tiên,
Tình kia hiếu nọ, ai đền cho đây?
Độ sinh nhờ đức cao dày,
Lập am, rồi sẽ rước thầy ở chung".
Nghe lời, nàng phải chiều lòng,
Giã sư, giã cảnh, đều cùng bước ra.
Một nhà về đến, quan nha,
Đoàn viên vội mở tiệc hoa vui vầy.
Tàng tàng, chén cúc dở say,
Đứng lên, Vân mới giải bày một hai.
Rằng: "Trong tác hợp cơ trời,
Hai bên gặp gỡ, một lời kết giao.
Gặp cơn bình địa ba đào,
Vậy đem duyên chị buộc vào cho em.
Cũng là phận cải duyên kim,
Cũng là máu chảy ruột mềm chớ sao?
Những là rày ước mai ao,
Mười lăm năm ấy, biết bao nhiêu tình!
Bây giờ, gương vỡ lại lành,
Khuôn thiêng lừa lọc đã dành có nơi.
Còn duyên may lại còn người,
Còn vừng trăng bạc, còn lời nguyền xưa.
Quả mai ba bảy đương vừa,
Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì".
Dứt lời, nàng vội gạt đi:
"Sự muôn năm cũ, kể chi bây giờ?
Một lời tuy có ước xưa,
Xét mình dãi gió dầu mưa đã nhiều.
Nói càng hổ thẹn trăm chiều,
Thà cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi".
Chàng rằng: "Nói cũng lạ đời,
Dẫu lòng kia vậy, còn lời ấy sao?
Một lời đã trót thâm giao.
Dưới dày có đất, trên cao có trời.
Dẫu rằng vật đổi sao dời,
Tử sinh, cũng giữ lấy lời tử sinh.

http://tieulun.hopto.org

Duyên kia có phụ chi tình,
Mà toan chia gánh chung tình làm hai?"
Nàng rằng: "Gia thất duyên hài.
Chút lòng ân ái, ai ai cũng lòng.
Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,
Hoa thơm phong nhị, trăng vòng tròn gương.
Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,
Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa.
Thiếp từ ngộ biến đến giờ,
Ong qua bướm lại, đã thừa xấu xa.
Bấy chầy gió táp mưa sa,
Mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn.
Còn chi là cái hồng nhan,
Đã xong thân thế, còn toan nỗi nào?
Nghĩ mình chẳng hổ mình sao?
Dám đem trần cấu dự vào bố kinh!
Đã hay, chàng nặng vì tình,
Trông hoa đèn, chẳng thẹn mình lắm ru!
Từ rày, khép cửa phòng thu,
Chẳng tu thì cũng như tu mới là,
Chàng dù nghĩ đến tình xa,
Đem tình cầm sắt, đổi ra cầm cờ.
Nói chi kết tóc xe tơ,
Đã buồn cả ruột, lại dơ cả đời".
Chàng rằng: "Khéo nói nên lời,
Mà trong lẽ phải, có người có ta.
Xưa nay trong đạo đàn bà,
Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường.
Có khi biến, có khi thường,
Có quyền nào phải một đường chấp kinh.
Như nàng lấy hiếu làm trinh,
Bụi nào cho đục được mình ấy vay?
Trời còn để có hôm nay,
Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời.
Hoa tàn mà lại thêm tươi,
Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.
Có điều chi nữa mà ngờ,
Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu!"

http://tieulun.hopto.org

Nghe chàng nói đã hết điều,
Hai thân thì cũng quyết theo một bài.
Hết lời, khôn lẽ chối lời,
Cúi đầu, nàng những ngắn dài thở than.
Nhà vừa mở tiệc đoàn viên,
Hoa soi ngọn đuốc, hồng chen bức là.
Cùng nhau giao bái một nhà,
Lễ đà đủ lễ, đôi đà đủ đôi.
Động phòng, dìu dặt chén mồi,
Bâng khuâng duyên mới, ngậm ngùi tình xưa.
Những từ sen ngó đào tơ,
Mười lăm năm mới bây giờ là đây.
Tình duyên ấy, hợp tan này,
Bi hoan mấy nỗi, đêm chầy trăng cao.
Canh khuya, bức gấm rủ thao,
Dưới đèn tỏ rạng, má đào thêm xuân.
Tình nhân lại gặp tình nhân,
Hoa xưa ong cũ, mấy phân chung tình.
Nàng rằng: "Phận thiếp đã đành,
Có làm chi nữa cái mình bỏ đi!
Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,
Chiều lòng gọi có xướng tùy mảy may.
Riêng lòng đã thẹn lắm thay,
Cũng đà mặt dạn mày dày khó coi!
Những như âu yếm vành ngoài,
Còn toan mở mặt với người cho qua.
Lại như những thói người ta,
Vớt hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa.
Cũng là giở duốc bày trò,
Còn tình đâu nữa, là thù đấy thôi!
Người yêu, ta xấu với người,
Yêu nhau, thì lại bằng mười phụ nhau!
Cửa nhà dù tính về sau,
Thì còn em đó, lọ cầu chi đây.
Chữ trinh còn một chút này,
Chẳng cầm cho vững, lại giày cho tan!
Còn nhiều ân ái chan chan,
Hay gì vầy cánh hoa tàn mà chơi?"

http://tieulun.hopto.org

Chàng rằng: "Gắn bó một lời,
Bỗng không cá nước chim trời lỡ nhau.
Xót người lưu lạc bấy lâu,
Tưởng thề thốt nặng, cũng đau đớn nhiều.
Thương nhau sinh tử đã liều.
Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình.
Chừng xuân tơ liễu còn xanh,
Nghĩ sao cho thoát khỏi vành ái ân.
Gương trong chẳng chút bụi trần,
Một lời quyết hẳn muôn phần kính thêm.
Bấy lâu đáy bể mò kim,
Là nhiều vàng đá, phải tìm trăng hoa?
Ai ngờ lại họp một nhà,
Lọ là chăn gối mới ra sắt cầm!"
Nghe lời, sửa áo cài trâm,
Khấu đầu, lạy tạ cao thâm nghìn trùng:
"Thân tàn, gạn đục khơi trong,
Là nhờ quân tử khác lòng người ta.
Mấy lời tâm phúc ruột rà,
Tương tri dường ấy mới là tương tri.
Chở che đùm bọc thiếu gì?
Trăm năm danh tiết cũng vì đêm nay".
Thoắt thôi, tay lại cầm tay,
Càng yêu vì nết, càng say vì tình.
Thêm nến giá, nối hương bình,
Cùng nhau lại chuốc chén quỳnh giao hoan.
Tình xưa lai láng khôn hàn,
Thong dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.
Nàng rằng: "Vì mấy đường tơ,
Lầm người cho đến bây giờ mới thôi,
Ăn năn thì sự đã rồi.
Nể lòng người cũ, vâng lời một phen."
Phím đàn dè dặt tay tiên,
Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa.
Khúc đâu đầm ấm dương hòa,
Ấy là hồ điệp, hay là Trang sinh?
Khúc đâu êm ái xuân tình,
Ấy hồn Thục Đế, hay mình đỗ quyên?

http://tieulun.hopto.org

Trong sao, châu rỏ dành quyên!
Ấm sao, hạt ngọc Lam Điền mới đông!
Lọt tai, nghe suốt năm cung,
Tiếng nào là chẳng não nùng, xôn xao.
Chàng rằng: "Phổ ấy tay nào?
Xưa sao sầu thảm, nay sao vui vầy?
Tẻ vui bởi tại lòng này,
Hay là khổ tận đến ngày cam lai?"
Nàng rằng: "Vì chút nghề chơi,
Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu.
Một phen tri kỷ cùng nhau,
Cuốn dây từ đấy về sau cũng chừa."
Chuyện trò chưa cạn tóc tơ,
Gà đà gáy sáng, trời vừa rạng đông,
Tình riêng nàng lại nói sòng,
Một nhà ai cũng lạ lùng khen lao,
Cho hay thục nữ chí cao,
Phải người sớm mận tối đào như ai?
Hai tình vẹn vẻ hòa hai,
Chẳng trong chăn gối, cũng ngoài cầm thơ.
Khi chén rượu, khi cuộc cờ,
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.
Ba sinh đã phỉ mười nguyền,
Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy.
Nhớ lời, lập một am mây;
Khiến người thân tín rước thầy Giác Duyên.
Đến nơi, đóng cửa cài then,
Rêu trùm kẽ ngạch, cỏ len mái nhà.
Sư đà hái thuốc phương xa,
Mây bay hạc lánh, biết là tìm đâu?
Nặng vì chút nghĩa bấy lâu,
Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai.
Một nhà phúc lộc gồm hai,
Nghìn năm dằng dặc quan giai lần lần.
Thừa gia chẳng hết nàng Vân,
Một cây cù mộc, một sân quế hòe.
Phong lưu phú quý ai bì;
Vườn xuân một cửa để bia muôn đời.

http://tieulun.hopto.org

Ngẫm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bắt phong trần, phải phong trần,
Cho thanh cao, mới được phần thanh cao.
Có đâu thiên vị người nào,
Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai.
Có tài mà cậy chi tài,
Chữ tài liền với chữ tai một vần.
Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.
Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.
Lời quê chắp nhặt dông dài,
Mua vui cũng được một vài trống canh.

http://tieulun.hopto.org

TRUYỆN KIỀU

DO NGUYỄN QUẢNG TUÂN KHẢO ĐÍNH VÀ CHÚ GIẢI

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

TRUYỆN KIỀU

Trăm năm [1] trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu [2],
Những điều trong thấy *mà* đau đớn lòng
Lạ gì bỉ sắc tư phong [3].
Trời xanh quen *thói* má hồng đánh ghen
Cảo thơm [4] lần *giở* trước đèn,
Phong tình *có* lục [5] còn truyền sử xanh [6].
Rằng: Năm Gia Tĩnh [7] triều Minh [8],

---

1. *Trăm năm:* thời gian một đời người ta ở trần thế. Cổ ngữ: *Nhân sinh bách tuế vi kỳ* = người ta sống lâu chừng trăm tuổi. Ở câu này chữ *trăm năm* có thể thay bằng chữ *xưa nay, đại phàm* vì chỉ ngụ ý nói bao quát mà thôi chứ không phải là hạn định một trăm năm như mấy chỗ khác trong truyện.

2. *Bể dâu:* do chữ *tang thương* dịch ra. Sách *Ấu học tầm nguyên* có câu: *"Thương hải tang điền, vị thế sự chi đa biến"* ý nói bể xanh biến thành ruộng dâu là chỉ việc đời nhiều biến đổi.

3. *Bỉ sắc tư phong:* điều kia kém thì điều này hơn, ý nói có tài thì kém mệnh, có nhan sắc thì bị tạo hóa ghét ghen.

4. *Cảo thơm:* pho sách hay.

5. *Phong tình có lục:* xem các bản Nôm đã viết là 固 thì câu này phải phiên âm là *Phong tình có lục còn truyền sử xanh* vì chữ Nôm có mượn chữ 固 cố (*cổ* trong bộ *vi*). Nếu là *cổ lục* thì chữ Hán đã có sẵn chữ 古 *cổ*, sao lại không dùng đến. *Phong tình có lục:* có cái bản truyện phong tình còn để lại trong sử sách.

Bản Quốc ngữ đầu tiên đã phiên "*cổ lục*" là bản *Kim Vân Kiều tân truyện* của Edmond Nordemann in năm 1897.

KHẢO DỊ : Phần *khảo dị* được in từ trang 1042 đến trang 1087. Trong phần *văn bản* các chữ có *khảo dị* đều được in nghiêng để tiện việc tra cứu.

6. *Sử xanh:* ngày xưa chưa có giấy, người ta phải chép sử vào những thẻ tre xanh nên mới gọi như vậy.

7. *Gia Tĩnh:* niên hiệu vua Thế Tông nhà Minh (1522 - 1566).

8. *Triều Minh:* là một triều đại phong kiến của Trung Quốc, từ năm 1368 đến năm 1644.

http://tieulun.hopto.org

Bốn phương phẳng lặng, hai kinh [1] vững vàng
Có nhà Viên ngoại [2] họ Vương,
Gia tư [3] *nghĩ* [4] cũng thường thường bậc trung.
Một trai, con thứ rốt lòng,
Vương Quan là chữ nối dòng Nho gia [5].
Đầu lòng hai ả tố nga [6],
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
Mai cốt cách [7], tuyết tinh thần [8],
Một người *một vẻ*, mười phân vẹn mười.
Vân xem trang trọng [9] khác vời,
Khuôn *trăng* đầy đặn [10], nét ngài nở nang. [11]
Hoa cười ngọc *thốt* đoan trang,
Mây thua nước tóc [12], tuyết nhường màu da [13]
Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn.

---

1. *Hai kinh:* tức Bắc Kinh và Nam Kinh.

2. *Viên ngoại:* chức quan ngoại ngạch để những người giàu có được bỏ tiền ra mua cho thêm danh giá.

3. *Gia tư:* của cải trong nhà, cũng như *gia sản*.

4. *Nghĩ:* cho là, ước chừng. Bản KOM viết là 俙 *(nghỉ)* nên về sau bản BK.TTK và bản TĐ mới phiên âm là *nghỉ* và chú thích là hắn, va, nó... Theo chúng tôi nghĩ chữ *nghỉ* có ngụ ý khinh rẻ nên không thích hợp ở đây để chỉ Viên ngoại.

5. *Nho gia:* nhà theo Nho học.

6. *Tố nga:* người con gái đẹp ví với Hằng Nga ở trên cung trăng (*tố:* trắng, *nga:* người con gái đẹp).

7. *Mai cốt cách:* ý nói về dáng vóc con người thanh tú như cành mai. *Cốt cách:* bộ xương, kiểu dáng con người.

8. *Tuyết tinh thần:* ý nói tinh thần trong trắng như tuyết.

9. *Trang trọng:* có vẻ nghiêm trang đứng đắn.

10. *Khuôn trăng đầy đặn:* ý nói khuôn mặt đầy đặn, tròn trĩnh như mặt trăng, cốt tả cái vẻ đẹp phúc hậu của Thúy Vân.

11. *Nét ngài nở nang:* ý nói lông mày hơi đậm, cốt tả cái vẻ đẹp tự nhiên của Thúy Vân.

Cả câu dựa theo lời trong Tướng thư: *Diện thư mãn nguyệt, mi như ngọa tàm* = mặt như vầng trăng tròn, lông mày như con tằm nằm ngang, chỉ cái tướng phúc hậu.

12. *Mây thua nước tóc:* mây thua cái vẻ óng mượt của làn tóc mềm mại. *Nước* là cái ánh, cái vẻ óng mượt.

13. *Tuyết nhường màu da:* tuyết đã trắng mà cũng phải chịu kém màu trắng của làn da mịn màng như ngọc, như ngà.

http://tieulun.hopto.org

Làn thu thủy, *nét* xuân sơn [1],
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
Một *hai* [2] nghiêng nước nghiêng thành [3],
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.
Thông minh vốn sẵn *tư* trời [4],
Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.
Cung thương [5] lầu bậc [6] ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt Hồ cầm [7] một trương [8].
Khúc nhà [9], tay lựa nên *chương* [10],
Một *thiên* Bạc mệnh [11] lại càng não nhân [12].
Phong lưu rất mực hồng quần [13],

---

1. *Làn thu thủy, nét xuân sơn:* ý nói mắt trong như nước mùa thu, lông mày phơn phớt xanh như núi mùa xuân.

2. *Một hai:* đây là dịch mấy chữ *nhất cố, tái cố* trong điển trên.

3. *Nghiêng nước nghiêng thành:* ý nói đến cái đẹp làm cho người ta phải say mê mà mất cả thành mất cả nước. Ý ấy mượn trong bài ca của Lý Diên Niên: *"Bắc phương hữu giai nhân, tuyệt thế nhi độc lập, nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc.."* = Phương Bắc có người con gái đẹp, đẹp nhất đời mà còn ở một mình. Người đẹp ấy chỉ ngoảnh lại một lần là nghiêng cả thành, ngoảnh lại lần nữa là nghiêng mất cả nước...

4. *Tư trời:* do trời ban cho, trời phú cho.

5. *Cung thương:* hai âm đứng đầu trong *ngũ âm* tức: cung, thương, giốc, chủy, vũ.

6. *Lầu bậc:* thuộc lòng các cung bậc.

7. *Hồ cầm*: một loại đàn tỳ bà, nguyên ở nước Hồ làm ra nên mới gọi là *Hồ cầm*. Sách *Văn hiến thông khảo* viết: "Đàn tỳ bà trỗ ngô đổng ra mà làm, bụng như rùa, cổ như phụng". *Tục Văn hiến thông khảo* cũng nói: "Đờn tỳ bà đời nhà Nguyên làm bằng gỗ, đầu cong, cổ dài, bến trục, giữa cổ có phím, mặt rộng, bốn dây".

8. *Một trương:* các bản Nôm đều viết 沒張 *một trương* nhưng có bản viết tắt chữ *một là* 爻 (như bản *Kim Vân Kiều tân truyện* - Duy Minh thị, *Kim Vân Kiều hợp tập* - Khải Định cửu niên) nên có người đọc lầm là *Ngải Trương*. Ở quyển *Kim Vân Kiều hợp tập* tất cả các chữ *một* đều được viết giản thể, không có chấm *thủy* ở bên. Chữ 爻 *(một)* thực ra khác hẳn với chữ 艾 (*ngải*) có bộ *thảo ở trên*. Chữ *trương* có nghĩa là cây đàn. Sách có câu: *"Cầm nhất tương, kỳ nhất cuộc* = cầm một cây, cờ một bàn. *Cả câu* 32 ý nói cô Kiều có tài riêng về cây đàn Hồ cầm, ăn đứt được tất cả mọi người, không ai sánh kịp.

9. *Khúc nhà:* khúc đàn do Thúy Kiều soạn ra.

10. *Chương:* chương khúc, bài nhạc.

11. *Thiên Bạc mệnh:* tên bài đàn, bài nhạc do Thúy Kiều soạn ra nhan đề là *Oán bạc mệnh.*

12. *Não nhân:* làm cho người nghe phải sầu não trong lòng.

13. *Hồng quần:* cái quần màu hồng người phụ nữ Trung Quốc xưa thường mặc; đây dùng để chỉ tư cách cao quý của người phụ nữ.

http://tieulun.hopto.org

Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê [1],
Êm *đềm* trướng rủ màn che,
Tường Đông [2] ong bướm [3] đi về mặc ai.
Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang [4] chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
Thanh minh [5] trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ [6], *hội* là đạp thanh [7].
Gần xa nô nức yến anh [8],
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Dập dìu tài tử giai nhân [9],
Ngựa xe như nước, áo quần như *nêm* [10].
Ngổn ngang, gò đống kéo lên,
Thoi vàng *vó* [11] rắc, tro tiền giấy bay.
Tà tà bóng ngả về Tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.

---

1. *Cập kê:* cài trâm. Theo tục lệ cổ Trung Quốc, con gái đến 15 tuổi bắt đầu cài trâm tức là đã đến tuổi lấy chồng.

2. *Tường Đông:* tường nhà ở phía Đông, chỉ nhà bên hàng xóm.

3. *Ong bướm:* ý nói đến những chàng trai tìm cách ve vãn con gái.

4. *Thiều quang:* ánh sáng tốt đẹp tức nắng xuân đẹp đẽ. *Cả câu ý nói trong chín chục ngày xuân đẹp đẽ hơn sáu chục ngày qua đi rồi.*

5. *Thanh minh:* theo âm lịch một năm chia làm 24 tiết, tiết Thanh minh là tiết nhằm vào khoảng đầu tháng ba âm lịch (thường thuộc vào đầu tháng tư dương lịch).

6. *Tảo mộ:* (*tảo:* quét, *mộ:* mồ mả) quét dọn sửa sang lại các phần mộ cho sạch sẽ.

7. *Đạp thanh:* giẫm lên cỏ xanh. Người ta đi tảo mộ ở ngoài đồng đông như hội nên gọi là *hội đạp thanh.*

8. *Yến anh:* hai loài chim thường bay thành đàn về mùa xuân, đây ý nói người đi chơi xuân đông đúc từng đoàn, từng lũ.

9. *Tài tử giai nhân:* trai tài gái sắc.

10. *Áo quần như nêm: nêm* đây là những mảnh gỗ mỏng đóng trên hai mặt thớt cối xay lúa khít nhau như những hàm răng. Chữ Hán có câu: *"Xa mã như thủy, y thường như xí"*, ngựa xe đi lại như nước chảy, áo quần chật khít nhau như những hàm răng ở trên mặt cối. *Cả câu 48* ý nói ngựa xe qua lại liên tiếp như nước chảy, khách du xuân áo quần đẹp đẽ chen khít nhau như những mảnh nêm ở trên mặt thớt cối xay. Câu này đặt theo lối tiểu đối: *thủy* (danh từ) đối với *nêm* (danh từ).

11. *Vàng vó:* đồ mã làm giả những thoi vàng hình khối chữ nhật dùng để rắc lúc đưa ma hay để cúng lúc đi tảo mộ.

http://tieulun.hopto.org

Bước *dần* theo ngọn tiểu khê [1],
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh [2]
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp [3] cầu nho nhỏ cuối ghềnh [4] bắc ngang.
Sè sè [5], *nấm* đất [6] bên đàng,
Dàu dàu, ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
Rằng: "Sao trong tiết thanh minh,
Mà đây hương khói vắng *tanh* thế mà?"
Vương Quan mới dẫn gần xa:
"Đạm Tiên nàng ấy, *xưa* là ca nhi [7].
Nổi danh tài sắc một thì,
Xôn xao ngoài cửa hiếm gì yến anh, [8]
Kiếp hồng nhan [9] có mong manh,
Nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên hương [10]!
Có người khách ở viễn phương [11],
Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.
Thuyền tình [12] vừa ghé *tới* nơi,
Thì đà trâm gãy bình rơi [13] bao giờ.

---

1. *Tiểu khê:* dòng nước nhỏ, ngòi nước nhỏ.

2. *Thanh thanh:* có vẻ xinh xắn.

3. *Dịp:* cũng viết là *nhịp*. Trong thơ ca thường nói *dịp*.

4. *Ghềnh:* chỗ ngòi nước bị thu hẹp lại, hơi nông, có đá lởm chởm chắn ngang làm dòng nước dồn lại và chảy xiết.

5. *Sè sè:* ý nói thấp gần sát mặt đất.

6. *Nấm đất:* đây chỉ nấm mộ nhỏ.

7. *Ca nhi*: người con gái làm nghề ca hát ở các thanh lâu ngày xưa.

8. *Yến anh:* đây chỉ khách làng chơi tìm đến với Đạm Tiên đông như chim anh, chim yến.

9. *Hồng nhan:* má hồng, chỉ người đàn bà con gái đẹp.

10. *Cành thiên hương:* chỉ người con gái đẹp. *Thiên hương* là hương trời. *Cả câu 66:* ý nói người con gái đẹp đang độ tuổi thanh xuân mà đột nhiên nửa chừng bị chết.

11. *Viễn phương:* phương xa.

12. *Thuyền tình:* thuyền chở người khách có tình với Đạm Tiên đến. Kiều Oánh Mậu chú: *Tình sử: Thuyền dĩ tình quí* = con thuyền lấy tình làm quý.

13. *Trâm gãy bình rơi:* cái trâm cài đầu bị gãy, cái bình hoa bị rơi vỡ, ý nói đến người đàn bà con gái đẹp bị chết. Thơ Bạch Cư Dị có câu: *"Bình trầm trâm chiết tri nại hà, tự thiếp kim triêu dữ quân biệt"* = bình chìm trâm gãy biết làm sao được, cũng như sáng hôm nay thiếp cùng chàng từ biệt.

http://tieulun.hopto.org

Buồng không *lạnh ngắt* như tờ [1],
Dấu xe ngựa [2] đã rêu lờ mờ xanh [3].
Khóc than khôn xiết sự tình,
Khéo vô duyên [4] *bấy* là mình với ta.
Đã *không* duyên trước chăng mà,
Thì chi chút ước [5] gọi là duyên sau.
Sắm sanh nếp tử [6] xe châu [7],
Vùi nông [8] một nấm, mặc dầu cỏ hoa.
Trải bao thỏ lặn ác tà [9],
Ấy mồ vô chủ [10], ai mà viếng thăm?"
Lòng đâu sẵn *mối* thương tâm,
Thoắt nghe, Kiều đã đầm đầm châu sa [11]:
"Đau đớn thay, phận đàn bà!
Lời rằng *bạc mệnh* cũng là lời chung.

---

1. *Như tờ:* như tờ giấy, thứ giấy bản ngày xưa. Ta thường nói *êm như tờ* vì hai tờ giấy bản chạm vào nhau vẫn êm, không gây ra tiếng động nào.

Lạnh ngắt như tờ: lạnh lẽo và im không có một tiếng động nào.

2. *Dấu xe ngựa:* dấu vết bánh xe ngựa của khách làng chơi tìm đến với Đạm Tiên.

3. *Đã rêu lờ mờ xanh:* ý nói đã lâu rồi, rêu đã mọc che gần kín các vết xe ngựa.

4. *Vô duyên:* không có nhân duyên với nhau nên không được gặp nhau.

5. *Chút ước:* một chút ước hẹn để dành về kiếp sau.

6. *Nếp tử:* cái áo quan bằng gỗ tử.

7. *Xe châu:* xe chở linh cữu có kết rèm ngọc châu. Theo đoạn này thì Nguyễn Du đã để Đạm Tiên chết được một thời gian *(dấu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh)* rồi người khách phương xa mới đến. Trong *nguyên truyện* thì: *"Khi Đạm Tiên chết gặp phải mụ chủ tệ bạc, toan đem vứt xác nàng ra bờ ngòi. May sao lúc ấy có một khách ở viễn phương vì mộ tiếng sắc tài của nàng nên mới tìm đến".* Tưởng như vậy hợp lý hơn vì không làm gì có chuyện để quàn một chỗ chưa chôn ngay.

8. *Vùi nông:* chôn sơ sài, không có xây đắp mộ gì cả. Điều này cũng đúng với đoạn trên đã tả: *"sè sè nấm đất bên đàng".* Bản BK-TTK cũng chép là *vùi nông.* Tản Đà theo bản KOM chép là *bụi hồng* và đã chú thích rằng: *"Hai chữ* bụi hồng *đây chỉ là lời văn lịch sự, nói cái mả chôn ở bên đường. Có nhiều bản để là* vùi nông *thời làm mất cả vẻ hay mà lại thành ra cái tình của người khách không có trung hậu. Như sự sai lầm đó rất có hại đến văn lý".*

Thực ra thì theo mạch văn ở đây phải dùng hai chữ *vùi nông* mới chuyển tiếp được với việc *sắm sanh* ở câu trên. Hơn nữa người khách viễn phương chưa quen biết gì Đạm Tiên mà lo cho chôn cất như vậy đã là quá tốt rồi.

9. *Thỏ lặn ác tà: thỏ* là chỉ mặt trăng, *ác* là chỉ mặt trời; ý nói đã bao ngày trôi qua rồi.

10. *Vô chủ:* không có ai nhận, không có ai đến thăm viếng, quét dọn sửa sang lại.

11. *Châu sa:* giọt nước mắt chảy xuống. Cổ văn: *Sái giao nhân chi châu lệ* = người giao nhân khóc nước mắt sa xuống thành hạt châu.

http://tieulun.hopto.org

Phũ phàng chi *mấy* hóa công,
Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha.
Sống làm vợ *khắp* người ta,
Khéo thay thác xuống *làm ma không chồng*.
Nào người phượng chạ loan chung [1],
Nào người tiếc lục tham hồng là ai [2]?
Đã không kẻ đoái người hoài,
Sẵn đây ta *kiếm* [3] một vài *nén* hương.
Gọi là gặp gỡ giữa đường,
Họa là người dưới suối vàng [4] biết cho".
Lầm rầm khấn *khứa* nhỏ to,
Sụp ngồi vài *gật* [5] trước mồ bước ra.
Một vùng cỏ áy [6] bóng tà,
Gió hiu hiu thổi một và bông lau.
Rút trâm sẵn giắt mái đầu,
Vạch da cây vịnh *bốn* câu *ba* vần [7].
Lại càng mê mẩn tâm thần [8],
Lại càng đứng *lặng* tần ngần chẳng ra.
Lại càng ủ dột nét hoa [9],
Sầu tuôn *đứt nối*, châu sa vắn dài.

---

1. *Phượng chạ loan chung:* chỉ những người khách làng chơi đã từng ăn nằm với Đạm Tiên. Cái cảnh *phượng loan chung chạ* là nói đến sự ái ân giao tình bừa bãi.

2. *Tiếc lục tham hồng:* tiếc màu xanh, tham màu đỏ; chỉ những người khách làng chơi đã ham mê sắc đẹp của Đạm Tiên.

3. *Kiếm:* BK-TTK đã giảng: "*Kiếm là để đem dâng, đem lễ, chứ không phải là tìm kiếm*" Các bản Nôm đều viết 劍 (kiếm) nhưng không thể hiện như BK-TTK được. Kiếm chỉ có nghĩa là tìm kiếm. Sở dĩ ba chị em Thúy Kiều phải tìm kiếm một vài nén hương mà các người đi tảo mộ còn để lại vì lúc ra về ba chị em chỉ đi tay không: "*Chị em thơ thẩn dan tay ra về*", không cầm gì cả, chính sự tìm kiếm ấy đã cho ta thấy được lòng thương xót của Thúy Kiều đối với Đạm Tiên thật sâu sắc, thật chân tình.

4. *Suối vàng:* do chữ *hoàng tuyền* là cái suối ở dưới đất mà theo ngũ hành, đất thuộc màu vàng nên gọi là *suối vàng*.

5. *Vài gật:* tức là cúi đầu vái mấy cái. Nguyên truyện viết: *Đảo thân tứ bái* = nghiêng mình vái bốn cái.

6. *Cỏ áy:* cỏ vàng úa.

7. *Bốn câu ba vần:* tức là bài thơ *tứ tuyệt*.

8. *Tâm thần:* tâm trí, tinh thần, nói chung về tinh thần ý tưởng.

9. *Nét hoa:* nét mặt đẹp của người con gái. *Ủ dột nét hoa* là nói nét mặt buồn rầu.

http://tieulun.hopto.org

Vân rằng: "Chị cũng nực cười,
Khéo dư nước mắt khóc người *đời xưa* [1].
Rằng: "Hồng nhan tự *thuở* xưa,
Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu?
Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
Thấy người nằm đó biết sau thế nào?"
Quan rằng: "Chị nói hay sao,
Một *lời* là một vận vào [2] khó nghe.
Ở đây âm khí [3] nặng nề,
Bóng chiều đã ngả, dặm về còn xa".
Kiều rằng: "Những đấng tài hoa,
Thác là thể phách [4] còn là tinh anh [5].
Dễ *hay* tình lại gặp tình,
Chờ xem ắt thấy hiển linh [6] bây giờ."
Một lời nói chửa kịp thưa,
Phút đâu trận gió cuốn cờ [7] đến ngay.
Ào ào *đổ* lộc *rung* cây,
Ở trong dường có hương bay ít nhiều.
Đè chừng ngọn gió lần theo,
Dấu giầy *từng* bước *in rêu* rành rành.
Mặt nhìn ai nấy đều kinh,
Nàng rằng: "Này thực tinh thành [8] chẳng xa.
Hữu tình ta lại *gặp* ta,
Chớ nề u hiển [9] mới là chị em".
Đã lòng hiển hiện cho xem,

---

1. *Người đời xưa:* do chữ *cổ nhân*, chỉ người đã chết.

2. *Vận vào:* buộc vào mình.

3. *Âm khí:* âm khí, đây nói về cái khí ẩm đạm lạnh lẽo ở bãi tha ma.

4. *Thể phách:* xác và vía; *xác* là hữu hình, *phách* là thuộc về vô hình, chỉ dựa vào thể xác mà tồn tại. Chữ *thể phách* ở đây chỉ chung thể xác con người.

5. *Tinh anh:* tức là phần linh hồn. *Nguyên truyện: Tử giả thể phách, bất tử giả tinh thần* = người ta chết là mất đi cái thể xác chứ cái tinh thần thì không bao giờ mất đi được.

6. *Hiển linh:* hiện rõ ra sự linh thiêng.

7. *Trận gió cuốn cờ:* tức là trận gió mạnh có thể cuốn lá cờ lại.

8. *Tinh thành:* lòng rất chân thành, hoàn toàn thuần khiết.

9. *U hiển:* tối và sáng rõ; ý nói đến người chết ở dưới âm ty và kẻ sống ở trên dương gian.

Chớ nề u hiển: không có phân biệt gì kẻ sống với người chết.

http://tieulun.hopto.org

Tạ lòng nàng lại nối thêm vài lời.
Lòng thơ lai láng bồi hồi,
Gốc cây lại vạch một bài cổ thi [1].
Dùng dằng nửa ở nửa về,
Nhạc vàng [2] đâu đã tiếng nghe gần gần.
Trông chừng thấy một văn nhân,
Lỏng buông tay khấu bước lần dặm băng [3].
Đề huề [4] lưng túi gió trăng [5],
Sau chân theo một vài thằng con con.
Tuyết in sắc ngựa câu [6] *giòn* [7].
Cỏ pha *màu áo* nhuộm non da trời.
Nẻo xa mới tỏ mặt người,
Khách đà xuống ngựa tới nơi tự tình [8].
Hài văn [9] lần bước dặm xanh [10],
Một vùng như thể cây quỳnh, cành dao [11].
Chàng Vương quen mặt ra chào,

---

1. *Cổ thi:* bài thơ cổ, bài thơ làm theo *cổ thể* hoặc *cổ phong* chưa có niêm luật chặt chẽ.

2. *Nhạc vàng:* tức là nhạc ngựa bằng đồng vì sắc đồng màu vàng nên gọi là *nhạc vàng* cho đẹp lời.

Tay khấu: tay cầm cương ngựa. *Khấu:* dây cương ngựa. *Lỏng buông tay khấu*: thả chùng dây cương cho ngựa đi thong thả trở lại.

3. *Dặm băng:* chữ băng 冰 có bộ băng 冫 có nghĩa là nước giá lạnh đông cứng lại khác với chữ 跙 *băng* viết có bộ 足 *túc* là đi ngang, vượt lên. Vì mặt nước đóng băng rất bằng phẳng nên *dặm băng* có nghĩa là dặm đường bằng phẳng. *Dặm băng* được đặt đối với *tay khấu* nên chữ *băng* không thể là động từ được.

4. *Đề huề:* mang dắt.

5. *Lưng túi gió trăng:* do các chữ *bán nang phong nguyệt* (nửa túi gió trăng). Các nhà thơ xưa thường hay lấy gió trăng làm đề tài ngâm vịnh nên mới gọi túi thơ là *túi gió trăng.*

6. *Ngựa câu:* ngựa non.

7. *Giòn:* chữ 存 *giòn* ở các bản Kiều Nôm thường viết có khung 疒 "bệnh" bằng chữ 存 tồn. Chữ *giòn* (dòn) có thể hiểu nghĩa là đẹp.

8. *Tự tình:* bày tỏ nỗi lòng của mình.

9. *Hài văn:* thứ giày thêu mà các Nho sinh ngày xưa thường dùng.

10. *Dặm xanh:* dặm cỏ xanh, đối chiếu lên *dặm băng* thì hai chữ "*xanh*" và "*băng*" đều là tính từ. Dặm cỏ xanh bằng phẳng gọi là *dặm băng.*

11. *Cây quỳnh, cành dao:* hai thứ cây cảnh đẹp. KOM chú: *Vương Diễn thần thái như quỳnh lâm dao thụ phong trần ngoại vật* = Phong cách tinh thần Vương Diễn đẹp như rừng quỳnh cây dao, thực là một bậc ngoài cõi phong trần vậy (Thế thuyết).

http://tieulun.hopto.org

Hai *kiều* [1] *e lệ* nép vào dưới hoa.
Nguyên người quanh quất đâu xa [2],
Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh [3].
Nền phú hậu [4], bậc tài danh [5],
Văn chương nết đất, thông minh tính trời.
Phong tư [6] tài mạo [7] tót vời,
Vào trong phong nhã [8], ra ngoài hào hoa [9].
Chung quanh vẫn đất nước nhà,
Với Vương Quan trước vốn là đồng thân.
Vẩn nghe thơm nức hương lân [10],
Một nền Đồng Tước [11] khóa xuân hai Kiều [12].
Nước non cách mấy buồng thêu [13],
Những là trộm dấu thầm yêu chốc mòng [14].
May thay giải cấu tương phùng [15],
Gặp tuần đố lá [16], thỏa lòng tìm hoa.
Bóng hồng [17] nhác thấy nẻo xa,

---

1. *Hai kiều:* (*kiều* 嬌 là người con gái xinh đẹp) chỉ hai chị em Thúy Kiều và Thúy Vân.

2. *Đâu xa:* ý nói không có đâu xa.

3. *Trâm anh:* (*trâm*: cái trâm để cài tóc; *anh:* cái dải mũ).
Nhà trâm anh: nhà quyền quí dòng dõi làm quan.

4. *Phú hậu:* giàu có và phúc hậu.

5. *Tài danh:* người có tài và nổi tiếng.

6. *Phong tư:* hình dáng người có vẻ nho nhã, rất có tư cách.

7. *Tài mạo:* vẻ mặt thông minh, có tài năng.

8. *Phong nhã:* phong lưu tao nhã, ý nói người có dáng dấp một nhà Nho tài giỏi thơ văn.

9. *Hào hoa:* nói người ăn chơi hào phóng lịch sự.

10. *Hương lân:* chỗ hàng xóm láng giềng trong làng.

11. *Đồng Tước:* tên một cái đài. Đời Tam Quốc, Tào Tháo định nếu đánh thắng Đông Ngô sẽ bắt hai chị em Đại Kiều và Tiểu Kiều về giữ kín ở đài Đồng Tước.

12. *Hai Kiều:* hai chị em Đại Kiều và Tiểu Kiểu. Chữ Kiều ở đây viết hoa vì là tên người 喬. Hai chữ 喬 và 嬌 (*kiều* = người con gái đẹp) cùng đồng âm nên có một ý nghĩa rất đặc biệt.

13. *Buồng thêu:* buồng của con gái ở.

14. *Chốc mòng:* lúc lúc lại tưởng nhớ, ý nói nhớ hoài không bao giờ quên, chốc chốc lại nhớ đến.

15. *Giải cấu tương phùng:* tình cờ không hẹn mà gặp.

16. *Đố lá:* hội đố lá tức là đố cỏ (*đấu thảo* hoặc *diệp hí*). Bên Trung Quốc, đời Đường có hội đấu hoa lá.

17. *Bóng hồng:* bóng người con gái, đây chỉ bóng của hai chị em cô Kiều.

http://tieulun.hopto.org

Xuân lan thu cúc [1] mặn mà cả hai.
Người quốc sắc [2], kẻ thiên tài [3],
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.
Chập chờn cơn tỉnh cơn mê,
Rốn ngồi [4] chẳng tiện, dứt về chỉn khôn [5].
Bóng tà như giục cơn buồn,
Khách đà *lên* ngựa người còn *ghé* theo [6].
Dưới *cầu* nước *chảy* trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều *thướt tha*.
Kiều từ trở gót trướng hoa [7],
Mặt trời gác núi, chiêng đà thu không [8].
Mảnh trăng chênh chếch dòm song,
Vàng gieo *ngấn* nước, cây lồng bóng sân.
Hải đường [9] *lả* ngọn đông lân [10],

---

1. *Xuân lan thu cúc:* hoa lan mùa xuân, hoa cúc mùa thu, mỗi đóa hoa có một vẻ đẹp riêng. Thúy Kiều và Thúy Vân cũng vậy, mỗi người có một vẻ đẹp riêng.

2. *Quốc sắc:* sắc đẹp nổi tiếng trong nước, vào bậc nhất trong nước. *Người quốc sắc:* đây chỉ Thúy Kiều.

3. *Thiên tài:* tài do trời phú cho, tài cao hơn hẳn mọi người.
Kẻ thiên tài: đây chỉ Kim Trọng.

4. *Rốn ngồi:* ngồi thêm, cố ngồi thêm. Thực ra ở ngoài cánh đồng, ghế đâu mà ngồi. Kim Trọng và Vương Quan đều đứng mà nói chuyện với nhau.

5. *Chỉn khôn:* (*chỉn:* chỉ e rằng, *khôn:* khó xong) chỉ e rằng khó xong, chỉ e rằng không tiện.

6. *Ghé theo:* nhìn với theo, liếc mắt nhìn theo. Chữ 睎 *ghé* (nhìn theo) viết có bộ *mục* khác với chữ *ghé* 蹊 (tạt vào) viết có bộ *túc*.

7. *Trướng hoa:* bức màn có thêu hoa, chỉ buồng phụ nữ ở.

8. *Thu không:* do chữ *sưu không*. *Sưu* là tìm tòi, *không* là trống không. *Sưu không* là đi xem xét, tìm tòi trong dinh trong đồn để soát lại có chỗ nào sơ khoáng chăng mà phòng kẻ gian. Sau quen gọi là *thu không* tức hiệu trống, hiệu chuông bãi công việc vào buổi chiều, lúc gần tối.

9. *Hải đường:* thứ cây có hoa đẹp thường được dùng để ví với người con gái có nhan sắc.

10. *Đông lân:* láng giềng phía Đông.

http://tieulun.hopto.org

Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà [1].
Một mình *lặng* ngắm bóng nga [2],
Rộn đường gần [3] với nỗi xa [4] bời bời:
"Người mà đến thế thì thôi,
Đời phồn hoa [5] cũng là đời bỏ đi!
Người đâu gặp gỡ làm chi,
Trăm năm biết có duyên gì hay không?"
Ngổn ngang trăm mối bên lòng,
Nên câu tuyệt diệu [6] ngụ trong tính tình.
Chênh chênh bóng nguyệt xế mành,
Tựa *nương* bên *triện* [7] một mình thiu thiu.
Thoắt đâu thấy một tiểu kiều [8],

---

1. *Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà:* câu này bản Kiều Oánh Mậu viết chữ 撩 (treo), bản Quan Văn Đường viết chữ 招 (gieo - treo) nên các bản Quốc ngữ có người phiên là:

Giọt sương gieo *nặng, cành xuân là đà.*

Có người phiên là:

Giọt sương treo *nặng, cành xuân la đà.*

Hồ Đắc Hàm lại phiên là:

Giọt sương tríu *nặng, cành xuân là đà.*

Tản Đà thấy chữ "*chíu*" thì lấy làm đắc ý và giải thích: "Chíu *nghĩa là treo bám vào đó mà làm cho ra nặng. Chữ này nguyên văn Nôm là các bản để là gieo, là* đeo, *đều là không sành nghĩa, duy trong bản của ông Hồ Đắc Hàm để là* chíu *thực tình đúng hơn.*

Tuy Tản Đà có ý kiến như vậy nhưng chúng tôi nhận thấy câu 176 nên phiên âm là:

Giọt sương gieo *nặng cành xuân la đà*

như đa số các bản chữ Quốc ngữ đã chép.

Nếu phiên âm là *gieo nặng* thì chúng ta có thể giảng là: *"Hơi sương đọng lại thành giọt nước treo nặng ở trên đầu mỗi ngọn lá* (làm cho ngọn lá *tríu* đầu xuống) *mà khi có ngọn gió thổi qua thì cành xuân la đà* (đưa đi đưa lại) *làm rung xuống từng loạt.*

2. *Bóng nga:* bóng trăng.

3. *Rộn đường gần:* óc bận rộn suy nghĩ về những việc mới xảy ra: gặp mả Đạm Tiên, gặp Kim Trọng.

4. *Nỗi xa:* nỗi suy nghĩ về tương lai của mối tình với Kim Trọng: *"Trăm năm biết có duyên gì hay không?"*

5. *Đời phồn hoa:* đời sống hoa lệ, xa xỉ.

6. *Tuyệt diệu:* nói câu thơ rất hay.

7. *Bên triện:* bên lan can tạc hình chữ triện.

8. *Tiểu kiều:* người con gái nhỏ nhắn xinh đẹp.

http://tieulun.hopto.org

Có chiều phong vận [1], có chiều thanh tân [2].
Sương in mặt [3], tuyết pha thân [4],
Sen vàng [5] *lãng* đãng [6] như gần như xa.
Rước mừng đón hỏi dò la:
"Đào nguyên [7] lạc lối đâu mà đến đây?"
Thưa rằng: "Thanh khí [8] xưa nay,
Mới cùng nhau lúc ban ngày, đã quên.
Hàn gia [9] ở *mé* [10] Tây thiên [11],
Dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu.
Mấy lòng hạ cố [12] đến nhau,
Mấy lời hạ tứ [13] ném châu gieo vàng [14].
Vâng trình hội chủ [15] xem tường,

---

1. *Phong vận:* dáng vẻ con nhà nề nếp, đoan trang.

2. *Thanh tân:* còn trong trắng.

3. *Sương in mặt:* trên mặt còn có sương in vết.

4. *Tuyết pha thân:* trên mình còn có tuyết vương dấu. *Cả câu* tả cái cảnh nàng tiểu kiều đã trải sương tuyết ban đêm từ xa đến.

5. *Sen vàng:* chỉ gót chân người đẹp, bước chân của người đẹp. Đông Hôn Hầu nước Tề rất yêu nàng quý phi họ Phan, đã cho đúc hoa sen bằng vàng lát xuống nền nhà để cho nàng đi lên rồi khen rằng: *"Bộ bộ sinh liên hoa"* (mỗi bước nở ra một bông hoa sen).

6. *Lãng đãng:* có vẻ chập chờn, lờ mờ, khi xa khi gần. *Câu này* cho ta thấy tiểu kiều đã hiện lên như một bóng ma chập chờn trước mắt Thúy Kiều.

7. *Đào nguyên:* nguồn đào, nơi tiên ở. Theo bài *Đào hoa nguyên ký* của Đào Tiềm thì có một người đánh cá đã lạc vào một rừng đào, nơi tiên ở nên về sau người ta dùng chữ *đào nguyên* để chỉ cảnh tiên.

8. *Thanh khí:* do câu *"Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu"* = vật gì cùng một thứ tiếng thì ứng hợp với nhau, vật gì cùng một khí loại thì tìm đến nhau. Cậu này ý nói xưa nay những người cùng một cảnh ngộ, cùng một tâm tình thì dễ thông cảm nhau.

9. *Hàn gia:* cũng như *tệ xá* được dùng để chỉ nhà mình, ý khiêm tốn cho rằng nhà mình cũng nghèo nàn. Đây ý nói đến ngôi mộ, nơi yên nghỉ của Đạm Tiên.

10. *Mé:* phía, bên.

11. *Tây thiên:* đượng bờ ruộng ở về phía Tây (nơi có mộ Đạm Tiên) (*thiên:* đường đi ở trong tha ma, đường bờ ruộng).

12. *Hạ cố:* trông xuống, đoái tới.

13. *Hạ tứ:* ban xuống. Người trên cho kẻ dưới gọi là *tứ*.

14. *Ném châu gieo vàng:* ý nói ban cho những lời thơ hay, quí như châu báu vàng ngọc.

15. *Hội chủ:* người chủ hội, đây chỉ người chủ hội đoạn trường.

http://tieulun.hopto.org

Mà *sao* trong sổ đoạn trường [1] có tên
Âu đành quả kiếp nhân duyên [2],
Cũng người một hội một thuyền [3], đâu xa.
Này mười bài mới mới ra,
Câu thần [4] lại mượn bút hoa vẽ vời".
Kiều vâng lĩnh ý đề bài,
Tay tiên [5] một *vẩy* đủ mười khúc ngâm.
Xem thơ nức *nở* khen thầm:
"Giá đành tú khẩu cẩm tâm [6] khác thường
Ví đem vào tập Đoạn trường,
Thì treo giải nhất chi nhường cho ai".
Thềm hoa khách đã trở hài [7],
Nàng còn cầm lại một hai tự tình.
Gió đâu *sịch* [8] bức mành mành
Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm bao.
Trông theo nào thấy đâu nào,
Hương thừa [9] dường hãy ra vào đâu đây.
Một mình lưỡng lự [10] canh chầy [11],
Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh.

---

1. *Đoạn trường:* đứt ruột, đau lòng đến đứt ruột.

Sổ đoạn trường: sổ chép tên những người có số đoạn trường, phải chịu nhiều sự đày đọa ở đời.

Trong *Truyện Kiều,* Nguyễn Du đã dùng tới 17 lần chữ *"đoạn trường"* ở các câu 200, 209, 231, 818, 869, 996, 1270, 1324, 1860, 1943, 2622, 2654, 2666, 2676, 2721, 2722, 3212.

2. *Quả kiếp nhân duyên:* quan niệm nhà Phật cho rằng cái quả của kiếp này là do cái nhân từ đời trước gây ra và cái nhân đời này là cái quả của kiếp sau sẽ hưởng thụ.

3. *Một hội một thuyền:* ý nói ở cùng trong một hoàn cảnh.

4. *Câu thần:* câu thơ cực hay.

5. *Tay tiên:* tay của người có tài làm thơ, ý nói tay của người con gái đẹp.

6. *Tú khẩu cẩm tâm:* (*tú:* thêu) miệng thêu lòng gấm, ý nói lời thơ đẹp. Người ta đã ca tụng thơ Lý Bạch là: *"Cẩm tâm tú khẩu Lý Thái Bạch chi văn chương"*.

7. *Trở hài:* quay gót hài đi trở ra.

8. *Sịch:* lay động mạnh.

9. *Hương thừa:* mùi hương thơm còn tỏa bay, chưa tan hết.

10. *Lưỡng lự:* lo nghĩ phân vân không biết quyết định ra sao.

11. *Canh chầy:* canh khuya.

http://tieulun.hopto.org

Hoa trôi bèo giạt [1] đã đành.
Biết duyên mình, biết phận mình, thế thôi.
Nỗi riêng lớp lớp sóng *dồi* [2],
Nghĩ đòi cơn lại sụt sùi đòi cơn [3].
Giọng *Kiều* [4] rền rĩ trướng loan,
Nhà huyên [5] chợt tỉnh, hỏi cơn cớ gì?
"Cớ sao trằn trọc canh khuya,
Màu hoa lê [6] hãy *đầm đìa* giọt mưa?"
Thưa rằng: "Chút phận ngây thơ,
Dưỡng sinh [7] đôi nợ tóc tơ [8] chưa đền.
Buổi ngày chơi mả Đạm Tiên,
Nhắp [9] đi, *thoắt* thấy ứng liền chiêm bao.
Đoạn trường là số thế nào,
Bài ra thế ấy, vịnh vào thế kia.
Cứ trong mộng triệu [10] mà suy,
Phận con thôi có ra gì mai sau!"

---

1. *Hoa trôi bèo giạt:* hoa rụng xuống nước bị cuốn trôi đi, bèo bị sóng đánh mà giạt trở lại. Ý nói là nàng Kiều tự nghĩ duyên phận mình sau này cũng trôi nổi như cánh bèo, đóa hoa vậy.

2. *Sóng dồi:* sóng tung lên dìm xuống nhiều lần.

3. *Đòi cơn:* nhiều cơn.

Cả hai câu 221-222 ý nói trong lòng có nhiều lo nghĩ như sóng dồi nhiều lớp, càng lo nghĩ lại càng đau đớn mà sụt sùi khóc lóc.

4. *Giọng Kiều:* giọng của Thúy Kiều. Các bản Nôm KOM - QVĐ đều viết 嬌 (kiều). Chữ *kiều* này có nghĩa là vẻ mềm mại đáng yêu nên xưa kia gọi con gái là *a kiều.*

5. *Nhà huyên:* chỉ người mẹ, dịch chữ *huyên đường;* do câu ở bài *Bá hề* (Kinh Thi): *"Yên đắc huyên thảo, ngôn thụ chi bối"* = mong được cỏ huyên để trồng vào bên nhà phía Bắc.

6. *Màu hoa lê:* ý nói mặt nàng Kiều trắng đẹp như hoa lê mà khi khóc nước mắt làm ướt trông tựa hoa thấm mưa xuân. Mấy chữ này mượn ý từ câu: *"Ngọc dung tịch mịch lệ lan can, lê hoa nhất chi xuân đới vũ"* = Lệ giàn mặt ngọc lưa thưa, cành lê hoa chíu hạt mưa xuân đầm". (Tản Đà dịch).

7. *Dưỡng sinh:* cha sinh mẹ dưỡng, chỉ công ơn cha mẹ.

8. *Tóc tơ:* dùng để chỉ những điều nhỏ nhặt nhất, nói về công ơn cha mẹ, cũng phải báo đáp.

9. *Nhắp:* chợt ngủ đi.

10. *Mộng triệu:* điều chiêm bao thấy trong mộng báo trước sự việc sẽ xảy ra.

http://tieulun.hopto.org

Dạy rằng: "*Mộng huyễn* [1] *cứ* đâu,
Bỗng *không* mua não *chuốc* sầu [2] nghĩ nao!"
Vâng lời khuyên giải thấp cao,
Chưa xong điều nghĩ *đã* dào mạch *Tương* [3].
Ngoài song thỏ thẻ oanh vàng,
Nách tường bông liễu [4] bay *ngang trước mành.*
Hiên tà gác bóng *chênh chênh,*
Nỗi riêng riêng chạnh tấc riêng một mình.
Cho hay là *giống* hữu tình,
Đố ai [5] gỡ mối tơ mành cho xong.
Chàng Kim từ lại thư song [6],
Nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuây.
Sầu *đong* càng *lắc* càng đầy [7],
Ba thu [8] *dồn* lại một ngày dài ghê.
Mây Tần [9] khóa kín song the [10],

---

1. *Mộng huyễn:* điều mộng mị huyễn hoặc không tin được. Chữ 幻 *huyễn* cũng đọc là *ảo.*

2. *Chuốc sầu:* tự mua lấy cái sầu não vào mình.

3. *Mạch Tương:* mạch nước sông Tương, lấy tích bà Nga Hoàng và Nữ Anh nghe tin vua Thuấn đi tuần thú, chết ở đất Thương Ngô, gần bờ sông Tương. Hai bà đến đó kêu khóc thảm thiết, nên bây giờ thường dùng chữ *mạch Tương* mà ví nước mắt thương nhớ.

4. *Oanh vàng ... bông liễu:* hai câu này, ý nói Kiều nghe chim oanh hót, thấy bông liễu bay thì nghĩ đến tình duyên của mình.

5. *Đố ai:* là chỉ Kim Trọng, ý nói Kim Trọng và Thúy Kiều đã có tình ý với nhau thì khi trông thấy bông liễu bay sang đố Kim Trọng gỡ mối tơ mành cho được (*mành:* mỏng mảnh, nói về sợi nhỏ).

6. *Thư song:* chỗ cửa sổ phòng đọc sách, tức phòng đọc sách.

7. *Sầu đong càng lắc càng đầy:* ý nói sầu nhớ vô cùng, nếu đem mà đong thì càng lắc lại càng đầy, không vơi đi được. *Ca dao* có câu: *"Ai đi muôn dặm non sông, để ai chất chứa sầu đong vơi đầy".*

8. *Ba thu:* ba mùa thu, tức ba năm. Ta thường lấy mỗi mùa để chỉ một năm như *ba xuân, ba đông.*

9. *Mây Tần: Tấn thư* có câu: *"Tần vân như mỹ nhân"* (Mây Tần như người đẹp). Ở đây chữ *Tần* chỉ được dùng cho đẹp lời.

10. *Song the:* cửa sổ có treo màn the.

http://tieulun.hopto.org

Bụi hồng liệu nẻo đi về chiêm bao. [1]
Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao,
Mặt *mơ* tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng.
Buồng văn hơi *giá* như đồng,
Trúc *se ngọn thỏ* [2], tơ chùng phím loan [3].
Mành Tương [4] phất phất gió đàn,
Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình [5].
Ví chăng duyên nợ ba sinh [6],
Làm chi đem *thói* khuynh thành [7] trêu ngươi.
Bâng khuâng nhớ cảnh, nhớ người,
Nhớ nơi kỳ ngộ [8] vội dời chân đi.
Một *vùng* cỏ mọc xanh rì.
Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu!
Gió chiều như gợi cơn sầu,
Vi lô hiu hắt như màu khảy trêu.
Nghề riêng *nhớ ít tưởng* nhiều,

---

1. *Bụi hồng liệu nẻo đi về chiêm bao:* câu này và câu trên có thể hiểu là: Cô Kiều cứ ở hoài trong phòng không ra ngoài nên Kim Trọng chỉ còn cách tìm về trong mộng để gặp mặt người yêu. *Hoa Tiên* cũng có câu: *Bụi hồng dứt nẻo đi về chiêm bao,* mà ta có thể đặt xuôi lại thành *"dứt nẻo bụi hồng đi về chiêm bao"* thì hiểu ngay được.

2. *Ngọn thỏ:* ngòi bút lông thỏ.

3. *Phím loan:* phím đàn gắn bằng keo loan.

Cả câu ý nói: Kim Trọng tương tư đến nỗi bó cả học tập (bút để khô cả ngọn), chán cả gảy đàn (lâu ngày dây cũng chùng cả đi).

4. *Mành Tương:* bức mành ngoài đan bằng tre, phía trong kẹp the màu vàng. Sở dĩ gọi là *mành Tương* vì có liên quan đến điển hai bà Nga Hoàng và Nữ Anh (xem chữ *mạch Tương* câu 238). Hai bà nghe tin vua Thuấn chết khóc quá thảm thiết, nước mắt vẩy vào các bụi trúc xung quanh khiến cho các thân trúc đều thành lốm đốm. Thứ mành làm bằng trúc có vỏ lốm đốm này gọi là *Tương phi trúc.*

5. *Khan giọng tình:* (*khan:* khô ráo, thiếu) ý nói Kim Trọng vì tương tư Thúy Kiều nên uống trà chẳng thấy ý vị tình tứ gì.

6. *Ba sinh:* do chữ *tam sinh* là ba kiếp sống của con người (quá khứ, hiện tại, vị lai). *Cả câu* ý nói Kim Trọng với Thúy Kiều có duyên nợ từ kiếp này qua kiếp khác với nhau phải kết duyên vợ chồng.

7. *Thói khuynh thành:* thói làm say đắm lòng người. *Cả câu* ý nói: Nếu không có duyên nợ vợ chồng với nhau thì làm chi mà lại đem sắc đẹp để trêu người như vậy.

8. *Kỳ ngộ:* sự gặp gỡ kỳ lạ. Từ câu 259 đến câu 264 nói đến việc Kim Trọng trở lại thăm chỗ đã gặp Thúy Kiều hôm đi dự hội đạp thanh (nơi kỳ ngộ) nhưng nay chỉ thấy phong cảnh tiêu điều buồn bã.

http://tieulun.hopto.org

Xăm xăm đè nẻo Lam Kiều [1] lần sang.
Thâm nghiêm kín cổng cao tường,
Cạn dòng lá thắm [2], dứt đường chim xanh [3].
Lơ thơ tơ liễu buông mành.
Con oanh học nói trên cành mỉa mai.
Mấy lần cửa đóng then cài,
Đầy thềm hoa rụng biết người ở đâu?
Tần ngần đứng suốt giờ lâu,
Dạo quanh chợt thấy mé sau có nhà.
Là nhà Ngô Việt thương gia [4],
Buồng không để đó người xa chưa về.
Lấy điều du học [5] hỏi thuê,
Túi đàn cặp sách [6] đề huề dọn sang.
Có cây có đá sẵn sàng,

---

1. *Lam Kiều:* Cầu Lam, tên một cái cầu ở huyện Lam Điền, tỉnh Thiểm Tây (Trung Quốc) *Do điển:* Ngày xưa, đời nhà Đường, Bùi Hàng gặp nàng Vân Kiều cho một bài thơ trong có câu nói *Lam Kiều bản thị thần tiên quật (Lam Kiều* là chỗ thần tiên ở). Đến sau, khi qua cầu Lam, khát nước, vào hàng uống nước thì thấy nàng Vân Anh rất xinh đẹp, muốn xin cưới làm vợ. Bà mẹ nàng bảo nếu có chày ngọc giã được thuốc tiên xong thì gả cho. Bùi Hàng nhờ mua được chày ngọc nên cưới được Vân Anh. Hôm làm lễ cưới, Bùi Hàng mới nhận ra người đưa cho mình bài thơ chính là chị Vân Anh. Sau hai vợ chồng cùng lên cõi tiên.

Nẻo Lam Kiều: đây chỉ nhà Thúy Kiều.

2. *Lá thắm:* do điển *"hồng diệp đề thi"*. Nguyên về đời Đường, Vu Hựu vớt được chiếc lá trôi trên dòng nước từ cung vua ra và đọc thấy có bài thơ. Vu Hựu bèn lấy chiếc lá đỏ khác, đề hai câu thơ rồi đem thả nơi đầu ngòi nước cho trôi vào cung vua. Hàn thị bắt được. Về sau, nhân dịp vua thải ba nghìn cung phi, Hàn thị được ra rồi lại tình cờ kết duyên với Vu Hựu. Một hôm hai người cùng nhắc đến chuyện chiếc lá đề thơ, mới hay là của chính họ. Vì thế, sau này mới dùng điển này để nói nhân duyên vợ chồng.

3. *Chim xanh:* do chữ *thanh điểu,* chỉ người đưa tin. Theo *Hán Vũ cố sự* ngày mồng 7 tháng 7 Vua Hán Vũ Đế đương ngự triều có ba con chim xanh đến đậu trước điện. Đông Phương Sóc tâu rằng: *"Đấy là sứ giả của Tây Vương Mẫu đưa tin đến trước"*. Quả nhiên một lát sau Tây Vương Mẫu đến. Do đó mới gọi người đưa tin là *chim xanh.*

Cả câu ý nói không có cách gì để liên lạc được với nàng Kiều.

4. *Ngô Việt thương gia:* người đi buôn nay sang bên Ngô mai về bên Việt, ít khi ở nhà.

5. *Du học:* đi trọ học.

6. *Cặp sách:* cái khung gỗ để kẹp sách của các nhà Nho xưa.

http://tieulun.hopto.org

Có hiên Lãm Thúy [1] nét vàng chưa phai.
Mừng thầm chốn ấy chữ bài,
Ba sinh âu hẳn duyên trời chi đây.
Song hồ [2] nửa khép cánh mây [3],
Tường Đông ghé mắt ngày ngày hằng trông.
Tấc gang *đồng tỏa nguyên* phong [4],
Tuyệt mù nào thấy bóng hồng [5] vào ra.
Nhẫn từ [6] quán khách [7] lân la,
Tuần trăng [8] *thấm thoắt* nay đà thèm hai [9].
Cách tường phải buổi êm trời,
Dưới đào dường có bóng người thướt tha.
Buông cầm xốc áo vội ra,
Hương còn thơm nức, người đà vắng tanh.
Lần theo tường gấm [10] dạo quanh,
Trên đào nhác thấy một cành kim thoa [11].
Giơ tay *với* lấy về nhà.
"Này trong khuê các [12] đâu mà đến đây?
Gẫm âu người ấy báu này,
Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm!"
Liền tay ngắm nghía biếng nằm,
Hãy còn thoang thoảng hương trầm chưa phai.

---

1. *Lãm Thúy* 攬翠 : (*lãm:* thu góp, *thúy:* màu xanh) tên cái hiên. ***Hiên Lãm Thúy*** là cái hiên ngồi ở đó có thể thu góp vào trong tầm mắt tất cả màu xanh của cây cỏ. Suy ra thì Lãm Thúy còn có ngụ ý bắt được, tóm được hai chị em cô Kiều nên Kim Trọng lấy làm mừng lắm.

2. *Song hồ:* cửa sổ có dán giấy.

3. *Cánh mây:* cánh cửa. Chữ *mây* dùng cho đẹp lời như khi nói *then mây.*

4. *Đồng tỏa nguyên phong:* ý nói tuy gần chỉ có gang tấc mà cái khóa đồng cứ khóa mãi không thấy mở.

5. *Bóng hồng:* bóng Thúy Kiều.

6. *Nhẫn từ:* (*nhẫn:* mãi từ, cho đến) kể từ khi ấy mãi đến nay, mãi từ khi ấy đến nay.

7. *Quán khách:* tức nhà Kim Trọng thuê để ở trọ.

8. *Tuần trăng:* mỗi tháng có một tuần trăng, nên tính tháng người ta tính theo tuần trăng.

9. *Thèm hai:* ý nói chưa bao lâu mà đã gần hai tháng trôi qua rồi.

10. *Tường gấm:* tường rào quanh nhà, chữ *gấm* được dùng cho đẹp lời.

11. *Kim thoa:* cây thoa bằng vàng để cài tóc của phụ nữ.

12. *Khuê các:* (*khuê*: buồng, *các:* gác) chỉ chỗ ở của phụ nữ giàu có sang trọng.

http://tieulun.hopto.org

Tan sương [1], đã thấy bóng người,
Quanh tường ra ý tìm tòi ngẩn ngơ.
Sinh đà có ý đợi chờ,
Cách tường *lên* tiếng xa đưa ướm lòng:
"Thoa này bắt được hư không [2],
Biết đâu Hợp Phố [3] mà mong châu về?"
Tiếng Kiều nghe lọt bên kia:
"Ơn *lòng* quân tử sá gì của rơi.
Chiếc thoa nào của mấy mươi,
Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao!"
Sinh rằng: "Lân lý [4] ra vào,
Gần đây nào phải người nào xa xôi.
Được rày *nhờ* chút thơm rơi [5],
Kể đà thiểu não [6] lòng người [7] bấy nay!
Bấy lâu mới được một ngày,
Dừng chân gạn [8] chút niềm tây [9] gọi là".
Vội về thêm lấy của nhà,

---

1. *Tan sương:* buổi sáng sớm, sương mới tan.

2. *Hư không:* không có cớ gì, tự nhiên mà gây ra. Đây ý nói tình cờ mà Kim Trọng bắt được cái kim thoa của Thúy Kiều. Cái thoa ấy rơi ở đâu? Nó vướng trên cành cây bên mé tường sang nhà Kim Trọng. *"Trên đào nhác thấy một cành kim thoa"*. Kim Trọng đã *"giơ tay với lấy về nhà"*. Thế thì có phải chính cô Kiều đã trèo lên cây đào ngó sang nhà Kim Trọng nên mới để vướng trên cành cây không? Cái thoa thì cũng nhỏ thôi, làm sao mà Kim Trọng lại tinh mắt *"nhác"* trông đã *"thấy"* ngay được? Chắc cả hai cùng có tình ý nên mới xảy ra câu chuyện mất thoa và bắt được thoa như thế. Sao lại gọi là *"hư không"* được?

3. *Hợp Phố:* do điển *Hợp Phố châu hoàn*. Theo *Hậu Hán thư:* trước khi Mạnh Thường được đổi về giữ chức Thái thú quận Hợp Phố, bọn quận thú ở đây rất tham ô, bắt dân phải đi mò ngọc trai về cho chúng thật nhiều. Ngọc trai bỏ đi về phía quận Giao Chỉ gần hết. Khi Mạnh Thường về, bãi bỏ tệ tham nhũng, không bắt dân đi mò ngọc trai thì ngọc trai lại trở về Hợp Phố. Do điển này người ta khi muốn nói một vật đã mất lại trở về với chủ cũ là *Hợp Phố châu về*. *Cả câu* 306 ý nói: Cái thoa này tự nhiên bắt được, không biết của ai mà đem trả?

4. *Lân lý:* (*lân:* xóm, *lý:* làng) xóm làng; đây ý nói chỗ láng giềng hàng xóm với nhau.

5. *Chút thơm rơi:* ý nói được gặp nhau hôm nay là chút hương thơm của chiếc kim thoa đánh rơi hôm trước làm mối cho.

6. *Thiểu não:* buồn rầu vô cùng trong lòng.

7. *Lòng người:* lòng Kim Trọng.

8. *Gạn:* hỏi cặn kẽ. *Gạn chút:* gạn hỏi cặn kẽ một chút.

9. *Niềm tây:* niềm riêng, nỗi lòng riêng.

http://tieulun.hopto.org

Xuyến vàng đôi chiếc, khăn là [1] một vuông.
Thang mây [2] *rón* bước ngọn tường,
Phải người hôm nọ rõ ràng chẳng *nhe* [3] ?
Sượng sùng giữ ý rụt rè,
Kẻ nhìn *rõ* mặt, người e cúi đầu.
Rằng: "Từ ngẫu nhĩ [4] gặp nhau,
Thầm trông trộm nhớ, bấy lâu đã chồn [5].
Xương mai [6] tính đã *thâu* mòn [7],
Lần lừa [8] ai biết hãy còn hôm nay.
Tháng tròn như gửi cung mây [9],
Trần trần một phận ấp cây [10] đã liều.
Tiện đây xin một hai điều,
Đài gương [11] soi đến dấu bèo [12] cho chăng?"
Ngại ngần nàng mới thưa rằng:

---

1. *Khăn là:* khăn bằng lụa mỏng.

2. *Thang mây:* do chữ *vân thê*, chỉ cái thang cao bắc lên tường. Thang cao như lên mây xanh.

3. *Chẳng nhe:* có phải thế không.

4. *Ngẫu nhĩ:* cũng như *ngẫu nhiên*, ý nói tình cờ không hẹn mà gặp.

5. *Chồn:* mỏi, nhọc.

6. *Xương mai:* xương vóc gầy như cây mai.

7. *Thâu mòn:* (*thâu:* từ lâu) từ lâu rồi gầy mòn ốm yếu.

8. *Lần lừa:* hết ngày này qua ngày khác, đã lâu rồi trông ngóng.

9. *Gửi cung mây:* ý nói cả tháng trời tâm trí của Kim Trọng như gửi ở cung mây (cung Hằng) tức nơi Thúy Kiều ở.

10. *Ấp cây:* ôm chặt lấy cây cột ở chân cầu. Theo điển: Vĩ Sinh hẹn với một người con gái cùng gặp nhau ở dưới chân cầu. Người con gái không đến, Vĩ Sinh cứ ôm cây cột chờ mà chịu chết đuối. *Câu này* ý nói Kim Trọng cứ kiên nhẫn một lòng liều chờ đợi Thúy Kiều bỏ cả học hành.

11. *Đài gương:* cái giá có để gương cho phụ nữ trang điểm. Đây chỉ người con gái cao sang.

12. *Dấu bèo:* dịch chữ *bình tung*, nói cánh bèo trôi trên mặt nước chẳng để dấu vết gì.

Cả câu là lời Kim Trọng nói khiêm mình chỉ là một thư sinh chưa có danh vọng còn lang thang du học không biết có được cô Kiều là bậc cao sang để ý đến không.

http://tieulun.hopto.org

"Thói nhà băng tuyết [1] chất hằng phi phong [2].
Dù khi lá thắm chỉ hồng [3],
Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha.
Nặng lòng xót liễu vì hoa [4],
Trẻ *thơ* đã biết đâu mà dám thưa!"
Sinh rằng: "Rày gió mai mưa [5],
Ngày xuân đã dễ tình cờ mấy khi.
Dù *chăng* xét tấm tình si,
Thiệt *đây* [6], mà có ích gì đến ai?
Chút chi gắn bó [7] một hai,
Cho đành rồi sẽ liệu bài mối manh.
"Khuôn thiêng [8] dù phụ tấc thành,
Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời.
Lượng xuân [9] dù quyết hẹp hòi,
Công đeo đuổi chẳng thiệt thòi lắm ru!"

---

1. *Băng tuyết:* trong trắng như băng như tuyết, ý nói con nhà gia giáo theo khuôn phép nghiêm nhặt, không có nghĩ đến sự trăng hoa.

Hoa tiên: *Thỉnh quân mạc giảng phong tình sự,*
Khuê môn gia giáo lẫm băng sương.
(Xin chàng đừng giở nguyệt hoa,
Phép nhà nghiêm nhặt như là băng sương).

2. *Phi phong:* rau *phi,* rau *phong* là hai thứ rau người ta có thể ăn cả rễ và cọng, nhà nghèo thường ăn. Chữ lấy trong *Kinh Thi,* bài *Cốc phong* ngụ ý nói có bản chất tốt tuy rằng mộc mạc, quê mùa.

3. *Chỉ hồng:* do chữ *xích thằng* là sợi dây đỏ, theo *Tục U quái lục,* Vi Cố người đời Đường, khi trọ ở Tống Thành có gặp một cụ già ngồi dưới trăng (Nguyệt lão) mà xem sách. Vi Cố hỏi cụ những sợi dây đỏ ở trong túi dùng để làm gì. Cụ nói dùng để buộc chân những người sẽ thành vợ chồng với nhau. Do đó hai chữ *chỉ hồng* được dùng để chỉ sự kết duyên của hai người trai gái lấy nhau.

4. *Xót liễu vì hoa:* (*xót:* thương xót, *vì:* yêu vì) *cây liễu* xanh non thường được dùng để ví với người con gái, *bông hoa* tươi đẹp thường được dùng để ví với người con gái xinh xắn. Đây nói chàng Kim đã nặng lòng yêu thương đến nàng Kiều người con gái yểu điệu như liễu và đẹp như hoa.

5. *Rày gió mai mưa:* nói sự đổi thay bất thường, không phải hôm nào cũng như hôm nào, dễ đâu có cơ hội tốt mà gặp nhau luôn, có thể có những sự trắc trở bất ngờ.

6. *Thiệt đây:* ý nói thiệt cho Kim Trọng.

7. *Chút chi gắn bó:* ý Kim Trọng muốn đưa một chút vật kỷ niệm để gắn bó mối tình giữa hai người: đôi xuyến vàng và chiếc khăn là.

8. *Khuôn thiêng:* chỉ ông trời như là cái khuôn thiêng đúc ra muôn vật bằng phép thiêng liêng.

9. *Lượng xuân:* ý nói tấm lòng rộng lượng như mùa xuân nuôi dưỡng muôn vật; có ý bao dung người khác. Đây chỉ tấm lòng của Thúy Kiều.

http://tieulun.hopto.org

Lặng nghe lời nói như ru,
Chiều xuân [1] dễ khiến nét thu [2] ngại ngùng.
Rằng: "Trong buổi mới lạ lùng,
Nể lòng có lẽ cầm lòng cho đang.
Đã lòng quân tử đa mang [3],
Một lời vâng tạc đá vàng [4] thủy chung [5] ".
Được lời như cởi tấm lòng,
Giở kim *thoa* với khăn hồng trao tay.
Rằng: "Trăm năm cũng từ đây,
Của tin gọi một chút này làm ghi".
Sẵn tay *bả quạt hoa* quì [6],
Với cành thoa [7] ấy tức thì đổi trao.
Một lời vừa gắn tất giao [8],
Mái sau [9] dường có xôn xao tiếng người.
Vội vàng lá rụng hoa rơi,
Chàng về *viện sách*, nàng dời [10] lầu trang. [11]

---

1. *Chiều xuân:* do chữ *tình tứ hoài xuân* phỏng dịch ra. Đây ý nói đến cái vẻ đa tình của Kim Trọng lòng xuân phơi phới.

2. *Nét thu:* nói cái ánh mắt long lanh đa cảm của Thúy Kiều như nước mùa thu. *Cả câu* ý nói cái vẻ tình tứ của Kim Trọng cũng khiến cho Thúy Kiều phải xúc động trong lòng mà biểu lộ ra trên ánh mắt long lanh tuy vẫn ngại ngùng chưa dám ngỏ lời chấp nhận.

3. *Đa mang: (mang:* rối, bộn rộn, trong lòng vội gấp) bận lòng thương yêu. Trước sau như một, không có sự thay lòng đổi dạ.

4. *Đá vàng: đá* và *vàng* đều có tính cách bền vững nên những việc quan trọng cần lưu lại đều được khắc vào đá, vàng hoặc đồng (bia đá, bảng vàng, chuông đồng, đỉnh đồng...)

5. *Thủy chung:* trước sau như một, không có sự thay lòng đổi dạ.

6. *Bả quạt hoa quì:* (*bả:* cái chuôi quạt) quạt bằng giấy tốt hoặc bằng lụa có vẽ hoa quì, có thể gập lại được mà phụ nữ thường dùng (không phải là thứ quạt bằng *lá bồ quì).*

7. *Cành thoa:* chiếc thoa của Thúy Kiều.

Cả *hai câu* 357 - 358 ý nói Thúy Kiều lúc ấy sẵn trong tay có cái quạt hoa quì đã lấy ngay đưa tặng Kim Trọng để đổi lấy lại cành thoa của mình.

8. *Tất giao:* sơn và keo, ý nói lời thề thốt gắn chặt mối tình của hai người như keo sơn.

9. *Mái sau:* phía sau nhà Viên ngoại.

10. *Dời:* dời chân đi về.

11. *Lầu trang:* lầu nơi người phụ nữ ở và ngồi trang điểm, đây chỉ phòng ở của Thuý Kiều.

http://tieulun.hopto.org

Từ phen đá biết tuổi vàng [1],
Tình càng thấm *thía*, dạ càng ngẩn ngơ.
Sông Tương [2] một dải nông sờ [3],
Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia.
Một tường tuyết *trở* sương che,
Tin xuân [4] đâu dễ đi về cho năng.
Lần lần ngày gió đêm trăng [5],
Thưa hồng rậm lục [6] đã chừng xuân qua.
Ngày vừa sinh nhật ngoại gia,
Trên *hai* đường [7] dưới nữa là hai em [8].
Tưng bừng sắm sửa áo xiêm [9],
Biện [10] dâng một lễ xa đem tấc thành [11].
Nhà *lan* [12] thanh vắng một mình,
Gẫm cơ hội ngộ [13] đã dành hôm nay.

---

1. *Đá biết tuổi vàng:* đá thử vàng thì biết được tuổi của vàng, chàng Kim và nàng Kiều từ lúc bày tỏ nỗi lòng của mình đã hiểu tình cảm của nhau nồng thắm đến mực nào.

2. *Sông Tương:* tức sông Tương Giang ở Trung Quốc, dài hơn hai nghìn dặm, thường được mượn để diễn ý ly biệt, nhớ mong.

3. *Nông sờ:* cạn. *Cả câu* ý nói dòng sông tuy cạn mà hai bên vẫn không sang gặp được nhau vẫn phải trông chờ nhau mỗi người ở một đầu sông.

4. *Tin xuân:* tin vui về người mình yêu. *Cả câu* ý nói hai bên cách trở không gặp được nhau như bị bức tường tuyết trở sương che khiến tin xuân không sao đi về cho năng được.

5. *Ngày gió đêm trăng:* ý nói ngày đêm qua đi mà ngày nào đêm nào khi có gió mát trăng trong cũng đều thương nhớ nhau.

6. *Thưa hồng rậm lục:* màu hồng của hoa đã thưa bớt, màu xanh của lá đã rậm hơn, ý nói mùa xuân đã gần qua đi.

7. *Hai đường:* cũng như *hai thân*, tức cha và mẹ của nàng Kiều.

8. *Hai em:* tức Thúy Vân và Vương Quan.

9. *Áo xiêm: áo* mặc che phần thân trên, *xiêm* mặc che phần thân dưới; chỉ chung bộ y phục.

Câu 935 cũng viết: *cổi xiêm lột áo.*

10. *Biện:* lo liệu mua sắm đồ lễ.

11. *Tấc thành:* chút lòng thành kính biết ơn của các con đối với cha mẹ.

12. *Nhà lan:* do chữ *lan thất*. Gia ngữ: *Dữ thiện nhân cư như nhập chi lan chi thất* (ở với người tốt như vào nhà có có chi, cỏ lan). Đây nói nhà có đức vọng, mọi người đều ăn ở lương thiện, trong nhà như có mùi hoa thơm.

13. *Hội ngộ:* hội họp gặp nhau.

http://tieulun.hopto.org

Thì trân [1] thức thức sẵn bày [2],
Gót sen [3] *thoăn thoắt* dạo ngay mé tường.
Cách hoa sẽ dặng [4] tiếng vàng,
Dưới hoa đã *thấy* có chàng đứng *trông*.
"Trách lòng hờ hững với lòng,
Lửa hương [5] chốc để lạnh lùng bấy lâu.
Những là đắp nhớ đổi sầu,
Tuyết sương nhuốm nửa mái đầu hoa *râm* [6]".
Nàng rằng: "Gió bắt mưa cầm [7],
Đã cam tệ với tri âm [8] bấy chầy.
Vắng nhà được buổi hôm nay,
Lấy lòng gọi chút *sang* đây [9] tạ lòng".
Lần theo núi giả [10] đi vòng,
Cuối tường dường có nẻo thông mới rào.
Xắn tay mở khóa động đào [11],
Rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên Thai [12].
Mặt nhìn mặt [13] càng thêm tươi,

---

1. *Thì trân:* những thức ăn quý đương mùa đặc biệt là hoa quả.
2. *Sẵn bày:* ý nói Thúy Kiều bày sẵn ra để sửa soạn mang sang nhà Kim Trọng.
3. *Gót sen:* gót chân của người con gái đẹp.
Xem chú thích câu 190.
4. *Dặng:* lên tiếng, cũng như nói *tằng hắng* làm hiệu cho Kim Trọng biết.
5. *Lửa hương:* Kim Trọng nhắc đến lửa hương mà hai người đã đốt để nguyện ước cùng nhau.
6. *Hoa râm:* nói tóc đã lốm đốm trắng. *Cả câu* ý nói Kim Trọng vì tương tư mà tóc đã lốm đốm trắng nửa mái đầu.
7. *Gió bắt mưa cầm:* ý nói ngày nào cũng bị công việc cản trở không qua chơi được hoặc có người ở nhà không tiện qua chơi được.
8. *Tri âm:* (*tri:* biết, *âm:* tiếng) nguyên dùng để nói về người đánh đàn hay mà có người nghe hiểu biết thưởng thức được như Bá Nha với Tử Kỳ. Sau chữ ấy được dùng để chỉ người bạn thân thiết hiểu được lòng nhau.
9. *Gọi chút sang đây:* Thúy Kiều mang các *thì trân* sang nhà Kim Trọng *gọi là một chút* để tạ lòng người yêu.
10. *Núi giả:* hòn non bộ đắp làm cảnh.
11. *Động đào:* động có tiên ở. Xem *chú thích* câu 192.
12. *Thiên Thai:* tên một hòn núi ở tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Truyền rằng xưa kia vào đời nhà Hán có Lưu Thần và Nguyễn Triệu đã vào núi Thiên Thai hái thuốc và gặp tiên. Nay trong văn chương thường dùng *Thiên Thai* để chỉ cảnh tiên.
13. *Mặt nhìn mặt:* nói nàng Kiều và chàng Kim đối mặt với nhau.

http://tieulun.hopto.org

Bên lời vạn phúc [1], bên lời hàn huyên [2].
Sánh vai về chốn thư hiên [3],
Góp lời phong nguyệt [4], nặng nguyền non sông.
Trên *yên* bút giá [5] *thi* đồng [6],
Đạm thanh [7] một bức tranh tùng treo *trên*.
Phong sương [8] được vẻ thiên nhiên,
Mặn *khen* nét bút càng nhìn càng tươi.
Sinh rằng: "Phác họa [9] vừa rồi,
Phẩm đề [10] xin một vài lời thêm hoa [11] ".
Tay tiên [12] gió táp mưa sa [13],
Khoảng trên dừng bút, thảo và bốn câu [14].
Khen: "Tài nhả ngọc phun châu [15],
Nàng Ban [16] ả Tạ [17] cũng đâu thế *này*,
Kiếp tu xưa ví chưa dày,

---

1. *Vạn phúc:* lời chúc mừng nhau được nhiều phúc lành.

2. *Hàn huyên:* lạnh ấm, lời hỏi thăm nhau về sức khoẻ xem có bị ảnh hưởng về thời tiết ấm lạnh đổi thay không.

3. *Thư hiên:* (*thư:* sách, *hiên:* mái hiên nhà ở) chỉ phòng đọc sách.

4. *Lời phong nguyệt:* lời trăng gió, ý nói chuyện tình yêu thương với nhau.

5. *Bút giá:* cái giá gác bút.

6. *Thi đồng:* cái ống đựng giấy, đựng các bài thơ. Bạch Cư Dị làm một cái ống tre đựng thơ của những người xướng họa với ông.

7. *Đạm thanh:* (*đạm:* nhạt, *thanh:* xanh) màu xanh nhạt.

8. *Phong sương:* gió và sương, ý nói bức tranh vẽ khéo khiến cho người xem như thấy được sương gió mờ ảo bên cây tùng, tưởng như cảnh thiên nhiên vậy.

9. *Phác họa:* nói bức tranh mới vẽ sơ qua, chưa tô sửa lại.

10. *Phẩm đề:* đề lời phẩm bình, viết mấy câu thơ bình về bức tranh cho bức tranh có giá trị thêm.

11. *Thêm hoa:* thêm đẹp, ý nói làm cho đẹp thêm.

12. *Tay tiên:* tay của người đẹp.

13. *Gió táp mưa sa:* ý nói làm thơ mau.

14. *Vài bốn câu:* vài bốn câu tức bài thơ *tứ tuyệt*.

15. *Nhả ngọc phun châu:* ý khen thơ nàng Kiều hay mà làm lại mau như nhả ngọc phun châu.

16. *Nàng Ban:* nàng Ban Chiêu đời Đông Hán, học rộng tài cao, có soạn tập *Nữ giới* rất nổi tiếng đã được vua Hòa Đế cử soạn tiếp bộ *Hán thư*.

17. *Ả Tạ:* nàng Tạ Đạo Uẩn đời Tấn, nổi tiếng thông minh, có tài biện luận và giỏi thơ văn.

Cả câu ý nói nàng Ban ả Tạ dù có tài giỏi cũng không hơn được Thúy Kiều.

http://tieulun.hopto.org

Phúc nào *đổi* được [1] giá này cho ngang".
Nàng rằng: "*Trộm liếc* dung quang.
Chẳng sân Ngọc bội [2] *cũng* phường Kim môn [3].
Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
Khuôn xanh [4] biết có vuông tròn mà hay?
Nhớ từ năm hãy thơ ngây,
Có người tướng sĩ đoán ngay một lời:
Anh hoa [5] phát tiết ra ngoài,
Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.
Trông người lại ngắm *đến* ta.
Một dày một mỏng [6], biết là có nên?"
Sinh rằng: "Giải cấu [7] là duyên,
Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.
Ví dù giải kết [8] đến điều,
Thì đem vàng đá mà liều *với* thân".
Đủ điều trung khúc [9] ân cần,
Lòng xuân phơi phới, chén xuân [10] tàng tàng.

---

1. *Đổi được:* ý nói ngang bằng để có thể đổi được. Cả *hai* câu 407 - 408 là lời chàng Kim: *"Nếu kiếp trước ta không tu nhân tích đức cho đầy đặn thì kiếp này phúc đâu mà được sánh duyên với nàng"*.

2. *Ngọc bội:* cái bài bằng ngọc, chỉ hạng người hiển đạt, làm quan và có danh vọng.

3. *Kim môn:* tức *Kim Mã môn*, tên một cửa cung Vị Ương đời Hán, các quan học sĩ đợi để nhận chiếu chỉ của nhà vua; đây dùng để chỉ những bậc văn tài được trọng dụng bổ ra làm quan trong triều đình.

4. *Khuôn xanh:* tức ông trời, do những chữ *thương thương* (xanh xanh) và *đào trú* (khuôn đúc) mà dịch ra.

5. *Anh hoa:* vẻ đẹp của hoa cỏ, cái vẻ tinh anh tốt đẹp của con người.

6. *Một dày một mỏng:* câu này ý nói chàng Kim phúc lộc dày dặn, còn nàng Kiều phúc phận mỏng manh chẳng biết có thành được vợ chồng không.

7. *Giải cấu:* tình cờ không hẹn mà gặp nhau.

8. *Giải kết:* (*giải:* cởi, *kết:* mối buộc) cởi bỏ mối kết ước của hai người không cho thành vợ chồng.

Cổ thi: *Thương thiên nhược giải đồng tâm kết, kim thạch vi minh ngã dữ quân* = Trời xanh dầu cháo dải đồng, đá vàng ta vẫn một lòng với ai.

9. *Trung khúc:* (*trung:* tấm lòng, *khúc:* cong) những nỗi tâm tư khuất khúc ở trong lòng.

10. *Chén xuân:* chén rượu gợi tình xuân. Cả *hai câu* 423-424 ý nói khi đã trò chuyện cùng nhau đủ điều rồi thì sinh ra tấm lòng luyến ái, nhất là khi men rượu đã làm cho chếnh choáng ngà ngà say.

http://tieulun.hopto.org

Ngày vui ngắn chẳng đầy gang,
Trông ra, ác [1] đã ngậm gương non đoài [2].
Vắng nhà, chẳng tiện ngồi dai,
Giã chàng, nàng mới kíp dời song sa [3].
Đến nhà, vừa thấy tin nhà,
Hai thân còn dở tiệc hoa chưa về.
Cửa ngoài vội rủ rèm the,
Xăm xăm *băng lối* vườn khuya một mình.
Nhặt thưa *gương* [4] *rọi* đầu cành,
Ngọn đèn trông lọt, trướng *huỳnh* [5] hắt hiu.
Sinh *vừa* tựa án thiu thiu.
Dở chiều như tỉnh, dở chiều như mê.
Tiếng *sen* [6] *sẽ* động giấc hoè [7],
Bóng trăng đã xế, hoa lê [8] lại gần.
Bâng khuâng đỉnh *Giáp* non thần [9],
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng.

---

1. *Ác:* con quạ, chỉ mặt trời. Tương truyền trên mặt trời có con quạ nên gọi mặt trời là *kim ô* (ác vàng).

2. *Non đoài:* núi ở phía Tây.

3. *Song sa:* cửa sổ có treo màn sa hoặc màn the.

4. *Gương:* tức *gương nga,* chỉ mặt trăng.

5. *Trướng huỳnh:* (*huỳnh*: con đom đóm) chỉ phòng đọc sách, phòng học của Kim Trọng, lấy tích Xa Dận bắt đom đóm làm đèn mà đọc sách.

6. *Tiếng sen:* tiếng bước chân đi (xem chú thích câu 190).

7. *Giấc hòe:* do chữ *Hoè An mộng.* Điển ấy như sau: Mé Nam nhà Thuần Vu Phần (đời Đường) có một cây hòe. Một hôm ông nằm ngủ dưới gốc cây ấy thì chiêm bao thấy vua nước Hoè An gả công chúa cho và cử làm Thái thú quận Nam Kha, sống thật sung sướng hiển vinh. Khi tỉnh dậy chỉ thấy ở dưới gốc cây một tổ kiến. Thuần Vu Phần ngẫm ra đó là nước Hoè An còn quận Nam Kha chỉ là một cái hang ở tận trong cùng.

Do điển đó về sau người ta thường dùng *giấc hoè* hay *giấc Nam Kha* để nói rằng phú quý ở đời cũng chỉ là hư ảo như giấc mộng mà thôi. (*Giấc Nam Kha khéo bất bình, bừng con mắt dậy thấy mình tay không).*

8. *Hoa lê:* ví nàng Kiều. *Cả câu* ý nói lúc đêm khuya, trăng đã xế nàng Kiều lại gần Kim Trọng khi ấy còn đương *"dở chiều như tỉnh, dở chiều như mê".*

9. *Đỉnh Giáp non Thần:* đỉnh núi Vu Giáp, nơi vua Sở Hoài Vương có lần đến Cao Đường mộng thấy người đàn bà đẹp tự xưng là thần núi, sớm làm mây tối làm mưa, đến xin hầu chăn gối. Do điển này về sau người ta thường dùng *đỉnh Giáp non Thần* để chỉ việc nằm mơ thấy người đẹp và chữ *mây mưa* để chỉ việc ân ái giữa trai gái.

Câu 439 ý nói Kim Trọng đương mơ màng nửa tỉnh, nửa mê khi Thúy Kiều đến thì có cảm tưởng như thấy thần nữ đến.

http://tieulun.hopto.org

Nàng rằng: "Khoảng vắng đêm trường,
Vì hoa, *nên* phải *đánh* đường [1] tìm hoa [2].
Bây giờ rõ mặt đôi ta,
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao?"
Vội mừng làm lễ rước vào,
Đài sen [3] nối sáp, song đào [4] thêm hương.
Tiên thề [5] cùng thảo một chương,
Tóc mây một *mớn* dao vàng *chia đôi*.
Vừng trăng vằng vặc giữa trời,
Đinh ninh [6] hai *mặt* một lời song song.
Tóc tơ [7] căn vặn tấc lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng [8] đến xương.
Chén hà [9] sánh giọng quỳnh tương [10],
Dải *là* hương lộn [11], bình gương [12] bóng lồng [13].
Sinh rằng: "Gió mát trăng trong,
Bấy lâu nay một *chút* lòng *chưa cam* [14].

---

1. *Đánh đường:* tìm đường, có ngụ ý hơi liều lĩnh.

2. *Vì hoa...tìm hoa:* chữ *hoa* đây chỉ Kim Trọng.

3. *Đài sen:* cái giá cắm nến có cái đài hình hoa sen để đỡ lấy những giọt nến chảy xuống.

4. *Song đào:* các bản Nôm đều viết chữ *song* 窗 là song cửa. Thế thì phải giảng là cửa sổ có trồng cây đào một bên ở ngoài sân, *(không thể giảng là cái bình hương làm theo kiểu hình hai quả đào).* Cả câu này có thể hiểu là Kim Trọng đã nối thêm sáp (nến) ở cái đài sen và bỏ thêm trầm vào cái lư hương để ở bên cửa sổ, phía ngoài sân có trồng cây đào.

5. *Tiên thề:* tờ giấy chép lời thề của hai người viết trên giấy hoa tiên.

6. *Đinh ninh:* nói đi nói lại cho cặn kẽ, cho chắc chắn.

7. *Tóc tơ:* kẽ tóc chân tơ, nói hết từng tí không bỏ sót điều gì.

8. *Chữ đồng:* chữ *đồng tâm*, cùng một lòng một dạ với nhau.

9. *Chén hà:* chén rượu bằng ngọc màu đỏ như sắc ráng trời chiều.

10. *Quỳnh tương:* (*quỳnh*: ngọc quỳnh, *tương:* thứ rượu) thứ rượu ngon quý như nước ngọc, như rượu tiên.

11. *Dải là hương lộn:* ý nói khi hai người ngồi gần nhau thì mùi hương ở dải lưng bằng lụa tỏa lên lẫn vào hai người.

12. *Bình gương:* bức bình phong có gắn tấm gương.

13. *Bóng lồng:* khi hai người ngồi kề bên nhau thì bóng của hai người lồng chiếu vào trong gương.

14. *Một chút lòng chưa cam:* (*cam* = thỏa) ý Kim Trọng muốn nói từ lâu nay nghe tiếng Thúy Kiều giỏi đàn mà chưa được thưởng thức tài nghệ nên chưa được thỏa lòng mong ước.

http://tieulun.hopto.org

Chày sương [1] chưa nện cầu Lam [2],
Sợ lần khân quá ra sờm sỡ [3] chăng?"
Nàng rằng: "Hồng diệp [4] xích thằng [5],
Một lời cũng đã tiếng rằng tương tri [6].
Đừng điều nguyệt nọ hoa kia,
Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai".
Rằng: "*Nghe nổi tiếng* cầm đài [7],
Nước non luống những lắng tai Chung Kỳ [8] ."
Thưa rằng: "Tiện kỹ [9] sá chi,
Đã lòng dạy đến, dạy thì phải vâng".
Hiên sau treo sẵn cầm trăng [10],
Vội vàng sinh đã tay nâng ngang mày [11].
Nàng rằng: "Nghề mọn riêng *tay*,
Làm chi cho *bận* lòng này lắm thân [12]!"
So dần dây vũ [13] dây văn [14],

---

1. *Chày sương:* chày giã thuốc huyền sương mà bà mẹ của Vân Anh đòi hỏi Bùi Hàng phải tìm cho được để làm dẫn cưới. (Xem *chú thích* câu 266).

2. *Chưa nện cầu Lam:* ý nói chưa có chày ngọc để giã thuốc huyền sương thì chưa thành vợ chồng, chưa thực kết duyên làm vợ chồng.

3. *Sờm sỡ:* suồng sã, không còn e lệ gì, sỗ sàng khi tỏ tình. Câu này là lời nói của Kim Trọng nên chàng mới không bị nghi là muốn điều nguyệt nọ hoa kia với nàng Kiều, và biết tự kiềm chế mình.

4. *Hồng diệp:* lá đỏ, lá thắm (xem *chú thích* câu 268).

5. *Xích thằng:* tơ đỏ, chỉ hồng (xẹm *chú thích* câu 333).

6. *Tương tri:* cùng biết lòng nhau.

7. *Cầm đài:* cái đài ngồi gảy đàn. Các người gảy đàn danh tiếng thường có một *cầm đài*. Bá Nha có cầm đài ở huyện Lỗ Sơn, tỉnh Hà Nam.

8. *Nước non... Chung Kỳ:* theo điển Bá Nha - Chung Tử Kỳ: Bá Nha thời Xuân Thu là người giỏi đàn. Một hôm Bá Nha gảy đàn cho Chung Tử Kỳ nghe. Khi Bá Nha nghĩ đến non cao mà gảy thì Tử Kỳ bảo: *"Hay lắm! Tiếng đàn cao vòi vọi, chắc chí bác đang ở chỗ non cao."* (*Thiện tai! Nguy nguy hồ chí tại cao sơn).* Khi Bá Nha nghĩ đến nước chảy mà gảy thì Tử Kỳ bảo: *"Hay lắm! Tiếng đàn nghe cuồn cuộn, chắc bác đang để chí vào chỗ nước chảy".* (*Thiện tai! Dương dương hồ chí tại lưu thủy).* Đến khi Chung Tử Kỳ chết, Bá Nha đập đàn không gảy nữa vì cho đời không còn ai hiểu được tiếng đàn (*tri âm*) của mình. Chữ *nước non* đây là mượn từ chữ *cao sơn, lưu thủy* ý nói hiểu được ý nghĩa của từng tiếng đàn cao thấp.

9. *Tiện kỹ:* nghề mọn, lời nói khiêm tốn của Thúy Kiều.

10. *Cầm trăng:* tức *nguyệt cầm,* cây đàn nguyệt.

11. *Ngang mày:* nâng cây đàn cao ngang tầm mắt tỏ ý quý trọng.

12. *Lắm thân:* lắm ru, lắm thay.

13. *Dây vũ:* dây to, thường gọi là *dây đài.*

14. *Dây văn:* dây nhỏ, thường gọi là *dây tiếu.*

http://tieulun.hopto.org

Bốn dây to nhỏ theo vần cung thương.
Khúc đâu Hán Sở chiến trường [1],
Nghe ra tiếng sắt, tiếng vàng [2] chen nhau.
Khúc đâu Tư mã Phượng cầu [3],
Nghe ra như oán như sầu [4] phải chăng?
Kê Khang [5] này khúc Quảng lăng [6],
Một rằng *lưu thủy*, hai rằng *hành vân*.
Quá quan [7] này khúc Chiêu Quân [8],
Nửa phần luyến chúa, nửa phần tư gia.
Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục [9] như *tiếng* suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan [10] như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau *sầm sập* như trời đổ mưa.
Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi đó mà ngơ ngẩn sầu.

---

1. *Hán Sở chiến trường:* bãi chiến trường giữa quân Hán và quân Sở. Cuối đời Tần, Lưu Bang (Hán Cao Tổ) và Hạng Võ (Sở Bá Vương) cùng khởi binh đánh Tần, sau lại tranh nhau thiên hạ, đánh nhau nhiều trận kịch liệt.

2. *Tiếng sắt tiếng vàng:* tiếng khí giới bằng sắt, bằng đồng va chạm vào nhau.

3. *Tư mã Phượng cầu:* Tư mã Tương Như, người đời Hán, một hôm đến nhà Trác Vương Tôn dự tiệc. Tương Như có gảy một khúc đàn *Phượng cầu hoàng* để tỏ tình với con gái Trác Vương Tôn là nàng Văn Quân. Văn Quân cảm tiếng đàn, đêm ấy bỏ nhà trốn theo Tương Như.

4. *Như oán như sầu:* ý nói tiếng đàn của Thúy Kiều nghe có vẻ buồn rầu ai oán như tiếng đàn của Tư mã Tương Như khi gảy khúc *Phượng cầu hoàng*.

5. *Kê Khang:* Kê Khang, người đời Tam Quốc, một đêm gảy đàn ở đình Hoa Dương, bỗng có người khách lạ tới, dạy cho khúc *Quảng lăng tán*, âm điệu tuyệt hay.

6. *Quảng lăng:* tên của khúc đàn, nay không được lưu truyền nữa. *Cả câu ý* nói tiếng đàn của Thúy Kiều nghe ra thanh thoát nhẹ nhàng như nước chảy mây trôi.

7. *Quá quan:* qua cửa ải, khi Chiêu Quân bị cống sang Hồ.

8. *Chiêu Quân:* tên tự là Vương Tường, cung nữ thời Hán Nguyên Đế vì không chịu lo lót với Mao Diên Thọ nên bị gả cho chúa Thiền Vu. Khi Chiêu Quân vào bái biệt, nhà vua mới biết là nàng đẹp có ý muốn lưu lại nhưng không được nữa. Khi qua cửa ải, Chiêu Quân có gảy khúc đàn tỳ bà để tỏ lòng nhớ nước nhớ nhà vô hạn.

9. *Đục:* tiếng đục.

Các bản Nôm đều viết 濁 thì phải đọc là *đục* mới đúng. Không thể đọc là *dục* hay *giục* được. (Chữ 喡 (dục) và chữ 逐 , 啄逐 (giục) viết khác hẳn). *Đục* đây là tiếng nước suối đổ xuống nửa chừng nghe không được trong chứ không phải nước suối đục. Nếu dùng chữ *nước* thì cũng sai.

10. *Khoan:* nói tiếng đàn gảy chậm lại, không mau, thong thả, khoan thai.

http://tieulun.hopto.org

Khi tựa *gối* [1], khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc [2], khi chau đôi mày.
Rằng: "Hay thì thực là hay,
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào!
Lựa chi những bậc *tiêu* tao [3],
Dột [4] lòng mình, cũng *nao nao* [5] lòng người".
Rằng: "Quen mất nết đi rồi,
Tẻ vui thôi cũng tính trời biết sao!
Lời vàng [6] vâng lĩnh ý cao,
Họa dần dần bớt chút nào được không?"
Hoa hương [7] càng tỏ thức hồng [8]
Đầu mày cuối mắt càng nồng tấm yêu.
Sóng tình [9] dường đã xiêu xiêu [10],
Xem trong âu yếm có chiều lả lơi [11].
Thưa rằng "Đừng lấy làm chơi,
Dẽ [12] cho thưa hết một lời đã nao!

---

1. *Tựa gối:* chữ *gối* bản Nôm KOM viết 襜 (có nghĩa là cái gối tựa), bản QVĐ viết 蹔 (có nghĩa là đầu gối). Chữ Quốc ngữ viết "gối" thì không phân biệt được. Ở đây nên hiểu là cái gối tựa cho được tao nhã hơn. *Cả câu* có thể hiểu là chàng Kim nghe Kiều gảy đàn sinh ra ngơ ngẩn, khi thì tỳ khuỷu tay vào gối tựa, khi thì cúi đầu xuống để lắng nghe cho thật chú ý hơn.

2. *Chín khúc:* chín khúc ruột.

3. *Tiêu tao:* buồn bã, sầu thảm.

4. *Dột:* ủ dột, rầu rĩ.

5. *Nao nao:* ý nói trong lòng bị xúc cảm mà trở nên xao xuyến. *Cả đoạn này* là lời Kim Trọng nhận xét về tiếng đàn của Thúy Kiều: Khúc đàn hay thì có hay thật nhưng mà sầu thảm quá nó làm cho chính lòng Thúy Kiều cũng phải ủ dột mà người nghe thì cũng thấy buồn rầu lây.

6. *Lời vàng:* lời khuyên báo quý báu.

7. *Hoa hương:* ý nói cái vẻ đẹp của người con gái như bông hoa còn nguyên nhị.

8. *Thức hồng:* sắc đẹp ửng hồng vì e thẹn.

9. *Sóng tình:* tình yêu dào dạt ở trong lòng như sóng cuồn cuộn lên.

10. *Xiêu xiêu:* ngả về một bên, ý nói xiêu dần tới chuyện lả lơi âu yếm.

11. *Lả lơi:* cử chỉ đùa cợt suồng sã (của Kim Trọng đối với Thúy Kiều). Cả câu ý nói trong cử chỉ âu yếm đối với Thúy Kiều, Kim Trọng đã có ý muốn ép liễu nài hoa.

12. *Dẽ:* hãy tránh ra một bên. Chữ này cho ta thấy rõ thái độ lả lơi của Kim Trọng trước đó.

http://tieulun.hopto.org

Vẻ *chi* một đóa *yêu đào* [1],
Vườn hồng [2] chi dám ngăn rào chim xanh [3].
Đã cho vào bậc bố kinh [4],
Đạo tòng phu [5] lấy chữ trinh làm đầu.
Ra tuồng trên Bộc trong dâu [6],
Thì con người ấy ai cầu làm chi.
Phải điều ăn xổi ở thì [7],
Tiết trăm năm nỡ bỏ đi một ngày!
Ngẫm duyên kỳ ngộ xưa nay,
Lứa đôi ai lại đẹp tày Thôi Trương [8].
Mây mưa [9] đánh đổ đá vàng [10],
Quá chiều *nên* đã chán chường yến anh [11].

---

1. *Yêu đào:* đào non, chỉ người con gái trẻ đẹp, đến tuổi lấy chồng. Chữ lấy trong *Kinh Thi,* bài *Đào yêu* (Chu Nam): *Đào chi yêu yêu, chước chước kỳ hoa. Chi tử vu quy, nghi kỳ thất gia* = cây đào tơ xanh tươi, hoa nhiều chi chít. Nàng ấy đi lấy chồng, thì chắc êm ấm cảnh gia đình.

2. *Vườn hồng:* ví với sắc đẹp của người con gái.

3. *Chim xanh:* ví với người con trai đương tuổi thanh xuân. *Cả câu* là lời Thúy Kiều muốn nói mình có chút nhan sắc đâu dám ngăn cấm ai dòm ngó cũng như vườn hồng vẫn để cho chim xanh được vào ra đưa tin. Ý này cũng tương tự như ý của câu ca dao: *Gặp đây mận mới hỏi đào, vườn hồng đã có ai vào hay chưa? Mận hỏi thì đào xin thưa: vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.*

4. *Bố kinh: (bố*: vải, *kinh:* gai) do chữ *bố quần kinh thoa* là quần vải thoa gai, chỉ người vợ hiền vì xưa kia nàng Mạnh Quang, vợ của Lương Hồng (người đời Đông Hán), chỉ dùng những thứ đồ giản dị ấy.

5. *Đạo tòng phu:* đạo của người đàn bà khi lấy chồng trước hết là phải giữ lấy chữ trinh làm đầu và phải phục tòng chồng trong cuộc sống chung.

6. *Trên Bộc trong dâu:* trong bãi dâu, trên bờ sông Bộc ở nước Vệ, trai gái thường hẹn hò nhau để làm chuyện tà dâm.

7. *Ăn xổi ở thì:* ý nói tạm bợ, không tính đến chuyện lâu dài về sau. (*xổi*: tạm bợ để cho có mà dùng ngay: *dưa muối xổi, buôn xổi).*

8. *Thôi Trương:* (*Thôi:* Thôi Oanh Oanh, *Trương:* Trương Quân Thụy) Trương sinh, người đời Đường gặp nàng Thôi ở chùa Phổ Cứu. Hai bên đi lại với nhau thân thiết. Sau chàng Trương phụ tình Oanh Oanh đi lấy người khác.

9. *Mây mưa:* nói việc trai gái ân ái với nhau.

Xem *chú thích* câu 439.

10. *Đá vàng:* lời hẹn ước chung thủy với nhau được ghi tạc vào vàng đá. *Cả câu* ý nói vì sự ân ái trước nên không giữ được mối tình cho chung thủy.

11. *Chán chường yến anh:* chán bỏ tình yêu đương. *Cả câu* ý nói nàng Thôi vì sớm chiều chàng Trương, tự do ân ái, nên sau chàng Trương mới chán mà bỏ nàng Thôi.

http://tieulun.hopto.org

Trong khi *chắp* cánh *liền* cành [1],
Mà lòng rẻ rúng đã *dành* một bên.
Mái Tây [2] để lạnh hương nguyền,
Cho duyên đằm thắm ra duyên bẽ bàng.
Gieo thoi [3] trước chẳng giữ giàng,
Để sau nên thẹn cùng chàng, bởi ai?
Vội chi liễu ép hoa nài,
Còn thân, *ắt lại* đền bồi có khi."
Thấy lời đoan chính dễ nghe,
Chàng càng thêm nể thêm vì mười phân.
Bóng tàu [4] vừa lạt *vẻ ngân* [5],
Tin đâu đã *đến* cửa ngăn [6] gọi vào.
Nàng thì vội trở buồng *thêu*,
Sinh thì dạo *gót* sân đào [7] *vội* ra.
Cửa *sài* [8] vừa ngỏ then hoa [9],
Gia đồng [10] vào gửi thư nhà mới sang.
Đem tin thúc phụ [11] *từ đường,*

---

1. *Chắp cánh liền cành:* ý nói thề nguyền chung thủy cùng nhau như chim liền cánh, như cây liền cành. Chữ lấy trong bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị: *Tị dực điểu, liên lý chi...*

2. *Mái Tây:* dịch ở chữ *Tây sương* là mái Tây chùa Phổ Cứu nơi Thôi Oanh Oanh gặp Trương Quân Thụy ở đó.

3. *Gieo thoi:* ném cái thoi dệt vải. Theo *Tấn thư,* Tạ Côn đời Tấn thường hay trêu ghẹo cô hàng xóm; có lần đã bị cô lấy con thoi ném vào mặt làm gẫy mất hai răng. Sau người ta dùng chữ *gieo thoi* để chỉ thái độ người con gái biết giữ mình để bảo toàn tiết hạnh.

4. *Bóng tàu:* bóng mái nhà.

5. *Vẻ ngân:* vẻ bạc của ánh trăng. *Cả câu* ý nói bóng của mái nhà in trên sân đã không còn đậm nữa vì ánh trăng đã bị mờ đi khi trời dần sáng.

6. *Cửa ngăn:* cổng ngõ, cửa ngoài đường cái, ngăn cách sân với ngoài đường, thuộc nhà Kim Trọng.

7. *Sân đào:* sân có trồng cây đào ở bên cửa sổ.

Xem *chú thích* câu 446: chữ *song đào.*

8. *Cửa sài:* dịch ở chữ *sài môn* là cửa làm bằng những cành cây ghép lại hoặc bằng những thanh tre thanh trúc.

9. *Then hoa:* then cửa, chữ *hoa* được dùng cho đẹp lời.

10. *Gia đồng:* trẻ nhỏ đi ở trong một gia đình quyền quý thời trước.

11. *Thúc phụ:* chú ruột.

http://tieulun.hopto.org

Bơ vơ, lữ thấn [1] *tha hương* [2] *đề huề* [3].
Liêu Dương [4] *cách trở sơn khê* [5],
Xuân đường [6] *kíp gọi sinh về hộ tang* [7].
Mảng tin [8] xiết nỗi kinh hoàng,
Băng mình lẻn trước đài trang [9] tự tình.
Gót đầu mọi nỗi đinh ninh,
Nỗi nhà tang tóc, nỗi mình xa xôi.
"Sự đâu chưa kịp đôi hồi [10],
Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ [11].
Trăng thề còn đó trơ trơ,
Dám xa xôi mặt mà thưa thớt lòng.
Ngoài nghìn dặm, chốc ba đông [12],
Mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy.
Gìn vàng giữ ngọc cho hay [13],
Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời".
Tai nghe ruột rối bời bời,
Ngập ngừng nàng mới giãi lời trước sau:

---

1. *Lữ thấn:* chết mà chưa chôn, quan tài còn quàn ở đất khách.

2. *Tha hương:* làng khác, chỉ nơi đất khách quê người.

3. *Đề huề:* (*đề:* cầm, *huề:* dắt) dắt díu nhau; đây có nghĩa là cùng đi đón linh cữu về.

4. *Liêu Dương:* tên huyện thuộc tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc. Chú ruột Kim Trọng mất ở đó.

5. *Sơn khê:* núi khe, núi sông.

6. *Xuân đường:* nhà xuân, chỉ người cha. Cây *xuân* là thứ cây sống rất lâu nên ai cũng mong cho cha được thọ như vậy.

7. *Hộ tang:* giúp việc tang, lo việc chôn cất.

8. *Mảng tin:* nghe tin, mới nghe tin, thoạt nghe tin.

9. *Đài trang:* chỗ ở của người con gái.

10. *Đôi hồi:* giãi bày.

11. *Trao tơ:* lấy tích trong sách *Thiên Bảo:* Đời Đường, quan Tể tướng Trương Gia Trinh có năm con gái muốn kén rể. Ông cho năm cô đứng sau bức màn và cho mỗi người cầm một sợi tơ thòng ra phía trước rồi bảo Quách Nguyên Chấn rút được sợi tơ của cô nào thì gả cho cô ấy. Nguyên Chấn rút được sợi tơ đỏ của người con gái thứ ba.

Một lời trao tơ là một lời đính hôn với nhau

12. *Nghìn dặm ... ba đông:* câu này ý nói xa cách nhau ở ngoài ngàn dặm mà phải đợi đến ba năm mới gặp nhau lại được.

13. *Cho hay:* cho khéo, ý nói hãy cẩn thận giữ lấy tấm thân quý như vàng và trong như ngọc.

http://tieulun.hopto.org

"Ông tơ [1] *ghét bỏ* chi nhau,
Chưa vui sum họp, đã sầu chia *phôi*.
Cùng nhau đã trót năng lời,
Dẫu *thay* mái tóc, dám dời lòng tơ [2].
Quản bao tháng đợi năm chờ,
Nghĩ người ăn gió nằm mưa [3] xót thầm.
Đã nguyền hai chữ đồng tâm [4],
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai [5].
Còn non, còn nước, còn dài,
Còn về còn nhớ đến người hôm nay".
Dùng dằng chưa nỡ rời tay,
Vầng Đông [6] trông đã đứng ngay nóc nhà.
Ngại ngùng, một bước một xa,
Một lời trân trọng châu sa [7] mấy hàng.
Buộc yên [8] quảy gánh vội vàng,
Mối sầu sẻ nửa, bước đàng chia hai.
Buồn trông phong cảnh quê người,
Đầu cành quyên nhặt [9], cuối trời nhạn thưa [10].

---

1. *Ông tơ:* ông lãm cầm sợi tơ hồng để xe duyên cho trai gái lấy nhau. Xem *chú thích* câu 333.

2. *Lòng tơ:* lòng tơ kết ước với nhau.

3. *Người ăn gió nằm mưa:* là nói người khách đi đường xa, phải xông pha mưa gió. Đây chỉ Kim Trọng.

4. *Đồng tâm:* cùng một lòng với nhau.

5. *Ôm cầm thuyền ai:* ôm đàn sang thuyền người khác mà gảy. *Cả câu ý* nói dẫu thế nào cũng chẳng bao giờ lấy người khác.

6. *Vầng Đông:* vầng mặt trời mọc ở phía Đông.

7. *Châu sa:* nước mắt rơi xuống. Xem *chú thích* câu 82.

8. *Buộc yên, quảy gánh:* ý nói tên gia đồng buộc lại yên ngựa cho cẩn thận rồi gánh đồ hành trang đi theo sau Kim Trọng.

9. *Đầu cành quyên nhặt:* (*nhặt*: mau, liền, trái với *thưa)* đầu cành chim quyên đã hót nhiều.

(*Quyên*: chim quyên tức *đỗ quyên*. Theo *Từ Hải, Từ Nguyên* và *Hình âm nghĩa tổng hợp đại tự điển* thì *đỗ quyên* là loại chim leo cây (phan cầm loại), lưng màu tro, bụng sắc trắng, đuôi dài, không biết làm tổ, đẻ trứng trên mặt đất rồi tha vào tổ chim khác để nhờ ấp và nuôi hộ. Tiếng chim *quyên* nghe buồn khiến lữ khách dễ động lòng nhớ nhà.

Tương truyền vua nước Thục là Đỗ Vũ thông dâm với vợ Biết Linh và truyền ngôi cho Biết Linh, rồi bỏ nước mà đi. Sau thác, Thục Đế hóa thành chim *đỗ quyên*, ngày đêm nhớ nước, kêu mãi không thôi.

Chim *đỗ quyên* còn gọi là *tử quy* hay *đỗ vũ*).

10. *Cuối trời nhạn thưa:* (*nhạn*: con ngỗng trời, con mòng), ở cuối chân trời những đàn chim nhạn (ngỗng trời) bay đi đã ít dần. *Cả câu* tả cảnh cuối mùa hạ, sang đầu mùa thu.

http://tieulun.hopto.org

Não người cữ gió tuần mưa [1],
Một ngày nặng gánh tương tư một ngày.
Nàng *còn* đứng *dựa* hiên tây,
Chín hồi [2] vấn vít như vầy mối tơ.
Trông chừng khói ngất song thưa,
Hoa trôi *trác* [3] thắm, liễu xơ xác vàng.
Tần ngần dạo gót lầu trang [4],
Một đoàn mừng thọ ngoại hương [5] *mới* về.
Hàn huyên [6] chưa kịp *dã dề* [7],
Sai nha [8] bỗng thấy bốn bề *xôn xao*.
Người nách thước [9], kẻ tay đao [10],
Đầu trâu mặt ngựa [11] ào ào như *sôi*.
Già giang [12] một lão một trai,
Một dây vô lại [13] buộc hai thâm tình [14].
Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh [15],

---

1. *Cữ gió tuần mưa:* (năm ngày là một cữ, mười ngày là một tuần) ý nói thương chàng Kim đi đường phải dãi dầu mưa gió lâu ngày mệt nhọc.

2. *Chín hồi:* do chữ *cửu hồi trường* nghĩa là trong lòng bối rối như chín khúc tơ vò.

3. *Trôi trác:* từ cổ có nghĩa như *trôi giạt*. Chữ *trôi trác* là từ kép được dùng để đối với *xơ xác* cũng là một từ kép, nếu dùng chữ *trôi giạt* thì lại không được chỉnh.

4. *Lầu trang:* chỗ đàn bà con gái ở.

5. *Ngoại hương:* quê ngoại.

6. *Hàn huyên:* lạnh ấm. Khi gặp nhau, người ta thường hỏi thăm nhau có mạnh khỏe không. Nói chung ra là những câu chuyện tâm phúc giữa hai người khi gặp nhau.

7. *Dã dề:* chào hỏi niềm nở, hỏi thăm vồn vã.

8. *Sai nha:* các thông lại và lính lệ ở các phủ huyện sai khiến đi để làm một việc gì.

9. *Nách thước:* cặp thước ở bên nách.

10. *Tay đao:* cầm đao trong tay.

11. *Đầu trâu mặt ngựa:* chỉ bọn sai nha có bộ dạng hung dữ độc ác như bọn quỷ sứ ở dưới âm phủ có đầu trâu mặt ngựa.

12. *Già giang:* (*già:* cái gông) cái gông đóng lấy cổ phạm nhân.

13. *Vô lại:* hoang tàng liều lĩnh, không còn có đạo đức gì, không còn có nhân nghĩa gì. Cũng có người nói là *vô loại* và giảng là không ra cái giống gì, không biết phải trái, không có lương tâm gì.

14. *Thâm tình:* tình sâu xa giữa cha con Vương ông và Vương Quan.

15. *Ruồi xanh:* con nhặng. Kinh Thi: *Thương dăng chi thanh:* tiếng những con ruồi xanh, ý nói đến những tiếng khá ố của bọn sai nha vang ầm nhà như đàn nhặng vậy.

http://tieulun.hopto.org

Rụng rời *khung dệt*, tan tành *gói may* [1].
Đồ tế nhuyễn [2], của riêng tây,
Sạch sành sanh *vét* cho đầy túi tham
Điều đâu bay buộc [3] ai làm?
Này ai đan *dậm* [4] giật giàm [5] bỗng dưng.
Hỏi ra, sau mới biết rằng:
Phải tên xưng xuất [6] *là* thằng bán tơ.
Một nhà hoảng hốt ngẩn ngơ,
Tiếng oan dậy đất, án ngờ *lòa* mây [7].
Hạ từ [8], van *vỉ* [9] suốt ngày,
Điếc tai lân tuất [10], phũ tay tồi tàn [11].
Rường [12] cao rút ngược dây oan [13],
Dẫu *là* đá cũng nát gan lọ người.
Mặt trông đau đớn rụng rời,
Oan này còn một kêu trời, nhưng xa.
Một ngày lạ thói [14] sai nha,
Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền.
Sao cho cốt nhục [15] vẹn tuyền,

---

1. *Khung dệt ... gói may:* câu này bản BK-TTK chép là *Rụng rời giọt liễu, tan tành gối mai* và đã giải thích là: *"gối mai là bởi chữ mai trẩm cũng như mai chướng là nói sự vui vẻ đoàn tụ trong nhà"*.

Tản Đà đã có nhận xét: *"Có bản viết là Rụng rời giậu liễu, tan tành cội mai"*. Song những lời giải đều không thông, và *mai* với *liễu* là những tiếng đặt lấy đẹp lời, không hợp dùng ở trong câu đây.

2. *Tế nhuyễn:* (*tế:* nhỏ, *nhuyễn*: mềm) đồ nhỏ nhặt ở trong nhà và đồ quần áo của đàn bà con gái.

3. *Bay buộc:* tay bay vạ buộc.

4. *Đan dậm:* đồ đan bằng tre, có miệng rộng hình bầu dục và có cán cầm dùng để đánh bắt tôm cá.

5. *Giật giàm:* giật cái bẫy để bắt các con thú hoặc bắt các con chim.

6. *Xưng xuất:* khai ra.

7. *Lòa mây:* ý nói án kia còn chưa rõ ràng, vẫn còn ngờ vực như bị mây che phủ.

8. *Hạ từ:* lời nói hạ mình để van xin, kêu oan.

9. *Van vỉ:* kêu xin năn nỉ.

10. *Lân tuất:* (*lân*: thương hại, *tuất:* thương xót) thương xót.

11. *Phũ tay tồi tàn:* phũ phàng đánh đập tàn nhẫn.

12. *Rường*: cái xà nhà.

13. *Dây oan:* dây trói người một cách oan ức. Câu này ý nói bọn sai nha trói và treo ngược hai cha con Vương ông và Vương Quan lên xà nhà.

14. *Lạ thói:* không lạ gì cái thói.

15. *Cốt nhục:* xương thịt, ý nói tình cha con, anh em cùng một dòng máu.

http://tieulun.hopto.org

Trong khi ngộ biến tòng quyền [1] biết sao?
Duyên hội ngộ [2], đức cù lao [3],
Bên *tình* bên *hiếu*, bên nào nặng hơn?
Để lời [4] thệ hải minh sơn [5],
Làm con trước phải đền ơn sinh thành [6].
Quyết tình [7] nàng mới hạ tình [8]:
"*Dẽ* [9] cho để thiếp bán mình chuộc cha!"
Họ Chung có kẻ lại già,
Cũng trong nha dịch [10] lại là từ tâm [11].
Thấy nàng hiếu trọng tình thâm [12],
Vì nàng, *nghĩ* [13] cũng thương thầm xót vay [14].
Tính bài lót đó luồn đây [15],
Có ba trăm lạng việc này mới xuôi.

---

1. *Ngộ biến tòng quyền:* (*quyền*: phép đối xử trong lúc có biến) gặp lúc biến thì phải tùy theo hoàn cảnh mà đối phó cho thích hợp.

2. *Hội ngộ:* nói đến cuộc gặp gỡ Kim Trọng mà đưa đến cuộc tình duyên giữa hai người.

3. *Cù lao:* (*cù:* siêng, *lao:* nhọc) công cha mẹ nuôi con vất vả nhọc nhằn, chữ lấy trong *Kinh Thi,* thơ *Lục Nga: Lục lục giả nga, phí nga y hào. Ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù lao* = Rau nga đã lên dài, chẳng phải là rau nga xưa kia nữa, mà chỉ là thứ cỏ hèn. Xót thương thay cho cha mẹ, đã cực nhọc sinh ra ta.

4. *Để lời:* gác lời thề lại để lo cứu cha trước đã.

5. *Thệ hải minh sơn:* (*minh:* thề) chỉ non thề biển, ý nói hai người chỉ núi, chỉ biển mà thề, lấy núi biển là những thứ bền vững lâu dài chứng minh cho.

6. *Sinh thành:* ơn cha mẹ sinh ra và nuôi cho khôn lớn.

7. *Quyết tình:* quyết định sau khi đã suy nghĩ ở trong lòng.

8. *Hạ tình:* bày tỏ ý tình của mình, bày tỏ sự quyết tâm của mình.

9. *Dẽ:* chỉ thái độ của Thúy Kiều chống lại sự can ngăn của mọi người, chống lại ý kiến của mọi người.

10. *Nha dịch:* người nha lại làm việc ở các phủ, huyện xưa.

11. *Từ tâm:* có lòng tốt, lòng hiền từ.

12. *Hiếu trọng tình thâm:* ý nói Thúy Kiều là người có tấm lòng rất hiếu thảo, coi trọng tình cha con.

13. *Nghĩ:* xét thấy, suy nghĩ. Bản KOM chép là *nghỉ* thì không thích hợp với Chung ông, một người nha lại có từ tâm, đáng kính trọng. Với một người như vậy mà gọi bằng *hắn, y, nó* thì thiếu hẳn sự tôn kính.

14. *Xót vay:* thương xót hộ cho Thúy Kiều.

15. *Lót đó luồn đây:* ý nói tính ngả này lo ngả nọ để cứu cho Vương ông và Vương Quan.

http://tieulun.hopto.org

Hãy về tạm phó [1] giam ngoài [2],
Dặn nàng qui liệu [3] trong đôi ba ngày.
Thương *tình* con trẻ thơ ngây [4],
Gặp cơn vạ *gió* tai bay [5] bất kỳ!
Đau lòng tử biệt sinh ly [6],
Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên!
Hạt mưa [7] sá nghĩ phận hèn,
Liệu đem tấc cỏ quyết đền ba xuân [8].
Sự lòng ngỏ với băng nhân [9],
Tin sương [10] đồn *đại* xa gần xôn xao.
Gần miền có một mụ nào,
Đưa người viễn khách [11] tìm vào vấn danh [12].
Hỏi tên, rằng: Mã Giám sinh [13].
Hỏi quê, rằng: Huyện Lâm Thanh [14] cũng gần.

---

1. *Tạm phó:* tạm giao cho.
2. *Giam ngoài:* giam ở nhà công sai, khỏi phải bị cùm giam trong ngục.
3. *Qui liệu:* sắp đặt thu xếp, lo liệu.
4. *Thơ ngây:* thường nói *ngây thơ* có nghĩa là trẻ dại, chưa biết gì.
5. *Vạ gió tai bay:* tai vạ đến thình lình như gió ở đâu bay tới.
6. *Tử biệt sinh ly:* chết rồi phải vĩnh biệt nhau, sống mà phải xa cách nhau đó là hai cái cảnh đau lòng nhất ở đời.
7. *Hạt mưa:* chỉ thân phận người con gái như hạt mưa sa, rơi vào hoàn cảnh nào phải chịu hoàn cảnh ấy như câu *ca dao* đã diễn tả: *"Thân em như hạt mưa sa, hạt vào đài các, hạt ra ruộng lầy".*
8. *Tấc cỏ ... ba xuân: Tấc cỏ* chỉ tấm lòng bé nhỏ của người con; *ba xuân* chỉ ba tháng của mùa xuân, ví với công ơn của cha mẹ. Mấy chữ này lấy ở trong câu thơ của Mạnh Giao (Đường): *"Thùy ngôn thốn thảo tâm, báo đắc tam xuân huy"* = ai dám nói rằng tấm lòng của người con bé nhỏ như tấc cỏ lại có thể báo đáp được công ơn của người mẹ chan hòa như ánh sáng của mùa xuân.
9. *Băng nhân:* chỉ người làm mối. Theo *Tấn thư,* truyện *Sách Đảm* có kể rằng Lệnh Hồ Sách mộng thấy mình đứng trên băng mà nói chuyện với người ở dưới băng. Giải mộng ấy Sách Đảm cho đó là việc âm dương, tức việc hôn nhân, ý nói sẽ làm mối cho người ta lấy nhau.
10. *Tin sương:* khi trời sắp có nhiều sương xuống thì có chim nhạn báo tin trước, nên thiên hạ đều biết. Đây nói tin nàng Kiều bán mình đồn khắp mọi nơi.
11. *Viễn khách:* khách phương xa.
12. *Vấn danh:* lễ đến hỏi tên tuổi người con gái.
13. *Mã Giám sinh:* người Giám sinh họ Mã.
Giám sinh là tên gọi của người học trò ở Quốc Tử Giám.
14. *Lâm Thanh:* tên huyện thuộc tỉnh Sơn Đông.

http://tieulun.hopto.org

Quá niên trạc ngoại *tứ* tuần [1],
Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao.
Trước thầy sau tớ *xôn xao*,
Nhà băng [2] đưa mối rước vào lầu trang [3].
Ghế trên ngồi tót *sổ sàng* [4],
Buồng trong mối đã giục nàng kíp ra.
Nỗi mình *thêm* tức nỗi nhà,
Thềm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng.
Ngại ngùng *giợn* gió e sương [5],
Nhìn hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày.
Mối càng vén tóc bắt tay [6],
Nét buồn như cúc [7], *điệu* gầy như mai [8].
Đắn đo [9], cân sắc cân tài,
Ép cung cầm nguyệt [10], thử bài quạt thơ [11].
Mặn nồng một vẻ một ưa,
Bằng lòng, khách mới tùy cơ dặt dìu.
Rằng: "Mua ngọc đến Lam Kiều [12],
Sính nghi [13] *xin* dạy bao nhiêu *cho tường*?"

---

1. *Ngoại tứ tuần:* ngoài bốn mươi tuổi.

2. *Nhà băng:* xem *chú thích* chữ *băng nhân*, câu 621.

3. *Lầu trang:* lầu đàn bà con gái ở, đây chỉ phòng Thúy Kiều ở.

4. *Sỗ sàng:* không biết ý tứ gì, không biết giữ lễ phép, dám đường đột ngồi lên ghế cao.

5. *Giợn gió e sương:* ý nói khi Thúy Kiều ở trong buồng đi ra ngó bộ như ngại ngùng chẳng khác nào cành hoa e ấp sợ gió sợ sương.

6. *Bắt tay:* nắm lấy tay đưa cho xem.

7. *Nét buồn như cúc:* nét buồn như cây cúc mùa thu.

8. *Điệu gầy như mai:* dáng gầy như mai mùa đông.

9. *Đắn đo:* cân nhắc so sánh xem hơn kém thế nào.

10. *Cầm nguyệt:* cái đàn nguyệt. Trần Văn Khê có tìm hiểu xem Thúy Kiều đã đánh cây đàn gì nhưng qua những ngôn từ của nhà thơ, *không phải ngôn từ của nhạc sĩ*, ông đã không xác định được và chỉ cho rằng: "*cái* cầm trăng *của Kim Trọng và cái* Hồ cầm *của Thúy Kiều* có lẽ chỉ là một nhạc khí". Chúng tôi không nghĩ như vậy vì cô Kiều *như Nguyễn Du đã giới thiệu* chỉ sành về *Hồ cầm* thôi. Sở dĩ trong *Truyện Kiều* có chỗ Nguyễn Du đã dùng chữ *cầm trăng* (c.467) hoặc *cầm nguyệt* (c.640) cũng chỉ vì sự bó buộc về *vần* hoặc về *thanh* mà thôi.

11. *Thử bài quạt thơ:* thử tài làm thơ của Thúy Kiều khi yêu cầu nàng đề vịnh *cái quạt*.

12. *Lam Kiều:* cầu Lam. Xem *chú thích* câu 266. *Cả câu* này ý nói muốn mua người đẹp phải đến tận nhà của mỹ nhân cũng như muốn mua ngọc phải đến tận Lam Kiều.

13. *Sính nghi:* nói chung các đồ dẫn cưới.

http://tieulun.hopto.org

Mối rằng: "*Đáng giá* nghìn vàng,
Gấp nhà [1], nhờ lượng người thương, dám nài".
Cò kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá *vâng* [2] ngoài bốn trăm.
Một lời, thuyền đã êm giầm [3],
Hãy đưa canh thiếp [4] trước cầm làm ghi.
Định *ngày* nạp thái [5] vu qui [6],
Tiền lưng đã *sẵn* việc gì chẳng xong!
Một lời cậy với Chung công,
Khất từ [7], tạm lĩnh Vương ông về nhà.
Thương tình con trẻ cha già,
Nhìn nàng ông *những* máu sa ruột rầu.
"Nuôi con những ước về sau,
Trao tơ [8] phải lứa, gieo cầu [9] đáng nơi.
Trời làm chi cực *bấy* trời,
Này ai vu thác [10] cho người hợp tan.
Búa rìu bao quản thân tàn [11],

---

1. *Gấp nhà:* nhà gặp sự rủi ro cấp bách quá, lúc ngặt quá cần phải đối phó cho kịp như chuyện Vương ông bị bắt, bị đánh đập tàn nhẫn cần phải cứu ngay ra.

2. *Vâng:* chữ này có bản để là *chịu*, có bản để là *ra* thì cũng tương tự nhưng nếu để là *vàng* thì sai vì Mã Giám sinh chỉ mua Kiều với giá 450 lạng bạc có làm văn ước hẳn hoi.

3. *Thuyền đã êm giầm:* (*giầm:* cái mái chèo) ý nói thuyền đã không còn chòng chành nữa ví với việc mua bán xong xuôi.

4. *Canh thiếp:* tấm thiếp biên tên tuổi của hai bên con trai con gái để so tuổi xem có hợp không.

5. *Nạp thái:* dẫn đồ cưới đến nhà gái.

6. *Vu qui:* về nhà chồng. Chữ lấy trong *Kinh Thi*, thiên *Thước sào: "Duy thước hữu sào, huy cưu cư chi. Chi tử vu qui, bách lưỡng nhạ chi"* = Con chim thước có ổ, con chim cưu đến ở. Nàng ấy đi lấy chồng, hàng trăm cỗ xe đón rước dâu". Đây dùng chữ *vu qui* để chỉ lễ rước dâu.

7. *Khất từ:* (*khất:* xin, *từ*: tờ) đơn xin một việc gì; đây là tờ đơn xin tạm lĩnh Vương ông về.

8. *Trao tơ:* chỉ việc kết hôn. Xem *chú thích* câu 540.

9. *Gieo cầu:* lấy điển tích trong sách *Tam hợp bảo kiếm:* Đời Hán, vua Vũ Đế khi kén phò mã đã cho công chúa ngồi trên lầu gieo quả cầu xuống, ai cướp được thì làm phò mã. Do điển này, chữ *gieo cầu* được dùng để chỉ việc kén chồng.

10. *Vu thác:* (*vu*: nói dối đổ lỗi cho ai, *thác:* đặt điều ra) nói người ta không có tội mà bày đặt sự việc ra để vu hại cho người ta.

11. *Thân tàn:* thân người đã đến tuổi già sắp chết. *Cả câu* ý nói hình phạt đâu có nghĩa lý gì với cái thân già (chỉ Vương ông) sắp chết.

http://tieulun.hopto.org

Nỡ đày đọa trẻ [1], càng oan *khốc* già [2].
Một *lần* sau trước cũng là,
Thôi thì mặt khuất, chẳng thà lòng đau".
Theo lời *càng* chảy dòng châu [3],
Liều mình ông *rắp* [4] gieo đầu tường vôi.
Vội vàng kẻ giữ người *coi*,
Nhỏ to nàng lại tìm lời khuyên can:
"Vẻ chi một *mảnh* hồng nhan [5],
Tóc tơ [6] chưa chút đền ơn sinh thành.
Dâng thư, đã thẹn nàng Oanh [7],
Lại thua ả Lý [8] bán mình hay sao?
Cỗi xuân [9] tuổi bạc càng cao,
Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành.
Lòng tơ [10] dù chẳng dứt tình,
Gió *mưa* [11] âu hẳn tan tành nước non [12].
Thà rằng liều một *thân* con,

---

1. *Trẻ:* chỉ Thúy Kiều.

2. *Già:* chỉ Vương ông.

3. *Dòng châu:* dòng nước mắt. Xem *chú thích* câu 82.

4. *Rắp:* toan, định. Chữ *rắp* này hợp lý hơn là chữ *đã* vì khi Vương ông định gieo đầu vào tường vôi, thì mọi người đều đã *"vội vàng kẻ giữ người coi"*..

5. *Hồng nhan:* má hồng, chỉ người đàn bà đẹp.

Mảnh hồng nhan: ngụ ý nói tấm thận của Thúy Kiều cũng không đáng giá gì so với công ơn của cha mẹ.

6. *Tóc tơ:* hai vật rất nhỏ dùng để nói đến một chút gì, một cái gì nhỏ nhặt nhất như một chút công ơn của cha mẹ chưa báo đáp được.

7. *Nàng Oanh:* nàng Đề Oanh đời Hán. *Hán thư* chép: Thuần Vu Ý làm quan phạm tội. Con gái là Đề Oanh đã dâng thư lên Hán Văn Đế xin chuộc tội cho cha. Vua cảm lòng hiếu thảo ấy đã tha cho cha nàng.

8. *Ả Lý:* Nàng Lý Ký đời Đường. *Đường tùng thư* chép: Nàng Lý Ký nhà nghèo đã phải bán mình cho làng cúng thần rắn để lấy tiền nuôi cha mẹ. Cuối cùng nàng đã giết được thần rắn mà khỏi chết. Vua Việt Vương nghe tin đón nàng vào cung lập làm hoàng hậu.

9. *Cỗi xuân:* gốc xuân già ví với người cha.

Xem chú thích câu 534.

10. *Lòng tơ:* lòng thương của Vương ông có nhiều mối vướng vít không muốn dứt tình.

11. *Gió mưa:* ý nói đến những tai họa gây ra do những cơn mưa gió; đây chỉ tai họa xảy đến cho gia đình Vương ông.

12. *Tan tành nước non:* tức tan tành cả gia đình, cơ nghiệp bị sụp đổ hết, nhà cửa tan nát chẳng còn gì.

http://tieulun.hopto.org

Hoa dù rã cánh, lá [1] còn xanh cây.
Phận sao đành vậy cũng vầy,
Cầm như chẳng đậu [2] những ngày còn xanh.
Cũng đừng tính quẩn *toan* quanh,
Tan nhà là một thiệt mình [3] là hai".
Phải lời ông cũng êm tai,
Nhìn nhau giọt ngắn giọt dài ngổn ngang.
Mái ngoài họ Mã vừa sang,
Tờ hoa [4] đã ký, cân vàng mới trao.
Trăng già độc địa làm sao?
Cầm dây [5] chẳng *lựa*, buộc vào tự nhiên.
Trong tay *đã sẵn* đồng tiền,
Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì.
Họ Chung ra sức giúp vì,
Lễ tâm [6] đã đặt, tụng kỳ [7] cũng xong.
Việc nhà đã tạm thong dong,
Tinh kỳ [8] giục giã đã mong độ về.
Một mình nàng ngọn đèn khuya,
Áo dầm giọt *lệ, tóc xe mối* sầu [9].
"Phận dầu, dầu vậy cũng dầu,

---

1. *Hoa...lá: hoa* ví nàng Kiều, *lá* ví với cha mẹ và hai em, *cây* ví với nhà cửa. *Cả câu ý* nói nếu một mình Kiều chịu bán mình thì cả nhà còn được sum họp.

2. *Chẳng đậu:* không nuôi được từ lúc mới sinh ra. Chữ *đậu* cũng viết là *đỗ*.

3. *Thiệt mình:* Ý nói đến việc Vương ông muốn đập đầu vào tường vội tự tử.

4. *Tờ hoa:* tức là tờ văn ước do Chung ông đứng ra bảo lãnh (viết ngày 15 tháng tư năm Gia Tĩnh thứ 11) về việc Thúy Kiều bán mình làm thiếp cho Mã Giám sinh lấy 450 lạng bạc, hẹn sau ba ngày khi việc quan kết liễu sẽ theo họ Mã ra đi. Chữ *hoa* được dùng cho đẹp lời.

5. *Trăng già ... cầm dây:* (*Trăng già* do chữ Nguyệt lão, *cầm dây* là cầm những sợi chỉ hồng) do điển ông già ngồi dưới bóng trăng cầm dây tơ hồng để xe duyên vợ chồng cho con trai và con gái. Xem *chú thích* câu 333.

6. *Lễ tâm:* lễ vật do lòng thành dâng lên.

7. *Tụng kỳ:* Kỳ xử án. *Cả câu ý* nói có Chung ông lo giúp, đem lễ cho quan, nên việc xử án cũng xong xuôi.

8. *Tinh kỳ: hôn kỳ dã, hôn giả kiến tinh nhi hành.* (KOM chú) là lúc cử hành lễ cưới, đám cưới thấy sao mọc thì ra đi). *Cả hai câu* 693 - 694 ý nói việc nhà đã tạm yên rồi, bây giờ phải lo sắp đặt việc đưa Kiều về cho họ Mã.

9. *Mối sầu:* bản BK - TTK lần in thứ nhất chép là *mái sầu* nhưng bản in lần thứ ba (1934) đã sửa lại là *mối sầu*. Nếu chép là *toc xe mối sầu* thì có thể hiểu là khi kết tóc lại thì xe cả mối sầu theo từng đoạn tóc. Những bản chép là *tóc se mái sầu* thì đã giảng là vì sầu không buồn chải tóc nên mái tóc khô đi.

http://tieulun.hopto.org

Xót lòng đeo đẳng [1] bấy lâu một lời.
Công trình [2] kể biết mấy mươi,
Vì ta khăng khít [3] cho người dở dang.
Thề hoa [4] chưa ráo chén vàng,
Lỗi thề thôi đã phũ phàng với hoa [5].
Trời Liêu [6] non nước bao xa,
Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi!
Biết bao duyên nợ thề bồi [7],
Kiếp này thôi thế *thì* thôi còn gì?
Tái sinh [8] chưa dứt hương thề,
Làm thân trâu ngựa [9] đền nghì trúc mai. [10]
Nợ tình chưa trả cho ai,
Khối tình [11] mang xuống Tuyền đài [12] chưa tan".
Nỗi riêng, riêng những bàn hoàn [13],
Dầu chong trắng đĩa [14], lệ tràn thấm khăn.

---

1. *Đeo đẳng:* theo đuổi mang lấy vào mình.

2. *Công trình:* các mức độ làm một việc gì khó nhọc, đây ý nói đến công phu của Kim Trọng để kết được mối duyên với Thúy Kiều.

3. *Khăng khít:* ràng buộc gắn bó. Nghĩa như chữ *khăng khít* trong câu 1341: *Bấy lâu khăng khít dải đồng.*

4. *Thề hoa:* dịch chữ *tiên thề* tức là lời thề viết trên giấy hoa tiên.

5. *Với hoa:* với Kim Trọng.

6. *Trời Liêu:* chỉ Liêu Dương, một huyện thuộc tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc, nơi Kim Trọng về hộ tang chú.

7. *Thề bồi:* nói chung về sự thề nguyền với nhau.

8. *Tái sinh:* kiếp sau, theo thuyết luân hồi của nhà Phật.

9. *Thân trâu ngựa:* theo thuyết luân hồi hễ ai có nợ kiếp này không trả được cho người ta thì kiếp sau phải đầu thai làm trâu ngựa để trả nợ cũ.

10. *Trúc mai:* cây trúc và cây mai, hai cây thường được vẽ thành cặp với nhau và cũng thường được trồng trong chậu để bên nhau nên trong văn chương thường dùng hai chữ trúc mai để chỉ mối tình thân thiết. *Ca dao* có câu: *Ai đi đường ấy hỡi ai, hay là trúc đã nhớ mai đi tìm.*

Cả câu ý nói Thúy Kiều cho là mình mắc nợ tình với Kim Trọng mà kiếp này không trả được thì kiếp sau xin đầu thai làm trâu ngựa để trả nợ.

11. *Khối tình:* điển xưa, có một người con gái phải lòng một người lái buôn rồi sinh ốm tương tư mà chết. Sau rồi khi cải táng thấy trong quan tài một khối cứng như thủy tinh to bằng quả tim. Chuyện đó đến tai người lái buôn. Anh ta đến xin được xem khối ấy, cảm động mà khóc. Nước mắt nhỏ vào khối ấy tan ra thành máu.

12. *Tuyền đài:* suối vàng.

13. *Bàn hoàn:* băn khoăn, nghĩ quanh nghĩ quẩn.

14. *Dầu chong trắng đĩa:* (*chong*: để đèn cháy) dầu trong đĩa vì thắp lâu suốt đêm đã hết nên đã lộ trắng cả đáy đĩa ra.

http://tieulun.hopto.org

Thúy Vân chợt tỉnh giấc xuân [1],
Dưới đèn *ghé đến* ân cần hỏi han:
"Cơ trời [2] dâu bể [3] đa đoan [4],
Một nhà để chị riêng oan một mình,
Cớ chi ngồi nhẫn [5] tàn canh
Nỗi riêng còn mắc *mối* tình chi đây?"
Rằng: "Lòng đương thổn thức đầy,
Tơ duyên [6] còn vướng [7] mối này chưa xong.
Hở môi ra, cũng thẹn thùng,
Để lòng thì phụ tấm lòng với ai [8]!
Cậy em, em có chịu lời?
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.
Giữa đường đứt gánh tương tư,
Keo loan [9] chắp mối tơ thừa [10], mặc em.
Kể từ khi gặp chàng Kim,
Khi ngày quạt ước [11], khi đêm chén thề.
Sự đâu sóng gió bất kỳ,
Hiếu tình *khôn* lẽ hai bề vẹn hai.
Ngày xuân em hãy còn dài,

---

1. *Giấc xuân:* giấc ngủ ngon, êm ái.

2. *Cơ trời:* do chữ *thiên cơ,* ý nói mọi việc ở đời đều do máy trời huyền bí vần xoay tạo dựng nên.

3. *Dâu bể:* nói sự đổi thay ở đời. Xem chú thích câu 3.

4. *Đa đoan:* nhiều sự rắc rối lôi thôi lắm.

5. *Ngồi nhẫn:* ngồi suốt mãi.

6. *Tơ duyên:* sợi tơ hồng kết duyên vợ chồng cho con trai và con gái. Xem *chú thích* câu 333.

7. *Vướng:* còn mắc phải.

8. *Với ai:* với Kim Trọng.

9. *Keo loan:* (chữ 膠 có hai cách đọc: đọc theo âm Hán Việt là *giao,* đọc theo âm chữ Nôm là *keo)* keo loan, một thứ keo nấu bằng tủy xương chim loan (có sách nói bằng máu chim loan) rất dính. Xưa vua Hán Vũ Đế đã dùng để nối dây cung bị đứt và dùng được rất bền.

10. *Tơ thừa:* ý nói mối duyên với Kim Trọng mà Thúy Kiều nhờ nối lại nhưng chữ *thừa* ở đây thiếu tế nhị. Nguyễn Du đã dùng nhiều lần chữ *thừa* như *hương thừa, phấn thừa hương cũ, hoa thải hương thừa, sống thừa...* với nghĩa còn dư lại, bỏ đi, có thể ở trường hợp câu 726 ông đã bị ép vận nên mới dùng chữ ấy.

11. *Quạt ước:* cái quạt mà Thúy Kiều đã tặng Kim Trọng khi hai bên thề ước với nhau. Sở dĩ trai gái hay tặng nhau quạt vì chiếc quạt có hai mặt giấy hoặc lụa dán liền vào nhau tượng trưng cho sự gắn bó keo sơn và sự hợp hoan. Chính vì vậy mà chiếc quạt còn được gọi là *hợp hoan phiến.*

http://tieulun.hopto.org

Xót tình máu mủ [1], thay lời nước non [2].
Chị dù thịt nát xương mòn,
Ngậm cười chín suối [3] hãy còn thơm lây.
Chiếc *thoa* [4] với bức tờ mây [5],
Duyên này [6] thì giữ, vật này [7] của chung.
Dầu em nên vợ nên chồng,
Xót người mệnh bạc [8] ắt lòng chẳng quên.
Mất người còn chút của tin,
Phím đàn với *mảnh hương* nguyền [9] ngày xưa.
Mai sau dù có bao giờ,
Đốt lò hương ấy, *so* tơ phím này.
Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.
Hồn còn mang nặng lời thề,
Nát thân bồ liễu [10], đền nghì trúc mai.
Dạ đài [11] cách mặt khuất lời,
Rảy xin chén nước cho người thác oan.
Bây giờ *trâm gãy gương* tan [12],

---

1. *Tình máu mủ:* tình chị em.
2. *Lời nước non:* lời thề chỉ non thề biển.
3. *Ngậm cười chín suối:* ý nói chết đi về suối vàng cũng được vui lòng.
4. *Chiếc thoa:* tức là chiếc thoa Thúy Kiều bị mất mà Kim Trọng nhặt được đã trả lại.

Tản Đà cũng cho *"chữ* thoa *đây, tức là chữ* thoa *trong câu* Giở kim thoa với khăn hồng trao tay. *Có nhiều bản đổi làm chữ* vòng *hay* vành, *thêm việc mà mất cả âm tưởng".*

5. *Tờ mây:* tờ giấy có vẽ mây ghi lời thề nguyền của Kim Trọng và Thúy Kiều mà Nguyễn Du đã kể ra ở câu 447: *Tiên thề cùng thảo một chương.*

6. *Duyên này:* tức tờ giấy ghi lời thề nguyền của Thúy Kiều thì giữ lấy để nối lại mối duyên với Kim Trọng khi chàng quay trở lại.

7. *Vật này:* tức là cái thoa thì để làm của chung coi như kỷ niệm của mối tình giữa hai chị em Thúy Vân - Thúy Kiều với Kim Trọng.

8. *Mệnh bạc:* số phận mỏng manh.

9. *Mảnh hương nguyền:* chỉ những mảnh trầm hương đốt trong buổi thề nguyền với Kim Trọng.

10. *Bồ liễu:* cỏ bồ và cây liễu, hai thứ cỏ cây yếu ớt thường dùng để ví với đàn bà con gái có dáng vẻ mềm mại, yếu ớt. *Cả câu* ý nói thân yếu ớt này dù có chết đi nữa cũng mong trả được nghĩa với Kim Trọng.

11. *Dạ đài:* âm phủ, chỗ ở tối như đêm.

12. *Trâm gãy gương tan: trâm* và *gương* là đồ trang sức của phụ nữ, *trâm gãy gương tan* là nói duyên phận đã lỡ làng.

http://tieulun.hopto.org

Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân.
Trăm nghìn gửi lạy tình quân [1],
Tơ *duyên* ngắn ngủi có ngần ấy thôi.
Phận sao phận bạc như vôi,
Đã đành nước chảy hoa trôi [2] *lỡ làng* [3].
"Ôi Kim lang! Hỡi Kim lang!
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!"
Cạn lời phách tán hồn bay,
Một hơi lặng ngắt, đôi tay giá đồng [4].
Xuân huyên [5] chợt tỉnh giấc nồng [6],
Một nhà tấp nập kẻ trong người ngoài.
Kẻ thang người thuốc bời bời,
Mới dầu [7] cơn vựng [8], chưa phai giọt hồng [9].
Hỏi: "sao ra sự lạ lùng?
Kiều càng nức nở *nói* không ra lời.
Nỗi nàng Vân mới rỉ tai:
Chiếc *thoa* [10] *này với* tờ bồi [11] ở đây!".
" - *Này* cha làm lỗi duyên mày,
Thôi thì *nỗi* ấy sau này đã em.
Vì ai rụng cải rơi kim [12],

---

1. *Tình quân:* tiếng người con gái gọi người tình nhân của mình.

2. *Nước chảy hoa trôi:* ý nói người con gái bị lâm vào cảnh đời lưu lạc, chìm nổi như cánh hoa bị nước chảy trôi đi bơ vơ giữa dòng.

3. *Lỡ làng:* không được đẹp duyên, dở dang cả cuộc đời.

4. *Giá đồng:* lạnh như đồng.

5. *Xuân huyên:* do chữ *xuân đường* và *huyên đường* dùng để chỉ cha mẹ. Xem *chú thích* các câu 224 và 534.

6. *Giấc nồng:* giấc ngủ say.

7. *Dầu:* nguôi đi, dịu đi.

8. *Cơn vựng:* cơn ngất xỉu, mê man đi.

9. *Giọt hồng:* giọt nước mắt đầy gian khổ tưởng chừng như có máu hòa lẫn vào, giọt lệ thảm. Do điển nàng Tiết Linh Vận đời Tùy từ biệt cha mẹ vào làm cung phi, khóc quá nước mắt chảy ra đỏ như có máu.

Truyện Kiều còn có câu: *Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm bao* (2836).

10. *Chiếc thoa:* chiếc thoa của Thúy Kiều bị mất mà Kim Trọng đã trả lại, nay được coi là vật kỷ niệm của Kim - Kiều.

11. *Tờ bồi:* tờ giấy viết lời thề bồi. Xem *chú thích* câu 447 (*tiên thề*) và câu 735 (*tờ mây*).

12. *Rụng cải rơi kim:* sách *Bác vật chí* nói: *"Hổ phách hút được hột cải, đá nam châm hút được chiếc kim"*. Đây nói *rụng cải rơi kim* tức là nói sự chia lìa giữa đôi tình nhân.

http://tieulun.hopto.org

Để con bèo nổi mây chìm vì ai?
Lời con dặn lại một hai,
Dẫu mòn bia đá dám sai tấc vàng!"
Lạy thôi nàng *mới thưa* chiềng [1]:
"Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi.
Sá chi thân phận tôi đòi,
Dẫu rằng xương trắng quê người, quản đâu!"
Xiết bao kể nỗi thảm sầu,
Khắc canh [2] đã giục *nam* lâu [3] mấy hồi.
Kiệu hoa đâu đã đến ngoài,
Quản huyền [4] đâu *đã* giục người sinh ly [5].
Đau lòng kẻ ở người đi,
Lệ rơi thấm đá [6], tơ chia rũ tằm [7].
Trời hôm mây kéo tối dầm,
Dàu dàu ngọn cỏ, đầm đầm cành sương.
Rước *nàng* về đến trú phường [8],
Bốn bề xuân *tỏa* [9] một nàng ở trong.
Ngập ngừng thẹn lục e hồng [10],
Nghĩ lòng lại xót xa lòng đòi phen.
Phẩm tiên [11] *rơi* đến tay hèn [12],

---

1. *Thưa chiềng:* thưa trình. Chữ *chiềng* là do chữ *trình* đọc chạnh ra cho hợp vần.

2. *Khắc canh:* (*khắc:* đồng hồ xưa là một cái bình có khắc nấc để xem giờ theo mực nước cạn dần, *canh:* khoảng thời gian chia một đêm ra để cắt phiên canh gác) thời khắc sang canh.

3. *Nam lâu:* lầu canh ở về phía Nam.

4. *Quản huyền:* (*quản*: ống sáo, ống tiêu, *huyền:* các thứ đàn có dây) đàn sáo, nói chung là tiếng âm nhạc.

5. *Sinh ly:* sống mà phải chia lìa nhau.

6. *Lệ rơi thấm đá:* ý nói khóc đến nỗi nước mắt chan hòa dầu đá cũng phải thấm vào.

7. *Tơ chia rũ tằm:* ý nói buồn đến nỗi trong lòng bị quặn đau như con tằm bị rút lấy tơ mệt lả đi, nằm rũ ra.

8. *Trú phường:* chỗ trọ trong phường phố.

9. *Bốn bề xuân tỏa:* ý nói nàng Kiều bị giữ ở kín một mình trong buồng xuân. *Xuân tỏa* cũng như *khóa xuân* trong câu 156: "*Một nền Đồng Tước khóa xuân hai Kiều*".

10. *Thẹn lục e hồng:* (*lục* và *hồng* là màu sắc hoa có về mùa xuân) ý nói sắc mặt ngó ra thẹn thùng.

11. *Phẩm tiên:* phẩm vật của tiên dùng tức *đào tiên*.

12. *Tay hèn:* tay người hèn hạ tức kẻ hèn hạ. *Cả câu* ý nói rằng nàng Kiều tự nghĩ mình là bậc quý giá mà lại rơi vào tay Mã Giám sinh, một tay hèn hạ không ra gì.

http://tieulun.hopto.org

Hoài công nắng giữ mưa gìn với ai!
Biết thân đến bước lạc loài [1],
Nhị đào [2] *thà bẻ* cho người tình chung.
Vì ai ngăn đón gió Đông [3],
Thiệt lòng khi ở, đau lòng khi đi.
Trùng phùng [4] dù họa có khi,
Thân này thôi có *còn* gì mà mong.
Đã sinh ra số long đong,
Còn mang lấy kiếp má hồng [5] được sao?
Trên *yên* [6] sẵn có con dao,
Giấu cầm [7] nàng đã *gói* vào *chéo* khăn.
Phòng khi nước đã đến chân [8],
Dao này thì liệu với thân sau này.
Đêm *thu* một khắc một chầy [9],
Bâng khuâng như tỉnh như say một mình.
Chẳng *ngờ* gã Mã Giám sinh,
Vẫn là một đứa phong tình [10] đã quen.
Quá chơi lại gặp hồi đen.
Quen *mồi* [11] lại kiếm ăn miền nguyệt hoa.

---

1. *Lạc loài:* bơ vơ vì xa cách hẳn người thân và bị sa vào tay kẻ xấu.

2. *Nhị đào:* nhị của bông hoa đào còn phong kín ví với sự trinh tiết của người con gái.

3. *Gió Đông:* gió từ phương Đông thổi đến, tức gió xuân.

4. *Trùng phùng:* gặp lại lần nữa.

5. *Má hồng:* dịch từ chữ *hồng nhan,* chỉ người đẹp.
Kiếp má hồng là kiếp của kẻ hồng nhan bạc mệnh.
Cả hai câu 797 - 798 ý nói nàng Kiều cho rằng mình đã gặp phải số xấu như thế thì còn mang làm gì mãi cái kiếp hồng nhan bạc mệnh, thà là chết đi cho rồi.

6. *Yên:* tức là chữ *án* đọc theo thanh bằng, có nghĩa là cái bàn như chữ *yên* trong câu 397: *Trên yên bút giá thi đồng.*

7. *Giấu cầm:* cầm lén không cho Mã Giám sinh trông thấy.

8. *Nước đã đến chân:* do câu tục ngữ *Nước đã đến chân thì phải nhảy,* ý nói gặp lúc nguy cấp thì phải tính đến nước liều thân.
Sáu câu (797 - 802) này đã cho chúng ta thấy được ý định của Thúy Kiều là nếu gặp cảnh tủi nhục quá thì sẽ tự vẫn cho xong đời hồng nhan bạc mệnh.

9. *Đêm thu một khắc một chầy:* ý nói đêm về mùa thu đã dài cứ trông cho mau sáng thành ra càng khắc càng trông thì lại thấy cứ dài thêm. Bản BK - TTK lần in thứ nhất chép là *thâu* nhưng ở lần thứ ba đã sửa lại là *thu.*

10. *Phong tình:* chỉ người ăn chơi, quen thói phong nguyệt.

11. *Quen mồi:* quen thuộc cái mồi ăn. Chữ này bản Hồ Đắc Hàm chép là *quen mùi.* Nguyễn Khắc Hiếu chép theo bản QVĐ là *quen vùng* và đã giải thích như sau: *"Mã Giám sinh nguyên là một người làng chơi, mà tốn hại đã lắm, mới xoay quanh lại làm chủ về việc chơi"...*

http://tieulun.hopto.org

Lầu xanh [1] có mụ Tú bà,
Làng chơi [2] đã trở về già hết duyên.
Tình cờ chẳng hẹn mà nên,
Mạt của mướp đắng [3] đôi bên một phường.
Chung lưng [4] mở một ngôi hàng,
Quanh năm buôn phấn bán hương [5] đã lề [6].
Dạo tìm khắp chợ thì quê [7],
Giá danh hầu hạ, dạy nghề ăn chơi.
Rủi may âu [8] cũng sự trời,
Đoạn trường lại *chọn* mặt người vô duyên
Xót nàng, chút phận thuyền quyên [9],
Cành hoa [10] đem bán vào thuyền lái buôn [11].
Mẹo lừa [12] đã mắc vào khuôn [13],
Sính nghi [14] rẻ giá, nghinh hôn [15] sẵn ngày [16].

---

1. *Lầu xanh:* do chữ *thanh lâu* xưa chỉ chỗ ở của các nhà quyền quý sau từ đời Lương, đời Đường được dùng để chỉ nhà chứa gái làng chơi.

2. *Làng chơi:* chỉ chung những kẻ ăn chơi ở chốn lầu xanh.

3. *Mạt cưa mướp đắng:* ý nói cùng một phường gian dối lừa gạt. Nghĩa ấy là do câu chuyện xưa có một người đi bán mạt cưa giả làm cám, một người đi bán mướp đắng giả làm dưa chuột đã bán lẫn cho nhau thành ra hai anh bợm lại mắc bợm của nhau.

4. *Chung lưng:* góp vốn chung với nhau.

5. *Buôn phấn bán hương:* phấn hương là đồ trang sức của con gái, buôn bán phấn hương là lợi dụng sắc đẹp của con gái để làm nghề mại dâm.

6. *Đã lề:* đã quen, đã thành một cái lệ, đã thành thạo.

7. *Khắp chợ thì quê:* tìm khắp ở chỗ thành thị đến cả miền thôn quê.

8. *Âu:* dễ thường, có lẽ.

9. *Thuyền quyên:* con gái có sắc đẹp.

10. *Cành hoa:* nói người con gái đẹp như hoa.

11. *Thuyền lái buôn:* chỉ Mã Giám sinh chuyên đi buôn người về dạy nghề ăn chơi.

12. *Mẹo lừa:* mưu kế của Mã Giám sinh để lừa Thúy Kiều.

13. *Khuôn:* vòng.

14. *Sính nghi:* đồ dẫn cưới.

15. *Nghinh hôn:* lễ rước dâu, đón dâu.

16. *Sẵn ngày:* ngày đã định sẵn từ trước.

http://tieulun.hopto.org

Mừng thầm: "cờ đã đến tay [1],
Càng nhìn vẻ ngọc [2], càng say khúc vàng [3].
Đã nên quốc sắc thiên hương [4],
Một cười này hẳn nghìn vàng, chẳng ngoa.
Về đây nước trước bẻ hoa [5],
Vương tôn [6] quý khách ắt là đua nhau.
Hẳn ba trăm lạng [7] kém đâu,
Cũng *đà* vừa vốn [8] còn sau thì lời.
Miếng ngon [9] kề đến tận nơi,
Vốn nhà cũng tiếc, của trời cũng tham.
Đào tiên đã bén tay phàm,
Thì vin cành quít [10] cho cam sự đời.
Dưới trần mấy mặt làng chơi,
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.
Nước vỏ lựu, máu mào gà [11],
Mượn màu chiêu tập [12] lại là còn nguyên.

---

1. *Cờ đã đến tay:* tục ngữ có câu: *"Cờ đến tay thì phất"* đây ý nói Mã Giám sinh mừng thầm là nàng Kiều đã về tay mình thì mình phải hưởng trước.

2. *Vẻ ngọc:* vẻ đẹp của tấm thân trong trắng như ngọc.

3. *Khúc vàng:* khúc lòng, chữ *vàng* đây chỉ dùng cho đẹp lời để đối với chữ *ngọc.*

Cả câu ý nói: càng ngắm nàng Kiều với tấm thân ngà ngọc thì lòng Mã Giám sinh càng thêm có dục vọng.

4. *Quốc sắc thiên hương:* sắc nước hương trời, chỉ người đàn bà đẹp nổi tiếng.

5. *Nước trước bẻ hoa:* ý nói ai cũng muốn được đến với nàng Kiều trước nhất để được là người đầu tiên *"bẻ hoa"*.

6. *Vương tôn:* con cháu vua quan, đây chỉ khách ăn chơi phong lưu.

7. *Ba trăm lạng:* đúng ra phải là *bốn* trăm lạng mới *"vừa vốn"* nhưng vì chữ thứ nhì đó thuộc thanh bằng nên Nguyễn Du đã phải viết *ba* trăm lạng.

8. *Vừa vốn:* ý Mã Giám sinh cho rằng các vương tôn quý khách đến chơi ai muốn *"bẻ hoa"* trước cũng phải ba trăm lạng mà số tiền ấy cũng đã vừa gần vốn rồi, về sau thời là có lời.

9. *Miếng ngon:* Mã Giám sinh nghĩ nàng Kiều về ở cùng phòng với mình cũng là miếng ngon kề bên miệng, nếu không hưởng thời cũng uổng.

10. *Cành quít:* chữ này hơi khó hiểu, nên mỗi người chú thích *Truyện Kiều* lại giảng mỗi khác. Theo Tản Đà thì câu 834 nếu viết là : *"Thì vin cành đào cho cam sự đời"* sẽ rõ nghĩa ngay nhưng chữ *đào* lại thuộc thanh bằng nên Nguyễn Du đã phải đổi ra là *"Thì vin cành quít cho cam sự đời"*. Giảng như bản Tản Đà cũng có lý vì trong *Truyện Kiều* có một chỗ vì thanh *bằng trắc* Nguyễn Du đã phải thay đổi chữ đi. Thí dụ: *thuần lô* thành *thuần hức.*

11. *Nước vỏ lựu, máu mào gà:* khi người con gái đã tiếp khách rồi thì lấy vỏ cây lựu nấu nước để rửa rồi lấy máu ở mào con gà bôi vào, giả làm con gái còn trinh.

12. *Chiêu tập:* (gọi về nhóm lại) ý nói sửa chữa lại cho được nguyên như cũ.

http://tieulun.hopto.org

Mập mờ đánh lận [1] con đen [2],
Bao nhiêu [3] cũng bấy nhiêu tiền *mất* chi?
Mụ già hoặc có điều gì,
Liều công *mất* một buổi quì mà thôi.
Vả đây đường sá xa xôi,
Mà ta bất động [4] nữa người sinh nghi."
Tiếc thay! Một đóa *trà* mi [5],
Con ong đã *mở* đường đi lối về.
Một cơn mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương.
Đêm xuân [6] một giấc mơ màng,
Đuốc hoa [7] để đó mặc nàng nằm trơ [8].
Nỗi riêng tầm tã tuôn mưa,
Phần *căm* nỗi khách, phần *dơ* nỗi mình.
"Tuồng chi [9] là giống hôi tanh,
Thân ngàn vàng [10] để ô danh má hồng.
Thôi còn chi nữa mà mong,
Đời người thôi thế là xong một đời."
Giận duyên tủi phận bời bời,
Cầm dao nàng đã toan bài quyên sinh [11].
Nghĩ đi nghĩ lại một mình:

---

1. *Đánh lận:* đánh lừa.
2. *Con đen:* dịch từ chữ *lê dân* là dân đen đầu.
Đây dùng để chỉ khách làng chơi khờ khạo.
3. *Bao nhiêu:* bao nhiêu tiền. *Cả câu* này Mã Giám sinh muốn nói mình đòi bao nhiêu tiền thì khách làng chơi cũng trả bấy nhiêu, có thiệt hại gì đâu.
4. *Bất động:* chẳng làm gì.
5. *Trà mi:* đúng ra là chữ *đồ mi*. Các bản Nôm in chữ 荼 (đồ) thiếu một nét thành chữ 茶 (trà) hoặc các cụ xưa không muốn dùng chữ *đồ* nên đã đổi thành chữ *trà*. Hoa đồ mi nở về cuối xuân, sang đầu mùa hạ khi các loại hoa khác đã nở hết.
Đường thi: *Khai đáo đồ mi hoa sự liễu* = nở đến hoa đồ mi thì việc thưởng hoa đã xong. Nguyễn Du đã lấy chữ "*hoa sự liễu*" để chỉ việc Kiều bị thất tiết với Mã Giám sinh: "*Con ong đã mở đường đi lối về*".
6. *Đêm xuân:* đêm của đôi vợ chồng mới cưới, chan chứa tình xuân. Chữ *đêm xuân* đây cũng giống như *chiều xuân* ở câu 348.
7. *Đuốc hoa:* do chữ *hoa chúc* là cây đèn thắp trong phòng tân hôn.
8. *Nằm trơ:* nói Kiều nằm trơ ra đó một mình còn Mã Giám sinh thì đã ra khỏi phòng để đuốc hoa suốt đêm không tắt.
9. *Tuồng chi:* không ra dáng chi, không ra bộ chi.
10. *Thân ngàn vàng:* tấm thân quí trọng. Thúy Kiều nghĩ đến tấm thân ngàn vàng của mình thì đau khổ vô cùng vì đã bị kẻ hôi tanh làm ô danh má hồng.
11. *Quyên sinh:* (*quyên:* bỏ; *sinh:* cuộc sống) bỏ mình liều chết.

http://tieulun.hopto.org

"Một *mình* thì chớ, hai tình [1] thì sao?
Sau dầu sinh sự [2] thế nào,
Truy nguyên [3] chẳng kẻo [4] lụy vào song thân.
Nỗi mình âu cũng giãn dần [5],
Kíp chầy thôi cũng một lần [6] mà thôi".
Những là đo đắn [7] ngược xuôi,
Tiếng gà nghe đã gáy sôi [8] mái tường.
Lầu mai [9] vừa rúc còi sương [10],
Mã sinh *giục giã* vội vàng ra đi.
Đoạn trường thay lúc *phân* kỳ,
Vó câu [11] khấp khểnh, bánh xe gập ghềnh.
Bề ngoài mười dặm trường đình [12],
Vương ông mở tiệc tiễn *hành* [13] đưa theo.
Ngoài *thì* chủ khách dập dìu.
Một nhà huyên [14] với một Kiều ở trong.
Nhìn càng lã chã giọt hồng [15],
Rỉ tai, nàng mới giải lòng khấp cao:
"Hổ sinh ra phận thơ đào [16],
Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong?
Lỡ làng nước đục *bụi* trong [17],

---

1. *Hai tình:* hai người tình thâm tức là cha và mẹ.
2. *Sinh sự:* gây sự, gây ra việc khó khăn cho gia đình.
3. *Truy nguyên:* tìm ra nguồn gốc của sự việc.
4. *Chẳng kẻo:* chẳng khỏi, e bị.
5. *Giãn dần:* nguôi dần, bớt dần.
6. *Một lần:* một lần chết. *Cả câu* ý nói thôi hãy chờ đó để xem sao, trước sau cũng chỉ một lần chết mà thôi.
7. *Đo đắn:* tính đi tính lại xem hơn thiệt ra sao.
8. *Gáy sôi:* gáy vang dội lên vì có nhiều con cùng gáy một lúc.
9. *Lầu mai:* lầu canh, chòi canh lúc gần sáng.
10. *Còi sương:* nói rúc còi lúc trời chưa sáng, hãy còn hơi sương.
11. *Vó câu:* vó ngựa.
12. *Trường đình:* (*trường:* dài, *đình:* cái đình, cái quán) cái nhà trạm. Đời Tần cứ mười dặm đường thì đặt một cái nhà trạm để cho khách nghỉ chân.
13. *Tiễn hành:* (*tiễn:* đưa chân, *hành:* đi) khi sắp đi xa người ta thường làm tiệc rượu đưa nhau gọi là tống *tiễn* hay *tiễn hành*.
14. *Nhà huyên: huyên đường* chỉ người mẹ, đây là Vương bà.
Xem *chú thích* câu 224.
15. *Giọt hồng:* giọt lệ. Xem *chú thích* câu 762.
16. *Thơ đào:* chỉ thân phận yếu đuối như cây đào non. Ta thường nói: *yếu liễu thơ đào*.
17. *Nước đục bụi trong:* nước trong mà hóa ra đục, bụi bẩn đục mà hóa ra trong sạch, chỉ cảnh huống trái ngược; như thân ngàn vàng mà lại gửi vào giống hôi tanh không còn phân biệt gì đục trong nữa.

http://tieulun.hopto.org

Trăm năm để một tấm lòng từ đây.
Xem gương [1] trong bấy nhiêu ngày,
Thân con chẳng kẻo [2] mắc tay bợm già.
Khi về bỏ vắng trong nhà,
Khi vào *dùng dắng* [3], khi ra vội vàng.
Khi ăn, khi nói lỡ làng,
Khi thầy, khi tớ xem thường xem khinh.
Khác màu kẻ quí người thanh,
Ngẫm ra cho kỹ, như hình con buôn.
Thôi! Con còn nói chi con [4],
Sống nhờ đất khách, *thác* chôn quê người".
Vương bà nghe bấy nhiêu lời,
Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên.
Vài tuần chưa cạn chén khuyên [5],
Mé ngoài nghỉ [6] đã giục liền ruổi *xe*.
Xót con lòng nặng chề chề,
Trước yên [7], ông đã *nằn nì* thấp cao:
"*Chút* thân *yếu liễu* [8] thơ đào,
Rấp [9] *nhà* đến nỗi *dấn* vào tôi ngươi [10].
Từ đây góc bể bên trời [11],
Nắng mưa thui thủi quê người một thân.

---

1. *Xem gương:* xem bộ dạng Mã Giám sinh.

2. *Chẳng kẻo:* e phải, chắc rằng.

3. *Dùng dắng:* coi bộ ngập ngừng, không đàng hoàng. Bản Nôm KOM viết là *dồi dắng* 潍孕 ; vì chữ *dồi* 潍 giống chữ 堆 *đôi* và chữ *dắng* 孕 giống chữ *đóa* 朵, nên BK-TTK đã phiên âm là *đôi đóa*. Thực ra hai chữ ấy là *dồi dắng*. Trương Vĩnh Ký đã phiên là *dùi thẳng:* chữ này cũng có nghĩa như *dồi dắng, dùi dắng, dùng dắng*. *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của có ghi đủ mấy chữ này.

4. *Thôi ! Con còn nói chi con:* Thôi ! Mẹ ơi ! Thân con còn nói làm chi, con tự nay sống là kẻ lưu lạc quê người, chết là con ma nơi đất khách.

5. *Chén khuyên:* chén rượu khuyên nhủ lúc đưa chân lên đường.

6. *Nghỉ:* hắn. Ở đây dùng chữ *nghỉ* mới thích hợp vì Mã Giám sinh là *"đứa phong tình"* đáng khinh bỉ. Nguyễn Du còn dùng chữ *"nghỉ"* để chỉ Sở Khanh ở câu 1188.

7. *Trước yên:* trước yên ngựa.

8. *Yếu liễu:* ví thân người con gái yếu ớt như cây liễu.

9. *Rấp:* điều rủi, điều không may xay đến một cách ngặt nghèo. Chữ *rấp* cũng viết là *rớp*.

10. *Tôi ngươi:* làm tôi tớ cho người.

11. *Góc bể bên trời:* nói ở chỗ xa xôi đất khách quê người.

http://tieulun.hopto.org

Nghìn tầm nhờ bóng tùng quân [1],
Tuyết sương che chở cho thân cát đằng [2]."
Cạn lời khách mới thưa rằng:
"Buộc chân thôi cũng xích thằng [3] nhiệm trao. [4]
Mai sau dầu đến thế nào,
Kìa gương nhật nguyệt, nọ dao quỷ thần".
Đùng đùng gió giục mây *vần,* [5]
Một xe trong cõi hồng trần [6] như bay.
Trông vời gạt lệ *chia* tay,
Góc trời thăm thẳm, *ngày* ngày đăm đăm.
Nàng thì *dặm* khách [7] xa xăm,
Bạc phau cầu giá [8], đen dầm ngàn mây [9].
Vi *lô* san sát hơi may [10],
Một trời thu để riêng *ai* một người.
Dặm khuya ngất tạnh [11] mù khơi,
Thấy trăng mà thẹn những lời non sông [12].
Rừng thu [13] *từng* biếc *xen* hồng [14],
Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn [15].

---

1. *Tùng quân:* cây tùng, cây trúc hai cây mọc rất thẳng và cao, tượng trưng cho người trượng phu, kẻ quân tử.

2. *Cát đằng:* (*cát:* dây sắn, *đằng:* dây bìm) hai thứ cây leo chỉ sống nhờ vào cây khác che chở cho mọc lên.

3. *Xích thằng:* sợi dây đỏ để buộc chân những cặp trai gái thành vợ chồng.
Xem *chú thích* câu 333.

4. *Nhiệm trao:* Mã Giám sinh nói để an ủi Vương ông rằng duyên vợ chồng cũng là do *nguyệt lão* xe nên một cách nhiệm mầu lắm.

5. *Gió giục mây vần:* ý nói xe đi nhanh lắm.

6. *Hồng trần:* (*hồng:* đỏ; *trần:* bụi) bụi đỏ, đây chỉ cảnh đi đường, xe chạy cuốn tung bụi đỏ lên.

7. *Dặm khách:* dặm đường xa nơi đất khách.

8. *Cầu giá:* (*giá:* nước đóng thành lớp băng mỏng) cầu có giá phủ.

9. *Ngàn mây:* (*ngàn:* rừng cây mọc trên núi) rừng núi ở chân trời có mây phủ.

10. *Hơi may:* hơi gió heo may thổi về mùa thu.

11. *Ngất tạnh:* nói trời cao ngất và quang đãng.

12. *Lời non sông:* lời thề nguyền có nước non làm chứng. *Cả câu* ý nói Thúy Kiều trông thấy vừng trăng thì nhớ đến những lời thề xưa với Kim Trọng mà tự thẹn.

13. *Rừng thu:* rừng phong về mùa thu.

14. *Từng biếc xen hồng:* cây phong về mùa thu lá đỏ toàn cành nên trông lên khu rừng trên núi thấy từng vòm lá đỏ hồng chen lẫn với những vòm lá cây khác màu xanh. Kiều Oánh Mậu sửa là *rỗ biếc ố hồng* (như bản DMT) thì sai vì ông đã hiểu lầm *cây phong* là cây bàng.

15. *Thần hôn:* (*thần:* buổi sớm, *hôn:* buổi chiều tối) nói đến việc con cái sớm tối thăm nom cha mẹ, xem cha mẹ có được mạnh khoẻ luôn không.

http://tieulun.hopto.org

Những là lạ nước lạ non,
Lâm Truy [1] vừa một tháng tròn *đến* nơi.
Xe châu [2] dừng bánh cửa ngoài,
Rèm trong đã thấy một người bước ra.
Thoát trông *nhờn nhợt* màu da,
Ăn gì cao lớn đẫy đà làm sao?
Trước xe *lơi* lả *han* chào [3],
Vâng lời nàng mới bước vào tận nơi.
Bên thì mấy ả mày ngài [4],
Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi.
Giữa thì hương *án* [5] hẳn hoi,
Trên treo một tượng trắng đôi lông mày [6].
Lầu xanh [7] quen lối xưa nay,
Nghề này thì lấy ông này tiên sư [8].
Hương hoa hôm sớm phụng thờ,
Cô nào xấu vía [9] *có* thưa mối hàng,
Cổi xiêm lột áo *chán chường* [10],
Trước *thần* sẽ nguyện mảnh hương lầm rầm.
Đổi hoa, lót *xuống* chiếu nằm,
Bướm *ong* [11] *bay* lại ầm ầm tứ vi [12].
Kiều còn ngơ ngẩn biết gì,
Cứ lời dạy xuống mụ thì khấn ngay:
"*Cửa* hàng buôn bán cho may,

---

1. *Lâm Truy:* tên huyện thuộc tỉnh Sơn Đông. Chữ 淄 phải đọc là *Truy* mới đúng.
2. *Xe châu:* xe có rèm trang sức bằng những hạt cườm, hạt châu.
3. *Han chào:* chào mừng hỏi han về việc đi đường.
4. *Ả mày ngài:* gái làng chơi.
5. *Hương án:* án để trước bàn thờ bày hương hoa, bộ ngũ sự, quản phẩm...
6. *Tượng trắng đôi lông mày:* tức bức hình vẽ thần *Bạch mi* là tổ sư của chỗ thanh lâu.
7. *Lầu xanh:* dịch chữ *thanh lâu*, xem *chú thích* câu 809.
8. *Tiên sư:* người đã có công lập ra một nghề nghiệp gì, cũng gọi là ông tổ.
9. *Xấu vía:* ở lầu xanh nếu cô nào không đắt khách thì người ta cho là xấu vía.
10. *Chán chường:* tỏ tường, bày ra trước mắt (*Đại Nam quốc âm tự vị*, Huỳnh Tịnh Của). Quyển *Dictionnaire Annamite - Français* của J.F.M. Géinibrel đã giảng là *"qui saute aux yeux thì cũng có nghĩa như "bay ra trước mắt"*. Cả câu ý nói: Tú bà bắt Thúy Kiều phải cởi bỏ quần áo ra trước bàn thờ Bạch mi và trước mắt mọi người.
11. *Bướm ong:* ví với khách làng chơi hiếu sắc.
12. *Tứ vi:* (*vi:* vòng vây) bốn phía.

http://tieulun.hopto.org

Đêm đêm [1] Hàn thực [2], ngày ngày [3] Nguyên tiêu [4].
Muôn nghìn người thấy cũng yêu,
Xôn xao anh yến [5], dập dìu trúc mai [6].
Tin nhạn [7] *vấn* [8], lá thư [9] bài [10],
Đứa người cửa trước, rước người cửa sau".
Lạ tai nghe chửa biết đâu,
Xem tình ra cũng những màu dớ dang.
Lễ xong hương hỏa *gia* đường [11],
Tú bà vắt nóc [12] lên giường ngồi ngay.
Dạy rằng: "Con lạy mẹ đây,

---

1. *Đêm đêm:* đúng ra phải nói *ngày ngày*.

2. *Hàn thực:* ngày ăn đồ nguội (lạnh), ở vào khoảng 105 ngày sau tiết Đông chí, để tưởng nhớ Giới Tử Thôi. Theo *Hậu Hán thư*, Giới Tử Thôi giúp Tấn Văn Công khôi phục được đất nước nhưng đã không được nhà vua trọng dụng, ông bèn vào rừng ở ẩn. Vua cho người đi mời về, ông nhất định không chịu về. Nhà vua không biết làm thế nào đã cho đốt rừng. Ông vẫn ở trong đó chịu chết. Nhà vua thương tiếc mới đặt ra lễ Hàn thực, cấm lửa ba ngày chỉ ăn đồ nguội.

3. *Ngày ngày:* đúng ra phải nói *đêm đêm*.

4. *Nguyên tiêu:* đêm tiết Thượng nguyên, tức rằm tháng giêng âm lịch. Tục xưa ở Trung Quốc đêm ấy thắp đèn vui chơi suốt đêm.

5. *Anh yến:* tên hai thứ chim, con trống con mái thường bay cặp với nhau nên được dùng để ví với cảnh trai gái giao du thân mật với nhau

6. *Dập dìu trúc mai:* ý nói khách làng chơi lui tới dập dìu, đông đúc.

Trúc mai: cây trúc, cây mai, vì hai cây thường được bày gần nhau hoặc được vẽ thành cặp với nhau, nên được dùng để ví với tình nghĩa thân thiết.

Cả câu ý nói lúc nào cũng có đông khách làng chơi đến với Thúy Kiều.

7. *Tin nhạn:* (*nhạn:* loài ngỗng trời). *Hán thư* chép rằng: Tô Vũ đời Hán sang sứ Hung Nô bị bắt đi chăn dê ở phương Bắc. Sau hai nước hòa thán với nhau. Vua Hán đòi lại Tô Vũ nhưng chúa Thiền Vu nói rằng Tô Vũ đã chết. Thường Huệ bày mưu cho vua Hán, nói rằng có bắn được một con chim nhạn chân nó có buộc lá thư của Tô Vũ gửi về. Thiền Vu sau đó phải tìm Tô Vũ để trả lại cho vua nhà Hán. Do điển đó *tin nhạn* được dùng để chỉ tin tức.

8. *Vẩn:* đến thật nhiều, rối bời lên.

9. *Lá thư:* tức những bức thư của khách làng chơi gửi tới.

10. *Bài:* 排 bày ra đầy bàn, ý nói thật nhiều. Chữ 排 cũng có thể đọc là *bời* có nghĩa là ngổn ngang, nhiều đến rối bời lên, hết lá thư này lại đến lá thư khác.

11. *Hương hỏa gia đường:* bàn thờ tổ tiên, đây là bàn thờ thần Bạch mi, ông tổ thanh lâu.

12. *Vắt nóc:* ngồi lên cao và vắt chéo chân lại.

http://tieulun.hopto.org

Lạy rồi *sang* lạy cậu mày [1] bên kia"!
Nàng rằng: "Phái bước lưu ly [2],
Phận hèn, vâng đã cam bề tiểu tinh. [3]
Điều đâu lấy yến làm anh [4],
Ngây thơ chẳng biết là danh phận [5] gì?
Đủ điều nạp thái [6] vu quy [7],
Đã khi chung chạ, lại khi đứng ngồi.
Giờ ra thay bậc đổi ngôi,
Dám xin gửi lại [8] một lời cho minh [9]".
Mụ nghe nàng nói hay tình,
Bây giờ mới nổi Tam Bành [10] mụ lên:
"Này này sự đã quá nhiên,
Thôi đà cướp sống [11] *chồng* min [12] đi rồi!"

---

1. *Cậu mày:* chữ *cậu* có nghĩa là bố chồng. *Cậu* là chữ Nôm, *cữu* là chữ Hán. Chữ *cữu* có mấy nghĩa như sau: 1. anh em với mẹ mình; 2. bố chồng (con dâu gọi bố chồng là cữu); 3. bố vợ (chồng gọi bố vợ là ngoại cữu), 4 các anh em vợ cũng gọi là cữu. Như vậy Tú bà bắt Kiều gọi mình là mẹ thì cũng coi Kiều là con dâu nên đã bắt Kiều lạy Mã Giám sinh bằng *cậu* tức bố chồng là đúng rồi. Tú bà coi Mã Giám sinh là chồng của mình. *Nguyên truyện* đã viết: "*Kiều đạo: Tha thị trượng phu, dữ ngã đồng miên đồng túc, kim nhật chẩm ma giáo ngã khiếu tha tố các cữu cữu? Tú mụ thính liễu; cấp đắc tam thi thần bạo khiêu! Đạo: Giá đăng thuyết lai, nễ yếu chiếm ngã đích lão công liễu!*" = Kiều rằng: Ông ấy là chồng tôi, đã ăn nằm với tôi, hôm nay sao lại bảo tôi kêu ông ấy bằng cậu? Tú bà nghe đoạn thần Tam Bành tức thì nổi dậy. Mụ nói: "Cứ lời mày nói đó thì mày đã chiếm mất chồng tao rồi".

2. *Lưu ly:* trôi nổi xa lìa quê hương.

3. *Tiểu tinh:* sao nhỏ, chỉ người vợ lẽ, chữ lấy trong *Kinh Thi*, bài *Tiểu tinh*.

4. *Lấy yến làm anh:* ý nói đâu có sự đổi ngôi, từ chỗ lấy lẽ xuống làm con dâu được.

5. *Danh phận:* danh hiệu và chức phận, vợ lẽ hay dâu con.

6. *Nạp thái:* lễ dẫn cưới.

7. *Vu quy:* lễ rước dâu.

8. *Gửi lại:* thưa lại.

9. *Cho minh:* cho rõ ràng.

10. *Tam Bành:* Theo kinh của Đạo gia thì trong thân người ta có ba vị thần là Bành Kiểu, Bành Cứ và Bành Chất. Ba vị thần ấy thường hay xui người ta làm điều ác rồi lên tâu với Ngọc Hoàng thượng đế.

Nổi Tam Bành: nổi giận lên mà làm dữ, dùng riêng để chỉ về đàn bà.

11. *Cướp sống:* cướp một cách trắng trợn.

12. *Chồng min:* (*min:* ta, tao. *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của) chồng ta, chồng tao. Bản *Quan văn đường* chép là *của min* thì cũng có thể hiểu là chồng của tao, chữ *chồng* tuy không nói ra nhưng ta vẫn nhận ngay được.

Câu 963 - 964 là lời Tú ba mắng Thúy Kiều nên mới xưng tao.

Nguyên truyện viết là *chiếm ngã lão công*: chiếm mất chồng tao.

http://tieulun.hopto.org

Bảo rằng: "Đi dạo lấy người [1],
Đem về rước khách kiếm lời mà ăn.
Tuồng vô *nghĩa* [2], ở bất nhân [3],
Buồn mình trước đã tần mần [4] thử chơi.
Màu hồ [5] đã mất đi rồi,
Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma!
Con kia [6] đã bán cho ta,
Nhập gia [7], phải cứ phép nhà tao đây.
Lão kia [8] có giở bài bây [9],
Chẳng văng vào mặt [10] mà mày *lại* nghe!
Cớ sao chịu tốt [11] một bề,
Gái tơ mà đã ngứa nghề [12] sớm sao!
Phải làm cho biết phép tao! [13] "
Giật bì tiên [14] rắp sấn vào ra tay.
Nàng rằng: "Trời thẳm đất dày [15],
Thân này đã bỏ những ngày ra đi.
Thôi *thì thôi* có tiếc gì!"

---

1. *Lấy người:* mua lấy người.

2. *Vô nghĩa:* không biết điều nghĩa lý, không biết điều phải trái.

3. *Bất nhân:* không có nhân đức, ăn ở độc ác.

4. *Tần mần:* mó máy trong lúc buồn mình.

5. *Màu hồ:* lớp hồ láng trên vải lụa cho đẹp bóng.

Cả câu ý nói Thúy Kiều đã mất trinh tiết thì cũng như tấm vải đã mất màu hồ.

6. *Con kia:* chỉ nàng Kiều. Lời của Tú bà mắng Kiều đã hết sức gay gắt vì nàng đã dám cãi lại.

Nguyên truyện viết:

Thúy Kiều cãi lại:

- Rõ ràng trước đây y bảo cưới tôi làm thiếp, giờ sao lại bảo ai cướp chồng?

Nguyễn Du đã lược bỏ đi đoạn này.

7. *Nhập gia:* vào nhà, ý nói vào nhà ai thì phải theo phép tắc nhà ấy, không được cãi lại.

8. *Lão kia:* chỉ Mã Giám sinh.

9. *Bài bây:* trò lần khần muốn làm chuyện bậy bạ với phụ nữ.

10. *Văng vào mặt:* mắng xả vào mặt hoặc đập vào mặt mà chửi bới cho một trận.

11. *Chịu tốt:* chịu yên một bề.

12. *Ngứa nghề:* thích chuyện ân ái, ham chuyện nguyệt hoa.

13. *Phải làm cho biết phép tao:* Nguyễn Du đã chấm dứt lời mắng của Tú bà ở câu *lục* một cách đột ngột như vậy để cho ta thấy được hành động tức thì của Tú bà *"giật bì tiên"* mà *"sấn vào ra tay"*.

14. *Bì tiên:* (*bì:* da; *tiên:* cái roi) cái roi da.

15. *Trời thẳm đất dày:* lời kêu trời, cũng như nói: *"Ới trời đất ơi!"*

http://tieulun.hopto.org

Sẵn dao tay áo tức thì giở ra.
Sợ gan nát ngọc liều hoa [1],
Mụ còn *trông mặt*, nàng đà quá tay.
Thương ôi, tài sắc *bậc* này,
Một dao oan nghiệt [2] dứt dây phong trần. [3]
Nỗi oan [4] vỡ *lở* [5] xa gần,
Trong nhà người chật một lần [6] như nêm [7].
Nàng thì bằn bặt giấc tiên [8],
Mụ thì *cầm cập* [9] *mặt* nhìn hồn bay.
Vực nàng vào chốn hiên Tây [10],
Cắt người *coi sóc*, *rước* thầy thuốc *men*.
Nào hay chưa hết trần duyên [11],
Trong *mê dường đã đứng bên một nàng* [12].
Rỉ rằng [13] : "Nhân quả dở dang [14],
Đã toan trốn nợ đoạn tràng [15] được sao?

---

1. *Nát ngọc liều hoa:* ý nói Tú bà sợ nàng Kiều có gan liều mình làm cho ngọc nát hoa tàn.

2. *Oan nghiệt:* mầm tai hại tự mình gây ra.

3. *Phong trần:* gió bụi, chỉ chung những sự gian khổ ở đời.

Cả câu ý nói một lưỡi dao gây mối oan trái kia đà cắt đứt cuộc đời khổ sở không còn vương víu gì nữa.

4. *Nỗi oan:* nỗi oan ức của Thúy Kiều bị Tú bà hành hạ.

5. *Vỡ lở:* lan ra khắp nơi không giữ kín được.

6. *Một lần:* một vòng.

7. *Chật như nêm:* chật cứng như nêm lại, chữ *nêm* ở đây là một động từ, khác với chữ *nêm* ở câu 48 là một danh từ.

8. *Giấc tiên:* giấc ngủ mê man không biết gì như linh hồn đã thoát lên cõi tiên.

9. *Cầm cập:* ý nói run cả tay chân vì sợ.

10. *Hiên Tây:* hiên nhà ở về phía Tây.

11. *Trần duyên:* duyên nợ ở cõi đời.

12. *Một nàng:* chỉ Đạm Tiên.

Cả câu ý nói nàng Kiều những tưởng kiếp mình đến thế là xong nào ngờ chưa dứt đi được, trong cơn mê đã thấy Đạm Tiên đứng bên.

13. *Rỉ rằng:* nhủ bên tai rằng.

14. *Nhân quả dở dang:* nhân quả báo ứng từ kiếp trước sang kiếp này còn dở dang, chưa dứt bỏ được, cho nên muốn chết mà chưa chết được.

15. *Nợ đoạn tràng:* cái nợ của kẻ hồng nhan phải chịu nhiều nỗi gian truân khổ sở ở đời.

http://tieulun.hopto.org

Số còn nặng nghiệp má đào [1],
Người dù muốn quyết, trời nào đã cho!
Hãy xin *hết* kiếp liễu bồ [2],
Sông Tiền Đường sẽ hẹn hò về sau".
Thuốc thang suốt một ngày thâu,
Giấc mê nghe [3] đà dàu dàu [4] vừa tan.
Tú bà chực sẵn bên màn,
Lựa lời khuyên giải mơn man [5] gỡ *dần*.
"*Một người dễ có mấy thân*,
Hoa xuân đương nhụy [6], ngày xuân còn dài.
Cũng là lỡ một lầm hai [7],
Đá vàng [8] *sao* nỡ ép nài mây mưa [9].
Lỡ chân trót đã vào đây,
Khóa buồng xuân [10] để đợi ngày đào non [11].
Người còn thì của hãy còn,
Tìm nơi xứng đáng làm con cái nhà.
Làm chi tội báo oan gia [12],
Thiệt mình mà hại đến ta hay gì?"
Kề tai mấy nỗi nằn nì,
Nàng nghe dường cũng thị phi [13] rạch ròi.
Vả *trong* thần mộng [14] mấy lời,

---

1. *Nghiệp má đào:* (*nghiệp:* những việc do mình làm ra và phải chịu mang vào thân) nghiệp của người đàn bà có nhan sắc phải mang, thường bị tạo hóa ghét ghen và phải chịu nhiều gian truân vất vả.

2. *Kiếp liễu bồ:* cuộc sống của người phụ nữ yếu đuối như cây liễu cây bồ.

3. *Nghe* : xem chừng.

4. *Dàu dàu:* buồn ủ rũ, kém tươi vui. Đây có thể hiểu là dìu dịu, có hơi giảm dần đi.

5. *Mơn man:* vuốt ve dỗ dành.

6. *Hoa xuân đương nhụy:* tức hoa vừa mới nở, nhụy còn nguyên ví với người con gái đương thì nhan sắc còn lộng lẫy.

7. *Lỡ một lầm hai:* Tú bà tự nhận mình đã một lỡ hai lầm nên mới bắt nàng Kiều phải tiếp khách làng chơi.

8. *Đá vàng:* ví với lòng trung thành, tình yêu chung thủy hay tiết tháo kiên trinh.

9. *Mây mưa:* ám chỉ sự ân ái của trai gái.

10. *Khóa buồng xuân:* ý nói cấm cung không tiếp ai.

11. *Đợi ngày đào non:* đợi ngày lấy chồng. Xem *chú thích* câu 503.

12. *Oan gia:* gây thù hại ai thì bị điều dữ báo lại. Chữ Hán có câu: "*Oan gia tương báo*" nghĩa là gây mối thù với người thì lại bị báo lại bằng mối thù.

13. *Thị phi:* điều phải, điều trái.

14. *Thần mộng:* vị thần báo cho biết trong mộng, đây chỉ Đạm Tiên.

http://tieulun.hopto.org

Túc nhân [1] *âu* cũng có trời ở trong.
Kiếp này nợ trả chưa xong,
Làm chi *thêm một nợ chồng* [2] kiếp sau?
Lặng nghe *ngẫm nghĩ* gót đầu,
Thưa rằng: "Ai có muốn đâu thế này.
Được như lời thế là may,
Hẳn rằng mai có như rày cho chăng?
Sợ khi ong bướm đãi đằng [3],
Đến điều sống đục, sao bằng thác trong."
Mụ rằng: "Con hãy thong dong,
Phải điều lòng lại *dối* lòng mà chơi!
Mai sau ở chẳng như lời,
Trên đầu có bóng mặt trời *rạng* soi".
Thấy lời quyết đoán [4] hẳn hoi,
Đành lòng nàng *cũng* sẽ nguôi nguôi dần.
Trước *lầu Ngưng Bích* [5] *khóa xuân*,
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung.
Bốn bề bát ngát *xa* trông,
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.
Bẽ bàng [6] mây sớm đèn khuya [7],
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng [8].
Tưởng người dưới nguyệt chén đồng, [9]

---

1. *Túc nhân:* cái nhân duyên có sẵn từ trước, do tiền định.
2. *Chồng:* chồng chất thêm lên.
3. *Đãi đằng:* đã động đến, nhắc nhở đến.
Ca dao có câu: "*Cá buồn cá lội tung tăng,*
Em buồn em biết đãi đằng cùng ai".
Cả câu ý nói Thúy Kiều sợ khi khách đến chơi lại muốn dan díu với nàng mà Tú bà lại đã động đến chuyện tiếp khách, ép nàng phải làm vừa lòng họ thì thà chết đi cho được tiếng thơm trong sạch còn hơn là sống để chịu tiếng xấu xa.
4. *Quyết đoán:* xác định một cách chắn chắn, không bao giờ có sự thay đổi nữa.
5. *Ngưng Bích:* (*Ngưng:* đong lại, bích: màu xanh) tên cái lầu, nơi đây bốn phía chung quanh đều có màu xanh của nước non, cây cỏ.
6. *Bẽ bàng:* đối với cảnh, đối với tình lấy làm ngượng ngùng hổ thẹn.
7. *Mây sớm đèn khuya:* ý nói Thúy Kiều ở có một mình ở lầu Ngưng Bích, sáng thì làm bạn với mây, tối thì làm bạn với ngọn đèn cho đến tận khuya.
8. *Tấm lòng:* tấm lòng buồn rầu, nỗi sầu.
9. *Người dưới nguyệt chén đồng:*(*chén đồng* chén rượu uống cùng thề đồng tâm với nhau) chỉ Kim Trọng.

http://tieulun.hopto.org

Tin sương [1] luống *những* rày *trông* mai chờ.
Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son [2] gột *rửa* bao giờ cho phai.
Xót người tựa cửa hôm mai [3],
Quạt nồng *ấp* lạnh [4] những ai đó giờ?
Sân Lai [5] cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử [6] đã vừa người ôm [7].
Buồn trông cửa bể *chiều* hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ dàu dàu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh [8],
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.
Chung quanh những nước non người,
Đau lòng lưu lạc [9] nên vài bốn câu [10].
Ngậm ngùi rủ bức rèm châu [11],

---

1. *Tin sương:* do chữ *sương tín*. Khi sương xuống nhiều là báo tin mùa đông đã đến nên gọi là *tin sương*. Cũng như *tin nhạn* vì chim nhạn hễ thấy mùa sương đến là bay về phượng Nam.

2. *Tấm son*: tấm lòng son, tấm lòng son sắt của Thúy Kiều đối với Kim Trọng.

3. *Người tựa cửa hôm mai:* Chỉ người mẹ thường tựa cửa trông con. Đây nói Thúy Kiều thương xót cha mẹ ở nhà chắc vẫn trông mong tin tức của mình.

4. *Quạt nồng ấp lạnh:* ý nói người con có hiếu với cha mẹ thì mùa hạ nóng nực phải quạt cho mát, mùa đông lạnh lẽo phải vào chăn nằm trước cho ấm để cha mẹ vào nằm đỡ bị lạnh.

5. *Sân Lai:* sân nhà ông Lão Lai, đây chỉ sân nhà cha mẹ Thúy Kiều. Theo *Hiếu tử truyện*, Lão Lai, người nước Sở, rất có hiếu tuy đã già mà còn nhảy múa ở ngoài sân cho cha mẹ xem để mua vui cho cha mẹ.

6. *Gốc tử:* cây tử. Chữ lấy trong *Kinh Thi,* bài *Tiểu bàn* (Tiểu nhã): *"Duy tang dữ tử, tất cung kính chi"* = chỉ có cây dâu và cây tử do cha mẹ trồng là ta ắt phải cung kính. Theo điển này về sau người ta dùng chữ *gốc tử* để chỉ quê hương.

7. *Đã vừa người ôm:* đã cao lớn rồi.

(*Chiều hôm ... thuyền ai ... nước sa ... hoa trôi ... nội cỏ ... mặt duềnh ... tiếng sóng* đều là tả cảnh âu sầu của người lưu lạc).

8. *Duềnh:* vùng biển ăn sâu vào đất liền.

9. *Lưu lạc:* lang thang nay đây mai đó.

10. *Nên vài bốn câu:* theo *nguyên truyện* thì Thúy Kiều có làm một bài thơ Đường luật, thất ngôn bát cú.

11. *Rèm châu:* bức rèm lấy hạt châu mà kết thành, nói bức rèm quý.

http://tieulun.hopto.org

Cách *tường* nghe có tiếng đâu họa vần [1].
Một chàng vừa trạc thanh xuân [2],
Hình dung chải chuốt, áo khăn *dịu dàng* [3].
Nghĩ rằng cũng mạch thư hương [4],
Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở Khanh.
Bóng nga [5] thấp thoáng dưới mành.
Trông *nàng, chàng* cũng ra tình đeo đai [6]:
"Than ôi! Sắc nước hương trời [7],
Tiếc cho đâu bỗng lạc loài đến đây?
Giá đành trong nguyệt trên mây [8],
Hoa sao hoa khéo *đọa đày* bấy hoa?
Tức gan riêng giận trời già,
Lòng này ai tỏ cho ta hỡi lòng!
Thuyền quyên ví biết anh hùng [9],
Ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi!"
Song thu *đã* khép cánh ngoài,
Tai còn đồng vọng [10] mấy lời sắt đanh [11].

---

1. *Họa vần:* làm bài thơ đáp lại dựa theo *nguyên vần* của bài *xướng*.
2. *Thanh xuân:* người còn trẻ tuổi đang thời xuân sắc.
3. *Dịu dàng:* ý nói nền, ra vẻ nho nhã.
4. *Thư hương:* mùi thơm của sách, con nhà dòng dõi có học.
5. *Bóng nga:* bóng người con gái đẹp, đây chỉ Thúy Kiều.
6. *Đeo đai:* lưu luyến, trông thấy rồi muốn đi cũng không được.
7. *Sắc nước hương trời:* do chữ *quốc sắc thiên hương* chỉ người con gái đẹp nổi tiếng và cao quý.
8. *Giá đành trong nguyệt trên mây:* câu này bản Duy Minh thị chép là *Quế trong trăng,* hạnh trên mây.

Hoa Tiên cũng có câu: "*Đào trên mây, hạnh trên trời*".

Cao Thiềm đời Tống có câu thơ: "*Thiên thượng bích đào hòa lộ chủng, nguyệt biên hồng hạnh ỷ vân tài*" (Trên trời cây bích đào hòa với sương móc mà trồng, bên trăng cây hồng hạnh mọc vào mây). *Quế, hạnh* hoặc *đào, hạnh* là chỉ sắc đẹp quý giá của người con gái. *Cả câu* ý nói cái giá về nhan sắc chắc phải quý trọng như cây quế, cây đào ở trong cung trăng hoặc cây hạnh ở bên mây, ở trên trời.

9. *Anh hùng:* (*anh:* phần tốt đẹp nhất trong loài cây cỏ tức bông hoa, *hùng:* giống thú mạnh nhất trong loài thú) chỉ người có tài năng, có trí dũng hơn người.
10. *Đồng vọng:* ý nói còn nghe văng vẳng tiếng của Sở Khanh từ phía dưới vọng lên.
11. *Sắt đanh:* ý nói vững bền, chắc chắn như sắt như đanh.

http://tieulun.hopto.org

Nghĩ người thôi lại nghĩ mình,
Cám lòng chua xót [1], lạt tình *bơ vơ*. [2]
Những là lần lữa nắng mưa [3],
Kiếp phong trần [4] biết bao giờ là thôi?
Đánh liều nhắn một hai lời,
Nhờ tay tế độ [5] vớt người trầm luân [6].
Mảnh tiên [7] kể hết xa gần,
Nỗi nhà báo đáp, nỗi thân lạc loài.
Tan sương vừa *rạng* ngày mai,
Tiện hồng [8] nàng mới nhắn lời gửi sang.
Trời Tây lãng đãng [9] bóng vàng,
Phục thư [10] đã thấy tin chàng đến nơi.
Mở xem một bức tiên mai [11],
Rành rành TÍCH VIỆT [12] có hai chữ đề.
Lấy trong ý tứ mà suy:

---

1. *Cám lòng chua xót:* cảm lòng Sở Khanh thương xót đến mình là kẻ lưu lạc.

2. *Lạt tình bơ vơ:* Thúy Kiều thấy mình bớt bơ vơ ở nơi đất khách.

3. *Lần lữa nắng mưa:* ý nói đã trải qua lâu ngày, mưa nắng đã chịu nhiều vất vả.

4. *Kiếp phong trần:* (*phong:* gió, *trần:* bụi) kiếp sống gian khổ như chịu cảnh gió bụi trên đường dài.

5. *Tế độ:* (*tế:* đưa qua sông, *độ:* đưa lên bờ) cứu vớt chúng sinh ra khỏi bể khổ.

6. *Trầm luân:* (*trầm:* chìm; *luân:* mất, dìm mất) chìm đắm trong bể khổ.

7. *Mảnh tiên:* lá thư viết trên giấy hoa tiên.

8. *Tiện hồng:* (*tiện:* nhân có, tiện có, *hồng:* chim hồng như chim nhạn), nhân tiện có người đưa thư. Người ta thường nói *tin nhạn* nhưng ở đây Nguyễn Du đã dùng chữ *hồng* vì chữ thứ hai ấy thuộc thanh bằng.

9. *Lãng đãng:* lơ lửng chập chờn.

10. *Phục thư:* thư trả lời lại.

11. *Tiên mai:* giấy hoa tiên có vẽ hoa mai.

12. *Tích Việt:* 昔越 hai chữ ám hiệu của Sở Khanh hẹn ngày đi trốn. Theo phép chiết tự thì chữ 昔 (*tích*) tách ra thành 廿一日 (trập nhất nhật) nghĩa là ngày 21, chữ 越 (việt) tách ra thành 戉 (*việt*) và 走 (*tẩu*) nghĩa là vượt tường chạy trốn. Vì chữ 戉 (*việt*, có tự dạng gần giống chữ 戌 (*tuất*) nên Nguyễn Du mới để cho Thúy Kiều đoán *"tuất thì phải chăng?"* (Tự điển *Khang Hi* có ghi chữ 越 (*huấn*) gồm 戌 (*mậu*) và 走 (*tẩu*). Chữ *huấn* ấy khác với chữ *việt*). Trong *nguyên truyện* cũng có viết: *"Tha ước ngã nhị thập nhật tuất thì việt tường tương kiến"* (Chàng hẹn ta ngày 21 giờ tuất sẽ vượt tường vào gặp mặt). Như vậy Sở Khanh chỉ hẹn với Thúy Kiều là sẽ vượt tường vào gặp mặt chứ chưa rủ đi trốn ngay.

http://tieulun.hopto.org

"Ngày hai mươi mốt, tuất thì phải chăng? [1] "
Chim hôm *thoi thót* [2] về rừng,
Giá trà mi [3] đã ngậm trăng nửa *vành* [4].
Tường Đông [5] lay động bóng cành,
Dẩy song đã thấy Sở Khanh *lẻn* vào [6].
Sượng sùng đánh dạn ra chào,
Lạy thôi nàng mới rỉ trao [7] ân cần.
Rằng: "Tôi bèo bọt [8] chút thân,
Lạc *đàn* mang lấy nợ nần yến anh [9].
Dám nhờ cốt nhục tử sinh,
Còn nhiều kết cỏ [10] ngậm vành [11] về sau".
Lặng *nghe lẩm nhẩm* gật đầu:

---

1. *Tuất thì phải chăng:* Nguyễn Du đã để cho Thúy Kiều thắc mắc ngờ vực không biết có phải là giờ 戌 *tuất* không, vì khi tách chữ 越 (*việt*) ra lại là chữ 戉 (*việt*) chứ không phải chữ 戌 (*tuất*). Chữ "*phải chăng*" có ý nghĩa như vậy.

2. *Thoi thót:* mệt mỏi vì đã bay từ xa về, cũng có thể hiểu là lác đác về trễ bay vội vã.

3. *Giá trà mi:* 架茶蘼 (*trà mi:* đúng ra là 荼蘼 *đồ mi*) Các bản Nôm đều chép là 架 (*giá*), các bản Quốc ngữ phần nhiều chép là *đóa*. Sự nhầm lẫn ấy do chữ 朵 *đóa* có tự dạng giống chữ 架 *giá*.

Giá trà mi: là cái giàn gỗ bắc cho cây đồ (trà) mi leo lên.

4. *Ngậm trăng nửa vành:* cái giá đồ (trà) mi nó ngậm lấy vừng trăng hạ huyền chứ hoa đồ (trà) mi nhỏ như hoa tường vị làm sao mà ngậm được vừng trăng.

5. *Tường Đông:* tường nhà bên phía Đông.

6. *Lẻn vào:* bước vào một cách lén lút. Sở Khanh làm ra như vậy chứ thực ra hắn là người của mụ Tú bà thuê để thực hiện kế thâm độc.

7. *Rỉ trao:* nói nhỏ nhẹ.

8. *Bèo bọt:* cánh bèo bọt nước ví với thân phận con người bị lưu lạc.

9. *Nợ nần yến anh:* cái nợ của người con gái phải bán thân vào chỗ lầu xanh làm gái làng chơi.

10. *Kết cỏ:* ý nói báo ơn sâu. Theo *Tả truyện:* Ngụy Khỏa người nước Tấn đã cho người thiếp của cha mình đi lấy chồng khác chứ không chôn sống theo xác cha. Sau Khỏa đánh nhau với Đỗ Hồi (nước Tần) thấy có một ông già cứ kết cỏ cho vướng chân ngựa của Hồi. Hồi bị ngã ngựa và bị Khỏa giết chết. Đêm chiêm bao Khỏa thấy cha người thiếp ấy nói: *"Con gái tôi đã được ông cho đi lấy chồng, tôi kết cỏ để ngựa của Đỗ Hồi ngã, xin đền đáp ân sâu ấy".*

11. *Ngậm vành:* cũng có nghĩa là trả ơn. Theo *Hậu Hán thư:* Dương Bảo đời Hậu Hán bắt được một con chim sẻ bị thương, đem về nuôi cho nó khoẻ lại rồi thả đi. Về sau có một đứa bé mặc áo vàng đến nói: *"Tôi là sứ giả của Tây Vương Mẫu, cậu là người đã cứu sống tôi nên nay đem bốn chiếc vòng đến tạ ơn".*

http://tieulun.hopto.org

"Ta đây *nào phải* ai đâu mà rằng!
Nàng đà biết đến ta chăng,
Bể trầm luân [1] lấp cho bằng mới thôi".
Nàng rằng: "Muôn *sự* ơn người,
Thế nào xin quyết một bài cho xong [2] ".
Rằng: "Ta có ngựa truy phong [3],
Có tên dưới trướng [4] vốn dòng kiện nhi [5].
Thừa cơ [6] lẻn bước ra đi,
Ba mươi sáu chước [7], chước gì *là* hơn?
Dù khi gió *kép* mưa đơn [8],
Có ta đây cũng chẳng cơn cớ [9] gì!"
Nghe lời nàng đã sinh nghi,
Song đà quá *đỗi* [10] quản gì được thân.
Cũng liều nhắm mắt *đưa* chân,
Mà xem con tạo xoay vần đến đâu.
Cùng nhau lẻn bước *xuống* lầu,
Song song ngựa trước ngựa sau một đoàn.

---

1. *Bể trầm luân:* tức bể khổ (người ta phải đắm chìm trong đó).

2. *Thế nào...cho xong: câu này* ý nói Sở Khanh cứ chần chừ chưa quyết định đưa Thúy Kiều đi trốn nên nàng mới yêu cầu chàng hãy "quyết một bài cho xong".

3. *Truy phong:* đuổi theo được gió, ý nói chạy rất nhanh.

4. *Tên dưới trướng:* người hầu hạ dưới màn tức kẻ theo hầu.

5. *Kiện nhi:* người trẻ tuổi có sức mạnh.

6. *Thừa cơ:* nhân dịp người ta không để ý.

7. *Ba mươi sáu chước:* lấy ý ở câu: *"Tam thập lục kế tẩu vi thượng sách"* = ba mươi sáu chước, chạy trốn là chước hay nhất.

8. *Gió kép mưa đơn:* ý nói đến những sự trở ngại lớn nhỏ ở dọc đường.

9. *Cơn cớ:* tức *can cớ* nghĩa là liên can vì duyên cớ gì.

10. *Quá đỗi:* quá chừng, lỡ đã làm sai quấy quá rồi không lấy lại được nữa. Chữ này mang một ý nghĩa kín đáo. Theo *nguyên truyện* thì Sở Khanh, ngày 21 có vượt tường đến với Thúy Kiều nhưng chưa đưa nàng đi trốn ngay mà còn lợi dụng đêm đầu tiên ấy để ăn nằm với nàng. Kiều đã phải chiều lòng Sở Khanh vì muốn được chàng cứu vớt và nghĩ mình cũng chẳng còn trinh trắng gì nữa. Đêm sau chàng lại đến. Kiều đã phải yêu cầu: *"Thế nào xin quyết một bài cho xong"*. Sở Khanh mới rủ Kiều đi trốn, cho đó là cách hay nhất. Kiều nghe như vậy đã sinh nghi, nhưng tấm thân mình đã phó thác cho hắn rồi, đã *quá đỗi* rồi biết làm sao? Đành phải liều vậy.

http://tieulun.hopto.org

Đêm thu khắc *lậu* [1] canh tàn [2],
Gió cây *trút* lá, trăng ngàn ngậm gương.
Lối mòn *cỏ lợt màu* sương,
Lòng quê đi một bước đường một đau.
Tiếng gà xao xác gáy mau,
Tiếng người đâu đã mé [3] sau dậy dàng [4].
Nàng càng thổn thức gan vàng [5],
Sở Khanh đã *rẽ* [6] dây cương lối nào!
Một mình khôn biết làm sao,
Dặm rừng [7] bước thấp bước cao hãi hùng.
Hóa nhi [8] *thật* có nỡ lòng,
Làm chi giày tía vò hồng [9] lắm nau [10]!
Một đoàn [11] đổ đến trước sau,
Vuốt đâu *xuống* đất, cánh đâu *lên* trời [12]?
Tú bà tốc thẳng [13] đến nơi,
Hằm hằm [14] áp điệu [15] một hơi lại nhà.

---

1. *Khắc lậu:* (*khắc:* thời khắc, *lậu:* rỏ giọt xuống). Đồng hồ đời xưa làm bằng một cái bình đổ đầy nước rồi để cho nước rỏ (lậu) giọt ra ngoài dần. Hễ nước vơi đi, ngấn nước đến khắc nào thì biết là giờ ấy.

2. *Canh tàn:* đêm đã khuya. Thúy Kiều theo Sở Khanh đi trốn như vậy không phải là ngày 21 giờ tuất (9 giờ tối) mà vào ngày hôm sau lúc đêm đã khuya lắm rồi. Có hiểu như vậy chúng ta mới khỏi thắc mắc tại sao ngày 21 lúc 9 giờ tối mà Nguyễn Du lại tả "trăng ngàn ngậm gương".

3. *Mé:* chữ Nôm viết 厦 thì có thể phiên là *mái* hoặc *mé*. Ở đây phiên là *mé* đúng nghĩa hơn, tức là ở mé đằng sau.

4. *Dậy dàng:* ầm ĩ, ồn ào.

5. *Gan vàng:* tức lòng dạ, chữ *vàng* được dùng cho đẹp lời.

6. *Rẽ:* cũng viết *trẽ* như bản KOM: 扶佳 Ta thường nói rẽ. Ở đây tả Sở Khanh đã kéo dây cương cho ngựa rẽ vào con đường tắt rồi đi lẩn mất.

7. *Dặm rừng:* đường đi ở trong rừng.

8. *Hóa nhi:* trẻ tạo, gọi như vậy là có ý trách ông trời (đấng tạo hóa) như đứa trẻ con hay bày ra lắm chuyện khi thế này khi thế khác làm khổ người ta.

9. *Giày tía vò hồng:* giày vò những đóa hoa màu tía màu hồng, ý nói giày vò người con gái đẹp.

10. *Lắm nau:* lắm cơn đau lòng, lắm nỗi khổ sở.

11. *Một đoàn:* toán người nhà của Tú bà.

12. *Xuống đất...lên trời:* cả câu ý nói không còn cách trốn đi đâu được nữa vì muốn xuống đất cũng không có vuốt, muốn lên trời cũng không có cánh.

13. *Tốc thẳng:* xông thẳng tới.

14. *Hằm hằm:* vẻ giận dữ nóng nảy.

15. *Áp điệu:* dẫn lôi về vừa đi vừa canh giữ.

http://tieulun.hopto.org

Hung hăng [1] chẳng hỏi chẳng tra,
Đang tay vùi liễu dập hoa [2] tơi bời.
Thịt da ai cũng là người,
Lòng nào hồng rụng thắm rời [3] chẳng đau.
Hết lời thú phục [4] khẩn cầu [5],
Uốn lưng *thịt* đổ, *cất* đầu máu sa [6].
Rằng: "Tôi chút phận đàn bà,
Nước non lìa cửa lìa nhà đến đây.
Bây giờ sống *thác* ở tay,
Thân này đã đến thế này thì thôi!
Nhưng tôi có sá chi tôi,
Phận tôi đành vậy, vốn người [7] để đâu?
Thân lươn [8] bao quản lấm đầu,
Chút lòng trinh bạch [9] từ sau *cũng* chừa [10] ".
Được lời mụ mới tùy cơ,
Bắt người bảo lãnh [11] làm tờ cung chiêu [12].
Bày vai [13] có ả Mã Kiều,

---

1. *Hung hăng:* tức giận, dữ tợn khi dùng vũ lực.

2. *Vùi liễu dập hoa:* ý nói đánh đập một cách phũ phàng.

3. *Hồng rụng thắm rời: hồng thắm* là nói sắc đẹp của một bông hoa, ví với sắc đẹp của người con gái. *Rụng rời* là nói tan nát từng cánh hoa không còn gì. Đây tả cảnh Thúy Kiều bị tan xương nát thịt.

4. *Thú phục:* chịu nhận tội.

5. *Khẩn cầu:* năn nỉ kêu xin tha cho.

6. *Thịt đổ...máu sa: câu này* tả một cách quá đáng cái cảnh *"hồng rụng thắm rời"* ở câu trên.

7. *Phận tôi...vốn người:* Thúy Kiều đã nói đúng tâm lý Tú bà, nếu nàng có chết đi thì cái thân nàng đành chịu vậy chứ cái vốn của Tú bà (450 lạng bạc) sao lại để đâu mà không nghĩ đến.

8. *Thân lươn:* con lươn ở dưới bùn còn không quản lấm đầu thì cái thân hèn này đâu còn ngại việc gì.

9. *Chút lòng trinh bạch:* Thúy Kiều cũng tự nhận mình chỉ còn một chút lòng trinh bạch, chứ tấm thân nàng đâu còn có trong trắng nữa. Nàng đã ăn nằm với Mã Giám sinh và Sở Khanh rồi đâu còn *"nước trước"* để khách bẻ hoa nữa.

10. *Cũng chừa:* chữ *cũng* này nói lên được sự miễn cưỡng bó buộc Thúy Kiều phải từ bỏ lòng trinh bạch. Thúy Kiều đâu có xin chừa một cách tự nguyện. Đây chẳng qua là vì bị đánh đập đau quá nên mới đành phải chịu như vậy khiến Nguyễn Lượng phải phê rằng: *"Trinh bạch hữu thời nhi hối dã, trào hước chi cực"* = Đến sự trinh bạch có khi còn phải hối như vậy thật là hài hước quá lắm!

11. *Bảo lãnh:* đứng bảo đảm nhận lãnh trách nhiệm.

12. *Cung chiêu:* làm tờ khai nhận mọi tội lỗi.

13. *Bày vai:* bằng vai, ngang vai, cùng lứa.

http://tieulun.hopto.org

Xót nàng ra mới đánh liều chịu đoan [1].
Mụ càng kể nhặt kể khoan [2],
Gạn gùng [3] đến mực nồng nàn [4] mới tha.
Vực nàng vào nghỉ trong nhà,
Mã Kiều lại *ngỏ* ý ra dặn lời:
"Thôi đà mắc lận [5] thì thôi!
Đi đâu chẳng biết con người Sở Khanh?
Phụ tình [6] nổi tiếng lầu xanh,
Một tay chôn biết mấy cành phù dung [7]!
Đà đao [8] *lập* sẵn chước dùng,
Lạ gì một cốt một đồng [9] xưa nay.
Có ba *mươi* lạng trao tay [10],
Không dưng chi có *chuyện* này *trò* kia!

---

1. *Chịu đoan:* chịu làm giấy cam đoan đứng ra bảo lãnh.

2. *Kể nhặt kể khoan:* kể liên hồi lúc nói mau sa sả, lúc nói chậm khoan thai.

3. *Gạn gùng:* hỏi cặn kẽ đủ điều cho đến hết lý lẽ mới thôi.

Gạn gùng đến mức nồng nàn mới tha: Tú bà đã theo lời khai của Thúy Kiều mà hỏi gạn dần ra cho đến tận cùng của sự việc rồi mới tha.

4. *Nồng nàn:* gắt gao đến hết lý lẽ.

5. *Mắc lận:* mắc lừa. Tú bà đã thuê Sở Khanh ba mươi lạng bạc để thực hiện mưu kế của mình mà đánh lừa Thúy Kiều.

6. *Phụ tình:* phản bội với tình, lừa gạt tình yêu. Bản QVĐ đã chép *phụ tình* là đúng vì ở câu 1187 Nguyễn Du đã khẳng định: "*Phụ tình án đã rõ ràng*". *Án phụ tình* nặng hơn *án bạc tình* vì kẻ bạc tình chỉ ăn ở thiếu chung thủy chứ kẻ phụ tình thì phản bội người tình ngay từ đầu.

7. *Phù dung:* theo *Hình âm nghĩa tổng hợp đại tự điển* thì *phù dung* có hai loại: loại mọc ở dưới nước gọi là *thảo phù dung* tức là một thứ hoa sen, loại mọc ở trên đất gọi là *mộc phù dung* tức là *mộc liên*.

Cây phù dung cao chừng hơn một thước, lá to, hoa trắng hoặc hồng đậm nở về mùa thu và mùa đông.

Cành phù dung: tức cành cây *mộc phù dung* (vì *thảo phù dung* không có cành, chỉ có cuống lá và cuống hoa) tí người đẹp.

Do câu thơ: "Phù dung như diện, liễu như mi" trong bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị.

8. *Đà đao:* miếng võ hiểm lừa cho người ta đuổi theo rồi bất ngờ quay trở lại mà chém. Đây nói Sở Khanh theo mưu của Tú bà rủ Thúy Kiều đi trốn rồi nửa đường bỏ chạy mất.

9. *Một cốt một đồng:* bà cốt với con đồng là cùng một phường với nhau. Đây nói Tú bà và Sở Khanh là cùng một bọn, liên kết với nhau để lừa Thúy Kiều.

10. *Trao tay:* trả tiền trước cho Sở Khanh ba mươi lạng bạc.

http://tieulun.hopto.org

Rồi ra trở mặt tức thì,
Bớt lời *liệu* chớ *sân si* [1] *thiệt* đời".
Nàng rằng: "Thề thốt nặng lời,
Có đâu mà lại ra người hiểm sâu!"
Còn đương suy trước nghĩ sau,
Mặt mo [2] đã thấy ở đâu dẫn vào.
Sở Khanh lên tiếng rêu rao,
Rằng: "Nghe *mới* có con nào ở đây?
Phao cho [3] quyến gió rủ mây [4],
Hãy xem có biết mặt này là ai?"
Nàng rằng: "Thôi thế thì thôi,
Rằng không thì cũng vâng lời rằng không!"
Sở Khanh *quát* mắng đùng đùng,
Bước vào vừa rắp thị hùng [5] ra tay.
Nàng rằng: "Trời nhé có hay!
Quyến anh rủ yến [6] sự này tại ai?
Đem người dảy xuống giếng *thơi* [7],
Nói rồi, rồi lại ăn lời được ngay!
Có tiên Tích Việt [8] ở tay,
Rõ ràng mặt ấy mặt này chứ ai?"
Lời ngay, đông mặt trong ngoài,
Kẻ chê bất nghĩa [9], người cười vô lương [10].
Phụ tình án đã rõ ràng,
Dơ *tuồng* [11] nghỉ [12] mới *kiếm* đường tháo lui.
Buồng riêng, riêng những sụt sùi,
Nghĩ thân mà lại ngậm ngùi cho thân.

---

1. *Sân si:* giận dữ, nóng nảy mà đôi co điều đi tiếng lại.

2. *Mặt mo:* mặt như đeo mo, không biết xấu hổ.

3. *Phao cho:* nói vu cho.

4. *Quyến gió rủ mây:* ý nói quyến rũ con gái cũng như quyến anh rủ yến. Đây ý nói phao cho Sở Khanh đã quyến rũ Thúy Kiều đi trốn.

5. *Thị hùng:* (*thị:* cậy, *hùng*: mạnh) ỷ có sức mạnh dọa người, bắt nạt người.

6. *Quyến anh rủ yến:* quyến rũ con gái.

7. *Dảy xuống giếng thơi:* (*thơi:* sâu) ý nói hãm hại người ta một cách thâm độc như dảy ngã xuống giếng sâu rồi còn liệng đá theo. (Mạnh Tử: *Thôi nhân nhập tỉnh nhi hạ chi thạch).*

8. *Tiên Tích Việt:* tờ giấy hoa tiên có viết hai chữ Tích Việt.

9. *Bất nghĩa:* không có tình nghĩa, bội bạc.

10. *Vô lương:* không có lương tâm, không có lòng lành, lòng tốt, ác độc.

11. *Dơ tuồng:* xấu hổ.

12. *Nghỉ:* chữ dùng có tính cách khinh bỉ để chỉ Sở Khanh.

http://tieulun.hopto.org

Tiếc thay trong giá trắng ngần [1],
Đến phong trần [2], cũng phong trần như ai!
Tẻ vui [3] cũng một kiếp người,
Hồng nhan phải giống [4] ở đời mãi ru?
Kiếp xưa đã vụng [5] đường tu,
Kiếp này chẳng kẻo [6] đền bù mới xuôi.
Dẫu sao bình đã vỡ [7] rồi,
Lấy thân mà trả nợ đời cho xong.
Vừa tuần nguyệt *sáng* gương trong [8],
Tú bà ghé *lại* thong dong dặn dò:
"Nghề chơi cũng lắm công phu,
Làng chơi [9] ta phải biết cho đủ điều".
Nàng rằng: "*Mưa* gió dập dìu [10],
Liều thân [11] thì cũng phải liều, thế thôi!"
Mụ rằng: "Ai cũng như ai,
Người ta ai mất tiền hoài đến đây.
Ở trong còn lắm điều hay,
Nỗi đêm khép mở [12], nỗi ngày riêng chung [13].
Này con thuộc lấy làm lòng,

---

1. *Trong giá trắng ngần:* (*ngần* 銀 là bạc vì viết có bộ *kim*) ý nói tấm lòng trinh tiết trong như giá trắng như bạc. *Đại Nam quốc âm tự vị* cũng giảng *trắng ngần* là trắng lốp, trắng bong, trắng như bạc.

2. *Phong trần:* cực khổ vất vả như kẻ đi đường bị gió thổi bụi bay vào mặt.

3. *Tẻ vui:* buồn vui.

4. *Hồng nhan phải giống...*: cái sắc đẹp của người phụ nữ có phải là cái mầm mống, cái mối sinh ra mọi nỗi khổ sở ở đời không?

5. *Vụng:* không khéo, kém.

6. *Chẳng kẻo:* e phải. *Cả câu* ý nói kiếp trước đã không khéo tu nhân tích đức nên kiếp này e phải trả nợ đời cho xong.

7. *Bình đã vỡ:* ý nói Thúy Kiều đã bị thất tiết với Mã Giám sinh và với Sở Khanh rồi thì cũng không khác gì chiếc bình đã vỡ, còn gì nữa mà phải giữ gìn.

8. *Nguyệt sáng gương trong:* ý nói buổi đẹp trời, mặt trăng sáng như tấm gương.

9. *Làng chơi:* chỉ chung bọn gái tiếp khách và bọn khách tới chơi ở thanh lâu. Cũng dùng để gọi chỗ thanh lâu.

10. *Mưa gió dập dìu:* ý nói khách đến ái ân hết lớp này đến lớp khác, tha hồ phá hại cánh hồng nhan.

11. *Liều thân...* : ý nàng Kiều nói dù có phải tiếp khách thì cũng phải liều thân cho họ thỏa lòng chứ còn biết làm sao hơn được nữa.

12. *Nỗi đêm khép mở:* ý nói về ban đêm khi tiếp khách có thể lúc thì khép nép giữ ý, lúc thì cởi mở tự nhiên.

13. *Nỗi ngày riêng chung:* ý nói về ban ngày khi tiếp khách có thể nói chuyện với riêng một người hay với nhiều người.

http://tieulun.hopto.org

Vành ngoài bảy chữ [1], vành trong tám nghề [2].
Chơi cho liễu chán hoa chê [3],
Cho lăn lóc đá [4], cho mê mẩn đời [5].
Khi khoé hạnh [6], *khi* nét ngài,
Khi ngâm *ngợi* nguyệt, khi cười cợt hoa.
Đều là nghề nghiệp trong nhà,
Đủ ngần ấy nết mới là *người* soi [7]."
Gót đầu vâng dạy mấy lời,
Dường chau nét nguyệt [8], dường phai vẻ hồng [9].
Những nghe nói, đã thẹn thùng,
Nước đời [10] lắm nỗi lạ lùng khắt khe [11]!
Xót mình cửa các buồng khuê [12],
Vỡ lòng [13] học lấy những nghề nghiệp hay!

---

1. *Bảy chữ:* bảy cách để làm cho khách phải say mê.
   1. *Khấp* (khóc với khách làm giả bộ thương họ);
   2. *Tiển* (cắt tóc đưa cho khách làm tin);
   3. *Thích* (thích tên khách vào cánh tay mình cho khách thương);
   4. *Thiêu* (đốt hương châm vào da làm khổ nhục kế để cùng nhau thề nguyền);
   5. *Giá* (ước hẹn lấy nhau làm vợ chồng).
   6. *Tẩu* (rủ khách đi trốn để rồi bóc lột khách).
   7. *Tử* (giả chết cho khách luyến tiếc không nỡ bỏ).

2. *Tám nghề:* tám cách để ăn nằm với khách, tùy theo mỗi người mà chiều chuộng.

3. *Liễu chán hoa chê:* liễu hoa chán chê, ý nói chơi cho đến chán thì thôi.

4. *Lăn lóc đá:* ý nói chiều đãi khách sao cho những kẻ vô tình như đá cũng phải chết lăn chết lóc mà tới lui chơi bời.

5. *Mê mẩn đời:* ý nói chiều đãi khách sao cho họ phải say mê không còn biết sự gì khác nữa.

6. *Khóe hạnh:* (*hạnh:* quả hạnh) Thơ của Trương Nguyên Nhất có câu: *"Tiên tác hạnh tử nhãn khổng"* = làm ngay ra con mắt quả hạnh.

Cả câu ý nói khi khách nhìn mình thì mình phải đưa mắt liếc tình, phải đưa mày gợi tình sao cho khách thấy *"đầu mày cuối mắt"* càng nhìn càng yêu.

7. *Người soi:* người sành sỏi biết đủ mọi ngón chơi.

8. *Chau nét nguyệt:* nhăn lông mày vì ngượng ngùng, e sợ trước những lời dạy của Tú bà.

9. *Phai vẻ hồng:* tái mặt đi vì ngượng ngùng e sợ.

Vẻ hồng: là vẻ mặt hồng hào của người con gái.

10. *Nước đời:* cảnh ngộ ở đời, nỗi đời, trò đời.

11. *Khắt khe:* cay nghiệt, điêu đứng, éo le (do những kẻ bụng dạ hẹp hòi, ác độc gây ra để hành hạ người ta).

12. *Cửa các buồng khuê:* do chữ *khuê các* chỉ chỗ ở của người phụ nữ sang trọng. Đây ý Kiều muốn nói mình cũng là con nhà tử tế sang trọng.

13. *Vỡ lòng:* bắt đầu học, cũng như nói *khai tâm.*

http://tieulun.hopto.org

Khéo là mặt dạn mày dày [1],
Kiếp người đã đến thế này thì thôi!
Thương thay thân phận lạc loài,
Dẫu sao cũng ở tay người, biết sao?
Lầu xanh mới rủ trướng đào [2],
Càng treo giá ngọc [3], càng cao phẩm người [4].
Biết bao bướm lả ong lơi [5],
Cuộc say đầy tháng, trận cười *suốt* đêm.
Dập dìu lá gió cành chim [6],
Sớm đưa Tống Ngọc [7], tối tìm Tràng Khanh [8].
Khi *tỉnh* rượu, lúc tàn canh,
Giật mình [9], mình lại thương mình xót xa.
Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường?
Mặt sao dày gió dạn sương [10],
Thân sao bướm chán ong chường [11] bấy thân?
Mặc người mưa Sở mây Tần [12],
Những mình *nào biết* có xuân là gì.

---

1. *Mặt dạn mày dày:* ý nói trơ ra rồi không còn biết xấu hổ gì nữa.

2. *Trướng đào:* tấm màn che màu hồng.

3. *Treo giá ngọc:* bán ngọc thì phải nói giá cho cao thì người ta mới cho là ngọc tốt.

4. *Cao phẩm người:* ý nói Thúy Kiều cũng phải treo giá cao thì mới đề cao được phẩm chất của con người nàng.

5. *Bướm lả ong lơi:* bướm ong lả lơi, ý nói khách làng chơi đến dập dìu như ong bướm để vui thú cùng nàng Kiều.

6. *Lá gió cành chim:* mượn ý ở hai câu thơ của Tiết Đào, đời Đường: "*Chi nghinh nam bắc điểu, diệp tống vãng lai phong*" = cành đón chim nam bắc, lá đón gió lại qua. Nàng Tiết Đào khi ấy còn nhỏ, người cha xem thơ có ý lo cho con sau này sẽ sa vào cảnh "*cành đưa lá đón*" (tức là cảnh đưa đón khách làng chơi).

7. *Tống Ngọc:* người nước Sở.

8. *Tràng Khanh:* tức Tư mã Tương Như đời nhà Hán.

Hai người này đều là hạng phong lưu tài tử.

Cả câu ý nói Thúy Kiều toàn đưa đón những khách sang trọng chứ không phải tiếp những khách tầm thường.

9. *Giật mình:* chợt tỉnh lại mà nhớ những việc đã qua.

10. *Dày gió dạn sương:* ý nói quen rồi với những cuộc đưa đón nên không còn biết xấu hổ nữa.

11. *Bướm chán ong chường:* chán chường ong bướm, ý nói chán cả những cảnh ân ái với khách.

12. *Mưa Sở mây Tần:* lấy chữ *Tần vân Sở vũ* trong câu thơ của Tư Không Đồ. *Mây mưa* (vân vũ) chỉ sự ái ân của trai gái. (Xem *chú thích* câu 513). *Cả câu* ý nói mặc khách muốn tìm vui trong sự ái ân, riêng nàng Kiều thì không thấy hứng thú gì.

http://tieulun.hopto.org

Đòi phen [1] gió tựa hoa kề [2],
Nửa rèm *tuyết ngậm* [3], bốn *hè* trăng thâu [4].
Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.
Đòi phen nét vẽ câu thơ,
Cung cầm trong nguyệt, nước cờ [5] dưới hoa.
Vui là vui gượng kẻo là,
Ai tri âm [6] đó mặn mà với ai?
Thờ ơ gió trúc mưa mai [7],
Ngẩn ngơ trăm *nỗi*, dùi mài một thân [8].
Ôm lòng [9] đòi đoạn xa gần,
Chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau.
Nhớ ơn chín chữ [10] cao sâu,
Một ngày một ngả bóng dâu [11] tà tà.
Dặm nghìn nước thẳm non xa,
Nghĩ đâu thân phận con ra thế này!

---

1. *Đòi phen:* nhiều phen, nhiều khi.

2. *Gió tựa hoa kề:* tả những cảnh vui thú khi hóng gió và khi xem hoa, ngồi tựa kề bên cửa sổ.

3. *Nửa rèm tuyết ngậm:* tả cảnh tuyết rơi ở bên ngoài phủ lên cảnh vật đã trắng xóa cả mà ở trong nhà nhìn ra đã cao ngang nửa rèm, trông như tuyết ngậm lấy bức rèm.

4. *Bốn hè trăng thâu:* ở quanh bốn hè nhà trăng thâu trong vắt rọi sáng vào. *Câu này* tả cái cảnh đêm đông lạnh lẽo có tuyết phủ, có trăng trong mà Nguyễn Du có dịp đã trông thấy khi đi sứ sang Trung Quốc.

5. *Vẽ... thơ... cầm... cờ... :* đó là bốn cái thú chơi tao nhã mà Thúy Kiều đã cùng khách bày ra để giải trí. Điều này chứng tỏ các khách của Thúy Kiều cũng là những bậc phong lưu tài tử.

6. *Tri âm:* người bạn thân thiết hiểu được lòng mình.

Xem *chú thích* câu 464.

7. *Gió trúc mưa mai:* gió thổi trên cành trúc, mưa điểm trên hoa mai, đó là những cảnh đẹp ai cũng thích ngắm (thế mà Thúy Kiều vẫn thấy thờ ơ).

8. *Dùi mài một thân:* thui thủi một mình.

9. *Ôm lòng:* giữ lấy ở trong lòng không để lộ ra.

10. *Chín chữ:* nói công lao khó nhọc của cha mẹ nuôi dạy con cái. Chín chữ ấy gồm có: *sinh* (đẻ ra), *cúc* (nâng đỡ), *phủ* (vuốt ve), *súc* (nuôi cho bú mớm), *trưởng* (nuôi cho khôn lớn), *dục* (dạy dỗ), *cố* (trông nom), *phục* (xem tính tình mà dạy bảo), *phúc* (gìn giữ).

11. *Bóng dâu:* bóng mặt trời xế trên ngọn dâu, dùng để ví với lúc tuổi già xế bóng.

http://tieulun.hopto.org

Sân hòe [1] đôi chút [2] thơ ngây,
Trân cam [3] ai kẻ đỡ thay việc mình?
Nhớ lời nguyện ước ba sinh [4],
Xa xôi ai có *thấu* [5] tình chăng ai?
Khi về hỏi liễu Chương Đài [6],
Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay!
Tình sâu mong trả nghĩa *dày*,
Hoa kia đã chắp *cánh* [7] này cho chưa?
Mối tình đòi đoạn vò tơ,
Giấc hương quan [8] luống *những* [9] mơ canh dài.
Song sa [10] vò võ phương trời,

---

1. *Sân hòe:* sân có trồng cây hòe, chỉ sân nhà cha mẹ. Theo *Tống sử,* Vương Hựu có trồng ba cây hòe ở sân và nói con cháu mình tất có người làm đến tam công. Về sau người con thứ ba là Vương Đán làm đến chức Tể tướng. Do điển này người ta thường dùng *sân hòe* để chỉ nhà có con cháu hiển đạt.

2. *Đôi chút:* chỉ Thúy Vân và Vương Quan.

3. *Trân cam:* ngon ngọt, chỉ những thức ăn ngon mà con cái phụng dưỡng cha mẹ.

4. *Nguyện ước ba sinh:* lời thề ước được kết hợp thành vợ chồng. Xem *chú thích* câu 257.

5. *Thấu:* hiểu biết đến. Các bản Nôm và Quốc ngữ hầu hết đều chép là *biết,* cũng cùng nghĩa nhưng chữ *thấu* có vẻ thiết tha hơn.

6. *Liễu Chương Đài:* theo *Toàn đường thi thoại,* Hàn Hoành người đời Đường, có lấy một người kỹ nữ tên là Liễu thị rồi phải đi làm quan xa, đã để nàng ở lại Tràng An tại đường Chương Đài. Không may kinh đô có biến, Liễu thị bị tướng Phiên cướp mất. Khi loạn được dẹp yên, Hàn Hoành có gửi thư về hỏi thăm Liễu thị, trong thư có mấy câu thơ: *"Chương Đài liễu, Chương Đài liễu, tích nhật thanh thanh kim tại phủ? Túng sử trường điều tự cựu thùy, dã ưng phan chiết tha nhân thủ"* = Cây liễu ở Chương Đài, cây liễu ở Chương Đài, ngày trước xanh xanh nay có còn không? Cho dù cành dài còn buông rủ như cũ, thì có lẽ cũng đã bị bẻ vào tay người khác rồi. Về sau nhờ có Hứa Tuấn mà Liễu thị lại được trở về với Hàn Hoành.

Cả câu này và câu 1262 ý nói khi chàng Kim ở Liêu Dương về hỏi tin tức nàng Kiều thì nàng đã về tay người khác rồi.

7. *Chắp cánh: Cả câu* này là lời Thúy Kiều tự hỏi không biết Thúy Vân đã thay mình mà lấy Kim Trọng hay chưa?

8. *Hương quan:* cổng làng, chỉ quê nhà.

Giấc hương quan là giấc mơ về quê nhà.

9. *Luống những:* vẫn cứ, chỉ.

Chữ *luống* thường đi với chữ *những* như trong các câu:

Đêm ngày *luống những* âm thầm, Nước non *luống những* lắng tai Chung Kỳ, Tin sương *luống những* rày mong mai chờ.

10. *Song sa:* song cửa có treo bức màn the.

http://tieulun.hopto.org

Nay hoàng hôn [1] đã lại mai hôn hoàng.
Lần lần thỏ bạc ác vàng [2],
Xót người trong hội Đoạn tràng đòi cơn!
Đã cho lấy *chữ* hồng nhan,
Làm cho, cho hại, cho tàn, cho cân [3]!
Đã đày vào kiếp phong trần,
Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi.
Khách du [4] bỗng có một người,
Kỳ Tâm họ Thúc, cũng *nòi* thư hương [5].
Vốn người huyện Tích châu Thường,
Theo nghiêm đường [6] mở ngôi hàng Lâm Truy.
Hoa khôi [7] mộ tiếng Kiều nhi,
Thiếp hồng [8] tìm đến hương khuê [9] gửi vào.
Trướng tô [10] giáp mặt hoa đào [11],
Vẻ nào chẳng mặn, nét nào chẳng ưa.
Hải đường [12] mơn mởn cành tơ,
Ngày xuân càng gió, càng mưa, càng nồng.

---

1. *Hoàng hôn:* (*hoàng:* vàng, *hôn:* tối) lúc trời sắp tối, khi trời đã vàng dần. Thơ Chu Thục Chân: *"Khấp tổn song mâu dục đoạn trường, phạ hoàng hôn đáo hựu hoàng hôn"* = Khóc nhòa con mắt ruột đau, hôm nay chiều tối, hôm sau tối chiều.

2. *Thỏ bạc ác vàng: cả câu* ý nói lần lượt đêm qua ngày tới, ngày này sang ngày khác. Xem *chú thích* câu 79.

3. *Cho cân:* cho xứng. *Cả câu* ý nói làm cho cái hồng nhan phải tàn phai mới xứng đáng với cái số bạc mệnh.

4. *Khách du:* người khách từ phương xa đến.

5. *Nòi thư hương:* dòng dõi con nhà có học.

6. *Nghiêm đường:* (*nghiêm:* nghiêm khắc, *đường:* nhà) chỉ người cha cũng như *nghiêm phụ, nghiêm quân.*

7. *Hoa khôi:* (*hoa:* bông hoa, *khôi:* đứng đầu) người con gái xinh đẹp nổi tiếng vào bậc nhất.

8. *Thiếp hồng:* mảnh giấy đỏ đề tên người gửi, thường gọi là *danh thiếp.*

9. *Hương khuê:* buồng phụ nữ (có hương thơm của nước hoa và phấn sáp).

10. *Trướng tô:* do chữ *lưu tô trướng* là cái màn có kết tua ngũ sắc. Thơ Vương Duy: *Thúy vũ lưu tô trướng* = màn lưu tô màu xanh cánh trả.

11. *Giáp mặt hoa đào:* ý nói được gặp mặt Thúy Kiều.

12. *Hải đường:* một thứ cây cao độ hơn một trượng, hoa đỏ không hương, có sắc đẹp (1 trượng = 3,33m).

Cả hai câu 1283 - 1284 ý nói Thúy Kiều đẹp như cành hoa hái đường còn non mơn mởn, Thúc sinh đến chơi càng ân ái càng thêm nồng nàn say đắm.

http://tieulun.hopto.org

Nguyệt hoa, hoa nguyệt [1] não nùng [2],
Đêm xuân, ai dễ cầm lòng được chăng?
Lạ gì thanh khí [3] lẽ hằng [4],
Một dây một buộc ai giằng cho ra?
Sớm đào, tối mận lân la [5],
Trước còn trăng gió, sau ra đá vàng [6].
Dịp đâu may mắn lạ dường,
Lại vừa gặp khoảng xuân đường [7] lại quê.
Sinh càng một tỉnh, mười mê,
Ngày xuân lắm lúc *đi* về với xuân [8].
Khi gió gác, khi trăng sân,
Bầu tiên [9] *chuốc* rượu, câu thần nối thơ [10].
Khi hương sớm, *khi trà* trưa,
Bàn *vây* [11] điểm nước [12], đường tơ họa đàn.
Miệt *mài* trong cuộc truy hoan [13],
Càng quen thuộc nết [14], càng dan díu tình.

---

1. *Nguyệt hoa, hoa nguyệt:* đây chỉ chuyện trăng hoa, ái ân giữa Thúc sinh và Thúy Kiều. Sự đi lại giữa chàng Thúc và nàng Kiều càng ngày càng đằm thắm, càng thiết tha.

2. *Não nùng:* làm cho trong lòng tê mê.

3. *Thanh khí:* (*thanh:* tiếng, *khí:* hơi) phàm vật gì đồng thanh thì ứng với nhau, đồng khí thì hòa với nhau, ý nói người có đồng tâm, đồng khí thì thường kết bạn thân thiết với nhau.

4. *Lẽ hằng:* lẽ thường.

5. *Sớm đào tối mận:* chữ lấy trong *Kinh Thi*, bài *Ức* (*Đại nhã*) *Đầu ngã dĩ đào, báo chi dĩ lý* = người ném cho ta quả đào, ta sẽ cho lại người quả lý. Mấy chữ này sau được dùng để chỉ sự tặng quà qua lại cho nhau. Ở đây ý nói Thúc sinh và Thúy kiều thường tặng nhau quà để kết thân.

6. *Trăng gió ... đá vàng: cả câu* ý nói lúc đầu Thúc sinh chỉ tới chơi cho thỏa tình trăng gió, sau hóa ra khăng khít cùng nhau thề ước đá vàng trăm năm.

7. *Xuân đường:* cha. Xem *chú thích* câu 534.

8. *Ngày xuân ... với xuân: cả câu* ý nói Thúc sinh (được dịp cha đi vắng tha hồ say mê) hằng ngày thường lắm lúc đi lại chơi bời với Thúy Kiều, không kể giờ giấc gì nữa.

9. *Bầu tiên:* bầu rượu các vị tiên thường dùng, đây chỉ bầu rượu ngon.

10. *Câu thần nối thơ:* câu thơ cực hay cùng nối tiếp nhau làm.

11. *Bàn vây:* do chữ *vi kỳ* tức bàn cờ vây.

12. *Điểm nước:* tính từng nước trước khi đi quân cờ.

13. *Truy hoan:* chạy theo sự vui chơi.

14. *Thuộc nết:* hiểu được tính nết, biết là người tốt.

http://tieulun.hopto.org

Lạ cho cái sóng khuynh thành [1],
Làm cho đổ quán xiêu đình như chơi.
Thúc sinh quen *thói* bốc rời [2],
Trăm nghìn đổ một trận cười như không.
Mụ càng tô lục chuốt hồng,
Máu tham *hễ* thấy hơi đồng [3] thì mê.
Dưới trăng quyên đã gọi hè [4],
Đầu tường lửa lựu [5] lập lòe đâm bông.
Buồng the phải buổi thong dong,
Thang lan [6] rủ bức trướng hồng tẩm hoa [7].
Rõ *ràng* trong ngọc trắng ngà,
Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên.
Sinh càng tỏ *nét* [8] càng khen,
Ngụ tình tay thảo một thiên luật Đường [9].
Nàng rằng: "Vâng biết lòng chàng,
Lời lời châu *ngọc*, hàng hàng gấm thêu.
Hay hèn lẽ cũng nối điêu [10],

---

1. *Sóng khuynh thành:* ý nói con mắt người phụ nữ đẹp long lanh như sóng nước chỉ liếc một cái là có thể làm nghiêng thành, tức làm người ta phải xiêu lòng.

2. *Bốc rời:* ngày xưa người ta xâu tiền thành chuỗi, khi lấy ra phải đếm từng đồng. Thúc sinh cứ quen thói bốc tiền rời từng nắm để tiêu. Ý nói tiêu không tiếc tiền, hoang phí. Tản Đà chép là *bốc trời* và giảng là cái thói ngông. Nhưng đó chỉ là suy luận chứ ở các bản chữ Nôm đều viết 卜 涞 *bốc rời*).

3. *Hơi đồng:* hơi tiền (tiền đúc bằng đồng).

4. *Quyên đã gọi hè:* con cuốc đã kêu báo mùa hè.

5. *Lửa lựu:* hoa lựu nở đỏ chói trông như đốm lửa.

6. *Thang lan:* nước tắm nấu sôi có bỏ thêm hoa lan vào cho thơm.

7. *Tẩm hoa:* cũng như *tắm hoa*, do chữ *mộc hoa*. *Cả câu* ý nói Thúy Kiều đun nước thơm rồi buông màn tắm.

8. *Tỏ nét:* nhìn rõ những đường nét của thân hình Thúy Kiều lúc đang tắm. Chữ 涅 có thể phiên âm là *nết* hoặc *nét*. Ở câu 1300 chữ 涅 phiên là *nết* thì đúng (*càng quen thuộc nết càng dan díu tình*) nhưng ở câu 1313 phải phiên là *nét* mới có nghĩa và mới hợp với câu "*Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên*".

9. *Luật Đường:* thơ làm theo luật đời nhà Đường. Ở *nguyên truyện*, Thúc sinh đã làm một bài thơ thất ngôn bát cú.

10. *Nối điêu:* (*điêu:* loài chồn đuôi to lông dài) Ở Trung Quốc xưa các quan ngự sử đội mũ có làm ngù bằng đuôi điêu. Đến cuối đời Tấn, Triệu Vương Luân cướp được ngôi vua, phong quan chức bừa bãi cho bọn tôi tớ nên không kiếm đủ đuôi điêu làm ngù mũ. Người đời bấy giờ có câu giễu rằng: "*Điêu bất túc, cẩu vĩ tục*" = đuôi điêu không đủ thì nối bằng đuôi chó. Đây là lời nói khiêm của Thúy Kiều không nối lời họa lại.

http://tieulun.hopto.org

Nỗi quê [1] *nghĩ* một *hai* điều ngang ngang.
Lòng còn gửi áng mây *vàng* [2],
Họa vần xin hãy chịu chàng hôm nay".
Rằng: "Sao *nói* lạ lùng thay!
Cành kia chẳng phải cội này [3] mà ra".
Nàng càng *ủ dột* thu ba [4],
Đoạn trường lúc ấy *nghĩ* mà buồn tênh:
"*Thiếp* như hoa đã lìa cành,
Chàng như con bướm *liệng* vành *mà* chơi.
Chúa xuân [5] đành đã có nơi,
Ngắn ngày thôi chớ dài lời làm chi!"
Sinh rằng: "Từ thuở tương tri [6],
Tấm riêng, riêng những nặng vì nước non [7].
Trăm năm [8] tính cuộc vuông tròn,
Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông".
Nàng rằng: "Muôn đội ơn lòng,
Chút e bên thú bên tòng dễ đâu [9].
Bình Khang [10] nấn ná bấy lâu,
Yêu hoa, yêu được một màu điểm trang [11].
Rồi ra *lạt* phấn phai hương [12],

---

1. *Nỗi quê:* nỗi lòng nhớ quê nhà.

2. *Mây vàng:* mây màu vàng. Cổ thi: *Thiên thượng hoàng vân ảnh, du tử hà thời quy* = trên trời có bóng mây vàng, khách phương xa đi bao giờ về. *Mây vàng* là nói đến lòng nhớ nhà, nhớ cha mẹ. Bản KOM chép là *mây Hàng* thì không đúng hẳn với tích Địch Nhân Kiệt vì điển này nói đến *mây trắng* chứ không phải *mây vàng*.

3. *Cội này:* gốc cây này. Chữ *cội* cũng viết là *cỗi*. *Cả câu* ý Thúc sinh muốn nói: Thế nàng không phải là con của Tú bà ư?

4. *Thu ba:* sóng thu, ý nói con mắt người con gái đẹp long lanh như sóng nước mùa thu.

5. *Chúa xuân:* vị thần chủ trương mùa xuân, đây chỉ người vợ chính làm chủ trong nhà. *Cả câu* ý nói ở nhà đã có vợ rồi.

6. *Tương tri:* biết nhau.

7. *Tấm riêng...nước non: Cả câu* ý nói Thúc sinh trong lòng riêng những muốn cùng nàng hẹn thề non nước, kết duyên vợ chồng.

8. *Trăm năm:* chỉ việc lấy nhau trăm năm hạnh phúc.

9. *Bên thú, bên tòng:* bên chàng Thúc lấy vợ lẽ, bên Thúy Kiều bỏ thanh lâu đi lấy chồng (tòng lương).

10. *Bình Khang:* nguyên là tên cái ngõ ở kinh đô Tràng An, các kỹ nữ thường tập trung ở đó. Sau chữ này được dùng để chỉ xóm làng chơi, chỗ gái điếm ở.

11. *Màu điểm trang:* ý nói lúc còn trẻ đẹp như đóa hoa còn hương sắc.

12. *Lạt phấn phai hương:* (*lạt* cũng viết *nhạt*) ý nói lúc nhan sắc đã tàn tạ.

http://tieulun.hopto.org

Lòng kia giữ được thường thường *mãi* chăng?
Vả trong thềm quế [1] cung trăng,
Chủ trương đành đã chị *Hằng* [2] ở trong.
Bấy *lâu* khăng khít dải đồng [3],
Thêm người, người cũng chia lòng riêng tây.
Vẻ chi chút phận bèo mây [4],
Làm cho bể ái khi đầy khi vơi.
Trăm điều ngang ngửa vì tôi,
Thân sau ai chịu tội trời ấy cho?
Như chàng có vững tay co [5],
Mười phần cũng đắp điếm [6] cho một vài.
Thế trong dù lớn hơn ngoài [7],
Trước hàm sư tử [8] gửi người đằng la [9].
Cúi đầu luồn xuống mái nhà,

---

1. *Thềm quế:* chỉ mặt trăng vì người xưa cho rằng trên cung trăng có ả Hằng Nga và có cây quế.

2. *Chị Hằng:* Chị Hằng Nga. Theo *truyền thuyết* thì Hằng Nga là vợ Hậu Nghệ. Hậu Nghệ xin được thuốc trường sinh chưa kịp uống thì vợ lấy uống mất rồi thành tiên, bay lên cung trăng. *Cả câu ý* nói ở nhà Thúc sinh, Hoạn Thư đã là người chủ trương mọi việc cả rồi.

3. *Dải đồng:* dải đồng tâm. *Cả câu ý* nói Thúc sinh bấy lâu vẫn sống đầm ấm với vợ là Hoạn Thư.

4. *Phận bèo mây:* thân phận của kẻ lưu lạc như bèo mây trôi nổi.

5. *Tay co:* thanh gỗ đóng ngang miệng thùng nước để giữ cho cái thùng nước được vững và để buộc dây vào mà gánh.

Cả câu ý Thúy Kiều muốn nói nếu chàng có vững tay mới chống đỡ được với vợ cả là Hoạn Thư.

6. *Đắp điếm:* che chở.

7. *Trong...ngoài: trong* là nói người đàn bà lo công việc nhà, *ngoài* là nói người đàn ông lo công việc ở ngoài xã hội. Nghĩa ấy lấy từ câu "*nam ngoại nữ nội*" trong *Kinh Dịch.*

Cả câu ý Thúy Kiều muốn nói nếu như vợ của chàng có quyền lớn hơn chàng, áp đảo được chàng...

8. *Sư tử:* chỉ người vợ dữ tợn. *Truyền đăng lục* chép rằng: Trần Tháo người đời Tống có vợ (họ là Liễu) dữ lắm. Khách đến chơi nhà thường nghe thấy tiếng quát tháo. Tô Đông Pha đã làm bài thơ đùa Trần Tháo, trong có câu "*Hốt văn Hà Đông sư tử hống, trụ trượng lạc thủ tâm mang nhiên*" = Bỗng nghe sư tử Hà Động rống, gậy chống rời tay những hoảng hồn.

9. *Đằng la:* loài dây leo thường mọc bám vào các cây lớn, đây chỉ người vợ lẽ.

Cả câu ý nói bị làm vợ lẽ dưới quyền một người vợ cả ác nghiệt.

http://tieulun.hopto.org

Giấm chua [1] lại tội bằng ba lửa nồng [2].
Ở trên còn có nhà *thung* [3],
Lượng trên trông xuống biết lòng có thương?
Sá chi liễu ngõ hoa tường [4],
Lầu xanh lại bỏ ra phường lầu xanh!
Lại càng dơ dáng dại hình [5],
Đành thân phận thiếp, *ngại* danh giá chàng.
Thương sao cho vẹn thì thương,
Tính sao cho trọn mọi đường thì vâng".
Sinh rằng: "Hay nói đè chừng [6],
Lòng đây lòng đấy chưa từng [7] hay sao?
Đường *xa* chớ ngại Ngô Lào [8],
Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.
Đã gần chi có điều xa [9],
Đá vàng *đã* quyết, phong ba [10] cũng liều!"
Cùng nhau căn vặn [11] đến điều,
Chỉ non thề bể nặng gieo đến lời.
Nỉ non [12] đêm ngắn tình dài,

---

1. *Giấm chua:* chỉ lòng ghen tuông của người vợ cả.

2. *Lửa nồng:* ví với cảnh ở lầu xanh cực khổ chẳng khác gì sa vào hầm lửa nóng. *Cả câu* ý nói nếu chịu bỏ lầu xanh mà vào làm lẽ thì phải luồn cúi trước mặt vợ cả như thế thì cái thân phận làm lẽ còn cực khổ gấp ba là làm gái làng chơi.

3. *Nhà thung:* đúng ra là *nhà xuân* (cha) nhưng vì chữ *xuân* không hiệp vần được nên mới đổi ra là *nhà thung*. Chữ 椿 (thung) và chữ 椿 (xuân) chỉ khác nhau một chút. Kiều Oánh Mậu đã đổi ra là nhà *thông*.

4. *Liễu ngõ hoa tường:* cây liễu ở trước ngõ, cành hoa ở bên tường, ai hái cũng được; ví với hạng con gái ở thanh lâu, ai đến cũng phải tiếp.

5. *Dơ dáng dại hình:* ý nói xấu hổ cả mặt mũi.

6. *Nói đè chừng:* nói phỏng chừng.

7. *Chưa từng:* chưa từng hiểu biết.

8. *Ngô Lào:* (*Ngô*: Trung Quốc, *Lào:* nước Ai Lao) hai nước xưa kia vì đi lại khó khăn nên ta cho là xa lắm. *Cả câu* ý Thúc sinh muốn khuyên Kiều đừng có ngại gì cả, đừng có nghĩ đến những chuyện khó khăn như sang Ngô, sang Lào.

9. *Gần...xa: cả câu* ý nói đã gần nhau thì làm gì có chuyện xa nhau được nữa.

10. *Đá vàng...phong ba:* (*phong:* gió, *ba*: sóng) *cả câu* ý nói đã quyết một lòng với nhau thì dù có gặp khó khăn đến mấy cũng liều, không ngại gì.

11. *Căn vặn:* nói cho hết mọi lời, thật kỹ càng.

12. *Nỉ non:* tỉ tê, nhỏ to tâm sự..

http://tieulun.hopto.org

Ngoài hiên thỏ [1] đã non đoàn ngậm gương [2].
Mượn điều trúc viện [3] thừa lương [4],
Rước về hãy tạm giấu nàng một nơi.
Chiến hòa sắp sẵn hai bài,
Cậy tay thầy thợ [5], mượn người dò la.
Bắn tin [6] đến mặt Tú bà,
Thua cơ, mụ cũng cầu hòa, dám sao!
Rõ ràng của dẫn tay trao,
Hoàn *lương* [7] một thiếp thân vào cửa công.
Công tư [8] *đôi* lẽ đều xong,
Gót tiên [9] phút đã thoát vòng trần ai [10].
Một nhà sum họp trúc mai [11],
Càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông.
Hương càng đượm, lửa [12] càng nồng
Càng sôi vẻ ngọc, càng lồng màu sen [13].
Nửa năm hơi tiếng [14] vừa quen,
Sân ngô [15] cành biếc đã chen lá vàng [16].

---

1. *Thỏ:* mặt trăng. Xem *chú thích* câu 79.

2. *Non đoài ngậm gương:* ý nói mặt trăng đã ngả xuống ngang với ngọn núi ở phía Tây, trông tưởng chừng như ngọn núi ngậm lấy vừng trăng.

3. *Trúc viện:* nhà làm bằng tre hoặc chung quanh có trồng trúc.

4. *Thừa lương;* nghỉ mát, hóng mát.

5. *Thầy thợ:* (tay thầy thước thợ) người khôn khéo biết thu xếp mọi việc cho tốt đẹp.

6. *Bắn tin:* đưa tin một cách gián tiếp, không ra mặt.

7. *Hoàn lương:* (*hoàn:* về, *lương*: tốt, lành) ý nói khi người con gái ở lầu xanh có người chịu chuộc ra cưới làm vợ hoặc làm thiếp thì được phép trở về cuộc sống lương thiện.

8. *Công tư:* việc công và việc tư, tức việc xin quan cho về hoàn lương và việc trả lại tiền cho Tú bà để chuộc Thúy Kiều ra.

9. *Gót tiên:* gót chân người thiếu nữ đẹp như tiên, đây chỉ Thúy Kiều.

10. *Vòng trần ai:* (*trần*: cõi đời, *ai:* bụi bậm) vòng khổ sở ở chốn thanh lâu.

11. *Trúc mai:* đây nói sự sum họp vợ chồng đầm ấm như cảnh gió trúc mưa mai. Xem *chú thích* câu 708.

12. *Hương... lửa... :* chỉ tình vợ chồng thắm đượm nồng nàn.

13. *Vẻ ngọc...màu sen: cả câu ý* nói từ ngày lấy Thúc sinh, Thúy Kiều càng thêm xinh đẹp và càng lộ vẻ cao quý sang trọng.

14. *Hơi tiếng:* cũng như *quen hơi bén tiếng*, tức đã ăn ở với nhau quá quen thuộc rồi.

15. *Sân ngô:* sân có trồng cây ngô đồng.

16. *Cành biếc đã chen lá vàng:* cành lá xanh đã có điểm những lá vàng, ý nói đã bắt đầu sang mùa thu. *Cổ thi* có câu: *"Ngô đồng nhất diệp lạc, thiên hạ cộng tri thu* = một lá ngô đồng rụng, mọi người đều biết thu về.

http://tieulun.hopto.org

Giậu thu [1] vừa nảy *giò* sương [2],
Gối yên [3] đã thấy xuân đường tới nơi.
Phong lôi [4] nổi trận bời bời,
Nặng lòng e ấp [5], tính bài phân chia.
Quyết *ngay* biện bạch [6] một bề,
Dạy cho má phấn [7] lại về lầu xanh.
Thấy lời nghiêm huấn [8] rành rành,
Đánh liều, sinh mới lấy tình nài kêu.
Rằng: "Con biết tội đã nhiều,
Dẫu rằng *sấm sét* [9] búa rìu cũng cam.
Trót vì tay đã nhúng chàm [10],
Dại rồi con biết khôn làm sao đây!
Cùng nhau vả tiếng một ngày,
Ôm cầm [11] ai nỡ dứt dây cho đành.
Lượng trên *quyết* chẳng thương tình,
Bạc đen [12] thôi có tiếc mình làm chi!"
Thấy lời *sắt* đá tri tri [13],

---

1. *Giậu thu:* hàng rào về mùa thu.
2. *Giò sương:* mầm cúc gặp sương mọc ra.
3. *Gối yên:* cái gối dựa và cái yên ngựa.
4. *Phong lôi:* cơn giận dữ dội như sấm gầm gió rít.
5. *Nặng lòng e ấp:* ý nói trong lòng đầy sự e ngại. Bản BK - TTK đã giảng là *"Thúc ông sợ về nỗi con đã có vợ rồi mà lại chơi bời lấy người giang hồ. Vậy ông mới tính bài bắt phải bỏ ra"*. Tản Đà thì ghi: *"Bốn chữ* Nặng lòng e ấp *đây, nghĩa chưa được tường"*.

Theo *nguyên truyện* thì Thúc ông đã tỏ ra sợ nếu che đậy cho việc Thúc sinh lấy Thúy Kiều. Thúc ông đã mắng con rằng: *"Mày là thằng ngu xuẩn... Mày phải biết bố vợ mày là hạng người nào? Vợ mày là một tiểu thư con nhà đài các. Nếu vợ mày biết tin này nó sẽ giận đến chừng nào; khi ấy mày bảo tao sẽ làm sao mà chịu cho nổi cái điều tức giận của nó"*.

6. *Biện bạch:* trình bày các lý lẽ cho rõ ràng.
7. *Má phấn:* chỉ Thúy Kiều.
8. *Nghiêm huấn:* lời chỉ dạy của cha.
9. *Sấm sét:* oai nghiêm của trời. *Cả câu* ý nói dù có la hét quở mắng hoặc phạt tội nặng thế nào cùng đành phải chịu.
10. *Tay đã nhúng chàm:* ý nói đã lỡ rồi, tay đã nhúng chàm rồi thì có rửa cũng không sạch; ví với việc đã trót lấy Thúy Kiều rồi.
11. *Ôm cầm:* ôm đàn.
12. *Bạc đen:* (*bạc* là bạc tình) ý nói lòng dạ đơn bạc, đổi trắng thay đen. *Cả câu* ý nói nếu phải xử ra người bội bạc với Thúy Kiều thì thôi cũng đành liều thân cùng số mệnh.
13. *Tri tri:* vững, trơ ra, không có gì lay chuyển nổi.

http://tieulun.hopto.org

Sốt gan [1] ông mới *cáo* quì cửa công.
Đất bằng nổi sóng [2] đùng đùng,
Phủ đường [3] sai lá phiếu hồng [4] thôi tra [5].
Cùng nhau theo gót sai nha [6],
Song song vào trước sân hoa [7] lạy quì.
Trông lên mặt sắt [8] đen sì [9],
Lập nghiêm [10] trước *đã* ra uy nặng lời:
"Gã kia [11] dại nết chơi bời,
Mà con người [12] thế là người đong đưa [13]!
Tuồng chi hoa thải hương thừa [14],
Mượn màu son phấn đánh lừa con đen [15].
Suy trong tình trạng *nguyên đơn* [16],
Bề nào thì cũng chưa yên bề nào.
Phép công chiếu án [17] luận vào,
Có hai đường ấy muốn sao mặc mình:
"Một là cứ phép gia hình [18],
Một là lại cứ lầu xanh phó về".
Nàng rằng: "Đã quyết một bề,
Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần!
Đục trong thân cũng là thân,

---

1. *Sốt gan:* nóng gan nóng ruột; ý nói tức giận quá.

2. *Đất bằng nổi sóng:* do câu *bình địa khởi ba đào* dịch ra; ý nói đương yên lặng bỗng xảy ra việc rắc rối.

3. *Phủ đường:* dinh quan phủ.

4. *Phiếu hồng:* tờ trát của quan sai đi bắt (viết trên giấy màu hồng, màu đỏ).

5. *Thôi tra:* (*thôi*: đòi; *tra:* xét hỏi) đòi lên để xét hỏi.

6. *Sai nha:* chỉ bọn thông lại và lính lệ ở các phủ huyện.

7. *Sân hoa:* sân trước phủ đường. Chữ *hoa* dùng cho đẹp lời.

8. *Mặt sắt:* do chữ *thiết diện* dịch ra, chỉ vẻ mặt oai nghiêm của ông quan chính trực.

9. *Đen sì:* hai chữ này thêm vào để đi với chữ *sắt* và cũng để hợp vần, chứ thực ra mặt ông quan đâu có đen đến như vậy.

10. *Lập nghiêm:* làm ra vẻ oai nghiêm.

11. *Gã kia:* chỉ Thúc sinh.

12. *Con người:* chỉ Thúy Kiều.

13. *Đong đưa:* trai lơ, không đứng đắn.

14. *Hoa thải hương thừa:* ý nói đã không còn quý giá gì nữa, thứ con gái ở thanh lâu, đồ của thừa bỏ đi.

15. *Con đen:* dân đen, đây chỉ hạng ngu ngốc.

16. *Nguyên đơn:* bên đi kiện.

17. *Chiếu án:* cứ theo bản án mà định tội.

18. *Gia hình:* áp dụng hình phạt đối với kẻ có tội.

http://tieulun.hopto.org

Yếu thơ vâng chịu trước sân lôi đình".
Dạy rằng: "Cứ phép gia hình!"
Ba cây [1] *chập lại* một cành mẫu đơn [2].
Phận đành chi dám kêu oan,
Đào *hoen quẹn* [3] má, liễu *tan tác* [4] mày.
Một sân *lầm cát* [5] đã đầy,
Gương lờ nước thủy, *mai gầy* [6] *vóc sương*.
Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,
Nẻo xa trông thấy lòng càng xót xa.
Khóc rằng: "*Oan khốc* [7] vì ta,
Có nghe *lời trước* [8], *chẳng* đà *lụy sau* [9]!
Cạn lòng *chẳng biết* nghĩ *sâu*,
Để ai [10] trăng tủi hoa sầu [11] vì ai [12] ?"
Phủ đường [13] nghe thoảng vào tai,
Động lòng [14] lại gạn đến lời riêng tây.
Sụt sùi, chàng mới thưa ngay,
Đầu đuôi kể *lại sự* ngày cầu thân [15] :

---

1. *Ba cây:* ba thứ đồ làm bằng gỗ để gông cùm kẻ có tội, do chữ *tam mộc* trong *Hán thư* mà dịch ra: *nữu* (cái khóa tay), *già* (cái gông cổ) và *giới* (cái cùm chân).

2. *Cành mẫu đơn:* ví với người con gái đẹp, đây chỉ Thúy Kiều. *Cả câu* ý nói đem đồ gông cùm ra làm tội Thúy Kiều.

3. *Hoen quẹn:* ý nói nước mắt làm hoen cả má phấn.

4. *Tan tác:* rã rời tả tơi.

Cả câu ý nói Thúy Kiều khóc lóc nước mắt giàn giụa làm hoen ố cả má phấn và lông mày nhíu cong lại vì đau đớn như muốn tả tơi rã rời.

5. *Lầm cát:* ý nói nàng Kiều chịu hình phạt ở giữa sân, thân đầy cát bẩn thỉu.

6. *Gương lờ.. mai gầy: cả câu* ý nói đau đớn đến nỗi mặt nguyên sáng như gương mà nay mờ sạm hẳn đi, thân hình nguyên đẹp như cây mai mà bây giờ gầy như vóc sương; tả vẻ tiều tụy của Thúy Kiều sau khi bị đánh đập.

7. *Oan khốc:* bị oan ức một cách thảm khốc.

8. *Lời trước:* tức là lời Thúy Kiều nói trước với Thúc sinh:

"Chút e bên thú bên tòng dễ đâu" và *"Trăm điều ngang ngửa vì tôi, thân sau ai chịu tội trời ấy cho".*

9. *Lụy sau:* để lụy về sau cho Thúy Kiều.

10. *Để ai:* để nàng Kiều.

11. *Trăng tủi hoa sầu:* (*trăng hoa:* đây chỉ nhan sắc người con gái) ý nói Thúy Kiều phải chịu cảnh tủi sầu nhục nhã.

12. *Vì ai:* vì Thúc sinh.

13. *Phủ đường:* đây chỉ quan phủ.

14. *Động lòng:* động lòng thương.

15. *Cầu thân:* tìm cách làm quen, làm thân thiết, xin kết duyên vợ chồng.

http://tieulun.hopto.org

"Nàng đà tính hết xa gần,
Từ xưa nàng đã biết thân có rày.
Tại tôi *hứng* lấy [1] một tay,
Để nàng cho đến nỗi này vì tôi".
Nghe lời nói cũng thương lời,
Dẹp uy mới dạy *cho* bài giải vi [2].
Rằng: "Như hẳn có thế thì,
Trăng hoa [3], song cũng thị phi [4] biết điều".
Sinh rằng: "Chút phận bọt bèo [5],
Theo đòi *vả cũng* ít nhiều bút nghiên. [6] "
Cười rằng: "Đã thế thì nên,
Mộc già [7] hãy thử một thiên trình nghề [8]!"
Nàng vâng *cất bút* tay đề,
Tiên hoa [9] trình trước án phê [10], xem tường.
Khen rằng: "Giá *đáng* Thịnh Đường [11],
Tài này sắc ấy, nghìn vàng chưa cân!
Thực là tài tử giai nhân,
Châu Trần [12], *còn* có Châu Trần nào hơn!
Thôi đừng *rước* dữ, cưu hờn [13],

---

1. *Hứng lấy:* nhận lấy trách nhiệm. Thúc sinh đã từng nói: "*Đường xa chớ ngại Ngô Lào, trăm điều hãy cứ trông vào một ta*".

2. *Giải vi:* mở vòng vây, ý nói không buộc tội Thúy Kiều nữa.

3. *Trăng hoa:* đây chỉ Thúy Kiều tuy là gái ở lầu xanh quen thói trăng hoa.

4. *Thị phi:* phải trái, điều phải điều trái.

5. *Bọt bèo:* ý nói thân phận hèn mọn như bọt nước cánh bèo trôi nổi theo dòng nước.

6. *Bút nghiên:* ý nói có học hành, có biết chữ nghĩa.

7. *Mộc già:* cái gông bằng gỗ. Quan phủ ra đề là "*cái gông*" để Thúy Kiều vịnh.

8. *Trình nghề:* trình bày tài nghệ của mình.

9. *Tiên hoa:* tờ giấy hoa tiên dùng để viết thơ.

10. *Án phê:* bàn làm việc của quan phủ ngồi để phê công văn giấy tờ.

11. *Thịnh Đường:* thời kỳ thịnh trị của nhà Đường. Lịch sử văn học đời Đường (618-907) chia ra làm bốn thời kỳ: *Sơ Đường* (618-713), *Thịnh Đường* (713-766), *Trung Đường* (766-835), *Vãn Đường* (835-907). Cũng có sách chia ra làm ba thời kỳ: *Sơ Đường, Thịnh Đường* và *Vãn Đường*. Thơ Đường vốn đã hay mà trong thời *Thịnh Đường* lại là hay hơn cả.

12. *Châu Trần:* họ Châu và họ Trần. Hai họ này xưa ở tỉnh Giang Tô vẫn đời đời làm thông gia với nhau nên về sau người ta dùng *Châu Trần* để nói việc hôn nhân.

13. *Rước dữ cưu hờn:* mua rước điều dữ vào mình, cưu mang lấy sự hờn giận vào mình.

http://tieulun.hopto.org

Làm chi lỡ nhịp cho đờn ngang cung [1].
Đã đưa đến trước cửa công,
Ngoài thì là lý, song trong là tình.
Dâu con trong đạo gia đình,
Thôi thì dẹp nỗi bất bình [2] là xong!"
Kíp truyền [3] sắm sửa lễ công,
Kiệu hoa *cất* gió [4], đuốc hồng *ruổi* sao [5].
Bày hàng cổ *xúy* [6] xôn xao,
Song song đưa tới trướng đào sánh đôi.
Thương vì *hạnh*, trọng vì tài,
Thúc ông thôi cũng dẹp lời phong ba [7].
Huệ *lan* [8] sực nức một nhà,
Từng cay đắng, lại mặn mà [9] hơn xưa.
Mảng vui [10] rượu sớm *trà* trưa,
Đào đà phai thắm [11], sen vừa nảy xanh [12].

---

1. *Lỡ nhịp...ngang cung: cả câu* ý nói đừng để lỡ dịp tốt hòa giải khiến cuộc nhân duyên bị ngăn trở, bị ngang trái.

2. *Bất bình:* không bằng lòng.

3. *Kíp truyền:* vội ra lệnh cho sai nha.

4. *Kiệu hoa cất gió:* kiệu hoa nhấc lên đi mau như gió.

5. *Đuốc hồng ruổi sao:* đuốc thắp sáng hồng cầm đi mau như đuổi theo sao.

6. *Cổ xúy:* (*cổ:* trống, *xúy*: kèn, sáo) đánh trống thổi sáo, nói chung là âm nhạc. Đoạn này Tản Đà có nhận xét như sau: "*Trở lên bốn câu đây, ngờ không đúng với tình sự lúc đó. Như quan phủ có rộng lượng thời tha cho đã là tốt; không lẽ lại vì những kẻ bị kiện mà làm lễ cưới hộ cho họ. Huống* "phủ đường" *đó, một ông quan* "mặt sắt" *đâu có* "kíp truyền" *nhảm như thế?... cho nên theo ngụ ý riêng nghĩ, bốn câu này chỉ nên cắt bỏ...*".

Lời nhận xét của Tản Đà là đúng nhưng Nguyễn Du đã theo *nguyên truyện* mà viết như vậy. Nguyên truyện: "*Tri phủ hựu khiến tả hữu tu thái kỳ cổ nhạc, hoa hồng hỉ kiệu, song song tống hồi Thúc trạch*" (Quan phủ lại sai lính sắm sửa cờ vẽ, ban nhạc, đèn hoa và kiệu cưới, tiễn vợ chồng Thúc sinh về tận nhà).

Đoạn này, *Tô Nam* Nguyễn Đình Diệm đã bỏ không dịch theo nguyên truyện nên có người đã hiểu lầm bốn câu (1465-1468) ấy là do Nguyễn Du đã sáng tạo ra.

7. *Phong ba:* (gió-sóng) ý nói cơn giận dữ mạnh như sóng gió ầm ầm nổi lên.

8. *Huệ lan:* hai thứ hoa thơm, đây ý nói vợ chồng Thúc sinh - Thúy Kiều lại được sum họp một nhà vui vẻ.

9. *Mặn mà:* đằm thắm.

10. *Mảng vui:* mải vui, những vui... mà quên đi mọi việc khác.

11. *Đào đà phai thắm:* ý nói mùa xuân đã qua.

12. *Sen vừa nảy xanh:* ý nói mùa hè đã sang.

http://tieulun.hopto.org

Trướng hồ [1] vắng vẻ đêm thanh,
E tình [2] nàng mới bày tình riêng chung:
"Phận bồ [3] từ vẹn chữ tòng [4],
Đổi thay nhạn *yến* [5] đã *hòng* đầy niên.
Tin nhà ngày một vắng tin,
Mặn tình cát lũy [6], nhạt *tình* tao khang [7].
Nghĩ ra thật cũng nên dường,
Tăm hơi ai *dễ* giữ giàng cho ta?
Trộm nghe kẻ *lớn* trong nhà,
Ở vào khuôn phép, nói ra mối giường.
E thay những dạ phi thường [8],
Dễ dò rốn bể [9] khôn lường đáy sông.
Mà ta suốt một năm ròng,
Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào.
Bấy chầy chưa tỏ *tiêu* hao [10],
Hoặc là trong có làm sao chăng là?
Xin chàng *liệu kíp* [11] lại nhà,
Trước *người* đẹp ý, sau ta biết tình.
Đêm ngày giữ mực [12] giấu quanh,

---

1. *Trướng hồ:* vách bằng giấy lấy hồ dán thành; đây chỉ chỗ phòng the.

2. *E tình:* có sự e ngại trong lòng. Thúy Kiều nghĩ đến vợ cả của Thúc sinh là Hoạn Thư mà lòng những e ngại.

3. *Phận bồ:* phận của kẻ yếu như cây bồ liễu phải sống nhờ vào cây lớn hơn.

4. *Chữ tòng:* chữ *tòng phu,* chỉ người con gái lấy chồng phải theo chồng.

5. *Nhạn yến:* (*nhạn:* ngỗng trời) chim nhạn về mùa thu, chim yến về mùa xuân. *Cả câu* ý nói chim nhạn chim yến đã đổi thay nhau báo hiệu mùa nọ qua mùa kia đến, thấm thoắt đã hơn nửa năm rồi.

6. *Cát lũy:* thứ cây leo, chỉ người vợ lẽ.

7. *Tao khang:* (*tao:* bã rượu, *khang:* cám gạo) chỉ người vợ cả lấy từ lúc còn nghèo túng, chưa làm nên. Chữ này nguyên ở lời Tống Hoằng, đời nhà Hán. Vua Quang Vũ có người chị gái mới góa chồng muốn gả cho Tống Hoằng mà Hoằng đã có vợ. Vua hỏi ý Hoằng. Hoằng thưa rằng: "*Tao khang chi thế bất khả hạ đường*" (vợ từ hồi ăn bỗng cám với nhau không thể cho xuống nhà dưới được). Vua biết ý vậy rồi thôi.

Tình tao khang: Kiều Oánh Mậu đối là *nguyền tao khang* cho đúng vần nhưng chữ *tình* nghe thuận hơn. Ta vẫn thường nói *tình vợ chồng* chứ không ai nói *nguyền vợ chồng.*

8. *Phi thường:* khác thường.

9. *Rốn bể:* chỗ sâu ở dưới biển, đáy biển.

10. *Tiêu hao:* tin tức, tăm hơi.

11. *Liệu kíp:* tính định sớm (lại nhà).

12. *Giữ mực:* giữ trong mức độ, giữ không quá giới hạn, chỉ cứ ở trong vòng.

http://tieulun.hopto.org

Rày lần mai lữa [1] như hình chưa thông [2] ".
Nghe lời khuyên nhủ thong dong,
Đành lòng sinh mới quyết *lòng hồi trang* [3].
Rạng [4] ra gửi [5] đến xuân *đường* [6],
Thúc ông cũng vội giục chàng ninh gia [7].
Tiễn đưa một chén quan hà [8],
Xuân đình [9] thoắt [10] đã *dạo* ra Cao đình [11].
Sông Tần một dải *xanh* xanh,
Loi thoi [12] bờ liễu mấy cành Dương quan [13].
Cầm tay dài *ngắn thở* than,
Chia phôi *ngừng* chén, hợp tan nghẹn lời.

---

1. *Rày lần mai lữa:* cứ để kéo dài ngày này qua ngày khác.

2. *Thông:* xong xuôi; *chưa thông:* chưa giải quyết được cho êm xuôi, vẫn cứ còn bị vướng mắc.

3. *Hồi trang:* (*hồi:* về, *trang:* đồ dùng, quần áo) sửa soạn đồ dùng quần áo để về nhà (thăm Hoạn Thư).

4. *Rạng:* rạng sáng, mới tang tảng sáng.

5. *Gửi:* trình với ai việc gì có vẻ cung kính như đi thưa về gửi.

6. *Xuân đường:* cha. Xem *chú thích* câu 534, 1292.

7. *Ninh gia:* (*ninh:* về thăm; *gia:* nhà) về thăm nhà.

8. *Quan hà:* (*quan:* cửa ải, *hà:* sông) ý nói đường đi xa xôi cách trở.

Chén quan hà: chén rượu đưa tiễn người xa.

9. *Xuân đình:* đây chỉ chỗ sân nhà, nơi Thúy Kiều đưa tiễn Thúc sinh.

10. *Thoắt:* vội, chỉ trong một lát thôi. Thúy Kiều và Thúc sinh không lưu luyến nhau được nữa. Theo *nguyên truyện* thì lúc ấy có Thúc ông và các bạn thân đến tiễn. Thúy Kiều phải đứng sau tấm bình phong ở sân nhà không dám ra. Thúc sinh chỉ nói được một câu tạm biệt rồi chào phụ thân và các bạn. Chàng lên ngựa đi ra sông Hoàng Hà để đáp thuyền sang huyện Vô Tích.

11. *Dạo ra Cao đình:* đây là nói Thúc sinh đi ngựa ra chỗ bến đò nên Nguyễn Du thay vì tả sông Hoàng Hà, đã nói đến sông Tần.

Cao đình: nơi tiễn biệt nhau. Bản BK-TTK có ghi thêm câu *cổ thi: Cao đình tương biệt xứ* (chỗ biệt nhau ở Cao đình).

Nguyên truyện để cho Thúc sinh và Thúy Kiều tâm sự với nhau trong phòng, tối hôm trước ngày đưa tiễn.

Nguyễn Du ngược lại đã để cho Thúy Kiều tiễn chân Thúc sinh ra đến tận Cao đình và còn để hai vợ chồng quyến luyến dặn dò nhau lúc chia tay.

Cầm tay dài ngắn thở than,
Chia phôi ngừng chén, hợp tan nghẹn lời.

Ở đoạn này Nguyễn Du đã cho cô Kiều nói dài dòng tới 14 câu.

12. *Loi thoi:* nói cành liễu dài ngắn không bằng nhau.

13. *Dương quan:* tên một cửa ải ở tỉnh Cam Túc (Trung Quốc). Thơ Vương Duy có câu: "*Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu, tây xuất Dương quan vô cố nhân*" = khuyên chàng cạn chén rượu mời, Dương quan ra khỏi vắng người bạn xưa".

http://tieulun.hopto.org

Nàng rằng: "Non nước xa khơi,
Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm.
Dễ *lòa yếm thắm trôn kim* [1],
Làm chi *bưng* mắt bắt chim [2] khó lòng!
Đôi ta chút nghĩa đèo *bòng* [3],
Đến nhà trước liệu nói sòng [4] cho minh.
Dù khi sóng gió bất tình [5],
Lớn ra *uy lớn*, tôi đành phận tôi.
Hơn điều giấu ngược giấu xuôi,
Lại mang những việc tầy trời đến sau.
Thương nhau xin nhớ lời nhau,
Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy.
Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
Chén mừng xin đợi *ngày* này [6] năm sau".
Người lên ngựa, kẻ chia bào [7],
Rừng phong [8] thu đã nhuốm màu quan san. [9]
Dặm *hồng* bụi cuốn chinh an [10],
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.
Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.
Vầng trăng ai xẻ làm đôi

---

1. *Dễ lòa yếm thắm trôn kim:* tục ngữ có câu: "*Lòa được yếm thắm, khó lòa được trôn kim*", ý nói cái yếm thắm tuy là màu đỏ nhưng có khi vô ý cũng không biết, cái trôn kim tuy rằng nhỏ nhưng nhìn kỹ thì cũng nhận ra. Đây ý nói việc Thúc sinh lấy vợ lẽ làm sao mà giấu cho được một khi Hoạn Thư để tâm theo dõi.

2. *Bưng mắt bắt chim:* mở mắt còn khó bắt được chim huống là bưng mắt; đây ý nói khó lòng mà làm được, mà giấu được.

3. *Đèo bòng:* dan díu, vướng vít mối tình với nhau.

4. *Nói sòng:* nói thẳng ra tất cả sự thực.

5. *Bất tình:* bất ngờ.

6. *Ngày này:* Thúc sinh và Thúy Kiều chia tay nhau lúc sáng sớm nên bản BK-TTK đã chép là "*ngày này*". Nếu chép là "*đêm*" như bản QVĐ thì đúng với *nguyên truyện*: Hai vợ chồng uống rượu chia tay nhau vào đêm hôm trước.

7. *Chia bào:* buông tay ra, không níu áo nữa.

8. *Rừng phong:* cây phong ở bên Trung Quốc mọc thành rừng, mùa thu lá đỏ tươi khắp cành.

9. *Màu quan san:* (*quan:* cửa ải, *san:* núi non) màu của lá cây phong đỏ nơi núi rừng cửa ải, nơi xa xôi cách biệt. Màu ấy gợi cho ta cảnh ly biệt vẫn thường diễn ra vào mùa thu. Xem thêm *Chữ nghĩa Truyện Kiều.*

10. *Chinh an:* (*chinh:* đi xa, *an:* cái yên ngựa) cái yên ngựa của người đi xa.

http://tieulun.hopto.org

Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường [1]!
Kể chi những *nỗi* dọc đường
Buồng trong, này nỗi chủ trương [2] ở nhà.
Vốn dòng họ Hoạn danh gia [3],
Con quan Lại bộ tên là Hoạn Thư.
Duyên Đằng [4] *thuận nẻo* gió đưa,
Cùng chàng kết tóc xe tơ [5] những ngày.
Ở ăn thì nết cũng hay,
Nói điều *ràng* buộc thì tay cũng già.
Từ nghe vườn mới thêm hoa [6],
Miệng người đã lắm, tin nhà *thì* không.
Lửa tâm [7] càng dập càng nồng,
Giận người đen bạc [8] ra lòng trăng hoa [9]:
"Ví bằng thú thật cùng ta,
Cũng dong kẻ dưới mới là *lượng* trên.
Dại chi chẳng giữ lấy nền [10],
Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình?
Lại còn bưng bít giấu quanh,
Làm chi những thói trẻ ranh nực cười!
Tính rằng cách mặt khuất lời,
Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho [11]!
Lo gì việc ấy mà lo,

---

1. *Dặm trường:* dặm dài, đường xa.

2. *Chủ trương:* đứng đầu trông nom một việc gì.

3. *Danh gia:* nhà có danh tiếng.

4. *Duyên Đằng:* duyên may mắn. Vương Bột đời Đường đi thăm cha làm quan ở đất Giao Chỉ, tối hôm trước thuyền còn ở ghềnh Mã Dương thuộc tỉnh An Huy mà nhờ thuận gió, sáng hôm sau đã tới *Đằng vương các* kịp dự yến và làm một bài văn nổi tiếng là *Đằng vương các tự*. Gác Đằng vương do Đằng vương Nguyên Anh cho xây ở trên cửa sông Chương Giang thuộc tỉnh Giang Tây. Thơ Tô Thức đời Tống có câu: *Thời lai phong tống Đằng vương các* = thời vận đến, gió đưa tới gác vua Đằng.

5. *Xe tơ:* xe duyên vợ chồng. Do chữ *chỉ hồng*, xem *chú thích* câu 333.

6. *Vườn mới thêm hoa:* nói Thúc sinh mới lấy vợ lẽ.

7. *Lửa tâm:* ý nói lòng ghen nung nấu trong lòng như lửa đốt.

8. *Đen bạc:* chỉ người ăn ở không chung thủy, thiếu trung hậu, cũng như nói *đơn bạc*.

9. *Trăng hoa:* ý nói chơi bời trai gái.

10. *Nền:* nề nếp trong nhà.

11. *Giấu cho: cả câu* ý nói chàng đã muốn giấu ta thì ta cũng sẽ có cách giấu cho chàng biết tay, tức sẽ có thủ đoạn nham hiểm hơn.

http://tieulun.hopto.org

Kiến trong miệng chén *có* bò đi đâu?
Làm cho nhìn chẳng được nhau,
Làm cho đày đọa cất đầu chẳng lên.
Làm cho trông thấy nhãn tiền [1],
Cho người *thăm* ván bán thuyền [2] biết tay".
Nỗi lòng kín chẳng ai hay,
Ngoài tai để mặc gió bay mái ngoài [3].
Tuần sau bỗng *thấy* hai người,
Mách tin ý cũng liệu bài *tâng* công [4].
Tiểu thư nổi giận đùng đùng:
"Gớm tay thêu dệt ra lòng trêu ngươi!
Chồng tao nào phải như ai,
Điều này hẳn miệng những người thị phi [5]!"
Vội vàng *xuống lệnh* ra uy [6],
Đứa thì vả miệng, đứa thì bẻ răng.
Trong ngoài kín mít như bưng,
Nào ai còn dám nói năng một lời!
Buồng *đào* [7] khuya sớm thảnh thơi,
Ra vào một mực nói cười như không.
Đêm ngày lòng những *dặn* lòng [8],
Sinh đà về đến lầu hồng [9] xuống yên.

---

1. *Nhãn tiền:* ngay trước mắt.

2. *Thăm ván bán thuyền:* ý nói có mới nới cũ, mới thăm ván mà đã tính bán thuyền cũ. Đây nói mới cưới vợ lẽ mà đã quên vợ cả rồi.

3. *Gió bay mái ngoài:* việc Thúc sinh lấy vợ lẽ, kẻ nói qua người nói lại mà Hoạn Thư cứ gác bỏ ngoài tai, làm như không biết gì.

4. *Tâng công:* nịnh nọt lấy công với người trên. Bản Nôm viết *tân* 新 Kiều Oánh Mậu chú: *Chu Tất Đại thi:* "Táo tỳ sá tân công" = *Thơ Chu Tất Đại: các cô gái làm bếp khoe công mới.* Như vậy *tân công* cũng có nghĩa tương tự như *tâng công.*

5. *Thị phi:* phải trái. Đây ý nói những người xấu, không biết phải trái là gì.

6. *Ra uy:* (*uy:* cũng nói là *oai*) tỏ ra uy quyền cho mọi người phải sợ.

7. *Buồng đào:* buồng của phụ nữ ở, chữ *đào* được dùng cho đẹp lời chứ không nhất thiết phải là buồng màu hồng nhạt.

8. *Lòng những dặn lòng:* vẫn tự nhủ không để lộ sự ghen tức ra.

9. *Lầu hồng:* chỉ nhà ở của các phụ nữ sang trọng. Thơ Lý Bạch có câu: "*Mỹ nhân nhất tiếu khiên châu bạc, dao chỉ hồng lâu thị thiếp gia* = nhoẻn cười vén bức rèm châu, xa kìa nhà thiếp, hồng lâu đó mà.

Lầu hồng: đây chỉ nhà ở của Hoạn Thư.

http://tieulun.hopto.org

Lời tan hợp, nỗi hàn huyên [1],
Chữ tình càng *mặn*, chữ duyên càng nồng.
Tẩy trần [2] vui chén thong dong,
Nỗi lòng [3] ai ở trong lòng mà ra?
Chàng về xem ý tứ nhà [4],
Sự mình cũng rắp lân la [5] giãi bày.
Mấy phen cười *nói tỉnh* say,
Tóc tơ bất động [6] mảy may sự tình.
Nghĩ đà bưng kín miệng bình,
Nào ai có khảo mà mình lại xưng?
Những là e ấp dùng dằng,
Rút dây sợ nữa động rừng [7], lại thôi.
Có khi vui chuyện mua cười,
Tiểu thư lại giở những *lời* đâu đâu.
Rằng: "Trong ngọc đá vàng thau [8],
Mười phần ta đã tin nhau cả mười.
Khen cho những miệng dông dài [9],
Bướm ong [10] lại đặt những lời nọ kia.
Thiếp dù vụng chẳng hay suy,
Đã dơ bụng nghĩ, lại bia miệng [11] cười".

---

1. *Hàn huyên:* lời hỏi thăm về sức khỏe xem có bị ảnh hưởng gì về thời tiết khi lạnh khi ấm không. Sau hai chữ ấy được dùng để chỉ câu chuyện tâm tình, những lời tâm sự.

2. *Tẩy trần:* rửa sạch bụi. Tục của người Trung Quốc xưa ở xa mới về có bữa rượu mừng gọi là *chén rượu tẩy trần*, có nghĩa là rửa sạch bụi trong lúc đi đường.

3. *Nỗi lòng... : cả câu* ý nói thấy sắc mặt Hoạn Thư vui vẻ như vậy, ai ở trong lòng ra mà biết được nàng có sự ghen tuông tức giận Thúc sinh.

4. *Ý tứ nhà:* ý tứ của Hoạn Thư.

5. *Lân la:* dần dần làm thân, tìm cách lại gần để làm thân.

6. *Tóc tơ bất động:* ý nói Hoạn Thư không hề nói động tới việc Thúc sinh lấy vợ lẽ.

7. *Rút dây...động rừng:* rút sợi dây leo quấn ở trên cây lại sợ động cả một khu rừng. Chữ *"rừng"* trong bản Nôm viết 棱 , có nghĩa là rừng cây.

8. *Ngọc đá vàng thau:* ngọc có thể lầm với đá, vàng có thể lầm với thau, ý nói sự lừa dối lẫn nhau hoặc sự phân biệt thực giả mọi việc ở đời. *Cả câu này* và *câu dưới*, ý Hoạn Thư muốn nói mọi việc thực giả hoặc gian dối nàng đâu có ngại vì hai vợ chồng đã tin nhau tất cả rồi.

9. *Dông dài:* đặt bày ra, thêu dệt ra.

10. *Bướm ong:* ý nói đến những chuyện chơi bời, trai gái.

11. *Bia miệng:* để tiếng xấu cho người ta chê cười.

http://tieulun.hopto.org

Thấy lời *thủng thỉnh* [1] như chơi,
Thuận lời chàng cũng nói xuôi đỡ đòn [2].
Những là cười phấn cợt son [3],
Đèn khuya *chung* bóng, trăng tròn sánh vai.
Thú quê thuần hức [4] bén mùi,
Giếng vàng đã *rụng* một vài *lá* ngô [5].
Chạnh niềm nhớ cảnh giang hồ [6],
Một *màu* quan tái [7], mấy mùa gió trăng.
Tình riêng chưa dám *rỉ* răng.
Tiểu thư trước đã liệu chừng nhủ qua:
"Cách năm mây bạc [8] xa xa,
Lâm Truy cũng *phải* tính mà thần hôn [9]".
Được lời như *cởi* tấc son [10],
Vó câu [11] thẳng ruổi nước non quê người.
Long lanh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.

---

1. *Thủng thỉnh:* tỏ thái độ bình thản khoan thai như thường.

2. *Đỡ đòn:* đỡ cho khỏi bị đánh, ý nói lảng đi cho qua việc.

3. *Cười phấn cợt son:* cười cợt phấn son, ý nói Thúc sinh tìm mọi cách để làm cho Hoạn Thư vui vẻ.

4. *Thuần hức:* (*thuần:* loài thủy quỳ, tức loài sen thường mọc ở ao hồ vùng Giang Nam. Loại mọc ở Tây Hồ rất nổi danh; *hức:* tên một loại cá như cá lư) chữ này thuộc điển *thuần lư.* Trương Hàn ở đất Ngô Quận đời Tấn. Ông sang đất Lạc làm quan rồi một buổi gió thu bắt đầu thổi, ông nhớ tới quê nhà, liền bỏ quan mà về. Bạch Cư Dị mới có thơ rằng: *"Thu phong nhất trợ lô ngư khoái, Trương Hàn dao đầu hoán bất hồi"* = gió thu thổi, nhớ tới một gắp đũa gỏi cá lô, Trương Hàn quyết lắc đầu, gọi cũng không quay trở lại. Ở đây vì *chữ thứ tư* thuộc thanh *trắc* nên Nguyễn Du đã đổi *"thuần lư"* thành *"thuần hức"*.

5. *Lá ngô:* lá cây ngô đồng. *Cả câu* tả cảnh mới sang thu, có một vài chiếc lá cây ngô đồng úa vàng đã rụng vào giếng nước.

6. *Giang hồ:* sông hồ, đây chỉ cảnh cách biệt xa xôi khi Thúc sinh nhớ đến Thúy Kiều.

7. *Quan tái:* cửa ải. *Màu quan tái:* cũng như màu quan san, ý nói màu sắc cảnh vật về mùa thu đã gợi mối sầu ly biệt.

8. *Mây bạc:* do chữ *bạch vân* dịch ra. Địch Nhân Kiệt đời Đường đi làm quan ở Tinh Châu, xa cha mẹ ở tận Hà Dương. Một hôm Nhân Kiệt lên núi Thái Hàng thấy một đám mây trắng bảo với người tả hữu rằng: *"Nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây ấy"*. Sau *mây trắng* được dùng để chỉ lòng nhớ cha mẹ.

Cả câu ý nói cách xa cha mẹ đã gần cả năm rồi.

9. *Thần hôn:* sớm tối. Do câu *thần hôn định tỉnh* = sớm tối săn sóc hầu hạ cha mẹ.

10. *Tấc son:* tấm lòng son, đây chỉ tấc lòng.

11. *Vó câu:* vó ngựa.

http://tieulun.hopto.org

Roi câu [1] vừa gióng [2] dặm trường,
Xe hương *nàng cũng* thuận đường quy ninh [3].
Thưa nhà huyên hết mọi tình,
Nỗi chàng ở bạc, nỗi mình chịu đen.
Nghĩ rằng: "*Ngựa ghẻ* hờn ghen [4],
Xấu chàng mà có ai khen chi mình!
Vậy nên ngảnh mặt làm thinh,
Mưu cao vốn đã rắp ranh những ngày.
Lâm Truy đường bộ tháng chầy,
Mà đường hải đạo [5] sang ngay thì gần.
Dọn thuyền lựa mặt gia nhân [6],
Hãy đem dây *xích* buộc chân nàng về.
Làm cho: cho *mệt*, cho mê,
Làm cho đau đớn, ê chề [7] cho coi.
Trước cho bõ ghét những người,
Sau cho để một trò cười về sau".
Phu nhân [8] khen chước rất mầu,
Chiều con, mới dạy mặc dầu ra tay.
Sửa sang buồm gió lèo mây [9],
Khuyển Ưng [10] lại *chọn* một bầy côn quang [11].
Dặn dò hết các mọi đường,
Thuận *phong* [12] một lá [13] vượt sang *biển* Tề [14]
Nàng từ chiếc bóng song the [15],

---

1. *Roi câu:* cái roi để đánh con ngựa thúc cho nó đi mau.
2. *Vừa gióng:* vừa mới cho chạy đều.
3. *Quy ninh:* về nhà cha mẹ.
4. *Ngựa ghẻ hờn ghen:* ý nói hờn ghen như ngựa ghẻ, gãi chừng nào lại ngứa thêm chừng ấy, cũng như sự hờn giận ghen tuông càng nghĩ đến lại càng tăng thêm lên, không sao dập tắt đi được.
5. *Hải đạo:* đường biển.
6. *Gia nhân:* kẻ ăn ở trong nhà.
7. *Ê chề:* đau đớn đến tái tê cả tinh thần, xấu hổ cả mặt mũi.
8. *Phu nhân:* vợ của vị quan chức lớn. Đây chỉ Hoạn phu nhân, vợ của quan Lại bộ Thượng thư.
9. *Buồm gió lèo mây:* cánh buồm và dây lèo, dây lái ý nói đi mau như gió, như mây.
10. *Khuyển Ưng:* chó săn và chim cắt. Trong truyện hai chữ ấy được dùng để chỉ hai tên đầy tớ đắc lực của Hoạn Thư, sai đi bắt Thúy Kiều.
11. *Côn quang:* gậy gộc, ý nói đến bọn du côn, côn đồ.
12. *Thuận phong:* xuôi theo chiều gió.
13. *Một lá:* một lá buồm.
14. *Biển Tề:* Thúy Kiều ở Lâm Truy thuộc về phần đất nước Tề.
15. *Song the:* cửa sổ có căng bức màn the.

http://tieulun.hopto.org

Đường kia nỗi nọ như chia mối sầu.
Bóng dâu [1] đã xế ngang đầu,
Biết đâu ấm lạnh [2], biết đâu ngọt bùi [3] ?
Tóc thề [4] đã chấm *ngang* vai,
Nào lời non nước, nào lời sắt son [5] ?
Sắn bìm [6] chút phận con con,
Khuôn duyên [7] biết có vuông tròn cho chăng?
Thân sao *lắm* nỗi bất bằng [8],
Liều như *cung Quảng* [9] *ả Hằng* nghĩ nao!
Đêm *thu* gió lọt song đào [10],
Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời [11].
Nén hương đến trước *thiên* đài [12],
Nỗi lòng khấn *chửa cạn* lời vân *vân*.
Dưới hoa dậy lũ ác nhân, [13]

---

1. *Bóng dâu*: ý nói cha mẹ đã già rồi. Xem *chú thích* câu 1254.

2. *Ấm lạnh:* ý Thúy Kiều lo lắng cho cha mẹ ở nhà không biết có được mạnh khoẻ không. Xem *chú thích* câu 918.

3. *Ngọt bùi:* ý Thúy Kiều lo cho cha mẹ ở nhà không biết có được phụng dưỡng đầy đủ không. Xem *chú thích* câu 1258.

4. *Tóc thề:* tóc cắt lúc thề nguyền với Kim Trọng.

5. *Lời sắt son:* lời thề chung thủy với nhau như *son* không thể phai, như *sắt* không thể hỏng.

6. *Sắn bìm:* cây dây leo ví với thân phận làm lẽ.

7. *Khuôn duyên:* ý nói duyên số do trời định.

8. *Bất bằng:* không bình yên, gặp nhiều trắc trở.

9. *Cung Quảng:* cung *Quảng Hàn* tức cung trăng. *Cả câu* ý nói khi Thúc sinh đi vắng, Thúy Kiều ở nhà một mình đành liều như Hằng Nga ở trong cung Quảng một mình.

10. *Song đào:* cửa sổ có căng màn màu hoa đào. Thực ra các chữ *đào, sa, the, mai, hồ*... dùng với chữ *song* chỉ cốt cho đẹp lời mà thôi.

11. *Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời:* câu này tả cảnh về ban đêm lúc đã khuya, khi ấy trên trời trăng hạ huyền đã lên cao và có lác đác vài ba ngôi sao. Hình ảnh của vành trăng và ba ngôi sao ấy gợi ra chữ 心 *(tâm)* khiến Thúy Kiều càng thêm nhớ Thúc sinh tức Thúc Kỳ Tâm.

12. *Thiên đài:* bệ cao thờ ở ngoài sân tức cây hương. Ở đây phải chép là *thiên đài* mới đúng, vì theo *nguyên truyện*, Thúy Kiều đã vái trời: "*Đê đê cáo bái thiên đình*" (lầm rầm khấn vái trời).

13. *Ác nhân:* người hung ác, bọn côn đồ.

http://tieulun.hopto.org

Ầm ầm khốc quỷ kinh thần [1] *mọc* ra.
Đầy sân gươm tuốt sáng *lòa*,
Thất kinh [2] nàng chửa biết là làm sao.
Thuốc mê đâu đã tưới vào,
Mơ màng như giấc chiêm bao biết gì!
Vực ngay lên ngựa tức thì,
Phòng *đào* [3] viện sách, *bốn* bề lửa dong.
Sẵn thây vô chủ [4] bên sông,
Đem vào để *đó*, lận sòng [5] ai hay?
Tôi đòi [6] phách lạc hồn bay [7],
Pha càn [8] bụi cỏ gốc cây ẩn mình.
Thúc ông nhà cũng gần quanh,
Chợt trông ngọn lửa, thất kinh rụng rời.
Tớ thầy *chạy* thẳng đến nơi,
Tơi bời tưới lửa tìm người lao xao.
Gió cao ngọn lửa càng cao,
Tôi đòi tìm đủ, nàng nào thấy đâu.
Hớt hơ hớt hải [9] nhìn nhau,
Giếng sâu bụi rậm trước sau tìm quàng [10].
Chạy *vào* chốn cũ phòng hương [11],
Trong tro thấy một đống xương cháy tàn.
Ngay tình ai biết mưu gian,
Hẳn nàng thôi lại còn bàn rằng ai?
Thúc ông *sùi sụt* ngắn dài,
Nghĩ con [12] vắng vẻ, thương người [13] nết na.

---

1. *Khốc quỷ kinh thần:* ý nói bọn côn đồ hung dữ đến nỗi quỷ phải khóc, thần phải kinh.
2. *Thất kinh:* sự mất vía mất hồn.
3. *Phòng đào:* phòng của phụ nữ ở, màu hồng đào.
4. *Vô chủ:* không có ai nhận là thân nhân.
5. *Lận sòng:* đánh tráo để lừa người ta. Cũng nói là *lộn sòng*.
6. *Tôi đòi:* đày tớ trai và gái, nói chung kẻ hầu hạ trong nhà.
7. *Phách lạc hồn bay:* ý nói sợ quá mất cả hồn vía.
8. *Pha càn:* nhảy bừa vào, chạy vội vào.
9. *Hớt hơ hớt hải:* tả bộ dạng chạy hoảng hốt, sớn sác.
10. *Tìm quàng:* tìm lung tung cá, tìm vội vã.
11. *Phòng hương:* phòng phụ nữ ở.
12. *Nghĩ con:* nghĩ đến Thúc sinh.
13. *Thương người:* thương Thúy Kiều.

http://tieulun.hopto.org

Di hài [1] nhặt sắp về nhà,
Nào là khâm liệm [2], nào là tang trai [3]
Lễ thường đã đủ một hai [4],
Lục trình [5] chàng cũng đến nơi bây giờ.
Bước vào chốn cũ lầu *thơ* [6],
Tro than một đống, nắng mưa bốn tường.
Sang nhà cha, đến [7] trung đường [8],
Linh sàng [9] bài vị [10] thờ nàng ở trên.
Hỡi ôi! Nói hết sự duyên [11],
Tơ tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan.
Gieo mình vật vã khóc than:
"Con người thế ấy, thác oan thế này!
Chắc rằng mai trúc [12] lại vầy,
Ai hay vĩnh quyết [13] là ngày đưa nhau!"
Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau,

---

1. *Di hài:* thi thể cháy chưa hết còn sót lại, đống xương tàn.

2. *Khâm liệm:* (*khâm:* lấy vải bọc xác người chết, *liệm*: để xác người chết vào quan tài và đặt các đồ liệm vào) bọc xác người chết trước khi nhập quan.

3. *Tang trai:* (*tang:* làm đám ma, *trai:* làm đám chay) làm ma, làm chay.

4. *Một hai:* ý nói đủ cả, không thiếu gì.

5. *Lục trình:* đi đường bộ.

6. *Lầu thơ:* phòng đọc sách, phòng ăn. Cũng nói là *lầu thư*.

7. *Đến:* chữ "*đến*" đã tỏ rõ được vị trí của *trung đường*. Thúc sinh phải qua tiền đường rồi mới *đến* được trung đường.

8. *Trung đường:* ngôi nhà giữa hoặc gian chính giữa nhà.

Đây là ngôi nhà giữa. Các nhà giàu có thường làm thành ba dãy hình chữ *tam* 三 gọi là *tiền đường, trung đường* và *hậu đường* (tức nhà ngoài, nhà giữa và nhà trong). Thúc ông cho đặt bàn thờ Thúy Kiều ở *trung đường* vì Thúy Kiều mới chết còn thờ riêng, chưa đặt bài vị thờ chung với bàn thờ tổ tiên (thường đặt ở gian giữa ngôi nhà chính hoặc tiền đường).

9. *Linh sàng:* (*sàng:* giường) giường thờ, bàn thờ.

10. *Bài vị:* tấm gỗ viết tên hiệu người chết để thờ cũng gọi là *linh vị*.

11. *Sự duyên:* (*sự:* việc, *duyên*: căn duyên, gốc rễ) câu chuyện từ đầu đến cuối, kể hết đầu đuôi ngọn ngành.

Nói hết sự duyên: Thúc ông kể hết lại câu chuyện cho Thúc sinh nghe.

12. *Mai trúc:* chỉ vợ chồng. Xem *chú thích* câu 1381.

Cả câu ý nói : tưởng rằng vợ chồng lại sẽ vui vầy sum họp.

13. *Vĩnh quyết:* (*vĩnh:* lâu mãi, *quyết:* từ biệt) từ biệt mãi, không bao giờ gặp lại nhau nữa, ý nói từ biệt hẳn, kẻ sống người chết.

http://tieulun.hopto.org

Dễ ai rấp thảm quạt sầu [1] *cho khuây* [2].
Gần miền nghe có một thầy,
Phi phù [3] *trí* quỉ [4], cao tay thông huyền [5].
Trên Tam đảo [6], dưới Cửu tuyền [7],
Tìm đâu thì cũng biết tin rõ ràng.
Sắm sanh lễ vật *đưa* sang,
Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi han.
Đạo nhân [8] phục trước tĩnh đàn [9],
Xuất thần [10] giây phút chưa tàn *nén* hương.
Trở về minh bạch nói tường:
"Mặt nàng chẳng thấy, việc nàng đã tra.
Người này nặng *kiếp* oan gia,
Còn nhiều nợ lắm sao đà thác cho!
Mệnh cung [11] đang mắc nạn to,
Một năm nữa mới thăm dò được tin.
Hai bên giáp mặt *chiền chiền* [12],
Muốn *nhìn* mà chẳng dám *nhìn* lạ thay!"
Nghe lời nói lạ dường này,
Sự nàng đã thế, lời thầy dám tin!
Chẳng qua đồng cốt [13] quàng xiên [14],

---

1. *Rấp thảm quạt sầu:* chôn lấp được nỗi buồn thảm, xua tan được nỗi sầu đau trong lòng.

2. *Khuây:* khuây khỏa, ý nói nguôi bớt nỗi buồn mà cảm thấy thanh thản đôi chút trong lòng.

3. *Phi phù:* (*phi:* bay, *phù:* bùa) đốt lá bùa thổi tan cho bay đi.

4. *Trí quỉ:* (*trí:* đến) gọi quỷ thần đến.

5. *Thông huyền:* thông được đến cõi huyền bí, hiểu suốt được đến quỷ thần.

6. *Tam đảo:* ba núi tiên là Bồng Lai, Phương Trượng và Doanh Châu. Trong bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị cũng có nói đến chuyện đạo sĩ gọi hồn nàng Dương Quý Phi phải lên cả non tiên để tìm.

7. *Cửu tuyền:* chín suối, tức âm phủ.

8. *Đạo nhân:* tức đạo sĩ, thầy pháp.

9. *Tĩnh đàn:* (*tĩnh:* thanh tĩnh hư vô, chỉ cõi Phật, *đàn:* nền đắp cao để tế lễ) bàn thờ để làm lễ, chỗ đắp nền cao để làm lễ.

10. *Xuất thần:* thần hồn của đạo sĩ thoát ra khỏi thể xác để vào cõi thần linh dò xét.

11. *Mệnh cung:* cung vận mệnh theo phép tính lá số tử vi.

12. *Chiền chiền:* ý nói mặt giáp mặt, rành rành ra đó.

13. *Đồng cốt:* (*nam* gọi là ông đồng, *nữ* gọi là bà cốt) chỉ những người tin vào thần thánh rồi lên đồng cầu khấn xin thánh thần giáng để chỉ bảo mọi việc.

14. *Quàng xiên:* bậy bạ.

http://tieulun.hopto.org

Người đâu mà lại thấy trên cõi trần.
Tiếc hoa [1] những ngậm ngùi xuân [2],
Thân này dễ lại mấy lần gặp tiên!
Nước trôi hoa rụng [3] *đã yên,*
Hay đâu địa ngục [4] ở miền nhân gian!
Khuyển Ưng đã đắt mưu gian,
Vực nàng đưa xuống để an dưới thyền.
Buồm cao lèo thẳng [5] cánh xuyền [6],
Đè chừng *huyện* Tích băng miền vượt sang.
Giã đò [7], lên trước sảnh đường [8],
Khuyển Ưng hai đứa nộp nàng dâng công,
Vực nàng *tạm* xuống *môn* phòng [9],
Hãy còn thiêm thiếp giấc nồng chưa phai.
Hoàng lương [10] *chợt* tỉnh hồn mai [11],
Cửa nhà đâu *mất*, lâu đài nào đây?
Bàng hoàng dở tỉnh dở say,

---

1. *Tiếc hoa:* tiếc thương Thúy Kiều.

2. *Ngậm ngùi xuân:* buồn bã cho mối tình xuân của mình ngắn ngủi.

3. *Nước trôi hoa rụng:* tức hoa rụng nước trôi, dịch ở câu *lạc hoa lưu thủy* ý nói Thúy Kiều đã chết như đóa hoa rụng bị nước cuốn trôi đi mất.

4. *Địa ngục:* ngục tù dưới âm phủ giam và trừng phạt linh hồn những kẻ có tội ở thế gian.

Cả *hai* câu 1705-1706 ý nói: tưởng Thúy Kiều đã chết ai ngờ nàng vẫn còn sống và bị đày đọa khổ sở ở trên thế gian này.

5. *Lèo thẳng:* (*lèo:* dây buộc để điều khiển cánh buồm) dây lèo căng thẳng vì cánh buồm có gió thổi làm căng lên.

6. *Cánh xuyền:* (*xuyền:* đi nhanh, KOM chú) cánh buồm đi mau.

7. *Giã đò:* dời đò lên bộ.

8. *Sảnh đường:* (*sảnh*: chỗ làm việc công, *đường:* nhà chính), dinh thự, chỗ công thự, đây là nhà ở của mẹ Hoạn Thư, chỗ tư dinh.

9. *Môn phòng:* phòng của bọn môn hạ, của những người làm trong nhà.

10. *Hoàng lương:* (*hoàng:* vàng, *lương:* kê) giấc mộng kê vàng. Theo *Chẩm trung ký*, Lư sinh đi thi không đậu, vào quán gặp đạo sĩ Lã ông đương nấu nồi kê, Lư sinh than vãn, Lã ông đưa cho mượn cái gối nằm nghỉ. Lư sinh chiêm bao thấy mình thi đậu, lấy vợ giàu có, làm quan to... chợt tỉnh dậy, nồi kê vẫn chưa chín. Lã ông cười, nói: *"Việc đời thì cũng như giấc mộng thôi!"*. Bởi thế mới gọi là *giấc mộng hoàng lương*.

11. *Hồn mai:* giấc ngủ nhẹ nhàng của người đẹp. Theo sách *Long thành lục*, Triệu Sư Hùng đi chơi núi La Phù (tỉnh Quảng Đông) gặp một người con gái đẹp dẫn vào quán rượu, uống say, nằm ngủ thiếp đi. Sáng dậy thấy mình nằm ngủ dưới gốc cây mai. Nghĩ lại thì chỉ là một giấc mộng. *Cả câu* ý nói Thúy Kiều bị đánh thuốc mê bây giờ mới tỉnh.

http://tieulun.hopto.org

Sảnh đường *mảng* tiếng [1] đòi ngay lên hầu.
Ả hoàn [2] *liền xuống* giục mau,
Hãi hùng nàng mới theo sau *một* người.
Ngước trông tòa rộng dãy dài,
Thiên quan *trủng* tể [3] có bài treo trên.
Ban ngày sáp thắp *hai* bên,
Giữa giường thất bảo [4], ngồi *trên* một bà.
Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra [5],
Sự mình nàng *đã* cứ mà gửi thưa.
Bất tình [6] nổi trận mây mưa [7],
Quở rằng: "Những giống bơ thờ [8] quen thân.
Con này chẳng phải thiện nhân [9],
Chẳng *phường trốn* chúa [10], thì quân lộn chồng [11].
Ra tuồng mèo mả *gà* đồng [12],
Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào.
Đã đem mình bán cửa tao,
Lại còn *đủng đỉnh* làm cao thế này!
Nào là gia pháp [13] nọ bay [14]!
Hãy cho ba chục biết tay một lần!".
Ả hoàn trên dưới dạ rân,

---

1. *Mảng tiếng:* chợt nghe tiếng.

2. *Ả hoàn:* đày tớ gái trong các gia đình quyền quý xưa.

3. *Thiên quan trủng tể:* chức quan lớn nhất triều đình, ngang với chức Tể tướng hoặc Thượng thư Bộ Lại. Hoạn Thư đã được giới thiệu là *"con quan Lại bộ..."*.

4. *Thất bảo:* bảy thứ vật quý dùng để khảm đồ là *san hô, hổ phách, xà cừ, mã não, vàng bạc, trân châu* và *lưu ly.*

Giường thất bảo: giường có khảm các vật quý.

5. *Ngọn hỏi ngành tra:* tra hỏi đầu đuôi mọi việc.

6. *Bất tình:* việc không ngờ, không nghĩ đến.

7. *Trận mây mưa:* cơn giận dữ nổi lên đột ngột như mây kéo mưa sa.

Cả câu ý nói đột nhiên Hoạn bà nổi giận mắng Thúy Kiều.

8. *Bơ thờ:* ý nói không có gốc gác gì, cầu bơ cầu bất, sống lang bạt, không có nết na gì.

9. *Thiện nhân:* người lương thiện.

10. *Phường trốn chúa:* chỉ bọn nô tỳ bỏ chủ trốn đi, bọn bất lương.

11. *Quân lộn chồng:* chỉ bọn con gái đàn bà hư hỏng, bỏ chồng mà đi theo trai.

12. *Mèo mả gà đồng:* nói mèo ở mả, gà ở đồng, tức mèo hoang và gà hoang; dùng để ví với hạng con gái đi hoang, đồ vô loại không biết giữ phẩm tiết gì.

13. *Gia pháp:* phép tắc nhà.

14. *Nọ bay:* nọ tụi bay, chỉ bọn đày tớ.

http://tieulun.hopto.org

Dẫu rằng trăm miệng, khôn phân [1] lẽ nào!
Trúc côn [2] ra sức *đập* vào,
Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh!
Xót thay đào lý [3] một cành,
Một phen mưa gió [4], tan tành một phen!
Hoa nô [5] truyền dạy đổi tên,
Buồng the dạy ép vào phiên thị tì [6].
Ra vào theo lũ thanh y [7],
Dãi dầu tóc rối da chì [8] quản bao!
Quản gia [9] có một mụ nào,
Thấy người thấy nết, ra vào mà thương.
Khi chè chén, khi thuốc thang,
Đem lời phương tiện [10], mở đường hiếu sinh [11].
Dạy rằng: "May rủi đã đành,
Liễu bồ [12] mình giữ lấy mình cho hay.
Cũng là oan nghiệp [13] chi đây,
Sa cơ mới đến thế này, chẳng dưng.

---

1. *Khôn phân:* không phân giải được, không giải thích được.

2. *Trúc côn:* gậy bằng tre.

3. *Đào lý:* cây đào, cây mận ví với người phụ nữ đẹp.

4. *Mưa gió:* mưa sa, gió táp. Cả *hai câu* 1741-1742 ý nói xót thay cho nàng Kiều như một cành đào, cành lý mà bị trận đòn tơi bời như gió táp mưa sa thì cũng phải tan tành hoa lá.

5. *Hoa nô:* người đầy tớ gái. Hoạn bà truyền đổi tên Thúy Kiều gọi là *Hoa nô*.

6. *Thị tỳ:* người đầy tớ gái.

7. *Thanh y:* áo xanh, chỉ người đầy tớ gái vì thường mặc áo màu xanh.

8. *Tóc rối...da chì: cả câu* ý nói Thúy Kiều phải làm con hầu thì không có thì giờ mà chải chuốt, tóc rối không gỡ, da sạm như chì cũng chẳng quản chi.

9. *Quản gia:* người đứng cai quản các việc trong nhà trông coi cả bọn đầy tớ.

10. *Phương tiện:* từ nhà Phật, *tùy phương nhân tiện dĩ vi lợi đạo* = nhắm tùy phương tiện để dìu dắt chúng sinh. Nói rộng ra có thể giúp ai đôi chút cũng là *phương tiện*.

Lời phương tiện: lời chỉ bảo cho Thúy Kiều về cách giữ gìn cư xử cho hợp với phép nhà họ Hoạn để tránh mọi sự trừng phạt khác.

11. *Hiếu sinh:* lòng nhân đức muốn cứu sống cho người ta.

12. *Liễu bồ:* hai thứ cây mềm yếu, chỉ người con gái.

13. *Oan nghiệp:* tiền oan nghiệp chướng, ý nói cái nghiệp do điều oán ở kiếp trước gây thành mà kiếp này mình phải chịu.

http://tieulun.hopto.org

Ở đây tai vách mạch dừng [1],
Thấy ai *người cũ* [2] cũng đừng nhìn chi.
Kẻo khi sấm sét bất kỳ,
Con *ong* cái kiến [3] kêu gì được oan!"
Nàng càng giọt ngọc [4] như chan,
Nỗi lòng *luống* những bàn hoàn [5] niềm tây [6].
Phong trần [7] kiếp *đã chịu* đầy,
Lầm than [8] lại có thứ này bằng hai!
Phận sao bạc [9] chẳng vừa thôi,
Khăng khăng [10] buộc mãi lấy người hồng nhan [11]!
Đã đành túc trái [12] tiền oan [13],
Cũng liều ngọc nát hoa tàn [14] mà chi!
Những là nương náu qua thì,
Tiểu thư phải buổi mới về ninh gia [15].
Mẹ con [16] trò chuyện lân la,
Phu nhân mới gọi nàng ra dạy lời:
"Tiểu thư [17] dưới trướng [18] thiếu người,

---

1. *Tai vách mạch dừng:* (*mạch dừng:* khe hở của cái dừng, một thứ vách làm bằng nứa đan lại có trát bùn) vách có tai, dừng có mạch ý nói phải giữ gìn lời ăn tiếng nói vì ở đâu cũng có người nghe ngóng biết được.

2. *Người cũ:* chỉ Thúc sinh. Mụ quản gia cũng chỉ dám dặn như vậy, không dám nói rõ tên ra, sợ bị liên lụy.

3. *Con ong cái kiến:* chỉ thân phận hèn mọn như hai con vật nhỏ bé ấy.

4. *Giọt ngọc:* giọt nước mắt.

5. *Bàn hoàn:* băn khoăn, nghĩ quảnh quẩn.

6. *Niềm tây:* nỗi niềm riêng.

7. *Phong trần:* cực khổ ví như cảnh đi đường bị gió thổi bụi bay vào mặt mũi.

8. ***Lầm than:*** (bùn và than) cực khổ. *Cả câu* ý nói cảnh làm thanh y này còn khổ bằng hai cái cảnh ở thanh lâu.

9. *Bạc:* phận bạc.

10. *Khăng khăng:* cứ giữ chặt lấy không buông ra.

11. *Người hồng nhan:* người đàn bà con gái đẹp mà bạc phận.

12. *Túc trái:* (*túc:* trước; *trái:* nợ) nợ kiếp trước.

13. *Tiền oan:* oan nghiệt đời trước gây ra.

14. *Ngọc nát hoa tàn:* ý nói tấm thân tàn tạ của Thúy Kiều ví như ngọc đã nát, hoa đã tàn.

15. *Ninh gia:* về thăm nhà cha mẹ.

16. *Mẹ con:* Hoạn bà và Hoạn Thư.

17. *Tiểu thư: (tiểu*: nhỏ, *thư:* nàng, cô) tiếng dùng để gọi con gái những nhà quyền quý.

18. *Trướng:* bức màn.

http://tieulun.hopto.org

Cho về bên ấy theo đòi lầu trang [1] ".
Lĩnh lời nàng mới theo sang,
Biết đâu địa ngục thiên đàng [2] là đâu!
Sớm khuya khăn mặt, lược đầu,
Phận con hầu giữ con hầu dám sai!
Phải đêm [3] êm ả chiều trời,
Trúc tơ [4] hỏi đến nghề chơi mọi ngày.
Lĩnh lời nàng mới *lựa* dây,
Nỉ non thánh thót dễ say lòng người!
Tiểu thư xem cũng thương tài,
Khuôn uy [5] dường cũng bớt vài bốn phân.
Cửa người đày đọa chút thân,
Sớm *năn nỉ* [6] *bóng, đêm ân hận* [7] *lòng.*
Lâm Truy chút nghĩa đèo bòng [8],
Nước non [9] để chữ tương phùng [10] kiếp sau!
Bốn phương mây trắng [11] một màu,
Trông vời cố quốc [12] biết đâu là nhà?
Lần lần tháng trọn ngày qua,
Nỗi gần nào biết đường xa thế này?
Lâm Truy từ thuở uyên bay,
Phòng không thương kẻ [13] tháng ngày chiếc thân.

---

1. *Lầu trang:* chỗ phụ nữ ở và là nơi trang điểm.

2. *Địa ngục...thiên đàng: cả câu* ý nói biết đâu là chỗ khổ chỗ sướng, bên nhà Hoạn bà hay bên nhà Hoạn Thư, chưa thể biết được.

3. *Phải đêm:* gặp được đêm.

4. *Trúc tơ:* (*trúc:* các thứ sáo, địch làm bằng cây trúc, *tơ:* tức ti là các thứ đàn có dây tơ) đây ý nói nghề đàn, âm nhạc.

5. *Khuôn uy:* khuôn phép, oai quyền của Hoạn Thư "*Ở vào khuôn phép, nói ra mối giường*".

6. *Năn nỉ:* than van, than thở.

7. *Ân hận:* day dứt trong lòng và tự trách mình về việc không hay đã xảy ra.

8. *Đèo bòng:* mang lấy vào mình cho vướng víu, bận bịu thêm.

9. *Nước non:* chỉ lời thề thốt gắn bó với nhau.

10. *Tương phùng:* gặp gỡ nhau.

Cả hai câu 1785-1786 nói: Thúy Kiều nhớ đến Thúc sinh ở Lâm Truy nhưng lời thề thốt trăm năm đành để kiếp sau gặp lại vậy.

11. *Mây trắng:* ý nói nhớ quê hương. Xem *chú thích* chữ *mây bạc,* câu 1599.

12. *Cố quốc:* nước cũ, đây chỉ quê nhà.

13. *Thương kẻ:* thương cho Thúc sinh.

http://tieulun.hopto.org

Mày *xanh* trăng mới in ngần [1],
Phấn thừa hương cũ [2] bội phần xót xa.
Sen tàn, mai lại *nở* hoa [3],
Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân.
Tìm đâu cho thấy cố nhân [4],
Lấy câu vận mệnh [5] khuây dần nhớ thương.
Chạnh niềm nhớ cảnh gia hương [6],
Nhớ quê, chàng lại tìm đường thăm quê.
Tiểu thư đón cửa giã giề [7],
Hàn huyên vừa cạn mọi bề gần xa.
Nhà hương [8] cao cuốn bức là [9],
Phòng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng.
Bước ra một bước một dừng,
Trông xa, nàng đã tỏ chừng nẻo xa.
"Phải rằng nắng quáng đèn lòa [10],
Rõ ràng ngồi đó chẳng là Thúc sinh?
Bây giờ tình mới *tỏ* tình [11],
Thôi thôi đã mắc vào vành [12] chẳng sai!

---

1. *Mày xanh... in ngần: cả câu* ý nói Thúc sinh thấy mặt trăng về đầu tháng trông còn mờ nét như lông mày xanh nhạt mà nhớ đến nàng Kiều. Chữ "*xanh*" đi với chữ "*ngần*". Nếu thay bằng chữ "ai" như bản KOM thì có vẻ cầu kỳ.

2. *Phấn thừa hương cũ:* đây nói phấn thừa hương cũ của nàng Kiều để lại. Thực ra đó chỉ là tâm tưởng thôi chứ phòng hương của nàng Kiều đã bị đốt ra tro rồi.

3. *Sen tàn, mai... hoa:* ý nói hè đã qua từ lâu, nay xuân đã tới.

Cả câu 1795 và câu 1796 ý nói vừa giáp một năm rồi: hè qua, thu tới, đông hết, xuân sang.

4. *Cố nhân:* người cũ, chỉ nàng Kiều.

5. *Lấy câu vận mệnh:* ý nói để tự an ủi mình, cho rằng Thúy Kiều có bị chết cũng là do số mệnh.

6. *Gia hương:* quê nhà.

7. *Giã giề:* hỏi thăm vồn vã, vui mừng trò chuyện khi gặp nhau.

8. *Nhà hương:* như *nhà lan,* tức nhà có hương thơm, nơi ở của những người có đạo đức, có danh vọng. Cũng dùng để chỉ phòng ở của phụ nữ, như *phòng hương, buồng hương.*

9. *Bức là:* bức màn the, màn lụa.

10. *Nắng quáng đèn lòa:* ý nói bị chói mắt mà không nhìn rõ được. *Cả câu* này và *câu dưới* ý nói rằng: Thúy Kiều trông thấy rõ ràng người ngồi đó là Thúc sinh, đâu có phải bị nắng quáng đèn lòa mà nhìn lầm.

11. *Bây giờ tình mới tỏ tình:* Thúy Kiều lẽ ra phải biết từ khi mới bị bắt về chứ! Sao đến bây giờ mới biết?

12. *Mắc vào vành:* mắc vào vòng cạm bẫy.

http://tieulun.hopto.org

Chước đâu có chước lạ đời,
Người đâu mà lại có người tinh ma [1]!
Rõ ràng *thật* lứa đôi ta,
Làm ra con ở, chúa nhà [2] đôi nơi.
Bề ngoài thơn thớt [3] nói cười,
Mà trong nham hiểm giết người không dao.
Bây giờ đất thấp trời cao [4],
Ăn làm sao, nói làm sao bây giờ?"
Càng trông mặt, càng ngẩn ngơ,
Ruột tằm đòi đoạn [5] như tơ rối bời.
Sợ uy, dám chẳng vâng lời [6],
Cúi đầu nép xuống sân mai [7] một chiều.
Sinh đà phách lạc hồn xiêu [8],
"Thương ôi! *Chẳng phải* nàng Kiều ở đây?
Nhân làm sao đến thế này?
Thôi thôi, ta đã mắc tay ai rồi!"
Sợ quen dám *hở* ra lời [9],
Khôn ngăn giọt ngọc [10] sụt sùi nhỏ sa.
Tiểu thư trông mặt hỏi tra:
"Mới về có việc chi mà động dong [11] ?"
Sinh rằng: "Hiếu phục [12] vừa xong,

---

1. *Tinh ma:* tinh quái, quái ác.
2. *Chúa nhà:* chủ nhà.
3. *Thơn thớt:* nói cái bộ hời hợt giả dối bề ngoài, xoen xoét cái miệng.
4. *Đất thấp trời cao:* ý nói không có cách gì kêu cứu được.
5. *Ruột tằm đòi đoạn:* Ruột rối như tơ tằm, đau đớn như đứt ra làm nhiều đoạn.
6. *Dám chẳng vâng lời:* đâu dám làm trái lời, phải làm đúng lời dạy.
7. *Sân mai:* sân nhà, chữ *mai* dùng cho đẹp lời và cho hợp vần.
8. *Phách lạc hồn xiêu:* hồn phách xiêu lạc, ý nói sợ quá.
9. *Dám hở ra lời:* không dám ngó ra lời. Thúc sinh sợ Hoạn Thư đến như vậy, thế mà lúc dụ dỗ Thúy Kiều lấy mình thì lại quả quyết rằng *"Đường xa chớ ngại Ngô - Lào, trăm điều hãy cứ trông vào một ta"*.
10. *Giọt ngọc:* giọt nước mắt.
11. *Động dong:* biến đổi sắc mặt vì có sự xúc động trong lòng.
12. *Hiếu phục:* đồ y phục để tang. Mẹ của Thúc sinh như vậy mất đã ba năm rồi, Thúc sinh mới bỏ đồ tang.

http://tieulun.hopto.org

Suy lòng trắc *khởi* [1] (dĩ), đau lòng chung thiên [2]!"
Khen rằng: "Hiếu tử đã nên!
Tẩy trần mượn chén giải phiền đêm thu".
Vợ chồng chén tạc chén thù [3],
Bắt *nàng đứng chực trì hồ* [4] *hai nơi.*
Bắt khoan bắt nhặt [5] đến lời,
Bắt quì tận mặt, bắt mời tận tay.
Sinh càng như dại như ngây,
Giọt dài giọt ngắn, chén đầy chén vơi.
Ngảnh đi [6], chợt nói chợt cười,
Cáo say, chàng đã *kiếm* bài lảng ra.
Tiểu thư vội thét: "Con Hoa!

---

1. *Trắc khởi:* 陟屺 Chữ này các bản Trương Vĩnh Ký, Hồ Đắc Hàm, Ưng Dự chép là *trắc tỵ.*

Quyển *Hán Việt từ điển* của Đào Duy Anh cũng phiên âm là *trắc tỵ.*

Quyển *Hán Việt tự điển* của Thiều Chửu phiên âm là *dĩ* (trắc dĩ).

Quyển *Tự điển Trung Việt* của Văn Tân đã phiên âm chữ 屺 là *kỷ.*

Các bản *Truyện Kiều* của Phạm Kim Chi, Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Vĩnh, Tản Đà, Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Thạch Giang, Đào Duy Anh... đều chép là *trắc dĩ* mà hầu hết đều viết hoa chữ *Dĩ*, coi chữ ấy là tên một ngọn núi.

Đúng ra chữ 屺 phải phiên là *khởi* (khỉ) mới có nghĩa. Bài *Trắc hỗ* (Kinh Thi, Ngụy Phong 4) có câu: *"Trắc bỉ khởi* (khỉ) *hề, chiêm vọng mẫu hề".* (Ta leo lên núi trọc (không có cây) kia, để ngóng trông mẹ). *Trắc khởi* sau được dùng để chỉ người con nhớ đến mẹ.

Quyển *Dictionnaire Vietnamien - Chinois - Français* của Gouin cũng phiên âm là *khởi* (khỉ).

Bài *Trắc hỗ* có ba đoạn: *đoạn 1* có hai câu: *"Trắc bỉ hỗ hề, chiêm vọng phụ hề"*... (Ta leo lên núi có cây, để ngóng trông cha...), *đoạn 2* có hai câu: *"Trắc bỉ khởi* (khỉ) *hề, chiêm vọng mẫu hề..."* (Ta leo lên núi trọc, để ngóng trông mẹ...), *đoạn 3* có hai câu: *"Trắc bỉ cương hề, chiêm vọng huynh hề"* (Ta leo lên sống núi kia, để trông ngóng anh...). Như vậy:

Trắc hỗ: được dùng để chỉ người con nhớ cha.

Trắc khởi: được dùng để chỉ người con nhớ mẹ.

Trắc cương: được dùng để chỉ người em nhớ anh.

2. *Chung thiên:* hết những ngày, ý nói cả cuộc đời.

3. *Chén tạc chén thù:* (*tạc:* mời, *thù:* trả) chén chủ mời khách, chén khách mời trả lại chủ.

4. *Trì hồ:* (*trì:* cầm, *hồ:* bầu rượu) cầm bầu rượu đứng hầu mà rót.

5. *Bắt khoan bắt nhặt:* (*khoan:* rộng, không vội, *nhặt:* liền, mau, khít chặt) bắt bẻ từng ly từng tí.

6. *Ngảnh đi:* ý nói Thúc sinh không dám ngó mặt Kiều vì vừa thương vừa sợ nên phải tìm cách ngảnh đi mà vừa nói vừa cười (thiếu hẳn tự nhiên).

http://tieulun.hopto.org

Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn!"
Sinh càng nát ruột tan hồn,
Chén mời [1] phải ngậm bồ hòn [2] ráo ngay.
Tiểu thư *cười nói tỉnh say*,
Chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi.
Rằng: "Hoa nô đủ mọi tài,
Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe!"
Nàng đà *tán hoán* [3] tê mê,
Vâng lời ra trước bình the [4] vặn đàn.
Bốn dây như khóc như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng!
Cùng *trong* một tiếng tơ đồng [5],
Người ngoài cười nụ người trong khóc *thầm*!
Giọt châu [6] lã chã [7] khôn cầm,
Cúi đầu, chàng những gạt thầm giọt *sương* [8].
Tiểu thư lại *thét* lấy nàng:
"Cuộc vui gảy khúc đoạn tràng [9] ấy chi?
Sao chẳng biết ý tứ gì [10]?
Cho chàng buồn bã tội *thì* tại ngươi".
Sinh càng thảm thiết [11] bồi hồi [12],
Vội vàng *gượng nói, gượng cười* cho qua.

---

1. *Chén mời:* chén Hoạn Thư mời Thúc sinh do Thúy Kiều rót.

2. *Ngậm bồ hòn:* bồ hòn thì đắng mà phải ngậm bồ hòn làm ngọt tất hẳn đau khổ lắm nhưng Thúc sinh cũng phải cạn *chén mời* ngay.

3. *Tán hoán:* tan nát cả tinh thần, mất cả tinh thần mà sinh ra ngơ ngẩn.

4. *Bình the:* bình phong có căng the (vải thưa).

5. *Tơ đồng:* (*đồng:* 桐 gỗ cây ngô đồng dùng làm đàn) chỉ chung cây đàn. *Tiếng tơ đồng:* tiếng đàn.

6. *Giọt châu:* giọt lệ, giọt nước mắt.

7. *Lã chã:* ý nói nước mắt chảy ròng ròng.

8. *Giọt sương:* giọt nước mắt. Thơ Nguyễn Khuyến có câu: *"Tuổi già hạt lệ như sương"*, có bản chép là *giọt Tương*, lấy điển bà Nga Hoàng (xem *chú thích* câu 238) nhưng có vẻ cầu kỳ và cũng không hợp với Thúc sinh là đàn ông.

9. *Khúc đoạn trường:* khúc đàn buồn bã nghe muốn đứt ruột.

10. *Chẳng biết ý tứ:* chẳng biết giữ gìn gì, ngày vui mà lại gảy khúc đàn buồn.

11. *Thảm thiết:* đau đớn như cắt ruột.

12. *Bồi hồi:* bồn chồn ở trong lòng.

http://tieulun.hopto.org

Giọt rồng [1] canh đã điểm ba [2],
Tiểu thư nhìn mặt dường đà cam tâm [3].
Lòng riêng *khấp khởi* [4] mừng thầm:
"Vui này đã bõ đau ngầm *xưa* nay!"
Sinh *thì* gan héo ruột đầy [5],
Nỗi lòng càng nghĩ càng cay đắng lòng.
Người vào chung gối loan phòng [6],
Nàng ra tựa bóng đèn chong [7] canh dài.
Bây giờ mới rõ tăm hơi [8],
Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen! [9]
Chước đâu rẽ thúy chia uyên, [10]
Ai ra dường nấy, ai nhìn được ai?
Bây giờ một vực một trời, [11]
Hết điều khinh trọng, hết lời thị phi! [12]
Nhẹ như bấc, nặng như chì, [13]

---

1. *Giọt rồng:* giọt nước ở chiếc đồng hồ có chạm hình con rồng nhỏ xuống để đo thời gian. Bài *Cung từ* của Đường Tiết Phùng có câu: "*Thủy trích đồng long trú lậu trường* = giọt nước của con rồng bằng đồng nhỏ xuống đều đều (lậu) suốt cả ngày dài.

2. *Canh đã điểm ba:* đêm có năm canh, khi sang canh ba thì đã nửa đêm rồi.

3. *Cam tâm:* thỏa lòng, hả dạ.

4. *Khấp khởi:* mừng hí hửng trong lòng.

5. *Gan héo ruột đầy:* ý nói buồn bã đến héo cả lá gan và uất ức đầy cả trong ruột.

6. *Loan phòng:* phòng đàn bà ở. *Loan* là con mái, *phụng* là con trống. *Chung gối loan phòng:* ý nói vợ chồng vào chung chăn gối với nhau.

7. *Đèn chong:* đèn đốt để thâu canh.

8. *Tăm hơi:* (*tăm:* bọt ở dưới đáy nước nổi lên cho biết là có cá) tin tức lộ ra ngoài, bề sâu kín của câu chuyện, mưu sâu bị lộ ra.

9. *Lạ đời nhà ghen:* kẻ ghen tuông ít thấy có ở đời.

10. *Rẽ thúy chia uyên: (thúy:* chim phỉ thúy, *uyên:* chim uyên ương) *thúy* và *uyên* là hai loại chim thường hay đậu cặp, bay cặp. *Rẽ* và *chia* là nói cảnh đôi chim trống mái bị chia rẽ, đây nói việc Hoạn Thư làm cho Thúc sinh và Thúy Kiều phải rời bỏ nhau.

11. *Một vực một trời:* ý nói một bên là Thúy Kiều bị đày làm con ở như rớt xuống vực sâu, một bên là Thúc sinh bị Hoạn Thư bắt lên vai ông chủ như mình ở ngôi cao ví như trên trời, hai bên không còn sánh với nhau được nữa.

12. *Khinh trọng... thị phi:* cả câu ý nói địa vị của Hoạn Thư và Thúy Kiều đã rõ ràng không còn có chuyện so sánh bên trọng bên khinh, không còn có chuyện thị phi của những người đồn đại về tin Thúc sinh có vợ lẽ nữa.

13. *Nhẹ như bấc, nặng như chì:* ý nói cách ăn nói của Hoạn Thư thật thâm trầm nham hiểm, khi thì nhẹ như bấc, khi thì nặng như chì, không làm sao mà lường cho được.

http://tieulun.hopto.org

Gỡ cho ra nữa [1] còn gì là duyên?
Lỡ làng chút phận thuyền quyên,
Bể sâu sóng cả [2] có tuyền được vay?
Một mình âm ỷ đêm chầy,
Đĩa dầu vơi, nước mắt đầy năm canh.
Sớm khuya hầu hạ đài doanh, [3]
Tiểu thư chạm mặt, đè tình [4] hỏi tra.
Lựa lời, nàng mới thưa qua,
"Phải khi mình lại xót xa nỗi mình".
Tiểu thư hỏi lại Thúc sinh:
"Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao". [5]
Sinh đà rát ruột như bào,
Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng đang. [6]
Những e lại lụy đến nàng,
Đánh liều, mới sẽ lựa đường hỏi tra.
Cúi đầu quì trước sân hoa,
Thân cung [7] nàng mới *dâng* quả một tờ.
Diện tiền [8] trình với tiểu thư,
Thoắt xem dường có ngẩn ngơ [9] chút tình.
Liền tay trao lại Thúc sinh,
Rằng: "Tài nên trọng, mà tình nên thương!
Ví chăng có số giàu sang,

---

1. *Gỡ cho ra nữa:* có nghĩa là gỡ cho ra được đi nữa tức là khi Thúy Kiều có gỡ ra được khỏi tay Hoạn Thư đi nữa thì cũng chẳng còn gì là duyên. Bản QVĐ khắc chữ 女 thì phải đọc là "*nữa*".

KOM đã sửa lại là 女債 (nợ). Trương Vĩnh Ký đã chép câu này là: "*Gỡ ra cho được còn gì là duyên?*" thì đúng ý với câu bản QVĐ đã chép.

2. *Bể sâu sóng cả:* ý nói Thúy Kiều đã sa vào tay Hoạn Thư, người có lòng sâu hiểm, thì cũng như đi trên chiếc thuyền nhỏ giữa bể sâu sóng lớn khó an toàn được.

3. *Đài doanh:* lâu đài dinh thự của những bậc quyền quý, đây chỉ nhà ở của Hoạn Thư.

4. *Đè tình:* đoán theo tình ý.

5. *Cho nao:* chữ *nao* chính là chữ *nào* đọc theo thượng bình thanh, cũng như *nghĩ nao, lắm nao.*

6. *Chẳng đang:* chẳng đành lòng, chẳng nỡ lòng.

7. *Thân cung:* (*thân*: tỏ bày, *cung:* khai ra) trình bày ra cho rõ ràng.

8. *Diện tiền:* trước mặt.

9. *Ngẩn ngơ:* ý nói hơi đờ người ra vì xúc cảm và cũng vì ngạc nhiên.

http://tieulun.hopto.org

Giá này dẫu đúc nhà vàng [1] cũng nên!
Bể trần chìm nỗi thuyền quyên,
Hữu tài thương nỗi vô duyên lạ đời."
Sinh rằng: "*Thật* có như lời,
Hồng nhan bạc mệnh một người nào vay!
Nghìn xưa âu cũng thế này,
Từ bi [2] âu liệu bớt tay mới vừa".
Tiểu thư rằng: "Ý trong tờ,
Rắp đem mệnh bạc xin nhờ cửa không. [3]
Thôi thì thôi cũng chiều lòng,
Cũng cho khỏi lụy [4] trong vòng bước ra.
Sẵn Quan Âm các vườn ta,
Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa. [5]
Có thảo thụ, có sơn hồ,
Cho nàng ra đó, giữ chùa chép kinh" [6].
Tâng tâng trời mới bình minh,
Hương hoa ngũ cúng [7], sắm sanh lễ thường.
Đưa *nàng* đến trước Phật đường,
Tam quy [8] ngũ giới [9], cho nàng xuất gia [10].

---

1. *Nhà vàng:* do chữ *kim ốc* là nhà cửa rất đẹp đẽ, sang trọng. Theo *Hán Vũ cố sự,* Hán Vũ Đế hồi còn bé, có lần được bà cô hỏi đùa: "*Cháu có muốn lấy vợ không?*" Nhà vua cười đáp: "*Nếu lấy được A Kiều thì cháu sẽ làm nhà vàng cho nàng ở*" *(Nhược đắc A Kiều đương dĩ kim ốc trữ chi).* Về sau lên ngôi vua, Vũ Đế lập A Kiều làm hoàng hậu.

2. *Từ bi:* (*từ:* yêu thương, *bi*: thương xót). Đức Phật lấy lòng từ bi thương xót chúng sinh, muốn cho ai cũng được vui sướng và thoát được cảnh khổ não.

3. *Cửa không:* cửa chùa gọi là *cửa không* (không môn) vì nhà Phật coi mọi sự, mọi vật đều là *hư không* cả. Cũng gọi là cửa *từ,* cửa thiền.

4. *Lụy:* điều khổ vướng phải, vòng gian khổ.

5. *Cây trăm thước, hoa bốn mùa:* do câu *Bồ đề bách xích thụ, bát nhã tứ thời hoa* = cây bồ đề cao trăm thước, hoa bát nhã nở bốn mùa.

Câu 1913-1914 chỉ có ý nói Quan Âm các nhà Hoạn Thư cũng không kém gì một cảnh chùa chứ không phải là tả cảnh thực. Cảnh thực ở nhà Hoạn Thư được tả tiếp theo ở câu 1915: "*Có cổ thụ, có sơn hồ*": nghĩa là có cây cổ thụ, có núi giả và có cả hồ nước nữa.

6. *Chép kinh:* tụng kinh niệm Phật là việc chính còn chép kinh chỉ là việc làm thêm để cho Thúy Kiều lúc nào cũng bận, không có thì giờ rảnh mà nghĩ đến Thúc sinh nữa.

7. *Ngũ cúng:* năm thức cúng Phật là: hương, đèn, trà, hoa, quả (trái cây).

8. *Tam quy:* (*quy:* dốc lòng tin theo) nhà Phật có ba phép quy y: quy y Phật, quy y pháp, quy y tăng. *Qui y* là bỏ nơi tối tăm mà đem cả thân tâm quay về nơi sáng tỏ.

9. *Ngũ giới:* năm điều răn cấm đối với người tu theo đạo Phật: cấm sát sinh, cấm ăn trộm, cấm tà dâm, cấm uống rượu, cấm nói càn nói bậy.

10. *Xuất gia:* rời khỏi nhà vào chùa đi tu.

http://tieulun.hopto.org

Áo xanh [1] đổi *lấy* cà sa [2],
Pháp danh [3] lại đổi tên ra Trạc Tuyền.
Sớm khuya tính đủ dầu đèn,
Xuân, Thu [4] cắt sẵn hai tên hương trà.
Nàng từ lánh gót vườn hoa,
Dường gần rừng tía [5], đường xa bụi hồng [6].
Nhân duyên *đâu lại* còn mong,
Khỏi điều thẹn phấn tủi hồng [7] thì thôi.
Phật tiền thảm lấp sầu vùi,
Ngày pho thủ tự [8], đêm nồi tâm hương. [9]
Cho hay giọt nước cành dương, [10]
Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên.
Nâu sồng [11] từ trở màu thiền, [12]
Sân thu trăng đã vài phen đứng đầu.
Quan phòng [13] then nhặt lưới mau,

---

1. *Áo xanh:* áo của những người đầy tớ gái ở các nhà quyền quý mặc.

2. *Cà sa:* áo của nhà sư mặc. *Cà sa* chính nghĩa là hoại sắc (nhuộm cho xuống màu, cho mất cái giá trị nơi thương trường, như nhuộm nâu). *Mặc áo cà sa* tức là xa lìa việc thế tục, rời bỏ cảnh lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

3. *Pháp danh:* nhà Phật gọi đạo là *pháp* cho nên giảng đạo gọi là *thuyết pháp,* tên của người tu theo đạo Phật gọi là *pháp danh.*

4. *Xuân, Thu:* Xuân Hoa, Thu Nguyệt, là tên hai đứa hầu gái được cất ra để lo việc thắp hương, pha trà. Thực ra Hoạn Thư đã cho hai đứa hầu gái ra để canh chừng Thúy Kiều, không cho có dịp được gặp Thúc sinh.

5. *Rừng tía:* do chữ "*tử trúc lâm*" ở truyện *Tây du,* là nơi đức Quan Thế Âm Bồ Tát ở.

6. *Xa bụi hồng:* xa cõi trần tục.

7. *Thẹn phấn tủi hồng:* cả câu ý nói đi tu cho Hoạn Thư khỏi làm nhục mình là được rồi.

8. *Pho thủ tự:* pho kinh chép tay ra. Hoạn Thư giao cho Thúy Kiều chép bộ kinh để nàng có việc làm qua ngày, khỏi nghĩ vơ vẩn đến Thúc sinh.

9. *Nồi tâm hương:* nồi hương, đốt để tụng niệm cầu nguyện, cũng như *bát hương.*

10. *Giọt nước cành dương:* Theo *Pháp uyển châu lâm* có người Thiên Trúc tên là Đồ Trừng lấy nước cành dương rẩy lên mình con trai ông Thạch Lặc gần chết lại tỉnh dậy. Đây nói đến phép mầu của đạo Phật.

11. *Nâu sồng:* áo màu nâu của người tu hành mặc. *Cả câu ý* nói từ khi khoác áo tu hành ở Quan Âm các.

12. *Thiền:* yên tịnh, lặng lẽ suy xét. Đạo Phật lấy thanh tĩnh xét tỏ chân lý làm tôn chỉ nên gọi là *thiền.*

13. *Quan phòng:* đóng cửa canh giữ. Cả câu ý nói Hoạn Thư cho canh phòng nghiêm nhặt, cửa đóng cài then không cho Thúc sinh gặp được Thúy Kiều. Sự canh gác cẩn mật chẳng khác nào căng lưới bao kín chung quanh.

http://tieulun.hopto.org

Nói lời trước mặt, rơi châu vắng người.
Gác kinh [1] viện sách [2] đôi nơi,
Trong gang tấc lại gấp mười quan san. [3]
Những là ngậm thở ngùi than, [4]
Tiểu thư phải buổi vấn an [5] về nhà.
Thừa cơ sinh mới lẻn ra,
Xăm xăm đến mé vườn hoa với nàng.
Sụt sùi *giở* nỗi đoạn trường,
Giọt châu tầm tã *đượm* [6] tràng áo xanh. [7]
"Đã cam chịu bạc với tình,
Chúa xuân [8] để tội một mình cho hoa.
Thấp cơ thua trí đàn bà,
Trông vào đau ruột, nói ra ngại lời.
Vì ta cho lụy đến người,
Cát lầm ngọc trắng [9], thiệt đời xuân xanh.
Quản chi *lên thác xuống ghềnh,*
Cũng toan sống thác với tình cho xong.
Tông đường [10] chút chửa cam lòng,
Cắn răng bẻ một chữ đồng [11] làm hai.
Thẹn mình đá nát vàng phai, [12]

---

1. *Gác kinh:* gác ngồi chép kinh, chỉ Quan Âm các.
2. *Viện sách:* chỉ phòng đọc sách của Thúc sinh.
3. *Quan san:* cửa ải và núi non, chỉ sự xa xôi cách trở.
4. *Ngậm thở ngùi than:* ngậm ngùi than thở, buồn rầu than thở.
5. *Vấn an:* hỏi thăm sức khỏe.
6. *Đượm:* ướt đẫm.
7. *Áo xanh:* do chữ *thanh sam* dịch ra, là áo của người học trò, khác với thanh y là áo của người hầu gái.
8. *Chúa xuân:* tức *Thanh đế*, thần giữ việc mùa xuân, đây chỉ Thúc sinh. Thơ nàng Chu Thục Chân: *"Nguyện giao Thanh đế thường vi chủ, mạc khiển phân phân điểm thủy đài"* = mong cho Thanh đế thường làm chúa, giữ đừng để hoa rụng điểm xuống làn rêu xanh. *Câu 1946* ý nói Thúc sinh không bảo vệ được cho Thúy Kiều, đã để tội cho nàng một mình phải chịu cảnh đày đọa.
9. *Cát lầm ngọc trắng:* cát làm mờ đục cả viên ngọc trong sáng. Cả câu ý nói Thúy Kiều bị Hoạn Thư đày đọa như vậy thì cũng thiệt cả một thời trẻ trung.
10. *Tông đường:* nhà thờ tổ tiên. Cả câu ý nói Thúc sinh còn chưa có con trai để nối dõi tông đường nên phải ở lại với Hoạn Thư mà không thể bỏ trốn với Thúy Kiều được.
11. *Chữ đồng:* chữ *đồng tâm*, cùng một lòng với nhau. *Cả câu ý* nói Thúc sinh đành phải cắn răng (cam chịu) chia cắt mối tình với Thúy Kiều.
12. *Đá nát vàng phai:* ý nói không giữ được lời thề vàng đá.

http://tieulun.hopto.org

Trăm thân dễ chuộc một lời [1] được sao?".
Nàng rằng: "Chiếc bách [2] sóng đào, [3]
Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi may.
Chút thân quằn quại vũng lầy,
Sống thừa còn tưởng đến rày nữa sao?
Cũng liều một giọt mưa rào, [4]
Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay.
Xót vì cầm đã bén dây, [5]
Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta.
Liệu bài mở cửa cho ra
Ấy là tình nặng, ấy là ơn sâu".
Sinh rằng: "Riêng tưởng bấy lâu,
Lòng người nham hiểm biết đâu mà lường.
Nữa khi giông tố [6] phũ phàng,
Thiệt riêng đấy, cũng lại càng cực đây.
Liệu mà *xa* chạy *cao* bay,
Ái ân ta có ngần này mà thôi!
Bây giờ kẻ ngược người xuôi,
Biết bao giờ lại nối lời nước non [7] ?
Dẫu rằng sông cạn đá mòn [8],
Con tằm đến *thác* cũng còn *vương tơ* [9] ".

---

1. *Trăm năm dễ chuộc một lời: một lời* là lời Thúc sinh đã nói với Thúy Kiều: *"Trăm năm hãy cứ trông vào một ta"*. Nay lời ấy đã không giữ được thì dẫu có đem trăm mạng người ra cũng không chuộc lại được.

2. *Chiếc bách:* chiếc thuyền bằng gỗ bách, chỉ thân phận người con gái bấp bênh như chiếc thuyền gỗ ở giữa dòng nước chảy.

3. *Sóng đào:* sóng to, sóng lớn.

4. *Giọt mưa rào:* Thúy Kiều cho mình như giọt mưa rào đã rơi vào nhà Hoạn Thư để rồi ra ở Quan Âm các.

Cả *hai câu* 1961 -1962 là ý Thúy Kiều muốn nói thân mình như hạt mưa sa, rơi vào đâu thì ở yên đó, cũng muốn ở luôn Quan Âm các mà cho thiên hạ trông vào thấy cái cảnh trớ trêu ấy cũng hay.

5. *Cầm đã bén dây:* cái đàn đã hợp với sợi dây, ý nói vợ chồng đã quen hơi bén tiếng với nhau.

6. *Giông tố:* mưa to gió lớn. *Cả câu* ý nói sợ nhỡ khi Hoạn Thư giận dữ mà gây nên chuyện bất bình.

7. *Nối lời nước non:* nối được lời thề trăm năm chung sống với nhau.

8. *Sông cạn đá mòn:* Ý nói trải qua thời gian lâu dài, đã có nhiều biến đổi.

9. *Con tằm...vương tơ: cả câu* ý nói lòng Thúc sinh không bao giờ quên được Thúy Kiều dù cho có xa cách cũng vẫn còn vương vấn.

http://tieulun.hopto.org

Cùng nhau kể lể sau xưa [1],
Nói rồi lại nói, lời chưa hết lời.
Mặt trông tay chẳng nỡ rời,
Hoa tì [2] đã động tiếng người nẻo xa.
Nhận ngừng [3] nuốt tủi *đứng* ra,
Tiểu thư đâu đã *rẽ* hoa bước vào.
Cười cười nói nói ngọt ngào [4],
Hỏi: "Chàng mới ở chốn nào lại chơi?"
Dối quanh sinh mới liệu lời:
"Tìm hoa quá bước, xem người viết kinh".
Khen rằng: "Bút pháp [5] đã tinh,
So vào với thiếp *Lan đình* [6] nào thua!
Tiếc thay lưu lạc giang hồ [7],
Nghìn vàng *thực* cũng nên mua lấy tài".
Thiền trà [8] cạn *nước* hồng mai, [9]
Thong dong nối gót thư trai [10] cùng về.
Nàng càng e lệ ủ ê,

---

1. *Sau xưa:* trước sau mọi chuyện.

2. *Hoa tì:* người hầu gái ở các nhà quyền quý xưa, cũng gọi là *hoa nô*.

3. *Nhận ngừng:* nén chặn sự cảm động và ngừng ngay sự tâm tình, làm ra vẻ tự nhiên. Vì chữ *nhận ngừng* hơi khó hiểu và không được thông dụng nên bản Hồ Đắc Hàm đã chép là "*Ngại ngần nuốt tủi lảng ra*" và hai bản Bùi Khánh Diễn - Tản Đà đã chép là: "*Ngập ngừng nuốt tủi lãng ra*".

4. *Ngọt ngào:* nói êm dịu như không, vẫn vui vẻ tươi cười làm như không có chuyện gì.

5. *Bút pháp:* phép viết, lối viết chữ Nho.

6. *Thiếp Lan đình:* Vương Hy Chi, người đời Tấn, nổi danh về chữ tốt hơn là về văn thơ nên các sách văn học sử không chép tên ông và ông cũng chỉ lưu truyền có mỗi một bài *Lan đình tập tự*. (Lan đình là tên một *cái đình bên sông* Lan Chữ xưa Vương Hy Chi và mấy người bạn hay ngâm thơ ở đó). *Bài tự tập thơ Lan đình* này ông làm rồi viết ra thiếp, văn đã hay, chữ lại đẹp, người ta gọi là *Thiếp Lan đình*.

Cả câu ý nói: chữ Thúy Kiều chép kinh rất đẹp nếu đem so với chữ của Vương Hy Chi trong thiếp Lan đình thì cũng không thua kém gì.

7. *Lưu lạc giang hồ:* ý nói bị xa lìa quê hương lang thang trôi nổi khắp nơi.

8. *Thiền trà:* (*thiền* hoặc *thuyền* chỉ nhà chùa) chén trà của nhà chùa. Bản TVK-BK.TTK đều viết *thuyền trà*.

9. *Hồng mai:* theo Hồ Đắc Hàm thì là tên một thứ trà. Sách *Loại lâm* chép rằng: Nước Tân La thuộc về châu Ấn Độ có nhiều cây hải hồng tức là trà trên núi, sắc đỏ lợt mà lá nhỏ thua lá trà tàu, nở hoa từ tháng chạp đến tháng hai, đồng thời với hoa mai nên gọi là *trà mai* hay *hồng mai*. Các sách thường giảng là nước gỗ mai già, sắc nước đỏ hồng nên gọi là *hồng mai*.

10. *Thư trai:* (*trai* là nhà thanh tịnh) phòng đọc sách, cũng như viện sách.

http://tieulun.hopto.org

Rỉ tai hỏi lại hoa [1] tì trước sau.
Hoa rằng: "Bà đến *đã* lâu,
Dón chân [2] đứng *núp* độ đâu nửa giờ.
Rành rành kẽ tóc chân tơ [3],
Mấy lời nghe hết, đã dư tỏ tường.
Bao nhiêu đoạn khổ tình thương,
Nỗi ông vật vã [4], nỗi nàng thở than.
Ngăn tôi đứng lại một bên,
Chán tai rồi mới bước lên trên lầu".
Nghe thôi, kinh hãi xiết đâu,
Đàn bà *thế* ấy, thấy âu một người!
Ấy mới gan, ấy mới tài!
Nghĩ càng thêm nỗi *sởn gai* [5] rụng rời.
Người đâu sâu sắc nước đời.
Mà chàng Thúc phải ra người bó tay [6]!
Thực tang [7], bắt được dường này,
Máu ghen ai cũng chau mày *nghiến* răng. [8]
Thế mà *im* chẳng đãi đằng [9],
Chào mời vui vẻ, nói năng dịu dàng!
Giận dầu [10] ra dạ thế thường,
Cười *dầu* mới thực khôn lường hiểm sâu!

---

1. *Hoa:* tức *hoa tì*.
2. *Dón chân:* đi nhẹ trên đầu ngón chân đế không gây ra tiếng động.
3. *Kẽ tóc chân tơ:* ý nói nghe hết câu chuyện từng ly từng tí một, không sót điều gì.
4. *Vật vã:* ý nói giậm chân vật mình tỏ ý đau khổ.
5. *Sởn gai:* rợn ốc gai mình, ý nói kinh sợ.
6. *Thúc... bó tay: Thúc* là họ của Thúc Kỳ Tâm tức Thúc sinh. Chữ "*thúc*" lại có nghĩa là *bó tay* chịu thua (thúc thủ) được dùng ở đây như một cách chơi chữ của Nguyễn Du.
7. *Thực tang:* quả tang, có tang chứng rõ ràng trước mắt cũng như nói bắt được tại chỗ khi công việc đang xảy ra.
8. *Chau mày nghiến răng:* ý nói tức giận lắm đến nỗi phải chau mày nghiến răng.
9. *Đãi đằng:* nói đả động đến.
10. *Giận dầu:* chữ *dầu* có thể hiểu là *thế ru* hoặc cũng có thể coi như tiếng thêm lót như Tản Đà đã ghi chú.

Câu 2013-2014 là mượn ý ở câu: "*Nộ giả thường tình, tiếu giả bất khả trắc dã*" của Ngư Tri Ân (đời Đường) có nghĩa là giận ấy là tình thường, cười ấy mới không sao lường được. Ở đây Thúy Kiều nghĩ rằng thấy việc như vậy mà Hoạn Thư không tức giận như thường tình lại vẫn tươi cười vui vẻ thì thật là nham hiểm không thể lường được.

http://tieulun.hopto.org

Thân ta, ta phải lo âu,
Miệng hùm, nọc rắn [1] ở đâu chốn này.
Ví chăng [2] chắp cánh cao bay,
Rào cây [3] lâu cũng có ngày bẻ hoa!
Phận bèo bao quản nước sa,
Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh.
Chỉn e [4] quê khách một mình,
Tay không chưa dễ tìm vành ấm no!.
Nghĩ đi, nghĩ lại quanh co,
Phật tiền sẵn có mọi đồ kim ngân. [5]
Bên mình giắt để hộ thân [6],
Lần nghe canh đã một phần trống ba.
Cất mình [7] qua ngọn tường hoa [8],
Lần đường theo bóng trăng tà về tây.
Mịt mù dặm cát đồi cây,
Tiếng gà điếm *nguyệt*, dấu giầy cầu sương [9].
Canh khuya thân gái dặm trường
Phần e đường sá, phần thương dãi dầu.
Trời đông vừa rạng ngàn dâu.
Bơ vơ nào đã biết đâu là nhà!
Chùa đâu trông thấy nẻo xa,

---

1. *Miệng hùm nọc rắn:* ý nói nguy hiểm chết người.
2. *Ví chăng:* ví chẳng, nếu không.
3. *Rào cây:* cắm cọc chung quanh để giữ gìn cho cây khỏi bị phá hoại. *Cả hai câu* 2017-2018 ý nói chẳng chạy trốn đi mà cứ ở lại trong sự bao vây theo dõi của Hoạn Thư thì tất cũng sẽ có ngày bị hãm hại.
4. *Chỉn e:* chỉ sợ.
5. *Đồ kim ngân:* chỉ chuông vàng khánh bạc.
6. *Hộ thân:* phòng bị cho thân mình gặp lúc khó khăn.
7. *Cất mình:* nhảy qua.
8. *Tường hoa:* tường nhà ngăn cách với ngoài đường cái, vì ở chân tường hay trồng hoa nên gọi là *tường hoa*. Chữ *hoa* cũng có khi được dùng cho đẹp lời.
9. *Điếm nguyệt...cầu sương:* điếm canh dưới trăng, cầu ván có sương ướt. Câu thơ này mượn ý từ hai câu thơ của Ôn Đình Quân: "*Kê thanh mao điếm nguyệt, nhân tích bản kiều sương*" = tiếng gà gáy ở dưới bóng trăng bên điếm có, vết chân người đi đã thấy có dấu để lại trên cái cầu gỗ có sương phủ. Câu thơ của Nguyễn Du còn tả thêm được tâm trạng của Thúy Kiều nghe tiếng gà gáy sợ trời sáng và thấy vết chân người sợ có kẻ đã đuổi theo.

http://tieulun.hopto.org

Rành rành CHIÊU ẤN AM [1] ba chữ bài [2].
Xăm xăm gõ mái cửa ngoài,
Trụ trì [3] nghe tiếng rước mời vào trong.
Thấy màu ăn mặc nâu sồng,
Giác Duyên sư trưởng lành lòng liền thương.
Gạn gùng ngành ngọn cho tường,
Lạ lùng, nàng hãy tìm đường nói quanh:
"Tiểu thiền [4] quê ở Bắc Kinh.
Qui sư, qui Phật tu hành bấy lâu.
Bản sư [5] rồi cũng đến sau,
Dạy đưa pháp bảo [6] sang hầu sư huynh [7]".
Rày vâng diện hiến [8] rành rành,
Chuông vàng khánh bạc bên mình giở ra.
Xem *rồi* sư mới dạy qua:
"Phải *ni* Hằng Thủy [9] là ta hậu tình [10].
Chỉn e đường xá một mình,
Ở đây chờ đợi sư huynh ít ngày".
Gửi thân được chốn am mây [11],
Muối dưa đắp đổi tháng ngày thong dong.

---

1. *Chiêu Ẩn am:* tên của chùa nhỏ này có ý nghĩa là chiêu gọi những người đi ẩn tránh.

2. *Chữ bài:* chữ đề.

3. *Trụ trì:* (*trụ:* còn đấy, *trì:* giữ) trụ trì tam bảo. Phật tuy nhập Niết bàn rồi nhưng tượng Ngài còn lưu lại cũng như Phật còn mãi ở đời thế là *trụ trì Phật bảo*, kinh sách của Phật còn lưu truyền mãi ở đời thế là *trụ trì Pháp bảo*, các vị sư còn kế tục lo Phật sự thế là *trụ trì Tăng bảo*. Vì thế vị sư nào làm chủ trông nom một ngôi chùa cũng gọi là *trụ trì*.

4. *Tiểu thiền:* những người mới đi tu ở chùa gọi là *tiểu*, Thúy Kiều còn trẻ nên tự xưng như vậy.

5. *Bản sư:* sư thầy của mình.

6. *Pháp bảo:* đây chỉ các đồ thờ tức chuông vàng và khánh bạc mà Thúy Kiều đã lấy ở Quan Âm các.

7. *Sư huynh:* Thúy Kiều gọi ni Giác Duyên là *sư huynh* để tỏ ý tôn kính, coi như hơn cả sư thầy của mình.

8. *Diện hiến:* đem dâng ngay lên trước mặt.

9. *Ni Hằng Thủy:* thực ra Thúy Kiều làm gì có sư thầy nào đâu. Khi vào gặp ni sư Giác Duyên, thấy ni sư nói có quen sư huynh Hằng Thủy ở tỉnh Trấn Giang thì nhận liều ngay là phải. Như vậy chữ 尼 phiên âm là *ni* thì đúng hơn là *nơi*.

10. *Hậu tình:* (*hậu:* dày) tình trân trọng quý mến.

11. *Am mây:* chỗ tu hành của các nhà sư xưa thường ở chỗ núi cao có mây phủ nên gọi là am mây.

http://tieulun.hopto.org

Kệ kinh [1] câu cũ thuộc lòng,
Hương đèn việc *cũ*, trai phòng [2] quen tay.
Sớm khuya *lá bối* [3], phướn mây [4],
Ngọn đèn khêu nguyệt [5], tiếng chày nện sương [6].
Thấy nàng thông tuệ [7] khác thường,
Sư càng nể mặt, nàng càng vững chân.
Cửa thiền [8] vừa *cữ* cuối xuân,
Bóng hoa *rợp* đất, vẻ ngân ngang trời [9],
Gió quang mây tạnh thảnh thơi,
Có người đàn việt [10] lên chơi cửa già [11].
Giở đồ chuông khánh xem qua,
Khen *rằng*: "Khéo *giống* của nhà Hoạn nương".
Giác Duyên thực ý lo lường,
Đêm thanh mới hỏi lại nàng trước sau.
Nghĩ rằng khôn nỗi giấu mầu [12],
Sự mình, nàng mới gót đầu bày ngay:
"Bây giờ, sự đã dường này,
Phận hèn, dù rủi dù may tại người".
Giác Duyên nghe nói rụng rời [13].

---

1. *Kệ kinh:* (*kệ:* câu kệ, câu chú, các bài thơ của nhà Phật cũng gọi là *kệ*) nói chung về kinh của đạo Phật tức những sách chép giáo lý của đức Phật.

2. *Trai phòng:* phòng tăng hoặc ni ở, phòng chay.

3. *Lá bối:* lá cây bối đa xưa dùng để chép kinh Phật; đây chỉ kinh Phật.

4. *Phướn mây:* thứ cờ của nhà Phật có bức vóc hay lụa nhiều màu rủ xuống, cũng gọi là *trường phan*. Vì lá phướn rất dài nên cột phướn phải cao và khi lá phướn gặp gió bay cao ta trông cảm tưởng như lá phướn rợp mây. Ca dao có câu: *Chùa Tàu mở hội bên Ngô, cớ sao bóng phướn sang chùa An Nam.*

5. *Ngọn đèn khêu nguyệt:* ý nói khêu bấc ở ngọn đèn cho sáng thêm để được tỏ như ánh trăng.

6. *Tiếng chày nện sương:* ý nói đánh chuông lúc trời còn sớm như lay động cả màn sương.

Cả câu ý nói thức khuya và dậy sớm để lo công việc trong chùa như đèn hương và tụng kinh.

7. *Thông tuệ:* thông minh sáng trí.

8. *Cửa thiền:* cửa chùa.

9. *Vẻ ngân ngang trời:* vẻ sáng của ánh trăng ngang trên trời.

10. *Đàn việt:* phiên âm của tiếng Phạn *Dânapati* có nghĩa là thí chủ tức những vị có hằng tâm hằng sản hay cúng dường cho chùa.

11. *Cửa già:* cửa chùa, phiên âm của tiếng Phạn *samghàmàma* (tăng già lam ma) có nghĩa là nơi thanh tịnh để tăng chúng tu hành. Chữ này sau được rút gọn là *già lam* để chỉ ngôi chùa.

12. *Giấu mầu:* giấu kín như có phép mầu nhiệm.

13. *Rụng rời:* ý nói sợ quá chân tay như muốn rụng rời ra.

http://tieulun.hopto.org

Nửa thương, nửa sợ bồi hồi [1] chẳng xong.
Rỉ *tai mới kể sự lòng*:
"Ở đây cửa Phật là không hẹp gì.
E chăng những sự bất kỳ [2],
Để nàng cho đến *thế* thì cũng thương!
Lánh xa trước liệu tìm đường,
Ngồi chờ nước đến [3] *nên* dường còn quê. [4] "
Có nhà *họ* Bạc [5] bên kia,
Am mây quen lối đi về dầu hương.
Nhắn sang dặn *hết* mọi đường,
Dọn nhà hãy tạm cho người *trú* chân [6].
Những mừng được chốn an thân [7].
Vội vàng nào kịp tính gần, tính xa.
Nào ngờ cùng tổ bợm già [8],
Bạc bà học với Tú bà đồng môn [9]!
Thấy nàng *mặn* phấn *tươi* son [10],
Mừng thầm được *mối* bán buôn có lời.
Hư không [11] đặt *để* nên lời,
Nàng đà *nhớn nhác* [12], rụng rời lắm phen,
Mụ càng *xui giục* cho *liền* [13],

---

1. *Bồi hồi:* bồn chồn ở trong lòng mà lo nghĩ không sao thôi được.

2. *Bất kỳ:* ý nói đến những tai họa có thể bất chợt xảy ra.

3. *Ngồi chờ nước đến:* theo câu tục ngữ: *"Nước đến chân mới nhảy"*, ý nói không biết lo xa, định trước.

4. *Còn quê:* còn quê mùa dại dột.

5. *Họ Bạc:* chữ 泊 (Bạc) là họ Bạc đồng âm với chữ 薄 (bạc) là bạc tình, bạc nghĩa, bội bạc.

6. *Trú chân:* nghỉ chân ở tạm. Các bản Nôm và Quốc ngữ hầu hết đều chép là *chứa chân*. Bản Nôm *Kim Vân Kiều hợp tập* (Khải Định cửu niên) chép là 駐蹎 *trú chân*.

7. *An thân:* được yên ổn thân mình.

8. *Bợm già:* kẻ gian xảo đã lão luyện về cách đi lừa người.

9. *Đồng môn:* cùng một thầy, cùng một trường học; đây dùng theo nghĩa xấu là cùng một nghề, cùng một phường buôn phấn bán hương.

10. *Mặn phấn tươi son:* ý nói Thúy Kiều tuy để mộc mạc không trang điểm gì nhưng trông cũng có vẻ mặn phấn tươi son nghĩa là nếu có thoa phấn tô son thì cũng rất đẹp.

11. *Hư không:* ý nói không có chuyện gì.

12. *Nhớn nhác:* trở bộ hoảng hốt nhìn quanh như có sự gì sắp xảy đến.

13. *Cho liền:* cho xong ngay.

http://tieulun.hopto.org

Lấy lời hung hiểm [1], ép duyên Châu Trần [2].
Rằng: "Nàng muôn dặm một thân,
Lại mang lấy tiếng dữ gần lành xa [3].
Khéo oan gia, của phá gia [4],
Còn ai dám chứa vào nhà nữa đây!
Kíp toan kiếm chốn xe dây [5],
Không dưng [6] chưa dễ mà bay đường trời!
Nơi gần thì chẳng tiện nơi,
Nơi xa thì chẳng có người nào xa.
Này chàng Bạc Hạnh cháu nhà,
Cũng trong thân thích [7] ruột rà [8] chẳng ai.
Cửa *hàng* buôn bán Châu Thai [9],
Thật thà có một, đơn sai chẳng hề.
Thế nào nàng cũng phải nghe,
Thành thân [10] rồi sẽ liệu về Châu Thai.
Bấy *giờ* ai lại biết ai [11],
Dầu lòng bể rộng sông dài thênh thênh [12].
Nàng dù *quyết chẳng* thuận tình,
Trái *lời* nẻo trước, lụy mình đến sau".
Nàng càng mặt ủ mày chau [13],
Càng nghe mụ nói càng đau như dần [14].

---

1. *Hung hiểm:* ác độc nham hiểm.

2. *Châu Trần:* duyên đôi lứa, duyên vợ chồng.
Xem chú thích câu 1458.

3. *Dữ gần lành xa:* tục ngữ có câu: *"Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa"*. Thúy Kiều ăn trộm chuông khánh của nhà Hoạn Thư thì tiếng dữ ấy cũng đồn xa đồn gần như câu tục ngữ chứ chẳng riêng gì tiếng lành. Ở đây vì phải hiệp vần nên Nguyễn Du đã đổi chữ *"xa"* ra chữ *"gần"*.

4. *Khéo oan gia, của phá gia:* ý Bạc bà muốn vu tội cho Thúy Kiều rằng không khéo nhà họ Bạc lại bị tội oan vì chứa chấp nàng, coi nàng như *"của phá gia"*.

5. *Xe dây:* xe duyên vợ chồng.

6. *Không dưng:* không làm như thế thì...

7. *Thân thích:* (*thân:* bà con bên nội *thích*: bà con bên ngoại) chỉ chung bà con họ hàng.

8. *Ruột rà:* nói tình thân cùng dòng máu.

9. *Châu Thai:* tức là Thai Châu, thuộc tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

10. *Thành thân:* thành vợ chồng.

11. *Ai lại biết ai:* ý nói không còn ai biết Thúy Kiều là Trạc Tuyền nữa.

12. *Thênh thênh:* thư thái nhẹ nhàng, không bị ràng buộc gì cả. *Cả câu* ý nói Thúy Kiều được thoải mái tự do muốn đi đâu thì đi chẳng còn lo sợ gì nữa.

13. *Mặt ủ mày chau:* tỏ vẻ buồn bã ở trong lòng.

14. *Dần:* đập cho đến mềm ra.

http://tieulun.hopto.org

Nghĩ mình túng đất sẩy chân [1],
Thế cùng [2], nàng mới xa gần thở than:
"Thiếp như con én lạc đàn [3],
Phải cung, rày đã sợ làn cây cong [4]!
Cùng đường dù tính chữ tòng [5],
Biết người, biết mặt, biết lòng làm sao?
Nữa khi muôn một thế nào,
Bán hùm buôn sói [6] chắc vào lưng đâu?
Dù ai lòng có sở cầu [7],
Tâm minh, [8] xin quyết *với* nhau một lời.
Chứng minh [9] có đất có trời,
Bấy giờ vượt bể ra khơi quản gì [10] ?"
Được lời mụ mới ra đi,
Mách tin họ Bạc tức thì sắm sanh.
Một nhà dọn dẹp *linh đình*,
Quét sân, đặt trác [11], rửa bình, thắp nhang.
Bạc sinh quỳ xuống vội vàng,
Quá lời [12] *nguyện* hết thành hoàng, [13] thổ công [14].

---

1. *Túng đất sẩy chân:* lỡ bước mà không có chỗ nương thân, ở vào bước đường cùng.

2. *Thế cùng:* ở vào hoàn cảnh bế tắc, không có lối thoát.

3. *Con én lạc đàn:* ý nói bị lạc lõng một mình, không có ai thân thích.

4. *Sợ làn cây cong:* con chim bị cung bắn thì thấy cây nào cong cũng tưởng là cây cung mà bay cao để tránh tên. Kiều Oánh Mậu có chú thích: *Kinh cung chi điểu kiến khúc mộc nhi cao phi* = con chim sợ cung thấy cành cây cong cũng vội bay cao.

Cả câu ý nói Thúy Kiều đã bị mắc lừa với Mã Giám sinh một lần rồi nên lại sợ bị mắc lừa một lần nữa.

5. *Chữ tòng:* chữ *tòng phu* là theo chồng. Xem *chú thích* câu 506.

6. *Bán hùm buôn sói:* Kiều Oanh Mậu chú: "*Kỳ quan: mại lang mãi hổ, tả khoán vô bằng*" = sách *Kỳ quan:* bán sói mua hổ viết văn tự đâu có bằng cớ. *Cả câu* này ý nói với những người buôn bán không có bằng cớ gì rõ rệt thì còn có thể tin vào đâu được (vì hùm sói ở trong rừng chưa săn bắn được thì làm sao có thể coi là những món hàng để đem ra mua bán).

7. *Sở cầu:* cầu điều ấy, tức muốn lấy Thúy Kiều làm vợ.

8. *Tâm minh:* thề giữ tấm lòng chung thủy với nhau.

9. *Chứng minh:* soi tỏ mà biết rõ cho, làm chứng cho.

10. *Quản gì:* không ngại gì. Cả *hai câu* 2125-2126 ý nói một khi đã có trời đất chứng minh cho lời thề của Bạc Hạnh thì dầu có phải đi đâu nàng cũng chẳng ngại gì.

11. *Trác* : cái hương án nhỏ đặt trước bàn thờ để hương đèn.

12. *Quá lời:* ý nói Bạc Hạnh khấn nguyện với trời đất rồi còn quá lời khấn nguyện thêm cả với thành hoàng, thổ công.

13. *Thành hoàng:* vị thần coi một khu vực như một làng hoặc một thành.

14. *Thổ công:* vị thần coi đất đai trong khu vực của một nhà nào.

http://tieulun.hopto.org

Trước sân, lòng đã *giãi* lòng,
Trong màn làm lễ Tơ hồng [1] kết duyên.
Thành thân mới rước xuống thuyền,
Thuận buồm một lá [2], xuôi miền Châu Thai.
Thuyền vừa đỗ bến thảnh thơi,
Bạc sinh *lên* trước tìm nơi mọi ngày.
Cũng nhà hành viện [3] xưa nay,
Cũng phường bán thịt [4], cũng tay buôn người [5].
Xem người định giá vừa rồi,
Mối hàng một, đã ra mười thì *buông* [6].
Mượn người thuê kiệu rước nàng,
Bạc đem mặt Bạc [7] kiếm đường cho xa.
Kiệu hoa đặt trước thềm hoa [8].
Bên trong thấy một mụ ra vội vàng.
Đưa nàng vào lạy gia đường [9],
Cũng thần mày trắng, cũng phường lầu xanh!
Thoắt trông nàng đã biết tình,
Chim lồng [10] khôn lẽ cất mình bay cao.
Chém cha cái số hoa đào [11],
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi!
Nghĩ đời mà ngán cho đời,

---

1. *Lễ tơ hồng:* khi hai vợ chồng làm lễ hợp cẩn thì có cúng *thần ti hồng nguyệt lão thiên tiên.*

2. *Một lá:* chỉ chiếc thuyền nhỏ mỏng manh.

3. *Hành viện:* cũng như *thanh lâu* là nhà chứa gái điếm.

4. *Phường bán thịt:* chỉ bọn chứa gái điếm.

5. *Tay buôn người:* chỉ bọn đi mua con gái về ép phải làm điếm.

6. *Buông:* nhả mối hàng ra, chịu bán.

7. *Bạc đem mặt Bạc:* trong bản QVĐ cả hai chữ *Bạc* đều viết 泊 chỉ *họ Bạc,* trong bản KOM cả hai chữ *bạc* đều viết 薄 *bạc là mỏng, bạc bẽo.* Theo chúng tôi nghĩ thì bản QVĐ viết đúng hơn. Cứ để chữ *Bạc* viết hoa, cho là họ là tên mà chữ thứ hai theo cách chơi chữ vẫn có cái nghĩa bóng là *bạc bẽo, bạc ác. Cả câu* ý nói Bạc Hạnh bán được tiền xong vội đem cái mặt bạc ác của mình trốn đi mất không dám từ giã Thúy Kiều.

8. *Kiệu hoa... thềm hoa:* chữ *hoa* ở đây được dùng cho đẹp lời thôi.

9. *Gia đường:* gian nhà thờ tổ tiên, đây chỉ chỗ thờ tổ sư, tức thần mày trắng.

10. *Chim lồng:* Thúy Kiều biết mình đã bị bán vào tay Bạc bà rồi, ví như con chim đã bị nhốt trong lồng, thì không có cách gì trốn đi đâu được nữa.

11. *Số đào hoa:* theo sách *Tử vi đẩu số* thì con gái gặp phải sao đào hoa đóng ở cung mệnh sẽ có nhiều đời chồng hoặc sẽ gặp phải cảnh giang hồ.

http://tieulun.hopto.org

Tài tình chi lắm cho trời đất ghen!
Tiếc thay nước đã đánh phèn [1],
Mà cho bùn lại vẩn lên [2] mấy lần.
Hồng quân [3] *với* khách hồng quần. [4]
Đã xoay đến thế còn vần chưa tha.
Lỡ từ lạc bước, bước ra,
Cái thân liệu những từ nhà liệu đi.
Đầu xanh đã tội tình gì?
Má hồng *đền* [5] quá nửa thì chưa thôi.
Biết thân chạy chẳng khỏi trời,
Cũng liều mặt phấn, cho rồi ngày xanh.
Lần *thâu* [6] gió mát *trăng* thanh,
Bỗng đâu có khách biên đình [7] *sang* chơi.
Râu hùm, *cằm* én, mày ngài [8],
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
Đường đường một đấng anh hào,
Côn quyền [9] hơn sức, lược thao [10] gồm tài.
Đội trời, đạp đất ở đời,

---

1. *Nước đã đánh phèn:* nước đã đánh phèn cho trong.

2. *Lại vẩn lên:* ý nói tấm thân đã muốn giữ cho trong sạch lại bị mắc vào vòng dơ bẩn như cũ.

3. *Hồng quân:* (*hồng:* lớn, *quân:* cái khuôn, cái bàn xoay để nặn đồ bằng đất) chỉ ông trời, đấng tạo hóa.

4. *Hồng quần:* chỉ phụ nữ vì ở bên Trung Quốc xưa kia con gái mặc quần hồng.

5. *Đền:* các bản Nôm đều viết 坱 hoặc 填 thì phải phiên âm là *đền*. *Cả câu ý* nói cái nợ má hồng đã trả, đã *đền* quá nửa thì xuân xanh còn chưa hết.

6. *Lần thâu:* ý nói thời gian đã lần lữa qua đi khá lâu rồi.

7. *Biên đình:* chỗ biên giới xa xôi.

8. *Râu hùm, cằm én, mày ngài:* tả cái tướng của người anh hùng. Trong *Tam quốc chí diễn nghĩa,* La Quán Trung có tả tướng mạo của Quan Vân Trường: *"Mình dài chín thước, râu dài hai thước, mặt như hai trái táo chắp lại mà đỏ như gấc, môi hồng như son tô, mắt phượng mày ngài, tướng mạo đường đường, uy phong lẫm lẫm"*, và cũng có tả tướng mạo của Trương Phi: *"Mình dài tám thước, đầu như con báo, hai mắt tròn xoe như hai cái vòng, râu hùm, cằm én, tiếng nói như sấm, sức khoẻ như ngựa chạy"*. Từ Hải có *"râu hùm cằm én"* là tướng mạo của Trương Phi và *"mày ngài"* là tướng mạo của Quan Vân Trường.

9. *Côn quyền:* (*côn:* gậy, *quyền*: nắm tay) phép đánh võ bằng gậy và bằng tay, chỉ chung về tài võ nghệ.

10. *Lược thao:* (tam lược và lục thao) nói chung về tài dùng binh có cơ mưu. *Tam lược, Lục thao:* tên hai bộ binh thư xưa truyền là do Thái Công Vọng soạn ra. (*Lục thao:* gồm có văn thao, võ thao, long thao, hổ thao, báo thao và khuyển thao).

http://tieulun.hopto.org

Họ Từ, tên Hải vốn người Việt Đông [1].
Giang hồ [2] quen thú vẫy vùng,
Gươm đà nửa gánh, non sông một chèo [3].
Qua chơi *nghe* tiếng nàng Kiều,
Tấm lòng nhi nữ [4] *cũng xiêu* anh hùng [5].
Thiếp danh [6] đưa đến lầu hồng,
Hai bên cùng liếc, hai lòng *cùng* ưa.
Từ rằng: "Tâm phúc tương cờ [7],
Phải người trăng gió vật vờ [8] hay sao?
Bấy lâu nghe tiếng má đào
Mắt xanh [9] chẳng để ai vào có không?
Một đời được mấy anh hùng,
Bõ chi cá chậu chim lồng [10] mà chơi!"
Nàng rằng: "Người dạy quá lời,
Thân này còn dám xem ai làm thường!
Chút riêng chọn đá thử vàng [11],
Biết đâu mà gửi can tràng [12] vào đâu?

---

1. *Việt Đông:* thuộc tỉnh Quảng Đông ngày nay.

2. *Giang hồ:* sông với hồ; đây chỉ người phiêu lưu nay đây mai đó.

3. *Gươm đàn... một chèo: cả câu* này mượn ý ở hai câu thơ của Hoàng Sào: *"Bán kiên cung kiếm bằng thiên túng, nhất trạo giang sơn tận địa duy"* = nửa vai cung kiếm tung trời đất, một mái chèo đi khắp núi sông. Nguyễn Du đã đổi chữ *"cung kiếm"* ra là *"gươm đàn"* và cho rằng *thanh gươm* và *cây đàn* là hai vật tùy thân của người giang hồ phong lưu.

4. *Nhi nữ:* người con gái còn trẻ.

5. *Anh hùng:* người có tài có chí hơn người.

6. *Thiếp danh:* tấm giấy nhỏ có ghi tên họ.

7. *Tâm phúc tương cờ:* (*tâm:* lòng, *phúc:* bụng dạ, *tương:* cùng, *cờ* tức *kỳ:* hẹn) lấy tấm lòng chân thành cùng hẹn với nhau.

8. *Vật vờ:* lông bông, lang thang, không nhất tâm.

9. *Mắt xanh:* ý nói con mắt nhìn thẳng thắn và kính trọng. Theo *Tấn thư,* Nguyễn Tịch khi tiếp người mà ông trọng thì nhìn thẳng nên để lộ tròng mắt xanh, khi tiếp người mà ông coi rẻ thì nhìn nghiêng nên để lộ tròng mắt trắng.

Cả câu 2182 ý Từ Hải muốn hỏi xem có phải Thúy Kiều chưa để ý đến ai không hoặc chưa cho ai là người tri kỷ không?

10. *Cá chậu chim lồng:* chỉ hạng người tầm thường, chỉ mong sống an thân trong vòng kiềm tỏa.

11. *Chọn đá thử vàng:* chọn đá xem có đá quý, có ngọc không, thử vàng xem có vàng tốt không. *Cả câu* ý nói: riêng trong lòng cũng muốn tìm một người tử tế, một người tri kỷ trong đám khách đến chơi ở thanh lâu.

12. *Can tràng:* gan ruột, ý nói nỗi lòng.

http://tieulun.hopto.org

Còn như vào trước ra sau,
Ai cho kén chọn vàng thau [1] tại mình?"
Từ rằng: "Lời nói hữu tình,
Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân [2].
Lại đây xem lại cho gần,
Phỏng tin được một vài phần hay không?"
Thưa rằng: "Lượng cả bao dong [3],
Tấn Dương [4] được thấy mây rồng có phen.
Rộng thương cỏ nội hoa hèn,
Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau".
Nghe lời vừa ý, gật đầu,
Cười rằng: "Tri kỷ [5] trước sau mấy người?
Khen cho con mắt tinh đời,
Anh hùng *đoán* giữa trần ai [6] mới già!
Một lời đã biết đến ta,

---

1. *Kén chọn vàng thau:* ý nói lựa chọn kẻ tốt người xấu. Cả *hai câu* 2189-2190 ý nói đối với khách làng chơi thì phải "*đưa người cửa trước, rước người cửa sau*" đâu có quyền kén chọn kẻ tốt người xấu để tùy ý mà tiếp đâu.

2. *Câu Bình Nguyên Quân:* chỗ này Tản Đà có nhận xét rằng: "*Nhân ở trên, lời Kiều có câu*" Biết đâu mà gửi can tràng, vào đâu? "*cho nên đây có câu này lời Từ Hải; là lấy bởi hai câu thơ Đường:* "Bất tri can đảm hướng thùy thị, linh nhân khước ức Bình Nguyên *Quân*" *song mà nhận ra hơi ngang nghĩa, chỗ ngang ở một chữ "câu".*

Nhận xét ấy của Tản Đà là đúng vì chữ *"câu"* đây phải hiểu là *"câu nói"* của Bình Nguyên Quân chứ không phải *"câu thơ"* của Cao Thích nói về Bình Nguyên Quân. Chúng ta đã biết rằng Bình Nguyên Quân (Triệu Thắng) là một vị tướng quốc thời Chiến Quốc, có tính hào hiệp, mời khách ăn trong nhà hằng đến ba ngàn người. Khi nước Tần đem quân sang đánh kinh đô Hàm Đan, ông có kén một đoàn tùy tùng để sang cầu cứu bên nước Sở nhưng tìm mãi vẫn thiếu một người. Mao Toại cũng là thực khách trong nhà xin đi tháp tùng. Bình Nguyên Quân tỏ vẻ ngần ngại bảo rằng: *"Người có tài cũng như mũi dùi ở trong tay áo, đầu nhọn của nó tất phải thò ra. Vậy sao lâu nay không thấy ông lộ ra tài năng gì cả?"* Mao Toại trả lời: *"Chuyến này đi rồi ông sẽ thấy"*. Quả nhiên, chuyến ấy Mao Toại đã làm nên việc.

Từ Hải đã mượn câu chuyện ấy để khen nàng Kiều có con mắt tinh đời, tinh hơn cả Bình Nguyên Quân, biết được ngay Từ Hải là bậc anh hùng từ lúc còn trần ai. Vậy *"câu Bình Nguyên Quân"* đây là câu nói của Bình Nguyên Quân bảo Mao Toại chứ không phải câu thơ của Cao Thích.

3. *Bao dung:* chỉ người có độ lượng che chở cho người khác.

4. *Tấn Dương:* tên đất nay thuộc huyện Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây. *Cả câu* ý nói Thúy Kiều tin rằng Từ Hải sẽ làm nên được nghiệp đế như Đường Cao Tổ đã từ đất Tấn Dương dấy lên.

5. *Tri kỷ:* (*tri:* biết, *kỷ:* mình) kẻ hiểu biết lòng mình.

6. *Trần ai:* bụi bậm, ý nói lúc còn chưa làm nên, còn phải chịu gian nan khổ sở.

http://tieulun.hopto.org

Muôn chung nghìn tứ [1] cũng là có nhau!".
Hai bên ý hợp tâm đầu [2],
Khi thân, chẳng lọ là cầu mới thân.
Ngỏ lời nói với băng nhân,
Tiền trăm lại cứ nguyên *ngân* [3] *phát* hoàn [4].
Buồng riêng sửa chốn thanh nhàn,
Đặt giường thất bảo, vây màn bát tiên [5].
Trai anh hùng, gái thuyền quyên,
Phỉ nguyền *sánh* phượng [6], đẹp duyên cưỡi rồng [7].
Nửa năm hương lửa đương nồng,
Trượng phu [8] *thoắt* đã động lòng bốn phương [9],
Trông vời trời bể mênh mang,
Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng giong.
Nàng rằng: "Phận gái chữ tòng,
Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi".
Từ rằng: "*Tâm phúc* tương tri [10],
Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình [11] ?
Bao giờ mười vạn tinh binh [12],

---

1. *Muôn chung nghìn tứ:* (*chung:* đồ dùng đong thóc đựng được 6 hộc 4 đấu, *tứ:* xe đóng bốn ngựa) muôn chung thóc, nghìn cỗ xe bốn ngựa, ý nói được quyền cao chức trọng giàu sang phú quý.

2. *Ý hợp tâm đầu:* (*đầu:* hợp) ý hợp với nhau, lòng hợp với lòng, tức tình ý hoàn toàn hợp nhau.

3. *Nguyên ngân:* nguyên số bạc đã bỏ ra mua Thúy Kiều.

4. *Phát hoàn:* đưa trả lại.

5. *Màn bát tiên:* màn có thêu tám vị tiên là Lã Động Tân, Tào Quốc Cữu, Hà Tiên Cô, Hàn Tương Tử, Lý Thiết Quải, Chung Ly Muội, Lam Thái Hòa, Trương Quả Lão. Trong tám vị tiên này chỉ có Hà Tiên Cô là đàn bà.

6. *Sánh phượng:* ý nói sánh đôi vợ chồng. Do câu *"phượng hoàng vu phi, hòa minh tương tương"* (chim phượng chim hoàng cùng bay, tiếng hót hòa nhau nghe vang vang).

7. *Cưỡi rồng:* ý nói lấy được chồng xứng đáng.

Theo *Sở quốc tiên hiền truyện,* Hoàng Hiếu và Lý Ưng là hai danh sĩ đời Hậu Hán đều lấy con gái thái úy Hoàn Yên. Người đời khen rằng con gái của thái úy được cưỡi rồng.

8. *Trượng phu:* người đàn ông có chí khí lớn.

9. *Động lòng bốn phương:* có ý đi lập nghiệp lớn, tung hoành bốn phương để phỉ chí tang bồng.

10. *Tâm phúc tương tri:* lòng dạ cùng hiểu nhau.

11. *Nữ nhi thường tình:* cái tình thông thường của phụ nữ là hay lưu luyến trước ảnh chia ly.

12. *Tinh binh:* quân lính tinh nhuệ.

http://tieulun.hopto.org

Tiếng *chiêng* dậy đất, bóng tinh [1] rợp đường.
Làm cho rõ mặt phi thường [2],
Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia [3].
Bằng nay bốn bể không nhà,
Theo càng thêm bận biết là đi đâu?
Đành lòng chờ đó ít lâu,
Chầy chăng là một năm sau vội gì?"
Quyết lời dứt áo ra đi,
Gió mây bằng đã đến [4] *kỳ* dặm khơi [5],
Nàng từ chiếc bóng song mai [6],
Đêm thu đằng đẵng *nhặt* cài [7] then mây [8].
Sân rêu chẳng vẽ dấu giày [9],
Cỏ cao hơn thước, liễu gầy vài phân.
Đoái *trông* muôn dặm tử phần [10],
Hồn quê theo ngọn mây Tần [11] xa xa.
Xót thay huyên cỗi xuân già [12],
Tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi?
Chốc *đà* mười mấy năm trời,

---

1. *Bóng tinh:* bóng cờ.

2. *Phi thường:* khác thường, ý nói người thường không bì kịp, cũng như *xuất chúng*.

3. *Nghi gia:* (*nghi:* nên, *gia:* nhà) chữ lấy trong *Kinh Thi,* bài *Đào yêu* (Chu Nam): "*Chi tử vu quy, nghi kỳ gia thất* = nàng ấy đi lấy chồng thì ắt thuận hòa êm ấm cảnh gia đình, chữ *nghi gia* được dùng để nói về người con gái đi lấy chồng.

4. *Gió mây bằng đã...:* (*bằng:* chim bằng) ý nói người anh hùng đã tới kỳ tung hoành như chim bằng gặp gió lướt mây bay tới vạn dặm. *Chim bằng* đây chỉ Từ Hải.

5. *Dặm khơi:* dặm xa.

6. *Song mai:* cửa sổ, chữ *mai* được dùng cho đẹp lời và cũng để hiệp vận chứ không nhất thiết phải có cây mai ở bên cạnh cửa sổ.

7. *Nhặt cài:* cài chặt, cài cẩn thận.

8. *Then mây:* then cửa. Chữ *mây* được thêm vào cho đẹp lời cũng như *then hoa.*

9. *Chẳng vẽ dấu giày:* ý nói ít người lui tới.

10. *Tử phần:* chỉ quê nhà. Chữ *tử* lấy ở *Kinh Thi:* "*Duy tang dữ tử, tất cung kính chi*" = cây dâu và cây tử do cha mẹ trồng tất phải cung kính giữ gìn.

Chữ *phần* do tên làng của Hán Cao Tổ là *Phần Du* ở ấp Phong. Khi đã lên ngôi vua, Cao Tổ có về quê cúng lễ. Người đời sau mới dùng chữ đó để chỉ quê hương.

11. *Mây Tần:* mây trên núi Tần Lĩnh, ý nói đến sự nhớ nhà. Thơ Hàn Dũ có câu "*Vân hoành Tần Lĩnh gia hà tại*" = mây kéo ngang núi Tần Lĩnh, nhà ta ở chỗ nào?

12. *Huyên cỗi xuân già:* xuân huyên chỉ cha mẹ (xem *chú thích* câu 759), đây nói cha mẹ đã già cả rồi.

http://tieulun.hopto.org

Còn ra khi đã da mồi tóc sương [1].
Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,
Dẫu lìa *ngó ý* [2] còn vương tơ lòng.
Duyên em dầu nối *chỉ* hồng [3],
May ra khi đã tay bồng tay mang.
Tấc lòng cố quốc [4] tha hương [5],
Đường kia nỗi nọ ngổn ngang bời bời.
Cánh hồng [6] bay bổng tuyệt vời,
Đã mòn con mắt [7] phương trời đăm đăm.
Đêm ngày luống những âm thầm,
Lửa binh đâu đã ầm ầm một phương.
Ngất trời sát khí [8] mơ màng,
Đầy sông kình ngạc [9]., chật đường giáp binh [10].
Người quen *kẻ thuộc* chung quanh,
Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.
Nàng rằng: "Trước đã hẹn lời,
Dẫu trong nguy hiểm dám dời ước xưa [11]!"
Còn đang dùng dắng [12] ngẩn ngơ,

---

1. *Da mồi tóc sương:* da lốm đốm như màu mai đồi mồi, tóc trắng như sương, ý nói đã già lắm rồi.

2. *Ngó ý:* ngó sen (đúng ra chữ *ý* là tim đắng trong hạt sen) *Cả câu* ý nói dẫu phải lìa xa nhau nhưng vẫn vương vấn nhớ nhau như ngó sen tuy bị bẻ gãy làm đôi mà tơ trong lòng vẫn vương lấy nhau.

3. *Nối chỉ hồng:* chắp mối duyên với Kim Trọng.

4. *Cố quốc:* nước cũ tức *quê hương.*

5. *Tha hương:* (*tha:* khác; *hương:* làng) ý nói ở nơi đất khách quê người.

6. *Cánh hồng:* (*hồng:* loài ngỗng trời) cánh chim hồng, ý nói người anh hùng tung hoành bốn phương như cánh chim hồng bay bổng.

7. *Mòn con mắt:* ý nói trông chờ đã lâu lắm mà không thấy.

8. *Sát khí:* cái vẻ dữ dội của cuộc chém giết do chiến tranh gây ra.

9. *Kình ngạc:* (*kình:* cá mập, *ngạc:* cá sấu) hai thứ cá dữ, ví với quân giặc dữ tợn.

10. *Giáp binh:* (*giáp:* áo giáp, *binh:* binh khí) nói chung là binh khí, dùng rộng nghĩa là để chỉ binh sĩ có trang bị khí giới.

11. *Ước xưa:* Từ Hải khi ra đi có dặn Thúy Kiều ở lại chờ ngày nghi gia nên dù có binh lửa nàng cũng giữ *ước xưa* không dám đi chỗ khác.

12. *Dùng dắng:* tức *dùng dằng*, ngập ngừng chưa biết quyết định làm sao.

http://tieulun.hopto.org

Mái ngoài đã thấy bóng cờ tiếng la [1].
Giáp binh kéo đến quanh nhà,
Đồng thanh [2] cùng *gửi* [3] : "Nào là phu nhân?"
Hai bên mười vị tướng quân,
Đặt gươm cởi giáp trước sân khấu đầu [4].
Cung nga thể nữ [5] *nối* sau,
Rằng: "Vâng lệnh chỉ [6] rước chầu vu qui [7] ".
Sẵn sàng phượng liễu loan nghi [8],
Hoa *quan* [9] *chấp chới* [10], hà y [11] rỡ ràng.
Dựng cờ, nổi trống lên đàng,
Trúc tơ *nổi* trước, *kiệu* vàng kéo sau.
Hỏa bài [12] tiền lộ [13] ruổi mau,
Nam đình [14] nghe động trống chầu đại doanh [15].
Kéo cờ lũy, phát súng thành,
Từ công *ra* ngựa thân nghênh [16] cửa ngoài.

---

1. *La:* thanh la, một thứ nhạc khí như cái chiêng, mặt tròn và phẳng. Các bản Nôm đều viết 鈉 (*la*). Bản Hồ Đắc Hàm và bản Tản Đà chép là *loa,* tức là thứ ống bằng đồng, một đầu nhỏ một đầu loe rộng để làm cho tiếng vang to ra, trong quân ngũ thường dùng để truyền lệnh.

2. *Đồng thanh:* cùng lên tiếng.

3. *Gửi:* tức thưa gửi, tỏ ý cung kính.

4. *Khấu đầu:* làm lễ cúi đầu sát đất. *Kinh Lễ* có nói: Người đội mũ trụ và mặc áo giáp thì không lạy ai bao giờ, cho nên mười vị tướng quân phải bỏ gươm ra và cởi áo giáp rồi mới làm lễ.

5. *Cung nga thể nữ:* gọi chung những người con gái hầu hạ ở trong cung vua.

6. *Lệnh chỉ:* lệnh của nhà vua hoặc chiếu chỉ của nhà vua, đây là lệnh của đại vương Từ Hải.

7. *Vu qui:* (*vu:* đi, *qui:* về) con gái về nhà chồng.

Rước chầu vu qui: chữ *chầu* đây được dùng để bày tỏ sự tôn kính đối với Thúy Kiều nay đã là một vương phi.

8. *Phượng liễu loan nghi:* kiệu có trang hoàng hình chim phượng và đồ nghi trượng có trang hoàng chim loan, chỉ chung nghi vệ của vương phi.

9. *Hoa quan:* mũ có bông vàng chạm kết ở trên.

10. *Chấp chới:* lung linh sáng, nói những bông vàng hoặc đá quý rung rinh lấp lánh.

11. *Hà y:* (*hà:* ráng, *y:* áo) áo sắc đẹp rực rỡ như sắc ráng trời màu hồng tía.

12. *Hỏa bài:* (*hỏa:* lửa, *bài:* cái thẻ bài) cái thẻ bài trên có cột lửa để đi đòi việc quan cho mau.

13. *Tiền lộ:* đi phía trước.

14. *Nam đình:* triều đình ở phương Nam, tức dinh của Từ Hải đóng quân.

15. *Đại doanh:* doanh trại lớn của Từ Hải.

16. *Thân nghênh:* đích thân mình ra đón.

http://tieulun.hopto.org

Rỡ mình *lạ* vẻ cân đai [1],
Hãy còn *cầm* én mày ngài như xưa.
Cười rằng: "Cá nước duyên ưa [2],
Nhớ lời nói những bao giờ hay không?
Anh hùng mới biết anh hùng,
Rày xem phỏng đã cam lòng [3] ấy chưa!"
Nàng rằng: "Chút phận ngây thơ [4],
Cũng may dây cát [5] được nhờ bóng cây.
Đến bây giờ mới thấy đây,
Mà lòng đã chắc những ngày một hai [6] ".
Cùng nhau trông mặt cả cười [7],
Dan tay về chốn trướng mai [8] tự tình [9].
Tiệc bày thưởng tướng khao binh [10],
Om thòm trống trận, rập rình nhạc quân.
Vinh hoa [11] bõ lúc phong trần [12],
Chữ tình ngày *lại* thêm xuân [13] một ngày.
Trong quân có lúc vui vầy,
Thong dong mới kể *sự* ngày hàn vi [14] :
"Khi Vô Tích [15], khi Lâm Truy [16],

---

1. *Rỡ mình lạ vẻ cân đai:* ý nói Từ Hải mang mũ áo cân đai trông rực rỡ chắc là Thúy Kiều phải lấy làm lạ.

2. *Cá nước duyên ưa:* duyên may mắn. Ca dao có câu: *"Tình cờ bắt gặp nàng đây, như cá gặp nước như mây gặp rồng"*.

3. *Cam lòng:* thỏa lòng mong đợi.

4. *Ngây thơ:* trẻ dại.

5. *Dây cát:* thứ dây leo chỉ sống nhờ cây lớn. Xem *chú thích* câu 902, chữ *cát đằng*. Đây Thúy Kiều nói mình cũng như thứ cây leo chỉ mong được sự bao dung của Từ Hải.

6. *Một hai:* ý nói chắc chắn, không thể thay đổi được, một cách cương quyết, hoàn toàn tin tưởng.

7. *Cả cười:* cười lớn tiếng.

8. *Trướng mai:* màn có thêu hoa mai, đây chỉ phòng riêng của hai vợ chồng. Chữ *mai* cũng có thể chỉ được dùng cho đẹp lời như *trướng đào, trướng hồ, trướng hồng...*

9. *Tự tình:* (*tự:* bày tỏ) chuyện trò bày tỏ tình cảm với nhau.

10. *Khao binh:* thưởng cho quân sĩ được ăn uống rượu chè.

11. *Vinh hoa:* vẻ vang sung sướng.

12. *Phong trần:* khổ sở vất vả.

13. *Thêm xuân:* thêm đằm thắm.

14. *Hàn vi:* (*hàn:* lạnh, *vi:* nhỏ) lúc còn chưa làm nên, lúc còn nghèo hèn.

15. *Vô Tích:* nơi Thúy Kiều bị Hoạn Thư bắt về hành hạ. Tú bà đánh đập, lừa gạt bắt phải tiếp khách.

16. *Lâm Truy:* nơi Thúy Kiều bị Mã Giám Sinh lừa gạt mang về lầu xanh của mụ Tú bà.

http://tieulun.hopto.org

Nơi thì lừa đảo [1], nơi thì xót thương [2].
Tấm thân rày đã nhẹ nhàng,
Chút còn ân oán đôi đường chưa xong".
Từ công nghe nói thủy chung [3],
Bất bình nổi trận đùng đùng sấm vang,
Nghiêm quân [4] *tuyển* tướng sẵn sàng,
Dưới cờ một lệnh vội vàng ruổi sao [5].
Ba quân [6] chỉ ngọn cờ đào [7],
Đạo ra Vô Tích [8], đạo vào Lâm Truy.
Mấy người phụ bạc [9] xưa kia,
Chiếu danh [10] *tầm* nã [11] *bắt* về hỏi tra.
Lại sai lệnh tiễn [12] truyền *qua*,
Giữ *giàng* họ Thúc một nhà cho yên.
Mụ *quản* gia, vãi Giác Duyên,
Cũng sai lệnh *tiễn* đem tin rước mời.
Thệ sư [13] kể hết mọi lời,
Lòng lòng cũng giận, người người chấp uy [14].
Đạo trời báo phục [15] chỉn ghê [16],
Khéo thay một mẻ tóm về *đầy* nơi!

---

1. *Lừa đảo:* Kiều đã bị Mã Giám sinh, Sở Khanh, Bạc Hạnh lừa gạt.
2. *Xót thương:* Kiều đã được Mã Kiều, bà quản gia, sư Giác Duyên thương xót.
3. *Thủy chung:* (*thủy:* bắt đầu, mới; *chung:* cuối cùng, hết) đầu đuôi câu chuyện.
4. *Nghiêm quân:* ra lệnh cho quân sĩ phải nghiêm chỉnh hàng ngũ.
5. *Ruổi sao:* chạy mau như sao băng, do chữ *tinh trì* dịch ra.
6. *Ba quân :* ba đạo quân theo tổ chức binh đội xưa gồm tiền quân, trung quân và hậu quân; đây chỉ quân sĩ.
7. *Cờ đào:* cờ đỏ, cờ hiệu của quân đội.
8. *Vô Tích:* một huyện thuộc phủ Thường Châu, tỉnh Giang Tô.
9. *Phụ bạc:* phụ tình ở bạc.
10. *Chiếu danh:* chiếu theo tên.
11. *Tầm nã:* tìm bắt.
12. *Lệnh tiễn:* tên cây cờ, giữa lá cờ có viết chữ 令 (*lệnh)* và trên đầu cán cờ có hình mũi tên để làm hiệu lệnh cho việc hành quân, cờ này có nghĩa là lệnh quân đi mau như tên.
13. *Thệ sư:* (*thệ:* thề, *sư:* quân) lời tuyên thệ trước lúc xuất quân, lời hiểu dụ trước khi xuất quân.
14. *Chấp uy:* chấp hành nghiêm lệnh.
15. *Báo phục:* báo trả lại, tức ân trả ân, oán trả oán.
16. *Chỉn ghê:* (*chỉn:* vốn) vốn thật đáng sợ.

http://tieulun.hopto.org

Quân trung [1] gươm lớn giáo dài,
Vệ trong thị lập [2], *cơ* [3] ngoài song phi [4],
Sẵn sàng tề chỉnh uy nghi,
Bác đồng [5] chật đất, *tinh* kỳ [6] rợp sân.
Trướng hùm [7] mở giữa trung quân,
Từ công sánh với phu nhân cùng ngồi.
Tiên nghiêm [8] trống chửa dứt hồi,
Điểm danh trước dẫn trực ngoài cửa viên [9].
Từ rằng: "Ân oán *hai* bên,
Mặc nàng xử quyết [10] báo đền cho minh".
Nàng rằng: "*Nhờ* cậy uy linh,
Hãy xin báo đáp ân tình cho phu [11].
Báo ân rồi sẽ trả thù".
Từ rằng: "Việc ấy phó cho mặc nàng".
Cho gươm mời đến Thúc lang,

---

1. *Quân trung:* trong chỗ đóng quân.

2. *Vệ... cơ:* (*vệ* là toán quân năm trăm người, *cơ* là một toán quân) nói chung các đơn vị trong quân đội.

3. *Thị lập:* (*thị:* chầu, *lập:* đứng) đứng chầu, đứng đầu .

4. *Song phi:* (*song:* sóng đôi, *phi:* mở) mở ra hai hàng, dàn ra làm hai hàng.

5. *Bác đồng:* (*bác:* súng lớn) súng lớn bằng đồng.

Bản HĐH chép là *vác đòng* (lưỡi mác và chiếc lao) bản TVK chép là *vác đồng* và chú là binh khí. *Câu 2510* cũng có chữ *bác đồng:* "Lễ nghi dàn trước, *bác đồng* phục sau". Chữ *"bác đồng"* đúng hơn *"vác đòng"* vì sau đó ở câu 2514, Hồ Tôn Hiến đã ra lệnh "Ba bề *phát súng,* bốn bên kéo cờ".

6. *Tinh kỳ:* (*tinh:* cờ hiệu, cờ có ngù lông ở trên đầu, *kỳ:* cờ) cờ xí, nói chung các thứ cờ của từng cơ vệ.

7. *Trướng hùm:* do chữ *hổ trướng,* bức màn da hổ chỉ chỗ ngồi chỉ huy của ông tướng, nơi bàn việc quân cơ.

8. *Tiên nghiêm:* hồi trống đánh để ra lệnh nghiêm chỉnh quân sĩ và ra uy cho mọi người phải tôn trọng quân lệnh.

9. *Cửa viên:* (*viên:* càng xe) chỗ đóng quân có quây các xe lại làm thành hàng rào và có dựng càng hai xe làm cửa ra vào.

10. *Xử quyết:* xét xử quyết định.

11. *Cho phu:* cho bõ, cho đáng, cho thỏa.

http://tieulun.hopto.org

Mặt như chàm đổ [1], mình dường *dế giun* [2].
Nàng rằng: "Nghĩa *trọng* nghìn non,
Lâm Truy người cũ chàng còn nhớ không?
Sâm Thương [3] chẳng vẹn chữ tòng,
Tại ai, há dám phụ lòng cố nhân [4]?
Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân,
Tạ lòng dễ xứng báo ân gọi là.
Vợ chàng quỉ quái tinh ma,
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau [5]
Kiến bò miệng chén chưa lâu [6],
Mưu sâu *cũng* trả nghĩa sâu cho vừa!"
Thúc sinh trông mặt bấy giờ,
Mồ hôi chàng đã như mưa *ướt dầm.*
Lòng riêng mừng sợ không cầm,
Sợ thay [7] mà lại mừng thầm cho ai [8]!

---

1. *Mặt như chàm đổ:* ý nói sợ xanh cả mặt lại như bị chàm đổ vào.

2. *Mình dường dế giun:* ý nói sợ lắm run rẩy cả tay chân. Ta thường nói *sợ chết run chết dế.* Câu này bản BK-TTK, BKD, NVV chép là: "*Mặt như chàm đổ, mình dường giẽ giun.* Nguyễn Văn Vĩnh dịch *giẽ giun* sang tiếng Pháp là bécassine. Trương Vĩnh Ký phiên âm là: "Mặt như chàm đổ, *thân* dường *cầy run*" Trần Ngươn Hanh trong bản Abel des Michels đã viết chữ Nôm, "cầy run" là 猉 敦 Như vậy chữ *cầy* viết theo bộ *khuyển,* chữ *giẽ* viết theo bộ *trùng* nên Hồ Đắc Hàm và Ưng Dự đã phiên âm là "*dế*". (Hồ Đắc Hàm viết sai chính tả là *rế*).

3. *Sâm Thương:* tức sao mai và sao hôm, hai ngôi sao ấy cứ ngôi này mọc thì ngôi kia lặn, không bao giờ gặp nhau. Đây ý nói Thúy Kiều và Thúc sinh không bao giờ sum họp được nữa, sẽ bị cách biệt mãi.

4. *Cố nhân:* người thân cũ.

5. *Kẻ cắp bà già gặp nhau:* ngạn ngữ có câu "*bà già bắt được kẻ cắp*" nói sự bất ngờ mà xảy ra, cũng là chuyện lạ hiếm có, thật tức cười.

6. *Kiến bò miệng chén chưa lâu:* con kiến bò quanh miệng chén chưa lâu, cũng chỉ quanh quẩn đấy thôi, ý nói Hoạn Thư có chạy đi đâu cũng chẳng thoát vì đã nằm trong vòng giam hãm của Thúy Kiều rồi.

7. *Sợ thay:* sợ cho Hoạn Thư thay.

8. *Cho ai:* cho Thúy Kiều. Thúc sinh mừng thầm cho Thúy Kiều nay được hiển vinh.

http://tieulun.hopto.org

Mụ già [1], sư trưởng [2] thứ hai [3],
Thoắt đưa đến trước, vội mời lên trên.
Dắt tay mở mặt cho nhìn.
"Hoa Nô kia với Trạc Tuyền cũng tôi!
Nhớ khi lỡ bước sẩy vời [4],
Non vàng chữ dễ đền bồi tấm thương.
Nghìn vàng gọi chút lễ thường.
Mà lòng *Phiếu* mẫu [5] mấy vàng cho cân!"
Hai người trông mặt tần ngần,
Nửa phần khiếp sợ, nửa phần mừng vui.
Nàng rằng: "Xin hãy rốn ngồi,
Xem cho rõ mặt, biết tôi báo thù!".
Kíp truyền chư tướng hiến phù [6].
Lại đem các tích [7] phạm *đồ* [8] hậu tra [9].
Dưới cờ gươm tuốt nắp ra,
Chính danh thủ phạm [10] tên là Hoạn Thư!
Thoát trông nàng đã chào thưa:
"Tiểu thư [11] cũng có bây giờ đến *đây*!"
Đàn bà dễ có mấy tay,
Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan [12]!

---

1. *Mụ già:* tức mụ quản gia.

2. *Sư trưởng:* tức ni sư Giác Duyên.

3. *Thứ hai:* thứ nhất là Thúc sinh được mời vào trước rồi đến mụ già và sư trưởng được mời vào là thứ hai.

4. *Sẩy vời:* lỡ hụt chân mà bị ngã, ý nói bị sa vào cảnh khổ.

5. *Phiếu mẫu:* (*phiếu:* đập vải bằng cái chày để giặt). Hàn Tín lúc còn hàn vi, đi câu ở dưới thành, một hôm đói quá, gặp một bà già giặt quần áo cho ăn một bữa cơm. Hàn Tín sau theo giúp Hán Cao Tổ, được lập làm Sở Vương, đóng đô ở Hạ Bì, nhớ đến *bà Phiếu mẫu* (bà già giặt quần áo) đã đem nghìn vàng đến để tạ ơn.

Lòng Phiếu mẫu: lòng tốt giúp người trong lúc hoạn nạn.

6. *Hiến phù:* (*hiến:* dâng nộp, *phù*: người bị bắt) dẫn tù ra, dẫn kẻ có tội đến.

7. *Các tích:* các bản ghi tội của những phạm nhân, các án tích.

8. *Phạm đồ:* (*phạm:* người có tội, *đồ:* kẻ bị đi đày) kẻ phạm tội bị bắt giữ.

9. *Hậu tra:* (*hậu:* chờ, *tra*: xét hỏi) còn chờ để xét hỏi tội.

10. *Chính danh thủ phạm:* chính tên có tội nặng nhất đứng đầu hàng phạm nhân, khác với các tòng phạm chỉ là những tên đồng lõa. Đây Hoạn Thư là thủ phạm, còn tòng phạm là các tên tay sai như bọn Khuyển, Ưng.

11. *Tiểu thư:* đây dùng có ý mỉa mai.

12. *Mấy tay, mấy mặt, mấy gan:* ý nói mấy người nhưng dùng để chỉ những hạng người ghê gớm, đáng sợ.

http://tieulun.hopto.org

Dễ dàng là thói hồng nhan [1],
Càng cay nghiệt [2] lắm, càng oan trái [3] nhiều".
Hoạn Thư *hồn lạc* phách xiêu [4].
Khấu đầu dưới trướng *liệu* điều kêu ca.
Rằng: "Tôi chút phận đàn bà,
Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.
Nghĩ cho khi *gác* viết kinh [5],
Với *khi* khỏi cửa dứt tình chẳng theo [6].
Lòng riêng, riêng những kính yêu,
Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai!
Trót *lòng* gây việc chông gai,
Còn nhờ lượng bể [7] thương bài nào chăng!".
Khen cho: "*Thật* đã nên rằng,
Khôn ngoan đến mực, nói năng phải lời.
Tha ra thì cũng may đời,
Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen.
Đã lòng tri quá [8] thời nên!".
Truyền quân lệnh [9] xuống trướng tiền [10] tha ngay.
Tạ lòng lạy trước sân mây,
Cửa *viên* [11] lại dắt một dây dẫn vào.
Nàng rằng: "Lồng lộng trời cao,
Hại nhân, nhân hại [12], sự nào tại ta?
Trước là Bạc Hạnh, Bạc bà,
Bên là Ưng, Khuyển *bên* là Sở Khanh.

---

1. *Thói hồng nhan:* thói đàn bà thường ăn ở dễ dàng với mọi người.
2. *Cay nghiệt:* khắt khe, độc ác.
3. *Oan trái:* (*trái:* nợ) nợ do việc làm ác của mình gây ra.
4. *Hồn lạc phách xiêu:* hồn phách xiêu lạc, ý nói sợ quá mất cả tinh thần.
5. *Khi gác viết kinh:* ý nhắc lại việc bắt được quả tang Thúc sinh ra thăm Thúy Kiều ở Quan Âm các mà không ghen tuông.
6. *Khỏi cửa... chẳng theo:* ý nhắc lại việc Thúy Kiều bỏ trốn Quan Âm các lấy trộm chuông vàng khánh bạc mà không cho người đuổi theo.
7. *Lượng bể:* lòng khoan dung rộng như bể.
8. *Tri quá:* biết lỗi.
9. *Quân lệnh:* mệnh lệnh trong quân đội.
10. *Trướng tiền:* trước trướng (màn), tức trước chỗ ngồi xử án, nơi Từ Hải đặt bộ chỉ huy.
11. *Cửa viên:* cửa ra vào nơi đóng quân.
Xem thêm *chú thích* câu 2318.
12. *Hại nhân nhân hại:* hại người thì bị người hại lại.

http://tieulun.hopto.org

Tú bà với Mã Giám sinh,
Các tên tội *ấy* đáng tình còn sao?"
Lệnh quân truyền xuống *nội* đao [1],
Thề sao [2] thì lại cứ sao gia hình [3].
Máu rơi thịt nát tan tành,
Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời.
Cho hay muôn sự tại trời,
Phụ người chẳng bõ khi người phụ ta!
Mấy người bạc ác tinh ma,
Mình làm mình chịu, kêu mà ai thương!
Ba quân đông mặt pháp trường [4],
Thanh thiên bạch nhật [5] rõ ràng cho coi,
Việc nàng báo phục [6] vừa rồi,
Giác Duyên vội đã gửi lời từ quy [7].
Nàng rằng: "Thiên tải nhất thì [8],
Cố nhân đã dễ mấy khi bàn hoàn [9].
Rồi đây bèo hợp mây tan [10],

---

1. *Nội đao:* quân lính giữ việc chém người có tội bị hành hình, cũng như nói *quân đao phủ*.

2. *Thề sao:* ý nhắc lại các lời thề của Mã Giám sinh, Tú bà, Sở Khanh, Bạc Hạnh khi trước.

3. *Gia hình:* thi hành hình phạt đối với tội nhân. Nguyễn Du đã không theo *nguyên truyện* khi để cho Thúy Kiều tha tội Hoạn Thư và không nói gì đến Kế thị (mẹ Hoạn Thư).

Theo *nguyên truyện* thì: "*Vương phu nhân lại truyền cho tả hữu đem Kế thị* (mẹ Hoạn Thư) *ra nọc đánh 30 roi. Quân lính sắp ra tay thì Hoạn Thư xin chịu đòn thay và mụ quản gia... xin tình nguyện thay chết cho nhũ mẫu. Vương phu nhân nể lời mụ quản gia tha tội cho Kế thị... nhưng Kế thị sợ quá đã chết ngay tức thì.*

Vương phu nhân lại truyền lệnh đem Hoạn Thư ra, lột trần áo xiêm, chỉ để cho một cái khố, buộc tóc lên xà nhà rồi sai đánh 100 trượng... Hoạn Thư luôn luôn giãy giụa kêu trời, toàn thân chẳng còn miếng da nào lành lặn".

4. *Pháp trường:* chỗ thi hành pháp lệnh chém những tội nhân bị án tử hình.

5. *Thanh thiên bạch nhật:* (*thanh:* xanh, *thiên:* trời, *bạch:* trắng, *nhật:* ngày) ý nói chính giữa ban ngày ai ai cũng thấy rõ.

6. *Báo phục:* trả lại điều thù oán, đây ý nói đến việc báo thù các người đã xử ác với mình khi trước.

7. *Từ quy:* từ giã ra về.

8. *Thiên tải nhất thì:* (*tải:* năm) nghìn năm mới có một lần.

9. *Bàn hoàn:* nói chuyện với nhau, tâm sự với nhau. *Tương dữ bàn hoàn:* chuyện vãn cùng nhau, vui chơi cùng nhau (ĐNQATV).

10. *Bèo hợp mây tan:* ý nói mới gặp nhau đã lìa xa nhau ngay ví như bèo mây hợp lại rồi lại tan đi ngay.

http://tieulun.hopto.org

Biết đâu hạc nội *mây* ngàn [1] là đâu?
Sư rằng cũng chẳng *bao* lâu,
Trong năm năm lại gặp nhau đó mà.
Nhớ ngày hành cước [2] phương xa,
Gặp sư Tam Hợp vốn là tiên tri [3].
Bảo cho hội *ngộ* chi kỳ [4],
Năm nay là một, nữa thì năm năm.
Mới hay tiền định [5] chẳng lầm,
Đã tin điều trước, ắt nhằm *điều* sau.
Còn nhiều ân *ái* [6] với nhau,
Cơ duyên [7] nào đã hết đâu vội gì?"
Nàng rằng: "Tiền định tiên tri.
Lời sư đã dạy ắt thì chẳng sai.
Họa bao giờ có gặp người,
Vì tôi cậy hỏi một lời chung thân [8] ".
Giác Duyên vâng *dặn* ân cần,
Tạ từ thoắt đã dời chân cõi ngoài.
Nàng từ ân oán rạch ròi [9],
Bể oan dường đã vơi vơi *cạnh* lòng.
Tạ ân lạy trước Từ công:
Chút thân bồ liễu [10] *nào* mong có rày!
Trộm nhờ sấm sét ra tay.
Tấc riêng như cất gánh đầy đổ đi,
Khắc xương ghi dạ [11] xiết chi,

---

1. *Hạc nội mây ngàn:* ý nói Giác Duyên thường đi nay đây mai đó như hạc ở cánh đồng, mây ở trên ngàn (rừng trên núi cao) không ở yên một chỗ.

2. *Hành cước:* (*hành:* đi; *cước*: gót chân) đi bộ, chỉ việc các tăng ni đi học đạo hoặc truyền đạo cho các tín đồ.

3. *Tiên tri:* đoán trước được các việc sẽ xảy ra.

4. *Hội ngộ chi kỳ:* kỳ họp mặt với nhau, kỳ hẹn gặp nhau.

5. *Tiền định:* mọi sự xảy ra trong cuộc đời đều đã được tạo hóa định trước.

6. *Ân ái:* âu yếm, quý mến nhau.

7. *Cơ duyên:* duyên nợ mà tạo hóa đã định sẵn

8. *Chung thân:* (*chung:* hết) trọn hết cả cuộc đời.

9. *Rạch ròi:* rõ ràng, rành mạch đâu ra đó.

10. *Bồ liễu:* ý nói yếu đuối. Xem *chú thích* câu 746.

11. *Ghi dạ:* ghi chép ở trong dạ. Các bản Nôm đều viết 劄 (*chép*) TVK - BKD - HĐH - TĐ chép là *"ghi dạ"*.

http://tieulun.hopto.org

Dễ đem gan óc [1] đền nghì trời mây".
Từ rằng: "Quốc sĩ [2] xưa nay,
Chọn người tri kỷ [3] một ngày được chăng?
Anh hùng tiếng đã gọi rằng,
Giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha!
Huống chi việc cũng việc nhà,
Lọ là thâm tạ [4] với là tri ân [5].
Xót nàng còn chút song thân [6],
Bấy *nay* kẻ Việt người Tần [7] cách xa.
Sao cho muôn dặm một nhà,
Cho người [8] thấy mặt là ta cam lòng [9] ".
Vội truyền sửa tiệc quân trung [10],
Muôn binh nghìn tướng hội đồng [11] tẩy oan [12].
Thừa cơ trúc chẻ ngói tan [13],
Binh uy [14] từ ấy sấm ran trong ngoài [15].
Triều đình [16] riêng một góc trời,

---

1. *Gan óc:* do chữ *can não đồ địa* nghĩa là dù có đem gan óc mà làm lầy đất cũng không đền được ơn; ý nói dù có hy sinh chịu chết cũng không báo đền được cái ơn.

2. *Quốc sĩ:* kẻ sĩ có tiếng ở trong nước.

3. *Tri kỷ:* người hiểu được lòng mình.

4. *Thâm tạ:* tạ ân sâu, bày tỏ tấm lòng sâu sắc biết ơn.

5. *Tri ân:* biết ơn.

6. *Song thân:* cha mẹ.

7. *Kẻ Việt người Tần:* ý nói Thúy Kiều xa cách với cha mẹ như kẻ Việt (ở phía Đông Nam Trung Quốc ngày nay) với người Tần (ở phía Tây Bắc Trung Quốc ngày nay)

8. *Cho người:* chỉ cha mẹ Thúy Kiều.

9. *Cam lòng:* vui lòng, thỏa lòng.

10. *Quân trung:* trong quân, trong doanh trại nơi quân sĩ đồn trú.

11. *Hội đồng:* cùng họp lại với nhau.

12. *Tẩy oan:* rửa sạch các mối oán thù. Từ Hải cho mở tiệc để khao quân và để rửa sạch oan cho Thúy Kiều.

13. *Trúc chẻ ngói tan:* ý nói đánh đâu được đấy, một cách dễ dàng như chẻ tre, như ngói sụt vỡ tan (ngói đã sụt một lớp, mấy lớp khác đều sô sụt cả).

14. *Binh uy:* uy thế cầm binh của Từ Hải.

15. *Sấm ran trong ngoài:* nổi tiếng như sấm nổ ran khắp nơi, ai ai cũng biết đến uy danh.

16. *Triều đình:* (*triều:* chỗ ngự chầu, *đình:* sân, chỗ vào chầu vua) chỗ các quan vào chầu vua, sau được dùng để chỉ chính phủ ở thời quân chủ.

http://tieulun.hopto.org

Gồm hai văn võ, rạch đôi sơn hà [1].
Đòi cơn gió rét mưa sa,
Huyện thành đạp đổ năm tòa *cõi* Nam.
Phong trần [2] mài một lưỡi gươm,
Những loài giá áo túi cơm [3] sá gì!
Nghênh ngang một cõi biên thùy,
Thiếu gì cô quả [4], thiếu gì bá vương [5]!
Trước cờ ai dám tranh cường,
Năm năm hùng cứ một phương hải tần.
Có quan Tổng đốc trọng thần [6],
Là Hồ Tôn Hiến, kinh luân [7] gồm tài.
Đẩy xe [8] vâng chỉ đặc sai,
Tiện nghi [9] *bát* tiễu [10], việc ngoài đồng nhung [11].
Biết Từ là đấng anh hùng,
Biết nàng cũng dự quân trung luận bàn.
Đóng quân làm chước chiêu an [12],

---

1. *Rạch đôi sơn hà:* Nguyễn Du đã để cho Từ Hải chiếm được cả nửa đất nước và có một triều đình gồm hai ban văn võ, với đủ vẻ uy nghi cần thiết. Từ Hải không còn là một tên tướng giặc mà đã là một đấng anh hùng *"nghênh ngang một cõi biên thùy"*.

2. *Phong trần:* gió bụi, đây chỉ thời loạn.

3. *Giá áo túi cơm:* chỉ hạng người vô dụng, thân cũng như cái giá để treo áo và cái túi để đựng cơm, chứ trong lòng không có tư tưởng trí lự gì.

4. *Cô quả:* (*cô:* cô lậu, *quả:* ít đức) tiếng xưng hô có ý khiêm nhường của các vua chư hầu, của các nước nhỏ thời xưa.

5. *Bá vương:* chỉ các vị *bá giả,* người đứng đầu chư hầu bằng sức mạnh và *vương giả,* người đứng đầu chư hầu bằng uy tín, đạo đức. *Bá vương* chỉ chung cái thế lực hùng mạnh của các vua chư hầu.

Thiếu gì cô quả, thiếu gì bá vương: Nguyễn Du đã để cho Từ Hải *"rạch đôi sơn hà"* nên mới cho là trong cái cung đình của Từ không thiếu gì những người là *cô quả, bá vương.*

6. *Trọng thần:* người bề tôi quan trọng của triều đình, vị quan có chức trọng quyền cao.

7. *Kinh luân:* trong việc kéo tơ, lấy từng mối tơ mà chia ra gọi là *kinh,* so những sợi tơ một thứ mà họp lại gọi là *luân.* Người có tài trong việc kéo tơ gọi là kẻ có tài *kinh luân.* Sau chữ ấy được dùng để chỉ việc sửa sang xếp đặt về chính trị.

8. *Đẩy xe:* xưa kia, khi vua sai quan tướng đi đánh giặc thì đẩy cái bánh xe để tỏ lòng phó thác công việc cho người ấy.

9. *Tiện nghi:* ý nói được tùy tiện mà làm không phải tâu trình trước, không phải đợi lệnh vua.

10. *Bát tiễu*: (*bát:* trừ dẹp đi) dẹp giặc.

11. *Đồng nhung:* (*đồng:* coi sóc, *nhung:* việc quân) coi việc quân cơ ở ngoài đem binh đi đánh giặc.

12. *Chiêu an:* khuyến dụ quân giặc đầu hàng để lập lại an ninh trật tự.

http://tieulun.hopto.org

Ngọc vàng gấm vóc sai quan thuyết hàng.
Lại riêng một lễ với nàng,
Hai tên thể nữ [1], ngọc vàng nghìn cân.
Tin vào gửi trước *trung quân*,
Từ công riêng hãy mười phân hồ đồ [2].
Một tay gây dựng cơ đồ [3],
Bấy lâu bể Sở, sông Ngô [4] tung hoành!
Bó thân về với triều đình,
Hàng thần [5] lơ láo, phận mình ra đâu?
Áo xiêm *ràng buộc* lấy nhau,
Vào luồn ra cúi công hầu [6] mà chi?
Sao bằng riêng một biên thùy,
Sức này đã dễ làm gì được nhau?
Chọc trời quấy nước mặc dầu,
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai?
Nàng thì thật dạ tin người,
Lễ nhiều, nói ngọt nghe lời dễ xiêu.
Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,
Đã nhiều lưu lạc lại nhiều gian truân.
Bằng nay chịu tiếng vương thần [7].
Thênh thênh đường cái thanh vân [8] hẹp gì!
Công tư vẹn cả hai bề,
Dần dà rồi sẽ liệu về cố hương [9].
Cũng ngôi mệnh phụ [10] đường đường,
Nở nang mày mặt, *rỡ* ràng [11] mẹ cha.

---

1. *Thể nữ:* con gái hầu hạ ở trong cung nhà vua.
2. *Hồ đồ:* chưa được rõ ràng, chưa thể tin được.
3. *Cơ đồ:* (*cơ:* nền, *đồ:* bức đồ họa) cơ nghiệp bản đồ, kế về cả nước hoặc việc vương bá.
4. *Bể Sở sông Ngô*: Vùng đất của Từ Hải tung hoành gồm hai nước Sở và Ngô nay thuộc miền Đông Nam Trung Quốc.
5. *Hàng thần:* kẻ bề tôi làm loạn đầu hàng triều đình.
6. *Công hầu:* tước công và tước hầu, chỉ quan tước cao ở triều đình.
7. *Vương thần:* bề tôi của nhà vua.
8. *Thanh vân:* mây xanh, dùng để chỉ bước đường công danh lên cao đến chỗ hiển đạt.
9. *Cố hương:* làng cũ, quê cũ.
10. *Mệnh phụ:* vợ các quan to được tước phong.
11. *Rỡ ràng:* sáng ngời một cách đẹp đẽ, ý nói đẹp mặt.

http://tieulun.hopto.org

Trên vì nước, dưới vì nhà,
Một là đắc hiếu, hai là đắc trung.
Chẳng hơn chiếc bách [1] giữa dòng,
E dè sóng vỗ, hãi hùng *nước sa* [2].
Nhân khi bàn bạc gần xa,
Thừa cơ [3], nàng mới bàn ra nói vào.
Rằng: "Trong thánh *trạch* [4] dồi dào,
Tưới ra đã khắp, thấm vào đã sâu.
Bình thành [5] công đức bấy lâu,
Ai ai cũng đội trên đầu biết bao.
Ngẫm từ dấy việc binh đao,
Đống xương Vô Định [6] đã cao bằng đầu.
Làm chi để tiếng về sau,
Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào [7]!
Sao bằng *lộc* trọng quyền cao,
Công danh ai dứt lối nào cho qua?"
Nghe lời nàng nói mặn mà [8],
Thế công [9], Từ mới trở ra thế hàng [10],
Chỉnh nghi [11] tiếp sứ vội vàng,

---

1. *Chiếc bách:* chiếc thuyền bằng gỗ bách.

2. *Hãi hùng nước sa:* bản QVĐ chép là *"cỏ hoa"* cũng như các bản BK-TTK, HĐH; TĐ nhưng vì chữ *"cỏ hoa"* không rõ nghĩa nên có một số bản Nôm và Quốc ngữ như KOM, PKC, BKD đã chép là *"nước sa"* cho dễ hiểu hơn.

3. *Thừa cơ:* lợi dụng cơ hội (khi được dự bàn việc quân).

4. *Thánh trạch:* ơn thánh tức nói ơn nhà vua.

5. *Bình thành:* chữ trong *Kinh Thư* tức *địa bình thiên thành,* nói nhà vua sửa sang giúp cho trời đất được bằng phẳng nên việc. Do đó chữ này có nghĩa là công đức to lớn của nhà vua.

6. *Vô Định:* tên một con sông ở tỉnh Thiểm Tây vì nước xoáy cuốn theo cát nên lòng sông chỗ nông và chỗ sâu không biết được. Thơ Trần Đào, bài *Lũng tây hành* có câu: *"Khả liên Vô Định hà biên cốt, do thị thâm khuê mộng lý nhân"* = Đáng thương cho những kẻ chết xương chất đống ở bên sông Vô Định mà đến nay vẫn còn là người trong mộng của khách buồng the sâu kín. Ở đây Thúy Kiều nhắc đến cảnh chiến tranh chết nhiều người như vậy để làm xiêu lòng Từ Hải hãy nghe mình mà quy hàng.

7. *Hoàng Sào:* người đất Tào Châu, đã nổi dậy chống Đường Hy Tông, tung hoành trong mười năm trời ở Hà Nam, Giang Nam, Phúc Kiến, Lạc Dương... Hoàng Sào đã vây hãm cả kinh đô Tràng An nhưng sau bị một thủ hạ ám hại.

8. *Mặn mà:* đậm đà, tỏ ra có tình cảm chân thật làm cho người ta dễ xiêu lòng.

9. *Thế công:* trận thế lập để tấn công.

10. *Thế hàng:* sắp đặt quân sĩ để ra đầu hàng.

11. *Chỉnh nghi:* sửa soạn chỉnh đốn nghi vệ.

http://tieulun.hopto.org

Hẹn kỳ thúc giáp [1], quyết đường giải binh [2].
Tin lời thành hạ yêu minh [3],
Ngọn cờ ngơ ngác, trống canh trễ tràng.
Việc binh bỏ chẳng giữ giàng [4],
Vương sư [5] *dòm* đã tỏ tường thực hư.
Hồ công quyết kế thừa cơ [6],
Lễ tiên binh hậu [7], khắc cờ tập công [8].
Kéo cờ chiêu phủ [9] tiên phong [10],
Lễ nghi dàn trước, bác đồng [11] phục sau.
Từ công hờ *hững* [12] biết đâu,

---

1. *Thúc giáp:* bó áo giáp lại, tức xếp khí giới lại.

2. *Giải binh:* giải tán binh đội.

3. *Thành hạ yêu minh:* (*yêu:* cầu, xin, *minh:* thề) ép người thất thế phải cầu hòa với mình và phải thề với mình ở dưới chân thành.

Theo *Tả truyện: "Thành hạ yêu minh như chư hầu sở thâm sĩ"* = sự thề ở dưới chân thành là điều cực kỳ xấu hổ (vì trong thành không chống cự được nữa, phải xin ăn thề ngay nơi đó) của các nước chư hầu. Trường hợp Từ Hải có khác. Từ Hải đâu có phải là người thất thế phải xin hàng mà chỉ vì nghe lời Thúy Kiều mới chịu *"bó thân về với triều đình"* .

Khi nhận hàng, Từ Hải có yêu cầu ba điều với Lợi Tiện là người được Hồ Tôn Hiến sai đi dụ hàng:

- Xin được phong tước hầu.
- Xin ở lại nguyên chỗ không phải đổi đi nơi khác.
- Xin không phải giải binh.

Lợi Tiện về báo tin trên với Hồ Tôn Hiến. Tổng đốc chấp nhận, lập kế hoạch phục kích rồi sai Lợi Tiện lại đến cùng với Từ Hải ăn thề, hứa bằng lòng nhận ba việc mà Từ đã xin và hẹn ngày kéo quân đến đón hàng. Ấy việc *"yêu minh"* của Hồ Tôn Hiến đối với Từ Hải là như vậy.

4. *Giữ giàng:* cũng như *giữ gìn* nhưng có ý coi sóc cẩn thận hơn. *Cả câu* ý nói việc quân bỏ chẳng giữ gìn cẩn thận như trước nữa.

5. *Vương sư:* (*vương:* vua; *sư:* quân) quân của nhà vua, do Hồ Tôn Hiến chỉ huy.

6. *Quyết kế thừa cơ:* quyết định thi hành mưu kế thừa lúc Từ Hải để trễ tràng việc canh gác.

7. *Lễ tiên binh hậu:* đồ lễ dẫn đi trước nhưng cho quân phục sẵn ở đằng sau.

8. *Khắc cờ tập công:* (*cờ:* kỳ hẹn, *tập:* đánh úp) định kỳ hẹn để đánh úp.

9. *Chiêu phủ:* (*chiêu:* vời, *phủ:* vỗ về) dụ hàng dùng lời vỗ về để vời kẻ chống đối qui phục.

10. *Tiên phong:* toán quân đi trước. *Cả câu* ý nói toán quân đi đầu kéo lá cờ chiêu dụ quân của Từ Hải ra hàng.

11. *Bác đồng:* súng lớn. Xem *chú thích* câu 2314, chữ này đi với chữ *"phát súng"* ở câu 2514.

12. *Hờ hững:* tỏ vẻ coi thường, không chú ý đề phòng.

http://tieulun.hopto.org

Đại quan lễ phục [1] ra đầu [2] cửa viên [3].
Hồ công ám hiệu [4] trận tiền.
Ba bề phát súng, bốn bên kéo cờ.
Đang khi bất ý [5] *chẳng* ngờ,
Hùm thiêng khi đã sa cơ [6] cũng hèn!
Tử sinh liều giữa trận tiền,
Dạn dày [7] cho biết gan liền tướng quân!
Khí thiêng [8] khi đã về thần [9],
Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng!
Trơ như đá, *vững* như đồng,
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời.
Quan quân *truy* sát [10] đuổi dài,
Ầm ầm sát khí ngất trời ai đang!
Trong hào, ngoài lũy tan hoang,
Loạn quân vừa dắt tay nàng đến nơi.
Trong vòng tên đá [11] bời bời,
Thấy Từ còn đứng giữ trời trơ trơ.
Khóc rằng: "Trí dũng [12] có thừa,
Bởi nghe lời thiếp *đến* cơ hội [13] này.
Mặt nào trông thấy nhau đây?
Thà liều sống *thác* một ngày với nhau!"

---

1. *Đại quan lễ phục:* Bản KOM, viết chữ 大冠 *đại quan* là đội mũ lớn. Bản QVĐ viết chữ 大官 *đại quan* là quan lớn. Như vậy có hai cách giải thích: nếu theo KOM thì *đại quan lễ phục có* nghĩa là đội mũ cao, mặc áo lễ, không mặc đồ chiến phục; nếu theo QVĐ thì *đại quan lễ phục* có nghĩa là mặc lễ phục của một vị quan lớn.

2. *Ra đầu:* ra đầu hàng.

3. *Cửa viên:* cửa làm bằng hai chiếc xe dựng càng lên trời, cửa doanh trại.

4. *Ám hiệu:* hiệu lệnh kín dùng trong việc binh.

5. *Bất ý:* không để ý đề phòng.

6. *Sa cơ:* rơi vào bước khốn cùng.

7. *Dạn dày:* tức *dày dạn,* đã từng trải, từng chịu đựng nguy hiểm khó khăn đến mức đã quen đi.

8. *Khí thiêng:* tinh khí của non sông tích chứa lại mà sinh ra bậc anh hùng.

9. *Về thần:* trở về cõi tinh thần. *Cả câu ý* nói Từ Hải đã chết.

10. *Truy sát:* đuổi theo mà giết.

11. *Tên đá:* tên đạn vì xưa các viên đạn làm bằng đá.

12. *Trí dũng:* kẻ anh hùng vừa có trí thông minh vừa có sức lực phi thường.

13. *Cơ hội:* dịp xảy ra, đây chỉ cảnh ngộ.

http://tieulun.hopto.org

Dòng thu [1] như dội cơn sầu,
Dứt lời nàng cũng gieo đầu một bên.
Lạ thay oan khí [2] tương triền [3]!
Nàng vừa phục *xuống* Từ liền ngã ra.
Quan quân kẻ lại người qua,
Xót nàng sẽ lại *vực* ra dần dần.
Dẫn vào đến trước trung quân,
Hồ công thấy mặt ân cần [4] hỏi han.
Rằng: "Nàng chút phận hồng nhan [5].
Gặp cơn binh cách [6] nhiều nàn [7] cũng thương!
Đã hay thành toán [8] miếu đường [9],
Giúp công cũng có lời nàng mới nên.
Bây giờ sự đã *vẹn* tuyền,
Mặc lòng nghĩ lấy, muốn xin bề nào".
Nàng càng giọt ngọc tuôn dào,
Ngập ngừng mới gửi thấp cao sự lòng.
Rằng: "Từ là đấng anh hùng,
Dọc ngang trời rộng vẫy vùng bể khơi!
Tin tôi nên quá nghe lời,
Đem thân bách chiến [10] làm tôi triều đình.
Ngỡ là phu quý, phụ vinh [11],
Ai ngờ một phút tan tành thịt xương!
Năm năm trời bể ngang tàng [12],

---

1. *Dòng thu:* dòng nước mắt.
2. *Oan khí:* cái khí oan.
3. *Tương triền:* quấn quít lấy nhau.
4. *Ân cần:* tình ý chu đáo và có cảm tình thân mật.
5. *Chút phận hồng nhan:* ý nói người có nhan sắc mà phận số lại không gặp may mắn.
6. *Binh cách:* (*binh:* đồ binh khí như súng ống gươm giáo, *cách*: đồ dùng bằng da như yên ngựa) nói chung các binh khí. *Cơn binh cách* là cơn loạn lạc, cuộc chiến tranh.
7. *Nàn:* do chữ *nạn* (tai nạn) đọc chuyển sang thanh bằng cho hợp vần.
8. *Thành toán:* (*toán:* trù tính, mưu kế) sự tính toán đã thành được rồi, mưu kế đã thành rồi.
9. *Miếu đường:* (*miếu:* tôn miếu, *đường*: minh đường) nhà nước hễ có việc đánh dẹp thì làm lễ cáo ở nhà tôn miếu mà trú nghỉ tại *minh* đường. *Miếu đường* nói rộng ra cũng như *triều đình*.
10. *Thân bách chiến*: ý nói thân thiện chiến, kẻ đã dạn dày về trận mạc.
11. *Phu quý, phụ vinh:* chồng làm nên quan sang, vợ được vinh hiển.
12. *Ngang tàng:* tỏ ra không sợ ai, không chịu khuất phục ai.

http://tieulun.hopto.org

Dấn mình đi bỏ chiến trường như không.
Khéo khuyên kể lấy làm công [1],
Kể bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu!
Xét mình công ít tội nhiều,
Sống thừa, tôi đã nên liều mình tôi.
Xin cho thiên thổ một doi [2],
Gọi là đắp điếm lấy người tử sinh!"
Hồ công nghe nói thương tình,
Truyền cho cảo táng [3] di hình [4] bên sông.
Trong quân mở tiệc hạ công [5],
Xôn xao tơ trúc, hội đồng quân quan.
Bắt nàng thị yến [6] dưới màn,
Dở say lại ép *cung* đàn nhặt tâu [7].
Một cung [8] gió thảm mưa sầu,
Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay [9].
Ve ngâm vượn hót nào tày,
Lọt tai, Hồ cũng nhăn mày rơi châu.
Hỏi rằng: "Này khúc ở đâu?
Nghe ra muôn thảm nghìn sầu lắm thay!"
Thưa rằng: "Bạc mệnh [10] khúc này,
Phổ [11] vào đàn ấy những ngày còn thơ.
Cung cầm lựa những ngày xưa,

---

1. *Kể lấy làm công:* Thúy Kiều đã khuyên Từ Hải đầu hàng để rồi bị giết thì chỉ nên hối hận chứ không nên kể là công.

2. *Một doi:* dải đất cát bồi ở dọc bờ sông. Chữ 堆 đọc theo âm Hán Việt là *đôi,* có nghĩa là đống đất, nhưng nghe không thuận nên thường được phiên là *doi.* Chữ *doi* này chiếu xuống câu 2564: "*Truyền cho cảo táng di hình bên sông*" thì hợp nghĩa.

3. *Cảo táng:* chôn sơ sài.

4. *Di hình:* xác, thân xác còn lại.

5. *Hạ công:* (*hạ:* mừng) mừng sự thành công.

6. *Thị yến:* (*thị:* theo hầu) hầu việc ăn yến, ăn tiệc.

7. *Nhặt tâu:* các bản Nôm viết 日奏 thì có thể đọc là *nhặt tâu* hoặc *nhật tâu.* Chữ 奏 lẽ ra phải đọc là *tấu* tức đánh đàn nhưng ở đây đọc theo thanh bằng cho hợp vần. *Nhặt tâu:* (*nhặt:* mau liền) gảy đàn trong suốt buổi tiệc.

8. *Cung:* cung đàn, một điệu đàn, một bài đàn.

9. *Nhỏ máu năm đầu ngón tay:* Nguyễn Lượng cho rằng "*những tiếng đàn ở trên năm đầu ngón tay của Thúy Kiều đều do từ tâm huyết của tác giả mà trào ra đầu ngọn bút*".

10. *Bạc mệnh:* tên một khúc đàn do Thúy Kiều soạn ra.

11. *Phổ:* biên ghi cung điệu bài đàn, bài hát.

http://tieulun.hopto.org

Mà gương bạc mệnh [1] bây giờ là đây!"
Nghe càng đắm, ngắm càng say,
Lạ cho mặt sắt [2] cũng ngây vì tình!
Dạy rằng: "Hương *lửa* [3] ba sinh [4],
Dây loan [5] xin nối cầm lành cho ai".
Thưa rằng: "Chút phận lạc loài,
Trong mình nghĩ đã có người thác oan.
Còn chi nữa cánh hoa tàn,
Tơ lòng đã dứt dây đàn Tiểu Lân [6].
Rộng thương *còn* mảnh hồng quần [7],
Hơi tàn được thấy gốc phần [8] là may.
Hạ công chén đã quá say,
Hồ công đến lúc rạng ngày nhớ ra.
Nghĩ mình phương diện quốc gia [9],
Quan trên nhắm xuống, người ta trông vào
Phải tuồng trăng gió hay sao?
Sự này biết tính thế nào được đây?
Công nha [10] vừa buổi rạng ngày,
Quyết tình *Hồ* mới đoán [11] ngay một bài.

---

1. *Gương bạc mệnh:* ý nói cả cuộc đời bạc mệnh của Thúy Kiều đã được chứng tỏ qua những việc đã xảy ra, ai cũng thấy rõ ràng như bày ra một tấm gương trước mắt.

2. *Mặt sắt:* chỉ ông quan nghiêm khắc, đây chỉ Hồ Tôn Hiến.

3. *Hương lửa:* ý nói tình nghĩa vợ chồng nồng nàn, đằm thắm: *"Phải duyên hương lửa cùng nhau* (*Cung oán*).

4. *Ba sinh:* ba kiếp, ý nói đã mấy kiếp có duyên với nhau.

5. *Dây loan:* dây đàn bị đứt nối lại bằng keo loan. Xem *chú thích* câu 726. *Cả câu* ý nói xin nối lại duyên vợ chồng. Nguyên truyện: *"Hồ Tôn Hiến đương khi chuếnh choáng hơi men, không sao nén nổi lòng dục, vội bước xuống thềm, lấy tay lau ngấn nước mắt cho Kiều và bảo: "Thôi khanh đừng quá thương tâm, ta sẽ cùng khanh bách niên giai lão".*

6. *Tiểu Lân:* nàng họ Phùng, vợ Hậu chủ nước Tề (thời Nam Bắc Triều), bị bắt gả cho Đường Đại Vương, nhân lúc gảy đàn, dây đàn bị đứt, có làm bài thơ: *"Dục tri tâm đoạn tuyệt, ưng khán tất thượng huyền..."*: muốn biết tơ lòng đứt nát thế nào, thì nên xem sợi dây đàn trên đầu gối này...

7. *Hồng quần:* quần sắc đỏ của con gái xưa bên Trung Quốc thường mặc, được dùng để chỉ đàn bà con gái.

8. *Gốc phần:* gốc cây phần, chỉ quê nhà. Xem *chú thích* câu 2235.

9. *Phương diện quốc gia:* (phương diện là một mình chống giữ một mặt, sau được dùng để gọi các quan to ở cõi ngoài) chỉ người tai mắt của nhà nước.

10. *Công nha:* chỗ các quan ngồi làm việc.

11. *Đoán:* quyết định, phán quyết, dứt khoát ý định.

http://tieulun.hopto.org

Lệnh quan ai dám *cãi* lời,
Ép tình mới gán cho người thổ quan [1].
Ông tơ thực nhé đa đoan [2]!
Xe *tơ* [3] sao khéo vơ *quàng* vơ xiên
Kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền,
Lá màn rủ thấp, ngọn đèn khêu cao.
Nàng càng ủ liễu phai đào,
Trăm phần nào có phần nào phần tươi?
Đành thân cát *lấp* sóng vùi,
Cướp công cha mẹ thiệt đời thông minh.
Chân trời mặt bể lênh đênh,
Nắm xương biết gửi tử sinh chốn nào?
Duyên đâu ai dứt tơ đào [4],
Nợ đâu ai *đã* dắt vào tận *tay*!
Thân sao thân đến thế này,
Còn ngày nào *cũng dư* [5] ngày ấy thôi!
Đã không biết sống là vui,
Tấm thân nào biết thiệt thòi là thương!
Một mình cay đắng trăm đường,

---

1. *Thổ quan:* quan người địa phương thuộc những vùng dân tộc ít người. Theo *nguyên truyện* thì là viên tù trưởng Vĩnh Thuận, thuộc tỉnh Hồ Nam. Đoạn này, *nguyên truyện* viết: *"Sáng hôm sau Hồ Tôn Hiến nhớ lại việc đêm trước đã khoác tay nâng chén với vợ tướng giặc, còn gì phong thể của một phương diện quốc gia? Nghĩ càng hối hận, không biết tính sao?... Suy tính giờ lâu, Hồ mới gật gù lẩm nhẩm: "Được rồi, được rồi, ta sẽ gán nàng cho một quân trưởng để cho việc này mất tích và nàng cũng được tính mệnh bảo toàn..."*.

Về việc dụ hàng của Hồ Tôn Hiến, Minh *sử* có chép: *"Còn Hồ Tôn Hiến, trong chiến dịch này dẫu có công to nhưng sau lại bị triều thần hạch hỏi về tội giết kẻ đã hàng. Vì có hươu trắng, rùa trắng đem về hiến vua, nên được miễn nghị. Cách mấy năm sau, nhân việc Ngự sử Uông Như Chính... bắt được những thư chính tay Hiến viết để lừa Từ Hải.. nên Hiến bị bắt giam và rồi chết ở trong ngục"*.

2. *Đa đoan:* nhiều mối, nói có ý rắc rối, lắt léo.

3. *Xe tơ:* xe duyên vợ chồng. Xem *chú thích* câu 333. Phê bình thái độ Thúy Kiều ở đoạn này, Tản Đà có viết:

"Tổng đốc có thương người bạc phận,
Tiền Đường chưa chắc mả hồng nhan".

4. *Tơ đào:* tơ duyên vợ chồng. Xem chú thích câu 333.

5. *Cũng dư:* cũng thừa, ý nói không có nghĩa gì nữa, không còn gì là vui nữa.

http://tieulun.hopto.org

Thôi thì nát ngọc tan vàng [1] thì thôi!
Mảnh trăng đã gác non đoài [2],
Một mình luống những đứng ngồi [3] chưa xong.
Triều đâu nổi tiếng đùng đùng [4],
Hỏi ra [5] mới biết rằng sông Tiền Đường.
Nhớ lời thần mộng rõ ràng,
Này thôi hết kiếp đoạn tràng là đây.
Đạm Tiên nàng nhé có hay!
Hẹn ta thì *đợi* dưới này rước ta".
Dưới đèn sẵn bức tiên hoa,
Một thiên tuyệt bút [6] gọi là để sau.
Cửa *bồng* [7] vội mở rèm châu,
Trời cao *sông* rộng một màu bao la.
Rằng: "Từ công hậu đãi [8] ta,
Chút vì việc nước [9] mà ra phụ lòng.
Giết chồng mà lại lấy chồng,

---

1. *Nát.ngọc tan vàng: ngọc* và *vàng* thường được dùng để ví với tấm thân quý giá của người con gái, người đàn bà, nay đã không biết sống là vui thì chỉ còn liều thân chịu chết mà thôi, tức cũng như thể cho nát ngọc tan vàng.

2. *Gác non đoài:* gác núi phía Tây, ý nói đã quá nửa đêm rồi.

3. *Đứng ngồi:* khi theo viên thổ quan về Vĩnh Thuận, Thúy Kiều buồn bã không sao đi ngủ được, cứ hết đứng lại ngồi ở trong khoang thuyền.

4. *Tiếng đùng đùng:* tiếng thủy triều dâng lên nghe đùng đùng như sấm.

5. *Hỏi ra:* Thúy Kiều hỏi viên thổ quan thì được biết đây là sông Tiền Đường.

6. *Thiên tuyệt bút: nguyên truyện* có bài thơ lục tuyệt như sau:

Thập ngũ niên tiền hữu ước,
Kim triêu phương đáo Tiền Đường.
Bách thế quang âm hỏa thước,
Nhất sinh thân sự hoàng lương.
Trào tín thôi nhân khứ dã,
Đẳng nhàn liễu khước đoạn trường.
Mười lăm năm xưa có hẹn,
Sớm nay mới đến Tiền Đường.
Trăm năm bóng câu chớp nhoáng,
Một đời giấc mộng hoàng lương.
Tiếng sóng giục người đi khuất.
Thênh thang trút nợ đoạn tràng.

7. *Bồng:* mui thuyền lớn. *Cửa bồng:* cửa thuyền ở hai bên mui.

8. *Hậu đãi:* đối xử một cách trọng hậu, tử tế.

9. *Việc nước: nguyên truyện* cũng để cho Thúy Kiều nói như vậy. Tản Đà cho rằng *"Thúy Kiều khuyên Từ Hải ra hàng không phải là* "vì việc nước". *Chỗ đó chẳng là tác giả* "vẽ rắn thêm chân" *mà đã cho người trong truyện mang thêm tội lỗi trong ân nghĩa vợ chồng ru?"*

http://tieulun.hopto.org

Mặt nào còn *đứng* ở trong cõi đời?
Thôi thì một thác cho rồi,
Tấm lòng phó mặc trên trời dưới sông!"
Trông vời con nước [1] mênh mông,
Đem mình gieo xuống giữa dòng trường giang.
Thổ quan theo vớt [2] vội vàng,
Thì đà đắm ngọc chìm hương [3] *mất* rồi.
Thương thay cũng một *kiếp* người,
Hại thay mang lấy sắc tài làm chi!
Những là oan khổ lưu ly [4],
Chờ cho hết kiếp [5], còn gì là thân?
Mười lăm năm, bấy nhiêu lần [6],
Làm gương cho khách hồng quần thử soi!
Đời người đến thế thì thôi!
Trong cơ âm cực dương hồi [7] khôn *hay*.
Mấy người *hiếu* nghĩa xưa nay.
Trời làm chi đến lâu ngày càng thương!
Giác Duyên từ tiết giã nàng,
Đeo bầu [8] quảy níp [9] rộng đường vân du. [10]

---

1. *Con nước:* chỉ nước thủy triều lên, ngày nước lên.

2. *Theo vớt:* theo *nguyên truyện* thì *viên thổ quan vội cứu không kịp, hô hoán quân sĩ thức dậy tiếp tay. Nhưng vì lúc đương gió to sóng cả, đứng còn không vững nói chi đến việc vớt người?*

3. *Đắm ngọc chìm hương: ngọc* và *hương* là hai thứ thường được dùng để ví người phụ nữ quý như ngọc, thơm như hương. Đây nói *đắm ngọc chìm hương* là khi nàng Kiều đã bị nước cuốn đi theo làn sóng dữ và chìm dưới đáy sông.

4. *Lưu ly:* lưu lạc, sống nay đây mai đó xa lìa quê hương.

5. *Hết kiếp:* hết kiếp liễu bồ, hết kiếp đoạn trường.
Kiếp trần biết giũ bao giờ cho xong (câu 2930).

6. *Bấy nhiêu lần:* ý nói Thúy Kiều đã phải chịu nhiều lần oan khổ lưu ly, thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần.

7. *Âm cực dương hồi:* theo lẽ tuần hoàn của tạo hóa thì khi khí âm đã tới cùng cực thì khí dương bắt đầu trở lại, tức là hết *bĩ* đến *thái* ví như cô Kiều đã khổ sở đến cùng cực thì sẽ được hưởng sự sung sướng.

8. *Bầu:* bầu nước, cái bình làm bằng quả bầu khô đã nạo hết ruột dùng để đựng nước hoặc để đựng rượu.

9. *Níp:* cái tráp dùng để đựng đồ dùng. Tản Đà cho rằng *níp* là cái tráp *"thì cứ để luôn chữ* tráp *cho thuận tiện"*. Tản Đà sửa như vậy là sai với nguyên tắc hiệu đính.

10. *Vân du:* đi chơi nay đây mai đó như đám mây vô định. Theo *nguyên truyện* thì Giác Duyên, sau khi từ biệt Kiều, liền đi vân du sang Việt Đông để tìm Tam Hợp đạo cô.

http://tieulun.hopto.org

Gặp bà Tam Hợp đạo cô,
Thong dong [1] hỏi hết nhỏ to sự nàng:
"Người sao hiếu nghĩa đủ đường,
Kiếp sao *rặt* những đoạn trường thế thôi?"
Sư rằng: "*Hoạ phúc* đạo trời,
Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.
Có trời mà cũng tại ta,
Tu là *cội* phúc [2], tình là dây oan.
Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan,
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành.
Lại mang lấy một chữ tình,
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.
Vậy nên những *chốn* thong dong,
Ở không yên ổn, ngồi không vững vàng.
Ma đưa lối, quỷ *đưa* đường,
Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi.
Hết *nạn* ấy đến nạn kia,
Thanh lâu hai lượt [3], thanh y *hai* lần [4].
Trong vòng giáo dựng gươm trần,
Kề *răng* hùm sói [5] gửi thân tôi đòi.
Giữa *dòng* nước dẫy sóng dồi,
Trước hàm rồng cá, gieo *mồi vắng tanh.* [6]
Oan kia theo mãi với tình,
Một mình mình *biết*, một mình mình hay.

---

1. *Thong dong:* thảnh thơi thong thả. Ý nói gặp khi rỗi rãi Giác Duyên mới hỏi đạo cô về cuộc đời của Thúy Kiều như nàng đã nhờ: *"Vì tôi xin hỏi một lời chung thân"*.

2. *Cội phúc:* nguồn gốc của mọi hạnh phúc ở đời.

3. *Thanh lâu hai lượt:* Thúy Kiều phải vào thanh lâu hai lần: một lần ở Lâm Truy trong tay Tú bà và một lần ở Châu Thai trong tay Bạc bà.

4. *Thanh y hai lần:* Thúy Kiều phải làm con hầu hai lần: một lần ở nhà Hoạn bà và một lần ở nhà Hoạn Thư. Kiều Oánh Mậu sửa lại là *"một lần"* thì cũng có lý vì tuy ở hai nơi (nhà Hoạn bà và nhà Hoạn Thư) nhưng chỉ có một lần liên tục.

5. *Kề răng hùm sói:* đây là lời của Tam Hợp đạo cô nói về cảnh Thúy Kiều bị lọt vào vòng gươm giáo thì ắt gặp phải bọn *tướng dữ như hùm beo, ý chỉ Hồ Tôn Hiến và các tướng tá dưới quyền hắn.*

6. *Trước hàm rồng cá, gieo mồi vắng tanh:* đây là lời của Tam Hợp đạo cô nói về thân phận của Thúy Kiều phải chịu cảnh trầm mình xuống sông làm mồi cho loài cá dữ. Chữ *"vắng tanh"*, KOM chú: *"Đỗ thi: "Ngư long tịch mịch thu giang lãnh. Vắng tanh thị"* = Thơ Đỗ Phủ: rồng cá lặng lẽ sông thu lạnh, cho nên chữ *"vắng tanh"* là đúng.

http://tieulun.hopto.org

Làm cho sống đọa thác đày [1],
Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi!"
Giác Duyên nghe nói rụng rời [2]:
"Một đời nàng nhé thương ôi còn gì [3]!"
Sư rằng: "song chẳng hề chi,
Nghiệp duyên [4] *cân* lại *nhắc* đi còn nhiều!
Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều,
Mắc điều tình ái, khỏi điều tà dâm.
Lấy tình thâm [5], trả *nghĩa* thâm [6],
Bán mình đã động hiếu tâm đến trời!
Hại một người [7], cứu *muôn* người,
Biết đường khinh trọng, biết lời phải chăng.
Thửa [8] công đức [9] ấy ai bằng?
Túc khiên [10] đã rửa lâng lâng sạch rồi!
Khi nên trời cũng chiều người,
Nhẹ nhàng nợ trước, đền bồi duyên sau [11].
Giác Duyên dù nhớ nghĩa nhau,

---

1. *Sống đọa thác đày:* sống chết cũng bị đày đọa tấm thân, như chết mà phải làm mồi cho loài cá dữ.

2. *Rụng rời :* Sợ quá đến nỗi tưởng như rụng rời cả tay chân.

3. *Sư rằng: "Họa phúc... còn gì:* đoạn này từ câu 2655 đến 2676 là lời của Tam Hợp đạo cô... *nguyên truyện* viết: *Sư Tam Hợp nói: "Người ta sinh ra trên đời, phúc bởi tu đức mà được hưởng, khổ vì tình phải chịu, nàng Kiều nhân vì ái tình gây nên cảnh khổ, bởi vậy dẫu cho ở nhà vàng cũng không dám ở lâu, mà chốn đoạn trường thường thường phải đày đến, nợ yên hoa phải chịu hai lần, tội cảnh con hầu phải chịu một án, trong gươm giáo bạn với mấy tướng hùm beo, dưới sóng lớn làm mồi cho cá rồng, mới hết kiếp ấy".*

4. *Nghiệp duyên:* (*nghiệp:* từ nhà Phật, theo thuyết luân hồi, người ta sống hết kiếp này lại hóa ra kiếp khác. Mỗi kiếp của ta lại đeo theo cái nghiệp do ta đã gây ra từ kiếp trước. Cái nghiệp do hành động của ta mà thành ra đó, chữ *Phạn* gọi là karma, chữ Hán gọi là *nghiệp báo* hay *nghiệp,* ta thường gọi là *nợ tiền kiếp; duyên:* cái nhân, nhà Phật cho vì nhân mà được quả là *duyên*) căn duyên của việc làm thiện hay là ác như *thiện nghiệp* là nhân duyên gây nên thiện quả, *ác nghiệp* là nhân duyên gây nên ác quả.

5. *Tình thâm:* tình cha con, tình máu mủ sâu xa của con cái đối với cha mẹ.

6. *Nghĩa thâm:* nghĩa sâu, nghĩa dày (*nghĩa* là đạo phải).

7. *Hại một người:* chỉ Từ Hải.

8. *Thửa:* tiếng trợ từ để chỉ cái gì thuộc về ai.

9. *Thửa công đức:* công đức của Thúy Kiều.

10. *Túc khiên:* (*túc:* trước, *khiên*: tội lỗi) tội lỗi kiếp trước đã phạm phải.

11. *Duyên sau:* cái duyên với chàng Kim sau này lại được sum họp cùng nhau.

http://tieulun.hopto.org

Tiền Đường *thả* một bè lau rước người.
Trước sau cho vẹn một lời,
Duyên ta mà cũng phúc trời chi không!"
Giác Duyên nghe nói mừng lòng,
Lân la tìm thú bên sông Tiền Đường.
Đánh tranh *chụm* nóc thảo đường [1].
Một gian nước biếc mây vàng chia đôi.
Thuê năm [2] ngư phủ [3] hai người,
Đóng thuyền chực bến kết chài giăng sông.
Một lòng *chẳng* quản mấy công,
Khéo *thay* gặp gỡ cũng trong chuyển vần [4].
Kiều từ gieo xuống duềnh [5] ngân,
Nước xuôi bỗng đã trôi dần tận nơi.
Ngư ông kéo lưới vớt người,
Ngẫm lời Tam Hợp [6] rõ mười chẳng ngoa.
Trên mui lướt *mướt* [7] áo là,
Tuy dầm hơi nước chưa lòa bóng gương. [8]
Giác Duyên *nhìn* thật mặt nàng,
Nàng còn thiêm thiếp giấc vàng [9] chưa phai.
Mơ màng phách quế hồn mai, [10]
Đạm Tiên, *thoắt* đã thấy người ngày xưa.

---

1. *Thảo đường:* nhà lợp cỏ tranh. Đây chỉ cái am nhỏ của sư Giác Duyên tên là *Vân Thủy am* lập ở bên sông Tiền Đường. Vì am này, trên có mây, dưới có nước nên Nguyễn Du mới viết một cách bóng bẩy rằng: *"Một gian nước biếc mây vàng chia đôi"*.

2. *Thuê năm:* thuê luôn cả năm để chờ vớt Thúy Kiều.

3. *Ngư phủ:* (*phủ:* ông) cũng như *ngư ông,* người đánh cá.

4. *Chuyển vần:* tạo hóa xoay vần, ý nói Giác Duyên gặp nàng Kiều cũng có cơ trời như sư Tam Hợp đã nói ở câu *"Duyên ta mà cũng phúc trời chi không"*,

5. *Duềnh ngân:* dòng nước trắng như bạc. Chữ *duềnh* cũng viết là *doành: Doành ngân rửa mác, Non đoài treo cung* (Chinh phụ ngâm).

6. *Lời Tam Hợp: Nguyên truyện: Sư Tam Hợp bảo rằng cái nghiệt cũ của Kiều đã tiêu, duyên mới được kết, đạo hữu có tình quen biết với nàng nên đợi lúc hết kiếp ở sông Tiền Đường sẽ chở bè sậy cứu vớt cho nàng, cũng là gieo một hạt giống trong ruộng phúc vậy.*

7. *Lướt mướt:* dáng ướt đầm.

8. *Bóng gương:* ý nói sắc mặt còn tươi sáng, chưa bị tái mờ đi.

9. *Giấc vàng:* giấc mê, giấc mộng. Đây ý nói Thúy Kiều còn chưa tỉnh giấc chiêm bao thấy Đạm Tiên. Xem *chú thích* câu 1715.

10. *Phách quế hồn mai:* tức hồn phách, ý nói hồn của người ta trong lúc mơ màng, hai chữ *quế* và *mai* có thể chỉ được dùng cho đẹp lời.

http://tieulun.hopto.org

Rằng: "Tôi đã có lòng chờ,
Mất công *đã* mấy năm thừa ở đây.
Chị sao phận mỏng phúc dày?
Kiếp xưa đã vậy, lòng này dễ ai! [1]
Tấm thành [2] đã thấu đến trời,
Bán mình là hiếu, cứu người là nhân.
Một niềm vì nước vì dân,
Âm công [3] cất một đồng cân đã già!
Đoạn trường sổ rút tên ra,
Đoạn trường thơ [4] phải *đưa* mà trả nhau.
Còn nhiều hưởng thụ [5] về *lâu*,
Duyên xưa *tròn trặn* phúc sau dồi dào".
Nàng còn ngơ ngẩn biết sao,
"Trạc Tuyền!" Nghe tiếng gọi vào bên tai.
Giật mình thoắt tỉnh giấc mai. [6]
Bâng khuâng nào đã biết ai mà nhìn.
Trong thuyền nào thấy Đạm Tiên?
Bên mình chỉ thấy Giác Duyên ngồi kề.
Thấy nhau mừng rỡ trăm bề,
Dọn thuyền mới rước nàng về thảo lư. [7]
Một nhà chung chạ sớm trưa,
Gió trăng mát mặt, muối dưa chay lòng. [8]
Bốn bề bát ngát mênh mông,
Triều dâng [9] hôm sớm, mây lồng trước sau.
Nạn xưa *trút* sạch làu làu,
Duyên xưa [10] chưa dễ biết đâu chốn này.

---

1. *Lòng này dễ ai:* tấm lòng hiếu thảo dễ mấy ai bằng.
2. *Tấm thành:* tấm lòng thành.
3. *Âm công:* cái công sâu kín chỉ có quỷ thần biết mà thôi, cũng như *âm đức*.
4. *Đoạn trường thơ:* nói đến mười bài thơ của Thúy Kiều làm đưa Đạm Tiên khi trước.
5. *Hưởng thụ:* hưởng nhận được nhiều phúc trạch.
6. *Giấc mai:* giấc ngủ say sưa; do tích Triệu Sư Hùng đời Tùy vào núi gặp người con gái bán hàng rượu cho uống say rồi nằm ngủ thiếp đi, đến lúc tỉnh dậy chỉ thấy mình nằm ở dưới gốc một cây mai to.
7. *Thảo lư:* nhà cỏ, nhà tranh, cũng như *thảo đường*.
8. *Chay lòng:* ý nói trong lòng không bợn một chút bụi trần, xa hẳn thế tục, trong sạch hẳn tấm lòng.
9. *Triều dâng:* nước thủy triều lên.
10. *Duyên xưa:* duyên với Kim Trọng.

http://tieulun.hopto.org

Nỗi nàng tai nạn đã đầy,
Nỗi chàng Kim Trọng bấy chầy mới thương.
Từ ngày muôn dặm phù tang, [1]
Nửa năm ở đất Liêu Dương lại nhà.
Vội sang vườn Thúy [2] dò la,
Nhìn xem phong cảnh nay đà khác xưa.
Đầy vườn cỏ mọc *lau* thưa,
Song trăng quạnh quẽ [3], vách mưa rã rời. [4]
Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái [5] còn cười gió Đông.
Xập xè én liệng *rường* không, [6]
Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giày.
Cuối tường gai *góc* mọc đầy,
Đi về này những lối này năm xưa.
Chung quanh *lặng* ngắt như tờ, [7]
Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai?
Láng giềng có kẻ sang chơi,
Lân la sẽ hỏi một hai sự tình.

---

1. *Phù tang: (phù:* giúp) giúp việc tang ma, chịu tang; cũng như *hộ tang.*

2. *Vườn Thúy:* vườn có hiên Lãm Thúy. Khi Kim Trọng từ Liêu Dương trở về đã vội sang ngay vườn Thúy để tìm lại Thúy Kiều.

3. *Song trăng quạnh quẽ:* đây không phải là tả cái song cửa về ban đêm có ánh trăng chiếu vào mà chỉ có ý nói đến cái song cửa xưa kia đẹp đẽ có ánh trăng chiếu vào nay trở nên quạnh quẽ.

Chữ *trăng* cũng chỉ được dùng cho đẹp lời để đối với chữ *mưa* ở dưới.

4. *Vách mưa rã rời:* bức vách bị mưa gió lâu ngày đã bị hư lở, rã rời cả.

5. *Hoa đào năm ngoái:* câu này lấy ý ở bài thơ *Đề đô thành nam trang.* Thôi Hộ (đời Đường) nhân tiết thanh minh đi chơi về phía Nam đô thành, thấy một nhà có đầy hoa đào ngoài vườn. Thôi Hộ đang lúc khát, tới gõ cửa xin nước uống. Một người con gái đẹp ra mở cửa rồi đem nước cho uống. Năm sau, cũng vào tiết Thanh minh, Thôi Hộ lại tới tìm thì chỉ thấy cửa đóng kín nên mới đề bài thơ. *"Khứ niên kim nhật thử môn trung, nhân diện đào hoa tương ánh hồng. Nhân diện bất tri hà xứ khứ, đào hoa y cựu tiếu đông phong"* = Năm xưa trong cửa hôm nào, hoa đào cùng với má đào khoe tươi. Năm nay vắng hẳn bóng người, hoa đào năm ngoái còn cười gió Đông. Nguyễn Du đã mượn ý hai câu cuối của bài thơ này để nói đến việc Kim Trọng trở lại tìm Thúy Kiều mà không gặp.

6. *Én liệng rường không:* én bay liệng ở quanh ngôi nhà bỏ không. Thơ Tiết Sanh: *"Không lương lạc yến nê"* = rường nhà bỏ không chim én làm tổ rơi đất xuống.

7. *Như tờ:* chữ 祠 đọc là *từ* có nghĩa là ngôi đền. *Lặng như tờ:* ý nói vắng tanh như ở ngôi đền không có ai. Cũng có người hiểu *tờ* là tờ giấy (thứ giấy bán ngày xưa) vì hai tờ giấy va chạm vào nhau vẫn êm, không gây tiếng động gì.

http://tieulun.hopto.org

Hỏi ông, ông mắc tụng đình, [1]
Hỏi nàng, nàng đã bán mình *chuộc* cha.
Hỏi nhà, nhà đã dời xa,
Hỏi chàng Vương *với* cùng là Thúy Vân.
Đều *là* sa sút khó khăn,
May thuê, viết mướn kiếm ăn lần hồi. [2]
Điều đâu sét đánh lưng trời,
Thoắt nghe chàng thoắt rụng rời xiết bao!
Vội han [3] di trú [4] nơi *nao*,
Đánh đường [5], *chàng* mới tìm vào tận nơi.
Nhà tranh vách đất tả tơi,
Lau treo rèm *nát* [6], trúc *cài* phên thưa. [7]
Một sân đất cỏ *dầm* mưa,
Càng ngảo ngán nỗi, càng ngơ ngẩn dường!
Đánh liều lên tiếng ngoài tường,
Chàng Vương nghe thấy vội vàng chạy ra.
Dắt tay vội rước vào nhà,
Mái sau viên ngoại ông bà ra ngay.
Khóc than kể hết niềm tây:
"Chàng ôi, biết nỗi nước này cho chưa?
Kiều nhi phận mỏng như tờ, [8]
Một lời đã lỗi tóc tơ [9] với chàng!
Gặp cơn gia biến [10] lạ dường, [11]
Bán mình nó phải tìm đường cứu cha.
Dùng dằng khi bước chân ra,
Cực trăm nghìn nỗi, dặn ba bốn lần.
Trót lời nặng với lang quân, [12]

---

1. *Tụng đình:* sân xử kiện, đây nói vụ kiện cáo do thằng bán tơ gây ra.
2. *Lần hồi:* nấn ná cho qua thời, cho qua ngày tháng.
3. *Han:* hỏi han, thăm hỏi tin tức.
4. *Di trú:* dời chỗ ở đi nơi khác.
5. *Đánh đường:* ý nói ra đi tìm đường không còn ngại ngần gì nữa để tới nhà viên ngoại.
6. *Lau treo rèm nát:* treo một cái rèm lau nát.
7. *Trúc cài phên thưa:* cài cái phên thưa đan bằng tre.
8. *Như tờ:* như tờ giấy, ý nói rất mỏng.
9. *Tóc tơ:* kết tóc xe tơ, duyên vợ chồng.
10. *Gia biến:* biến cố rủi ro xảy đến cho gia đình.
11. *Lạ dường:* lạ quá chừng.
12. *Lang quân:* chàng, đây dùng có ý tôn xưng.

http://tieulun.hopto.org

Mượn con em nó Thúy Vân thay lời.
Gọi là trả chút nghĩa người,
Sầu này dằng dặc muôn đời chưa quên!
Kiếp này duyên đã phụ duyên!
Dạ đài [1] còn biết sẽ đền lai sinh. [2]
Mấy lời ký chú [3] đinh ninh, [4]
Ghi lòng để *dạ* cất mình ra đi.
Phận sao bạc *mấy* Kiều nhi,
Chàng Kim về đó, con thì đi đâu?"
Ông bà càng nói, càng đau,
Chàng càng nghe nói, càng rầu như dưa.
Vật mình vẫy gió [5] tuôn mưa,
Dầm dề giọt ngọc, thẫn thờ hồn mai!
Đau đòi đoạn, ngất đòi thôi,
Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê.
Thấy chàng đau nỗi biệt ly,
Nhận ngừng [6], ông mới vỗ về giải khuyên:
"Bây giờ ván đã đóng thuyền, [7]
Đã đành phận bạc khôn đền tình chung. [8]
Quá thương chút nghĩa đèo bòng,

---

1. *Dạ đài:* tức âm phủ.
2. *Lai sinh:* kiếp sau.

Đoạn này *nguyên truyện* viết: *"Kiều xuất thời, chúc thác tương muội thị đại thường minh ước vị kim sinh bất đắc dữ nhĩ hài liên lý nguyện đáo lai sinh tục thử minh..."* = Nàng Kiều lúc bước đi dặn dò xin đem em nó thay lời thề thốt và nguyện kiếp này đã chẳng được cùng chàng kết tóc xin để kiếp sau lại nối lời thề.

3. *Ký chú:* ghi để dặn lại.

4. *Đinh ninh:* đây có nghĩa là chắc chắn, trước sau vẫn thế, không thay đổi. Ca dao: *Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn, những lời hò hẹn vẫn còn đinh ninh.* Cả hai câu 2789-2790 ý nói nàng Kiều dặn cha mẹ phải ghi lòng để dạ làm đúng như lời ký chú trước khi ra đi.

5. *Vẫy gió:* vùng tay vật chân làm như vẫy gió.

6. *Nhận ngừng:* nén lòng cầm nước mắt lại.

7. *Ván đã đóng thuyền:* ý nói tấm ván đã đem đóng thuyền rồi, thời không còn đem làm gì được nữa cũng như Thúy Kiều đã bán mình rồi, đã đi lấy người khác rồi thì cũng không thể kết duyên với chàng Kim được nữa.

8. *Tình chung:* tình chung đúc lại mà thương yêu riêng một người, đây chỉ tình Kim Trọng.

Đoạn này *nguyên truyện* viết: *Kim Trọng nghe nói khóc đến nỗi đổ máu tươi, chết ngất đi một lúc, tỉnh rồi lại khóc. Viên ngoại trước cũng khóc dữ lắm, sau thấy chàng Kim thương tiếc Thúy Kiều như thế, mới gạt nước mắt khuyên rằng: gỗ đã đóng thuyền, khóc cũng vô ích, chỉ thêm hại cho sức khỏe mà thôi.*

http://tieulun.hopto.org

Nghìn vàng thân ấy [1] *dễ* hòng bỏ sao?"
Dỗ dành khuyên giải trăm chiều,
Lửa phiền càng dập, càng khêu mối phiền!
Thề xưa giở đến kim hoàn,
Của xưa lại giở đến đàn với hương.
Sinh càng trông thấy càng thương.
Gan càng tức tối, ruột càng xót xa.
Rằng: "Tôi trót *quá* chân ra.
Để cho đến nỗi trôi hoa giạt bèo. [2]
Cùng nhau thề thốt đã nhiều,
Những điều vàng đá [3] phải điều nói không!
Chưa chăn gối cũng vợ chồng,
Lòng nào mà nỡ dứt lòng cho đang?
Bao nhiêu của, mấy ngày đàng.
Còn tôi, tôi một gặp nàng mới thôi".
Nỗi thương nói chẳng hết lời,
Tạ từ [4], sinh mới sụt sùi trở ra.
Vội về sửa chốn vườn hoa,
Rước mời viên ngoại ông bà cùng sang.
Thần hôn chăm chút lễ thường,
Dưỡng thân thay tấm lòng nàng ngày xưa.
Đinh ninh [5] mài *lệ* chép thư, [6]
Cắt người tìm tõi, đưa tờ nhắn nhe.
Biết bao công mượn *của* thuê,
Lâm Thanh [7] mấy độ đi về dặm khơi!
Người một nơi, hỏi một nơi,

---

1. *Thân ấy:* thân của Kim Trọng. Viên ngoại thấy Kim Trọng khóc quá mới khuyên rằng: không lẽ cái thân quý báu như nghìn vàng mà lại chẳng coi trọng sao?

2. *Trôi hoa giạt bèo:* ý nói Thúy Kiều phải lưu lạc như hoa trôi bèo giạt ở nơi quê người.

3. *Vàng đá:* chỉ những lời thề thốt vững chắc, bền như đá.

4. *Tạ từ:* lời chào lúc ra về, khi chia tay.

5. *Đinh ninh:* tin chắc, một lòng lo việc tìm kiếm Thúy Kiều.

6. *Chép thư:* viết thư, cho người nhà cầm thư đi các nơi hỏi thăm tin tức của Thúy Kiều.

7. *Lâm Thanh:* Kim Trọng cho người cầm thư về Lâm Thanh hỏi thăm tin tức của Thúy Kiều vì khi Mã Giám sinh đến Bắc Kinh mua Thúy Kiều có khai quê ở huyện Lâm Thanh.

Theo *nguyên truyện: "Người lính trạm đem thư tới Lâm Thanh thăm dò tin tức. Tháng sau người ấy trở về cho biết chẳng có một ai tên gọi là Mã Giám sinh hết thảy. Nghe tin thất vọng, chàng Kim luống những khóc hoài".*

http://tieulun.hopto.org

Mênh mông nào biết bể trời nơi nao?
Sinh càng thảm thiết khát khao, [1]
Như nung gan sắt, như bào lòng son.
Ruột tằm ngày một héo *don*, [2]
Tuyết sương [3] ngày một hao mòn mình ve. [4]
Thẫn thờ lúc tỉnh lúc mê,
Máu theo nước mắt [5], hồn lìa chiêm bao! [6]
Xuân huyên [7] lo sợ xiết bao,
Quá ra khi đến thế nào mà hay!
Vội vàng sắm *sửa* chọn ngày,
Duyên Vân sớm đã xe dây cho chàng.
Người yểu điệu, *kẻ* văn chương,
Trai tài gái sắc, xuân đương *vừa* thì.
Tuy rằng vui chữ vu qui [8],
Vui này đã *cất* sầu kia được nào!

---

1. *Khát khao:* mong muốn được gặp lại Thúy Kiều.

2. *Héo don:* héo quắt lại.

3. *Tuyết sương:* về mùa đông giá lạnh tuyết sương làm khô héo cây cối, ám chỉ những nỗi vất vả ở đời.

4. *Mình ve:* mình gầy như con ve nhẹ bỗng, ý nói Kim Trọng nhớ nàng Kiều mà thân thể hao mòn hẳn đi.

5. *Máu theo nước mắt:* khóc đến nỗi nước mắt có lẫn cả máu. Tích xưa, Biện Hòa người nước Sở ngồi khóc ở ngoài nội, khi hết nước mắt thì máu chảy nối theo.

6. *Hồn lìa chiêm bao:* lúc chiêm bao cứ mơ màng như hồn lìa khỏi xác để tìm gặp người yêu.

Sách *Quốc sắc thiên hương*, thơ nàng Du Nương gửi chàng Cô Sinh có câu: *"Hảo cú mỗi tòng sầu lý đắc, ly hồn đa tự mộng trung tiêu"* = câu hay nảy lúc tiêu tao, hồn lìa thường tự chiêm bao mơ màng.

7. *Xuân huyên*: cha mẹ. Xem *chú thích* câu 759. Ở đây chỉ thấy nói đến cha mẹ của Thúy Kiều mà không hề nói đến cha mẹ của Kim Trọng. E có sự sơ xuất chăng? Chẳng lẽ Kim Trọng dám vượt quyền của cha mẹ mình để giải quyết vấn đề hôn nhân của mình trong khi có tang chú.

Nguyên truyện cũng viết: *"Thân phụ thấy chàng đau thương quá độ, sợ thành bệnh bèn chọn ngày sắm lễ nạp thái để cưới Thúy Vân cho chàng"*.

Chữ *"phụ"* đây có phải là *thân phụ* của Kim Trọng không? Hoặc chữ *"phụ"* ấy được dùng để chỉ Vương ông? Nguyễn Du thì dùng chữ *Xuân huyên* là chỉ cả cha mẹ nhưng nếu là cha mẹ của Kim Trọng thì sự xuất hiện ở đây không hợp lý.

8. *Vu qui:* chỉ con gái về nhà chồng. Ở đây nói chuyện Kim Trọng mà viết: *"Tuy rằng vui chữ vu qui, vui này đã cất sầu kia được nào?"* thì lại không ổn.

http://tieulun.hopto.org

Khi ăn ở, lúc ra vào,
Càng *âu* [1] duyên mới, càng dào [2] tình xưa.
Nỗi nàng *nhớ* đến bao giờ,
Tuôn châu đòi trận, vò tơ trăm vòng.
Có khi vắng vẻ thư phòng,
Đốt lò hương, giở phím đồng [3] ngày xưa.
Bẻ bai, [4] rủ rỉ tiếng tơ,
Trầm bay nhạt khói, gió đưa lay rèm. [5]
Dường như bên chái [6] bên thềm,
Tiếng *kiều* [7] đồng vọng, bóng xiêm mơ màng.
Bởi lòng tạc đá ghi vàng,
Tưởng nàng nên lại thấy nàng về đây. [8]
Những là phiền muộn đêm ngày,
Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần?
Chế khoa [9] gặp hội tràng văn,
Vương, Kim cùng chiếm bảng xuân [10] một ngày.

---

1. *Âu:* âu yếm, yêu thương. Chữ này bản BK-TTK in lần thứ nhất chép là "*âu*", đến lần in thứ ba đã sửa lại là "*sâu*". Có sự in sai chăng?

2. *Dào:* dạt dào.

3. *Phím đồng:* phím đàn (vì cây đàn làm bằng gỗ cây ngô đồng nên mới gọi như vậy).

4. *Bẻ bai:* réo rắt (*Việt Nam tự điển* – KTTĐ).

5. *Trầm bay... lay rèm:* bình đốt trầm để bên cửa sổ khói tỏa lên, có gió thổi qua bức rèm làm cho nhạt đi.

6. *Chái:* 厦 gian phụ cất nối (dựa) theo nhà chính. Nhà ba gian hai chái.

7. *Tiếng kiều:* tiếng người con gái. Bản KOM và bản QVĐ đều viết 嬌 (*kiều* = người con gái). Các bản Nôm khác như Phúc Văn đường, Quảng Thịnh đường đều khắc chữ 嬌.

Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu chú: "*...phần nhiều bản Nôm để là* Kiều, *là tên của Thúy Kiều*"...Chú như vậy thì sai. Bản BK-TTK đã viết hoa chữ *Kiều* thì không đúng.

8. *Bởi lòng... về đây:* hai câu 2855-2856 này, câu trên là thuộc về bài thơ lưu biệt của Kiều, câu dưới là thuộc về Kim Trọng. Đoạn này tả Kim Trọng cùng Thúy Vân ngâm một khúc thơ lưu biệt của Thúy Kiều, gảy một khúc đàn của Thúy Kiều và đốt ít hương trầm. Ngâm thơ, gảy đàn xong, đến khi khói trầm bốc lên thì nghe như có "*tiếng kiều đồng vọng, bóng xiêm mơ màng*".

9. *Chế khoa:* khoa ứng chế, khoa thi đặc biệt nhiều khi do vua ra đề và chấm quyển. Về sau thi Hương và thi Hội cũng gọi là *chế khoa.*

10. *Bảng xuân:* chỉ bảng yết tên những người đậu thi Hội, thi Đình vì thi Hội thường mở vào mùa xuân.

Chiếm bảng xuân: thi đậu Đại khoa, tức Tiến sĩ.

http://tieulun.hopto.org

Cửa trời [1] rộng mở đường mây, [2]
Hoa chào ngõ hạnh [3], hương bay dặm phần. [4]
Chàng Vương nhớ đến xa gần,
Sang nhà Chung lão tạ ơn chu tuyền. [5].
Tình xưa ân trả nghĩa đền,
Gia thân [6] *lại* mới kết duyên Châu Trần. [7]
Kim từ nhẹ bước thanh vân. [8]
Nỗi nàng càng nghĩ xa gần càng thương.
Ấy ai [9] *hẹn* ngọc thề vàng,
Bây giờ kim mã ngọc đường [10] *với* ai? [11]
Ngọn bèo chân sóng lạc loài,
Nghĩ mình vinh hiển thương người lưu ly.
Vâng ra ngoại nhậm [12] Lâm Truy,
Quan sơn [13] nghìn dặm thê nhi [14] một đoàn.
Cầm đường [15] ngày tháng thanh nhàn,
Sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn [16] tiêu dao.
Phòng xuân trướng rủ hoa đào,
Nàng Vân nằm bỗng chiêm bao thấy nàng.
Tỉnh ra mới *rỉ* cùng chàng,

---

1. *Cửa trời:* chỉ cửa nhà vua.
2. *Đường mây:* đường công danh nhẹ nhàng.
3. *Ngõ hạnh:* tức ngõ Hạnh viên là nơi các Tiến sĩ (đời Đường) vào xem hoa và dự yến.
4. *Dặm phần:* chỉ quê hương. Xem *chú thích* câu 2335. *Cả câu* ý nói thi đậu được vào dự yến xem hoa ở vườn thượng uyển và được vinh quy về làng vé vang danh tiếng.
5. *Chu tuyền:* trọn vẹn đầy đủ.
6. *Gia thân:* tăng thêm tình thân mật.
7. *Châu Trần:* duyên vợ chồng. Xem *chú thích* câu 1458.
8. *Thanh vân*: mây xanh, nói người thi đậu. Thơ Nguyễn Công Trứ có câu: "*Đường mây rộng thênh thênh cử bộ, nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo*".
9. *Ấy ai:* chữ *ai* đây là chỉ nàng Kiều.
10. *Kim mã ngọc đường:* chỉ cảnh làm quan sang (*kim mã:* xem *chú thích* câu 410; *ngọc đường:* dinh thự của quan hàn lâm).
11. *Với ai:* chữ *ai* đây chỉ người nào.
12. *Ngoại nhậm:* những vị quan chức không tòng sự trong triều đình mà bổ đi các tỉnh, huyện gọi ngoại nhậm.
13. *Quan sơn:* cửa ải và núi non, chỉ sự xa cách.
14. *Thê nhi:* vợ con.
15. *Cầm đường:* Tử Tiện ở thời Xuân Thu làm quan huyện ở nước Lỗ, chỉ gảy đàn chơi mà việc quan vẫn chạy. Sau người ta gọi dinh quan huyện là *cầm đường*.
16. *Tiếng hạc tiếng đàn:* đời Tống, Triệu Biện đi làm quan chỉ đem theo một con hạc và một cây đàn nhưng chính sự giản dị được dân tôn kính.

http://tieulun.hopto.org

Nghe lời chàng cũng hai đường tin nghi.
Nọ Lâm Thanh với Lâm Truy,
Khác nhau một chữ, hoặc khi có lầm.
Trong cơ thanh khí tương tầm, [1]
Ở đây hoặc có giai âm [2] chăng là?
Thăng đường [3] chàng mới hỏi tra,
Họ Đô có kẻ lại già thưa lên:
"Sự này đã ngoại mười niên,
Tôi đà biết mặt biết tên rành rành.
Tú bà cùng Mã Giám sinh,
Đi mua người ở Bắc Kinh đưa về.
Thúy Kiều *tài sắc* ai bì,
Có nghề đàn lại đủ nghề văn thơ.
Kiên trinh [4] chẳng phải gan vừa,
Liều mình thế ấy [5], phải lừa thế kia. [6]
Phong trần chịu đã ê chề,
Tơ duyên sau lại *xe* về Thúc lang.
Phải tay vợ cả phũ phàng,
Bắt về Vô Tích toan đường bẻ hoa. [7]
Bực mình nàng phải trốn ra, [8]
Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia. [9]
Thoắt buôn về, thoắt bán đi,
Mây trôi bèo nổi thiếu gì là nơi!

---

1. *Thanh khí tương tầm:* thanh khí tìm nhau. Xem *chú thích* câu 193 và 1287.
2. *Giai âm:* tin tốt lành, tin may mắn.
3. *Thăng đường:* ra chỗ làm việc ở công đường.

Nguyên truyện viết: "*sáng sau, lúc thăng đường, Kim Trọng bèn gọi hai ban lệ dịch ra hỏi... Bọn nha dịch thấy quan hỏi, đều đứng ngẩn người. Duy có một tên bạo dạn thưa rằng:* "Đó là câu chuyện cách những 13 năm về trước, vậy chúng tôi là kẻ hậu sinh thì biết sao được. Ví bằng lão gia muốn hỏi công việc xưa ấy, trừ phi là hỏi ông Đô Lại Đắc thì mới biết được rõ ràng..." *Kim Trọng thấy bọn nha dịch nói thế, bèn sai đi gọi Lại Đắc...*"

Đô Lại Đắc đã kể cuộc đời Thúy Kiều từ lúc bị mua về Bắc Kinh cho đến khi lấy Từ Hải.

4. *Kiên trinh:* bền gan giữ lòng trinh chính.
5. *Thế ấy:* tức là họ Đô kể lại vụ Kiều tự tử ở nhà Tú bà.
6. *Thế kia:* tức là họ Đô kể lại việc Kiều bị mắc vào kế hiểm độc của Tú bà - Sở Khanh.
7. *Bẻ hoa:* ý nói Hoạn Thư cũng định hãm hại Thúy Kiều.
8. *Trốn ra:* tức trốn khỏi Quan Âm các của nhà Hoạn Thư.
9. *Bạc kia:* tức Bạc Hạnh, người đã mua Thúy Kiều về rồi lại bán đi cho Bạc bà.

http://tieulun.hopto.org

Bỗng đâu lại gặp một người,
Hơn *đời* trí dũng, nghiêng trời uy linh.
Trong tay *mười* vạn tinh binh, [1]
Kéo về đóng chật một thành Lâm Truy.
Tóc tơ các tích mọi *khi,*
Oán thì trả oán [2], ân thì trả ân.
Đã nên có nghĩa có nhân,
Trước sau trọn vẹn, xa gần ngợi khen.
Chưa tường được họ được tên,
Sự này, hỏi Thúc sinh [3] viên mới tường".
Nghe lời Đô nói rõ ràng,
Tức thì viết thiếp [4] mời chàng Thúc sinh.
Nỗi nàng hỏi hết phân minh,
Chồng con đâu tá, tính danh là gì?
Thúc rằng: "Gặp lúc loạn ly, [5]
Trong quân tôi hỏi thiếu gì tóc tơ. [6]
Đại vương tên Hải, họ Từ,
Đánh quen trăm trận [7], sức dư muôn người.
Gặp nàng *khi ở Châu Thai,*
Lạ gì quốc sắc thiên tài [8] phải duyên.
Vẫy vùng trong bấy nhiêu niên,

---

1. *Tinh binh:* quân lính tinh nhuệ.
2. *Oán thì trả oán:* theo *nguyên truyện* thì Thúy Kiều đã ra lệnh xé xác tên Mã Giám sinh, lột da Sở Khanh, đốt mụ Tú bà như ngọn đình liệu, đánh Hoạn Thư một trăm roi, chém đầu lũ Ưng, Khuyển, băm xác Bạc Hạnh, Bạc bà.

Nguyễn Du đã để cho Thúy Kiều rộng lượng mà tha cho Hoạn Thư không đánh roi nào.

3. *Hỏi Thúc sinh: nguyên truyện* đã không để cho ông già họ Đô kể tiếp mà lại chuyển qua Thúc sinh. Thúc sinh đã kể rõ cuộc đời của Thúy Kiều khi lấy Từ Hải cho đến lúc Hồ Tôn Hiến dụ hàng, còn hiện tình ra sao thì không được rõ.

4. *Thiếp*: tờ danh thiếp.

5. *Loạn ly*: giặc giã rối loạn gây cảnh ly tán.

6. *Tóc tơ:* ý nói từng sự việc nhỏ nhặt.

7. *Đánh quen trăm trận:* tức đánh thắng cả trăm trận.

8. *Quốc sắc thiên tài:* đây Thúc sinh cũng phải công nhận là Từ Hải và Thúy Kiều rất xứng nhau.

http://tieulun.hopto.org

Làm nên động địa kinh thiên [1] đùng đùng.
Đại *quân đồn* đóng cõi Đông,
Về sau chẳng biết vân mồng [2] làm sao".
Nghe tường ngành ngọn tiêu hao, [3]
Lòng riêng chàng luống lao đao thẫn thờ.
Xót thay chiếc lá [4] bơ vơ,
Kiếp *trần biết* giũ bao giờ cho xong?
Hoa *trôi* nước chảy xuôi dòng,
Xót thân chìm nổi, đau lòng hợp tan.
Lời xưa đã lỗi muôn vàn,
Mảnh *hương* [5] còn đó, phím đàn còn đây.
Đàn cầm khéo ngẩn ngơ dây,
Lửa hương biết có kiếp này nữa thôi?
Bình bồng [6] còn *chút* xa xôi,
Đỉnh chung [7] sao nỡ ăn ngồi cho an!
Rắp mong treo ấn từ quan, [8]
Mấy sông cũng lội mấy ngàn cũng *pha*.
Dấn mình trong áng can qua, [9]
Vào sinh ra tử họa là thấy nhau.
Nghĩ điều trời thẳm vực sâu,
Bóng chim tăm cá biết đâu mà nhìn.
Những là nấn ná đợi tin,
Nắng mưa *biết đã* mấy phen đổi dời!
Năm mây [10] bỗng thấy chiếu trời, [11]

---

1. *Động địa kinh thiên:* cũng như nói *long trời lở đất,* chỉ hành động phi thường.

2. *Vân mồng:* tin tức, tăm hơi.

3. *Tiêu hao:* tin tức (*tiêu:* tiêu tức; *tiêu* là diệt đi, *tức* là tăng lên, thời vận tuần hoàn, lên lên xuống xuống gọi là *tiêu tức* cũng có nghĩa là tin tức, *hao:* tin tức).

4. *Chiếc lá:* ngụ ý bị chia lìa, lá rụng lìa cành.

5. *Mảnh hương:* theo *nguyên truyện* thì: *Kim Trọng cùng Thúy Vân ngâm một khúc thơ lưu biệt của Thúy Kiều, gảy một khúc đàn Hồ cầm của Thúy Kiều và đốt một ít hương thừa của Thúy Kiều.* Vậy *mảnh hương* là đúng.

6. *Bình bồng:* cánh bèo và cỏ bồng, trôi lênh đênh trên mặt nước, dùng để ví với người lưu lạc.

7. *Đỉnh chung:* cái vạc, cái chuông, dùng để nói sự hưởng dụng của nhà phú quý.

8. *Treo ấn từ quan:* không muốn làm quan nữa thời treo ấn để đó trả lại nhà vua mà về ở ẩn.

9. *Can qua:* giáo mác, cũng như nói *binh đao.*

10. *Năm mây:* tức mây năm sắc.

11. *Chiếu trời:* tức chiếu của nhà vua (có vẽ mây năm sắc).

http://tieulun.hopto.org

Khâm ban [1] sắc chỉ [2] *đến* nơi rành rành
Kim thì cải nhậm [3] Nam Bình,
Chàng Vương cũng cải nhậm thành *Châu Dương*. [4]
Sắm xanh xe ngựa vội vàng,
Hai nhà cũng thuận một đường phó quan. [5]
Xảy nghe thế giặc đã tan,
Sóng êm Phúc Kiến, *lửa* tàn Chiết Giang. [6]
Được tin Kim mới rủ Vương.
Tiện đường cùng lại tìm nàng sau xưa.
Hàng Châu [7] đến đó bấy giờ,
Thật tin hỏi được [8] tóc tơ rành rành.
Rằng: "Ngày hôm nọ giao binh, [9]
Thất cơ [10] Từ đã thu linh [11] trận tiền.
Nàng Kiều công cả chẳng đền,
Lệnh quan lại bắt ép duyên thổ tù.
Nàng đà gieo ngọc trầm châu, [12]
Sông Tiền Đường đó, ấy mồ hồng nhan.
Thương ôi! Không hợp mà tan,
Một nhà vinh hiển riêng oan một nàng.
Chiêu hồn [13] *thiết vị* lễ thường,

---

1. *Khâm ban:* (*khâm:* kính) vua ban cho.

2. *Sắc chỉ:* lời vua truyền ở trong tấm sắc.

3. *Cải nhậm*: đổi đi làm quan ở nơi khác. Kim Trọng làm huyện lệnh ở Lâm Truy nay được đổi đi làm huyện lệnh ở Nam Bình thì dùng chữ *cải nhậm* là đúng nhưng với Vương Quan mới đi làm quan lần đầu mà dùng chữ *cải nhậm* thì sai.

4. *Châu Dương*: theo nguyên truyện thì là Dương Châu.

5. *Phó quan:* (*phó*: đi tới chỗ đã định trước) đi tới chỗ được bổ nhiệm làm quan.
Nguyên truyện: Qua ba năm, Kim Trọng đổi sang huyện Nam Bình thuộc tỉnh Phúc Kiến làm chức huyện lệnh. Vương Quan cũng trúng Giáp bảng (Tiến sĩ) được bổ chức lệnh Tứ phủ ở Dương Châu.

6. *Phúc Kiến, Chiết Giang*: hai tỉnh ở phía Nam Trung Quốc, nơi Từ Hải đã chiếm giữ được.

7. *Hàng Châu*: tên phủ, nay là thủ phủ tỉnh Chiết Giang.

8. *Hàng Châu... Thật tin hỏi được*: từ câu 2959 đến câu 2964 là lời một người ở Hàng Châu kể lại việc Từ Hải chết và việc Thúy Kiều bị ép duyên với một viên thổ tù nên đã trầm mình ở sông Tiền Đường.

9. *Giao binh*: giao chiến giữa quân sĩ hai bên.

10. *Thất cơ*: lầm lỡ cơ mưu, thua mưu kẻ địch.

11. *Thu linh*: thu linh hồn, như nói khí thiêng về thần tức là chết.

12. *Gieo ngọc trầm châu*: gieo mình xuống sông tự tử.

13. *Chiêu hồn*: gọi hồn, làm lễ gọi hồn Thúy Kiều về.

http://tieulun.hopto.org

Giải oan [1] lập một đàn tràng bên sông.
Ngọn triều non bạc [2] trùng trùng,
Vời trông còn tưởng cánh hồng [3] lúc gieo.
Tình thâm *bể* thảm *lạ* điều,
Nào hồn tinh vệ [4] biết theo chốn nào?
Cơ duyên đâu bỗng lạ *sao*,
Giác Duyên đâu bỗng tìm vào *đến* nơi.
Trông lên linh vị [5] chữ bài, [6]
Thất kinh [7] *mới* hỏi: "Những người đâu ta?
Với nàng thân thích gần xa,
Người còn sao bỗng làm ma khóc người?"
Nghe tin ngơ ngác rụng rời,
Xúm quanh kể *họ*, *rộn* lời hỏi tra:
"Này chồng, này mẹ, này cha,
Này là em ruột, này là em dâu.
Thật tin [8] nghe đã bấy lâu,
Pháp sư [9] dạy thế, sự đâu lạ dường!"
Sư rằng: "Nhân quả [10] với nàng,
Lâm Truy buổi trước, Tiền Đường buổi sau.
Khi nàng gieo ngọc trầm châu, [11]
Đón *nhau*, tôi đã gặp nhau rước về.

---

1. *Giải oan*: làm lễ cầu Phật để cởi bỏ nỗi oan cho Thúy Kiều.
2. *Ngọn triều non bạc*: ngọn sóng tung lên cao như ngọn núi trắng xóa.
3. *Cánh hồng*: chỉ hình ảnh Thúy Kiều lúc gieo mình xuống sông như cánh chim hồng.
4. *Hồn tinh vệ*: hồn oan của Thúy Kiều. *(Tinh vệ* là một giống chim nhỏ ở bãi biển. Chuyện xưa kể rằng con gái vua Viêm Đế chết đuối hóa làm chim tinh vệ, ngày ngày ngậm đá ở núi Tây Sơn về lấp biển Đông cho hả giận).
5. *Linh vị*: bài vị thờ linh hồn người chết (làm bằng gỗ hay dùng mảnh giấy dán vào cái thẻ, giữa có biên tên hèm, tên hiệu người chết để thờ.)
6. *Chữ bài*: chữ đề.
7. *Thất kinh*: giật mình sợ hãi.
8. *Thật tin*: tin đích xác hỏi được. Câu 2958: *Thật tin hỏi được tóc tơ rành rành.*
9. *Pháp sư*: nhà Phật gọi đạo là *pháp* cho nên tôn xưng các sư giảng đạo là *pháp sư.*
10. *Nhân quả*: tức quả kiếp nhân duyên nghĩa là kiếp trước làm điều thiện thì kiếp sau được thiện báo, kiếp trước làm điều ác thì kiếp sau bị ác báo. *Câu này và câu sau* ý nói: Giác Duyên với Thúy Kiều có nhân duyên kết quả với nhau, cho nên Giác Duyên trước đã gặp nàng ở huyện Lâm Truy, sau lại vớt nàng ở sông Tiền Đường.
11. *Gieo ngọc trầm châu*: ý nói gieo mình xuống sông.

http://tieulun.hopto.org

Cùng nhau nương cửa bồ đề, [1]
Thảo am [2] đó, cũng gần kề chẳng xa.
Phật tiền *ngày* bạc [3] lân la,
Đăm đăm nàng cũng nhớ nhà khôn khuây".
Nghe tin nở mặt nở mày,
Mừng nào lại quá mừng này nữa chăng?
Từ phen chiếc lá lìa rừng, [4]
Thăm tìm luống những liệu chừng nước *mây*. [5]
Rõ ràng hoa rụng hương bay, [6]
Kiếp sau họa thấy, kiếp này hẳn thôi.
Minh dương [7] đôi ngả chắc rồi.
Cõi trần mà lại thấy người Cửu Nguyên. [8]
Cùng nhau lạy tạ Giác-Duyên,
Bộ hành một lũ theo liền một khi.
Bẻ lau vạch cỏ tìm đi,
Tình thâm [9] luống hãy hồ nghi nửa phần.
Quanh co theo dải giang tân, [10]
Khỏi rừng lau đã tới sân Phật đường.
Giác Duyên lên tiếng gọi nàng,
Phòng trong vội dạo sen vàng [11] bước ra.
Nhìn xem đủ mặt một nhà,

---

1. *Cửa bồ đề*: cửa chùa. (*Bồ đề* do chữ Phạn *Bodhi* có nghĩa là tỏ biết lẽ chân chính, thông đạo lý, giác ngộ đạo lý, hiểu rõ hai cảnh của pháp: *lý* và *sự*. Người Trung Quốc dịch là *chính giác*. Bên Ấn Độ có cây *tất bạt la*, vì Phật tu đắc đạo ở dưới gốc cây ấy nên mới gọi là *cây bồ đề*).

2. *Thảo am*: chùa nhỏ lợp tranh.

3. *Ngày bạc*: dịch từ chữ *bạch nhật*. Thơ Lý Bạch có câu "*Bạch nhật hà đoản đoản, bách niên khổ dị mãn*" = ngày bạc sao lại ngắn, trăm năm khổ dễ qua. Sách *Gia Huấn* có câu: "*Bạch nhật mạc nhàn quá, thanh xuân bất tái lai*" = ngày bạc chớ lãng qua, tuổi xanh không trở lại. Chữ *ngày bạc* như vậy có nghĩa là ngày sống bình thản, ngày nào cũng như ngày nào.

4. *Chiếc lá lìa rừng*: ví với cảnh Thúy Kiều phải lìa nhà mà lưu lạc.

5. *Nước mây*: chân mây mặt nước, ý nói ở nơi xa xôi.

6. *Hoa rụng hương bay*: ý nói Thúy Kiều đã bị chết.

7. *Minh dương*: (*minh:* tối) cõi âm và cõi dương.

8. *Cửu Nguyên*: chỉ âm phủ, cũng như chữ *cửu tuyền*. Nguyên xưa là chỗ mộ địa của các quan khanh, đại phu nước Tấn chôn ở đất Cửu Nguyên nên đời sau mới dùng chữ ấy để gọi chỗ mộ địa.

9. *Tình thâm*: tình ruột thịt, tình sâu cha con, anh em.

10. *Giang tân*: (*tân*: bến) bến sông.

11. *Sen vàng*: gót chân của người con gái đẹp. Xem *chú thích* câu 190.

http://tieulun.hopto.org

Xuân già còn khỏe, huyên già còn tươi.
Hai em phương trưởng [1] hòa hai, [2]
Nọ chàng Kim đó, là người ngày xưa!
Tưởng bây giờ là bao giờ,
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao!
Giọt châu thánh thót quẹn bào, [3]
Mừng mừng *tủi tủi* xiết *bao* là tình.
Huyên [4] già dưới gối gieo mình,
Khóc than mình kể sự mình đầu đuôi:
"Từ con lưu lạc quê người,
Bèo trôi sóng vỗ [5], chốc mười lăm năm!
Tính rằng sông nước cát lầm, [6]
Kiếp này ai lại còn cầm [7] gặp đây!"
Ông bà trông mặt *cầm* tay,
Dung quang [8] chẳng khác chi ngày bước ra.
Bấy chầy dãi nguyệt dầu hoa, [9]
Mười phần xuân có gầy ba bốn phần.
Nỗi mừng *biết* lấy gì cân?
Lời tan hợp, chuyện xa gần thiếu đâu!
Hai em hỏi trước han sau,
Đứng trông, *chàng cũng* trở sầu làm tươi. [10]
Quây nhau lạy trước Phật đài,

---

1. *Phương trưởng*: khôn lớn.
2. *Hòa hai*: cả hai.
3. *Quẹn bào*: thấm ướt áo. Chữ 捲 có người đọc là *quyễn, quyến, quén.*
4. *Huyên*: mẹ. Xem chú thích câu 224.
5. *Bèo trôi sóng vỗ*: ý nói bị chìm đắm trôi nổi lênh đênh như bèo bị sóng vỗ.
6. *Sông nước cát lầm*: ý nói bị chìm đắm dưới sông nước và bị vùi lấp trong cát lầm, tức bị chết chìm.
7. *Còn cầm*: còn hòng, còn mong.
8. *Dung quang*: diện mạo con người, vẻ đẹp.
9. *Dãi nguyệt dầu hoa*: tức *dãi dầu nguyệt hoa,* ý nói bị đày đọa trong cảnh nguyệt hoa (*nguyệt hoa* chỉ sự tình ái giữa trai gái) khi bị ép phải vào thanh lâu.
10. *Chàng cũng trở sầu làm tươi*: *nguyên truyện*: "Vương Quan, Thúy Vân đô thượng tiền xả túc tróc tí khiếu hoán *thư thư.* Kim Trọng bất tiện thướng tiền, chỉ hỉ đắc mi hoan nhỡn tiếu" = *Vương Quan và Thúy Vân đều chạy tới nắm lấy tay Kiều và gọi: Chị! Chị! Chàng Kim không tiện tiến tới, chỉ đứng đấy mà vui vẻ nở mày tươi mắt.*

http://tieulun.hopto.org

Tái sinh [1] trần tạ [2] lòng người từ bi. [3]
Kiệu hoa giục *giã* tức thì,
Vương ông dạy rước cùng về một nơi.
Nàng rằng: "Chút phận hoa rơi,
Nửa đời nếm đủ mọi mùi đắng cay.
Tính rằng mặt *nước* chân mây,
Lòng nào còn tưởng có rày nữa không?
Được rày tái thế tương phùng, [4]
Khát khao đã thỏa tấm lòng lâu nay!
Đã đem mình bỏ am mây,
Tuổi này gửi với cỏ cây cũng vừa.
Mùi thiền đã bén muối dưa,
Màu thiền ăn mặc đã ưa nâu sồng.
Sự đời đã tắt lửa lòng,
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi!
Dở dang nào có hay gì,
Đã tu, tu trót qua thì thì thôi!
Trùng sinh [5] ân nặng bể trời,
Lòng nào nỡ dứt nghĩa người ra đi? [6]"
Ông rằng: "Bỉ thử nhất thì, [7]
Tu hành thì cũng phải khi tòng quyền. [8]

---

1. *Tái sinh*: làm cho sống lại.

2. *Trần tạ*: *(trần:* bày tỏ) tỏ lòng tạ ơn.

3. *Người từ bi*: *người* đây chỉ Giác Duyên. *Nguyên truyện: Viên ngoại nói: "Cứ như lời đó thì người là cha mẹ trùng sinh của con đấy". Nói đoạn, nghiêng mình sụp lễ Giác Duyên. Vương bà, Kim Trọng, Vương Quan và Thúy Vân đều lễ theo.*

4. *Tái thế tương phùng*: được sống lại và được gặp lại nhau.

5. *Trùng sinh*: ý nói lại đẻ ra mình lần thứ hai.

6. *Nghĩa người ra đi*: người đây chỉ Giác Duyên như chữ *người* trong câu: *Tái sinh trần tạ lòng* người *từ bi.*

7. *Bỉ thử nhất thì*: tức *bỉ nhất thì, thử nhất thì:* Mạnh Tử đáp Sùng Ngu: Tiền nhật dư thường ngôn, quân tử bất oán thiên bất vưu nhân nhi kim nhược hữu bất dự cái bỉ nhất thì thử nhất thì dã.

(Thầy Mạnh Tử đáp lời hỏi của Sung Ngu: Ngày trước ta thường nói người quân tử không oán trời, không trách người, mà nay ta lại có điều chẳng bằng lòng, vì tùy việc mỗi lúc một khác.)

Ở đây Vương ông muốn nói phải tùy hoàn cảnh mà xử sự không thể cứng nhắc được.

8. *Tòng quyền*: tức *ngộ biến tòng quyền*, người ta khi gặp cảnh biến thì phải theo đạo *quyền* nghĩa là phải xử sự cho thích hợp với hoàn cảnh lúc biến, không thể giữ đạo *kinh* là cách xử sự vào lúc bình thường.

http://tieulun.hopto.org

Phải điều cầu Phật cầu Tiên,
Tình kia, hiếu nọ ai đền cho đây?
Độ sinh [1] nhờ đức cao dày, [2]
Lập am rồi sẽ rước thầy ở chung.
Nghe lời, nàng *phải* chiều lòng,
Giã sư, giã cảnh đều cùng bước ra.
Một nhà về đến quan nha, [3]
Đoàn viên [4] vội mở tiệc hoa vui vầy.
Tàng tàng chén cúc [5] dở say,
Đứng lên Vân mới giải bày một hai. [6]
Rằng: "Trong tác hợp [7] cơ trời,
Hai bên gặp gỡ, một lời kết giao. [8]
Gặp cơn bình địa ba đào, [9]
Vậy đem duyên chị buộc vào cho em.
Cũng là phận cải duyên kim, [10]
Cũng là máu chảy ruột mềm chớ sao?
Những là rày ước mai sao,
Mười lăm năm ấy, biết bao nhiêu tình!
Bây giờ gương vỡ lại lành, [11]
Khuôn thiêng lừa *lọc* [12] đã *dành* có nơi.
Còn duyên may lại còn người,
Còn vừng trăng *bạc*, còn lời nguyền xưa.

---

1. *Độ sinh*: cứu sống lại.

2. *Đức cao dày*: chỉ ơn đức cao dày của trời đất và của đức Phật.

3. *Quan nha*: chỗ huyện sở, chỗ làm việc quan. Theo *nguyên truyện* thì gia đình Viên ngoại về nhà trọ mở tiệc đoàn viên rồi Kim Trọng cùng Vương ông, Vương bà, Thúy Kiều, Thúy Vân sang tỉnh Phúc Kiến để nhậm chức huyện lệnh Nam Bình. Riêng Vương Quan và vợ thì đi nhậm chức ở huyện Dương Châu.

4. *Đoàn viên*: (*đoàn*: tròn, *viên:* hình tròn) quây quần sum họp.

5. *Chén cúc*: chén rượu cúc.

6. *Một hai*: một đôi điều, một vài điều.

7. *Tác hợp*: *Kinh Thi* có câu *Thiên tác chi hợp* = trời tác thành cho đôi bên trai gái hợp nên vợ chồng.

8. *Kết giao*: giao ước kết hợp với nhau.

9. *Bình địa ba đào*: (*ba:* sóng, *đào:* sóng lớn) đất bằng nổi sóng, đây chỉ cảnh gia biến.

10. *Phận cải duyên kim*: duyên phận vợ chồng. Xem *chú thích* câu 769.

11. *Gương vỡ lại lành*: ý nói bị chia lìa rồi lại được đoàn tụ.

Tình sử: Từ Đức Ngôn lúc từ biệt công chúa Lạc Xương đã đập cái gương vỡ làm hai mảnh, mỗi người giữ lấy một mảnh; sau gặp nhau ghép hai mảnh gương lại và lại được đoàn tụ.

12. *Lừa lọc*: *lừa:* do chữ *lựa* chuyển thanh, lựa đi lọc lại, ý nói trời khéo khuôn xếp cho.

http://tieulun.hopto.org

Quả mai ba bảy [1] *đương* vừa,
Đào non [2] sớm liệu xe tơ *kịp* thì!"
Dứt lời, nàng vội gạt đi:
"Sự muôn năm [3] cũ, kể chi bây giờ?
Một lời tuy có ước xưa,
Xét mình dãi gió dầu mưa đã nhiều.
Nói càng hổ thẹn trăm chiều,
Thà cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi!" [4]
Chàng rằng: "Nói *cũng* lạ đời,
Dẫu lòng kia vậy, còn lời ấy [5] sao?
Một lời đã trót thâm giao, [6]
Dưới *dày* có đất, trên cao có trời!
Dẫu rằng vật đổi sao dời, [7]
Tử sinh *phải* giữ lấy lời tử sinh. [8]
Duyên kia có phụ chi *tình*,
Mà toan *sẻ* gánh chung tình [9] làm hai?"
Nàng rằng: "Gia thất duyên hài. [10]
Chút lòng ân ái, ai ai cũng lòng.
Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,
Hoa thơm phong nhị [11], trăng vòng tròn gương.
Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,
Đuốc hoa [12] chẳng thẹn với chàng mai xưa. [13]

---

1. *Quả mai ba bảy*: *Kinh Thi*, bài *Phiếu mai: Phiếu hữu mai, kỳ thực tam hề*...(Quả mai rụng, mười phần chỉ còn lại ba...) Bài thơ ý nói quả mai đã rụng còn bảy phần rồi còn ba phần nhưng vẫn còn là mùa mai, chưa hết xuân. Thúy Kiều cũng vậy, tuy đã quá tuổi đôi mươi nhưng vẫn còn đang vừa thì nên phải sớm nối lại mối duyên xưa.

2. *Đào non*: cô Kiều lúc này đã ngoài ba mươi tuổi rồi mà Nguyễn Du còn nói là *"đào non"* nên Tản Đà cho là *"thật buồn cười"*.

3. *Muôn năm*: ý nói việc đã cũ lắm rồi.

4. *Ngọn nước thủy triều chảy xuôi*: ý nói thà cho trôi qua luôn, đừng nhắc đến làm gì nữa.

5. *Lời ấy*: lời thề xưa giữa hai người.

6. *Thâm giao*: giao ước nặng tình với nhau.

7. *Vật đổi sao dời*: ý nói đã có nhiều thay đổi.

8. *Lời tử sinh*: lời thề sống chết với nhau.

9. *Chung tình*: (chung: *đúc kết lại)* mối tình đúc kết vào một người.

10. *Gia thất duyên hài*: đẹp duyên vợ chồng, cửa nhà vui vẻ thuận hòa.

11. *Phong nhị*: nói bông hoa còn giữ nguyên cái nhị chưa bị bướm ong hút mất.

12. *Đuốc hoa*: đèn thắp trong đêm hợp cẩn.

13. *Mai xưa*: buổi đầu tiên, tức đêm động phòng hoa chúc.

http://tieulun.hopto.org

Thiếp từ ngộ biến [1] đến giờ,
Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa.
Bấy chầy gió táp mưa sa,
Mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn.
Còn *chi* là cái hồng nhan,
Đã xong thân thế, còn toan nỗi nào?
Nghĩ mình, chẳng *hổ* mình sao?
Dám đem trần cấu [2] dự vào bố kinh! [3]
Đã hay chàng nặng vì tình,
Trông hoa đèn, chẳng *thẹn* mình lắm ru!
Từ rày khép cửa *phòng* thu, [4]
Chẳng tu thì cũng *như* tu mới là!
Chàng dù nghĩ đến *tình* xa,
Đem tình cầm sắt [5] đổi ra cầm cờ. [6]
Nói chi kết tóc xe tơ,
Đã buồn cả ruột, *mà* dơ cả đời".
Chàng rằng: "Khéo nói nên lời,
Mà trong lẽ phải có người có ta!
Xưa nay trong đạo đàn bà,
Chữ trinh kia cũng có ba bảy *đường*. [7]
Có khi biến, có khi thường,

---

1. *Ngộ biến*: gặp cảnh gia biến.

2. *Trần cấu*: bụi bẩn, ý nói đến tấm thân đã bị "*dãi nguyệt dầu hoa*" ở chỗ thanh lâu đâu còn trong sạch gì nữa.

3. *Bố kinh*: (*bố:* vải; *kinh:* gai) do chữ "*kinh thoa bố quần*" là cái thoa bằng cỏ gai, cái quần bằng vải thô, chỉ người vợ hiền vì xưa nàng Mạnh Quang (vợ của Lương Hồng) đời Hậu Hán chỉ dùng những đồ ấy.

Cả câu ý nói không dám đem tấm thân dơ bẩn mà làm vợ.

4. *Phòng thu*: phòng của người phụ nữ đã luống tuổi, trái với *phòng xuân* là phòng của người con gái:

5. *Cầm sắt*: đàn cầm và đàn sắt. *Kinh Thi* có câu: *Thê tử hảo hợp, như cổ cầm sắt* = vợ chồng hòa hợp như tiếng đàn cầm, đàn sắt gảy hòa với nhau.

6. *Cầm cờ:* cây đàn và cuộc cờ, chỉ tình bạn bè chỉ vui chơi với nhau bằng thú gảy đàn và đánh cờ.

Cả câu ý nói đem tình vợ chồng đổi ra tình bầu bạn.

7. *Dường:* do chữ *dạng* mà ra, có nghĩa là dáng vẻ, sắc thái.

Nguyên truyện: Phàm sự trinh tiết của con gái, có khi lấy sự không chịu thất thân làm trinh, cũng có khi lấy sự phải nhục thân làm trinh nghĩa là có lúc thường lúc biến vậy. Như sự nhục thân của hiền thê là gặp cảnh biến mà làm trọn điều hiếu đó. Tuy sa vào nơi bùn nhơ mà không nhiễm. Sự được gặp nhau ngày nay, có thể gọi là hoa tàn mà lại nở, trăng khuyết rồi lại tròn.

http://tieulun.hopto.org

Có quyền [1] nào phải một đường chấp kinh? [2]
Như nàng lấy hiếu làm trinh,
Bụi nào cho đục được mình ấy vay?
Trời còn để có hôm nay,
Tan sương *đầu* ngõ [3], *vén* mây giữa trời. [4]
Hoa tàn mà lại thêm tươi,
Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.
Có điều chi nữa mà ngờ,
Khách qua đường để *hững* hờ [5] chàng Tiêu! [6]
Nghe chàng nói đã hết điều,
Hai thân [7] thì cũng quyết theo một bài. [8]
Hết lời [9] khôn lẽ *chối* lời,
Cúi đầu, nàng những ngắn dài thở than.
Nhà vừa mở tiệc đoàn viên,
Hoa soi ngọn đuốc [10], hồng *chen* bức là. [11]

---

1. *Quyền*: thế biến, không thường.

2. *Chấp kinh*: giữ phép thường khi không gặp sự biến.

3. *Tan sương đầu ngõ*: sương đã tan ở đầu ngõ, ý nói quang cảnh lại tươi sáng ví với cuộc đời của Thúy Kiều đã hết những ngày khổ cực, u ám.

4. *Vén mây cuối trời*: ở cuối trời cũng không còn đám mây nào che phủ nữa, ý cũng như trên.

5. *Để hững hờ*: ý nói hững hờ, không thiết.

Nguyên truyện: Hiền thê còn nghi ngờ gì mà nỡ coi chàng Tiêu như khách qua đường ru?

6. *Chàng Tiêu*: tức là Tiêu lang. Theo *Toàn Đường thi thoại,* Thôi Giao đời Đường có một người tỳ thiếp bán vào dinh quan Liên Súy. Thôi Giao có đề thơ tặng nàng trong có câu: *"Hầu môn nhất nhập thâm như hải, tùng thử Tiêu lang thị lộ nhân"* = cửa hầu đã vào khỏi, chỉ thấy sâu như bể, từ đây chàng Tiêu thành ra người qua đường.

Quan Liên Súy thấy bài thơ đó cho người con hầu lại được về với Thôi Giao.

Chữ *Tiêu lang* sau được dùng để chỉ người tình lang.

7. *Hai thân*: chỉ ông bà Viên ngoại.

8. *Theo một bài*: theo một lối, một cách, cùng một đường lối.

9. *Hết lời*: tức là đã nói hết mọi lý lẽ.

10. *Hoa soi ngọn đuốc*: ngọn đuốc hoa soi sáng.

11. *Hồng chen bức là*: tấm thảm màu hồng được giải chen vào bên những tấm màn lụa.

Nguyên truyện thì là bày đèn hoa và trải bức len đỏ.

"Vương Viên ngoại... liền gọi người nhà bày đèn hoa và trải bức len đỏ bảo hai người cùng lễ nhau, lễ xong, cả nhà đưa hai người vào phòng cưới và đứng xem hai người uống cạn chén rượu hợp cẩn mới lui ra".

http://tieulun.hopto.org

Cùng nhau giao *bái* [1] một nhà,
Lễ đà đủ lễ, đôi đà *xứng* đôi.
Động phòng [2] dìu dặt chén mồi, [3]
Bâng khuâng duyên mới, ngậm ngùi tình xưa.
Những từ *sen ngó* đào tơ, [4]
Mười lăm năm mới bây giờ là đây!
Tình duyên ấy, hợp tan này,
Bi hoan mấy nỗi [5] đêm *chầy* trăng cao.
Canh khuya bức gấm rủ thao,
Dưới đèn tỏ *rạng* [6], má đào thêm xuân.
Tình nhân lại gặp tình nhân,
Hoa xưa *ong* cũ [7], *mấy* phân chung tình. [8]
Nàng rằng: "Phận thiếp đã đành,
Có làm chi nữa cái mình bỏ đi!
Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,
Chiều lòng gọi *có* xướng tùy [9] mảy may. [10]
Riêng lòng đã thẹn lắm thay,
Cũng đà mặt dạn mày dày [11] khó coi!
Những *như* âu yếm *vành* ngoài, [12]

---

1. *Giao bái*: vái lễ lẫn nhau.

2. *Động phòng*: buồng sâu kín như hang động, chỉ buồng của vợ chồng mới cưới, buồng cô dâu.

3. *Chén mồi*: chén làm bằng mai con đồi mồi.

4. *Sen ngó đào tơ*: ý nói từ khi Kim Trọng mới gặp Kiều, lúc ấy nàng còn trẻ măng như ngó sen mới mọc, như cành đào đang tơ.

5. *Bi hoan mấy nỗi*: Thúy Kiều và Kim Trọng tâm sự về những nỗi vui buồn đã trải qua.

6. *Tỏ rạng*: nhìn rõ, sáng rõ.

Nguyên truyện: Kim Trọng thấy các người đã lui ra cả rồi, bèn cầm dịch cây đèn bạc lại gần để được nhìn kỹ gương mặt Thúy Kiều thì vẫn chẳng khác gì: *Hoa thược dược lồng làn khói nhạt, đoá đào hồng điểm hạt mưa bay.*

7. *Hoa xưa ong cũ*: *hoa* chỉ nàng Kiều; *ong* chỉ chàng Kim, ý nói đôi tình nhân cũ lại gặp nhau.

8. *Chung tình*: (*chung*: đúc kết lại) mối tình chung đúc lại.

9. *Xướng tùy*: do chữ *phu xướng phụ tùy,* chồng nói vợ theo. Đây dùng để chỉ tình vợ chồng.

10. *Mảy may*: một chút ít.

11. *Mặt dạn mày dày*: ý nói mặt mày đã dạn dày rồi không còn biết xấu hổ nữa.

12. *Âu yếm vành ngoài*: tỏ tình yêu thương mà không đi đến sự giao hoan.

Nguyên truyện: Sau khi cùng vào trướng uyên ương. Kim Trọng tỏ tình âu yếm bề ngoài tưởng rằng nàng sẽ nảy lòng ham muốn. Nào ngờ Thúy Kiều, đối với các sự âu yếm bề ngoài thì khắn khít như keo sơn, nhưng hễ nghe nói đến chuyện giao hoan thì lập tức cự tuyệt.

http://tieulun.hopto.org

Còn toan mở mặt với người cho qua.
Lại như những thói người ta,
Vớt hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa.
Khéo là giở nhuốc bày trò,
Còn tình đâu nữa *mà* thù *đấy thôi*! [1]
Người yêu ta xấu với người,
Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau!
Cửa nhà dù tính về sau,
Thì còn em đó, lọ cầu chị đây?
Chữ trinh còn một chút này, [2]
Chẳng cầm cho vững *lại* giày cho tan!
Còn nhiều ân ái chan chan,
Hay gì vầy *cánh* hoa tàn mà chơi?"
Chàng rằng: "Gắn bó một lời,
Bỗng không cá nước chim trời lỡ nhau.
Xót người lưu lạc bấy lâu,
Tưởng thề thốt nặng *cũng* đau đớn nhiều.
Thương nhau sinh tử [3] đã *liều*.
Gặp nhau còn *chút* bấy nhiêu là tình.
Chừng xuân tơ liễu còn xanh,
Nghĩ *rằng* cho thoát khỏi *vành* ái ân. [4]
Gương trong chẳng chút bụi trần,

---

1. *Mà thù đấy thôi*: chữ *mà* ở đây chỉ một sự phản ứng. Bản QVĐ và bản TĐ đã chép chữ *mà* thích hợp hơn.

Nguyên truyện: Nếu chàng không nghĩ đến sự mây mưa, để cho thiếp quên tình, thì thiếp còn có thể mở mặt một chút để đối với chàng. Ví phỏng cứ nhất quyết lấy việc trước đây mà thiếp đã chịu nhục để làm nhục thiếp, thế thì chàng không phải yêu thiếp mà là thù thiếp vậy.

2. *Chữ trinh còn một chút này*: chữ *trinh* đây theo nguyên truyện là *"thụ nhục chi trinh"* chứ không phải chữ *trinh* của người con gái.

"Thả thiếp thụ nhục chi trinh, duy tồn thử nhất tuyến. Thảng lang tất tính thử nhất tuyến nhi ô diệt chi, thiếp duy hữu cốt hóa hình tiêu, tái bất cảm phục thị cân trất hĩ" = (Vả chăng chữ *trinh đã bị nhục* của thiếp chỉ còn cách xương nát thân tan, chứ không dám cầm cái khăn cái lược để hầu chàng nữa).

3. *Sinh tử*: sống chết, ý nói Kim Trọng đã vào sinh ra tử để đi tìm Thúy Kiều.

4. *Vành ái ân*: vòng yêu thương, đây ý nói đến chuyện vợ chồng chung chăn gối. Cả *hai câu* 3171-3172 ý Kim Trọng muốn nói rằng Thúy Kiều còn trẻ, nghĩ chưa thoát khỏi được chuyện ân ái vợ chồng.

http://tieulun.hopto.org

Một lời quyết hẳn [1] muôn phần kính thêm!
Bấy lâu đáy bể mò kim,
Là nhiều vàng đá phải tìm trăng hoa? [2]
Ai ngờ lại *họp* một nhà,
Lọ là chăn gối mới ra sắt cầm!" [3]
Nghe lời sửa áo cài trâm,
Khấu đầu lạy *tạ* cao thâm nghìn trùng: [4]
"Thân tàn *gạn* đục khơi trong, [5]
Là nhờ quân tử khác lòng người ta.
Mấy lời tâm *phúc* [6] ruột rà, [7]
Tương tri *dường* ấy mới là tương tri! [8]
Chở che đùm bọc thiếu gì,
Trăm năm danh tiết [9] cũng *vì* đêm nay!"
Thoắt thôi tay lại cầm tay,
Càng yêu vì nết, càng say vì tình.
Thêm nến giá, *nối* hương bình,
Cùng nhau lại *chuốc* chén quỳnh [10] giao hoan. [11]

---

1. *Một lời quyết hẳn*: đây là lời Thúy Kiều nhất quyết không chịu ân ái vợ chồng, không chịu để mất một chút trinh bạch còn lại.

Nguyên truyện: Kim Trọng nghe đoạn lấy làm kinh ngạc mà rằng: *"thế ra hiền thê không phải là hạng con gái tầm thường mà chính là một con người hào kiệt! Nay hiền thê đã lấy tư cách liệt phụ ngàn xưa để giữ mình thì ta không dám vọng cầu nữa."* Thúy Kiều nghe đoạn, liền trở dậy nghiêm chỉnh áo quần rồi hướng về chàng Kim sụp lạy mà rằng: *Kính tạ tri kỷ*).

2. *Trăng hoa*: chỉ việc trai gái ái ân với nhau. *Cả hai câu* 3175 - 3176 ý nói bấy lâu nay vì nặng lời vàng đá nên phải đi tìm khắp nơi chứ đâu phải vì thú trăng hoa.

3. *Chăn gối... sắt cầm*: *cả câu* ý nói đâu phải là có chung chăn gối mới là vợ chồng. Trong trường hợp Thúy Kiều, vấn đề có tế nhị hơn. Kim Trọng và Thúy Kiều vẫn chung chăn gối, vẫn *"âu yếm vành ngoài"*, vẫn là vợ chồng nhưng chỉ không có chuyện ân ái mây mưa thôi.

4. *Lạy tạ cao thâm nghìn trùng*: lạy tạ tấm lòng cao cả của Kim Trọng đã xử sự đúng bậc quân tử, khác hẳn *"lòng người ta"*.

5. *Gạn đục khơi trong*: ý nói rửa sạch cấn nhơ, cũng như Thúy Kiều tấm thân đã *"thừa xấu xa"* nay được trong sạch dần đi.

6. *Tâm phúc*: lòng dạ, ý nói thân tín nhau.

7. *Ruột rà*: nói cái tình thân cùng máu mủ.

8. *Tương tri*: biết rõ lòng dạ của nhau, bạn thân.

9. *Danh tiết*: danh tiếng và tiết tháo.

10. *Chén quỳnh*: chén rượu quỳnh tương, chén rượu quý.

11. *Giao hoan*: vui vẻ với nhau.

http://tieulun.hopto.org

Tình xưa lai láng khôn hàn, [1]
Thong dong lại hỏi ngón đàn [2] ngày xưa.
Nàng rằng: "Vì mấy đường tơ,
Lầm người [3] cho đến bây giờ *mới* thôi!
Ăn năn thì sự đã rồi.
Nể lòng người cũ, vâng lời một phen."
Phím đàn dìu dặt tay tiên, [4]
Khói trầm cao thấp, tiếng *huyền* [5] gần xa.
Khúc đâu đầm ấm dương hòa, [6]
Ấy là hồ điệp [7] hay là Trang sinh? [8]
Khúc đâu êm ái xuân tình,
Ấy hồn Thục Đế [9] hay mình đỗ quyên? [10]
Trong sao châu nhỏ duềnh quyên, [11, 12]

---

1. *Lai láng khôn hàn*: chứa chan trong lòng không cầm giữ được, không ngăn lại được. (chữ *hàn* là bởi chữ *hạn* chuyển âm sang).

2. *Ngón đàn*: cái sở trường về đàn.

3. *Lầm người*: làm cho người ta khổ sở, thân bị dơ bẩn, không còn giữ được sự trong trắng nữa. Như: *"Cát lầm ngọc trắng, thiệt đời xuân xanh"*. Chữ *lầm* cũng có thể hiểu là gây ra lầm lỗi cho người ta.

4. *Tay tiên*: tay người đẹp.

5. *Tiếng huyền*: *(huyền:* dây đàn) tiếng đàn.

6. *Dương hòa*: khí dương êm hòa đầm ấm.

7. *Hồ điệp*: con bươm bướm.

8. *Trang sinh*: tức là Trang Chu. Xưa Trang Chu nằm chiêm bao thấy mình hóa là con bướm. Khi thức dậy, mơ màng không biết là bướm hay là Trang Chu.

Đoạn tả tiếng đàn này từ câu 3199 đến câu 3204 là mượn ý ở bài *Cầm sắt* của Lý Thương Ẩn (đời Đường).

Trang sinh hiểu mộng mê hồ điệp,
Thục Đế xuân tâm thác đỗ quyên.
Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ.
Lam Điền nhật noãn ngọc sinh yên.
(Trang sinh sớm mộng hồn bươm bướm,
Thục Đế lòng xuân oán đỗ quyên.
Trăng tỏ bể xanh châu nhỏ lệ,
Lam Điền trời ấm ngọc lên hơi).

9. *Thục Đế*: vua nước Thục.

10. *Đỗ quyên*: ta cho là con cuốc. Xưa vua nước Thục là Đỗ Vũ, hiệu là Vọng Đế bị mất nước đã hóa làm con cuốc, thường kêu "quốc quốc" nghe rất ai oán như gợi lòng tiếc nước không nguôi. (Xem thêm *chú thích* câu 1307).

11. *Duềnh quyên*: vũng nước trong sáng hoặc có ánh trăng soi. *(quyên:* sáng đẹp).

12. *Châu nhỏ duềnh quyên*: mượn ý câu thơ *Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ* để tả tiếng đàn nghe thật trong.

http://tieulun.hopto.org

Ấm sao hạt ngọc Lam Điền [1] mới đông!
Lọt tai nghe suốt năm cung, [2]
Tiếng nào là chẳng não nùng, [3] xôn xao.
Chàng rằng: "Phổ ấy tay nào,
Xưa sao sầu thảm, nay sao vui vầy?
Tẻ vui bởi tại lòng này,
Hay là khổ tận đến ngày cam lai. [4]
Nàng rằng: "Vì chút nghề chơi,
Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu.
Một phen tri kỷ [5] *cùng* nhau,
Cuốn dây từ *đấy* về sau cũng chừa."
Chuyện trò chưa cạn tóc tơ,
Gà *đà* gáy sáng, trời vừa rạng đông,
Tình riêng, chàng lại nói *sòng,* [6]
Một nhà ai cũng lạ lùng khen *lao.*
Cho hay thục nữ [7] chí cao,
Phải người sớm mận tối đào như ai? [8]

---

1. *Hạt ngọc Lam Điền mới đông*: mượn ý câu thơ *Lam Điền nhật noãn ngọc sinh yên* để tả tiếng đàn thật ấm.

2. *Năm cung*: năm âm, năm bậc trong âm nhạc Trung Quốc.

3. *Não nùng*: buồn rầu đau đớn.

4. *Khổ tận cam lai*: *(cam:* ngọt, *lai:* đến) ý nói thời kỳ khổ sở đã qua, thời kỳ sung sướng đã đến. Kiều gảy đàn lần này là lần thứ sáu. Năm lần trước Kiều gảy đàn cho Kim Trọng nghe khi gặp gỡ thề nguyền, cho Mã Giám sinh nghe khi bán mình chuộc cha, cho Hoạn Thư nghe khi làm hoa nô, cho Hoạn Thư và Thúc sinh nghe khi phải hầu rượu hai người và cho Hồ Tôn Hiến nghe sau khi Từ Hải chết. Trong suốt năm lần trước tiếng đàn của Thúy Kiều đều sầu thảm chỉ có lần sau cùng tái hồi Kim Trọng thì tiếng đàn mới được vui vầy.

5. *Tri kỷ*: đây nói hai người tâm sự với nhau sau khi đã hiểu được tấm lòng của nhau.

6. *Nói sòng*: nói thẳng ra. Bản nôm LVĐ và QVĐ chép là *"nói cùng"*.

7. *Thục nữ*: người con gái hiền.

8. *Phải người sớm mận tối đào như ai*: đâu phải là người trăng gió lẳng lơ, sớm đi với người này tối đi với người khác.

Nguyên truyện: Kim Trọng nói: "Tình của ái khanh đây là tình trinh liệt! Vậy ta đâu còn dám mơ tưởng đến tình bất chính nữa." Kiều nghe nói rất đỗi vui mừng. Hai người lại cùng vào trong trướng gấm, âu yếm bề ngoài đủ cách, chỉ trừ một sự mây mưa. Sáng hôm sau trở dậy, hai người cùng ra lạy chào cha mẹ. Kim Trọng đem chuyện tối trước nói cùng Thúy Vân. Thúy Vân lại đem chuyện ấy nói với cha mẹ. Cả nhà đều khen lao không ngớt.

http://tieulun.hopto.org

Hai tình [1] vẹn vẽ [2] hòa hai,
Chẳng trong chăn gối, [3] cũng ngoài cầm thơ. [4]
Khi chén rượu, *khi* cuộc cờ,
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.
Ba sinh đã phỉ mười nguyền, [5]
Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy.
Nhớ lời, lập một am mây;
Khiến người thân *tín,* [6] rước thầy Giác Duyên.
Đến *nơi* đóng cửa cài then, [7]
Rêu trùm kẽ ngạch, cỏ *lên* mái nhà.
Sư đà hái thuốc phương xa,
Mây bay hạc lánh [8], biết là tìm đâu?
Nặng vì chút nghĩa *bấy lâu,*
Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai.
Một nhà phúc lộc [9] gồm hai,
Nghìn năm dằng dặc quan giai [10] lần lần.

---

1. *Hai tình*: tình *cầm cờ* và tình *cầm sắt* tức tình bạn và tình vợ chồng.

2. *Vẹn vẽ*: trọn vẹn.

3. *Chăn gối*: Tình vợ chồng.

4. *Cầm thơ*: đánh đàn và làm thơ ý nói tình bạn bè.

5. *Ba sinh đã phỉ mười nguyền*: mọi sự ước nguyện về tình duyên vợ chồng đã được thỏa ý.

6. *Thân tín*: người thân cận và tín cẩn.

7. *Đóng cửa cài then*: Nguyễn Du đã tả cảnh *cửa đóng then cài* khác với nguyên truyện.

Nguyên truyện viết: *"Sai nhân khứ liễu lai hồi, thì đạo am môn đại khai, Giác Duyên sư phụ ảnh dã bất kiến, chỉ kiến Phật tiền hương hạ sáp trứ nhất thiếp kiến tiểu đích nã lai hồi phục lão gia. Kim Trọng tiếp liễu, đồng chúng nhân khán đạo:*

Pháp môn yếu thành thủy thành chung,
Nguyện quân phụ thê quý dĩ thân.
Nhược vấn ngô thân hà xứ khứ,
Thường bạn cô hạc bán không vân.

(Gia nhân trở về cho biết, khi tìm đến chùa thấy cửa mở toang, tiến vào bên trong chẳng thấy bóng sư phụ Giác Duyên đâu cả mà chỉ nhìn thấy trước bàn thờ Phật dưới lư hương có một tấm thiếp. Chúng tôi đem về trình lão gia đây ạ. Chàng Kim cầm lấy tấm thiếp rồi cùng mọi người mở coi thấy bốn câu rằng:

Cửa thiền vừa thủy lại vừa chung,
Ước nguyện cho ai đẹp vợ chồng.
Vì hỏi ta nay đâu lánh bước?
Thường cùng mây hạc giữa tầng không.

8. *Mây bay hạc lánh*: chỉ sư Giác Duyên đi vân du không biết ở đâu mà tìm.

9. *Phúc lộc*: *phúc* là điều tốt lành, *lộc* là của cải. Ta thường cho nhiều con là phúc và làm quan là lộc.

10. *Quan giai*: bậc thang trong quan trường.

http://tieulun.hopto.org

Thừa gia [1] chẳng hết nàng Vân,
Một cây cù mộc, [2] một sân quế hòe. [3]
Phong lưu phú quý ai bì,
Vườn xuân [4] một cửa [5] để bia muôn đời.
Ngẫm hay muôn sự *tại* trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bắt phong trần, phải phong trần, [6]
Cho thanh cao mới được phần thanh cao. [7]
Có đâu thiên vị [8] người nào,
Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai. [9]
Có tài mà cậy chi tài,
Chữ tài liền với chữ tai [10] một vần.
Đã mang lấy nghiệp [11] vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.

---

1. *Thừa gia*: (*thừa*: vâng chịu) đảm đang coi sóc việc nhà.

2. *Cù mộc*: chữ lấy trong *Kinh Thi*, bài *Nam hữu cưu mộc* (chữ *cưu* cũng đọc là *cù*): *Nam hữu cưu* (cù) *mộc cát lũy lôi chi* = núi Nam có cây cong sà xuống, dây sắn dây bìm leo lên. *Cù mộc* là cây cao có nhiều cành lá nên ví với người vợ cả. Đây chỉ Thúy Vân vì nàng là người *thừa gia*, đã sinh đẻ được nhiều con để nối dõi tông đường.

3. *Quế hòe*: tên hai thứ cây. Theo *Tống sử*. Đậu Vũ Quân có năm người con trai hiển đạt nên người đời khen là *Yên Sơn ngũ quế* (năm cây quế ở Yên Sơn). Phùng Đạo cũng có câu thơ khen: *"Linh xuân nhất châu lão, đan quế ngũ chi phương"* (Linh xuân một gốc thọ, quế đỏ năm cành thơm).

Đời Tống còn có chuyện Vương Hựu trồng ba cây hòe ở sân, con là Vương Đán làm đến chức tam công gọi là *Vương thị tam hòe*. Do hai điển trên mà về sau trong văn chương thường dùng chữ *quế hòe* để chỉ nhà có con cháu đông đúc và hiển đạt.

4. *Vườn xuân*: ý nói đến cảnh vui vẻ trong gia đình như khu vườn xuân có hoa nở tươi tốt đẹp đẽ.

5. *Một cửa*: ý nói *một nhà* như trong câu. *"Một nhà phúc lộc gồm hai*. Nhưng *một nhà* đây là nhà họ Vương hay nhà họ Kim. Nếu theo như trong truyện tả cảnh gia đình Kim Trọng với Thúy Vân, Thúy Kiều và các con cái thì lại là họ Kim chứ không phải họ Vương.

6. *Phong trần*: ý nói khổ sở gian truân.

7. *Thanh cao*: ý nói phong lưu sung sướng.

8. *Thiên vị*: riêng vì, thiên lệch.

9. *Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai*: *câu* này và *câu trên* ý nói ở đời không có người nào mà trời lại thiên vị cho cả *tài* lẫn *mệnh*. *Hai câu* này đối chiếu lại với hai câu ở đầu truyện *chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*.

10. *Tai*: những tai nạn, những điều bất hạnh.

11. *Nghiệp*: chữ *nghiệp* đây là *thân nghiệp* tức là cái nghiệp do sự hành động của mình mà tạo ra. Người làm điều lành thì có cái nghiệp để báo ứng cho điều lành. Người làm điều ác thì có cái nghiệp để báo ứng cho điều ác. Như thế thì xấu hay tốt, dữ hay lành là tự mình làm ra rồi chính mình được hưởng hay phải chịu chứ *"đừng có trách trời"*.

http://tieulun.hopto.org

Thiện căn [1] ở tại lòng ta,
Chữ tâm [2] kia mới bằng ba chữ tài.
Lời quê *chắp nhặt* dông dài,
Mua vui cũng được một vài trống canh.

---

1. *Thiện căn*: *(thiện:* điều lành, *căn:* gốc rễ) cái gốc thiện, cái cội nhân đức.

2. *Tâm*: lòng người ta. Đạo Phật cho rằng muôn sự ở đời đều do cái *tâm* của người ta tạo ra. Nếu người ta giữ tâm cho tốt, chỉ làm điều thiện thì cái nghiệp của mình do kiếp trước truyền xuống cũng nhẹ bớt đi. Nếu người ta không biết giữ tâm cho tốt, chỉ làm điều ác, thì cái nghiệp của mình do kiếp trước truyền xuống sẽ nặng thêm lên và còn dồn xuống kiếp sau nữa. Như Thúy Kiều nhờ có *thiện* tâm nên cái *nghiệp* cũng nhẹ đi và lại được hưởng hạnh phúc ở hậu vận. Nguyễn Du để kết thúc Truyện Kiều đã khuyên người ta hãy giữ lấy chữ *tâm* cho tốt vì:

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

http://tieulun.hopto.org

CÁC BẢN TRUYỆN KIỀU

Như đã nói ở phần trên, Nguyễn Du sau khi đi sứ nhà Thanh về mới viết quyển *Truyện Kiều* mà lúc đầu đặt tên là *Đoạn trường tân thanh.*

Khi viết xong, ông có trao quyển truyện ấy cho người bạn thân là Phạm Quí Thích xem. Họ Phạm có viết bài thơ *Đề từ,* đổi tên sách là *Kim Vân Kiều tân truyện* và cho khắc ván in ở phố Hàng Gai, Hà Nội. Bản ấy đến nay đã không sưu tầm được nên chúng ta không biết rõ được năm in.

Quyển truyện ấy đến năm Canh Dần, Minh Mệnh thứ 11 (1830) đã khó kiếm rồi. Tới năm Tân Mùi, Tự Đức thứ 24 (1871) quyển truyện ấy đã không còn ai lưu giữ được nữa chỉ tình cờ mà tìm được trong bồ sách của nhà họ Phạm.

Sau này các nhà Liễu Văn đường, Thịnh Mỹ đường, Quan Văn đường, Phúc Văn đường, v.v... đã dựa vào bản của Phạm Quí Thích để cho khắc ván in lại ở phố Hàng Gai, Hà Nội và các bản in này được gọi là *bản Phường*. Các bản Phường này hầu hết đều không có chú thích và chữ khắc không được đẹp. Đến nay các bản Nôm ấy đều rất khó kiếm.

Các nhà nghiên cứu sưu tầm các bản *Kiều Nôm* mới chỉ tìm được những bản khắc in sau đây:

1. *Kim Vân Kiều tân truyện,* Liễu Văn đường tàng bản - Tự Đức nhị thập tứ niên, trọng xuân tân san (1871).
2. *Kim Vân Kiều tân truyện,* Thịnh Mỹ đường tàng bản, Tự Đức Kỷ Mão mạnh đông tân san (1879).
3. *Kim Vân Kiều tân truyện,* Quan Văn đường tàng bản, Tự Đức Kỷ Mão mạnh đông tân san (1879).
4. *Kim Vân Kiều tân truyện,* Việt Đông Phật Trấn Bảo Hoa các tàng bản, tuế tại Kỷ Mão, Nam Việt Gia Định thành cư sĩ Duy Minh thị trùng san (1879).
5. *Kim Vân Kiều tân truyện,* Liễu Văn đường tàng bản, Tự Đức Nhâm Ngọ niên trọng xuân tân san (1882).
6. *Kim Vân Kiều tân truyện* publié et traduit pour la première fois par Abel des Michels - Publications de l'Ecole des Langues orientales vivantes, Ernest Leroux. Paris. 1884 - 1885 3 tomes, format 18 x 28.

Tome I: transcription, traduction et notes 1884 (296 pages).

Tome II: transcription, traduction et notes 1885 (300 pages).

http://tieulun.hopto.org

Tome III: textes en caractères figuratifs, 1884 (166 pages).

7. *Đoạn trường tân thanh,* Giá Sơn Kiều thị Oánh Mậu chú thích, Thành Thái Nhâm Dần Trung thu vọng (1902).
8. *Kim Vân Kiều tân tập,* Thời hiền thi tự, Quan Văn đường tàng bản, Thành Thái Bính Ngọ (1906).
9. *Kim Vân Kiều quảng tập truyện,* Liễu Văn đường tàng bản, Duy Tân Giáp Dần (1914).
10. *Kim Vân Kiều tân truyện*, Phúc Văn đường tàng bản, Khải Định Mậu Ngọ quí đông tân san (1918).
11. *Kim Vân Kiều tân tập,* Thời hiền thi tự, Quảng Thịnh đường tàng bản, Khải Định thất niên trọng đông (Nhâm Tuất, 1922).
12. *Kim Vân Kiều,* Quan Văn đường tàng bản, Khải Định Quí Hợi (1923).
13. *Kim Vân Kiều tân truyện,* Phúc Văn đường tàng bản, Khải Định Quí Hợi (1923).
14. *Kim Vân Kiều quảng tân truyện,* Liễu Văn đường tàng bản, Khải Định cửu niên tùng nguyệt cát nhật tân khắc (Giáp Tý, 1924).
15. *Kim Vân Kiều tân truyện,* Quan Văn đường tàng bản, Khải Định Ất Sửu mạnh đông tân san (1925).
16. *Kim Vân Kiều tân truyện,* Phúc Văn đường tàng bản, Bảo Đại Kỷ Tỵ (1929).
17. *Kim Vân Kiều tân truyện,* Phúc Văn đường tàng bản, Bảo Đại Nhâm Thân (1932).
18. *Kim Vân Kiều truyện,* Phúc An hiệu tàng bản, Quí Dậu niên phục tân san (1933).
19. *Kim Vân Kiều tân truyện,* Phúc Văn đường tàng bản, Bảo Đại Kỷ Mão (1939).
20. *Thúy Kiều truyện tường chú.* Chiêm Vân thị chú giải bằng chữ Hán, Lê Mạnh Liêu dịch và phụ chú. Nha Văn hóa. Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên. Sài Gòn. 1965. Tái bản lần thứ nhất 1973.
21. *Đoạn trường tân thanh khảo lục.* Vũ Văn Kính khảo lục - Bùi Hữu Sủng nhuận chính. Sài Gòn 1971.

Các bản *quốc ngữ* đến nay đã sưu tầm được có:

1. *Poème Kim Vân Kiều truyện,* transcrit pour la permière fois en quốc ngữ avec des notes explicatives par Trương Vĩnh Ký. Bản in Nhà nước, Sài Gòn. In lần thứ nhất, 1875. Bản in lần thứ hai có thêm và sửa chữa. Claudes et C^{ie} Sài Gòn 1898. Bản in lần thứ ba có thêm hình vẽ của Nguyễn Hữu Nhiều. Sài Gòn F.H. Schneider Editeur, 1911.
2. *Kim Vân Kiều tân truyện* do Abel des Michels in ở Paris, Ernest Leroux 1884, 1885 (xem phần bản Nôm).
3. *Kim Vân Kiều tân truyện* (Nouvelle histoire de Kim, Vân, et Kiều) do Edmond Nordemann phiên âm, có chia ra từng đoạn, mục lục có dịch ra tiếng Pháp và có 23 hình vẽ. In lần thứ nhất: Hà Nội 1897. In lần thứ hai: Huế 1900.

http://tieulun.hopto.org

4. *Kim Vân Kiều* dịch ra quốc ngữ có chú dẫn các điển tích, Nguyễn Văn Vĩnh, bản in lần thứ hai, có sửa lại. Hiệu Ích Ký - 1912.

5. *Kim Vân Kiều chú thích,* Bùi Khánh Diễn hiệu đính và chú giải. Nhà in Ngô Tử Hạ (không đề năm in).

Theo Bùi Thiện Căn - *con Bùi Khánh Diễn* - thì quyển *Kim Vân Kiều chú thích* đã được biên soạn từ đầu năm 1902 đến tháng 7 năm 1903 mới xong.

Năm 1912, thân phụ ông qua đời. Ông đã tinh tả lại pho *Kim Vân Kiều chú thích* và đem ra ấn hành, khi ông còn làm Tri phủ ở Lạng Giang. Trong bài *Tự tự* ông không ghi rõ năm tháng nên ngày nay chúng ta không thể biết chắc chắn quyển ấy đã được in ra vào năm nào.

(Bài *Tự tự* in trong bản in lần thứ nhất không đề năm tháng nhưng trong bản in của nhà xuất bản Sống Mới (1960) lại ghi là "Hà Nội - 1926").

6. *Kim Túy tình từ.* Texte et notes d'après les documents originaux avec une biographie de l'auteur. Transcrits en quốc ngữ par Phạm Kim Chi, Phạm Văn Tươi, Đốc Phủ sứ. Épitre de M. Nguyễn Mai, Tấn sĩ, Saigon. Imprimerie Huỳnh Kim Danh 1917. Tái bản lần thứ nhất: Nha văn hóa. Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa. Sài Gòn 1972. Tái bản lần thứ hai: Tri Tân xuất bản Sài Gòn 1973.

7. *Kim Vân Kiều,* transcrit en quốc ngữ et publié par Nguyễn Ngọc Xuân. Hiệu Ích Ký - Hà Nội, 1923.

8. *Truyện Thúy Kiều* (Đoạn trường tân thanh) Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim hiệu thảo.

Việt văn thư xã. Vĩnh Hưng Long thư quán Hà Nội, in lần thứ nhất, 1925.

Vĩnh Hưng Long, in lần thứ hai, 1927.

Vĩnh Hưng Long, in lần thứ ba, 1934.

Nhà xuất bản Tân Việt - Sài Gòn tái bản từ lần in thứ tư đến lần in thứ chín.

9. *Truyện Thúy Kiều,* Ngô Tử Cống. Nhà in Ngô Tử Hạ, Hà Nội. In lần thứ nhất, 1925. In lần thứ sáu, 1935.

10. *Kiều truyện dẫn giải,* Hồ Đắc Hàm. Imprimerie Đắc Lập - Huế, 1929.

11. *Kim Kiều tình tự,* Phúc An - Nhà in Thực Nghiệp, Hà Nội - 1929.

12. *Dẫn giải truyện Kim Vân Kiều,* Huyền Mặc đạo nhân, Tín Đức thư xã, Sài Gòn - 1930. Tái bản 1954.

13. *Truyện Kiều,* Nguyễn Can Mộng chú thích. IDEO, Hà Nội. 1936.

14. *Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện,* Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu chú giải. Tủ sách Tao Đàn. Nhà xuất bản Tân Dân - Hà Nội, 1941. In lần thứ hai: Nhà sách Hương Sơn, Hà Nội 1952. In lần thứ ba: Việt Nam tu thư, Sài Gòn - 1960.

15. *Kim Vân Kiều tân truyện,* Vũ Đăng - Hiệu Quảng Thịnh Hà Nội, in lại năm 1943.

16. *Kim Vân Kiều,* Hà Nội - Phúc Chi, 1950.

17. *Kim Vân Kiều* Văn học - Imprimerie Paul Dupont. Paris, 1951. Khổ 22 x 28. Không có chú thích nhưng in đẹp và có kèm theo 6 bức tranh phụ bản màu của các họa sĩ Phạm Thúc Chương, Vũ Cao Đàm, Lê Thị Lựu, Lê Phổ, Sekiguchi và

http://tieulun.hopto.org

Mai Trung Thứ.

18. *Kim Vân Kiều*

Văn Hồng Thịnh xuất bản, Hà Nội (không đề năm in).

21. *Truyện Thúy Kiều,* Hoàng Trung Chính và Trần Ngọc chú giải, hiệu khảo. Nguyễn Huy hiệu đính. Á Châu xuất bản, Hà Nội - 1952.

22. *Kim Vân Kiều,* Đồ Nam cư sĩ hiệu đính. Ngày Mai xuất bản (không đề năm in).

23. *Truyện Kiều chú giải,* Lê Văn Hòe chú giải, quốc học thư xã, in lần thứ nhất, Hà Nội 1953.

Diên Hồng, Sài Gòn in lần thứ hai: 1956.

Diên Hồng, Sài Gòn in lần thứ ba: 1959.

24. *Kiều,* Sài Gòn. Sách đẹp. 1958.

25. *Kim Vân Kiều,* Vũ Bằng bình chú.

Sài Gòn. Phạm Văn Tươi, 1956.

26. *Kim Vân Kiều,* Nguyễn Việt Hoài hiệu đính và chú thích. Huy Sơn xuất bản, Hà Nội, 1957.

27. *Kim Vân Kiều,* Hoà Bình - Vinh, 1957.

28. *Kim Vân Kiều,* Bình Dân - Hà Nội, 1957.

29. *Kim Vân Kiều,* Tân Mỹ - Hà Nội, 1957.

30. *Truyện Kiều,* Bùi Kỷ chú thích và hiệu đính. Nhà xuất bản Phổ thông - Hà Nội, 1958.

31. *Truyện Thúy Kiều,* Trần Cửu Trường và Hoàng Hiển hiệu khảo.

32. *Đoạn trường tân thanh* (truyện Thúy Kiều) Nguyễn Văn Anh hiệu chú. Sài Gòn - Bộ Quốc gia Giáo dục, 1958.

33. *Kiều,* Vũ Hữu Tiềm chú giải. Sài Gòn, Sách đẹp Văn hay 1959. Tái bản lần thứ ba, 1962.

34. *Kim Vân Kiều truyện tân biên.* Chợ Lớn - Hồng Dân, 1960.

35. *Kim Vân Kiều đại toàn chú thích dẫn giải đính chính,* Ưng Dự (Bút hiệu Di Sơn). Huế - In lần thứ nhất, 1960.

36. *Truyện Kiều,* Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Sĩ Lâm và Nguyễn Đức Vân hiệu đính và chú thích. Hà Nội, Văn học - 1965. Tái bản có sửa chữa một số chỗ trong phần chú thích và có bỏ phần khảo dị. Văn học - 1966.

37. *Truyện Kiều,* Đặng Thanh Lê trích, giới thiệu và chú thích (phần chú thích dựa theo quyển *Truyện Kiều* của nhà xuất bản Văn học, 1965). Nhà xuất bản Giáo dục - Hà Nội, 1972).

38. *Truyện Kiều,* Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú thích. Hà Huy Giáp giới thiệu. Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp - Hà Nội, 1972.

39. *Truyện Kiều,* Đào Duy Anh lập văn bản cơ sở và chú giải. Có sự tham gia hiệu đính của Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Công Hoan,

http://tieulun.hopto.org

Hoài Thanh và Tuấn Đô. Viết bài giới thiệu: Đào Duy Anh, Xuân Diệu và Hoài Thanh. Nhà xuất bản Văn học - Hà Nội, 1979.

40. *Truyện Kiều*

Ty Văn hóa và Thông tin Đồng Tháp, tái bản 1982.

41. *Truyện Kiều,* Đào Duy Anh hiệu khảo, chú giải.

Nhà xuất bản Văn học - Hà Nội, 1984.

42. *Truyện Kiều,* Nguyễn Thạch Giang khảo đính. Nhà xuất bản Thông tin Hà Nội, 1989. Không có chú thích nhưng in đẹp với các họa bản của Trần Văn Cẩn, Nguyễn Tiến Chung, Nguyễn Đỗ Cung, Nguyễn Tường Lân, Nguyễn Tử Nghiêm, Nguyễn Đức Nùng, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Gia Trí và Tô Ngọc Vân. Có hai khổ: 11 x 18 và 5,5 x 8,5.

43. *Truyện Kiều,* Vũ Ngọc Khánh chú thích. Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, 1995.

http://tieulun.hopto.org

KHẢO DỊ

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

STT	CÁC BẢN KIỂU NÔM VÀ QUỐC NGỮ	Viết tắt
1	***Kim Vân Kiều tân truyện*** (Nôm) Liễu Văn đường (1871)	LVĐ
2	***Kim Vân Kiều tân truyện*** Trương Vĩnh Ký phiên âm và chú thích (1875)	TVK
3	***Kim Vân Kiều tân truyện*** (Nôm) Duy Minh thị trùng san (1879)	DMT
4	***Kim Vân Kiều tân truyện*** Abel des Michels phiên âm và dịch sang Pháp ngữ (1884 - 1885)	A.M
5	***Kim Vân Kiều tân truyện*** (Nôm) Edmond Nordemann	E.N
6	***Đoạn trường tân thanh*** (Nôm) Kiều Oánh Mậu chú giải (1902)	KOM
7	***Kim Vân Kiều tân tập*** (Nôm) Quan Văn đường (1906)	QVĐ
8	***Kim Tuý tình từ*** Phạm Kim Chi phiên âm (1917)	PKC
9	***Kim Vân Kiều tân truyện*** (Nôm) Phúc Văn đường (1918)	PVĐ
10	***Kim Vân Kiều hợp tập*** (Nôm) Khải Định cửu niên (1924)	H.T
11	***Kim Vân Kiều tân truyện*** (Nôm) Quan Văn đường (1925)	Q.V
12	***Truyện Thúy Kiều*** Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim khảo đính	BK-TTK
13	***Kim Vân Kiều chú thích*** Bùi Khánh Diễn (1926) (?)	BKD
14	***Kiều truyện dẫn giải*** Hồ Đắc Hàm (1929)	HĐH
15	***Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện*** Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu (1941)	TĐ

http://tieulun.hopto.org

KHẢO DỊ

Chúng tôi đã căn cứ vào các bản Kiều Nôm và Quốc ngữ được liệt kê ở BẢNG CHỮ VIẾT TẮT để khảo đính. Trong các bản Kiều ấy chúng tôi đã căn cứ vào ba bản được coi là những bản chính để khảo dị:

1. *Đoạn trường tân thanh* (Kiều Oánh Mậu).
2. *Kim Vân Kiều tân tập* (Quan Văn đường).
3. *Truyện Thúy Kiều* (Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim).

Trong phần *văn bản,* các chữ có khảo dị đều được in nghiêng.

4: Những điều trông thấy *đã* đau đớn lòng (LVĐ, KOM)

6: Trời xanh quen *với* má hồng đánh ghen (KOM, QVĐ)

8: Các bản Nôm đều viết 固 錄 *(có lục)* trừ bản Phúc An in năm 1933 khắc là 古 錄 *(cổ lục).* Các bản Quốc ngữ như E.N, PKC, BK - TTK, BKD, HĐH, NVV đều chép là " *cổ lục*". Bản TVK phiên là *có lúc*. Bản Tản Đà và Chiêm Vân thị phiên là *có lục*.

12: Gia tư 俙 *nghỉ* cũng thường thường bậc trung (KOM)

18: *Mỗi* người mỗi vẻ mười phân vẹn mười (TĐ)

20: *Khuôn lưng* đầy đặn, nét ngài nở nang (QVĐ)

Bản TVK lần in thứ nhì (1898) phiên là *Khuôn trăng* nhưng lần in thứ ba (1911) lại sửa là *Khuôn lưng*...

21: Hoa cười ngọc *nói* đoan trang (KOM, QVĐ)

25: Làn thu thủy *vết* xuân sơn (KOM)

Làn thu thủy, *thấp* xuân sơn (QVĐ)

27: Một *đôi* nghiêng nước, nghiêng thành (LVĐ, QVĐ)

29: Thông minh vốn sẵn *tính* trời (QVĐ)

33: Khúc nhà tay lựa nên *xoang* (KOM)

34: Một *cung* Bạc mệnh lại càng não nhân (KOM)

37: Êm *niềm* trướng rủ màn che (KOM)

39: *Tiết vừa* con én đưa thoi (LVĐ, QVĐ)

44: Lễ là tảo mộ *gọi* là đạp thanh (QVĐ)

http://tieulun.hopto.org

48: Ngựa xe như nước, áo quần như 揇 *nêm* (KOM)

Ngựa xe như nước, áo quần như *nêm* 拵 *(QVĐ)*

Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim trong quyển *Truyện Thúy Kiều* bản in lần thứ ba (1934) có ghi chú: "Các bản cũ đều in chữ 揇 hay là ? nghĩa là đông người. Tục ngữ có câu: *Chật như nêm cối.* Có người đọc ra chữ *nen,* nói là ví như một thứ cây thường mọc chen chúc nhau ở sườn núi. Chữ *nen* không phổ thông mà nghe có ý cầu kỳ".

50: Thoi vàng 鈽 *bó* rắc, tro tiền giấy bay (QVĐ)

Chữ *bó* viết có bộ 金 *kim* thì không hợp lý vì viết như vậy phải đọc là *búa.* Chữ *bó* thường viết 抪 . Bản (KOM) viết 紵 (vó).

53: Bước *lần* theo ngọn tiểu khê (BK-TTK)

54: *Nhìn* xem phong cảnh có bề thanh thanh (BKD)

57: Sè sè *nắm* đất bên đường (LVĐ, QVĐ)

60: Mà đây hương khói vắng *tỉnh* thế mà (QVĐ)

62: Đạm Tiên nàng ấy *vốn* là ca nhi (QVĐ)

64: Xôn xao ngoài cửa *kém* gì yến anh (QVĐ)

65: *Phận* hồng nhan có mong manh (BK - TTK)

69: Thuyền tình vừa ghé *đến* nơi (LVĐ – QVĐ)

71: Buồng không lạnh *ngắt* như tờ (QVĐ)

Buồng không *lặng* ngắt như tờ (KOM)

74: Khéo vô duyên *mấy* là mình với ta (KOM)

75: Đã *đành* duyên trước *chẳng* mà (KOM)

76: Thì chi chút *đích* gọi là duyên sau (KOM)

78: *Bụi hồng* một nấm mặc dầu cỏ hoa (KOM)

Vùi nông một *nắm* mặc dầu cỏ hoa (LVĐ, QVĐ)

81: Lòng đâu sẵn *món* thương tâm (KOM, KB – TTK)

82: *Thốt* nghe Kiều đã đầm đầm châu sa (QVĐ)

84: Lời rằng *phận bạc* cũng là lời chung (QVĐ)

85: Phũ phàng chi với hóa công (QVĐ)

87: Sống làm vợ *chắp* người ta (KOM)

Sống *thời tình chẳng riêng ai,*

88: Khéo tay thác xuống *ra ngoài tình không* (LVĐ)

Hại thay thác xuống làm ma không chồng (BK-TTK)

http://tieulun.hopto.org

92: Sẵn đây ta kiếm một vài *nặng* hương (QVĐ)
Sẵn đây ta *thắp* một vài nén hương (TĐ)
95: Lầm rầm khấn *vái* nhỏ to (QVĐ)
96: Sụp ngồi vài *ngất* trước mộ bước ra (QVĐ)
99: *Chiếc* trâm sẵn giắt mái đầu (KOM)
100: Vạch da cây vịnh *tám câu bốn* vần (KOM)
102: Lại càng đứng *sững* tần ngần *chửa* ra (KOM)
104: Sầu tuôn *lai láng*, châu sa vắn dài (QVĐ)
106: Khéo dư nước mắt khóc người *cổ sơ* (KOM)
107: Rằng: Hồng nhan tự *nghìn* xưa (LVĐ, BK-TTK)
112: Một *điều* là một vận vào khó nghe (QVĐ)
114: Bóng chiều đã ngả dặm *hòe* còn xa (LVĐ)
116: *Chết* là thể phách, còn là tinh anh (LVĐ)
117: Dễ *thay* tình lại gặp tình (LVĐ, KOM, QVĐ)
(Đây để theo bản Quốc ngữ BK-TTK)
121: Ào ào *trút* lộc rung cây (KOM)
Ào ào đổ lộc *đưa* cây (LVĐ)
124: Dấu giày *rõ* bước *rêu in* rành rành (QVĐ)
127: Hữu tình ta lại *biết* ta (QVĐ)
128: *Chẳng* nề u hiển mới là chị em (QVĐ)
139: Tuyết in sắc ngựa câu *dồn* (KOM)
Tuyết in sắc ngựa câu *dòn* (BK-TTK)
140: Cỏ pha *mùi* áo nhuộm non da trời (LVĐ, KOM, QVĐ, BK-TTK)
146: Hai 喬 *kiều* e lệ nép vào dưới hoa (KOM)
Hai Kiều *e mặt* nép vào dưới hoa (LVĐ, QVĐ)
151: Phong tư tài mạo *tuyệt* vời (BK-TTK)
Thiên tư tài mạo tót vời (LVĐ, QVĐ)
154: Với Vương Quan trước vẫn là *song* thân (KOM)
156: Một nền Đồng Tước khóa xuân hai 嬌 *kiều* (QVĐ)
157: Nước non cách mấy buồng *điều* (LVĐ, KOM, QVĐ)
Đây theo bản BK-TTK.
160: Gặp tuần *đổi* lá thỏa lòng tìm hoa (TĐ)
Gặp tuần *đỏ* lá, thỏa lòng tìm hoa (KOM, QVĐ)
162: Xuân lan thu cúc mặn mà cả *đôi* (KOM)

http://tieulun.hopto.org

168: Khách đà *trên* ngựa người còn ghé theo (QVĐ)
Khách đà *xuống* ngựa người còn *nghé* theo (LVĐ)
169: Dưới cầu nước *dải* trong veo (QVĐ)
Dưới *khe* nước chảy trong veo (LVĐ)
170: Bên cầu tơ liễu bóng chiều *la* tha (KOM)
Bên cầu tơ liễu bóng chiều *đã ra* (LVĐ)
173: *Gương nga vằng vặc từ* song (QVĐ)
Gương nga văng vẳng từ song (LVĐ)
174: Vàng gieo *đáy nước*, cây lồng bóng sân (KOM)
175: Hải đường *rã* ngọn đông lân (LVĐ, KOM, QVĐ)
(Đây theo bản BK-TTK).

177: Một mình lặng ngắm *tố* nga (LVĐ)
Một mình *rạng* ngắm *tố* nga (QVĐ)
186: Tựa *hoa* bên *kỷ* một mình thiu thiu (QVĐ)
Tựa *ngồi* bên triện một mình thiu thiu (BK-TTK)
Tựa *làn* bên triện một mình thiu thiu (E.N)
190: *Nhạc* vàng *đãng* đãng như gần như xa (LVĐ)
195: Hàn gia ở *mái* tây thiên (BK-TTK)
200: Mà *xem* trong sổ đoạn trường có tên (QVĐ, BK-TTK)
206: Tay tiên một *vẻ* đủ mười khúc ngâm (LVĐ, QVĐ)
207: Xem thơ nức *nỏm* khen thầm (LVĐ)
213: Gió đâu *khua* bức mành mành (KOM)
Gió đâu *trịch* bức mành mành (LVĐ)
221: Nỗi riêng lớp lớp sóng *trôi* (QVĐ)
223: Giọng 嬌 *kiều* rền rĩ trước loan (KOM, QVĐ)
226: Màu hoa lê hãy *dào dề* giọt mưa (QVĐ)
230: Nhắp đi *thoát* thấy ứng liền chiêm bao (KOM)
234: *Thân* con thôi có ra gì mai sau (KOM)
235: Dạy rằng "Mộng huyễn *chắc* đâu (KOM)
236: Bỗng dưng mua não *chác* sầu nghĩ nao (KOM)
Bỗng dưng mua não chuốc sầu nghĩ *sao* (QVĐ)
238: Chưa xong điều nghĩ *lại* dào mạch Tương (KOM)
Chưa xong điều nghĩ đã dào mạch *sương* (LVĐ)
240: Nách tường bông liễu *bay sang láng giềng* (KOM)

http://tieulun.hopto.org

241: Hiên tà gác bóng *nghiêng nghiêng* (KOM, BK-TTK)

243: Cho hay là *thói* hữu tình (QVĐ)

247: Sầu *chung* càng *khắc* càng đầy (QVĐ)

Sầu đong càng *gạt* càng đầy (KOM)

Sầu đong càng *khắc* càng đầy (BK-TTK)

Đây để theo bản Tản Đà.

248: Ba thu *dọn* lại một ngày dài ghê (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

250: Bụi hồng *lẽo đẽo* đi về chiêm bao (BK-TTK)

Bóng hồng liệu nẻo đi về chiêm bao (KOM)

252: Mặt *tơ* tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng (KOM)

253: Buồng văn hơi *lạnh* như đồng (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

254: Trúc se *ngón thỏ*, tơ chùng phím loan (KOM, QVĐ)

258: Cớ chi đem *giống* khuynh thành trêu ngươi (KOM)

261: Một *dòng* cỏ mọc xanh rì (LVĐ)

Một *làn* cỏ mọc xanh rì (KOM, QVĐ)

Đây chép theo bản BK-TTK.

264: *Bông lau* hiu hắt như màu khảy trêu (KOM)

Vi lô hiu hắt như màu *gợi* trệu (LVĐ)

Vi lô hiu hắt như màu *khơi* trêu (BK-TTK)

265: Ch*ạnh* riêng *tưởng* ít *tình* nhiều (KOM)

269: *Lợ* thơ tơ liễu buông mành (QVĐ)

272: *Dãy* thềm hoa rụng biết người ở đâu (LVĐ, QVĐ)

277: Lấy điều *đạo* học hỏi thuê (LVĐ)

285: Tấc gang *đồng khóa* nguyên phong (LVĐ, QVĐ)

Tấc gang 洞錁 *động khóa* nguyên phong (KOM)

Tấc gang *động khóa nguồn* phong (TĐ)

288: Tuần trăng *điểm tốt* nay đà *thèm* hai (KOM)

295: Giơ tay *cất* lấy về nhà (QVĐ)

304: Cách tường *trên* tiếng xa đưa ướm lòng (QVĐ)

308: Ơn *người* quân tử sá gì của rơi (LVĐ)

313: Được rày *như* chút thơm rơi (LVĐ, QVĐ)

315: *Mấy* lâu mới được một ngày (KOM, QVĐ)

http://tieulun.hopto.org

319: *Bậc* mây rón bước ngọn tường (LVĐ, KOM, BK-TTK)
Vén mây *qua* bước ngọn tường (QVĐ)
Đây để theo bản HĐH.
320 Phải người hôm nọ rõ ràng chẳng *sai* (LVĐ)
322: Kẻ nhìn *tận* mặt người e cúi đầu (KOM)
325: Xương mai, tính đã *rủ* mòn (BK-TTK)
331: *Ngần ngừ* nàng mới thưa rằng (KOM, BK-TTK)
336: Trẻ con đã biết đâu mà dám thưa (LVĐ)
339: Dù *chẳng* xét tấm tình si (QVĐ)
340: Thiệt *ta* mà có ích gì đến ai (LVĐ)
341: *Chước* chi gắn bó một hai (QVĐ)
354: Giở kim *châu* với khăn hồng trao tay (LVĐ, DMT, QVĐ)
357: Sẵn tay *khăn gấm quạt* quì (KOM)
362: Chàng về *thư viện*, nàng dời lầu trang (LVĐ, QVĐ)
364: Tình càng thấm *thiết* dạ càng ngẩn ngơ (QVĐ)
367: Một tường tuyết *điểm* sương che (QVĐ)
370: *Tơ* hồng rậm lục đã chừng xuân qua (LVĐ, QVĐ)
371: Vừa ngày sinh nhật ngoại gia (KOM)
372: Trên *song* đường dưới nữa là hai em (KOM)
374: *Cần* dâng một lễ xa đem tấc thành (KOM)
375: Nhà hương thanh vắng một mình (LVĐ, QVĐ)
376: *Nẫm* cơ hội ngộ đã dành hôm nay (QVĐ)
378: Gót sen *thoát thoát* dạo ngay mé tường (KOM)
380: Dưới hoa *thấy* đã có chàng đứng *mong* (KOM)
384: Tuyết sương nhuốm nửa mái đầu hoa *râm* (KOM)
388: Lấy lòng gọi chút *ra* đây tạ lòng (KOM)
391: *Sấn* tay mở khóa động đào (KOM, QVĐ)
Đây theo bản BK-TTK
392: *Chia* mây trông tỏ lối vào Thiên Thai (QVĐ)
393: *Càng* nhìn mặt, càng thêm tươi (KOM)
396: *Ngâm* lời phong nguyệt, nặng nguyền non sông (QVĐ)
397: Trên *án* (yên) bút giá *thư* đồng (LVĐ, QVĐ)
398: Đạm thanh một bức tranh tùng treo *lên* (KOM)
400: Mặn *mà* nét bút càng nhìn càng tươi (QVĐ)

http://tieulun.hopto.org

403: *Ngộ khi* gió táp mưa sa (LVĐ)

406: Nàng Ban ả Tạ cũng đâu thế *vầy* (KOM, BK-TTK)

407: Kiếp tu xưa ví *chẳng* dày (LVĐ, QVĐ)

408: Phúc nào *nhắc* được giá này cho ngang (KOM)

409: Nàng rằng: *Lẫm* liệt dung quang (LVĐ)

410: Chẳng sân ngọc bội *thì* phường kim môn (LVĐ, QVĐ)

414: *Cứ trong tướng pháp lắm thầy chê bai* (KOM)

417: Trông người lại ngắm *vào* ta (KOM)

421: *Dù đâu* giải kết đến điều (LVĐ, QVĐ)

422: Thì đem vàng đá mà liều *cho* thân (KOM)

432: Xăm xăm băng *nẻo* vườn khuya một mình (KOM)

Xăm xăm *đè lối* vườn khuya một mình (QVĐ)

Đây theo bản BK-TTK.

433: Nhặt thưa *hoa giọi* đầu cành (QVĐ)

434: Ngọn đèn trông *suốt* trướng huỳnh hắt hiu (QVĐ)

Ngọn đèn trông *thấy* trướng huỳnh hắt hiu (LVĐ)

Ngọn đèn trông lọt trướng *bình* hắt hiu (KOM)

435: Sinh *còn* tựa án thiu thiu (KOM)

437: Tiếng *lên* sẽ động giấc hòe (LVĐ)

439: Bâng khuâng đỉnh *núi* non Thần (QVĐ)

442: Vì hoa *cho* phải *đổ* đường tìm hoa (QVĐ)

Vì hoa cho phải *trổ* đường tìm hoa (LVĐ)

448: Tóc mây một *cuộn* dao vàng một đôi (QVĐ)

450: Đinh ninh hai *miệng* một lời song song (BK-TTK)

454: Dải *the* hương lộn, bình gương bóng lồng (LVĐ, QVĐ)

456: Bấy lâu nay một *tấm* lòng đã cam (QVĐ)

461: *Xin* điều nguyệt nọ hoa kia (KOM)

463: Rằng: "Nghe *tiếng nổi* cầm đài (QVĐ)

Chàng rằng: "Nghe nổi cầm đài (LVĐ)

469: Nàng rằng: "Nghề mọn riêng *tây* (KOM, QVĐ)

470: Làm chi cho *nặng* lòng này lắm thân (KOM, QVĐ)

471: *Lựa* dần dây vũ dây văn (LVĐ, KOM)

478: Một rằng *Hoa nhạc, một* rằng *Quy vân* (KOM)

482: Đục như *nước* suối mới sa nửa vời (LVĐ, KOM, BK-TTK)

http://tieulun.hopto.org

484: Tiếng mau *dào dập* như trời đổ mưa (QVĐ)

486: Khiến người ngồi *đấy* cũng ngơ ngẩn sầu (QVĐ)
Khiến người ngồi *đấy mà* ngơ ngẩn sầu (LVĐ)

487: Khi tựa 蹌 *gối,* khi cúi đầu (QVĐ)

491: Lựa chi những bậc *thanh* tao (QVĐ)
So chi những bậc tiêu tao (LVĐ, BK-TTK)

492: *Thiệt* lòng mình cũng *lao đao* lòng người (QVĐ)
Thiệt lòng mình cũng *thanh tao* lòng người (LVĐ)

497: *Ngọn* lan càng tỏ thức hồng (KOM)

498: Đầu mày *đuôi* mắt càng nồng tấm *thiên* 天 (KOM)
Đầu mày cuối mặt càng nồng tấm yêu 夭 (LVĐ)

502: *Để* cho thưa hết một lời đã nao (KOM)

503: Vẻ *gì* một đóa yêu đào (KOM)
Vẻ *gì* một đóa đào *yêu* (LVĐ, QVĐ)

508: *Những* con người ấy ai cầu làm chi (KOM)

514: Quá chiều *trước* đã chán chường yến anh (KOM)

515: Trong khi chắp cánh *trên* cành (QVĐ)
Trong khi *tựa* cánh liền cành (LVĐ)

516: Mà lòng rẻ rúng đã *trình* một bên (KOM, QVĐ)
Đây theo bản BK-TTK.

518: *Xui* duyên đằm thắm ra duyên bẽ bàng (KOM)

522: Còn thân *còn một* đền bồi có khi (KOM, BK-TTK)

525: Bóng tàu vừa lạt vẻ *sân* (LVĐ, QVĐ)

526: Tin đâu đã *gõ* cửa ngăn gọi vào (KOM)
Tin đâu đã *thấy* cửa ngăn gọi vào (BK-TTK)

527: Nàng thì vội trở buồng *đào* (QVĐ)

528: Sinh thì dạo *bước* sân đào vội ra (QVĐ)
Sinh thì dạo gót sân đào *bước* ra (KOM)

529: Cửa *ngoài* vừa ngỏ theo hoa (KOM)

531: Đem tin thúc phụ *trên đường* (KOM)

531: *Mở xem* thủ bút nghiêm đường,
Nhắn rằng: Thúc phụ xa đường mệnh chung.
Hãy còn ký táng Liêu Đông,

http://tieulun.hopto.org

Cố hương khơi diễn nghìn trùng sơn khê.
Rày đưa linh thấn về quê,
Thế nào con cũng phải về hộ tang.
(Bản KOM đã chép theo bản Kinh 6 câu này).

548: *Nhẩn nha* nàng mới giãi lời trước sau (LVĐ)
Ngại ngần nàng mới giãi lời trước sau (QVĐ)

549: Ông tơ *gàn quải* chi nhau (KOM, BK-TTK)

550: Chưa vui sum họp đã sầu chia *bôi* (QVĐ)

552: Dẫu *sai* mái tóc, dám dời lòng tơ (QVĐ)

565: Buồn *trong* phong cảnh quê người (LVĐ)

569: Nàng *thì* đứng tựa hiên tây (LVĐ, QVĐ)

572: Hoa trôi *giạt* thắm, liễu xơ xác vàng (BK-TTK)

574: Một đoàn mừng thọ ngoại hương *vừa* về (QVĐ)

575: Hàn huyên chưa kịp *giãi giề* (BK-TTK, HĐH)

576: Sai nha bỗng thấy bốn bề *lao xao* (KOM, HĐH)

578: Đầu trâu mặt ngựa ào ào như *lôi* (LVĐ)

582: Rụng rời khung dệt tan tành *gối* may (KOM, TĐ)
Rụng rời giọt liễu, tan tành *gối mai* (QVĐ, BK-TTK)
Rụng rời *giọt liễu*, tan tành *cội mai* (LVĐ)
Rụng rời *giậu liễu*, tan tành *cội mai* (HĐH)
Đây để theo bản DMT.

584: Sạch sành sanh *quét* cho đầy túi tham (QVĐ)

586: Này ai đan *dập* giật giàm bỗng dưng (QVĐ, BK-TTK)

588: Phải tên xưng xuất *tại* thằng bán tơ (LVĐ, KOM, BK-TTK)

590: Tiếng oan dậy đất, án ngờ *dựng* mây (LVĐ, QVĐ)

591: Hạ từ van *lạy* suốt ngày (BK-TTK)
Hạ từ van vỉ *trót* ngày (QVĐ)

594: Dẫu *mà* đá cũng nát gan lọ người (KOM)
Dẫu *người* đá cũng nát gan lọ người (LVĐ, QVĐ)

602: Chữ tình, chữ hiếu bên nào nặng hơn (LVĐ, QVĐ)

606: *Hãy* cho để thiếp bán mình chuộc cha (KOM)

610: Vì nàng *nghỉ* cũng thương thầm xót vay (KOM, BK)

615: Thương *lòng* con trẻ thơ ngây (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

616: Gặp cơn vạ *gửi* tai bay bất kỳ (KOM)

http://tieulun.hopto.org

622: Tin sương đồn *dậy* xa gần xôn xao (LVĐ)

627: Quá niên trạc ngoại *tư* tuần (LVĐ)

629: Trước thầy sau tớ *lao xao* (KOM)

631: Ghế trên ngồi tót *sẵn* sàng (QVĐ)

633: Nỗi mình *đương* tức nỗi nhà (KOM)

635: Ngại ngùng *dạn* gió e sương (QVĐ)

Ngại ngùng *dín* gió e sương (BK-TTK)

636: *Nghi* hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày (LVĐ, QVĐ)

638: Nét buồn như cúc, *mình* gầy như mai (QVĐ)

644: Sính nghi *vâng* dạy bao nhiêu cho tường (KOM)

Sính nghi *vâng* dạy bao nhiêu *đấy trình* (LVĐ - QVĐ)

Đây theo bản BK-TTK.

645: Mối rằng: *Giá đáng* nghìn vàng (QVĐ, BK-TTK)

646: *Ngặt* nhà nhờ lượng người thương dám nài (KOM)

Rấp nhà thờ lượng người thương dám nài (BK-TTK)

648: Giờ lâu ngã giá *chịu* ngoài bốn trăm (KOM)

Giờ lâu ngã giá *ra* ngoài bốn trăm (QVĐ)

Đây theo bản BK-TTK.

651: Định *kỳ* nạp thái vu quy (QVĐ)

Định *thời* nạp thái vu quy (LVĐ)

652: Tiền lưng đã *có* việc gì chẳng xong (LVĐ, QVĐ, BK)

656: Nhìn nàng ông *đã* mau sa ruột rầu (LVĐ, QVĐ)

659: Trời làm chi cực *mấy* trời (KOM)

661: *Phủ cân* bao quản thân tàn (LVĐ, KOM)

Búa *cân* bao quản thân tàn (QVĐ)

662: Nỡ đày đọa trẻ, càng oan *thác* già (LVĐ, QVĐ)

663: Một *đời* sau trước cũng là (QVĐ)

665: Theo lời *như* chảy dòng châu (LVĐ, QVĐ)

666: Liều mình ông *đã* gieo đầu tường vôi (QVĐ, BK-TTK, LVĐ)

667: Vội vàng kẻ giữ người *lôi* (QVĐ)

669: Vẻ chi một *tấm* hồng nhan (LVĐ, QVĐ)

673: Chồi xuân tuổi hạc càng cao (KOM)

Xuân huyên tuổi hạc càng cao (LVĐ, QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK.

http://tieulun.hopto.org

675: *Lượng trên* dù chẳng dứt tình (KOM)

676: Gió *mây* âu hẳn tan tành nước non (QVĐ)

677: Thà rằng liều một *mình* con (KOM)

679: Phận *đành* đành vậy cũng vầy (KOM)

681: Cũng đừng tính quẩn *lo* quanh (BK-TTK)

688: Cầm dây chẳng *nghĩ* buộc vào tự nhiên (LVĐ, QVĐ)

689: Trong tay sẵn có đồng tiền (BK-TTK)

696: Áo dầm giọt *tủi tóc* chia mái *sầu* (KOM)
Áo dầm giọt lệ *tơ* xe mối sầu (QVĐ)

698: *Chút* lòng đeo đẳng bấy lâu một lời (LVĐ, KOM, QVĐ)
Đây theo bản BK-TTK.

706: Kiếp này thôi thế *là* thôi còn gì (KOM)

712: Dầu chong trắng *đọi* giọt tràn thấm khăn (QVĐ)
Dầu chong trắng đĩa, *giọt* tràn thấm khăn (LVĐ)
Dầu chong trắng đĩa *giọt* tràn *thắm* khăn (KOM)

714: Dưới đèn ghé *lại* ân cần hỏi han (QVĐ)

718: Nỗi riêng còn mắc *với* tình chi đây? (LVĐ, QVĐ)

724: Ngồi *trên* cho chị lạy rồi sẽ thưa (QVĐ)

726: *Giao* loan chắp mối tơ thừa mặc em (BK-TTK)

730: Hiếu tình *có* lẽ hai bề vẹn hai? (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

735: Chiếc *vành* với bức tờ mây (QVĐ, BK-TTK)

740: Phím đàn với mảnh *gương* nguyền ngày xưa (LVĐ)
Phím đàn với *tấm gương* nguyền ngày xưa (QVĐ)

742: Đốt lò hương ấy *lựa* tơ phím này (KOM)
Đốt lò hương ấy *tắt* tơ phím này (QVĐ)

748: *Tưới* xin *giọt lệ* cho người thác oan (LVĐ, QVĐ)

749: Bây giờ *gương vỡ người* tan (KOM)

752: *Mây tơ* ngắn ngủi có ngần ấy thôi (LVĐ, QVĐ)

754: Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ *dường* (QVĐ)

757: Cạn lời *hồn dứt máu say* (QVĐ)
Xong lời *hồn dứt máu say* (LVĐ)
Cạn lời *hồn ngất máu say* (BK-TTK)

758: Một hơi lặng ngắt, đôi tay *lạnh đồng* (KOM, QVĐ)

http://tieulun.hopto.org

Bản BK-TTK cũng chép là *lạnh đồng*. Ở đây chúng tôi đã chép theo bản Hồ Đắc Hàm và Đào Duy Anh *(Tự điển Truyện Kiều)*. Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du cũng có lần dùng chữ *giá:* Câu 253: *Phòng văn hơi giá như đồng*. Chữ *giá* thì cũng như chữ *lạnh* nhưng đọc có âm hưởng hơn.

760: Một nhà *vây lớp* kẻ trong người ngoài (LVĐ, QVĐ)

764: Kiều càng nức nở *mở* không ra lời (KOM, BK-TTK)

766: Chiếc thoa *mấy bức* tờ bồi ở đây (QVĐ)

Chiếc *vành* này với tờ bồi ở đây (BK-TTK)

767: *Vì* cha làm lỗi duyên mày (QVĐ)

768: Thôi thì *việc* ấy sau này đã em (QVĐ)

773: Lạy thôi nàng mới *rén* chiềng (KOM)

Lạy thôi nàng lại *rén chiềng* (BK-TTK)

775: *Thốt* chi thân phận tôi đòi (QVĐ)

778: Khắc canh đã giục *thú* lâu mấy hồi (KOM)

780: Quản huyền đâu *lại* giục người sinh ly (LVĐ)

782: *Giọt* rơi thấm đá, tơ chia rũ tằm (KOM, QVĐ)

784: *Dầu dầu* ngọn cỏ, đầm đầm cành sương (BK-TTK)

785: Rước *dâu* về đến trú phường (KOM)

786: *Tứ* bề xuân *khóa* một nàng ở trong (KOM)

Bốn bề xuân *khóa* một nàng ở trong (TĐ)

789: Phẩm tiên *đã* đến tay hèn (QVĐ)

792: Nhị đào *đã* bẻ cho người tình chung (LVĐ, QVĐ)

796: Thân này thôi có *ra* gì mà mong (KOM)

799: Trên *án* sẵn có con dao (QVĐ)

800: Giấu cầm nàng đã *buộc* vào *giọt* khăn (QVĐ)

803: Đêm *sầu* một khắc một chầy (KOM)

805: Chẳng *là* gã Mã Giám sinh (LVĐ, QVĐ)

808: Quen *vùng* lại kiếm ăn miền nguyệt hoa (LVĐ, QVĐ)

812: *Mặt* cưa mướp đắng đôi bên một phường (KOM, QVĐ)

818: Đoạn trường lại lộ*n* mặt người vô duyên (QVĐ)

830: Cũng *là* vừa vốn còn sau thì lời (QVĐ)

832: Vốn nhà cũng tiếc, của *đời* cũng tham (KOM)

835: *Trong* trần mấy mặt làng chơi (KOM)

843: *Đến đây* đường sá xa xôi (LVĐ, QVĐ)

http://tieulun.hopto.org

845: Tiếc thay một đóa *đồ* mi (LVĐ)

846: Con ong đã *tỏ* đường đi lối về (Lê Văn Hòe)

848: *Tiếc* gì đến ngọc *thương* gì đến hương (KOM)

849: *Tiệc* xuân một giấc mơ màng (LVĐ, QVĐ)

851: *Giọt* riêng tầm tã tuôn mưa (KOM, BK-TTK)

852: Phần căm nỗi khách, phần *e* nỗi mình (QVĐ)

Phần *lo* nỗi khách, phần *dơ* nỗi mình (LVĐ)

860: Một *tình* thì chớ, hai tình thì sao? (KOM)

863: *Đánh liều* âu cũng dạng dần (KOM)

868: Mã sinh *dục dạo* vội vàng ra đi (QVĐ)

869: Đoạn trường thay lúc *lâm* kỳ (KOM)

872: Vương ông *gánh* tiệc tiễn hành đưa theo (KOM)

873: Ngoài *nhà* chủ khách dập dìu (KOM)

874: *Trong* nhà huyên với một Kiều ở trong (KOM)

875: *Càng nhìn càng* ứa giọt hồng (KOM)

879: Lỡ làng nước đục *bụi* trong (QVĐ)

884: Khi vào *dồi dắng* khi ra vội vàng (KOM)

Khi vào *đôi đóa,* khi ra vội vàng (BK-TTK)

888: *Ngắm* ra cho kỹ như hình con buôn (KOM, BK-TTK)

894: Mái ngoài nghỉ đã giục liền ruổi *đi* (KOM)

896: Trước yên ông *mới giã giề (?)* thấp cao (QVĐ)

897: Chút thân *liễu yếu* thơ đào (BK-TTK)

Xót thân *liễu yếu* thơ đào (LVĐ, QVĐ)

898: *Cực* nhà đến nỗi giấn vào tôi ngươi (KOM)

Rớp nhơ đến nỗi *buộc* vào tôi ngươi (LVĐ)

907: Đùng đùng gió giục mây Tần (LVĐ, QVĐ)

909: Trông vời gạt lệ *phân* tay (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

910: Góc trời thăm thẳm *đêm* ngày đăm đăm (KOM)

911: Nàng thì *cõi* khách xa xăm (LVĐ, QVĐ)

913: Vi *lau* san sát hơi may (KOM, QVĐ)

914: Một trời thu để riêng *say* một người (QVĐ)

917: Rừng thu *rỗ* biếc *ố* hồng (KOM)

Lầu thu từng biếc xen hồng (LVĐ)

Rừng thu từng biếc *ố* hồng (DMT)

http://tieulun.hopto.org

920: Lâm Truy vừa một tháng tròn *tới* nơi (KOM)
923: Thoắt trông *nhợt nhạt* màu da (QVĐ)
925: Trước xe *bả* lả han chào (KOM)
Trước xe lơi lả *ra* chào (QVĐ)
929: Giữa thì hương *lửa* hẳn hoi (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)
933: *Hương hôm hoa* sớm phụng thờ (QVĐ)
934: Cô nào xấu vía *cho* thưa mối hàng (LVĐ, QVĐ)
935: Cổi xiêm lột áo *sổ sàng* (HĐH)
Cổi xiêm *trút* áo *sổ sàng* (TĐ)
936: Trước *bàn* sẽ nguyện mảnh hương lầm rầm (KOM)
938: *Bướm đi ong lại* ầm ầm tứ vi (KOM)
941: *Mở* hàng buôn bán cho may (KOM)
945: Tin nhạn *vượt*, lá thư bài (KOM)
949: Lễ xong hương hỏa *từ* đường (KOM)
950: Tú bà vắt *vẻo* lên giường ngồi ngay (KOM)
952: Lạy rồi *thì* lạy cậu mày bên kia (LVĐ, QVĐ)
964: Thôi đà cướp sống *của* min đi rồi (QVĐ)
965: *Biểu* rằng: "Đi dạo lấy người (KOM)
967: Tuồng vô *sỉ* ở bất nhân (KOM)
972: *Vào nhà* phải cứ phép nhà tao đây (KOM)
974: Chẳng văng vào mặt mà mày *đành* nghe (KOM)
978: *Chập* bì tiên rắp sấn vào ra tay (BK-TTK)
981: Thôi *thôi còn* có tiếc gì (KOM)
984: Mụ còn *nhìn* mặt nàng đà quá tay (KOM)
985: Thương ôi tài sắc *mực* này (QVĐ)
987: Nỗi oan *lở vỡ* xa gần (KOM)
992: Cắt người *xem* sóc, rước thầy thuốc *thang* (LVĐ)
Cắt người coi sóc, *chạy* thầy thuốc men (KOM)
Cắt người coi sóc rước thầy thuốc *thang* (QVĐ)
994: Trong mê *đã thấy Đạm Tiên rõ ràng* (KOM)
Trong *mây* dường đã đứng bên một nàng (QVĐ)
995: *Biểu* rằng: "Nhân quả dở dang... (KOM)
998: Người dù muốn *lánh* trời nào đã cho (KOM)
999: Hãy xin *trọn* kiếp liễu bồ (KOM)
1004: *Dịu* lời khuyên giải mơn man gỡ *lần* (KOM)
Liệu lời khuyên giải mơn man gỡ dần (QVĐ)

http://tieulun.hopto.org

1006: Hoa xuân đương *chiếng*, ngày xuân còn dài (KOM)

1008: Đá vàng *chi* nỡ ép nài mưa mây (KOM)
Đá vàng sao nỡ ép nài *mây mưa* (LVĐ)

1012: Tìm nơi xứng đáng *làm con gái* nhà (QVĐ)

1017: Vả *suy* thần mộng mấy lời (KOM)

1018: Túc nhân *thì* cũng có trời ở trong (QVĐ)

1020: Làm chi *lại* một nợ chồng kiếp sau (KOM)
Làm chi *thì cũng một chồng* kiếp sau (QVĐ)
Đây theo bản BK-TTK.

1021: Lặng nghe lẩm nhẩm gót đầu (QVĐ)
Lặng nghe *thấm thía* gót đầu (BK-TTK)

1028: Phải điều lòng lại *đổi* lòng mà chơi (KOM)

1030: Trên đầu có bóng mặt trời *sáng* soi (KOM)

1032: Đành lòng nàng *mới* sẽ nguôi nguôi dần (KOM)

1033: Trước *sau ngừng biếc* tỏa xuân (QVĐ, TVK)
Trước *sau* Ngưng Bích khóa xuân (LVĐ, DMT)

1034: Vết non xa tấm trăng gần ở chung (LVĐ, QVĐ)

1035: Bốn bề bát ngát *vời* trông (KOM)

1040: Tin sương luống *hãy* rày *mong* mai chờ (KOM)
Tin sương luống *hãy* rày trông mai chờ (QVĐ, BK)
Đây để theo bản Phạm Kim Chi và Hồ Đắc Hàm.

1042: Tấm son gột *đến* bao giờ cho phai (KOM)

1044: Quạt nồng *đắp* lạnh những ai đó giờ (LVĐ, KOM, QVĐ)

1045: *Bồng* Lai cách mấy nắng mưa (LVĐ, QVĐ)

1047: Buồn trông cửa bể *gần* hôm (LVĐ, KOM, QVĐ, BK-TTK)
Đây để theo bản Hồ Đắc Hàm.

1051: Buồn trông cỏ *nội* dàu dàu (KOM)

1054: Ầm *tùng* tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi (KOM)
Âm thầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi (LVĐ)
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh *chỗ* ngồi (QVĐ)

1057: *Tần ngần* đứng rủ rèm châu (KOM)

1058: Cách *lầu* nghe có tiếng đâu họa vần (LVĐ, QVĐ)

1060: Hình dung chải chuốt áo khăn *gọn gàng* (KOM)

1064: Trông *nàng, chàng* cũng ra tình đeo đai (BK-TTK)
Trông *nàng, chàng cũng ra tình chơi vơi* (KOM)

http://tieulun.hopto.org

擬浪拱脈書香
嗨囉買別浪払楚鄉
膆娥濕倘帶萌
氅払娘拱羅情刀帶
嗼喂色渃香歪
惜朱凳俸落類典低
桂齁胰香連歪
鶴懇女底朱苔墮花

又一本云

價停齁月連還
花夠花窖包苔閉花
妥肝稹悚歪豃
悉尼埃煘朱些咳悉
嬋娟啻別英雄
羅秺操櫃數籠如制
惜調林庄別些
衛珠澸玉易陀如制

http://tieulun.hopto.org

1075 窻秋包怯翅外
聰群同望汆唑鐵釘
擬臥催吏擬命
感悉洙悴辣情巴爲
仍羅吝呂爛湄
1080 劫風塵別包賒羅催

1067: Ở đoạn từ câu 1067 đến câu 1072, bản Duy Minh thị chép chỉ còn có 4 câu:

Quế trong trăng, hương trên mây, [1]
Hạc bay nỡ để cho đày đọa hoa.
Tiếc điều lầm chẳng biết ta,
Về châu vớt ngọc dễ đà như chơi.

nhưng lại có chép thêm một đoạn *dị khảo* như sau:

Giá đành trong nguyệt trên mây,
Hoa sao hoa khéo dã dày bấy hoa,
Nổi gan [2] *riêng giận trời hoa,* [3]
Lòng này ai tỏ cho ta hỡi lòng.
Thuyền quyên ví biết anh hùng,
Ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi.

Bản Abel des Michels đã chép theo bản Duy Minh thị nhưng đã sửa lại mấy chữ.

1068: Hoa sao hoa khéo *dã dày với* hoa (LVĐ, QVĐ)

1069: *Sốt* gan riêng giận trời già (QVĐ)
Nổi gan riêng giận trời già (BK-TTK)
Nhớ gan riêng giận trời già (LVĐ)

1073: Song thu nửa khép cánh ngoài (KOM)

---

1. Bản A.M chép là: *Quế trong trăng, hương trên trời.*

Chữ *hương* này bản DMT chép là chữ 杳 (yếu) nhưng đúng ra là chữ 杏 (hạnh).

2. Bản A.M chép là *"nổi cơn"*.

3. Bản A.M đã sửa *trời hoa* là *trời già*.

http://tieulun.hopto.org

1076: Cám lòng chua xót, lạt tình *chơ vơ* (KOM, BK-TTK)
Cam lòng chua xót lạt tình *như vi* (LVĐ)
1079: *Đành* liều nhắn một hai lời (QVĐ)
1083: Tan sương vừa *sáng* ngày mai (KOM)
1091: Chim hôm *thôi thoát* về rừng (QVĐ)
1092: *Đoá* trà mi đã ngậm trăng nửa vành (BK-TTK)
Giá trà mi đã ngậm trăng nửa *mành* (DMT–PVĐ)
Đoá trà mi đã ngậm trăng nửa *mành* (TVK)
1094: Dẩy song đã thấy Sở Khanh *bước* vào (KOM)
Chữ 杞 có thể phiên âm là *dấy* hoặc *đấy*, bản thì chép là *rẽ*.
Chữ 躡 có thể phiên âm là *lén* hoặc *lẻn* nên các bản Quốc ngữ cũng có bản chép là *lén*, cũng có bản chép là *lẻn*.
Đẩy song đã thấy Sở Khanh lẻn vào (LVĐ)
Rẽ song đã thấy Sở Khanh lẻn vào (BK-TTK)
Đẩy song đã thấy Sở Khanh *lén* vào (HĐH)
1098: Lạc *đường* mang lấy nợ nần yến anh (LVĐ, QVĐ)
1101: Lặng *ngồi sẩm* tiếng gật đầu (LVĐ)
Lặng *ngồi thấm thía* gót đầu (QVĐ)
Lặng *ngồi* lẩm nhẩm gật đầu (BK-TTK)
1102: Ta đây *phải mượn* ai đâu mà rằng (LVĐ, KOM, BK-TTK)
1105: Nàng rằng: "Muôn *đội* ơn người (BK-TTK)
1110: Ba mươi sáu chước, chước gì *lại* hơn (LVĐ, QVĐ)
1111: Dù khi gió *kíp* mưa đơn (KOM)
1114: Song đà quá *đất* quản gì được thân (QVĐ)
1115: Cũng liều nhắm mắt *dời* chân (LVĐ)
1117: Cùng nhau lẻn bước *dưới* lầu (QVĐ)
1119: Đêm thu khắc *vợi* canh tàn (DMT - KOM)
1120: Gió *rừng* trút lá, trăng ngàn ngậm gương (KOM)
Gió rừng *lọt* lá, trăng ngàn ngậm gương (QVĐ)
Gió cây *lọt* lẫ trăng ngàn ngậm gương (LVĐ)
1121: Lối mòn *lướt mướt* hơi sương (KOM)
Lối mòn cỏ lợt *mùi* sương (QVĐ, BK-TTK)
1126: Sở Khanh đã *dứt* dây cương lối vào (QVĐ)
1129: Hóa nhi *thiệt* có nỡ lòng (KOM)

http://tieulun.hopto.org

1132: Vuốt đâu *dưới* đất, cánh đâu trên trời (LVĐ, QVĐ)

1133: Tú bà tốc thẳng đến *ngay* (LVĐ)

1134: *Ầm ầm* áp điệu một hơi tại nhà (LVĐ, QVĐ)

1135: *Hung hành* chẳng hỏi chẳng tra (QVĐ)

1140: Uốn lưng *núi* đổ, cất đầu máu sa (BK-TTK)

Uốn lưng thịt đổ, *giập* đầu máu sa (BK-TTK)

1143: Bây giờ sống *chết* ở tay (QVĐ)

1148: Chút lòng trinh bạch từ sau *xin* chừa (HĐH)

1154: *Đón rào* đến mức nồng nàn mới tha (KOM, QVĐ)

Đây theo bản BK-TTK, HĐH, TĐ.

1156: Mã Kiều lại *hở ý* ra dặn lời (LVĐ, QVĐ)

1159: *Bạc* tình nổi tiếng lầu xanh (KOM, BK-TTK)

1161: Đà đao *sắp* sẵn chước dùng (KOM)

1163: Có ba *trăm* lạng trao tay (QVĐ)

1164: Không dưng chi có *người* này *nọ* kia (LVĐ, QVĐ)

1166: Bớt lời *thôi* chớ *nói chi* nước đời (QVĐ)

Bớt lời liệu chớ *trây chi mà* đời (BK-TTK)

1171: Sở Khanh *liền* tiếng rêu rao (QVĐ)

1172: *Độ* nghe rằng có con nào ở đây (QVĐ)

Nọ nghe *rằng* có con nào ở đây (BK-TTK)

Mảng nghe *rằng* có con nào ở đây (LVĐ)

1177: Sở Khanh *thét* mắng đùng đùng (LVĐ, QVĐ)

1181: *Phỉnh* người dẫy xuống giếng *khơi* (KOM)

1188: *Chờ xong* nghỉ mới *tìm* đường tháo lui (QVĐ)

1199: Vừa tuần nguyệt *rạng* gương trong (QVĐ)

1200: Tú bà ghé *đến* thong dong dặn dò (KOM)

1203: Nàng rằng: "*Mây* gió dập dìu (QVĐ)

1206: *Bỗng dưng* ai mất tiền hoài đến đây (KOM)

1213: Khi khóe hạnh, *lúc* nét ngài (LVĐ, QVĐ)

1214: Khi ngâm *nghĩ* nguyệt, khi cười cợt hoa (QVĐ)

1216: Đủ ngần ấy nết mới là *làng* soi (KOM)

1217: *Cúi* đầu vâng dạy mấy lời (QVĐ)

1221: *Tủi* mình cửa các buồng khuê (LVĐ)

1230: Cuộc say đầy tháng, trận cười *trót* đêm (QVĐ)

http://tieulun.hopto.org

1233: Khi *say* rượu, lúc tàn canh (QVĐ)

1240: Những mình nào *có biết* xuân là gì (KOM)

1242: Nửa rèm tuyết ngậm, bốn *bề* trăng thâu (BK-TTK, HĐH)

Nửa rèm *mây ngỏ*, bốn *mùa* trăng thâu (LVĐ)

1250: Ngẩn ngơ trăm *mối* dùi mài một thân (QVĐ)

1251: *Mủi* lòng đòi đoạn xa gần (LVĐ)

1253: *Nhờ* ơn chín chữ cao sâu (BK-TTK)

1260: Xa xôi, ai có *biết* tình chăng ai (LVĐ, KOM, QVĐ, BK-TTK)

Đây để thao bản Nôm *Kim Vân Kiều hợp tập* (Khải Định năm thứ chín, 1924) và bản Chiêm Vân thị.

1263: Tình sâu mong trả nghĩa *đầy* (KOM)

1264: Hoa kia đã chắp *cội* này cho chưa (KOM)

Hoa kia đã chắp *cây* này cho chưa (LVĐ, BK-TTK)

1266: Giấc hương quan luống *lần* mơ canh dài (KOM, BK-TTK)

Giấc hương quan luống *mẩn* mơ canh dài (HĐH, TĐ)

1271: Đã cho lấy *kiếp* hồng nhan (KOM)

1276: Kỳ Tâm họ Thúc cũng *loài* thư hương (QVĐ)

Kỳ Tâm họ Thúc cũng *dòng* thư hương (LVĐ)

1284: *Chiều* xuân càng gió, càng mưa, càng nồng (KOM)

1294: Ngày xuân lắm lúc *quên* về với xuân (KOM)

1296: Bầu tiên *rót* rượu, câu thần nối thơ (QVĐ)

1297: Khi hương sớm, khi *mây* trưa (LVĐ, QVĐ)

1298: Bàn *trà* điểm nước, đường tơ họa đàn (LVĐ, QVĐ)

1299: Miệt *mê* trong cuộc truy hoan (KOM)

1303: Thúc sinh quen *nết* bốc rời (LVĐ, KOM, QVĐ)

Đây để theo bản E.N, BK-TTK và HĐH

1306: Máu tham *ngửi* thấy hơi đồng thì mê (KOM)

1311: Rõ *màu* trong ngọc trắng ngà (KOM, QVĐ, BK-TTK)

Đây để theo bản HĐH.

1313: Sinh càng tỏ *nết* càng khen (BK-TTK, HĐH)

1314: *Tả* tình tay thảo một thiên luật Đường (LVĐ, QVĐ)

1316: Lời lời châu *nguyệt*, hàng hàng gấm thêu (QVĐ)

1318: *Lòng* quê *dở* một vài điều ngang ngang (KOM)

Nỗi quê *còn* một hai điều ngang ngang (QVĐ)

http://tieulun.hopto.org

1319: Lòng còn gửi áng mây *Hàng* (KOM)

1321: Rằng: "Sao *có* lạ lùng thay (LVĐ)

1323: Nàng càng *tuôn* giọt thu ba (KOM)

Nàng càng *tủi xót* thu ba (LVĐ)

1324: Đoạn trường lúc ấy *dở* mà buồn tênh (LVĐ, KOM, BK-TTK)

1325: *Khác* như hoa đã lìa cành (QVĐ)

1326: Chàng như con bướm liệng vành *chút* chơi (KOM)

Chàng như con bướm *lượn* vành chút chơi (TĐ)

Chàng như con bướm *lượn* vành *mà* chơi (LVĐ)

1337: Rồi ra *lở* phấn phai hương (KOM, BK-TTK)

Rồi ra *bạc* phấn phai hương (QVĐ)

Đây để theo bản Hồ Đắc Hàm và Tản Đà.

1338: Lòng kia giữ được thường thường *thế* chăng (KOM)

Lòng kia giữ được thường thường *là* chăng (LVĐ)

1340: Chủ trương đành đã chị *Thường* ở trong (QVĐ)

1341: Bấy *giờ* khăng khít dải đồng (LVĐ)

1342: *Mấy* người, người cũng chia lòng riêng tây (QVĐ)

1343: *Vị* chi chút phận bèo mây (QVĐ)

1352: *Giấu mùi* lại tội bằng ba lửa nồng (QVĐ)

Giấu mùi lại tội bằng ba lửa hừng (TVK)

1353: Ở trên còn có nhà *thông* (KOM, BK-TTK)

Ở trên còn có nhà *xuân* (QVĐ)

1354: *Lòng* trên trông xuống biết lòng có thương (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

1358: Đành thân phận thiếp *nghĩ* danh giá chàng (BK-TTK)

1363: Đường *dài* chớ ngại Ngô Lào (LVĐ, QVĐ)

1365: Đã gần chi có đường xa (BK-TTK)

1366: Đá vàng *cũng* quyết phong ba cũng liều (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

1374: Cậy người thầy thợ, mượn người dò la (BK-TTK)

1378: Hoàn *nguyên* một thiếp thân vào cửa công (LVĐ, QVĐ)

1379: Công tư *hai* lẽ đều xong (KOM, QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK và bản TĐ.

1387: Giậu thu vừa nảy *chồi* sương (KOM)

1388: *Cổi* (cởi) yên đã thấy xuân đường đến nơi (KOM)

1390: Nặng lòng *ăm ắp*, tính bài phân chia (PVĐ)

http://tieulun.hopto.org

Nghĩ đường *e khắc* tính bài phân *ly* (Quảng tập)
Sốt lòng *e hãy* tính bài phân chia (DMT)
Nặng lòng *ôm ấp* tính bài phân chia (Ưng Dự)
1391: Quyết *nghe* biện bạch một bề (QVĐ)
1396: Dẫu rằng sấm *sét* búa rìu cũng cam (QVĐ)
1397: *Xót* vì tay đã nhúng chàm (QVĐ)
1401: Lượng trên *dù* chẳng thương tình (KOM)
1403: Thấy lời *vàng* đá tri tri (LVĐ, QVĐ)
1404: Sốt gan ông mới *thân* quỳ cửa công (KOM)
1408: Song song vào trước sân hoa *díu* quì (KOM)
1410: Lập nghiêm trước *hãy* ra uy nặng lời (LVĐ, QVĐ)
1412: Mà con người thế *ra* người đong đưa (KOM)
1415: Suy trong tình trạng *bên nguyên* (Văn Hòe)
1426: Ba cây *đóng chặt* một cành mẫu đơn (KOM)
1428: Đào *nhăn nhíu* má, liễu tan tác mày (KOM)
1430: Gương lờ nước thủy, mai gày vóc *xương* (KOM)
1433: Khóc rằng: "Oan *khổ* vì ta (KOM)
1433: Có nghe mình trước *chớ* đà *khỏi* sau (QVĐ)
Có nghe lời trước *chớ* đà lụy sau (BK-TTK)
1434: Cạn lòng *sinh mới* nghĩ lâu (LVĐ)
1440: Đầu đuôi kể *sự những* ngày cầu thân (QVĐ)
Đầu đuôi kể *sự ngày* ngày cầu thân (LVĐ)
1443: Tại tôi *xứng* lấy một tay (QVĐ)
1446: Dẹp uy mới dạy *mở* bài giải vi (KOM, BK-TTK)
1450: Theo đòi *cũng vả* ít nhiều bút nghiên (LVĐ, QVĐ)
1453: Nàng vâng *bút cất* tay đề (KOM)
1455: Khen rằng: "Giá *lợp* Thịnh Đường (KOM, BK-TTK)
1458: Châu Trần *lại* có Châu Trần nào hơn (KOM)
1459: Thôi đừng *trác* dữ cưu hờn (QVĐ)
1462: Ngoài thì là *lễ*, song trong là tình (LVĐ, BK-TTK)
Dẫu ngoài là phép song trong là tình (KOM)
1466: Kiệu hoa cất gió, đuốc hồng *điểm* sao (BK-TTK)
Kiệu hoa *chen* gió, đuốc hồng *điểm* sao (KOM)
1467: Bày hàng cổ *vũ* xôn xao (LVĐ, QVĐ)

http://tieulun.hopto.org

1469: Thương vì *nết*, trọng vì tài (KOM)

1471: Huệ *hương* sực nức một nhà (LVĐ, QVĐ)

1473: Mảng vui rượu sớm *cờ* trưa (LVĐ, QVĐ)

1478: Đổi thay nhạn *cá* đã *cùng* đầy niên (QVĐ)
Đổi thay nhạn *cá* đã hồng đầy niên (LVĐ)

1480: Mặn tình cát lũy, nhạt *nguyền* tao khang (KOM)

1482: Tăm hơi ai *kẻ* giữ giàng cho ta (BK-TTK)

1483: Trộm nghe kẻ *cả* trong nhà (KOM)

1489: Bấy chầy chưa tỏ *âm hao* (KOM)

1491: Xin chàng *kíp liệu* lại nhà (KOM)

1492: Trước *là* đẹp ý, sau ta biết tình (LVĐ, QVĐ)

1493: *Ví* bằng giữ mực giấu quanh (KOM)

1496: *Định tình* sinh mới quyết lòng hồi trang (QVĐ)
Định lòng sinh mới quyết *tình* hồi trang (LVĐ)
Đành lòng *chàng* mới quyết lòng hồi trang (KOM)
Đây để theo bản BK-TTK.

1497: *Sáng* ra gửi đến xuân đường (KOM)
Sáng ra gửi đến xuân đài (LVĐ)

1500: Xuân đình thoắt đã trông ra Cao đình (QVĐ)

1501: Sông Tần một dải *trong* xanh (KOM)

1502: *Lôi thôi* bờ liễu mấy cành Dương quan (LVĐ, BK-TTK)

1503: Cầm tay dài *thở ngắn* than (KOM)

1504: Chia phôi *ngại* chén, hợp tan nghẹn lời (QVĐ)

1507: Dễ *mà ép xẩm luồn* kim (KOM)

1508: Làm chi *băng* mắt bắt chim khó lòng (QVĐ)

1509: Đôi ta chút nghĩa đèo *bồng* (BK-TTK)

1511: *Dẫu* khi sóng gió bất tình (KOM)
Dù khi *mưa* gió bất tình (LVĐ)

1512: *Cả* ra uy *cả*, tôi đành phận tôi (KOM)
Lớn ra *phận* lớn, tôi đành phận tôi (QVĐ)
Đây để theo bản BK-TTK.

1518: Chén mừng xin đợi *bữa* này năm sau (KOM)
Chén mừng xin đợi *đêm* này năm sau (LVĐ, QVĐ)
Đây để theo bản BK-TTK.

http://tieulun.hopto.org

1521: Dặm *trường* bụi cuốn chinh an (QVĐ)

1527: Kể chi những *sự* dọc đường (KOM)

1531: Duyên Đằng *sớm thuận* gió đưa (KOM)

1534: Nói điều *dàm* buộc thì tay cũng già (KOM, QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK.

1536: Miệng người đã lắm, tin nhà *còn* không (KOM)

1538: *Trách* người đen bạc ra lòng trăng hoa (KOM)

1540: Cũng dong kẻ dưới mới là *người* trên (KOM)

1542: *Hay* chi mà rước tiếng ghen vào mình (QVĐ)

1552: Cho người *tham* ván bán thuyền biết tay (KOM)

Cho người *buôn* ván bán thuyền biết tay (QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK.

1555: Tuần sau bỗng *có* hai người (KOM)

1556: Mách tin *rắp* cũng liệu bài *tân* công (KOM)

1561: Vội vàng *làm dữ* ra uy (KOM)

1565: Buồng *điều* khuya sớm thảnh thơi (KOM)

1567: Đêm ngày lòng những *giận* lòng (BK-TTK)

1570: Chữ tình càng *đượm*, chữ duyên càng nồng (LVĐ)

1575: Mấy phen cười *tỉnh* nói say (KOM)

1578: Nào ai *có* khảo mà mình đã xưng (KOM, QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK.

1582: Tiểu thư lại giở những *điều* đâu đâu (LVĐ)

1585: *Gớm* cho những miệng dông dài (KOM)

1589: Thấy lời *đủng đỉnh* như chơi (QVĐ)

1592: Đèn khuya *chong* bóng, trăng tròn sánh vai (QVĐ)

Đèn khuya *dong* bóng, trăng tròn sánh vai (LVĐ)

1593: *Non* quê thuần hức bén mùi (LVĐ, QVĐ)

1594: Giếng vàng đã *nảy* một vài tin ngô (QVĐ)

1596: Một *niềm* quan tái, mấy mùa gió trăng (LVĐ, BK-TTK)

1597: Tình riêng chưa dám *hở* răng (KOM)

1600: Lâm Truy cũng *liệu* tính mà thần hôn (QVĐ)

1601: Được lời như *mở* tấc son (LVĐ, KOM, QVĐ)

http://tieulun.hopto.org

Đây để theo bản E.N và BK-TTK.

1606: Xe hương *thư* cũng thuận đường quy ninh (KOM)

Xe hương nàng *đã* thuận đường quy ninh (LVĐ, QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK.

1609: Nghĩ rằng: "*Nhận lấy* hờn ghen (QVĐ)

Nghĩ rằng: *Giận ghẻ* hờn ghen (LVĐ)

1615: *Đóng* thuyền lựa mặt gia nhân (QVĐ)

1616: Hãy đem dây *thắm* buộc chân nàng về (LVĐ, QVĐ)

1617: Làm cho, cho *dại* cho mê (KOM)

1620: Sao cho để một *tiếng* cười về sau (LVĐ)

1624: Khuyển Ưng lại chọn một *vài* côn quang (LVĐ, QVĐ)

Khuyển Ưng lại *lựa* một bầy côn quang (BK-TTK)

1626: Thuận *buồm* một lá vượt sang *bể* Tề (KOM, QVĐ)

Thuận phong một lá vượt sang *bến* Tề (BK-TTK)

Đây để theo bản Tản Đà.

1631: Tóc thề đã chấm *quanh* vai (LVĐ)

1634: *Nhân* duyên biết có vuông tròn cho chăng? (QVĐ)

1635: Thân sao *nhiều* nỗi bất bằng (BK-TTK)

1636: Liễu như *ả Tố cung trăng nghĩ nào* (KOM)

Liễu như cung Quảng ả Hằng nghĩ *nau !* (BK-TTK)

1637: Đêm *sầu* gió lọt song đào (QVĐ)

1639: Nén hương đến trước *Phật* đài (KOM)

1640: Nỗi lòng khấn *hết mọi* lời vân vân (QVĐ)

1642: Ầm ầm khốc quỉ kinh thần *nhảy* ra (KOM)

1643: Đầy sân gươm tuốt sáng *lòe* (BK-TTK)

1647: *Đặt* ngay lên ngựa tức thì (KOM)

Nhảy ngay lên ngựa tức thì (LVĐ)

1648: Phòng *thêu* viện sách, bốn bề lửa dong (KOM)

Phòng *đào* viện sách *tứ* bề lửa dong (QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK.

1650: Đem vào để *đánh* lận sòng ai hay (KOM)

1652: *Xông pha* bụi cỏ gốc cây ẩn mình (KOM)

1655: Tớ thầy *tốc* thẳng đến nơi (QVĐ)

Tớ thầy *nhảy* thẳng đến nơi (LVĐ)

http://tieulun.hopto.org

1661: Chạy *ra* chốn cũ phòng hương (LVĐ, QVĐ)

1662: *Trông* than thấy một đống xương cháy tàn (QVĐ)

Trong *than* thấy một đống xương cháy tàn (KOM)

Đây để theo bản BK-TTK.

1665: Thúc ông *rơi giọt* ngắn dài (KOM, QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK.

1671: Bước vào chốn cũ lầu *thư* (KOM, BK-TTK)

1672: *Vôi* than một đống nắng mưa bốn tường (QVĐ)

1677: Gieo mình vật *vã* khóc than (QVĐ)

1682: *Đoạn trường ai có qua cầu mới hay?* (KOM)

Dễ ai rấp thảm quạt sầu cho *hay* (QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK.

1684: *Bay* phù *việc* quỉ cao tay thông huyền (QVĐ)

1685: Trên tam *bảo*, dưới cửu tuyền (LVĐ, QVĐ)

1687: Sắm sanh lễ vật *rước* sang (KOM, BK-TTK)

1690: Xuất thần giây phút chưa tàn *triện* hương (QVĐ)

1693: Người này nặng *nghiệp* oan gia (KOM)

1695: Bột cung đang mắc nạn to (LVĐ, QVĐ)

Bột cung *chừng* mắc nạn to (QVĐ)

1697: Hai bên giáp mặt *nhiều phen* (KOM)

1698: Muốn *nhận* mà chẳng dám *nhận* lạ thay (QVĐ)

(Chữ 聡 nhìn đã bị khắc sai thành chữ 認 nhận)

1699: *Điều đâu* nói lạ dường này (KOM)

1705: Đành rằng nàng đã Cửu nguyên (KOM)

1708: Đem nàng đưa xuống để an dưới thuyền (KOM)

1710: Đè chừng *Vô Tích* băng miền vượt sang (KOM)

1711: Dỡ đò, lên trước sảnh đường (BK-TTK)

Chở đò lên trước sảnh đường (LVĐ)

1713: Đem nàng *bỏ* xuống *cửa* phòng (KOM)

1715: *Mơ màng* chợt tỉnh hồn mai (KOM)

Hoàng lương *nghe* tỉnh hồn mai (LVĐ, QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK.

1716: Cửa nhà đâu *tá* lâu đài nào đây (KOM)

1718: Sảnh đường *vẳng* tiếng đòi ngay lên hầu (QVĐ)

http://tieulun.hopto.org

1719: *Liễu* hoàn *lên xuống* giục mau (KOM)
Ả hoàn trên dưới giục mau (QVĐ)
Đây để theo bản BK-TTK.
1720: Hãi hùng nàng mới theo sau *mọi* người (KOM)
1721: *Nhìn* trông tòa rộng dãy dài (LVĐ, QVĐ)
1722: Thiên quan *gia* tể có bài treo lên (QVĐ)
Ở đây khắc sai chữ 冢 (trủng) thành chữ 家 (gia).
1723: Ban ngày sáp thắp *đôi* bên (KOM)
1724: Giữa giường thất bảo ngồi *lên* một bà (KOM)
Trên giường thất bảo ngồi *lên* một bà (QVĐ)
Trên giường thất bảo ngồi trên một bà (LVĐ)
Đây để theo bản BK-TTK.
1726: Sự mình nàng *phải* cứ mà gửi thưa (KOM)
1728: *Mắng* rằng: "*Giống khéo* bơ thờ quen thân (KOM)
Dức rằng: "Những giống bơ thờ quen thân (BK-TTK)
Việc nàng những giống bơ thờ quen thân (LVĐ)
Tuồng gì những giống bơ thờ quen thân (E.N, HĐH)
Đây để theo bản QVĐ.
1730: Chẳng *màu* bán chúa thì quân lộn chồng (QVĐ, BK-TTK)
Chẳng *mầu* trốn chúa thì quân lộn chồng (LVĐ)
1731: Ra tuồng mèo mả *cú* đồng (QVĐ)
1734: Lại còn ***khủng khỉnh*** làm cao thế này (KOM, BK-TTK)
1737: Liễu hoàn trên dưới dạ rân (KOM)
1739: Trúc côn ra sức *rập* vào (KOM)
1744: *Phòng đào* dạy ép vào phiên thị tỳ (LVĐ, QVĐ)
1750: *Giúp* lời phương tiện, mở đường hiếu sinh (KOM)
1756: Thấy ai *quen thuộc* cũng đừng nhìn chi (LVĐ, KOM)
1758: Con *sâu* cái kiến kêu gì được oan (KOM)
1760: Nỗi lòng *no* những bàn hoàn niềm tây (LVĐ, QVĐ)
1761: Phong trần kiếp *chịu* đã đầy (KOM)
1767: Những *mong* nương náu qua thì (QVĐ)
1170: Phu nhân *lại* gọi nàng ra dạy lời (KOM)
1777: *Có khi* êm ả chiều trời (KOM)
Hỏi đêm êm ả chiều trời (LVĐ)

http://tieulun.hopto.org

1779: Lĩnh lời nàng mới *giở* dây (LVĐ)

1784: Sớm *than thở bóng, khuya năn nỉ lòng* (KOM)
Sớm năn nỉ bóng, đêm *ngơ ngẩn* lòng (LVĐ, BK-TTK)

1786: Nước *bèo* để chữ tương phùng kiếp sau (KOM, QVĐ)
Đây để theo bản BK-TTK và HĐH.

1792: *Buồng* không thương kẻ tháng ngày chiếc thân (BK-TTK)

1793: Mày *ai* trăng mới in ngần (KOM, TĐ)

1795: Sen tàn *cúc* lại nở hoa (BK-TTK, HĐH, TĐ)
Sen tàn *cúc* lại *chiếng* hoa (KOM)

1804: *Buồng* trong truyền gọi nàng ra lạy mầng (BK-TTK)

1809: Bây giờ tình mới *rõ* tình (QVĐ)

1813: Rõ ràng *thiệt* lứa đôi ta (KOM)

1816: Mà trong nham hiểm *chết* người không dao (QVĐ)

1824: Thương ôi ! *Nọ chẳng* nàng Kiều ở đây (KOM)

1827: Sợ quen dám *ngỏ* ra lời (KOM)

1836: Bắt nàng *rót rượu chực hầu đôi nơi* (KOM)

1841: *Dừng* đi, chợt nói chợt cười (QVĐ)

1842: Cáo say chàng đã *giạm* bài lảng ra (LVĐ, KOM, BK-TTK)
Cáo say chàng đã *tính* bài lảng ra (TĐ)

1847: Tiểu thư *cười* tỉnh *nói* say (KOM)

1851: Nàng đà *choáng váng* tê mê (KOM)
Nàng *càng chóng váng* tê mê (HĐH, TĐ)

1855: Cùng *chung* một tiếng tơ đồng (KOM)

1856: Người ngoài cười nụ, người trong khóc *ngầm* (KOM)

1857: *Hạt* châu lã chã khôn cầm (KOM)

1858: Cúi đầu chàng những gạt thầm giọt *Tương* (KOM)
Đây để theo bản QVĐ, BK-TTK, TĐ.

1859: Tiểu thư lại *nẹt* lấy nàng (QVĐ)

1862: Cho chàng buồn bã tội *vì* tại ngươi (LVĐ)

1864: Vội vàng *nói nói cười cười* cho qua (KOM)

1865: *Khúc* rồng canh đã điểm ba (QVĐ)

1867: Lòng riêng *tấp tểnh* mừng thầm (KOM, BK-TTK)

1868: *Buồn* này đã bõ đau ngầm xưa nay (QVĐ)
Đêm nay đã bõ đau ngầm *lâu* nay (KOM)

http://tieulun.hopto.org

1869: Sinh *càng* gan héo ruột đầy (KOM)

1876: *Đã* ra đường nấy, ai nhìn được ai? (QVĐ)

Ai ra đường *ấy,* ai nhìn được ai? (KOM, BK-TTK)

Đây để theo bản HĐH, TĐ.

1880: Gỡ cho ra *nợ* còn gì là duyên (KOM)

1881: Lỡ *dường* chút phận thuyền quyên (QVĐ)

1886: Tiểu thư *trông* mặt, đè tình hỏi tra (QVĐ)

1889: Tiểu thư *lại hỏi* Thúc sinh (LVĐ, QVĐ)

1894: *Lấy lòng* mới sẽ lựa đường hỏi tra (KOM)

1896: Thân cung nàng mới *lên* qua một tờ (LVĐ, QVĐ)

Thân cung nàng mới *thảo* qua một tờ (KOM)

Đây để theo bản BK-TTK, HĐH, TĐ.

1898: Thoắt xem dường *có* ngẩn ngơ chút tình (QVĐ, BK-TTK)

1905: Sinh rằng: "*Thiệt* có như lời (KOM)

1911: Thôi *thôi* thôi cũng chiều lòng (KOM)

1912: Cũng cho *cho nghỉ* trong vòng bước ra (KOM)

Cũng *do nghĩ ngợi* trong vòng bước ra (LVĐ)

Cũng cho *nghỉ nghị* trong vòng bước ra (BK-TTK)

Các bản HĐH, BKD, TĐ đều chép là: "*Cũng cho khỏi lụy...*" như bản Nôm QVĐ.

1915: Có *thảo* thụ, có sơn hồ (KOM)

1916: Cho nàng ra đó giữ chùa *chép* kinh (KOM)

1919: Đưa *chàng* đến trước Phật đường (LVĐ)

1921: Áo xanh đổi *bức* cà sa (KOM)

1925: Nàng từ lánh *dấu* vườn hoa (LVĐ, KOM, QVĐ)

Đây để theo bản E.N, BK-TTK, BKD, HĐH và TĐ

1927: Nhân duyên đâu *nữa mà* mong (KOM)

1929: Phật tiền thảm lấp sầu *hôi* (KOM)

1930: Ngày pho thủ tự, đêm *nhồi* tâm hương (BK-TTK)

1931: *Mát thay* giọt nước cành dương (KOM)

Đây để theo các bản BK-TTK, HĐH, TĐ

1932: *Tro* lòng tưới tắt mọi đường trần duyên (KOM)

Lò lòng tưới tắt mọi đường trần duyên (LVĐ)

1933: *Sồng nâu* từ trở màu thiền (QVĐ)

http://tieulun.hopto.org

1935: *Cửa thiền* then nhặt lưới mau (KOM)

1939: Những là ngậm thở *nuốt* than (KOM)

1943: Sụt sùi *cũng* nỗi đoạn trường (QVĐ)

1944: Giọt châu tầm tã *ướt* tràng áo xanh (KOM)

1945: *Rằng* cam chịu bạc với tình (QVĐ)

1950: Cát lầm ngọc trắng thiệt *thòi* xuân xanh (KOM)

1951: Quản chi *trên gác dưới duềnh* (LVĐ, QVĐ)

1954: *Nghiến* răng bẻ một chữ đồng làm hai (BK-TTK)

1958: *Phù trầm* cũng mặc lúc nào rủi may (QVĐ)

1960: Sống thừa còn tưởng *có* rày nữa sao? (QVĐ)

1963: *Chút* vì cầm đã bén dây (LVĐ, QVĐ)

1969: *Sợ* khi giông tố phũ phàng (KOM)

1971: Liệu mà *cao* chạy *xa* bay (LVĐ, QVĐ)

1976: Con tằm đến *chết* cũng còn vương tơ (KOM, QVĐ)

Con tằm đến *chết* cũng còn *kéo* tơ (LVĐ)

1981: Nhận ngừng nuốt tủi *bước* ra (QVĐ)

1982: Tiểu thư đâu đã *gót* hoa bước vào (QVĐ)

Tiểu thư đâu đã *lánh* hoa bước vào (LVĐ)

1988: So vào với thiếp *hương đình* nào thua (LVĐ)

1990: Nghìn vàng *thiệt* cũng nên mua lấy tài (KOM)

1991: Thiền trà cạn *chén* hồng mai (KOM)

1994: *Kề* tai, hỏi lại hoa tì trước sau (KOM)

1995: Hoa rằng: "Bà đến *bấy* lâu (LVĐ, QVĐ)

1996: Dừng chân đứng *lại* độ đâu nửa giờ (KOM)

Dón chân đứng *nép* độ đâu nửa giờ (QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK và TĐ.

2001: *Dặn* tôi đứng lại một bên (BK-TTK)

2004: Đàn bà *đến* ấy thấy âu một người (QVĐ)

2005: Ấy *mấy* gan, ấy *mấy* tài (KOM)

2006: Nghĩ càng thêm nỗi *đắng cay* rụng rời (LVĐ, QVĐ)

2010: Máu ghen ai cũng chau mày *cắn* răng (LVĐ)

2011: Thế mà *êm* chẳng đãi đằng (LVĐ, QVĐ)

2014: Cười *này* mới thực khôn lường hiểm sâu (QVĐ)

2018: *Trèo* cây lâu cũng có ngày bẻ hoa (LVĐ, BK-TTK)

http://tieulun.hopto.org

Trồng cây lâu cũng có ngày bẻ hoa (QVĐ)

2030: Tiếng gà điếm *cỏ*, dấu giày cầu sương (LVĐ, QVĐ)

2049: Xem *qua* sư mới dạy qua (QVĐ)

2050: Phải *nơi* Hằng Thủy là ta hậu tình (BK-TTK)

Chữ 尼 có thể phiên là *ni* hoặc *nơi* đều được cả.

2056: Hương đèn việc *trước*, trai phòng quen tay (QVĐ)

2057: Sớm khuya *ra mái* phướn mây (LVĐ, QVĐ, BK)

2061: Cửa thiền vừa *đã vẻ* xuân (QVĐ)

Cửa thiền vừa *đã* cuối xuân (LVĐ)

2062: Bóng hoa *đầy* đất, vẻ ngân... (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

2066: Khen *ai* khéo *tạc* của nhà Hoạn nương (QVĐ)

2075: Rỉ tai *nàng mới giãi lòng* (QVĐ)

Rỉ *nghe nàng mới giãi* lòng (LVĐ)

2078: Để chàng cho đến *nỗi* thì cũng thương (KOM)

2080: Ngồi chờ nước đến *bằng* dường còn quê (KOM)

2081: Có nhà *nàng* Bạc bên kia (LVĐ)

2083: Nhắn sang dặn *kết* mọi đường (QVĐ)

2084: Dọn nhà hãy tạm cho nàng *chứa* chân (LVĐ KOM, QVĐ)

Dọn nhà hãy tạm cho nàng *đỡ* chân (HĐH)

Đây để theo bản TVK, E.N và Quảng tập.

2089: Thấy nàng *lạt* phấn *phai* son (QVĐ)

Thấy nàng *nhạt* phấn *sàm* son (LVĐ, DMT)

2090: Mừng thầm được *buổi* bán buôn có lời (LVĐ, BK-TTK)

Mừng thầm được *món* bán buôn có lời (HĐH, TĐ)

2091: Hư không đặt *bỗng* nên lời (QVĐ)

Hư không đặt *bỏ* nên lời (LVĐ)

2092: Nàng đà *lớn sợ* rụng rời lắm phen (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

2093: Mụ càng *khua* giục cho liền (KOM)

Mụ càng *xua đuổi* cho liền (BK-TTK, HĐH)

Mụ càng xui giục cho *nên* (QVĐ)

Đây để theo bản BKD, TĐ.

2097: *Giống* oan gia của phá gia (KOM)

2103: *Có* chàng Bạc Hạnh cháu nhà (KOM)

Nay chàng Bạc Hạnh cháu nhà (LVĐ, QVĐ)

http://tieulun.hopto.org

2104: *Cùng* trong thân thích ruột rà chẳng ai (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

2105: Cửa *nhà* buôn bán châu thai (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

2109: Bấy *nay* ai lại biết ai (LVĐ)

2111: Nàng dù *chẳng quyết* thuận tình (LVĐ, QVĐ)

2112: Trái *mình* nẻo trước, lụy mình đến sau (LVĐ, QVĐ)

2121: *Sợ* khi muôn một thế nào (KOM)

2122: Bán hùm buôn *hổ* chắc vào lưng đâu (LVĐ, QVĐ)

2124: Tâm minh, xin quyết *mấy* nhau một lời (QVĐ)

2129: Một nhà dọn dẹp *lanh chanh* (KOM)

2130: Bản QVĐ khắc sai chữ 卓 (trác) thành chữ 逴 (rước)

2132: Quá lời *xin* hết Thành hoàng, Thổ công (LVĐ)

2133: *Ngoài* sân lòng đã *tỏ* lòng (KOM)

2138: Bạc sinh *xuống* trước tìm nơi mọi ngày (LVĐ)

Bạc sinh *xuống* trước tìm nơi *hỏi người* (QVĐ)

Bản QVĐ khắc sai chữ 旱日 (ngày) thành chữ 旱人 (người)

2142: Mối hàng một đã ra mười thì *buôn* (KOM)

2151: *Gớm cho* cái số hoa đào (LVĐ)

2157: Hồng quân *mấy* khách hồng quần (QVĐ)

2159: Bản KOM đã khắc sai chữ 落 (lạc) thành chữ 渃 (nước)

2165: Lần *lừa* gió mát trăng thanh (KOM)

Lần thâu gió mát *đêm* thanh (LVĐ, QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK, HĐH, TĐ.

2166: Bỗng đâu có khách biên đình *đến* chơi (LVĐ, QVĐ)

2167: Râu hùm, hàm én, mày ngài (BK-TTK)

2175: Qua chơi *thấy* tiếng nàng Kiều (LVĐ, BK - TTK)

2176: Tấm lòng nhi nữ, *dễ* xiêu anh hùng (KOM)

2178: Hai bên cùng liếc, hai lòng *cũng* ưa (QVĐ)

Hai bên *cũng* liếc hai lòng cũng ưa (BK-TTK)

2184: Bản QVĐ khắc sai chữ 坾 (chậu) thành chữ 招 (chiêu)

2200: Cười rằng: "Tri kỷ *thấy âu* mấy người (KOM)

2202: Anh hùng *biết* giữa trần ai mới già (KOM)

Anh hùng *đứng* giữa trần ai mới già (LVĐ, QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK, HĐH, TĐ.

http://tieulun.hopto.org

2207: *Sự lòng ngỏ* với băng nhân (KOM)

2208: *Hai* trăm lại cứ nguyên ngân *chiếu* hoàn (KOM)

Tiền trăm lại cứ nguyên *quân chiếu* hoàn (LVĐ)

2209: *Phòng* riêng sửa chốn thanh nhàn (LVĐ, QVĐ)

2212: Phỉ nguyền *bói* phượng, đẹp duyên cưỡi rồng (KOM)

2214: Trượng phu *chợt* đã động lòng bốn phương (QVĐ)

2218: Chàng đi thiếp cũng *quyết* lòng xin đi (KOM, QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK, HĐH.

2219: Từ rằng: "Tâm phủ tương tri (KOM)

2222: Tiếng bề dậy đất, bóng tinh rợp đường (KOM)

2226: Bản QVĐ đã khắc sai chữ 絆 (bận) thành chữ 伴 (bạn)

2230: Gió *đưa bằng tiện đã lìa* dặm khơi (KOM, BK-TTK)

2231: Nàng *thì* chiếc bóng song mai (QVĐ, BK - TTK)

2232: Đêm thâu đằng đẵng *ngày* cài then mây (LVĐ)

2235: Đoái *thương* muôn dặm tử phần (QVĐ, BK - TTK)

2239: Chốc *là* mười mấy năm trời (LVĐ, KOM, QVĐ, BK-TTK)

Đây để theo bản HĐH, TĐ.

2242: Dẫu lìa *tơ* ý còn vương tơ lòng (LVĐ, QVĐ)

2243: Duyên em dù nối *tơ* hồng (LVĐ)

2253: Người quen *thuộc*, kẻ chung quanh (KOM, BK-TTK)

2254: *Rủ* nàng hãy tạm lánh mình một nơi (QVĐ)

2260: Đồng thanh cùng *hỏi*: "Nào là phu nhân?" (QVĐ)

2263: Cung nga thể nữ *theo* sau (KOM)

2266: Hoa *bay* chấp chới, hà y rỡ ràng (LVĐ)

Hoa quan *giấp giới* hà y rỡ ràng (TVK, PKC, BK - TTK)

Hoa quan *phấp phới* hà y rỡ ràng (BKD, HĐH, TĐ)

Đây để theo bản TVK.

2268: Trúc tơ *dậy* trước kiệu vàng kéo sau (KOM)

Trúc tơ nổi trước, *đào* vàng kéo sau (QVĐ, BK - TTK)

Đây để theo bản TVK và TĐ.

2272: Từ công *lên* ngựa thân nghênh cửa ngài (QVĐ)

2273: Rỡ mình *là* vẻ cân đai (KOM, QVĐ)

Lửa mình *là* vẻ cân đai (BK-TTK)

Rõ mình *là* vẻ cân đai (BKD)

http://tieulun.hopto.org

Rõ mình lạ vẻ cân đai (TĐ)

Đây để theo bản Nôm PVĐ và bản HĐH.

2274: Hãy còn *hàm* én mày ngài như xưa (KOM, BK-TTK)

2281: Đến bây giờ mới thấy *nhau* (LVĐ)

2286: *Ầm thùng* trống trận, rập rình nhạc quân (KOM)

Đây để theo bản BK-TTK, TĐ.

2288: Chữ tình ngày *một* thêm xuân một ngày (KOM)

2289: Trong quân *nhân* lúc vui vầy (KOM)

2290: Thong dong mới kể *chuyện* ngày hàn vi (KOM)

2297: Nghiêm quân *chọn* tướng sẵn sàng (KOM, QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK, HĐH, TĐ.

2302: Chiếu danh *truy* nã *đem* về hỏi tra (KOM)

2303: Lại sai lệnh tiễn truyền *ra* (KOM)

Lại sai lệnh *tiến* truyền qua (BK-TTK)

2304: Giữ *gìn* họ Thúc một nhà cho yên (KOM)

2305: Mụ *Hoạn Thư*, vãi Giác Duyên (LVĐ, QVĐ)

2306: Cũng sai *lệnh tiến* đem tin rước mời (BK-TTK)

BK-TTK chép là *lệnh tiến*, nhưng đã giải thích là cái tên của tướng cho cầm đi để làm tin. Như thế thì có thể đã in sai *tiễn* (mũi tên) thành *tiến* (đi lên).

2310: *Chia đi mọi ngả* tóm về đòi nơi (KOM)

Khéo thay một mẻ *tống* về đầy nơi (QVĐ)

Chia đi mọi ngả bắt về đầy nơi (TĐ)

Đây để theo bản BK-TTK, TVK.

2312: Vệ trong thi lập, *cửa* ngoài song phi (QVĐ)

2314: *Vác đòng* chật đất, *sinh* kỳ rợp sân (HĐH)

2319: Từ rằng: "Ân oán *đôi* bên (KOM)

2321: Nàng rằng: "*Muôn* cậy uy linh (KOM)

2325: *Sổ tên trước xướng* Thúc lang (KOM)

Cho gươm *đưa* đến Thúc lang (QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK, HĐH, TĐ.

2326: Mặt như chàm đổ, mình dường 虮 *giẽ* run (KOM)

Mặt như chàm đổ mình dường 蜊 *dế* run (QVĐ)

Bản QVĐ Ất Sửu viết 虮.

http://tieulun.hopto.org

Bản KOM và CVT viết chữ *giẽ* (bộ 鳥 điểu) nên có thể là *con chim giẽ.*

Bản QVĐ (1906) và QVĐ (1925) viết chữ *dế* (bộ 虫) nên có thể hiểu là *con dế.*

Bản *Kim Vân Kiều* (Đại toàn chú thích dẫn giải đính chính) của *Ưng Dự* và bản *Kiều truyện dẫn giải* của *Hồ Đắc Hàm* đã phiên âm là:

Mặt như chàm đổ, mình dường *dế run*

Bản BK-TTK phiên là:

Mặt như chàm đổ, mình dường *giẽ giun*

Bản TĐ phiên là:

Mặt như chàm đổ, mình nhường *giẽ giun*

Giẽ giun: theo *Từ điển Việt Hán* thì chữ Hán là *duật,* một giống chim mỏ dài, ngoài đầu mỏ thì rắn, trong có da mỏng bao bọc, lưng màu tro, có hoa trắng toát, hay ở ngoài đồng ăn sâu, cá nhỏ. *Việt Nam tự điển:* của Khai trí Tiến Đức viết là *dẽ* và đã giải thích là tên một loài chim, ăn giun: *dẽ giun (Dẽ* khác với *giẽ* tức là con chim giẻ cùi, một loài chim tốt mã, dài đuôi).

2327: Nàng rằng: "Nghĩa *nặng* nghìn non (KOM)

2335: Kiến bò miệng chén *chớ* lâu (TVK - E.N)

2336: Mưu sâu *đành* trả nghĩa sâu cho vừa (KOM)

2338: Mồ hôi chàng đã như mưa ướt *đầm* (KOM)

2354: Lại đem các tích pham *tù* hậu tra (KOM)

2357: *Xa* trông nàng đã chào thưa (KOM)

2358: Tiểu thư cũng *mới* bây giờ đến *nơi* (QVĐ)

2363: Hoạn Thư *phách* lạc *hồn* xiêu (KOM)

2364: Khấu đầu dưới trướng *lựa* điều kêu ca (KOM)

Khấu đầu dưới trướng *dở (giở)* điều kêu ca (LVĐ, BK - TTK)

2367: Nghĩ cho khi *các* viết kinh (KOM, QVĐ, BK-TTK)

Đây để theo bản TĐ.

2368: Với *ra* khỏi cửa dứt tình chẳng theo (QVĐ)

2371: Trót *đà* gây việc chông gai (KOM)

2373: Khen cho: "*Khéo* đã nên rằng (KOM)

2380: Cửa hiên lại dắt một dây dẫn vào (LVĐ, QVĐ, KOM)

2383: *Nào* là Bạc Hạnh, Bạc bà (KOM)

2384: *Nào* là Ưng Khuyển, nào là Sở Khanh (KOM)

2386: Các tên tội *đã* đáng tình còn sao (KOM)

http://tieulun.hopto.org

2387: Lệnh quân truyền xuống *khai* đao (KOM)

2402: Biết đâu hạc nội *chim* ngàn là đâu (QVĐ)

2403: Sư rằng cũng chẳng *mấy* lâu (BK-TTK)

2407: Bảo cho hội *hợp* chi kỳ (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

2410: Đã tin điều trước, ắt nhằm *việc* sau (KOM)

2411: Còn nhiều ân *nghĩa* với nhau (KOM)

Còn nhiều ân *oán mấy* nhau (QVĐ)

2417: Giác Duyên vâng *dạy* ân cần (QVĐ)

2420: Bể oan dường đã vơi vơi *cạn* lòng (KOM)

2422: Chút thân bồ liễu *mà* mong có rày (BK-TTK)

Chút thân bồ liễu *còn* mong có rày (QVĐ)

2425: *Nét* xương *chép* dạ xiết chi (LVĐ)

Chạm xương *chép* dạ xiết chi (KOM, BK-TTK)

Khắc xương *chép* dạ xiết chi (QVĐ)

Đây để theo bản EN, BKD, HĐH.

2426: Bản QVĐ đã khắc sai 腥 (óc) thành 蝁 (ốc)

2430: Giữa đường *khi* thấy bất bằng mà tha (KOM)

2434: Bấy *lâu* kẻ Việt người Tần cách xa (KOM)

2439: Thừa cơ trúc chẻ *khối* tan (QVĐ)

2440: Binh uy từ *đó* sấm ran trong ngoài (KOM)

2444: Huyện thành đạp đổ năm tòa *Hải* nam (KOM)

2454: Tiện nghi *phủ* tiễu, việc ngoài đổng nhung (KOM)

2458: *Phong thư mâm lễ* sai quan thuyết hàng (KOM)

2460: Bản QVĐ đã khắc sai chữ 斤 thành chữ 升

2461: Tin vào gửi trước *quân trung* (QVĐ)

2467: Áo xiêm *buộc trói* lấy nhau (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

2474: *Của* nhiều nói ngọt nghe lời dễ xiêu (KOM)

Cùng nhiều nói ngọt nghe lời dễ xiêu (LVĐ)

2480: Bản KOM đã khắc 迦 (dà) thành 茄 (nhà)

2482: Nở nang mày mặt, *rõ* ràng mẹ cha (QVĐ, BK - TTK)

2486: E dè sóng *gió*, hãi hùng *cỏ hoa* (QVĐ, BK - TTK)

2489: Rằng: "Trong thánh *đế* dồi dào (LVĐ, QVĐ)

Rằng: Ơn thánh *đế* dồi dào (BK-TTK)

http://tieulun.hopto.org

2506: Vương sư *nghe* đã tỏ tường thực hư (QVĐ)

2511: Từ công hờ *hẫng* biết đâu (BK-TTK)

2515: Đang khi bất ý *ai* ngờ (KOM)

2521: Trơ như đá *rắn* như đồng (KCM)

2523: Quan quân *thừa thế* đuổi dài (KOM)

2524: *Ù ù* sát khí, ngất trời ai đang (KOM, QVĐ)

Hầm hầm sát khí ngất trời ai đang (BK-TTK)

Đây để theo bản Tản Đà.

2530: Bởi nghe lời thiếp *nên* cơ hội này (HĐH, TĐ)

2532: Thà liều sống *chết* một ngày với nhau (BK-TTK)

2533: Dòng thu như *gội* cơn sầu (KOM)

Dòng thu như *xối* cơn sầu (QVĐ, BK - TTK)

Đây để theo bản BKD, HĐH và TĐ.

2536: Nàng vừa phục *hạ* Từ liền ngã ra (QVĐ)

2538: Xót nàng sẽ lại *dắt* ra dần dần (KOM)

2539: *Đem* vào đến trước trung quân (BK-TTK)

2544: *Chấp* công cũng có lời nàng mới nên (QVĐ, BK - TTK)

2545: Bây giờ sự đã *vạn* tuyền (KOM)

2552: *Đưa* thân bách chiến làm tôi triều đình (LVĐ, QVĐ)

2556: *Thoắt đem mình* bỏ chiến trường như không (KOM)

Đem mình đi bỏ chiến trường như không (QVĐ)

Dẫn mình đi bỏ chiến trường như không (E.N, BK-TTK)

Đây để theo bản LVĐ.

2561: Xin cho *tiện thổ* một doi (LVĐ, QVĐ)

Bản LVĐ và QVĐ đã khắc sai chữ 土 (thổ) là chữ 士 (sĩ).

2565: *Quân trung* mở tiệc hạ công (KOM)

2568: Dở say lại ép *vận* đàn nhặt tâu (LVĐ, KOM, BK - TTK)

2569: Một cung gió *tủi* mưa sầu (LVĐ, KOM, BK - TTK)

2575: Thưa rằng: "Bạc *phận* khúc này (LVĐ, QVĐ)

2579: *Càng nghe càng đắm* càng say (KOM)

Càng nghe đắm, *đắm* càng say (PVĐ, BK-TTK, HĐH, TĐ)

Đây để theo bản Nôm QVĐ.

2580: *Dẫu* cho mặt sắt cũng ngây vì tình (KOM)

2581: Dạy rằng: "Hương *hỏa* ba sinh (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

http://tieulun.hopto.org

2582: Dây *uyên* xin nối cầm lành cho ai (QVĐ)

2587: Rộng thương *chút* mảnh quần hồng (QVĐ)

2588: Bản QVĐ đã khắc sai chữ 枌 (phần) thành chữ 粉 (phấn)

2590: Hồ công đến lúc *sáng* ngày nhớ ra (KOM)
Hồ công đến lúc rạng ngày *tỉnh* ra (QVĐ)

2595: *Tảo* nha vừa buổi rạng ngày (QVĐ)

2596: Quyết tình *công* mới đoán ngay một bài (QVĐ)

2597: Lệnh quan ai dám *trái* lời (QVĐ)

2600: Xe *dây* sao khéo vơ *càn* vơ xiên (KOM)
Xe tơ sao khéo vơ *càn* vơ xiên (LVĐ, QVĐ)

2605: Chữ 拉 có thể phiên âm là *lấp* hoặc *dập* nên bản BK-TTK đã phiên âm là: *"Đành thân cát* dập *sóng vùi"*, bản TĐ đã phiên là: "Đành thân cát *lấp sóng vùi"*.

2610: Nợ đâu ai *bỗng dắt* vào tận nơi (KOM)

2612: Còn ngày nào *nữa như* ngày ấy thôi (QVĐ)

2624: Hẹn ta thì *phải* dưới này rước ta (KOM)

2627: Cửa *phòng* vội mở rèm châu (LVĐ, QVĐ)

2628: Trời cao *bể* rộng một màu bao la (QVĐ)

2630: *Xót* vì việc nước mà ra phụ lòng (BK-TTK)

2632: Mặt nào *mà lại* đứng trong cõi đời (KOM, BK-TTK)

2638: Thì đà đắm ngọc chìm hương *quá* rồi (KOM)
Thì đà đắm ngọc chìm hương *cho* rồi (LVĐ, BK - TTK, ĐĐ)
Đây để theo bản TVK.

2639: Thương thay cũng một *thân* người (LVĐ, BK - TTK)

2640: *Khéo* thay mang lấy sắc tài làm chi (LVĐ, QVĐ)

2646: Trong cơ âm cực dương hồi khôn *thay* (QVĐ)

2647: Mấy người *vì* nghĩa xưa nay (LVĐ, QVĐ)

2650: *Treo* bầu quẩy níp rộng đường vân du (QVĐ)

2654: Kiếp sao *chịu* những đoạn trường thế thôi (QVĐ)

2655: Sư rằng: "*Phúc họa* đạo trời (BK-TTK, QVĐ)

2656: *Cỗi* nguồn cũng ở lòng người mà ra (BK-TTK)

2657: *Tại* trời mà cũng tại ta (KOM)

2658: Tu là *cỗi* phúc, tình là dây oan (BK-TTK)

2663: Vậy nên những *tính* thong dong (LVĐ, E.N, QVĐ)

http://tieulun.hopto.org

Chữ 准 (chốn) đã bị khắc sai thành 性 (tính).

2565: Ma đưa lối, quỉ *đem* đường (KOM, QVĐ)
Đây để theo bản BK-TTK và TĐ.

2666: Lại tìm những *tính* đoạn trường mà đi (LVĐ)

2667: Hết *hạn ấy* đến nạn kia (LVĐ)

2668: Thanh lâu hai lượt, thanh y *một* lần (KOM)

2670: Kề *lưng* hùm sói, gửi thân tôi đòi (BK-TTK)

2671: Giữa *vòng* nước dẫy sóng dồi (QVĐ)

2672: Trước hàm rồng cá gieo *mình* vắng tanh (LVĐ)
Trước hàm rồng cá gieo mồi *băng tinh* (PVĐ, TĐ)
Trước hàm rồng cá gieo *mình thủy tinh* (TVK, DMT)

2674: Một mình mình *chịu*, một mình mình hay (KOM)

2680: Nghiệp duyên *nhắc* lại *cân* đi còn nhiều (KOM)

2683: Lấy tình thâm, trả *tình* thâm (LVĐ, KOM, BK - TTK)

2685: Hại một người, cứu *một* người (LVĐ, KOM, BK - TTK)

2692: Tiền Đường *đến* một bè (vì) lau rước người (LVĐ)

2697: Đánh tranh *lợp mái* thảo đường (QVĐ)

2701: Một lòng *sá* quản mấy công (KOM)

2702: Khéo *trong* gặp gỡ cũng trong chuyển vần (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

2707: Trên mui lướt *thướt* áo là (QVĐ, BK - TTK)

2708: *Dẫu* dầm hơi nước chưa lòa bóng gương (KOM)
Tuy dầm hơi nước chưa lòa *màu* gương (QVĐ)

2709: Giác Duyên *nhận* thật mặt nàng (E.N, BK-TTK, TĐ)

2712: Đạm Tiên, *đâu* đã thấy người ngày xưa (QVĐ)

2714: Mất công *mười* mấy năm thừa ở đây (KOM, BK-TTK)

2715: Chị sao phận mỏng *đức* dày (QVĐ, BK - TTK)

2716: Kiếp xưa đã vậy, *kiếp* này dễ ai (KOM)
Kiếp *này cũng* vậy, lòng này dễ ai (LVĐ, QVĐ)

2717: Tấm *lòng* đã thấu đến trời (KOM, BK-TTK)

2719: Một *mình* vì nước vì dân (LVĐ, KOM)

2720: *Dương* công cất một đồng cân đã già (LVĐ, QVĐ)

2722: Đoạn trường thơ phải *đón* mà trả nhau (LVĐ, QVĐ)
Đoạn trường *thưa* phải *đón* mà *giã* nhau (E.N)
Đoạn trường *phải đến để mà giã* nhau (TVK)

http://tieulun.hopto.org

2723: Còn nhiều hướng thụ về *sau* (QVĐ, BK - TTK)

2724: Duyên xưa *đầy đặn*, phúc sau dồi dào (QVĐ, BK - TTK)

Duyến xưa *đầy đặn*, phúc *lâu* dồi dào (QVĐ)

2731: Thấy nhau mừng rỡ *nhiều* bề (QVĐ)

2732: Bản QVĐ đã khắc sai chữ 逴 (rước) thành 連 (trên).

2735: *Tư* bề bát ngát mênh mông (KOM)

2737: Nạn xưa *trót* sạch làu làu (QVĐ)

2738: Duyên xưa chưa dễ *chắc* đâu chốn này (LVĐ)

2744: Nhìn *phong cảnh cũ* nay đà khác xưa (QVĐ, BK - TTK)

2745: Đầy vườn cỏ mọc *lưa* thưa (KOM)

2746: Song *mây* quạnh quẽ vách mưa rã rời (KOM)

2749: Xập xè én liệng *nền* không (QVĐ)

Bản QVĐ đã khắc chữ 呅 (sập) thành 返 (gặp).

Xập xè én liệng *lầu* không (LVĐ, BK - TTK, TĐ)

2751: Cuối tường gai *gốc* mọc đầy (QVĐ)

2753: Chung quanh *lạnh* ngắt như tờ (QVĐ)

2758: Hỏi nàng, nàng đã bán mình *cứu* cha (KOM)

2760: Hỏi chàng Vương *Quan* cùng là Thúy Vân (LVĐ, QVĐ)

2761: Đều *nay* sa sút khó khăn (LVĐ, QVĐ)

2762: May thuê viết *bán* kiếm ăn lần hồi (QVĐ)

Thuê may mượn viết kiếm ăn lần hồi (LVĐ)

Thuê may, bán viết kiếm ăn lần hồi (BK-TTK)

2765: *Hỏi thăm* di trú nơi nao (KOM)

2766: *Kiếm* đường, chàng mới tìm vào tận nơi (KOM)

Đánh đường *sinh* mới tìm vào tận nơi (QVĐ)

2768: Lau treo rèm *thấp* trúc cài phên thưa (KOM)

Lau treo rèm nát, trúc *gài* phên thưa (BK-TTK)

2769: Một sân đất cỏ *dào* mưa (KOM)

2786: *Tình* này dằng dặc muôn đời chưa quên (KOM)

2790: *Gửi* lòng để *lại* cất mình ra đi (KOM)

2791: Phận sao bạc *với* Kiều nhi (LVĐ, QVĐ)

Phận sao bạc *bấy* Kiều nhi (BK-TTK)

2794: Chàng càng nghe nói, càng *dầu* như *dưa* (BK-TTK)

http://tieulun.hopto.org

2795: Vật mình *bão* gió tuôn mưa (LVĐ, QVĐ)

2800: Nhẫn ngừng ông mới vỗ về *lại* khuyên (LVĐ, QVĐ)

2804: Nghìn vàng thân ấy *thì* hòng bỏ sao (LVĐ, QVĐ)

2806: Lửa phiền *khôn* dập càng khêu mối phiền (LVĐ, QVĐ)

2811: Rằng: "Tôi trót *lỡ* chân ra (KOM)

2820: Tạ từ, sinh mới sụt sùi *bước* ra (KOM, QVĐ)

2825: Đinh ninh mài *giọt* chép thư (LVĐ)

2827: Biết bao công mướn *công* thuê (LVĐ)

2833: Ruột tằm ngày một héo *dòn* (BK-TTK)

2835: *Thẩn thơ* lúc tỉnh lúc mê (BK-TTK)

2837: Xuân huyên lo sợ xiết *sao* (KOM)

2839: Vội vàng sắm *lễ* chọn ngày (KOM)

2841: Người yểu điệu *khách* văn chương (KOM)

2842: Trai tài gái sắc xuân đương *gặp* thì (QVĐ)

2844: Vui này đã *gác* sầu kia được nào (KOM)

2846: Càng *sâu* duyên mới, càng dào tình xưa (BK-TTK)

2847: Nỗi nàng *nghĩ* đến bao giờ (QVĐ)

2851: Bẻ bai *rầu rĩ* tiếng tơ (KOM, QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK, BKD, TD.

2853: Dường như bên *mái* trước thềm (QVĐ)

Dường như *trên* nóc *bên* thềm (TĐ)

Dường như bên nóc, *bên* thềm (BK-TTK)

Đây để theo bản KOM:

Dường như bên *chái* 厓 trước thềm (KOM)

2866: Gia thân *lúc* mới kết duyên Châu Trần (QVĐ)

Gia thân *bèn* mới kết duyên Châu Trần (BK-TTK)

2867: Chàng *càng* nhẹ bước thanh vân (LVĐ)

Chàng từ nhẹ bước thanh vân (QVĐ)

2868: Nỗi *chàng* càng nghĩ xa gần càng thương (LVĐ)

2869: Ấy ai *dặn* ngọc thề vàng (KOM, QVĐ, BK-TTK)

Đây để theo bản TĐ.

2870: Bây giờ kim mã ngọc đường *mấy* ai (QVĐ)

2871: *Rẽ* bèo chân sóng lạc loài (KOM, BK-TTK)

2877: *Đêm* xuân trướng rủ hoa đào (KOM)

http://tieulun.hopto.org

2879: Tỉnh ra mới *học* cùng chàng (KOM)

2884: Ở đây *họa* có giai âm chăng là (QVĐ)

2886: Bản QVĐ đã khắc sai chữ 連 (lên) thành 連 (trên).

2890: *Có* mua người ở Bắc Kinh đưa về (KOM)

2891: Thúy Kiều *sắc sảo* ai bì (KOM)

2892: *Đã* nghề đàn lại đủ nghề văn thơ (KOM)

2896: *Dây* duyên sau lại *giá* về Thúc lang (QVĐ)

Dây duyên sau lại *gả* về Thúc lang (BK-TTK)

2899: *Dứt* mình nàng phải trốn ra (QVĐ)

2904: Hơn *người* trí dũng, nghiêng trời uy linh (QVĐ, BK)

2905: Trong tay *muôn* vạn tinh binh (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

2907: Tóc tơ các tích mọi *kỳ* (LVĐ, QVĐ)

2911: *Song còn chưa biết họ tên* (KOM)

2914: Tức thì *đưa* thiếp mời chàng Thúc sinh (KOM)

Tức thì *đệ* thiếp mời chàng Thúc sinh (BK-TTK)

Tức thì *nghênh* thiếp mời chàng Thúc sinh (LVĐ)

Đây để theo bản E.N và QVĐ.

2917: Thúc rằng: "Gặp lúc *lưu ly* (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

2921: Gặp nàng *thì* ở Châu Thai (LVĐ, KOM, BK-TTK)

Gặp nàng thì ở *Thai Châu* (QVĐ)

Đây để theo bản BKD và TĐ.

2925: Đại *đồn quân* đóng cõi đông (KOM)

2930: Kiếp *phong trần* giũ bao giờ cho xong (KOM)

2931: Hoa *theo* nước chảy xuôi dòng (KOM, BK-TTK)

2934: Mảnh *gương* còn đó, phím đàn còn đây (KOM, QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK, HĐH, TĐ

2936: *Lò* hương biết có kiếp này nữa thôi (LVĐ)

2937: Bình bồng còn *kẻ* xa xôi (KOM)

2940: Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng *qua* (BK-TTK)

2943: Bản KOM ở trang này có tới 11 hàng:

Ở đây có khắc thêm vào hai câu mà lại có hai bản khắc khác nhau. Một bản câu 2943 và câu 2945 chỉ có ba chữ, một bản hai câu ấy khắc đủ.

..... thẳm vực sâu.

Lại e trời thẳm vực sâu.

http://tieulun.hopto.org

2945: ..... ná đợi tin

Những là nấn ná đợi tin

2946: Nắng mưa *đã biết* mấy phen đổi dời (BK-TTK)

2948: Khâm ban sắc chỉ *tới* nơi rành rành (KOM)

2950: *Vương thì* cũng cải nhậm thành Thư Dương (KOM)

Chàng Vương cũng cải nhậm thành *Duy* Dương (LVĐ, QVĐ)

Chàng Vương cũng cải nhậm thành *Hoài* Dương (E.N, TVK)

Chàng Vương cũng cải nhậm thành *Phú* Dương (BK - TTK)

Đây để theo nguyên truyện của Thanh Tâm Tài Nhân.

2952: Hai nhà cùng thuận một *ngày* phó quan (LVĐ)

2954: Sóng êm Phúc Kiến, *tro* tàn Chiết Giang (QVĐ)

Sóng êm Phúc Kiến, lửa tàn *Tích* Giang (BK-TTK)

2959: *Từ* ngày hôm nọ giao binh (KOM)

2962: Bản QVĐ đã khắc chữ 土 (thổ) thành 士 (sĩ).

2967: Chiêu hồn *đặt* vị lễ thường (QVĐ)

2971: Tình thâm *biển* thảm *đã* nhiều (QVĐ)

Tình thâm *bến* thảm lạ điều (LVĐ)

2973: Cơ duyên đâu bỗng lạ *thay* (QVĐ)

2974: Giác Duyên đâu bỗng tìm vào *tới* nơi (KOM)

2976: Thất kinh *vội* hỏi: "Những người đâu ta (KOM)

2980: Xúm quanh kể *họ lên* lời hỏi tra (QVĐ)

Xúm quanh kể *lế* rộn lời hỏi tra (KOM, HĐH, BKD, TĐ)

Đây để theo bản LVĐ, TVK, E.N.

2985: Sư rằng: "Nhân quả *mấy* nàng (QVĐ)

2988: Đón *theo* tôi đã gặp nhau rước về (QVĐ)

2991: Phật tiền *nhà* bạc lân la (LVĐ)

2996: Thăm tìm luống những liệu chừng nước *non* (LVĐ)

3001: *Quây* nhau lạy tạ Giác Duyên (LVĐ, QVĐ)

3003: *Bờ* lau vạch cỏ tìm đi (QVĐ)

3008: Buồng *trong nàng đã vội vàng* bước ra (KOM)

Buồng trong vội dạo sen vàng bước ra (BK-TTK)

3009: *Trông* xem đủ mặt một nhà (BK-TTK)

Sấy xem đủ mặt một nhà (LVĐ)

3016: Mừng mừng tủi tủi xiết *sao* là tình (KOM)

http://tieulun.hopto.org

Mừng mừng *sợ sợ* xiết bao là tình (BK-TTK)

Mầng mầng tủi tủi xiết bao *sự* tình (BK-TTK)

3017: *Gieo mình dưới gối huyên đình* (KOM)

3018: Khóc than kể *lại* sự mình đầu đuôi (KOM)

3020: Bản KOM đã khắc 竜望 (trông) thành 竜内 (trong).

3023: Ông bà trông mặt *trao* tay (LVĐ)

3027: Nỗi mừng *ông* lấy *chi* cân (LVĐ, QVĐ)

3030: Đứng trông *nàng đã* trở sầu làm tươi (LVĐ, QVĐ)

3031: *Rủ* nhau lạy trước Phật đài (QVĐ)

3032: Tái sinh trần tạ lòng *Ngài* từ bi (KOM)

3033: Kiệu hoa giục *rước* tức thì (LVĐ)

3037: Tính rằng mặt *sóng* chân mây (KOM)

3039: *Thì* rày tái thế tương phùng (LVĐ, QVĐ)

3057: Nghe lời nàng *đã* chiều lòng (LVĐ, QVĐ)

3059: Một đoàn về đến *công* nha (KOM)

3064: *Đôi* bên gặp gỡ một lời kết giao (KOM)

3066: *Phải* đem duyên chị buộc vào cho em (KOM)

3072: Bản QVĐ đã khắc chữ 盈 (doành) thay vì 伶 (dành)

Khuôn thiêng lừa *đảo* đã *đành* có nơi (LVĐ)

3074: Còn vầng trăng *cũ*, còn lời nguyền xưa (KOM)

3075: Quả mai ba bảy *khi* vừa (LVĐ, E.N, QVĐ)

3076: Đào non sớm liệu xa tơ *gặp* thì (QVĐ)

3078: Sự *trăm* năm cũ kể chi bây giờ (KOM)

3082: *Thì* cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi (QVĐ, BK - TTK)

3083: Chàng rằng: "Nói *khéo* lạ đời (KOM)

3086: Dưới *trời* có đất, trên cao có trời (LVĐ)

3088: Tử sinh *cũng* giữ lấy lời tử sinh (LVĐ, QVĐ)

3089: Duyên kia có phụ chi *mình* (KOM)

3090: Mà toan *chia* gánh chung tình làm hai (QVĐ, BK - TTK)

3092: *Xót* lòng ân ái, ai ai cũng lòng (LVĐ, QVĐ)

3101: Còn *gì* là cái hồng nhan (KOM)

3106: Trông hoa đèn chẳng *tủi* mình lắm ru (LVĐ, QVĐ)

3107: Từ rày khép cửa *buồng* thu (KOM)

http://tieulun.hopto.org

3108: Chẳng tu thì cũng *là* tu mới là (LVĐ)

3109: Chàng dù nghĩ đến *gần* xa (KOM)

3112: Đã buồn cả ruột *lại* dơ cả đời (KOM)

3116: Chữ trinh kia cũng có ba bảy *đường* (TĐ)

Bản Nôm viết 羙 thì phải phiên âm là dường.

Nếu phiên âm là *đường* thì sai. Ở câu 3118 đã có chữ (*đường*), nếu ở câu 3116 lại phiên âm là *đường* thì có sự trùng vần. Có thể ở bản Tản Đà đã in sai chữ *dường* thành chữ *đường*.

3122: Tan sương *biết ngõ*, vén mây giữa trời (LVĐ)

Tan sương biết *ngọ, áng* mây giữa trời (QVĐ)

3126: Khách qua đường để *hẵng* hờ chàng Tiêu (BK-TTK)

3129: Hết lời khôn lẽ *dứt* lời (KOM)

3130: *Gót* đầu nàng những vấn dài thở than (LVĐ)

3131: *Đoàn viên tiệc mở nhà lan* (KOM)

3132: Hoa soi ngọn đuốc, hồng *giăng* bức là (KOM)

3133: Cùng nhau giao *lạy* một nhà (LVĐ)

3134: Lễ đà đủ lễ, đôi đà *đủ* đôi (QVĐ, BK - TTK)

3137: Những từ *trên ngọn* đào tơ (KOM)

3140: Bi hoan mấy nỗi đêm *này* trăng cao (LVĐ, E.N, QVĐ)

3142: Dưới đèn tỏ *nghĩa*, má đào thêm xuân (LVĐ, QVĐ)

3144: Hoa xưa *bướm cũ mười* phân chung tình (KOM)

3148: Chiều lòng gọi *chút* xướng tùy mảy may (KOM)

3151: Những *là* âu yếm *bề* ngoài (QVĐ)

3154: *Nhặt* hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa (KOM)

3155: *Cũng dơ* giở nhuốc bày trò (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

3156: Còn tình đâu nữa *là* thù đấy thôi (KOM, BK-TTK)

3162: Chẳng cầm cho vững *nỡ* giày cho tan (KOM)

3164: Hay gì vầy *cái* hoa tàn mà chơi (KOM, BK-TTK)

3168: Tưởng thề thốt nặng *nên* đau đớn nhiều (KOM)

Tưởng thề thốt nặng *mà* đau đớn nhiều (QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK, HĐH, TĐ.

3169: *Cùng* nhau sinh tử đã liều (KOM)

Thương nhau sinh tử đã *nhiều* (QVĐ)

3170: Gặp nhau còn *thiếu* bấy nhiêu là tình (KOM)

http://tieulun.hopto.org

Mấy nhau còn chút bấy nhiêu là tình (QVĐ)
Đưa nhau còn chút bấy nhiêu là tình (LVĐ)

3172: Nghĩ chưa chưa thoát khỏi vành ái ân (LVĐ)
Nghĩ *sao* cho thoát khỏi *vòng* ái ân (QVĐ)

3177: Ai ngờ lại *hợp* một nhà (BK-TTK)

3180: Khấu đầu lạy *trước* cao thâm nghìn trùng (LVĐ, QVĐ)

3181: Thân tàn *lặn* đục khơi trong (QVĐ)

3183: Mấy lời tâm *phủ* ruột rà (KOM)

3184: *Tâm* tri *nghĩa* ấy mới là tương tri (LVĐ)

3186: Trăm năm danh tiết cũng *về* đêm nay (LVĐ, QVĐ)

3189: Thêm nến giá *đốt* hương bình (QVĐ)

3190: Cùng nhau lại *chúc* chén quỳnh giao hoan (BK-TTK)

3194: *Lắm* người cho đến bây giờ *lại* thôi (LVĐ)

3198: Khói trầm cao thấp, tiếng *đờn* gần xa (LVĐ)

3209: *Thương* vui bởi tại lòng này (LVĐ, KOM)

3211: Nàng rằng: "Vì chút *hay* chơi (LVĐ, QVĐ)

3213: Một phen tri kỷ *mừng* nhau (KOM)

3214: Cuốn dây từ *đó* về sau cũng chừa (KOM)

3216: Gà *vừa* gáy sáng, trời vừa rạng đông (KOM)

3217: Tình riêng chàng lại nói *cùng* (LVĐ, QVĐ)

3218: Một nhà ai cũng lạ lùng khen *khao* (BK-TTK)

3223: Khi chén rượu, *lúc* cuộc cờ (QVĐ)

3228: Khiến người thân *thích* rước thầy Giác Duyên (QVĐ)
Sai người thân tín, rước thầy Giác Duyên (KOM)

3229: Đến *đà* đóng cửa cài then (QVĐ)

3230: Rêu trùm kẽ ngạch, cỏ *chen* mái nhà (QVĐ)

3233: Nặng vì chút nghĩa *xưa sau* (E.N - QVĐ)

3236: *Thiên niên* dằng dặc, quan giai lần lần (LVĐ, QVĐ)

3240: *Vi* xuân một cửa để bia muôn đời (QVĐ, KOM)

3241: Ngẫm hay muôn sự *bởi* trời (KOM)

3253: Lời quê *nhặt nhạnh* dông dài (E.N, QVĐ)
Lời quê *nhặt gói* dông dài (LVĐ)

*
* *

http://tieulun.hopto.org

BẢN KINH VÀ BẢN PHƯỜNG

Quyển *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã được Phạm Qui Thích cho khắc in ở phường Hàng Gai Hà Nội nhưng đến nay bản Phường ấy đã không còn tìm thấy được nữa.

Bản Phường cổ nhất hiện nay còn lưu giữ được là bản *Kim Vân Kiều tân truyện* của Liễu Văn đường khắc in năm Tự Đức thứ 24 (1871). Sau đó các nhà Liễu Văn đường, Quan Văn đường, Phúc Văn đường cũng lần lượt cho khắc in lại và các bản Kiều này được gọi chung là bản Phường.

Đời Tự Đức (1858-1883), nhà vua và một số đình thần có sửa chữa lại quyển *Truyện Kiều* và cho khắc in ở kinh đô (Huế) nên bản ấy được gọi là bản Kinh.

Đến nay cả bản Phường của Phạm Quí Thích cho khắc in và bản Kinh do Tự Đức cho khắc in đều không còn nên chúng ta không biết được chính xác giữa hai bản ấy đã có bao nhiêu câu khác nhau.

Nếu căn cứ vào bản Nôm của Kiều Oánh Mậu và bản Quốc ngữ của Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim thì chúng ta thấy có những chỗ chỉ chữa một hai chữ, có những chỗ sửa cả câu và cũng có những chỗ sửa hẳn cả một đoạn.

Có bốn chỗ bản Kinh *tăng lên ở* mỗi chỗ hai câu. Đó là:

1. Từ câu 531 đến câu 534 bản Phường chỉ có bốn câu, bản Kinh tăng thành sáu câu:

Bản Phường	Bản Kinh
Đem tin thúc phụ từ đường	Mở xem thủ bút nghiêm đường
Bơ vơ lữ thấn tha hương đề huề.	Nhắn rằng: "Thúc phụ xa đường mệnh chung.
Liêu Dương cách trở sơn khê,	Hãy còn ký táng Liêu Đông,
Xuân đường kíp gọi sinh về hộ tang	Cố hương khơi diễn nghìn trùng sơn khê.
	Rày đưa linh thấn về quê,
	Thế nào con cũng phải về hộ tang"

(Đoạn này bản Kinh tăng thêm 2 câu)

http://tieulun.hopto.org

2. Từ câu 1819 đến câu 1828 bản Phường chỉ có 10 câu, bản Kinh tăng thành 12 câu:

Bản Phường	Bản Kinh
Càng trông mặt, càng ngẩn ngơ, Ruột tằm đòi đoạn như tơ rối bời.	Sợ uy ruột rối vò tơ, Túi duyên đôi giọt tuôn mưa khôn hàn.
Sợ uy, dám chẳng vâng lời, Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều.	Rụt rè theo lũ liễu đoàn, Cúi đầu cùng lạy một đoàn xa xa.
Sinh đà phách lạc hồn xiêu, Thương ôi! Chẳng phải nàng Kiều ở đây?	Trông tường chàng ngả cổ ra, Thực nàng Kiều đó sao mà ở đây?
Nhân làm sao đến thế này, Thôi thôi, ta đã mắc tay ai rồi.	*Nhân làm sao đến thế này?* Thôi thôi hắn đã mắc tay mặt thù!
Sợ quen dám hở ra lời, Khôn ngăn giọt ngọc sụt sùi nhỏ sa.	Thương ôi mánh sắt vào lò, Bấy lâu nay biết giày vò đến đâu!" Nỗi lòng chẳng đánh mà đau, Đương cười nói bỗng mặt rầu lệ sa.

(Đoạn này bản Kinh tăng thêm 2 câu)

3. Từ câu 1885 đến câu 1898 bản Phường chỉ có 14 câu, bản Kinh tăng thành 16 câu:

Bản Phường	Bản Kinh
Sớm khuya hầu hạ đài doanh, Tiểu thư chạm mặt đè tình hỏi tra.	Sớm khuya hầu trước đài doanh, Nét sầu khôn gượng, giọt tình khôn hoen.
Lựa lời nàng mới thưa qua: "Phải chi mình lại xót xa nỗi mình". Tiểu thư hỏi lại Thúc Sinh: "Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao!"	Tiểu thư trông liếc quở liền: "Sa mày nặng mặt bởi duyên cớ gì? Bì tiên đem lại tức thì, "Cậy chàng hỏi nó rằng vì làm sao"?
Sinh đà rát ruột như bào, Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng đang.	Sinh đà ruột xót như cào, Nói ra chẳng tiện trông vào sao đang.
Những e lại lụy đến nàng,	Loanh quanh co rụt bò sàng,

http://tieulun.hopto.org

Đánh liều mới sẽ lựa đường hỏi tra.	Sợ đây thương đến hai đàng khôn xong.
Cúi đầu quì trước sân hoa,	Dưới thềm trên kỷ cùng trông,
Thân cung nàng mới dâng qua một tờ.	Một lời chưa mở hai dòng đã sa.
Diện tiền trình với tiểu thư,	Lấy lòng giả cách hỏi tra,
Thoắt xem dường cũng ngẩn ngơ chút tình	Thân cung nàng mới thảo qua một tờ.
	Đọc rồi đưa lại tiểu thư,
	Thoát xem dường cũng ngẩn ngơ xót tình.

(Đoạn này bản Kinh tăng thêm 2 câu)

4. Từ câu 2047 đến câu 2052 bản Phường chỉ có 6 câu, bản Kinh tăng thành 8 câu:

Bản Phường	Bản Kinh
Rày vâng diện hiến rành rành,	Chuông vàng khách bạc bên mình,
Chuông vàng khánh bạc bên mình giở ra.	Kính dâng gọi chút vi tình xin thu.
Xem qua sư mới dạy qua:	Nguyên xưa sư trưởng vân du,
"Phải ni Hằng Thủy là ta hậu tình.	Quen thầy Hằng Thủy ở chùa Bắc Kinh.
Chỉn e đừng sá một mình,	Thấy người, thấy của rành rành,
Ở đây chờ đợi sư huynh ít ngày."	Nói đà phải đáp không tình hồ nghi.
	Dạy rằng: 'Thiền hữu tương tri,
	Sư dầu chưa đến, tiểu thì hãy đây".

(Đoạn này bản Kinh tăng thêm 2 câu)

Như vậy trong bốn đoạn trên đây, bản Kinh tăng thêm tất cả tám câu.

Lại có hai đoạn bản Kinh *bớt đi* mỗi chỗ hai câu:

http://tieulun.hopto.org

1. Từ câu 1831 đến câu 1834 bản Phường dài bốn câu, bản Kinh rút lại còn hai câu:

Bản Phường	Bản Kinh
Sinh rằng: "Hiếu phục vừa xong, Suy lòng trắc khởi (dĩ), đau lòng chung thiên. Khen rằng : "Hiếu tử đã nên, Tẩy trần mượn chén giải phiền đêm thu."	Tìm điều chống trả cho xong, Lại còn có dám nói sòng nữa ru?

(Đoạn này bản Kinh rút đi 2 câu)

2. Từ câu 2125 đến câu 2128 bản Phường dài bốn câu, bản Kinh rút lại còn hai câu:

Bản Phường	Bản Kinh
Dù ai lòng có sở cầu, Tâm minh xin quyết với nhau một lời. Chứng minh có đất có trời, Bấy giờ vượt bể ra khơi quản gì. Được lời mụ mới ra đi, Mách tin họ Bạc tức thì sắm sanh.	Dù ai lòng có sở cầu Tâm minh xin quyết với nhau một lời. Mụ nghe tính đã chắc mười, Mách tin họ Bạc tơi bời sắm sanh.

(Đoạn này bản Kinh rút đi 2 câu)

Như vậy trong cả hai đoạn trên đây bớt đi tất cả bốn câu.

Theo đó:

Bốn đoạn trên tăng thêm 8 câu

Hai đoạn dưới bớt đi 4 câu

Vậy còn tăng thêm 4 câu.

Nếu số câu của bản Kinh ghi trong bản Bùi Kỷ [1]- Trần Trọng Kim [2] là đầy đủ thì tổng số câu của bản Kinh sẽ là 3258 câu.

---

1. Năm Ất Mùi (1895), Đào Nguyên Phổ đương học ở Quốc tử giám (Huế) được một công tử họ ngoại nhà vua tặng cho một bản Kinh nhan đề là *Đoạn trường tân thanh*. Năm Mậu Tuất (1898) Đào Nguyên Phổ, sau khi đậu Nhị giáp Tiến sĩ, vinh qui về Hà Nội có tặng quyển *Đoạn trường tân thanh* ấy cho Kiều Oánh Mậu. Giá Sơn đã căn cứ vào bản Kinh ấy để hiệu đính quyển *Truyện Kiều* và có ghi chú 42 câu của bản Kinh khác với bản Phường.

2. Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim khi hiệu đính *Truyện Kiều* có mượn được một bản Kinh và đã ghi chú 145 câu của bản Kinh khác với bản Phường.

http://tieulun.hopto.org

NHỮNG CÂU BẢN KINH KHÁC BẢN PHƯỜNG

Quyển *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã được Phạm Quí Thích cho khắc in ở phường Hàng Gai Hà Nội, nhưng đến nay *bản Phường* ấy đã không còn tìm thấy được nữa. *Bản Phường* cổ nhất hiện nay còn lưu giữ được là bản *Kim Vân Kiều tân truyện* của Liễu Văn đường khắc in năm Tự Đức thứ 24 (1871). Sau đó các nhà *Liễu Văn đường, Quan Văn đường, Thịnh Mỹ đường, Phúc Văn đường* cũng lần lượt cho khắc in lại và các bản Kiều này được gọi chung là *bản Phường.*

Đời Tự Đức (1858 - 1883) nhà vua và một số đình thần có sửa chữa lại quyển *Truyện Kiều* và cho khắc in ở Kinh đô (Huế) nên bản ấy được gọi là *bản Kinh.* Đến nay cả *bản Phường* của Phạm Quý Thích cho khắc in và *bản Kinh* do Tự Đức cho khắc in đều không còn nên chúng ta không biết được chính xác giữa hai bản ấy đã có bao nhiêu câu khác nhau.

Nếu căn cứ vào bản Nôm của Kiều Oánh Mậu [1] và bản Quốc ngữ của Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim [2] thì chúng ta thấy được có những câu sau đây của *bản Kinh* khác với *bản Phường.*

1. Thiên tư dung mạo khác vời (c.151)
2. Khách đà lên ngựa, người còn trông theo (c.168)
3. Dưới cầu đáy nước trong veo (c.169)
4. Đăm đăm lặng ngắm bóng hoa (c.177)
5. Buồng xuận êm rủ trước mành [3] (c.185)
6. Tựa làn bên triện một mình thiu thiu (c.186)
7. Tuyết in vóc, tố pha thân (c.189)
8. Cớ chi sầu não ủ ê (c.225)

---

1. Năm Ất Mùi (1895), Đào Nguyên Phổ đương học ở Quốc tử giám (Huế) được một công tử họ ngoại nhà vua tặng cho một *bản Kinh* nhan đề là *Đoạn trường tân thanh.* Năm Mậu Tuất (1898) Đào Nguyên Phổ, sau khi đậu Nhị giáp Tiến sĩ, vinh qui về Hà Nội có tặng quyển *Đoạn trường tân thanh* ấy cho Kiều Oánh Mậu. Giá Sơn đã căn cứ vào bản Kinh ấy để hiệu đính quyển *Truyện Kiều* và có ghi chú 42 câu cúa bản Kinh khác với bản Phường.

2. Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim khi hiệu đính *Truyện Kiều* có mượn được một *bản Kinh* và đã ghi chú 145 câu của bản Kinh khác với bản Phường.

3. Bản in lần thứ nhất (1925) chép là... *bức mành.*

http://tieulun.hopto.org

9.	Canh khuya dong bóng thức chi đến giờ	(c.226)
*10.	Nách tường bông liễu bay sang láng giềng [1]	(c.240)
11.	Nỗi nàng canh cánh bên lòng khôn khuây	(c.246)
12.	Vầng trăng khuyết, đĩa dầu hao	(c.251)
13.	Thì chi đem giống khuynh thành trêu ngươi	(c.258)
14.	Trạnh riêng tưởng nhớ ít nhiều	(c.265)
15.	Là nhà Hồ Việt thương gia	(c.275)
16.	Tuần trăng khuất ngón thoắt đà thèm hai	(c.288)
17.	Nhặt thưa gương giọi bóng cành	(c.433)
*18.	Mở xem thủ bút nghiêm đường	(c.531)
*19.	Nhắn rằng: "Thúc phụ xa đường [2] mệnh chung	
*20.	Hãy còn ký táng Liêu Đông,	
*21.	Cố hương khơi diễn nghìn trùng sơn khê	
*22.	Rày đưa linh thấn về quê,	
*23.	Thế nào con cũng phải về hộ tang".	
24.	Trong khi xử biến tùng quyền biết sao?	(c.600)
25.	Thương nàng con trẻ thơ ngây	(c.615)
26.	Đau bề tử biệt sinh ly	(c.617)
27.	Nỗi mình đang tức nỗi nhà	(c.633)
28.	Thềm hoa một bước châu sa mấy hàng	(c.634)
29.	Vẻ chi một chút hồng nhan	(c.669)
*30.	Vì ta lật lọng cho người dở dang [3]	(c.700)
31.	Con tơ còn vướng mối này chưa xong	(c.720)
32.	Hở môi ra cũng sượng sùng	(c.721)
33.	Duyên này thì giữ vật này làm duyên	(c.736)
*34.	Mới mờ vẻ phấn, chưa phai giọt hồng	(c.762)
35.	Trong trần mấy mặt lòng soi	(c.835)
36.	Đánh liều âu cũng giãn dần	(c.863)
37.	Đoạn trường thay lúc lâm kỳ	(c.869)
38.	Càng nhìn càng ứa giọt hồng	(c.875)
39.	Bướm đi ong lại ầm ầm tứ vi	(c.938)
40.	Đủ điều hành sính vu qui	(c.957)
41.	Dạy điều thay bậc đổi ngôi	(c.959)
42.	Trong mê trông thấy Đạm Tiên rõ ràng	(c.994)
*43.	Chịu trời cho vẹn kiếp tu	(c.999)
44.	Lặng nằm, ngẫm nghĩ gót đầu	(c.1021)

---

1. Câu 241, bản KOM không ghi là "bản Kinh".
2. Bản KOM chép là *"trên đường"*.
3. Câu này bản BK-TTK không ghi là "bản Kinh".

http://tieulun.hopto.org

45. Nàng vừa sớm tựa lầu mai (c.1073)
46. Nghe lời dường cũng ra người sắt đanh (c.1074)
47. Dắt tay lẻn bước xuống lầu (c.1117)
48. Song song đôi ngựa trước sau một đoàn (c.1113)
*49. Ai ai cũng gớm mặt người vô lương (c.1186)
50. Đủ điều lịch sự mới mê được người (c.1212)
Nửa rèm tuyết ngậm, bốn hè trăng thâu [1] (c.1242)
*51. Long đong nhà bạc em ngây (c.1257)
*52. Nghĩ điều hơn thiệt, tính bài phân chia [2] (c.1390)
53. Quyết ngay tăn hắn một bề (c.1391)
54. Phụ tình thôi có tiếc mình làm chi (c.1402)
55. Ba cây đóng chặt một cành mẫu đơn (c.1426)
*56. Dễ mà ép xẩm luồn kim [3] (c.1507)
57. Duyên Đằng sớm thuận gió đưa (c.1531)
*58. Cho người tham ván bán thuyền biết tay [4] (c.1552)
59. Mách mau cũng rắp toan bài tân công (c.1556)
60. Nửa vành trăng nhạt, ba sao giữa trời (c.1638)
61. Kể sao xiết nỗi thảm sầu (c.1681)
*62. Đoạn trường ai có qua cầu mới hay [5] (c.1682)
63. Nghe lời thêm nỗi chua cay (c.1699)
*64. Đành rằng nàng đã cửu nguyên [6] (c.1705)
65. Dức rằng: "Giống khéo bơ thờ quen thân (c.1728)
66. Nào là roi nọc đâu bay (c.1735)
67. Có ai quen thuộc cũng đừng nhận chi (c.1756)
68. Thềm xuân nương náu qua thì (c.1867)
69. Nhà lan cao cuốn bức là (c.1803)
70. Sợ uy ruột rối vò tơ (c.1819)
71. Tủi duyên đôi giọt tuôn mưa khôn hàn
72. Rụt rè theo lũ liễu hoàn,
73. Cúi đầu cùng lạy một đoàn xa xa
74. Trông tường chàng ngả cổ ra:
75. "Thực nàng Kiều đó sao mà ở đây?

---

1. Câu này bản Quan Văn đường cũng chép là "hè" nên không thể coi là thuộc bản Kinh được.
2. Bản BK-TTK không ghi câu này là bản Kinh.
3. Như trên.
4. Như trên.
5. Bản BK-TTK chép: *Đành rằng nàng đã cửu tuyền.*
6. Như trên.

http://tieulun.hopto.org

Nhân làm sao đến thế này? [1]

* 76. Thôi thôi ta đã mắc tay mặt thù !

* 77. Thương ôi ! Mảnh sắt vào lò,

* 78. Bấy lâu nay, biết giày vò đến đâu !

* 79. Nỗi lòng chẳng đánh mà đau.

* 80. Đương cười nói, bỗng mặt rầu lệ sa

81. Tìm điều chống trả cho xong (c.1831)

82. Lại còn có dám nói sòng nữa ru? (c.1832)

* 83. Bắt nàng rót rượu chực hầu đôi nơi [2] (c.1836)

84. Nói vào những phép già tay có đòn (c.1844)

85. Ngón đàn thử dạo một bài chàng nghe (c.1850)

86. Sinh càng mê mẩn rụng rời (c.1863)

*87. Sớm khuya hầu hạ [3] đài doanh (c.1885)

*88. Nét sầu không gương, lệ tình *còn* hoen [4]

*89. Tiểu thư trông liếc quở liền,

*90. Sa mày nặng mặt bởi duyên cớ gì?

*91. Bì tiên *giao* lại *một khi* [5]

*92. Cậy chàng hỏi nó rằng vì làm sao?

*93. Sinh đà ruột xót như *bào* [6],

*94. Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng đang.

*95. Loanh quanh *cua lọt* [7] bò sàng,

*96. Sợ đây thương đó [8] hai đàng *chưa* [9] xong.

*97. Dưới thềm trên *ghế* đều trông, [10]

*98. Một lời chưa mở, hai dòng đã sa

*99. Lấy lòng giả cách hỏi tra,

*100. Thân cung nàng đã thảo qua một tờ.

---

1. Đoạn này bản BK-TTK dài tới 12 câu nhưng chỉ có 11 câu là thuộc bản Kinh vì câu *"Nhân làm sao đến thế này"* vẫn thuộc bản Phường.

Bản KOM chỉ có 5 câu chú thích là chép theo bản Kinh.

2. Bản BK-TTK không ghi câu này thuộc bản Kinh mà chỉ nói: "Có bản viết là: *"Bắt nàng rót rượu chực hầu đôi nơi"*.

3. Bản BK-TTK đã chép là... hầu *trước*....

4. BK-TTK: ... *giọt* tình *khôn* hoen

5. BK-TTK: Bì tiên *đem* lại *tức thì*

6. BK-TTK: Sinh đà ruột xót như *cào*

7. BK-TTK: Loanh quanh *co rụt* bò sàng

8. BK-TTK: Sợ đây thương *đấy*

9. BK-TTK: ... hai đường *khôn* xong

10. BK-TTK: Dưới thềm, trên *kỷ cùng* trông

http://tieulun.hopto.org

*101. *Xem* [1] rồi đưa lại tiểu thơ
*102. Thoắt *trông* [2] dường cũng ngẩn ngơ xót tình
103. Cạy chàng đưa đến Phật đường (c.1919)
104. Lặng nghe ngẩn một giờ lâu (c.2003)
105. Đàn bà thế ấy dễ hầu có hai (c.2004)
106. Thế mà chẳng nói chẳng rằng (c.2011)
107. Trời đông mới dựng vừng dâu (c.2033)
108. Chuông vàng khánh bạc bên mình (c.2047)
109. Kính dâng gọi chút vi tình xin thu
110. Nguyên xưa sư trưởng vân du,
111. Quen thầy Hằng Thủy ở chùa Bắc Kinh.

Bản KIỀU OÁNH MẬU, trang 46b.

Ở trang 46b này bản KOM sau hai chữ "ai rồi" (câu 1826) đã ghi "Kinh bản cải":

Thương ôi mảnh sắt vào lò,
Bấy lâu nay biết giày vò đến đâu !
Nỗi lòng chẳng đánh mà đau,
Đang cười nói bỗng mặt rầu lệ sa.

Bản BK-TTK thì chép tới 12 câu ghi là của bản Kinh:

Sợ uy ruột rối tơ vò,
Tủi duyên đôi giọt tuôn mưa khôn hàn.
Rụt rè theo lũ liễu hoàn,
Cúi đầu cùng lạy một đoàn xa xa.
Trông tường chàng ngả cổ ra:
"Thực nàng Kiều đó sao mà ở đây?
Nhân làm sao đến thế này?
Thôi thôi hẳn đã mắc tay mặt thù.
Thương ôi! Mảnh sắt vào lò
Bấy lâu nay biết giày vò đến đâu !
Nỗi lòng chẳng đánh mà đau,
Đang cười nói bỗng mặt rầu lệ sa.

Ta thấy chỉ trong một đoạn này, bản N.T.G đã chép dài hơn 8 câu ghi là của bản Kinh so với bản KOM.

Cùng ở trang này, bản N.T.G còn ghi thêm 3 câu của bản Kinh nữa:

1831. Tìm điều chống trả cho xong

---

1. BK-TTK: Đọc rồi đưa lại tiểu thơ.
2. BK-TTK: Thoắt *xem* dường cũng...

http://tieulun.hopto.org

1832. Lại còn có dám nói sòng nữa ru.

1836. Bắt nàng rót rượu chực hầu đôi nơi

Như vậy chỉ trong một trang bản N.T.G đã chép tới 15 câu ghi là của bản Kinh, trong khi bản KOM chỉ chép có 4 câu ghi là của bản Kinh khác với bản Phường.

Số câu chênh lệch của cả trang này là 11 câu.

112. Thấy người, thấy của rành rành
113. Nói đà phải đáp, không tình hồ nghi
114. Dạy rằng: "Thuyền hữu tương tri,
115. Sư dầu chưa đến tiểu thì hãy đây."
116. Nàng càng lan thảm huệ sầu (c.2113)
117. Mụ nghe tính đã chắc mười (c.2125)
118. Mách tin họ Bạc tơi bời sắm sanh
119. Kể từ lỡ bước, bước ra (c.2159)
120. Rồng mây rõ mặt, anh hùng có phen (c.2196)
121. Sổ danh trước xướng Thúc lang (c.2325)
122. Nghĩa sâu đành trả ơn sâu cho vừa (c.2336)
123. Lệnh quân truyền xuống trướng tiền tha ngay (c.2378)
124. Phong thư đồ lễ sai quan thuyết hàng (c.2458)
125. Quan quân thừa thế đuổi dài (c.2523)
126. Mới đem vào nộp trong quân (c.2539)
127. Lỡ lời, biết tính thế nào là hay (c.2594)
*128. Trước hàm rồng cá gieo mồi thủy tinh [1] (c.2672)
*129. Gởi lòng để lại cất mình ra đi (c.2790)
130. Nặng lòng thương phận thơ đào (c.2805)
131. Sẽ lòng đoái chút tuổi cao thân tàn (c.2806)
132. Thúc rằng: "Đương buổi loạn ly (c.2917)
*133. Về sau, chẳng biết sự công thế nào (c.2926)
134. Kiếp phong trần biết bao giờ giũ xong (c.2930)
135. Ngôi sao đã biết mấy phen đổi đời (c.2946)
136. Gieo mình dưới gối huyên đình (c.3017)
137. Sự muôn năm kể làm chi bây giờ (c.3078)
138. Bùi nào còn đục đến mình ấy vay? (c.3120)
139. Thế gian đâu có hội này (c.3139)
140. Bõ lòng chua xót, thỏa ngày khát khao.
141. Canh tàn gạt ngọn đèn cao.

---

1. Câu này bản KOM ghi: Kinh tác *"thủy tinh"*

http://tieulun.hopto.org

142. Nhìn nhau dường giấc chiêm bao mơ màng
143. Sánh vai chung gối đêm trường,
144. Lạ gì yêu phấn giấu hương thế tình (c.3144)
145. Yêu nhau để xấu với người (c.3157)
146. Đầu mày tươi liễu, cuối lòng thỏa hoa (c.3206)
147. Rằng: "Nàng cũng lạ thay là, (c.3207)
148. Xưa sao rầu rĩ, nay sao vui vầy (c.3208)
149. Tẻ vui cũng tại lòng này, (c.3209)
150. Thôi chiều khổ tận, đến ngày cam lai (c.3210)

Theo bản liệt kê trên thì trong số 150 câu ấy có:

35 câu cả hai bản KOM và BK-TTK đều ghi

109 câu bản BK-TTK có ghi mà bản KOM không ghi

6 câu bản KOM có ghi mà BK-TTK không ghi [1].

Như vậy bản KOM chỉ ghi có 42 câu của bản Kinh khác với bản Phường[2] còn bản BK-TTK thì ghi tới 144 câu [3].

---

1. Sáu câu đó là : c.240; c.700; c.1390; c.1552 và c.1836.

2. Các câu của bản KOM đều có ghi dấu (*).

Bản KOM chỉ có 42 câu ghi là bản Kinh. Không biết Đào Duy Anh và Nguyễn Thạch Giang đã căn cứ vào đâu mà cho rằng: "*chủ yếu và chính xác hơn cả là trên bản Kiều Oánh Mậu, chứ ngoài ra hiện nay chúng ta chưa có một nguồn tài liệu nào khác*" để biết rằng "*so với bản Phường thì bản Kinh đã sửa lại 152 câu.*"

3. Bản BK-TTK ghi tới 145 câu nhưng câu 1825 *Phận làm sao đến thế này* và câu 1242 *Nửa rèm tuyết ngậm, bốn hè trăng thâu* không phải thuộc bản Kinh mà lại chính là hai câu thuộc bản Phường.

http://tieulun.hopto.org

望秋中寅王泰成

斷勝新

斠校

蕉山喬氏瑩懋注釋
男世翔元鳳奉檢
世詡羽光奉讀
世琰亞玉

翰林檢討吳叔裕書

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

莊子百年境而我雖爲人隱園古來才命兩相妨神仙傳東陽公自三見滄海變桑田本書豐于才嗇于遇造物忌盈而于紅顏尤甚

稿草本也

明朝第十三帝建元嘉靖号世宗爲明太祖都春天爲南京成都順天爲北京

梅譜梅以格勝唐有梅花雪不悉白如嫫娥眉如卧蚕蓋福厚相

[illegible]古人留贈後人至囊数句尽之矣此語也此批

[illegible]或作抔非

[illegible]才[illegible]命窘畏情儻[illegible]仍調謹覽竝。亦疸悉[illegible]丕撑[illegible]風情悄具。腾紅打慳[illegible]眾方旁溏潮台京凭鐀[illegible]家資佈。拱常ヲ堛中[illegible]王觀畢[illegible]畢姊姊畏畢雲[illegible]沒臥[illegible]沒[illegible]困[illegible]潛惮遑蝑妾囊

http://tieulun.hopto.org

唐書豈及我　花哦其玉咽端莊
解笑花西廂　翺強色巧齩麻
夫人金呂玉言　漪秋水疱春山
眼光秋水員淡　遽輸諾邐雪讓牟勝
春出李延年歌　拗皮才色吏罷份欣
一顧傾人城再　花慳於水才仃和台二
顧傾人國　色仃嗷妓才仃和台二
　　嗷和咢咢哦歷事
本書翺作荅　斑琴調
命曲譜入胡　或作章
琴声尤哀言二　非也
娇年齒相近
而皆已笄也
淹念京語鶯　藝贅唆組胡琴妓張
淹愛　鷹鶯　坡藝甘詩益瞎味歌吟
詩織柳乱拋　妓宮。薄命吏強惘人
梭尺九十部　春撐執齒細旬及笄
光上有幾　墻東蝓蛻拗術默埃
睜春孤帳撿撿幔雯　韶光撿避缶外卦迸
梭　瓶燕逸

http://tieulun.hopto.org

元好问詩梨花如靜女寂寞山春昏孤芳忌太潔莫使化幷妬

漢書車如流水又衣裳相錯河内盛姬人作冥金俗名鎖紲

莊又墓土爲兩所毀無人掃築

韡嫩檅羨頭丞 此以草比眾女以梨比喬

賒賒除奴嚭鵡

習妙才子佳人

衮昷堀埬棔遘

斜ヲ羣我術西

跳寅曉荒小溪

光ヲ淜浩椸迷

莊ヲ捻坦边塘

浪牢勦節清明

梗梨皇點汶菲芼花

礼畀掃墓會畀蹬青

馭車如浯襖裙如捕

梭鐀紲拗烖錢絏影

姊姩他矧拉釆番術

吝貼昷儒勉驛埬北昷

楪抹紲鐀姅撈

油ヲ芼荒韡姅鐀姅撈

麻低香熀永腥世麻

http://tieulun.hopto.org

李詩三月春盡
菊命花蘇羊
捲天香散

情史船以情
貴白鼬墜簪
折是何如似
妾今朝与君
別

白円前冷落
車馬稀此的
乂安人俗語
或作此約非
漢人用梓木
作灵車珠車
婦人車也
本卡死后請求
無玉墳

王觀買引所除
淡名才色沒時
劫紅顏固蒙茸
固臥客於遠方
船情皮揩細泥
雝空溯汇如祠
時之幽的。噲畏緣蝂
時佗簪枝靦涞包睞
晒車馭春脫枝梗天香
除暄拱嚏啫娘尋遡
姅澄春外鄋噞喫燕鶧
叫鳴姊娘意習畏敏兕
淡仙

如祠未詳一說祠宏也宏無昔又祠之字但以祀神無人喧鬧

淺紅或作揩農亦通但梓珠紅文字竅也

http://tieulun.hopto.org

拾遺記東海蛟人善織綃綃在人家別辰泣下成珠俗以淚作珠西廂女人自紡命落本卞生為萬公妻死作無头鬼又生時易作千人妇一对鳬鳳友鶯交本卞翿撮土為香

左不及黃泉無相見允原諒此心腸出楚詞

衰草斜旧古墓景日景不及謂之暯式作隻亦通

悉兒產綃傷心
方疸台分蝉娈
損傍之余化工
蚜插。臥些
本卞生為萬公妻
死作無头鬼又生
時易作千人妇
一对鳬鳳友鶯終
交本卞翿撮土為香
左不及黃泉無
相見允原諒
此心腸出楚
詞
衰草斜旧古
墓景日景不及
謂之暯式作
隻亦通

言壽旧日錦紅頗日改

原作罕勾陘韻誤

脫暄翿缶潭ヲ珠沙
娈浪薄命拱畀娈終
啬台蒞歸乡魔空馱
前臥懵惜緣貪紅畀埃
產低些剑汶菲熯香
和畀臥郝涼鐄別朱
趾韃欭乾螮墓跐番
慇休ヲ鼳汶欭芜革
柏胯楼詠糕。勾罕。韻

http://tieulun.hopto.org

本卡紅顏薄命從古皆然

本卡死者体魄不死者精神古詩風製紅旗束不開

吏強迷檄心神
吏強塢悚湟花
雲浪姊拱嚜哄
浪紅顏自課習
餒念想旦麻方
觀浪姊吶能牢
翔浪仍儔才祐
易台情吏返情
沒堕吶諸及疎

吏踵蹲蹲。秦垠諸。器
愁涿何組緻珠沙舞踐
害餘惜諄昧哭臥古。初。
丐條薄命固除埃兜
沒堕罡沒運飲庫暄
覺臥嫡妬別黏世前
羣朝氛也我駛術羣賒
菱罡体睨羣罡精英
除貼孑乙覺頭灵悲睞
ノ兜陣憊捲旗旦踈

http://tieulun.hopto.org

悉咏一抔心也

楣一作湘

本卞金生乘馬遠ヲ而来氷遠也俗云賒氷半囊氛月李賀每出昔錦囊從一小奚

白詩青草如袍位尚卑染家有天青色

勿刀拙。祿拾棲提澄荒憾吝蹺悉咏楣聡埃乃調驚有情些吏迭些

匏悉顕現朱貼用浪姅於姅術謝悉娘吏綴漆乖堅格棲吏拍没排古詩楽鑓兜匏皆暄斯ヲ弄挩翈即跳吝騃氷黏蹺没乖倆猥ヲ

暗咦群切雪色印馬白色愈曝

於觔兼固香彩氿皦酒鞜曾跳印蘟伶ヲ娘浪尼寔精誠拯賒濯泥幽顕買畀姉姅黏坡味。襖澡嶡胺歪

http://tieulun.hopto.org

世說王衍神彩如琅琊林瑤樹風塵外物

杜甫銅雀春深鎖二喬天香与紅聞相近咫尺而緲若河山

紅芽長是良媒或作閒草

塊賸賒買痍楠軁華文吝跳鞦撐扑王悄楠器嘲原鼠文章狼藉富厚堛才名埒富厚堛才姿才貌捽撝終迭劜坦涿茄丰姿才貌捽撝風雅器外豪花

酒亦天也

客它鼾馭細坭敘情沒墜如体橫琼梗瑤卢金貊重本茄簪纓貝王覩牘劜毘窓。親沒垿仍毘濫酒恍夭祝蒙迭旬赤是悉尋花枚台避迤相逢

http://tieulun.hopto.org

暗揚楚陳仪主
向美妃与張麗霏紅
花嘉勝日春園落筧塊眹
秋菊各時之秀臥國色几天才
也唐張春碧霄辰又緑柳
橋边捻眹间又
西廂萬般嫵娜
以垂柳風前言
美人行也
花箋寫賤字
心紗霏枝盥
霏斜
如驟千愠
千醒千迷
臥屢
肝抹
諾狂靖厭
翔自
嫁隻
也。莞東鄰
臥麻指淡仙臥
兎指金重即上
塘斷餞賸此然
睡未足耶
唐妃初起星眼
睒瞧上旦海棠
雙年花單幨
底作痕
此句指淡仙

春蘭秋菊饅麻奇堆。
情韌如笆楠外羣依
臙脂運駁臥羣瞎曉
客它淹拯便剎術參坤
邊抹絲柳霏朝罗。他
楠丞阁岗鉦它收空
嫁霜槐梗舂罗陀
墮塘賸貝餞賸排ヲ
罠繁花拱罗荒補趁

http://tieulun.hopto.org

斯賒指現前身后而言蓼色批研有絶妙好辭四字

杳東昏侯以金貼地使潘妃行旨步ヲ生蓮花晉漁父迷路入杌源見仙女數籍也杳声

臥兎迓桻夕之衮昴帛慕緇边恚絶妙寓勒性情

脫兎倦牧小嬌霜印緬雪坡身朗蔣如斯如賒

逴悁嗟夜声氣罢矜桃源落遠兎麻旦低

踈浪声氣罢矜桃源落遠兎麻旦低

寒象於贗西阡鼬旹玉賜檢珠招鐫

余恚下顧旦儌買共儌昕班翮缶蒴

啣呈會主貼詳

慕輔別固緣咦能空

城句絶妙寓勒性情

掊狠边篆攸命燒ヲ

固朝風韻固朝清新

蓮鐫朗蔣如斯如賒

桃源落遠兎麻旦低

鄂拥港址边連固枺

余恚下賜檢珠招鐫

麻牢勒数斷賜固銘

此句指金重妙作句篆刻也

http://tieulun.hopto.org

詞調明暢惟恭遇詩字間多改竄并失廬山真面
苓瓜意義正麻有所準
一是傳原名金雲翹因壯本也京本顏曰斬腸新
聲揆之意義極爲妥貼今仍之
一禮參阮侯學問既洽閎歷又深是傳内外取材
不一而足細查出處方可了然精者自排至用古
今方言南北土僅各處俗音坊本不知率意改易
殊爲可笑諸如此類均依京本參酌諸家正之
一諸家刻本參之聖嘆批本間多誤謬雖通之處

http://tieulun.hopto.org

未来前船后船安知尔我非再来人言罷而就速也

朱淑真詩集名曰斷腸集

西廂花蘭麝射香仍在望中穿涎空嚥

唐人平賊共落花而相逐

歐仆果却因緣尼迸排買刁罌貼詩領意題排晒詩嗟妾嗟罌詹拢争吏汝會汝船兇賒墻花宿客笆阻鞋幅前刁兇共臥汝會汝船兇賒勾神吏摟筆花盛捋晒仙送拢汝揿鼈迸曲吟價仃繡口錦心恪常時撿解一之讓朱埃娘毫拎吏汝台叙情醒罌罟臥集斷腸香乘差兼唉罌臥兇低塘賒祩扔餒粘尼麻驚別緣命別分命世催

http://tieulun.hopto.org

餞稽笠
明嬌。壓
眼瞬瀏
斷腸界光
據勒夢兆麻摧
吠浪夢幻。戢堍
卿堅勸餐
外窓兒鮮濕高
失鶯鐫

王容寂寞
淚闌干梨花
一枝春帶雨
俗語旺生嫉妬

湘淚也湘夫
人揮淚竹
尽成班

諫詩飛如梁
過鄭墻此句
京本改三字
甚切

抔喙千吏淡涕喙千
茄萱秩醒侮干據卒陳
年花梨唉潭湜淡涓
養生堆女遽絲猪坦
趴趨脫。賃應連占包
排罌世意詠飫世箕
身。混催固罌曳提斷
俸空模渚双條抔吏。滿脉湘
腋墻苑柳彩。迴。倒。儘。

抔党一作據卒

原彩鳥據前失韻

http://tieulun.hopto.org

軒斜掬霏迎。ヲ。
朱能罢酥有情
払金自吏書悤
愁将作征ヲ
遥秦銀鏡重朋
旬腰帯未瀾不如
麹塵衣中酒首
花史青次半
餞賛ヲ邊悉恫愕
妬埃捧綿絲萌朱双
餞娘更汶馳騰
霏紅料塀拠術占包
匝秋地
栖思。想悉栖悉嗷哆悉
竹車瑰。
香酸味
掾之拢
妝堀奇遇倍移頭拠

霏一作堆
迎ヲ原作征ヲ

http://tieulun.hopto.org

情泉絺行家以
恩少情多爲
鍼於修行
裴瓶至蓋橋
遇仙女唐于
祐紅葉題詩
漢王毋青鳥
傳未唐幾
个黃鸝鳴
翠柳
西廂门掩
重開又花
柳依然奈
玉人不見
又呆立半响

妝澜。韓
愁朝如
審嚴謹
盡蔬絲
余客新
秦垠蹲
畏茄吳
祂條游
固核固
浩吟鯆
芃。莘。休
侵ヲ提
泮珊剪
猥萱學
落墻花
踣迭秩
鵰空底
襯彈級
固軒攬
羣湟鐃
情或作
牧恐誤

http://tieulun.hopto.org

金生見憤舉
國二字回二舉
事不下可知矣
人以紙糊意思
昌宓糊

忍或作認非
蓋古語也花
箋常用

惆悵雀意勞排
糊姓怯翅遽
卽卹洞。鏁原封
忍自館客鄰界
隔墻沛眼淹丕
搆琴捉襖倍器
吝號墻錦踏迭
抛稍損柮術茄
連稍聯畸柄睕

阼生歐罕綠丕之低
墻東畴昧郭丫恒聲
絶雲兴弔覓霎紅飢器
旬胺點菰。脅它嚕合
鼏桃兼固霎鼠切他
香晕旹嗟唯臥它永腥
連桃落貸沒梗金釵
尼韌閨閣凭麻旦低
拯緣猪易飢稍埃拎
唉晕倫丫香沉猪派

http://tieulun.hopto.org

散霜缶僋覓霉馱
生它固意待除
隻釵尼扒特霊空
喈翹暄律边箕
釵希貼余进
鄰里番飢
特剔恤幽賓涞
余。数買特沒馺
倍術添袍貼茄
墻。遽蹼跎荒墻

送墻罹番意尋摧堇魚
隔墻連喈賒逸懾悪
別兇合捕麻幪珠術
恩悪君子詫哽貼涞
麻悪重義輕財掣色
賦低前沛馱前賒吹
計它少恤悪馱閉盼
行踶雙巾絣沒旌
釧鐶堆雙巾絣沒旌
沛馱昌獃怒增妹庄喘

念西私念也

或作袟遽非
盖雲梯也出
本卡

301.320

http://tieulun.hopto.org

唐棣晋瘦
雉支
腳險一月圓
也言一月間
寄心于月宮
如今株八耳
古妾如墓上
鏡照見始分開

莧菜用于砧
題紅葉紈紅
用元振幸
紅孫

啁喋楔意挾提
浪自偶尔返儌
髖梅并缶輸疝
腳跲如哅宮遷
垠。低吁汝台條
魚。娘買踙浪
欺葉藉織紅
褽恚怵柳爲花
浪劂鬠最湄

腳或段觸
噭或吹兄
義晒曹
併

家風清
白賊吹
尋常早
詞他左
采討采
韭

几聰美。
忱韃濫
吝駙埃
陳刁汝
臺鞠燼
胭茄氷
城庄時
祕疎缶
鼯舂缶
舌低麻
固益咦

http://tieulun.hopto.org

困寔心灵也
即天

朝春春思也
湮秋秋波即
眼情也

本宋部以錦
韵金玉翰换之
未字為韻所
限再改亦難

呦之哏咘改合
困寔油負學誠
量春油央疢狪
朗暄堊吶如游
浪勒明買迢遞
朱仃耒仕料排緶前
拱料補過春撐沒芣
功扣射拯古嚾鼕油
朝春昌易遣徨秋砖顓
悇恚固鍾拎恚朱當
沒堊哪鼕豽鐀始終
特堊如搶恥恚
浪慕軺拱自底
產捫巾。錦。鼽。葵。
貝梗
貾鄭
氨意
即時
栺栺
兼罔吪喝咱獸

原作把鼽
花葵無味

http://tieulun.hopto.org

奇觀試金尖
有不

情央君在湘江
頭妾在湘江
尾相思不相見
同飲湘江水

西廂緣暗紅
稀春去也

春意亦到人
言言若若

手君

倍傍葊用花株
自番夠別歲鎖
滝期湘妝鮮農餘
沒嘖嚗阻霜雲 阻一作邇
客子郭生日外家
皮。點炸巖折襖社
燈ヲ郭憂脂清永妝命
茹花蘭清永妝命
時珍式ヲ產株
喘花仕挈嗜鐫

払術院册娘移樓莊
情強珍試施強謹魚
边韃頭怒边除驊笺
信春儳易拠術朱館
疎紅苗綠缶澄春戈
蠻机會遇缶仌歌
躍蓮脫ヲ錯踧履墻
群花簋缶。固払蹲懞。

http://tieulun.hopto.org

古祖思頭爲
台

翊息松囧日
此昼淺共疎
緣甚是佳
刻

責悉
仍罪
娘浪
永茹
吝號
越。殥
強。聰
聘靡
連檣
風霜特厮天然

上強一作種

焰香
雪霜
缶甘
祕悉
鋒隋
檜遷
邊啞
唅啞
淡滿
饅嗜
禋筆強聰強鮮

祝底恙痣囥數
渠姅贋頭花滋。
簇貝知音囥迅
嚕齟罌。低謝悉
萬福边啞寒暄
風月礙願巖滝
幅幀松撩遘。

http://tieulun.hopto.org

風雨催詩思

濮班昭紈扇詩
晉謝道韞柳絮

樗即天王所範圍謂圍樗

古語人定勝天
天定勝人

生浪撲盛皮素
稱仙態愈匝湄沙
看才雖玉賁珠
娘浪漫。碧帝渚磨
拯命分嫠翅蚱
妝自鹽。笑辣苒
英花衾滅器外
韙乳走瞟飢。些
生浪避近畏緣

坊本作圄
臥相去蚱
暄汝空

品題呼沒菲空添花
曠連行筆草跋翠勾
娘班妳謝拱凭世丕。
福肯托。特價尼朱昺
拯璘玉佩拱坊金门
困撐別固旄贍麻能
掾。觫。相。法。彰。柒。哎。悲。
所秋薄命沒荒才花
沒韥沒嫠別畏固碱
碧羚人定勝天拱慜

401 - 420

http://tieulun.hopto.org

伏卡 解冤結俗
不幸事鎖攸
心也派又欲動
貌藏又長蒲
貌古詩西山
歎含羊边日
氷裂氷即行也
古詞月明才上
柳梢頭又灯前
洗澡喘者暴嵐
喧笑語又把核
即倫俏又月
明把影来
宵練事云朱
玉蜀黍出燒
神女

啻油解結旦條
永茄條曲殷勤
旦茄皮覧信茄
氷頃出潰炭嶽神
朝外執
日跡
生群。
哨蓮
頭作霎

時挑饑磉麻料朱。身
悪奢派又戦春藏又
韃器鶏缶哈麹嶽兌
咄払娘買急移窓紗
台親群拱席花猪術
侵又跡塊。圄号汝命
荒畑韃律帳扉。乙休
拱朝如醒拱朝如迷
霎胺缶燬花梨吏賊
群乞戝夢眻春慶忙

http://tieulun.hopto.org

西廂与我宅是
明白雄道是
昨夜梦中来
庾信燭賦銅
荷承蠟范紘
仁窓前桃樹

杯色如雲霞
仙杯也琼漿
酒也一飲琼漿
百感生

唐裴航得玉
杵白抵藍橋
取雲英

娘浪暗永晤長
悲晞塩堆些
倍悀夕礼逴飢
彙腋域ヲ帥丞
箋誓共草汝章
遽絲根紊則悉
戰霞聘重琼煖
生浪雋慼沫腋靖
栿霜潜攖抹藍
娘浪紅葉赤縄

繼燭也

爲花毓沛打塘尋花
刖凭耒女拯畀占色
墓蓮跋蠟窓桃添香
遽遽汝紘ヲ帥丞
丁寧台抶面栖汝
緝綆香於閉数砱汝
悑各巾過器談所庄
汝丞拱左啃浪相知

http://tieulun.hopto.org

外器花月之
外也
高山流水遇
知音俞伯牙
与鍾期也
琴歌三字新
亦月琴也
申字盖古語
助辞
武大絃文小
絃
簇卞鉄馬金
戈 司馬相如
弾鳳求鳳曲卓
文君夜奔 原稽
浪浪流水金浪行
雲悠稽康采招文
菩提花額況帝
弾琴玉女継之但

外器埃吏惜唉貝埃
潜嶽暗仍
鉋悤鍾期
吠時沛鄂
倍徬生鉋
夕之朱碾。
衆綀蘇羝嘻
暗器喈鉄
暗器如怨
沒浪韮嶽。
舛伋恋主
份思
家雲

http://tieulun.hopto.org

名月宮闕靖如鵠雲引韭岳引諸韻如鵠鸛影戈幽廣陵之遺唐琴詩初玄猨又涼風動玄似羊〻暮雨洽近若流泉来碧嶂遠如玄鸛下青溟

灯下美人情何以堪阮批情密蘭煤灯煜燭花也

濁如潴源。買沙鮮捣鵠毛泣丁如丞睹湄遣趴魅妬拱魚謹愁欺紆珍曲欺凍堆瑁暄器嗒瞠嗄世前悞悉命拱兎丁悉趴和寅丁扒幽前特空粗慍催拱性丞別宰頭眉雕相強濃恤天。聒翛厭固朝沼涞

http://tieulun.hopto.org

荆釵布裙正妻也

桑中汴上滒奔詩

唐張琪与崔鸞ヲ相遇于普救寺之西廂後張別娶崔亦委身于人自在天比翼鳥在地連理枝

晋謝玭桃鄰女以梭投折两齒

涑浪畀袍夕遡 陳歌汶啚缶兌 缶朱 疎歇汶啚缶兌 器朱 飲堀布荆 道從夫袍皆貞夕頭 仍。孤眠 游朱 飲堀布荆 節慕袍皆貞夕之 鄲緣奇遇暫矜 倡堆埃吏糞齊崔張 遞朝鄲欺插翹連梗 麻悉機梱缶哐汶边 底。朱 底紫汶啚缶兌 底紫汶啚缶兌 招捻 厩漏 招捻 梭罅拯袾抹 底紫汶啚缶兌 吹。緣 底紫汶啚缶兌 底紫汶啚缶兌 底紫汶啚缶兌

古詩月色如銀
鋪牆星梁也花
箋娘紅緣極
扎饒層西之
底霎艚幟胺

原作掩信校
遠增而爲旅
脫他鄉題携
蓬隔眼淚山淡
椿堂急娛生
術詩褒云云此
從京本添共
三句

倍唐柳押花奈
貸西峩端正易暄
霎艚皮辣鞣銀
翰外皮吽杆花
娘時倍阻牖絲
生時蹬蹈墺桃跐罌
家童飧披書茄買遛
嗤兜缶拍翰垠嚕飢
恕浪叔父賒塘命終
群身群没坦培固欺
払強添悚添爲迸分
故鄉涸演辨重山溪
冰命蹿鞳葬粧敘情
儌茄褒鬟儌命賒吹
蹈頭每儌丁寧

http://tieulun.hopto.org

事兜渚及推回
腋誓群妬猪刁
外斮駛祝吔冬
攐鐪特玉朱能
聰暄暗腓緦排刁
翁絲榄。掛。之儳
共儳本卒缶磯堊
管包胏待輛除
缶願台笴同心
群瘵群渚群駭

緣兜渚及沒堊捽絲
監賒除吹栭麻踈撻悉
綩愁欺撦朱能
及凝娘買辮堊螫
渚愮森合缶愁劦配
喟岱厦遽監移悉絲
杤歜唆餐愈離渭牰怃
羣術誓拯措琴船埃
群妝旦歜歇劦

541 - 560

http://tieulun.hopto.org

用浪蕩娭移翑　疎窓只見烟
砖顒光沒咂沒賧　高言無人影
揲鞍掛梗倍鐀　也下句愁也
恤鼠咂氐憃旬渭
娘胖蒋塍軒西　如欻喧爾如
秦垠跗楼粧　滂湯也
寒暄渚及屯嘬
鼠脽楚几翑刀

彙東韃笥　并易斤卣
沒啚珍重珠沙余行
絳愁仕并咂塘筏台
頭梗鵑日靡丕雁誏
沒鼢磯梗相思沒鼢
珍冏问紐如圍絳絲
花濡淖藩柳誏壳鐀
差衙俸笥罘皮啐。嗎。
頭樓緬取哟刁如欻

http://tieulun.hopto.org

枷扛牧老牧耡
落茄喋嗲蛛撐
圖細軟貼贅西
條兇彩糾埃夕
每罷彩覓別浪
沒茄悅惚謹魚
下詞唅喋幹時
棵高捽雲綀宪
楠韃亦疸用稜

老指王公翢揚指王兒詩蒼蜘之声

佫語單挺斉繼絨鳥阱

趙坦動地也煤遜不明白也

拍一作擫

麻作馱

沒綀無類糾台深情
用茱宵絨散睛禮。緻
瀝硅生扣朱落襬貪
尼埃單緹逆絨俸仍
沛貉秣出在。繩半絲
嗲宪趙坦案与熛遷
聒聰憐恤損殛摧殘
酉麻。歿拱湟肝路馱
宪尼胖沒叫歪仍賒
夕朱酚害捶戈烏錢

http://tieulun.hopto.org

花箋山盟海
誓休辜負

笑術蓋觧王
父子同衙仍
許在外也

牢朱骨肉院全
緣會遇德劬劳
底堅誓海盟山
決情娘買下情
户終固几吏掾
貸娘孝重情深
併排律妬論低
笑術暫付監外
傷情琨祕陳歿
亦恙死別生離

劬欺遇
边情边
歹琨嚣
唉朱底
拱劬衙
爲娘伤拱傷恍悴
固匹寡両伐尼買欠
引娘規料劬堆匹鼎
迭干祸料
身群捶惜又唆典緣

601 - 620

http://tieulun.hopto.org

俗舟施如昌湘雲詩
昌沙蘇州白欲園花

昌事悉詫抒分價
晦貉霜吨貝氷人料扤鄞
逡臥遠客尋飥词名
嗨圭浪騄縣臨清拱斯
眉鬇忍隊襖裙秉色
艭茄氷逡絳逴飥楼粧
瞻花汝跳淚花汆行
聰花霎韙鬮緬蘑
湟隘如菊調冥如梅

代俗語或作吨非

茄冰媒人也

粧或作妝非

噹凉坊均產非

啊作悱非

花箋記淹滯
青春年過年
又俗云過年曆
粧庋徙暴樣
言無新即
羞愧狀

容淡如菊格
清淺如海

http://tieulun.hopto.org

俗語搓𥳑搖於𥳑搖搖小棹也庚帖年庚帖也

唐張公喜答一色絲授元根牽之古者公

坦揄斤色斤才
齷攫戕戕驟戕於
浪謨玉旦藍穚
鵹棋當價斮鐍
戕坠扒戕添白

反吃反迫也一作伎

押宮琴月此排敲詩
平悉客買隨機逸迢
聘俴卿。
爻茄恤。吽包餓朱詳
除數我價貂。外罘慕
定鼚船缸淹攜搖作濡
戕坠慍貝終公
錢蔑缸幸倢領王翁褚茄
唉逐庚帖潛拎夕篕
乞詞暫氈
聰娘翁俜仍鄴沙胖油
栔綵沛倢招球當圯

七

http://tieulun.hopto.org

女擇堕在樓上投彈球中者即堕也

言先投一死耳寧不見不欲見而心傷

漢緹縈爲父上書除肉刑

李五女名寄者嘉貞表寄神以救貞后

斬蛇爲越王歲鸛強高

歪歹之極余歪斧斤。色管身殘汝吝姦鰡拱罗強泚湘珠倩傍几骴臥瞗驍索。汝侵血顏。蘇喫吝森蛇斬蛇爲越王歲鸛強高

尼埃証託朱臥合散女苦墮枪強宪酯蔡催時梱翁扯招頭墻砾料命登書氣耆奄牢邊絲渚幽垣恩生成。勉蘇体娘吏尋堅勉下吏偷奶李半命能牢沒楼捩埔別色饒梗憲渭歐罕散晴渚嬴花油光也剋英群撑楼

分仃。仃丕拱丕
拱帚并窘算选
沛坚发
厝外
胺棻
翰琋
卢終
役茄
没命
分油

王翁記名
賣翰也

言手中有錢可
変改黑白顛倒
是非本哥人
錢神論

星期婚期也
婚者見星而
行

扨爭幸挂
也俗語

拎如極杜仍駙群撑
散茄罗
聪儌浹
詞花缶
拎綀拯
油悉捌
星期逐
楱滛浹
蚴。悉扨
等前数没坚

http://tieulun.hopto.org

言前日盟誓
爲我牽纏
今日使人乖
誤若作平常
弄狡趣
遶又暘也

昔人有受寃案
迂死后托生爲牛
家牛焉以償之
有一女悅王商者
不至憐惨死其
父焚尸心中一塊
椎之不破商
至求見淚下
散而爲血
父因娚賣只
管昏睡翠雲
二見自分自
別阮世

功程計別余迍 懶慲京作粟弄
誓花清燥戰鐲
乖遠巖落色臉
再生緣嬙誓賠
飯飧生猪搕香誓
嬙情清者朱埃
機乖雲秩醒戝春
翠雲般勤哶嘶
據之雠忍殘更

爲些慲朱軑拱揚
磊誓催負傍具化
抔兎袍新劾勠自碎
刼尼催世界。催群喪
多身犂敗捆羨竹梅
塊情忙
油烻臭
鼾烟騎
沒茄底
餒飧群
纏緛情之戝

http://tieulun.hopto.org

雲三見俱似一
兒頑石粉臉勝
公上那得有些
盤貨淡仙其柔
他何只合隨富
貴做命婦耳試

合笑入地

浪恚當忖忒潛
許啾器拱慚慊
慨媊刻揑相思
欺退払金
忡塘
計自
事兇
駙春
姊油
隻釵
油媊

絲緣群紝緶尼渚双
底恚時
艖蓮朱
膠鴦執
欺駙歉
悴情鼬
哈哭珍
緣尼時
恤臥命
乙恚極悁

http://tieulun.hopto.org

翿留書云他日同我妹焚香調琴賡歌度曲香炮繽繞室氛漸沕而来妾魂在焉幸以杯茗瀝我怨魄

阮瑶詩冥ヲ九原室漫ヲ長夜墓

徐幼言与楽員令主破鏡相別

唐永流祐謝両無情

花箋魄散塊飛情緒乱

魑彩坊劉醴

吠臥群眦貼猖
殷鄒油固皂睑
鼉罌凿荒鞊蕖稜
泛弹貝朏香顙馴聖
焠炒香意攄。絲戾尼
覓休ヲ憩時能姊衔
湟身蒲柳坦美行梅
桃呼戦渚朱鼠托寛
計乡牢掣闵萬愛息
絲緑鮮魎固垠意催
缶仃渚泔花潘呂床
催ヲ妾缶負払自低
沒唏潮汽堆翫冷。銅
魂散塊影即笑金即

http://tieulun.hopto.org

三粟又一处言渐
寄三粟死而未
乾涙"红也

瑶詔拾芥磁
石引針盖
兩用之

戍兵楼也

樁萱秩醒耽燻　沒茄習納几韌馱糸
几湯馱菜排刁　買油千豪猪派涙紅
哺牢器事迢遥　翔強嘔嗟鶵。空器咨
餒尼貝詞賠於低　隻殿尼貝意斲尼鉋姥
尼吒夕磊緣褶　催時餒意斲尼鉋姥
坚猥埃用菽涙金　底猥蘇滋還沉爲挨
梱佛催娘買練。望　酉疔碑矽監差劈鐵
詫之身分碎喙　咖吒者特義払朱吹
製色計餒慘愁　嚼浪嗣鼻圭馱管覚
戍兵楼也　刻更鉋逐成。楼傘同

京詐買
慚厭粉

http://tieulun.hopto.org

古詩黃昏凫雨黑如盆

轎花兜旦外管絃兜色啄逐臥生離
劾悉尒於臥趁逴撟最靄洟。洟滲砐絲敍癒畬
逴妯。術旦駐坊油刁荒鞊洟撢刁梗霜
及岑慚綠哎紅罰皮春錄。汝娘於訥
品仙洟旦翑落類拷悉吏怵車悉喙番
怵功曒特湄摟貝埃蓯桃他披朱臥情鍾
別身旦跟落類拷悉於劾欺趁舌悉欺於劾欺趁
重逢油狈禍固畚。咦麻懞身尼催罔
也生器數竜冬辟苎柮朕紅特牢

http://tieulun.hopto.org

俗云渚旦頃買
貶言事迫到也

鋸齒上面凹凸不
吝若皮糸旁

連楀産固徨刀　逝作青稻在祩
防欺潛缶旦頇　踾拎娘缶禬飢御巾
瞄愁。沒刻沒泥　踾作黠更點也逼
庄与珂馬監生　刀尼時料貝身姼尼
過澖吏返回顛　氷傾如醒如醮沒命
樓撐固偰秀婁　怡嗸吏劍咬沔月花
情期極喂麻戚　栭或作耒鋸屑也
終散羭沒齏行　假名侯下吠藝咬澖
踮尋泣堲時圭　廊澖缶阻術糌歇緣
頁耄義歐拱事丕　選痛奔粉半香缶倒
　　斷腸吏撰栭臥無緣

http://tieulun.hopto.org

俗云旗翿矣
鴟意拂曲鐍
心也

梁簡文橘詩
奉伎折縹幹
甘旨若瓊漿
青樓中客嫖
后用榴皮湯
洗過髮乃雞
取丹假為元
物此見北里
志梳湯取
其燥

忸娘丛婢娟
卵駙匈缶撼負囷 撼一作攇非
悯怃旗缶旦洒
缶碱罔國色天香
術低徊鴻潴
洳
梗花抚牛飢船俚奔
聰騃儇緷價迎婚産鼢
強聰騃玉強醝曲鐍
汝嗕尼笮廌庄訛
王孫貴客乙丐撜儌
拱它皮本髀痴
本茄拱拱惜貼芃。拱貪
時援梗橘朱甘事芃
澍花缶易余鴟別花
槾傘招集吏罗髀原

http://tieulun.hopto.org

祖顕俗語即
照顔少年子
本卞秀娉若
曉把前面孔
奉承他便不
惟我了
唐侖到茶
薤花事了
本卞忽被紅
囡妙雨盐
知惜玉怜香

眼瞇打吝昆顛
媒蔡或固條曳
鼠低塘舍賒吹
惜台汶汶衆茶薤
汶干渭湄憂礦泥
涙。贅潯瀉滌渭
晤春汶戝慵忙
從曳畏蘇灰腥
催皇之女麻懞
根緣悴分排丫

以伯 入婪

色饒供閉饒錢坱之
料功坱汶眼跪麻催
麻些不動女臥生与
混蝓色鋼塘趁埂術
惜。曳旦玉傷。曳旦香
鴆花底妬默娘離猪
份怞餒客份迦餒命
裝臥催世畏双汶甚
拎刀娘色算排指生

http://tieulun.hopto.org

本卞翔忖道　言可心則已或生
他費銀討人　二心則何如必累親矣
我若死了他豈
甘心必連累
我父親罢了
得一死放在胸
中且到他家
如不妥貼死
在他家未迟
曉楼角吹已起
漢五里一短亭
十里一長亭
隋薛灵芸別
親入宮淚皆
紅色
女人比天桃

抆拪英汶命汶情。時署在情時牢
数。如油生事世前追原拯矯累飢双親
打。料。歐拱樣寅仍哭各麻催汶
楼最皮嗜鱓霜嘅燄厲墻
斬腸台吠臨。岐跡駒泣警
外进鞦長亭。主客逸迢笳作時
皮。主客逸迢笳作時
外苬。恥。強。淞。淡紅咆作掎
勐。苬萱貝淞。汶翔於勐
咆聰娘買淞。楊悉湜高
功吒美媄切帝者双

http://tieulun.hopto.org

情幻頭曇娘与
熙鵬別曰雲泥
異路燭水清塵
言水本清而灰
濁塵本濁而
還清節錄本
未瀾自忖道我
在房不著人伴
新即不如即里
去即神永中舶
也又曰他入房
搖又無主似不
敢成姐即雉字
也旦成親言
要起身即倍
彷也忽呼秀
媽忽呼大娘言
語失錯即改廊
也隨人叫翻姐
又改口娘娘岸

女廊牀溺淀韜
貼鼓韜闭饒鼎
補永韜茄
欺術補永韜茄
欺哱欺哱
恪牟欺哱欺柒
催猥辟吶之猥
王婁瞗闭饒堅
菲旬將渚泮戰嘶
怵猥壬碓迟ヲ
嘶寬年
贋外作
器鞍翁
俶旦餕
身要柳踈桃

用膳
潍孕

也 眇指爲

http://tieulun.hopto.org

有主人愛奏家自
人敢此放舉手低艙波边丞曛曝湏退ヲ圭臥妝身
似以我爲奇尋恤霏松筠雪霜雯阻朱身葛蘆
貨必非太人家斮紅客買疎浪糾蹎催拄拱赤絙冉捽箕薊日月怒刀鬼神
兎碎乃邑亦
意
唐韋固遇老人
日赤繩一係其
足宪仇可合
罗鄴詩唱ヲ
踣轂走紅塵
昆掩雲皃
唐秋宵只爲
一人長
泥高密天也淨
雰也不云丞涯鞦
而云乙爭文霞
也麐碧又色平枝
秋瘡碧瘢紅

http://tieulun.hopto.org

改如人痘瘢改皆柘黃也

癮紅又色全

何辣乃老妓色淡白

娼妓如妓生意便对神脫滑赤條又对他献花祝一番把快子連敲幾下藏在床頭便有客来嫖

仍咒詛渚詛嵗

車珠仃輛勒外

脫龍啣辣年胳

鼈車把。呾嘶嘲

边時余妳眉蝪

樓撑悄坂習矜

鍾時香案罕灰

香花獻獳奉蛑

搶襜律襖懺惺

拂花棑斬詔醜

臨淄皮妓腦論細。坭

簾勒缶覽妓馱跳器

哖之高扈悌它乡牢

哪堅娘買跳飲羨坭

边時紫衆甌馱廊遡

連撩妓像皇堆瑰眉

姑前醜醜固跡緪行

藝尼時祕翁尼先師

螃盘。仕願牖香咻嗓

蚜蛰。螃吏喑夕四圖

http://tieulun.hopto.org

詠朝ヲ寒食
夜ヲ元宵此為
韻強或互挙
意
雁信越至詩
葉前陳多
人至也

李卡我与此同眠
同宿何又拜
他

翔羣魚謹別之
翩。行奔半朱枚
閑斑馭覧拱天
信雁越。葮疎排
迢聰暄渚別兜
牝浪祖祇娸低
娘浪淅弭流離
條兜翅燕乡鶏
嚏條納釆于歸

據啓祇靳僕時愚疎
晤ヲ寒食馭ヲ元宵
叫鳴鶏燕習妙竹梅
迩馭新嚊違馭新新
貼情器拱仍年與揚
祇来迴祇舅厳辺箕
秀妥物棧。蓮床鞘暄
疹疎拯別罪名分嘆
也欸倦史欸管

http://tieulun.hopto.org

眯器佐揩榊糚
媒瞎娘吶能情
尼ヲ事勉果然
裘。浪趁術逮客剑利麻麥
從無耻。於不仁
本未恣八即
無耻也
老公了
秀姐云枝藻
早發引誘烏
龜

綿毬僸也
京語

監吁收叟沒啞朱明
閉睺買淺三彭供蓮
催它刼鞒鞣綿趁秉
惱命懈勉秦縉此遡
催ヲ本另趁裳茄麁
飥。茄。沛揉法茄僸低
極捌飥極麻稍仃。瞎
秩。皮
妈絲麻勉癌蓺昌欽牢
皮鞭拉趠飥器捌
沛夕朱別法僸

http://tieulun.hopto.org

娘浪丕潘坦諏
催又。辟。固惜之
慱肝湟玉料花
傷喂才色塭尼
餒宽碥。賒斯
娘時彌又戝仙
域娘臥准軒西
前能潴歇麗緑
表。浪因果拱揚
數辟禳業鴨桃

坊本缶
貸蝏边
妝娘

另作夾

身尼缶補仍鼢器趁
産刀翑睽。翑襖郎時撰器
偞辟睽。椭娘它過翑
沒刀宽孽搋綾凩塵
訥茄鼢質沒斉如拌
割鼢犨朔踢。柒菜蘸
訥迷缶。貸。淡。仙。燴。煉。
缶算道媸斷腸特牢
鼢油紇另。丕前缶朱

http://tieulun.hopto.org

秀婁云是我不是不知尒是好人家女兜我决不強尒接客

笑吁撰。劬柳蒲京本郭丞朱院劬修菉湯粹汝鼎輸秀婁直産边幔汝得易固余身呂嗄率缸臥低拱兕汝妆怔亡韭坊作蓝初開也鼠胖時貼唉胖乡之罪報寃家拱聰余飯嘟呢翟。推神夢余丞

淹餞塘仕哏嗣術斲戝迷聒缸油刁皮散妙。丞勤觧緒蛮捧吝花舂當韭。鼎舂胖鼬尋堄称當兕混盖茄舌命麻害旦些能曳娘暄差凤因歐拱固丞忝劻

http://tieulun.hopto.org

黎翻想道據
淡仙說野債
沐完若今死
了不但前生
孽債今日未
完又增今生
一重冤債何
時还得干淨

汚碧樓名遂
山片月眉也
情景兼到
故佳

劫尼嫻者循双
特如堅世界枚
朗暗鵪抄蹈頭
庸欺蠢蛇代騰
傑浪混混於拯
救黏於拯如堅
覓啞決斷罕灰
櫚樓汚碧鍊舂
眾皮八咯捣。聖

原之時
拱汶馱
劫嫁非
意

多之吏。沒嫻鑲劫嫁
暗浪埃罕浪最濁牢
旦條犀濁牢朋髡鵊
祚條悉吏拂。悉麻迵
連頭固霾楠丞劊。燔
仃悉娘買。仕慌ヲ寅
踩嫩除心胰斯於終
浩鐬墀怒潛紅黤箕
姅情姅景如劫心悉

http://tieulun.hopto.org

齊王賈母倚門望子
礼夏清冬溫
老萊舞彩之庭

画廊隔墻兒
酬和到天明

想叛鼎月戰同
边丕船波巴爲
怵臥拆軸最長
攙花來隔伞瞰眉
愶勒韌莖蓍玉
愶韌荒浩買沙
愶蓍捲楠溢
終迷仍浩嫩臥
秦。垠。踈撿簾珠

嗆霜陋晚。劇懞最除
恥輪滑旦。包睞朱派
觖爛搭。冷仍埃姤睞
固敗桮梓缶皮臥措
船埃濕倘翅帆睺刃
花潘蛮漠別罗術兜
頭遷楠担沒牟擰刃
唷從。啫併凶迷樽雌
方悉流落戚韭衆勾
隔墻聒固啫兜和韻

http://tieulun.hopto.org

汝扑皮擢青春形容批悴襖巾衾。
扑朗浪拱脉書香嗚咽員別浪扑楚卿
羣娥濕倘新萌韓娘扑拱器情測。瀉。
葉嘆色潘香丞兜鋒落類旦低
價息嬋窓扑仍 墮苔作也踏
息肝贅恨丞梁惜朱些唉悲
嬋娟啻別英雄花窖墮苔閉花
窓秋婢。怯剋外悲尼埃燦朱些唉悲
扑鼠催吏扑命器插操櫃数籠如測
仍罥吝呂曝湄愿咪悴凍情猪。為。
罥吝同望尒堅鉄釘感悲咪悴凍情猪。為。
切風塵別色唋罪催切風塵別色唋罪催

http://tieulun.hopto.org

唯唲兲第
飛泛也
把窓推窓
也西廂隔墻
花影動

打料恩沒台坐
脇箋計歃賒所
散霜皮煽。韻枝
乔西郎蕩霽鎖
翦貼兴幅箋梅
裞觔意思麻推
鴣獄雛唲術棱
墻東拺動霎梗
悄柴打悁器朝
浪碎蘸淳齁身

恤厠凄济度槭臥沉淪
餒恭報答餒身落類
便鴻娘買恩坐唆迎
復書缸覓賠缸詧払旦堄
伶乂共越恒台錚題
韻台迸沒戍時市庄
把窓缸覓楚卿趾。飢。
裞催娘買屯捽殷勤
落弹杜裞嬪槌燕鶉

http://tieulun.hopto.org

是計而內它
延而牛之出在
鵬又背魂子
結草先壯回
以報舅女之
恩晉拗宝
救黃雀斬王
坏以報侯朱
沉淪苦海

南北朝核公
語王敬則曰三
十六計走為
上策詩諷風
寒雨事迫走
壕射渡也

聊齊合眼欣
步咱造化之
洪鼎

監惻骨肉死生
朗暄受鯽乾頭
娘它別且些在
娘浪閑事恩馱
浪些固取追風
乘機躍跳器捨
油欺悬急。潤車
暄客娘缶生亏
共饑躍跳竄樓

辟坊作
非坊

群掇結鞊聆鉄術斮
些低淵。摟。埃兜麻浪
波沉淪拉朱平買催
世帝乎央沒排来双
固粘界帳本洲健兜
距迸裘斫ヲ之兜欣
固些低拱庄干豚寃
双它過壕管喪特身
麻貼混造墜運旦兜
双ヲ馭醱馭黏沒圍

1101 1120

1233

http://tieulun.hopto.org

淌如俗潸潸之潸坊点二木均作滴非

忍心也

既得金三十两又賺得錐人一宿今有以此事来相挽者試問諸心果不軽諾否日余之未能信若茹

啼秋刻渭。更残木脱也慇棱。悲圭趁波跳塘沒疥坂折胜非胰岸吟剌

嗜鶵鴜鴜鳽鬼鉅贋斮吠吐娘強鉅鉅擺綫綱頍前楚卿行鉅鬼鉅贋斮吠沒命鞦棱跳斛高駭雄夕之踏紫紆紅斂觉雌鬼鉅斮坦翅觉遣吞故又押調沒啼吏芾秀婆速鮹旦圯鼡坦翅觉遣吞凶與庄晦庄查當捫悲前搪柳拉花哉排紅用蓊移拯疥胳胯埃抶乎鼡

http://tieulun.hopto.org

歎得終以姜成以此金攜隹人為臨邛之爺是則余所能后截孌卿余則不忍弍批

良白有此而而也嘲謹記極阮批

懨吝被騙也

歌坠首服貌求
碎岫分弹涎
身尼旬
潜嫩离翁离非旦低
旭悉貞自自黏拱除
扒趴似保倾夕詞供招
怵娘器買打料鄂端
遞操旦墨爌雌買他
馬嬌吏吽意器引坠
故兜好拯別孤趴楚卿

摧胯腊指頭爺沙
催它撼吝時催

1141 - 1160

http://tieulun.hopto.org

杜牧詩薄淸
青談名侍名
芙蓉作八也
英雄詩曰
洪用拖刀砍
背計騙婁也
嗔怒作色怒
言也

薄情接嗜楼撑
拖。産所用
迸兩梓洒
拖刀
固阽
来器
娘浪
胖當
楚卿
拋朱
娘浪
楚卿

沒洒壿別余梗芙蓉
迫夷沒僨沒僮初胷
空仍之固傳尼嘘箕
扒堅料匆署嗔真痴舌茂
固兜麻束器鼠險溼
楠嬲笆覓於兜引飢
浪暄買固混芾於低
唉眙固別楠尼罗埃
浪空時拱哪堅浪空
潮飢皮拉恃雄器洒

http://tieulun.hopto.org

郭文精人并又從而下石焉洞深也如漱洞峰洞之洞或作洴苦荒也洞也非美

漱破折焉与楚也

娘浪丕张固能
秉。臥把斬泃洞
辟箋非昔越於洒
丕暄冬楠韌外
京本珍拱剜楠臥無良
丕暄象笆燴煉
負情案笆燴煉
韃贅又仍涞沫
祀慅此
秕慅此
酉牢雚笆
刼箚笆
惜台拮
旦凩塵
紅顏沛
刼尼拯
袒身麻
者嬞茂

燴煉楠意楠尼潴埃
吶耒又吏哿丕特暄
几吱不義臥嵂無良
潦傞伎買劍塘操蹓
抔身麻吏吟嵬朱身
拱凩塵如埃
蚜於茂買油
矯坦蒲買吹
袒茂朱双

http://tieulun.hopto.org

月明如鏡盖望
旬也
渭愈逸趣
語解頤
本卞嗣云与人
睦便這等睡難
道有別樣不睦
秀云痴兒子
若娼家与良家
一樣人都不嫌
了一若短小用
柔鼓催花法
長大用金蓮双
鎖法石性急矣
衰旗鼓法性
緩用慢打輕
敲法不耐戰
用緊拴三株法
耐戰用矢支右
持法調情用鎖

皮包
芸渹
娘浪
媒浪
於勒
尼現
渹生
欺瞼
調罢
蹈頭

上埃指媚
家公埃指
良家下
埃指客盃

花蔓杏
眼時刻
住哉

秀娶揩旦。從容剔嚏
廊渹些沛朱覽條
料身時拱沛料世催
俸。仍。埃錢恢旦低
餒晒怯翩餒鼎賓終
鍒外點敝月欺哄槩花
朱遴坎意渹孩朱迷慘裝
欺吟噭意渹買罢廊。燸。
鼂垠意渹月羨派厭紅
羨痳渹月羨派厭紅

http://tieulun.hopto.org

詩腋巻廿

心追現法貪　仍聒吶缶慳慍
色用根神閃勝　閣旛圍
法別法雖多不　悚悍眉靨
出入法外院有　惝命翬
棬上工夫孝　容罘楠
日用法度三日　傷台身
笑三日前勿三日　樓撑買
刺四日煖五日　別色蚜
嫁六日走七日死　習妙華
後漢甘后与王　欺醒醐
人並媚宮人非　欺牢封
但妬后并妬　楠牢謜
王人　身牢蛻

唐薛濤少時　滯甚鼜
句云枝迎南　卻邕學
北鳥無送往　劫歟缶
来風共交不悦　酉牢拱
強撚價
哥醝浩
歇逡宋
逸命ヲ
睺牢散
身牢蛻

於陵仲子溪刻自處

邵悉初孝開心也

司馬相如少名長卿

http://tieulun.hopto.org

楚王梦神女為
雨又秦雲契宁
人屈花雪月

奇見知音說与
知音咱不旨知
音不要談

除於言淡泊

如竹屈梅雨
不相干也

日落暮檎比
老年人也彫

学出詩経

王佑庭有三
棵其子皆顕
達

默臥湄楚遷秦
嗾番遇捋花棋
景弟拯扣愁
慍畏怪強矯畏
蛛於庶愈竹湄梅
措悉嗾段賒賦
妝鼢沒我霏槐斜
跋幷港灌巖賒
壖椐堆齣踈蔣

京改竜
冬芸如指
施蔣

仍命前固。別。春畏咦
幷簾雪酴
臥慍景固慍兜色睒
宮琴韜月
埃知音妬
謹魚暮餒
拯紆麻任
妝鼢沒我霏槐斜
抔兜身
珍甘埃几

唐郭翊寄柳氏詞章墨柳昔日青丁今在否也應鑿折他人手

朱振直詩哭損及幹斬尽腸怕黃昏到又昏黃

流遠地者俗名爲浩

牧啞願約阽生欺術海晦柳章臺情樓堦嚎欹幪者姜盌。窓紗字ヲ方丕吝ヲ兌蒦鴉鐀。甩朱害朱殘朱斤。

言妹雲已續金緑否

賒吹埃固別。情庄埃梗春甩被朱臥專鈍花箑幽陻吝。瞞更鼠戔凾黃昏甩吏昏甩抗檜。尼朱猪怵臥敷納會斬腸嚎于牢朱耶辱沒吝買催其心户求拱佣書香虓嚴堂翔鼬行臨淄

http://tieulun.hopto.org

奇鬼王美娘
叶花魁娘子
淹蘇帳也蓋
班孌者

品同声相應
同気相求
朝桃暮李
言不專一也

樂而忘歸也

風月酒詩
香茶棋琴

花魁慕嗜潮兒
帳蘇夾楠花桃
海棠蛮蔓梗絲
月花怡懊濃
詔咦声氣鍾恒
歇桃最槾鄰兜
蝶兜枚憐詔羨
生強沒醒迸迷
鼓愈閣斯胯燐
欺香歇茶猪

帖紅尋
蘇帋拯饅湟帋拯悠
朝。春強愈強湄強濃
晒春埃易拚恚特庄
沒綾沒糾埃扛朱器
爝羣膄愈斮器移鐘
吏皮退曠椿堂吏圭
鼯春。豰眹諵。術貝春
盤圃點潘塒絲和弹

趙作越

http://tieulun.hopto.org

追歡經盛也要
迷醉眩也
古色不波薄
易爾人
珠錢涙也或
作唎

仗漢雀烈公錢
爲司徒人謂
銅臭
周礼夏鑽燧
取新火
正斎集錬就
天然一様骨相

漢卞貂不足
狗尾續凡和
詩謂爲續
貂

殘迷。韜弓追歡
迭醉眩也
朱丐薄傾城
古色不波薄
束生悄湟。卜涙
易爾人
昭強蘇緑粹紅
涙錢涙也或
作唎

僭金強燄煽湟強嗜
鋒肢鵠缶嚥屨
生悄湟。卜涙
贈仝強燄煽湟強嗜
頭墻炤榴灶爆宛莵
湯蘭撿幅帳紅浸花
寓情孀草妓篇律唐
詡ヲ産鴾妓座天然
娠浪哪別悉払
能憤霾棋綴貂

強悄属湟強拉掃情
夕朱都
暮薛覩
無貪強
頭墻炤
湯蘭撿
寓情孀
詡ヲ産
悉。圭撰。
坠ヲ
珠玉行ヲ錦縋
汶薛條昂
ヲ

三十三

http://tieulun.hopto.org

忠狄仁傑尽
太行片雲百吾
親舍其下或在
薄鏡非本卞
翔云隔為鄉思
所阁生日卿非
秀起文乎
古伺花已肯
枝雅上枝

本卞娶妻雖
從良不易
平康曺特
妓巷

悲羣吸盃遲行。
浪牢吶迫遣台
娘強滌。淒。秋波
妾如花缶離梗
主春行缶固坭
生浪自課相知
幕箱并司旌踰
娘浪閣隊恩悲
平康根挪閉數
未嘗辣粉泯香

和韻吁唉劭书歌矜
梗箕庄滈檜尼麻器
斷腸昕意拱。麻慍腥
払如猥蛟矜錁幽。遡
舞鼎催貂鼠堅乡之
沛徙朱旦荒源瀝滝
幽啀边娶边從易兜
天花天特沒牟點粧
悲箕符特常ヲ世。庄

辣一作沿

1321 - 1340

http://tieulun.hopto.org

康潔陰言牽
經右詩莫結
同心帶昭明
文愛流成海

柳氏河東人性
悍夫畏之蘇
詩河東獅子
吼杜枕恐懼
古語云矮屋必
低頭喜武信侵
羊如入醋甕
故作妻者稱
為酸妒者
為入火坑女夕
為曉花路柳

屈
馴
數
康
潔
襯
同
心
帶
昭
明
文
愛
流
成
海

主張行
添臥又
夕朱被
身嫌埃
迸分拱
磬領獅
馥酥柬
量連韃
樓撐柬
行身分
妾砖名
價払

主
張
行
缶
姊
姮
忽
勒
添
臥
又
夕
朱
被
愛
欺
惜
欺
為
身
嫌
埃
紹
罪
丕
意
朱
迸
分
拱
發
恚
貲
西
磬
領
獅
子
咬
臥
藤
莞
馥
酥
柬
罪
平
匜
焰
儂
量
連
韃
別
恚
固
傷
樓
撐
柬
補
器
坊
樓
撐
行
身
分
妾
砖
名
價
払

原作春矣
韻音牽則
妻別路稿

砖坊作
拷

http://tieulun.hopto.org

舌南人呼北人爲吳侫哀牢遠地

根本條言固結也

以避暑術花陽園中爲辭声言以貿良爲唱與訟使族實說秀娶着意如何某僭花陽也啵兜族實也省筆處仍原價四百五十兩又加五十兩

新陽新志

傷牢朱院時傷生浪能吶提澄塘賒署砖吳侫共儳揑指嶽誓波礦招旦咨外軒兒缸嶽兌唸詢淫術唉暫波礦招旦咨悃捆某僭擾鼠啶偷機倢拱求和監牢還良汝帖申飭劑公

妓嫁人爲還良

並牢朱論每塘時鄂恚低恚帝渚曾能牢寐條唉據離飢汝些夠鑲缸決鳳波拱料

http://tieulun.hopto.org

又百両贈花陽

公私。鍾調双
跼仙ノ缶脱鋖塵埃
妓茄古森合竹梅
強潑美波強騒情滝
粢俗言粢器也
鮮鞍缶
餅俗言豆食鬱香強
京改苓
條欣舌
非
弁醉啼啫皮悄
強粢駅玉強篭牟蓮
篁音招又安
語徃柄也即
秋籬霜根
也梧桐葉
黄初秋也
篁秋皮扮袜。霜
隣梧梗碧缶躔蕸鑚
以官姐家宰
女故咳邑也
風雷滋陣排ヲ
礦恚咳邑并排分敍
撿缶貸椿堂旦堀
洪疎辨白没皮
吠朱膊粉吏術楼撑
貸堅厳訓伶ヲ
打料生買裕情奈叫
浪猥別罪缶轂
酉浪霊剱錦鐐拱甘
晬乎拥缶緑藍
瘦耒辟別坤ヲ牢低

http://tieulun.hopto.org

薄顏俗語薄情畏心也

花公受記心腸鉄石堅

平地起波濤柳搖搖也

朱色極人呼為鉄面御史無私情也

孤顛乃髫黍畏頭少年子也

共儭厠皆汝鼎量遠油。拯傷情貸啄坦平汝鉄夥知又共儭賭蹺蹐差衙龍遠楠鉄顛仕狗箕赤喪湟遡排從喫花汰香乘推韜情狀原单法公照案論飭

措琴埃怨搖練朱仃蒋顛似催固惜命乡之焠肝俗買申。跪劑公府堂差葬票紅催查双又飭罌塩花裙。跪立嚴罌缶罌威礙堅麻猥駄臥世罌。臥叁逸槾牟輪粉打駈猥顛皮芾時拱渚安皮芾固合塘意冏牢默命

http://tieulun.hopto.org

汉書范滂三木裹頭盖羊足与首也

仆髑髏骨格骨様也

泮悉淺心也

汶兜擄法加刑
娘浪自鬼身拱兜身
濁髓自鬼擄法加刑
分仃之監毋冤
汶墝其淋浩也苔
抔情払束麻傷
哭浪宽苦。爲些
泮悉拯別抔婆
府堂瞎倘飢聰

又貔其圖三木唐詩休將両片木夾殺一枝花

汶兜擄楼撑付衙
蝸尼王袍絲箕余吝
要疎卿貂殺兜身
芒棱拯秩。汶梗壮丹
桃痂。膦柳散作眉
荊矓濫水梅瘦纔髑。
塊賒離貸悉強怵沙
固瞎堅磳拯它累黏
底埃胰憐花愁為埃
動悉吏咩旦堅贅西

http://tieulun.hopto.org

撰祂認祂也
房徐妃以豔語離間出情史

笠作簦則過揚非府員話
体 朱陳二
姓世世婚姻
因名朱陳村

笑涞払買疎踳
娘佗并欵賒貯
在碎撰祂妝妝
瑫嗏宰固世時
浪如宵撰祂妝殉
生浪哴砌分滂蕻
娘哪笨鉅勉蚪世時喊
其浪鉅双栱是非別條
曙浪頭雛計柬事駟求親
自智娘勉別身固劇
抵娘朱旦餒尼爲硃
樸威買戕翷。排鮮囲
腰花翷是非別條
蟯噱頭雛計柬事駟求親
木枷自智娘勉別身固劇
箋花抵娘朱旦餒尼爲硃
才尼樸威買戕翷。排鮮囲
朱陳柬。固朱陳帟欣色意斟鐀渚斤

坊作柬計非
撰坊祢非

1441 - 1460

http://tieulun.hopto.org

蝶粲拍也　催畢違共鳩慣

笆逸旦幣劑公

妯排傷蕙萊

急傳行鼓吹叫嘶

孤鞘道家庭

戚行鼓吹叫嘶高

悤蘭喧嚣沒茄

帳蒲柳娄

子燕雁代飛

滿省紗綿作

急孤鞘道家庭戚傳藏撕礼公

悤蘭喧嚣沒茄傷爲湟。重爲才

帳蒲柳娄

子燕雁代飛

分滿自援守從

燕坊作鹆非

催畢違共鳩慣　逸旦幣劑公　孤鞘道家庭　戚傳藏撕礼公　悤蘭喧嚣沒茄　傷爲湟。重爲才　帳蒲柳娄　子燕雁代飛　分滿自援守從

夕之呂堞朱弹昂宮　酉。外。罢。法。及鞘罢情　催時蝶餒不平罢及　轎花韆。慇燔紅點。斟　及細帳桃聘堆　束翁催栱蝶空風波　曾蓼蓉枣麻欣智　桃它派檑蓮皮扔撑　哀情娘買排情贅終　树啓雁燕也駭紅浩年

燕坊作鹆非

三二十

http://tieulun.hopto.org

春亭找是別情人詩好是春風湖上亭一盖酒亭也字相別處頗延之餞別詩夕帳亭皇言長僕禁苑渭西九折板題云隴頭流水嗚声幽咽遥望王泰州肝腸断絶王維別詩渭城朝雨挹輕塵客舍青ヲ柳色新勧君更盡一杯酒西

信茄鄙沒永信拷器吉是拱毓羨儿奇。朝茄仍施非常呼扒多急。料。吏茄閉迟潜燥音。耗麻些味台波坤量底滝世芾拱拯頽双特芾或罗朝固夕牢庄罗易唯膜沁晞埃易笋拉朱些螻情葛蠭滌願。糟糠於飢困法吶器綯緆燈意麴些別情舅吝最叔呂如形渚通竹悉扒。買決悉同装束翁拱借駈扒寧家

奇作欹

http://tieulun.hopto.org

北陽岡無故人謔嘻也古詩未語笑先咽哽頭

使瞽穿針不易能也原作易燦臟腸金恐賁鮮從京本改擣北諺掩目捕雀

餞逸沒戰凶洶拚娠春亭脫缶韝器皋亭堆秦沒褌韜撐嚐嚾坡柳余梗陽岡易牢戰合散噥堅一作啤娘浪巖渃賒淹奴配冴戰侖散噥堅一作菶淹堆些岫芙扣攏一作菶欣酉。欺海羹不情夕之枺相扒鴣庫恙旦茄潞料吶喋朱明傷儳條蹈雲蹈次儳奇。器威奇。碎打分碎戰惆呼牧堅儳吏忙仍役齊荃旦數逸牧餡最矜離迟拱拯趁兜麻迟戰惆呼待餡。尼褌數

http://tieulun.hopto.org

臥遑取几趿袍棲楓秋色染傘岡山
鞍紅滹捲征鞍色屈佘岸橈撐
臥衛隻舁雙輒更几趁岡鞍沒命賒吹
彙腹擒隻舁燼鞍長舁印於禮隻舁尼餒主張於茄
本淵户宦名家孤官吏部緒罘宦姐共払結遽車絲仍馹
自聒圍買添花吶條紛時揷拱桹
炤心強址強燼皿臥乍斃信茄群空責臥顛茄番恚腹花

http://tieulun.hopto.org

曾朋首宴共些
疱喫拯卑尒儿猱買券臥。連
吏群林捌頭送乡之侶仍混祂船嗯些
并浪喃頭麵屈坠乡朱踏些拱料排晒朱
怙喫役意麻怙蜆齕戰吏蹦趁兜踏墮拮頭拯違
餒恚謹拯埃能旬黏俸固。企臥貪。板半船別稱
小姐沒恨同又賭稱繞緘罌恚燎眇

言貪新棄
当也負字是
從京本或云
貪當作識意
同

周必大詩灶卿
詫新功

下頭或
作醜

貪一作
啄或作
產

http://tieulun.hopto.org

孰僸爺帝沛如埃倍傍乡。共。罷威靭外謹機如抹雝絖。号獄請台脇睜恚仍引恚堅散合餒寒喧洗塵愾戰從容払衛跕意思茄傘番嘆其醒。吶。醾抔它抹謹咂瓶

條尼罕咂仍臥是非豕時相監吶能汝罟豕時披胰帝埃群眾飢汝墨吶嘆其如空生它術旦楼紅斬鞍諍情強鱞玕緣強爐餒恚埃於靭恚麻罷事命共鄹咂鄒罪煑排還絲不動勦枚事情帝埃固。考麻命龟。稱

1561 - 1580

http://tieulun.hopto.org

仍畀哝邑用浪
固撿慬傳模哄
浪融玉筱鏔鍮
劍。朱仍 妾油嗥奉拯能揮
覽堅統請如測

拖拖猶拖拖拏也二字妾但拖拏無助意拖施自防意

鰀音漁忽域
晉張季鷹因秋風起思蓴美鱖脍梧葉落秋景也驛女詩金井梧桐辞放枝

仍畀哄粉槳輪
趣圭蓴鰀煖味
懶念牧景江湖
情賓渚監詣。蘘

棒綾慱女動棲吏催
小姐吏撰仍堅覓ヲ
迸分些缶信儳奇迸
蛈蝓吏噠仍堅怒箕
缶洳悚抔吏碑咽哄
順堅扒共吶吹拖拖
畑号鍾霎腋鯞聘靡
迸鏔缶用沒菲莽梧
淡牟凶寒傘務慮腋
小姐爝缶料澄嘐戈

http://tieulun.hopto.org

遲泊卽白雲
間狀仁傑事

詩莊詩飛
騎黃金勒
香車翠鈿
裝

使之狂迷痛
苦也

隔解遲泊餘ヲ
特堅如鶤。舉輪
琯底渚印荃
檣駒皮探鞚長
琯茄萱歇每情
疑癌疣憒慳
艘瞯樞夕清
淄塘步胸泥
搥船攄樞家人
夕朱朱瘐。朱迷

臨淄拱沛并麻晨昏
跡駒齲頭渚嶽披霏鐫
城磋魄碧嶽披圭臥
車香姐。拱順塘歸寧
餒払於泊餒命貿顛
醜払麻固埃嗜之命
謀高本龜咂名仍郢
麻塘海道迺踸時斯
喫挑綾絣糾嗔娘術
夕朱痂疸哀悲朱躖

http://tieulun.hopto.org

忘親悞前

正慈菇莒當蹦也

爆朱哺悎仍臥
夫人嗜砾室牟
拆迦帆憃橑遷
引嗟歇各每塘
娠自隻霉窓繆
霉桃危機昂頭
遷折誓危諸昂蘚
慈菇紇幽分混歹

倆即優京語

坊作宮廣剏逭
抔兇

黏朱底沒嗟其衘黏
朝混買吒默油器耘
犬鷹吏撰沒俳棍枕
順夙沒莽濊迦波。齊
塘箕餒如放綧愁
別兇廇岑別兇吼褰
前坚嶡洛前呸鈇綸
囷緣別罔旌鯞朱庄
料如奾。嫊。宮。腋。抔。前。
姅鐷腋缺巳聧衅歪

http://tieulun.hopto.org

碎喙家中奴仆也

爨香旦慢伏墓
縣花越優惡人
潛墝鐮摔劀煤
菓迷鬼魅撓飢
達。踟躕蓮取卽時
産尸無主边滝
碎喙啀落塊影
束翁茄拱斯洗
佪柴趙齲旦圯
愈高莞焰強高

餒悉嗯渚洌堅云云
喑歹哭思驚神鬾。罟
失驚娘渚別罗乡牢
慛忙如戢占色別咦
房纔。院册罩皮焰烃
拢飢底打。吝窠埃能
衝。坡。蓓栝棲隱命
秩聾莞焰失驚用移
箴排撓焰尋臥劳敲
碎喙尋睹是娘前僋鬼

http://tieulun.hopto.org

凡霊氾海聡儦
趁飢雀驅房香
疎情埃別謀奸
遺骸扣扯術茄
札常缶瞥沒台
跳飢雀驅楼書。
迦茄吒細中堂
唉喂吶歇事縁
招命勿鼢哭嘆

泄漊蓓苣艩蘞尋咒
鞘炭。覭汝埬骼煙殘
罕娘催吏固盤浪埃
栲混永厭傷臥湟那
茆罗衾殮茆罗喪齋
陆程払拱旦圯閉唋
烻炭汝埬曝湄罘墻
灵床牌仳蛺娘於逮
絲情剽脾焰煩煙肝
混臥世意菟覓凡

1661 - 1680

http://tieulun.hopto.org

此句從京本也

三鳥蓬萊方丈瀛洲也

乃仙境九泉乃陰府九重深泉也

孛ヲ星也命宮主星臨則有難

新陽斤后

質斥浪梅竹吏圖

傷強抔抔強劫

賊汚暗固沒柴

連三鳥鼎尤泉

截生礼物逴。迎

道人伏磬爭垓

阻術明白吶詳

臥尼礦業。寃家

一作厘ヌ

坊本傷強抔ヌ強劫易埃址慘敲愁朱惕

埃能永訣罪鼎逸儌

斬。腸。埃。固。戈。橋。買。能。

飛符致鬼高捫通玄

尋兜時拱別信燴妹

吁尋朱貸耜娘嗨軒

出神綀ノ猪殘爆香

耜娘拯貸設娘缶查

群斃牢它羌朱

沒觶女買柒騅特信

悶瞛麻拯監瞛詛合

1681 - 1700

1262

http://tieulun.hopto.org

諒山山蛮各處男巫曰侌女巫曰忡亦如中州之男僮女僧也下跨曰柴蹼上六從京本

端ヲ往也速也

隋趙師雄在羅浮山梅樹下見美人由迎盖梅堀也

條。兜。吶迢羨尼

仃。犬應鷹笴。獸謀奸

惜花仍哈嗤春

拯。帆高繚鷗翅遄

事娘笴。臥兜麻吏貸連墝塵

身尼易吏傘吝返仙

能兜地獄於污人同

枕。娘逶鼾底安鼏船

提澄無。錫氷凅澱迦

也。艘蓮鑼廳堂

大鷹笴。孩納娘登功

唜群帖ノ戝燶渚派

翡茄兜佐。楼葷前低

廳堂恭嗜豫踳蓮侯

坊花濡
浩沚笴

安

http://tieulun.hopto.org

了。鬣衆蓮蠭啜吒
睚韃座韇圯駴
班鄂蠟塔堆。边
哳嘮荒嗨楝查
事命娘沛。攝麻呶喙
啼。痕種。窖。巴蜍悄身
拯坊娘買嘵豭每。獃
駿雄娘買嘵豭每。獃
天宮冢宰固牌撩連
笩床七宝巕連。沒罢
酉浪孫盥坤分壅芾
吳朱吧遜別捆沒吝
了。髭老連畀妝嚶

嚶音民京語

猫尬媽鶻
扑同非有圭
巴蜍長沸之
性暗指放態
珊瑚之頌
聽咯譙反仰
視也
七宝如琅琹

http://tieulun.hopto.org

聰壅壅中有耳也脉棱甫俗每用佐编壅夾擁譜七八脉

竹棍器飭拉。飢肠合桃李汝梗花奴傳吠树胳番飢蕃奴燒優青衣管家固沒僕茆敖恭敖萧湯吠浪拔枚唄缶仃拱咒宽業之低於低枚聰壅脉棱矯敖雲雲不期

肺茆拯湟肝茆拯驚沒番湄蠡散情沒番隴施吠唧飢番侍婢特油鬟領頦胆番飢麻傷貸鼠貸惶番飢麻傷勘。啞方領便翔塘好生柳蒲命勢祂命朱能沙機買旦世尼庄仍覽埃悄。狠。拱畀聰之狠蝼。丐蜆叫咦特宽

1741 - 1760

http://tieulun.hopto.org

康又一作壩又
隋侯夫人詩
色美反成棄
分豬何可量

娘強涙玉如滇
風塵却翐。色落
分牢薄拯皮催
色仃凩債前寃
仍罗根搏戈時
媄祇混啶傳鄰罗
小姐鼎帳少臥
領厝巾稍畧頭
嚴髻巾稍畧頭
固。欺淹痂朝歪

啟恚暗侵
淋成吏固欠尼平合
康刁緋買祕臥紅顏
拱料玉湟花殘麻之
小姐帘眼買術寧家
夫人吏。嗆娘器吠歪
朱術边意曉喙樓粧
別凩地獄天堂罗凩
分混侯监差
竹絲嗨旦藝遡每鼎

http://tieulun.hopto.org

菲水相逢蓋
偶相合也

朡貝月初三
初四也朔月似
眉痕秀字
妙指甜也
歷恪四時已
過一年也蓮
即夏菊
即秋也

傾坠嫂買攄綀
小姐貼拱傷才
翰臥蓓墮蚴身
臨淵幽美扣權
眾方遷皇沒牟
吝丫腳論時戈
吝嫩晴說易醮恚臥
困威羨拱扒執菲眾分
歇嘆。咀霉。号。惟。悇。恚
落蘸。底特風竽相逢刼黏
韹為故國別兔罘茄別塘賒世尼
飯賦芾別塘賒世尼身
房空傷几腳時隻身
愁戠鼾餅冬它迦春
粉乘香靡倍份怞沙
祕勾蓮命愒寅妝傷

菊一作梅非是

http://tieulun.hopto.org

可見衆之鍾情不如金之厚武批

懶念牧景家卿
小姐連翩嗜顛
茄香高捲幅綟
跳器說嘆汝跳汝孚
淌淚湯嘆焚畑燥
悲除情買療情
斫鬼固斫追裝
燴煤了吶與
悲除担濕丕高

唐李義甫唫
生每笑中有刀
笑啼俱不敢
方覓敝人
雖

妝圭払走尋塘啄圭
裹暄皮卅每皮賦除
房韌傳嗆娘器裎恻
韃除娘缸瘰澄塭除
燴煤雌妬庄哭東生
催了缸撚飢錸極差
乳塊麻東固臥精麁
多器孤於主茄堆堄
麻觔岩險穀臥皇刀
毀多卒吶多卒悲除

1800 - 1820

http://tieulun.hopto.org

唐壽陽公主卧梅簷下面上梅花痕尤嫋

埃未京本誤稱警又蜓云傷喂屙鼬飲炉閑掀阶別路衍旦鬼餞恚生打麻斫當哭咧稱稱油淡沙小姐云云詩陟屺貼姊

下入從京本坊本作扒娘蜂直持壹堆塊

埃朝拜沒皮也

生它魄落塊漂
因夕牢旦世尼
催夕些缸撚翈埃耒
傷喂怒。
倫頭倒
坤垠挨玉涙抹亂抄
買術固
推恚陟屺
洗塵摄
扒娘萍。
扒號美稱美翈

http://tieulun.hopto.org

癆痺坊作
散渙

生強如瘐如疹
瞭趍秩吶秩嗄
小姐倍吻混花
生強涅脾散塊
小姐嗄。嗄醒。吶。醝
浪花奴躠每才
娘它疢。痺。痺迷
罘竦如哭如嘆
共終。
昌。珠沼渚坤扴

涙踺涙舞嘰浩嘰滄
告醝扒氣
勸扒梴泄
嘰嗻沛
卿啞罟
遣趴連
趴外嗄
儈頭扒
仍抜恍涙湘。

http://tieulun.hopto.org

薛逢宮詞永
滿銅壺晝漏長
本斗小姐快心
滿意暗道今
夜一席酒足消
從前之氣矣

小青夫憨跳
不顛大婦更
奇妬
上埃小姐次埃
東生下埃溯省
本書你用這樣
歩計夫妇相逢
不敢斷認一說

生強慘切徘徊
牢拯別意恩寃
淚銅壺晝漏長
悲稽更缶點已
悄。悯恍
生強。肝痔腑潛
飢終禮鴛房
憨跳臥
悲稽沁啼
覓燈沁啼
把罪時在昉
朱払愠
倍傍吶。
小姐聰
腑脥缶
餒恚強
嬢器掟
鄂悴兇
埃器塘
歌條輕
是非

http://tieulun.hopto.org

上埃旗生主翊
次埃指生下
指翊小姊
不

原最老矣下生壹幼
濕地埋淚併唱
小姐聽聚連波看
礦柚點緣故之皮硫
父更沒敢恨払嗌奴
浪為公年生它膊忙
如在吶器拯便聽飲
拯三灵此翊律端
床陣伤傷紿台塘
渚父野號連倚調
蒲沒答者翔台湖笛
沙秋羞者根嗌查
申供娘笛草戋沒
詞時来逐更小姐
脫聽美芷重魚
捡情連邪云云

新陽新語

捧朱器。群嗖畀緣
波溇潯奇固全特鸀
砸油為滯相滔酏更
小姐擔揣捆提情嗨查
沛欺命吏忸車倭命
悵扑查祕宴情朱兔
吶器拯便韙飢拯當
祕。悉。買仕攇塘嗨查
申供娘買草。戋沒詞
脫眙羹拱謹魚泏情

1881 - 1900

1272

http://tieulun.hopto.org

庄似當作遇

漢武少時云若得阿嬌以金屋貯之

生云誠知假貝妻之言紅顏薄命千古同慈悲也

連翩拌吏東生
啻庄固數扈鼤
波塵沉淺婵娟
生恨天薄命沒凱弟嗚
許智歐拱世尼
小姐恨意融詞
催催。催拱朝悬
産觀音閣園些
固草。樹固山湖
曾又丟買平明

恨才
價尼
有才
紅顏
慈悲
啦扰
拱朱
固楼
朱娘
香花

http://tieulun.hopto.org

春花秋月二
婢名王勃逆
寺詩調皇
控紫峯
昭明寺碑意
葉心香

小青詞願為
楊枝水洒
向人間無帶
蓮 莊子心
可使如死灰
乎 觀音寫
經乃敕監也
西廂对人前巧
語花言背地
裡愁胃淚眼

新陽新語

逸娘旦嬭伎堂
楔樟樹幅。裝裝
嬴号并賭油畑
娘自另酒。園花
因緣兜女。麻。慷
槐楪自阻牟禪
捫經兒册堆
堀毛
扑日經
泥

哟作呦非

三皈五戒朱娘出家
法名吉爽秋割產台銘香茶
羨賦棧紫豢賸搪紅
堀條憎粉悴紅時催
嗨鋪手字貼地心香
烟。悉拢矮每塘塵緑
墝秋腰缸政番蹄頭
吶堅摺棉珠珠永臥
勒唧卑東儆进岡山

http://tieulun.hopto.org

近思尺而渺非向河

詩如可贈兮人百其身栢舟也比孤婦當詩任

仍哈咀嘲。嘆
乘機生買薤畧
突昧拱發斬腸
缸甘郤箸底罪投命朱花
濕機輪智嫜婆
為些朱累旦臥
管之連柢斬涼
宗堂幽惜甘恚
慳命砑發滉鐃派
娘裉隻栢痔濤

作連
剔斯檟

小姐
偎牙
漾珠
主春
韙臥
潟淋
拱算
限齧
慕身
菱沉

身纔如曷
滑霜曷沙
鼎卅曷改
圉花

又語干膝干
膝風雨不期
也

李詩春蚕
到死丝方尽

弁陽新吉

蚓身哪唑溱埭
拱料汝深湄露
啐為琴缶燬綀
生浪稹想閉數
料排翔劄朱罌
悲睑几雲鼠吹
料麻睑趙高影
情。敖膉膆負傍
西浪滝泮硉亦
共饒計吼粘趨

王作拮

鞋乘群想旦劓女牢
麻朱天下韃飲拱能
拯幕輔拱汝駙緣些
意畀情礙意畀恩溇
悉鼠岩睑別覓麻量
舌稹帝拱柬強極低
愛恩些固垠尼麻催
別皂唋柬緻堲落巖
昆蚕旦旄堯拱群王絲
吶耒柬緻堲渚歇堲

http://tieulun.hopto.org

忍冷京語猶
澄汚水卡連
牡蛤開收浹
跳飯或作躩
飫然上文缶
動噉鼠則
非躩飯矣

禪家用枚皮
作茶名紅
梅茶
花婢即春
花

極躩珊拯怒移
忍冷幼幹蜂番
哄又吼敷
其又哄
看浪筆法缶精
哄逃
惜台流落江湖
禪茶淵戦。紅梅
娘強哄喉塢豔
花浪浸妥缶數

花婢
小姐
晦払
尋花過
掬飲貝帖蒲亭弟輸
斟鏑手。拱毓模祕才
從容緩喟書巵共術
棋。聰
尊頭拇吏。度兜姅除
伶又
傘堅駐歇缶餘煉詳

http://tieulun.hopto.org

骚芸皮上起
寒如薛盖
恨甚也诂作
整正也又非

庖饒展若情傷
堪碎塒吏投边
暗催鹜駁掣兜
意余。肝意余。才
凱催鹜駁掣兜
唐魚朝恩曰
怒者常情
笑者不可测
奇怠猫雪吕
申剑長蛇尾
上針一阿般猜
来雷殿雷
婦人心狭
超高飛

作草前书东
刘

餞翁勿窮餞娘咀噗
慨聰未買跳蓮連樓
弹淫世意覽欧汝凱
抔強痰餞癥茎用務
麻払束柿器凱柿預
朝咄怛慍眹吶能妙抗
弭慳埃拱咪眉唄叢
嗤其喃摆買舌坤量險淺
啞倫嘴蹉於兜准尼
樣棧數拱固鼾撥花

http://tieulun.hopto.org

文天祥詩卷 八十歌色管落沙
打洋棵葉冷 打 冷打魚女扶步冷打

醜土山也俗
語
早行苦難
茅店月人
迹板桥霜

參跋去圭客收命 冷打魚女扶步冷打
枋趙北東遠孫 孫圃產更缶從份藏匹
边命槐身妨駿長 長路塘號轟腰斜術西
憲馬踡搞顏棱 棱嗜鶺店月醐鞜抹霜
更亏身妨駿長 長路塘號轟腰斜術西
丕東皮糠岸槐 槐巴為节缶剔鬼器茄
房鬼韃岸槐 槐倫又招隐庵匹箏排
食又掇厝蚣 蚣隹持瞰嗜逮蚣夙朝

http://tieulun.hopto.org

恒水寺尼
呂也

龍見伏未用
見多世不下
之播遷禪家
雲播也

覽牟陵安襟桄楑
哔穷梗茂朱詳
小禅圭於北京
本頭未拱旦勦
剔咿面献伶又
眙未師買吠戈
参裝塊舍汝命
投身特准庵遷
偈經句籟屬悉
昌号莞見播遷

覺緣師長儲悉連傷
詛遥娘唉尋塘吶逃
皈師皈伏脩行閉勦
吠洛法宝迦侯師兄
鍾鐘磬鉚边令揲罵
沛尼恒水罔些厚情
於低除待師兄讫鼎
齒茶塔樹腩暇從容
香畑役騙齋房悄翔
莞畑桃月暗楑攝霜

http://tieulun.hopto.org

人到寺曰核
越伽伽藍
禪門也李
卓吾為娥
卅守每入伽
藍判事

貸娘聰慧恪常
剃禪皮眼髀春
憂光遷淨請台
撰圖鍾磬貼戈
嘗緣寔意怙量
事命娘買囑頭排疏
芳僎油枚在臬
妣聰買計事悉
妝庄仍事不期

師騃悇栴娘強侃頭
霉花霖一作浩坦髁鋃昂丞
固臬枯越蓮遡剃伽
晴浪窖種貼茄官娘
脁清買泡嗨吏娘燭勠
姅傷姅悇徘徊拯双
於低剃伕罟室荻唉
庶娘朱旦骸。時拱傷

http://tieulun.hopto.org

俗淡旦蒸買
究言事端
箔去也

另賸
固茄
忍邇
仍悃
市与
覓娘
壺空
煤強
娘岡
種。冤
娘同
家貼破家

鵝一作
作緌非也言
覓翅之色可
用粉濃之用
紅新鮮之若
海蟄人則必
有利

賸除
庵遲
撰茄
倍傍
薄娶
悃恍
娘宕
祂丞
吏牝
群埃

明美一作莫床
落作非

緇一作
絇

http://tieulun.hopto.org

急算剑雀車綆
堀賍時拯便堀
固。於薄俾貂茄
劉行奔半州台
世帘娘拱姊暄
团睑埃吏別埃
娘強極順情
妾如混燕艾落弹

空仍清易麻影塘歪
堀賒時拯固得帘賒
拱韌親風腓襟拯埃
舌他固沒单差拯兮
成親耒仕料術卅台
油悉潑聽滝駘清了
強暄偕累命旦斟
世穷娘買賒賍咀嘆
沸弓勗缶慱棚葭蚵

http://tieulun.hopto.org

若知人知面
不知心
奇兒責狼
買虎左券無
憑

穷塘油并守從
悸。蜈冈災世节
油埃秀悉冈所求
証明固坦固丞
特丞供户薄即時識生
沒茄举楪楪灵。争。
落生跪虧倍徬
外。憐秀笆嵩。悉
成親買逴虧船
船皮杜陵請台

一作踧

一作灵行

別臥別樋別悉多宰
半笭奔猛哦飢牋兔
心盟吁決貝儳災丞
团睞城器洞管曳
覓信占户薄即時識生
抉墡逴桌沼靡塔香
過丞願歇城隍土公
韜幔台丞夕礼劈紅結緣
順帇災莧咲泻州合
薄生逢幔尋圯每鄤

2121 - 2140

http://tieulun.hopto.org

花箋記此生花
似笘電中鳥有
異雅飛惡
出身
斗效紅奮
桃花是處
情之容

拱茄行院契聆
貽鼠走價皮耒
鰻鼠哉轎違娘
轎花達褶墻花
逸娘飲褪家堂
脫韃娘毡別情
劬吒丐数花桃
栲罠麻哆朱罠
惜合惜毡打嗒
洪劑員容紅裙

弁一作撓
運一作掼

拱坊半脇拱孀弁鼠
綁行沒毡器迸時弁。
薄拖栝麵薄剑塘朱賒
边韌貸沒偞器倍傍
拱神眉皇拱坊樓樽
鴣篦坤鐘拮命影高
捧器表緋氛如遢
才情之竅朱荃坦慛
麻朱溢柬物進余吝
毡槎旦世群運惜他

2141 - 2160

http://tieulun.hopto.org

古落帽原從一著差

呂自浩呼又罵

頭撐缶罪情曳

別身趙趄趄

客馳。遶沫胯清

鼯徐胷燕眉蝟

堂又汝倩英豪

隊丕蹬坦於茂

江湖怕趣捱撻

戈遡瞰皆嫗翔

帖名逸旦樓紅

孤掉言其傷

黃巢詩半有

弓劍憑天縱

一掉江山尺地

維

孤掉言其輕

丐身料仍自茄料赦

腾紅坦過舁時渚催

拱料麵粉朱耒鄔撐

俸鬼固客边庭逦遡

觫輒身迸茂高

觫徐飭晷韜嫌才

棍拳欣等舁舁梗巖滝汝棹

卢徐諸海本鼠越東

鎌蹕忿兜女易。漂英雄

合边共剛台恚共恢

四日相視

兩心製

http://tieulun.hopto.org

徐云閒御入院
以来無人入書
眼中有此否
翻云人言過
矣盈篤篤
鳥何巳自遠

奇兒試金本
有石磬鳥破假
銀人
唐不如所騎
向誰是令人
却憶平原君

唐主亡飛
晉陽

賢者自畀之詞
賢者不賢遇之嘆
賢者愚奈何之
語
武批

徐淚心腹相期
閉数瞳曚嘴膀桃
没蒐特会
娘淚臥伶
眛贊挼
群如飢
徐淚堅
吏低貼
陳侯量
藩傷勃
蚴贊浮
沛臥展遍勿鳴能卑
眛撑拯底埃飢固空
輔之飢群監貼埃夕常
身尼麻撥肝腸飢兒
埃朱規横潰渝在命
遣臥吏牧句平原君
倣信特貸還蝇固番
晉陽特沒罪份能空
蚴身蒐浮監煩最黏

http://tieulun.hopto.org

暗啞皮意亂頭
看朱猥眼昧精花
沒啞乞盞奈春
合心投
人
會人雄婵娟
濃
漠忙
娘浪子

覽歐原譌
黏重
誤刓
作坿非

眸浪知己覽歐伞趴
英雄別。神塵埃買棒
閉鍾前馳拱羣固儩
敢親極路羣求買親
合。矗東據原銀照。还
八仙
達床七宝圖幔
匪願則。鳳蝶綠騎蟶
丈夫脫笼動悉罘方
青嫌揚玉激淚茫
払赵山妾拱決悉吓赵

http://tieulun.hopto.org

二女配黄帝李
膚物是乘竜

晉温嶠奉表
母止之勉難而
去壯鵬飛九
萬里綿守作
窓如梅花

郭湘遇赦愈
出壯丹花緊
一聯云雲横
秦岭家何
在雪擁藍
関馬不前

徐浪心腑。相知
笆睽些進萬精兵
多朱燔極非常
朋阸翠波空茄
忉恚除妬仳類
決堅剌樸罷越
娠自隻霏窓梅
蹄蓉捘邛
賠輸邛
鼽高欣
塊圭蹺
恤恚傷

牢渚脫堪女兜常情
喈聾。眠
闭睽些仕遠娠宜家
蹺強添坦羣旌霖塘
遲庄罵汝嫷鮮別罵捘兜
憂逸。鵬
貼便。缶。離。鼈淵
鞊高欣柳蹼菲分
塊圭蹺荒遷秦睽ㄨ
恤恚傷妝別罵固愧

http://tieulun.hopto.org

寫漸而緣花
[illegible]以意對意
[illegible]也
寫別緣寫
思處此三五
處各別一樣
全無筆案
章真是文
章無尺寸
高手

武批

杌畏。近伞輔丞
惜合此。幽美鬚強
緣施油綏紉紅
則孚悉故國他鄉
翹鴂彩俸絕捣
舶暗庵仍陰忧
乳娘嗅鼻酸忙
群當用賸董魚

群罟欺缶腹瑿邋霜
酉離芊意群王絲悉
埋罟欺缶翈攏翈忙
塘箕餕怒滾昂排刁
缶病混妹方丞瀕刁
焰兵兕缶暗刁沒方
浩滹鯨鰐秩塘甲兵
乳娘嗅暫另命從堀
酉訥危險監穀約磬
厦糸缶腹瑿邋霜旗嘴鄒

2241 - 2260

http://tieulun.hopto.org

甲兵捨且逃赤
白邊近位將軍
宮娥彩女驍。新
産床鳳輦簷後
卑旗淺藏遣唐
火閙前路頭毛。
捨旗壘發威城
炤命罷。縣巾帶
與淚餘浩線悰
英雄買別英雄

同声共歌前男夫人
達鎌檜甲螿塒門頭
浪明令肯寔倒于暮
花冠蚍械雲衣炤妹
竹絲越。螿鞜鎖捨數
南庭暗動識倒大営
徐公器取親迎閘外
笑辟領。燕眉蝟如碧
牧堅咽仍包除能室
鬧貼倣鉦甘恚意猜

敵倒言折
敗号令如
朝中也

開伶呼丐倒
益朝列大
夫之妻

http://tieulun.hopto.org

詩南有樛木高莫臬之

張騫星馳還行也

斤湯ノ斤吉

娘浪幽分涉疎拱枚綾葛特妝鬟樓
且悲除買覽低麻悉笆質仍駙汝年
共儻觀術雀帳梅知情棚雛牧曙。
席排賞將犒兵藏陣壯哽樂軍
荣花地哺昳風塵敦情駙汝。
敫無臨淵添春汝駙
恤身昌因。昳慍園從容買計傳。駙寒微
中單。昳慍園從容買計傳。駙寒微
敫無臨淵添春汝駙
恤身昌因。昳慍園從容買計傳。駙寒微
荣花地哺昳風塵敦情駙汝。
席排賞將犒兵藏陣壯哽樂軍
共儻觀術雀帳梅知情棚雛牧曙。
且悲除買覽低麻悉笆質仍駙汝年
娘浪幽分涉疎拱枚綾葛特妝鬟樓

嚴軍撰。將產床堀時駐倒堀時恤傷
欝旗汝令倍傍踈墜不平汝陣同又靈柴
欝旗汝令倍傍踈墜不平汝陣同又靈柴
嚴軍撰。將產床堀時駐倒堀時恤傷

http://tieulun.hopto.org

坊本音台汝
吳將術喙
切
史記長鈴大
劍安用毛錐
子南兵有術
有奇双拔開
兩行也
兒帳談矢

阨軍指莊阮旗梯
令箭傳器。
吏差役員薄鈔冀
點名追拿批。術晦查
督家娓嘗緣
誓師計歌每堅
道悉報復參喙
軍中嫌贔槶踐
術勦侍立奇外双披
莊床高齊整威儀
帳狢翔帥中軍
先嚴黏薇潛撼同

道器無錫道臥臨淄
幹擾。卢東汝茄朱安
恙又共恨臥又抵威
放。拔每。我。繪術喙堀
博銅秩坦旌旌熏琲
徐公鵝貝夫人共雝
點名幘引直外勦轅

http://tieulun.hopto.org

俗言慢如蜈蚣如鼠

參辟最叔商辟
獻陆机贈婦
詩形影參
商垂音信曠
不達 女子一不
敢与盜爭惟
老婆乃対手
也美或作譏
然殺人亦美
也

徐浪恩怨堆。边
娘浪閃。愍威灵
报恩未仕者讐
数。赂。赐。唱。束郎
娘浪美礦。所嶽
參辟最叔商辟
獻陆机贈婦
詩形影參
商垂音信曠
不達 女子一不
敢与盜爭惟
老婆乃対手
也美或作譏
然殺人亦美
也

黠娘扁決报坦朱明
唉吁报爸恩情朱孚
徐浪役意底朱默娘
楣如蓝靓命豢鼠。愍
臨淄鼠骗払群妝空
謝悉易称报恩噆罗
蚤尼几餘婆禁迭饒
蒲灰払鼠如湄澈潭。

http://tieulun.hopto.org

悲
傑
繐
妝
斮
合
娘
急
鼏
賒。
聵
娘
缶
嘲
諫

博啓代內快
傑榇管家也
師長竟緣也
花奴是何管
家言灌泉水
是向竟緣
言
漂毋飯韌信
後以千金报
之

博啓麻
吏悯怏朱埃
脫逡旦
花奴箕
巖鏞渚
麻悉漂
幷份怯
貼朱燴
吏挑各
正名首
小姐共
碑睩旦低

http://tieulun.hopto.org

句句理直武批
不死宦姐而死
其母以甘心焉
不亦忍乎作
者故隱其事
欵然余謂東
其心正可殺焉
豎三最不可殺
願天下深情人
試為思之或

彈婁易固余捫
易扯罗腿紅顏
宦姐餽。落堀。漂
浪碎幽施彈婁
抔朱欺閣。日經
悉贅又拱敬腰
啐它。酸役蔡荽
看朱欺窖。缶铖浪
缶悉知過時铖

酸一作唆
易扯一
作揆揚

豈作
寔

茂智余捫
強酸孽敷強冤債饒
叩頭罪帳攄。條叫歌
性惴時拱臥些常情
員欺堀剳搖情拯驍
馱終渚易埃朝朱埃
群恤量波傷排爺庄
坤頑旦罗吶能沛坚
夕器時拱器臥猰緲
傳軍令鼾帳前他跙

http://tieulun.hopto.org

日為金殺馬可也奈員外翁何列於俠妓傳良有以夫

此天地間不可少之事亦不須尽得之事遍地皆是何可勝嘆

阮批

謝悉檀嬰璈遜弟。罪落。幸。落。妥娘浪弄丫丞高娘浪弄丫丞高弟。罪落。幸。落。妥貝馬監生令軍牢傳虧開。刀鄒涞腦墟散情各賂罪缶。當情群牢朱能將吏據牢加刑誉堀驚魄移負氓拯哺欺氓負些命夕命執報復皮耒

剗軒。吏繇沒綀引飢害人人害事弟在些弟。罪鷹犬弟。罪楚卿誉埃丫離僋誉堀驚魄移誉埃丫離僋誉堀驚魄移青天自日憔悴朱魄覺緣倍缶呶啄辞歸

http://tieulun.hopto.org

仙人騎鶴乘雲來去定跡

娘浪千載一時故人缶易余欺盈桓
来低羸合遷散別兒鶴内遷岸兕兒
師浪拱拯包數勍輔吏返儻妬麻返
牧鼎行脚方賒朱會遇之期離砼兕
嗟朱會遇之期兕沒女時離輔机條
買能前定拯啾乙旺徵。黏謝辞
群斂恩姜。貝儻兕沒女時離輔机
娘浪前定先知缶哦歇兕倍喫堅師
禍包賒固返鼠缶哦乙時拯差缶
覺緣卿刳殷勤

http://tieulun.hopto.org

刻骨銘心不
忘肝腦塗地
以报

卢翻傳天下
得一人知已足
以不恨
本来路見不
平拔刀相助
乃英雄本色
秦人視越人
肥瘠不相干

娘自恩怨擺抹
謝恩報徐公
儘恤憂慮徐公
湛。髑骸剖。施掣之
英雄哦國士豁矜
兄之從拱從茄
忡塘其欺貸不平麻他
悄娘群幽双親
牢朱圀塹沒茄
倍傳撕席軍中

滅冤。豢缶為歹汴。悲
幽身蒲柳前懞固剮
則稽如桔梗落睹拗
易扰肝腥坦羹丞遷
撲臥知已沒鼎特庄
路罷深謝買罷知恩
朱臥越秦隔賒
圀兵斬將會同洗冤

http://tieulun.hopto.org

勢如破竹萬事无散

英雄諳衰架倾寰豪何足数也

一柄劍而天地風塵殄賊声已也

推轂命之撫諭勦征也

乘機竹北无散
朝廷贅滅船丞
喙干憂揪湄沙
風塵破滅褫鎌
迎昂滅墜邊陲
幢旗埃監爭強

唆重韻

兵威自如。霊擲勦外
鎌台文武擢堆山河
縣城蹬睹甌座海。南
仍類架襖襠餙詫唆
少唆孤宵玉
甌鍮、椎據沒方瀕
罪胡宗憲經綸鎌才
便宜撫。勦役外董戎
別娠拱預軍中論盇
封。書。瘝。札。差官説降

http://tieulun.hopto.org

東身歸朝
列卷束縛

燭音濁

左傳幣重言甘是誘我也

吏贅汶礼員姬
信飲啜糈中軍
汶孫酳孕基圖
柿身術員朝廷
襖襜泄袢祕儌
牢朋矜賮汶边陲
燭丞棟諾默油
姬時舌脆信臱
拷命柄諾翹蘇
朋胷紹啫王臣

吉糈彩女玉鐀斫斤
徐忝贅
閉數波
降臣嚍
飲備器
歃瓦缸
肯昂前
缸轂流
清又塘
沔青雲

http://tieulun.hopto.org

栢乃栢丹也
衛風比翼鳥

平夫成地夏禹功
唐可憐無定河邊骨
唐裴巢巢老進士不第遂作賊

公私暇
拱辰命婦堂又
連為姓
拯欣乘
因斁盤
浪融聖澤滂滂
平成功德閉熱
嚬自若
多之
宰朋
稼重權高

寅茄耒仕料術故御
妾囊眉輛炤煤媒吒
沒兇得孝台異得忠
妝堤潺械駭雄港沙
乘機娘買盤器吶飲
機器缸泣滲飲缸漾
埃又拱隊連頭別包
塽髑無定缸高朋頭
齊輔埃固著兜黃巢
功名埃剎坂弟朱戈

http://tieulun.hopto.org

戚下之盟春秋耻之

此句全仮字

暗整信伐胡措徐胡當
堅娘吶鰻麻僕接使倍傍
城下要盟兵補拯弥杠
公決計乘機旗招撫先鋒
公夠嗄別兜

芽玩徐買阻器勞降
哏期東甲決塘解兵
荒旗魚萼藏更雉長
王師賠氣詳寔霊
礼先兵后刻期袁攻
礼僕攔落博銅伏黔
距皮發計銃栗邊措旗
猪覿欺缶沙機供僭
惮磨朱計別肼連將軍

http://tieulun.hopto.org

長驅也

氣加寤欺奄術神 然又一作猪又 訓作荒
猪奴如夥豐。如銅
官軍乘。勞。踰踐
勫濠外墾散荒
勫駿族夥排歹
哭痕智勇固乘
楠弟韃儳儦低
迢台寇氣相纏
冓秋如滄。干愁
官軍几吏鼠戈

然又群蹲蹲頭牀牖
埃揉極轉埃搭極移
嗤。又殺氣雯垄埃當
亂軍皮撼狷娠旦堄
儳徐群蹲牀垄妾旦堄
黝踸堄拱招頭戕边
慸娠皮伏獸徐連我器
怵娠仕吏攢。器寅歹

http://tieulun.hopto.org

引飢旦櫜中軍
渨嫗渨嫗齠丞紅顏
鉅能成算廟堂
悲唉事鉅萬全
嫗強洟玉滌潚
渨徐罪僔英雄
信碎械過瞎墜
嚣罝夫貴婦榮
醓輮丞波昺藏
窖勸計祂乡功

胡公儉緉餃勤嗨喲
逕手兵革靜雜拱傷
駝功拱固堅嫗買戦
黠悉抔祂岡吁皮爷
嗖海買呶渨高事恙
奇昺丞讀捱攓滅瀾
抌身百戦乡碎朝延
嘁抌。命補戦場如空
計色儳吏痚悪閉儳

http://tieulun.hopto.org

朝云以一杯
埋其骸
骨立夜颜尼
矣花发一堆
黄土是先
家

只此一句殆限
傷感想當
日畢竟朝云指
上血声卻從
作者一枝筆
頭心血中出
来

阮枕

擦餘功凶罪彰
呼朱淺土沒堆
軍。
胡公暄吶傷情
扒竹會同軍官
沒宮慈辟。湄愁
鴞哈猱悤芾齊
海浪尼曲於兜
睡琴攄仍鄂智

莊乘辟
嗆罗塔
傳朱葉
叫敲絲
撰醛吏
眾練亂
律聰胡
暄器冏
譜欹弹
麻菊蒲
命悲睺

http://tieulun.hopto.org

玛公憐有育
后主叔宏後
歸唐代王因
寔弦為詩云
誰家今日宅
堆遠昔時緣
欲知心斷絶
応有脉上弦

情史

強。暗。強。濈。強醳
残痕香炤阼生
跡痕跚分落類
辟之女翅花殘
讀傷辟崖紅裙
賀功戦笆過醳
朴命方面國家
沛從時皮暝瀏翡
公衙虎監改啓
合官送

此朝所以不死徐海也

酉。朱楠鉄拱疼為情
紩奪呼級琴譜朱埃
融命持笆固臥蒐寇
絲悉笆搖練牌小牀
唏殘特覓桮枌罗枚
胡公昜旦昳瀏。翡帔器
官連眶斡臥些醒飢
事尼別并世并特低
決情胡買斷疏沒排
押情買漳朱臥土官

http://tieulun.hopto.org

俗言公羽絲
翌月王婿
之神

小青書蹉
乎悉知生樂
焉知死悲

翁絲宴弥多端
轎花押酣虧船
娘強埠柳派桃
忉身浩址涛潛
縁鬼埃剎絲桃
身牢身旦世尼
匏空別班罗恤
沒命嗟葚暮塘
盤胯敬匏嶽兌

乾一作
兆

車綀牢害捲乾。捲扜
苒幔捻濕荒烟桃高
暮份帘固份帘份鮮
劫功吒嫉舌栈聰明
捻髑別呶死生雀帘
孀兔埃俸撙。飢羨垃
胖身帘別舌耒罗傷
催時湟玉散鐀時催
沒命嗟隴仍蹲離渚双

http://tieulun.hopto.org

蓬船茂蓬也

潮兜淡嗜同又
妝坠神棼燴姝
淡仙
鼾烟
剳蓬
浪徐
穀軼
催時
龍撈
土官

哭作自

晦罌
尼催
哏些
沒篇
呑高
楠节
挑命
時它

傷与害対坊一
害非
說十五年共四
筆此作者收束
之語下自昆流
落圭臥蘇涸
屏抵祝進森
輔乃翹自慟
之語仍哭告例
約殺淘進森
辭意別白饒
情乃妹雲勸
合之語計自
連荒棘係進
森輔買悲睽
哭低乃交書
之語用筆各
別

傷台拱沒刼臥
仍哭寃苦流離
進森輔閉饒各 兟止矣
荒臥旦勞時催 過隙生出除波亦妙阮批
余臥孝美智阾 以後出梦
覺緣自節啫娘
迭妥三合道姊
在。 師涯牢孝美睹塘
丞森拱在些
害台荒祂色才夕之
除朱歇
夕菊朱
翰機陰極陽冏坤詟
丞夕之
扣瓢掛
從客嗨
刼牢逸
檜源拱
脩哭檜
情福情哭綀冤

本未翠翔因為
情似遂成苦境
金屋之地不敢
从留斷腸之
天往又促駕如
花債若受兩
番青衣罪深
延一案少兵內侍
虎狼之魔君
波浪中供魚
竜之亡寢食方
能消此劫效
永腥京作水晶
炤上句則盛
旦与碎喙二字
对未整杜詩
魚竜寂寞
秋江冷永腥
是

翠翔色巧坤頑
玉毓袒没特情
魔逸坂思扰塘
歗難意旦難箕
钟簇榘揮鎌陳
钟湎渚泥湃滩
覺緣瞳呐用移
夕朱靴墮蓋貝情
宽箕跣落
無緣畀分紅顏缶忉
墟又命緋袒命飢韜
於空安稳雖空荒鏞
吏尋仍准斷腸麻劵
青楼合綑青衣没。吝
棋藪拾猃哎身碎噦
幛領蜡鉊招饘永腥
没命又命又能
斷腸朱歗刼尼買催
没茂娘咏傷喂群夷

http://tieulun.hopto.org

二句双对上情深
子也下情深处
也上没趴如焉
秀颎下没趴如
束家皆家即室
徐海被害而人
免刀兵亦是若
作救囚趴则被
且帕下句未贴
对上句不整勿泥
本斗掉一辈室
笺渡之以结前
盟亦福田中一蘇
也
圣嘆云钱塘以
后女祸補天

師浪双拯兮之
燦韧罪業翠翔
祂情深者情。深
害没趴救没。趴
所功德意挨朋
欺铖丞拱朝趴
覺緣油妝姜儳
弭兼侏嬉觳坦貼緣勉
覺緣琯麻拱福丞之空
鄰罗寻趣边滝錢塘
没间渚碧遥鐫扮堆

下没作闰

業緣城托。吏斤。趁群鼓
撚條情愛塊條邪淫
半命笆動孝心旦丞
凤徳笆泃凌又滙未
錢塘且没筏革逴趴
緣些麻拱福丞之空
鄰罗寻趣边滝錢塘
没间渚碧遥鐫扮堆

http://tieulun.hopto.org

之說字又五畜右也然此曰一況人知其烈而漁父之救草庵之歸安知非貪緣秩之況胡已合之玉首而重与之再合何敢張其事乎天道好还往又如是有其事然後有其文有是文即為有是事誠真看之可也

黃梁梦也

救臞蔔降也

稅輔漁父合臞投船直渡結縞扣滝窖合迭達拱韌轉運沒悉。曾傘功翻自招鼾溫銀漁翁結緝撻臞逮舫浏洙槼綁酉。滛滂啼潽渚燦霾羣淡仙聚帖又戝鐀渚派娘群小劫智。半命畢孝救臞畢仁

下刼一作悉

http://tieulun.hopto.org

湖見挾仙云
斷腸会睢已
除名勅腸詩
今當奉塾
俠妄白眇放
年

沒念爲浦爲民
斷腸数梓器器
群鼓享受術數
娘群靜亡魚堇別牢
逸命脫醒戝梅
勠船市賃淡仙
戝悃悀招森皮
戝茄作歙暑
罰皮八咯溴濛
難磬枇瀝漏刁

陰功拮沒銅斤缶榛
斷腸疎沛逸麻者儌
緣碧鷚陣福麪摧濶
灌泉暄省嗆飢邊聰
氷傾前缶別矣麻聡
边命只賃覓緣礙棋
植船買逴痕術草薑
慇腰床麵齒茶齋恚
期登歙歙遲篦酪麪
緣碧渚昜別兎准尼

http://tieulun.hopto.org

餞祖宂雍苞浩倍遍園輩嘘自鼎風駿扶喪潛園鞏嘘窓還。邊埃花桃離外駢於坦遼陽吏茄聒貼風景壁滑也後立壯共燕角梁空駢墻芰茖木潛終遞潮汐如祠偶偏圄凡遡遡每翁欑訟庭

餞托金重囝延買傷舁離於坦遼陽吏茄聒貼風景降它恪智窓還。邊埃花桃離外駢哄憃東駢術尼仍垣駢智餞舍心事情悲唋唔埃嗨嫗嫗笆半命救。吒翳罟住唿發急事情

http://tieulun.hopto.org

忽如半天
霆霆靂

如詞如張紙
也花箋倫恩
命箔如張紙

新陽新告

嗨茄刃勉移賒
調畀沙率庫巾
條俛兒熙打散丕
嗨。哚。移住圯党
茄等壁坦左哉
作坦往
打料蓮嗜外墻
沒塒坦韌滛。湄
攢珊倍逴飢茄
翷兒分隊如詞

嗨払王貝共畀翠雲
紱晲日覆剑嫈吝回
啖瞳払晲用移製包
華撩箭兒簾潘。竹琪藩疎
厝粉員外翁妻器踖
汝堊勉磊遠絲貝払

剑。塘
強敧
払王珊
払喂

http://tieulun.hopto.org

坊作劓恚
底胣

返于家変迢兼
啐坓壻礒貝卽君
詈罗者幽美臥
劫尼何緣缶員緣
余坓壻記註丁寧
分牢市薄余翿兜
翁娈強吶強疔
勿命渥詹滌湄
疔噱段充噱催

半命倣沛尋塘救吒
極姦彪彡餒引匜畢各
擾昆婐倣輩雲岱啞
情。尼弋又閎蔑潜韜
夜墓群別咋坦來生
呶。恚底吏。拮命罹趁
扒強砧貽強油如茶
滊澱玉劬蛩塊梅
醒器吏哭又耒吏迷

http://tieulun.hopto.org

忍汐京語
忍心歹淚
也 木已成
舟人已去

覽 碑 過 啦 誓 生 痕 共 猪
㐱 除 板 㐱 揀 船 傷 咖 芙 初 攏
㐱 陸 旗 禮 拱 燔 駛 誓 說 㐱 駿
貼 傘 鼬 唐

解作奈非

忍汐翁買撫術鮮喻
㐱忉分踏坤坦情鍾
斛鑌身意易嘔補牢
焙煩強拉強挑綰頰
貼初吏拱旦彈員香
肝強息最脾強怵沙
底朱旦餒濡花漫斂
仍條鑌歹條吶空
聿希麻媳劇聿當
群碎又沒退痕買催

http://tieulun.hopto.org

磨淚為墨

瘉本金也

楚水和吳太山中淚下皆血情紆張倩頑離魂与王宙父唐人作離魂記

餒傷哦拯歌器
倩術撕雀園花
晨昏樹幽礼常
丁寧碑淚翻詣
別包功饅貼嘵
凱淡琨誨淡琨
生強惨切渴滿
腓蚕鼎汝瘞暗
剜誅吠醒吠迷
椿宣怖傳製牢。

謝辞生買涙珠批。
違咄員外翁晏共遡
養親啓心悉娘馳初
割鼠尋嚼逸詞怒喃
臨清余度捘術驟淵
溟渺前別波丞垠光
如爌肝鉄如炮悉瘉
雪霜鼎汝耗疥命蚪
梟蟯落相魂離占包
過器欺旦世希麻能

2821 - 2840

http://tieulun.hopto.org

應上噶雲
妹之語被
捱其声折
開不成曲調
也或云懨
負也被上
声讀

倍傍攜礼。撰鼎
臥窓兜客。文章
雖浪慍等于歸
欺娑於昉罍飢
餒娘牧旦皂唋
固欺云
被捱攜
羨如光
黜恚鑿
仍罗頰冏胎鼎

同望二作仳像

緣雲鼠歇匋車綀朱払
耨才妳色春當皮時
慍尼匋拾。愁箕特节
強歐
滌珠嗷陣紆絲聂鼓
灿炉香拱汝桐鼎契
洸彩鞅燬慇逐棣簫
啫嬌同望霉祜慷忙
想娘觥
春秋

http://tieulun.hopto.org

制科迩會場文
鄉至秋旦賒賦
扑王牧旦賒賦
情契晉恩者姜坦
金自賒賦跳青雲
意埃馬玉堂貝埃
蕩。歎頭淸落頭傷歎流離
哪器外仁臨淄
琴堂馹騎淸閑
脈。春帳撿撿花桃

王金共占榜春汶馹
花嘲圩杏香影驟枌
邇茹終老謝恩周全
加親吏買結緣朱陳
餞娘強抆賒賦強傷
悲賒金馬玉堂貝埃
抆命榮顯傷歎流離
岡山圩驟妻免汶團
歐皇嗋鶴嗋彈逍遙
娘雲隋俸占包賃娘

2861 - 2880

http://tieulun.hopto.org

學俗吶吏
花箋記一竟
唔曾學逋
娘

醒審買學。共扒
怒臨清貝臨淄
靿機声氣相尋
幷堂扒買嗨查
事尼包外进年
秀妥共馬监生
翠翹色。巧。埃皮
堅貞。極沛肝皮
風塵貌包豔嘿
沛捫婚奇損傍

瞅堅扒拱合塘信与
恪儌沒幹或欺固啉
於低或固佳音庄罗
卢都固几吏縣陳邁
砷它別楠別牠伶又
固。模獸於北京邊術
包。藝彈吏曹是藝文疎
料命世意沛駛世箕
扒術無錫算塘撥花

http://tieulun.hopto.org

塭命娘沛遁罷
脫奔術脫半趁
傳兜吏返沒臥
遾絲各跡每欺
甩固姜固仁
双。胖。渚別。戶賂。
甩碱固姜固仁
瞗堅都吶燴煤
餞娘侮歇分明
東浪迸吠乱離

戮一作英雄吠意

拯枚吏迸沒如落箕
濕潘蘇滋少曳罟堀
棓術棟秩沒城臨猫
惡時者怨恩時者恩
爝姦論院賒議嗜
事尼侮束生員詳
即時逸。帖咂払束生
戮猥兜佐姓名罟曳
韜軍碎少曳鑾絲

http://tieulun.hopto.org

雲葛比折恪語
消息北又也
一說形影也

隻艸木葉木
也范文正詞紛
又墜葉飄香
砌唐落花有
意隨流水

大王猪海户徐
迖娘時。於州台
揱撻韝閉饒年
大市。軍。棟埃東
暗狀詳梗荒消耗
怵台隻蕖巴爲
花燒。猪祉秋淜
砭磊閔萬
琴嘗堇魚綀
蓬群几。賒吹

京作事
功世帝

打恰慕陣飾餘閔臥
迢咦國色天才沛緣
夕戚動地驚天同又
衛黏拯跋別雲蓼夕卑
悬贅朴隨勞刀剜蜍
怵身沉迖亦悬合散
熆羲。胖如救弹羣低
炤香別風
鼎鍾牢
怒娑離朱安

1324

http://tieulun.hopto.org

吐懞撩印辞官
簇命勒盎干戈
醜遷俸賃詔盞
金時。改任南平
檄生車馭倍傍
倏聒勞賊匇散

佘滝拱振余岸拱坡
飢生罌亟禍罟覽儳
轟鴟沁
曝湄別匇余番拗移
欽頒敕旨細。堀俊俊
王時棋改任城雌。陽
合茹拱順沒塘赴官
捋淹福建焰殘撕土
便塘共尋娘黏智
舌信晦特邋絲俊又
失機徐匇灵陣前

http://tieulun.hopto.org

情憾詩五須
珠沉思悄然

荒潮潮水上如銀山也知
興府志錢塘江上潮水重
登前為子胥后為文種
茭帝女溺死化為精衛啣石堙東海

娘翹功奇拯坍
娘宅招玉沉珠
傷喂空合麻散
招塊設位礼常
荒潮藏鈾重又
情深被慘遥條
機緣兇俸逼牢
韃蓮灵位竽牌
貝娘親戚斯賒
暇信為遙計吼

趙作愧

令軍吏扒押緣土茜
滝錢塘茹意墓紅顏
没茹荣顕贅寃没娘
解冤立没垓場边滝
捣韃群想翅鳩昳招
帋塊精術別骁雀帋
覚緑兇俸尋飲細。堄
失驚俸乡麁哭臥
臥群卒俸乡麁哭臥
森遠計吼。嗵坠晦查

2963 - 2982

http://tieulun.hopto.org

鼎治自日也
前治声对也
言与翻日相
親近问訊
家事也樹
葉辞林言
自翻去家
而後

尼鈇屃尼吒　尼罢嚩腓尼罢嚩妯
舌信暄笩閉數　法師哋世事鬼迢羨
師湲因果貝娘　臨淄眼幂錢塘眼豽
敫娘招玉沉珠　迍儦碎笩迭儦逴術
其儦掯翦菩提　郩眙棋拯賒
伕前鼎泊鄰罢　秽又娘棋牧茄坤愕
暗信妥栴檀翩眉　悯帝吏迢悯尼女庄
草庵妬拱離棱　嗹尋陻仍料澄潛還
朝尼罢嚩腓尼　契塵麻吏賃臥九原
自翻去家　刼黏和賃刼尼罕催
而後　冥陽堆用香彧
　　我戢耒

http://tieulun.hopto.org

真个相对如梦寐阮批

言袍为泪所枯卷乃泪之多或云湓一袍袍子耳

共僥拜謝覺緣披茸捐鞚尋故
迷孤曉辦江津覺緣蓮嗜嬈
聪眄睛楚極沒茄台施方長和台
想悲除罣色除
溼珠聖說倦袍招命。昇嗆。豈庭。
自混淪落主臥

步行沒優曉連沒欺情深隘咲孤与舜份堀棱革包細燐伕堂鏟韌。嫄。倍。傍跳罌倦榛胖韃豈榛群鮮怒払金妬罪臥朔碧贈煐翔相群与占色惆歹犠牢。罪情哭嘆計吏。事命頭雕歃濡海拭祝近森鏑

http://tieulun.hopto.org

并浪滝喏浩淋
翁晏鼞極拎捵
囝遲特月油苞
餞惆別祂之介
台婠嗨罄斫麴
埔儦褪觴伏塋
輪花逐嗜即時
艱浪砌分苞涞
特鼓再世相逢

劬尼埃吏胖拎返低
容光庄恪之鼠貓器
唼散合傳臉貶罩份
墫醒朴拱阻愁歹鮮
再生陳謝悉儦。慈悲
王翁吶逴共術发琨
烊芖惣腆每味蓋嘮
悉芾胖想固扇女空
潟滆龜妥恥悉教胷

http://tieulun.hopto.org

缶扰命補庵遷
味事拱翁重生息礒波丞
半禅缶悛齒茶
拱揚前固能曳
事茂缶熄炤悉
翁浪彼此一時
重生息礒波丞
沛條求伏求仙
度生恠德高靜
晻娘沛朝悉
咨團術旦公。

歲尼啜貝鞏棧拱皮
半禅娶燕缶愜桄楑
群羞飢食
缶僭又燕
悉芾怒埃
修行時拱
情箕孝怒
立庵未仕
啫師啫
團圓倍

http://tieulun.hopto.org

翠雲此同言
語誰教他
来 武批

徐方言与梁
昌公主因乱破
鏡相別後以
雪鏡復合圓
誤天也言天
已儲待之也
詩梅実三今
七今言女及時
也 桃夭女宜
家也

藏 狼 拱 仍 悲 群 果 捻 岌
歹 戦 菊 拱 除 翦 梅 呿 呿
戦 菊 拱 醍 翦 縁 枚 吏 辟 臥
返 干 平 地 波 濤 分 岐 縁 金
拱 狼 作 合 機 歪 狼 劇 約 枚 吻
狼 分 岐 縁 金 雪 鏡 復 合 圓
堆 辺 送 揮 岌 咥 結 交 呿 雖 固 約 智
沛 桃 紅 縁 姉 紲 飲 朱 殲 誤 天 也 言 天
扶 狼 翁 泄 肺 翳 窄 誤 天 也 儲 待 之 也
迸 森 鋪 意 別 包 饒 情 詩 梅 実 三 今
困 寂 駄 凝 缶 伶 固 圮 七 今 言 女 及 時
辟 彙 腋 騙。 辟 咥 願 智 也 桃 夭 女 宜
桃 山 嫩 料 車 絲 及 時 家 也
事 森。 鋪 騙 計 之 悲 除
燦 命 特 愈 油 湄 缶 慇

伶咸伶也一作打已定有所也

http://tieulun.hopto.org

物挼星移
猴度秋王
勃诗

殷初京語
早時也

吶強屍憐慕朝
払振涙吶害。迢茂
汝陋堅缶哢深交
酉涙物樹辟移
緣箕固負之命。
娘涙家室緣諸
持涙融道婚駄
狩貞當價所鎖
妾自過麦旦唋
閉迩憂匝湄沙

他朱蔌落水潮泣汝
酉悉箕丕辟堅意半
斛磨固坦違高固丞
死生滴典袛堅死生
麻算柱梗饑情夕仁
咄恚恩愛埃歹拱悉
花貸封蓋蔭賸鍍踰麹
燐花拯様貝払殷智
蝓戈蛭吏缶乗醜車
余腋拱欽傘花拱戝

3083 - 3102

http://tieulun.hopto.org

言夫婦而改為朋友也

金重鮮出貞字真翻知已抱夫心逾及貞尚矣性有心貞而迹不貞本有迹貞而心不貞乌得人人而知之武批

群魂。罗可紅顏抔命拯虎命牢包能払礙爲情自是開怯剗膝。秋払淌抔旦斯。賒哨未油抔旦斯。賒拂情琴棋拯脩時供如脩買罗包愠奇農。滕奇農固權前淌沒塘執經固權前朱濁特命意為世群算餞前監拂塵垢預飲布荆體花烟拯憐命夥油抛情琴棋拯脩時供如脩買罗包愠奇農。滕奇農固權前淌沒塘執經增前朱濁特命意為包双身世群算餞前

3103 - 3122

http://tieulun.hopto.org

四句作一叠
讀散編此下化錢氏遠郷下腰殘唐依此羊郎是路人

言自桃枝得欽時至今十丑年　坊均作蓮芊非

荃群底固歎矜　散霜頭垀援遽箏荃
花殘麻吏欣進棄智　腰殘麻吏漆鮮
暄書條之女麻与　客戈塘底噸啊扒莆
歌呸坤龕樅。呸　台親時拱決蟯沒排
圍。圍席。翔。茹。蘭。　簷頭娘仍犏踐咀嘆
共僥交幷妝茹　花燸荒燔紅柷。幅羅
洞房迢迭戰瑣　氷傾緣買吟嘬情習
仍自蓮。荒。桃絲　迸棄箘買悲睩罗低
情緣意合散尼　悲歡余餒腊迟腰高

http://tieulun.hopto.org

讀至此方稱翹
之貞然翹之
貞當於平康
流落時看之
至此則家得
意之事敘个
榜樣以自已
貞只可謂翹
作態耳雖然
能稱翹貞亦
不多得或旨
王孫公子肖
是猶見昔時
矯怯羞意不
復置在服裏
哉　武帙
言是非愛
妾也乃伽妾
也

更旦号幅錦撿縐
情人吏返情人
流落時看之
至此則家得
意之事敘个
榜樣以自已
貞只可謂翹
作態耳雖然
能稱翹貞亦
不多得或旨
王孫公子肖
是猶見昔時
矯怯羞意不
復置在服裏
哉　武帙
言是非愛
妾也乃伽妾
也

鼎烟情
花罢堰
固多少
朝悉聆
共宫槐
群算并
扣。香
群情得
天儌時
時群使
施拓路

鼎烟情
花罢堰
固多少
朝悉聆
共宫槐
群算并
扣。香
群情得
天儌時
時群使
施拓路

http://tieulun.hopto.org

學辟貞辟災幽尼　拯拜朱散
悲歎恩愛慎刃　怵共。花殘麻遡
埃与吏合沒茹　澄表泯乳流落閉數　能喫嗥乎。
巍嶷斃底波濮金　羣嶢生死匏羔　篷空鈇潴鴟
趡塗撕襖棋簪　蜀踈幽塔產　想誓說硯
　　　　　　　　　　　　　　　逅儳辟少。閉儳罗情
　　　　　　　　　　　　　　　抔浪渚脫塊餧愛息
　　　　　　　　　　　　　　　沒烝決罕閉份敬淶
　　　　　　　　　　　　　　　罗歮鑲殄沛尋腠花
　　　　　　　　　　　　　　　路罗禛禧貝罌悉琴
　　　　　　　　　　　　　　　叩頭褫謝高深斢重

http://tieulun.hopto.org

激濁揚清或作厓濁渭韓本這

身殘桁濁捫韜
余坠心膞脾梭
露要纏纏少之
脫催捫吏拎捫
滌爍架緻香騕
共儦吏覕戰瑣衣
從容吏啞荒彈鼎慙
情罄朱旦悲除買閒
娘浪為余塘絲
娑慨時事免未
泼彈詔迭捫仞
曲偪潭奩陽和

異恊君子恰悉臥些
相知兼意買罟步相知
慕醃名節拱為膞脅
強天為惶強離為情
從容吏啞荒彈鼎慙
悇悉臥騙界塗衰香
煨沉高濕嘴結財駄
意異步蝴蝶能罟君主

寅朝所彈馬
五象一房有
鬼情景雅
滑雅滑
武此

二人復入緒幅
百駄條娛只
不言雲雨事
此翔全即房
本文章三昧
殷汎批

http://tieulun.hopto.org

唐綿琴必詩莊生曉夢迷蝴蝶蜀帝春心托杜鵑滄海月明珠有淚藍田日暖玉生烟

翔云君有官守妾有婦箴此後不可復問

次日起来金重以事説聾雲又对父母説大家賛嘆不尽

曲兒淹愛春情律聰暗珠泪溢娟耡牢愁悒惨幽懷叫嘯。傷。慍。悒。抓。抓。抓

三生石上前精魂

台情院殿和台欺嘅欺局棋匹生笆匪迸願恢堅立沒庵遷旦堀揀剃棋杆師它採菜方賒礦為岫姜閉數承家拯歇娘雲夙流富貴埃皮

俳京語注止

拯訥禎禪拱外琴詩欺眙緣堆花妾欺除腰蓮侶拱畀緣伴俳差。臥親信違紫覺緣蓁企技額鞊遘屨茄遷彭鸛另別畀尋鬼連庵櫬勞香洲散極廾舖弋弋官階吝ヲ沒菱閘木沒蟒桂槐圖。春沒剃底碑閔莧

鴨

清史綉幔回春詩鶏

http://tieulun.hopto.org

此翰所以落

此翰所以圓武批

嫌合凶事勉丞
朽風塵沛風塵
固凭偏為馭市
固才麻悃之才
匋花祗業飲身
善根於在恚些
坠圭執拍容踐
成泰十四年歲壬寅 共一千六百二十八聚

丞箕匋執夕馭固身
朱清高買特份清高
勞才勞人命惟撫奇仁
勞才連員勞夾汝韻
拱君責客丞斯丞賒
勞心箕買朋匹勞才
模愠拱特汝菲穢更
蕉山識中元後二日抄畢

http://tieulun.hopto.org

MAI ĐÌNH MỘNG KÝ

NGUYỄN HUY HỔ

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

TIỂU SỬ
NGUYỄN HUY HỔ
(1783 – 1841)

Nguyễn Huy Hổ, húy là Nhậm, tự Cách Như, hiệu Liên Pha, người làng Trường Lưu, xã Lai Thạch, huyện La Sơn (nay là xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh).

Ông là con thứ của Nguyễn Huy Tự và bà Nguyễn Thị Đài.

Ông nội ông là Nguyễn Huy Oánh (1713 – 1789) đậu Thám hoa khoa Mậu Thìn, năm Cảnh Hưng thứ 9 (1748) làm quan đến chức Thượng thư Bộ Công.

Ông ngoại ông là Nguyễn Khản (1734 – 1786) đậu Tiến sĩ khoa Canh Thìn, năm Cảnh Hưng thứ 21 (1760) làm quan đến chức Tham tụng tước Quận công.

Hai bên nội ngoại đều thuộc gia đình dòng dõi khoa bảng.

Ông đã lớn lên trong cảnh vinh hoa như vậy. Nhưng tới năm 20 tuổi ông thấy cảnh binh hỏa, triều đình suy đồi và giang sơn đổi chủ đến hai ba lần nên quyết định không đi thi để ra làm quan. Anh ông là Nguyễn Huy Vinh (1761 – 1818) cũng nổi tiếng hay chữ nhưng trước thời cuộc như vậy cũng đã về ở ẩn tại núi Chung Sơn.

Chính ở nơi này, nhân một chuyến đi thăm người anh vào mùa xuân năm Kỷ Tỵ, dọc đường bị mưa, Nguyễn Huy Hổ đã trú lại tại phố Phù Thạch và đã có dịp làm bài *Mai Đình mộng ký*.

Ông không những có tài thơ văn mà còn tinh thông cả thiên văn và địa lý. Chính ông đã tìm đất để xây lăng cho vua Minh Mạng. Điều này đã được minh xác qua tờ sắc đề ngày 12 tháng 10 năm Minh Mệnh thứ 20 (1839) trong đó có đoạn viết: "*Bộ Lại kính theo thường dụ ngày mồng 6 tháng này* (tức tháng mười) *cấp cho sĩ nhân Nguyễn Huy Hổ người Hà Tĩnh hầu việc đã lâu, được thưởng 20 lạng bạc, chuẩn cho theo giấy cấp của bộ để về quê thăm nhà*".

Ông còn giỏi cả y thuật và đã sống bằng nghề làm thuốc. Chắc ông phải nổi tiếng lắm nên mới được vua Minh Mạng triệu vào kinh và có thể do đó mới đi tìm đất cho nhà vua để xây lăng. Tiếc rằng đến nay không còn một tài liệu nào ghi chép lại hành trạng của ông. Gia phả chỉ viết có mấy dòng vắn tắt nói

http://tieulun.hopto.org

ông lấy vợ, bà đầu tiên tên là Lê Thị Hậu, cháu gái của vua Lê Hiển Tông.

Sơ qua vài nét như trên chúng ta thấy rằng ông đã được sinh ra từ một gia đình khoa bảng danh gia và ở một vùng đất văn hóa khá cao, nơi có *Thư viện Phúc Giang* do Nguyễn Huy Oánh, *ông nội của ông* lập ra với "mấy vạn quyển sách".

Trong điều kiện như vậy, Nguyễn Huy Hổ dễ trở thành người tài cao học rộng. Tiếc rằng ông chỉ để lại được có mỗi một tác phẩm là *Mai Đình mộng ký*.

*

* *

1844

http://tieulun.hopto.org

MAI ĐÌNH MỘNG KÝ

Mai Đình mộng ký được viết ra vào năm Kỷ Tỵ (1809), sau ngày khai hạ (mồng bảy tháng giêng) nhân một chuyến Nguyễn Huy Hổ đi lên chơi Nam Dương để mừng lạc thành nhà học của anh ông là Nguyễn Huy Vinh ẩn cư ở núi Chung Sơn.

Tuy chỉ là một bài *ký* nhưng câu chuyện lại có lớp lang gồm các phần như:

1. Cuộc xem đèn ở Phù Thạch;
2. Chuyến đi thuyền ngược dòng sông Lam;
3. Mộng đến Mai Đình;
4. Gặp thiếu nữ đề thơ;
5. Họa thơ thưởng mai;
6. Dạo bước tìm người đẹp;
7. Trao thư cho tiểu hoàn;
8. Được mời vào hầu chuyện;
9. Phu nhân khuyên lập công danh;
10. Tỉnh dậy tay không.

Tất cả các phần ấy được viết lại trong có 282 câu lục bát (không kể hai bài thơ xướng họa theo thể ngũ ngôn).

Mai Đình mộng ký được viết ra cách đây gần tròn hai thế kỷ, thế mà chỉ được xuất hiện lần thứ nhất trên tạp chí *Thanh nghị* số 32 tháng 3 năm 1943, do Hoàng Xuân Hãn phiên âm và do Dương Bá Trạc chú thích các điển tích.

Bài *ký* về sau được in thành sách do nhà xuất bản Sông Nhị ấn hành năm 1951. Lần in này, Hoàng Xuân Hãn có tu chỉnh lại phần phiên âm văn bản căn cứ vào ba bản *Mai Đình mộng ký* mà ông sưu tầm được và Nghiêm Toản đã chú thích.

Năm 1997, Viện Văn học và Hội Nhà văn có cho xuất bản quyển *Nguyễn Huy Hổ với Mai Đình mộng ký* do Lại Văn Hùng phiên âm, dịch chú và giới thiệu.

Bản Nôm in trong sách này là bản do Mộng Thương Thư Trai sao lục hiện tàng trữ ở kho sách Hán Nôm dưới ký hiệu AB.632.

Nếu căn cứ vào năm tháng ghi trong lời tựa thì bài *Mai Đình mộng ký* được viết từ năm 1809, sau *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự và trước *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

http://tieulun.hopto.org

TỰ

(Phiên âm)

Dư văn chi hữu đại giác giả, phương hữu đại mộng. Vi tai ngôn hồ! Vi tai ngôn hồ!

Phù! Đại nhi thiên địa chi chung thủy, tiểu nhi nhân vật chi sinh tử, viễn nhi cổ kim chi thế biến, mộng chi giác dã. Phù như thị, tắc sở vị mộng ảo giả, trần giới giả, nghịch lữ giả, hành khách giả; tư nhân dã, khả dữ ngôn mộng dã dĩ hỹ.

Mai Đình Mộng [1] ký, ký mộng dã. Mộng chi tiểu giả dã. Tiểu tiểu mộng tất hữu tiểu tiểu giác. Dư thường vị chúng nhân mộng dã, chí nhân giác dã. Y! Dung cự tri ngô chi sở vị mộng giả, vi phi mộng da? Dung cự tri ngô chi sở vị phi mộng giả, vi mộng da?

Thử Mai Đình chi ký sở dĩ tác dã.

Kỷ Tỵ xuân, nhân nhật hậu, dư hữu Nam Đường chi du, khánh ngô huynh Chung Sơn học xá thành dã. Đồ trở dĩ vũ, lữ vu Phù Thạch phố chi nghị quyến. Quyến vị chi mệnh chu yên.

Nhật tương tịch, tố lưu Tây thượng, Thanh phong từ lai, thái không vô vân, minh nguyệt tại thiên. Mệnh đồng tử cử tửu tương chúc. Xuân sơn chi yểm ái, xuân thủy chi lục ly; xuân quang, xuân sắc chi nghi nhân.

Duy tri phù xuân du chi lạc vi khả túy, tằng bất giác phù túy nhi hữu phiên phiên nhiên chi thụy, thụy nhi hữu phiên phiên, cừ cừ nhiên chi mộng giả da? Kỳ lai dã nhược vô, kỳ khứ dã nhược hư. Đãi dữ phong lai sơ trúc, nhạn độ hàn đàm, đồng thị nhất ban, vô hạn lý thú! Mai Đình chi nương tử, thần tứ phiêu nhiên. Thư các chi phu nhân, từ khí lẫm nhiên. Nhược nãi diễm như đào lý, kiên như tùng bách, nùng như thuần giao, đạm như sương tuyết, thiên thái vạn trạng, phi bút trát sở năng tận họa. Dư diệc bất giác kỳ thần quái chi như *(hoặc nhược)* tư.

Hu ta hồ! Phương kỳ Phù Thạch quan đăng thời, sơ bất tri kỳ hữu thủy nguyệt chi du chi thời, hựu yên tri kỳ hữu Mai Đình Chi mộng!

Kỳ mộng dã da? Kỳ phi mộng dã da? Duy đại giác giả kỳ chính chư?

Linh đài lang NGUYỄN LIÊN PHA trước.

---

1. Nguyên trong tựa không có chữ *mộng*. Hình như nguyên tác giả gọi tác phẩm mình là *Mai Đình ký*. Nhưng sau thêm chữ *mộng* cho rõ ý.

http://tieulun.hopto.org

TỰA

(Dịch nghĩa)

Ta nghe nói: người có *giác* lớn mới có *mộng* lớn. Lời nói mầu nhiệm thay! Lời nói mầu nhiệm thay!

Ôi! Việc lớn như *chung thủy* [1] của trời đất, bé như sinh tử của nhân vật, xa như *thế biến* [2] của xưa nay, đều là giác trong mộng cả. Như thế thì, những kẻ gọi là mộng ảo, gọi là *trần giới,* [3] gọi là *nghịch lữ,* [4] gọi là hành khách, mới có thể nói chuyện mộng được mà thôi.

Bài *Mai Đình mộng ký* để chép mộng. Mộng ấy bé, Mộng bé bé, ắt giác bé bé. Ta thường bảo kẻ *chúng nhân* [5] mộng, kẻ *chí nhân* [6] giác. Há biết đâu là kẻ ta cho là mộng lại không mộng hay sao?

Vì thế nên bài ký *Mai Đình* này mới làm ra.

Năm *Kỷ Tỵ* [7] mùa xuân, sau ngày *khai hạ,* [8] ta đi lên chơi *Nam Đường,* [9] để mừng nhà học của anh ta mới dựng ở núi *Chung Sơn.* [10] Đi đường bị mưa, trú lại phố *Phù Thạch,* [11] ở nhà bà con. Người bà con thuê đò cho ta.

Trời gần tối. Ngược dòng lên phương Tây. Gió mát thổi nhẹ, trời cao không mây, trăng sáng trên không. Bảo trẻ đem rượu cùng uống. Cảnh núi xuân mờ tối, nước xuân long lanh. Xuân quang xuân sắc đều hợp với người.

Chỉ biết đi chơi xuân có thể say. Nào có biết say là ngủ phơi phới, ngủ mà mộng phơi phới chập chờn đâu. Đi cũng như không, mà

---

1. *Chung thủy:* (*chung:* lúc cuối cùng, *thủy:* lúc bắt đầu) trước sau như một, không có sự thay đổi.
2. *Thế biến:* sự biến đổi ở đời.
3. *Trần giới:* cõi trần, cõi đời bụi bậm.
4. *Nghịch lữ: (nghịch:* tiếp rước, *lữ:* quán trọ) người khách đi đường xa.
5. *Chúng nhân:* mọi người thường dân, kẻ tầm thường.
6. *Chí nhân:* (*chí:* rất, *nhân:* người) người rất cao thượng, rất mực đạo đức.
7. *Kỷ Tỵ:* năm 1809.
8. *Khai hạ:* ngày mồng bảy tháng giêng.
9. *Nam Đường:* tên huyện, nay là Nam Đàn.
10. *Chung Sơn:* nơi Nguyễn Huy Vinh ở ẩn, lấy hiệu là Chung Sơn cư sĩ.
11. *Phù Thạch:* (đá nổi) tên bến sông và dãy phố ở trên sông Lam.

http://tieulun.hopto.org

lại cũng như không. Những cùng gió lọt trúc thưa, nhạn qua đầm quạnh, y như một điệu, lý thú vô ngần! Cô gái dưới Mai Đình, thần tứ lâng lâng; phu nhân trong thư các, từ khí nghiêm chỉnh. Đến đẹp như đào lý, cứng như bách tùng, nồng như *thuần giao*, [1] lạt như sương tuyết, thiên hình vạn trạng, không phải lấy bút mà tả hết được. Ta cũng không biết bấy giờ thần tứ ra sao?

Ôi! Vừa lúc đi xem đèn ở núi Phù Thạch, trước không biết sẽ có cuộc đi chơi trên sông, dưới nguyệt, lại không ngờ sẽ có giấc mộng Mai Đình!

Đó là mộng chăng? Đó không phải là mộng chăng? Duy chỉ có người đại giác mới đoán được.

Linh đài lang Nguyễn Liên Pha
(tức NGUYỄN HUY HỔ)
Hoàng Xuân Hãn *dịch*

---

1. *Thuần giao:* tên hai thứ rượu ngon.

http://tieulun.hopto.org

MAI ĐÌNH MỘNG KÝ

I. Nhập đề

Trăm năm là kiếp ở đời,
Vòng trần này đã mấy người trăm năm.
Cuộc phù sinh có bao lăm,
Nỡ qua ngày bạc mà lầm tuổi xanh.
Duyên tế ngộ, hội công danh,
Là hai, với nghĩa chung tình là ba.
Đều là đường cái người ta,
Bắc cầu nơi đó, ai qua mới từng,
Tình duyên hai chữ nhắc bằng,
Há rằng duyên chướng, há rằng tình si.
Chuyện xưa còn có thiếu chi,
Đêm thanh vui chén muốn ghi nỗi mình.
Cho hay rằng giống có tình,
Chiêm bao lẩn quất năm canh lần lần.

Khảo dị

8. *Là* cầu nơi đó, ai qua mới từng.
11. Chuyện xưa còn có *sá* chi.

Chú thích

1. *Trăm năm:* khoảng thời gian của một đời người. Các truyện Nôm như *Truyện Kiều, Hoa Tiên* (nhuận sắc), *Bích câu kỳ ngộ* đều bắt đầu bằng chữ trăm năm.
2. *Vòng trần: (vòng:* khuôn vây quanh, *trần:* bụi bậm) vòng trần ai tức cuộc đời bụi bậm.
   Người trăm năm: người sống được trăm tuổi.
3. *Phù sinh: (phù:* nổi trên mặt nước, chỉ có hư chứ không có thực; *sinh:* sống, đời sống) cuộc đời ngắn ngủi và bấp bênh.
   Tuồng ảo hóa đã bày ra đó, kiếp phù sinh trông thấy mà đau. (C.O).
4. *Ngày bạc:* do chữ *bạch nhật*, ban ngày. Cổ thi: *Bạch nhật mạc nhàn quá.* (Ngày bạc đừng ham rảnh).
   Ngày bạc như vậy chỉ là ngày giờ nói chung. *Lân la ngày bạc qua hồi xuân xanh.* (P.T).
5. *Tế ngộ: (tế:* hội, họp lại; *ngộ:* gặp gỡ) gặp gỡ nhau.
   Hội công danh: (hội: lúc, thời) công danh gặp hội, thời thi đậu, ra làm quan và lập nên được sự nghiệp. *Công danh gặp hội thanh niên đương vừa.* (N.Đ.M).

http://tieulun.hopto.org

6. *Chung tình: (chung:* đúc lại, dồn lại; *tình:* tình yêu) tình chung đúc vào một người không xao lãng.

7. *Bắc cầu noi đó:* Bản HXH chép: "Là *cầu noi* đó" và giảng *cầu noi* là cầu bắc bằng một tấm ván hẹp để đi từ trong cạn xuống thuyền. Chúng tôi đã theo bản Nôm mà phiên âm là *Bắc cầu noi đó* và hiểu *noi* là theo, đi theo. Tục ngữ có câu: *"Bắc cầu mà noi, chớ ai bắc cầu mà lội".*

9. *Tình duyên: (tình:* tình yêu giữa đôi trai gái, *duyên:* mối liên lạc có từ kiếp trước giữa đôi trai gái. Những người có duyên với nhau thì dầu có xa cách vạn dặm cũng có thể gặp nhau được: *"Có duyên ngàn dặm không xa, vô duyên nửa bước mà ra muôn trùng").* Cái duyên may của hai người trai gái gặp nhau. *Tình duyên hai chữ với người hay sao.* (H.T).

10. *Duyên chướng:* cái duyên bị ngăn trở do ác nghiệp gây ra.
Tình si: tình yêu quá say mê đến ngu muội.
Giống: loài, nòi.
Chiêm bao: những điều nằm mơ thấy trong giấc ngủ.

II. Cuộc xem đèn ở Phù Thạch

Nhớ xưa năm Tỵ, tháng Dần,
Thưởng xuân vừa gặp giữa tuần tròn trăng.
Thắng du tiện nẻo quan đăng,
Trông vời non liễu, băng chừng dặm hoa.
Trời hôm xuân nhuốm màu da,
Cơn mưa rửa tuyết, trận hà cuốn mây.
Chim về xao xác lá cây,
Rừng đông đã thấy tròn xoay bóng thiềm.
Lửa đâu thấp thoáng trong rèm,
Khi đưa hương xạ, khi đem khói tùng.
Đá đâu lấp ló giữa dòng,
Như bay hoa rụng, như trồng gương nga.
Thành đâu xây đắp yên hà,
Đỉnh non nền cũ, cán cờ bụi sương.
Đền đâu rạng dấu khói hương,
Bể liêu công tước, vàng tương mái tàu.
Lần theo ngọn nước làu làu.
Gió lay chiếc cọc chèo mau lá chài.
Trong gương ai đắm cành mai,
Dưới mây ai nắm một vài lưu tinh.
Phồn hoa nổi áng thị thành,

1350

http://tieulun.hopto.org

Này Phù Thạch phố là danh lịch triều.
Phú phong lưu cũng ít nhiều,
Đèn chong vẻ tố, lò thiêu bụi trần.
Vũng doi trải mấy xây vần,
Dập dìu còn đó với xuân dễ nào!
Thảo mà cánh điệp lá đào,
Đi về Vu Giáp, ra vào Vũ Lăng.
Một trời hoa cỏ lâng lâng,
Mơ *mòng* mưa Sở gió Đằng đâu đây.
Chiều xuân dốc chén vơi đầy,
Thử xem người tỉnh người say mới là.

Khảo dị

16. Thưởng xuân vừa gặp *trữa* tuần tròn trăng.
25. Đá đâu lấp ló *trữa* giòng,
26. Như bay hoa *sóng,* như trồng gương nga.
27. Thành đâu xây *lấp* yên hà,
28. Đỉnh non nền cũ, *cắm* cờ bụi sương.
29. Đền đâu *lắng* dấu khói hương,
32. Gió lay chiếc cọc *thuyền* mau *mái* chài.
33. Trong gương ai *cắm* cành mai,
34. Dưới mây ai *ném* một vài lưu tinh.
45. Chiều xuân *chuốc* chén vơi đầy,

Chú thích

15. *Năm Tỵ:* năm Kỷ Tỵ (1809).
Tháng Dần: tháng giêng.

16. *Giữa:* chữ 宇中 nay đã quen đọc là *giữa* không ai đọc là *trữa* nữa cũng như ở miền Bắc chữ 睖 và chữ 奎 trước kia đọc là *giăng* và *giời* nay cũng đọc là *trăng* và *trời* cả hoặc chữ *giả* 者 cũng đọc là *trả.*

17. *Thắng du: (thắng:* đẹp hơn, *du:* đi chơi) đi chơi xem các phong cảnh đẹp.
Quan đăng: xem đèn.

18. *Vời:* xa, nẻo xa.
Nón liễu: núi có trồng liễu. Chữ *liễu* đây chỉ là danh tự chung được đặt đối với chữ *hoa* ở vế dưới.
Băng chừng: theo chừng hướng mà đi.

20. *Hà:* ráng, tức là hơi mây có ánh mặt trời chiếu vào thành sắc đỏ.

22. *Rừng đông:* rừng về phía Đông. Lên núi Lam Thành (còn gọi là núi *Nghĩa Liệt* hoặc gọi tắt là núi *Thành* hoặc núi *Rum)* trông ra xa thì thấy ở phía Đông có rừng cây thuộc núi Mèo và núi Dũng Quyết.

25. *Đá đâu:* phía trước núi Lam Thành có sông Lam chảy qua rất rộng, ở đây có sông La chảy vào. Chỗ ngã ba sông có ghềnh đá nổi ở giữa sông. Phía Đông có bến đò gọi là *bến Phù Thạch.*

http://tieulun.hopto.org

27. *Thành đâu:* núi Lam Thành cao lớn đột xuất nổi lên giữa đồng bằng. Trong dây núi ấy có một ngọn trên có thành của Trương Phụ nhà Minh.

28. *Đỉnh non... cán cờ:* trong thành xưa của Trương Phụ ở trên đỉnh núi có lỗ cắm cờ. Tương truyền ngày xưa là chỗ dựng cột đồng.

29. *Đền đâu:* đền *Triều Khẩu,* đền thờ Lê Khôi, tại xã Triều Khẩu ở phía Đông Nam chân núi, nên Lam Thành cũng gọi là *thành Triều Khẩu,* núi Lam Thành là *núi Triều Khẩu.* (*Đền* đây không phải là *chùa* Bà Thiên Hậu).

30. *Bể liêu: (liêu:* xa) bể xa, ngoài cửa Hội Thống. Thơ của Bùi Huy Bích *vịnh Phù Thạch* có câu: *"Viễn thủy hàm hư thông đại hải"* (Dòng sông kéo dài trong trẻo thông ra biển.)

33. *Đắm:* chìm đắm. Cả câu ý nói mặt trăng in lồng xuống đáy nước lại có bóng cành mai trông tưởng như đang chìm đắm vào trong gương.

34. *Nắm:* bắt lấy.
Lưu tinh: sao băng, sao sa ở trên trời.
Cả câu ý nói dưới mây ai bắt lấy được một vài ngôi sao sa, khi trông thấy bóng của chúng in hình trên mặt nước.
Cả hai câu này tả cảnh đẹp khi thuyền đi trên sông dưới trời có trăng sao.

35. *Phồn hoa: (phồn, phiền:* nhiều, *hoa:* bông hoa, vẻ đẹp) nói cảnh hoa nở nhiều và đẹp sau được dùng để chỉ nơi đông vui náo nhiệt, có cuộc sống xa hoa.
Áng: cái nền, cái vẻ.
Thị thành: (thị: chợ, *thành:* ngôi thành xây để phòng chống quân giặc) chỉ nơi đô hội có nhiều dân sinh sống và làm ăn buôn bán.

36. *Phù Thạch: (phù:* nổi, *thạch:* hòn đá) tên bến và phố ở trên sông Lam Giang, cạnh núi Lam Thành, nơi đây người Trung Hoa cư trú buôn bán, nhà cửa san sát, thuyền bè tụ tập.
Lịch triều: (lịch: trải qua, *triều:* thời đại một ông vua ở ngôi) trải qua các triều đại.

37. *Phong lưu: (phong:* gió, *lưu:* dòng nước) ngọn gió thổi từ chỗ này đến chỗ khác, dòng nước chảy từ nơi nọ đến nơi kia nên thường ví với người có đức tốt, vì thế chữ *phong lưu* được dùng để chỉ phẩm cách con người có đức tốt, lịch sự, phong dạng lưu xướng. Về sau hai chữ ấy được dùng để chỉ sự chơi bời phóng túng.
Thú phong lưu: thú ăn chơi phóng túng.

38. *Đèn chong:* đèn thắp để suốt đêm.
Vẻ tố: (tố: trắng) vẻ sáng.
Lò thiêu: lò hương; ở các đền chùa gian ngoài cùng trước chánh điện *thiêu hương.*

39. *Doi:* cồn cát ở ngoài sông.

41. *Thảo mà:* thảo nào mà.
Cánh điệp: cánh bướm, ý nhắc đến việc Trang Chu nằm mơ thấy mình hóa ra bướm rồi khi tỉnh dậy không biết mình là bướm hay là Trang Chu.
Lá đào: lá cây đào, ý nói đến cảnh tiên, nơi có động Đào nguyên mà người đánh cá ở đất Vũ Lăng (đời Tấn) đã lạc vào.

42. *Vu Giáp:* núi Vu Giáp ở tỉnh Tứ Xuyên bên Trung Quốc. Nguyên vua Sở Tương Vương ra chơi Cao Đường nằm mơ thấy người con gái tự xưng là thần nữ ở núi Vu Giáp, sớm làm mây tối làm mưa, đến xin cùng chăn gối nên trong văn chương thường dùng các chữ *Vu Giáp, đỉnh Giáp non Thần, Cao Đường, non Vu, mây mưa* để chỉ sự ái ân của trai gái hoặc sự mơ mộng ái ân.

http://tieulun.hopto.org

Vũ Lăng: tên đất thuộc tỉnh Hồ Nam. Đào Tiềm (đời Tấn) có làm bài *Đào hoa nguyên ký* kể chuyện người đánh cá ở đất Vũ Lăng lạc vào động tiên.

44. *Mơ mòng mưa Sở:* mơ mòng đến sự ái ân (xem thêm chú thích chữ *Vu Giáp*).

Gió Đằng: do câu thơ của Vương Bột: *"Thời lại phong tống Đằng Vương các"* (lúc gặp may, gió thổi vào gác vua Đằng).

Nguyên đời Đường, Diêm Đô đốc có dựng một cái lầu ở Nam Xương thuộc tỉnh Giang Tây, mới mở một buổi tiệc lớn ở Đằng Vương các. Khi ấy Vương Bột đang ở Ma Dương nghe tin, cho thuyền xuôi gấp, may gặp gió thuận nên về kịp Nam Xương để vào dự tiệc. Trong bữa tiệc Vương Bột có làm một bài *tự* và trở thành nổi tiếng.

Về sau các nhà văn thường dùng điển đó để chỉ sự may mắn, gặp thời hoặc duyên may số tốt.

III. Thuyền ngược dòng sông Lam

Dã men vừa sánh giọng trà,
Nhà lan treo tháp, doành La xuống thuyền.
Gió xuân rút cánh buồm duyên,
Thiều quang chín chục, vân yên một chèo.
Bến tình nhẹ nhổ con neo,
Đầu mai yến vấn, mạn chèo oanh đưa.
Thảnh thơi bầu rượu túi thơ,
Ngón cầm khiển hứng, nước cờ giải mê.
Não nùng vượn suối hoa khe,
Với người dường thấy vả vê chữ tình.
Phong quang tám bức vén tranh,
Bình non mượn đắm, gương doành lét tô.
Bến Nam liễu bá con đò;
Mảnh mây viễn phố, cánh cò hàn sa.
Ngàn Đông khói lẩn lạc hà;
Giọt mưa cổ thụ, tiếng gà cô thôn.
Vó câu pha gió nhẹ bon,
Bên lầu thử hỏi hoàng hôn địch nào.
Trời Tây bóng hạc non sào,
Đường rêu khách quạnh lối vào Thiên Thai.
No xem góc bể bên trời,
Một xuân biết mấy mươi nơi dập dìu.
Đòi nơi giốc mục, ngư tiều,

http://tieulun.hopto.org

Cần hôm mấy cán, tơi chiều nửa manh.
Thảnh thơi gió mát trăng thanh
Nào đầm Đồng Lại, nhớ ghềnh Bàn Khê.
Mảng vui sào đẩy mái phê,
Doành ngân bóng thỏ đã xê ngang đầu.
Nài xuân chén những kèo mau,
Tưởng duyên kỳ ngộ, ngâm câu Vị đường.
Này này quế trạo lan tương,
Ví đua Xích Bích, chi nhường Đông Pha.

Khảo dị

56. Với người dường *có* vả vê chữ tình.
58. Bình non mượn *khắm*, gương doành lét tô.
61. Ngàn Đông khói *lẫn* lạc hà.
66. Đường rêu khách quạnh *ruối* vào Thiên Thai.
69. Đòi nơi giốc mục, *ca* tiều.
72. Nào đầm Đồng Lại, *nọ* ghềnh Bàn Khê.
73. Mảng vui sào *cạy* mái phê.
74. Doành *Ngân* bóng thỏ đã xê ngang đầu.

Chú thích

47. *Dã men:* dã men rượu tức là hết say rượu.
Sánh giọng trà: đạt đến độ thưởng thức đầy đủ hương vị của chén trà.
48. *Nhà lan:* do chữ *lan thất* lấy từ câu *"Dữ thiện nhân cư như nhập chi lan chi thất"* (cùng ở với người hiền như vào nhà có cỏ chi cỏ lan thơm ngát) ý nói ở gần người hiền thì cũng được thơm lây.
Nhà lan: nhà bạn tốt.
Treo tháp: (tháp: cái giường) ý nói cất giường đi không cho ai nằm. Do điển Trần Phồn, đời Hậu Hán, có một cái giường để dành tiếp người bạn quí họ Từ. Khi bạn đến thì hạ xuống, khi bạn về thì lại cất đi.
Doành La: (La: sông La) sông La chảy vào sông Lam, ngay bên cạnh Phù Thạch. Tác giả xuống thuyền ở sông La.
50. *Thiều quang: (thiều:* xinh đẹp, *quang:* ánh sáng) chỉ mùa xuân vì mùa này ánh sáng tươi đẹp.
Chín chục: tức 90 ngày của mùa xuân.
Vân yên: (vân: mây, *yên:* khói) mây khói.
52. *Mai:* mui thuyền.
Yến vấn: chim yến bay quanh.
54. *Ngón cầm: (ngón:* tài khéo léo riêng) tài chơi đàn cầm.
Khiển hứng: (khiển: phát ra, *hứng:* cảm xúc khơi dậy ở trong lòng) khơi dậy hứng thú ở trong lòng.
Giải mê: gỡ ra khỏi cơn mê.

http://tieulun.hopto.org

56. *Vá vê:* ham muốn sự gì (H.T.C).

Phong quang: (phong: gió, *quang:* ánh sáng)

Cổ thi: *"Phong quang thảo tế phù" (phong quang nổi trên cỏ) gió không có ánh sáng, ánh sáng nằm trên cỏ. Mỗi khi có gió thổi trên cỏ làm lay động ánh sáng thì ta lại tưởng chừng như là gió có ánh sáng. (Lời chú của Ngũ Thần).* Về sau trong văn chương thường dùng chữ *phong quang* để chỉ phong cảnh đẹp đẽ.

Tám bức: tám bức vẽ phong cảnh đẹp. Tống Địch có tài vẽ, có vẽ tám bức nổi tiếng nhất là:

1. *Bình sa lạc nhạn* (Nhạn sa bãi cát).
2. *Viễn phố qui phàm* (Thuyền về bến xa).
3. *Sơn thị tình lam* (Chợ chân núi trời quang mây tạnh).
4. *Giang thiên mộ tuyết* (Bén sông tuyết sa lúc chiều tối).
5. *Động Đình thu nguyệt* (Trăng thu trên hồ Động Đình).
6. *Tiêu Tương dạ vũ* (Mưa đêm trên sông Tiêu Tương).
7. *Sơn tự hàn chung* (Chuông vắng lạnh từ ngôi chùa trên núi).
8. *Ngư thôn tịch chiếu* (Bóng chiều ở xóm chài).

58. *Bình non:* núi như bức bình phong.

Mượn đắm: mượn để làm cái thú say đắm khi ngắm cảnh.

Gương doành: mặt nước phẳng của dòng sông như tấm gương.

Lét: liếc. Tiếng này còn thấy ở các truyện Nôm khác như:

Mai sinh trông lét rõ ràng tiểu thư (Nhị độ mai).

Sóng thu một lét hữu tình (Hoàng Trừu).

Tô: tô điểm.

59. *Bá:* rủ quanh (cành liễu buông rủ quanh con đò).

60. *Viễn phố: (viễn:* xa, *phố:* bến sông) bến sông ở xa.

Hàn sa: (hàn: lạnh, *sa:* cát) bãi cát quạnh hiu, lạnh lẽo.

61. *Lạc hà: (lạc:* rơi xuống, *hà:* ráng) ráng còn đương tan.

62. *Cổ thụ:* cây to sống lâu năm.

Cô thôn: làng xóm đứng một mình giữa đồng.

63. *Vó câu: (câu:* ngựa non đương sức mạnh mẽ) vó ngựa, chân ngựa.

Pha gió: băng theo gió.

Bon: chạy mau.

64. *Hoàng hôn: (hoàng:* vàng, *hôn:* chiều tối) lúc gần tối, sắc trời còn trắng vàng (khác với *tà dương* là buổi chiều khi mặt trời còn chưa lặn).

Địch: ống sáo lớn.

65. *Bóng hạc:* bóng con chim hạc. Nghĩa bóng nói về tuổi già. Cũng dùng để chỉ cảnh chiều tà.

Bóng hạc non sào: mặt trời xuống sát đất ở chân trời chỉ còn cách non một cây sào.

66. *Thiên Thai:* tên một ngọn núi ở tỉnh Triết Giang (Trung Quốc). Nguyên xưa, vào đời Hậu Hán, ngày Tết Đoan Ngọ (mồng 5 tháng 5 âm lịch) có Lưu Thần và Nguyễn Triệu đi hái thuốc lạc vào động Thiên Thai gặp tiên. Nghĩa bóng nói chỗ ở của con gái đẹp. Cả câu ý nói lối vào Thiên Thai thì đường rêu khách vắng.

67. *No xem:* xem đã đủ chán mắt.

68. *Dập dìu:* nhiều người rủ rê nhau cùng đi (chơi xuân).

http://tieulun.hopto.org

69. *Đòi nơi:* nhiều nơi.

Giốc mục: (giốc: cái tù và làm bằng sừng trâu, *mục:* kẻ chăn trâu) tả cảnh buổi sáng sớm với người tuần canh thổi tù và báo hết canh năm và kẻ mục đồng đánh trâu ra ngoài cánh đồng.

Ngư tiều: (ngư: người đánh cá, *tiều:* kẻ tiều phu) tả cảnh người đánh cá trên sông và người tiều phu nhặt củi trên núi.

Bốn chữ này được đặt thành cặp đối nhau. Hoàng Xuân Hãn đã hiệu khác đi nên mới đổi chữ *ngư tiều* thành *ca tiều* nhưng trong các bản Nôm đều viết là *ngư tiều* cả.

70. *Cần hôm:* cần câu cá lúc buổi chiều.

Tơi chiều: áo tơi mặc lúc buổi chiều mưa.

Cả câu tả cảnh buổi chiều khi kẻ đi câu vác cần về và kẻ đi cày mặc áo tơi đội mưa trở về.

Hai câu này tả cảnh buổi sớm và buổi chiều.

72. *Đồng Lại:* chỗ Nghiêm Quang ngồi câu cá.

Nghiêm Quang, người đời Hán, tự là Tử Lăng, thuở nhỏ là bạn học của Quang Vũ. Khi Quang Vũ lên ngôi vua, có vời ông ra làm quan nhưng ông từ chối rồi về đi cày ở núi Phú Xuân.

Bàn Khê: chỗ Lã Vọng ngồi câu cá mà gặp Chu Văn Vương. *Bàn Khê* là con sông ở Đông Nam huyện Bảo Khê tỉnh Thiểm Tây, khe có suối gọi là Tư tuyền.

Cả hai câu 71-72 tả cảnh an nhàn thảnh thơi của người ẩn dật.

73. *Sào đẩy:* lấy sào đẩy cho thuyền đi.

Mái phê: mái chèo lướt trên mặt nước.

74. *Doành ngân: (doành:* dòng nước, *ngân:* trắng như bạc) dòng nước bạc.

Bóng thỏ: bóng trăng. Tục truyền trên mặt trăng có con thỏ ngọc nên thường gọi mặt trăng là ngọc thỏ.

Xê: chuyển dịch.

75. *Nài:* cố mời.

Kèo: rót rượu mời.

Mau: ý nói uống lẹ, hết chén này tới chén khác.

76. *Kỳ ngộ: (kỳ:* lạ, *ngộ:* gặp gỡ) cuộc gặp gỡ lạ lùng, ít có.

Vị đường: (Vị: sông Vị, *đường:* bờ đê) bờ đê sông Vị.

77. *Quế trạo lan tương: (quế:* gỗ cây quế, *trạo:* mái chèo, *lan:* gỗ cây lan, *tương:* mái chèo nhỏ) chèo lớn bằng gỗ cây quế, chèo nhỏ bằng gỗ cây lan. Chữ lấy trong bài *Tiền Xích Bích phú* của Tô Đông Pha.

78. *Xích Bích:* tên một con sông thuộc tỉnh Hồ Bắc. Khổng Minh và Chu Du đã dùng hỏa công phá quân của Tào Tháo ở trên sông này. Tô Đông Pha có làm *Tiền Xích Bích* và *Hậu Xích Bích* rất được truyền tụng.

Đông Pha: tên tự của Tô Thức (1037 - 1101), người đời Tống, không những nổi tiếng về thơ văn mà còn nổi tiếng cả về họa và thư pháp nữa. Cả hai câu 77 - 78 nói tác giả đi dạo thuyền trên sông Lam đâu có kém gì Đông Pha đi dạo thuyền trên sông Xích Bích.

http://tieulun.hopto.org

IV. Mộng đến Mai đình

Say sưa đòi thú lân la,
Giang thành đã gióng tiếng gà sang tư.
Giấc hòe thiếp thiếp lần mơ,
Trong mơ mòng thấy tình cờ lạ sao.
Tưởng mình lạc lối nguồn Đào,
Khi ra Động khẩu, khi vào Bồng Doanh.
Đòi phen chim lá hoa cành,
Dường chiều đón rước, như tình rủ rê.
Mấy chòm len lỏi sơn khê,
Dòng ngăn thú dật, vách che bụi trần.
Lối quanh hoa kính lần lần,
Cảnh tiên riêng để tay thần mở mang.
Bầu trời kẽ lở thanh quang,
Nẻo xa trông rõ mấy trang lão tùng.
Dưới tùng có gác Nghinh Phong.
Cách chừng những thấy phạm cung bảo đài.
Băng chừng dạo bước tới nơi,
Tường sau ngàn gốc tảo mai quanh thành.
Biển đâu nét tạc rành rành,
Đề ba chữ THƯỞNG MAI ĐÌNH vàng tương.

Khảo dị

80. Giang thành đã gióng *canh* gà sang tư.
85. Đòi *nơi* chim lá hoa cành,
89. *Ruổi* quanh hoa kính lần lần,
90. Cảnh tiên riêng *đợi* tay thần mở mang.
91. Bầu trời *ghẽ chiếm* thanh quang,
94. Cách chừng *thấy những* phạm cung bảo đài.

Chú thích

79. *Đòi thú: (đòi:* nhiều) thiếu gì thú, nhiều thú.
80. *Giang thành:* thành bên sông tức thành Triều Khấu.
Gióng: bắt đầu giục giã, thôi thúc.
Sang tư: sang canh tư.
81. *Giấc hòe:* do chữ *Hòe an mộng* tức là giấc ngủ nằm mộng thấy ở nước Hòe An. Do điển: Thuần Vu Phần nằm mộng thấy tới nước Hòe An được vua nước ấy gả công chúa cho và được bổ làm Thái thú đất Nam Kha. Khi tỉnh dậy thấy nằm dưới gốc cây hòe bên cạnh có lỗ kiến lớn. Thuần Vu Phần suy nghĩ lấy làm chán, bèn bỏ đi tu tiên.

http://tieulun.hopto.org

Giấc hòe về sau được dùng để chỉ giấc mộng.

83. *Nguồn Đào:* tức Đào nguyên. Xem chú thích chữ *Vũ Lăng* câu 42.

84. *Động khẩu:* cửa động.
Động khẩu xuân thường trú: cảnh xuân ở cửa động không bao giờ hết tức là chỗ cảnh tiên.
Bồng Doanh: tên một hòn đảo ở trong biển Bột Hải gồm có Bồng Lai, Phương Trượng và Doanh Châu. Xung quanh ba đảo này có một biển nước bao bọc nhưng lại rất yếu không đỡ nổi một hột cải nên gọi là *Nước Nhược.*
Bồng Doanh hay *non Bồng* là nơi tiên ở.

86. *Dường chiều:* như có vẻ.

87. *Chòm:* chòm xóm, chỗ có đông người ở thành một xóm.
Sơn khê: (sơn: núi, *khê:* khe suối) khe núi có suối nước chảy.

88. *Thú dật:* thú của người đi ở ẩn.
Bụi trần: cũng như *bụi hồng,* bụi bặm, cõi trần.
T.K: *Gương trong chẳng chút bụi trần.*

89. *Hoa kính: (hoa:* bông hoa, *kính:* con đường hẹp) đường nhỏ hai bên có cây hoa nở.

91. *Kẽ lở:* cửa động do đá lở thành một kẽ lớn.
Thanh quang: trong sáng.

92. *Trang lão tùng: (trang:* hạng, bực) cây tùng đã vào hàng già lão.

93. *Nghinh Phong:* tên gác, có nghĩa gác ngồi hóng gió mát.

94. *Phạm cung: (phạm* cũng đọc là *phạn:* nết làm thanh tịnh). Phật giáo lấy thanh tịnh làm tôn chỉ cho nên sự gì có quan hệ đến Phật gọi là *phạm* như *phạm cung* là cái cung điện thờ Phật.
Bảo đài: (bảo: quí, *đài:* lâu đài) lâu đài quí giá, đài tiên ở.

96. *Tảo mai: (tảo:* sớm) mai nở sớm.

98. *Thưởng:* thưởng thức, cho là đẹp mà ngắm nghía.
Thưởng mai đình: cái đình ngồi ngắm mai nở đẹp.
Vàng tương: vàng thiếp.

V. Thiếu nữ đề thơ

Trong đình bốn báu sẵn sàng,
Cánh mây mới thảo, ngòi sương chửa rời.
Xông mai chợt động bóng người,
Vẻ lan vừa chán vội dời gót sen.
Rẽ ngang về mái tây hiên,
Cành dao khuất bóng, xiêm tiên lẫn màu.
Ít nhiều chùm quến chồi thâu.
Hương thừa còn phảng phất đâu trước đình.
Vẻ đâu ngọc chuốt giá thanh,
Bút thần đố vẽ nên tranh truyền thần.

http://tieulun.hopto.org

Giá sao báu Triệu, châu Tần,
Người sao trông dưới cõi trần chưa ai!
Thực âu sắc nước hương trời,
Chẳng dòng thần nữ cũng vời tiên cung.
Nguyên phong động tỏa trùng trùng,
Khách thơ thêm những mơ mòng hồn thơ.
Biết đâu nước đợi non chờ,
Chúa xuân sao bỗng hững hờ cho đang.
Bào tình lần thấm giọt sương,
Thẩn thơ ngọn khói cành sương một mình.
Lén kề vào trước côn đình,
Vách mai còn dán rành rành tiên mai:

Lứa ngọc cùng ai đó?
Trăng kia với khách này.
Một cành xuân đã sớm,
Mấy đóa tuyết nào bay.
Vẻ sạch mưa càng dãi.
Lòng thơm gió nỡ lay.
Bướm con đừng thóc mách,
Cho hái có nhường tay.

Bài thơ *Thưởng mai* nguyên vận

Khảo dị

105. Ít nhiều chùm *quẹn* chồi thâu,
107. Vẻ *sao* ngọc chuốt giá thanh,
113. Nguyên phong *đồng* tỏa trùng trùng,
117. Bào tình lần thấm giọt *Tương*,
118. *Thẫn thờ* ngọn khói cành sương một mình.
119. Lén *vào kề* trước côn đình,

Chú thích

99. *Bốn báu:* do chữ *tứ báo*, bốn vật quí giá của nhà Nho là giấy, bút, mực và nghiên mực.
100. *Cánh mây:* tờ giấy có vẽ mây cho đẹp.
Ngòi sương: ngòi bút.
101. *Xông mai:* băng qua khóm mai.
102. *Gót sen:* gót của người con gái đẹp. Đông Hôn Hầu yêu Phan Phi nên bảo lát hoa sen bằng vàng trong cung để mỗi khi nàng đi gót nàng như có một bông sen nở ra.
104. *Cành dao: (dao:* thứ ngọc đẹp) cành cây bằng ngọc, chỉ người đẹp.
Cành dao khuất bóng: người thiếu nữ xinh đẹp đi khuất mất bóng.

http://tieulun.hopto.org

Xiêm tiên lẫn màu: xiêm của người thiếu nữ xinh đẹp lẫn với màu sắc của cây cỏ cảnh vật chung quanh.

105. *Chùm quến chồi thâu: (quến:* vương lấy, dính vào, *thâu:* giữ lấy) ý nói chùm cây còn vương lấy, chồi cây còn giữ lấy hương thơm của người con gái. T.K: *Hương thừa còn hãy ra vào đâu đây.*

107. *Ngọc chuốt: (chuốt:* mài nhè nhẹ hoặc chùi đi chùi lại cho thật nhẵn, thật bóng) ngọc được mài cho thật bóng đẹp. Ca dao: *Ngọc kia chuốt mãi cũng tròn, Sắt kia mài mãi cũng còn nên kim.*

Giá kim: (thanh: rất trong) nước đóng thành băng trông trong suốt. *Ngọc chuốt giá thanh:* chỉ sự trong trắng cao quí của người con gái. *Người sao ngọc chuốt tuyết đông, vẻ sao giá chuốt gương trong hỡi người.* (H.T).

109. *Báu Triệu châu Tần:* ngọc nước Triệu, châu nước Tần, chỉ những vật rất quí giá.

111. *Sắc nước hương trời:* do chữ *quốc sắc thiên hương*, chỉ người con gái đẹp nổi tiếng trong cả nước.

112. *Thần nữ:* người con gái của thần tiên.

Tiên cung: chỉ người con gái ở trên cung tiên.

113. *Nguyên phong động tỏa:* nguồn bị phong kín, động bị tỏa kín. Ý nói người thiếu nữ xinh đẹp kia ở hẳn trong phòng kín không ra ngoài nữa.

T.K: *Tấc gang đồng tỏa nguyên phong.*

116. *Chúa xuân:* chủ mùa xuân. Người xưa thường tin mỗi mùa có một ông thần chủ trương việc mưa nắng. Mùa xuân thuộc về phương Đông nên lại có tên là *chúa đông* hoặc *đông quân.*

Chúa xuân có nghĩa bóng là mùa xuân hoặc người tình quân. Ở đây chỉ người thiếu nữ thì có gượng ép.

117. *Bào:* áo dài và tay rộng.

Giọt sương: giọt nước mắt, giọt lệ.

Thơ Nguyễn Khuyến: *Tuổi già giọt lệ như sương.*

T.Kz: *Giọt châu lã chã khôn cầm, cúi đầu chàng những gạt thầm giọt sương.* Các bản Nôm đều viết *giọt sương nhưng HXH đã sửa là giọt Tương* cho khỏi trùng vận.

119. *Côn đình:* tức Mai đình nơi có dán bài thơ.

120. *Vách mai:* bức vách. Chữ mai được đặt thêm cho đẹp lời.

Tiên mai: tờ giấy có vẽ hoa mai để viết thơ cho đẹp.

VI. Họa thơ thưởng mai

Tứ cao cách lạ tột vời,
Thoa quần hiếm nhỉ nảy tài Âu, Tô!
Nữ trung dễ mấy nầy ru!
Song mai kể mấy công phu tập rèn.
125 Câu thần, chữ thánh, người tiên,
Hay đâu là chẳng sẵn nguyền trăm năm.

1360

http://tieulun.hopto.org

Phím Hoàng đợi khách tri âm,
Nên treo cân Lệ, ai cầm giá Côn.
Nghĩ mình giong ruổi nước non,
Niềm kinh quốc, nỗi hương thôn bấy chầy.
Thốt chi bướm lũ ong bầy,
Đàn tao nào mấy đua tay cắm vè.
Dù chăng con Tạo khắt khe,
Thì chi cánh điệp còn mê vời tình.
Trót đà đến Mẫu Đơn đình,
Thơm chăng cũng bẻ một cành làm duyên.
Tục điêu gắng bộ vận tiên,
Liễu trì trước lá hoa tiên thế nào?
Ngòi dao vừa ráo luật Đào.
Với vần thơ trước xếp vào một phong:
Dao Trì in vẻ ngọc,
Đúc lại lá tiên này.
Nản gió hoa vừa náu,
Nài hương nguyệt muốn bay.
Chiếc đình còn phảng phất,
Cái bướm bỗng thày lay.
Chẳng những xuân kia chọn,
Thần tiên cũng chắp tay.

Bài thơ *Thưởng mai* họa vần

Người tiên dẫu cách mấy trùng,
Dấu tiên càng phó thi đồng chắt chiu.
Bỗng dưng trăng dật gió dìu,
Làm sao lui tới cho đeo đẳng này.
Cuộc mê càng mải miệt thay,
Dập dờn chiếc bóng, chay vay trót giờ.
Một đình, một khách, thẩn thơ,
Thôi thầm thì hỏi, lại mơ mẩn chào.

Khảo dị

122. *Quần thoa* hiếm nhỉ nảy tài Âu, Tô.
126. Hay đâu là chẳng sẵn nguyền trăm năm (Nôm).
135. Trót đà *tới* Mẫu đơn đình,
140. Với vần thơ trước *sắp* vào một phong.

http://tieulun.hopto.org

Chú thích

121. *Tứ:* ý thơ nảy trong khi cảm nhận ngắm xem cảnh vật.

122. *Thoa quần: (thoa:* cái trâm cài tóc, *quần:* cái quần) chỉ chung đàn bà con gái.
Âu, Tô: (Âu: Âu Dương Tu, *Tô:* Tô Đông Pha).
Âu Dương Tu, người đời Tống nổi tiếng về văn thơ.
Tô Đông Pha, người đời Tống nổi tiếng về thơ và họa.
Cả câu ý nói con gái mà nảy tài như Âu, Tô thì thật là hiếm có.

123. *Nữ trung:* trong hàng phụ nữ.

124. *Song mai:* cửa sổ phía ngoài sân có trồng cây mai hoặc chỉ là cửa sổ còn chữ *mai* được đặt thêm cho đẹp lời. Nghĩa bóng chỉ phòng học.
Công phu: (công: sự khó nhọc vất vả, *phu:* người làm việc vất vả) nói việc làm tốn kém nhiều công sức vất vả.

126. *Nguyền:* lời ước mong cho được như ý.
Trăm năm: chỉ sự thành duyên vợ chồng sống với nhau đến khi trăm tuổi.

127. *Phím Hoàng:* bản đàn *Phụng cầu hoàng*. Bản này nguyên của công chúa Lộng Ngọc, con vua Tần Mục Công, học với chồng là Tiêu Sử. Lúc nàng thổi khúc *Phụng cầu hoàng* thì có chim phụng bay xuống rồi nàng cưỡi phụng, chồng cưỡi rồng, hai người bay lên cõi tiên. Về sau Tư mã Tương Như cũng đàn bản *Phụng cầu hoàng* để quyến rũ Trác Văn Quân.
Tri âm: (tri: biết, *âm:* tiếng, tiếng đàn).
Do điển Chung Tử Kỳ nghe hiểu được tiếng đàn của Bá Nha nên hai người trở thành bạn tri âm tức là bạn thân hiểu được lòng nhau.

128. *Cân Lệ:* nói đến hạt châu ở sông Lệ (một chi nhánh của sông Trường Giang) cân nặng hơn hạt châu ở các nơi khác.
Giá Côn: nói đến giá của viên ngọc ở núi Côn (tức núi Côn Lôn) cao hơn giá viên ngọc ở các nơi khác. Cả câu ý nói đến việc kén chồng còn giữ cao giá.

129. *Giong ruổi:* (cũng viết *rong ruổi)* cưỡi ngựa đi trên quãng đường dài không nghỉ.
Đường giong ruổi lưng đeo cung tiễn (C.P.N).

130. *Kinh quốc: (kinh:* nghĩa đen là đường sợi dọc căng khi dệt vải, nghĩa bóng là sửa trị; *quốc:* nước) sửa trị việc nước.
Hương thôn: làng xóm, quê nhà.

131. *Thốt chi:* nói chi.
Bướm lũ ong bầy: bướm ong thường bay hút nhị hoa nên dùng ong bướm để ám chỉ sự lả lơi ve vãn của con trai. Thơ cổ: *Vườn xuân chi để bướm ong qua.* T.K: *Tường đông ong bướm đi về mặc ai.*

132. *Đàn tao:* tức *Tao đàn* là nơi hội họp của các tao nhân mặc khách.
Cắm vè: cắm dây cọc làm dấu, chỉ chỗ sâu cạn nghĩa bóng là chỉ đường dẫn lối tức làm chủ Tao đàn.

133. *Dù chăng:* ở câu này có thể hiểu là dù cho con tạo cho khắt khe chăng.
Con tạo: do câu *"Tạo hóa tiểu nhi"* của Đỗ Thẩm Ngôn, có ý nói Tạo hóa như trẻ con hay trêu người, không biết thế nào mà lượng được.

134. *Cánh điệp:* cánh bướm, chỉ giấc mộng (xem chú thích câu 41).
Mẫu Đơn đình: nơi Đỗ Lệ Nương nằm mộng thấy gặp Liễu Mộng Mai rồi lấy được nàng.

137. *Tục điêu: (tục:* nối, *điêu:* loài chồn đuôi dài). Bên Trung Quốc các ông ngự sử dùng đuôi con điêu làm chóp mũ. Cuối đời nhà Tấn số quan ngự sử quá nhiều,

http://tieulun.hopto.org

lại học thức kém nên có người nói đùa: "*Điêu bất túc, cẩu vĩ tục*" (nếu đuôi con điêu không đủ thì lấy đuôi chó nối thay vào).

Tục điêu: bắt chước theo một cách vụng về hoặc là lời nói nhún nhường khi họa lại thơ của T.K: *Hay hèn lẽ cũng nối điêu.*

Bộ vận: (bộ: theo, *vận:* vần) theo vần bài thơ của người *xướng* mà *họa* lại.

138. *Liễu trì: (trì:* ao) cây liễu ở bờ ao.

Hoa tiên: (tiên: tờ giấy) tờ giấy có vẽ hoa để viết thơ cho đẹp.

139. *Ngòi dao:* ngòi bút. Xưa kia khi người ta chưa chế ra bút viết phải dùng ngọn dao để khắc chữ lên mảnh tre.

Luật Đào: luật thơ của họ Đào, tức Đào Tiềm một danh sĩ đời Tấn.

140 *Dao trì: (dao:* ngọc dao, *trì:* ao) ao ngọc. Tên một cái ao bên phía trái cung điện của Tây Vương Mẫu trên dãy núi tiên (Côn Lôn).

Nghĩa bóng chỉ nơi tiên ở.

Náu: ẩn náu, nấp đi.

Thày lay: mua chuộc lấy việc không phải của mình. Ở đây mượn cảnh *con bướm bỗng thày lay* để tả việc khách tìm hoa không hẹn mà đến.

142. *Phó:* trao cho.

Thi đồng: (thi: thơ, *đồng:* cái ống bằng đồng) cái ống đựng thơ.

Chắt chiu: dành dụm từng tí và giữ gìn cẩn thận.

Tục ngữ: *Ít chắt chiu hơn nhiều phung phí.*

143. *Dật dìu:* qua lại nhiều lần.

Trăng dật gió dìu: ý nói cảnh hẹn hò yêu đương cứ qua lại hoài trong tâm trí.

144. *Đeo đẳng:* theo đuổi mãi, không dứt bỏ được.

146. *Chay vay:* chữ Nôm viết 支 韋 *chơi vơi.*

VII. Dạo bước tìm người

Hiên đâu kéo rẽ hoa đào,
Đánh liều cả quyết bước vào thử xem.
Thướt tha tơ liễu buông rèm,
Trà non uốn điệu, dương mềm khoe tươi.
Nhị xuân rước gió như cười,
Chòm thanh, khóm dật, khác vời chân du.
Có cây có đá xô bồ,
Có lầu túc điểu, có hồ du ngư.
Giữa trời một cuộc tiên cư,
Đình đài mấy tháp, đồ thư mấy từng.
Hoa say, hạc ngủ, mơ chừng,
Một rằng Bích động, hai rằng Thanh tiêu.
Một hiên Huy Phượng cheo leo,
Thấp đưa gió trúc, cao reo sóng tùng.

http://tieulun.hopto.org

Khảo dị

155. Có cây có đá *lô xô,*

157. *Trữa* trời một cuộc tiên cư,

158. Đình đài mấy *tóp*, đồ thư mấy từng.

Chú thích

149. *Kéo rẽ:* lấy tay kéo rẽ cành đào để mở lối vào.

152. *Điệu:* dáng điệu.
Dương: cây dương cùng một loài với cây liễu chỉ khác cành dương cứng và vênh lên còn cành liễu yếu và ru xuống.

154. *Chòm thanh khóm dật:* chòm cây cành lá đứng yên, khóm cây cành lá gió đưa phơ phất.
Chân du: (chân: có thực, *du:* đi chơi) cảnh có thật lúc đi chơi trông thấy ở trần gian.
Khác vời chân du: khác xa với cảnh thực đã thấy khi đi chơi ở trần gian.

155. *Xô bồ:* lẫn lộn, ý nói cỏ cây chen lẫn với đá lô xô.

156. *Túc điểu: (túc:* đậu, *điểu:* chim) chim đậu ngủ ban đêm.
Du ngư: cá bơi lội.

157. *Tiên cư:* chỗ tiên ở.

158. *Đình đài: (đình:* cái nhà nhỏ không có tường để ngồi bóng mát, *đài:* cái nhà làm cao có thể đứng trông xa được) chỉ chung lâu đài đình tạ.
Tháp: chòi cao.
Đồ thư: (đồ: bức địa đồ, tranh vẽ, *thư:* sách vở) chỉ chung chỗ thư phòng.

160. *Bích động:* động biếc.
Thanh tiêu: (tiêu: mây xanh) trời xanh.
Bích động và *thanh tiêu* là chỉ cảnh tiên.

161. *Huy Phượng:* tên của cái hiên, có nghĩa là cái hiên ở đó có thể vẫy được chim phượng xuống.

162. *Sóng tùng:* gió thổi vào lá tùng reo lên từng đợt như tiếng sóng rì rào.

VIII. Trao thư cho hoàn

Tiểu hoàn lẩn bóng hiên trung,
Vén cành gấm, hái hoa hồng trước lang.
Bóng người chợt thấy dung quang,
Lanh chanh bước tới sỗ sàng hỏi ngay:
"Người đâu quan khách đâu đây!
Lạ lùng xông xáo chốn này là sao!"
Nhủ rằng: "Chớ đổ nhau nao,
Qua đình Mai, thấy thơ nào bỏ rơi.
Tài này Lý Đỗ một hai,

http://tieulun.hopto.org

Xuân in cảo liễu, tuyết tươi nét tùng.
Lời đâu thần khế, đạo đồng,
Hạnh đường bao ná, nhủ cùng được hay!"
Hoàn rằng: "Mơ mẩn ngán thay!"
Vội vàng giật lấy tiên mây trở vào.
Tuyệt mù nào thấy đâu nào,
Cành bay cánh điệp, hoa rào lối thơm.
Mảnh riêng càng nát như tương,
Càng ngơ ngẩn bóng, càng năn nỉ tình.
Chắc chi con trẻ đành hanh,
Tin sương có lọt trước mành cho chăng.
Tấc gang cách mấy mươi tầng,
Không dưng hầu dễ gió Đằng cợt ai.
Chớ rằng lá thắm duềnh khơi,
Một thơ kéo được tơ trời mà hay!
Kiếp xưa cũng thế nào đây,
Họa hoằn chăng chẳng là tay vuông tròn.
Mảnh tiên tạc lấy sắt son,
Tấc lòng đem hỏi, nước non mạn bàn.

Khảo dị

164. Vén cành *biếc*, hái hoa hồng trước lang.
178. Cành bay *phấn* điệp, hoa *xào cánh* thơm.
180. Càng ngơ ngẩn bóng, càng *nâm* nỉ tình.
185. Chớ rằng lá thắm *giòng* khơi.
190. Tấc lòng đem hỏi, nước non *mượn* bàn.

Chú thích

163. *Tiểu hoàn: (hoàn:* con hầu) con hầu còn nhỏ tuổi.
Xem hoàn đổ lá, giục đòi hái hoa (N.Đ.M)
Hiên trung: cái hiên nhà, phía bên trong hiên.
164. *Lang:* cái chái nhà, hàng hiên, hành lang.
165. *Dung quang:* dung mạo sáng sủa, vẻ mặt đẹp đẽ.
166. *Sỗ sàng:* không biết giữ gìn lễ phép.
168. *Xông xáo:* trơ tráo, bạ đâu cũng vào.
Thái độ này cũng là tất nhiên thôi vì nếu không sẽ lỡ mất dịp may. Ở truyện *Hoa tiên nguyên tác,* Nguyễn Huy Tự cũng đã tả Lương sinh "sỗ sàng", "xông xáo" như vậy:
– Khi gặp Dao Tiên ở trong vườn nhà họ Diêu đương đánh cờ chàng đã:
"Cả liều đảm sắc vào ngay trước bàn".
– Khi gặp lại ở vườn hoa nhà Dương công chàng đã:
Chặn ngang sinh đã trước kề,
Cật chừng giữ đất, rụt rè ghé xiên.

http://tieulun.hopto.org

– Khi gặp lại ở vườn Hàn nhà họ Tiền chàng đã:

Vin theo cành đỡ quyết xông qua tường.

Viết như vậy mới đúng tâm lý của chàng trai bị xa cách với người yêu bây giờ tình cờ mới gặp lại. Thế mà ở đoạn này Nguyễn Thiện khi nhuận sắc đã mượn mấy câu Kiều để thay vào cốt sao cho Lương sinh giữ thái độ nho nhã, đường hoàng:

Dạo quanh núi giả đi vòng,
Bên hoa dường có nẻo thông cuối tường.
Hài văn lần bước bước sang,
Cách tường đã dặng tiếng vàng xa đưa.

Thật là giả tạo! Không còn đúng tâm lý nữa! Phải nói là Nguyễn Thiện đã làm hỏng mấy câu thơ của Nguyễn Huy Tự chỉ vì muốn giữ "vẻ đạo đức" cho Lương sinh.

169. *Đổ:* đổ tội, gán cho tội đã làm điều bất chính.

171. *Lý Đỗ: (Lý:* Lý Thái Bạch, *Đỗ:* Đỗ Phủ) hai nhà thơ nổi tiếng nhất đời Đường.

172. *Cảo:* vẻ.

Cả câu 172 nói văn hay như vẻ liễu về mùa xuân, tươi như nét tùng in trên tuyết về mùa đông.

173. *Thần khế: (thần:* tinh thần, *khế:* hợp nhau) tâm tình hợp với nhau.

Đạo đồng: (đạo: đường đi, lẽ; *đồng*: cùng) cùng một lý tưởng, cùng theo một đường lối.

174. *Hạnh đường: (hạnh:* cây hạnh, chỉ người phụ nữ cao quí, *đường:* nhà) nhà ở của nữ chủ nhân.

176. *Tiên mây:* tờ giấy có vẽ mây. Cũng như tiên hoa. *Mây* và *hoa* là những chữ dùng cho đẹp lời.

178. *Cánh điệp:* cánh bướm tức con bướm.

182. *Tin sương:* do chữ *sương tín,* chim nhạn ở phương Bắc mỗi khi bay đến phương Nam thì người ta biết sắp có sương mù.

Tin sương nghĩa bóng là tin tức.

184. *Gió Đằng:* gió thuận chiều thổi cho thuyền đến được gác Đằng; ý nói vận mau mắn. Xem chú thích câu 44.

185. *Lá thắm duềnh khơi:* lá thắm làm mối giỏi.

Đời Đường Hy Tông có người tên là Vu Hựu nhặt được chiếc lá đỏ từ dòng ngự câu trong cung vua trôi ra, trên lá có đề bài thơ. Vu Hựu bèn đề một bài thơ đáp lại vào lá rồi thả ở phía thượng lưu dòng ngự câu. Người cung nhân kia bắt được. Sau vua thải cung nữ, Hàn thị lấy Vu Hựu. Khi kể chuyện, hai người nhắc tới cái lá đỏ, đem ra cho nhau xem thì mới biết lá thắm là mối giỏi. *(Phương tri hồng diệp thị lương môi).*

188. *Họa hoằn:* rất hiếm, ít khi có.

Tay vuông tròn: chỉ ông trời, tay tạo hóa.

189. *Mảnh tiên: (tiên:* tờ giấy) mảnh giấy.

Sắt son: ý nói thủy chung, tình nghĩa không bao giờ phai nhạt (lúc nào cũng bền như sắt, đỏ như son).

http://tieulun.hopto.org

IX. Mời vào hầu chuyện

Bàn mê những thẹn tin nhàn,
Nhởn nhơ sực thấy bóng hoàn tận nơi.
Tăn măn nói nói cười cười,
Rằng vâng nghiêm lệnh rước người về sanh.
Cảnh tình một bước một thanh,
Dắt chừng thư các, dạo quanh trì đường.
Ngoài sanh giá lục xây vàng,
Bình đan xuân vẽ, đài gương bóng lồng.
Trong sanh mở cánh phù dung,
Mắt trần luống những lạnh lùng vẻ Ngận.
Ỷ trên thấy một phu nhân,
Bước vào tự lễ phân tân trước tòa.
Dạy rằng: "Quê phúc gần xa?
Ấy ai thóc mách nên mà biết đây?"
Dứt lời rén rén thưa bày:
"Khi xưa dòng dõi, khi nay phong trần.
Mảng vui nước trí non nhân,
Đăng lâm trót hẹn với xuân một lời.
Cho nên liều nẻo lạc vời,
Phúc Giang, Phượng Lĩnh là nơi quê nhà.
Thày lay vâng chịu trót đà,
May nào lượng bể bao la muôn nhờ."

Khảo dị

191. Bàn mê những *ngóng* tin nhàn,
196. *Tắt* chừng thư các, dạo quanh trì đường.

Chú thích

191. *Bàn mê:* bồi hồi.
Tin nhàn: tin nhạn.
192. *Bóng hoàn:* bóng con hầu.
193. *Tăn măn:* mằn mò, làm chuyện thắc mắc (H.T.C).
194. *Nghiêm lệnh:* lệnh của bề trên nghiêm bảo.
Sanh: toà nhà chính, nhà lớn để tiếp khách.
196. *Thư các:* gác để sách.
Trì đường (trì: ao, *đường:* bờ ao) bờ ao.
197. *Giá lục:* giàn cây leo lá màu xanh.
198. *Bình đan: (bình:* bình phong, *đan:* màu đỏ) bức bình phong màu đỏ.
Đài gương: cái giá để tấm gương, tấm gương.

http://tieulun.hopto.org

199. *Phù dung:* có hai loại: loại mọc ở dưới nước gọi là *thảo phù dung* tức là một thứ hoa sen; loại mọc ở trên đất gọi là *mộc phù dung* tức mộc liên. Cây phù dung cao chừng hơn một thước, lá to, hoa trắng hoặc hồng đậm nở về mùa thu và mùa đông.
Cánh phù dung: cánh cửa có vẽ hình hoa phù dung.

200. *Vẻ Ngân:* vẻ đẹp như trên cõi tiên.

201. *Ỷ trên:* trên ghế ngồi.
Phu nhân: tiếng gọi tôn xưng người đàn bà sang trọng.

202. *Tự lễ phân tân: (tự:* bày, thứ bậc, *tân:* khách) bày đặt ra lễ nghi phân chia chủ khách để tiếp đón.

203. *Quê phúc:* quê quán.

206. *Dòng dõi:* con nhà danh tiếng đời đời có người dậu đạt và làm quan.
Phong trần: *(phong:* gió, *trần:* bụi) gió thổi bụi bay mà người đi đường thường gặp phải. Nói cảnh vất vả lúc đi đường, sau được dùng để chỉ cảnh loạn lạc hoặc tình cảnh gian nan về cuộc sống gặp nhiều khó khăn.

207. *Nước trí non nhân:* do câu *Nhân giả nhạo sơn, trí giả nhạo thủy* trong *Luận ngữ* (người có lòng nhân ưa thích dạo chơi núi, người có trí tuệ ưa thích dạo chơi sông). Thơ cổ: *Thú này nhân trí đủ trăm chiều.* (Vịnh chùa Tuyết).
Nghĩa rộng chỉ phong cảnh nước non.

208. *Đăng lâm:* đi chơi trên núi. Chữ 林 *lâm là rừng.*

209. *Liều néo:* băng lối đi liều.

210. *Phúc Giang:* tên con sông chảy qua xã Lai Thạch.
Phượng Lĩnh: tên núi ở gần làng Trường Lưu, còn có tên là *Nhạc Sạc.*

X. Khuyên lập công danh

Nghe thôi lẳng lặng trót giờ,
Ngọc khoan khoan mới xa đưa dịu dàng:
Rằng: "Gia quân với nghiêm đường,
Chữ luân xưa cũng mối giường một hai.
Điện Thương cùng nếm vạc mai,
Cũng trong Y Phó, cũng ngoài Tôn Ngô.
Nấy sương vẹn bước vân cù,
Dẫn nhàn riêng chiếm thú hồ sơn đây.
Cơ trời dâu bể vần xây,
Trần Kiều biết mặt Chu này là ai.
Lửa binh rấp thủa chông gai,
Áo xiêm đổi thói, cân đai đau lòng.
Nặng nguyền hưu thích dữ đồng,
Theo chầu liệt thánh năm vòng mười dư.
Bận bùng còn chút ngây thơ,

http://tieulun.hopto.org

Điền viên quen lấy cầm thư đỡ phiền.
Dù chăng cảnh bụt làng tiên,
Với trần nghĩ đã khơi miền nước mây.
Tiền nhân túc trái sao đây,
Không dưng ngươi biết chốn này là đâu.
Mới rồi vừa dạo thư lâu,
Nhẹ nhàng vừa thấy con hầu nói qua.
Khách nào lả lướt yên hà,
Một mình thơ thẩn dò la hạnh đường.
Lại đưa hai bức thi chương,
Khác chiều nên bảo đón chàng vào chơi...
Lời quê trẻ nó dông dài,
Thêm hoa may lại gặp tài văn nhân.
Xem trong xướng họa mấy vần,
Lấy mai mà vẽ lòng xuân cần quyền.
Hay đâu là nợ là duyên,
Là thân trước trẻ, là nguyền xưa ngươi.
Khen cho cẩm tú sắc tài,
Lạ cho con Tạo lựa người ghê thay!
Kiếp trần dây dướng dường này,
Lửa hương thì đợi đến tay anh hùng.
Ấy nhân duyên, ấy tao phùng,
Dẫu đâu sắc sắc không không, nghĩ gì.
Lọ là nhạn cá đi về,
Lứa đôi chăng lại một kỳ tái lai.
Nền Thi Lễ gắng dùi mài,
Tiếng *Khôi* đừng hẹn với *Mai* mới hào!
Duyên lành hẳn đợi giá cao,
Đất bằng sấm đã, thơ đào lại ca.
Xe duyên đành có trăng già,
Mặc dù nhân quả chớ ra quan hoài.
Hồn mai còn nhớ Đình Mai,
Nước non hẳn chẳng lạ người quen đâu.
Còn non còn nước còn lâu,
Còn câu thơ ấy là câu sấm rồi."

http://tieulun.hopto.org

Khảo dị

215. Rằng: Gia *tiên* với nghiêm đường, (Nôm).

233. Mới rồi *dạo tới* thư lâu,

248. Lửa hương *chờ* đợi đến tay anh hùng.

260. *Cảnh quen* hẳn chẳng lạ người quen đâu.

Chú thích

214. *Ngọc:* tiếng nói trong như ngọc.

T.K: *Hoa cười ngọc nói đoan trang.*

215. *Gia quân:* bản HXH chép là *gia quân.*

Nghiêm đường: (nghiêm: có uy khiến người khác phải kính sợ, *đường:* nhà) chỉ người cha như *nghiêm phụ, nghiêm quân.*

216. *Luân:* thường, tức cái đạo thường người ta phải noi theo *(luân lý, luân thường).*

Mối giường: cũng như giềng mối là những nguyên tắc về luân lý mà mọi người phải theo.

217. *Điện Thương: (điện:* cung điện nhà vua, *Thương:* tên một triều đại trong cổ sử Trung Quốc, trước Công nguyên) đây chỉ triều đình nhà Hậu Lê.

Vạc mai: vạc nấu canh. *Kinh Thư* có câu: *"Nhược tác hòa canh, như vi diêm mai"* (Nếu cần nêm món canh thì ngươi làm mơ muối) ý nói đến tài điều hòa việc nước.

218. *Y Phó: (Y:* Y Doãn, *Phó:* Phó Duyệt) hai người bề tôi giỏi.

Ông Y đi ẩn ba lần mời mới chịu ra giúp cho dựng nên cơ nghiệp nhà Thương.

Ông Phó ẩn cư ở đất Phó Nham làm nghề thợ nề sau được vua Cao Tông mời ra giúp trung hưng nhà Thương.

Tôn Ngô: (Tôn: Tôn Tẫn, *Ngô:* Ngô Khởi) hai người tướng giỏi có tài mưu lược.

Ông Tôn, người nước Tề thời Xuân Thu, giỏi binh pháp, đã giúp cho Tề Hầu đánh thắng được nước Nguỵ và giết được Bàng Quyên, kẻ đã hại mình.

Ông Ngô là người nước Vệ, đời Đông Châu, là người có tài nhưng bất hiếu với mẹ và tàn ác với vợ cũng là một tướng giỏi, trước theo Lỗ Hầu sau bỏ về giúp Sở và chết theo vua Sở.

Cả câu ý nói tác giả cũng là dòng dõi con nhà tướng,

219. *Nấy sương:* ngần ấy mùa sương tức ngần ấy năm rồi.

Vân cù: (vân: mây, *cù:* con đường đi suốt bốn mặt) đường mây, con đường công danh khoa cử.

220. *Dẫn nhàn:* đưa tới cảnh nhàn, về nghỉ dưỡng nhàn.

Hồ sơn: (hồ: cái hồ nước, *sơn:* núi) chỉ cảnh nước non, sơn thủy hữu tình.

221. *Dâu bể:* do chữ *tang điền thương hải* (ruộng dâu hóa ra biển xanh) nói những sự biến đổi ở đời.

222. *Trần Kiều:* tên đất, ở phía Đông Bắc huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam (Trung Quốc), nơi Triệu Khuông Dẫn được làm vua tức Tống Thái Tổ.

Chu: tức Chu Công Đế bị Khuông Dẫn phế bỏ mà tự xưng làm vua ở Trần Kiều.

223. *Rấp:* vận rủi, không may.

http://tieulun.hopto.org

224. *Cân đai:* (*cân:* khăn chít đầu, *đai:* cái đai lưng) nói chung về phẩm phục của các quan thời xưa.

225. *Hưu thích dữ đồng:* (*hưu:* vui, *thích:* lo) cùng chung nỗi vui mừng và nỗi lo âu với nhau.

226. *Liệt thánh:* các vua đời trước.

227. *Bận bùng:* bận bịu.

228. *Điền viên:* (*điền:* ruộng, *viên:* vườn) về nghỉ dưỡng già vui với ruộng vườn ở quê nhà.

Cầm thư: (*cầm:* đàn, *thư:* sách) nói về sự vui thú với đàn với sách cho đỡ phiền.

230. *Khơi:* xa.

231. *Tiền nhân:* (*tiền:* trước, *nhân:* cớ, gốc để sinh ra hậu quả) cái duyên từ kiếp trước.

Túc trái: (*túc:* ngày trước, *trái:* nợ) món nợ từ kiếp trước. Ác nghiệp làm từ đời trước mà chưa chuộc được *khổ quả*, đời này mới thấy hiện ra *báo ứng*.

Ở đây ý nói có duyên nợ vợ chồng với nhau từ kiếp trước.

233. *Thư lâu:* lầu đọc sách.

235. *Yên hà:* mây và khói, chỗ sơn lâm vắng vẻ, chỗ ở ẩn, đây chỉ cảnh tiên.

236. *Hạnh đường:* xem chú thích câu 174.

237. *Thi chương:* (*thi:* thơ, *chương:* bài văn) bài thơ, ý nói đến hai bài thơ xướng họa vịnh mai.

238. *Khác chiều:* khác thường có vẻ khác với mọi người.

241. *Xướng họa:* nói về làm thơ đối đáp giữa hai người hay nhiều người, một người viết ra trước gọi là *xướng*, người theo vần bài trước viết đáp lại gọi là *họa*.

242. *Cần quyền:* (*cần:* ân cần, *quyền:* lòng thành thiết) ân cần và thành thiết (gắn bó).

244. *Trẻ:* chỉ người con gái đề thơ, con của phu nhân.

Ngươi: chỉ tác giả.

245. *Cẩm tú sắc tài:* (*cẩm:* gấm, *tú:* thêu) sắc tài đều tốt đẹp như gấm dệt hoa thêu, ý nói nàng có sắc, chàng có tài, hai bên thật xứng đôi.

248. *Lửa hương:* do chữ *tam sinh hương hỏa*.

Tích ông Tình lang nằm chiêm bao đi chơi núi Bồng, thấy một ông sư thắp hương tụng niệm. Tình lang hỏi thì nhà sư đáp: "*Lúc tôi khấn nguyện nén hương này vẫn cháy, mà nay tôi đã chuyển sinh ba kiếp người rồi.*" Thường dùng để nói duyên vợ chồng.

Anh hùng: (*anh:* vua loài hoa, *hùng:* vua loài thú) chỉ người hiền tài làm được những việc to tát hơn người.

249. *Nhân duyên:* duyên vợ chồng.

Tao phùng: (*tao:* thình lình mà gặp, *phùng:* gặp) như *tao ngộ*, tình cờ mà gặp nhau, có duyên mà gặp nhau.

250. *Sắc sắc không không:* (*sắc:* sắc tướng. Nhà Phật cho hết thảy cái gì có hình, có tướng đều gọi là sắc; *không:* đạo Phật vượt qua cả sắc tướng ý thức là đạo chân thực nên gọi là *không môn*. *Không* còn tả cái ý để lỏng như vẫn thiếu thốn, không tự cho là đầy đủ. Theo nghĩa nhà Phật cái không cũng là không có gì hết). Chỉ tính chất vừa thực vừa hư của sự vật như câu nói: "*Sắc tức thị không, không tức thị sắc*".

http://tieulun.hopto.org

251. *Nhạn cá:* nghĩa bóng là tin tức.

Do điển: *Tin nhạn:* ông Tô Vũ buộc thư vào chân chim nhạn.

Tin cá: ông Trần Thắng bỏ thư vào bụng con cá để thông tin.

Vì thế đời sau thường dùng hai điển ấy để chỉ tin tức.

252. *Tái lại:* lại gặp lại lần nữa.

253. *Nền Thi Lễ: (Thi:* Kinh Thi, *Lễ:* Kinh Lễ) ý nói nền nếp Nho gia đời đời có theo đòi kinh sử.

254. *Khôi... Mai:* chữ *Khôi* là nhắc đến việc hãy thi đỗ đầu bảng (khôi nguyên) để xứng đáng với *Mai* (hoa mai, thứ hoa đứng đầu trăm hoa) là người thiếu nữ đề thơ ở Mai Đình.

256. *Đất bằng sấm đã:* ý nói hãy học hành thi đậu cho danh tiếng nổi vang dậy đã.

Thơ đào: tức bài thơ *Đào yêu* trong *Kinh Thi:*

Đào chi yêu yêu, chước chước kỳ hoa,
Chi tử vu qui, nghi kỳ thất gia.

(Cây đào tơ xanh tươi, hoa nhiều chi chít. Nàng đi lấy chồng thì chắc êm ấm gia đình).

Thơ đào lại ca: ý nói thi đỗ rồi sẽ làm lễ thành hôn cũng chưa muộn.

257. *Trăng già:* tức *Nguyệt lão.* Điển: Vi Cố (đời Đường) gặp một ông già ngồi xem sách dưới ánh trăng tay có cầm túi chỉ đỏ. Vi Cố hỏi, ông lão nói: sách này ghi tên những người sẽ thành vợ chồng với nhau và dây chỉ đỏ là để buộc chân họ với nhau.

Do điển này mà các chữ *Nguyệt lão, chỉ hồng* được dùng để chỉ sự làm mối, kết duyên vợ chồng.

258. *Nhân quả:* cái nhân thuở trước sinh ra cái quả báo ngày nay, là cái thuyết về sự báo ứng của thiện ác. *"Chuốc quả là nhân, thu được là quả."*

Quan hoài: (quan: có dính dấp đến, *hoài:* ôm lấy, nhớ trong lòng) bận tâm, trong lòng luôn luôn nghĩ ngợi đến.

XI. Tỉnh dậy tay không

Đương khi từ tạ khúc nhôi,
Giang thôn đâu động tiếng còi mục nhi.
Trong thuyền sực tỉnh đòi khi,
Tấc riêng dồn dã khôn suy tin ngờ.
Nào đình nào khách nào thơ,
Bấy giờ hồ điệp, bấy giờ Trang sinh.
Cũng trong hai chữ chung tình,

265

http://tieulun.hopto.org

Sao người thường bấy, mà mình quái thay!
Tài tình xem lại xưa nay,
Kiếp người may với chẳng may cũng nhiều.
Cuộc đời mây nổi nước triều,
Tình bao nhiêu, nợ bấy nhiêu, hay gì.
Lấy điều mộng ảo mà suy,
Một thì là giác, hai thì là mê.
Mê chăng một lúc đi về,
Giác thì duyên ấy còn ghê sau này.
Thấy đây còn biết từ đây,
Bao giờ sao nữa lại hay bấy giờ.
Hoàn thiên tẩu bút một thơ,
Quê đâu chữa đó là nhờ tao nhân.

Khảo dị

268. Bấy giờ hồ điệp, *bây* giờ Trang sinh.

Chú thích

263. *Từ tạ: (từ:* cáo từ, *tạ:* cảm ơn) cảm tạ và từ biệt. Lời mình đáp tạ để ra về.

Khúc nhôi: nỗi niềm ở trong lòng.

264. *Giang thôn:* xóm làng ở ven hai bờ sông.

Mục nhi: trẻ chăn trâu, cũng như mục đồng *(đồng:* trẻ nhỏ).

268. *Hồ điệp:* con bươm bướm.

Trang sinh: sách *Trang Tử,* thiên *Tề vật luận* nói rằng ngày xưa có lần Trang Chu chiêm bao thấy mình hóa làm bươm bướm, khi tỉnh dậy lấy làm ngờ không biết mình là bướm hay là Trang Chu.

269. *Chung tình: (chung:* un đúc lại) ái tình rất mật thiết như chung đúc lại vào một người nào.

275. *Mộng ảo:* điều mơ mộng vẩn vơ không có thực.

276. *Giác:* tiếng Phạn là *bodhi* (bồ đề), cách dịch cũ là *đạo,* cách dịch mới là *giác. Giác* thường hiểu là *giác ngộ* như người ngủ vừa thức dậy, nhận biết các chướng ngại che lấp trí tuệ. Đức Phật lấy *giác ngộ* làm tôn chỉ nên ví với biển cả *(giác hải)* là để nói về mức độ sâu rộng bao la của đạo Phật.

Mê: tối tăm trong việc phân biệt sự và lý. Chúng sinh bị phiền não trói buộc mà lưu chuyển trong ba cõi là *mê giới.*

Mấy câu này ý nói chẳng nên phiền não làm gì khi đã hiểu đó chỉ là giấc mộng.

http://tieulun.hopto.org

281. *Hoàn thiên:* viết xong bài ký.

Tẩu bút: (tẩu: chạy mau) viết mau.

282. *Quê:* mộc mạc chất phác, không được bóng bẩy chái chuốt.

Câu kết này với chữ *quê* và câu mở đầu bài ký với chữ *trăm năm* cho ta thấy có thể Nguyễn Huy Hổ hoặc người sao chép sau này đã phóng theo *Truyện Kiều* mà sửa lại.

Tao nhân: do chữ *tao nhân mặc khách* là người tao nhã, khách bút nghiên, nghĩa rộng là bậc có học thức rộng và nhã nhặn.

http://tieulun.hopto.org

梅亭雙記

序

余聞之。有大覺者。方有此大愛。微哉言乎。微哉言乎。夫大而天地之終始。小而人物之生死。遠而古今之世變。愛之覺也。大如是則所謂愛幻者。塵芥者。逆旅者。倚伏

http://tieulun.hopto.org

者斯人也。可共言愛也已矣梅亭記愛也。
愛之小者也。小小愛必有小小覺。余嘗謂衆人
受也。噫。庸詎知吾之所謂非愛耶。此梅亭之
庸詎知吾之所謂非愛者為愛耶。此梅亭之
記所以作也。
己巳春。人日後。余有南塘之遊。
慶吾兄鐘山學舍成也。途沮以雨。旅于浮石
庸之誼着。着為之命舟焉。日晡。泝流而
上。清風徐來。太空無雲。明月在天。令童子

http://tieulun.hopto.org

擎酒相囑。春山之晚暖。春水之
色之宜人。惟知夫春遊之樂。為可醉。曾不覺
夫醉而有翻翻然之睡。睡而有翻翻然逐逐
然之愛者耶。其來也若無。其去也若虛。點其
風來疎竹。雁渡寒潭。同是一般句。無限理趣。梅
亭之娘子神思飄然。書閣之夫人詞氣凜
然。若乃艷如桃李。堅如松桕。濃如醇醪。淡
如霜雪。千態萬狀。非筆札所能盡。畫余亦

http://tieulun.hopto.org

不覺其神怡之若斯。吁嗟乎。方其浮白觀
燈辰。初不知其有水月之迴之辰又焉知其有
梅亭之興。其愛也耶。其非愛也耶。惟大覺者
其正諸。

http://tieulun.hopto.org

聂辋罗轫於芫。铵麈尼色仝得聂辋。
局。浮生。固。包。森。女。渴。暇。泊。磨。眛。
缘除遇會功名。罹红具义鐘情罹邑。
调罹虐丐得些。杕棣铵蒂埃戈员曾。
情缘堪敫概平。蹄哏良缘障蹄哏良情疔。
傳碧群固於之。脂清愜戰悶範改龄。
朱眙哏稼固情。占包杏橘酝更杏杏。
牧碧辋已脩寅。赏吞皴拔宁甸驗胺。
勝迸便塌觀燈。鼙為嶽柳永澄點花。

http://tieulun.hopto.org

華

江上現象

歪歌春染華服。杆湄泥雪陣霞捲遠
鴣猘敲虎蘿核麥東免貸覓驗歎膦蹉。
炤兜温尚融簫。欺逢香廣動。
殘墟立路帥洞。如聚花拥妬撞詞娥。
城。墟。殘塔。煙。霞。嶺。蜂端。
殿墟燒踊熄香。彼膝功罌鏡湘廣舲。
各蹺院諾漏漏。邏抹隻稱遡遡蹤。
觸詞埃徙梗梅。漸遠埃捻沒靡流望。
繁花盛帝城。尼浮石庸羅名歷朝。

等生十六紀

http://tieulun.hopto.org

趣風流拱北辰。烟炊鬟素炉焼塔塵。
湊淮硬介磋運。燈曜雙姮具春易帝。
訂厲翅蝶蘿棯。趁術巫寃器包武陵。
沒歪花古導肢肢。麻慢湄楚邊勝塊低。
朝春噚戦為浩。此貼得醒得醒得醪賈羅。
砲綿放聘噇柔。蘭檫榻溫羅帶舟。
邉春粹翅帆緑。韶光旭逐雲煙没潮。
波情珥檣猥槐。頭枚蟄問漫潮営逸
請台鼫酯襫詩。院琴遣興落棋解迷。

http://tieulun.hopto.org

春宵聚

惆懷徒溺花溪。貝得美僥屏為敗情
風光縹帽稍損憐。屏嚴漫漫渺荊溢別蘇。
波南柳咱播猥渡。惱遠遠浦翅孤鴉寒沙
岸東。燼客落霞深湄古樹。嗜鵝孤村。
跡駒坡邊珥臨邊樓此贈黃昏留帝。
丕西膝鶴嶺巢塘蔡客寓落包春卻
敲貼恰波邊丕。沒春別余近尼燈燿。
隊尼典牧漁樵。并散余聆箋朝妍萌。
請台邊沫腰清。帝潭梅瀨鬼崇磷溪。

海耳下三記

http://tieulun.hopto.org

酬中得愛嗒悒樑杞賈枇。溢銀膝鬼色事品頭。
奈眷嘯戰仍犒毛速。想緣奇遇吟句濁店。
尼尼桂棹蘭槳。市都未。壁之讓東坡。
醺酏隊趣鄭羅。江城缶。嘂衆喈鶸鄭罟、
戚槐怗怗各慊。融慊儻。像儕覓情期罟痾。
想聆落瀛衆稓。欸晏洞昂欸包逢瀛。
隊番鴟蘿花梗。義朝速連如情嘆咦。
余笘連瀛山溪。洞垠趣逸壁雯培塵。
瀛舷花迎各各。景儳楨底秬神鞗托。

http://tieulun.hopto.org

玩景坡
靴丞啦名清光。褐鬚瞻仝張老松。
蒂松固關迎風。隔澄仍貸梵宮廖堂。
氷澄踏跋細尼。墻黏府格早梅迭城。
扁塊湟鏊仃仃。題巳敦賞梅亭鐘湘。
鈾亭翠廖座床。翅遠買討穩親(寄)諸柒。
衡梅秩動膊得。騷蘭被噪倍移蹈蓮。
杞昂粥厲西軒。梗瑤屈膊褲仙杏羊。
砂鼈蓀眷羔榆。杳乘辭彷徘兜鼈寺。
屎塊玉淳雹遺清。筆神妬屧皺悴傳神。
海寧姜記

http://tieulun.hopto.org

梅亭看詩

價啣寶趙珠秦得啣瞻電埃塵諸埃
寢歐色諾香吞極洞神女拱為仙宮
源封尚錄童重容詩添仍慚朦塊詩
別坳諾待嫩徐主春啣棒頃
袍情衣淡笑霜知書院燒梗
躔棋幻罷崑序壁梅群演伶送梅
倨玉穷埃妬
沒梗春色歟
鬆涎猶殊將

腹箕具容尼
介點雪希飄

憲賓遏女挾

http://tieulun.hopto.org

虼猥停嘵覓

朱拱圃揉稐

右賞梅元韻

恩高格遇捋滿。叙裾邀瑯扙才酌蘇！
女中易尒尼咱。憑梅討尒恩！
句神敦聖得仙。能兜羅極產薤聂。
迍凰待客知音。城撩并麗！
拚鈴跻蹤笞嫩。念宗國改
麗之虼屡蝓僠。壇駩帶尒
浩庄猥造吃唉。辰之翅蝶
群迷貝情。

特享賓記

http://tieulun.hopto.org

柏亭和韻

幸陀興牡丹亭。荟左拱披沒梗。
續貂強步顏仙。柳池攜蘿羞
幼蛟放燥律陶。貝韻詩懷揮
瑤池邸緲王。鶴吏蘿幾尼。
艘遍花放蓑。余喬月色飢沒封。
雙亭群彷徨。丐蛇倖咪咪。
極仍春集嗾。神仙拱執手。

右賞梅次韻

得仙嗝隔今重。蹁仙強付詩筒賀招。

http://tieulun.hopto.org

醒

仙舘連臨

俸仍牧屬逸迢。必鞠躇細珠扣蹄尼。
司迷強瘦幾咍。炤爐戛傳支韋荼。
沒亭汲客翅書。催挽辰嗨更麻嗷嘲。
軒蜆橋杞花梔。打料奇決此色此貼。
捷他綠柳花簷。恭嫩攪調楊樓誇鮮。
式春連屬遞如嗛。笞清飲遞恪為眞造。
回核固移莒莆固樓宿鳥固湖游魚。
鈡荃沒司仙居。亭基介塔圖書介層。
花曜鸛盱慵澄。沒喨碧洞台喨青雷。

終亭愛記

http://tieulun.hopto.org

客舍同參小鑿文各勝軒中。拔梗錦梅花紅鼈廊。
沒軒揮鳳跗蹠。溫逸遶竹高潦深松。
勝得秩儁落光。吟糅跐細曛咻嗨踵。
得塊官客塊低。遇逞衡操准尼羅俐。
亂喤籉牡麓。戈亭梅儁見詩帚捕抹。
才尼李杜沒江。春邱橋柳雪鮮湟松。
塋塊神契道同。杏堂包那亂宵特能。
鑿瓶麻嗷喀。倍鑌秩祕錢遲阻色。
絕哉帝儁塊帝。梗騛翅踶花操壎鼜。

http://tieulun.hopto.org

仙宮迓客。
牖秫強湟如心。強魚民膊強嘩咻情。
戟之猥雜停享。信寤固律整立明毕產
剪樊隔介近層。空仍倭易遍膝喫墟。
籍喉嬴韗溢淵。沒詩橋特綠丞靡能。
刻習珙勢节低。昼院左拯雖秈旌驕。
牖箂鑒祕鉄輪。剪表拖海落嫩楔盘。
盘迭仍慵信雁。忍如真蘸儻。
曾嗤吸吟嗛喉。喉鄂嚴令遵得粥廳。
景情沒跳沒清。蹤澄書閣踏觥池塘。
梅亭愛記

http://tieulun.hopto.org

外廳架綠磁鏡屏冊春屬蓋莉勝篋
融廳開梗美蓉瞎塵陳仍冷淹猜銀。
倚連儕覓沒夫人。跳仌尉礼分賓鞳座。
哦良主務斯賒意埃啼嘸誠鄰別低。
嗟咨練練嘖排。歎招湄催聯風塵。
悌愉諾智嫩仁。登林率限貝春沒咨。
朱絨料塢袍落為。衲江鳳嶺羅尼主茹。〃
噪咪郭酸率陀。枚节量激包羅闢恠如
脏催朗朗率徐。玉寬寬賈賒逶妙楊。〃

http://tieulun.hopto.org

哀先具嚴堂。敦倫超群。棋海經沒。
殿商堂。劳念雙梅。棋融侯傳。棋外孫柔。
乃霜院跳雪。劇列頓占趣湖山。
機丞槐波遠磋。陳橋別稚周尼羅埃。
炤兵燹烟譚芝芰稷。結樹還中帶方毫。
礦愿休感共同。蹺朝列墅輔錄。
絆纏辭出疹諫。田園掃祀舜詩祗煩。
油座景亭廊仙。具慶抒色開泻若遠。
前姻風債鞠低。空仍酌別准尼羅塊。
梅亭愛記

http://tieulun.hopto.org

買來放蹈書樓。頭讓破貧覓猥侯改戈。
客送紅幅詩章。恪朝城保屯私包制。
吏羅帷煙霞沒驄嘯制騷罷杏堂。
陞圭雜奴容職。添花輟吏极才文人。

琴綠綺琴貼
能堆巉羅女羅緣。羅身驚雜羅愿春勤拳。
看朱錦綉色才。遇朱猥造招得佳人文人。
却庶塵綠讓尼。名香辰得樂牠稽台。
意姻緣意遭逢。油堆色色空杼配。

http://tieulun.hopto.org

江賓戎愛
呂羅雁鄭敖術。倡雄座某沒頃再來。
埒詩禮強雖硬。啁魁停慳員梅實藻。
緣鑵罕待價高。坦平忉色詩桃吏歌。
事緣停固腋蔡。默油困果勿諸器閘牧。
塊梅群牧亭梅。落嫩罕極羅逐得梢覺。
群嫩群落群數。群句詩意羅白識某。
當欺薛謝曲餞。江村兜動嗜覽牧兒。
匙船轟醒隊欺。斟楨怪牠坤推信亏。
節亭節客節詩。閉徐蝴蝶閉徐在生。
梅亭愛記

http://tieulun.hopto.org

拱毬紅敦鐘情。翰得常閑腐驄惟吟。
才情胜東碧岭。初得敵具極敵拱毬。
局裁。翻。浅。潮。情。包。毬。女。閉。毬。舖。而之。
祕調。夢幻席推。沒宸羅賞迷。
迷定沒敗殺條。覺辰緑意包君群稽難定。
僥低群別自低。包徐翰女支能閉徐。
完篇走筆沒詩。主塊掷怒羅悼驟人。

終

http://tieulun.hopto.org

梅亭亭度詩　仙呂張知縣題

一帶長江水國天。
刘郎何處賦登僊。
花魁色相三春雨。
燒劫光陰一葉船。
惱障有神清覺夢。
騷壇無酒醉愁眠。
橫江安得玄裳鶴。
報向梅亭邛風緣

http://tieulun.hopto.org

SÁCH THAM KHẢO CHÍNH

1. ***Hoa tiên nhuận chính*** — **Đỗ Hạ Xuyên kiểm**
   - **Lễ đường tàng bản - Tự Đức Ất hợi 1875**

2. ***Tiểu tượng đệ bát tài tử thư*** (1) — **Tĩnh Tịnh Trai bình**
   Khảo Văn đường tàng bản

3. ***Bát tài tử Hoa tiên ký***
   Ngũ Quế đường - Hương Cảng

4. ***Hoa tiên ký diễn âm*** — **Nguyễn Văn Tố**
   Bulletin de la Société d'Enseignement mutuel
   Số 3 - 4 - Tháng 7 - Tháng 12 năm 1936

5. ***Hoa tiên truyện dẫn giải*** — **Đinh Xuân hội**
   Tân Dân - Hà Nội - 1930

6. ***Truyện Hoa tiên.*** — **Vân Bình Tôn Thất Lương**
   Tân Việt - Sài Gòn 1951

7. ***Truyện Hoa tiên.*** — **Lại Ngọc Cang**
   Nhà xuất bản Văn hóa - Hà Nội - 1961

8. ***Truyện Hoa tiên.*** — **Đào Duy Anh**
   Nhà xuất bản Văn học - Hà Nội - 1978

9. ***Hoa tiên truyện***
   Văn Minh - Hải Phòng - 1924

10. ***Phổ Chiêu thiền sư thi văn tập.*** — **Sở Cuồng**
    Nam Ký - Hà Nội - 1932

---

(1) Bản photocopy của Thư viện Anh Quốc.
Soạn giả xin chân thành cảm ơn.

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

Phụ lục

VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH

http://tieulun.hopto.org

STT	CÁC BẢN VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH	VIẾT TẮT
1	Bản do nhà sư Chính Đại hiệu đính và cho khắc in năm 1895 trong *Ứng phó dư biên tổng tập*	C.Đ
2	Bản do Lê Thước phiên âm từ bản Nôm tìm thấy ở chùa Diệc	L.T
3	Bản do Trần Trung Viên sao lục và cho in trong *Văn đàn bảo giám*	V.Đ
4	Bản đăng trên tạp chí *Nam Phong* số 178 - năm 1927	N.P
5	Bản do Hoàng Xuân Hãn hiệu đính đăng trên *Tạp chí Văn học* số 2 năm 1977	H.X.H

http://tieulun.hopto.org

VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH

Bài văn tế này từ trước đến nay vẫn được truyền là của Nguyễn Du viết ra nhưng các sách sử trước đây và gia phả họ Nguyễn Tiên Điền đều không nói tới.

Cho đến cuối thế kỷ thứ XIX nhà sư Chính Đại ở chùa Hưng Phúc, xã Xuân Lôi, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh mới sưu tầm được một bản Nôm rồi đem hiệu đính và cho khắc ván in trong quyển *Ứng phó dư biên tổng tập,* từ trang 23 đến trang 27.

Sang tới đầu thế kỷ thứ XX, Lê Thước mới tìm được một bản Nôm khác ở chùa Diệc, gần phía Bắc thành Nghệ An xưa, và ông đã phiên âm sang Quốc ngữ rồi cho in trong tập sách nhỏ *Truyện cụ Nguyễn Du 1, xuất bản năm 1924.*

Hai năm sau, năm 1926, Trần Trung Viên lại cho in bài văn tế ấy trong bộ *Văn đàn bảo giám,* tập I [2] và đến năm 1927, bài ấy lại được đăng trên *Tạp chí Nam Phong* số 178.

Đó là những lần được in sớm nhất trên các sách báo và phải nói ở đây, người đã có công giới thiệu đầu tiên bài văn tế ấy cho mọi người biết là nhà nghiên cứu Lê Thước, hồi đó là giáo sư trường Trung học Vinh.

Về sau bài văn tế ấy đã được in lại trong quyển *Văn tế cổ kim* do Nhà xuất bản Văn hóa ở Hà Nội in năm 1960.

Năm 1965, nhân dịp kỷ niệm 200 năm năm sinh Nguyễn Du, Nam Chi tùng thư ở Sài Gòn có cho in bài *Chiêu hồn Thập loại chúng sinh* do Đàm Quang Thiện hiệu chú.

Bản hiệu chú này cũng khá công phu nhưng không khoa học bằng bản hiệu đính của Hoàng Xuân Hãn đăng trên Tạp chí Văn học số 2 năm 1977.

Nói chung bài *Văn tế Thập loại chúng sinh* đến nay đã có nhiều bản in bằng chữ Quốc ngữ nhưng mỗi bản đều có những dị biệt khiến cho vấn đề hiệu đính trở nên rất khó khăn vì không biết lấy đâu ra nguyên bản để đối chiếu.

Bản Nôm của chùa Hồng Phúc tàng bản thì tuy là bản khắc in cổ nhất nhưng đã bị nhà sư Chính Đại sửa lại khá nhiều nên không còn cái "diện mục" ban đầu nữa.

---

1. Mạc Đình Tư - Hà Nội - 1924.
2. Nam Ký - Hà Nội - 1926.

http://tieulun.hopto.org

Trong việc hiệu đính lần này, chúng tôi đã căn cứ vào năm bản - bản *Chính Đại*, bản *Lê Thước*, bản *Trần Trung Viên*, bản *Nam Phong* và bản *Hoàng Xuân Hãn* để lập lại văn bản.

Chúng tôi đã không tự ý sửa chữa thêm một chữ nào mà chỉ lựa trong các bản đã in trước để lựa lấy những câu được coi là có thể đúng với nguyên bản hoặc có nghĩa hơn cả.

Nếu quí vị độc giả thấy có câu nào chưa được hợp lý thì có thể xem trong phần Khảo dị để tìm lấy câu mà mình cho là đúng hơn.

Để tiện việc đối chiếu, chúng tôi đã cho in phần *Khảo dị* ngay dưới phần *Văn bản* và có ghi *Bảng viết tắt* để các độc giả tiện tra cứu.

http://tieulun.hopto.org

VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH *

Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt,
Gió heo may lạnh buốt xương khô.
Não người thay bấy chiều thu,
Ngàn lau nhuốm bạc, lá ngô rụng vàng.
Đường bạch dương bóng chiều man mác,
Ngọn đường lê lác đác mưa sa.
Lòng nào lòng chẳng thiết tha,
Cõi dương còn thế nữa là cõi âm.
Trong trường dạ tối tăm trời đất

Khảo dị

1. Tiết tháng bảy mưa *ngâu* sùi sụt (C.Đ)
   Tiết tháng bảy mưa dầm *dào dặt* (N.P)
2. Gió heo may lạnh 律 *lọt* (suốt) xương khô (C.Đ)
   Toát hơi may lạnh *lẽo* xương khô *(V.Đ)*
   Lọt hơi sương lạnh *ngắt* xương khô *(L.T)*
3. Não *nùng* thay bấy chiều thu (C.Đ)
   Não *người* thay *buổi* chiều thu *(V.Đ)*
4. Ngàn lau *khóm* bạc, lá ngô *dòng* vàng (L.T)
   Ngàn lau *điểm trắng,* lá ngô rụng vàng *(C.Đ)*
   Ngàn lau *nhiễm bạc, dặm* ngô *nảy* vàng *(N.P)*
5. *Dịp* đường lê lác đác *sương* sa (V.Đ)
6. Lòng nào lòng chẳng *xót xa* (N.P)
7. Cõi dương còn thế *huống* là côi âm (V.Đ)
   Cõi dương còn *có* nữa là cõi âm (V.Đ)

*. Đề mục bản C.Đ: Thỉnh cầu cô hồn quốc âm.

http://tieulun.hopto.org

Chút khôn thiêng phảng phất u minh.
Thương thay thập loại chúng sinh,
Hồn đơn phách chiếc lênh đênh quê người.
Hương khói đã không nơi nương tựa,
Hồn mồ côi lần lữa đêm đen.
Còn chi ai khá ai hèn,
Còn chi mà nói kẻ hiền người ngu.
Tiết đầu thu lập đàn giải thoát,
Nước tĩnh bình rưới hạt dương chi.
Muôn nhờ đức Phật từ bi,
Giải oan cứu khổ hồn về Tây Phương.
Nào những kẻ tính đường kiểu hạnh,
Chí những lăm cất gánh non sông.
Nói chi những buổi tranh hùng,

Khảo dị

10. *Sảng linh hồn* phảng phất u minh (C.Đ)
Có khôn thiêng phảng phất u minh *(V.Đ)*
Xót khôn thiêng phảng phất u minh *(L.T)*
Chữ *chút* 卒小 出小 và chữ *xót* 悴, 恤 có tự dạng giống nhau nên đã có sự nhầm lẫn.
12. *Phách* đơn *hồn* chiếc lênh đênh quê người (C.Đ - L.T - N.P)
13. Hương *lửa* đã không nơi nương tựa (V.Đ)
14. *Phận bồ* (mồ) côi lần lữa đêm đen (L.T - N.P)
Hồn mồ côi lần lữa *mấy năm (V.Đ)*
16. Còn chi mà nói *ai* hiền *ai* ngu (N.P)
17. Tiết *sơ* thu *dựng* đàn *siêu độ* (N.P)
Tiết đầu thu *dựng* đàn giải thoát (N.P)
18. Nước *cam lồ mật chú gia tri* (C.Đ)
Nước tĩnh *đàn sái* hạt dương chi (V.Đ)
Nước tĩnh bình *tưới* hạt dương chi (N.P)
Nước tĩnh bình rưới *hắt* dương chi (H.X.H)
19. Muôn nhờ *Phật đức* từ bi (C.Đ)
Muôn nhờ *Phật lực* từ bi (N.P)
20. Giải oan cứu khổ *dắt* về Tây Phương (C.Đ)
Giải oan cứu khổ *cùng* về Tây Phương (V.Đ)
21. *Cũng có* kẻ *toan* đường kiểu hạnh (C.Đ)
Cũng có kẻ tính đường *yêu hãnh* (V.Đ)
22. *Chỉ* những lăm *cướp* gánh non sông (H.X.H)
Trí những lăm cất gánh non sông (V.Đ)
Chỉ những *chăm* cất gánh non sông (N.P)
23. Nói chi *đang* thủa *thị* hùng (N.P - H.X.H)
Gớm thay đang thủa tranh hùng (C.Đ)

http://tieulun.hopto.org

Tưởng khi thất thế vận cùng mà đau.
Bỗng phút đâu tro bay ngói lở,
Khôn đem mình làm đứa thất phu.
Cả giàu sang, nặng oán thù,
Máu tươi lai láng, xương khô rã rời.
Đoàn vô tự lạc loài nheo nhóc,
Quỉ không đầu van khóc đêm mưa.
Cho hay thành bại là cơ,
Mà u hồn biết bao giờ cho tan.
Nào những kẻ màn lan trướng huệ,
Những cậy mình cung quế Hằng Nga.
Một phen thay đổi sơn hà,
Mảnh thân chiếc lá biết là về đâu?
Trên lầu cao dưới dòng nước chảy,
Phận đã đành trâm gãy bình rơi.
Khi sao đông đúc vui cười,
Mà khi nhắm mắt không người nhặt xương.

Khảo dị

24. *Nào ngờ thế khuất* vận cùng mà đau (C.Đ)
25. Bỗng phút đâu *tro bay khói tỏa* (C.Đ)
    Bỗng phút đâu *tro bay ngói giỡ* (H.X.H)
    Bỗng phút đâu *mưa sa* ngói lở (V.Đ)
27. *Lớn* giàu sang, nặng oán thù (L.T)
    Giàu sang càng nặng oán thù (V.Đ)
    Cả sang giàu, nặng oán thù (N.P)
28. Máu tươi lai láng, xương khô *đã rồi* (L.T)
    Máu tươi lai láng, xương khô *rụng* rời (V.Đ)
30. Quỉ không đầu *lăn lóc tri trô* (C.Đ)
    Quỉ không đầu *đón* khóc đêm mưa (V.Đ)
31. *Nào* hay thành bại là cơ (L.T)
32. Mà *cô* hồn biết bao giờ cho tan (C.Đ - VĐ)
33. Nào những *ả* màn lan trướng huệ (C.Đ)
    Cũng có kẻ màn *loan* trướng huệ (V.Đ)
34. Những cậy mình cung quế *Thường* Nga (C.Đ)
    Những cậy mình cung quế *phòng hoa* (V.Đ)
35. *Gặp* phen thay đổi sơn hà (C.Đ)
36. *Thân như mảnh lá* biết là *làm sao* (C.Đ)
    Tấm thân *miếng* lá biết là *làm sao* (L.T)
    Tấm thân *mảnh* lá biết là *làm sao* (H.X.H)
    Tấm thân *mảnh* lá biết *đà làm sao* (N.P)
37. *Lên* lầu cao *xuống* dòng nước chảy (H.X.H)

http://tieulun.hopto.org

Đau đớn nhẽ không hương không khói,
Luống ngẩn ngơ đầu suối ngàn sim,
Thương thay chân yếu tay mềm,
Càng năm càng héo, một đêm một dàu.
Nào những kẻ mũ cao áo rộng,
Ngọn bút son thác sống ở tay.
Kinh luân chất một túi đầy,
Đã đêm Quản Nhạc, lại ngày Y Chu.
Thịnh mãn lắm, oán thù càng lắm,
Trăm loài ma mồ nấm chung quanh.
Nghìn vàng không chuộc được mình.
Lầu ca viện xướng tan tành còn đâu?
Kẻ thân thích vắng sau vắng trước,
Biết lấy ai bát nước nén hương.

Khảo dị

41. *Thảm thiết* nhẽ không hương không khói (L.T)
Thảm thiết nhỉ không hương không khói (N.P)
42. *Hồn vẩn vơ bãi cói* ngàn sim (H.X.H)
Luống ngẩn ngơ *trong cõi rừng* sim (V.Đ)
Hồn ngẩn ngơ *dòng* suối ngàn sim (N.P)
Luống ngẩn ngơ *bãi ngải đồi* sim (C.Đ)
43. Thương thay *thân* yếu tay mềm (L.T)
44. Càng *nằm* càng héo, một đêm một *dài* (C.Đ)
Càng năm càng héo, một đêm một *dài* (V.Đ)
Càng năm càng héo, *càng* đêm *càng rầu* (N.P)
45. Nào những *đấng mão đai* áo rộng (C.Đ)
Kìa những kẻ mũ cao áo rộng (V.Đ)
46. Ngọn bút *phê* thác sống *trên* tay (C.Đ)
Ngọn bút son *sống thác* ở tay (V.Đ)
47. Kinh luân *nhét* một túi đầy (C.Đ)
Kinh luân *găm* một túi đầy (V.Đ)
Kinh luân *chất* một *xải* đầy (H.X.H)
Kinh luân *sẵn* một túi đầy (N.P)
48. Đã đêm Quản *Cát*, lại ngày Y Chu (C.Đ - L.T. - N.P)
50. Trăm loài ma *xâm nhầm* 侵 佔 chung quanh (C.Đ)
Trăm loài ma *xắm nắm* chung quanh (H.X.H)
51. Nghìn vàng không *đổi* được mình (L.T - V.Đ - N.P)
52. Lầu *cao* viện *hát* tan tành còn đâu (V.Đ)
53. Kẻ thân thích *trước sau* vắng *vẻ* (C.Đ)
54. Biết lấy ai *đơm tế lửa* hương (C.Đ)
Biết lấy ai bát nước nén *nhang* (V.Đ)

http://tieulun.hopto.org

Cô hồn thất thểu dọc ngang,
Nặng oan khôn nhẽ tìm đường hóa sinh.
Nào những kẻ bài binh bố trận,
Đem mình vào cướp ấn nguyên nhung.
Gió mưa sấm sét đùng đùng,
Phơi thây trăm họ làm công một người!
Khi thất thế cung rơi tên lạc,
Bãi sa trường thịt nát máu trôi.
Bơ vơ góc bể chân trời,
Nắm xương vô chủ biết vùi nơi nao?
Trời xâm xẩm mưa gào gió thét,
Khí âm vân mờ mịt trước sau.
Năm năm sương nắng dãi dầu,
Còn đâu tế tự, còn đâu chưng thường?
Cũng có kẻ tính đường trí phú,

Khảo dị

55. Cô hồn *phất phưởng tha phương* (C.Đ)
Cô hồn thất *thưởng* dọc ngang (H.X.H)
56. *Mạng* oan khôn nhẽ tìm đường hóa sinh (N.P)
57. Nào những *đứng* bài binh bố trận (C.Đ)
Kìa những kẻ bài binh bố trận (V.Đ)
58. *Vâng lệnh sai lĩnh* ấn nguyên nhung (C.Đ)
Vâng lệnh sai lĩnh ấn nguyên nhung (H.X.H)
Đổi mình vào *lấy* ấn nguyên nhung (V.Đ)
59. Gió mưa *thét giọng* đùng đùng (L.T)
Gió mưa *thét rống* đùng đùng (H.X.H)
60. *Bầy* thây *muôn* họ làm công một người (C.Đ)
Phơi *thân* trăm họ làm công một người (L.T)
Dãi thây trăm họ làm công một người (V.Đ)
61. Khi thất thế *tên* rơi *đạn* lạc (C.Đ - V.Đ)
63. Bơ vơ góc bể *ven* trời (C.Đ)
Mênh mông góc bể *bên* trời (V.Đ)
64. *Bó thân da ngựa* biết vùi *vào đâu* (H.X.H)
Nắm xương vô chủ biết *nơi chốn nào* (V.Đ)
Đống xương vô chủ biết vùi nơi nao (N.P)
65. Trời *thăm thẳm* mưa *rầm* gió thét (C.Đ)
Trời *u uất* mưa gào gió thét (C.Đ)
Trời *ầm ầm* mưa gào gió thét (N.P)
66. Khí âm *ngưng* mờ mịt trước sau (C.Đ)
Khí âm *huyền* mờ mịt trước sau (V.Đ)
67. *Ngàn mây nội cỏ rầu rầu* (V.Đ)
68. *Nào* đâu *điếu tế, nào* đâu chưng thường (C.Đ - V.Đ)
69. Cũng có kẻ *tìm* đường trí phú (C.Đ)

http://tieulun.hopto.org

Làm tội mình nhịn ngủ bớt ăn.
Ruột rà không kẻ chí thân,
Dẫu làm nên nữa dành phần cho ai?
Khi nằm xuống không người nhắn nhủ,
Cửa phù vân dẫu có như không.
Sống thì tiền chảy bạc dòng,
Thác không đem được một đồng nào đi!
Khóc ma mướn, thương ai hàng xóm?
Hòm gỗ đa, bó đóm đưa đêm!
Ngẩn ngơ lối rộc đồng chiêm,
Nén hương giọt nước, biết tìm vào đâu?
Cũng có kẻ muốn cầu chữ "quí",
Dấn mình vào thành thị lân la.
Mấy thu lìa cửa lìa nhà,
Văn chương đã chắc đâu mà trí thân?
Dọc hàng quán phải tuần mưa nắng,
Vợ con nào nuôi nấng khem kiêng?

Khảo dị

70. *Mình làm* mình nhịn ngủ *kẻm* ăn (V.Đ)
72. Dẫu làm nên nữa *để* phần cho ai (C.Đ)
Dẫu làm nên *để* dành phần cho ai (V.Đ)
73. Khi nằm xuống không người *gắn bó* (C.Đ)
Khi nằm xuống không *ai* nhắn nhủ (V.Đ)
74. Của phù vân *giàu* có như không (L.T - N.P)
Của phù vân *có cũng* như không (V.Đ)
75. *Tuy rằng* tiền chảy bạc dòng (C.Đ)
Tuy rằng tiền chảy *tiền* dòng (N.P)
76. *Khi đi mang* được một đồng nào đi (C.Đ - L.T - N.P)
78. Hòm gỗ *da* bó đóm đưa đêm (V.Đ - N.P)
79. *Thẩn thơ lối rộc* đồng chiêm (C.Đ)
Ngẩn ngơ *nội Lộc* đồng chiêm (L.T)
Ngẩn ngơ *đòi khảm* đồng chiêm (L.T)
Thẩn thơ nội rộc đồng chiêm (H.X.H)
Ngẩn ngơ *trong quãng* đồng chiêm (V.Đ)
Đây phiên lại cho đúng với hai chữ Nôm 塭 淯
80. *Xuân thu hưởng tự* biết tìm vào đâu (C.Đ)
Tàn hương giọt nước biết tìm vào đâu (V.Đ - N.P)
81. Cũng có kẻ *rắp* cầu chữ "quí" (C.Đ - V.Đ)
82. Dấn mình vào thành thị *phồn hoa* (C.Đ)
Dấn mình vào thành thị *bôn ba* (H.X.H)
Đem thân vào thành thị lân la (L.T)
85. *Chốn* hàng quán *tới* tuần mưa nắng (C.Đ)
86. Vợ con nào nuôi nấng *kiêng khem* (C.Đ - L.T - V.Đ)
Vợ con nào nuôi nấng *cữ* kiêng (N.P)

http://tieulun.hopto.org

Vội vàng liệm sấp chôn nghiêng,
Anh em thiên hạ, láng giềng người dưng.
Bóng phần tử xa chừng hương khúc,
Bãi tha ma kẻ dọc người ngang.
Cô hồn nhờ gửi tha hương,
Gió trăng hiu hắt, khói hương lạnh lùng.
Cũng có kẻ vào sông ra bể,
Cánh buồm dợi chạy xế gió đông.
Gặp cơn giông tố giữa dòng,
Đem thân vùi rấp vào lòng kình nghê.
Cũng có kẻ đi về buôn bán,
Đòn gánh tre chín dạn hai vai.
Gặp cơn mưa nắng giữa trời,
Hồn đường phách sá lạc loài nơi nao?
Cũng có kẻ mắc vào khóa lính,
Bỏ cửa nhà đi gánh việc quan.

Khảo dị

88. *Bạn bè* thiên hạ, láng giềng người dưng (C.Đ)
89. Bóng *tang* tử *sa* chừng hương khúc (L.T - N.P)
90. Bãi *sa trường* kẻ dọc người ngang (L.T)
92. Gió trăng hiu hắt, *lửa* hương lạnh lùng (V.Đ)
    Dưới trăng hiu hắt, *nén* hương lạnh lùng (C.Đ)
93. Cũng có kẻ qua *sông* vượt *bể* (C.Đ)
    Lại có kẻ vào sông ra bể (L.T - N.P)
94. Cánh buồm *thưa* chạy xế gió đông (L.T)
    Cánh buồm *xưa* chạy xế gió đông (N.P)
    Cánh buồm *mây* chạy xế gió đông (V.Đ)
96. *Tấm* thân *mai một* vào lòng kình nghê (C.Đ)
    Đem thân *chôn* rấp vào lòng kình nghê (V.Đ)
    Đem thân vùi *dập* vào lòng kình nghê (N.P)
97. *Lại* có kẻ đi về buôn bán (L.T - N.P)
    Cũng có kẻ *chăm nghề* buôn bán (C.Đ)
98. Đòn gánh tre 尬間 chín dạn *trên* vai (C.Đ)
    Đòn gánh tre *chèn đắn* hai vai (N.P - H.X.H)
99. Gặp cơn *nắng gắt mưa rơi* (C.Đ)
    Gặp cơn mưa *gió* giữa trời (N.P)
100. *Nào ngờ lũ thứ xa chơi suối vàng* (C.Đ)
    Hồn đường *sá biết* lạc loài *vào đâu* (L.T)
    Hồn *đơn* phách *chiếc* lạc loài *phương* nao (N.P)
101. *Lại* có kẻ mắc vào *ngũ* lính (L.T - N.P)
    Có kẻ đến lệ làng cấp lính (C.Đ)
102. Bỏ cửa nhà *gồng* gánh việc quan (C.Đ - V.Đ)

http://tieulun.hopto.org

Nước khe cơm ống gian nan,
Dãi dầu muôn dặm, lầm than một đời.
Buổi chiến trận mạng người như rác,
Phận đã đành đạn lạc tên rơi.
Lập lòe ngọn lửa ma trơi,
Tiếng oan văng vẳng tối trời càng thương.
Cũng có kẻ lỡ làng một kiếp,
Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa.
Ngẩn ngơ khi trở về già,
Ai chồng con tá biết là cậy ai?
Sống đã chịu một đời phiền não,
Thác lại nhờ hớp cháo lá đa.
Đau đớn thay phận đàn bà,
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu?
Cũng có kẻ nằm cầu gối đất,
Dõi tháng ngày hành khất ngược xuôi.

Khảo dị

103. Nước *bầu* cơm *nắm* gian nan (C.Đ)
Nước *bầu* cơm ống gian nan (H.X.H)
Nước khe cơm *vắt* gian nan (V.Đ)
105. *Khi lâm* trận *thân* người như rác (C.Đ)
Trong chiến trận *xem* người như rác (L.T - N.P)
106. *Thân* đã đành đạn lạc tên rơi (L.T)
Thân đã *liều* đạn lạc tên rơi (N.P)
Thân đã *dành* đạn lạc tên rơi (H.X.H)
107. *Lơ thơ* ngọn lửa ma *chơi* (L.T)
Lờ mờ ngọn lửa ma *chơi* (N.P)
108. Tiếng oan văng vẳng tối trời *cảm* thương (C.Đ)
109. Cũng có kẻ lỡ làng một *tiết* (C.Đ)
Lại có kẻ lỡ làng một kiếp (N.P)
110. *Lúc* tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa (C.Đ)
111. *Nào ngờ* khi trở về già (C.Đ)
112. *Không* chồng *nỗi ấy* biết là cậy ai (C.Đ)
Ai chồng con *nấy* biết là cậy ai (L.T - N.P)
113. Sống đã chịu *mỉa mai* phiền não (C.Đ)
114. Thác lại nhờ *bát* cháo lá đa (C.Đ)
Thác lại nhờ *thí* cháo lá đa (N.P)
115. *Não nùng thay số đào hoa* (C.Đ)
116. Kiếp *đành* ra thế biết là *vì* đâu? (C.Đ)
117. *Lại* có kẻ nằm cầu gối đất (L.T - N.P)
118. *Vì cơ hàn* hành khất *mọi nơi* (C.Đ)
Dõi *những* ngày *mưa nắng* ngược xuôi (L.T - N.P)

http://tieulun.hopto.org

Thương thay cũng một kiếp người,
Sống nhờ hàng xứ, thác vùi đường quan.
Cũng có kẻ mắc oan tù rạc,
Gửi thân vào chiếu lác một manh.
Nắm xương chôn rấp góc thành,
Kiếp nào cởi được oan tình ấy đi?
Cũng có đứa tiểu nhi tấm bé,
Lỗi giờ sinh lìa mẹ lìa cha.
Lấy ai bồng bế vào ra,
U ơ tiếng khóc xót xa nỗi lòng.
Cũng có kẻ đắm sông chìm suối,
Cũng có người sẩy cối sa cây.
Có người gieo giếng, thắt dây,

Khảo dị

120. Sống nhờ hàng xứ, *chết* vùi đường quan (V.Đ)
121. *Lại* có kẻ mắc oan tù rạc (L.T)
Cũng có kẻ mắc *đoàn* tù rạc (V.Đ)
Lại có kẻ mắc oan tù *lạc* (N.P)
122. Gửi *mình* vào chiếu *rách* một manh (V.Đ)
123. *Gói* xương chôn rấp góc thành (L.T)
Gói xương chôn rấp góc thành (N.P)
124. *Bao giờ giải* được oan tình ấy đi (C.Đ)
Kiếp nào *khỏi* được oan tình ấy đi (N.P)
125. *Lại như* đứa tiểu nhi *nhỏ* bé (L.T)
Kìa những đứa tiểu nhi tấm bé (V.Đ)
Lại những đứa tiểu nhi *nhỏ* bé (N.P)
126. *Mới sinh ra* lìa mẹ lìa cha (C.Đ)
Lỗi *trời* sinh lìa mẹ lìa cha (L.T)
127. *Nào ai bú mớm đấy mà* (C.Đ)
Lấy ai bồng bế *xót xa* (V.Đ)
128. U ơ tiếng khóc xót xa *não nùng* (C.Đ)
U ơ tiếng khóc *thiết tha* nỗi lòng (V.Đ)
129. Cũng có kẻ *bỗng không lôi đả* (C.Đ)
Cũng có kẻ đắm sông chìm *bể* (L.T - N.P)
Kìa những kẻ *chìm* sông *lạc* suối (V.Đ)
130. Cũng có người *vì ngã cành* cây (C.Đ)
Cũng có người sẩy *củi ngã* cây (L.T)
Cũng có người sẩy *cỗi* sa cây (V.Đ)
Cũng có người sẩy *vế ngã* cây (N.P)
131. Có người *sa* giếng thắt dây (C.Đ)
Có người gieo giếng *đứt* dây (L.T - N.P)
Có người *leo* giếng *đứt* dây (V.Đ - H.X.H)

http://tieulun.hopto.org

Người trôi nước lũ, kẻ lây lửa thành.
Người thì mắc sơn tinh thủy quái,
Người thì lâm nanh khái ngà voi.
Có người có đẻ không nuôi,
Có người sạ đẩy, có người khốn thương.
Mắc phải lúc đi đường lỡ bước,
Cầu Nại hà kẻ trước người sau.
Mỗi người một nghiệp khác nhau.
Hồn xiêu phách lạc biết đâu bây giờ.
Hoặc là ẩn dọc bờ dọc bụi,
Hoặc là nương ngọn suối chân mây.
Hoặc là bụi cỏ bóng cây,
Hoặc là cầu nọ quán này bơ vơ.
Hoặc là nương thần từ Phật tự,

Khảo dị:

132. Người trôi nước *lụt*, *người* lây *cháy* thành (H.X.H)
Người trôi nước *lụt*, *người* lây lửa thành (N.P)
133. Người thì mắc sơn tinh thủy *thú* (C.Đ)
134. *Cùng độc xà vuốt hổ* ngà voi (V.Đ)
Người thì *phải* nanh *hổ* ngà voi (V.Đ)
Người thì lâm *răng* khái ngà voi (N.P)
135. Có người *hay* đẻ không nuôi (V.Đ)
136. *Kẻ vì tiểu sản mệnh người lâm nguy* (C.Đ)
Có người sa sẩy, có người *gian phi* (L.T - N.P)
Có người *sinh sẩy mệnh* người *gian nguy* (H.X.H)
137. Mắc phải lúc đi đường *nước* bước (L.T)
Mắc phải lúc *đường đi nước* bước (N.P)
Gặp phải lúc đi đường lỡ bước (V.Đ)
138. Cầu *Ái* hà kẻ trước người sau (L.T)
139. *Một* người một nghiệp khác nhau (L.T)
141. Hoặc là ẩn *ven* bờ *cạnh lối* (C.Đ)
Hoặc là ẩn *ngang* bờ dọc bụi (V.Đ)
Hoặc là ẩn dọc bờ *xó* bụi (N.P)
142. Hoặc là nương *đầu núi bên sông* (C.Đ)
143 Hoặc là *mông quạnh đồng không* (C.Đ)
Hoặc là *điếm* cỏ bóng cây (V.Đ)
Hoặc là *đám* cỏ bóng cây (N.P)
Hoặc là *bãi* cỏ *lùm* cây (H.X.H)
144. *Hoặc nơi viễn tái thú cùng diêm lư* (C.Đ)

http://tieulun.hopto.org

Hoặc là theo đầu chợ cuối sông.
Hoặc là mông quạnh đồng không,
Hoặc nơi gò đống, hoặc vùng lau tre.
Mấy thu chịu mọi bề thảm thiết,
Dạ héo khô gió rét căm căm.
Dãi dầu biết mấy trăm năm,
Khóc than dưới đất, ăn nằm trong sương.
Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn,
Tắt mặt trời lẩn thẩn tìm ra.
Lôi thôi ẵm trẻ dắt già,
Có khôn thiêng hỡi lại mà nghe kinh.
Nhờ phép Phật siêu sinh tịnh độ,
Phóng hào quang, cứu khổ độ u.

Khảo dị

146. Hoặc là *nương ngọn có bóng cây* (C.Đ)
Hoặc là *nhờ* đầu chợ cuối sông (V.Đ)
Hoặc là *tựa thần từ Phật tự* (N.P)
Hoặc là *quanh* đầu chợ cuối sông (H.X.H)
147. *Khi cầu nọ, lúc quán này* (C.Đ)
Hoặc là *mơ mẩn* đồng không (L.T)
Hoặc là *vơ vẩn* đồng không (N.P)
Hoặc là *trong quãng* đồng không (H.X.H)
148. *Chợ quê mọi chốn thâu ngày ủ ê* (C.Đ)
Hoặc nơi gò đống *nơi bông lan chè* (L.T)
Hoặc nơi gò đống, hoặc *bông lan chè* (N.P)
Hoặc *là* gò đống, hoặc vùng lau tre (V.Đ)
149. Mấy thu chịu mọi bề *sầu khổ* (C.Đ)
Mấy thu chịu *nhiều* bề thảm thiết (N.P)
Sống đã chịu mọi bề thảm thiết (V.Đ)
150. *Ruột* héo khô *nho nhỏ như châm* (C.Đ)
Ruột héo khô *da* rét căm căm (V.Đ)
151. Dãi dầu *trong* mấy muôn năm (V.Đ)
152. *Thở* than dưới đất, ăn nằm *trên* sương (C.Đ - V.Đ)
154. *Lặn* mặt trời lẩn thẩn tìm ra (C.Đ - V.Đ)
155. Lôi thôi *bồng* trẻ dắt già (V.Đ)
156. *Nghe lời chiêu thỉnh* lại mà *chứng minh* (C.Đ)
Có khôn thiêng *nhẽ* lại mà nghe kinh (V.Đ)
Có khôn thiêng hỡi lại mà *chứng minh* (H.X.H)
157. *Ơn chư* Phật *thùy tình cứu khổ* (C.Đ)
Nhờ *Phật lực* siêu sinh tịnh độ (L.T)
Nhờ *Phật lực* siêu sinh *tĩnh thổ* (N.P)
158. *Bóng* hào quang cứu khổ độ u (L.T - N.P)
Tiếp dẫn về Tĩnh độ ngao du (C.Đ)

http://tieulun.hopto.org

Khắp trong tứ đại bộ chu,
Não phiền trút sạch, oán thù rửa không.
Đạo vô thượng thần thông quảng đại,
Chuyển pháp luân tam giới thập phương.
Nhơn nhơn Tiêu Diện quỉ vương,
Linh kỳ một lá dẫn đường độ sinh.
Nhờ phép Phật uy linh dũng mãnh,
Trong giấc mê khua tỉnh chiêm bao.
Mười loài là những loài nào?
Gái trai, già trẻ đều vào nghe kinh.
Kiếp phù sinh như hình bào ảnh,
Có câu rằng: "Vạn cảnh giai không".
Ai ai lấy Phật làm lòng,
Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi.
Đàn chẩn tế vâng lời Phật giáo,
Vật có gì, lưng cháo nén hương.
Gọi là manh áo thoi vàng,

Khảo dị

159. *Còn* trong tứ đại bộ chu (C.Đ)
Rắp hòa tứ *hải quần* chu (V.Đ)
160. Não phiền *thoát* sạch, oán thù rửa *trong* (L.T - N.P)
161. *Nhờ đức Phật* thần thông quảng đại (V.Đ)
163. Nhơn nhơn Tiêu Diện *đại* vương (V.Đ)
Nay nhờ Tiêu Diện *đại* vương (N.P)
164. Linh kỳ một lá dẫn đường *chứng minh* (V.Đ)
165. Nhờ *Phật pháp linh thông quảng đại* (C.Đ)
Nhờ *Phật lực* uy linh dũng mãnh (L.T - N.T)
166. Trong giấc mê *phút* tỉnh chiêm bao (L.T - N.P)
167. Mười *cô hồn thập loại biết bao* (N.P)
169. *Nhờ Phật đức siêu sinh cõi tỉnh* (C.Đ)
Kiếp phù sinh như hình *như* ảnh (V.Đ)
170. *Mới biết* rằng: "Vạn cảnh giai không" (C.Đ)
Có *chữ* rằng: "Vạn cảnh giai không" (V.Đ)
171. *Dám khuyên* lấy Phật làm lòng (C.Đ)
172. Tự nhiên siêu thoát *ở* trong luân hồi (L.T)
173. Đàn chẩn tế vâng lời *di* giáo (C.Đ)
174. Vật có gì *bát* cháo nén hương (V.Đ)
Của có *chi bát nước* nén *nhang* (V.Đ)
175. Gọi là *mảnh* áo thoi vàng (L.T - N.P)

http://tieulun.hopto.org

Giúp cho làm của ăn đường siêu thiên.
177. Ai tới đó, dưới trên ngồi lại,
Lấy chút lòng, chớ ngại bao nhiêu.
Phép thiêng biến ít ra nhiều,
Trên nhờ Tôn giả chia đều chúng sinh.
181. Phật hữu tình từ bi tế độ,
Chớ ngại rằng có có, chăng chăng.
Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng,
Độ cho nhất thiết siêu thăng thượng đài.

Khảo dị:

176. Giúp cho làm của ăn đường *thăng* thiên (V.Đ)
Bản C.Đ viết 生 天 (sinh thiên), chắc là do khắc nhầm chữ 升 (thăng ra chữ 生 (sinh)
177. *Đã đến đấy,* dưới trên ngồi lại (C.Đ)
Ai *đến đây,* dưới trên ngồi lại (V.Đ)
178. *Chứng lòng thành* chớ ngại bao nhiêu (C.Đ)
Của làm duyên chớ ngại bao nhiêu (V.Đ)
179. Phép thiêng biến ít *nên* nhiều (C.Đ)
Phép thiêng biến ít *thành* nhiều (V.Đ)
180. *Nhờ thầy* Tôn giả chia đều *phân minh* (C.Đ)
181. *Quả vô sinh khuyên ai tảo chứng* (C.Đ)
Phật hữu tình từ bi *phổ* độ (V.Đ)
182. *Giong buồm từ bi ngạn đồng đăng* (C.Đ)
Chớ ngại rằng có có, *không không* (V.Đ)
183. Na mô Phật, *Na mô Tăng* (N.P)
184. *Na mô* nhất thiết siêu thăng thượng đài (N.P)
Phổ nguyện nhất thiết siêu thăng *Bảo* đài (C.Đ)
Bản *Văn đàn bảo giám* không có hai câu cuối.

http://tieulun.hopto.org

CHÚ THÍCH

Thập loại chúng sinh: mười loại chúng sinh.

1. Những kẻ có tham vọng làm vua chúa bị giết không có ai tế tự (từ câu 21 đến câu 32).
2. Những cô gái màn lan trướng huệ bị chết không người nhặt xương (từ câu 33 đến câu 44).
3. Những kẻ làm quan to bị chết không có người thờ cúng (từ câu 45 đến câu 56).
4. Những kẻ làm tướng cầm quân bị chết ở sa trường không có ai tế tự (từ câu 57 đến câu 68).
5. Những kẻ tìm cách làm giàu bị chết không có ai thờ cúng (từ câu 69 đến câu 80).
6. Những kẻ muốn cầu danh ra thành thị học bị chết ở nơi tha hương (từ câu 81 đến câu 92).
7. Những kẻ đi buôn bán xa bị chết đường chết chợ (từ câu 93 đến câu 100).
8. Những binh lính bị chết trận không có ai chôn cất (từ câu 101 đến câu 108).
9. Những kỹ nữ chết cô đơn không biết cậy ai, chỉ nhờ vào hớp cháo lá đa (từ câu 109 đến câu 116).
10. Những kẻ nghèo nàn chết bởi tai họa hoặc những trẻ em bị chết sau khi sinh không nơi nương tựa thật bi thương (từ câu 117 đến câu 136).

Chúng sinh: tiếng nhà Phật, nói chung các loài sinh vật. Chữ *chúng sinh* - tiếng Phạn là *Tát đóa* (Sattoa) - có nhiều nghĩa:

1. Mọi người cùng sinh ra ở đời.
2. Các pháp giả hòa hợp mà sinh ra.
3. Sự sống chết trải qua nhiều lần.

1. *Tiết* (tháng bảy): đoạn thời gian theo khí hậu một năm mà chia ra, gồm có tám tiết: lập xuân, lập hạ, lập thu, lập đông, xuân phân, hạ chí, thu phân và đông chí. Tiết lập thu bắt đầu từ tháng bảy.

http://tieulun.hopto.org

Mưa dầm: mưa nhỏ mà kéo dài nhiều ngày. Sách *Kinh sở tuế thời ký* kể rằng: "Sao Chức nữ cũng gọi là Thiên tôn nữ thêu dệt rất khéo. Trời cho lấy Khiên ngưu lang (chàng chăn trâu). Lấy chồng rồi nàng sinh ra lười biếng nên bị trời phạt, bắt vợ chồng phải xa nhau mỗi người ở một bên sông Ngân Hà. Mỗi năm trời chỉ cho hai vợ chồng gặp nhau có một lần vào ngày 7 tháng 7 âm lịch. Hôm ấy chim ô thước làm cầu cho họ qua sông gặp nhau. Hai vợ chồng mừng quá đến lúc chia tay khóc ròng, nước mắt rơi xuống thành mưa dầm hay mưa ngâu.

Sùi sụt: tả cảnh trời mưa nhỏ, rả rích, kéo dài không dứt. Bản C.Đ viết 屎涕 (chữa 涞涕); bản L.T phiên là *dồi dọt* thì không đúng.

2. *Gió heo may:* gió Tây Bắc. *Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão* (Tục ngữ).

3. *Não:* khổ trong lòng. T.K: *Não người cữ gió tuần mưa* (c.567).

4. *Nhuốm bạc:* mới hơi bắt màu trắng, mới điểm trắng. Bản L.T phiên chữ 坎 (khảm) là *khóm* (khóm bạc) và chữ (dụng) là *dòng* (dòng vàng) thì không đúng.

   Rụng vàng: mùa thu lá ngô đồng vàng trước các cây khác và rụng sớm. *Cổ thi* có câu: *Ngô đồng nhất diệp lạc, thiên hạ cộng tri thu:* (Một lá ngô đồng rụng, thiên hạ biết thu về).

   T.K: *Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô (c.1594).*

4. *Bạch dương:* tên một thứ cây có lá tròn, to và cạnh có răng cưa, nên còn gọi là đại diệp dương. Lá của cây bạch dương mặt trên xanh, mặt dưới trắng, có cuống dài nên dễ bay theo gió và hòa thành tiếng nghe vi vu. Thân cây dùng làm củi đun rất tốt. Cây bạch dương thường trồng ở các nơi tha ma mộ địa.

   Man mác: có đượm vẻ buồn. T.K: Hoa trôi man mác biết là về đâu (c.1050). *Man mác* cũng chỉ một cảnh vật bao la vắng vẻ, gợi ra một tâm trạng cô đơn.

5. *Đường lê:* còn gọi là *cam đường* hoặc *dã lê*. Cây đường có hai thứ trắng và đỏ. Thứ đỏ gỗ rắn mà dẻo, đời xưa dùng để làm cán cung. Thứ trắng có quả ăn được.

7. *Thiết tha:* thương tiếc xót xa. (*Thiết*: cắt, *tha*: mài. Khi cắt thì lưỡi dao dính vào mặt bị cắt, khi mài thì lưỡi dao sát với mặt đá mài, hai vật sát liền nhau, không dời nhau là *thiết tha*. Hai chữ ấy sau mới được dùng để chỉ tình thân thiết của hai người).

8. *Cõi dương: dương* là một khí trong trời đất trái với *âm*, nghĩa rộng là trên trần gian như *dương gian*, *dương thế* chỉ cõi người sống ở cõi đời.

   Cõi âm: âm là một khí trong trời đất trái với *dương* nghĩa rộng chỉ cõi người chết ở như *âm phủ*, *âm ti* (một tòa coi việc dưới âm).

http://tieulun.hopto.org

Sau câu thứ 8 này bản C.Đ có thêm 12 câu nữa (xem bài *Vấn đề hiệu đính bài Văn tế Thập loại chúng sinh* trang 861).

9. *Trường dạ:* Đêm dài, chỉ cảnh tối tăm dưới âm phủ.

10. *U minh: (u:* tối, *minh:* tối tăm) tối tăm mờ mịt, ý nói đến cảnh ở dưới âm phủ.

12. *Hồn đơn phách chiếc:* hồn đơn phách chiếc. *Hồn* là phần thiêng liêng vô hình của người; *phách* là vía. *Hồn phách* là tên gọi khác của tâm thân. *Hồn* là tâm thức, có diệu dụng nhưng không có hình hài. *Phách* là có hình thể và là chỗ tâm thức nương vào.

T.K: *Sinh đà phách lạc hồn xiêu.* (c.1823)

Tôi đòi phách lạc hồn bay (c.1651)

13. *Hương khói:* nói sự thờ cúng. Cả câu ý nói không có nơi nào, người nào thờ cúng cho.

14. *Mồ côi:* cũng viết là *bồ côi* chỉ người con không còn cha hay mẹ hay không còn cả cha lẫn mẹ. Ở đây có nghĩa là hồn cô đơn, không có người săn sóc cúng lễ cho, bị bỏ rơi, đói khát.

17. *Lập đàn:* lập cái đàn cao bằng gỗ hoặc đắp bằng đất để tế lễ. Chữ *"đàn"* gốc là chữ Phạn "mandala" (mạn đồ la) dịch nghĩa là "đàn". Đắp đàn để đặt thờ các vị chư tôn Mạn đồ la.

Giải thoát: cởi bỏ sự trói buộc của hoặc nghiệp, thoát ra khỏi khổ qua của tam giới để lên được Niết bàn.

18. *Tĩnh bình:* bình nước trong.

Dương chi: cành dương. *Hạt dương chi:* ý nói lấy cành dương nhúng vào nước rồi rảy để làm phép. *Hạt* đây là những giọt nước. Sở dĩ dùng *"hạt"* thay cho *"giọt"* là để vần với chữ *"thoát"* ở câu trên.

19. *Phật:* phiên âm tiếng Phạn Buddhaya, gọi đủ cả từ là *Phật đà*, dịch nghĩa là giác hoặc là trí. Đức Phật là bậc tu đã tới cõi giác ngộ hoàn toàn, lại giáo hóa cho người được hoàn toàn giác ngộ. Như đức Thích Ca bỏ hết chỗ mê lầm của chúng sinh để tế độ cho chúng sinh thế là Phật.

Từ bi: thương yêu chúng sinh, mang lại cho họ niềm an lạc vui sướng gọi là *từ*. Đồng cảm nỗi khổ cho họ gọi là *bi*. Đây là hai trong số bốn Vô lượng tâm.

20. *Giải oan:* cởi mối oan ức.

Cứu khổ: giúp cho khỏi phải chịu sự cay đắng, khổ sở.

Tây phương: còn gọi là *Tây phương cực lạc tịnh độ* tức cõi cực lạc của đức Phật A Di Đà.

Kinh A Di Đà: "Từ đây về phương Tây vượt qua mười vạn ức cõi Phật có một thế giới tên là Cực lạc. Cõi đó có đức Phật, hiệu là A Di Đà đang thuyết pháp".

http://tieulun.hopto.org

21. *Kiểu hãnh* 僥倖 *cầu may,* nói kẻ chỉ biết cầu lợi không chán (chữ cũng đọc là *nghiêu).* Hoàng Xuân Hãn đã giảng *"kiểu hãnh"* là ngấp nghé địa vị cao quá sức mình.

    Đàm Quang Thiện đã giảng *kiêu* 驕 là làm bộ, tự cao, bướng; *hãnh* 悻 là giận, hầm; tự cho là có tài cao mà khinh người. Giảng như Đàm Quang Thiện thì sai hẳn.

    Chữ *"Kiểu"* 僥 còn có thể viết là 徼 (Theo Từ nguyên) và đọc là *kiêu. Kiêu* là cầu như *kiêu phúc* là cầu phúc, *kiêu hạnh* là cầu may. Chữ 倖 (hạnh) cùng nghĩa với chữ 幸 (hạnh) là may.

22. *Chí* 志 ý muốn làm một việc gì tốt đẹp.

    Cất gánh non sông: mang lấy công việc nặng nề của đất nước. *Cất:* như ý nói đưa vai ra gánh lấy.

    Lãm: toan.

23. *Tranh hùng: (tranh:* giành với người khác một điều gì; *hùng:* giống thú đực, mạnh) tranh giành với kẻ khác để xem ai anh hùng hơn ai.

24. *Thế khuất: (khuất:* co lại, nghĩa rộng là chịu nhục) nói kẻ ở vào thế cùng phải chịu khuất, chịu thua, chịu nhục.

    Vận cùng: (vận: số mệnh xoay vần đến, *cùng:* cuối hết, không còn gì nữa) vận mệnh đã đến lúc cùng, không còn làm gì được nữa, hết cách hành động.

25. *Tro bay ngói lở:* ý nói gặp sự tai họa bất ngờ làm cho tiêu tan cả sự nghiệp của người anh hùng trong phút chốc.

26. *Thất phu: (thất* 匹 một cái, một chiếc, một đứa; chữ này không dùng một mình) một người dân thường. L.V.T: *Uổng trang thục nữ sánh cùng thất phu.*

    Cả câu ý nói chí lớn không thành, sự nghiệp anh hùng bị sụp đổ thì chỉ còn có chết chứ không thể sống làm kẻ thất phu được.

27. *Cả:* lớn. Cả câu ý nói càng giàu sang thì lại càng có nhiều oán thù vì đã làm hại đến người khác để lấy lợi cho mình.

29. *Vô tự* 无祀 : không có ai thờ cúng.

    Lạc loài: bơ vơ không biết đâu mà về.

    Nheo nhóc: bị thiếu thốn, không có ăn có uống, chịu cực khổ vô cùng.

31. *Thành bại là cơ: (cơ:* máy tạo, tạo hóa) ý nói sự thành bại là thuộc vào máy tạo huyền bí định đoạt.

32. *U hồn: (u:* tối) hồn người chết.

    Cho tan: ý nói cho hóa làm kiếp khác được.

http://tieulun.hopto.org

33. *Màn lan trướng huệ:* nơi ở của các công chúa, các cô tiểu thư con nhà giàu có; màn có thêu hoa lan, trướng có thêu hoa huệ.

Cung quế Hằng Nga: cây quế trong cung trăng. Vua Trần Hậu Chủ dựng cung điện cho bà Trương Lệ Hoa ở cung này có xây một cái cửa tròn lớn, khảm một tấm thủy tinh pha lê như hình một mặt trăng, trước cửa trồng một cây quế, tượng hình cây quế trong cung trăng của Hằng Nga.

Cung trăng Hằng Nga ở đây chỉ chỗ phòng khuê của các công chúa lá ngọc cành vàng và của tiểu thư thiên kim.

35. *Thay đổi sơn hà: (sơn:* núi, *hà:* sông; chỉ đất nước) đất nước đổi chủ, dòng họ này mất ngai vàng, dòng họ kia lên trị vì.

37. *Trên lầu cao:* gợi ý đến cảnh những người nhảy từ lầu cao xuống đất mà tự tử.

Dưới dòng nước chảy: gợi ý đến cảnh những người gieo mình xuống dòng nước chảy để tự tử.

38. *Trâm gẫy bình rơi:* cái trâm cài đầu bị gãy, cái bình hoa bị rơi vỡ tan, ý nói đến người đàn bà đẹp chết. T.K: *Thuyền tình vừa ghé tới nơi, thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ* (c.69-C.70).

41. *Không hương không khói:* không có ai thờ tự, không có ai thắp hương cúng lễ cho.

42. *Đầu suối ngàn sim:* ở đầu ngọn suối, ở tận cuối ngàn sim. *Ngàn:* rừng núi; *sim:* thứ cây nhỏ mọc ở rừng, quả nhỏ mà đỏ sẫm ăn được. Ca dao: *Muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh.*

44. *Càng héo... càng dàu:* càng héo úa... càng buồn ủ rũ trong lòng vì khổ tâm.

Dàu: nhăn vì khổ.

45. *Mũ cao áo rộng*: chỉ những vị quan lớn ở trong triều đình, hoặc những vị quan lớn đứng đầu các tỉnh.

46. *Ngọc bút son*: *(son:* đá đỏ mài làm mực viết thời trước) ngọn bút của các quan phê bằng son trên các án trạng, công văn.

47. *Kinh luân: Kinh:* đường dọc, sợi thẳng, trong việc dệt chia ra từng mối tơ gọi là *kinh;* so những mối tơ cho bằng để gộp lại với nhau gọi là *luân.* Nghĩa bóng nói về sự lắp đặt sửa sang việc chính trị trong nước.

T.K: *Là Hồ Tôn Hiến kinh luân gồm tài* (c.2452).

Chất một túi đầy: ý nói có nhiều tài về việc trị nước.

48. *Quản Nhạc... Y Chu:* là bốn chính trị gia ở Trung Quốc xưa kia rất nổi tiếng.

Quản tức là Quản Trọng, người đời Xuân Thu, tên là Di Ngô, làm Tể

http://tieulun.hopto.org

tướng giúp vua Tề Hoàn Công nên được nghiệp bá. Quản Trọng được vua Tề tôn vào bậc Trọng phụ.

Nhạc: tức Nhạc Nghị, người đời Chiến Quốc, nước Triệu. Nhạc Nghị giúp vua Yên đi du thuyết Tần, Triệu và Hàn để đánh Tề. Vua Tề thua chạy, Nhạc Nghị phá thành vào chở châu báu về Yên. Sau khi vua Yên Chiêu Vương mất, Thái tử Lạc Tư lên nối ngôi, nghe kẻ gièm pha, không ưa Nhạc Nghị nữa nên Nhạc Nghị lại trở về Triệu.

Sách *Thục Chí:* Gia Cát Lượng tự ví mình với Quản Trọng và Nhạc Nghị.

Y: tức Y Doãn, một tướng hiền đời Thương.

Vua Thương nghe tiếng Y Doãn cày ruộng ở Hữu Sằn là người hiền, đến vời ba lần Y Doãn mới chịu về giúp, giữ chức Tể tướng. Y Doãn có công đánh vua Kiệt nhà hạ, lại giúp vua nhà Chu gánh vác việc cai trị trong nước.

Chu: tức Chu Công, người đời nhà Chu, con vua Văn Vương, tên là Đán, định chế độ lễ nhạc, đặt ra nghi thức quan, hôn, tang, tế tức các qui tắc phải theo trong mọi việc xảy ra trong đời sống xã hội.

Đã đêm... lại ngày: ý nói luôn luôn lo giúp nước như các nhà chính trị nổi tiếng như xưa.

(Nếu chép là *Quản Cát* tức là nói đến Quản Trọng và Gia Cát Lượng).

49. *Thịnh mãn: (thịnh:* phát đạt, hưng vượng; *mãn:* đầy đủ, không thiếu thứ gì) thịnh vượng và đầy đủ mọi bề, giàu sang đến cực độ.

50. *Mồ nấm:* bản Lê Thước, Văn đàn bảo giám và Nam Phong đều chép là nấm mồ. Bản C.Đ chép 侵稔 Hoàng Xuân Hãn cho là Lê Thước đã không hiểu chữ cổ nên đã sửa lại. Ông cho là sai nên đã phiên âm hai chữ 侵稔 là *xâm nẫm* và đã giải thích rằng: *"Sự này bắt buộc ta phải nghĩ đến thành ngữ cổ, còn chữ ở miền Nam là tiếng xắm nắm, nghĩa là chực sẵn, sẵn sàng, sắm sửa làm điều gì; cũng nói xắm rắm. Các tự vị Taberd, Genibrel, Của đều có tiếng ấy".* Nhưng theo Génibrel và P. Của thì *xắm nắm* lại viết là 懺 廩 hoặc 懺 啉 khác hẳn với 侵稔.

Hai chữ 侵稔 phải đọc là *xâm nhẫm* hoặc *xâm nẫm (xâm:* lấn chiếm, *nhẫm:* lâu ngày)

Nhưng chưa chắc bản Nôm C.Đ đã chép đúng nên chúng tôi đã để theo bản L.T là *mồ nấm.*

52. *Lầu ca viện xướng:* chỗ ăn chơi tiêu khiển của các người giàu có.

53. *Thân thích: (thân:* họ nội, *thích:* họ ngoại) họ hàng nội ngoại.

Vắng sau vắng trước: ý nói xa lánh cả, không có ai dám nhận họ sợ vạ lây.

http://tieulun.hopto.org

55. *Cô hồn:* hồn người chết bơ vơ không ai thờ cúng.

Thất thểu: nói cái bộ đi loạng choạng không vững, bước chậm chạp, tỏ ra mệt mỏi vì đói ăn thiếu uống.

56. *Hóa sinh:* hóa làm kiếp khác. Cả câu ý nói còn nặng oan không có nhẽ nào lại tìm cách hóa sinh được, tìm đường giải thoát được.

57. *Bài binh bố trận: (bài:* bày ra, dàn ra; *binh:* quân lính; *bố:* xếp đặt; *trận:* cuộc đánh nhau) dàn quân và bố trí chỗ quân trấn giữ để đánh nhau; nói chung là công việc chỉ huy của các võ tướng.

58. *Ấn nguyên nhung: Ấn:* con dấu của một viên quan. T.K: *Rắp mong treo ấn từ quan.* (c.2939). *Nguyên:* đầu, trên hết. *Nhung:* binh lính. Người cầm đầu các binh lính gọi là *nguyên nhung* hay *nguyên súy.*

Cả câu ý nói đem mình vào nơi chiến trận mong bắt lấy quân giặc để cướp chiếc ấn của viên chỉ huy bên địch.

59. *Gió mưa sấm sét:* ý nói đến các trận đánh dữ dội, ào ào súng nổ đạn rơi.

60. *Phơi thây trăm họ: (trăm họ:* ý nói đến tất cả mọi người dân) biết bao người phải chịu chết phơi thây ngoài chiến địa.

Làm công một người: chỉ để cho một người là viên tướng được hưởng công.

61. *Thất thế:* mất hết thế lực, bị thua trận.

62. *Sa trường: (sa:* cát, *trường:* bãi đất rộng) chỗ trận địa, nơi hai bên quân sĩ đánh nhau.

63. *Vô chủ:* không có ai nhìn nhận vì *"buổi chiến trận mạng người như rác".*

64. *Vùi:* chôn một cách vội vã, không đắp mồ nấm gì nên về sau không ai biết mà đi nhận được.

65. *Xâm xẩm:* gần tối mịt. Cũng nói xẩm xẩm *(Xẩm:* tối, mờ quáng, xẩm tối, xẩm mặt trời).

Mưa gào gió thét: mưa gió dữ dội; mưa thật to, gió thật mạnh.

66. *Khí âm vân:* khí chỗ tha ma của những người đã chết bị tối mờ mịt.

68. *Tế tự: tế:* cúng lạy theo nghi tiết long trọng; tự thờ, thờ cúng.

Chưng thường: (chưng: tế về mùa đông, *thường:* tế về mùa thu) tế lễ cúng bái theo từng mùa (về mùa xuân gọi là *từ,* về mùa hạ gọi là *dược).*

69. *Trí phú: (trí:* đến; *phú:* giàu có) tìm cách làm cho được giàu có.

71. *Ruột rà:* nói cái tình thân cùng máu mủ.

Chí thân: rất thân, rất quí mến nhau.

74. *Phù vân: (phù:* nổi, *vân:* mây) mây nổi rất mau tan biến. Của bất nghĩa có được cũng không khác gì mây nổi trên trời, rất dễ tan biến.

75. *Tiền chảy bạc dòng: (dòng:* tuôn chảy) tiền bạc tuôn chảy, tiêu tiền như

http://tieulun.hopto.org

nước, ý nói giàu có tiền nhiều như nước.

77. *Khóc ma mướn:* trước kia có tục thuê người khóc lúc đưa đám cho có vẻ thảm thương để tỏ lòng hiếu thảo vì vậy mới có người đi khóc mướn.

78. *Hòm:* cái áo quan, cái quan tài.

Gỗ đa (da): thứ gỗ xấu và nhẹ.

Bó đóm: gồm những thanh tre hoặc nứa khô bó lại rồi đốt ở đầu trên, còn đầu dưới cầm để đi soi đường lúc đêm.

79. *Lối rộc* 堺 淯 *(rộc:* lạch nhỏ và nông) chữ 堺 phải đọc là *lối* chứ không thể đọc là *nội* được. Chữ *nội* 內 viết khác hẳn.

Lối rộc: lối đi dọc theo bờ lạch nước.

Vì cánh đồng chiêm bị ngập nước nên đám người đem chôn ngấn ngơ đi dọc theo bờ lạch nước để tìm một chỗ cao có thể chôn được người chết. Chôn rồi nhiều khi bị ngập nước nấm mồ cũng không tìm ra được nữa và cũng chẳng có ai tới thắp cho nén hương hoặc rưới cho chén nước.

81. *Chữ quí: qui* là quí trọng. Ngày xưa muốn được quí trọng thì phải đi học để đậu đạt cho cao, cho có danh vọng.

82. *Dấn mình vào thành thị:* cố đem thân mình vào nơi thành thị để theo học.

Lân la: tìm cách làm quen với các bạn bè để cùng tìm thầy học hỏi.

83. *Mấy thu:* mấy năm.

84. *Văn chương:* nói chung là sách vở chữ nghĩa mà người thư sinh phải theo học.

Trí thân: đem cả thân mình để thực hiện cái mộng thư sinh.

Cả câu ý nói văn chương đâu đã chắc gì mà phải đem cả thân mình ra để theo đuổi cho thành đạt được.

Nguyễn Du cũng đã nói: *"Bách niên cùng tử văn chương lý"* (Mạn hứng): cuộc đời trăm năm chết xác trong chốn văn chương.

hoặc:

"Nhất cùng chí thử khởi công thi" (Lỗi Dương Đỗ Thiếu Lăng mộ): cùng quẫn đến thế có phải vì giỏi làm thơ?

Thế thì *"Văn chương đã chắc đâu mà trí thân"* là đúng.

86. *Khem kiêng:* nói thuận đi là kiêng khem có nghĩa là giữ gìn không ăn phạm đến của độc.

87. *Liệm:* bó xác người chết bằng lụa, vải (nếu nghèo thì bọc thây bằng tấm chiếu).

Liệm sập chôn nghiêng: ý nói lo việc tống táng một cách vô cùng cẩu thả, rẻ rúng đối với người chết.

http://tieulun.hopto.org

89. *Phần tử: (phần:* thứ cây người ta hay trồng ở đầu làng; *tử:* thứ cây to cũng thường trồng ở đầu làng) hai thứ cây người ta hay trồng ở đầu làng cho nên hai câu đó thường được dùng để chỉ chỗ quê hương.

T.K: *Đoái thương muôn dặm tử phần* (c.2235).

Hương khúc: xóm làng ở cách xa thành thị.

90. *Tha ma:* bãi đất hoang dùng để chôn người chết.

91. *Tha hương: (tha:* cái khác, kẻ khác) xứ khác, không phải nơi quê quán mình.

94. *Buồm dơi:* cánh buồm có gọng trương lên trông như cánh dơi.

Chạy xế: chạy xiên với chiều gió.

95. *Giông tố: (tố:* cơn giông; *giông*: cơn mưa gió to) mưa to gió lớn. T.K: *Lỡ khi giông tố phũ phàng* (c.1969).

96. *Kình nghê:* hai thứ cá to ở biển, hay nuốt cá con. Ca dao: *Kình nghê vui thú kình nghê, tép tôm thì lại vui bề tép tôm.*

98. *Chín dạn:* gánh lâu ngày vai cứng lại thành chai rồi bị nứt ra nhiều đường nhỏ.

101. *Khóa lính:* hạn định phải đi lính, hết hạn được về gọi là mãn khóa.

102. *Gánh việc quan:* (*gánh*: quẩy vật gì ở trên vai bằng đòn gánh, nghĩa bóng là cáng đáng công việc nặng nề) cáng đáng việc quan trên sai phái.

Ca dao: *Anh ơi! Phải lính thì đi, cửa nhà gánh vác đã thì có em.*

103. *Nước khe cơm ống:* nước uống không mang theo được, phải uống nước khe và cơm thổi phải dùng ống tre tươi. Cảnh đi lính phải gian nan như vậy.

104. *Lầm than một đời: (lầm:* vẩn đục lên) vất vả khổ sở cả một đời vì người dân xưa kia đi lính thú ở mạn ngược lâu lắm không được về hoặc có về thì cũng bị ngã nước khổ sở cả một đời.

Ca dao:

"Ba năm trấn thủ lưu đồn,
Ngày thì canh điếm, tối dồn việc quan.
Chém tre đẵn gỗ trên ngàn,
Hữu thân hữu khổ phàn nàn cùng ai..."

107. *Ma trơi:* thứ ma lập lòe ở tha ma mộ địa về ban đêm, do chất lân tinh ở xương người chết bốc cháy trong không khí.

Văn tế trận vong tướng sĩ: *"Mặt chinh phu khôn vẽ nét gian nan, lập lòe lửa trơi, soi chừng cố độ."* (Nguyễn Văn Thành).

110. *Bán nguyệt buôn hoa:* tức buôn bán nguyệt hoa. *Nguyệt hoa* mặt trăng

http://tieulun.hopto.org

và hoa; nghĩa bóng nói sự trai gái hẹn hò với nhau dưới trăng, bên hoa. *Nguyệt hoa* sau được dùng để chỉ sự chơi bời dâm dục.

T.K: *Đừng điều nguyệt nọ hoa kia* (c.461).

114. *Hớp cháo lá đa:* cúng cô hồn người ta đổ cháo vào trong lá đa đã được cuốn lại, muốn ăn phải cầm chiếc lá đa mà húp.

Hớp: há miệng mà húp lấy.

115. *Đau đớn thay phận đàn bà:* câu này giống hẳn với câu 83 trong *Truyện Kiều* nói về thân phận người đàn bà có số bạc mệnh. Có thể vì nhận thấy câu nói chung đến cả các phụ nữ nên bản C.Đ mới sửa lại là: *"Não nùng thay số đào hoa"* để chỉ riêng những phụ nữ nào có số đào hoa mới chịu mệnh bạc.

118. *Hành khất:* đi xin ăn.

120. *Hàng xứ:* người khác xứ chưa từng quen biết.

Đường quan: đường cái lớn. Dịch ở chữ *quan lộ (quan:* thuộc về của công nhà nước). Ca dao: *Hỡi anh đi đường cái quan, dừng chân đứng lại em than vài lời.*

121. *Tù rạc: (rạc:* nhà giam tù; *bắt tù vào rạc)* bị giam trong nhà tù một thời gian dài như nói tù mọt gông.

122. *Chiếu lác:* thứ chiếu đan bằng cỏ lác.

Manh: mỏng. *Chiếu manh.*

123. *Chôn rấp:* ý nói đào hố chôn người chết vội vã rồi lấp đi bằng đất cát hoặc mọi thứ cỏ rác có ở chung quanh.

124. *Oan tình:* cái tình cảnh bị mắc tội oan khiến phải tù đày mà chết ở trong ngục.

125. *Tiểu nhi*: đứa trẻ còn bé bỏng.

130. *Sẩy cối sa cây:* sa sẩy cây cối. *(sa:* rơi xuống; *sẩy:* tuột, hụt, lỡ) ý nói leo cây bị hụt chân, lỡ bước mà té ngã xuống đất.

131. *Gieo giếng thắt dây:* nói về người tự tử gieo mình xuống giếng hoặc dùng dây để thắt cổ.

132. *Kẻ lây lửa thành:* cháy thành bị vạ lây. Do câu: *"Thành môn thất hỏa, hoa cập trì ngư"* (cửa thành lửa cháy, cá trong ao bị họa lây). Nghĩa là khi thành bị cháy người ta múc nước hồ ao ở ngoài thành để chữa cháy và cá bị chết khô vì hết nước.

Hoài cổ ngâm: *Cá ao lụy bởi lửa thành.*

133. *Sơn tinh thủy quái:* loài ma quái trên núi, loài quái vật dưới nước. Ý nói bị loài thú dữ trên núi, loài cá dữ dưới nước ăn thịt.

134. *Nanh khái:* răng hổ, răng cọp.

http://tieulun.hopto.org

136. *Sa sẩy:* bị băng thai mà chết.

Khốn thương: bị tai nạn mà chết.

138. *Nại hà:* con sông ở ba đường địa ngục.

Sông này có ba khúc nước chảy xoáy rất mạnh, tội nhân đến đó không có cách nào vượt qua, cứ kẻ trước người sau bị rớt xuống, cho nên gọi là Nại hà.

140. *Hồn xiêu phách lạc:* hồn phách xiêu lạc ý nói chết đi hồn lìa khỏi xác lạc lõng không biết ở đâu nữa.

145. *Thần từ:* đền thờ thần.

Phật tự: chùa thờ Phật.

147. *Mông quạnh đồng không:* tức là đồng không mông quạnh. *Mông quạnh:* rộng rãi vắng vẻ.

153. *Gà gáy:* ý nói lúc trời gần sáng. Xưa kia người ta tin rằng hồn ma chỉ hiện ra trong đêm đến khi gần sáng, có tiếng gà gáy thì biến mất.

157. *Siêu sinh:* vượt qua khỏi vòng sinh tử.

Tịnh độ (chữ 土 có hai âm: *thổ* và *độ)* cõi trời của các bậc thánh ở, không bị ngũ trọc nhiễm bẩn nên gọi là *Tịnh độ*. Theo lý thuyết nhà Phật, hễ ai tu hành, rửa sạch được trần chướng thì được thoát khỏi vòng luân hồi mà vào cõi thanh tịnh an lạc của chư Phật.

158. *Hào quang:* tia sáng. Đức Phật tổ thuyết pháp thì hào quang phát hiện ra.

Cứu khổ độ u: (độ: cứu vớt; *u:* tối). Cả câu ý nói đức Phật làm phép chiếu ánh sáng ra để cứu chúng sinh ra khỏi cảnh khổ sở và cõi tối tăm.

159. *Tứ đại bộ chu: (chu* cũng đọc *châu) Tứ đại hải:* bốn biển lớn ở bốn phía núi Tu Di. Trong mỗi biển đều có một đại châu tức bốn châu: 1. Nam Thiệm bộ châu, 2. Đông Thắng thần châu, 3. Tây Ngưu hóa châu. 4. Bắc Câu lư châu.

Cũng gọi là *Tứ hải quần chu* và có nghĩa là tất cả các đất liền họp lại nơi người ta ở bốn mặt có bể bao quanh.

160. *Não phiền trút sạch, oán thù rửa không:* ý nói nhờ đức Phật mà não phiền được trừ bỏ sạch và mọi oán thù cũng không còn nữa khiến cho ai ai cũng được sung sướng trong khắp bốn bể bốn châu.

161. *Đạo vô thượng:* đạo Phật được tôn sùng vào bậc nhất, ở cao trên hết.

Thần thông quảng đại: (thần: nói về sự thiêng liêng linh diệu, *thông:* chuyển khắp mọi nơi, không có gì cản nổi; *quảng:* rộng, *đại:* lớn) tính linh thiêng tỏa ra khắp mọi nơi không gì cản được ý nói phép mầu của đức Phật rộng lớn vô cùng.

162. *Pháp luân: (pháp:* lời thuyết pháp, giảng giáo lý đạo Phật, *luân:* bánh xe) lời thuyết pháp của đức Phật có thể phá vỡ tội ác của chúng sinh cũng tựa như bánh xe báu Bảo luân của Luân Thánh Vương có thể xô đổ cả tảng núi đá.

http://tieulun.hopto.org

Lại có nghĩa là lời thuyết pháp của đức Phật không ngừng nghỉ lại ở một người nào, một chỗ nào mà xoay chuyển như bánh xe để truyền đạt cho mọi người, cho nên gọi là *Pháp luân.*

Tam giới: ba cõi. Phật giáo chia thế giới vô thường thành ba cõi là dục giới, sắc giới và vô sắc giới.

Thập phương: mười phương của Phật giáo là Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, Thượng và Hạ. Người ta thường nói chín phương trời và mười phương Phật.

163. *Nhơn nhơn:* tả cái vẻ hồn nhiên tự tại mà nghiêm chỉnh.

Tiêu Diện quỉ vương: tên một vị thần mặt đen, vẻ hung tợn. Trong các đám chay thường dựng tượng Tiêu Diện để trấn áp ma quỉ.

Phú cổ: *Trước mặt đức Quan Âm, sau lưng thần Tiêu Diện.*

164. *Linh kỳ:* cờ linh thiêng.

Độ sinh: (độ: bến, đưa sang bến bên kia; nghĩa bóng là cứu vớt, cứu giúp; *sinh:* sống, các loài sinh vật, chúng sinh) cứu giúp cho muôn vật. T.K: *Độ sinh nhờ đức cao dày* (c.3055).

165. *Uy linh:* có vẻ tôn nghiêm, thiêng liêng ai cũng phải kính sợ.

Dũng mãnh: có vẻ tôn nghiêm, có sức mạnh phi thường.

166. *Chiêm bao:* giấc mơ trong khi ngủ.

169. *Phù sinh: (phù:* nổi trên mặt nước, chỉ có hư mà không có thực; *sinh:* sống, đời sống) cuộc sống ngắn ngủi.

Cung oán: *Tuồng ảo hóa đã bày ra đó,*
Kiếp phù sinh trông thấy mà đau.

Bào ảnh: (bào: cái bọt nước, *ảnh:* cái bóng) cái bọt nước, cái bóng sáng không được bao lâu.

Kinh *Kim Cương: "Nhất thiết hữu vi pháp như mộng ảo bào anh"* (Việc đời như giấc chiêm bao, như giọt nước, như cái bóng).

170. *Vạn cảnh giai không: (giai:* đều cả) vạn cảnh bày ra trước mắt ta đều là không cả, tất cả đều là ảo ảnh cả.

171. *Lấy Phật làm lòng:* lấy Phật ở trong lòng mình, suy nghĩ và hành động đúng với tinh thần giác ngộ.

172. *Siêu thoát:* vượt thoát ra ngoài vòng trần tục.

Luân hồi: (luân: bánh xe, *hồi:* quay trở về) Phật giáo cho rằng người ta sống chết trong khoảng lục đạo xoay tròn không bao giờ thôi. *Kinh tâm địa quán: "Các loài hữu tình sinh trong sáu đường, như chiếc bánh xe quay lăn không có sau trước."*

173. *Chẩn tế:* (*chẩn*: cứu giúp, *tế*: cứu giúp) lấy tiền của mà cứu giúp người hoạn nạn.

Phật giáo: Phật dạy.

http://tieulun.hopto.org

176. *Siêu thiên:* lên trời, lên cõi Niết bàn vượt khỏi cõi khổ sở để lên cõi tiên cảnh.

180. *Tôn giả:* tiếng Phạn là Àrya (Alêda) dịch là thánh giả, dùng để chỉ những người trí đức đều cao. Tiếng tôn xưng các vị La Hán. Tôn giả đây chỉ vào ngài *A nan* (Ananda), người đã thiết lập ra lễ thí thực.

"Ngài Anan ngồi một mình trong tịnh thất. Canh ba đêm ấy thấy một con quỉ đói tên là Diệm Khẩu nói với ngài rằng: *"Ba ngày nữa mệnh ông sẽ hết, sẽ thác sinh vào loài quỉ đói".*

Ngài Anan bèn hỏi cách tránh khổ?

Con quỉ nói: *"Ngày mai ông phải bố thí cho trăm nghìn con quỉ đói chúng tôi mỗi người một hộc cơm và cúng dàng tam bảo cho tôi, thì ông sẽ được tăng tuổi thọ còn tôi sẽ được sinh vào cõi trời".*

Ngài Anan liền bạch với đức Phật. Đức Phật vì ông mà nói về pháp môn đàlani rằng: *"Tụng môn đàlani này có thể khiến cho vô số trăm nghìn kẻ được thí thực no đủ".*

181. *Hữu tình:* có tình thương tất cả chúng sinh.

Từ bi: (từ: hiền lành, *bi:* thương xót; hiền lành thương người) thương yêu chúng sinh, mang lại cho họ niềm an lạc vui sướng gọi là *từ.* Đồng cảm nỗi khổ và thương xót chúng sinh, trừ bỏ nỗi khổ cho họ gọi là *bi.* Đây là hai trong số bốn Vô lượng tâm.

Nam mô: do chữ Phạn *Namah, Namô* dịch âm là *Nam mầu, Na mô, Nam vô* (南無)dịch nghĩa là qui mệnh, kính lễ, qui lễ, cứu ngã, độ ngã. Đó là câu nói của chúng sinh hướng về Phật, qui y tín thuận.

Nam mô Phật: Namo buddhàya. Qui mệnh đối với Phật.

Kinh *Pháp hoa:* "Một lời niệm Nam mô Phật là đã thành Phật đạo".

Nam mô Pháp: Pháp (Dharma) phiên là Đạt ma, từ chỉ chung hết thảy mọi sự vật hiện tượng dù là to nhỏ hữu hình, vô hình, chân thực, hư vọng. Sự vật cũng là vật, đạo lý cũng là vật, tất thảy đều là *pháp* cả.

Nam mô Tăng: Tăng (Samgha) phiên là Tăng già, dịch là *hòa* hoặc là *chúng.* Số tì khưu từ bốn người trở lên hòa hợp thành đoàn thể. *Trí độ luận:* "Tăng già đời Tần gọi là *chúng.* Nhiều tì khưu hội họp với nhau một chỗ gọi là *tăng già".*

Tăng lúc đầu không thể dùng để chỉ một người về sau người ta có thể dùng từ "tăng" để gọi một người nhưng từ ấy đã có nghĩa là một vị sư xuất gia tu đạo Phật. *Tăng sử lược:* "Nếu gọi riêng một từ Tăng thì phải có từ 4 người trở lên mới được gọi thế, nay gọi một người là Tăng, về lý không thỏa đáng, song như 12.500 người là một quân, mà có một người cũng gọi là quân, thì gọi *"tăng"* cũng giống như thế.

Phật - Pháp - Tăng theo đạo Phật gọi là Tam bảo.

184. *Nhất thiết:* hết thảy.

http://tieulun.hopto.org

VẤN ĐỀ HIỆU ĐÍNH BÀI VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH

Bài *Văn tế Thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du do nhà sư Chính Đại [1] sưu tầm được và sau khi hiệu đính đã cho khắc in bằng chữ Nôm trong sách *Ứng phó dư biên tống tập*, vào năm 1895.

Trong lời *Tiểu dẫn*, nhà sư đã nói:

"Các văn quốc âm trên đây [2] đến nay các người lập đàn chay tại các nơi hay dùng. Nghe ra thì các câu đọc không có nghĩa và từ chương quê kệch. Ấy chừng vì tiền nhân đã soạn ra từ lâu năm mà chưa được đem ra khắc cho nên tam sao thất bản đến đỗi làm mất chân thật. Năm Thành Thái Ất Mùi (1895) tôi là Đại, gắng sức đính chính, viết ra rõ ràng thành từng bài, rồi đem khắc ván để truyền lâu dài về sau".

Ký

Hưng Phúc tự

Trụ trì Chính Đại cẩn chí.

Một bản in khác bằng chữ Quốc ngữ do Lê Thước phiên âm từ bản Nôm tìm được ở chùa Diệc - *gần phía Bắc thành Nghệ An xưa* - đã được in trong quyển *Truyện cụ Nguyễn Du* [3] - từ trang 28 đến trang 33 - xuất bản năm 1924.

Cả hai bản Nôm này đều không ghi tên soạn giả nhưng qua bút pháp chúng ta có thể tin ngay được tác giả chính là Nguyễn Du như lời truyền lại từ trước.

Tác giả *Truyện Kiều* thường dùng phép tiểu đối trong các câu thơ của mình như:

---

1. Trụ trì chùa Hưng Phúc, xã Xuân Lôi, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh.
2. Gồm tám bài: *Bảo Đường ca, Ban xá bản, Chiêu linh thán, Phụ phan văn, Trạo thuyền bản, Khai quang thức* và hai bài *Thỉnh cô hồn văn.*
3. Nhà in Mạc Đình Tư, Hà Nội, 1924.

http://tieulun.hopto.org

Ngày xanh mòn mói, má hồng phôi pha (c.86)
Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình (c.256)
Cạn dòng lá thắm, dứt đường chim xanh (c.268)
Chẳng sân ngọc bội, cũng phường kim môn (c.410)
Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người (c.890)

thì trong bài *Văn tế thập loại chúng sinh* chúng ta cũng thấy có những câu đặt như thế:

Hoa lau nhuốm bạc, lá ngô rụng vàng (c.4)
Máu tươi lai láng, xương khô rã rời (c.28)
Càng năm càng héo, một đêm một dàu (c.44)
Đã đêm Quản Nhạc, lại ngày Y Chu (c.48)
Phơi thây trăm họ, làm công một người (c.60)
Anh em thiên hạ, láng giềng người dưng (c.88)
Gió trăng hiu hắt, lửa hương lạnh lùng (c.92)
Dãi dầu ngàn dặm, lầm than một đời (c.104)
U ơ tiếng khóc, thiết tha nỗi lòng (c.128)
Người trôi nước lũ, kẻ lây lửa thành (c.132)
Thở than dưới đất, ăn nằm trong sương (c.152)
Não phiền trút sạch, oán thù rửa không (c.160)

Nếu kể từng cặp chữ đối nhau thì cũng có rất nhiều như:

Hồn đơn phách chiếc *lênh đênh quê người (c.12)*
Giải oan cứu khổ, *hồn về Tây phương (c.20)*
Cũng có kẻ màn lan trướng huệ (c.33)
Khi thất thế tên rơi lạc đạn *(c.61)*
Bãi sa trường thịt nát máu trôi *(c.62)*
Vội vàng liệm sấp chôn nghiêng (c.87)
Cũng có kẻ nằm cầu gối đất *(c.117)*
Kìa những kẻ chìm sông lạc suối *(c.129)*
Cũng có người sẩy cối sa cây *(c.130)*
Hoặc là ẩn dọc bờ dọc bụi *(c.141)*
Hoặc là nương ngọn suối chân mây *(c.142)*
Hoặc là điếm cỏ bóng cây (c.143)
Hoặc là quán nọ cầu này *bơ vơ (c.144)*

Những cặp chữ đối nhau như vậy, chúng ta cũng thấy rải rác trong suốt *Truyện Kiều* như:

Nào người phượng chạ loan chung (c.89)

http://tieulun.hopto.org

Nào người tiếc lục tham hồng *là ai* (c.90)
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao (c.144)
Âu đành quả kiếp nhân duyên (c.201)
Bỗng không mua não chuốc sầu *nghĩ nao* (c.236)
Thâm nghiêm kín cổng cao tường (c.267)

Ngần ấy thí dụ cũng đủ để chúng ta tin rằng tác giả bài *Văn tế Thập loại chúng sinh* là Nguyễn Du.

Chính vì sự tin tưởng ấy nên trong các sách báo sau này - *kể từ quyển Văn đàn bảo giám in năm 1926* [1] - đều ghi tác giả là Nguyễn Du.

Năm 1965, nhân kỷ niệm đệ nhị bách chu niên Nguyễn Du, Đàm Quang Thiện có cho in tập sách nhỏ *Chiêu hồn Thập loại chúng sinh* [2] do ông hiệu chú khá công phu.

Nhưng cách hiệu chú của Đàm Quang Thiện còn chưa được chính xác và khoa học như Hoàng Xuân Hãn đã làm trong bài *Lễ Vu lan với Văn tế cô hồn* đăng trên Tạp chí Văn học số 2 năm 1977.

Hoàng Xuân Hãn đã căn cứ vào hai bản được coi là xưa nhất: bản Nôm của nhà sư Chính Đại in năm 1895 và bản Quốc ngữ do Lê Thước phiên âm từ bản Nôm của Chùa Diệc, in năm 1924 để hiệu đính lại bài *Văn tế Thập loại chúng sinh.*

Ông đã cho bản của Lê Thước phiên âm là có giá trị hơn bản của nhà sư Chính Đại hiệu đính vì *"toàn bài đồng một sắc thái"* và *"ngôn ngữ lại có pha một số danh từ và thành ngữ đến nay còn tính cách xứ Nghệ"*. Ông đã dẫn ra một thí dụ:

Kẻ thì mắc sơn tinh thủy quái,
Người thì lâm răng khái ngà voi.

(c.133 - c.134)

ở bản Chùa Diệc mà nhà sư Chính Đại đã hiệu đính lại là:

Người thì mắc sơn tinh thủy thú,
Cùng độc xà vuốt hổ ngà voi.

và cho rằng chữ *"khái"* là chữ cổ, nghĩa là hổ, cọp mà *đến nay thì từ Nghệ An đến phía Bắc Quảng Bình vẫn nói và dùng một cách gần chuyên nhất.* [3]

---

1. Nhà sách Nam Ký in lần thứ nhất năm 1926, tái bản lần thứ ba năm 1932.
2. Nam chi tùng thư. 1965, Sài Gòn.
3. Làm sao ông có thể xác định được khi không về ở Việt Nam mà chỉ sống ở bên Pháp cho đến khi qua đời.

http://tieulun.hopto.org

Ông lại cho rằng người ở Bắc "không đọc ra chữ Nôm có chữ 既 (ký) bên cạnh bộ 犭 (khuyển) = 猈 " hoặc "đúng hơn không biết nghĩa, nhưng cũng đoán đúng ý", cho nên nhà sư Chính Đại đã đổi *"răng khái"* ra *"vuốt hổ"* và đã đổi *"thủy quái"* ra *"thủy thú"* cho hợp vần.

Ông có nhận xét thêm là *"tuy cứu được vần nhưng ý thì thành vô vị vì giải trạnh, rùa, thuồng luồng, cá sấu không phải là loài thú"*.

Giải thích như vậy rồi, ông cho bản Nôm Chùa Diệc mà Lê Thước phiên âm đáng được lấy làm cơ bản trong sự tái lập bài *Văn tế cô hồn* này và một điểm ông muốn lưu ý độc giả nữa là *"tác giả bài này là người xứ Nghệ"*.

Chúng tôi nhận thấy Hoàng Xuân Hãn đã cho rằng người ở Bắc không đọc ra chữ Nôm 猈 (khái).

Thực ra chữ *"khái"* ấy ở ngoài Bắc cũng có dùng và nhà sư Chính Đại hẳn phải biết nên mới đổi ra chữ *"hổ"* cho người nghe đọc văn tế dễ hiểu. Có thể cũng vì lẽ đó mà người ta mới sửa hai câu 113-114 là:

Người thì mắc sơn tinh thủy quái,
Người thì sa nanh sói ngà voi.

Ngoài ra bài *Văn tế Thập loại chúng sinh* không có mấy chữ là thổ ngữ của xứ Nghệ và Nguyễn Du tuy nguyên quán ở Hà Tĩnh nhưng mẹ là người Bắc Ninh, lại sinh ra ở Thăng Long, lớn lên ở đất Bắc, lấy vợ người Thái Bình, làm quan ở Thái Nguyên cho đến ngoài 30 tuổi mới về làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Như vậy Nguyễn Du, *nếu đã ở từ bé đến lớn ở đất Bắc* thì con người của ông phải chịu ảnh hưởng sâu đậm của ngôn ngữ và phong tục miền Bắc, cho nên chúng ta mới thấy cả trong *Truyện Kiều* dài 3254 câu, ông chỉ dùng có mấy chữ miền Trung, vùng Nghệ Tĩnh mà thôi.

Hoàng Xuân Hãn tuy lấy bản Chùa Diệc của Lê Thước phiên âm làm cơ sở để hiệu đính nhưng có một vài chỗ ông lại theo bản của nhà sư Chính Đại.

Thí dụ như ở hai câu 49-50:

Thịnh mãn lắm oán thù càng lắm,
Trăm loài ma mồ nấm chung quanh.

Ông cho rằng Lê Thước không hiểu tiếng cổ nên khi thấy hai chữ Hán (xâm nẫm) đã đọc là *mồ nấm* vì thấy chữ (nẫm) gần giống chữ Nôm (nấm) và để cho có nghĩa đã đổi chữ *"xâm"* là *"mồ"*.

http://tieulun.hopto.org

Hoàng Xuân Hãn đã căn cứ vào hai chữ 侵 của bản in Chính Đại mà cho rằng:

"Sự này bắt buộc ta phải nghĩ đến thành ngữ cổ, còn chữ ở miền Nam là tiếng xắm nắm *nghĩa là chực sẵn, sẵn sàng, sắm sửa làm điều gì, cũng nói* xắm rắm".

Ông đã chép câu 50 là:

Trăm loài ma xắm nắm chung quanh

và đã giảng là: "những hồn kẻ thù chực kẻ ấy chết để báo oán".

Nhưng ông đã không để ý rằng chữ Hán 侵 (xâm) trong bản Chính Đại đâu phải là chữ (xắm) mà ông đọc hai chữ 侵稔 là *xắm nắm.*

Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của ghi:

xắm rắm 懺廩 : rắp, toan, sắm sửa, hòng.

Từ điển Việt - Pháp (Dictionnaire Annamite - Française) của J.F.M Génibrel ghi:

Xắm rắm 懺啉 S'apprêter à *xắm nắm* (T) id *xắm rắm đi:* S'apprêter à partir.

Xắm rắm đã có nơi: il a déjà fait son choix du parti à demander en mariage (d'un jeune homme).

(xắm nắm: sắp sửa, chuẩn bị - *nắm* (bắc) *-rắm đi:* sắp sửa ra đi. *Xắm rắm đã có nơi;* nói chàng con trai đã lựa chọn một người con gái để xin cưới).

Qua hai quyển Từ điển trên, chúng ta thấy rõ ràng là 侵稔 không thể phiên âm là *xắm nắm* được.

Nếu xem lại tự dạng của 侵稔 thì chữ 侵 phải đọc là *xâm.*

Xâm có nghĩa là tiến dần, đánh ngầm, xâm lấn

và chữ 稔 phải đọc là *nhẫm* hoặc *nẫm, Nhẫm*: lâu ngày.

Từ điển Việt - Hán - Pháp của Gustave Hue giảng (nhẫm) là garder longtemps (giữ lâu, tích lâu).

Từ điển Việt – Pháp của J.F.M Génibrel giảng 稔 (nhẫm) là accumuler (tích tụ, tích lũy), entasser longtemps (chất đống lại trong một thời gian dài). Répéter longtemps (nhắc lại trong một thời gian dài lâu). Fréquent (luôn), invétéré (thâm căn cố đế, thành cố tật), accoutumer (thành thói quen).

http://tieulun.hopto.org

Theo các nghĩa trên thì hai chữ 侵稔 *xâm nhẫm* có thể hiểu là xâm lấn lâu ngày, chiếm giữ lâu và hai câu:

Thịnh mãn lắm oán thù càng lắm,
Trăm loài ma xâm nhẫm chung quanh.

có thể giảng là:

"Bọn quan văn càng có nhiều thế lực và tiền tài, càng đầy đủ về vật chất thì càng có nhiều người vì họ mà bị khổ sở đã oán thù họ. Những người này giờ là ma, đủ trăm loại đang vây hãm họ, xâm nhập từ lâu chung quanh chỗ họ ở để chờ họ đến lượt phải chung một số kiếp".

Chúng tôi chưa dám nói chắc là hai chữ 侵稔 đã hoàn toàn đúng về âm và nghĩa nhưng nếu căn cứ vào tự dạng thì phải đọc là *xâm nhẫm* và phải hiểu như vậy.

Xuân Diệu khi viết bài *Đọc Văn chiêu hồn* đã có ý kiến rằng:

"Trong bài *Đọc Văn chiêu hồn* này, tôi đã chọn trong tất cả những bản *Văn chiêu hồn* tôi sưu tầm được và gặp những trường hợp lời văn khác nhau, thì ở mỗi bản tôi đã lấy những câu nào theo ý tôi, tôi thấy là hợp nhất, hay nhất, - còn riêng tôi thì không tự mình "sáng kiến" ra một câu nào".

Chủ trương như vậy nên ở câu 98 ông đã chép theo bản Lê Thước và đã cho rằng đây là:

"Một câu thơ rất hiếm trong thơ cổ điển:

Đòn *gánh tre* chín dạn *hai vai.*

Nguyễn Du là một thi sĩ, có sức cảm thông với người bình dân cực khổ như chính mình bị đau ở trong xương thịt, gồng gánh kĩu cà kĩu kịt mãi suốt đời, còn tham gánh nặng, thì *nát vai chín thịt*, lại còn trở gánh, nên chín cả hai vai, chiếc đòn tre này còn là cái trục trên ấy tựa cả một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu mãi".

Chúng tôi nhận thấy việc hiệu đính cổ văn phải được làm một cách cẩn thận, không nên có "sáng kiến" như Xuân Diệu đã nói.

Chúng tôi lại xin đưa ra thêm một thí dụ nữa về chữ 曷 (hạt) ở câu 18:

Nước tĩnh bình rưới hạt dương chi.

http://tieulun.hopto.org

Hoàng Xuân Hãn đã thắc mắc về chữ "hạt" mà Lê Thước đã phiên âm.

Ông cho rằng: *"Tĩnh bình* là bình nước trong, *dương chi* là cành dương. Ấy là hai vật xưa bày cúng Phật, cũng là tượng trưng phép lạ cứu độ chúng sinh: nhúng cành dương vào nước trong mà rẩy làm phép".

Ông cho như vậy chữ *"hạt"* là vô nghĩa.

Ông đoán là chữ *"hắt"* chăng? Nghĩa là *"lấy cành dương hắt nước mà rưới"*.

Ông nhận xét như vậy rồi đã chép câu 18 là:

Nước tĩnh bình rưới hắt dương chi.

nhưng chữ *"hắt"* không hợp vì nó diễn tả một động tác nhanh và mạnh như *"hắt chậu nước ra sân"*. Không ai làm phép mà lại *hắt* nước. Người ta chỉ vẩy nhẹ cành dương hoặc rưới nhẹ thành từng *giọt*, từng *hạt* nước thôi.

Truyện Kiều cũng có câu:

Cho hay giọt nước cành dương

chữ *"giọt"* thì cũng như chữ *"hạt"*.

Vậy ở câu 18 phải dùng chữ *"hạt"* mới đúng.

Cũng có chỗ Hoàng Xuân Hãn đã sửa lại câu thơ của Nguyễn Du như ở câu 82:

Dấn thân vào thành thị lân la.

thành:

Dấn thân vào thành thi bôn ba.

Ông cho rằng bản Chùa Diệc chép *"lân la"* có thể là nguyên thoại nhưng vì thấy bản Chính Đại đã sửa lại là *"phồn hoa"* nên ông đề nghị sửa là *"bôn ba"* và cho rằng "thoại này vừa đúng vần, vừa đúng ý" và "phải chăng đó là nguyên thoại".

Lân la là tìm cách làm quen để tạo ra mối quan hệ mật thiết nhằm thực hiện một mục đích nhất định. Ở đây người thư sinh cố gắng đưa thân ra tỉnh để dần dần tìm thấy bạn mà học hỏi. Chữ *lân la* rất đúng nghĩa và cũng không phải là nôm na gì vì *Truyện Kiều* cũng có những câu:

http://tieulun.hopto.org

Sớm đào tối mận lân la (c.1289)
Sự mình cũng rắp lân la giãi bày (c.1574)
Mẹ con trò chuyện lân la (c.1769)
Lân la tìm thú bên sông Tiền Đường (c.2629)
Lân la sẽ hỏi một hai sự tình (c.2756)
Nhẫn từ quán khách lân la (c.287)
Phật tiền ngày bạc lân la (c.2991)

Thế thì *lân la* mới đúng là nguyên thoại.

Còn *bôn ba* thì có nghĩa là chạy chọt vất vả để lo liệu một công việc như *"bôn ba lối lợi đường danh"*.

Hai từ ngữ ấy đã có nghĩa khác hẳn như vậy nên không thể thay *"lân la"* bằng *"bôn ba"* được.

Hoàng Xuân Hãn lại còn đề nghị sửa câu 127:

Lấy ai bồng bế vào ra

vì thấy bản Chính Đại đã sửa câu ấy là:

Nào ai bú mớm đấy mà

và ông đã nhận xét:

"Chắc rằng có kẻ đã coi hai tiếng *vào ra* là nôm na nhạt nhẽo cho nên chữa ra *đây mà;* nhưng hai tiếng này lại non hơn".

Ông cho rằng:

"Nếu cần phủ chính thì chữa ra:

Lấy ai bồng bế vỗ xoa

có lẽ cũng đúng vần và đủ ý hơn"

và ông lại tự hỏi:

"Biết đâu chẳng phải là nguyên thoại?"

Tuy nhận xét như vậy nhưng ông vẫn để nguyên câu này mà không sửa lại.

Qua mấy thí dụ trên, chúng tôi nhận thấy *Văn tế thập loại chúng sinh* vì đã không được khắc bản ngay nên đã bị tam sao thất bản từ lâu.

Bản của nhà sư Chính Đại thì tuy được khắc in vào năm 1895 - *cách năm Nguyễn Du mất tới 75 năm* - nhưng đã sửa chữa lại nhiều chỗ và lại còn thêm bớt đi nữa để có thể đọc vào những dịp lễ cầu hồn khác ngoài lễ Vu Lan.

1436

http://tieulun.hopto.org

– Thêm ở đoạn đầu sau câu thứ 8:

Châm hương thỉnh cô hồn chư vị,
Diệu già trì pháp khí tam thông.
Tấc lòng kính giải đàn trung,
Khắp mời Nam Bắc Tây Đông tịnh hồn.
Gồm thượng hạ càn khôn cấn tốn,
Trẻ cùng già trai gái biết bao.
Than rằng đất rộng trời cao,
Sao dời vật đổi biết bao nhiêu lần.
Dãi dầu bấy mưa xuân nắng hạ,
Sớm khuya cùng trăng gió cỏ hoa.
Cũng là đồng loại người ta,
Sa cơ nên phải nghĩ mà thương tâm.

– Thêm ở đoạn giữa câu 134 và câu 135:

Có người thuốc xái mê chơi,
Đa mang nghiện ngập của trời phá tan.
Sau gặp buổi vô nhan mới tỉnh,
Phút đăng tiên khôn lánh lưới trời.

Đoạn này rõ ràng là mới thêm vào để nói đến một loại cô hồn nghiện thuốc phiện, thứ thuốc mà thực dân Pháp mới đem vào để làm hại dân ta.

Tuy có thêm vào 16 câu nhưng bản Chính Đại lại bỏ đi 4 câu, từ câu 161 đến câu 164.

Đạo vô thượng thần thông quảng đại,
Chuyển pháp luân tam giải thập phương.
Nhơn nhơn Tiêu Diện quỉ vương,
Linh kỳ một lá dẫn đường độ sinh.

và để cho hợp vần đã đổi câu 165 là:

Nhờ Phật pháp linh thông quảng đại

cho vần với câu 160 là:

Não phiền thoát sạch, oán thù rửa trong.

Có thể nói nhà sư Chính Đại đã sửa lại khá nhiều chỗ trong bài *Văn tế Thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du nên ngày nay chúng ta chỉ có thể dựa vào bản Chùa Diệc mà Lê Thước đã phiên âm để làm tài liệu tham khảo nếu muốn tìm lại nguyên tác của Nguyễn Du.

http://tieulun.hopto.org

VĂN TẾ SỐNG
HAI CÔ GÁI TRƯỜNG LƯU

Bài *Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu* này, chưa chắc đã phải của Nguyễn Du làm ra.

Người đầu tiên có ý đi sưu tầm những bài thơ văn bằng quốc âm của Nguyễn Du là Lê Thước. Ông có được nghe người cháu bốn đời của Nguyễn Du (ông Tời, tức Nguyễn Phụ) nhắc đến bài văn tế sống kia nhưng lại không nhớ và chỉ nhớ có bài *Thác lời trai phường Nón*. Do đó ông chưa tìm ra được.

Đến năm 1928, tờ Nam Phong số 135 ra tháng 11 - 12 đã đăng bài Văn tế ấy và đây là lần đầu tiên nó được công bố nhưng lại ghi là *Vô danh*.

Đến năm 1943, Hoàng Xuân Hãn trong *Nguồn gốc văn Kiều - Hát phường vải* đã cho in bài văn tế ấy lên và ghi là của Nguyễn Du.

Cũng năm ấy, theo Trương Chính, ông đã tìm được một bản Nôm của bài văn tế ấy, dưới có đề tên Nguyễn Du và ông có đem đăng trên Giáo dục tạp chí thời bấy giờ.

Như vậy có thể Nguyễn Du là tác giả bài *Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu*.

Nhưng Nguyễn Du đã có khi nào về ở Tiên Điền trong vòng hai năm liền như bài văn tế đã nói không?

"Ba sinh đành một kiếp hẹn hò,
Hai năm được mấy lần chung chạ".

Và Nguyễn Du đã viết bài văn tế ấy khi nào?

Hoàng Xuân Hãn ngờ rằng đó phải là một tác phẩm đã được Nguyễn Du viết ra vào hồi dưới 25 tuổi vì *"cụ đậu tam trường lúc 19 tuổi rồi làm chức Thái Nguyên Hùng hậu hiệu Chính thủ hiệu. Năm 25 tuổi, vua Chiêu Thống bỏ chạy, cụ trốn về Sơn Nam".*

1438

http://tieulun.hopto.org

Nhưng nếu đối chiếu với niên biểu Nguyễn Du thì thấy ông rất ít về ở Tiên Điền trước năm 25 tuổi, nếu có cũng chỉ ở lại trong một thời gian rất ngắn. Ông mồ côi cha năm 11 tuổi, mồ côi mẹ năm 13 tuổi, nếu sau khi bố mẹ ông chết đi mà ông có về ở với người anh lớn Nguyễn Khản thì ông này cũng đang làm quan ở Thăng Long.

Chỉ từ năm 1784 sau vụ Kiêu binh nổi lên phá nhà Nguyễn Khản, hai anh em Nguyễn Khản và Nguyễn Điều mới rút về ở quê nhà. Nhưng Nguyễn Khản cũng chỉ ở làng Tiên Điền có một năm. Năm 1785, khi nghe tin quân Tây Sơn kéo ra Bắc, Nguyễn Khản lại đi thuyền vượt biển ra Bắc để mong cứu viện cho nhà vua. Nhưng không ngờ đến tháng 9 ông bị bệnh mất ở Kinh đô Thăng Long.

Cũng thời gian này Nguyễn Du còn ở Thăng Long và sau đó kế chân cha nuôi làm Chánh thủ hiệu ở Thái Nguyên.

Tháng 11 năm Đinh Mùi (1787), Nguyễn Huệ ở Phú Xuân sai Vũ Văn Nhậm ra đánh Nguyễn Hữu Chỉnh. Vua Chiêu Thống thấy quân của Chỉnh thua rồi bèn bỏ Kinh đô chạy sang Kinh Bắc. Nguyễn Du muốn theo phò vua mà không kịp nên đã về ở nhờ quê vợ tại Thái Bình. Ở đây ông bị lâm vào bước đường cùng.

Năm 1794, nhân người anh vợ là Đoàn Nguyễn Tuấn vào Phú Xuân nhận chức mới, Nguyễn Du có làm bài thơ *Lưu biệt* trong đó có nhắn người anh là Nguyễn Nễ rằng:

Thử khứ gia huynh như kiến vấn,
Cùng đồ bạch phát chính tinh tinh.

(Lần này vào, anh tôi có hỏi thì xin nói hộ là tôi đang ở bước đường cùng và tóc đã bạc lốm đốm).

Có thể sau đó ít lâu ông có vào Phú Xuân thăm anh nên trong bài *Tống Tố Như đệ tự Phú Xuân kinh Bắc hoàn* (Tiễn em Tố Như từ kinh đô Phú Xuân trở về Bắc) Nguyễn Nễ đã viết:

Ân cần thiên lý tống quân triên,
Bắc thụ nam vân phục các thiên.

(Ân cần nghìn dặm đưa em về, cây bắc mây nam mỗi người lại ở một góc trời).

Lần đi này Nguyễn Du có ghé lại thăm quê rồi lại ra ở Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình. Như vậy cho đến năm 1796 ông mới về ở hẳn tại làng Tiên Điền, khi ấy ông đã 32 tuổi, đã có vợ, đã có con lại nghèo túng.

http://tieulun.hopto.org

Không ốc lậu tà nguyệt.
Chiếu ngã đan thường y.

(Ký mộng)

Nhà trống lọt trăng tà,
Chiếu vào chiếc áo đơn của ta.

(Ghi lại giấc chiêm bao)

và thêm bệnh tật:

Thập niên túc tật vô nhân vấn,

Cứu chuyển hoàn đan hà xứ tầm?

(Ngọa bệnh)

Bệnh cũ mười năm không ai thăm hỏi,
Thuốc tiên luyện chín lần tìm đâu ra?

(Nằm bệnh)

Không chắc gì ông đi "nhởi" như những thầy nho tuổi mười tám, đôi mươi. Huống chi cuộc tình duyên đây lại hết sức lãng mạn, một lúc yêu cả hai cô: cô Úy và cô Sạ.

Trương Chính thì cho mối tình đây chỉ là "chuyện hư cấu" của một nhà thơ giàu tình cảm và giàu tưởng tượng". Ông cho là câu chuyện sẽ trở thành vô lý nếu người ta cho là chuyện thật.

Chúng tôi cũng đồng ý như vậy và còn ngờ rằng "câu chuyện hư cấu" kia cũng chưa chắc đã có nữa.

Có thể bài văn tế sống đã do một người nào ở quê hương Nguyễn Du viết ra vì lời văn toàn dùng tiếng Nghệ khác hẳn với văn phong của Nguyễn Du.

Theo Trương Chính thì "Nguyễn Du mẹ người Bắc, thuở nhỏ sống ở Bắc cho nên khi sáng tác rất ít dùng tiếng xứ Nghệ. Trong Truyện Kiều nhiều lắm cũng chỉ tìm được dăm ba tiếng xứ Nghệ..." Nhưng ở đây từ đầu chí cuối, nhà thơ hoàn toàn dùng tiếng Nghệ, làm cho bài văn có một phong vị riêng, người nơi khác đọc thấy trúc trắc, khó hiểu và không cho là hay, chỉ riêng người xứ Nghệ mới lấy làm thú vị". [1]

Chúng tôi lại nghĩ rằng Nguyễn Du không khi nào lại viết câu:

---

1. Trương Chính – *Hương hoa đất nước*. NXB văn học, 1978, tr. 196 – 211.

http://tieulun.hopto.org

"Vẻ chi một chút ngoài da" để đùa cợt lại câu thơ của chính mình.

Đừng điều nguyệt nọ hoa kia,
Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai.

(T.K: c.461-c.462)

Hơn nữa, Nguyễn Du đâu còn là hạng thanh niên để cho bọn trai làng phải ganh ghét mà rủ nhau đến phá đám, thổi tắt đèn rồi đốt lói (một thứ pháo làm bằng ống tre) xuýt nữa xảy ra ẩu đả.

Nguyễn Du nếu có đi hát cũng đâu đến nỗi phải để xảy ra cơ sự như vậy, huống gì lại nói là đi hát với Nguyễn Huy Tự một người có học, đã ra làm quan võ. [1]

Nguyễn Du dù có bực đi mấy cũng chẳng bao giờ hạ bút viết:

"Phụt ngọn đèn trước mắt, đếch sự đời, chẳng phải đứa tiểu nhân;
Đùng tiếng lói sau nhà, đéo mẹ kiếp, bỗng có thằng đại phá.

Theo một vài nhận xét nêu trên chúng tôi xin tạm để là một nghi vấn đối với tác giả bài *Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu* chứ chưa thể như vội khẳng định tác giả là Nguyễn Du.

---

1. Trương Chính. *Hương hoa đất nước,* tr.204 – 205 đã viết: *"Nguyễn Huy Tự là con rể Nguyễn Khâu... vì thế Nguyễn Du lên thăm bà con và xem hội nhân thể. Rồi thì... rủ nhau đi hát ví..."*

Theo nhận xét của chúng tôi là:

– Nếu bảo Nguyễn Du đi hát hồi trước 21 tuổi thì Nguyễn Huy Tự đã 42 tuổi và đã ra làm quan võ ở Tuyên Quang và Hưng Hóa rồi còn thích gì đi "nhởi" nữa.

– Nếu bảo Nguyễn Du đi hát sau khi về ở hẳn Tiên Điền (1797) thì khi ấy Nguyễn Huy Tự đã qua đời từ năm 1790 rồi làm sao mà cùng đi hát cho được.

http://tieulun.hopto.org

VĂN TẾ SỐNG HAI CÔ GÁI TRƯỜNG LƯU

Than rằng:

1. Chùa Phổ Cứu [1] trăng dìu gió dặt, ngỡ một ngày nên nghĩa trăm năm;
   Doành Đào Nguyên [2] nước chảy hoa trôi, bỗng nửa bước chia đường đôi ngả.
2. Chữ chung tình nghĩ lại ngậm ngùi,
   Câu vĩnh quyết đọc càng buồn bã.
   Nhớ hai ả xưa:
3. Tính khí dịu dàng,
   Hình dung ẻo lả.
4. *Rạng* làu làu, gương đan quế vừa tròn;
   Non mơn mởn, đóa hải đường chưa nở.
5. Sắc lông mày, săn môi sáp, ai chê rằng xấu mô mồ;
   Thấp mái tóc, cao đường ngôi, ta *khen* đã đẹp cha chả.
6. Tiếng cười tiếng nói *nghe* cũng hữu tình,
   Nước bước nước đi thật là vô giá.
7. Tiết dậy mẩy [3] trong năm mười bảy, nghề thú quê *giữ* mực chân xa;
   Cuộc làm vui vừa cữ giêng hai, bàn cờ tướng kén vào con mã.
8. Khổ vuốt ve [4] đà tới mực hẳn hoi,
   Nghề làm ăn chẳng đến điều hèn hạ.
9. Khép song gấm nửa thềm hoa rụng, gieo *thoi vàng* dệt bức hồi văn; [5],

---

Khảo dị :

4. *Sáng* làu làu...
5. ... ta *xem* đã đẹp
6. ... *xem* cũng hữu tình
9. ... gieo *thái vưng*...
   ... nắn *quai* sắt

http://tieulun.hopto.org

Buông rèm sương bốn chái trăng thâu, nắn *quay* sắt kéo dây nhân quả [6].

10. *Rủ rê* năm chị bảy em,
    Cưu *góp* [7] ba làng bốn xã.
11. Con người ta được một thì con gái, được thì ăn được thì chơi;
    Ở đây này há hiếm chi đàn ông, chẳng *nề* quen chẳng *nề* lạ.
12. Đêm đêm thường ví hát xôn xao,
    Ai ai cũng trầu cau đãi đọa [8].
13. Ả nọ O này đông đúc, gái một thì gặp *tuổi sang xuân;*
    Anh kia chú nọ rình mò, trai ba phủ *quyết chơi mãn hạ.*
14. Bướm ong *khuất nẻo* thôi quan thì dân [9]
    Oanh yến ra vào, rộng đường quang sá.
15. *Nhất lịch sự quân phường ngoài Chế* [10], *những vất* ra túi thuốc bình hoa;
    Đội thế thần quan họ trong làng, cũng *mang tới* cân ngà quả đá.
16. Đi về thường nhiều kẻ hẳn hoi,
    Ra vào cũng lắm người chằng chạ.
17. Trước chái thì tàng hình thủy phủ, đứng lăm lăm ai biết mô mồ;
    Trong nhà thì thuyết phục long vương, nằm trập trập hình như đống mả.
18. Trai trong làng rình bốn mặt chan chan,
    Chó hàng xóm sủa canh năm rả rả.
19. Biết *đó* những ngày trong trứng, vui chi hơn liễu cợt hoa cười;
    Vẽ chi một chút ngoài da [11], công đâu lại thêm cài cửa khóa.

Khảo dị

10. *Rù rì* năm chị bảy em;
    Cưu *cóp* ba làng bốn xã
11. ... chẳng *hề* quen chẳng *hề* lạ (L.T)
13. ... *chơi cho* gặp *mùa xuân*
    ... quyết *đi* chơi mãn hạ.
14. Bướm ong *phất phới*... (L.T)
15. *Rất lịch lãm là quân phường chế, cũng vố*
16. *Vào ra*...
19. Biết *đủ* những ngày...
    Vị gì một chút...

http://tieulun.hopto.org

20. Ngán đâu lời nói mà lo,
Được *thế* hãy chơi cho thỏa.
21. Buông bè chuối giữa dòng nước chảy, mặc dù ai chống ngược chống xuôi;
Thả lá ngô trước trận gió nồm, đã *lắm* kẻ bổ nghiêng bổ ngả.
22. Họp chợ xuân, nhiều khách vãng lai;
Dạo điếm nguyệt, phải khi kinh quá.
23. Theo chúng bạn cũng ra điều bất ý [12], ai dám đâu vác chuông đánh đất Đại Minh [13];
Gặp chị em chẳng có lẽ vô tình, ta cũng phải gánh ngói rao làng Bùi Ngõa[14].
24. Yếm nhuộm *điều* [15] che trước ngực đỏ lòm lòm,
Câu *huê* tình đọc bên tai *nghe xả* xả.
25. Quây [16] ngoài sân thì trong làng chín mười ả, ả ví, ả hát, ả kéo sợi, ả đưa thoi, lại có ả bưng trầu tận miệng, mỹ nữ như hoa;
Leo trên giường thì quan họ năm bảy ông, ông nói, ông cười, ông ngâm thơ, ông đọc truyện, lại có ông đắp áo trùm đầu, cao bằng mãn tọa [17].
26. *Thoạt* đến đây buổi mới lạ lùng,
Xem chẳng khác người quen suồng sã.
27. *Tiếp* đãi mấy đêm một *mực,* lòng bồ đề hỉ xả từ bi;
Xôn xao *một* khắc ngàn vàng, đàn chẩn tế ba la bát nhã.
28. Ba sinh đành một *thú* hẹn hò,
Một năm được mấy lần chung chạ.
29. Sừng chuốt lược cũng trong đồng đạo [18], trai khôn thầy dái, gái khón bà nàng [19];
Đá tạc bia ai ở dị tâm, đất có thổ công, sông có hà bá.
30. Đến vườn mong bẻ một *cành* cam.

Khảo dị :

20. Được *thế* hãy chơi... (L.T)
21. ... Đã *nhiều* kẻ bổ nghiêng
24. Yếm nhuộm *đào*...
Câu *hoa* tình đọc bên tai *xa* xả.
26. *Thoắt* đến đây...
27. *Thiết* đãi mấy đêm một *mục*
Xôn xao *nửa* khắc...
28. ... một *kiếp* hẹn hò (L.T)
30. ... *ngành* cam

http://tieulun.hopto.org

Giãi lòng đã chẻ hai thanh ná (nứa). [20]

31. Quả *cam* chén rượu, đãi *đằng* khi chơi cửa chơi nhà;
    Túi vóc khăn the, dặn dò lúc buôn mành buôn giã.
32. Ân cần nhiều nỗi thư từ,
    Hầu hạ *chẳng khuây* điếu *lả* (lửa).
33. Phụt ngọn đèn trước *mắt,* đếch sự đời, chẳng phải đứa tiểu tâm?
    Đùng tiếng lói sau nhà, *đéo* mẹ kiếp, bỗng có thằng đại phá.
34. Ta đã đành rụt cổ như rùa,
    Ả cũng chớ vật mình như sả. [21]
35. Giải kết cho *ả,* mới đến đây ai dám đoạt gia tài;
    Hú *vía* nhà tôi, một chút nữa sinh ra ẩu đả.
36. Của thập phương, mặc khách thừa lưa,
    Tội nhất xá, xin người *xúy xóa.*
37. Như có phải quít làm cam chịu, đã trót thì *trét*, sợ chi điều nói tỏi nói hành;
    Song cũng là cú *tha* ma ăn, đi không về không, chi đến nỗi gieo tai gieo vạ.
38. Ta đã đành mắc tiếng thày lay,
    Ả cũng hóa ra người đĩ thõa.
39. Mấy kẻ người biết của, gấm mặc đêm, nghĩ lại cũng hoài;
    Một chốc ra giận ra *thù,* bạc gần sáng, thổ [22] nào dám gá.
40. Khoán ước làng cứng nhắc rô rang [23],
    Nhân nghĩa cũ nát tươm chó nhả.
41. Của là của chó treo mèo đậy, phải giữ *gìn* cho lắm, *mắt đỏ lòm nhắm tựa mắt* lươn:

Khảo dị

31. Quả *chanh*... đãi *đùng* khi chơi...
32. Hầu hạ *đã từng* điếu lửa.
33. ... trước *mặt*...
    ... *đèo* mẹ kiếp...
35. Giải kết cho *chị*...
    Hú *ví* nhà tôi...
36. ... xin người *xủ xả.*
37. ... đã trót thì *trót*...
    ... cú *kêu* ma ăn
38. *Chị* cũng hóa ra người...
39. ... ra giận ra *hờn*
41. ... giữ *giàng* cho lắm, *làng hôm chiềng nữa lông* lươn.
    ... chơi *nhởn* làm chi, *tay* trắng phủi trơ mặt nạ.

http://tieulun.hopto.org

Công tiếc công cốc mò cò ăn, đi chơi *nhởi* làm chi, *mặt* trắng phủi trơ *như* mặt nạ.

42. Tiếng tăm chi đó mặc ai,
Ngày tháng còn dài đó đã.

43. Những ngỡ *năm* năm trước, hẹn hò đã chắc, *để* phụ *phàng* ba chốn bốn nơi;
Nào ngờ tháng sáu này, tệ *bạc* làm sao, bỗng tống táng một tuần hai ả!

44. *Ở* sao mà quên ta được cho đành,
Nói thế mà lấy chồng thực ru tá!

45. Công lênh ấy ai còn nhớ đến, cũng cầm bằng ruổi ngựa đường dài;
Mối manh kia ta đã biết rồi, thôi cũng chớ giấu voi ruộng rạ.

46. Thế thời, mếch chúng *ta* vậy ru;
Ừ thôi, kính hai ả cho rồi cả.

47. Tiếc người ấy gieo mình vào đống lúa, túc túc gà;
Gẫm thằng kia là tướng giữ nương dưa, đùng đùng quạ.

48. Hãy xem những của lạ lùng,
Chẳng trách chi ai một *mã*.

49. Một đứa thì dắt mũi trâu từ thuở bé, tắc tắc hò rì;
Một đứa thì cắt cỏ ngựa đến tận già, tùng tùng dạ *há*.

50. Ở làm chi một năm thêm một tuổi càng cao,
Khéo gớm cho hai *ả* được hai chồng cũng khá!

51. Thương chắc lấy *nỏ* được chắc [24], làng nước hục hặc, lấy *nỏ* được chắc, chúng bạn ta như nghé sổ ràn;

Khảo dị :

43. Những ngỡ *trăm* năm trước... (L.T)
dễ phụ *tình* ba chốn...
bao ngờ tháng sau này... tệ *lậu* làm sao...
44. *Ở* sao mà quên... (L.T)
46. ... chúng ta *thực* vậy ru.
48. Chẳng trách chi ai một *má* (L.T)
49. ... tùng tùng dạ *á*
50. ... hai *chị* được hai chồng...
51. ... lấy *nó* được chắc...
... lấy *nó* được chắc...
... lại ôm rau *dừa*,...

http://tieulun.hopto.org

Chê tôm lại phải ăn tôm, chê rau muống luộc lại ôm rau *dền*, lời nói trước như mèo liếm mỡ.

52. Cha kiếp mình đã ra kiếp lăng nhăng,
Thiệt lòng ta cũng ra lòng suồng sã.

53. Hựu hà ngôn tai [25], đã sao thì vậy, lấy ai cũng đã lấy rồi;
Như tư nhi dĩ [26], đã thế thì thôi, nói mãi ra điều nói chạ.

54. Mình ở bạc, đã ra Dương Tố chi gian [27];
Ta cũng đen, chẳng biết Quan Kiệt chi trá. [28]

55. Bầu bạn cũ, rủ [29] đi *ngoay ngoảy, chẳng* nhớ câu bất diệc lạc hồ [30];
Nợ nần xưa, vỗ sạch sành sanh, quên mất chữ vi *chiếu* dụng giả [31].

56. Đã biết trước, yên túc quái tai [32];
Xem về sau, như chi hà dã [33].

57. Được đó, hãy hay rằng đó, mâm son bát sứ, mà ăn *cơm* với nước cà;
Chắc đâu đã hẳn hơn đâu, chăn tằm hái dâu, vẫn mặc quần nâu áo vá.

58. Bỗng bạc tình *là* thói o Uy;
Chẳng nhân nghĩa, ai bằng ả Sạ.

59. Những ngỡ đứt võng nảy xuống giường bịch cái, chẳng lấy năm thì lấy ba [34];
Nào ngờ trèo cao sa xuống thấp ôi cha, *tưởng* mất một hóa ra mất cả.

60. Đã làm chi thế vội vàng,
Thôi chẳng lo gì thong thả.

61. Chi những thói cằn cằn lửa khắc, chó cậy nhà gà cậy chuồng;
Tới khi nhà hởi hởi bén mùi, trâu ăn ló bò ăn má.

62. Lời thề nguyền dĩ trục thủy lưu [35],
Bức thư vãn dụng bằng hỏa hóa [36].

63. Người đến gốc mong bồng quả bưởi, há phải điều chúng bạn vô tình;
Con sãi chùa lại quét lá đa, thôi mặc kiếp nhà bay bất khả.

Khảo dị

55. ... rủ đi *hoay hoảy, những* nhớ câu... quên mất chữ vi *chiểu*...
57. ... mà ăn *chan* với nước cà, *biết* đâu đã hẳn hơn đâu...
58. Bỗng bạc tình *theo* thói...
59. ... *ngỡ* mất một hóa ra mất cả.

http://tieulun.hopto.org

64. Gỗ trôi sông không trở lại *Lường Dà* [37],
Muối *bở* bể cũng thiệt công Lô Xá [38].
65. Ả về đó bén duyên phải kiếp *chẳng quản điều* mặt muội đầu gio, [39]
Ta bây giờ quá lứa *lữa* đôi, *thôi chẳng khác* mình trần trôn trạ. [40]
66. Ôi, nước sông Giang Đình [41]!
Nương khoai Phan Xá [42]!
67. *Dải* sông *Cài* [43] vắt vắt nước trong,
Dặm ngàn Hống đùn đùn mây tỏa.
68. Gương công chúa phá tan từ trước, làm chi những nỗi tá ơm, [44]
Nhịp ngọc tiêu [45] đành để lại sau, khôn ước những điều hú họa.
69. Nương song cúc, rắp hỏi han ả Tố [46], vì đâu mà phận ẩm duyên *ôi;*
Dạo đường hòe, *vừa* gặp gỡ chàng Tiêu [47], từ *đây* đã người dưng nước lã.
70. Giận nỗi xưa mồ hôi muối dầm dề,
Tưởng nghĩa cũ nước mắt gừng lã chã.
71. Buồn vì nỗi mưa dầm *rỉ rỉ, chận* [48] chắc với con trâu đực, ả cầm đèn, ả đi trước dẫn đường;
Đau vì khi lửa cháy *bừng bừng,* tím gan *cho* cái gà toi, ả vác búa, ả *đứng ra lấp sá.* [49]
72. Tưởng công phu mà chưa đáng đồng tiền,
Nhớ nhân duyên muốn đi cầu ông *Tả.*
73. Tưởng những lúc tắt đèn dạy chuyện [50], dứt câu này nối câu khác, trăng ngoài hiên khi tỏ khi mờ;
Nhớ đến khi thắp đuốc chơi đêm, ở nhà ngoài vào nhà trong, giọt bên chái như tầm như tã.

Khảo dị :

64. ... trở lại *lương da.*
Muối *đổ* bể cũng thiệt...
65. ... *cũng chẳng nề* mặt muội...
... *lỡ* đôi, *chẳng khác chi* mình trần...
67. *Dãi* sông... (L.T)
... sông *kỳ* vắt vắt nước trong
71. ... mưa dầm *rúc rúc, giận* chắc với con trâu...
... lửa cháy *bằng bằng,* tím gan *cha* cái gà toi, á vác búa, á *đội lên sập sa*
72. ... muốn đi cầu ông tạ

http://tieulun.hopto.org

74. *Rầm rì* thay điếu thuốc trao tay,

Gắn bó bấy hạt cơm dính má.

75. Xẩy nhớ đến lời ăn *tiếng* nói, *cám* buồn mặt lợn, tóc trên đầu đếm chẳng hay cùng;

Sực tưởng khi đua sức đua tài, trơ tráo đầu trâu, gan trong bụng gãi khôn *đã* ngá (ngứa).

76. Có công kể mấy nhật trình,

Lúc ấy chép vào niên phả.

77. Nói sao được đường xa dặm ngái, bắt chim trời, chi những sự éo le;

Cực *những điều* kẻ ngược người xuôi, *vẻ* cò đất, *vẫn* ra điều dối trá.

78. Hay chi điều con gái chê chồng,

Chẳng có ai đàn ông ở góa.

79. Ả sang đó bồng con cho sớm, mẹ nằm võng cha nằm giường;

Ta về đây kiếm chút kẻo già, bà ăn *nem* ông ăn chả.

80. Cái đất này lắm chông lắm gai,

Con chim đã mắc *dây* mắc nhạ (nhựa).

81. Sang chợ *Vịnh* [51], rắp than cùng ả Út, đường đông ắp ắp, thấy mà kinh khăn nhiễu quần điều;

Lên chùa *Giằng* [52], toan tu với sư Viên, rũ sạch *làu làu,* mua chưa được mũ ni áo vá.

82. Ở nhà lâu nghĩ cũng bần thần,

Viếng cảnh cũ muốn làm khuây khỏa.

Khảo dị:

74. *Rầu rĩ* thay điếu thuốc...
75. ... lời ăn *lời* nói, *cảm* buồn mặt lợn...
... gãi khôn *đỡ* ngứa.
77. Cực *chăng* kẻ ngược người xuôi, *vẽ* cò đất *khi vẫn* ra điều dối *dá*.
79. ... bà ăn *thịt* ông ăn chả.
80. Con chim đã mắc *dò*...
81. Sang chợ *Vĩnh*...
Lên chùa *Giàng*... rũ sạch *lưng lưng*...

http://tieulun.hopto.org

83. Đường cửa *Trẹm* [53], mỗi ngày một ngái, bóng cây tiếng suối, núi giăng giăng, con mắt đã mòn;

Điếm trên làng, càng ngắm càng buồn, ngọn khói *hạt* mưa, trời *thâm thấm,* mặt người đã *nhóa.*

84. Hắt hiu gió trúc mưa mai,
Quạnh quẽ bóng chim tăm cá.

85. Vì quan họ nên chúng ta mộ đức, bạn hữu quen còn đến *rủ* bao nhiêu;
Vào trong làng hỏi đôi ả *Sạ* Uy [54], lứa tác cũ hãy còn bao *nả?*

86. Thăm tận nhà thì chẳng thấy người quen người thuộc, chua cay thay, ăn khế với gừng;
Nói đến tên thì đã gọi mụ nọ mụ kia, may mắn bấy, trồng *sung* ra vả.

87. Cửa nhà mình đã bưng kín như buồng,
Tiếng tăm ta cũng *rửa sạch như* đá.

88. Nghĩ cũng phải, ăn hơn hờn thiệt, có con có cái, ai nói chi những sự nguyệt hoa;
Toan kiếm nơi, đứt nối tối nằm, lạ mặt lạ mày, ai chẳng biết lại chê cỏ *dả.*

89. Dầu có ai trẻ mỏ mới lên,
Là những chốn xưa nay chẳng bạ.

90. Thói ngưu mã, chú xuôi anh ngược, khăn dì Sàng, trầu thuốc đến đâu phần;
Vườn yến anh, cảnh đó người đâu, của ông Đấu, gió trăng còn đóng khóa.

91. Nhân duyên xưa, bẻ ngó lìa cành,
Phong cảnh cũ, vàng cây héo lá.

Khảo dị:

83. Đường cửa *hiểm*...
... ngọn khói *hoa* mưa, trời *thăm thẳm,* mặt người đã *lóa*
85. ... hỏi đôi ả *Úy* Uy, lứa tác cũ hãy còn bao *ná.*
86. ... may mắn bấy, trồng *bông* ra vả.
87. Tiếng tăm ta cũng *sạch như hoa* đá.
88. ... ai chẳng biết lại chê *cỏ rạ.*

http://tieulun.hopto.org

92. Tìm những chốn tre già măng mọc, hàng thịt nguýt hàng cá, dễ mấy ai cho đáng cải kim;
Dốc một bài xỉ bỏ thủ cầm [55], trâu cột ghét trâu ăn, sợ hàng xóm lại kêu thủy hỏa.
93. Bẽ bàng mong hỏi ả Kiều,
Thương hại sẽ lừa con Sá [56].
94. Đầu *sông* cho đến cuối *sông,* ở chẳng vừa lòng, *roi* mây đánh chết, gươm thư hùng tuy rẽ đôi nơi;
Đứt dây thì lại nối dây, thế nào tát được giếng này mới thôi, hoa tỉ muội hãy còn một đoá.
95. Áo đơn *đà* lây dấu hoa thơm,
Bình không hãy ngát mùi hương xạ.
96. Vào đất văn vật, mang hư danh thì phải dự phòng;
Nổi phép *võ biền*, cứ bản tộc âu là truy nã.
97. Tiếng tăm kia từ trước đã mang,
Duyên nợ ấy về sau khôn trả.
98. Nếu trước những trồng bông trồng đậu, hết chuyện trò, chó chết thì thôi;
Từ rày đừng yêu trái yêu hoa, mất công ấy, voi đâu mà tạ.

Nay,

99. Một nén hương thừa,
Ba tuần rượu hả.
100. Kể chi những đường kia nỗi nọ, đi thì đi cho thoát, kẻ đã về kiếp ấy thì thôi;
Dù chẳng nên nghĩa trước tình sau, chớ thì chớ cho xong, ai có con hoài mà gả.

Khảo dị :

94. Đầu *song* cho đến cuối *song*, ở chẳng vừa lòng, *vua* mây đánh chết...
95. Áo đơn *đã* lây...
96. Nổi phép *vũ thung*, cứ bán tộc...

Ghi chú: Trừ các câu 14-20-28-43-44-48 và 67 là thuộc bản *Lê Thước*, các câu còn lại đều thuộc bản *Nam Phong*.

http://tieulun.hopto.org

CHÚ THÍCH

1. *Chùa Phổ Cứu:* nơi Trương Quân Thụy, Thôi Oanh Oanh (trong truyện *Tây Sương Ký*) gặp gỡ nhau rồi yêu nhau.
2. *Doành Đào Nguyên:* tức Đào hoa nguyên (suối hoa đào) nói trong bài ký của Đào Tiềm đời Tấn (Trung Quốc). Một người đánh cá đi theo dòng suối, lạc đến một rừng đào, nơi những người tránh loạn nhà Tần ở. Dùng điển tích này để nói đời sống vui tươi, hạnh phúc.
3. *Dậy mấy:* cũng như dậy thì. Đến tuổi đó mình đẫy đà, phát triển đầy đủ.
4. *Khổ vuốt ve: khổ* là khuôn khổ, đây là dáng con người. *Vuốt ve* là trau chuốt. *Ý nói:* trông người duyên dáng, trau chuốt.
5. *Bức hồi văn:* bức dệt, thêu chữ theo đường quanh co rất công phu.
6. *Dây nhân quả:* nói bóng bẩy để chỉ sợi vải. Hai câu này nói về nghề làm vải của cô Uy và cô Sạ.
7. *Cưu góp:* cũng nói *cu góp*, nghĩa là tập họp, nhóm họp.
8. *Đãi đoạ:* mời mọc, chiêu đãi, cũng như đãi đằng.
9. *Thôi thì quan dân:* có cả quan cả dân, cũng như nói: *thôi chợ thì quê.*
10. *Chế:* một làng có nhiều người buôn bán ở gần bờ sông Lam.
    Phường: đây là phường buôn.
11. *Vẻ chi một chút ngoài da:* nhắc đến câu: Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai (Kiều).
12. *Điều bất ý:* việc không định trước.
13. 14. *Đất Đại minh, Bùi Ngõa:* tên hai làng cùng huyện với làng Trường Lưu. Hai câu này ý nói: không dám ganh đua với những người thanh lịch đã có mặt ở đây.
15. *Yếm nhuộm điều:* yếm màu đỏ tươi. Con gái nông thôn thời xưa thích mặc yếm màu đỏ, cho là đẹp.
16. *Quây:* tức quây quần.
17. *Cao bằng mãn tọa:* bạn sang ngồi đầy nhà.
18. *Đồng đạo:* cùng một loài.
19. *Thầy dái:* tiếng địa phương, chỉ người đã có vợ con, *bà nàng* chỉ người con gái đã có chồng. Câu này nghĩa là trai khôn nhất là thầy dái, gái khôn nhất là bà nàng.

http://tieulun.hopto.org

20. *Thanh ná:* tiếng địa phương, tức thanh nứa. Ý nói, không giấu giếm điều gì.
21. *Sả:* cũng gọi là *chả,* một thứ chim lông đẹp, khi bắt được mồi thì vẫy mỏ nhiều lần cho chết mới ăn.
22. *Thổ:* tiếng địa phương, có nghĩa là người. Trong đám bạc người cầm cái gọi là *thổ.* Những người có tiền nhận bảo đảm ứng tiền cho con bạc vay cũng gọi là *thổ. Thổ nào dám gá* nghĩa là chẳng ai dám nhận lời thách đánh.
23. *Cứng nhắc rô rang:* cứng nhắc như *cá rô rang* (chiên). Ý nói lệ làng nghiêm khắc, chặt chẽ.
24. *Lấy nỏ được chắc:* tiếng địa phương, *chẳng lấy được nhau* (*nỏ* = không, *chắc* = nhau).
25. *Hựu hà ngôn tai:* còn nói gì nữa.
26. *Như tư nhi dĩ:* như thế mà thôi.
27. *Dương tố chi gian:* cái gian của Dương Tố. Dương Tố là một ông quan đời Tuỳ, văn hay và lắm mưu kế.
28. *Quan kiệt chi trá:* sự dối trá của Quan Kiệt. Quan Kiệt là ai chưa rõ.
29. *Rủ:* ở đây có nghĩa là bỏ.
30. *Bất diệc lạc hồ:* một câu sách *Luận ngữ,* nghĩa là: chẳng vui lắm sao?
31. *Vi chiếu dụng giả:* câu nếp ở cuối các mẫu văn khế thời xưa nghĩa là: *theo phép nước làm tờ này để làm bằng.*
32. *Yên túc quái tai:* (thành ngữ chữ Hán) sao đủ làm quái lạ.
33. *Như chi hà dã:* (thành ngữ chữ Hán) sẽ ra làm sao?
34. *Chẳng lấy năm thì cũng lấy ba:* không mất hết, không được nhiều thì được ít.
35. *Dĩ trục thủy lưu:* trôi theo dòng nước chảy.
36. *Dụng bằng hỏa hóa:* bỏ vào lửa đốt đi.
37. *Lường, Dà:* Lường tức Đô Lương (Nghệ An), Dà tức sông Dà (Hà Tĩnh).
38. *Lô, Xá:* chưa rõ, có lẽ là những làng làm muối ở vùng Nghi Xuân.
39. *Mặt muội đầu gio:* muội là bồ hóng, ý nói làm ăn vất vả.
40. *Mình trần trôn trạ:* một thân trơ trọi.
41. *Giang Đình:* tên con sông chảy qua làng Giang Đình gần Nghi Xuân.
42. *Phan Xá:* tên một thôn ở dọc đường từ Tiên Điền lên Trường Lưu.
43. *Sông Cài:* con sông ở làng Kiệt Thạch, gần Trường Lưu, từ Tiên Điền lên, phải đi qua con sông này.
44. *Nỗi tá ơn:* mập mờ, úp mở.

http://tieulun.hopto.org

45. *Ngọc tiêu:* ống sáo bằng ngọc.

46. *Ả Tố:* tức Tố nữ, vị nữ thần coi việc hôn nhân.

47. *Chàng Tiêu:* Tiêu lang.

    Chữ này do một câu thơ Đường. Xưa Thôi Giao đời Đường có một con hầu gái bán vào dinh quan Liêu súy, Giao có thơ rằng: *"Hầu môn nhất nhập thâm như hải, tùng thử Tiêu lang thị lộ nhân."* = Cửa hầu đã vào khỏi, chỉ thấy sâu như bể, từ đây anh chàng họ Tiêu thành ra người qua đường. Quan Liêu súy thấy lời thơ đó, cho đứa con hầu lại cùng về với Giao.

    T.K: *Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu.*

(c.3126)

48. *Chận chắc:* (tiếng địa phương) húc nhau.

49. *Lấp sá:* chặn lối đi (*sá* trong đường sá).

50. *Dạy chuyện:* cũng như bẻ chuyện, là đặt câu hát giùm cho các cô hát.

51. *Chợ Vịnh:* tức Vinh, thành phố Vinh trước là Vĩnh An, người Nghệ đọc là *Vịnh*, từ thời Pháp thuộc, gọi là *Vinh*.

52. *Chùa Giằng:* chùa ở làng Giằng, mé Tây Bắc núi Hồng Lĩnh gần Bến Thủy đi vào, cách Tiên Điền chừng 8 cây số. Sư Viên tức Phạm Viên, người huyện Yên Thành, Nghệ An, tương truyền tu đắc đạo, có những thuật biến hóa kỳ lạ.

53. *Cửa Trẹm:* tên truông trên đường từ Tiên Điền đi qua chân núi Hồng Lĩnh để lên Trường Lưu (gần làng Kẻ Treo).

54. Các bản đều chép: *Đội ả Úy Uy:* có lẽ chỉ hai người con gái mà tác giả làm văn tế sống, tức là cô Uy và cô Sạ. Phải chăng cô Sạ còn có một tên nữa là Úy? Hay là *Sạ* chép thành *Úy?* Chưa rõ.

55. *Xỉ bỏ thủ cầm:* bỏ răng lấy đầu, ý nói lựa chọn.

56. Trong bài này có một số tên riêng, như dì Sàng, ông Đấu, ả Kiều, con Sá, có lẽ tên những người đương thời.

http://tieulun.hopto.org

THÁC LỜI TRAI PHƯỜNG NÓN [1]

Tiếc thay duyên Tấn phận Tần,
Chưa quen đã lạ, chưa gần đã xa.
Chưa chi đông đã rạng ra,
Đến giờ hãy giận con gà chết toi.
Tím gan cho cái sao mai,
Thảo nào vác búa đánh trời cũng nên.
Về qua liếc mắt trông miền,
Lời oanh giọng ví chửa yên dằm ngồi.
Giữa thềm tàn đuốc còn tươi [2],
Bã trầu chưa quét nào người tình chung.
Hồng sơn cao ngất mấy trùng,
Đò Cài mấy trượng thì tình bấy nhiêu.
Làm chi cắc cớ lắm điều,
Mới đêm hôm trước lại chiều hôm nay.
Khi xa, xa hỡi thế này,
Tiếng xa [3] nghe hãy rù rì bên tai.
Quê nhà nắng sớm mưa mai,
Đã buồn dở tới lịp, tơi [4] càng buồn.

---

1. Tương truyền Nguyễn Huy Quýnh, em Thám hoa Nguyễn Huy Oánh, chú ruột Nguyễn Huy Tự, người làng Trường Lưu, làm bài vè (giả thác làm lời người con gái phường vải ở Trường Lưu) gửi cho Nguyễn Du. Sau đó, Nguyễn Du làm bài vè này (giả thác làm lời người con trai phường nón ở Tiên Điền) trả lời lại Nguyễn Huy Quýnh.

2. *Tàn đuốc còn tươi:* tàn đuốc rơi xuống thềm lửa đang còn nóng, ý nói khách vừa về.

3. *Tiếng xa:* tức tiếng xa kéo vải của các cô gái làng Trường Lưu.

4. *Lịp:* do chữ "lạp" nghĩa là cái nón. Nhân dân vùng Nghi Xuân (Hà Tĩnh) gọi cái nón là cái lịp. *Tơi*: một loại áo tơi che mưa của người nông dân Nghệ Tĩnh, thường làm bằng lá cây cọ, hoặc lá cây sậy kết lại.

http://tieulun.hopto.org

Thờ ơ bó vọt, đống sườn [5],
Đã nhàm bẹ móc [1] lại hờn nắm giang. [2]
Trăng tà chênh chếch bóng vàng,
Dừng chân thoạt nhớ đến đàng cửa truông. [3]
Thẫn thờ gối chiếc màn suông,
Bối lòng như sợi ai guồng cho xong.
Phiên nào chợ Vịnh ra trông,
Mồng ba chẳng thấy lại hòng mười ba.
Càng trông càng chẳng thấy ra,
Cơi trầu quệt [4] đã vài và lần ôi.
Tưởng rằng nói thế mà chơi,
Song le đã động lòng người lắm thay,
Trông trời, trời cách từng mây,
Trông trăng, trăng hẹn đến ngày ba mươi.
Vô tình trăng cũng như người,
Một ta ta lại ngậm cười chuyện ta.

---

5. *Bó vọt, đống sườn:* nguyên liệu bằng tre, giang hoặc nứa vót nhỏ, dùng làm sườn nón để lợp lá ra ngoài.

1. *Bẹ móc:* tức bẹ cây móc, người ta lấy sợi trong bẹ móc để chằng nón.

2. *Nắm giang:* một ít giang vót nhỏ, dùng làm sườn nón.

3. *Đàng cửa truông:* tức đường Tiên Điền về Trường Lưu. Phải đi qua chân núi Hồng Lĩnh. Người địa phương gọi quãng đường này là "đàng cửa truông" hay "đàng cửa Trẹm".

4. *Quệt:* tức quệt vôi lên trầu không. Ý nói trầu đã vài lần đưa ra chờ bạn tình đến để tiếp, nhưng rồi một lần qua, hai lần qua mà vẫn không thấy ai đến.

http://tieulun.hopto.org

MỤC LỤC

TỔNG TẬP VĂN HỌC – TẬP 13

Trang

Khải luận 7

CHINH PHỤ NGÂM KHÚC 15

– Đặng Trần Côn 17

Chinh phụ ngâm: 18

– Bối cảnh lịch sử và niên đại tác phẩm 18

– Nguồn văn liệu 18

– Nội dung 19

Nguyên tác chữ Hán 21

– Phiên âm 47

– Khảo dị 61

– Dịch nghĩa 65

– Chinh phụ ngâm diễn âm: Ai là dịch giả? 79

– Phan Huy Ích 85

– Vấn đề khảo đính và chú giải Chinh phụ ngâm khúc 86

Các bản Chinh phụ ngâm khúc 88

CHINH PHỤ NGÂM KHÚC: 95

– Chinh phụ ngâm khúc (Bản A) 95

– Tường chú 122

Bản Nôm Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc: 129

– Đoàn Thị Điểm 155

– Chinh phụ ngâm diễn âm: (Bản B) 157

– Chinh phụ ngâm diễn âm: (Bản C) 181

CUNG OÁN NGÂM KHÚC 201

– Nguyễn Gia Thiều 203

+ Đại ý khúc ngâm 205

– Vấn đề khảo đính và chú giải Cung oán ngâm khúc 206

– Cung oán ngâm khúc – Phiên âm và chú thích 207

– Cung oán ngâm khúc – (bản chữ Nôm) 233

AI TƯ VÃN 253

– Lê Ngọc Hân 255

http://tieulun.hopto.org

– Nội dung bài văn 256
– Ai tư vãn (Văn bản và chú thích) 257
THU DẠ LỮ HOÀI NGÂM 265
– Đinh Nhật Thận 267
– Đại ý bài ngâm 269
– Nguyên tác chữ Hán 270
– Phiên âm 280
– Dịch nghĩa 288
– Các bản dịch (Tv-295) 294
– Bài dịch cũ: Khuyết danh 304
– Bài dịch mới: Đẩu tiếp Nguyễn Văn Đề 304
TỰ TÌNH KHÚC 309
– Tiểu sử Cao Bá Nhạ 311
– Tự tình khúc (Văn bản và chú thích) 313
TỲ BÀ HÀNH 343
– Lược dẫn 345
– Phan Huy Thực 347
– Tỳ bả hành (Bản dịch I) 349
– Văn bản chữ Hán 357
– Phiên âm 365
– Dịch nghĩa 371
– Tỳ bà hành (Bản dịch 2) 374
– Tỳ bà hành (Bản dịch 3) 377
TRƯỜNG HẬN CA 381
– Lược dẫn 383
– Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu 385
– Bản dịch 1 386
– Văn bản chữ Hán 391
– Phiên âm và chú thích 398
– Dịch nghĩa 404
– Bản dịch 2 408
– Bản dịch 3 413
– Bản dịch 4 417
CHỨC CẨM HỒI VĂN
– Lược dẫn 421
– Bài thơ thêu trên gấm 423
– Ngô Thế Vinh 425
– Bản dịch 1 425
– Nguyên tác của Tô Huệ 425
– Văn bản chữ Hán 428
– Phiên âm Dịch nghĩa 431
– Bản dịch 2: Hoàng Quang 433

http://tieulun.hopto.org

– Bản dịch 3: Trương Minh Ký 435
TRUYỆN HOA TIÊN 441
– Nguyễn Huy Tự 443
– Nguồn gốc truyện Hoa tiên 446
– Lược truyện Hoa tiên 448
– Nguyễn Thiện đã nhuận sắc Hoa tiên của Nguyễn Huy Tự như thế nào? 453
– Các bản Hoa tiên 471
– Truyện Hoa tiên (Nguyên tác của Nguyễn Huy Tự) 480
– Truyện Hoa tiên (Bản do Nguyễn Thiện nhuận sắc) 571
– Nguyễn Thiện (1763 - 1818) 573
– Hoa tiên - nhuận sắc 574
– Khảo dị 647
– Văn bản chữ Hán 663
SƠ KÍNH TÂN TRANG 739
– Phạm Thái 741
– Lược truyện Sơ Kính Tân Trang 743
– Vấn đề khảo đính và chú giải truyện Sơ Kính Tân Trang 745
– Sơ Kính Tân Trang (Văn bản và chú giải) 747
NGUYỄN DU (1765 - 1820) 817
TRUYỆN KIỀU (Đoạn trường tân thanh) 819
– Nguồn gốc Truyện Kiều 821
– Nguyễn du đã viết Truyện Kiều vào thời kỳ nào? 823
– Vấn đề khảo đính và chú giải Truyện Kiều 829
– Truyện Kiều do Đào Duy Anh khảo đính 835
– Truyện Kiều do Nguyễn Quảng Tuân khảo đính và chú giải 925
– Các bản Truyện Kiều 1110
– Khảo dị 1115
– Văn bản Truyện Kiều *(chữ Nôm)* 1175
MAI ĐÌNH MỘNG KÝ – NGUYỄN HUY HỔ 1341
– Nguyễn Huy Hổ 1343
– Mai đình mộng ký 1345
– Bản chữ Nôm 1375
VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH 1399

1459

http://tieulun.hopto.org

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập

Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 13

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN ĐỨC DIỆU

Biên tập :

BAN BIÊN TẬP

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Biên tập kỹ thuật :

NGUYỄN CỪ – ĐÀO TRỌNG CƯỜNG

Sửa bản in :

NGUYỄN THỊ PHƯỢNG – HÀ THỊ VINH

HUỲNH THỊ HÒA

Trình bày bìa :

ĐỖ DUY NGỌC

In 300 cuốn khổ 16x24 cm tại Công ty in Trần Phú – TP. Hồ Chí Minh
Số đăng ký kế hoạch xuất bản : 143 – 02/CXB do Cục xuất bản ký ngày 4 tháng 1 năm 2000. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2000.

http://tieulun.hopto.org

TỔNG TẬP
VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

http://tieulun.hopto.org